

## HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHAN DIỄN	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"

## BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"
NGUYỄN PHÚC KHÁNH	"

## NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 24

TRẦN TÌNH (Chủ biên)	
DOÃN THỊ LỢI	LÊ HỮU DƯ
NGUYỄN THỊ NGÀ	TRẦN THỊ KIM NGÂN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

# VĂN KIẾN ĐẢNG

## TOÀN TẬP

### TẬP 24

### 1963

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
Hà Nội - 2003

## LỜI GIỚI THIỆU TẬP 24

*Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 24 phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ta năm 1963, một năm có vị trí rất quan trọng đối với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân (1961-1965) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đề ra, nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà. Năm 1963 cũng là năm mà sự bất đồng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đặt ra cho Đảng và nhân dân ta những nhiệm vụ nặng nề và phức tạp.

Ở miền Bắc nước ta, sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội III, nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi trong phát triển lực lượng sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất mới, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cố gắng giải quyết một số yêu cầu cấp bách của đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn: nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế đặt ra cho năm 1962 không đạt. Sản lượng lương thực sụt so với năm 1961. Sản xuất công nghiệp chưa phát triển, một số sản phẩm thiết yếu cho sản xuất và dân sinh tăng chậm hoặc không tăng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội có nhiều yếu kém, khuyết điểm.

Phân tích toàn diện tình hình, căn cứ vào đường lối Đại hội III

của Đảng kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn phát triển kinh tế và văn hoá, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (26-3 - 8-4-1963) đã thảo luận và quyết định về phương hướng, nhiệm vụ, những chỉ tiêu và biện pháp chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm "phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất mới, cải thiện một bước và có trọng điểm đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đặc biệt, Bộ Chính trị đã chỉ đạo tiến hành hai cuộc vận động lớn:

*Một là*, cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

*Hai là*, cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật chống tham ô, lãng phí, quan liêu".

Đối với cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (22-11 - 7-12-1963) đã phân tích những thắng lợi của đồng bào và chiến sĩ ta trong việc làm thất bại kế hoạch Xtalây - Taylo nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng; đã cụ thể hoá Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương (năm 1959), Nghị quyết Đại hội III của Đảng (năm 1960) và ban hành Nghị quyết "Ra sức phấn đấu, tiến lên giành những thắng lợi mới ở miền Nam".

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín đã có sự phân tích sâu sắc về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta. Trước sự bất đồng về đường lối, phương châm, chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản quốc tế, Hội nghị xác định "Đảng ta chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là

nguy cơ chủ yếu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin"; kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta nhận rõ tình hình và nhiệm vụ quốc tế để cùng thông suốt đường lối đúng đắn của Đảng, nhận rõ thêm nhiệm vụ xây dựng, củng cố miền Bắc thành cơ sở ngày càng vững mạnh của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai nhằm thực hiện hoà bình thống nhất đất nước, thiết thực góp phần tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ hoà bình thế giới.

*Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 24 gồm 69 tài liệu, trong đó 66 tài liệu xếp ở phần văn kiện chính, 3 tài liệu xếp ở phần phụ lục.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu tập 24 *Văn kiện Đảng Toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2003

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

## **NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 65-NQ/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1963

### **Về quy hoạch trị thủy và khai thác lưu vực sông Hồng thời kỳ đầu**

Sông Hồng là con sông lớn nhất ở miền Bắc nước ta. Nguồn thủy lợi trong lưu vực của sông Hồng rất giàu có, nhưng thủy tai cũng rất nghiêm trọng. Phải tiến tới trị tận gốc những thủy tai và khai thác tổng hợp những nguồn lợi đó, cấp bách và quan trọng nhất là việc phòng và chống lụt, tưới nước, phát điện và vận tải thủy là những công tác lớn phục vụ thiết thực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Ngày 18-9-1959 Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về trị thủy và khai thác lưu vực sông Hồng, Chính phủ cũng đã ra Nghị định ngày 16-1-1961 thành lập Ủy ban sông Hồng để giúp Trung ương và Chính phủ lãnh đạo công tác đó.

Trong hơn ba năm qua (2-1959 - 8-1962), nhờ sự giúp đỡ tận tình của các chuyên gia Trung Quốc, nhờ tinh thần cố gắng, tích cực của cán bộ và sự giúp đỡ của nhân dân và của các cấp ủy Đảng các địa phương, Ủy ban sông Hồng đã làm được một số việc có kết quả tốt, đã nghiên cứu khá cụ thể một số vấn đề của quy hoạch. Bộ Chính trị quyết định biểu dương thành tích công tác của các đồng chí chuyên gia Trung Quốc, của các cán bộ làm quy hoạch sông Hồng và của những địa phương đã

giúp đỡ trực tiếp cho công tác điều tra, khảo sát lưu vực sông Hồng.

Căn cứ vào kết quả công tác trong thời gian vừa qua, sau khi nghe báo cáo về dự kiến quy hoạch trị thủy và khai thác lưu vực sông Hồng thời kỳ đầu (khoảng 10 năm từ 1961 đến 1970), Bộ Chính trị quyết định một số vấn đề cụ thể sau đây:

1. Các biện pháp phòng và chống lụt ở hạ du và trung du trong khoảng 10 năm gần đây chủ yếu là:

- Tăng cường hệ thống đê đến mức chống được lũ lớn có mực nước +13,3m ở Hà Nội.

- Xây dựng các khu chứa tạm thời nước lũ ở Tam Nông, Thanh Thủy (Phú Thọ) và Văn Cốc (Sơn Tây, Hà Đông) để phối hợp với đê trong việc phòng và chống lũ.

- Bảo vệ rừng, trồng rừng, giữ đất, giữ nước đi đôi với khai hoang, khai thác rừng và từng bước định cư đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, để giảm nhẹ lũ ở đầu nguồn và bảo vệ các nguồn lợi về đất và nước đang được khai thác.

Đây là những biện pháp rất thiết thực. Bộ thủy lợi và điện lực phải có kế hoạch tăng cường, củng cố đê và xây dựng các khu chứa lũ tạm thời ở trung du. Các ngành có liên quan và các địa phương miền núi phải có kế hoạch giữ đất, giữ nước ở thượng du.

2. Các biện pháp về tưới nước, tháo úng, ngăn nước mặn trong khoảng 10 năm gần đây ở hạ du chủ yếu là:

- Ở các vùng tiếp giáp với đồi núi thì lấy việc xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ để chống lụt, chống úng, tưới ruộng kết hợp với nuôi cá, phát điện nhỏ.

- Ở các vùng ven biển thì lấy việc lợi dụng khi nước thủy triều lên, nước ngọt ú lại, có thể đưa vào tưới ruộng và khi thủy triều xuống, có thể tháo úng theo thủy triều. Trong những vùng này, phải nghiên cứu chứa và dẫn đủ nước ngọt và rút thấp mức nước mạch để chống chua mặn.

- Ở các vùng khác bên trong đê, nếu mặt đất không cao quá hoặc không thấp quá, có thể lấy nước sông qua cống để tưới

bằng phương pháp tự chảy, thì dùng cống lấy nước để tưới. Nếu mặt đất cao quá không thể lấy nước qua cống được thì dùng bơm để tưới. Nếu mặt đất thấp quá, không thể lợi dụng mức nước sông và nước thủy triều xuống thấp để tháo úng được thì dùng bơm để tiêu úng.

- Ở các vùng bãi bên ngoài đê thì có thể đắp đê bồi để chống lụt nhỏ, nhưng không để ảnh hưởng đến việc tháo lũ lớn trên các dòng sông chính. Phải có biện pháp tưới thích hợp cho các vùng đất bãi không có điều kiện giữ nước và dẫn nước.

- Ở tất cả các vùng ruộng đất bên trong đê, phải chú trọng các biện pháp khoanh vùng theo địa thế (cao hoặc thấp) để giữ đất, giữ nước; phải tận dụng các hệ thống nông giang hiện có, đi đôi với việc xây dựng các công trình dẫn mới, công trình điều tiết và kênh mương mới, dần dần hình thành các hệ thống nông giang hoàn chỉnh, có thể kết hợp chặt chẽ giữ nước, bơm nước, dẫn nước và tháo nước, kết hợp thủy lợi với cải tạo đất, lấy nước phù sa để bón ruộng và rút thấp nước mạch để làm thoáng đất, kết hợp thủy lợi với nuôi cá, vận tải thủy và phát điện.

Những biện pháp này có tác dụng rất lớn trong việc phát triển nông nghiệp ở miền Bắc. Ủy ban sông Hồng và Bộ Thủy lợi và Điện lực phải đề ra kế hoạch cụ thể để thực hiện, chú trọng những công trình có tác dụng phục vụ ngay, đồng thời chuẩn bị xây dựng từng bước các công trình khác để phục vụ các kế hoạch phát triển kinh tế sau này. Trong thi công phải chú ý đúng mức dùng máy móc đi đôi với dùng công cụ cải tiến, nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm lao động, rút ngắn thời gian. Phải tiếp tục giúp đỡ các tỉnh miền núi xây dựng quy hoạch thủy lợi địa phương.

3. Về hướng chọn công trình mấu chốt đầu tiên ở thượng du, Bộ Chính trị thấy rằng đề nghị của Ủy ban sông Hồng chọn công trình ở ngã ba sông Lô - Gâm là có căn cứ. Nhưng để đi đến có quyết định chính thức của Bộ Chính trị, cần phải làm thêm một số việc sau đây:

- Tiếp tục khảo sát thêm tình hình địa chất;
- Trưng cầu ý kiến của các cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật ở các cơ quan trung ương;
- Tranh thủ ý kiến các chuyên gia Liên Xô.

4. Tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh quy hoạch thời kỳ đầu về mặt điện, vận tải thủy và khai thác miền núi; tiếp tục xây dựng quy hoạch thời kỳ hai, nhằm đi tới kết luận về hướng chọn công trình mấu chốt thứ hai và các công trình bậc thang, về các biện pháp phòng và chống lụt, tưới nước, phát điện, vận tải thủy, nuôi cá,... sau khi đã có các công trình mấu chốt ở thượng du.

Các ngành và các địa phương có liên quan có nhiệm vụ tiếp tục phối hợp công tác với Ủy ban sông Hồng để hoàn thành tốt quy hoạch.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 66-NQ/TW, ngày 5 tháng 1 năm 1963

### Về hướng dẫn và nhiệm vụ kế hoạch năm 1963

#### I- NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1962

1. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, theo phương hướng của các Nghị quyết lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương, qua một năm phấn đấu, thực hiện kế hoạch, chúng ta đã đạt được những thành tích mới trong việc phát triển sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất mới và cải thiện đời sống nhân dân.

Nông nghiệp mặc dầu bị thiên tai vẫn tiếp tục phát triển. Một tiến bộ mới, quan trọng, là trong quá trình chỉ đạo sản xuất đã dần dần xác định phương hướng sản xuất đúng đắn của từng tỉnh, từng vùng. Diện tích gieo cấy, nhất là diện tích trồng cây công nghiệp được mở rộng. Chăn nuôi bắt đầu lên. Việc cải tiến kỹ thuật gieo trồng tiến thêm một bước.

Công nghiệp phát triển với một tốc độ khá. Một số ngành như điện lực, khai thác quặng và luyện kim có chất sắt, sửa chữa và chế biến kim loại, sản xuất phân bón, vật liệu xây

dựng tăng khá so với năm trước. Nhiều xí nghiệp đã có sáng kiến về hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật, sử dụng nguyên liệu và sản xuất mặt hàng mới. Phong trào thi đua Duyên Hải tiếp tục phát triển; ở một số xí nghiệp, công tác hạch toán kinh tế được mở rộng xuống phân xưởng và tổ sản xuất, đã có tác dụng tốt đối với việc tăng năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.

Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phát triển, đã góp phần tăng nguồn hàng cho địa phương.

Đáng chú ý là trong các ngành kinh tế đều có những đơn vị điển hình có những tiến bộ nổi bật so với phong trào chung, chứng tỏ khả năng tiềm tàng của nền kinh tế rất lớn.

Trong năm 1962, chúng ta đã chú trọng củng cố hợp tác xã, coi việc cải tiến quản lý là nhiệm vụ hàng đầu để phát triển sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất mới và cải thiện đời sống xã viên. Theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước và của đời sống xã viên, nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã xác định được phương hướng sản xuất và lập được kế hoạch sản xuất, do đó đã sử dụng lao động tốt hơn, đẩy mạnh sản xuất phát triển, nâng cao thu nhập và nâng cao giá trị ngày công.

Dựa trên một nền kinh tế hết sức lạc hậu, diện tích ruộng đất bình quân đầu người không quá 1/10 héc-ta, năng suất lao động xã hội thấp, lại bị thiên tai liên tiếp, song song với việc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và kết hợp tăng cường củng cố quốc phòng, chúng ta đã cố gắng giải quyết một số yêu cầu cấp bách về đời sống của nhân dân. Đối với nông dân, mức tiêu dùng về lương thực, thực phẩm tăng hơn năm 1961, một số hàng tiêu dùng được cung cấp khá hơn. Ở thành thị và khu công

ng nghiệp, chúng ta đã cố gắng cải tiến việc cung cấp thực phẩm và một số mặt hàng tiêu dùng cần thiết, đẩy mạnh các hoạt động phúc lợi xã hội trong xí nghiệp, công trường, cơ quan. Các mặt giáo dục, văn hoá và bảo vệ sức khoẻ được mở rộng và phát triển.

Những tiến bộ ấy là kết quả của phong trào thi đua yêu nước được mở rộng trong các ngành và của sự cố gắng của các cấp, các ngành trong công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

2. So với năm 1961, chúng ta đã đạt được những tiến bộ quan trọng, nhưng một tình hình lặp đi lặp lại trong mấy năm nay là kế hoạch Nhà nước mặc dầu đã được điều chỉnh vẫn không được thực hiện đầy đủ. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, thu mua, xuất khẩu, thu tài chính, tăng năng suất lao động, hạ giá thành... không đạt. Trong nền kinh tế quốc dân còn nhiều mặt mất cân đối, có những mặt khó khăn hơn trước. Nông nghiệp chậm phát triển, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của các ngành kinh tế khác. Trong nông nghiệp thì trồng trọt và chăn nuôi phát triển không cân đối. Đáng chú ý là sản lượng lương thực lúa và màu đều sụt so với năm 1961 trong khi dân số và nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp nhất là nhân khẩu thành thị tăng nhanh, làm tăng thêm khó khăn về lương thực.

Công nghiệp tuy phát triển khá nhưng chưa thật gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp, tác dụng thúc đẩy nông nghiệp phát triển còn ít; công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp chưa được chú trọng đúng mức, trang bị kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật còn quá yếu. Sản xuất chưa cân đối với vật tư và tiêu thụ, sản phẩm ứ đọng tăng lên nhiều; ngược lại một số sản

phẩm rất cần cho sản xuất và đời sống thì lại tăng chậm hoặc không tăng.

Một nhược điểm nổi bật trong năm 1962 là khâu vận tải quá yếu đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất, xây dựng và lưu thông hàng hoá.

Cân đối giữa tiền và hàng vẫn chưa được giải quyết tốt. Nguồn hàng hoá Nhà nước nắm được vẫn chưa bảo đảm để cân đối với nhu cầu hàng hoá.

Ngoại thương thiếu hàng xuất khẩu, nợ nhập siêu không giảm mà lại tăng thêm.

Đời sống của nhân dân tuy có được cải thiện so với trước, nhưng mức sống còn rất thấp và còn nhiều khó khăn; ở nông thôn khó khăn chủ yếu là thiếu hàng hoá, riêng ở một số vùng vừa qua bị bão lụt thì gặp khó khăn về lương thực, về sửa chữa nhà cửa; ở thành thị, khó khăn lớn vẫn là vấn đề thực phẩm, giá thực phẩm tăng đã ảnh hưởng đến mức thu nhập của nhân dân, nhất là của những gia đình đông con.

Qua mấy năm phát triển kinh tế có kế hoạch, chúng ta dần dần nhận rõ và sâu sắc hơn những vấn đề lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội dựa trên một nền nông nghiệp lạc hậu, mức bình quân đầu người về ruộng đất quá thấp, cơ sở vật chất - kỹ thuật quá yếu. Do đó, chúng ta có nhiều khó khăn trong việc giải đáp những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và của việc cải thiện đời sống nhân dân. Phải trải qua nhiều năm cố gắng mới khắc phục được những khó khăn ấy.

Kế hoạch năm 1962 không đạt, nguyên nhân quan trọng vẫn là do công tác quản lý kinh tế còn quá kém và có nhiều khuyết điểm.

Việc cải tiến công tác kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân làm còn chậm, phương pháp lập kế hoạch và hệ thống chỉ tiêu kế hoạch còn có nhiều thiếu sót. Việc điều tra, nghiên cứu, nắm tình hình chưa sát; một số chỉ tiêu của kế hoạch thiếu căn cứ khoa học, thường nặng về yêu cầu mà chưa tính toán kỹ về khả năng thực hiện, các biện pháp về kinh tế, kỹ thuật chưa được nghiên cứu kỹ, tính chất quần chúng của kế hoạch còn yếu. Một thiếu sót lớn ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch là kế hoạch làm chậm, phổ biến chậm.

Bên cạnh những thiếu sót về công tác kế hoạch, phải nhấn mạnh những khuyết điểm trong việc thực hiện kế hoạch:

Đối với nông nghiệp, việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa được chú trọng đúng mức, các ngành công nghiệp, thương nghiệp, ngoại thương, văn hoá, giáo dục... chưa thật gắn chặt hoạt động của mình với việc thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Công tác cải tiến quản lý, củng cố hợp tác xã chưa được chỉ đạo chặt chẽ; có nơi có lúc chưa thật gắn chặt với việc cải tiến kỹ thuật.

Việc chỉ đạo kỹ thuật sản xuất nông nghiệp còn yếu và có lệch lạc. Về nước thì không chú ý phát triển các công trình thuỷ lợi nhỏ, làm hạn chế khả năng tưới nước của các công trình lớn, kỹ thuật tưới và tháo nước còn kém, có nơi có ảnh hưởng không tốt đến việc tăng năng suất cây trồng. Việc cải tiến công cụ lao động nhất là cải tiến nông cụ chưa được chú trọng. Công tác khai hoang chưa có quy hoạch và chưa có một tổ chức chuyên trách.

Về sản xuất công nghiệp, việc sử dụng công suất những xí nghiệp hiện có còn kém; chương trình và hướng sản xuất của một số xí nghiệp chưa được định rõ; quy hoạch trang bị kỹ thuật cho các ngành làm chậm, sản xuất cơ khí gặp nhiều lúng túng, một số sản phẩm làm ra không tiêu thụ được. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp chưa được coi trọng đúng mức. Phương hướng đầu tư và phương hướng sản xuất cụ thể của công nghiệp địa phương ở từng vùng, từng tỉnh còn có nhiều thiếu sót, việc trang bị kỹ thuật và việc cải tiến kỹ thuật làm chậm. Đó là một thiếu sót lớn.

Trong xây dựng cơ bản, một số công trình không hoàn thành và đi vào sản xuất đúng thời hạn; chất lượng một số công trình xây dựng còn kém; lãng phí về sức người, về vật liệu xây dựng còn khá nặng.

Việc lưu thông và phân phối hàng hoá của mậu dịch quốc doanh có nhiều khuyết điểm. Không nắm vững tồn kho, tổ chức phân phối không tốt, hàng hoá nơi thừa nơi thiếu; đã có một thời gian việc phân phối không tốt một số mặt hàng như vải đã gây nên những sự căng thẳng không đáng.

Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch tuy có một số tiến bộ, nhưng vẫn không theo kịp yêu cầu phát triển khách quan của nền kinh tế. Trong sự chỉ đạo hàng ngày, chưa thật nắm chắc kế hoạch, chưa tập trung vào những khâu yếu nhất của từng tháng, từng quý. Một số công tác lớn chưa có tổ chức chuyên trách. Tinh thần trách nhiệm chưa được đề cao, kỷ luật còn lỏng lẻo, sự phối hợp công tác giữa các ngành, còn thiếu sót nhiều. Quan liêu, lãng phí, tham ô khá phổ biến.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ

### CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 1963

Năm 1963 là năm thứ ba của kế hoạch 5 năm, có một vị trí quan trọng đối với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm. Trong nền kinh tế còn có nhiều khó khăn như đã nói trên, nhưng tình hình chung đang có chuyển biến tốt. Hướng sản xuất của công nghiệp và nông nghiệp đã được xác định. Phong trào thi đua sôi nổi trong quần chúng đang đi vào bề sâu. Hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã thủ công nghiệp trải qua hai năm phấn đấu phát triển sản xuất và củng cố tổ chức đã được ổn định về mặt tổ chức, dần dần có thêm kinh nghiệm về quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài vụ và về cải tiến kỹ thuật; những diễn hình tốt ngày càng có nhiều thêm.

Trải qua mấy năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta dần dần thấy rõ hơn, sâu sắc hơn những đặc điểm của tình hình nước ta, những vấn đề lớn của nền kinh tế phải giải quyết, chúng ta cũng thấy rõ hơn các mặt yêu cầu và khả năng. Đó là những cơ sở thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch năm 1963.

Chúng ta phải ra sức phát huy những khả năng sẵn có, triệt để khai thác những thuận lợi và khả năng mới, tích cực khắc phục thêm một bước những khó khăn của những năm trước để lại, cố gắng giải đáp những yêu cầu bức thiết nhất của đời sống quần chúng, đưa nền kinh tế tiếp tục phát triển, tạo điều kiện cho tình hình chính trị và kinh tế tiến triển thuận lợi hơn nữa.

Phải nắm vững hơn nữa và chấp hành đúng đắn các Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng và của Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương, trong khi tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phải ra sức tăng cường lực lượng cho nông nghiệp, tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, giành cho được những thắng lợi mới trong sản xuất nông nghiệp do đó mà củng cố

tốt hợp tác xã, làm cho chế độ hợp tác xã tiến lên giành thắng lợi to lớn trong những năm sau, làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở vững chắc cho sự phát triển của công nghiệp. Phải tăng cường chỉ đạo đối với công nghiệp, làm cho công nghiệp thúc đẩy mạnh hơn nữa sự phát triển của nông nghiệp và của các ngành kinh tế khác, đẩy mạnh cuộc cách mạng kỹ thuật của các ngành, giải đáp tốt những yêu cầu về tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và cải tiến công tác lưu thông phân phối, cố gắng giải quyết tốt hơn một số vấn đề bức thiết về đời sống nhân dân, chủ yếu là vấn đề lương thực, thực phẩm, vấn đề mặc và hàng tiêu dùng cần thiết nhất. Phải dựa vào việc hoàn thành tốt những nhiệm vụ ấy mà nâng cao tin tưởng và phấn khởi của quần chúng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, gắn bó chặt chẽ hơn nữa mối quan hệ giữa nông dân với công nhân, giữa nông dân với nhân dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

Phải tiếp tục khắc phục từng bước những mặt cân đối do tình hình lạc hậu của nền kinh tế từ các năm trước để lại, chú trọng cân đối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa sản xuất và tiêu dùng; nhất là phải dựa theo khả năng của nông nghiệp trong việc cung cấp nông sản hàng hoá mà sắp xếp sự phát triển cân đối hơn của các ngành kinh tế và văn hoá, đưa nền kinh tế tiếp tục tiến lên cân đối và vững chắc.

Cùng với việc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế về mọi mặt, phải chú trọng tạo cho được một số dự trữ về lương thực, vật tư, tài chính để chuẩn bị những điều kiện thuận lợi tiến lên phát triển mạnh mẽ trong những năm sau.

Đồng thời với việc phát triển kinh tế và văn hoá, phải kết hợp chặt chẽ và tăng cường củng cố quốc phòng...

Dưới đây là những nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch năm 1963:

1. Trên cơ sở đẩy mạnh cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông

ng nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" - là một cuộc vận động cách mạng rất quan trọng ở nông thôn, phải tăng cường hơn nữa lực lượng cho nông nghiệp, ra sức phát triển nông nghiệp, làm cho cơ cấu nông nghiệp tiến bộ thêm một bước, phấn đấu tăng nhanh hơn nữa sản xuất lương thực, đặc biệt phát triển mạnh hoa màu, tạo cơ sở thức ăn để phát triển chăn nuôi, và dựa vào chăn nuôi phát triển để tăng nhanh hơn nữa năng suất cây trồng; đồng thời với việc phát triển lương thực, phải tích cực phát triển cây công nghiệp, nhất là những cây có giá trị kinh tế cao.

2. Ra sức đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, tập trung lực lượng phát triển những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng có tác dụng quan trọng đến sản xuất, đời sống nhân dân và đến xuất khẩu. Chú trọng đẩy mạnh và mở rộng sản xuất hàng tiêu dùng bằng nguyên liệu trong nước. Đồng thời chú ý đúng mức các ngành công nghiệp gia công sản xuất hàng xuất khẩu.

3. Tiến hành xây dựng cơ bản với quy mô hợp lý, có cân đối với khả năng tài chính, lương thực, vật tư và với tình hình kinh tế chung; tập trung vốn nhằm giải đáp những yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, và giải quyết thêm một bước vấn đề nhà ở. Vừa phải dành vốn tiếp tục đẩy mạnh thi công một số công trình trọng điểm xây dựng lâu, vừa phải coi trọng nhiều hơn nữa những công trình sẽ trực tiếp sản xuất sản phẩm trong các năm 1963, 1964 và 1965. Chú ý đến việc mở rộng xí nghiệp đã có và tùy điều kiện mà xây dựng những công trình nhỏ, mau đưa vào sản xuất. Chú trọng giúp địa phương xây dựng những công trình trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng.

4. Tích cực phát triển phương tiện vận tải, nhất là đường thuỷ, đường bộ; điều chỉnh hợp lý các loại phương tiện vận tải trên các tuyến đường, bảo đảm vận tải và phân phối nhanh chóng các loại vật tư, nhất là các loại vật tư quan trọng cho sản xuất và đời sống.

5. Chấn chỉnh và cải tiến công tác lưu thông và phân phối hàng hoá, làm tốt thu mua nông sản, làm tốt việc quản lý và cung cấp lương thực, thực phẩm (nhất là đối với thành phố và khu công nghiệp) và hàng công nghiệp (nhất là đối với nông thôn); phấn đấu giữ vững giá cả, nhất là đối với những loại hàng thiết yếu.

Tăng cường công tác ngoại thương, điều chỉnh tốt quan hệ giữa yêu cầu trong nước và yêu cầu của xuất khẩu, nhằm giải quyết tốt những nhiệm vụ về sản xuất và đời sống. Trên cơ sở tính toán đầy đủ hiệu quả kinh tế, cố gắng tăng xuất khẩu để bảo đảm nhập những loại nguyên liệu, vật liệu, thiết bị và hàng tiêu dùng cần thiết và tiến tới bớt nhập siêu.

6. Tích cực giảm nhẹ biên chế của bộ máy quản lý Nhà nước và các đoàn thể; điều chỉnh sức lao động trong khu vực sản xuất; có kế hoạch hạn chế sự phát triển của nhân khẩu phi nông nghiệp, nhất là nhân khẩu các thành phố. Chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý điều hoà phân phối sức người, quản lý lao động, tăng cường kỷ luật lao động. Ra sức nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

7. Cố gắng tăng dự trữ Nhà nước về lương thực, tài chính và một số vật tư quan trọng khác.

8. Tiếp tục coi trọng công tác đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đặc biệt chú trọng sử dụng tốt và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có, nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ mới, chú ý đào tạo cán bộ quản lý kinh tế và cán bộ cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Phát triển hợp lý và nâng cao chất lượng các công tác giáo dục, văn hoá, tăng cường bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

9. Phải có chuyển biến mạnh hơn nữa, tốt hơn nữa trong công tác quản lý kinh tế; nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế của xây dựng và sản xuất; quản lý chặt chẽ hơn nữa việc sử dụng sức người, vật tư, tài chính. Làm thật tốt cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu", nâng cao thêm

một bước công tác tổ chức và chỉ đạo kinh tế có kế hoạch của các ngành các cấp.

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 1963

Bộ Chính trị đã xem xét và cho ý kiến về những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1963. Những chỉ tiêu đó sẽ do Hội đồng Chính phủ quyết định và giao cho các ngành, các cấp, Bộ Chính trị thấy cần phải nhấn mạnh một số vấn đề chủ yếu của kế hoạch năm 1963 như sau:

#### 1. *Nông nghiệp*

Nông nghiệp là khâu rất quan trọng của toàn bộ kế hoạch. Phải ra sức đẩy nông nghiệp phát triển, cân đối và vững chắc hơn để thúc đẩy nền kinh tế tiến lên theo kịp yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và để củng cố vững chắc các hợp tác xã nông nghiệp.

Phải tập trung lực lượng tăng cường cho nông nghiệp. Mọi hoạt động của các ngành: công nghiệp, vận tải, thu mua, cung cấp, ngoại thương, giáo dục, văn hoá,... phải hướng vào việc phục vụ nông nghiệp. Năm 1963, phải ra sức phấn đấu phát triển mạnh *lương thực, chăn nuôi, cây công nghiệp*. Đó là ba khâu chính có quan hệ mật thiết với nhau và thúc đẩy lẫn nhau. Phải phát triển cân đối giữa lúa và hoa màu, tăng sản xuất lúa một cách vững chắc, đồng thời quyết tâm phát triển mạnh hoa màu và rau để tăng khối lượng lương thực, đề phòng thiên tai mất mùa và tạo cơ sở thức ăn tương đối dồi dào để đẩy mạnh chăn nuôi. Về hoa màu, chú trọng khoai, sắn, ngô, phát triển trồng khoai riêng, khoai nước, và phát triển mạnh trồng rau, nhất là ở các vùng sát thành thị và khu công nghiệp.

Phải cố gắng phấn đấu đạt ít nhất khoảng 6.300.000 tấn lương thực (quy thành thóc). Diện tích trồng hoa màu ít nhất phải chiếm trên 21% trong diện tích trồng cây lương thực, sản lượng hoa màu ít nhất là trên 25% của sản lượng lương thực. Về rau, các địa phương phải hướng dẫn các hợp tác xã

định chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất của mình. Để góp phần tích cực giải quyết vấn đề lương thực, nông trường quốc doanh phải đẩy mạnh sản xuất lương thực hơn nữa để tự cung cấp và nạp thêm lương thực cho Nhà nước. Phải tích cực thực hiện việc sản xuất lương thực và rau ở các đơn vị quân đội, công an vũ trang, các cơ quan, trường học, ở các thành phố, thị trấn, coi đó là một nhiệm vụ có tính chất lâu dài. Riêng đối với quân đội và công an vũ trang ít nhất phải tự cung cấp một tháng lương thực; đối với cán bộ nhân viên các cơ quan, tổng công đoàn sẽ cùng với tổng cục lương thực nghiên cứu và định cho sát với điều kiện công tác và khả năng của từng địa phương.

Phải đẩy mạnh *chăn nuôi* gia súc, nhất là nuôi lợn để tăng nhanh nguồn thực phẩm và nguồn phân bón. Phải có kế hoạch và có chỉ tiêu phát triển mạnh các loại: gà, vịt, ngan, ngỗng, thỏ, dê,... vì đó là phương hướng để tăng thu nhập cho xã viên và để giải quyết vấn đề thực phẩm, góp phần cải thiện đời sống của công nhân, viên chức.

Về cây *công nghiệp*, phải chú trọng phát triển mạnh những loại cây có giá trị kinh tế cao, cố gắng quy vùng trồng, khắc phục dần lối trồng phân tán, dàn đều. Phải phát triển mạnh bông, chè, mía, thuốc lá để bảo đảm nguyên liệu cho nhà máy, tập trung chỉ đạo mở rộng diện tích trồng và cố gắng chăm bón tăng năng suất các loại cây: đay, gai, dâu tằm, lạc, thuốc lá, cói.

Để phát triển mạnh lương thực và cây công nghiệp, phải tiếp tục đẩy mạnh công tác khai hoang. Phải thấy đó là một chính sách lớn nhằm phân bổ lại lực lượng sản xuất và phải ra sức thực hiện. Phải có một tổ chức ở trung ương phụ trách vấn đề khai hoang, và phải định rõ phương hướng của việc khai hoang. Ở các tỉnh thuộc Khu IV cũ, thì chủ yếu là khai hoang trong tỉnh. Riêng đối với một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, ruộng đất ít, dân đông như Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên,... thì tổ chức đi khai hoang xa. Đi đôi với việc tổ chức thành các hợp tác xã khai hoang, biện pháp *tốt*

*nhất* là Nhà nước tích cực giúp đỡ các hợp tác xã ở miền núi về vốn và về các mặt khác để họ mở rộng sản xuất như khai thác rừng, trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, do đó mà thu hút thêm sức người ở đồng bằng lên và phải có kế hoạch hướng dẫn việc đưa người đồng bằng lên cho các hợp tác xã đó.

*Về sản xuất của nông trường quốc doanh:* Nông trường quốc doanh phải làm gương mẫu cho hợp tác xã, phải tích cực giúp hợp tác xã nhất là để áp dụng kỹ thuật mới. Nông trường quốc doanh có nhiệm vụ cung cấp cho Nhà nước lương thực, thực phẩm, và sản phẩm cây công nghiệp. Muốn vậy, hướng sản xuất của nông trường quốc doanh là vừa trồng và chăm bón tốt những cây công nghiệp dài ngày, thi hành các hiệp định về hợp tác trồng cây nhiệt đới, đồng thời phải đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây lương thực và phát triển chăn nuôi.

Để đẩy mạnh nông nghiệp phát triển, năm nay phải mở rộng cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất trong các hợp tác xã và củng cố chi bộ và Đoàn Thanh niên Lao động ở nông thôn. Phải có kế hoạch cụ thể và tích cực thực hiện việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hợp tác xã; cố gắng dành thêm vốn cho vay và dành thêm tư liệu sản xuất giúp các hợp tác xã có điều kiện phát triển mạnh sản xuất, do đó mà tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống của xã viên.

Phải ổn định kịp thời tổ chức của hợp tác xã (trước mắt quy mô của hợp tác xã nên từ 100 đến 150 hộ), đồng thời ổn định chế độ sở hữu trong nội bộ hợp tác xã. Để khuyến khích xã viên phát triển chăn nuôi, ngoài 5% diện tích dành cho xã viên như trước đã định, hợp tác xã sẽ giao thêm cho xã viên 2% diện tích để trồng hoa màu để nuôi thêm lợn; số 2% diện tích này thuộc về sở hữu của tập thể.

Để cho nông dân phấn khởi sản xuất và cố gắng thâm canh tăng năng suất, bắt đầu từ năm 1963 sẽ ổn định trong một số năm mức huy động của Nhà nước về thóc

(gồm nạp thuế và bán theo nghĩa vụ) vào khoảng 17% sản lượng bình quân về thóc của miền Bắc, tính theo sản lượng bình quân của mấy năm gần đây. Mặt khác, phải nghiên cứu để quyết định sớm chính sách giá cả nhất là giá mua nông sản.

Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phải tăng cường chỉ đạo hơn nữa về các biện pháp kỹ thuật. Bộ Nông nghiệp phải tích cực hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương xây dựng những chỉ tiêu về biện pháp kỹ thuật sát với điều kiện đất đai, khí hậu, canh tác,... từng địa phương. Phải làm sao những biện pháp kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi mỗi năm một tiến bộ thêm.

*Về nước:* Phải phát huy tốt hơn nữa công suất của những công trình thủy lợi lớn và vừa; muốn thế, phải động viên hợp tác xã tích cực làm thủy lợi nhỏ.

*Về phân:* Bộ Nông nghiệp và các tỉnh phải tích cực tuyên truyền, hướng dẫn việc dùng phân suppe lân. Phải cố gắng nhập cho được 13 vạn tấn phân đạm. Vô cùng quan trọng cho việc cải tạo đất và tăng năng suất; phải thấy hết tầm quan trọng của vô, cố gắng dành than và phương tiện vận tải để đẩy mạnh sản xuất vô, đồng thời phải có quy hoạch về cải tạo đất và kế hoạch hợp lý về phát triển lò vô.

*Về công cụ cải tiến:* Từng tỉnh, huyện, từng hợp tác xã phải có kế hoạch cải tiến công cụ lao động và phải ra sức thực hiện. Tùy theo điều kiện sản xuất của từng địa phương mà nắm chắc mấy khâu: công cụ làm đất, công cụ làm cỏ, công cụ thu hoạch và phương tiện vận chuyển.

*Về giống:* Giống là một biện pháp rất quan trọng để tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi. Phải đẩy mạnh công tác chọn giống, cải tạo giống, nhân giống, phát triển mạnh những cơ sở gây giống gia súc và làm ruộng thí nghiệm để gây giống tốt. Phải hướng dẫn các địa phương tích cực chuẩn bị giống cho việc phát triển mạnh khoai nước, khoai riềng và các loại cây công nghiệp như đay, gai, lạc, thuốc lá trong những năm sau.

## 2. Công nghiệp

Năm 1963, công nghiệp phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trang bị kỹ thuật cho các ngành, chủ yếu là cho nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, và đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời chuẩn bị tốt mọi điều kiện để phát triển sản xuất mạnh hơn trong các năm sau.

Vấn đề lớn nhất và cấp bách nhất đối với công nghiệp quốc doanh, nhất là công nghiệp quốc doanh trung ương là phải cố gắng bảo đảm có đủ nguyên liệu, phụ tùng, nghiên cứu sản xuất mặt hàng mới và giải quyết việc tiêu thụ sản phẩm để sử dụng hết công suất của các xí nghiệp. Phát huy tốt hơn nữa hiệu quả của vốn cố định.

Đối với các xí nghiệp công nghiệp nhẹ, để tận dụng công suất sẵn có, phải tăng cường hơn nữa việc gia công hàng cho xuất khẩu. Phải quy định nhiệm vụ sản xuất cho từng xí nghiệp: xí nghiệp nào chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, xí nghiệp nào chuyên làm hàng tiêu dùng trong nước.

*Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp* phải hướng sản xuất vào việc phục vụ tốt hơn nữa sản xuất nông nghiệp, vận tải, xây dựng cơ bản, nhất là phải tập trung hơn nữa vào việc giải quyết hàng tiêu dùng cho địa phương. Phải tích cực thực hiện việc trang bị kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

Phải chú trọng phát triển mạnh một số sản phẩm rất cần thiết cho nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu, như *than, apatít, gỗ, xi măng* và một số mặt hàng tiêu dùng chủ yếu như vải, cá, muối, đồ dùng gia đình, đồng thời tích cực đẩy mạnh những mặt hàng gia công cho xuất khẩu.

*Than:* Nhu cầu trong nước và xuất khẩu về than đều lớn. Phải tìm mọi biện pháp đẩy mạnh khai thác than ở các mỏ lớn, mỏ nhỏ và tích cực khai thác các loại than nhiệt lượng thấp. Đồng thời phải có kế hoạch dùng than một cách rất tiết kiệm, dành thêm than tốt cho xuất khẩu.

*Về sản xuất cơ khí:* Phải gấp rút có quy hoạch về trang bị kỹ thuật cho các ngành và xác định quy hoạch về sản xuất cơ

khí. Trước mắt, phải cố gắng tìm mặt hàng để đẩy mạnh sản xuất cơ khí hơn nữa. Phải chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa ngành cơ khí, sắp xếp và phân công hợp lý giữa các xí nghiệp cơ khí trung ương, giữa các xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương để sử dụng hợp lý và tốt hơn công suất của xí nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất. Để đẩy mạnh sản xuất cơ khí, phải tích cực giải quyết khâu yếu nhất hiện nay là khâu thiết kế chế tạo, tích cực tăng cường thiết kế chế tạo, dành vốn thích đáng cho việc chế tạo thử những thiết bị, phụ tùng mới để chuẩn bị đẩy mạnh sản xuất trong những năm sau.

*Về xi măng:* tích cực chuẩn bị để đưa vào sản xuất sớm bộ phận xi măng mở rộng do đó mà tăng thêm khối lượng xi măng cho xuất khẩu.

*Về gỗ:* Phải bảo đảm kế hoạch sản xuất gỗ thương phẩm, giải quyết khâu vận tải gỗ từ Khu IV ra, đồng thời tích cực chuyển một số cơ sở cửa xẻ, đóng thuyền vào Khu IV để chế biến gỗ và đóng thuyền, giảm khối lượng gỗ cần vận tải. Phải đẩy mạnh việc tẩm gỗ để sử dụng tốt hơn các loại gỗ tạp.

*Về nghề cá:* Phải cố gắng tăng mạnh thiết bị, thuyền, lưới,... cho nghề cá; bảo đảm cung cấp đủ lương thực cho dân đánh cá, đồng thời phải rất chú trọng củng cố các hợp tác xã đánh cá để tăng nhanh sản lượng cá, góp phần tích cực giải quyết vấn đề thực phẩm.

*Về muối:* Tăng cường chỉ đạo sản xuất muối, nhất là ở các tỉnh Nam Định, Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, là những tỉnh sản xuất muối nhiều nhất hiện nay. Các tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh phải tích cực hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã làm muối phát triển sản xuất.

Phải sửa chữa các ô, nề, củng cố các đê cống, bảo đảm cung cấp đủ lương thực cho dân làm muối, tăng cường củng cố hợp tác xã làm muối, quản lý tốt lao động trong hợp tác xã, tận dụng những ngày có nắng và những lúc nắng tốt để tăng hiệu suất lao động. Tăng cường chỉ đạo cải tiến kỹ thuật làm

muối. Cố gắng làm thêm muối vụ thu và vụ đông để tăng sản lượng muối. Mặt khác, phải khuyến khích mở rộng diện tích đồng muối để chuẩn bị mở rộng sản xuất muối cho những năm sau.

### 3. Xây dựng cơ bản

Do khả năng tài chính có hạn, lại phải dành vật tư cho những nhu cầu cấp bách khác, năm 1963 cần phải giảm khối lượng xây dựng cơ bản theo một mức độ hợp lý. Tổng số vốn xây dựng cơ bản chỉ nên chiếm khoảng 40% tổng số thu của ngân sách Nhà nước.

Phương hướng chung của kế hoạch xây dựng cơ bản là phải nắm vững hơn nữa yêu cầu bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội mà tập trung vốn giải đáp những yêu cầu cấp bách nhất về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, vận tải, đồng thời chú ý thích đáng đến việc xây dựng nhà ở, giảm xây dựng các trường học, hội trường. Phải chú trọng những công trình trọng điểm của kế hoạch 5 năm, cố gắng đẩy mạnh thi công Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy phân đạm, đồng thời phải dành vốn xây dựng những công trình nhỏ có thể mau đưa vào sản xuất, nhất là những công trình công nghiệp nhẹ.

Xây dựng cơ bản ở các địa phương phải được hướng dẫn và bố trí một cách tập trung hơn; chú trọng giúp đỡ những tỉnh trọng điểm nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở những tỉnh đó.

Hiện nay số vốn của Nhà nước dành cho xây dựng cơ bản rất lớn. Phải triệt để thực hiện tiết kiệm trong xây dựng để chi ít tiền mà làm được nhiều, chất lượng công trình khá. Để bảo đảm thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1963, phải tranh thủ duyệt kế hoạch và truyền đạt kế hoạch sớm đến cơ sở; phải kiên quyết đưa công tác quản lý kế hoạch xây dựng cơ bản vào nền nếp, theo trình tự xây dựng. Phải tăng cường công tác quản lý xây dựng cơ bản, thực hiện sự phân công hợp lý giữa các bộ có lực lượng xây dựng.

### 4. Thương nghiệp

Phải tích cực cải tiến hơn nữa khâu lưu thông và phân phối hàng hoá nhằm phục vụ sản xuất và đời sống tốt hơn nữa. Phải làm tốt công tác thu mua nắm nguồn hàng và làm tốt việc lưu thông và phân phối hàng hoá đến tận tay người tiêu dùng. Phải chấp hành đúng chính sách thu mua nông sản, tăng cường ký hợp đồng với hợp tác xã về thu mua nông sản và cung cấp tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, dựa vào hợp tác xã mà tổ chức thu mua, đồng thời bố trí lực lượng thu mua cho thích hợp.

Phải quản lý chặt hơn nữa việc bán lương thực đồng thời cố gắng nâng mức cung cấp cho dân đánh cá và làm muối, cho vùng trồng cây công nghiệp bán cho Nhà nước. Đối với việc cung cấp hàng hoá khác như vải, thịt, đường, muối, nên giữ mức cung cấp như năm 1962, tích cực bảo đảm đủ nhu cầu về thuốc chữa bệnh, tăng mạnh việc cung cấp vật liệu xây dựng cho nông thôn. Để giữ vững giá thực phẩm ở các thành phố, mậu dịch quốc doanh phải mở rộng kinh doanh rau, gà, vịt, cá, trứng.

*Về công tác ngoại thương*, trên cơ sở phát triển sản xuất công, nông nghiệp và tiết kiệm những thứ gì có thể tiết kiệm được để tăng xuất khẩu, phải tổ chức tốt việc xuất khẩu, nghiên cứu thị trường tiêu thụ có lợi nhất cho ta. Mặt khác, ngành ngoại thương phải tích cực góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp và giải quyết những khó khăn của nền kinh tế.

Phải cố gắng tìm thêm mặt hàng để xuất khẩu, đồng thời phải xem xét kỹ về mặt nhập khẩu, kiên quyết giảm những thứ chưa thật cần thiết nhằm tập trung trước hết phục vụ sản xuất nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) bảo đảm nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị cho công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề rừng, nghề cá, phục vụ giao thông vận tải, phục vụ đời sống, (lương thực, thuốc và một số hàng tiêu dùng khác).

*5. Lao động, tiền lương*

Phải tăng cường quản lý nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp, nhất là nhân khẩu ở các thành thị, hạn chế và giảm bớt nhân khẩu ở thành thị, nhất là các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng. Phải kiên quyết giảm nhẹ biên chế ở các cơ quan Nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản bộ máy ở trung ương, sắp xếp hợp lý bộ máy ở tỉnh, thành, đơn giản biên chế huyện, tăng cường cán bộ cho đơn vị cơ sở, cho xã viên và hợp tác xã. Vấn đề quản lý nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp và giảm nhẹ biên chế là vấn đề rất lớn và phức tạp, phải có một tổ chức chuyên trách và phải có những chính sách, chế độ hợp lý.

Hiện nay đời sống cán bộ, công nhân, viên chức có một số khó khăn, nhất là những gia đình đông con mà thu nhập lại thấp. Phải nghiên cứu việc giúp đỡ những gia đình đó. Chú trọng cung cấp tốt thực phẩm, sử dụng tốt quỹ phúc lợi, đồng thời phải cải tiến có trọng điểm thang lương trong khu vực sản xuất, bổ sung thang lương đối với một số ngành nghề mới, nhằm quán triệt thêm nguyên tắc phân phối theo lao động.

### III- TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Để bảo đảm những chỉ tiêu của kế hoạch được hoàn thành thắng lợi, vấn đề đặc biệt quan trọng là phải tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch từ trung ương đến địa phương:

1. Trước hết, phải tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, kết hợp chặt chẽ nội dung giáo dục tư tưởng với yêu cầu và nội dung của kế hoạch Nhà nước. Phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ tình hình kinh tế và tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, đánh giá đúng thành tích và khuyết điểm, nhận rõ khó khăn và con đường giải quyết khó khăn, quán triệt phương hướng, nhiệm vụ, yêu cầu của kế hoạch Nhà nước năm 1963 để mọi người thêm tin tưởng và phấn khởi, ra sức phấn đấu hoàn thành kế hoạch.

2. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, phải nắm chắc kế hoạch, luôn luôn xem xét và đối chiếu với yêu cầu và chỉ tiêu của kế hoạch, kịp thời phát hiện và tập trung giải quyết những khâu yếu, điều chỉnh những chỗ mất cân đối.

Phải tăng cường sự chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ và hội nghị thường vụ Hội đồng Chính phủ và sự kiểm tra đôn đốc của Ban Bí thư Trung ương.

Hội nghị thường vụ Hội đồng Chính phủ, các Văn phòng Phủ Thủ tướng phải đẩy mạnh hơn nữa việc phối hợp công tác của các ngành, nhằm giải quyết vấn đề một cách tập trung. Giữa các Văn phòng Phủ Thủ tướng và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ hơn nữa trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của kế hoạch. Phải tăng cường công tác kiểm tra và giải quyết công việc tại chỗ.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và ủy ban hành chính tỉnh, thành phải nắm chắc yêu cầu của kế hoạch Nhà nước và kế hoạch của địa phương; thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch để kịp thời phản ánh lên trên và có những chủ trương, biện pháp thúc đẩy hoàn thành kế hoạch.

Phải nâng cao tinh thần trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, phân rõ trách nhiệm của người phụ trách và của tổ chức phụ trách; kiên quyết khắc phục tình trạng nhiệm vụ, chức trách không rõ ràng.

3. Phải gấp rút tăng cường một số cơ quan ở trung ương như Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước... Thành lập sớm các tổ chức phụ trách vấn đề khai hoang, vấn đề biên chế và lao động, v.v.. Đồng thời tăng cường có trọng điểm một số tỉnh, tăng cường huyện và xã.

Đi đôi với việc tăng cường tổ chức, phải đề cao kỷ luật.

4. Phải dựa vào ba cuộc vận động, chủ yếu là hai cuộc vận động lớn trong năm 1963 để thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch. Đó là các cuộc vận động: "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất" trong ngành nông nghiệp, "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" trong

ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản và thương nghiệp và cuộc vận động "Tăng cường công tác trị an, bảo vệ sản xuất". Phải thông qua các cuộc vận động đó mà tiến hành củng cố chi bộ, củng cố Đoàn Thanh niên Lao động; tăng cường vai trò lãnh đạo của chi bộ đối với sản xuất, vai trò đầu tàu của Đoàn Thanh niên Lao động trong sản xuất.

Hiện nay, yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hoá, của việc cải thiện đời sống nhân dân rất lớn; chúng ta có nhiều khó khăn và thuận lợi, đồng thời vẫn còn có nhiều khó khăn. Bộ Chính trị yêu cầu các ngành, các cấp phải có quyết tâm rất cao, ra sức phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch năm 1963, thực hiện cho được một sự chuyển biến mới và mạnh mẽ trong nền kinh tế của ta, tiến lên giành những thắng lợi mới, to lớn hơn, bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 688-NQ/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1963

**Về việc hợp nhất hai Ban Tỉnh uỷ Bắc Ninh  
và Bắc Giang**

- Thi hành Quyết nghị của Bộ Chính trị về việc hợp nhất hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Tỉnh uỷ Bắc Ninh và Bắc Giang;
- Xét khả năng cán bộ;

**BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT NGHỊ:**

1. Hợp nhất hai Ban Tỉnh uỷ Bắc Ninh và Bắc Giang thành Ban Tỉnh uỷ Hà Bắc.
2. Các đồng chí sau đây giữ trách nhiệm bí thư và phó bí thư Tỉnh uỷ:
  - Đồng chí Trần Trung, nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Giang, giữ trách nhiệm Bí thư Tỉnh uỷ Hà Bắc.

- Các đồng chí Nguyễn Ly, Phương Minh Nam, Ngô Duy Phương, Phạm Văn Quyện giữ trách nhiệm Phó bí thư Tỉnh uỷ Hà Bắc.
- 3. Ban Tổ chức Trung ương, hai Ban Chấp hành Đảng bộ Bắc Ninh và Bắc Giang và các đồng chí có tên trên có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

# **NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 689-NQ/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1963

## **Về việc hợp nhất hai Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng - Kiến An**

- Thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về hợp nhất thành phố Hải Phòng và tỉnh Kiến An;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Thành uỷ Hải Phòng và Tỉnh uỷ Kiến An;
- Xét khả năng của cán bộ;

### **BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT NGHỊ:**

1. Hợp nhất hai Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng và Kiến An thành Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng.
2. Các đồng chí sau đây giữ trách nhiệm bí thư và phó bí thư thành uỷ: Hoàng Hữu Nhân, nguyên Bí thư Thành uỷ Hải Phòng cũ giữ trách nhiệm Bí thư Thành uỷ Hải Phòng. Các đồng chí: Lê Huy, nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Kiến An, Trần Kiên, Hoàng Mậu và Tô Thiện, nguyên Phó bí thư Thành uỷ

Hải Phòng giữ trách nhiệm Phó bí thư Thành uỷ Hải Phòng hợp nhất.

3. Ban Tổ chức Trung ương, hai Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng và Kiến An cùng các đồng chí trên có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 107-TT/TW, ngày 9 tháng 1 năm 1963

### Về việc điều động cán bộ tăng cường cho cấp xã và hợp tác xã

Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển công nghiệp, nâng cao đời sống của nhân dân, việc kiện toàn cấp xã và hợp tác xã là một khâu trọng yếu trong việc kiện toàn tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Để kiện toàn cấp xã và các hợp tác xã được tốt, và thiết thực phục vụ cho cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp" toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc, đi đôi với việc ra sức bồi dưỡng đào tạo cán bộ xã và hợp tác xã, củng cố tổ chức cơ sở Đảng, sửa đổi tổ chức và lề lối làm việc ở cấp xã, cần tăng cường một loạt cán bộ công tác ở trên trung ương và ở các cấp tỉnh, huyện cho các xã và hợp tác xã, nhất là những nơi phong trào còn yếu. Để thực hiện chủ trương này, Ban Bí thư ra Thông tri sau đây:

1. Ban Tổ chức Trung ương cần phối hợp với Bộ Nội vụ và các ban có liên quan của Trung ương điều động một loạt cán bộ công tác ở các ngành trên trung ương và quân đội chuyển ngành để tăng cường cho các xã và hợp tác xã hiện nay còn yếu. Ở các địa phương, các tỉnh uỷ, huyện uỷ cũng sẽ tuỳ theo tình hình thực tế của địa phương mà có kế hoạch điều động cán bộ ở địa phương về công tác ở cơ sở ngoài số cán bộ do Trung ương điều về.

2. Việc điều động cán bộ về cho các địa phương như trên phải có trọng tâm trọng điểm, chú trọng tập trung vào các tỉnh trọng yếu và các địa phương phong trào còn yếu hoặc gặp nhiều khó khăn, chú trọng thích đáng đến các địa phương miền núi, không rải đều ở khắp các tỉnh. Các địa phương được Trung ương tăng cường cán bộ cần bảo đảm bố trí phần đông cán bộ do Trung ương đưa xuống về hoạt động lâu dài ở xã và hợp tác xã, đồng thời có thể bố trí một số ở lại công tác ở tỉnh, huyện và lấy cán bộ khác ở địa phương thay thế để đưa về xã và hợp tác xã. Giữa yêu cầu tăng cường cho xã và hợp tác xã, phải chú trọng tăng cường cho hợp tác xã.

3. Cán bộ về tăng cường cho xã và hợp tác xã sẽ gồm hai loại: cán bộ lãnh đạo và cán bộ kế toán. Trước hết ở trung ương cần chú trọng điều loại cán bộ lãnh đạo, và cũng cần có kế hoạch điều một số cán bộ kế toán cho hợp tác xã (chủ yếu cho các tỉnh miền núi). Về cán bộ kỹ thuật thì chủ yếu là do các địa phương tự bồi dưỡng đào tạo lấy. Ban Công tác nông thôn và Bộ Nông nghiệp sẽ điều về cho cấp tỉnh, huyện những cán bộ kỹ thuật trung cao cấp cần thiết và có thể, theo chủ trương đã có của Ban Bí thư.

Cán bộ được điều về tăng cường cho xã và hợp tác xã cần bảo đảm có lập trường tư tưởng tốt, có khả năng và sức khoẻ đảm nhiệm tốt nhiệm vụ được giao phó. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Công tác nông thôn Trung ương và Bộ Nội vụ sẽ hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn (chủ yếu chọn trong các loại cán sự từ cán sự bậc 4 trở xuống); các Ban, Đảng đoàn cấp trung ương và cấp uỷ địa phương khi điều cán bộ

phải bảo đảm tiêu chuẩn đã đề ra, nhất thiết tránh dùng cơ hội này để loại cán bộ xấu, làm rầy cho cơ sở.

4. Các cán bộ được điều về xã, hợp tác xã theo yêu cầu trên đây sẽ được hưởng nguyên lương và các chế độ cần thiết, Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ sẽ quy định các chế độ cụ thể theo tinh thần trên đây.

5. Ban Tổ chức Trung ương cần phối hợp với Bộ Nội vụ và các ban của Đảng để định kế hoạch điều động cán bộ, cần thảo kế hoạch hướng dẫn các địa phương trong việc phân phối, bố trí, sử dụng và quản lý các cán bộ được điều về. Trước khi về địa phương các cán bộ do Trung ương điều động sẽ được tổ chức học tập những điều cần thiết.

Ban Bí thư yêu cầu các ban, các Đảng đoàn, các cơ quan trung ương và các địa phương xem trọng việc chấp hành Thông tri này, kiên quyết điều động cán bộ theo yêu cầu về số lượng và chất lượng đã quy định. Nơi nào do việc điều động mà thật sự thiếu cán bộ thì sẽ đề nghị để Ban Tổ chức trung ương và Bộ Nội vụ xem xét, trường hợp cần thiết sẽ đưa Ban Bí thư giải quyết.

Mong các ngành, các cấp kiên quyết chấp hành.

T/L BAN BÍ THƯ

Q. CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 67-NQ/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1963

### Về phương hướng thu chi tài chính nhà nước năm 1963

#### I- NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH THU CHI TÀI CHÍNH NĂM 1962

Căn cứ vào ngân sách Nhà nước năm 1962 được điều chỉnh lại thì số thu trong nước sụt 80 triệu so với kế hoạch đầu năm và tăng 4,3% so với năm 1961. Đây là *tốc độ tăng thu chậm nhất* so với mấy năm qua (tốc độ tăng bình quân của ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa là 28%, tốc độ của năm 1961 là 10,5%).

Số thu trong nước năm 1962 tăng chậm là do:

Trong hai năm 1961-1962, chúng ta bắt đầu xây dựng nhiều công trình tương đối lớn, tốn vốn nhiều, xây dựng lâu; mặt khác nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, phát triển chậm, đã

ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của các ngành kinh tế khác và đến tốc độ tăng thu tài chính.

Trong năm 1962, điểm nổi bật là sự mất cân đối giữa sản xuất và lưu thông, sản xuất không đủ, một phần không được bảo đảm về chất lượng, quy cách, không thành hàng hoá. Lưu thông không tốt: vận chuyển không kịp, phân phối không hợp lý, gây nên tình trạng hàng ứ đọng, nơi thừa, nơi thiếu.

Việc quản lý kinh tế tuy đã có tiến bộ, nhưng còn có nhiều khuyết điểm. Khả năng tiềm tàng của các ngành kinh tế quốc doanh Trung ương và ở địa phương đều chưa được khai thác tốt, công suất thiết bị sử dụng còn kém, năng suất lao động còn thấp, sử dụng nguyên liệu, vật liệu còn nhiều lãng phí, giá thành sản phẩm còn cao. Trong kinh doanh thương nghiệp còn có những khuyết điểm: thu mua và phân phối hàng hoá chưa tốt, quản lý thị trường chưa chặt chẽ.

Việc quản lý tài chính của các ngành, các cấp và các xí nghiệp, công trường, cửa hàng, v.v., tuy có những tiến bộ nhất định, nhưng chưa phát huy đầy đủ tác dụng thúc đẩy sản xuất và tiết kiệm, chưa tăng cường được kỷ luật tài chính, chưa khai thác hết khả năng tích lũy và chưa bảo đảm chế độ thu nộp của Nhà nước. Đặc biệt là thuế công thương nghiệp bị thất thu nghiêm trọng và phổ biến.

Về phân chi năm 1962, đã có nhiều cố gắng: mặc dù số thu sút đi nhiều, nhưng vẫn bảo đảm toàn bộ khối lượng vốn xây dựng cơ bản và các khoản chi quan trọng khác của Nhà nước. Nhưng số chi về tích lũy chỉ chiếm tỷ trọng 55,3% tổng số chi, giảm nhiều so với năm 1961 (61%).

Trong năm 1962, việc chi của ngân sách có khuyết điểm như sau:

1. Việc phân phối và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn cho vay dài hạn chưa được cân nhắc đầy đủ, chưa phát huy đúng mức hiệu quả kinh tế. Vốn xây dựng cơ bản chưa được sử dụng tập trung, lãng phí trong xây dựng cơ bản còn nghiêm trọng, giá xây dựng đắt. Sự giúp đỡ về kỹ thuật, vật

tư, tài chính của Nhà nước đối với khu vực tập thể chưa đầy đủ.

2. Việc dùng vốn lưu động cũng chưa hợp lý, vốn ứ đọng nhiều, luân chuyển rất chậm ở hầu hết các khâu và các ngành kinh tế.

Việc thanh toán của ngân hàng tiến hành chậm, không bao quát các hoạt động kinh tế của các xí nghiệp.

3. Số chi về tiêu dùng trong năm 1962 tăng lên tương đối nhanh (42,1% so với 39% năm 1961).

Số chi về đào tạo cán bộ và giáo dục tăng 17% trong khi số thu tài chính trong nước chỉ tăng 4,5%.

Các khoản chi về hành chính sự nghiệp và các khoản chi khác đều chưa quán triệt tinh thần tiết kiệm, còn nhiều lãng phí, có nhiều nơi chi tiêu ngoài chế độ và tiêu chuẩn.

4. Mấy năm liên cũng như năm 1962, lực lượng tài chính dự trữ chưa được bổ sung: nguồn bổ sung vốn tín dụng của ngân hàng rất ít, dự trữ ngoại tệ không được xây dựng, dự trữ vật tư chưa được tăng cường đúng mức và chưa được quản lý tốt.

*Ngân sách địa phương:*

Số vốn dành cho địa phương năm 1962 chiếm trên 21% ngân sách toàn quốc (phần trong nước) không phải là ít, nhưng việc quản lý và sử dụng vốn chưa tốt.

Tài chính Nhà nước ở mỗi địa phương phải là công cụ để phục vụ sự phát triển kinh tế và văn hoá ở địa phương, nhưng nhiều cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương chưa nhận thức rõ ý nghĩa này và chưa sử dụng tốt tài chính, chưa chỉ đạo chặt chẽ công tác tài chính.

Cơ quan tài chính ở các địa phương còn yếu, chưa nắm được toàn bộ hoạt động kinh tế của địa phương, chưa đi sâu vào hoạt động kinh tế của các xí nghiệp của trung ương ở địa phương, cũng như chưa giúp đỡ được nhiều về nghiệp vụ đối với các xã và hợp tác xã.

Nhìn chung việc quản lý tài chính Nhà nước mấy năm nay có tiến bộ, chất lượng quản lý được nâng cao và đưa dần vào chế

độ, sự liên hệ giữa tài chính và kinh tế, giữa trung ương và địa phương tốt hơn nhưng ngành tài chính chưa làm hết và chưa làm tốt chức năng của mình: Do chưa nắm được hết đặc điểm tình hình nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, do đánh giá thấp ảnh hưởng của việc mất mùa hồi năm 1960 đối với tài chính Nhà nước; đồng thời do không thấy kịp những sự thay đổi của nền kinh tế tài chính ảnh hưởng đến thu chi, cho nên tính toán kế hoạch ngân sách không phù hợp với khả năng kinh tế, ảnh hưởng lớn đến cân đối vật tư và tiền tệ.

Trong công tác hàng ngày thì chưa gắn thật chặt tài chính với kinh tế, chưa đi sâu phân tích hoạt động kinh tế, chưa nghiên cứu và bổ sung kịp thời chính sách và chế độ tài chính, hoặc một số chính sách và chế độ tài chính đã ban hành thì chưa được áp dụng tốt, thực hiện không nghiêm túc. Các chế độ cấp phát, quản lý vốn, quản lý chi tiêu, quản lý ngoại tệ đều còn lỏng lẻo. Việc thu thuế đối với kinh tế tập thể và các hộ kinh tế cá thể bị buông lỏng. Các chế độ tài vụ và kế toán cũng như công tác tài vụ và kế toán chưa được cải tiến mấy. Hệ thống tổ chức tài chính, tài vụ ở các ngành, các địa phương đều chưa được tăng cường.

Do những khuyết điểm kể trên, cho nên hiệu lực của công tác tài chính đối với việc thúc đẩy sản xuất và tiết kiệm cũng bị hạn chế, chức năng của tài chính chưa được thực hiện tốt.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NĂM 1963

Năm 1963 là năm thứ ba của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trên cơ sở những thành tích đã đạt được trong hai năm 1961-1962, chúng ta phải ra sức phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn đang còn, nghiêm chỉnh sửa chữa những thiếu sót trong việc quản lý kinh tế và tài chính,

để bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân một bước phát triển mới, đồng thời củng cố quan hệ sản xuất mới thêm một bước, đẩy mạnh công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và nâng cao thêm mức sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

*Nhiệm vụ tài chính Nhà nước năm 1963 là ra sức góp phần bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1963, ra sức tăng thu, tiết kiệm chi hơn nữa; bảo đảm nhu cầu xây dựng cơ bản có trọng điểm; giúp đỡ hợp tác xã; bảo đảm các nhu cầu khác của Nhà nước và tăng cường lực lượng dự trữ của Nhà nước về tài chính, vật tư và ngoại tệ. Phải tăng cường hơn nữa việc giám đốc tài chính và kinh tế, đưa công tác quản lý đi vào nguyên tắc, chế độ chặt chẽ. Phải góp phần thiết thực ổn định vật giá, củng cố tiền tệ, giải quyết dần các khó khăn tồn tại trong nền kinh tế quốc dân, góp phần cải thiện đời sống nhân dân thêm một bước.*

Tình hình năm 1963 còn có một số khó khăn: vấn đề cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp còn phải cố gắng lâu dài, vấn đề cân đối vật tư, lương thực và tiền tệ cũng không thể giải quyết nhanh chóng được, năm 1963 phải tiếp tục trả nợ ngoài nước, đồng thời phải dành một số vốn nhất định để thanh toán số vật tư ứ đọng, v.v..

Nhưng tình hình năm 1963 cũng có những thuận lợi căn bản: sản xuất công, nông nghiệp phát triển một cách vững chắc hơn, các mặt cân đối được điều chỉnh tốt hơn, phong trào thi đua của quần chúng được đẩy lên một bước, cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, chống quan liêu, tham ô, lãng phí" sẽ góp phần cải

tiến việc quản lý thu chi tài chính trong các ngành, các đơn vị.

Để hoàn thành nhiệm vụ tài chính năm 1963, trước hết phải làm những việc sau đây để *tăng thu tài chính*:

- Các ngành hoạt động kinh tế phải cải tiến quản lý, mở rộng và nâng cao hạch toán kinh tế, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu số lượng và chất lượng của kế hoạch Nhà nước; chú ý nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và hạ phí lưu thông, bảo đảm chất lượng hàng hoá, tổ chức tiêu thụ tốt, tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động, tiến hành thanh toán nhanh.

- Phải tăng cường công tác thu nộp, mở rộng chế độ thu quốc doanh, áp dụng chế độ thu chênh lệch ngoại thương.

- Phải tăng cường công tác thu thuế đối với hợp tác xã và kinh tế cá thể; trên cơ sở giúp đỡ hợp tác xã quản lý kinh doanh tốt, phải ra sức đẩy mạnh việc giám đốc của Nhà nước, quản lý thị trường và ra sức chống thất thu về thuế.

- Phải chú trọng tất cả các nguồn thu của Nhà nước ở các địa phương và những nguồn thu ở tất cả các cơ quan sự nghiệp.

Ngoài ra, các địa phương có thể tiếp tục phát hành xổ số như thể lệ hiện nay và mở cuộc vận động tiết kiệm dài hạn để động viên vốn của nhân dân góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở tích cực tăng thu, phải có *phương hướng phân phối vốn ngân sách năm 1963 cho đúng*: trong phạm vi mức tăng nhất định của số thu tài chính, phải ra sức sử dụng vốn cho tốt, triệt để tiết kiệm từng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm và kỹ thuật tính toán để sử dụng tiền vốn với hiệu

quả kinh tế cao, quán triệt hơn nữa tinh thần chi tiêu tiết kiệm và hợp lý.

Phương hướng phân phối vốn ngân sách Nhà nước năm 1963 như sau:

1. *Phần vốn dành cho xây dựng cơ bản* không vượt quá mức 40% số thu trong nước. Phải bảo đảm phân phối theo hướng của kế hoạch Nhà nước, chú trọng các xí nghiệp trọng điểm, đồng thời chú trọng các xí nghiệp vừa và nhỏ. Phần vốn xây dựng cơ bản của trung ương trợ cấp cho địa phương sẽ dành một phần để tiếp tục hoàn thành những công trình do trung ương trợ cấp từ năm 1962, còn phần khác sẽ dành để giúp đỡ cho các địa phương trọng điểm.

2. Số vốn *cho vay dài hạn* sẽ tăng hơn nhiều so với năm 1962 và chú ý tập trung giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp (trước hết là cho khai hoang), nghề cá, nghề muối và hợp tác xã thủ công nghiệp,... Phải kết hợp việc sử dụng vốn cho vay với vốn tích lũy của hợp tác xã và có kế hoạch giúp đỡ cụ thể xây dựng cái gì, ở đâu. Nên tập trung lực lượng giúp đỡ một số tỉnh nhất định để có thể thực hiện được sự biến chuyển tốt hơn trong việc phát triển kinh tế toàn diện ở các tỉnh đó.

3. Số *vốn lưu động* năm 1963 phải được quản lý chặt chẽ. Phải động viên số vật tư ứ đọng ra sử dụng, tích cực tiến hành thanh toán nợ dây dưa, đồng thời thúc đẩy tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động.

4. Các loại chi về *sự nghiệp và hành chính* phải hết sức tiết kiệm.

Sự nghiệp kinh tế phải thiết thực và có hiệu quả. Chi về thăm dò địa chất phải được sắp xếp lại có kế hoạch cụ thể

và thiết thực hơn. Việc nghiên cứu khoa học, phổ biến kỹ thuật, v.v. cũng phải nhằm những vấn đề thiết yếu của sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Sự nghiệp văn xã nói chung *không nên tăng hơn mức tăng chung* về thu tài chính.

Chi về hành chính phải kiên quyết giảm hơn năm 1962 độ 10%.

5. Với những hướng phân phối như trên thì có thể dành một lực lượng dự trữ tài chính và dự bị phí (bằng vốn trong nước) độ 3,5% tổng số thu trong nước.

Trong việc cân đối ngoại tệ năm 1963, phải kiên quyết dành một lực lượng dự trữ ngoại tệ thích đáng. Ngân sách Nhà nước phải lo vốn cho việc dự trữ ngoại tệ này.

6. Năm 1963, phương hướng phân phối số vốn trợ cấp của trung ương cho các địa phương nên có trọng điểm; phải xét kỹ nên xây dựng cái gì, ở tỉnh nào, rồi tập trung vốn giúp đỡ nhiều hơn cho địa phương đó. Kết hợp biện pháp trợ cấp của ngân sách với biện pháp tín dụng dài hạn và kết hợp giữa việc xây dựng công trình của trung ương với công trình của địa phương để sắp xếp cho hợp lý. Mặt khác, phải tăng cường quản lý số vốn đó để phát huy tốt hiệu quả của nó.

Khi mở rộng chế độ thu quốc doanh thì phải nghiên cứu toàn diện vấn đề thu của địa phương và có chế độ điều tiết thu nhập cho thích hợp với tình hình mới.

#### NHỮNG BIỆN PHÁP PHẢI ÁP DỤNG

1. Phải thực hiện tốt những biện pháp về tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kinh tế, tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đã đề ra trong kế hoạch Nhà nước. Ngoài ra, phải tăng cường chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp, đơn vị, giữa địa phương và trung ương.

2. Trong công tác xây dựng cơ bản, phải kiên quyết chấp hành trình tự xây dựng cơ bản theo quy định của Nhà nước, tích cực giảm giá dự toán thiết kế của các công trình thêm một tỷ lệ nữa so với giá hiện nay; tăng cường quản lý thi công và kiên quyết hạ giá thành xây dựng hơn nữa.

Phải đưa việc quản lý xây dựng cơ bản ở địa phương vào nề nếp, tăng cường quản lý tài vụ xây dựng cơ bản ở địa phương.

Tăng cường tổ chức và chỉ đạo công tác của ngân hàng kiến thiết.

3. Đẩy mạnh thanh toán nợ dây dưa, tiến tới chấm dứt tình trạng nợ dây dưa. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh giải quyết hàng ứ đọng, động viên các tài sản và hàng ứ đọng ra sử dụng.

4. Phải cải tiến công tác quản lý tài chính, bổ sung hoặc sửa đổi các chính sách và chế độ tài chính cho phù hợp với yêu cầu tăng cường quản lý kinh tế tài chính 1963; trước hết phải cải tiến chế độ thu của Nhà nước.

Phải tăng cường hệ thống tổ chức tài chính, tài vụ và kế toán Nhà nước từ trung ương đến các địa phương và các đơn vị cơ sở. Tăng cường bộ máy thu thuế ở các địa phương và tăng cường chỉ đạo công tác thuế từ trung ương đến các địa phương.

Ra sức đào tạo cán bộ kế toán và tài vụ cho các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp... đồng thời tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ công tác quản lý tài vụ hợp tác xã.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tài chính ở trung ương cũng như ở địa phương, ở các ngành, các xí nghiệp. Phải nghiêm chỉnh thi hành nghị quyết của Bộ Chính trị và nghị quyết của Hội đồng Chính phủ là thủ trưởng các cấp, các ngành, các đơn vị phải thiết thực phụ trách việc quản lý tài chính và phát huy chức năng của tài

chính làm công cụ để giám đốc có kết quả các hoạt động kinh tế.

Năm 1963 sẽ có những bước phát triển mới trong nền kinh tế nước ta. Công tác tài chính phải có những bước tiến bộ mới, hệ thống tài chính phải vững mạnh thêm, tác dụng của tài chính phải được phát huy tốt hơn, nhiệm vụ thu chi tài chính năm 1963 phải được thực hiện tốt để bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1963.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ  
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 42-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1963

### **Về cuộc Hội nghị giữa Ban Bí thư Trung ương Đảng với Thường vụ Hội đồng Chính phủ về vấn đề nhân dân khai hoang**

Ngày 2-1-1963, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã cùng với Thường vụ Hội đồng Chính phủ bàn vấn đề nhân dân khai hoang.

Sau khi nghe báo cáo về tình hình vận động nhân dân đi khai hoang trong hai năm 1961-1962, dự kiến phương hướng, nhiệm vụ tới và một số chủ trương, chính sách cần phải ban hành, Ban Bí thư Trung ương và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã nhấn mạnh về một số vấn đề như sau:

#### **I - NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KHAI HOANG TRONG HAI NĂM 1961-1962**

Nhờ sự cố gắng của nhân dân và cán bộ các cấp, các ngành, công tác khai hoang đã thành một phong trào quần chúng và đã thu được một số thành tích: khai hoang được chừng 16 vạn héc-ta đạt 45% nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết Hội nghị

Trung ương lần thứ năm; vận động được trên 7 vạn người từ miền xuôi lên các vùng trung du, miền núi khai hoang và đã bắt đầu thu hoạch được một số nông lâm sản.

Những thành tích trên tuy mới là bước đầu nhưng cần được xác định cho đúng.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tốt đã nêu trong bản báo cáo, Ban Bí thư Trung ương và Thường vụ Hội đồng Chính phủ nhận thấy rằng, cần kiểm điểm kỹ hơn về những mặt yếu, những vấn đề tồn tại của tình hình khai hoang hiện nay để thấy cho hết những việc phải làm, những vấn đề phải giải quyết trong thời gian tới, những vấn đề ấy có thể là:

a) Phương hướng sản xuất cụ thể từng nơi chưa xác định đúng.

b) Việc kết hợp khai hoang với bảo vệ rừng, bảo vệ lâm sản, với cải tạo đất, chống xói mòn, bảo vệ nguồn nước có chỗ chưa được tốt.

c) Việc huy động nhân lực có chỗ chưa được hợp lý.

d) Việc quy định những địa bàn khai hoang có chỗ chưa thích hợp.

e) Những biện pháp kỹ thuật còn yếu.

f) Công tác quản lý các hợp tác xã khai hoang có chỗ còn lúng túng.

Ngoài ra, cũng cần kiểm điểm rõ ràng hơn việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện, nhất là về các mặt: bộ máy chuyên trách; việc kiểm tra nắm tình hình, uốn nắn những lệch lạc; việc ban hành kịp thời những chính sách cụ thể để giúp đỡ, khuyến khích phong trào khai hoang, việc giúp đỡ về kỹ thuật, công tác tư tưởng, v.v..

Những vấn đề trên cần có kiểm điểm kỹ hơn để có chủ trương, biện pháp phát huy mặt tích cực, kịp thời khắc phục những nhược điểm, khuyết điểm; đẩy mạnh phong trào khai hoang tiến lên giành những thắng lợi mới.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, CHỦ TRƯỞNG,

## CHÍNH SÁCH VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN KHAI HOANG TRONG 3 NĂM TỚI

### 1. Về phương hướng, nhiệm vụ

Trước hết cần nhận thức đầy đủ ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của công tác khai hoang: khai hoang là một biện pháp quan trọng để giải phóng lao động nông nghiệp, mở rộng diện tích và khai thác những tài nguyên tiềm tàng, nâng cao giá trị lao động nông nghiệp, tạo một nền nông nghiệp mới toàn diện hơn. Đối với đồng bằng, nơi đất ít người đông, với người đi khai hoang là để tăng diện tích canh tác, khai thác thêm những nguồn lợi mới, do đó nâng giá trị lao động của cả người đi khai hoang và người ở lại, trên cơ sở cải tiến kỹ thuật. Đối với miền núi, nơi đất rộng, tài nguyên phong phú, nhưng ít nhân lực, đưa thêm người đến khai hoang là đưa thêm lao động lên để khai thác đầy đủ hơn những tài nguyên của miền núi, tăng thêm giá trị lao động chung cho miền núi.

Trên cơ sở đó, công tác khai hoang sẽ giúp vào việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, v.v. phù hợp với vùng nhiệt đới, với nhu cầu công nghiệp hoá.

Làm tốt công tác khai hoang sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, tăng cường chính trị, củng cố quốc phòng.

Việc vận động đồng bào miền xuôi lên khai hoang miền núi là một cuộc *vận động cách mạng*. Chúng ta có những khó khăn, nhất là trong việc vận động và tổ chức đồng bào miền xuôi lên khai hoang miền núi. Nhưng hiện nay ta có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh công tác khai hoang: đó là vì chúng ta đã có phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, có sự phân công lao động mới trong hợp tác xã và có *phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã* sắp tới thúc đẩy.

Cần dựa trên nhận thức và tình hình cụ thể đó để định phương hướng sản xuất và những biện pháp lớn của công tác

khai hoang. Cần chú ý tận dụng những đất còn bỏ hoang, bỏ hoá ở đồng bằng và ven biển, nhưng phải tích cực đưa người ở đồng bằng lên khai hoang ở trung du và miền núi. Phải kết hợp chặt chẽ giữa việc đưa người đi khai hoang với việc phát triển sản xuất ở cơ sở hiện có.

*Phương hướng sản xuất* của nhân dân khai hoang phải dựa trên phương hướng sản xuất miền núi. Phải tuỳ tình hình cụ thể từng vùng mà vận dụng phương hướng sản xuất cho đúng: trồng cây lương thực, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, làm rừng, làm các nghề thủ công, nhằm khai thác được mọi tài nguyên của miền núi, tăng năng suất ở đồng bằng và miền núi với hiệu quả kinh tế cao nhất, tăng được sản phẩm hàng hoá, cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đối với các tỉnh Khu IV cũ, việc tổ chức khai hoang trong tỉnh là nhằm phân bổ lại lực lượng sản xuất một cách hợp lý hơn, sản xuất được nhiều hơn và có giá trị kinh tế cao hơn. Đối với các tỉnh trung du, Việt Bắc, Tây Bắc, nhận người lên khai hoang là để mở mang tài nguyên trong tỉnh mình, cần xem lại đất đai, tài nguyên, lao động, để có kế hoạch tiếp thu nhân lực lên khai hoang, và kế hoạch sản xuất tốt hơn. Đối với 7 tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, vấn đề chính là vận động người đi khai hoang. Phải xuất phát từ tình hình thực tế trong tỉnh mà có kế hoạch với người ở những huyện, xã nào mật độ dân số cao, bình quân ruộng đất thấp. Những người ở lại phải phấn đấu thu hẹp ruộng đất bỏ hoá và tăng vụ, tăng năng suất các loại cây trồng và chăn nuôi.

Đối tượng vận động người đi khai hoang là: những hộ ít ruộng đất, những gia đình đông người, trong đó cần sắp xếp một lực lượng thanh niên cần thiết làm nông cật.

## 2. Về quy mô, hình thức

Một mặt phải tích cực phát triển hình thức khai hoang xen kẽ đồng thời phải đẩy mạnh khai hoang tập thể quy mô nhỏ ở những nơi có điều kiện. Chú trọng tăng cường sự giúp đỡ của Nhà nước vào các hợp tác xã miền núi để phát triển sản xuất, trên cơ sở đó tiếp thu thêm đồng bào miền xuôi lên để tăng thêm nhân lực cho hợp tác xã. Vì áp dụng các hình thức trên, việc tổ chức đi khai hoang sẽ được nhẹ nhàng, đỡ tốn phí và mau ổn định. Ngoài ra cần dựa vào các nông trường và lâm trường quốc doanh, phát triển cơ sở khai hoang xung quanh đó, để sử dụng sự giúp đỡ một phần của các nông trường, lâm trường, đồng thời cũng có điều kiện sử dụng thêm sức lao động của các cơ sở khai hoang để phát triển sản xuất của các nông trường, lâm trường khi cần thiết.

Đi đôi với tổ chức khai hoang xen kẽ, phân tán, cần tổ chức nhân dân đi khai hoang tạo những cơ sở mới với quy mô vừa phải. Đặc biệt ở những vùng có điều kiện tập trung khai thác được tài nguyên có thể tổ chức thành những cơ sở chuyên canh (cây công nghiệp, chăn nuôi, làm nghề rừng,...). Nên dành lực lượng thanh niên tương đối nhiều hơn cho các cơ sở này để tạo nên những điển hình tốt cho các cơ sở khai hoang khác.

Các địa phương cần tính toán lại các mặt cho kỹ, quán triệt tinh thần "vững chắc - cố định - lâu dài" coi đó là phương

châm vận động và tổ chức quần chúng lên miền núi khai hoang, xây dựng quê hương mới.

Những hợp tác xã tổ chức quy mô quá to đang gặp nhiều khó khăn về quản lý, cần nghiên cứu việc chia nhỏ lại.

### 3. Về chỉ tiêu

Nên nghiên cứu lại tinh thần rất tích cực, nhưng phải cân nhắc thận trọng, tính toán kỹ lợi ích kinh tế, lợi ích trị thủy, tránh việc phá rừng một cách bừa bãi.

4. Về biện pháp kỹ thuật: là biện pháp kỹ thuật miền núi (xem nghị quyết sản xuất miền núi). Đó là những vấn đề mới và khó, Bộ Nông nghiệp, thủy lợi cần tích cực nghiên cứu giải quyết.

### 5. Về các chính sách

Tinh thần chung là Nhà nước sẽ hết sức giúp đỡ trên các mặt để khuyến khích đẩy mạnh được phong trào khai hoang lên, giúp đỡ những địa phương tổ chức cho nhân dân đi khai hoang, đồng thời mạnh dạn đầu tư vào các hợp tác xã miền núi, các cơ sở nhận người đến khai hoang mở mang kinh tế, phát triển sản xuất. Nhưng mặt chủ yếu là phải dựa vào sức dân, giáo dục quần chúng không ỷ lại vào Nhà nước.

Việc đầu tư vốn phải nhằm giải quyết những vấn đề thiết yếu bậc nhất về thủy lợi, về giao thông, về các cơ sở vật chất-kỹ thuật sản xuất.

Các ngành, các cơ quan Nhà nước phải tích cực tham gia với một tinh thần mới để trong ba năm tới, cố dành được những kết quả thiết thực, to lớn hơn.

Về các chính sách cụ thể khác nêu trong báo cáo, nhất là các chính sách giúp đỡ, đãi ngộ, quyền lợi người đi khai hoang,

tán thành với tinh thần chung là phải hết sức giúp đỡ nhưng cũng cần cân nhắc mặt này mặt khác cho đúng mức, thích hợp với khả năng thực tế, và thoả đáng với các chính sách khác.

## III- TỔ CHỨC VÀ LÃNH ĐẠO

Vấn đề nhân dân khai hoang là một vấn đề lớn, có quan hệ đến nhiều ngành, nhiều địa phương.

Để đẩy mạnh được phong trào khai hoang, đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ, phương hướng đã đề ra, phải có sự chuyển biến mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Phải kịp thời có những biện pháp, chính sách cụ thể, đi đôi với việc giáo dục tư tưởng, động viên chính trị cho tốt.

Tổ chức chuyên trách vấn đề khai hoang ở Trung ương cần được sớm ổn định.

Tổ chức phụ trách vấn đề khai hoang ở các tỉnh phải được quy định thích hợp với từng loại tỉnh (vùng Khu IV cũ, vùng đồng bằng Bắc Bộ, và vùng trung du, Việt Bắc, Tây Bắc).

Dựa vào tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm, Nghị quyết Hội nghị Nông nghiệp miền núi và ý kiến chung của Ban Bí thư Trung ương và Thường vụ Hội đồng Chính phủ về vấn đề khai hoang, các bộ, các ngành cần có kế hoạch cụ thể, biện pháp cụ thể hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương (nhất là về các mặt tài chính, vật tư, kỹ thuật...).

Đoàn Thanh niên Lao động cần mở rộng cuộc vận động trong nam nữ thanh niên hưởng ứng phong trào này, và có kế

hoạch hướng dẫn cụ thể việc huy động lực lượng thanh niên cho thích hợp.

T/L BAN BÍ THƯ  
Q. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 57-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1963

### **Về việc bầu cử cấp uỷ huyện, thị, châu, khu phố (thuộc thành phố trực thuộc)**

Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, các cấp uỷ huyện, thị, châu, khu phố (thuộc thành phố trực thuộc) đã được tăng cường hơn trước về số lượng và chất lượng. Cấu tạo của các ban huyện uỷ nói chung đều có tiến bộ. Lê lối làm việc cũng đã có chuyển biến tốt theo phương hướng sát sản xuất và cơ sở; sự lãnh đạo của các cấp uỷ đã chú trọng tập trung hơn vào nhiệm vụ sản xuất và hợp tác hoá.

Tuy nhiên, nhiều nơi chưa nhận thức rõ vị trí của cấp huyện, cấu tạo và sự phân công trong nhiều cấp uỷ còn có nhược điểm. Số đông cấp uỷ viên còn bố trí phân tán ở các ngành, chưa tập trung vào nông nghiệp; số cấp uỷ viên công tác ở cơ sở còn ít; số cán bộ trẻ và cán bộ phụ nữ, ở nhiều nơi chưa được chú trọng cất nhắc. Nhiều ban thường vụ phân công chưa hợp lý, các uỷ viên thường vụ còn kiêm nhiệm nhiều chức vụ, hoặc được tập trung sang làm công tác chính quyền,

thiếu đồng chí chuyên trách công tác Đảng. Trong công tác lãnh đạo, nhiều cấp uỷ còn sa vào sự vụ, bao biện công tác cụ thể của Uỷ ban hành chính, chưa thật quan tâm đầy đủ đến công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra.

Những thiếu sót và nhược điểm trên đây đã làm cho nhiều cấp uỷ ít nắm sát và hiểu được sâu sắc tình hình ở cơ sở và đã hạn chế sự lãnh đạo toàn diện, tập trung thống nhất của cấp uỷ, nhất là đối với lãnh đạo nông nghiệp.

Để bổ khuyết những nhược điểm và thiếu sót nói trên, Ban Bí thư ra chỉ thị sau đây về việc bầu cử các cấp uỷ huyện, thị... sắp tới:

1. Để tiến hành tốt việc kiện toàn các cấp uỷ huyện trước hết cần xác định rõ vị trí quan trọng của cấp huyện. Cấp huyện có nhiệm vụ cùng với cấp tỉnh nắm sát tình hình các xã và hợp tác xã, và chỉ đạo thực hiện cho cấp xã. Vì số xã và hợp tác xã có nhiều, cấp tỉnh phân chính là chỉ đạo chung cho cấp xã và trực tiếp nắm chỉ đạo các xã và hợp tác xã điển hình. Còn cấp huyện thì phải căn cứ vào các chủ trương và ý kiến của cấp tỉnh mà trực tiếp hướng dẫn giúp đỡ công tác cho xã, chủ yếu là kiểm tra tại chỗ, đôn đốc cụ thể từng xã, hợp tác xã, thiết thực đẩy mạnh các mặt công tác, nhất là sản xuất nông nghiệp.

Các cấp uỷ tỉnh, thành, cần căn cứ vào vai trò và vị trí trên đây của từng huyện mà xem xét lại cụ thể cấu tạo, sự phân công và lề lối làm việc của các huyện uỷ và có kế hoạch khắc phục những thiếu sót và nhược điểm còn tồn tại đã nói trên đây để tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo công tác cho cấp xã.

2. Yêu cầu của việc kiện toàn cấp uỷ huyện, thị, châu, khu phố (thuộc thành phố trực thuộc) lần này là: kiện toàn cấp uỷ về mặt chất lượng, chú trọng sửa đổi cách bố trí lực lượng cấp uỷ viên theo phương hướng tập trung hơn nữa vào mặt

trận sản xuất; tăng cường số cấp uỷ viên công tác ở cơ sở ở những nơi còn ít; có thêm một lực lượng cơ động để kiểm tra cấp xã, chú trọng kiện toàn ban thường vụ theo phương hướng bớt kiêm nhiệm nhiều chức vụ mà chủ yếu là phân công phụ trách theo các khối công tác.

3. Cụ thể quy định như sau:

a) Về số lượng cấp uỷ: tính chung số uỷ viên chính thức và dự khuyết ít nhất là 9 (cho thị xã nhỏ) nhiều nhất là 25 đồng chí cho các huyện và khu phố lớn. Các thị uỷ nói chung không quá 15 uỷ viên. Riêng thành phố Vinh, Nam Định có thể có từ 17 đến 19. Số uỷ viên dự khuyết không quá 1/4 so với số uỷ viên chính thức.

b) Về phương hướng và tiêu chuẩn cất nhắc cán bộ: trên cơ sở tiêu chuẩn phẩm chất chính trị và năng lực công tác, lần này cần chú trọng đưa vào cấp uỷ những đồng chí thực sự có tác dụng thiết thực đóng góp vào sự lãnh đạo chung của cấp uỷ. Các cấp uỷ viên phải là những đồng chí có kinh nghiệm về sản xuất và chỉ đạo hợp tác xã, có khả năng nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nắm vững tình hình thực tế của địa phương và cơ sở, biết phát huy tác dụng của đông đảo cán bộ, đảng viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó.

Cần thấu suốt hơn nữa các phương hướng và yêu cầu về cất nhắc cán bộ do Đại hội Đảng đã đề ra, tăng cường lực lượng trẻ am hiểu sản xuất, có khả năng tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng một cách khẩn trương và kiên quyết, tăng thêm thành phần phụ nữ và người dân tộc (ở các địa phương miền núi) ở những nơi tỷ lệ còn thấp. Việc này phải lãnh đạo chặt chẽ, có đấu tranh với những tư tưởng bảo thủ một cách

kiên quyết, nhưng phải có chuẩn bị chu đáo, lựa chọn người xứng đáng một cách công phu, tránh chỉ nhìn vào yêu cầu về thành phần cấu tạo mà chọn lọc không kỹ lưỡng.

c) Về phân bố lực lượng cấp uỷ viên và phân công ban thường vụ:

- Mỗi huyện uỷ, đảng uỷ khu phố nên có từ 5 đến 7 uỷ viên thường vụ, trừ một số thị xã số lượng thị uỷ viên dưới 15 đồng chí thì chỉ cần 3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần quan tâm kiện toàn ban thường vụ huyện uỷ, tăng cường cán bộ chủ chốt cho ban thường vụ, nhất là đồng chí bí thư, các đồng chí phó bí thư ở những nơi cần thiết. Các đồng chí bí thư các huyện trọng yếu nên là những đồng chí có chân trong tỉnh uỷ.

Các uỷ viên thường vụ sẽ phân công nắm từng khối công tác, không nên kiêm nhiệm nhiều chức vụ cụ thể khác; trường hợp cần thiết thì chỉ làm trưởng một ban hoặc một ngành trong khối mình phụ trách (như nông nghiệp, tổ chức, tuyên giáo).

Những nơi có 5 đồng chí, nói chung có thể phân công như sau: bí thư huyện uỷ phụ trách chung, trực tiếp nắm nông nghiệp; đồng chí chủ tịch Uỷ ban phụ trách khối chính quyền, chủ yếu là kế hoạch, tài chính, thương nghiệp; một đồng chí cùng với đồng chí bí thư nắm nông nghiệp; một đồng chí thường trực Đảng nắm công tác tổ chức, tuyên huấn và dân vận, một phụ trách nội chính. Những nơi có 7 uỷ viên thường vụ sẽ tuỳ theo tình hình của từng địa phương mà cử một uỷ viên thường vụ làm bí thư xã trọng điểm.

Mỗi ban huyện uỷ nên có 2 phó bí thư: 1 đồng chí làm chủ tịch uỷ ban hành chính, 1 phụ trách thường trực Đảng. Nơi có 3 uỷ viên thường vụ chỉ cần 1 phó bí thư.

- Ngoài các uỷ viên thường vụ, huyện uỷ sẽ có thêm một số đồng chí công tác ở một số ngành quan trọng như: trưởng ban tuyên huấn, hoặc tổ chức (nếu chưa có trong ban thường vụ); một chuyên trách uỷ ban kiểm tra, các đồng chí ở huyện đội, thanh niên, phụ nữ và một số đồng chí làm công tác nông nghiệp (như: công tác hợp tác xã, kỹ thuật nông nghiệp), nếu các đồng chí này có đủ tiêu chuẩn.

- Số còn lại nên sắp xếp theo hướng sau đây:

+ Khoảng 1 phần 3 (ở những nơi có 19 huyện uỷ viên trở lên) công tác ở cơ sở như bí thư xã, chủ nhiệm hợp tác xã hoặc một cơ sở xí nghiệp nếu có; ở những nơi dưới 19 cấp uỷ viên, số còn lại sẽ bố trí chủ yếu ở cơ sở.

+ Một số huyện uỷ viên cùng với một số cán bộ làm phái viên của huyện uỷ, chịu trách nhiệm giúp huyện uỷ trong việc kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ trực tiếp một số xã nhất định. Nhiệm vụ cụ thể của các phái viên này là: giúp huyện uỷ nắm sát công tác đảng uỷ, các chi bộ, các hợp tác xã; kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ các đảng uỷ, các chi uỷ xã trong việc chấp hành các chỉ thị nghị quyết của huyện uỷ; truyền đạt những chỉ thị nghị quyết của cấp trên cho xã và hợp tác xã trong trường hợp cần thiết.

Ở các châu, huyện miền núi, địa dư rộng, giao thông không thuận lợi, cơ sở còn yếu thì có thể bớt số huyện uỷ viên công tác trực tiếp ở cơ sở, mà phân công một số huyện uỷ viên cùng với một số cán bộ trực tiếp phụ trách từng khu vực (theo vùng sản xuất hoặc địa dư) để kiểm tra, đôn đốc giúp đỡ các xã, đồng thời chú trọng bồi dưỡng đào tạo cán bộ xã, hợp tác xã và giáo dục đảng viên.

d) Về lề lối làm việc: trong dịp kiện toàn các cấp uỷ lần này cần đặc biệt coi trọng việc cải tiến lề lối làm việc của cấp huyện, trước hết là của các ban thường vụ. Các huyện uỷ cần tập trung vào lãnh đạo sản xuất và hợp tác hoá nông nghiệp đồng thời phải bảo đảm lãnh đạo toàn diện các mặt công tác khác, nhằm phục vụ tốt nông nghiệp.

Vì vậy cần kiện toàn bộ máy chính quyền, nhất là cơ quan giúp huyện uỷ và Uỷ ban hành chính chỉ đạo nông nghiệp, tinh giản bộ máy hành chính, phát huy vai trò của Nhà nước và các tổ chức quần chúng nhất là đoàn thanh niên; trên cơ sở đó kiên quyết tránh bao biện làm thay công tác của chính quyền; sau khi đã bàn bạc những vấn đề lớn thì giao cho chính quyền thực hiện, tăng cường chỉ đạo cho các đảng uỷ, chi uỷ xã, tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc và đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và về tổ chức.

Cần rất chú trọng việc đi xuống dưới, đi vào bề sâu, nắm tình hình cụ thể, kiểm tra đôn đốc cụ thể, làm công tác tư tưởng cụ thể, tránh hời hợt chung chung. Ngoài các đồng chí công tác ở cơ sở và các phái viên, các huyện uỷ viên khác kể cả các đồng chí trong ban thường vụ và các đồng chí công tác ở các ngành cần năng xuống xã, định tỷ lệ thời gian đi xuống xã, hợp tác xã để giúp đỡ ý kiến cụ thể cho xã, nhất là về mặt công tác mình phụ trách, qua đó phát hiện và xây dựng điển hình tốt để rút kinh nghiệm. Đồng thời tìm hiểu tình hình chung, kịp thời phát hiện các vấn đề để phản ánh cho Ban thường vụ và tham gia tập thể lãnh đạo của cấp uỷ được tốt. Các tỉnh, thành uỷ và huyện uỷ cần nhận rõ vị trí cơ động và chiến đấu của cấp huyện, nhất là đối với mặt trận sản xuất nông nghiệp, để cải tiến tác phong, tăng cường tính chất khẩn trương, hoạt bát và cụ thể trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của cấp huyện đối với xã, hợp tác xã và làm cho đông đảo cán bộ ở huyện có đầy đủ tác phong ấy.

4. Để tiến hành tốt đại hội cấp huyện, thị, châu, khu phố (thuộc thành phố trực thuộc), thiết thực đẩy mạnh các mặt công tác ở

địa phương và lựa chọn cán bộ vào cấp uỷ được tốt, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần hướng dẫn kỹ cho các huyện uỷ, thị uỷ, đảng uỷ khu phố chuẩn bị nội dung của đại hội. Các huyện uỷ, thị uỷ, đảng uỷ khu phố cần chú trọng vấn đề báo cáo kiểm điểm công tác của đảng bộ trong suốt nhiệm kỳ đã qua, sự lãnh đạo của cấp uỷ và kiểm điểm cá nhân cấp uỷ viên. Báo cáo và đề án trước đại hội cần đi sâu vào công tác lãnh đạo sản xuất và công tác xây dựng Đảng. Riêng ở miền núi cần chú trọng làm quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị về sản xuất ở miền núi và có chủ trương, biện pháp thực hiện tốt nghị quyết ấy.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần cứ vào yêu cầu và phương hướng trên đây mà hướng dẫn cụ thể cho từng huyện uỷ, thị uỷ, đảng uỷ khu phố (thuộc thành phố trực thuộc) trong việc bầu cử sắp tới. Các huyện uỷ cần thảo luận kỹ Chỉ thị này và hết sức coi trọng công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên để chuẩn bị và tiến hành bầu cử cấp uỷ và cải tiến lề lối làm việc cho tốt. Ban Tổ chức Trung ương sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ và các ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể việc kiện toàn tổ chức cải tiến lề lối làm việc của cấp huyện, bảo đảm tốt các yêu cầu trên đây về tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp huyện.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-TB/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1963

### Về phương hướng và nhiệm vụ phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp của tỉnh Phú Thọ

Chiều ngày 19 và ngày 20-12-1962 Ban Bí thư và các đồng chí phụ trách các ngành có liên quan đã nghe Tỉnh uỷ Phú Thọ báo cáo tình hình và nhiệm vụ phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trong kế hoạch 5 năm (1961-1965) của tỉnh Phú Thọ.

Qua báo cáo, Ban Bí thư nhận thấy Tỉnh uỷ Phú Thọ đã có cố gắng nghiên cứu sâu vào nhiều mặt, và nói chung là tốt. Hội nghị chỉ góp thêm một số ý kiến lớn về phương hướng, nhiệm vụ. Trên cơ sở đó Tỉnh uỷ sẽ thảo luận thêm, và bàn bạc kỹ với các ngành có liên quan mà quyết định cụ thể:

#### I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA PHÚ THỌ

1. Phú Thọ là một tỉnh trung du có điều kiện phát triển nông nghiệp toàn diện, có nhiều đặc sản và tài nguyên phong phú. Đáng chú ý là:

a) *Về nông nghiệp*: diện tích gieo trồng hiện nay bình quân tương đối khá, khả năng mở rộng cũng còn nhiều. Lương thực có thể tự túc trong tỉnh và cung cấp một phần cho toàn quốc; có khả năng rất lớn về hoa màu lương thực, các loại cây công nghiệp khác như: chè, mía có nhiều và còn có khả năng phát triển thêm nữa; các loại cây có dầu như: sơn, trẩu, sỏ,.. cũng rất lớn; các loại cây ăn quả như: chuối, dứa, nhãn, vải cũng có một sản lượng đáng chú ý; chăn nuôi hiện nay còn thấp nhưng cũng có nhiều điều kiện phát triển.

b) *Về lâm nghiệp*: Phú Thọ có nhiều khả năng về lâm sản như: gỗ, tre, nứa, lá cọ, mây song hàng năm có thể khai thác một khối lượng tương đối lớn.

c) *Về khoáng sản*: Phú Thọ có nhiều loại quặng như: phenpatơ, cao lanh, thạch anh, than đá, xéc-văng-tin-nơ, xtêatitơ, nhưng trữ lượng chưa được xác định chắc chắn. Đáng chú ý là nguồn cát sỏi rất lớn và rất cần thiết cho nhu cầu xây dựng công nghiệp.

d) *Về giao thông vận tải*: là một tỉnh có đủ các trục giao thông vận tải lớn như đường sắt, đường bộ, đường thuỷ đi qua rất thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế với các tỉnh lân cận. Trong tỉnh Phú Thọ hiện có 358 cây số đường ô tô, 75 cây số đường sắt, 294 cây số đường thuỷ là những trục đường chính chạy qua tỉnh; ngoài ra nền đất ở Phú Thọ vững chắc là điều kiện thuận lợi để phát triển đường sá giao thông trong tỉnh. Nhân dân Phú Thọ đã có truyền thống về vận tải xe thô, xe trâu, xe bò, thuyền nan trong kháng chiến. Đó là

điều kiện tốt để phát triển giao thông vận tải, phát triển nông nghiệp, công nghiệp.

e) *Về năng lượng*: Phú Thọ có đường dây cao thế chạy ngang qua tỉnh, có ba con sông lớn (sông Thao, sông Đà, sông Lô), hai sông nhỏ (sông Bứa, sông Chảy), có gần 70 ngôi suối nhỏ có thể làm thủy điện nhỏ ở một số nơi, cung cấp nguồn năng lượng cho công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển.

f) *Việc hình thành các khu công nghiệp trong tỉnh* như: Việt Trì, Lâm Thao, một mặt đòi hỏi địa phương phải phục vụ như cung cấp nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, nhân lực, nhưng mặt khác đó cũng là nhân tố thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp như: cung cấp năng lượng, kỹ thuật, máy móc, thiết bị, phế liệu phế phẩm, kinh nghiệm tổ chức và quản lý công nghiệp.

g) *Đời sống nhân dân Phú Thọ đã được cải thiện* thêm một bước, sức mua của nhân dân tăng hơn trước nhiều, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng, đòi hỏi công nghiệp và thủ công nghiệp cung cấp ngày càng nhiều các vật phẩm tiêu dùng, là một yếu tố quan trọng thúc đẩy công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển.

2. Tình hình phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp của Phú Thọ trong những năm qua có tiến bộ. Nhưng qua từng năm sự phát triển còn thất thường và chưa thật vững chắc. So với điều kiện và khả năng của Phú Thọ thì tốc độ phát triển còn chậm.

Tình hình ấy một mặt là do khó khăn khách quan:

a) Nguồn nhân lực của Phú Thọ còn ít, có lúc lao động rất khẩn trương.

b) Trước đây các ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống không có mấy, lực lượng thợ chuyên môn còn ít.

Nhưng mặt khác, sự lãnh đạo của địa phương, tuy đã có sự chuyển biến nhưng chỉ mới là bước đầu, và chưa quan tâm đúng mức tới thủ công nghiệp, tới việc phát triển ngành, nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp và nghề phụ ở nông thôn.

Công tác quản lý công nghiệp và thủ công nghiệp có tiến bộ nhưng nói chung còn yếu.

## II- NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG VÀ THỦ CÔNG NGHIỆP CỦA PHÚ THỌ

Căn cứ vào đường lối, phương hướng phát triển công nghiệp trong Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy, căn cứ vào những đặc điểm tình hình của Phú Thọ, Ban Bí thư nhấn mạnh mấy điểm sau đây:

1. *Việc phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp của Phú Thọ cần chú trọng phương hướng sau đây*:

a) *Tích cực khai thác khả năng của địa phương, đẩy mạnh việc chế biến nông lâm thổ sản và sản xuất hàng tiêu dùng cho nhân dân trong tỉnh và cho nhu cầu xuất khẩu* như: chế biến các chất bột (nhất là sắn, v.v.), các loại sơn và dầu thảo mộc, chế biến các loại hoa quả; khai thác và chế biến các loại gỗ, tre, nứa, lá cọ; làm các đồ dùng trong nhà như đồ gỗ, đồ sành, đồ gốm, đồ thủy tinh.

Ngoài ra, tận dụng các phế liệu phế phẩm của công nghiệp trung ương để sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thường khác cho nhu cầu địa phương.

b) *Đẩy mạnh sản xuất phục vụ yêu cầu về vật liệu xây dựng cơ bản thông thường của nhân dân và cung cấp cho các công trường xây dựng cơ bản của Trung ương và địa phương và nhu cầu xuất khẩu* như sản xuất vôi, gạch, ngói, khai thác gỗ, nứa, cát, sỏi, đá, v.v..

c) *Sản xuất một phần tư liệu sản xuất cho nông nghiệp* như các loại nông cụ cải tiến và nửa cơ khí, nhất là nông cụ vùng đồi, công cụ làm thủy lợi miền trung du, phương tiện vận tải, vôi bón ruộng, công cụ chế biến nông sản, lâm sản. Hướng sản xuất cơ khí địa phương Phú Thọ phải nhằm phục vụ được nông nghiệp trung du, trang bị các ngành nghề công

ngiệp, thủ công nghiệp lớn của Phú Thọ như trang bị cho các xí nghiệp và hợp tác xã chế biến bột sắn, ép dầu, chế biến hoa quả, khai thác cát, sỏi, v.v..

d) *Cung cấp một phần những sản phẩm phục vụ cho các xí nghiệp trung ương* như các loại khoáng sản, v.v.. Thực hiện gia công, thô chế các thương phẩm cho công nghiệp trung ương, (nhất là đối với các xí nghiệp chè, giấy, đường, v.v.).

2. *Trong việc phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp của Phú Thọ, cần cân nhắc kỹ lưỡng lợi ích kinh tế trong việc giải quyết mấy quan hệ sau đây:*

a) *Quan hệ với các tỉnh lân cận:* vì Phú Thọ có đường giao thông thuận lợi với các tỉnh lân cận, nên trong việc sản xuất hàng tiêu dùng, cần cân nhắc kỹ mặt hàng gì tỉnh mình nên làm, mặt hàng gì nên trao đổi với tỉnh láng giềng để tập trung vốn, nhân lực đẩy mạnh các ngành nghề có tính chất đặc sản của Phú Thọ. Ví dụ nên nghiên cứu việc làm đồ sứ có nên giao Vinh Phúc không?

b) *Quan hệ giữa công nghiệp địa phương và công nghiệp trung ương:* vì có nhiều xí nghiệp trung ương ở Phú Thọ nên cần cân nhắc cái gì công nghiệp địa phương nên đảm nhận, cái gì nên phục vụ cho công nghiệp trung ương sản xuất cho có hiệu quả kinh tế hơn, theo nguyên tắc phục vụ xí nghiệp trung ương trước. Ví dụ: vấn đề làm giấy, làm đường.

c) *Quan hệ giữa quốc doanh và hợp tác xã thủ công nghiệp:* Việc phát triển thủ công nghiệp chủ yếu là do các hợp tác xã thủ công nghiệp, và các hợp tác xã nông nghiệp có nhiều ngành nghề đảm nhận. Việc tổ chức quốc doanh chỉ làm trong những ngành nghề thật cần thiết, nguyên liệu dồi dào, nhu cầu lớn, cần trang bị mà hợp tác xã không thể đảm đương nổi, có khả năng nâng cao kỹ thuật, tăng năng

suất lao động, hạ giá thành sản phẩm (như xí nghiệp làm bột sắn, v.v.). Các hợp tác xã thủ công nghiệp, các quốc doanh địa phương và các xí nghiệp trung ương cần hỗ trợ cho nhau và cùng nhau phát triển.

3. *Về tốc độ phát triển:* Tỉnh uỷ cùng với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước sẽ tính toán kỹ các chỉ tiêu. Dự kiến phát triển bình quân hàng năm nhất là thủ công nghiệp có thể là thấp. Cần nghiên cứu nâng tốc độ phát triển lên cho đúng mức hơn.

4. *Một số vấn đề cụ thể:*

a) *Vấn đề khai khoáng:* Phú Thọ tuy có nhiều khoáng sản, nhưng trữ lượng không lớn, và chưa được thăm dò chắc chắn. Do đó cần nghiên cứu tính toán cẩn thận trong khi tiến hành khai thác về các mặt: trữ lượng, phẩm chất, giá thành, điều kiện tiêu thụ, v.v..

b) *Vấn đề lò cao:* địa phương không nên xây dựng.

c) *Vấn đề phân lân nung chảy:* nên củng cố cơ sở hiện tại, chưa nên xây dựng cơ sở mới.

d) *Vấn đề cơ khí:* cần kiện toàn hệ thống cơ khí trong tỉnh. Xưởng cơ khí tỉnh cần trang bị và tổ chức tốt để làm nhiệm vụ sửa chữa các máy móc, công cụ và xe vận tải từ cấp trung tu trở xuống, chế tạo những nông cụ, công cụ nửa cơ khí, những máy giản đơn để chế biến nông sản, lâm sản, phương tiện và máy móc đơn giản trang bị cho giao thông vận tải, cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. (Theo sự quy hoạch chung của ngành cơ khí). Những nông cụ thông thường thì đưa vào sản xuất của các hợp tác xã. Xưởng cơ khí tỉnh cung cấp những phụ tùng cần thiết cho các hợp tác xã sản xuất nông cụ cải tiến tương đối phức tạp. Trong từng khu vực lớn trong tỉnh, xét cần thì bố trí các hợp tác xã cơ khí để sản

xuất nông cụ, sửa chữa nông cụ hỗ trợ cho các cơ sở ở xã và hợp tác xã: cần nghiên cứu để lợi dụng khả năng các xưởng cơ khí của các xí nghiệp chè, giấy, phân lân của trung ương ở Phú Thọ để phục vụ các ngành kinh tế trong tỉnh hơn nữa.

### III- MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP CẦN ĐƯỢC CHÚ Ý

Trong các chính sách và biện pháp mà tỉnh ủy đã nêu, Ban Bí thư nhấn mạnh các vấn đề sau đây:

1. *Vấn đề tích lũy vốn*: Phương hướng phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp là dựa vào khả năng của địa phương là chính, trong đó vấn đề tích lũy vốn là khâu rất quan trọng, vì vậy địa phương cần có những chính sách, biện pháp nhằm huy động khả năng về nhân, tài, vật lực của địa phương để xây dựng công nghiệp, mặt khác trung ương cũng cần nghiên cứu một số chính sách như chính sách đầu tư, chính sách thuế khoá, chính sách giá cả nhằm giúp đỡ địa phương có điều kiện phát triển nhanh hơn nữa.

2. *Cần phải tăng cường lực lượng lao động sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, cần đào tạo một đội ngũ công nhân kỹ thuật*, hướng phát triển nhằm vào các thị trấn, khu công nghiệp tập trung như: tiểu thương, vợ con cán bộ công nhân, đồng thời phải coi trọng việc khai thác và sử dụng một cách hợp lý số lao động nhàn rỗi trong nông thôn. Cần có kế hoạch phân bổ lao động cho thích hợp trong phạm vi toàn tỉnh, từng huyện, từng vùng, từng hợp tác xã. Muốn làm tốt được vấn đề này, cần có kế hoạch quản lý tốt khâu lao động trong nông nghiệp.

- Cần có kế hoạch đưa người có nghề ở miền xuôi lên nhiều hơn nữa.  
- Đồng thời ra sức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên nghiệp, chú ý tập trung vào những ngành nghề mà địa phương cần nhiều.  
3. *Vấn đề lãnh đạo*: Sự lãnh đạo của Phú Thọ phải nắm nông nghiệp là trọng tâm nhưng cũng cần chuyển sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng một bước nữa vào công nghiệp và thủ công nghiệp, qua đó mà tác động vào sản xuất nông nghiệp. Cần củng cố hơn nữa Ban Công nghiệp, Ty Công nghiệp của tỉnh.

\*  
\*   \*

Trên đây là một số ý kiến về phương hướng, nhiệm vụ chung. Còn một số vấn đề cụ thể mà Tỉnh uỷ đề nghị như: cung cấp than, gỗ, mìn, máy lôcô cho nhà máy giấy Lửa Việt, xe vận tải và canô; giải quyết giá cung cấp gang; đầu tư đường giây điện về Bạch Hạc; quy hoạch và trang bị cho hệ thống cơ khí trong tỉnh; các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể, thì Tỉnh uỷ sẽ bàn bạc cụ thể với các ngành có liên quan để giải quyết.

T/L BAN BÍ THƯ  
Q.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**ĐIỆN  
CỦA BAN BÍ THƯ  
GỬI TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM**

Ngày 24 tháng 1 năm 1963

**Khen ngợi và động viên toàn thể Đảng bộ  
và đồng bào miền Nam\***

Các đồng chí thân mến,  
Thực tiễn của tình hình miền Nam trong năm qua cho phép đánh giá đến một chừng mực nhất định về khả năng thực tế của việc đế quốc Mỹ vũ trang can thiệp vào miền Nam bằng loại chiến tranh đặc biệt, về giá trị chiến lược, chiến thuật, kỹ thuật và năng lực tấn công của quân đội Mỹ - Diệm. Chúng ta cũng đánh giá được sức chống trả và khả năng phát triển của phong trào cách mạng miền Nam trong tình hình mới. Thực tiễn ấy chứng tỏ Nghị quyết tháng 2 năm 1962 của Bộ Chính trị là xác đáng, đồng thời cũng chứng tỏ nhân dân miền Nam, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam nhất định sẽ đánh bại kế hoạch Xtalây - Taylo.  
Trung ương gửi lời hoan nghênh nhiệt liệt các đồng chí, toàn thể Đảng bộ miền Nam và đồng bào miền Nam yêu quý.

---

\* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

Sang năm 1963, đế quốc Mỹ sẽ còn tiếp tục can thiệp vũ trang mạnh hơn vào miền Nam, sẽ cùng với bọn tay sai Ngô Đình Diệm đánh phá phong trào cách mạng ác liệt hơn. Nhưng Trung ương tin tưởng vững chắc rằng, với kinh nghiệm phong phú trong năm qua, với lực lượng cách mạng ngày càng được tăng cường, với sự chỉ đạo đúng đắn của Trung ương Cục miền Nam, với sự ủng hộ của nhân dân thế giới, đồng bào miền Nam và các đảng bộ ở miền Nam càng kiên quyết và bền bỉ đấu tranh, nhất định vượt qua mọi khó khăn, làm thất bại kế hoạch tấn công của Mỹ-Diệm trong năm 1963 và giành thêm được nhiều thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

Chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe, trong năm mới thu nhiều thành tích mới làm vẻ vang cho dân tộc ta, cho Đảng ta.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 58-CT/TW, ngày 31 tháng 1 năm 1963

### Về việc khẩn trương tập trung lực lượng chống hạn, đẩy mạnh vụ sản xuất Đông - Xuân 1962-1963

Việc thực hiện kế hoạch sản xuất Đông - Xuân năm nay so với các năm trước đây đã có nhiều tiến bộ. Nhưng đã hơn hai tháng, trời không mưa và nhất là từ giữa tháng 12-1962 lại đây trời rét, khô hanh, sương giá kéo dài, hạn hán ngày càng phát triển mạnh. Đến nay diện hạn đã lên tới trên 12 vạn héc-ta. Có vùng bị hạn không có nước cày, bừa, cấy. Có vùng hạn đã tác hại đến lúa, hoa màu và cây công nghiệp đã gieo trồng.

Trước tình hình đó, các địa phương và một số ngành đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, tập trung lực lượng chống hạn và đã thu được những kết quả tốt. Tuy nhiên, trong sự chỉ đạo sản xuất nông nghiệp vừa qua ở một số địa phương còn có những khuyết điểm:

a) Do chưa lường hết khó khăn nên thiếu chuẩn bị trước, nhất là việc giữ nước và chuẩn bị phương tiện tát nước, nên khi xảy ra hạn hán kéo dài, nghiêm trọng thì lúng túng, bị động.

b) Tập trung lực lượng vào chống hạn là đúng, nhưng chưa chú ý lãnh đạo toàn diện các mặt khác, như: chăm bón cho lúa, hoa màu và cây công nghiệp đã gieo trồng; chưa khắc phục được khó khăn để tiếp tục gieo trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp và đẩy mạnh chăn nuôi.

c) Đặc biệt lãnh đạo tuy đã tập trung và đã tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nhưng vẫn thiếu biện pháp cụ thể cho từng vùng, chưa giúp đỡ và giải quyết kịp thời những khó khăn cụ thể cho cấp dưới.

d) Cán bộ, quần chúng ở nhiều vùng còn có tư tưởng ỷ lại vào máy bơm, vào hệ thống tự chảy, sợ công điểm tát nước nhiều, hoặc cho rằng năm nhuận thời tiết muộn, sang xuân sẽ có mưa nên ỷ lại chờ đợi, ảnh hưởng tới thời vụ gieo trồng. Một số nơi thấy hạn, rét kéo dài sinh ra bi quan, thiếu quyết tâm chống hạn đẩy mạnh sản xuất, lo chạy đi kiếm công ăn việc làm khác.

Tình hình hạn hán hiện nay đang gây ra nhiều khó khăn lớn và còn có thể kéo dài. Nhưng chúng ta có nhiều điều kiện để khắc phục. Diện hạn tuy rộng nhưng các hệ thống nông giang sông máng, mương ngòi đã được khai thêm và nạo vét đã có nước tát để chống hạn. Sang xuân tiết trời ấm áp, rất thuận lợi cho cây trồng và gia súc sinh trưởng phát dục, ta có điều kiện cấy lúa xuân, trồng các loại hoa màu mùa xuân để bù vào diện tích vụ đông, đẩy mạnh việc lấy dục cho gia súc sinh sản, v.v..

*Phương hướng phấn đấu là hết sức tranh thủ thời vụ, tập trung lực lượng cao độ, gian khổ khắc phục khó khăn để chống hạn, đẩy mạnh sản xuất.*

Vì vậy, Ban Bí thư chỉ thị các cấp, các ngành hãy khẩn trương thực hiện những chủ trương, biện pháp sau đây để bảo đảm hoàn thành kế hoạch vụ Đông - Xuân.

1. *Phải hết sức khẩn trương, bền bỉ, chủ động tập trung lực lượng chống hạn* bằng cách khai vét sông ngòi, mương máng, hồ, ao, giếng để có đủ nước bảo đảm chống hạn cho những thửa đã gieo trồng và tiếp tục cày cấy trồng trọt mới, đồng thời giải quyết nước cho người và gia súc. Tận dụng hết công suất các loại máy bơm, máy kéo; động viên công nhân hoạt động liên tục chống hạn. Vì bơm có hạn, nên *phải lấy việc vận động quần chúng rộng rãi tát nước chống hạn làm chủ yếu*. Đối với những vùng quá khó khăn, nhất là các vùng đồng màu, *phải tích cực khơi giếng cũ, đào giếng mới*, lấy nước tưới cho hoa màu, cây công nghiệp. Các vùng ven biển phải nắm vững con nước, tập trung chỉ đạo việc lấy nước đến mức tối đa, phải chú ý lấy nước trước rồi cày cấy sau, tránh phân tán lực lượng để lỡ mất con nước.

2. *Đẩy mạnh việc chăm bón tăng năng suất các cây trồng ở chỗ không bị hạn để bù cho những chỗ bị hạn*. Chỗ không bị hạn phải vận động mạnh phong trào chăm bón, làm cỏ sục bùn, bón phân thúc, phòng trừ sâu bệnh để tăng năng suất bù cho chỗ bị hạn.

3. *Phải kịp thời chuyển vụ ở những nơi cần thiết*: ở những vùng hiện nay còn nhiều diện tích chưa có nước cấy, cần phải cân nhắc kỹ và có chủ trương dứt khoát: nếu vùng nào có thể lấy nước vào để cấy và có điều kiện giữ được nước hoặc tát nước chống hạn sau này thì tiếp tục cấy; những vùng chân ruộng cao cấy cưỡng chiếm, tuy lấy được nước cấy chiêm nhưng sau này không có điều kiện giữ nước hoặc tát nước

chống hạn thì phải kiên quyết chuyển sang trồng màu hoặc cấy lúa xuân.

Các địa phương cần chỉ đạo chặt chẽ thời vụ cấy. Thời vụ chung cho vùng đồng bằng trung du và Thanh Hoá là đến ngày 10-2-1963, một số vùng ven biển phải chờ con nước, cho nên có thể cấy chậm lại đến ngày 15-2-1963. Nếu quá thời gian đó mà chưa cấy được thì nên chuyển vụ.

Diện tích còn lại không cấy được phải chuyển vụ, cần phân đấu gieo trồng hết số diện tích đó. Hướng chuyển vụ chung: ở miền núi nên chuyển sang làm lúa xuân; ở đồng bằng và trung du, chân cao thì chuyển sang làm màu, chân vừa chuyển sang lúa xuân và lúa thu, nhưng không chuyển nhiều sang lúa thu để khỏi ảnh hưởng đến vụ mùa. Cần phải chỉ đạo cụ thể cho từng vùng, không áp dụng máy móc nhất loạt và phải chuẩn bị ngay việc làm đất và giống má cho kịp thời vụ.

4. *Phải đẩy mạnh việc trồng hoa màu mùa xuân*: Hoa màu mới trồng được ít, mặt khác số đã trồng lại bị chết nhiều, nên phải hết sức chú ý đẩy mạnh đợt gieo trồng màu xuân. Tận dụng mọi đất đai để mở rộng diện tích ngô, khoai, sắn và hết sức phát triển thật mạnh các loại đậu đỗ. Vùng cao đẩy mạnh trồng các loại kê mạch. Ra sức phát triển các loại rau mùa xuân và mùa hè, nhất là rau muống, bí đỏ để bảo đảm thực phẩm cho người và thức ăn cho gia súc. Hoa màu đã trồng phải tích cực chống hạn, làm cỏ, bỏ phân thêm để bảo đảm năng suất.

Các cơ quan, công trường, xí nghiệp, trường học, đơn vị bộ đội, v.v. phải chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Trung ương về sản xuất tự túc lương thực.

5. *Về cây công nghiệp*, một số đã hết thời vụ, phải lấy việc tăng năng suất để bù diện tích, mặt khác phải tích cực phát

triển các loại cây đã hoặc sắp đến thời vụ gieo trồng như bông cọ, mía, thuốc lá, lạc, đậu, gai, vừng,... Phải lấy cây nọ bù cho cây kia, vùng này bù cho vùng khác.

6. *Nhanh chóng phổ biến các chủ trương, chính sách, biện pháp xuống hợp tác xã.* Tận dụng điều kiện thuận lợi của mùa xuân trồng hoa màu làm thức ăn cho gia súc: gieo ngô rẫy, trồng cọ, thả bèo, trồng rau muống, khoai nước, khoai riềng, v.v.. Tổ chức việc lấy đục và truyền giống bằng thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò, chăm sóc và lấy đục cho đàn lợn nái sinh sản; thực hiện tốt kế hoạch tiêm phòng, kịp thời phát hiện và tiêu diệt các ổ dịch bệnh, chú ý phòng chống dịch bệnh cho các vùng miền núi do hạn hán gây ra.

7. *Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất, phải vận động thực hiện tiết kiệm lương thực.* Vận động nhân dân dè xẻn lương thực để kéo dài thêm tháng ăn, đề phòng những trường hợp khó khăn có thể xảy đến. Quản lý chặt chẽ việc cấp phát lương thực, hết sức hạn chế việc làm quà bánh bằng gạo, cấm ngặt nạn nấu rượu để tiết kiệm lương thực. Cơ quan lương thực phải cố gắng hơn nữa tổ chức thu mua và chế biến hoa màu nhất là sản để điều hoà cung cấp và bảo đảm khối lượng lương thực dự trữ. Tích cực thu hoạch sản và trồng sản kịp thời vụ.

8. *Phải tập trung lực lượng và tăng cường chỉ đạo cụ thể để chống hạn, đẩy mạnh sản xuất Đông - Xuân:*

- a) Tạm hoãn các cuộc hội nghị và các công việc chưa cấp thiết khác, kể cả việc phát động cải tiến quản lý hợp tác xã để tập trung lực lượng chống hạn.
- b) Ở những nơi cần thiết, có thể huy động cả bộ đội, công an vũ trang, học sinh đi tham gia chống hạn.
- c) Các ngành, nhất là ngành nông nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, lương thực, tuyên huấn, các đoàn thể nhân dân, v.v. phải thực hiện đầy đủ phần trách nhiệm của mình trong việc chống hạn và sản xuất Đông - Xuân.

d) Các cấp uỷ phải phân công đi sát xuống dưới, phải nắm vững tình hình thực tế của địa phương mình, có kế hoạch và biện pháp cụ thể hướng dẫn lãnh đạo sát từng vùng, từng hợp tác xã, động viên đảng viên và quần chúng nêu cao quyết tâm, tích cực chống hạn và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất Đông - Xuân.

Nhận được Chỉ thị này các cấp và các ngành cần nghiên cứu gấp, có kế hoạch cụ thể thực hiện, đồng thời báo cáo kết quả về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**  
Số 68-NQ/TW, ngày 1 tháng 2 năm 1963

**Về công tác kiểm sát**

Tổ chức kiểm sát nhân dân của ta là một trong những công cụ chuyên chính của nhà nước dân chủ nhân dân đang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Được tổ chức ra giữa lúc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc bắt đầu lấy việc xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, đồng thời hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, ngành kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật, làm cho pháp luật được chấp hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất, pháp chế xã hội chủ nghĩa được tôn trọng, do đó mà góp phần vào việc tăng cường chuyên chính đối với bọn phản cách mạng, bảo đảm cho các quyền dân chủ của nhân dân được tôn trọng, đồng thời cũng góp phần vào việc tăng cường kỷ luật xã hội trong quần chúng nhân dân.

Bảo đảm cho pháp chế xã hội chủ nghĩa được giữ vững là điều cần thiết để tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng. Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III

của Đảng cũng đã nhấn mạnh: "Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm mọi quyền lợi của nhân dân, không ngừng mở rộng dân chủ, thi hành đúng Hiến pháp và các luật lệ đã ban hành, xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa và giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật; phát huy tinh thần làm chủ, nâng cao trình độ chính trị, văn hoá của nhân dân".

Hiện nay, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật trong cán bộ và nhân dân ta còn thấp. Trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên ta, còn có người chưa thấy đầy đủ tác dụng của pháp luật, nhất là đối với việc đẩy mạnh và bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, đối với việc nâng cao trình độ tổ chức và quản lý sản xuất và cải thiện đời sống cho nhân dân. Do đó, hiện tượng hành động trái pháp luật, vi phạm chế độ, thể lệ còn xảy ra nhiều.

Để phát huy hiệu lực của các cơ quan pháp luật, bảo đảm tăng cường chuyên chính với bọn phản cách mạng, đồng thời tăng cường dân chủ và kỷ luật trong nội bộ nhân dân, Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã nêu rõ: "Phải kiện toàn cơ quan công an nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan kiểm sát nhân dân, giáo dục nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng...".

Điều 2 của Điều lệ Đảng nói về nhiệm vụ của đảng viên cũng đã ghi rõ: đảng viên phải "gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước".

\*

\* \*

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành kiểm sát nhân dân được ổn định dần về mặt tổ chức, bắt đầu phát huy được tác dụng trong công cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác, trong việc ngăn ngừa những hành động vi phạm pháp luật Nhà nước, góp phần nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong cán bộ và nhân dân. Công tác kiểm sát đã hướng

vào việc phục vụ nhiệm vụ trung tâm của Đảng và Nhà nước, đã giúp các cấp uỷ Đảng phát hiện và ngăn chặn được một số việc làm không đúng với chính sách và pháp luật.

Tuy nhiên, đây là một công tác rất mới; trình độ nghiệp vụ của cán bộ kiểm sát còn thấp, kinh nghiệm công tác còn ít. Tổ chức của ngành kiểm sát nhân dân đến nay vẫn chưa được kiện toàn. Cụ thể là vẫn còn 11 huyện và thị xã chưa thành lập được Viện Kiểm sát nhân dân; các Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh thuộc Khu tự trị Tây Bắc còn thiếu cán bộ phụ trách. Một số vấn đề về quan hệ công tác giữa Viện Kiểm sát nhân dân với các cơ quan Nhà nước khác chưa được quy định một cách cụ thể. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác kiểm sát chưa được chặt chẽ. Do đó vẫn chưa phát huy được mạnh mẽ chức năng của ngành kiểm sát nhân dân trong việc phục vụ chế độ, phục vụ nhân dân.

Để ngành kiểm sát nhân dân làm tốt nhiệm vụ và chức năng của nó, Bộ Chính trị quyết định như sau:

1. Ngành kiểm sát nhân dân có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan Nhà nước theo đúng Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân đã quy định, nhằm làm cho luật pháp được thực hiện thống nhất trong cả nước.

Để phù hợp với khả năng của Viện Kiểm sát nhân dân và bảo đảm cho công tác kiểm sát phát huy hiệu lực, việc kiểm sát các văn bản có tính chất pháp quy cũng như việc kiểm tra tình hình tuân theo pháp luật cần tập trung phục vụ tốt các công tác trung tâm của Đảng và Nhà nước trong từng thời gian; tránh làm tràn lan. Phải kết hợp kiểm sát các văn bản và biện pháp có tính chất luật pháp của các cơ quan với việc xem xét kết quả của việc thi hành những văn bản và biện pháp đó trong nhân dân để kịp thời phát hiện những vi phạm pháp luật của cán bộ, nhân dân, và đề ra yêu cầu sửa chữa.

2. Để kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng và đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự một cách có hiệu quả, cần có sự cộng tác chặt chẽ giữa ba ngành công an, kiểm sát và toà án.

Các đảng đoàn các ngành nói trên phải cùng nhau thoả thuận để quy định quan hệ công tác nhằm bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và sự nhất trí trong việc giải quyết các trường hợp cụ thể, bảo đảm thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng.

3. Để cho Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện được chức năng của mình, các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm cung cấp các văn bản và các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Viện Kiểm sát nhân dân, đồng thời trả lời nghiêm chỉnh và đúng thời hạn đã được quy định những kháng nghị và kiến nghị do Viện Kiểm sát nhân dân gửi đến. Đảng đoàn Chính phủ cần đề nghị với Chính phủ quy định cụ thể về vấn đề này, chỉ thị cho các bộ, các cấp và các ngành chấp hành đúng.

4. Để tăng cường ngành kiểm sát nhân dân và công tác kiểm sát, cần tổ chức ngạch kiểm sát viên và quy định trách nhiệm, quyền hạn của kiểm sát viên về mặt pháp lý. Các cấp uỷ Đảng cần chú trọng bổ sung cán bộ cho ngành kiểm sát nhân dân ở những nơi ngành này còn yếu.

Kiểm sát viên được dùng loại chứng minh thư riêng, trong đó có ghi rõ trách nhiệm, quyền hạn và tư cách pháp nhân để tiện việc sử dụng trong khi thi hành chức năng của mình. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu cụ thể chế độ kiểm sát viên để trình Uỷ ban thường vụ Quốc hội thông qua.

5. Công tác kiểm sát trong quân đội do cơ quan kiểm sát quân sự các cấp đảm nhiệm dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân uỷ Trung ương. Về mặt chuyên môn, hệ thống kiểm sát quân sự chịu sự lãnh đạo về nghiệp vụ của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Để tăng cường sự lãnh đạo công tác kiểm sát và thống nhất kiểm sát, việc chấp hành pháp luật trong và ngoài quân đội, Viện trưởng Viện Kiểm sát quân sự Trung ương đồng thời giữ chức Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

6. Về mặt chuyên môn, ngành kiểm sát nhân dân tổ chức theo hệ thống dọc từ trung ương đến huyện, và đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của các cấp uỷ đảng. Các cấp uỷ đảng phải tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác kiểm sát và phải có kế hoạch giáo dục và bồi dưỡng cán bộ kiểm sát, định kỳ nghe báo cáo và cho chỉ thị về công tác kiểm sát, nhằm bảo đảm chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong ngành kiểm sát. Song, để bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa tính nguyên tắc và tính thống nhất của pháp luật với yêu cầu chính trị cụ thể của địa phương, gặp trường hợp cấp uỷ đảng và Uỷ ban kiểm sát bất đồng ý kiến về một vấn đề gì đó, thì hai bên cùng báo cáo lên cấp trên của mình. Uỷ ban kiểm sát ở cấp trên sẽ nghiên cứu vấn đề và trình bày với cấp uỷ cùng cấp xét và quyết định, rồi mỗi bên đều thông tri cho cấp dưới của mình. Trong trường hợp cần phải giải quyết ngay, không thể trì hoãn, thì sẽ do cấp uỷ địa phương có vấn đề bất đồng ý kiến quyết định và chịu trách nhiệm, nhưng sau đó phải báo cáo ngay lên cấp uỷ cấp trên để xét định.

\*

\* \*

Ban Bí thư, Đảng đoàn Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng đoàn Bộ Công an, Đảng đoàn Toà án nhân dân tối cao, Đảng đoàn Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, Quân uỷ Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn các ngành có liên quan và các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm nghiên cứu để thi hành Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 69-NQ/TW, ngày 11 tháng 2 năm 1963

### Về nhiệm vụ và phương hướng công tác tổ chức, xây dựng Đảng năm 1963

#### I

Trong năm 1962, để bảo đảm hoàn thành kế hoạch Nhà nước, thi hành các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm và lần thứ bảy, và các nghị quyết khác của Trung ương Đảng và Chính phủ, công tác tổ chức, xây dựng Đảng đã chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị của đảng viên, củng cố tổ chức cơ sở của Đảng, cải tiến một bước sự lãnh đạo, lề lối làm việc ở trung ương và các cấp tỉnh, thành, huyện, tăng cường bồi dưỡng đào tạo cán bộ và cải tiến công tác quản lý cán bộ. Nhìn chung, công tác tổ chức đã có tiến bộ và đạt những kết quả tốt.

Về việc kiện toàn tổ chức cơ sở đảng: qua các đợt học tập Điều lệ Đảng và giáo dục đảng viên, qua việc xây dựng chi bộ 4 tốt và rèn luyện đảng viên trong công tác thực tế, vai trò

tiên phong gương mẫu của đảng viên đối với lao động sản xuất và công tác, đối với việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước đã được nâng cao. Công tác phát triển Đảng đã được chú trọng và đi đúng phương hướng và yêu cầu về chất lượng hơn trước. Trong 9 tháng đầu năm, đã phát triển đảng viên tăng gần gấp đôi số lượng đã phát triển năm trước trong cùng thời gian ấy. Một số đảng viên quá kém đã được đưa ra khỏi Đảng. Nhiều nơi đã chia lại chi bộ cho ăn khớp với tổ chức sản xuất và bầu cử lại các đảng uỷ, chi uỷ. Việc thi hành Nghị quyết 35 của Ban Bí thư ở những nơi thực hiện tốt đã có tác dụng nâng cao trách nhiệm của cán bộ xã, tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của các đảng uỷ, chi uỷ, Uỷ ban hành chính xã, thiết thực củng cố hợp tác xã. Việc thi hành nghị quyết về kiện toàn tổ chức cơ sở đảng ở các xí nghiệp, công, nông trường đang phát huy tác dụng tốt.

Lề lối làm việc ở các cấp trung ương, khu, tỉnh, thành, huyện cũng đã có chuyển biến mới theo phương hướng sát sản xuất, sát cấp dưới và cơ sở hơn. Việc sắp xếp tổ chức, tinh giản bộ máy, giảm bớt cấp trung gian đã bước đầu được chú trọng ở cấp trung ương. Nhiều vấn đề về tổ chức ở các cấp đã và đang được nghiên cứu.

Trong công tác cán bộ, các ngành đã chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hơn trước. Các địa phương đã bồi dưỡng được nhiều cán bộ quản lý hợp tác xã và chỉ đạo sản xuất. Việc cân nhắc sử dụng cán bộ có phần mạnh dạn hơn. Việc quản lý cán bộ đang được bước đầu chấn chỉnh. Các ngành đang thi hành chủ trương của Trung ương về việc đưa cán bộ về xã và hợp tác xã, chính sách bảo hiểm xã hội đang được thi hành; một số vấn đề về chính sách đãi ngộ cán bộ đã được ban hành hoặc đang được nghiên cứu.

Những cố gắng và tiến bộ trên đây có nhiều nguyên nhân. Năm vừa qua Trung ương Đảng và Chính phủ có quan tâm nhiều hơn đến công tác tổ chức; sau Hội nghị Tổ chức lần thứ năm, các Đảng đoàn các cơ quan trung ương, các cấp uỷ địa phương đã có nhận thức rõ hơn về vị trí của công tác tổ chức,

và đã tích cực nghiên cứu và thi hành Nghị quyết của hội nghị đó.

Tuy nhiên công tác tổ chức vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề, chưa đáp ứng kịp thời những yêu cầu về lãnh đạo và quản lý kinh tế; khâu quản lý kinh tế còn yếu.

Tổ chức của các cấp, nhất là cấp tỉnh và cơ sở chưa được thật sự kiện toàn. Bộ máy nói chung còn nặng nề, chồng chéo. Sự lãnh đạo tập trung thống nhất và toàn diện của Đảng chưa được đề cao; nhiều ban chuyên môn của các cấp uỷ tỉnh, thành, còn yếu hoặc chưa thành lập. Chức năng của bộ máy chính quyền chưa được phát huy đầy đủ, tình hình này ở các cấp tỉnh, huyện, xã lại càng nặng hơn. Vai trò của tổ chức quần chúng chưa được coi trọng, sự lãnh đạo và giúp đỡ của Đảng đối với các tổ chức quần chúng ở nhiều nơi chưa được tăng cường. Chế độ trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật trong tổ chức bộ máy nói chung chưa được nâng cao; công tác kiểm tra còn bị xem nhẹ. Trong một số cấp uỷ tỉnh, thành, và đảng uỷ xí nghiệp, công, nông trường, và trong một số cơ quan ở trung ương, nội bộ còn thiếu đoàn kết. Tác phong công tác nói chung còn chưa chuyển hướng thật mạnh mẽ, thiếu cụ thể, thiếu sâu sát.

Trong việc củng cố và phát triển Đảng: trình độ đảng viên chưa được nâng cao đúng mức; trình độ lãnh đạo của nhiều đảng uỷ, chi uỷ còn thấp, chức trách giữa đảng uỷ, chi uỷ với tổ chức sản xuất, tổ chức chính quyền ở nhiều nơi chưa được phân định rõ ràng. Sinh hoạt chi bộ chưa đi sâu vào nội dung chính trị, tư tưởng, quan điểm, lập trường, chính sách. Tỷ lệ đảng viên kém ở nhiều địa phương còn cao. Công tác phát triển Đảng ở nhiều nơi còn chậm; nhiều hợp tác xã, tổ sản xuất chưa có chi bộ hoặc tổ đảng, một số xã ở miền núi chưa có chi bộ. Việc quản lý đảng viên còn thiếu chặt chẽ.

Trong công tác cán bộ: chương trình và nội dung đào tạo bồi dưỡng cán bộ còn chưa sát với thực tiễn sản xuất; việc bồi dưỡng cán bộ nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý về kỹ thuật và nghiệp vụ còn yếu; kế hoạch đào tạo cán bộ còn thiếu

phương hướng lâu dài; việc điều chỉnh cán bộ để tăng cường cho cơ sở, cho các địa phương chưa được chú trọng đúng mức. Việc sử dụng, quản lý cán bộ khoa học và kỹ thuật còn chưa tốt. Một số chế độ, chính sách cụ thể về cán bộ chưa được kịp thời ban hành.

Những tồn tại và thiếu sót trên đây có những nguyên nhân khách quan nhưng chủ yếu là do nhiều cấp lãnh đạo và cán bộ phụ trách chưa thấy đầy đủ tính chất trọng yếu và toàn diện của công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo công tác tổ chức thiếu sâu sát thường xuyên. Nhiều Ban Tổ chức các cấp và cơ quan tổ chức các ngành còn chưa được củng cố đúng mức hoặc chưa gắn chặt việc giúp Trung ương và cấp uỷ Đảng nghiên cứu và chỉ đạo công tác tổ chức với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

## II

Năm 1963, miền Bắc nước ta bước vào năm thứ 3 của kế hoạch 5 năm. Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội toàn quốc và các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm, thứ bảy, Bộ Chính trị đã quyết định *Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 1963*, và đề ra chủ trương tiến hành cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc", và cuộc vận động "Tăng cường ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu". Đồng thời chú trọng hơn nữa việc củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an.

Việc thực hiện các nhiệm vụ lớn trên đây tuy có nhiều thuận lợi nhưng cũng sẽ gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó, trong năm nay, cách mạng miền Nam sẽ tiếp tục phát triển nhưng sẽ gay go và phức tạp hơn; tình hình thế giới và trong nội bộ phe ta đã và đang có những diễn biến mới; hoàn cảnh đó

cũng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải có một lập trường kiên định, bảo đảm đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng và nâng cao tinh thần cảnh giác đối với địch.

Căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ chính trị trên đây, đối chiếu với tình hình thực tế trong công tác tổ chức hiện nay, *nhiệm vụ công tác tổ chức năm 1963 là ra sức phấn đấu nhằm cải tiến hơn nữa công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước, chủ yếu nhằm tăng cường lãnh đạo và quản lý kinh tế tài chính, đặc biệt chú trọng kiện toàn cấp tỉnh và tổ chức cơ sở Đảng về mặt kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm 1963, hai cuộc vận động lớn trong công nghiệp thương nghiệp... và trong nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.*

Cụ thể cần chú trọng những công tác lớn sau đây:

1. *Kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc từ trung ương đến cơ sở, trọng tâm là kiện toàn cấp tỉnh và cơ sở nhằm tăng cường lãnh đạo quản lý kinh tế hơn nữa.* Cụ thể là:

a) Ra sức kiện toàn cấp tỉnh, thành làm cho cấp tỉnh, thành thực sự vững mạnh, có đủ khả năng làm tốt hơn nữa nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện, trở thành chỗ dựa vững chắc của Trung ương, bảo đảm thực sự tăng cường trình độ lãnh đạo và chỉ đạo các mặt công tác cho cấp dưới và cơ sở để chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ một cách nghiêm chỉnh và có sáng tạo. Cần tiến hành tốt các Đại hội cấp tỉnh, thành, chú trọng bầu cử lại cấp uỷ theo đúng phương hướng cấu tạo, bảo đảm yêu cầu về chất lượng. Đi đôi với việc kiện toàn cấp uỷ, cần kiên quyết cải tiến lề lối lãnh đạo và tác

phong công tác, thành lập và kiện toàn các Ban Công nghiệp, Nông nghiệp, Tài chính thương nghiệp, kiện toàn các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra để giúp cấp uỷ nghiên cứu vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ ở địa phương, chỉ đạo công tác chuyên môn và tăng cường kiểm tra việc thực hiện các mặt công tác. Phải tích cực kiện toàn Ủy ban hành chính, Ủy ban kế hoạch và các ty trọng yếu về kinh tế, tăng cường cán bộ chuyên môn kỹ thuật cho các bộ môn của Ủy ban. Các ban và các bộ trên trung ương có trách nhiệm giúp các tỉnh, thành kiện toàn tổ chức của ngành mình ở địa phương.

b) Ra sức kiện toàn các cơ sở sản xuất; thông qua hai cuộc vận động "3 xây 3 chống", "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật...", tiến hành kiện toàn một bước về tổ chức và cải tiến tác phong công tác.

c) Cải tiến tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc của cấp huyện cho phù hợp với yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo đối với cấp xã.

d) Tiếp tục kiện toàn một số ngành ở trung ương (một số ban của Đảng, một số Ủy ban và bộ của bộ máy Nhà nước).

Việc kiện toàn tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc ở các cấp trong năm nay và trong thời gian tới phải chú trọng mấy yêu cầu chủ yếu sau đây:

a) Bảo đảm và nâng cao vai trò lãnh đạo tập trung thống nhất và toàn diện của Trung ương và các cấp uỷ Đảng, nhất là về mặt lãnh đạo kinh tế; các cấp uỷ Đảng phải đi sâu vào chuyên môn kỹ thuật, phải nắm vững các tổ chức quần chúng, nắm vững cơ sở.

Tăng cường đoàn kết nội bộ trong các cấp uỷ, các đảng đoàn, đảng uỷ; chú trọng giải quyết tốt đối với một số cấp uỷ tỉnh,

thành và đảng uỷ xí nghiệp, công, nông trường mà hiện nội bộ còn chưa thật sự đoàn kết.

+ Kiện toàn tổ chức của chính quyền, nhằm bảo đảm chức năng tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng về mặt chính quyền, tăng cường quản lý kinh tế và văn hoá. Chủ yếu đi sâu vào kiện toàn khâu quản lý kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, tài chính thương nghiệp. Kiên quyết khắc phục tình trạng Đảng bao biện công việc của chính quyền.

+ Xác định rõ chức năng của các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ trong giai đoạn mới; tăng cường và cải tiến sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức quần chúng, phát huy đầy đủ tác dụng của các tổ chức đó đối với sản xuất và đời sống của quần chúng.

b) Xác định thêm một bước chế độ trách nhiệm: tiếp tục xây dựng và bổ sung chức trách của từng tổ chức, từng cá nhân, quy định và bổ sung các tiêu chuẩn, chế độ công tác cần thiết; xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường kỷ luật lao động, bảo đảm làm việc theo đúng chức trách, chế độ, tiêu chuẩn đã đề ra.

c) Tăng cường công tác kiểm tra.

d) Tiếp tục thực hiện đơn giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế hành chính sự nghiệp và các bộ phận gián tiếp trong khu vực sản xuất, v.v.. Xem xét để tăng cường phương tiện giao thông liên lạc ở những cơ quan trọng yếu.

*2. Tiếp tục coi trọng việc kiện toàn các tổ chức cơ sở của Đảng ở các xí nghiệp, công nông trường, ở các xã và hợp tác xã, thông qua hai cuộc vận động lớn trong công nghiệp, thương nghiệp, và trong nông nghiệp để kiện toàn lãnh đạo của tổ*

*chức cơ sở, làm tốt công tác xây dựng Đảng để bảo đảm yêu cầu lãnh đạo sản xuất và kinh doanh.*

Cụ thể cần chú trọng các mặt sau đây:

a) Tiếp tục nâng cao phẩm chất chính trị, tinh thần phấn đấu và ý thức cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên, chống tư tưởng và hành động tự do vô kỷ luật. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng. Tích cực giáo dục đảng viên về lý luận cơ bản.

b) Nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và sự lãnh đạo của tổ chức Đảng trong các cuộc vận động "3 xây 3 chống" và "Cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật..." của hợp tác xã. Qua hai cuộc vận động này mà nâng cao trình độ lãnh đạo và quản lý kinh tế, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là của các đảng uỷ, chi uỷ. Chú trọng xây dựng chức trách của các đảng uỷ, chi uỷ, của các bí thư, phó bí thư, và của Uỷ ban hành chính xã. Xác định rõ mối quan hệ giữa tổ chức đảng và các tổ chức chính quyền, tổ chức quần chúng. Có kế hoạch kết hợp mật thiết việc tiến hành các cuộc vận động nói trên với các phong trào thi đua sản xuất và xây dựng chi bộ 4 tốt.

c) Cải tiến nội dung sinh hoạt chi bộ, kể cả sinh hoạt của chi bộ cơ quan, nhằm bảo đảm nội dung chính trị và tư tưởng (chính sách, lập trường, quan điểm, ý thức, v.v.).

d) Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Tổ chức lần thứ năm, đặc biệt chú trọng phát triển Đảng trong công nhân, trong các hợp tác xã tiểu thủ công, ở những nơi hiện nay cơ sở Đảng còn yếu hoặc chưa có. Tiếp tục đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề đảng viên kém.

đ) Tăng cường cải tiến công tác quản lý đảng viên; xây dựng tổ chức và các chế độ để đưa công tác này đi vào nền nếp chặt chẽ hơn.

*3. Tăng cường bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ, đưa dần công tác quản lý cán bộ vào nền nếp. Tăng cường cán bộ chất lượng cho những cơ quan kinh tế trọng yếu, cho các cơ sở sản xuất.*

Cụ thể cần chú trọng:

a) Điều chỉnh kịp thời số cán bộ về cho hợp tác xã nông nghiệp theo yêu cầu đã đề ra. Lựa chọn đưa một số cán bộ có năng lực ở trung ương về tăng cường cho một số tỉnh lớn và một số tỉnh miền núi. Bổ sung một số cán bộ chất lượng và cán bộ kỹ thuật cho một số cơ quan Đảng và Nhà nước ở trung ương.

b) Tiến hành việc thẩm tra chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên; qua công tác này và qua hai cuộc vận động lớn và trong công tác thường xuyên mà nắm vững đội ngũ cán bộ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cho sát với yêu cầu, bảo đảm phát huy tốt chính sách chuyên môn hoá cán bộ, tăng cường chất lượng cán bộ lãnh đạo.

c) Các cơ quan tổ chức cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan tuyên huấn, thường xuyên nắm tư tưởng cán bộ, nhất là đối với các vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng để kịp thời có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, sử dụng, làm cho đội ngũ cán bộ được vững vàng hơn.

Ra sức cải tiến công tác đào tạo cán bộ và có kế hoạch thống nhất về đào tạo cán bộ.

d) Tiếp tục nghiên cứu các chế độ chính sách cần thiết về bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ.

e) Chỉ đạo thực hiện tốt các quy định về chế độ quản lý cán bộ một cách chặt chẽ và có nền nếp hơn; mở hội nghị chuyên đề về nghiệp vụ quản lý cán bộ để tăng cường công tác đó. Cải tiến và tăng cường việc sử dụng và quản lý cán bộ khoa học kỹ thuật.

Trên đây là những vấn đề lớn cần coi trọng. Ban Tổ chức Trung ương, các Ban của Trung ương sẽ phối hợp với các ngành có liên quan, theo đúng trách nhiệm của mình, nghiên cứu các vấn đề cần thiết và giúp trung ương kiểm tra đôn đốc việc thực hiện. Đối với các mặt công tác khác, các cấp các ngành cần nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Tổ chức lần thứ năm và các Nghị quyết đã có về công tác tổ chức để thi hành.

### III

Các cấp, các ngành cần tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo công tác tổ chức; chuyển biến tốt hơn nữa về nhận thức đối với tầm quan trọng của công tác tổ chức trong việc bảo đảm thực hiện đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ban Tổ chức Trung ương cần làm đúng trách nhiệm của mình là cơ quan trung tâm giúp Trung ương nghiên cứu và chỉ đạo công tác tổ chức, xây dựng Đảng. Ban Tổ chức Trung ương và các ban khác của Trung ương cùng với các ngành có liên quan cần tăng cường phối hợp chặt chẽ trên các mặt công tác. Cần kiện toàn Ban Tổ chức các cấp và các Vụ Tổ chức của các ban, các ngành trên Trung ương; đặc biệt cần nhấn mạnh phải làm cho công tác tổ chức gắn liền và phục vụ tốt hơn nữa những yêu cầu về lãnh đạo và quản lý kinh tế tài chính. Ban Tổ chức Trung ương cần coi trọng hơn

nữa việc kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện công tác tổ chức và tăng cường rút kinh nghiệm, điển hình để giúp Trung ương chỉ đạo tốt công tác này. Các ban, các ngành, các cấp cần kiểm điểm kỹ trách nhiệm của mình đối với công tác tổ chức xây dựng Đảng và có kế hoạch sửa chữa những thiếu sót, phát huy những ưu điểm sẵn có để bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 59-CT/TW, ngày 16 tháng 2 năm 1963

**Về nhiệm vụ công tác quân sự địa phương  
năm 1963**

Chấp hành Chỉ thị số 42 ngày 21-4-1962 của Ban Bí thư, trong năm 1962, sự lãnh đạo của các cấp uỷ đối với công tác quân sự địa phương đã có những tiến bộ: đã coi trọng việc củng cố dân quân tự vệ, nên đã nâng cao chất lượng lên một bước; đã lấy dân quân tự vệ làm nòng cốt để đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia rộng rãi vào việc chống biệt kích, thổ phỉ, giữ gìn trị an, bảo vệ sản xuất; đã kết hợp công tác quân sự với nhiệm vụ sản xuất một cách thích đáng nên đã phát huy được vai trò xung kích của dân quân tự vệ trong sản xuất, đặc biệt là ở các hợp tác xã nông nghiệp; công tác kiểm tra đôn đốc được tăng cường nên cấp uỷ đã nắm công tác quân sự tương đối chắc.

Tuy vậy cũng còn những thiếu sót như: một số nơi chưa xuất phát đầy đủ từ đặc điểm, khả năng thực tế của địa phương

nên trong việc tổ chức huấn luyện diễn tập cho dân quân tự vệ còn nặng về quy mô hình thức hoặc bố trí thời gian chưa thích hợp; một số địa phương, nông trường, xí nghiệp chưa nhận rõ đầy đủ sự quan trọng của công tác quân sự nên chưa nỗ lực khắc phục khó khăn để chỉ đạo tốt công tác quân sự. Nhiều nơi, việc lãnh đạo chính trị và tư tưởng trong dân quân tự vệ và lực lượng hậu bị còn yếu.

Năm 1963, bọn Mỹ – Diệm càng bị đánh ở miền Nam lại càng tăng cường phá hoại miền Bắc. Do đó, việc giữ gìn trật tự an ninh, củng cố quốc phòng cần phải được coi trọng hơn nữa. Nhiệm vụ chung của công tác quân sự địa phương năm 1963 là: *"Tiếp tục củng cố xây dựng dân quân tự vệ, lực lượng hậu bị thêm một bước vững chắc về mọi mặt, nhất là về chính trị tư tưởng; ra sức nâng cao trình độ quân sự theo nhiệm vụ của từng đối tượng, từng vùng, nhằm có thể đối phó hiệu quả với mọi hành động phá hoại của địch, nâng cao thêm tinh thần sẵn sàng chiến đấu; tiến thêm một bước trong việc quản lý quân dự bị; bảo đảm kế hoạch động viên lực lượng, bảo đảm sẵn sàng bổ sung cho quân đội trong mọi tình huống"*.

Các công tác cụ thể, như đã nêu trong Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 21-4-1962, đều phải thật sự coi trọng chất lượng hơn nữa, nhằm nâng cao sức chiến đấu và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, thiết thực phục vụ cho việc bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất ở địa phương. Bố trí kế hoạch phải có trọng tâm trọng điểm, đặc biệt chú trọng vùng sung yếu, giới tuyến, bờ biển, biên giới, vùng kinh tế quan trọng và đô thị lớn, và về thời gian luyện tập, phải chú ý bố trí cho thích hợp hơn.

Phải nắm vững đặc điểm của dân quân tự vệ là tổ chức quân sự của quần chúng, cho nên mọi mặt sinh hoạt, học tập, công tác, tác chiến (nơi cần) không thể đồng loạt, mà phải phù hợp với tình hình từng địa phương. Phải lấy giáo dục thuyết phục là chính, đồng thời phải bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh những chỉ thị, nghị quyết của Đảng và luật pháp của Nhà nước.

Trong mọi chủ trương công tác, cần luôn luôn kết hợp việc xây dựng kinh tế với việc củng cố quốc phòng, nâng cao ý thức quốc phòng của các cơ quan, đoàn thể, công nông trường, xí nghiệp ở địa phương. Các hợp tác xã nông nghiệp phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất của mình mà dành một tỷ lệ thích đáng cho công tác xây dựng dân quân tự vệ.

Trong kế hoạch cả năm và từng quý, các cấp uỷ Đảng phải chú ý một cách thích đáng đến việc chỉ đạo công tác quân sự. Phải thảo luận kế hoạch công tác quân sự của Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng, chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương và các ngành có liên quan đặt kế hoạch thực hiện, hoàn thành tốt công tác quân sự của địa phương. Phải quán triệt nhiệm vụ quân sự địa phương 1963 cho đến tận chi bộ và các ngành liên quan. Khi kiểm điểm sự lãnh đạo công tác của cấp uỷ, phải có phần kiểm điểm về mặt lãnh đạo quân sự.

Ban Bí thư giao cho các Quân Khu uỷ tổ chức hội nghị với các tỉnh uỷ trong Quân khu để bàn kế hoạch thực hiện và kiểm tra đôn đốc nhiệm vụ quân sự năm 1963.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 70-NQ/TW, ngày 19 tháng 2 năm 1963

### **Về cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc"**

Từ cuối năm 1960 đến nay, thi hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết của Hội nghị bàn về công tác quản lý hợp tác xã do Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã có những *tiến bộ rõ rệt*. Song về mặt tăng năng suất, tăng thu nhập thì nói chung thành tích của các hợp tác xã còn bị hạn chế nhiều. Năng suất trồng trọt và chăn nuôi có xu hướng dừng lại, thậm chí có nơi sút kém; vấn đề lương thực tuy chúng ta đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, v.v.. Những nguyên nhân chính gây ra tình hình trên đây là:

1. Trình độ quản lý hợp tác xã còn thấp. Phương hướng sản xuất chưa rõ ràng, kế hoạch sản xuất chưa cụ thể; việc tổ

chức lao động và thực hiện sự phân công lao động mới chưa tốt; công tác quản lý tài vụ còn lúng túng, tệ tham ô lãng phí khá phổ biến; ý thức làm chủ hợp tác xã, ý thức làm nghĩa vụ đối với Nhà nước của cán bộ và xã viên còn thiếu sót.

2. Sau khi căn bản hoàn thành việc tổ chức nông dân lao động vào các hợp tác xã thì vấn đề cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất và phát triển sản xuất là vô cùng quan trọng; nhưng cán bộ lãnh đạo các cấp chưa chú ý đúng mức đến vấn đề đó; có nơi, có lúc còn tách rời cải tiến công tác quản lý hợp tác xã với cải tiến kỹ thuật; cho nên việc cải tiến kỹ thuật có phần bị trì trệ.

3. Công tác lãnh đạo của Đảng và của chính quyền đối với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp chưa được tăng cường; cán bộ lãnh đạo chưa chịu khó đi sâu vào công tác sản xuất, đi sâu vào kỹ thuật và nghiệp vụ; tổ chức của Đảng ở cơ sở, các ban quản trị hợp tác xã chưa được củng cố và tăng cường; các đội sản xuất và tổ lao động (ở những hợp tác xã quy mô nhỏ) chưa được ổn định và củng cố về mặt lãnh đạo. Việc kiểm tra và sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm về chấp hành đường lối, chính sách chưa được tốt, ảnh hưởng đến tinh thần tích cực sản xuất của xã viên.

Tình hình thực tế của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp hiện nay là bên cạnh những hợp tác xã tiên tiến, còn có nhiều hợp tác xã chưa được quản lý tốt. Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tập thể, xã hội chủ nghĩa, cần phải có một sự quản lý xã hội chủ nghĩa khác với cách quản lý kinh tế cá thể và cách quản lý tư bản chủ nghĩa, cũng khác với cách quản lý phường hội. Nhưng hiện nay, trong đại bộ phận hợp tác xã, phương hướng sản xuất và việc sử dụng lao động chưa tốt, công tác cải tiến kỹ thuật chưa được tiến hành một cách tích cực, công tác tài vụ còn nhiều lúng túng. Do đó mà đến nay tính ưu việt của lối làm ăn tập thể, những khả năng tiềm tàng của nền nông nghiệp nhiệt đới chưa được phát huy mạnh mẽ; sản lượng chung của nông nghiệp và tỷ suất nông phẩm hàng hoá còn quá thấp, sản xuất nông nghiệp còn

chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân và chưa làm cơ sở vững chắc để phát triển công nghiệp.

Kinh nghiệm của những hợp tác xã tiên tiến như hợp tác xã Đại Phong chứng minh rằng; dù cho trong điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật nói chung còn thấp kém, nếu quản lý tốt và chú trọng cải tiến kỹ thuật từng bước thì vẫn phát huy được tính ưu việt của hợp tác xã so với lối làm ăn cá thể, do đó mà có khả năng tạo ra một sự phân công lao động mới, làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển một bước khá mạnh, đem lại hiệu quả kinh tế lớn, thay đổi được tình trạng sản xuất tự cấp, tự túc thành sản xuất có nhiều hàng hoá.

Vì vậy, để phát huy những thắng lợi đã đạt được, để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, để khắc phục những nhược điểm và khuyết điểm của phong trào, dựa vào những kinh nghiệm của cuộc vận động hợp tác hoá và sản xuất nông nghiệp mấy năm qua, dựa vào kinh nghiệm đã thu thập được trong việc làm thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã ở 1.024 hợp tác xã thuộc các tỉnh Nghệ An, Hà Nam và một số tỉnh khác, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương mở một cuộc vận động lấy tên là "*Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc*" ở tất cả các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong thời gian ba năm (1963-1965).

Cuộc vận động này sẽ làm cho các hợp tác xã đều có một sự quản lý tốt, tức là quản lý xã hội chủ nghĩa một nền kinh tế tập thể, kết hợp chặt chẽ cải tiến quản lý với cải tiến kỹ thuật, do đó mà quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được hoàn thiện, sức sản xuất được phát triển, cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp sẽ có điều kiện tốt để tiến hành. Hoàn thành cuộc vận động này, chúng ta sẽ thu được một *thắng lợi lớn* trên mặt trận nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp sẽ được củng cố, sản xuất nông nghiệp sẽ phát triển toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc, chuyển mạnh thành một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá, đáp ứng được ngày

càng nhiều nhu cầu của nhân dân và trở thành cơ sở vững chắc để phát triển nền công nghiệp của nước ta.

## I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ BƯỚC ĐI CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

### A- Mục đích:

Mục đích của cuộc vận động này là nhằm *cải thiện đời sống của nông dân xã viên và của nhân dân nói chung, tăng cường lực lượng của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và bảo đảm nhu cầu của Nhà nước*. Muốn thế, cuộc vận động phải thấu suốt Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở vững chắc để phát triển công nghiệp, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

### B- Yêu cầu:

Cuộc vận động này nhằm đạt ba yêu cầu lớn dưới đây:

- Cải tiến quản lý hợp tác xã;
- Cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của hợp tác xã;
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

1. Nội dung chủ yếu của việc cải tiến quản lý hợp tác xã:

a) *Cải tiến quản lý sản xuất*: xác định phương hướng sản xuất của hợp tác xã, lập kế hoạch sản xuất theo yêu cầu của Nhà nước và khả năng thực tế của địa phương, và xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật để quản lý tốt sản xuất nông nghiệp. Các tỉnh và huyện cần tiến hành điều tra về thổ nhưỡng, về khả năng kinh tế và sản xuất, trên cơ sở đó mà quy vùng sản xuất, hướng dẫn các xã và các hợp tác xã xác định đúng

phương hướng sản xuất của mình. Đi đôi với việc xác định phương hướng sản xuất, cần ban hành một số chính sách để nông dân yên tâm và phấn khởi sản xuất.

Về việc xây dựng kế hoạch sản xuất, cần hết sức chú trọng các biện pháp cụ thể và chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

b) *Cải tiến quản lý lao động*: Tổ chức và sử dụng hợp lý sức lao động, thực hiện sự phân công lao động mới, thực hiện một cách phổ biến chế độ ba khoán, nhằm tăng năng suất lao động, tăng số lượng và giá trị ngày công.

c) *Cải tiến quản lý tài vụ*: Sử dụng tài sản của hợp tác xã vào tái sản xuất mở rộng một cách có lợi nhất; thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và tăng dần vốn cho hợp tác xã; chấn chỉnh sổ sách, bảo đảm ghi chép thu chi minh bạch, thực hiện tài chính công khai; thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí.

d) *Thực hiện đầy đủ nguyên tắc quản lý dân chủ*: Định chế độ sinh hoạt dân chủ của hợp tác xã; thực hiện việc họp đầu kỳ đại hội xã viên hoặc đại biểu đại hội xã viên và ban quản trị; củng cố ban kiểm soát và tăng cường công tác kiểm tra; mở rộng dân chủ trong mọi sinh hoạt của hợp tác xã, phát huy phê bình, tự phê bình từ trên xuống và từ dưới lên, chống mệnh lệnh và độc đoán.

## 2. Nội dung chủ yếu của việc cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã

a) *Cải tiến kỹ thuật*: thực hiện tốt những biện pháp kỹ thuật canh tác, như đủ nước, nhiều phân, cày sâu, giống tốt, cấy dày, chăm sóc đồng ruộng, phòng và trừ sâu, chuột, bệnh, làm kịp thời vụ, đặc biệt chú trọng các khâu quan trọng như nước, phân, giống; đồng thời đẩy mạnh việc cải tiến công cụ lao động trong nông nghiệp, đặc biệt chú trọng cải tiến những công cụ làm đất, trồng trọt và công cụ vận chuyển.

Xây dựng từng bước những tiêu chuẩn kỹ thuật thích hợp với từng vùng, từng hợp tác xã và thành lập các tổ khoa học kỹ thuật của hợp tác xã để thí nghiệm và phổ biến kỹ thuật canh tác tiến bộ.

b) *Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã*: trước hết nhằm tăng thêm các cơ sở mở rộng sản xuất và trực tiếp phục vụ sản xuất, như công trình thuỷ lợi, chuồng trại chăn nuôi, cơ sở chọn giống và giữ giống, nhà kho, sân phơi, cơ sở khai hoang; tăng thêm sức kéo và các công cụ cải tiến về làm đất, trồng trọt và vận chuyển; tăng thêm các thiết bị về chăn nuôi, chế biến nông sản phẩm, các dụng cụ làm nghề thủ công, nghề phụ, v.v.. Nơi nào có điều kiện thì lập xưởng rèn và mộc để tự lực một phần trong việc cải tiến và sửa chữa công cụ lao động. Đi đôi với việc cải tiến các công cụ thủ công và sử dụng các công cụ nửa cơ khí, cần rút kinh nghiệm sử dụng các công cụ cơ khí; có kế hoạch chỉnh đốn và cố gắng tăng thêm các tổ và trạm máy kéo và máy bơm.

c) *Ra sức bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ (như nhân viên kế toán, thống kê) và cán bộ kỹ thuật các loại* cho hợp tác xã. Đưa một số cán bộ ở cấp trên về giúp các hợp tác xã một cách lâu dài.

Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hợp tác xã là một vấn đề rất quan trọng và lâu dài có ý nghĩa quyết định việc củng cố và tăng cường kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa. Trong ba năm tới, ta chưa làm được nhiều về mặt đó, nhất là về vấn đề cơ khí hoá sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho nông nghiệp. Nhưng phải hết sức cố gắng, tập trung lực lượng cải tiến thật mạnh các loại công cụ có tính chất thủ công và nửa cơ khí, đồng thời cố gắng trang bị nhiều hơn cho nông nghiệp những công cụ có tính chất hiện đại. Hợp tác xã phải tự mình cố gắng về mặt đó, nhưng Nhà nước phải giúp đỡ tích cực hơn và nhiều hơn.

Một điều cần đặc biệt chú ý là cải tiến quản lý hợp tác xã và cải tiến kỹ thuật là hai việc gắn chặt với nhau, không thể tách rời và đều nhằm một mục đích là phát triển sản xuất, tăng năng suất, tăng thu nhập, củng cố quan hệ sản xuất mới, cải thiện đời sống cho xã viên. Tách rời hai vấn đề đó, hoặc lệch về một phía nào đều là không đúng và có

hại cho sản xuất nông nghiệp và cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

**3. Nội dung chủ yếu của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp**

a) *Yêu cầu* về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp, các ngành là phải đi sâu, đi sát trong việc lãnh đạo sản xuất nông nghiệp và lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp: lãnh đạo về kế hoạch sản xuất, về quản lý lao động và tài vụ của hợp tác xã, lãnh đạo việc áp dụng và phát triển khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đồng thời lãnh đạo công tác chính trị và tư tưởng, chấp hành đúng đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn trong lúc này.

b) *Nội dung* cụ thể về tăng cường lãnh đạo của các cấp, các ngành là:

- Củng cố chi bộ, cải tiến lề lối làm việc của đảng uỷ xã, nhất là của chi uỷ, nhằm thiết thực tăng cường sự lãnh đạo của đảng uỷ xã và chi uỷ đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và đối với nông nghiệp nói chung.

- Củng cố tổ chức và cải tiến lề lối lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và cơ quan Nhà nước từ trung ương đến tỉnh, huyện và xã, nhằm đi sâu nắm tình hình và giải quyết kịp thời những vấn đề do hợp tác xã nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành đường lối, chính sách và sửa chữa kịp thời những khuyết điểm, sai lầm, đồng thời nghiên cứu đề nghị bổ sung những chính sách hiện có hoặc ban hành một số chính sách mới nhằm khuyến khích và đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các loại cho hợp tác xã.

Cần làm cho các tổ chức Đảng và cơ quan Nhà nước từ chi bộ đến trung ương, nhất là chi uỷ, đảng uỷ xã, tỉnh uỷ và các ngành chung quanh Trung ương nhận rõ trách nhiệm của mình, thiết thực tăng cường lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp

và sản xuất nông nghiệp, đi sâu vào vấn đề lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật và quản lý tốt kinh tế nông nghiệp.

Đây là một cuộc vận động quần chúng rộng lớn, cho nên phải làm cho quần chúng xã viên hăng hái tham gia và chi bộ trực tiếp lãnh đạo chặt chẽ thì mới đạt được kết quả tốt. Nhưng đồng thời cần phải nhận rõ đây cũng là một cuộc vận động của toàn Đảng, toàn dân bao gồm nhiều mặt, có ý nghĩa rất quan trọng đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Vì vậy, nếu cấp tỉnh không nắm chắc tình hình các hợp tác xã nông nghiệp, tình hình sản xuất và đất đai trong tỉnh, để có phương hướng sản xuất, phương hướng tăng năng suất, v.v. cho từng vùng, từng hợp tác xã, và nếu các ngành ở trung ương lập kế hoạch không sát với từng tỉnh, phân phối tư liệu sản xuất thiếu tích cực, các chính sách không được ban hành hoặc bổ sung kịp thời hoặc không có tác dụng khuyến khích và đẩy mạnh sản xuất, v.v. thì kết quả của cuộc vận động nhất định sẽ bị hạn chế nhiều. Bởi vậy, các cấp, các ngành cần xuất phát từ yêu cầu của cuộc vận động mà xác định rõ trách nhiệm của mình để thiết thực lãnh đạo và phục vụ sản xuất nông nghiệp và hợp tác hoá nông nghiệp.

Để thực hiện tốt ba yêu cầu lớn nói trên của cuộc vận động, chúng ta phải tiến hành *giáo dục quần chúng và phát động tư tưởng quần chúng*, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ, đảng viên, đoàn viên và xã viên; phải củng cố chi đoàn thanh niên lao động dùng làm đầu tàu cho phong trào và phải rất chú ý động viên lực lượng đông đảo và phát huy tính tích cực của phụ nữ trong cuộc vận động.

### C- Bước đi

Trong thời gian ba năm, sẽ chia làm hai lần vận động. Trong mỗi lần mỗi tỉnh về đại thể sẽ chia các hợp tác xã trong toàn tỉnh ra làm ba khối để tiến hành trong ba đợt vận động. Mỗi hợp tác xã sẽ làm tập trung trong hai tháng vào lúc mùa màng đỡ khẩn trương để kiểm điểm tình hình, thảo luận nhiệm vụ, phương hướng và kế hoạch cải tiến quản lý, cải

tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất. Sau đó sẽ thi đua thực hiện những nhiệm vụ đề ra cho đến lần vận động sau. (Thời gian ở đây không phải định cứng nhắc, nghĩa là một số tỉnh lớn có thể kéo dài hơn ba năm một ít cũng được).

*Bắt đầu năm 1963 đến giữa năm 1964*, sẽ tiến hành lần thứ nhất của cuộc vận động. Để thực hiện ba yêu cầu lớn của toàn bộ cuộc vận động, lần thứ nhất này cần phải làm cho được những việc sau đây:

1. Mỗi tỉnh tạm thời phân vùng sản xuất trong tỉnh, xác định cách thâm canh, tăng năng suất, mở rộng diện tích trồng trọt bằng cách tăng vụ và khai hoang, xác định phương hướng phát triển chăn nuôi, phát triển ngành nghề, điều chỉnh và bổ sung kế hoạch sản xuất năm 1963 và kế hoạch sản xuất vụ Đông – Xuân năm 1962-1963 của tỉnh. Dựa vào phương hướng và kế hoạch sản xuất của tỉnh, từng hợp tác xã sẽ xác định phương hướng sản xuất thích hợp với khả năng thực tế của mình; điều chỉnh, bổ sung, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1963 và kế hoạch vụ Đông – Xuân năm 1962-1963. Trên cơ sở thực hiện kế hoạch sản xuất năm 1963, tỉnh rút kinh nghiệm để chuẩn bị tốt kế hoạch sản xuất cả năm và kế hoạch sản xuất Đông – Xuân năm 1963-1964, đồng thời hướng dẫn các hợp tác xã chuẩn bị.

2. Ổn định các đội sản xuất (ở các hợp tác xã quy mô nhỏ thì ổn định các tổ lao động). Thực hiện việc đăng ký ngày công để tăng số lượng ngày công; thực hiện chế độ ba khoán đến đội sản xuất và đẩy mạnh khoán việc đến từng nhóm lao động tạm thời để tăng số lượng và chất lượng lao động, và tăng giá trị ngày công.

3. Đi đôi với việc xác định phương hướng sản xuất, từng tỉnh cần xác định phương hướng cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của các hợp tác xã. Dựa vào phương hướng đó của tỉnh và phương hướng sản xuất của mình, từng hợp tác xã sẽ xác định phương hướng cải tiến kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã,

bắt đầu xây dựng một số cơ sở nhằm mở rộng sản xuất và trực tiếp phục vụ sản xuất, như xây dựng công trình thủy lợi, khai hoang, xây dựng cơ sở chăn nuôi và chế biến phân, cơ sở chọn giống, tăng thêm sức kéo, cải tiến công cụ làm đất, trồng trọt và công cụ vận chuyển, v.v. thông qua hình thức thảo luận dân chủ trong quần chúng xã viên mà quy định một số biện pháp quan trọng thành tiêu chuẩn kỹ thuật và coi đó là quy định hoặc kỷ luật sản xuất của hợp tác xã. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật cho hợp tác xã.

4. Chấn chỉnh việc lập kế hoạch tài vụ gắn liền với kế hoạch sản xuất, lập sổ sách và ghi chép thu chi rõ ràng; thực hiện tài chính công khai và kiểm kê, quyết toán hàng năm; giải quyết tốt những vấn đề tồn tại về tài chính, chống tham ô, lãng phí; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tài vụ kế toán cho hợp tác xã; cố gắng đưa thêm cán bộ kế toán ở cấp trên về giúp các hợp tác xã.

5. Kiện toàn tổ chức của hợp tác xã và xây dựng một số chế độ trong hợp tác xã, nhằm củng cố hợp tác xã và thực hiện nguyên tắc quản lý dân chủ và nguyên tắc phân phối theo lao động. Triệu tập đúng kỳ và chấp hành đúng quyền hạn, nhiệm vụ của đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên như Điều lệ hợp tác xã đã quy định. Kiện toàn ban quản trị; đưa vào ban quản trị những đảng viên, đoàn viên và phụ nữ có phẩm chất tốt, có năng lực khá và được quần chúng tín nhiệm, nhưng đồng thời cũng phải chú trọng thu hút những người đứng tuổi có nhiều kinh nghiệm sản xuất, có tư tưởng và tác phong tiến bộ; bảo đảm thực hiện đúng đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn hiện nay. *Thật sự củng cố* các đội sản xuất. Củng cố ban kiểm soát và các bộ phận chuyên môn khác giúp việc ban quản trị. Xây dựng một số chế độ về đặt kế hoạch, về thu chi tài chính, về phân phối và thu nhập, về phụ cấp cho cán bộ và phụ cấp xã hội, về hội nghị, về kiểm tra, v.v..

6. Mỗi hợp tác xã phải kiểm tra và phát hiện những chỗ chấp hành không đúng chính sách của Đảng và Chính phủ; sửa

chữa những khuyết điểm, sai lầm có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý hợp tác xã hoặc xã viên yêu cầu giải quyết ngay; còn các điểm khác sẽ sửa chữa dần và theo cách thường xuyên. Tỉnh và huyện cần hướng dẫn xã và hợp tác xã làm tốt việc này. Các ngành trung ương cần nghiên cứu và đề nghị lên Trung ương Đảng và Chính phủ bổ sung và ban hành sớm một số chính sách về thu mua, giá cả, cung cấp tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu, v.v. nhằm khuyến khích các hợp tác xã phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật.

#### 7. Về lãnh đạo

Thông qua cuộc vận động này, làm cho đảng uỷ xã và nhất là chi uỷ xác định rõ nhiệm vụ lãnh đạo hợp tác xã và lãnh đạo sản xuất nông nghiệp của mình, đi sâu vào công tác cải tiến quản lý hợp tác xã và cải tiến kỹ thuật. Làm cho Đoàn Thanh niên nhận rõ nhiệm vụ và vai trò đầu tàu của mình trong sản xuất và xây dựng hợp tác xã. Sắp xếp lại tổ chức của Đảng ở xã theo hướng: chi bộ ăn khớp với hợp tác xã và tổ Đảng ăn khớp với đội sản xuất. Phân công những đảng viên, đoàn viên có khả năng và được quần chúng tín nhiệm ra ứng cử và đảm nhiệm các vai trò chủ chốt của hợp tác xã, như chủ nhiệm, uỷ viên quản trị phụ trách kế hoạch, phụ trách tài vụ, kế toán viên, đội trưởng đội sản xuất, v.v..

Kết nạp những phân tử ưu tú vào Đảng, vào Đoàn, đồng thời phải xử trí thích đáng và *thận trọng* một số ít đảng viên phạm sai lầm nghiêm trọng và không đủ tư cách là đảng viên nữa.

Các cấp, các ngành từ trung ương đến tỉnh và huyện, nhất là cấp tỉnh và các ngành ở trung ương, cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về lãnh đạo để phục vụ đắc lực cho nông nghiệp; đi sát hợp tác xã, đi sâu vào sản xuất, tích cực giúp đỡ các hợp tác xã. Cần giải quyết gấp một số vấn đề về chính sách; tích cực bắt tay vào việc đào tạo và bồi dưỡng các loại cán bộ cho hợp tác xã. Đồng thời, cần nghiên cứu và thực hiện cách bố trí hợp lý các cơ quan phụ trách hợp tác hoá nông nghiệp và

sản xuất nông nghiệp ở trung ương và ở cấp tỉnh, nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và của Nhà nước đối với nông nghiệp.

Các việc nêu ra để thực hiện trong lần thứ nhất trên đây đều liên quan mật thiết với nhau. Nhưng cần nắm vững mấy việc chính để tập trung lực lượng làm cho tốt là: *xác định phương hướng sản xuất của hợp tác xã, quản lý tốt lao động, cải tiến kỹ thuật và tăng thêm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hợp tác xã, chấp hành đúng các chính sách, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và của các cơ quan Nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp và hợp tác hoá nông nghiệp.*

Trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, các cấp cần làm cho quần chúng nhận rõ ý nghĩa bảo vệ sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự trong thôn xã, củng cố lực lượng dân quân tự vệ của xã.

*Sang nửa cuối năm 1964 và cả năm 1965*, sẽ tiến hành vận động lần thứ hai. Những nhiệm vụ công tác nêu ra để thực hiện trong lần thứ hai này phải nhằm củng cố, nâng cao và hoàn thành ba yêu cầu lớn của toàn bộ cuộc vận động. Sau khi rút kinh nghiệm lần vận động thứ nhất, Bộ Chính trị sẽ đề ra những việc cụ thể phải làm trong cuộc vận động lần thứ hai.

## II- PHƯƠNG CHÂM VÀ CÁCH TIẾN HÀNH CUỘC VẬN ĐỘNG

### A- Phương châm:

1. Đảng uỷ xã và chi uỷ trực tiếp lãnh đạo, hợp tác xã tự làm, cán bộ cấp trên về giúp.
2. Làm đến đâu, ăn chắc đến đấy.
3. Cải tiến quản lý hợp tác xã đạt yêu cầu, kỹ thuật tiến bộ, sản xuất đạt và vượt mức kế hoạch, các công tác khác được bảo đảm thực hiện tốt.

4. Mở rộng dân chủ bàn bạc, đề cao tự phê bình và phê bình; làm cho đảng viên và quần chúng vui vẻ, đoàn kết, hăng hái tham gia.

5. Nắm vững nguyên tắc, nắm vững chính sách, đồng thời đi sát thực tế và phát huy tính sáng tạo, tính linh hoạt của xã viên.

#### B- Cách tiến hành:

##### 1. Công tác chuẩn bị

Công tác chuẩn bị thực hiện cuộc vận động là rất quan trọng. Không những cần chuẩn bị trước khi cuộc vận động bắt đầu, mà còn phải tiếp tục chuẩn bị trong quá trình vận động. Đối với lần thứ nhất (năm 1963 và nửa đầu năm 1964), đặc biệt là đối với đợt đầu năm 1963, cần tích cực chuẩn bị cho *thật tốt* về các mặt: tổng kết công tác vận động ở các hợp tác xã thí điểm; điều tra để nắm tình hình các hợp tác xã và tình hình sản xuất, hướng dẫn kế hoạch chuẩn bị cho các xã và các chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị tư liệu sản xuất, chuẩn bị ban hành một số chính sách, tiến hành giáo dục đảng viên, thi hành Nghị quyết số 35-NQ/TW của Ban Bí thư về việc sửa đổi chế độ trợ cấp đối với cán bộ xã.

Ngoài việc chuẩn bị cho phần mình, tỉnh uỷ cùng huyện uỷ cần thiết thực giúp các đảng uỷ xã, các chi uỷ và các ban quản trị hợp tác xã; các ngành ở trung ương cần giúp cho các ngành ở tỉnh chuẩn bị tốt. Cần chú trọng kiểm tra chu đáo công việc chuẩn bị.

##### 2. Kế hoạch ba bước

Lần vận động đầu tiên làm tập trung hai tháng có thể chia làm ba bước:

a) *Bước 1*: Yêu cầu làm tốt trong chi bộ, cán bộ hợp tác xã từ đội phó trở lên (ở những hợp tác xã quy mô còn nhỏ thì làm từ tổ trưởng tổ sản xuất trở lên) và những cán bộ chủ chốt khác (nhất là Ban Chấp hành chi đoàn thanh niên; nơi nào đảng viên ít, đoàn viên ít thì mở rộng đến đoàn viên).

Công việc cụ thể của bước 1 này gồm có: tổ chức học tập, phát động tư tưởng cán bộ và đảng viên, kiểm điểm để đánh giá

đúng tình hình quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, tình hình sản xuất và chấp hành các chính sách trong hợp tác xã; thảo luận để xác định phương hướng sản xuất, kế hoạch sản xuất và các tiêu chuẩn kỹ thuật, phương hướng xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tiến công cụ, các chế độ và biện pháp cải tiến quản lý, phát triển sản xuất, việc sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm trong việc chấp hành chính sách, v.v..

Đồng thời, tuyên truyền mục đích và ý nghĩa của cuộc vận động ra quần chúng và vận động xã viên đẩy mạnh sản xuất trước mắt.

b) *Bước 2*: Yêu cầu làm tốt việc vận động xã viên và kiện toàn tổ chức chi bộ. Cụ thể có mấy việc như sau: ở đội sản xuất thì tổ chức học tập mục đích, yêu cầu của cuộc vận động, phát động tư tưởng xã viên, thảo luận bản báo cáo và đề án cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc của ban quản trị hợp tác xã. Sau đó họp chi bộ lần thứ hai để thảo luận và tiếp thụ những ý kiến đúng đắn của xã viên và quyết định các vấn đề đưa ra Đại hội xã viên và kiện toàn tổ chức chi bộ.

c) *Bước 3*: Yêu cầu của bước này là làm tốt Đại hội xã viên. Công việc cụ thể gồm có: họp Đại hội xã viên để chính thức thông qua kết luận về tình hình hợp tác xã, thông qua phương hướng, kế hoạch, biện pháp và chế độ về cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất của hợp tác xã. Phát động thi đua thực hiện nghị quyết của Đại hội xã viên.

Nội dung kế hoạch ba bước trên đây là để thực hiện trong lần thứ nhất. Các địa phương có thể tùy theo tình hình cụ thể của mình mà vận dụng một cách linh hoạt.

##### 3. Làm trước và làm sau, điểm và diện

a) Cần kết hợp lựa chọn những hợp tác xã quy mô toàn thôn vào loại khá và trung bình với lựa chọn vùng quan trọng về kinh tế và chính trị để tiến hành vận động trước. Ở những hợp tác xã tiến hành vận động trước này, phải tập trung lực

lượng làm cho tốt để gây đà và rút kinh nghiệm cho các hợp tác xã làm sau.

Những hợp tác xã nhỏ hoặc vào loại kém thì mỗi đợt làm kèm theo một số với yêu cầu gọn và với sự giúp đỡ của cán bộ có kinh nghiệm do cấp trên phái về.

b) Những hợp tác xã chưa làm, phải tranh thủ củng cố, tiếp tục phổ biến và thực hiện Nghị quyết Hội nghị quản lý hợp tác xã một cách thường xuyên, tiến hành các công tác chuẩn bị cho tốt, chờ đến lượt sẽ làm.

c) Những hợp tác xã đã qua đợt làm tập trung hai tháng rồi thì công việc chủ yếu và quan trọng là tiếp tục thực hiện cho tốt nghị quyết của Đại hội xã viên về phương hướng và kế hoạch sản xuất, về cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất của hợp tác xã. Sau mỗi vụ có sơ kết; cuối năm mới tổng kết sản xuất.

*Các hợp tác xã miền núi* cũng cần tiến hành cuộc vận động, nhưng sẽ làm sau miền xuôi, song không nên làm quá chậm. Ban Nông nghiệp Trung ương cần chuẩn bị để đề nghị Bộ Chính trị quyết định cụ thể sau.

#### 4. Sơ kết và tổng kết

Sau mỗi đợt, mỗi vụ sản xuất, mỗi lần, cần sơ kết, tổng kết cuộc vận động.

### III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Cuộc vận động này là công tác trọng tâm thường xuyên ở nông thôn trong thời gian ba năm đã nói trên.

Trong thời gian vận động, cần phát động một phong trào thi đua sôi nổi và liên tục, động viên, cổ vũ các hợp tác xã và xã viên tiến lên giành danh hiệu "hợp tác xã tiên tiến", "đội sản xuất tiên tiến", "tổ lao động tiên tiến" và "xã viên tiên tiến".

2. Trong khi tiến hành cuộc vận động, phải nắm vững mục đích, yêu cầu, phương châm, phương pháp, nguyên tắc và chính sách, v.v.. Không ham làm quá nhiều, nhưng phải tích

cực giành bằng được những kết quả có tính chất căn bản trong việc củng cố hợp tác xã, tăng cường lực lượng sản xuất và cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất. Phải toàn diện, nhưng phải nắm vững trọng tâm. Phải tập trung lực lượng để bảo đảm *làm đến đâu ăn chắc đến đấy*. Phải kiên trì và thận trọng, đi sâu vào việc tổ chức thực hiện cụ thể, tránh gây không khí căng thẳng hoặc xáo trộn về tổ chức, tránh xử trí bừa bãi và áp dụng chính sách một cách lệch lạc, tùy tiện, hoặc dễ làm khó bỏ, đầu voi đuôi chuột.

3. Cấp tỉnh cùng cấp huyện trực tiếp lãnh đạo, đảng ủy xã và chi bộ trực tiếp thi hành.

Tất cả các ngành từ trung ương trở xuống phải phối hợp chặt chẽ, tùy theo chức năng của mình mà tích cực tham gia và có kế hoạch thiết thực phục vụ cuộc vận động.

4. Cần thành lập một *Ban phụ trách cuộc vận động* gồm những đồng chí phụ trách các ngành chủ yếu có liên quan, như Ban Nông nghiệp Trung ương, Bộ Nông nghiệp, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, v.v. để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ lãnh đạo cuộc vận động. Ở tỉnh cũng cần thành lập Ban phụ trách cuộc vận động để giúp tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh lãnh đạo.

\*

\* \*

Cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc là một cuộc vận động cách mạng rộng lớn có ý nghĩa sâu sắc về nhiều mặt. Bộ Chính trị mong rằng toàn Đảng ra sức lãnh đạo, toàn dân hăng hái tham gia và ủng hộ cuộc vận động đó. Tất cả sẽ đồng lòng, dốc sức, quyết đưa cuộc vận động đến thành công, đạt được mục đích là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, củng cố quan hệ sản xuất mới và tăng cường lực lượng của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống của

nông dân xã viên và của nhân dân nói chung, bảo đảm nhu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 71-NQ/TW, ngày 23 tháng 2 năm 1963

**Về vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền núi**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra đường lối, phương hướng, nhiệm vụ và các chủ trương, chính sách, biện pháp phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Công tác phát triển nông nghiệp ở miền núi về căn bản cũng phải chấp hành theo đúng tinh thần Nghị quyết đó. Nhưng nông nghiệp miền núi có những đặc điểm riêng, vì vậy cần có những quy định thích hợp.

**I. TÌNH HÌNH HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT  
NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NÚI**

Trong những năm vừa qua, chúng ta đã tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi và đã đạt được những thành tích to lớn.

*Tình hình hợp tác hoá*

Hiện nay hợp tác xã sản xuất nông nghiệp miền núi đã bao gồm trên 76% nông hộ và trên 67% diện tích ruộng đất. Hợp tác xã bậc cao đã bao gồm 25% nông hộ. Quy mô bình quân chung của một hợp tác xã là 31 hộ. Việc tổ chức nông dân lại ở vùng thấp căn bản đã làm xong.

Cũng như tình hình chung, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi đã phát triển *nhANH, LÀNH MẠNH và NỔi CHUNG là tốt*. Tuy quy mô nhỏ, trình độ quản lý thấp, nhưng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp miền núi đã bước đầu phát huy tác dụng trong việc mở rộng diện tích trồng trọt, nhất là trong việc tăng vụ lúa chiêm và lúa Nam Ninh; đã có những tiến bộ khá về cải tiến kỹ thuật và về mặt sử dụng thêm nhiều sức lao động vào sản xuất; ngoài sản xuất lương thực, một số hợp tác xã đã phát triển kinh doanh cây công nghiệp, nuôi trâu, bò sinh sản, nuôi lợn, nuôi vịt đàn, khai thác lâm sản, v.v.. Hiện nay đã có độ 1/3 số hợp tác xã đã lập được kế hoạch cả năm và ngót 1/5 số hợp tác xã đã thực hiện được ba khoán. Đồng thời, vì có những điều kiện thiên nhiên thuận lợi để phát triển sản xuất, cho nên số ngày công, giá trị ngày công và mức thu nhập thực tế của hợp tác xã miền núi cũng cao hơn so với miền xuôi.

Trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, công tác xây dựng và phát triển cơ sở Đảng cũng đã có những thành tích tốt.

Các nông trường quốc doanh và lâm trường quốc doanh cũng được xây dựng và phát triển ở nhiều vùng.

Thắng lợi của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi là một bộ phận nằm trong những thắng lợi chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp miền Bắc nước ta. Nó đã tạo ra cho miền núi những điều kiện mới để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của nhân dân các dân tộc, đồng thời tạo ra những cơ sở mới để tăng cường đoàn kết dân tộc, tiến lên thực hiện sự bình đẳng dân tộc cao hơn cả về mặt chính trị và kinh tế. Đó là một sự chuyển biến rất sâu sắc trong tình

hình nông thôn miền núi. Nguyên nhân của những thắng lợi trên đây là:

- Đường lối, phương châm, chính sách hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng ta đề ra cho miền núi căn bản là đúng; chủ trương giải quyết những vấn đề tồn tại về cải cách dân chủ kết hợp trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp là rất thích hợp và sáng tạo.

- Nông dân lao động miền núi tuyệt đối tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch, đã tích cực chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và hăng hái đi vào con đường làm ăn tập thể.

- Truyền thống đoàn kết tương trợ lẫn nhau của đồng bào các dân tộc, ảnh hưởng của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền xuôi và kết quả hoàn thành cải cách dân chủ cũng đều có tác dụng thúc đẩy phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi *chưa thật vững và một số mặt còn rất yếu*. Những nhược điểm và khó khăn của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi hiện nay là: trình độ công tác quản lý hợp tác xã còn thấp và đơn giản, các mặt công tác tổ chức quản lý ở cơ sở còn có rất nhiều lúng túng và khó khăn, những hiện tượng thiếu dân chủ đang còn nhiều; chủ nghĩa bình quân đang còn nặng; cơ sở vật chất - kỹ thuật của miền núi có ưu thế hơn so với miền xuôi về diện tích ruộng đất, về nguồn nước, nguồn phân bón và sức kéo, nhưng công cụ sản xuất thì rất thô sơ, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi nói chung thấp; đại bộ phận hợp tác xã chỉ mới kinh doanh lương thực, trong đó phần lớn hợp tác xã chỉ mới kinh doanh lúa, kinh tế tập thể nói chung còn yếu, kinh tế phụ gia đình còn chiếm đại bộ phận trong tổng thu nhập của xã viên; một số chính sách nghiên cứu chưa cụ thể và chấp hành chưa tốt cũng đã gây trở ngại cho việc tiếp tục củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở nhiều vùng.

Nguyên nhân chính của những khuyết điểm và nhược điểm ở trong phong trào hợp tác hoá miền núi cũng giống như những nguyên nhân chính của phong trào hợp tác hoá chung cả miền Bắc mà Hội nghị lần thứ năm của Trung ương đã phân tích. Ngoài ra ở miền núi còn có nguyên nhân khách quan do trình độ phát triển kinh tế còn thấp của miền núi tạo nên và còn do những khuyết điểm trong công tác của chúng ta là:

- Ở nhiều nơi, công tác chuẩn bị cơ sở, chuẩn bị điều kiện xây dựng hợp tác xã làm chưa tốt; công tác giáo dục tư tưởng làm chưa kỹ; việc nghiên cứu hình thức và quy mô tổ chức nhiều mặt chưa thật sát.

- Đã ham đưa nhiều hợp tác xã lên quy mô to, tổ chức hàng loạt hợp tác xã bậc cao không đủ điều kiện; tiến hành công hữu hoá trâu, bò tràn lan, định thấp giá thuê và giá công hữu hoá trâu, bò; ở vùng cao thì hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã phát triển quá nhanh và thiếu nhiều điều kiện.

- Việc giúp đỡ cho hợp tác xã phát triển sản xuất, công tác đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã làm yếu và chậm, v.v..

Tóm lại là, trong khi tiến hành vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi, chúng ta đã chưa nhìn thấy rõ những đặc điểm phân tán và trình độ phát triển không đều của các vùng. Chúng ta đã tích cực lợi dụng những thuận lợi của miền núi để phát triển mạnh hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện là đúng, nhưng lại đã không thấy hết những khó khăn của miền núi để giải quyết các vấn đề đặt ra một cách thận trọng và vững chắc; nhiều mặt công tác còn rập khuôn gần giống như miền xuôi, vùng cao gần giống như vùng thấp, v.v..

#### *Tình hình sản xuất.*

Thành tích nổi bật nhất của sản xuất nông nghiệp ở miền núi vừa qua là đã tăng sản xuất lương thực lên khá nhanh và nhờ đó đã căn bản giải quyết được tình trạng thiếu lương thực thường xuyên ở miền núi do chế độ cũ để lại, bảo đảm cung cấp được lương thực cho nhân dân ăn no hơn và có dự

trữ một phần. Bình quân lương thực đầu người ở miền núi trong năm 1961 đã tăng gấp rưỡi so với năm 1957, mặc dù mức dân số tăng bình quân hàng năm là 3,3%. Nghề rừng, thì mặt khai thác rừng đã phát triển một bước khá, đã cung cấp được hàng triệu mét khối gỗ và rất nhiều lâm sản khác. Cây công nghiệp và một số mặt của chăn nuôi cũng ít nhiều có phát triển, tuy chưa đều và chưa mạnh. Cùng với nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp cũng đã bước đầu được chú ý.

Nhờ sản xuất tăng, nhất là nhờ đã bước đầu giải quyết được tương đối tốt vấn đề lương thực, cộng với việc đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, đời sống của nông dân và nhân dân lao động ở miền núi đã được cải thiện khá, *các mặt ăn, mặc, học, sức khoẻ đều tăng lên rõ rệt.*

Những kết quả về phát triển sản xuất, cải thiện đời sống trên đây có một ý nghĩa chính trị và kinh tế rất quan trọng. Đó là kết quả của đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng ta đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp ở miền núi, là kết quả của tinh thần cần cù lao động và ý thức tự lực cánh sinh của cán bộ và nhân dân miền núi trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách ấy. Những kết quả đó đã góp phần to lớn củng cố lòng tin tưởng của nhân dân lao động các dân tộc miền núi đối với sự lãnh đạo của Đảng ta và đối với chính quyền dân chủ nhân dân, có tác dụng to lớn bước đầu phát huy khả năng của nông nghiệp miền núi để góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hoá nói chung của miền Bắc. Tuy nhiên, hiện nay sản xuất nông nghiệp miền núi chỉ mới phát triển một bước đầu rất thấp, những khả năng tiềm tàng phong phú về nhiều mặt chưa được khai thác đúng mức để đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng về đời sống và sản xuất của miền núi và nhu cầu của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Những mặt yếu của sản xuất nông nghiệp miền núi hiện nay là: hoa màu phát triển còn ít; cây công nghiệp tăng chậm; chăn nuôi gần đây đứng lại và có mặt bị sụt nhiều; trong

nghề rừng thì các mặt tu bổ, cải tạo, bảo vệ và trồng đều còn kém, tình trạng phá rừng bừa bãi đã và đang gây ra nhiều tác hại. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp nói chung còn yếu và chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp tư liệu sản xuất cho nông nghiệp và cung cấp hàng tiêu dùng thích hợp cho miền núi. Thương nghiệp và giao thông phát triển còn chậm và yếu. Đời sống của nhân dân lao động ở miền núi nói chung được cải thiện nhưng chưa đều, ở một số vùng mức sản xuất và thu nhập còn thấp, lương thực còn thiếu, đời sống còn nghèo, đặc biệt là ở một số nơi thuộc vùng giữa và vùng cao, do sản xuất có nhiều khó khăn, cho nên có nơi đồng bào còn thường xuyên bị thiếu thốn.

Về mặt kỹ thuật, chúng ta cũng đã có tiến bộ khá về thủy lợi, phân, cấy dầy, cải tiến nông cụ, nhưng nhìn chung công tác kỹ thuật *chuyển biến còn chậm*. Việc chỉ đạo kỹ thuật còn gò bó, thiếu linh hoạt và còn xem nhẹ tổng kết những kinh nghiệm sẵn có của địa phương; việc giữ đất, chống xói mòn, giữ độ ẩm là vấn đề kỹ thuật nổi bật nhất của miền núi thì đặt chưa đúng và làm còn kém.

Trong việc lãnh đạo sản xuất nông nghiệp ở miền núi, chúng ta đã nắm chắc sản xuất lương thực là đúng và đã bước đầu chú ý đến việc phát triển một số ngành, nhưng khuyết điểm là chưa toàn diện. Việc nghiên cứu một số chính sách và giúp đỡ cho miền núi còn thiếu cụ thể; việc phát huy tác dụng giúp đỡ lẫn nhau giữa miền xuôi và miền núi đặt chưa rõ; việc phối hợp các ngành để giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thúc đẩy sản xuất còn kém và nhiều mặt công tác còn tách rời nhau... nói chung là chúng ta chưa thấy rõ nông nghiệp miền núi có đầy đủ tính chất tiêu biểu nhất của một nền sản xuất toàn diện, chưa thấy hết những thuận lợi của miền núi để phát huy, cũng như chưa thấy hết những khó khăn cần phải tập trung nhiều lực lượng để khắc phục; sự chỉ đạo còn có phần *chủ quan, rập khuôn và máy móc*,

*chưa sát với đặc điểm của tình hình miền núi và chưa sát với đặc điểm của từng vùng.*

Nhìn chung, tuy sản xuất nông nghiệp ở miền núi đã từ cá thể đi vào tập thể nhưng tính chất sản xuất độc canh, tự cấp còn nặng, sản phẩm hàng hóa còn rất ít. Hợp tác hoá nông nghiệp cũng mới căn bản hoàn thành về mặt tổ chức, trình độ đang còn thấp. Chúng ta có rất nhiều thuận lợi và có những cơ sở bước đầu vững chắc, nhưng dựa nền kinh tế nông nghiệp từ trình độ thấp của miền núi hiện nay đi vào có tổ chức, có kế hoạch và tiến lên quy mô ngày càng lớn là một vấn đề không phải đơn giản. Chúng ta phải ra sức phát huy các thuận lợi, khắc phục các nhược điểm và khó khăn, xuất phát từ những tình hình thực tế trên đây để đề ra những phương hướng, chủ trương, chính sách và biện pháp thích hợp.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NÚI

Miền núi miền Bắc nước ta chiếm trên 2/3 diện tích và trên 1/5 dân số chung của miền Bắc, có một vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Về nguồn lợi thiên nhiên, chẳng những miền núi có nhiều khả năng để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, mà còn có nhiều khả năng tiềm tàng để phát triển những ngành công nghiệp lớn và trọng yếu, làm cơ sở để cải thiện đời sống của nhân dân các dân tộc và thúc đẩy công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà. Vì vậy, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã nêu bật tầm quan trọng của sự nghiệp xây dựng kinh tế miền núi đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đã đề ra những phương hướng lớn. Trong

nông nghiệp, Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm, cũng đã căn cứ vào tinh thần Nghị quyết của Đại hội III, đề ra phương hướng xây dựng dần dần miền núi thành những vùng nông nghiệp mới có tính chất toàn diện, biến miền núi từ một nền kinh tế vốn là tự cấp dần dần trở thành một nền kinh tế có nhiều sản phẩm hàng hóa, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân và phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà. Đó là những đường lối căn bản để phát triển nông nghiệp ở miền núi.

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ở miền núi, chúng ta cần phải chú ý đến những đặc điểm sau đây:

1. Miền núi còn nhiều đất đai chưa khai phá, có khả năng để mở rộng thêm diện tích (khoảng 1 triệu hécta); có nguồn nước nhiều, nguồn phân nhiều, sức kéo đầy đủ để đẩy mạnh tăng năng suất; có nhiều loại đất đai thích hợp để phát triển sản xuất toàn diện cả lương thực, chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp, *nhất là có nhiều khả năng để phát triển mạnh chăn nuôi, nghề rừng và cây công nghiệp* hơn hẳn miền xuôi, và do đó mà có khả năng cải thiện từng bước đời sống của nhân dân, tăng cường lực lượng của hợp tác xã và bảo đảm nhu cầu của Nhà nước. Bên cạnh những thuận lợi đó nông nghiệp miền núi miền Bắc nước ta cũng có những khó khăn: người thưa, sức lao động thiếu, trình độ sản xuất thấp, nhu cầu sinh hoạt còn đơn giản; đất hoang còn nhưng hầu hết là đất dốc, đất nhiều nơi lại đã bị làm đi làm lại nhiều lần; việc canh tác trên đất dốc, việc bảo vệ rừng, bảo vệ đất, chống xói mòn cũng rất phức tạp, v.v.. Nói tóm lại, miền núi có khả năng tiếp thụ thêm hàng triệu người và có khả năng để làm ra nhiều của cải hơn so với miền xuôi, nhưng khó khăn cũng

không phải là ít. Cho nên chúng ta có điều kiện phát triển sản xuất toàn diện, khai thác hợp lý những khả năng tiềm tàng của miền núi, nhưng phải chú ý giúp đỡ khắc phục các khó khăn, tạo ra cho nhân dân những nhu cầu mới, đồng thời cũng phải tiến bước một cách rất vững chắc.

2. Tính chất vùng của miền núi rất phức tạp, không những có vùng thấp, vùng giữa, vùng cao, mà ngay trong mỗi vùng đó tình hình khí hậu, đất đai, tập quán và kỹ thuật canh tác, thành phần dân tộc cũng khác nhau rất nhiều. Trong khi lãnh đạo nông nghiệp ở miền núi, cần phải chú ý đến sự khác nhau của từng vùng đó và phải đặc biệt chú ý đến việc chấp hành đúng chính sách đoàn kết dân tộc.

3. Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi đã căn bản hoàn thành ở vùng thấp, hợp tác xã của đồng bào miền xuôi lên khai hoang dần dần được xây dựng, các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh phát triển đều là những cơ sở tốt để phát triển nông nghiệp. Nhưng chúng ta cũng còn có nhiều khó khăn do đặc điểm phân tán của miền núi gây nên cũng như những khó khăn về các mặt tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã và cải tiến công tác quản lý hợp tác xã; thành phần kinh tế cá thể còn một bộ phận không phải nhỏ, nhất là ở vùng cao, vùng còn du cư du canh và những nơi dân cư lẻ tẻ ở vùng thấp.

4. Vấn đề lưu thông, chế biến, cung cấp, tiêu thụ có tác dụng rất lớn đối với việc phát triển nông nghiệp ở miền núi thì đang còn yếu và có những mặt còn phải giải quyết lâu dài.

Căn cứ vào những đặc điểm trên đây, phương hướng phát triển nông nghiệp đề ra chẳng những phải phù hợp với đặc điểm chung của miền núi và phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế quốc dân, mà còn phải phù hợp với khả năng của từng vùng và hợp với yêu cầu của từng dân tộc; quy mô tổ chức và quy mô sản xuất chủ yếu phải là nhỏ và vừa; phải

giải quyết tốt mối quan hệ giữa tập trung và phân tán; giữa việc giải quyết những nhu cầu trước mắt với việc quy hoạch phát triển lâu dài; giữa việc phát huy lực lượng của địa phương với việc tăng cường thêm lực lượng và phương tiện cho miền núi; phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, giữa nông lâm nghiệp với công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, giữa sản xuất với chế biến và lưu thông; đồng thời phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế tập thể với kinh tế quốc doanh, giữa kinh tế tập thể với kinh tế phụ gia đình và bộ phận kinh tế cá thể còn tồn tại. Đi đôi với sản xuất cần phải đề cao ý thức tiết kiệm và ý thức bảo vệ tài nguyên chung.

Căn cứ theo tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm và tình hình, đặc điểm đã phân tích ở trên, phương hướng phát triển nông nghiệp ở miền núi hiện nay là:

*Dựa vào hợp tác xã, nông trường, lâm trường quốc doanh, sử dụng tốt lực lượng lao động ở miền núi, kết hợp với việc tiếp thu và sử dụng tốt lực lượng lao động ở miền xuôi lên, ra sức đẩy mạnh khai hoang, tăng vụ và tích cực tăng năng suất trên toàn bộ diện tích.*

*Phát triển nông nghiệp toàn diện, sát với khả năng của từng vùng; chú trọng tăng sản lượng lúa và ngô, đặc biệt đẩy mạnh việc trồng các loại hoa màu lương thực, đồng thời hết sức lợi dụng ưu thế của miền núi để phát triển mạnh chăn nuôi, nghề rừng và cây công nghiệp; kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất với chế biến và lưu thông nhằm nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc miền núi và phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà; phá bỏ dần chế độ sản xuất độc canh, tiến tới chế độ đa canh, biến miền núi từ chỗ kinh tế tự cấp, tự túc, trở thành một nền kinh tế nông nghiệp có nhiều sản phẩm hàng hoá, nhất là sức kéo, thịt, sữa, sản phẩm nghề rừng và sản phẩm cây công nghiệp. Phấn đấu trong vòng từ 10 đến 15 năm, làm cho kinh tế miền núi trở nên tương đối phồn vinh, tức là dân cư đông đúc hơn,*

*nhân dân được ăn no, mặc ấm, khỏe mạnh hơn, trình độ văn hoá cao hơn, giao thông liên lạc thuận tiện hơn và có các thị trấn mới xuất hiện; làm cho miền núi thành một vị trí khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh về quốc phòng.*

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), dựa vào phương hướng trên đây, chúng ta *phải tranh thủ đạt được một sự chuyển biến rõ rệt* trong nông nghiệp ở miền núi theo vị trí và tốc độ của các ngành sản xuất như sau: *Lương thực hết sức coi trọng để nói chung có thể căn bản đủ cung cấp, và cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng đều phát triển.* Trên cơ sở đó khắc phục một bước tình trạng sản xuất độc canh, phát triển thêm sản phẩm hàng hoá, cung cấp được một phần sản phẩm cho nhu cầu chung và cải thiện đời sống của nhân dân miền núi hơn nữa, đưa mức sống của nông dân xã viên lên ngang mức sống của những nông dân khá giả hiện nay ở miền núi. Trong khi xây dựng và thực hiện những phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, cần phải dự kiến phương hướng và kế hoạch phát triển lâu dài, để có sự chuẩn bị trước về mọi mặt và kết hợp tiến hành xây dựng cơ sở ngay từ trong kế hoạch 5 năm này, tránh được những sự lãng phí và lúng túng xảy ra do chỉ chú ý đến tình hình và những nhu cầu trước mắt, đồng thời cũng tránh viển vông.

### III- NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ CÁC CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP CHÍNH SÁCH, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT

#### 1. Nhiệm vụ sản xuất từng mặt

##### a) Về trồng trọt:

Phát triển sản xuất *lương thực* ở miền núi là một nhiệm vụ rất lớn và phải hết sức coi trọng. Yêu cầu sản xuất lương thực trong 5 năm nay là: nói chung phải bảo đảm cung cấp lương thực cho nhân dân ăn no (kể cả những nhân khẩu phi

nông nghiệp và nhân dân ở miền xuôi lên khai hoang), có dự trữ, có đủ thức ăn để phát triển mạnh chăn nuôi, và cung cấp được một phần lương thực cho các khu công nghiệp và công trường lớn do Trung ương quản lý, đồng thời tùy theo điều kiện từng nơi mà cung cấp một phần để cung cấp cho nơi thiếu. Ở vùng cao thì chủ yếu là phải tự giải quyết lương thực và dự trữ tại chỗ. Các cơ quan, xí nghiệp, công trường doanh trại quân đội cũng phải tích cực sản xuất lương thực để tự túc một phần.

Trong sản xuất lương thực ở miền núi phải chú ý 5 loại chính: lúa, ngô, sắn, giồng riềng, khoai, đồng thời tùy theo tình hình mà phát triển các loại mì, mạch, kê, ý dĩ, cao lương, các loại rau, bí, đậu và các củ có bột khác. Sản xuất hoa màu phải đi đôi với việc tổ chức chế biến và vận động ăn hoa màu với một mức thích hợp, gắn liền với việc sản xuất nhiều thịt, cá, sữa.

Trên cơ sở giải quyết tốt vấn đề lương thực, cần phải phát triển mạnh sản xuất *cây công nghiệp*, trong đó vừa phải phát triển các loại cây ngắn ngày, vừa phải tích cực gây cơ sở các loại cây dài ngày (gồm cả cây ăn quả), phát triển thành những rừng cây công nghiệp, nhằm tăng thêm sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập và cung cấp sản phẩm cây công nghiệp một cách lâu dài. Cần phải chú trọng phát triển các loại cây có sợi (bông, gai, lanh, cây làm sợi nhân tạo), cây có dầu, phát triển chè, đậu tương, các loại cây đặc sản quý, cây làm thuốc và một số cây ăn quả; vừa phát triển mạnh các loại cây nhiệt đới, vừa chú ý khai thác những khả năng của một số loại cây ôn đới. Chú trọng việc bảo vệ, khôi phục và phát triển một số cây công nghiệp và cây ăn quả mọc tập trung thành rừng mà hiện nay chưa khai thác. Về tổ chức sản xuất, một mặt vẫn phải tiếp tục khuyến khích việc trồng cây công nghiệp lẻ tẻ để cung cấp cho nhu cầu của hợp tác xã và của địa phương, mặt khác, cần phải tập trung chỉ đạo phát triển một số loại cây quan trọng ở một số vùng theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước. Hiện nay cần phải dần dần phát

triển một số vùng cây có sợi, vùng chè, một số vùng trồng nhiều cây có dầu và cây đặc sản quý, để vừa tiện cho việc tổ chức sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật, vừa dễ tổ chức chế biến và tiêu thụ. Cần tổ chức chặt chẽ việc chế biến cây công nghiệp để bảo đảm chế biến tại chỗ một phần sản phẩm.

Hợp tác xã và nông trường quốc doanh phải mở rộng kinh doanh cây công nghiệp để bảo đảm cung cấp theo kế hoạch. Các hợp tác xã mới ở những vùng khai hoang tập trung cũng phải trên cơ sở giải quyết phần lớn nhu cầu lương thực mà chuyển dần sang lấy việc phát triển cây công nghiệp là chủ yếu.

Để bảo đảm tốc độ phát triển sản xuất lương thực và cây công nghiệp đã đề ra, công tác *khai hoang, tăng vụ, tăng năng suất đều rất lớn và đều phải chú trọng*.

Về khai hoang, miền núi phải đảm nhiệm thực hiện phần lớn nhiệm vụ khai hoang đã đề ra, nhằm mở rộng diện tích, điều chỉnh nhân lực, khai thác những tài nguyên tiềm tàng về nhiều mặt. Để phục vụ cho công tác khai hoang, cần phải *kết hợp đúng đắn nhiệm vụ khai hoang với việc bảo vệ và phát triển rừng, có quy hoạch toàn diện những nơi cần giữ rừng, giữ cây, giữ đồng cỏ chăn nuôi và những nơi có thể cho khai hoang trồng trọt, và phải có phương hướng sản xuất thích hợp trên từng loại đất*. Cần mở một cuộc vận động giáo dục sâu rộng về việc thực hiện nhiệm vụ khai hoang trong nhân dân, định rõ trách nhiệm cho các địa phương trong công tác chỉ đạo khai hoang và tăng cường cho tổ chức chuyên trách về khai hoang của các cấp. Đi đôi với việc phát huy khả năng của hợp tác xã và nhân dân, Nhà nước cần theo khả năng mà tích cực giúp đỡ cho công tác nhân dân khai hoang về vốn và phương tiện, chú trọng giúp đỡ cho những hợp tác xã và địa phương có đất, có tài nguyên mở rộng sản xuất để tạo điều kiện tiếp thu thêm nhân lực đến khai hoang. Đặc biệt chú trọng *bảo đảm chấp hành đúng chính sách dân tộc*.

Hướng tăng vụ thì chủ yếu là tăng vụ trên những diện tích ruộng đất mới trồng cây một vụ, tăng thêm vụ trên đất thổ

canh và tăng vụ một phần trên nương rẫy, đi đôi với việc tích cực trồng xen kẽ một cách hợp lý. Do đặc điểm xói mòn nhiều cho nên vấn đề giữ đất, giữ màu và tăng năng suất ở miền núi rất lớn và rất quan trọng, phải chú trọng thường xuyên cả trên ruộng, trên đất thổ canh, trên nương rẫy và trên những đất mới khai hoang. Việc sản xuất trên nương rẫy cũng phải đi dần vào thâm canh để bớt dần việc phát nương một cách bừa bãi.

**b) Chăn nuôi:**

Chăn nuôi ở miền núi rất toàn diện và là một ngành lớn trong nông nghiệp, phải có tổ chức và chỉ đạo chặt chẽ như đối với trồng trọt và gắn liền với trồng trọt. Nhiệm vụ của công tác chăn nuôi ở miền núi là phải: bảo đảm cung cấp sức kéo, phân bón, cung cấp thịt, da, len và tiến lên cung cấp nhiều mật ong và sữa, *dần dần làm cho chăn nuôi trở thành một nguồn lương thực quan trọng* của miền núi.

Về đại gia súc, cần phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò để cày kéo, chăn nuôi sinh sản và dần dần phát triển chăn nuôi để vắt sữa, *lấy chăn nuôi sinh sản làm trọng tâm*; vừa phát triển mạnh chăn nuôi của nông trường quốc doanh và hợp tác xã, vừa khuyến khích chăn nuôi của gia đình. Cần khôi phục và phát triển nhanh một số đàn trâu, bò ở những nơi có điều kiện, nhất là ở một số nơi quần chúng đã có kinh nghiệm chăn nuôi từ trước. Chú trọng phát triển chăn nuôi ngựa.

Về tiểu gia súc thì lấy việc chăn nuôi của gia đình là chủ yếu, nhưng hợp tác xã cần cố gắng tổ chức chăn nuôi tập thể theo quy mô nhỏ, đồng thời phát triển mạnh việc chăn nuôi trong các nông trường quốc doanh và các hợp tác xã mới do khai hoang lập nên. Các cơ quan, thị trấn, công trường, lâm trường, doanh trại quân đội cũng phải tích cực chăn nuôi để cải thiện thêm đời sống. Ngoài việc phát triển lợn, gà, vịt... cần phát triển mạnh việc nuôi dê, nuôi ong mật, nuôi cá, và tùy điều kiện từng nơi, mà phát triển nuôi cừu, thỏ, hươu, nai, v.v..

Cần chú trọng khắc phục dần lối chăn nuôi tự nhiên, đưa công tác chăn nuôi đi vào có tổ chức và có kỹ thuật. Đối với việc chăn nuôi tập thể, cần phải có sự *chuẩn bị tốt thức ăn, chuồng trại, có người chuyên trách*, có chính sách công điểm thích đáng và chính sách hưởng lợi khuyến khích người nuôi trâu, bò đẻ và bê nghé. Cần dành một phần sức lao động và đồng cỏ để cho gia đình xã viên chăn nuôi trâu, bò, ngựa.

**c) Nghề rừng:**

Rừng và đất rừng là tài sản của nhân dân, thuộc sở hữu toàn dân. Phương hướng phát triển nghề rừng là phải *kết hợp chặt chẽ lực lượng của quốc doanh với lực lượng của hợp tác xã, kết hợp chặt chẽ việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo và trồng rừng với việc khai thác và chế biến lâm sản*, nhằm bảo đảm cung cấp thường xuyên và lâu dài sản phẩm lâm nghiệp cho nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế quốc dân, tăng thu nhập của nhân dân và Nhà nước, đồng thời phát huy tác dụng phòng hộ của rừng đối với sản xuất nông nghiệp. Cần có hướng khai thác và phát triển cụ thể thích hợp với tính chất từng loại rừng (rừng nứa, rừng núi đá, rừng gỗ), nhằm tuyệt đối bảo đảm việc tái sinh, tu bổ, cải tạo đi đôi với khai thác, làm cho rừng ngày càng giàu có về gỗ và các lâm sản khác. Ngoài ra, cần khoanh một diện tích đối trợ cần thiết vào trong phạm vi đất rừng Nhà nước để phục hồi hoặc trồng lại rừng, nhằm phục vụ cho công nghiệp, kết hợp với việc phục vụ nhu cầu phòng chống hạn, lũ, gió. Khuyến khích việc trồng cây gây rừng trong hợp tác xã và trong các gia đình đi đôi với tổ chức nhận khoán việc khai thác chế biến lâm sản và trồng rừng, tu bổ, cải tạo rừng với quốc doanh lâm nghiệp.

Cần phải đặt rất cao công tác bảo vệ rừng, tổ chức việc quản lý rừng chặt chẽ, chống mọi hiện tượng khai thác bừa bãi và những hiện tượng phát nương và khai hoang vào những diện tích rừng cần bảo vệ. Việc điều tra cơ bản, tìm hiểu và phát hiện những lâm sản quý của vùng nhiệt đới, việc quy hoạch thiết kế rừng, xây dựng các chế độ quản lý và bảo vệ rừng,

xây dựng kế hoạch phát triển các nguồn lợi của rừng, cũng cần phải được xúc tiến mạnh mẽ phục vụ kịp thời cho việc phát triển nghề rừng theo quy mô ngày càng lớn. Đồng thời phải ra sức đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật lâm nghiệp, trong đó cần chú trọng đào tạo những cán bộ người miền núi.

Ngoài ra, cần có chính sách và kế hoạch giải quyết thích đáng vấn đề nhân lực và lương thực, để bảo đảm cho lâm nghiệp phát triển tương xứng với vị trí của nó ở từng vùng. Việc quy hoạch sử dụng đất đai giữa lâm nghiệp và nông nghiệp cũng phải làm sớm, do các ngành có liên quan cùng phối hợp nghiên cứu và quy định, dưới sự thống nhất chỉ đạo của Phủ Thủ tướng và Ủy ban hành chính các địa phương.

**d) Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp:**

Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp không những có tác dụng thúc đẩy trước mắt, mà còn có tác dụng thúc đẩy lâu dài đối với việc phát triển kinh tế miền núi, đặc biệt là đối với việc phát triển nông nghiệp. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp ở miền núi phải bảo đảm sửa chữa và sản xuất cung cấp đủ các loại công cụ canh tác, tưới nước, vận chuyển, chế biến của địa phương, phát triển mạnh ngành chế biến nông lâm sản và tiến lên tự sản xuất lấy phần lớn những hàng tiêu dùng cần thiết thích hợp với các dân tộc miền núi. Hướng phát triển công nghiệp địa phương là ở thị trấn; hướng phát triển thủ công nghiệp là: vừa phát triển một số ngành quan trọng và cần thiết ở thị trấn, vừa phải tùy theo yêu cầu và khả năng mà phát triển nhiều cơ sở trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là sửa chữa, sản xuất nông cụ và chế biến nông lâm sản). Các nghề phụ như đan lát, dệt vải... thì chủ yếu là do gia đình xã viên làm. Để thúc đẩy công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, cần phải chú ý đến ba mặt sau đây: tăng cường cho các xưởng cơ khí của địa phương (cả về thiết bị, cán bộ kỹ thuật và nguyên vật liệu), phát triển nhiều cơ sở thủy điện nhỏ, đào tạo nhiều cán bộ, công nhân cho miền núi.

**2. Phát triển sản xuất ở vùng cao**

Trong toàn bộ công tác phát triển nông nghiệp ở miền núi, đi đôi với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất ở vùng thấp, cần phải chú ý nhiều hơn nữa đến việc phát triển sản xuất ở vùng cao và vùng giữa. Cần phải căn cứ vào khả năng và kinh nghiệm cụ thể ở từng vùng mà định phương hướng sản xuất, trong đó cần chú ý đến tình hình cư trú phân tán và những khó khăn về giao thông ở nhiều vùng. Nhìn chung, ở vùng giữa và vùng cao, trong thời gian trước mắt phải *phát triển sản xuất lương thực để tự giải quyết và có dự trữ tại chỗ, phát triển mạnh chăn nuôi, phát triển nghề rừng và phát triển một số loại cây công nghiệp thích hợp*, vừa có giá trị kinh tế cao, vừa dễ bảo quản và chuyên chở, nhưng phải *có trọng tâm* cho từng vùng, từng nơi một, và phải chú ý đến vấn đề tiêu thụ, chế biến, không nên vận động phát triển sản xuất một cách tràn lan. Ở những vùng khí hậu lạnh, cần tích cực phát triển một số loại cây ôn đới như lanh, cây thuốc và một số cây ăn quả.

Phải trên cơ sở giải quyết đúng phương hướng sản xuất và phương hướng kỹ thuật mà dần dần tổ chức việc *định canh định cư từng bước, theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện*, nhằm ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào hiện còn du canh, giảm bớt được tình trạng đốt rừng và làm hỏng đất. Việc định canh chủ yếu là phải định canh *tại chỗ*; việc đưa đồng bào từ vùng cao xuống vùng thấp phải rất thận trọng và phải có sự chuẩn bị kỹ về nhiều mặt.

Yêu cầu chung của công tác định canh, định cư là phải *bảo đảm đời sống ổn định, tư tưởng ổn định và đoàn kết tốt*, hết sức tránh tình trạng gò ép, gây ra những kết quả không tốt, có hại đến chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ. Nhà nước cần dành vốn và phương tiện để giúp đỡ một phần cho đồng bào lúc đầu sản xuất và đời sống chưa đi vào nề nếp. Các cơ quan nông nghiệp và lâm nghiệp phải tùy theo khả năng mà giúp đỡ giải quyết công việc làm hoặc hướng dẫn sản xuất những ngành thích hợp. Các cấp ủy địa phương

phải nghiên cứu cụ thể điều kiện từng nơi và trực tiếp lãnh đạo công tác này. Ban Dân tộc phụ trách nghiên cứu một số chính sách cụ thể để đề nghị Trung ương và Chính phủ thông qua, đồng thời theo dõi và kiểm tra sự thực hiện.

### 3. Công tác kỹ thuật

Vì kỹ thuật miền núi rất phức tạp và có nhiều tính chất địa phương, cho nên công tác chỉ đạo kỹ thuật phải cụ thể thích hợp và toàn diện. Kỹ thuật trồng trọt phải *sát với từng vùng* khí hậu và từng loại đất; ruộng bằng, đất thổ canh, ruộng bậc thang, đất đồi, nương rẫy; kỹ thuật chăn nuôi phải *sát với khả năng và tập quán từng dân tộc*. Việc tu bổ, cải tạo rừng cũng phải có kỹ thuật thích hợp để *bảo đảm rừng tái sinh nhanh*. Phương hướng chung của công tác kỹ thuật ở miền núi là hết sức khắc phục tình trạng lạc hậu từ lâu đời để lại bằng cách *vừa coi trọng việc nghiên cứu, tổng kết và phát huy những kinh nghiệm tốt sẵn có của các dân tộc vừa tích cực phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến, chống bảo thủ, đồng thời chống máy móc, rập khuôn*. Cần tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc tiến hành cơ giới hoá nông nghiệp ở miền núi nhưng phải thấy trước những khó khăn lâu dài để đi dần từng bước một cách vững chắc.

a) *Thủy lợi*: Phương châm công tác thủy lợi ở miền núi phải dựa vào phương châm thủy lợi chung của miền Bắc, nhưng cần *phải chú trọng nhiều đến việc xây dựng các công trình loại vừa và loại nhỏ, phát triển nhiều phai, đập, hồ chứa nước, bảo đảm việc tưới nước kết hợp với việc chống xói mòn, giữ độ ẩm*. Nhà nước cần có đầu tư đúng mức để xây dựng các công trình loại vừa và loại lớn, đồng thời giúp đỡ một phần và hướng dẫn cho hợp tác xã xây dựng các công trình loại nhỏ.

Yêu cầu công tác thủy lợi ở miền núi trong 5 năm là phải căn bản giải quyết được nạn hạn hán phổ biến cho lúa ruộng, đồng thời phải tận dụng mọi biện pháp để giữ độ ẩm cho những diện tích trồng màu và cây công nghiệp. Cần tích cực

nghiên cứu các biện pháp và công trình để *chống xói mòn và chống lũ*; kết hợp với việc xây dựng các hồ chứa nước và các đập ngăn nước mà phát triển các tuyếnbin tự động đưa nước lên cao và phát triển thủy điện; kết hợp với công tác thủy lợi mà phát triển nuôi cá. Đặc biệt chú ý giải quyết nước cho đời sống và sản xuất ở các vùng khai hoang. Nghiên cứu giải quyết nước cho một số vùng chăn nuôi quan trọng.

Ở vùng cao, phải điều tra nguồn nước và nghiên cứu các loại công trình thích hợp để giải quyết nước cho sản xuất, cố gắng thanh toán nạn thiếu nước ăn cho nhân dân.

b) *Kỹ thuật trồng trọt*: Ngoài vấn đề nước, trong kỹ thuật trồng trọt cần phải đặc biệt chú ý đến các mặt sau đây:

- *Đất*: Đặc điểm nổi bật của miền núi là *đất dốc*, cho nên biện pháp chống xói mòn, bảo vệ và cải tạo đất là một khâu rất quan trọng của kỹ thuật miền núi, phải kết hợp các mặt làm ruộng và nương bậc thang (biện pháp chủ yếu), với các mặt thủy lợi, trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ rừng và trồng rừng mà giải quyết từng bước. Ủy ban Khoa học Nhà nước cần cùng với Bộ Nông nghiệp và các ngành liên quan tổ chức nghiên cứu để sớm đề ra những biện pháp có hiệu quả để hướng dẫn cho các cấp thi hành, đồng thời từng địa phương cũng phải chú ý nghiên cứu tổng kết những kinh nghiệm của nhân dân mà phổ biến. Về *phân bón*, cần phải tận dụng các nguồn phân dồi dào sẵn có ở miền núi, tích cực tổ chức và hướng dẫn việc giữ phân và chế biến phân; kết hợp việc vận động phong trào phân bón với việc vận động vệ sinh và vận động làm chuồng nuôi gia súc. Ở những nơi hiện nay chưa có tập quán hoặc gặp khó khăn trong việc dùng phân thì phải qua việc làm thí nghiệm có kết quả tốt mà phổ biến. Việc sản xuất *vôi* ở miền núi cũng có thuận lợi hơn so với miền xuôi, cần nghiên cứu kỹ chất đất và mở rộng việc dùng vôi ở những nơi thích hợp.

- *Giống*: Phương hướng giải quyết giống ở miền núi là phải lựa chọn, bồi dưỡng, nhân và phổ biến rộng những loại giống tốt sẵn có là chủ yếu. Việc phổ biến những loại giống mới

nhất thiết phải qua làm thí nghiệm có kết quả tốt ở từng xã và trong hợp tác xã. Phải kiện toàn tổ chức chuyên trách về quản lý giống và tổ chức tốt việc chọn giống, giữ giống và quản lý giống trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Phải đặc biệt chú ý chuẩn bị đủ giống cây trồng và gia súc để cung cấp cho các cơ sở khai hoang.

- *Phòng trừ sâu, chuột, châu chấu, thú rừng*: Công tác phòng trừ sâu, chuột, châu chấu, thú rừng ở miền núi có nhiều khó khăn và phức tạp. Nạn *sương muối* cũng thường gây ra nhiều thiệt hại. Vì vậy cần phải đặt công tác phòng trừ sâu, chuột, châu chấu, thú rừng, chống sương muối thành một công tác lớn thường xuyên. Phải xem trọng việc tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm sẵn có của nhân dân, đồng thời tích cực tăng thêm thuốc hoá học trong một phạm vi thích hợp. Cần chuẩn bị sẵn sàng thuốc và những dụng cụ cần thiết để diệt trừ sâu, chuột.

- *Thời vụ sản xuất*: Vì thời vụ sản xuất ở miền núi sớm hơn, khí hậu trong từng vùng và trong từng xã cũng khác nhau nhiều, cho nên cần phải nghiên cứu cụ thể tình hình để quy định thời vụ trồng trọt thích hợp cho từng loại cây ở từng nơi một. Hiện nay cần phải nghiên cứu và có kết luận cụ thể về thời vụ đối với lúa chiêm và lúa Nam Ninh để có thể đẩy mạnh phát triển ở miền núi, mà *tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến sản xuất lúa mùa*; đồng thời phải nghiên cứu thời vụ đối với những loại hoa màu và cây công nghiệp sẽ vận động phát triển mạnh ở một số vùng quan trọng.

c) *Kỹ thuật chăn nuôi*: Dựa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi ở miền núi về căn bản cũng phải tập trung vào giải quyết tốt mấy vấn đề:

- *Thức ăn*: Cần định một số vùng cần giữ đất làm đồng cỏ, và cải tạo một số đồng cỏ hiện có, đi đôi với việc trồng thêm thức ăn và vận động trừ cỏ khô, trừ rơm, để bảo đảm thức ăn quanh năm cho trâu, bò, ngựa; nghiên cứu tìm những loại thức ăn thích hợp cho trâu, bò sữa sẽ vận động phát triển. Về

tiểu gia súc, phải trồng đủ thức ăn và hướng dẫn sử dụng những loại thức ăn phong phú sẵn có và dễ trồng, giảm dần việc dùng quá nhiều lúa và ngô để chăn nuôi.

- *Giống gia súc*: Phải có đủ số đực giống tốt để tăng tỷ lệ chữa đẻ của gia súc cái và phục hồi chất lượng của gia súc ở những nơi đang bị thoái hoá. Về chọn giống, cần chú ý trước hết lựa chọn và phổ biến những loại giống tốt hiện có ở địa phương; việc lai tạo những giống mới rất cần thiết nhưng cũng phải dựa vào các giống địa phương là chủ yếu.

- *Phòng trừ dịch bệnh và chăm sóc*: Vấn đề cấp bách nhất là phải tổ chức chăn dắt tốt, có chuồng tốt, chuẩn bị đầy đủ thức ăn và vận động giữ vệ sinh cho gia súc, nhưng việc tiêm phòng cũng cần được chú ý. Kiên quyết vận động bỏ hẳn lối nuôi thả rông không có người chăm sóc và không có chuồng, vừa hại gia súc, hại hoa màu, vừa mất phân bón. Ngoài ra cần chú ý tổ chức việc kiểm dịch gia súc để ngăn ngừa dịch bệnh lây lan từ nơi này qua nơi khác.

d) *Công cụ và sức kéo*: Để tăng cường sức kéo, vấn đề chủ yếu là phải tổ chức chăn nuôi và chăm sóc trâu, bò tốt, đồng thời sử dụng trâu, bò hợp lý, để vừa tăng sản xuất, giảm sức lao động, vừa có thể dành thêm trâu, bò cung cấp cho miền xuôi.

Về nông cụ, cần phải cố gắng *cải tiến xong căn bản một số nông cụ lạc hậu, dùng những nông cụ tiến bộ của địa phương và những nông cụ nửa cơ giới thích hợp*, đồng thời thí nghiệm bước đầu việc dùng một số máy móc nông nghiệp, nhất là ở các vùng khai hoang tập trung và trong một số cánh đồng lớn. Cần phải chú ý cải tiến các công cụ cày bừa, thu hoạch, vận chuyển, lấy nước, xay giã, chế biến và một số công cụ phục vụ cho khai hoang, công cụ của nghề rừng và công cụ chăn nuôi. Trong công tác cải tiến công cụ, phải rất coi trọng việc phát huy những sáng kiến và kinh nghiệm của địa phương, dựa vào những cơ sở cũ mà cải tiến và nâng cao, tránh rập khuôn và máy móc.

đ) *Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp*: Nhiệm vụ, yêu cầu, phương hướng tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp ở miền núi phải dựa vào phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp nói chung và căn cứ vào phương hướng sản xuất cụ thể ở miền núi mà định. Yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp ở miền núi là phải kết hợp được cả việc chuẩn bị cho lâu dài với việc phục vụ ngay trước mắt, kết hợp giữa công tác nghiên cứu khoa học với việc tổng kết những kinh nghiệm sẵn có của nhân dân. Trước hết cần đi sâu nghiên cứu giải quyết những vấn đề như: nghiên cứu chất đất, giải quyết việc canh tác trên đất đồi và việc chống xói mòn, việc cải tiến nông cụ và cơ giới hoá, việc lựa chọn những loại giống thích hợp, việc phòng chống sâu bệnh, dịch, việc phát triển trâu, bò sữa và phát triển một số vùng cây công nghiệp quan trọng, v.v.. Về mặt tổ chức, Ủy ban Khoa học Nhà nước và Bộ Nông nghiệp cần xúc tiến chuẩn bị và xây dựng cho Khu tự trị Việt Bắc và Tây Bắc những cơ sở nghiên cứu khoa học nông nghiệp và lâm nghiệp, xác định phương hướng nghiên cứu khoa học kỹ thuật ở miền núi, mở rộng và tăng cường phương tiện và cán bộ cho các trại thí nghiệm của các tỉnh và mở rộng mạng lưới các trạm thí nghiệm ở từng vùng. Chú ý xây dựng dần các tổ khoa học kỹ thuật trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và tổ chức mạng lưới khí tượng đến từng khu vực.

Các cấp uỷ địa phương cần tăng cường lãnh đạo công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và chỉ đạo tổng kết để kết luận một số vấn đề kỹ thuật quan trọng. Các cơ quan nông nghiệp ở địa phương cần được tăng cường để có đủ khả năng nghiên cứu và chỉ đạo kỹ thuật. Các bộ nông nghiệp, thủy lợi, nông trường quốc doanh, tổng cục lâm nghiệp và các học viện nông lâm, học viện thủy lợi phải giúp đỡ cho miền núi về cán bộ, phương tiện, thống nhất chương trình nghiên cứu một số đề tài, phối hợp chặt chẽ và trực tiếp hướng dẫn tổng kết một số vấn đề kỹ thuật, bảo đảm cho công tác nghiên cứu

khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền núi đáp ứng được những nhiệm vụ phát triển sản xuất trước mắt và sau này.

#### 4. *Một số chủ trương, chính sách*

a) *Vấn đề lao động*: Cần tích cực khắc phục những khó khăn về tình trạng thiếu sức lao động và lao động bố trí quá phân tán ở miền núi, bảo đảm sức lao động cho nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kiến trúc, v.v.. Phương hướng giải quyết sức lao động ở miền núi là phải kết hợp việc phát huy và sử dụng tốt lực lượng lao động sẵn có ở miền núi với việc đưa thêm nhiều lực lượng lao động ở miền xuôi lên tăng cường cho miền núi; phải dựa vào phương hướng sản xuất mà tập trung lực lượng chủ yếu vào các ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến nông sản, lâm sản, tránh phân tán lực lượng đi làm những ngành nghề chưa thích hợp. Chú ý dành một lực lượng thanh niên cần thiết để làm nông cốt cho sản xuất nông nghiệp miền núi, không nên đưa hết những thanh niên tích cực ở nông thôn thoát ly nông nghiệp. Cần chú trọng cải tiến những tập quán cũ làm ít giờ, ít buổi, tăng thêm nhiều loại công cụ cải tiến và sử dụng thêm sức trâu, bò, ngựa vào những công việc thích hợp để giảm bớt sức người. Trong việc bố trí sử dụng lao động, phải hết sức tránh cho nhân dân phải đi quá xa và phải đi lại nhiều; có chính sách chiếu cố thích đáng đến việc huy động dân công ở vùng cao và những nơi dân cư lẻ tẻ; chú ý tăng cường công tác bảo hộ lao động, giữ gìn sức khoẻ, tổ chức bảo đảm an toàn lao động trong nghề rừng và trong công tác khai hoang.

b) *Vấn đề lưu thông*: Lưu thông có tác dụng rất quan trọng đến việc thúc đẩy sản xuất và mở mang văn hoá ở miền núi. Về mặt *giao thông*, trong những năm tới, cần kết hợp các mặt sản xuất công, nông nghiệp, lâm nghiệp và công tác trị an mà mở các đường giao thông vào những vùng xa xôi hẻo lánh; mở các đường ô tô đến các huyện lỵ, châu lỵ hiện nay chưa có; động viên và tổ chức quần chúng mở các đường liên xã và đường từ xã ra các đường lớn. Để phát triển mạnh giao thông vận tải, cần phải tăng cường các phương tiện cơ giới ở

những nơi có điều kiện, nhưng phải hết sức coi trọng các phương tiện thô sơ, cải tiến và phương tiện nửa cơ giới, phát triển nhiều ngựa thồ, tích cực khai thác các đường thủy. Chú trọng việc cải tiến các công cụ làm đường và tăng cường thêm phương tiện cơ giới để làm đường ở những nơi cần thiết. Về *thương nghiệp*, cần tổ chức hoạt động đi sâu xuống tận cơ sở và các vùng ở xa, bảo đảm cung cấp những hàng cần thiết sát với yêu cầu của từng vùng, từng dân tộc, khơi luồng hàng, tăng mức thu mua nông sản, khuyến khích sản xuất phát triển và góp phần cải thiện đời sống của nhân dân miền núi. Chú trọng khôi phục và mở thêm một số chợ địa phương ở những nơi thuận tiện và tổ chức tốt hoạt động của các chợ đó. Cần nghiên cứu điều chỉnh giá một số loại nông sản, có chiều cố thích đáng đến các vùng cao, vùng xa, nơi mới khai hoang và có chính sách thích hợp cho những nơi phải vận chuyển xa và khó khăn. Tăng cường giáo dục chính sách cho cán bộ thương nghiệp. Hoạt động của các *thị trấn*, nhất là việc xây dựng thị trấn ở các tỉnh lỵ, huyện lỵ và những vùng kinh tế mới cũng có tác dụng quan trọng chẳng những để thúc đẩy việc giao lưu hàng hoá, kích thích sản xuất, thúc đẩy các hoạt động kinh tế, văn hoá, mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc làm thay đổi bộ mặt của miền núi. Cho nên cần tổ chức tốt hoạt động của các thị trấn hiện có và nghiên cứu để có quy hoạch xây dựng dần một số thị trấn mới ở một số vùng có điều kiện.

c) *Việc đầu tư vốn*: Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có đầu tư thích đáng cho nông nghiệp miền núi. Phương hướng đầu tư và cho vay ở miền núi phải chú ý trước hết đến các vấn đề thủy lợi, giao thông, đến các công tác khai hoang, chăn nuôi trâu, bò sinh sản, chế biến nông sản, lâm sản, phát triển công nghiệp địa phương và những ngành thủ công nghiệp quan trọng. Trong ngân sách của Nhà nước cũng như trong việc dự trù tiền cho vay, cần phải tính toán dành riêng hẳn một khoản cho miền núi. Ngoài việc đầu tư và cho vay sản xuất, cần dành một số thích đáng cho công tác đào tạo cán bộ dân tộc, cho việc định

canh định cư, cho công tác văn hoá giáo dục và công tác y tế ở vùng cao và vùng giữa. Cần nghiên cứu thủ tục cho vay thật giản đơn, kết hợp việc cho vay vốn với việc cung cấp vật tư đồng thời chú ý việc huy động vốn trong nhân dân và có biện pháp thu hút số tiền hiện còn ứ đọng vào sản xuất.

d) *Việc quy vùng sản xuất*: vùng nông nghiệp ở miền núi nói chung là những vùng có tính chất tổng hợp, gồm cả trồng trọt, chăn nuôi nghề rừng, nhưng trong mỗi vùng đó, cần căn cứ vào điều kiện thiên nhiên và kinh nghiệm sản xuất mà đẩy mạnh phát triển một số sản phẩm chính quan trọng và thích hợp nhất. Hiện nay, một mặt cần dựa vào những cơ sở sản xuất sẵn có và dựa vào kinh nghiệm của nhân dân mà đẩy mạnh phát triển sản xuất, đảm bảo cung cấp sản phẩm cho nhu cầu chung, mặt khác phải nghiên cứu việc quy vùng sản xuất chung, trước hết là xây dựng một số vùng bông, vùng cây có sợi, vùng chè, vùng trồng một số cây đặc sản quý, vùng chăn nuôi trâu, bò sinh sản và trâu, bò sữa. Trong khi nghiên cứu quy định vùng nông nghiệp, cần hết sức tận dụng khả năng sản xuất của từng vùng nhỏ và phân tán, không nên thiên về xây dựng các vùng sản xuất lớn mà xem nhẹ việc hướng dẫn sản xuất trong các vùng nhỏ. Đối với những vùng xung quanh các khu công nghiệp lớn cần phải tích cực tổ chức việc chuyển hướng dẫn sản xuất, biến thành những vùng sản xuất thực phẩm (rau, thịt, sữa, trứng, cây thực phẩm khác) là chủ yếu.

đ) *Vấn đề phát triển văn hoá, giáo dục, y tế*: Trình độ văn hoá còn thấp của miền núi hiện nay là một trong những trở ngại quan trọng cho việc phát triển sản xuất, củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Nâng cao trình độ văn hoá ở miền núi là một vấn đề cấp bách, có ý nghĩa và tác dụng to lớn đến việc thúc đẩy toàn bộ các mặt công tác. Trong thời gian tới, cần nhanh chóng xoá nạn mù chữ, đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hoá, đồng thời phát triển mạnh công tác giáo dục phổ thông và dần dần phát triển giáo dục chuyên nghiệp ở miền núi. Ở vùng giữa và

vùng cao, cần phải có tổ chức giáo dục thích hợp, tăng thêm nhiều cán bộ có đủ năng lực để tổ chức các lớp học ngay tại xóm, bản. Cần mạnh dạn tổ chức các trường kết hợp học văn hoá với học chính trị, nghiệp vụ và kỹ thuật, kết hợp giữa học tập và lao động sản xuất.

Về các hoạt động văn hoá quần chúng, cần chú trọng phát huy và sử dụng mọi hình thức văn nghệ dân tộc lành mạnh, đồng thời hướng dẫn cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ đi sâu vào miền núi, có những hình thức và nội dung phản ánh được những đặc điểm hoạt động của các dân tộc miền núi. Phát triển các hoạt động thể dục, thể thao và các hình thức vui chơi lành mạnh khác.

Về công tác y tế, hiện nay ngoài việc tiếp tục chống bệnh sốt rét, cần đặc biệt chú ý đến việc vận động vệ sinh phòng bệnh, phát triển thêm các trạm y tế, hộ sinh ở cơ sở, đào tạo nhiều cán bộ y tế người dân tộc, phát triển các túi thuốc trong hợp tác xã. Ở vùng cao cần có một số cán bộ y tế chuyên trách ở từng vùng, đi sâu vào giúp quần chúng tổ chức công tác y tế, vệ sinh và chữa những bệnh thông thường, tăng cường thuốc men và phương tiện cho các vùng đó.

Trên cơ sở phát triển công tác văn hoá và y tế, cần giáo dục và hướng dẫn cho đồng bào dần dần hạn chế, đi đến xoá bỏ những mê tín dị đoan và những phong tục tập quán còn lạc hậu đang cản trở việc phát triển sản xuất và cải thiện đời sống.

e) *Công tác bảo vệ sản xuất, bảo vệ hợp tác xã*: Do vị trí hiểm trở và có đường biên giới dài, miền núi là một trong những nơi địch đang tìm mọi cách xâm nhập và phá hoại, cho nên công tác bảo vệ sản xuất, bảo vệ trị an rất lớn và rất quan trọng. Cần phải kết hợp trong việc vận động sản xuất, củng cố hợp tác xã, mà tăng cường giáo dục cho cán bộ và nhân dân về ý thức cảnh giác chính trị, đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất; trấn áp bọn phản động phá hoại hiện hành, tiểu phi, trừ biệt kích, đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của địch. Cần củng

cố lực lượng công an xã và dân quân để làm nòng cốt cho phong trào bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất. Phải lựa chọn những người tốt để đưa họ vào Ban quản trị hợp tác xã và các bộ phận phụ trách công tác sản xuất, không để cho những phần tử xấu lọt vào, gây ra những hoạt động phá hoại sản xuất. Các ngành có trách nhiệm quản lý biên giới cần tăng cường công tác quản lý biên giới chặt chẽ hơn nữa, nhằm ngăn chặn một cách có hiệu quả kẻ địch lọt vào nội địa ta hoạt động phá hoại.

#### IV- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ VỀ HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NÚI

Cùng với việc phát triển các nông trường và lâm trường quốc doanh, cần phải kiên trì củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, để làm chỗ dựa vững chắc cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp ở miền núi. Nguyên tắc chung của công tác củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi là: *hết sức tận dụng những thuận lợi về đất nhiều, chăn nuôi nhiều, nguồn lợi phong phú mà đẩy mạnh phát triển sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã, nhưng đối với công tác tổ chức và đối với một số chính sách tổ chức hợp tác xã, thì phải tiến hành thận trọng*, tránh gây ra việc xáo trộn tổ chức nhiều và gây ra những sự đột ngột không cần thiết trong tư tưởng và trong sản xuất.

##### 1. Về tổ chức hợp tác xã

Mở rộng quy mô hợp tác xã là một mặt quan trọng để tăng cường lực lượng của hợp tác xã, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng quy mô hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi phải thích hợp với điều kiện địa lý, dân cư và trình độ quản lý của cán bộ. Theo nguyên tắc đó, một mặt phải tích cực tạo điều kiện để mở rộng dần một cách thận trọng quy mô hợp tác xã, nhưng hiện nay chỉ tổ chức những

hợp tác xã quy mô vừa và nhỏ khoảng từ 20 đến 30 hộ, lấy *bản hoặc xóm làm đơn vị*; trừ một số ít nơi có điều kiện gần giống như miền xuôi thì quy mô hợp tác xã có thể to hơn một ít. Những hợp tác xã đã tổ chức quá to, công tác quản lý gặp khó khăn, sản xuất không tốt thì nên có kế hoạch chu đáo để chia nhỏ với quy mô thích hợp. Các hợp tác xã do khai hoang lập nên thì có thể tổ chức khoảng từ 30 hộ, 50 hộ đến trên dưới 100 hộ. Việc đưa hợp tác xã lên bậc cao phải theo đúng những điều kiện đã quy định, không được làm gượng ép.

Ở vùng cao (cả vùng giữa), trong khi chờ đợi nghiên cứu quy định những hình thức tổ chức thích hợp, cần phát triển tổ đổi công để giúp nhau sản xuất. Đối với những hợp tác xã đã tổ chức, cần củng cố một số ít thật có đủ điều kiện để rút kinh nghiệm và làm gương mẫu cho nhân dân, còn nói chung nên chủ động chuyển xuống tổ đổi công, hoặc có thể vẫn giữ hình thức hợp tác xã, nhưng nội dung hoạt động thì đơn giản.

Ở những nơi có nhiều dân tộc xen kẽ, việc phát triển xã viên và hợp nhất hợp tác xã phải tiến hành rất thận trọng, phải nắm vững nguyên tắc tự nguyện và giải quyết hợp lý những sự chênh lệch về kinh tế, bảo đảm được đoàn kết tốt và sản xuất tốt. Trong công tác quản lý lao động, quản lý sản xuất, cần phải chiếu cố đúng mức đến tập quán và kinh nghiệm của từng dân tộc, đồng thời nếu có điều kiện và quần chúng yêu cầu, có thể chia riêng các đội sản xuất theo từng thành phần dân tộc.

## 2. Đường lối giai cấp và chính sách

### a) Đường lối giai cấp

Đường lối giai cấp ở nông thôn miền núi phải vận dụng sát với tình hình đã căn bản thay đổi hiện nay, đồng thời cũng phải chú ý đúng mức đến các vấn đề tồn tại, không thể sớm xóa bỏ ranh giới giữa các tầng lớp và giai cấp ở miền núi.

Ở vùng giai cấp đã phân hoá rõ rệt, về căn bản vẫn phải chấp hành đúng đường lối giai cấp đã quy định chung, tức là một mặt tiếp tục củng cố và bồi dưỡng chỗ dựa là bản nông

và trung nông lớp dưới, mặt khác phải quán triệt sâu sắc hơn tinh thần đoàn kết chặt chẽ với trung nông. Ở vùng *giai cấp chưa phân hoá rõ rệt* thì nhấn mạnh tinh thần dựa vào nông dân lao động, đồng thời chú ý tranh thủ và đoàn kết tầng lớp trên. Nói chung ở cả hai vùng đều phải hết sức chú ý đến vấn đề *đoàn kết dân tộc*. Tất cả đều nhằm xây dựng tốt hợp tác xã và tổ đổi công, đẩy mạnh phát triển sản xuất, củng cố căn cứ địa, củng cố biên phòng, cảnh giác với âm mưu của địch.

Trong công tác tổ chức hợp tác xã, cần phải hết sức đề phòng những phần tử địch chui vào phá hoại, nhưng đối với nông dân lao động thì không nên quá phân biệt giữa bản nông với trung nông lớp dưới. Nhưng chức vụ chủ chốt trong ban quản trị phải do những cốt cán tốt là bản nông và trung nông lớp dưới đảm nhiệm, nhưng ở những hợp tác xã có nhiều xã viên là trung nông lớp trên, cũng cần có thành phần trung nông lớp trên tham gia vào ban quản trị. Các đội trưởng sản xuất hoặc tổ trưởng lao động thì chủ yếu nên chọn những nông dân có kinh nghiệm sản xuất giỏi và có bảo đảm về chính trị, không nên quá phân biệt bản nông và trung nông. Đối với tầng lớp trên, những người nào đã thật sự lao động cải tạo, có thái độ tốt và được xã viên đồng ý thì được kết nạp vào hợp tác xã. Những địa chủ, phú nông đã được cải tạo, nếu đủ những điều kiện như trên cũng được kết nạp vào hợp tác xã làm xã viên thường.

Trong các hợp tác xã có nhiều thành phần dân tộc, cần phải có người đại diện xứng đáng của họ trong ban quản trị và ban kiểm soát của hợp tác xã.

### b) Chính sách đối với trâu, bò và cây lâu năm

Rút những kinh nghiệm vừa qua, việc chấp hành chính sách đối với trâu, bò, cây lâu năm, rừng ở miền núi phải rất thận trọng và chắc chắn, tránh tiến hành tràn lan và nhất loạt.

Đối với trâu, bò, phải căn cứ vào yêu cầu sản xuất, vào trình độ tổ chức quản lý và trình độ giác ngộ của xã viên mà tiến hành công hữu hoá từng phần, công hữu hoá trâu, bò cày kéo

trước, trâu, bò sinh sản sau, hoặc nếu trâu, bò sinh sản không có nhiều thì chỉ công hữu hoá đủ số trâu, bò cày kéo. Ở vùng cao, nói chung chưa đặt vấn đề công hữu hoá trâu, bò. Ngựa thồ thì nhất thiết chưa công hữu hoá. Giá công hữu hoá và giá thuê trâu, bò phải trả theo đúng thời giá trung bình ở địa phương, không nên đặt quá cao hay quá thấp. Những nơi đã công hữu hoá trâu, bò sinh sản, nếu tổ chức chăn nuôi tốt thì cần phải tiếp tục chăn nuôi, nhưng nếu vì công tác quản lý kém, trâu, bò bị gày yếu không phát triển được, thì chỉ nên giữ lại đủ số trâu, bò cày kéo, số còn lại nên giao lại cho những người có trâu, bò và thuộc quyền sở hữu của họ. Đối với trâu, bò cày kéo đã công hữu hoá, nếu tổ chức nuôi, tập trung gặp khó khăn thì cần cho nuôi phân tán để bảo đảm trâu, bò béo khỏe. Tiễn công hữu hoá trâu, bò hợp tác xã còn nợ của xã viên phải trả dần cho họ theo đúng chính sách; tiễn công hữu hoá trâu, bò sinh sản thì có thể trả trước một phần và thời hạn trả ngắn hơn. Nhà nước cần cho hợp tác xã vay một phần để trả dần tiền mua trâu, bò của xã viên.

Cây lâu năm và rừng cây của xã viên chưa nhập hợp tác xã. Nơi nào đã đưa vào hợp tác xã rồi thì cần xem xét lại giá cả để giải quyết cho đúng, hoặc nếu xã viên yêu cầu thì nên giao lại cho họ một ít để sử dụng riêng. Những cây trồng lẻ tẻ, trồng trong vườn, và trồng trên những đất để lại cho xã viên, thì không công hữu hoá; nhưng nơi nào đã công hữu hoá loại cây trên đây phải có kế hoạch giao lại cho chủ cũ.

### 3. Công tác quản lý hợp tác xã

Yêu cầu và phương hướng chung của công tác quản lý hợp tác xã ở miền núi là: *phải bảo đảm sản xuất tốt, đời sống của xã viên không ngừng được cải thiện và hợp tác xã được củng cố.*

Một mặt phải bảo đảm cho kinh tế hợp tác xã *nắm được những ngành sản xuất chính và những loại sản xuất chính*, nhằm phát triển mạnh kinh tế tập thể, đồng thời khuyến khích đúng mức kinh tế phụ của gia đình xã viên, để vừa có lợi cho sản xuất chung, vừa tăng cường được kinh tế tập thể

của hợp tác xã. Theo tinh thần đó, hợp tác xã phải nắm vững ba ngành chính là trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, còn thủ công nghiệp và nghề phụ thì chỉ nên nắm một ít ngành cần thiết. Trong mỗi ngành lại phải tùy theo tình hình thực tế mà nắm những loại chính và quan trọng, không phải cái gì cũng kinh doanh một ít, quá phân tán và tốn mủn. Để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lại phải nắm được *những tư liệu sản xuất chính* và cố gắng sử dụng được khoảng 3/5 lao động của xã viên.

Những quy định về công tác quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp miền núi một mặt phải bảo đảm những nguyên tắc chung, nhưng mặt khác phải giản đơn và thích hợp, không nên rập khuôn và máy móc theo như những quy định đối với miền xuôi. Về kế hoạch sản xuất, trước hết cần cố gắng xây dựng được kế hoạch một vụ, dần dần xây dựng kế hoạch cả năm, tiến lên đề ra được những mục tiêu lớn của kế hoạch dài hạn. Việc ba khoán cũng nên đi dần từng bước và rút kinh nghiệm mà bổ khuyết dần, không nên đề ra nhiều yêu cầu ngay một lúc. Về quản lý tài chính, phải bảo đảm tài chính công khai, thanh toán rõ ràng, nhưng cách lập sổ sách và tính toán thì không nên phức tạp. Phải thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời chiếu cố đến truyền thống đoàn kết tương trợ của đồng bào các dân tộc; chú ý phân phối thích đáng đối với nghề rừng và giải quyết tốt quan hệ phân phối trong những hợp tác xã có nhiều thành phần dân tộc.

Phải tích cực bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, tìm mọi biện pháp để nhanh chóng đào tạo cán bộ tại địa phương là chủ yếu, kết hợp với việc đưa cán bộ đến bổ sung, giúp đỡ cho những hợp tác xã quá yếu; cố gắng bảo đảm cho mỗi hợp tác xã có một chủ nhiệm và một kế toán nắm được công tác quản lý hợp tác xã để làm nòng cốt.

### 4. Kinh tế phụ gia đình của xã viên

Kinh tế phụ của gia đình xã viên cần được chiếu cố đúng mức. Tùy theo tình hình cụ thể, các hợp tác xã có thể để đất

lại cho xã viên nhiều hơn 5% một ít, nhưng chủ yếu là để đất, không để ruộng (nếu đã để ruộng rồi thì cũng không nên xáo trộn lại). Về chăn nuôi, ngoài tiểu gia súc, cần khuyến khích các gia đình xã viên nuôi riêng trâu, bò, ngựa (mỗi hộ có thể nuôi 5 con, 7 con hoặc nuôi nhiều hơn nữa). Về trồng trọt, ngoài việc trồng rau, trồng cây ăn quả, trồng thức ăn cho gia súc trên đất để lại, có thể giao thêm đất cho xã viên trồng một số bông để dùng cho gia đình, trồng một ít cây lấy gỗ hoặc trồng gai bán cho Nhà nước, nhưng số diện tích đất giao thêm đó không nên quá 3 sào cho một hộ. Ngoài ra, xã viên còn có thể đi lấy lâm sản phụ và làm một số nghề phụ khác. Trong công tác quản lý lao động, hợp tác xã cần tính toán dành lao động cần thiết cho xã viên làm kinh tế phụ, nhưng cần nghiên cứu hạn chế dần tình trạng xã viên tự do phát nương để làm thêm, ngoài phần đất đã dành lại cho họ. Những cơ sở sản xuất của kinh tế phụ gia đình dù nhiều, dù ít đều không được nhập hợp tác xã.

#### 5. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã

Để tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi, chúng ta cần phải xuất phát từ những đặc điểm của miền núi mà đề ra giải quyết những vấn đề thiết thực và cụ thể. Thuận lợi của miền núi là: có ruộng đất nhiều, sức kéo đầy đủ, nguồn lợi thiên nhiên phong phú, nhưng khó khăn là: trình độ kỹ thuật thấp, cơ sở kỹ thuật rất thiếu và quá đơn giản. Vì vậy, về lâu dài, cần phải dần dần trang bị máy kéo cũng như các máy móc nông nghiệp khác cho hợp tác xã, thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp, nhưng trước mắt, đi đôi với việc nghiên cứu thí điểm dùng máy kéo ở một số nơi có điều kiện, cần phải tập trung xây dựng một số cơ sở thích hợp có tác dụng thiết thực thúc đẩy sản xuất. Cụ thể là: xây dựng các công trình thủy lợi, bảo đảm đủ nước tưới cần thiết để tăng diện tích và tăng năng suất; tăng cường thêm số lượng và chất lượng trâu, bò cày kéo; phát triển các cơ sở sửa chữa và sản xuất nông cụ, trừ phân và chế

biến phân, các cơ sở chọn giống, giữ giống và các cơ sở thí nghiệm; phát triển các cơ sở chăn nuôi tập thể, các cơ sở trồng rừng và cây công nghiệp lâu năm, các cơ sở chế biến nông sản, lâm sản; xây dựng nhà kho, sân phơi, một số cơ sở phúc lợi tập thể trong hợp tác xã, v.v.. Ngoài ra, tùy điều kiện từng nơi mà xây dựng các cơ sở thủy điện nhỏ, mua sắm một số máy bơm và một số máy chế biến nông lâm sản.

#### 6. Công tác chính trị và tư tưởng

Yêu cầu của công tác chính trị và tư tưởng ở miền núi trong thời gian tới là phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc miền núi hiểu sâu hơn nữa tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III về vấn đề xây dựng kinh tế miền núi và các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm và lần thứ bảy. Trên cơ sở đó, ra sức nâng cao nhiệt tình cách mạng, lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể, truyền thống lao động cần cù và đoàn kết của nhân dân các dân tộc, động viên mọi người tích cực bỏ sức, bỏ vốn vào sản xuất, ra sức củng cố và tăng cường lực lượng của hợp tác xã, đẩy mạnh phong trào cải tiến nông cụ và cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất lương thực (lúa, hoa màu), chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp. Cần khắc phục mọi biểu hiện dễ dàng thoả mãn với những kết quả đã đạt được và các tư tưởng tự ti, bảo thủ, ngại khó, ỷ lại vào thiên nhiên. Đề cao tinh thần tiết kiệm trong sản xuất và trong việc sử dụng tài nguyên, sử dụng sản phẩm. Cần tiếp tục nâng cao lập trường giai cấp, xác định rõ thêm ranh giới giữa lao động và bóc lột; chú trọng giáo dục ý thức đoàn kết dân tộc và tinh thần bình đẳng dân tộc, khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi. Đề cao cảnh giác, kịp thời đập tan những âm mưu

chia rẽ dân tộc của bọn phản động, kiên quyết trừng trị bọn biệt kích, thổ phỉ.

Để tăng cường công tác tư tưởng ở miền núi, cần điều tra, nghiên cứu nắm vững tình hình đặc điểm chung và tình hình tư tưởng của các dân tộc, chống mọi thái độ và cách làm giản đơn, hời hợt, hoặc rập khuôn máy móc cách công tác ở miền xuôi. Đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân miền xuôi, đối với đồng bào miền xuôi lên làm công trường, nông trường hoặc đi khai hoang, cần có kế hoạch tuyên truyền giáo dục, làm cho mọi người hiểu rõ hơn về tình hình miền núi và những nhiệm vụ của Đảng đối với miền núi hiện nay, do đó mà động viên mọi người sẵn sàng góp sức mình để giúp đỡ các dân tộc miền núi phát triển kinh tế và văn hoá, thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ.

#### V- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NÚI

Trong và sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nông nghiệp miền núi sẽ phát triển mạnh và có những chuyển biến mới rất lớn. Công tác lãnh đạo nông nghiệp ở miền núi phải được đặt cao hơn và phải được tăng cường để đáp ứng được với tình hình mới đó.

1. Yêu cầu của công tác lãnh đạo nông nghiệp ở miền núi hiện nay là phải vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách chung sát với đặc điểm từng vùng, bảo đảm quán triệt được những phương hướng và nhiệm vụ đã đề ra vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, để đưa phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp ở miền núi tiến lên một cách toàn diện mạnh mẽ và vững chắc; khắc phục mọi biểu hiện rập khuôn, máy móc. Cần nắm vững những thuận lợi để ra

sức phát huy, đồng thời phải nhìn thấy hết những khó khăn và nhược điểm của miền núi để tích cực tạo điều kiện khắc phục dần, hết sức tránh thái độ bi quan hoặc khuynh hướng phân tán đã bắt đầu nảy ra trong một số cán bộ, đảng viên.

2. Nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành ở miền núi về căn bản cũng theo như quy định trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm. Do đó, cần phải tăng cường cán bộ và phương tiện cho cấp tỉnh để có thể dần dần trực tiếp nắm được cấp xã, đồng thời cũng cần phải tăng cường đúng mức cán bộ có chất lượng cho cấp huyện, để có thể đi sâu được xuống xã và hợp tác xã, giúp cho cấp tỉnh chỉ đạo kịp thời. Đối với cấp xã, một mặt phải hết sức chú trọng bồi dưỡng cán bộ địa phương thuộc thành phần các dân tộc để họ có đủ năng lực lãnh đạo mọi công tác, nhưng cũng cần chú ý tăng cường cán bộ phụ trách có năng lực cho một số nơi quá yếu,... Các cấp uỷ tỉnh, huyện cần phân công một số cấp uỷ viên và cử một số cán bộ có năng lực về trực tiếp công tác ở cấp dưới và cơ sở, để tăng cường cho dưới và giúp cho việc lãnh đạo của cấp uỷ được sát và cụ thể hơn.

3. Cần phải có chính sách toàn diện về việc đào tạo cán bộ và tăng cường cán bộ cho miền núi (cả cán bộ chính trị và cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ); có chính sách thích hợp để khuyến khích cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi, khuyến khích cán bộ học tiếng nói và chữ viết dân tộc, đi sâu vào công tác lâu dài ở miền núi. Cần có chính sách tuyển sinh thích hợp để tuyển các học sinh người dân tộc vào học các trường chuyên nghiệp trung cấp và đại học; có chính sách bồi dưỡng thêm về văn hoá và giúp đỡ cụ thể hơn nữa về tài chính, về cán bộ để mở các trường văn hoá, kỹ thuật và

ng nghiệp vụ ở địa phương. Biên chế tổ chức cũng phải được nghiên cứu quy định sát cho từng địa phương và từng cấp.

4. Các ngành trung ương cần phải quán triệt vị trí và đặc điểm của miền núi, đi sát góp ý kiến cho các địa phương và đi sâu vào nắm các mặt công tác tổ chức, chính sách, đào tạo cán bộ, kiểm tra công tác ở cơ sở và tổng kết kinh nghiệm. Cần tăng cường bộ phận chuyên trách theo dõi miền núi của các ngành, trong đó cần có một số cán bộ người dân tộc miền núi. Đối với các tỉnh vừa có miền xuôi, vừa có miền núi, cần phải tăng cường tổ chức chuyên trách miền núi và quy định trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức đó. Những nơi có nhiều vùng cao cũng phải lập bộ phận chuyên trách công tác ở vùng cao và tăng cường cán bộ, tăng cường phương tiện làm việc cho bộ phận đó.

5. Cần đặc biệt chú trọng tăng cường công tác xây dựng và củng cố cơ sở Đảng, chấp hành đúng tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm và Nghị quyết của Hội nghị Tổ chức lần thứ năm về công tác củng cố cơ sở Đảng ở nông thôn, làm cho tổ chức cơ sở Đảng ở miền núi lãnh đạo thống nhất được mọi mặt hoạt động ở xã, chủ yếu là *lãnh đạo việc củng cố và tăng cường hợp tác xã, giữ vững đoàn kết nông thôn, đoàn kết dân tộc, động viên quần chúng đẩy mạnh sản xuất, chấp hành tốt mọi chính sách, nhằm cải thiện đời sống của nông dân, phát triển kinh tế và cảnh giác với âm mưu phá hoại của địch*. Trên cơ sở đó nâng cao tinh thần phấn đấu của đảng viên và củng cố vai trò lãnh đạo của chi bộ.

Cần tiến hành sắp xếp lại tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc của xã, bố trí lại lực lượng lãnh đạo và tăng cường cơ quan lãnh đạo của tổ chức cơ sở, để thiết thực tăng cường lãnh đạo sản xuất, trước mắt là thi hành tốt Nghị quyết 35-NQ/TW của Ban Bí thư về sửa đổi lề lối làm việc và thi hành chế độ cán bộ xã. Việc bồi dưỡng cán bộ xã không phải chỉ trong việc huấn luyện, mà còn phải bồi dưỡng trong công tác thực tế, lấy việc kiểm điểm và tổng kết công tác mà nâng cao nhận thức tư tưởng và trình độ lãnh đạo của họ. Cùng với việc củng cố cơ sở Đảng, cần có kế hoạch từng bước củng cố các tổ chức chính quyền, đoàn thanh niên lao động, hội liên hiệp phụ nữ, phát huy tác dụng của các tổ chức đó ở cơ sở, đồng thời để thiết thực tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng.

\*  
\*   \*

Phát triển nông nghiệp ở miền núi là một nhiệm vụ trọng yếu của công cuộc phát triển kinh tế chung ở miền Bắc. Chúng ta có những thuận lợi, nhưng cũng có rất nhiều khó khăn phải khắc phục. Cán bộ các ngành, các cấp cần phải đi sâu, đi sát hơn nữa vào công tác miền núi, tổ chức và động viên lực lượng của đồng bào các dân tộc, để phát triển sản xuất, cải thiện hơn nữa đời sống của nhân dân, tăng cường lực lượng của hợp tác xã và phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN CHÍ THANH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 60-CT/TW, ngày 25 tháng 2 năm 1963

**Về nhiệm vụ công tác tuyên giáo trong năm 1963**

**NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO TRONG NĂM 1962**

1. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương và các cấp uỷ Đảng, công tác tuyên giáo trong năm 1962 đã đạt thêm những thành tựu mới trong việc phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trong đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà, và trong nghĩa vụ quốc tế của Đảng và nhân dân ta.

*Tiến bộ khá nhất là công tác tuyên truyền giáo dục về đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.* Chúng ta đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân bước đầu thấy rõ những đặc điểm của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, những khó khăn, thuận lợi và biện pháp cơ bản cần tiến hành trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, bước đầu xây dựng được những quan điểm đúng đắn và khắc phục được những nhận thức sai lầm về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cho đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhất trí hơn với đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa do Trung ương Đảng đề ra. Trên cơ sở hiểu rõ đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã được

bồi dưỡng thêm về ý chí đấu tranh cách mạng, về tinh thần tự lực cánh sinh và cần kiệm xây dựng Tổ quốc, về tinh thần làm chủ tập thể và hợp tác xã hội chủ nghĩa, về đạo đức cách mạng.

Đi đôi và kết hợp chặt chẽ với việc tuyên truyền, giáo dục về vấn đề công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, *công tác tuyên truyền về cách mạng giải phóng miền Nam và đường lối đấu tranh nhằm thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà trong cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Bắc cũng được đẩy mạnh hơn mọi năm và có nhiều tiến bộ*. Chúng ta đã làm cho cán bộ, đảng viên và một bộ phận quần chúng nhân dân ở thành thị và nông thôn nhận rõ hơn tính chất lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, nhận thức rõ thêm về mối quan hệ khăng khít giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, về nhiệm vụ và trách nhiệm của miền Bắc đối với cách mạng ở miền Nam, tăng cường sự nhất trí với đường lối, chủ trương của Đảng, nâng cao ý chí đấu tranh thống nhất nước nhà và nhiệt tình cách mạng đối với phong trào cách mạng miền Nam; khắc phục tư tưởng bàng quan trước đây của một số cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đối với vấn đề giải phóng miền Nam; khắc phục một bước những tư tưởng bị quan hoặc lạc quan tếu, bồi dưỡng thêm tinh thần hăng hái thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thiết thực ủng hộ cách mạng giải phóng ở miền Nam.

Kết hợp với các mặt công tác tuyên truyền, nhất là tuyên truyền về đấu tranh thống nhất, *công tác giáo dục trong cuộc vận động "bảo mật phòng gian và bảo vệ trị an"* đã bồi dưỡng thêm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân (nhất là cán bộ) tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức củng cố quốc phòng, bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự trị an.

Công tác *tuyên truyền quốc tế ở trong nước*, nhằm thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW và Chỉ thị số 47-CT/TW của Bộ Chính trị, đã bảo đảm giáo dục tốt hơn về nhiệm vụ quốc tế

của nhân dân ta, nhất là về nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, giữ vững đoàn kết và tăng cường lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong công tác, đã bước đầu chú trọng đến việc giáo dục những nhận thức cơ bản và có hệ thống về tình hình thế giới, đã kết hợp tương đối tốt việc giáo dục thời sự quốc tế với việc động viên hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng trong nước.

Chúng ta đã có những cố gắng nhất định về cải tiến nội dung và phối hợp lực lượng *tuyên truyền đối ngoại*, điều đó đã góp phần tích cực trong việc tranh thủ thêm sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, nhất là của nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ latin, đối với công cuộc cách mạng miền Nam và sự nghiệp hoà bình thống nhất đất nước của nhân dân ta.

Các mặt công tác tuyên giáo đều tiếp tục phát triển và được cải tiến thêm một bước về nội dung và hình thức theo phương hướng *thiết thực phục vụ sản xuất, đi sát cơ sở và các đối tượng*. Chúng ta đã kết hợp tương đối chặt chẽ tuyên truyền về chủ nghĩa xã hội với tuyên truyền về đấu tranh thống nhất và tuyên truyền quốc tế. Công tác giáo dục lý luận và chính trị tại trường và tại chức đã bắt đầu chuyển hướng tốt. Công tác giáo dục đảng viên đã bước sang thời kỳ mới, kết hợp chặt chẽ giáo dục cơ bản với giáo dục nhiệm vụ trước mắt, và đã có tác dụng củng cố vai trò lãnh đạo của chi bộ. Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III đã thu được kết quả tốt. Công tác giáo dục nhà trường có tiến bộ trong việc liên hệ nhà trường với sản xuất và đời sống. Công tác xuất bản được định rõ về mặt phương hướng, nhiệm vụ và được cải tiến một bước về mặt tổ chức.

*Nhìn chung trong cả năm 1962, công tác tuyên giáo đã góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhận thức nhất trí và sâu hơn về đường lối, chủ trương của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh nhằm giải phóng miền Nam và thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, bảo đảm được sự đồng tình của đại đa*

số đối với quan điểm và thái độ giữ vững đoàn kết quốc tế của Đảng ta. Chúng ta đã tiếp tục đi sâu bồi dưỡng những ý thức tư tưởng cơ bản trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là tư tưởng tự lực cánh sinh, tinh thần cần kiệm xây dựng Tổ quốc, nâng cao ý chí kiên quyết ủng hộ cách mạng miền Nam, và tinh thần cảnh giác cách mạng. Những tư tưởng ấy đã được thể hiện cụ thể và sinh động trong phong trào thi đua yêu nước rộng lớn của quần chúng và đã có tác dụng trong việc bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1962 và trong các công tác khác của Đảng và của Nhà nước.

Công tác tuyên giáo trong năm 1962 đạt được những thành tựu trên đây, trước hết là do Trung ương Đảng có đường lối, chủ trương đúng đắn, và trong năm 1962 đã ra những *chỉ thị, nghị quyết cơ bản về nhiệm vụ, công tác tuyên giáo*. Những văn kiện đó đã giúp các cấp, các ngành và các lực lượng tuyên giáo thống nhất về nhiệm vụ, nội dung và phương châm công tác. Một số cấp uỷ Đảng đã tăng cường lãnh đạo đối với công tác tuyên giáo hơn trước. Trong phong trào quần chúng đã nảy nở thêm nhiều điển hình tốt về người mới, việc mới. Đó là những chỗ dựa rất tốt và là nguồn sinh lực của công tác tuyên giáo. Trong năm 1962, *sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương và các ban tuyên giáo, tuyên huấn nhiều địa phương đã tiến bộ hơn về mặt chất lượng công tác, về quan hệ giữa trên và dưới, về sự phối hợp lực lượng trên các mặt công tác cũng như trong từng mặt*.

2. Những thành tựu và tiến bộ trên đây là quan trọng, nhưng so với yêu cầu thì mức đạt được còn thấp.

*Trong việc tuyên truyền, giáo dục đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, hãỵ còn một số vấn đề làm chưa thật sâu, thật kỹ*. Chúng ta chưa làm cho mọi người hiểu thật rõ những đặc điểm của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, tầm quan trọng to lớn của vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp trong quá trình thực hiện

công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, và do đó mà hiểu một cách sâu sắc đường lối, phương châm cũng như khó khăn và thuận lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và có quan điểm, thái độ và phương pháp đúng đắn để nhận thức và giải quyết các vấn đề trong sản xuất và trong đời sống. Một số ngành và địa phương chưa thật chú trọng làm cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân thấu suốt nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và các Nghị quyết của hai cuộc Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương Đảng. Bên cạnh số cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân có ý thức tốt, đóng góp những ý kiến xác đáng về một số vấn đề cụ thể trong việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, còn có một số cán bộ, đảng viên, thậm chí cả một số ít cán bộ cao cấp, vẫn thắc mắc, hoài nghi về đường lối, chủ trương của Đảng, về phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, về vấn đề đời sống, về khả năng thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm và Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương.

*Việc tuyên truyền, giáo dục về cách mạng miền Nam và đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà, về tinh thần cảnh giác cách mạng* tuy có tiến bộ, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh ngày càng ác liệt ở miền Nam và yêu cầu ngăn ngừa âm mưu của kẻ địch đang tăng cường phá hoại miền Bắc. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa hiểu một cách thật sâu sắc âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, tính chất lâu dài, gian khổ, phức tạp của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, cho nên chưa có đầy đủ ý thức cảnh giác cách mạng và chưa có thái độ thật vững vàng lúc khó khăn cũng như lúc thuận lợi.

Chúng ta cũng *chưa tiến hành được việc giáo dục một cách sâu sắc cho cán bộ và đảng viên, trước hết là cho cán bộ cao trung cấp, những quan điểm cơ bản của Đảng ta về các vấn đề quốc tế*; do đó nhiều người chưa có một cơ sở vững chắc để độc lập suy xét các vấn đề phức tạp xảy ra trên thế giới. Một

số quan điểm sai lầm, trái ngược với quan điểm của Đảng về các vấn đề quốc tế đang tồn tại trong một số cán bộ.

Cá biệt có cán bộ còn *thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật*, nói năng và hành động có hại cho việc đoàn kết nội bộ và đoàn kết quốc tế. Ở nhiều ngành và địa phương hãy còn tình trạng *tàn mạn, cục bộ, bản vị, thiếu nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết và chỉ thị của Đảng*.

Đối với những quan điểm và tư tưởng lệch lạc hoặc hoài nghi trong việc đánh giá tình hình, trong việc nhận thức và chấp hành đường lối và chủ trương đối nội, đối ngoại của Đảng, công tác tuyên giáo chưa tiến hành phê phán đúng mức; đối với một số thắc mắc về sản xuất và đời sống, về thời cuộc thế giới, công tác tuyên giáo chưa giải đáp được sâu sắc và kịp thời. *Tính chiến đấu trong công tác tuyên giáo chưa được mạnh mẽ, sắc bén*.

Sở dĩ còn tình hình như trên, một phần là do công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế của nhiều ngành và địa phương làm chưa tốt, một số chủ trương, chính sách và biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm thực hiện những nghị quyết của Trung ương chưa được kịp thời nghiên cứu và đề ra, cho nên công tác tuyên giáo cũng thiếu một số căn cứ cần thiết để đi sâu tuyên truyền, giáo dục. Nhưng *chủ yếu là do*:

- Cơ quan tuyên giáo ở trung ương và các tỉnh, thành, khu tuy có nhiều cố gắng và tiến bộ, nhưng vẫn chưa đi thật sâu vào những vấn đề lớn của sản xuất và đời sống, chưa nắm chắc được tình hình tư tưởng trong và ngoài Đảng, chưa thật coi trọng công tác lý luận, chưa chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan làm công tác tuyên truyền, giáo dục, cho nên chưa giúp được nhiều hơn cho Trung ương và các tỉnh uỷ,

thành uỷ, khu uỷ trong việc lãnh đạo tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

- Bộ máy tuyên giáo ở các cấp chưa được tăng cường đến mức cần thiết. Cơ quan tuyên giáo và tuyên huấn ở tỉnh, thành, khu chưa đủ lực lượng để nắm vững và chỉ đạo sát công tác tuyên giáo ở cơ sở. Việc bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ tuyên giáo tuy đã được chú ý hơn, nhưng còn đang ở bước đầu, cho nên chưa phát huy được tác dụng đối với yêu cầu của công tác tuyên giáo trong tình hình mới. Trình độ hiểu biết của cán bộ tuyên giáo về đường lối, chính sách của Đảng, về sản xuất và quản lý kinh tế vẫn còn nông cạn.

- Nhiều cơ quan lãnh đạo các ngành ở trung ương và địa phương chưa thật nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác tuyên giáo, chưa thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo tư tưởng và chính trị đối với cán bộ, nhân viên ngành mình và địa phương mình.

\*

\*   \*

#### NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO TRONG NĂM 1963

1. Năm 1963, *miền Bắc* nước ta bước vào năm thứ ba của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong hai năm đầu, chúng ta đã thu được một số thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng kinh tế và văn hoá xã hội chủ nghĩa; đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, các phương hướng và biện pháp phát triển nông nghiệp và công nghiệp đã được vạch ra và đã bước đầu phát huy tác dụng. Trên cơ sở đó, chúng ta đã xây

dựng kế hoạch Nhà nước năm 1963, và sẽ chính thức thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Từ năm nay trở đi, yêu cầu cấp bách của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là một mặt đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; mặt khác, đi sâu vào công tác quản lý kinh tế, xây dựng và tăng cường từng bước chế độ quản lý xã hội chủ nghĩa trong các ngành kinh tế quốc dân, ở khu vực kinh tế quốc doanh cũng như ở khu vực kinh tế hợp tác xã, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân dũng cảm phấn đấu thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Trong lúc ở miền Bắc chúng ta ra sức xây dựng kinh tế và văn hoá xã hội chủ nghĩa thì ở *miền Nam*, nhân dân ta phải ra sức đẩy mạnh cuộc đấu tranh yêu nước chống Mỹ - Diệm. Đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục vũ trang can thiệp ngày càng sâu vào miền Nam. Cuộc chiến tranh phản cách mạng của bọn Mỹ - Diệm chống nhân dân sẽ ác liệt hơn, và có thể gây cho phong trào cách mạng miền Nam những khó khăn mới. Đồng thời, kẻ địch cũng có thể có thêm nhiều âm mưu thâm độc nhằm tăng cường phá hoại miền Bắc. Do đó, nhân dân miền Bắc một mặt cần tăng cường hơn nữa sự ủng hộ đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam; mặt khác, cần ra sức bảo vệ miền Bắc giữ vững trật tự an ninh, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

Tình hình *thế giới* tuy vẫn tiếp tục phát triển theo hướng có lợi cho chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình, nhưng cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi toàn thế giới sẽ gay go hơn. Trong quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, trong phong trào cộng sản quốc tế, có thể có những diễn biến phức tạp hơn năm ngoái. Dựa trên đường lối đối ngoại của Đảng ta và hai bản tuyên bố Mátxcơva, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta phải cố gắng làm tốt hơn nữa nghĩa vụ quốc tế của mình.

Trình độ *tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân* nói chung đã được nâng cao hơn trước, nhưng vẫn có

một số người tư tưởng chưa thật được ổn định, tinh thần phấn khởi cách mạng và quyết tâm phấn đấu chưa cao, sự đoàn kết nhất trí chưa thật vững, ý thức tổ chức và kỷ luật chưa được đầy đủ, ý thức cảnh giác cách mạng còn kém.

Công tác tuyên giáo trong năm 1963 cần xuất phát đầy đủ từ tình hình trong nước, ngoài nước và tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trên đây để có phương hướng, chủ trương và biện pháp tích cực, nhằm làm cho toàn Đảng và quần chúng nhân dân, trước hết là cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp, *nhận thức sâu sắc hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đường lối đấu tranh giành thống nhất nước nhà, đường lối công tác đối ngoại của Đảng, và thấu suốt đầy đủ những đường lối đó trong các mặt công tác; trên cơ sở đó mà tăng cường đoàn kết, củng cố lòng tin tưởng, phát huy mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức và kỷ luật, tăng cường ý chí phấn đấu cách mạng và quyết tâm vượt mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ, thúc đẩy cách mạng tiến lên.*

2. Căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ nói trên, căn cứ vào kết quả công tác tư tưởng trong năm 1962, tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, phương hướng chung về công tác tuyên giáo đề ra trong Chỉ thị số 44 ngày 11 tháng 5 năm 1962 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trong năm 1963, các cấp, các ngành và cơ quan tuyên giáo cần có kế hoạch cụ thể làm tốt những *nhiệm vụ công tác tuyên giáo* sau đây:

1) *Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng kế hoạch Nhà nước năm 1963 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.*

Cần thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục này mà làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thấu suốt một cách sâu sắc và toàn diện *đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của Đảng, vị trí của nông nghiệp và công nghiệp trong công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa,*

nhằm đạt đến một sự nhất trí vững vàng hơn đối với các vấn đề lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đồng thời với việc tuyên truyền, giáo dục về đường lối, phương châm và chủ trương lớn, cần đi sâu tuyên truyền những biện pháp kinh tế và kỹ thuật, và phổ biến đến tận quần chúng các chính sách cụ thể về sản xuất, lưu thông và phân phối.

2) Đi đôi với việc tuyên truyền, giáo dục về kế hoạch Nhà nước, cần tập trung lực lượng tuyên giáo để phục vụ tốt mấy cuộc vận động lớn về quản lý kinh tế: cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" và cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" và cuộc vận động khai hoang.

Thông qua các cuộc vận động đó để bồi dưỡng thêm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về đường lối, chính sách công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa (dựa vào các Nghị quyết của hai cuộc Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương Đảng, kết hợp với các Nghị quyết của Bộ Chính trị mà tiến hành công tác này); về ý thức tư tưởng xã hội chủ nghĩa (ý thức làm chủ tập thể, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, ý thức cần kiệm xây dựng nước nhà, tinh thần chủ động, sáng tạo, quan điểm lao động mới: dũng cảm, có kỷ luật, có kỹ thuật); về quan điểm và nghiệp vụ quản lý kinh tế theo chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở bồi dưỡng tư tưởng như thế mà động viên toàn Đảng và quần chúng nhân dân đi sâu vào quản lý kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

3) Tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân về tình hình miền Nam, đường lối và nhiệm vụ cách mạng miền Nam, trên cơ sở đó mà tăng cường giáo dục tinh thần kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức củng cố quốc phòng, bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự an ninh, đồng thời động viên mạnh mẽ nhân dân miền Bắc ra sức ủng hộ cách mạng miền Nam.

4) Tích cực góp phần tăng cường tổ chức của Đảng, đặc biệt là tổ chức của chi bộ đảng, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Đảng, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, nhất là ở tỉnh, thành, khu, của Đảng uỷ cơ sở và của chi bộ Đảng đối với công cuộc xây dựng kinh tế và văn hoá xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật của đảng viên.

5) Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân những quan điểm của Đảng ta về các vấn đề quốc tế, và thái độ của Đảng ta đối với vấn đề đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, thực hiện sự nhất trí vững chắc trong và ngoài Đảng về các vấn đề ấy. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, nhất là đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

6) Hoàn thành phương án cải cách giáo dục và tuyên truyền, phổ biến và tổ chức trưng cầu ý kiến rộng rãi trong Đảng, trong nhân dân về phương án ấy, tạo cơ sở tư tưởng để tiến hành cuộc

vận động cải cách giáo dục, đồng thời *thực hiện ngay những việc có thể làm trong năm 1963* để cải tiến một bước công tác giáo dục, nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt, nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu của công cuộc xây dựng và quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

7) Để bảo đảm thực hiện và thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ công tác trên đây, cần *tiếp tục chấp hành tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng về các mặt công tác tuyên giáo, và hoàn thành việc tổng kết kinh nghiệm công tác tuyên giáo.*

Trong lúc tiến hành những nhiệm vụ công tác tuyên giáo nói trên, cần chú ý:

- Tiếp tục thấu suốt phương châm *đi sâu vào sản xuất và đời sống, đi sát các đối tượng*, đặc biệt là *cán bộ lãnh đạo*, trước hết là *cán bộ cao cấp và trung cấp*.

- Dựa vào việc *cải tiến sinh hoạt chính trị của chi bộ Đảng* để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ở cơ sở.

- Tăng cường công tác *nghe nghiên cứu lý luận* để giải đáp thắc mắc và kịp thời những vấn đề tư tưởng lớn nảy ra trong sản xuất và đời sống.

- Nâng cao *tính chiến đấu* trong công tác tư tưởng, kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm và hành động sai trái với đường lối, chủ trương của Đảng.

TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC TUYÊN GIÁO, TÍCH CỰC  
BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TUYÊN GIÁO, TĂNG CƯỜNG  
SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VÀ  
CỦA THỦ TRƯỞNG CÁC NGÀNH ĐỐI VỚI  
CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

Trong năm nay, phải làm tốt một bước những việc sau đây:

1. *Sắp xếp lại và tăng cường bộ máy tuyên giáo* các cấp để đủ sức bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ công tác. Đặc biệt coi trọng việc tăng cường bộ máy tuyên giáo tỉnh, thành làm cho tỉnh, thành có thể cùng với cấp huyện nắm và chỉ đạo công tác tuyên giáo ở cơ sở. Cần kiện toàn cơ quan tuyên giáo huyện, khu phố và cơ sở, vì hiện nay nói chung các khâu này rất yếu. Ban Tuyên giáo hoặc Ban Tuyên huấn các cấp phải *nắm chặt hơn nữa các công cụ làm công tác tuyên giáo* như: hệ thống trường Đảng, các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hoá và thông tin, v.v. cần tổ chức *nắm tình hình* công tác tuyên giáo và tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân một cách thường xuyên, và báo cáo kịp thời, đều đặn cho cấp uỷ và cho Ban tuyên giáo hoặc tuyên huấn cấp trên.

2. Xây dựng từng bước vững chắc *mạng lưới báo cáo viên* về thời sự và báo chí, mở rộng *lưới tuyên truyền* ở cơ sở, củng cố và tăng cường *đội ngũ giảng viên lý luận*. Cải tiến tổ chức *thông tin*.

3. Ngoài hình thức bồi dưỡng lâu dài về lý luận và nghiệp vụ, cần thực hiện một số biện pháp trước mắt để *nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ tuyên giáo* về đường lối, chính sách, về quản lý kinh tế, về nghiệp vụ.

4. *Các cấp uỷ Đảng và thủ trưởng các ngành phải lãnh đạo chặt chẽ hơn nữa công tác tuyên giáo*, phải nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác tuyên giáo. Các cấp uỷ Đảng và thủ trưởng các ngành có *trách nhiệm làm công tác tư tưởng* đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng ngoài Đảng trong cơ quan mình, địa phương mình và ngành mình, và phải coi trọng và làm tốt công tác tư tưởng trong các hội nghị do mình triệu tập.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 46-TB/TW, ngày 27 tháng 2 năm 1963

### **Về cuộc họp Ban Bí thư ngày 11-2-1963 bàn về công tác của Ban Nông nghiệp Trung ương trong năm 1963**

I- Trong năm 1962, công tác nông nghiệp đã tập trung vào giải quyết những vấn đề căn bản thuộc phương hướng và chính sách lớn để chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm: phương hướng sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp miền núi; thí điểm vận động cải tiến quản lý hợp tác xã và chuẩn bị cho việc phát động cuộc vận động lớn trong năm 1963; chính sách và biện pháp chăn nuôi, vệ nhân dân khai hoang; bắt đầu nắm vấn đề cán bộ nông nghiệp, vấn đề kiện toàn tổ chức ngành nông nghiệp.

Ban Công tác nông thôn Trung ương đã bắt đầu đi đúng vào chức năng một ban chuyên môn của Đảng, chất lượng công tác tốt. Tuy nhiên có một số công tác cần thiết làm còn chậm, việc nắm tình hình có mặt còn kém, công việc sự vụ còn nhiều. Do đó mà đã hạn chế một phần kết quả công tác. Trong năm 1963 cần tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm để công tác được tốt hơn.

II- Công tác nông nghiệp trong năm 1963 phải *tiếp tục tập trung vào đẩy mạnh việc chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm*, chấp hành các Nghị quyết của Hội nghị nông nghiệp miền núi và Nghị quyết về cuộc vận động

cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc; một mặt vẫn phải tiếp tục giải quyết một số vấn đề về phương hướng và chính sách lớn, nhưng mặt chủ yếu là phải đi sâu vào giải quyết những vấn đề cụ thể về *tổ chức, kỹ thuật và chính sách*. Phải xoay quanh trọng tâm là cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã để đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ năm và Nghị quyết về sản xuất nông nghiệp miền núi. *Trên cơ sở đẩy mạnh "Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" - là một cuộc vận động cách mạng rất quan trọng ở nông thôn, phải tăng cường hơn nữa lực lượng cho nông nghiệp, ra sức phát triển nông nghiệp, làm cho cơ cấu nông nghiệp tiến bộ thêm một bước, phấn đấu tăng nhanh hơn nữa sản xuất lương thực, đặc biệt phát triển mạnh hoa màu, tạo cơ sở thức ăn để phát triển chăn nuôi, và dựa vào chăn nuôi phát triển để tăng nhanh hơn nữa năng suất cây trồng; đồng thời với việc phát triển lương thực, phải tích cực phát triển cây công nghiệp, nhất là những cây có giá trị kinh tế cao.* (Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng kế hoạch Nhà nước năm 1963 về phân nông nghiệp).

III- Trong phương hướng chung đó, công tác của Ban Nông nghiệp Trung ương phải đi sâu vào kiểm tra việc chấp hành các đường lối, phương hướng và những chính sách lớn, đồng thời nghiên cứu tổng kết một số vấn đề quan trọng và cấp bách để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đặc biệt là để bảo đảm tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã. Trong khi thực hiện công tác trước mắt, cần có ý thức chuẩn bị dần cho công tác trong kế hoạch dài hạn về sau.

Trên cơ sở phương hướng chung trên đây, Ban Nông nghiệp cần phải đi sâu vào nắm những công tác chính như sau:

1. Bảo đảm hoàn thành tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã lần thứ nhất, chuẩn bị cho cuộc vận động lần thứ

hai, chuẩn bị và mở cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã ở miền núi.

2. Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ năm, Nghị quyết Hội nghị nông nghiệp miền núi, Chỉ thị của Ban Bí thư về công tác chăn nuôi.

3. Nghiên cứu tổng kết toàn diện một số hợp tác xã, nhất là tổng kết một số vấn đề về quản lý lao động, về tăng năng suất, một số vấn đề về phân phối và vấn đề phát triển chăn nuôi tập thể.

4. Tham gia chuẩn bị và họp các hội nghị: hội nghị hợp tác xã ở nơi có nhiều đồng bào công giáo tập trung, hội nghị đại biểu hợp tác xã tiên tiến, hội nghị khoa học kỹ thuật nông nghiệp (gồm cả vấn đề kỹ thuật, vấn đề công cụ và cơ giới), hội nghị nông trường quốc doanh, hội nghị cây công nghiệp và các hội nghị bàn về lâm nghiệp, thủy sản, và tham gia nghiên cứu một số chính sách thu mua, giá cả, góp phần chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương bàn về công tác tài mậu.

5. Về công tác cán bộ và tổ chức, cần phải: nắm tình hình đào tạo cán bộ nông nghiệp, nghiên cứu kiện toàn tổ chức ban nông nghiệp tỉnh và cùng với các ngành trong khối nông nghiệp nghiên cứu vấn đề phân phối và sử dụng cán bộ kỹ thuật; tham gia chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương bàn về công tác tổ chức.

6. Để bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ nông nghiệp đã đề ra, vấn đề tăng cường lãnh đạo của cấp tỉnh là rất quan trọng. Cần phải đặc biệt chú ý công tác đào tạo cán bộ và công tác tổ chức ở cấp tỉnh. Ban Nông nghiệp Trung ương cần nắm vững trọng tâm công tác, *tập trung khả năng vào công tác nghiên cứu, kiểm tra, tổng kết*. Cần phải phân công cụ thể trong Ban, trong các vụ và định rõ chức trách cho từng cán bộ để phát huy trách nhiệm của mỗi người, giúp cho đồng chí trưởng ban có thể đi sâu và tập trung vào một số công việc lớn.

Về cách làm việc với Ban Bí thư, một mặt cần báo cáo và xin ý kiến kịp thời những vấn đề lớn, mặt khác cần tranh thủ đề xuất những vấn đề có liên quan với các đồng chí trong Ban Bí thư trực tiếp phụ trách công tác ở các ngành.

T/L BAN BÍ THƯ  
Q. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 112-TT/TW, ngày 28 tháng 2 năm 1963

### Về kỷ niệm 80 năm ngày mất của Các Mác

Năm nay, chúng ta kỷ niệm 80 năm ngày Các Mác mất (14-3) trong hoàn cảnh như sau:

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã và đang giành được những thắng lợi vĩ đại trong việc lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cùng với sự lớn mạnh không gì ngăn cản nổi của phong trào cách mạng thế giới, chủ nghĩa Mác - Lênin ngày càng được phát triển phong phú thêm. Đứng trước tình hình ấy, bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng, đặc biệt là bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại... đang tấn công điên cuồng vào chủ nghĩa Mác, hòng chia rẽ và phá hoại phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

2. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được xây dựng vững chắc và đang giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa; cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam chống Mỹ - Diệm đang phát triển thắng lợi. Đó là những bằng chứng hùng hồn về sự thành công rực rỡ của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam, về việc Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác -

Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nước ta ngày càng tin tưởng vào tính chính xác và sức sống vô tận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vào sự lãnh đạo mácxít - leninnít của Đảng ta. Nhưng do lập trường giai cấp chưa được vững vàng, do việc tổ chức nghiên cứu lý luận Mác - Lênin một cách có hệ thống ở trong Đảng và ngoài Đảng mới ở bước đầu, cho nên trước những khó khăn tạm thời của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoặc của cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ của nhân dân miền Nam, cũng như trước sự bất đồng ý kiến hiện nay trong phong trào cộng sản quốc tế, một số cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ít nhiều còn chưa nhận thức rõ tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, hoài nghi sự đúng đắn của đường lối, chính sách cách mạng của Đảng ta.

Xuất phát từ yêu cầu của những nhiệm vụ chính trị của Đảng, căn cứ vào tình hình nói trên, việc tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày mất của Các Mác cần đạt được yêu cầu làm cho trong Đảng và ngoài Đảng, chủ yếu là cán bộ, đảng viên ta:

1) Hiểu sâu sắc hơn tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, thấy rõ những thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác ở Việt Nam và trên thế giới; phê phán những sự xuyên tạc đối với chủ nghĩa Mác, chủ yếu là chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, đồng thời đề phòng chủ nghĩa giáo điều nhằm bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, sáng tạo, bảo vệ và phát triển những thắng lợi mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã giành được ở Việt Nam và trên thế giới, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của phong trào cộng sản quốc tế.

2) Nhận rõ Đảng ta luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, đã và đang vận dụng và phát triển một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, do đó mà bảo đảm cho sự

nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam lần lượt vượt qua được mọi khó khăn trở ngại, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đồng thời bảo đảm cho Đảng ta và nhân dân ta không ngừng cống hiến tích cực vào công cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, giành hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để đạt yêu cầu trên, cần thực hiện những biện pháp sau đây:

1) Trung ương Đảng sẽ tổ chức một cuộc mít tinh long trọng kỷ niệm Các Mác ở Hà Nội.

2) Báo chí và xuất bản có kế hoạch phục vụ cuộc kỷ niệm Các Mác, nhằm giới thiệu sự nghiệp vĩ đại của Các Mác, giới thiệu lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nêu rõ những thắng lợi rực rỡ của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam và trên thế giới.

- Báo *Nhân dân*, Tạp chí *Học tập*, Tạp chí *Tuyên huấn* cần đăng một loạt bài luận văn phù hợp với nội dung trên.

- Các báo *Lao động*, *Tiền phong*, *Quân đội nhân dân*, *Phụ nữ*, v.v. cần căn cứ vào yêu cầu và nội dung trên đây mà viết những bài phổ thông hợp với đối tượng của mình.

- Đài phát thanh cần dùng nhiều hình thức tuyên truyền sinh động để giới thiệu đời sống và sự nghiệp của Các Mác, giới thiệu chủ nghĩa Mác.

- Nhà xuất bản *Sự thật* cần xuất bản một số tác phẩm của Các Mác hoặc nói về Các Mác và chủ nghĩa Mác có quan hệ đến yêu cầu và nội dung trên.

- Tổ chức một đợt phát hành sách báo rộng rãi về Các Mác.

T/L BAN BÍ THƯ  
Q. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 72-NQ/TW, ngày 2 tháng 3 năm 1963

**Về thiết kế sơ bộ Nhà máy Thủy điện Thác Bà**

Sau khi nghe Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước báo cáo dự án thiết kế sơ bộ Nhà máy Thủy điện Thác Bà, Bộ Chính trị đã xem xét, cân nhắc nhiều mặt, và đã quyết định:

1. Tiếp tục xây dựng Nhà máy thủy điện Thác Bà.
2. Mức nước dâng bình thường của hồ chứa là 58m, mức nước bảo đảm khi có lũ lớn (tần suất 10.000 năm một lần) là 61m90; công suất Nhà máy là 108.000 kw; cấp công trình là cấp II; thời hạn hoàn thành toàn bộ Nhà máy vào cuối năm 1967.
3. Ngoài việc cung cấp điện, phải nghiên cứu cách lợi dụng tối đa các mặt khác như: trị lũ, tưới ruộng, nuôi cá, v.v..
4. Trong khi xây dựng Nhà máy, phải chú trọng làm tốt hai loại công việc:
  - a) Tổ chức công trường cho tốt: công trường phải tổ chức tốt, sinh hoạt tốt, lao động tốt. Bộ Kiến trúc phụ trách việc xây dựng công trường. Các Bộ có liên quan phải phối hợp chặt chẽ.
  - b) Dời dân đến những nơi khác một cách chu đáo; giải quyết tốt các chính sách liên quan đến vấn đề này. Tỉnh ủy và Ủy

ban hành chính tỉnh Yên Bái phụ trách là chính, nhưng các ngành ở trung ương phải tích cực giúp đỡ.

Giao cho đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị và là Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì việc phối hợp các ngành và tỉnh Yên Bái để giải quyết tốt các vấn đề nói trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ  
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 73-NQ/TW, ngày 7 tháng 3 năm 1963

**Về chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực  
trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất**

I

Từ ngày hoà bình lập lại đến nay, Đảng và Chính phủ ta luôn luôn coi trọng việc lãnh đạo công tác lương thực. Những chủ trương, chính sách lương thực của Đảng qua các thời kỳ nói chung là đúng, thích hợp với hoàn cảnh miền Bắc nước ta. Từ vụ mùa 1960 trở đi, Đảng đã đặt vấn đề lương thực một cách toàn diện hơn nhằm giải quyết tốt cả ba mặt: khuyến khích phát triển sản xuất lương thực (kể cả lúa và hoa màu có chất bột), đề cao tiết kiệm tiêu dùng lương thực; và tăng cường công tác quản lý lương thực. Chính sách, biện pháp thu mua và phân phối lương thực đã dần dần được bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và sự thay đổi về quan hệ sản xuất trong nông nghiệp. Mức huy động lương thực tuy có vụ cao, vụ

thấp, nhưng nhìn chung cả thời kỳ từ năm 1960 đến 1962 là vừa phải, sát với kết quả sản xuất và thể hiện được tinh thần chiều cố đúng mức cả hai mặt: nhu cầu của Nhà nước và nhu cầu của nông dân, Đảng đã xác định nông dân có nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước, nhưng về biện pháp thực hiện, vẫn lấy vận động chính trị và giáo dục tư tưởng là chủ yếu kết hợp với các biện pháp kinh tế.

Việc lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành trong mấy năm qua cũng có nhiều tiến bộ và đã thu được kết quả tương đối tốt: sản xuất lương thực vẫn tiếp tục phát triển; đối với nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp, mua thóc và ngô cho Nhà nước, ngày càng có nhiều địa phương, nhiều hợp tác xã nông nghiệp hoàn thành nhanh, gọn, tốt; công tác quản lý phân phối lương thực của Nhà nước đang được đưa dần vào nền nếp; việc điều hoà lương thực trong nội bộ hợp tác xã cũng có tiến bộ hơn trước.

Nhìn chung, công tác lương thực, tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng đã có những cố gắng nhằm căn bản đáp ứng được nhu cầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, công tác lương thực vẫn còn những nhược điểm và khó khăn như sau:

1. Trong tình hình lương thực hiện nay, sản xuất vẫn tiếp tục phát triển, tổng sản lượng lúa mấy năm nay vẫn tiếp tục tăng, nhưng chưa theo kịp nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng nhanh. Bình quân thu nhập về lúa tính theo đầu người mấy năm gần đây không tăng, có nơi lại sụt xuống. Sản xuất hoa màu tuy có tiến bộ nhưng chưa được đẩy mạnh đúng mức. Số lương thực Nhà nước huy động được hàng năm có hạn, nhưng yêu cầu phân phối mỗi năm một tăng nhiều, nên việc bảo đảm cung cấp lương thực cho nhu cầu thường xuyên

của người không sản xuất lương thực, và cho những nhu cầu khác có nhiều khó khăn; ở những vùng sản xuất nông nghiệp bị thất bát, nông dân cũng gặp khó khăn.

2. Trong quan hệ với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông dân, trước đây, vì chưa có điều kiện ổn định mức nghĩa vụ bán lương thực, Nhà nước vẫn dựa vào kế hoạch sản xuất của từng năm, từng vụ để định mức thu mua, và tới khi thu hoạch, thường vẫn phải tuỳ theo kết quả thực tế của sản xuất mà điều chỉnh mức lại cho hợp lý. Cách giao mức như thế chưa làm cho nông dân thực sự yên tâm, phấn khởi sản xuất. Thêm vào đó, đi đôi với việc vận động chính trị và giáo dục tư tưởng, ta chưa chú trọng đúng mức đến biện pháp kinh tế, dùng lợi ích vật chất để động viên nông dân sản xuất và hăng hái bán lương thực cho Nhà nước.

3. Về chỉ đạo thực hiện, có nơi, có lúc chưa quán triệt đầy đủ hai yêu cầu của chính sách: có khi thiên về đảm bảo đời sống của nông dân, nhẹ về mặt yêu cầu của Nhà nước, cũng có khi lại thiên về đảm bảo yêu cầu Nhà nước mà không chú ý đúng mức đến nhu cầu thực tế của nông dân. Công tác vận động tiết kiệm lương thực chưa được đề cao. Trong công tác phân phối, nhiều nơi chưa quản lý chặt chẽ việc cấp tem phiếu lương thực và vận dụng đúng tiêu chuẩn cung cấp cho các loại đối tượng trong khu vực không sản xuất nông nghiệp; việc tổ chức cung cấp lương thực cho những hợp tác xã và hộ nông dân trồng cây công nghiệp, trồng rau bán cho Nhà nước đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Việc chế biến ngô, khoai, sắn mới ở bước đầu, chưa có kinh nghiệm, chưa đáp ứng được nhu cầu ăn thay gạo. Việc điều hoà lương thực trong nội bộ nông dân nhiều nơi làm chưa tốt. Công tác quản lý thị trường tuy đã được chú ý hơn, nhưng ở nhiều vùng, tiểu thương hàng xáo vẫn tiếp tục buôn thóc gạo; gần đây, sau vụ mùa, hàng quà, bún, bánh tăng thêm nhiều, nhất là nạn nấu rượu lậu vẫn tồn tại và phát triển. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho giá cả lương thực trên thị

trường có lúc tăng lên cao, đồng thời gây lãng phí lớn về lương thực.

## II

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng về nhiệm vụ và phương hướng phát triển nông nghiệp đang được toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện, và bắt đầu từ năm 1963, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, cải tiến kỹ thuật sẽ được mở rộng theo từng bước chắc chắn ở các địa phương. Tình hình đó sẽ tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn, vấn đề lương thực có nhiều triển vọng được giải quyết khá hơn. Tuy nhiên, trong những năm tới của kế hoạch 5 năm này, các chủ trương, biện pháp phát triển nông nghiệp mới bước đầu thực hiện, khả năng khắc phục thiên tai còn bị hạn chế, việc đưa sản lượng lương thực tăng lên kịp với nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và Nhà nước không phải dễ dàng. Vì vậy, khó khăn về lương thực còn lâu dài, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải có nhiều cố gắng, nhiều quyết tâm hơn nữa mới có thể tiến lên giải quyết vấn đề một cách vững chắc.

Trước tình hình đó, trong thời gian tới, vấn đề lương thực cần được giải quyết theo phương hướng sau đây:

1. Trên cơ sở không ngừng củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, cần ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lương thực nói riêng theo phương hướng của Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng, *tích cực phấn đấu để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, nhằm phục vụ đắc lực cho công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và yêu cầu cải thiện từng bước đời sống của nhân dân*. Sản xuất lương thực phải được đẩy mạnh toàn diện bao gồm lúa, ngô, khoai, sắn, đỗ,..., đặc biệt chú trọng lúa, đồng thời hết sức phát triển hoa màu có chất bột, chú trọng các loại hoa màu có sản lượng cao, như khoai riềng, khoai nước để tăng thêm lực lượng lương thực chung của xã hội, để giải quyết lương thực cho người,

đồng thời đẩy mạnh việc chăn nuôi. Cần *tích cực tổ chức việc chế biến hoa màu* để làm cho thức ăn được ngon và phong phú, để dự trữ được lâu ngày và làm tăng giá trị sản phẩm. Các nông trường quốc doanh có nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất lương thực để góp phần giải quyết vấn đề lương thực của Nhà nước. Ngoài ra, cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào sản xuất tự túc một phần lương thực và thực phẩm ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường, trường học, các đơn vị vũ trang, và nhân dân không sản xuất nông nghiệp theo hoàn cảnh thích hợp của mỗi nơi, nhưng tránh không để ảnh hưởng đến diện tích trồng trọt của hợp tác xã nông nghiệp và của nông dân.

2. Cần *ổn định mức nghỉ vụ lương thực đối với Nhà nước của các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân cá thể trên tinh thần chiếu cố đúng mức đến khả năng sản xuất, nhu cầu của Nhà nước và đời sống của nông dân*, làm cho nông dân yên tâm, phấn khởi sản xuất, cố gắng tăng thêm diện tích, cố gắng tăng năng suất và sản lượng lương thực. Trên cơ sở đó, nông dân sẽ có điều kiện cải thiện đời sống và dần dần có dự trữ lương thực để phòng những lúc thu hoạch sút kém. Mặt khác, Nhà nước *cần đẩy mạnh việc vận động mua thêm thóc, ngô ngoài nghĩa vụ và các loại lương thực khác theo giá khuyến khích* để có thêm lực lượng bảo đảm cung cấp cho nhân dân và tăng thêm dần dự trữ của Nhà nước.

3. Cần đề cao hơn nữa ý thức *tiết kiệm lương thực* trong nhân dân, trong các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chấn chỉnh việc tổ chức cung cấp lương thực, đảm bảo quản lý được chặt chẽ nhưng thuận tiện cho nhân dân. Kiên quyết thực hiện việc hạn chế sự phát triển nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp, trước hết ở các thành phố và khu công nghiệp tập trung. Cần chú ý đúng mức việc giải quyết khó khăn về lương thực cho các vùng trồng cây công nghiệp tập trung và ký hợp đồng bán cho Nhà nước, cho các hợp tác xã và nông dân chuyên trồng rau và chăn nuôi quanh các thành phố theo kế hoạch Nhà nước. Cần tăng cường quản lý thị trường lương thực.

Căn cứ vào những phương hướng và chủ trương chung trên đây, Bộ Chính trị quy định mấy điểm cụ thể về chính sách thu mua, phân phối và quản lý thị trường lương thực như sau:

1) *Mức nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp và bán thóc, ngô cho Nhà nước* (không kể phí thủy lợi và thuê máy kéo vãn thu bằng lương thực) từ nay đến hết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sẽ ổn định chung cho cả miền Bắc vào khoảng 17% tổng sản lượng thu hoạch (tính bình quân trong ba năm 1960-1961-1962). Đối với từng địa phương, tỷ lệ huy động trong nghĩa vụ có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức chung của toàn miền Bắc do điều kiện cụ thể của từng nơi. Mức nghĩa vụ bán lương thực ổn định sẽ giao theo số lượng tuyệt đối căn cứ vào diện tích, sản lượng, vào nhu cầu chi dùng lương thực của từng địa phương, từng hợp tác xã, từng nông hộ, và tham khảo kết quả huy động trong ba năm qua. Đối với những hợp tác xã nông nghiệp, những hộ nông dân cá thể mà tình hình sản xuất có thay đổi lớn, hoặc bị mất mùa nặng, thì cần xét cụ thể và điều chỉnh mức nghĩa vụ cho sát với tình hình thực tế. Ngoài việc thu mua thóc, ngô theo nghĩa vụ, các cấp cần *đặc biệt coi trọng việc vận động các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông dân bán thêm thóc, ngô, ngoài nghĩa vụ với giá khuyến khích cùng các loại lương thực khác*, để đảm bảo cho nhu cầu ngày càng tăng của Nhà nước.

2) Để làm tốt công tác thu mua, biện pháp hàng đầu vẫn là *vận động chính trị*, giáo dục tư tưởng, đồng thời cần hết sức coi trọng các *biện pháp kinh tế*, nhất là đối với việc mua ngoài nghĩa vụ. Cần dùng một số tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng để trao đổi, nhằm khuyến khích nông dân bán thêm lương thực. Giá mua khuyến khích cao hơn giá mua theo nghĩa vụ tối đa là 50%.

3) Về mặt *phân phối tiêu dùng*, cần tăng cường quản lý cung cấp cho chặt chẽ, cải tiến việc cấp phiếu, sổ lương thực, xét điều chỉnh tiêu chuẩn cung cấp cho một số trường hợp cần thiết, đi đôi với việc hạn chế sự phát triển không hợp lý nhân khẩu phi nông nghiệp. Đối với những hợp tác xã và vùng tập

trung sản xuất các loại cây công nghiệp quan trọng để bán cho Nhà nước, hoặc chuyên trồng rau và chăn nuôi theo kế hoạch Nhà nước để cung cấp thực phẩm cho các thành phố và khu công nghiệp lớn, thì sau khi tính toán, Nhà nước sẽ bán cho họ trong những tháng thiếu lương thực bình quân mỗi tháng bằng khoảng 10kg gạo, giúp cho họ có lương ăn, yên tâm đẩy mạnh sản xuất. Đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nói chung, việc giải quyết cho những hộ thiếu lương thực sẽ tiến hành theo hướng sau đây: trước hết, hợp tác xã cần nghiên cứu thật cụ thể để đề ra phương hướng và kế hoạch sản xuất cho đúng, để tăng sản lượng lương thực, bảo đảm nhu cầu của xã viên, của hợp tác xã và của Nhà nước; điều phải hết sức chú trọng là trong khi bố trí lao động, các Ban quản trị cần chú ý đến các hộ thường bị thiếu ăn để điều công lao động cho hợp lý, giúp họ có việc làm hợp với khả năng, tăng thêm thu nhập lương thực, tương đối đủ ăn. Số gia đình vì neo đơn, già yếu, mất sức lao động, mà bị thiếu ăn nhiều, hợp tác xã có thể dùng số lương thực trong quỹ xã hội để bán cho họ, đồng thời vận động bà con xã viên khác tương trợ, giúp đỡ thêm. Đối với những hợp tác xã tuy có sản xuất lương thực nhưng bình quân ruộng đất quá ít, thường xuyên thiếu lương thực, hoặc những vùng gặp thiên tai, mùa màng bị thiệt hại nặng, và đối với những hộ làm nghề khác ở lẻ tẻ trong nông thôn không có thu nhập lương thực, Nhà nước sẽ tùy theo khả năng bán cho họ một phần số lương thực thiếu.

4) Việc *quản lý thị trường lương thực* cần được tăng cường theo những chủ trương và biện pháp hiện hành. Đối với tiểu thương buôn bán lương thực, cần chuyển họ sang làm nghề khác. Đối với những người làm quà, bún, bánh cần hạn chế bột và hướng dẫn họ thay thế dần việc sử dụng thóc gạo bằng các hoa màu khác. Kiên quyết chống nấu rượu lậu. Đối với những người nấu rượu lậu, đi đôi với giáo dục là chính, cần áp dụng những biện pháp hành chính cần thiết để xử trí thích đáng những người cố tình vi phạm luật lệ của Nhà nước. Riêng đối với cán bộ, đảng viên và nhân viên chính quyền, cần triệt để

chấp hành chủ trương cấm nấu rượu lậu. Nếu vi phạm, ngoài việc xử trí theo luật lệ chung, còn bị thi hành kỷ luật trong nội bộ Đảng và chính quyền một cách nghiêm khắc. Đi đôi với việc chống nấu rượu lậu, cần giáo dục nhân dân, vận động phong trào hạn chế uống rượu và không uống rượu, nhất là đối với tầng lớp thanh niên. Đối với miền núi, cũng cần vận động hạn chế bớt rượu và tích cực lãnh đạo chuyển dần việc nấu rượu bằng gạo, ngô, sang nấu rượu bằng khoai, sắn hoặc hoa quả miền núi. Mặt khác, cần cải tiến rượu quốc doanh và có kế hoạch sản xuất, phân phối hợp lý đáp ứng cho chu cầu thật cần thiết của nhân dân.

### III

Để thực hiện tốt chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực trên đây, các cấp ủy, các ngành có liên quan cần chú trọng những điểm sau đây:

1. Cần đặc biệt coi trọng công tác giáo dục tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, phổ biến chu đáo chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, làm cho mọi người thấy hết những khó khăn và phương hướng phấn đấu về vấn đề lương thực, làm cho mọi người có một sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức để ra sức đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng và hăng hái bán lương thực cho Nhà nước. Cần đề phòng tư tưởng một chiều trong khi giao mức và nhận thức nghĩa vụ, do không thấy hết trách nhiệm đối với yêu cầu của Nhà nước, hoặc không quan tâm đúng mức đến đời sống của nông dân. Trong các cấp lãnh đạo và các ngành có liên quan, cần đề phòng tư tưởng cho rằng ổn định mức nghĩa vụ lương thực là việc làm đơn giản, không thấy hết các khó khăn và phức tạp của vấn đề hoặc cho rằng ổn định được xong mức nghĩa

vụ cho các hợp tác xã và nông dân là công tác lương thực sẽ hết khó khăn, do đó không chú ý thường xuyên việc lãnh đạo chặt chẽ công tác này. Cần phải khắc phục tư tưởng chỉ lo làm xong mức mua trong nghĩa vụ mà không chú ý đúng mức việc mua ngoài nghĩa vụ, hoặc chỉ lo huy động đủ số thóc, ngô, mà coi nhẹ việc mua khoai, sắn. Cần nhận rõ khi thi hành chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, việc mua thêm theo giá khuyến khích là việc rất quan trọng.

2. Công tác lương thực có nhiều khó khăn, phức tạp nên các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, kết hợp với cuộc vận động đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật. Các khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần vận dụng các tổ chức chính quyền, đoàn thể nhân dân, cùng với huyện ủy tập trung lực lượng cán bộ xuống tận cơ sở để bàn bạc với các chi bộ, các hợp tác xã và nông dân, giúp cho nông dân thông suốt được chính sách, để nắm sát tình hình và chỉ đạo việc giao mức cho chặt chẽ, sát đúng. Cần đề cao công tác lãnh đạo của chi bộ, làm cho chi bộ thật sự là hạt nhân trong việc thực hiện chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực của Đảng. Cần tổ chức chỉ đạo riêng để rút kinh nghiệm cho lãnh đạo chung.

Ngành lương thực phải tăng cường về mặt giáo dục tư tưởng và chính sách cho cán bộ, chấn chỉnh tổ chức thu mua và phân phối, đảm bảo hoàn thành công tác lương thực theo đúng chính sách của Đảng.

3. Phủ Thủ tướng, Tổng cục Lương thực và các ngành có trách nhiệm ở trung ương cần hướng dẫn cụ thể cho các cấp chính quyền thi hành chu đáo Nghị quyết này.

Trong khi thực hiện cần theo dõi, đôn đốc, kiểm tra cho chặt chẽ.

Bộ Chính trị mong các khu ủy, tỉnh ủy và các ngành có liên quan nghiên cứu kỹ Nghị quyết này và tổ chức thực hiện cho có kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ  
PHẠM HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 74-NQ/TW, ngày 14 tháng 3 năm 1963

### Về công tác chỉ đạo riêng của Trung ương

Để cải tiến thêm một bước công tác lãnh đạo của Trung ương, trong phiên họp ngày 8-3-1963 Bộ Chính trị đã quyết định tổ chức việc chỉ đạo riêng của Trung ương như sau:

#### I- MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHỈ ĐẠO RIÊNG

Việc chỉ đạo riêng nhằm các mục đích chính sau đây:

1. Giúp một số địa phương và đơn vị đẩy mạnh công tác và đưa phong trào tiến lên.
2. Giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư nắm sát tình hình công tác ở địa phương và đơn vị cơ sở, rút những kinh nghiệm cần thiết để phổ biến cho các nơi khác.
3. Rút ra những kết luận trong việc chấp hành đường lối, phương châm, chính sách của Đảng để đề xuất với Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư những vấn đề cần nghiên cứu về đường

lối, phương châm, chính sách, v.v. hoặc những vấn đề cần bổ sung vào các chỉ thị, nghị quyết đã có.

## II- CÁC HÌNH THỨC CHỈ ĐẠO RIÊNG

Cần áp dụng các hình thức chỉ đạo riêng sau đây:

1. Các đồng chí phụ trách ở ngành nào đều thực hiện chỉ đạo riêng thường xuyên các mặt công tác cần thiết thuộc ngành mình và liên hệ giúp đỡ trực tiếp một đơn vị cơ sở (xí nghiệp, công, nông, lâm trường, bệnh viện, trường học, v.v.), thuộc ngành đó.
2. Khi có một cuộc vận động lớn về mặt công tác nào, các uỷ viên Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư phụ trách các mặt công tác ấy sẽ được phân công chủ trì trong việc chỉ đạo cuộc vận động đó.
3. Phân công một số uỷ viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư theo dõi, giúp đỡ công tác của một số tỉnh, thành và đơn vị quan trọng. Các đồng chí này đồng thời sẽ liên hệ giúp đỡ trực tiếp một cơ sở (xã, xí nghiệp, v.v.) ở ngay địa phương mình chịu trách nhiệm giúp đỡ.
4. Trong từng thời gian, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ chọn một số địa phương hoặc đơn vị quan trọng về kinh tế, chính trị để về giải quyết tại chỗ những vấn đề cần thiết ở các nơi đó.
5. Tổ chức chỉ đạo riêng của Bộ Chính trị và Ban Bí thư ở một số tỉnh và thành phố thường xuyên và lâu dài.

## III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG

Trong các hình thức chỉ đạo riêng trên đây, các hình thức thứ nhất và thứ hai nói chung đang được áp dụng; các đồng chí có trách nhiệm cần tiếp tục thực hiện. Các hình thức khác còn làm được ít hoặc chưa làm nên cần được đặc biệt chú trọng tiến hành theo các yêu cầu dưới đây:

1. Về việc phân công một số uỷ viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư theo dõi giúp đỡ một số địa phương và đơn vị sẽ thực hiện như sau:

- Các uỷ viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư được phân công cần nắm vững tình hình địa phương mình chịu trách nhiệm theo dõi, giúp đỡ; truyền đạt các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của Trung ương cho cấp uỷ địa phương khi cần thiết; tham dự những phiên họp trọng yếu của cấp uỷ địa phương, dành thời gian thích đáng để nghe địa phương báo cáo công tác hoặc đi xuống để tìm hiểu tình hình và góp ý kiến, giúp đỡ địa phương trong công tác. Hàng năm ít nhất có hai lần báo cáo với Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư những nhận định lớn về tình hình công tác lãnh đạo của địa phương.

- Cụ thể phân công như sau: đồng chí Trường Chinh tỉnh Hà Bắc; đồng chí Tô<sup>1)</sup> tỉnh Hà Đông; đồng chí Phạm Hùng tỉnh Hải Dương; đồng chí Lê Đức Thọ tỉnh Nam Định; đồng chí Tố Hữu tỉnh Thái Bình; đồng chí Lê Thanh Nghị thành phố Hải Phòng; đồng chí Nguyễn Văn Trân Khu gang thép Thái Nguyên.

2. Về việc tổ chức giải quyết công việc tại chỗ:

Trong từng thời gian, Bộ Chính trị và Ban Bí thư sẽ định chương trình và phân công một số uỷ viên Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư cùng với một số cán bộ phụ trách các ngành cần thiết về giải quyết công việc tại chỗ ở một số địa phương hoặc đơn vị.

---

1) Đồng chí Tô: đồng chí Phạm Văn Đồng (B.T).

Đồng chí thường trực Ban Bí thư sẽ bàn với các đồng chí có liên quan trong Bộ Chính trị và Ban Bí thư để chuẩn bị chương trình này.

*3. Về tổ chức chỉ đạo riêng một số tỉnh, thành:*

Bộ Chính trị và Ban Bí thư sẽ chỉ đạo riêng các tỉnh Thanh Hoá, Lạng Sơn và thành phố Hà Nội. Bộ Chính trị và Ban Bí thư sẽ phân công ba đồng chí, mỗi đồng chí phụ trách thường xuyên giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư chỉ đạo riêng một tỉnh hoặc thành phố nói trên.

Các ban, các ngành trên Trung ương đều phải giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư trong việc chỉ đạo riêng này bằng cách tổ chức theo dõi sát và giúp đỡ công tác của ngành mình ở các địa phương đó một cách thường xuyên. Mỗi ban, mỗi ngành có liên quan đến công tác ở các địa phương đó cần cử một số đồng chí trong ban hoặc Đảng đoàn phụ trách công tác này và thường xuyên về giúp đỡ công tác của ngành mình ở địa phương. Khi cần thiết phải cử cán bộ về để nghiên cứu, rút kinh nghiệm các vấn đề cần thiết.

Các đồng chí phụ trách việc chỉ đạo riêng sẽ định kỳ nghe báo cáo của cấp ủy địa phương, năng về địa phương để tìm hiểu tình hình và giúp đỡ ý kiến. Từng thời gian, sẽ triệu tập các ban, các ngành để nhận định tình hình, thảo luận về công tác và rút kinh nghiệm lãnh đạo của các địa phương ấy, và báo cáo với Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư cho ý kiến.

Ban Bí thư sẽ triệu tập các ngành để bàn cụ thể về cách tổ chức chỉ đạo riêng theo tinh thần trên đây và quy định các chế độ công tác, báo cáo, xin chỉ thị, v.v. cần thiết nhằm bảo đảm việc tổ chức chỉ đạo riêng được chặt chẽ, liên tục và có kết quả. Các ngành cần chú trọng giúp đỡ các địa phương được chỉ đạo riêng kiện toàn tốt tổ chức của ngành mình ở địa phương và tăng cường cho địa phương những cán bộ cần thiết.

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh được phân công phụ trách giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư chỉ đạo riêng tỉnh Thanh Hoá; và đồng chí Lê Văn Lương thành phố Hà Nội.

Trên đây là những quy định chính, Ban Bí thư sẽ tổ chức chỉ đạo việc thực hiện cụ thể Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 61-CT/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1963

### Về cải tiến việc học tập tại chức về lý luận và chính trị, về nghiệp vụ và kỹ thuật và về văn hoá

Từ ngày hoà bình được lập lại đến nay, đi đôi với việc xây dựng và mở rộng các trường tập trung, việc tổ chức học tập tại chức ở các ngành và các cấp về chính trị, văn hoá, nghiệp vụ và kỹ thuật cho cán bộ cũng đã đi dần vào nền nếp và đã có những kết quả bước đầu:

- Về mặt văn hoá, đã nâng trình độ văn hoá của số rất đông cán bộ và nhân viên từ trình độ cấp I lên trình độ cấp II, một số lớn đã đạt trình độ cấp III.
- Về mặt nghiệp vụ và kỹ thuật, đã có một số cán bộ tương đối nắm được nghiệp vụ và kỹ thuật, trong đó có những đồng chí đã đạt trình độ chuyên môn trung cấp hoặc cao cấp.
- Về mặt lý luận và chính trị, đã bồi dưỡng thêm một bước nhận thức của đông đảo cán bộ về chủ nghĩa Mác-Lênin, và về đường lối, chính sách của Đảng, do đó đã góp phần nâng

cao trình độ tư tưởng và chính trị, nâng cao bước đầu sự hiểu biết của cán bộ về những vấn đề cụ thể của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giúp anh chị em làm được tốt hơn những công tác trước mắt.

Nhưng bên cạnh những ưu điểm nói trên, việc học tập tại chức còn có những nhược điểm và khuyết điểm như sau:

- Về văn hoá, nội dung chương trình học tập còn có phần quá tham, nhưng lại chưa vững chắc, chưa thật sát với yêu cầu, lứa tuổi và trình độ hiểu biết của các loại cán bộ; chất lượng giảng dạy và học tập còn thấp; trong một số cán bộ và nhân viên, còn có quan niệm học tập văn hoá chưa đúng (như học với mục đích thay đổi công tác, để có địa vị và đãi ngộ cao hơn).

- Về nghiệp vụ và kỹ thuật, nói chung chưa tổ chức được việc học tập tương đối có hệ thống, do đó trình độ hiểu biết nghiệp vụ và kỹ thuật của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển.

- Về lý luận và chính trị, mục tiêu học tập cho cán bộ mỗi cấp chưa được xác định; nội dung học tập chưa thật phù hợp với yêu cầu của từng ngành và từng loại cán bộ; hình thức và phương pháp học tập kém linh hoạt, tổ chức học tập còn lỏng lẻo.

Những thiếu sót trên đã có ảnh hưởng không tốt đến chất lượng học tập, nên kết quả học tập tại chức còn bị hạn chế.

Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ do Đại hội Đảng lần thứ III đề ra, để phục vụ tốt hơn nữa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần ra sức cải tiến việc học tập tại chức hiện nay.

Nội dung cải tiến bao gồm các mặt như sau:

#### I- MỤC TIÊU HỌC TẬP

Miền Bắc nước ta đang ở trong thời kỳ lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, cho nên đòi hỏi phải nhanh

chóng đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ đông đảo cán bộ lãnh đạo và quản lý có chất lượng tốt. Tình hình ấy đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ cấp bách là: đi đôi với việc đào tạo và bồi dưỡng chính quy ở các trường tập trung, phải tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bằng con đường học tập tại chức, và *trong một thời gian tương đối dài, phải lấy biện pháp tại chức làm chủ yếu.*

Mục đích và yêu cầu của việc học tập tại chức là tranh thủ trong một thời gian nhất định, nâng cao trình độ của cán bộ lãnh đạo và quản lý về lý luận Mác-Lênin, về văn hoá, về nghiệp vụ và kỹ thuật, kịp thời đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển.

Căn cứ vào mục đích và yêu cầu trên, Ban Bí thư quy định mục tiêu học tập tại chức cho các loại cán bộ từ nay đến hết năm 1970 như sau:

### 1. Đối với cán bộ cao cấp, trung cấp và tương đương

#### Về văn hoá

Phải có trình độ lớp 7 toàn diện (toán, lý, hoá, văn, sử, địa) và trình độ lớp 10 về một số môn cơ bản (cần thiết cho việc học tập nghiệp vụ và kỹ thuật).

#### Về lý luận

Phải học tập tương đối có hệ thống về các môn triết học, chính trị kinh tế học, kinh tế cụ thể, chủ nghĩa xã hội khoa học, học thuyết về xây dựng Đảng và lịch sử Đảng ta (sẽ có chương trình thống nhất).

#### Về nghiệp vụ và kỹ thuật

Nói chung, phải đạt trình độ trung cấp về nghiệp vụ hay kỹ thuật của ngành mình; đối với một số đồng chí cần cố gắng phấn đấu để đạt trình độ cao cấp.

### 2. Đối với cán bộ sơ cấp và tương đương

#### Về văn hoá

Phải đạt tối thiểu trình độ lớp 7 toàn diện (toán, lý, hoá, văn, sử, địa); những đồng chí hiện nay đã có trình độ lớp 7 toàn diện thì phấn đấu đạt trình độ lớp 10 về một số môn cơ bản.

#### Về lý luận

Học tập có trọng điểm về các môn triết học, chính trị kinh tế học, kinh tế cụ thể, chủ nghĩa xã hội khoa học, học thuyết xây dựng Đảng và lịch sử Đảng ta (sẽ có chương trình thống nhất).

#### Về nghiệp vụ và kỹ thuật

Phải có trình độ nghiệp vụ hay kỹ thuật trung cấp.

### 3. Đối với cán bộ cơ sở

#### Về văn hoá

- Các cán bộ cơ sở làm công tác ở các ngành, các cơ quan, các xí nghiệp từ cấp huyện hoặc tương đương cấp huyện trở lên, tối thiểu phải có trình độ văn hoá lớp 7 toàn diện.

- Cán bộ cơ sở ở xã cũng phải phấn đấu đạt lớp 7 toàn diện.

#### Về lý luận

Học tập theo chương trình thống nhất sẽ quy định sau.

#### Về nghiệp vụ và kỹ thuật

- Cán bộ cơ sở ở xã phải học tập công tác quản lý nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp, và những hiểu biết cơ bản về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, cán bộ phụ trách công tác ở ngành nào phải học tập xong chương trình nghiệp vụ cơ sở ở ngành đó.

- Cán bộ cơ sở ở các cơ quan, các ngành, các xí nghiệp phải học tập xong chương trình cơ sở về nghiệp vụ và kỹ thuật của ngành mình.

Mục tiêu học tập trên đây chỉ áp dụng cho những cán bộ lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu ở các cơ quan Đảng và Nhà nước chưa có đủ trình độ lý luận, nghiệp vụ kỹ thuật và văn hoá tương xứng với trách nhiệm mà họ đang đảm nhiệm. Những cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ (kỹ sư, bác sĩ, y sĩ, giáo viên, kế toán, phiên dịch, v.v.) đã tốt nghiệp các trường đại học hoặc trung cấp chuyên nghiệp thì không thuộc phạm vi quy định này. Nếu số cán bộ ấy muốn học tập thêm về lý luận Mác-Lênin, về nghiệp vụ và kỹ thuật, v.v. thì sẽ tự lựa chọn. Trong trường hợp có những cán bộ kỹ thuật hoặc nghiệp vụ chưa được học lý luận Mác-Lênin thì cơ quan lãnh đạo của đơn vị cơ quan có thể dựa vào những mục tiêu trên đây mà định mục tiêu học tập cho thích hợp.

Căn cứ vào những mục tiêu chung trên đây, các ngành sẽ quy định mục tiêu cụ thể cho từng loại cán bộ của ngành mình.

Những cán bộ chưa có trình độ văn hoá lớp 7, trước hết nên tập trung học văn hoá cho đến lớp 7. Sau khi đã đạt trình độ đó, thì sẽ chuyển sang hoặc học lý luận Mác - Lênin, hoặc học nghiệp vụ và kỹ thuật, tùy theo yêu cầu cụ thể của công tác mà quyết định.

Trên đây là những mục tiêu tối thiểu phải phấn đấu để đạt tới từ nay đến năm 1970. Những đồng chí đã đạt được những mục tiêu ấy mà có điều kiện thì nên phấn đấu đạt mức cao hơn.

Đối với những cán bộ già yếu, thì tùy theo tình hình sức khỏe và năng lực tiếp thu mà đặt mục tiêu cho thích hợp.

Đối với cán bộ *miền núi*, cần tùy tình hình cụ thể mà có sự điều chỉnh cần thiết về các mục tiêu học tập.

## II- PHƯƠNG CHÂM VÀ NỘI DUNG HỌC TẬP

Về phương châm học tập, một mặt cần thực hiện đúng Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị: "Công tác giáo dục lý luận và chính trị phải thấu suốt phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, phải gắn chặt với cuộc sống, với sản xuất, phải giải đáp đúng đắn và kịp thời những yêu cầu về mặt tư tưởng và lý luận do cuộc sống đặt ra, phải phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng và của nhân dân ta, phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản". Mặt khác, do yêu cầu phải cấp bách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, cần thấu suốt phương châm "cần gì học nấy, học tập để bảo đảm tốt chức trách và công tác đã được giao phó".

Trên tinh thần đó, khi định chương trình và nội dung học tập về các mặt văn hoá, lý luận, nghiệp vụ và kỹ thuật, cần xuất phát từ yêu cầu cụ thể của công tác mà sắp xếp cho thích hợp chương trình và nội dung bao quát được những vấn đề cơ bản, đại thể như trong hệ thống chính quy.

## III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### *Về biện pháp*

Để bảo đảm thực hiện những mục tiêu trên đây, cần dùng hai biện pháp:

Một mặt, tổ chức học tập tại chức theo lối thường xuyên (trường lớp tại chức, trường lớp ban đêm, v.v.).

Mặt khác, tổ chức học tập tại chức theo lối luân huấn ngắn hạn từng môn hoặc từng phần của chương trình.

*Từ nay, trong từng thời gian nhất định, mỗi cán bộ chỉ học một thứ:* hoặc lý luận, hoặc nghiệp vụ và kỹ thuật, hoặc văn hoá. Học cái gì trước, cái gì sau là căn cứ vào yêu cầu công

tác và trình độ của mỗi cán bộ mà quyết định, trên nguyên tắc bảo đảm những mục tiêu đã quy định cho từng loại cán bộ.

#### *Về tổ chức*

Theo Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị, "các lớp tại chức hiện nay sẽ dần dần chuyển thành trường tại chức". Trường tại chức có Ban giám đốc lãnh đạo và bộ máy giúp việc gồm một số cán bộ chuyên trách theo tỷ lệ sau: trường có từ 100 đến 300 học viên: 1 cán bộ chuyên trách; từ 300 đến 500 học viên: 2 cán bộ chuyên trách; và từ trên 500 học viên trở lên: 3 cán bộ chuyên trách.

Các chi phí cần thiết của trường dự trù vào quỹ sự nghiệp của các ngành (khoản chi về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ).

#### *Về thời giờ học tập*

Hiện nay, việc sử dụng chiều thứ ba và chiều thứ bảy hàng tuần vào việc học tập là không hợp lý, nhưng trong khi chờ đợi nghiên cứu toàn diện về giờ làm việc, hội họp, học tập, tạm thời vẫn giữ chế độ sử dụng chiều thứ ba vào việc học tập tại chức, bỏ hẳn việc sử dụng chiều thứ bảy.

Theo chủ trương từng thời gian chỉ học một thứ, từ nay tất cả các trường lớp tại chức về lý luận, nghiệp vụ và kỹ thuật đều thống nhất bố trí học vào cả ba tối: thứ hai, thứ ba, thứ năm và chiều thứ ba hàng tuần. Các trường lớp tại chức về văn hoá thì thống nhất bố trí vào ba tối: thứ hai, thứ ba, thứ năm. Trong trường hợp không dùng buổi chiều thứ ba vào việc học tại chức về nghiệp vụ, kỹ thuật hay lý luận thì phải công tác.

Đối với các trường đại học và trung cấp chuyên nghiệp ban đêm, sẽ thực hiện chế độ nghỉ ôn tập và thi hàng năm và thi cuối khoá, do Bộ Giáo dục đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đối với các trường tại chức về lý luận, chế độ nghỉ ôn tập và kiểm tra sẽ do Ban Tuyên giáo Trung ương đề nghị.

Đối với các cán bộ và nhân viên công tác lưu động thường xuyên, không có điều kiện học tại chức vào những ngày đã quy định trong tuần, thì có thể tổ chức các lớp tập trung

ngắn hạn cho anh chị em học tập. Tổng số thời gian để mở lớp ngắn hạn cho số anh chị em này *không quá 30 ngày trong một năm*.

#### *Về chế độ học tập*

Để bảo đảm học tập tại chức có kết quả, tất cả các trường, lớp tại chức đều phải có chế độ chặt chẽ quy định tiêu chuẩn học viên, chế độ học tập, ôn tập và kiểm tra, kỷ luật học tập, v.v.. Qua các đợt kiểm tra, nếu học viên đạt yêu cầu thì nhà trường sẽ cấp giấy chứng nhận cần thiết.

#### *Về giảng viên*

Các ngành và các địa phương cần có kế hoạch lựa chọn và bồi dưỡng một số cán bộ có năng lực, có phẩm chất tốt làm giảng viên cho các trường lớp tại chức. Ban Tuyên giáo Trung ương có nhiệm vụ hướng dẫn và giúp đỡ các ngành và các địa phương trong việc này.

Giảng viên các trường lớp tại chức phải bảo đảm các tiêu chuẩn như Trung ương đã quy định và phải được các cấp ủy Đảng chính thức công nhận.

Các đồng chí lãnh đạo các ngành, các địa phương có trách nhiệm tham gia giảng dạy ở các trường lớp tại chức.

#### *Về lãnh đạo học tập*

Việc lãnh đạo học tập tại chức từ nay quy định như sau:

- Ở các cơ quan Trung ương: các Ban, các Đảng đoàn cùng với Đảng uỷ cơ quan chịu trách nhiệm lãnh đạo toàn diện việc học tập lý luận, nghiệp vụ và kỹ thuật.

- Ở các địa phương: các tỉnh uỷ, thành uỷ, khu uỷ lãnh đạo chung việc học tập lý luận; các ngành chịu trách nhiệm lãnh đạo việc học tập lý luận nghiệp vụ và kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên trong ngành.

\*

\* \*

Cải tiến học tập tại chức là một vấn đề phức tạp, có quan hệ mật thiết đến nhiều mặt, do đó cần được chuẩn bị chu đáo và tiến hành từng bước.

- Các Đảng đoàn, các cấp uỷ địa phương phải lãnh đạo chặt chẽ việc chuẩn bị và thực hiện công tác cải tiến học tập tại chức.

Ban Tuyên giáo Trung ương giúp Trung ương Đảng hướng dẫn và theo dõi các ngành, các cấp thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO  
TẠI HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
LẦN THỨ TÁM**

Ngày 26 tháng 3 năm 1963

**Nhận định tình hình kinh tế trong 5 năm  
gần đây (1958-1962)**

Từ sau khi hoà bình lập lại, chúng ta đã thực hiện những nhiệm vụ cách mạng trọng đại: hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Hiện nay, chúng ta đang phấn đấu thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Đó là những bước đầu trong quá trình chuyển biến cách mạng của miền Bắc, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; trong điều kiện bên trong, nước ta còn tạm

chia làm hai miền, và bên ngoài; chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống thế giới hùng mạnh.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm và thứ bảy của Trung ương, chúng ta kiểm điểm tình hình kinh tế, sự lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế từ năm 1958 đến nay. Yêu cầu nhằm:

- Nhận định các vấn đề lớn trong nền kinh tế, các thành tích và tiến bộ, các khó khăn và thiếu sót; từ đó mà xác định các phương hướng cụ thể, rút ra những kinh nghiệm thực tiễn để bồi bổ cho sự lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của chúng ta.

- Xác định tình hình cơ bản của nền kinh tế quốc dân đến cuối năm 1962, nhận định nhịp độ phát triển của các ngành và các mặt cân đối chủ yếu, dựa vào đó để sắp xếp kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị kế hoạch 5 năm lần thứ hai cho phù hợp với yêu cầu và khả năng phát triển, quán triệt hơn nữa đường lối và phương hướng của Đảng về thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

### A- NHỮNG THÀNH TÍCH VÀ TIẾN BỘ CHỦ YẾU

Nhân dân ta với tinh thần đấu tranh cách mạng anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình thế giới, đã bảo vệ và phát triển những thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, đưa cuộc kháng chiến đến thành công. Thực tiễn ấy chỉ rõ: một nước nhỏ yếu, nhờ có đường lối chính trị đúng, có thể đánh thắng chủ nghĩa đế quốc xâm lược và bọng tay sai của chúng, giành độc lập và tự do.

Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự giúp đỡ của các nước anh em, nhân dân ta ở miền Bắc đang ra sức lao động sáng tạo, giành được những thắng lợi mới trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn tám năm qua ở miền Bắc

lại chỉ rõ: trong điều kiện có chính quyền dân chủ nhân dân và trong điều kiện chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống thế giới, một nước kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phát huy năng lực tiềm tàng của mình và với sự giúp đỡ của các nước anh em, có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng từng bước một nền kinh tế phồn vinh, củng cố chính quyền độc lập của Tổ quốc và cải thiện đời sống của nhân dân.

Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, chúng ta đã thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm và đang bước vào năm thứ ba của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân. Chúng ta đã thu được những thành tích và tiến bộ rất đáng phấn khởi.

1. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa các thành phần kinh tế cá thể và kinh tế tư bản chủ nghĩa đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định. Đồng thời, thành phần kinh tế quốc doanh phát triển nhanh, đã giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, dưới hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là chủ yếu, đang được củng cố từng bước.

Sự biến đổi ấy về mặt cơ cấu xã hội của nền kinh tế tạo ra những khả năng mới để phát triển sức sản xuất, thực hiện việc quản lý kinh tế kế hoạch hoá, và củng cố nền chuyên chính dân chủ nhân dân.

Cuộc vận động *hợp tác hoá nông nghiệp* đã phát triển nhanh, lành mạnh và nói chung là tốt. Đó là thắng lợi quan trọng nhất của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đồng thời là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử đối với nền nông nghiệp nước ta.

Cuối năm 1958, mới có 4,74% số nông hộ tham gia hợp tác xã. Hiện nay có 29.824 hợp tác xã, bao gồm 87,7% số nông hộ; trong đó có 9.739 hợp tác xã bậc cao, bao gồm 36,8% số nông hộ. Ở đồng bằng và trung du, 76% số thôn có hơn một vạn hợp tác xã quy mô thôn, bao gồm trên 63% tổng số hộ xã viên.

Công tác quản lý hợp tác xã từ năm 1960 đến nay có những tiến bộ rõ rệt; cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã trong đợt thí điểm đem lại những kết quả tốt. Hiện nay, số hợp tác xã khá chiếm 27,6%, số hợp tác xã trung bình chiếm 49,2%. Trong phong trào thi đua Đại Phong có hàng nghìn hợp tác xã tiên tiến.

Cuộc vận động hợp tác hoá làm nhanh và gọn, đã kịp thời phát huy những thành quả của cải cách ruộng đất, và làm cho quan hệ sản xuất mới sớm được ổn định.

Nhờ mở rộng quy mô và thực hiện phân công lao động mới, các hợp tác xã nông nghiệp có thêm lực lượng để phát triển thuỷ lợi, tăng vụ và khai hoang, làm phân bón, cải tiến nông cụ,... Trong thời gian tiến hành hợp tác hoá, sản xuất nông nghiệp vẫn tăng và đang có chuyển biến tốt.

Sau khi tham gia hợp tác xã, bần nông và trung nông lớp dưới làm ăn thuận lợi hơn, phần đông thu nhập khá hơn lúc làm ăn riêng lẻ. Sự đoàn kết giúp đỡ nhau trong nội bộ nông dân được tăng cường. Ý thức của xã viên gắn bó với hợp tác xã, với sản xuất tập thể ngày càng được củng cố. Các công tác giáo dục, văn hoá, y tế, dân quân, trị an đều có nhiều tiến bộ. Nhiều hợp tác xã đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và bán nông sản cho Nhà nước.

*Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa* nói chung cũng đạt kết quả tốt. Trên 95% thợ thủ công chuyên nghiệp, gồm gần 30 vạn người đã được tổ chức lại. Trong phong trào thi đua Thành Công, nhiều hợp tác xã thủ công nghiệp đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước, tự cải tiến trang bị về công cụ, huy động thêm vốn và tăng thêm tích lũy để mở rộng sản xuất.

*Về thành phần kinh tế quốc doanh:* Ngoài các ngành do Nhà nước nắm hoàn toàn như ngân hàng, ngoại thương, vận tải đường sắt, trong các ngành khác, kinh tế quốc doanh chiếm một tỷ trọng ngày càng lớn.

Công nghiệp quốc doanh phát triển nhanh, tỷ trọng trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp từ 26,3% năm 1957, năm 1962 tăng lên 59,4%. Công nghiệp quốc doanh trung ương, phần lớn với thiết bị và kỹ thuật hiện đại, đã giữ vai trò nòng cốt trong công nghiệp và phát huy tác dụng lãnh đạo ngày càng rõ rệt hơn trong nền kinh tế.

Các nông trường quốc doanh năm 1958 chỉ chiếm 0,03% trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp; năm 1962 chiếm 1%. Trong những năm sau này, các nông trường quốc doanh sẽ cung cấp một khối lượng nông sản hàng hoá ngày càng quan trọng.

Lực lượng vận tải quốc doanh năm 1957 chiếm 50,2% trong khối lượng hàng hoá luân chuyển, năm 1962 chiếm 78,2%.

Trong tổng mức bán buôn, thương nghiệp quốc doanh năm 1957 chiếm 52,6%, năm 1962 chiếm 88%. Trong tổng mức bán lẻ của thương nghiệp thuần tuý, tỷ trọng của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán từ 31,3% năm 1957, năm 1962 tăng lên 83%.

Tính chung, thành phần kinh tế quốc doanh bao gồm khoảng 6% lực lượng lao động, làm ra khoảng 1/3 số thu nhập quốc dân của toàn xã hội.

2. Cơ sở vật chất – kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân được tăng cường một bước; cơ cấu các ngành sản xuất, nhất là các ngành sản xuất công nghiệp có những tiến bộ bước đầu.

Theo phương hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, các ngành công nghiệp chủ yếu đang được xây dựng thành một hệ thống ngày càng cân đối hơn, tạo cơ sở để nâng cao dần khả năng trang bị kỹ thuật trong nước, cung cấp một số loại nguyên liệu, vật liệu quan trọng và các loại hàng tiêu dùng thông thường, phát huy rõ hơn vai trò chủ đạo của công nghiệp, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp.

Trong nông nghiệp, việc xây dựng thuỷ lợi, khai hoang và mở thêm diện tích gieo trồng được chú trọng; các nông trường quốc doanh phát triển tương đối nhanh với những cơ sở vật chất – kỹ thuật khá.

Cùng với sự thay đổi bước đầu của cơ cấu sản xuất, lực lượng lao động được phân bố lại theo chiều hướng tiến bộ; đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật được tăng cường, khắc phục được một phần tình trạng thiếu cán bộ và công nhân trong những năm trước.

Trong thời gian từ 1958 đến năm 1962, Nhà nước đã *đầu tư vào các ngành kinh tế và văn hoá* 2.911,2 triệu đồng, trong đó khu vực sản xuất chiếm 82,2%, khu vực không sản xuất chiếm 17,8%. Năm 1961 và 1962, số đầu tư xây dựng cơ bản kinh tế và văn hoá tăng lên gấp 2,9 lần so với năm 1957.

Để thực hiện từng bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã tập trung phần lớn vốn tích lũy, lực lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật và sự giúp đỡ của các nước anh em vào *việc xây dựng và phát triển công nghiệp*.

Trong 5 năm qua, Nhà nước đã đầu tư vào công nghiệp 1.201,2 triệu đồng, bằng 41,2% tổng mức đầu tư về kinh tế và văn hoá; riêng hai năm gần đây, tỷ trọng đó chiếm trên dưới 45%. Năm 1962, vốn đầu tư vào công nghiệp bằng 3,18 lần so với năm 1957, riêng vốn đầu tư vào công nghiệp nặng bằng 4,23 lần. Vốn phân phối cho các ngành công nghiệp nặng và các ngành công nghiệp nhẹ năm 1957 là 61,4% và 38,6%; năm 1962 là 81,8% và 18,2%.

Tài sản cố định về công nghiệp được huy động từ năm 1955 đến năm 1962 lên khoảng 972 triệu đồng, bằng 56,5% tổng mức đầu tư vào công nghiệp.

Với những cố gắng ấy, chúng ta đã và đang xây dựng những cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng quan trọng như điện lực, cơ khí chế tạo, luyện kim, hoá chất và của các ngành công nghiệp nhẹ như đường, giấy, dệt,... Bộ mặt kinh tế của một số địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Việt Trì, Thanh Hoá, Vinh,... đã được đổi mới.

Đối với *nông nghiệp*, trong 5 năm qua, Nhà nước đã đầu tư 460 triệu đồng, trong đó phần dành cho khu vực sản xuất tập thể chiếm 59,2%, phần dành cho nông trường quốc doanh chiếm 40,8%; ngoài ra, Nhà nước còn đầu tư dưới hình thức

cho vay dài hạn 102,3 triệu đồng (chỉ tính số dư nợ), để giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp.

Hai năm gần đây, vốn đầu tư vào nông nghiệp tăng lên hơn trước, mỗi năm gấp từ 4 đến 6 lần so với năm 1957; tỷ trọng vốn đầu tư vào nông nghiệp so với tổng mức đầu tư về kinh tế văn hoá trong 3 năm 1958-1960 là 11,9%, năm 1961 tăng lên 16,3%, năm 1962 tăng lên 23,7%.

Do những cố gắng về phát triển thủy lợi, diện tích được tưới nước suốt vụ năm 1962 lên tới 1,38 triệu héc-ta, chiếm 47% tổng diện tích gieo trồng. Kể cả các công trình thủy lợi loại nhỏ do nhân dân làm thì năm 1962, diện tích được tưới nước lên khoảng 2,1 triệu héc-ta, tăng 76 vạn héc-ta so với năm 1957, trong đó khoảng 80% diện tích cây lúa được tưới nước.

Về mặt mở rộng diện tích, trong 5 năm đã khai hoang được trên 20 vạn héc-ta, bằng 10% diện tích canh tác, và mở thêm diện tích gieo trồng 50 vạn héc-ta. Chỉ số sử dụng ruộng đất năm 1957 là 1,45, năm 1962 là 1,59<sup>1)</sup>.

Các nông trường quốc doanh năm 1962 đã có 55 cơ sở, với 72.270 héc-ta đất gieo trồng (tăng 11 lần so với năm 1958), 1.464 máy kéo tiêu chuẩn, 2.500 máy móc nông nghiệp các loại, 712 ô-tô vận tải,...

Đối với *ngành vận tải và bưu điện*, trong 5 năm, Nhà nước đã đầu tư 459,8 triệu đồng, chiếm 15,8% tổng mức đầu tư vào kinh tế và văn hoá, trong đó phân phối cho ngành đường sắt 35,2%, đường bộ 33%, đường thủy 27,3%,...

Đường sắt đã được khôi phục và xây dựng 775 km; hiện đang khôi phục tiếp đoạn Hàm Rồng - Vinh. Về đường ô-tô, có gần một vạn km; ngoài ra, nhân dân tự làm trên 2,4 vạn km đường cho các loại phương tiện thô sơ. Về đường sông, chủ yếu là các loại thuyền, bè, đi lại được trên 3.400 km, tức là hơn một nửa tổng số chiều dài đường sông. Dọc theo biển, tàu và thuyền thường xuyên khai thác được 750 km.

---

1) Nếu trừ diện tích trồng cây dài ngày, chỉ kể trong diện tích trồng cây ngắn ngày thì chỉ số sử dụng ruộng đất năm 1962 là 1,71.

Để phục vụ yêu cầu mở mang xây dựng và phát triển sản xuất, *lực lượng lao động bước đầu được phân bố lại*. Các ngành công nghiệp, kiến trúc và vận tải năm 1957 chiếm 9% trong lực lượng lao động xã hội; năm 1962 lên 13,3%. Lao động trong nông nghiệp tăng lên về số tuyệt đối nhưng tỷ trọng từ 78,6% xuống 78%. Lao động trong ngành thương nghiệp giảm dần về số tuyệt đối và tỷ trọng, từ 4,6% xuống 3,1%. Việc xây dựng công nghiệp ở các vùng trung du và miền núi đã thu hút một phần lao động ở địa phương và một phần ở các nơi khác đến. Ngoài lực lượng của các nông trường quốc doanh, trong hai năm gần đây, có gần 9 vạn nhân dân đi khai hoang ở trung du và miền núi.

Về *đội ngũ lao động kỹ thuật*, năm 1962, các ngành sản xuất có 116.700 công nhân kỹ thuật, tăng gấp 4 lần năm 1957, chiếm tỷ lệ 10% trong tổng số công nhân sản xuất. Cán bộ có trình độ trung cấp, năm 1962 có gần 3,7 vạn người, tăng gấp 17 lần năm 1957; cán bộ có trình độ đại học gần một vạn người, tăng gấp 12 lần. Cán bộ đào tạo ra nói chung đều có chất lượng chính trị tốt (63% cán bộ có trình độ đại học là đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động).

Việc đào tạo cán bộ và công nhân được tiếp tục đẩy mạnh. Hiện nay, có 11 trường đại học với tổng số sinh viên là 26 ngàn, trong đó có 6.800 người học các lớp chuyên tu, hàm thụ và ban đêm. Số trường trung cấp chuyên nghiệp là 134 trường với 96 ngành học và hơn 6,5 vạn học sinh. Về đào tạo công nhân kỹ thuật, có 148 trường lớp tập trung cạnh các xí nghiệp, với gần một vạn công nhân theo học; ngoài ra, có gần 10 vạn công nhân được kèm cặp trong sản xuất.

3. Sản xuất nông nghiệp trong và sau khi hợp tác hoá, mặc dù còn phụ thuộc khá nhiều các điều kiện tự nhiên, vẫn phát

triển và tiến bộ. Gần đây, việc trồng hoa màu và chăn nuôi bắt đầu chuyển biến tốt.

Sản xuất công nghiệp phát triển thêm nhiều mặt hàng, cung cấp được một số tư liệu sản xuất với khối lượng ngày càng tăng, giải quyết được một phần nhu cầu thiết bị lẻ và cung cấp được phần lớn hàng tiêu dùng.

Nói chung, trong những điều kiện cụ thể của ta, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đã phát triển với nhịp độ tương đối nhanh; quan hệ giữa các ngành trong công nghiệp, giữa công nghiệp và nông nghiệp được điều chỉnh cân đối hơn trước.

Dựa trên sản xuất phát triển, vốn tích lũy trong nước tăng thêm, bảo đảm được phần lớn nhu cầu mở mang xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất.

Tổng giá trị sản lượng *nông nghiệp* năm 1962 so với năm 1957 tăng 29,3%, bình quân hàng năm tăng 5,3%. Trong thời gian 1958-1960, bình quân hàng năm tăng 4,2%; riêng hai năm gần đây, hàng năm tăng 7%. So với năm 1959 là năm được mùa, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1962 tăng 7,2%.

Sản lượng lương thực (quy ra thóc) bình quân hàng năm trong 5 năm qua tăng 4,5%, cao hơn nhịp độ phát triển dân số một ít. Diện tích trồng cây lương thực năm 1962 tăng 17,5% so với năm 1957, riêng diện tích trồng hoa màu tăng 63,5%. Trong năm 1961 và 1962, hoa màu bắt đầu được đẩy mạnh, chiếm trên 20% tổng sản lượng lương thực.

Giá trị sản lượng cây công nghiệp tăng tương đối đều, bình quân hàng năm tăng 7,3%. Diện tích trồng cây công nghiệp và cây ăn quả năm 1957 là 10,8 vạn héc-ta, năm 1962 lên 19,4 vạn héc-ta, tỷ trọng trong tổng diện tích gieo trồng từ 4% tăng lên 6%. Sản lượng một số cây như đay, cói, mía, lạc, thuốc lá, tăng khá.

Về chăn nuôi, đàn trâu năm 1957 có 1.238.000 con, năm 1962 có 1.400.000 con, bình quân hàng năm tăng 3,6%. Đàn

lợn năm 1962 đạt 4.239.000 con, vượt năm 1958 là năm cao nhất trước đây 25,4 vạn con, trong 5 năm bình quân hàng năm tăng 2,5%. Nghề nuôi cá phát triển khá mạnh, năm 1962 đạt khoảng 8 vạn tấn, tăng gấp 5 lần năm 1957.

Diện tích trồng cây gây rừng cũng được mở rộng, năm 1962 so với năm 1957, tăng gấp 2 lần.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp, trong 5 năm qua, tổng giá trị sản lượng tăng gấp 2,46 lần, bình quân hàng năm tăng 19,8% trong đó nhóm A tăng gấp 4 lần, nhóm B tăng gấp 2 lần. Do công nghiệp nhóm A phát triển nhanh hơn nhóm B, tỷ trọng nhóm A năm 1957 là 22,8%, năm 1962 tăng lên 37%. So với năm 1957, năm 1962 sản lượng điện tăng gần gấp 3 lần, than gấp 3 lần, xi măng gấp 2,8 lần, gỗ tròn gấp 2,2 lần, vải và lụa tăng 36%, cá tăng 12%, muối tăng 22%, đường mật tăng gần gấp 2 lần, giấy các loại gấp 6,5 lần, thuốc lá gấp hơn 6 lần.

Trong giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp, công nghiệp tăng gấp 3,9 lần, bình quân hàng năm tăng 31,5%; thủ công nghiệp tăng gấp 1,44 lần, bình quân hàng năm tăng 7,6%. Năm 1962, công nghiệp chiếm tỷ trọng 65,7%, thủ công nghiệp chiếm 34,3%.

Trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp và nông nghiệp, từ năm 1957 đến năm 1962, tỷ trọng của công nghiệp và thủ công nghiệp từ 31,4% tăng lên 46,7%, riêng tỷ trọng của công nghiệp từ 13% tăng lên 30%.

Riêng công nghiệp quốc doanh năm 1962 tăng gấp 5,6 lần so với năm 1957; trong đó nhóm A tăng gấp 7 lần, nhóm B tăng gấp 4,8 lần. Tỷ trọng của ngành cơ khí và chế biến kim loại năm 1957 là 5,6%, năm 1962 là 13,7%; ngành hoá chất và phân bón từ 6,3% tăng lên 10%; ngành khai thác và chế biến gỗ từ 7% tăng lên 12,6%.

Phong trào Duyên Hải phát triển ngày càng sâu rộng, đã làm nảy nở nhiều sáng kiến về hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Hàng ngàn tổ, đội lao động đã ghi tên phấn đấu trở

thành "Tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa", trong đó có hàng trăm đã được mang danh hiệu vẻ vang ấy.

Ngành cơ khí đã có một số tiến bộ đáng kể; năm 1960 chế tạo 117 loại máy, năm 1962 tăng lên 197 loại máy; sản xuất thêm một số loại máy công cụ với trình độ kỹ thuật cao hơn, các loại máy phát lực và động cơ điện với công suất lớn hơn. Tổng số máy sản xuất trong nước năm 1962 cung cấp được 43% nhu cầu về thiết bị lẻ hoặc 17,6% toàn bộ nhu cầu trang bị cho nền kinh tế quốc dân.

Trong việc phục vụ nông nghiệp gần đây các ngành công nghiệp có nhiều cố gắng và tiến bộ. Năm 1960, cung cấp 140 bơm nước; trong 2 năm 1961-1962, tăng lên 1970 chiếc, góp phần quan trọng vào việc chống hạn. Trong 5 năm, cung cấp gần 26 vạn tấn phân lân các loại. Về công cụ lao động, trong ba năm 1958-1960, đã sản xuất 410 tấn máy nông nghiệp, khoảng 10 triệu nông cụ cải tiến và nông cụ thường; trong hai năm 1961-1962, đã tăng lên 900 tấn máy nông nghiệp và gần 13 triệu nông cụ các loại.

Công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, gồm cả công nghiệp quốc doanh trung ương, địa phương và thủ công nghiệp, tăng thêm nhiều mặt hàng và khối lượng sản phẩm trong đó có những loại hàng thiết yếu như vải, đường, giấy, thuốc men. Từ chỗ phải dùng nhiều hàng ngoại, chúng ta đã tự cung cấp phần rất lớn hàng tiêu dùng, đồng thời tăng thêm hàng tiêu dùng cho xuất khẩu.

Trên cơ sở sản xuất phát triển, thu tài chính trong nước mấy năm qua nói chung tăng lên khá. Năm 1962, thu 1.360 triệu đồng, so với năm 1957 tăng 2,7 lần. Riêng thu về xí nghiệp và sự nghiệp năm 1957 là 209,6 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 40,6% số thu trong nước; năm 1962, tăng lên 925,6 triệu đồng, gấp 4,4 lần, chiếm tỷ trọng 68%.

Thu tài chính trong nước tăng, bảo đảm được phần lớn các khoản chi về sản xuất và xây dựng cơ bản. Số thu ngoài nước có tăng về số tuyệt đối, nhưng tỷ trọng trong tổng số thu của ngân sách đã giảm bớt. (Năm 1955, tỷ trọng ấy là

41,%; năm 1957: 38,8%; năm 1960: 17,4%; năm 1961: 17,5%; năm 1962: 19,2%). Nhờ phát huy tinh thần tự lực cánh sinh kết hợp với sự giúp đỡ và hợp tác quốc tế, nước ta, nhân dân ta đã trưởng thành một bước trong việc xây dựng kinh tế tự chủ.

4. Dựa vào sản xuất phát triển, đời sống văn hoá và vật chất của nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt.

Mấy năm gần đây, đời sống của nông dân được cải thiện khá, đời sống của các tầng lớp khác cũng có được cải thiện.

Về *văn hoá*, từ năm 1958, chúng ta đã căn bản xoá nạn mù chữ ở đồng bằng và trung du. Tiếp đó, phong trào bổ túc văn hoá phát triển, nội dung học tập gắn chặt sát hơn với thực tế sản xuất và công tác. Hàng năm có khoảng 1,5 triệu người tham gia các lớp học ngoài giờ làm việc. Hiện nay, trong những người lao động sản xuất, phần lớn công nhân kỹ thuật có trình độ lớp 4, lớp 5, nông dân nói chung đang học từ lớp 1 đến lớp 3, riêng thanh niên nông thôn phần lớn học lớp 3, lớp 4.

Giáo dục phổ thông mấy năm gần đây phát triển khá nhanh: năm học năm 1957-1958 có khoảng trên 1 triệu học sinh; năm học 1962-1963, tổng số học sinh lên khoảng 2,6 triệu, trong đó có 52 vạn học sinh cấp II và 52 ngàn học sinh cấp III. Việc phổ cập giáo dục cấp I đang hoàn thành ở đồng bằng và thực hiện dần ở miền núi. Tính bình quân, cứ 5 xã miền xuôi có 2 trường cấp II. Ở miền núi, phần lớn các xã có trường cấp I đủ 4 lớp; mỗi huyện có từ 2 đến 3 trường cấp II; các tỉnh đều có trường cấp III; việc dạy và học bằng chữ dân tộc thiểu số (Thái, Tày, Nùng) đang được mở rộng.

Các công tác văn hoá được tiếp tục củng cố và phát triển, nhằm phục vụ sản xuất và xây dựng con người mới. Số sách, báo tăng nhanh; các công tác văn nghệ, điện ảnh phát triển một cách lành mạnh. Ở các xí nghiệp, ở các xã và hợp tác xã, các tổ chức văn nghệ quần chúng được xây dựng dần và hoạt động có kết quả.

Các ngành giáo dục, văn hoá phát triển đã nâng cao rõ rệt đời sống văn hoá của các tầng lớp, trước hết là nông dân, công nhân và cán bộ, viên chức.

Về *bảo vệ sức khoẻ*, đến cuối năm 1962, số bệnh viện, bệnh xá tăng gấp 2,4 lần so với năm 1957, số lượng giường bệnh tăng 43%, số bác sĩ và y sĩ tăng 3,6 lần. Hàng năm có khoảng 3,5 triệu người được khám bệnh và 60 vạn người được điều trị.

Ở nông thôn, khoảng 4.800 xã đã có trạm y tế với 31.000 giường bệnh cấp cứu và đỡ đẻ; ngoài ra có 130 đội y tế lưu động của Nhà nước chuyên chữa mất hết, chống sốt rét, phòng bệnh và chống dịch. Phong trào vệ sinh phòng bệnh ngày càng mở rộng, nhờ đó mấy năm nay không có một vụ dịch nào lớn xảy ra.

Công tác bảo vệ các bà mẹ và trẻ em được chú ý hơn trước; gần 70% sản phụ do hộ sinh đỡ đẻ. Bệnh uốn ván của trẻ sơ sinh giảm nhiều so với trước.

Nhìn chung, những tiến bộ về văn hoá rất đáng phấn khởi.

Cứ 10 vạn dân,

Năm 1957 có	: 25 sinh viên;	Năm 1962 có	149
người.			
"	: 57 học sinh	"	302 "
"	: 6.909 học sinh phổ thông;	"	14.832 "
"	: 161 giáo viên phổ thông;	"	384 "
"	: 18 loa phóng thanh;	"	336 loa.
"	: 8 y sĩ, bác sĩ;	"	25 y sĩ, bác sĩ.

Năm 1957 có: 121 giường bệnh; Năm 1962 có: 147 giường bệnh.

Cứ mỗi người dân,

Năm 1957 có: 2,7 tờ báo (tính theo bản); Năm 1962 có 4,1 tờ  
 " 0,7 quyển sách; " 1,6  
 quyển  
 " 2,7 lần xem chiếu " 4,1 lần  
 bóng trong năm;

*Đời sống vật chất của nông dân*, mặc dù trải qua năm 1960 sản xuất bị mất mùa, trong hai năm gần đây có được cải thiện khá về các mặt: ăn, mặc, ở, đồ dùng trong nhà như chăn, màn,... Theo kết quả điều tra, thu nhập thực tế bình quân của nông dân hàng tháng trong năm 1957 là 10,4 đồng, năm 1961 tăng lên 11,3 đồng (con số này có phần thấp hơn thực tế), bình quân hàng năm tăng 2,1%. Trong bản nông, khoảng 30% số hộ thu nhập ngang trung nông và trung nông lớp trên. Chung trong nông dân, 25% số hộ có mức sống tương đối khá, 56% số hộ có mức sống tạm đủ. Giữa các vùng thì mức thu nhập của nông dân miền núi cao hơn trung du và đồng bằng (năm 1961, thu nhập bình quân hàng tháng ở miền núi là 13,5 đồng, ở trung du là 11,9 đồng, ở đồng bằng là 11,1 đồng).

Sở dĩ thu nhập của nông dân tăng lên chủ yếu là nhờ sản xuất nông nghiệp có phát triển, mức tiêu dùng về lương thực, về thịt, cá có tăng hơn trước; thu nhập bằng tiền cũng được tăng thêm nhờ giá mua nông sản được nâng lên, ngoài ra nhờ bán một số nông sản ở thị trường tự do. Đời sống của nông dân có được cải thiện nhưng nói chung vẫn còn thấp, nhất là ở các vùng đồng bằng chuyên trồng lúa, các vùng đồng chiêm, những nơi mật độ dân số đông, thiếu nghề phụ. Số hộ nông dân thu nhập dưới mức bình quân, đời sống túng thiếu, chiếm khoảng 18%, chủ yếu là trong bản nông. Đối với sức mua của nông dân, Nhà nước chưa thoả mãn được nhu cầu về một số hàng thiết yếu như vải, đồ dùng gia đình, vật liệu làm nhà ở.

*Đối với công nhân, viên chức*, Nhà nước đã tăng lương hai lần trong năm 1958 và năm 1960, mở rộng việc thực hiện chế độ lương theo sản phẩm (khoảng 50% số công nhân trong khu vực sản xuất đã được trả lương theo sản phẩm), thực

hiện hàng năm việc nâng cấp, nâng bậc, thi hành chính sách thưởng hiện vật và giải quyết việc làm cho người trong gia đình. Nhờ đó, thu nhập danh nghĩa bình quân hàng tháng của một người trong gia đình công nhân, viên chức năm 1957 là 18,61 đồng, năm 1962 tăng lên 21,70 đồng, bình quân hàng năm tăng 3,1%. Thu nhập thực tế cũng có tăng từ 18,61 đồng lên 19,37 đồng, bình quân hàng năm tăng 0,8%. Tuy nhiên, so với những năm 1959-1960 thì thu nhập thực tế hàng tháng trong hai năm gần đây có bị giảm sút (năm 1959: 21,73 đồng; năm 1960: 21,76 đồng), chủ yếu vì giá một số hàng, nhất là giá thực phẩm tăng lên. Do ảnh hưởng của giá cả, nếu muốn mua một số hàng tương đương, năm 1962 phải chi 11,50 đồng so với mức chi năm 1957 là 10 đồng, và năm 1959 là 9,38 đồng. Hiện nay, hơn một nửa số công nhân, viên chức có mức thu nhập trung bình và trên trung bình; khoảng 18% số công nhân, viên chức thu nhập hàng tháng dưới 15 đồng bình quân đầu người trong gia đình (phần đông là những người đông con) thì đời sống có nhiều khó khăn.

Để bảo đảm mức sống của công nhân, viên chức, Nhà nước đã có nhiều cố gắng trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm và vải mặc. Tiền đầu tư xây dựng nhà ở trong mấy năm gần đây được chú ý tăng thêm (trong 5 năm 1955-1959: 37,8 triệu đồng; trong 3 năm 1960-1962: 136,2 triệu đồng. Diện tích nhà gạch đã xây dựng từ năm 1957 đến năm 1961 được trên 40 vạn mét vuông). Tuy nhiên, nhà ở nhiều nơi vẫn thiếu, nhất là các khu công nhân tập trung. Các chi phí về phúc lợi xã hội ở các xí nghiệp, công trường, cơ quan hàng năm cũng được tăng thêm (năm 1960, bằng 10,8% quỹ tiền lương, năm 1961 bằng 11%, và năm 1962 bằng 12,7%, tức là 52,8 triệu đồng).

## B- NHỮNG VẤN ĐỀ LỚN TRONG NỀN KINH TẾ

Bên cạnh những thắng lợi, nền kinh tế của ta đang có một số khó khăn. Cần đánh giá đúng mức các khó khăn và khuyết

điểm, để xác định các phương hướng cụ thể, bảo đảm chấp hành tốt hơn nữa đường lối của Đảng.

## I- NÔNG NGHIỆP

Sản xuất nông nghiệp nói chung có phát triển nhưng chưa giải đáp kịp yêu cầu thực hiện từng bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống của nhân dân. Miền núi có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp toàn diện nhưng khả năng có được phát huy còn ít, sản xuất vẫn có tính chất tự túc ở từng địa phương, từng vùng nhỏ hẹp. Chung trong toàn quốc, sản xuất lương thực chưa bảo đảm được nhu cầu bình thường của xã hội và trở ngại một phần quan trọng đến việc phát triển chăn nuôi và phát triển cây công nghiệp.

Trong điều kiện hợp tác xã còn mới, việc quản lý hợp tác xã còn yếu, cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa thay đổi nhiều, khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp còn bị hạn chế. Nhưng nếu công tác lãnh đạo và chỉ đạo làm tốt hơn, vẫn có thể đưa sản xuất nông nghiệp phát triển khá hơn. Vì không kịp thời uốn nắn một số lệch lạc trong phong trào hợp tác hoá; đầu tư vốn của Nhà nước vào nông nghiệp, đặc biệt là vào công tác thủy lợi, trong những năm trước đây có phần ít, và sử dụng vốn đầu tư chưa được tốt; nhất là việc chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện và tăng năng suất có một số khuyết điểm, cho nên sản xuất nông nghiệp phát triển có phần chậm.

Nhịp độ phát triển bình quân hàng năm của nông nghiệp năm 1962 so với năm 1957 là 5,3%. So năm 1962 với năm 1958 là những năm sản xuất bình thường, thì nhịp độ phát triển bình quân là 3,6% ngang với nhịp độ tăng dân số.

### 1. Sản xuất lương thực

Năm 1957, sản lượng lương thực (quy ra thóc) đạt 4,58 triệu tấn. Năm 1959, tăng lên trên 6 triệu tấn. Năm 1960, sụt xuống 4,93 triệu tấn. Hai năm gần đây lại đạt 5,83

triệu và 5,73 triệu tấn. Bình quân hàng năm trong 5 năm lương thực tăng 4,5%, trong đó hoa màu tăng 13,3%, lúa chỉ tăng 2,9%.

Sản lượng lúa từ năm 1957 đến năm 1959 tăng lên dần, nhưng năm 1960 sụt gần 1 triệu tấn so với năm 1959; năm 1961 và năm 1962, có tăng lên nhưng chỉ xấp xỉ năm 1958, đạt khoảng trên dưới 4,6 triệu tấn là mức trung bình trong 5 năm qua, (còn thấp thua năm 1959 khoảng 50 đến 60 vạn tấn).

Sản lượng hoa màu (quy ra lúa) từ năm 1957 đến năm 1960 tăng rất chậm, chỉ chiếm khoảng 10% đến 13% trong tổng sản lượng lương thực. Hai năm gần đây, đạt khoảng 1,18 triệu tấn, tăng 55 vạn tấn so với năm 1957, chiếm khoảng 20% tổng sản lượng lương thực. Nhưng riêng ở đồng bằng, hoa màu còn ít, chỉ chiếm khoảng 13% đến 14% tổng sản lượng lương thực.

Năm 1962 so với năm 1958, dân số tăng 2,2 triệu người, hoa màu tăng 61 vạn tấn, nhưng lúa thì lại giảm một ít.

Khối lượng lương thực Nhà nước nắm trong mấy năm gần đây tăng gấp rưỡi so với những năm 1957-1958 nhưng vẫn không đủ cung cấp cho nhu cầu. Trừ phần cung cấp lại cho nông dân, số lương thực nhân dân nắm để cung cấp cho những người không sản xuất nông nghiệp so với sản lượng lương thực chiếm tỷ lệ khoảng 14%; trong khi đó, diện những người không sản xuất nông nghiệp mà Nhà nước phải cung cấp lương thực chiếm tới 18-19% dân số.

Phần lương thực tiêu dùng trong nông dân từ năm 1957 đến nay có tăng, nhưng tính bình quân đầu người thì có năm tăng một ít, có năm không. Mấy năm nay, ở nông thôn không có nạn đói, nhưng ở các vùng ít diện tích trồng cây lương thực, những vùng đồng chiêm một vụ thì có nhiều người thiếu ăn.

Tóm lại, nhịp độ phát triển sản xuất lương thực không cao hơn mấy so với nhịp độ tăng dân số, riêng nhịp độ sản xuất lúa thì lại thấp thua, khu vực những người không sản xuất

nông nghiệp tăng lên nhanh; trong những điều kiện ấy, nhu cầu bình thường về lương thực của xã hội chưa được bảo đảm, Nhà nước phải nhập một số lương thực để tiêu dùng, lực lượng dự trữ về lương thực trong tay Nhà nước cũng như trong nông dân rất mỏng. *Tình hình lương thực mấy năm gần đây càng thẳng là khó khăn lớn nhất trong nền kinh tế, có ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt hoạt động.*

## 2. Chăn nuôi gia súc

Từ năm 1959 đến năm 1961, đàn trâu cầm chừng ở mức trên dưới 1,45 triệu con; năm 1958 đàn bò từ 99,2 vạn con, năm 1961 sụt xuống 78,1 vạn con. Đàn lợn: năm 1958, có 3,98 triệu con, năm 1959 sụt xuống 3,62 triệu con, và giữ mức 3,75 triệu con đến 3,74 triệu con trong năm 1960-1961.

Vấn đề nghiêm trọng là sức tái sản xuất của đàn gia súc trong thời gian đó sa sút nhiều. Trong đàn trâu, bò, tỷ lệ con cái được giữ với mức độ thoả đáng, (khoảng 41-43%) nhưng tỷ lệ con cái đẻ giảm sút (năm 1958: 41%, năm 1961: 20-22%); đồng thời, tỷ lệ súc vật con đẻ ra nuôi được cũng thấp xuống (năm 1958: 85-88%, năm 1961: 82%). Trong đàn lợn, số lợn nái giảm, năm 1958 có 64,7 vạn con, năm 1961 sụt xuống 55,1 vạn con.

Từ năm 1962, tình hình chăn nuôi bắt đầu có chuyển biến tốt. So với năm 1961, đàn trâu tăng 3 vạn con, bằng 102%; đàn bò tăng 5 nghìn con, bằng 100,6%; đàn lợn tăng gần 49 vạn con, bằng 113,3%.

Nhìn chung, trong những năm trước đây, chăn nuôi phát triển chậm, không đều và có mặt sút kém. Tỷ trọng của ngành chăn nuôi gia súc còn thấp; năm 1958 chiếm 15,2% trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, năm 1961 chỉ chiếm 12,8%, năm 1962 chiếm 14,3%.

*Trong quan hệ giữa các ngành nông nghiệp, vấn đề nổi lên là trồng trọt và chăn nuôi phát triển không cân đối.*

Lương thực có khó khăn, hoa màu ít, phải dành ưu tiên cho người; cơ sở thức ăn để phát triển nuôi lợn không được bảo đảm. Diện tích gieo trồng mở rộng, bãi chăn đất trâu, bò ở

đồng bằng cũng như ở miền núi bị thu hẹp lại, trâu, bò thiếu ăn, một số bị gây ốm.

Ngược lại, chăn nuôi là nguồn chủ yếu cung cấp sức kéo và phân bón cho trồng trọt, nhưng chăn nuôi phát triển chậm và có mặt sút kém đã đưa đến tình hình thiếu phân bón và thiếu sức kéo, không bảo đảm được yêu cầu thực hiện thâm canh tăng năng suất<sup>1</sup>.

Một mặt khác, mức cung cấp thịt trâu, bò, lợn cho thành thị và các khu công nghiệp trong mấy năm gần đây giảm sút khá nhiều, khối lượng xuất khẩu cũng ít, thua những năm trước.

## 3. Cây công nghiệp

Giá trị sản lượng cây công nghiệp tăng tương đối đều, nhịp độ phát triển bình quân hàng năm cao hơn sản xuất lương thực. Tuy nhiên, sản phẩm cây công nghiệp vẫn chưa giải đáp được nhu cầu về nguyên liệu cho công nghiệp và vật tư cho xuất khẩu. Một số nguyên liệu nông sản như chè, mía, chưa đủ cung cấp cho các nhà máy, do đó không bảo đảm sử dụng tốt năng lực sản xuất. Bông xơ trong nước cung cấp cho công nghiệp dệt mỗi năm khoảng 1.000 tấn, bằng 7% nhu cầu. Một số sản phẩm như lạc, vừng, đỗ các loại, đường mật, tỷ lệ Nhà nước thu mua so với sản lượng không tăng mà lại sụt.

1. Số lượng phân chuồng bón cho một hécta lúa mỗi năm một sút, chất lượng phân giảm sút. Sức kéo thiếu nghiêm trọng, diện tích bình quân mỗi đầu trâu, bò phải cày kéo hàng năm tăng lên. Số liệu về tình hình đó như sau:

	1958	1959	1960	1961	1962
- Phân chuồng bón cho 1 hécta lúa (tấn)	5,3	7,2	6,9	5,8	5,3
- Diện tích bình quân mỗi đầu trâu, bò phải cày kéo hàng năm (ha)	1,61	1,66	1,73	1,99	2,0

Chúng ta có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây công nghiệp, nhất là một số đặc sản nhiệt đới. *Trở ngại chính là vấn đề lương thực giải quyết chưa được tốt, cho nên khả năng mở rộng trồng cây công nghiệp có phần bị hạn chế.* Tỷ trọng của cây công nghiệp trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng chậm; trong nhiều năm chiếm 3,3 - 3,4%, năm 1962 mới tăng lên 3,7%. Diện tích trồng cây công nghiệp và cây ăn quả năm 1962 tăng gần 80% so với năm 1957 (từ 108.722 héc-ta, tăng lên 194.360 héc-ta) nhưng tỷ trọng diện tích trồng cây công nghiệp và cây ăn quả trong tổng diện tích gieo trồng vẫn còn thấp, (năm 1957 chiếm 4%, năm 1961 lên 5%, năm 1962 lên 6%).

Trong việc phát triển nông nghiệp, bên cạnh những khó khăn khách quan, sự lãnh đạo và chỉ đạo của chúng ta có một số khuyết điểm.

#### 1) Về chỉ đạo hợp tác hoá nông nghiệp

Phong trào hợp tác hoá nói chung là tốt. Trong những năm tới, qua cuộc "Vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp...", nhất định các hợp tác xã nông nghiệp sẽ phát huy tác dụng tích cực hơn.

Mặc dù phần khuyết điểm trong cuộc vận động hợp tác hoá là thứ yếu so với phần ưu điểm, chúng ta vẫn phải chú ý đầy đủ và tiếp tục giải quyết tốt hơn.

Trong những năm 1959-1961, *chăn nuôi sút kém và phát triển chậm, một phần quan trọng là do việc chuẩn bị và thực hiện chính sách trong khi tiến hành hợp tác hoá có những lệch lạc.* Việc công hữu hoá trâu, bò làm vội vã, giá định quá thấp, công điểm chăn dắt thường không được thoả đáng. Thiếu chính sách đối với bê nghé, đã đưa đến tình trạng chăn nuôi trâu, bò dễ bị hạn chế. Đàn bò sụt nhiều là vì từ sản xuất cá thể chuyển sang sản xuất tập thể, sức kéo của bò có phần không được thích dụng như trước, nhiều hợp tác xã tính toán lợi hại không đúng, không chiếu cố công điểm, bán bò mua trâu, đưa đến tình trạng đàn bò bị lạm sát nghiêm trọng. Đối với chủ trương để lại 5% đất cho xã viên để kinh

doanh phụ, nhiều nơi không thi hành đúng, đã hạn chế một phần nguồn thức ăn cho việc chăn nuôi lợn. Chúng ta không phát hiện kịp thời tình hình nói trên, các lệch lạc xảy ra kéo dài. Gần đây, việc sửa đổi và bổ sung các chính sách cụ thể về chăn nuôi đã bắt đầu đem lại kết quả tốt.

Trong công tác *quản lý hợp tác xã*, bên cạnh những nhược điểm phải khắc phục dần, có một số khuyết điểm phải tích cực sửa chữa. Nhiều ban quản trị làm việc thiếu dân chủ, phạm tham ô lãng phí khá nghiêm trọng, ảnh hưởng không tốt đến tinh thần phấn khởi sản xuất của xã viên. Việc quản lý lao động ở nhiều nơi còn gò bó, không điều hoà thích hợp giữa việc lao động trong hợp tác xã và lao động kinh doanh phụ gia đình. Mặt khác, giờ giấc làm việc trong các hợp tác xã thường không được sắp xếp hợp lý; tình trạng đi muộn về sớm, hoặc làm việc 8 giờ theo tiếng kèn trở thành một tập quán khá phổ biến, gây ra nhiều lãng phí trong việc sử dụng lao động và sử dụng sức trâu, bò.

#### 2) Về đầu tư vốn và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp

Những năm gần đây, chúng ta chú ý tăng thêm vốn đầu tư vào nông nghiệp, nhưng *trong thời gian 1958-1960, tỷ trọng đầu tư vào nông nghiệp rất thấp* (năm 1958: 15,2%, năm 1959: 11,5%, năm 1960: 10,5%. Tính chung ba năm, chiếm 11,9% tổng mức đầu tư về kinh tế và văn hoá).

Trong số vốn Nhà nước đầu tư vào nông nghiệp, trừ phần đầu tư vào nông trường, vốn đầu tư phục vụ sản xuất của khu vực tập thể trong những năm 1958-1960 chỉ chiếm 7,8% tổng mức đầu tư về kinh tế và văn hoá, thấp hơn tỷ trọng vốn đầu tư vào ngành mậu dịch và dự trữ vật tư (8%).

Vì vốn đầu tư vào nông nghiệp trong những năm 1958-1960 ít, cho nên cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp trong hai năm gần đây tăng lên chậm.

Trong số vốn đầu tư vào nông nghiệp trong 5 năm qua, phần *đầu tư vào thủy lợi* chiếm 40%, thấp hơn phần dành cho nông trường. Vốn đầu tư vào thủy lợi ít, chủ yếu cũng là

trong thời gian 1958-1960. Hiệu quả vốn đầu tư vào thủy lợi phát huy chưa tốt. Các công trình cũ khôi phục hiện tưới nước cho 329.895 héc-ta ruộng đất canh tác, bằng 83% diện tích theo thiết kế. Trong các công trình loại lớn mới xây dựng, có 27 công trình đã có phát huy tác dụng, nhưng chỉ mới tưới cho 135.400 héc-ta ruộng đất canh tác, bằng 30% diện tích theo thiết kế. Vốn đầu tư vào thủy lợi những năm trước đây ít là do coi nhẹ việc xây dựng các công trình lớn. Vốn đầu tư vào thủy lợi gần đây phát huy hiệu quả chậm là do quản lý còn kém, không chú trọng tăng cường lực lượng cơ giới hoá thi công trong việc xây dựng thủy lợi, phải dùng nhiều lao động thủ công, không đủ sức phát triển hệ thống kênh mương dẫn nước vào ruộng. Tình hình hạn gần đây nhắc nhở chúng ta nhất thiết không được chủ quan với kết quả về công tác thủy lợi, mà phải không ngừng cố gắng nhiều hơn nữa.

*Về trang bị máy kéo cho khu vực sản xuất tập thể*, năm 1962 có 286 máy tiêu chuẩn, cày bừa được 21.250 héc-ta, bằng 0,7% diện tích gieo cấy. Khuyết điểm chính là địa bàn dùng máy kéo quá phân tán, mức sử dụng còn quá thấp, tiền công cày bừa cao,...

Trong những năm 1959-1960, *việc cho vay dài hạn đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cũng chưa được đúng mức*. Năm 1961, chúng ta tăng thêm vốn cho vay nhưng lại thiếu kết hợp với khả năng vật tư, một phần vốn cho vay không phục vụ sản xuất mà lại biến thành vốn tiêu dùng. Năm 1962, kế hoạch cho vay không đạt vì thiếu vật tư.

Khả năng vật tư của Nhà nước có hạn, nhưng trong việc phân phối, những năm trước đây, chúng ta chú ý không đầy đủ nhu cầu của các hợp tác xã, cho nên *khối lượng các loại vật tư như gỗ, xi măng, sắt thép,... cung cấp cho các hợp tác xã quá ít*. Các loại nông cụ cung cấp cho hợp tác xã, có nơi, có lúc không giải đáp kịp nhu cầu; một số không hợp quy cách, phần nhiều phẩm chất xấu, giá cao.

Từ sau Đại hội, chúng ta chú trọng mở rộng *khai hoang và chuyển người từ các vùng đông dân cư đến các vùng ít dân cư, nhất là các vùng trung du và miền núi để phát triển sản xuất*. Nhờ đó, năm 1961 và năm 1962, chúng ta đã đạt được một số thành tích bước đầu. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có kế hoạch cụ thể, toàn diện về khai hoang và đưa người đi. Công tác điều tra nghiên cứu, chuẩn bị, phối hợp giữa các địa phương có người đi và nhận người đến làm không được chu đáo. Tổ chức phụ trách khai hoang ở trung ương chậm được củng cố. Sự phối hợp giữa khai hoang của nhân dân và khai hoang của nông trường quốc doanh, giữa khai hoang và lâm nghiệp chưa tốt. Nhiều nơi, nông trường gây nhiều phiền phức cho việc khai hoang của nhân dân. Ở nhiều vùng khai hoang, kể cả của nông trường và của nhân dân, rừng bị phá nghiêm trọng.

Qua tình hình khai hoang ở trung du và miền núi, hình thức tổ chức xen ghép từng đội, từng tổ, từng gia đình vào các hợp tác xã đã có, kết hợp khai hoang, phát triển trồng trọt và chăn nuôi với việc khai thác lâm sản, phát triển công nghiệp địa phương, là hình thức tương đối thích hợp nhất trong những điều kiện hiện nay của ta.

Trong công tác chỉ đạo thực hiện, phải tăng cường giúp đỡ các nơi nhận người đến, đặc biệt chú trọng hướng dẫn kỹ thuật ở các vùng khai hoang, nhất là đất đồi, khắc phục tình trạng xói lở đang xảy ra khá nghiêm trọng. Phải làm cho quần chúng có ý thức làm ăn lâu dài, phấn đấu biến đất vỡ hoang thành đất thuộc, nhằm phát huy hiệu quả kinh tế tốt. *Việc xây dựng và phát triển nông trường quốc doanh* đã đem lại những tiến bộ rõ rệt. Quy mô sản xuất của các nông trường được mở rộng thêm nhiều. Một số nông trường đã vươn lên trở thành những điển hình tốt, có nhiều thành tích về mặt khai hoang và sản xuất. Nhưng so sánh với số vốn đã bỏ ra, với năng lực của các cơ sở vật chất - kỹ thuật, thì hiệu quả phát huy chưa xứng đáng. Về mặt khách quan, việc xây

dựng nông trường gặp một số khó khăn, nhưng ngành nông trường có một số khuyết điểm.

Phương hướng sản xuất của nhiều nông trường không rõ ràng, dứt khoát. Nhiều nông trường đã phân tán lực lượng kinh doanh nhiều ngành, không phân biệt rõ giữa sản xuất chính và sản xuất phụ. Giữa trồng trọt và chăn nuôi sắp xếp không cân đối. Giữa xây dựng và sản xuất bố trí chưa được rõ ràng, hợp lý; thời gian xây dựng kéo dài, sản xuất chậm ổn định.

Ngoài các thiết bị, máy móc, các cơ sở sản xuất khác còn kém. Cơ sở thức ăn cho gia súc chưa được xây dựng phù hợp với yêu cầu tổ chức chăn nuôi quy mô tương đối lớn. Việc xây dựng thuỷ lợi, giải quyết vấn đề tưới nước làm còn quá ít. Việc chăm sóc cây trồng và gia súc, nhất là các loại cây lưu niên không tốt, dễ xảy ra tình trạng một số diện tích gieo trồng bị mất trắng, nhiều nơi súc vật chết vì bệnh và đói rét. Chủ trương cho các nông trường "tạo vốn" "làm ngoài kế hoạch" thi hành có nhiều lệch lạc: kinh doanh nhiều thứ, đi chệch phương hướng sản xuất của nông trường, sử dụng lãng phí một số tài nguyên về rừng, dùng tiền vay ngân hàng của Ngân hàng vào việc xây dựng cơ bản, làm cho việc quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch của nông trường trở nên phức tạp.

Các nông trường quốc doanh nói chung chưa phát huy được tác dụng làm gương mẫu và giúp đỡ đối với các hợp tác xã về các mặt quản lý, áp dụng kỹ thuật mới,... Kinh doanh sản xuất có lãi chưa đáng kể, chưa góp phần tích lũy cho Nhà nước, ngược lại, sử dụng vốn không được tốt, vốn ứ đọng khá nhiều.

### 3) Về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện phương hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, tăng diện tích và tăng năng suất

Từ sau khi hoà bình lập lại đến nay, chúng ta luôn luôn coi sản xuất lương thực là khâu chính trong sản xuất nông nghiệp. Nhưng *phương hướng cụ thể về sản xuất lương thực,*

*sản xuất lúa và sản xuất hoa màu trong một thời gian dài không được xác định đúng.*

Liên tiếp ba vụ trong năm 1958 và 1959, sản xuất lúa được mùa, đồng thời phong trào hợp tác hoá phát triển mạnh. Chúng ta sinh ra chủ quan trong việc sản xuất lúa, không thấy hết khó khăn, phức tạp trong việc giải quyết lương thực. Hoa màu chỉ được coi là "lương thực phụ", chỉ được chú trọng khi lúa mất mùa. Tình hình ấy kéo dài đến cuối năm 1960.

Trải qua thực tế, dần dần chúng ta thấy rõ là trước mắt, sản xuất lúa khó đẩy lên nhanh; về sản xuất hoa màu, chúng ta có nhiều khả năng phát triển hơn. Cho nên muốn tiến tới bảo đảm nhu cầu về lương thực và tạo cơ sở thức ăn để phát triển chăn nuôi, đi đôi với việc ra sức tăng thêm sản lượng lúa, cần phải tích cực tăng nhanh diện tích trồng hoa màu, nhất là các loại hoa màu có năng suất cao.

*Ngoài ảnh hưởng của sản xuất lương thực, một số thiếu sót về chỉ đạo đã hạn chế khả năng phát triển chăn nuôi và phát triển cây công nghiệp*

Trong phần về chỉ đạo hợp tác hoá nông nghiệp, đã nói đến những lệch lạc về chuẩn bị và thực hiện chính sách đối với chăn nuôi, nhất là chăn nuôi trâu, bò. Ngoài ra, công tác kỹ thuật về chăn nuôi tiến bộ chậm. Việc phổ biến giống tốt, thụ tinh nhân tạo, làm chuồng trại hợp vệ sinh, tiêm phòng và chữa bệnh cho gia súc,... nói chung còn lẻ tẻ. Hàng năm, trâu, bò, lợn chết vì đói rét, bệnh dịch thường gây ra những tổn thất lớn.

Đối với những người trồng cây công nghiệp, Nhà nước cung cấp hàng năm khoảng 2 vạn tấn gạo. Thiếu sót chính trong vấn đề này là việc cung cấp không nhằm giải quyết chủ yếu cho những vùng trồng cây công nghiệp tập trung, không định rõ tiêu chuẩn cung cấp khác nhau, tùy theo mức thiếu lương thực và mức bán sản phẩm cho Nhà nước. Mặt khác, vấn đề phân vùng trồng các loại cây công nghiệp quan trọng làm chậm; việc hướng dẫn kỹ thuật nói chung

còn quá yếu; sự giúp đỡ của Nhà nước đối với các vùng trồng cây công nghiệp như về cung cấp phân bón, cung cấp giống,... chưa được tích cực.

*Trong việc phát triển trồng trọt, chúng ta tích cực tăng vụ và khai hoang, mở rộng diện tích nhưng chưa chú trọng đầy đủ thực hiện thâm canh tăng năng suất.*

Nhờ đẩy mạnh tăng vụ và khai hoang, chúng ta đã mở rộng diện tích gieo trồng, đem lại những kết quả tốt: chủ trương đó là hoàn toàn đúng. Thực tế cũng chỉ rõ là: muốn tăng sản lượng khá hơn, cần phải tạo ra mọi khả năng, đẩy mạnh hơn nữa thâm canh tăng năng suất.

Diện tích cấy lúa năm 1961 và 1962 so với năm 1958 tăng thêm khoảng 20 vạn héc-ta, nhưng sản lượng lúa vẫn đứng ở mức trên dưới 4,6 triệu tấn, vì năng suất lúa giảm sút. (Năng suất lúa năm 1958 đạt 20,47 tạ; hai năm gần đây chỉ đạt 19,30 tạ và 18,90 tạ).

Về hoa màu, năng suất sắn và khoai sọt dần. Năng suất các loại hoa màu gần đây đều còn thấp thua năm 1959.

Diện tích các loại cây công nghiệp quan trọng phát triển tương đối khá, năng suất mía, cói có tăng nhưng năng suất nhiều loại cây cầm chừng (bông, lạc, thuốc lá) hoặc giảm sút (đay, chè, thầu dầu, đỗ tương).

Tình hình cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp còn yếu là một trở ngại lớn trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, chúng ta chưa tích cực điều chỉnh từng bước quan hệ cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, tạo điều kiện để có thể tăng năng suất khá hơn. Chăn nuôi phát triển chậm đã hạn chế nguồn cung cấp phân bón và sức kéo cho ngành trồng trọt, đã hạn chế một phần khả năng thực hiện thâm canh. Trong việc chỉ đạo các biện pháp kỹ thuật về trồng trọt có hiện tượng chung là không quán triệt yêu cầu tăng năng suất. Công tác thủy lợi có tác dụng rõ rệt đối với việc tăng vụ, có thu hẹp dần diện tích bị hạn, nhưng kỹ thuật tưới nước chậm được chú ý, ruộng đất nhiều vùng có nông giang bị bí, năng suất lúa giảm sút. Đối với diện tích

trồng cây công nghiệp và hoa màu nhiều nơi có điều kiện vẫn không chú trọng tưới nước (năm 1962, mới tưới 16,5% diện tích). Ruộng đất của ta hầu hết bị chua, mặn và bạc màu, nhưng biện pháp cải tạo đất chưa được mạnh và toàn diện. Công tác chọn giống, gây giống tốt không được coi trọng. Điều kiện khí hậu nhiệt đới thuận lợi cho những loại sâu phát triển nhưng việc phòng, trừ sâu còn kém. Việc bảo đảm thời vụ có tiến bộ nhưng việc thực hiện kế hoạch gieo cấy thường tách rời với yêu cầu tăng năng suất (cày bừa đối, chuẩn bị phân bón ít)...

Trong điều kiện ruộng đất và sản xuất của ta, trước mắt cũng như về lâu dài, cần phải tích cực phấn đấu thực hiện thâm canh tăng năng suất và phải tiếp tục ra sức đẩy mạnh tăng vụ và khai hoang, không thể coi nhẹ một mặt nào. Từng thời gian, từng địa phương và đối với từng loại cây trồng, cần phải cụ thể hoá phương châm ấy cho sát với thực tế. Ví dụ, trong việc sản xuất lúa, cần tiến tới ổn định diện tích, ra sức thâm canh tăng năng suất để tăng sản lượng,... Vì khả năng còn có hạn, cho nên trong việc thực hiện thâm canh tăng năng suất, từ trung ương đến cơ sở sản xuất, phải chỉ đạo có trọng điểm nhằm những loại cây quan trọng nhất, những vùng có điều kiện thích hợp nhất để bảo đảm tăng sản lượng, phát huy hiệu quả tiền vốn và công lao động một cách tốt nhất. Trong việc tăng vụ và khai hoang, phải cố gắng đầy đủ thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ đất, bảo vệ màu, cải tạo và bồi dưỡng đất để bảo đảm yêu cầu về năng suất, hết sức khắc phục tình trạng làm cho đất ngày càng xấu đi, làm giảm sút năng suất và sản lượng.

## II- CÔNG NGHIỆP

Nền công nghiệp của ta gồm những ngành chủ yếu về công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ đang hình thành, sản xuất phát triển tương đối nhanh. Nhưng hiện nay, phần nhiều các cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng còn đang trong lúc xây dựng,

hoặc sang kế hoạch 5 năm lần thứ hai mới được xây dựng. Năng lực sản xuất về điện lực, cơ khí, luyện kim, hoá chất và phân bón nói chung còn ít. Trước mắt, khả năng trong nước về trang bị kỹ thuật và cung cấp các loại vật tư chủ yếu cho các ngành kinh tế, nhất là cho nông nghiệp, còn có hạn. Một số loại hàng tiêu dùng thiết yếu, như: cá, nước mắm, đường, vải, thuốc men, chưa đủ cung cấp cho nhu cầu của nhân dân.

Các vùng trung du và miền núi ở Việt Bắc đã có một số cơ sở công nghiệp lớn; riêng ở Tây Bắc, ngoài công nghiệp địa phương, chúng ta chưa có sức làm công nghiệp lớn.

Trong việc xây dựng và phát triển công nghiệp, chúng ta thiếu nhìn xa và toàn diện, chủ trương và kế hoạch có những chỗ không sát. Một số xí nghiệp quan trọng xây dựng chậm; trong các xí nghiệp đã xây dựng, thì có một số ít chưa thật cần thiết, một số sắp xếp có chỗ không hợp lý. Công suất điện dùng còn thấp; năng lực ngành cơ khí phát huy còn kém; các ngành sản xuất nguyên liệu không được chú ý kịp thời; các ngành than, gỗ, cá, muối không được đẩy mạnh phát triển; một số hàng tiêu dùng quan trọng không được chú ý giải quyết. Việc xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương chậm được quy hoạch, năng lực sản xuất chưa được phát huy đúng mức. Những khuyết điểm nói trên trong việc chấp hành phương hướng xây dựng công nghiệp và quản lý sản xuất công nghiệp đã hạn chế một phần nhịp độ xây dựng và phát triển công nghiệp.

#### 1. Công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất

**Điện lực:** Từ năm 1958 đến năm 1962, chúng ta đã đầu tư vào ngành điện 222 triệu đồng, chiếm 18,4% tổng số vốn đầu tư vào công nghiệp. Đó là mức đầu tư cao nhất trong các ngành công nghiệp nặng. Tổng công suất điện cuối năm 1957 là 61.230 kw, năm 1962 tăng lên 104.400 kw. Nhưng hiện nay, điện vẫn chưa đi trước. So với nhịp độ phát triển của công nghiệp quốc doanh là những cơ sở tiêu thụ điện chủ yếu, nhịp độ tăng sản lượng điện chậm khá nhiều.

Trong mạng lưới điện, việc cung cấp điện cho công nghiệp và các thành phố có lúc rất căng thẳng; điện cung cấp cho thủ công nghiệp rất hạn chế, dùng trong nông nghiệp (các trạm bơm) còn rất ít.

**Luyện kim:** Chúng ta đã đầu tư 149 triệu đồng vào ngành luyện kim có chất sắt và không có chất sắt, chiếm tỷ trọng 12,4%.

Khu gang thép Thái Nguyên đến nay đã được đầu tư khoảng 130 triệu đồng, bằng gần 30% tổng số vốn dự toán (không kể nhà máy điện), 8 trong số 14 hệ thống công trình của đợt một đã và đang được xây dựng. Cuối năm 1956, toàn bộ công trình với công suất 20 vạn tấn thép mỗi năm sẽ căn bản xây dựng xong.

Về cơ sở nhỏ sản xuất gang, hiện có 5 xí nghiệp, sản lượng hàng năm từ 12 ngàn đến 15 ngàn tấn gang, dùng để đúc các mặt hàng không đòi hỏi chất lượng cao.

**Cơ khí:** Ngành cơ khí quốc doanh được đầu tư 66,3 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 5,5%; gồm 206 xí nghiệp, trong đó có 155 xí nghiệp do trung ương quản lý và 51 xí nghiệp địa phương. Ngoài ra, có 46 xí nghiệp công tư hợp doanh và 108 hợp tác xã. Trong tổng số cơ sở ấy, có 85 cơ sở chế tạo, còn lại là những cơ sở sửa chữa.

Giá trị sản lượng và tỷ trọng của ngành cơ khí tăng lên khá nhanh. Riêng phần chế tạo máy móc và phụ tùng tuy có tiến bộ, nhưng năng lực thực tế về trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế còn bị hạn chế. Năm 1962, các loại máy móc và phụ tùng đã sản xuất được trị giá gần 100 triệu đồng, chiếm hơn một nửa trong giá trị sản lượng của ngành cơ khí quốc doanh. Chỉ kể phần máy móc thì trị giá khoảng 80 triệu đồng, trong đó có khoảng 10 triệu đồng các loại phụ tùng và vật liệu nhập khẩu. Trong số sản phẩm, ngoài phần nửa thành phẩm, có một phần khá nhiều sản phẩm bị ứ đọng. Nhìn chung, năng lực cơ khí của ta còn ít, nhưng sắp xếp và sử dụng không được hợp lý. Các loại nông cụ nửa cơ giới, các loại máy móc giản đơn, chất lượng kém, giá cao, tiêu thụ khó

khăn. Chúng ta chưa chế tạo được các loại máy và phụ tùng chủ yếu mà các ngành đòi hỏi nhiều và phải nhập khẩu; tổ chức sửa chữa lớn trong một số xí nghiệp, sửa chữa lớn các loại phương tiện vận tải chưa bảo đảm được yêu cầu.

*Công nghiệp than và công nghiệp khai khoáng:* Vốn đầu tư các ngành than và khai khoáng là 108 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 8,9%, trong đó đầu tư vào ngành than 73 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 6%. Sản lượng than từ trên 1 triệu tấn năm 1957, tăng lên 3,35 triệu tấn năm 1962. Khối lượng than dùng trong năm 1957 là 44,8 vạn tấn; năm 1962 là 1,47 triệu tấn. Năm 1961 và năm 1962, nhu cầu về than trong nước và xuất khẩu đều tăng lên; sản lượng than khai thác không phục vụ kịp các nhu cầu đó. Riêng năm 1962, vì phải bảo đảm nhu cầu trong nước, số than xuất khẩu chỉ bằng 92% năm 1961.

Hiện nay, tiềm lực của các mỏ than cũ không còn nhiều, tỷ lệ đất đá tăng lên, giữa yêu cầu tăng sản lượng và yêu cầu khai thác đúng kỹ thuật có mâu thuẫn với nhau. Muốn tăng sản lượng than lên khá, phải xây dựng các cơ sở mới, phải bỏ nhiều vốn và mất thời gian khá lâu.

Việc khai thác apatít và crômmit được mở rộng, chủ yếu để xuất khẩu. Tình hình tiêu thụ apatít không đều, có lúc kế hoạch sản xuất phải rút bớt, có lúc lại không vận chuyển kịp.

*Hoá chất và phân bón:* Chúng ta đã đầu tư 124 triệu đồng vào ngành hoá chất và phân bón; tỷ trọng chiếm 10,3%, trong đó phần lớn dành cho phân bón. Nhà máy súppe lân Lâm Thao đã bắt đầu sản xuất, một số xưởng phân lân thủy tinh đã được xây dựng; nhưng trước mắt, việc tiêu thụ phân lân có khó khăn. Nhà máy phân đạm Bắc Giang đang xây dựng, sẽ căn bản hoàn thành vào cuối năm 1965.

*Công nghiệp gỗ:* Vốn đầu tư vào ngành khai thác và chế biến gỗ là 76,7 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 7,6%. Về trình độ cơ giới

hoá, đến năm 1962, có 10% khối lượng gỗ khai thác được kéo từ trong rừng ra bằng máy kéo; 62% được vận tải đến bến kết bè bằng ô tô. Khâu vận chuyển đến bến phân phối chủ yếu thực hiện bằng cách thả bè.

Sản lượng gỗ khai thác trong thời gian 1959-1962 từ 769,8 nghìn mét khối, tăng lên 838 nghìn mét khối, bình quân hàng năm tăng 3%. Với nhịp độ phát triển ấy, trong ba năm qua, mỗi năm thiếu ít nhất khoảng 20 vạn mét khối. Các công trường và các xí nghiệp cửa xẻ nhiều lúc thiếu gỗ nghiêm trọng; thiếu gỗ cung cấp cho việc đóng thuyền vận tải, thuyền đánh cá, đóng đồ dùng gia đình và cho xây dựng cơ bản của nông thôn.

Về chế biến gỗ, gỗ tạp chiếm khoảng 70%, nhưng cơ sở tẩm gỗ còn rất ít. Lực lượng cửa xẻ gỗ ở khu vực Hà Nội thừa, nhưng ở nhiều tỉnh rất thiếu.

*Vật liệu xây dựng:* Ngành vật liệu xây dựng được đầu tư 102 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 8,5%, dùng để mở rộng Nhà máy xi măng Hải Phòng, xây dựng hai nhà máy bê tông đúc sẵn và phát triển sản xuất vôi, gạch, ngói,...

Nhà máy xi măng Hải Phòng trong khi chưa mở rộng, đã có nhiều cố gắng nâng cao năng lực sản xuất, nhưng sản lượng tăng lên không giải đáp kịp nhu cầu.

Sản lượng xi măng năm 1959 đạt 381,2 nghìn tấn; năm 1962 tăng lên 452,8 nghìn tấn, dùng trong nước chiếm khoảng 60%. Hiện nay nhu cầu xi măng cho xây dựng trong nước và cho xuất khẩu đã bắt đầu có mâu thuẫn.

## 2. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

Vốn đầu tư vào các ngành sản xuất hàng tiêu dùng trong thời gian 1958-1962 như sau:

Thực phẩm	135 triệu đồng, chiếm tỷ trọng	11,2%	(trong tổng mức đầu tư về kinh tế và văn hoá)
Dệt, da, may mặc	52	" " "	4,3%
Sành, sứ, thủy tinh	47	" " "	3,9%
Văn hoá phẩm	12	" " "	1,0%
Công nghiệp khác	49	" " "	4,1%

Một số sản phẩm chủ yếu tính theo đầu người:

	<b>1957</b>	<b>1960</b>	<b>1962</b>
Vải (mét)	4,7	4,7	5,28
Đường, mật (kg)	0,2	0,6	1,55
Muối (kg)	7,5	7,3	8,1
Giấy các loại(kg)	0,16	0,38	0,6
Thuốc lá (bao)	0,6	4,5	12,9
Xà phòng (kg)	0,17	0,29	0,3

Nghề *đánh cá biển*, chủ yếu thuộc khu vực sản xuất tập thể, cơ sở sản xuất rất yếu. Số thuyền, bè đóng mới hàng năm không đủ bù số hao hụt vì hư hỏng (Năm 1962, số thuyền đánh cá chỉ bằng 86,5% so với năm 1959). Các loại vật tư cung cấp cho nghề cá như gỗ, tơ, gai, sợi, nilông rất thiếu. Qua nhiều năm, sản lượng cá hầu như đứng nguyên một chỗ (khoảng 12 vạn tấn), có năm sụt.

Nghề *muối*, chủ yếu cũng thuộc khu vực tập thể, cơ sở sản xuất rất lạc hậu. Diện tích các đồng muối năm 1959 là 1.474 héc-ta; năm 1962 chỉ tăng lên 1.700 héc-ta. Sản lượng muối qua nhiều năm tăng giảm thất thường, chưa giải đáp kịp nhu cầu; năm 1962 đạt 14 vạn tấn, xấp xỉ mức năm 1959.

Sản xuất *đường, mật* mấy năm gần đây tăng lên khá (từ 4.300 tấn năm 1957, tăng lên 26.920 tấn năm 1962, nhưng hàng năm vẫn phải nhập khẩu khoảng 3.000 tấn. Ở các khu vực nhà máy, phần lớn mía được dùng để chế biến đường, nhưng vẫn không đủ. Việc chế biến đường phát triển, sản lượng mật giảm bớt, nhưng chúng ta thiếu đường để cung cấp cho nông thôn.

Về ngành *dệt*, sản lượng năm 1957 đạt 71,9 triệu mét vải và lụa, năm 1962 tăng lên 98,3 triệu mét, bình quân hàng năm tăng 6,5%, trong đó thủ công chiếm khoảng 40 triệu mét. Nguyên liệu bông, sợi phần rất lớn lại phải dựa vào nhập khẩu, nhưng khả năng nhập bị hạn chế.

Trong bước đầu xây dựng và phát triển công nghiệp, chúng ta còn thiếu kinh nghiệm. Mặt khác, công tác điều

tra, nghiên cứu kinh tế làm không được tập trung, chu đáo; phương hướng cụ thể về xây dựng công nghiệp có phần không sát. Do khuyết điểm ấy, chúng ta đã bỏ lỡ một phần thời gian, sử dụng vốn đầu tư vào công nghiệp có phần lãng phí. Công tác chỉ đạo và quản lý sản xuất công nghiệp chưa đi sâu vào các mặt kinh tế - kỹ thuật, chưa tiến bộ kịp với quy mô sản xuất ngày càng mở rộng. Vì thế năng lực sản xuất sẵn có sử dụng còn thấp, chất lượng phẩm chất còn kém và giá thành đắt, khả năng của công nghiệp phục vụ các ngành sản xuất và xây dựng, phục vụ nhu cầu về đời sống của nhân dân, phục vụ xuất khẩu, và tăng tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa chưa được phát huy đúng mức.

#### 1. *Chủ trương cụ thể và sắp xếp kế hoạch về xây dựng cơ bản công nghiệp*

Các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng của ta đòi hỏi một khối lượng nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu ngày càng tăng. Tình hình thiếu nguyên liệu, vật liệu, và tình hình ngoại thương căng thẳng là những khó khăn lớn trong nền kinh tế. Nhưng trong việc xây dựng công nghiệp, *chúng ta không kịp thời phát triển một số ngành sản xuất nguyên liệu mà ta có khả năng phát triển.*

Khu gang thép Thái Nguyên xây dựng kéo dài; khuyết điểm chính của ta là công tác điều tra, khảo sát tiến hành không được đầy đủ.

Vấn đề sản xuất phân đạm không được nghiên cứu chu đáo, giải quyết không được tích cực.

Than là ngành năng lượng chất đốt duy nhất của ta, và khai thác gỗ là một ngành sản xuất vật liệu quan trọng, nhất là trong lúc ta chưa sản xuất được thép, nhưng trong nhiều năm, chúng ta đầu tư vào các ngành đó quá ít. Vì thế, sản lượng than và gỗ tăng lên chậm, không phục vụ kịp nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Mỏ than Hồng Gai là cơ sở lớn nhất, nhưng vốn đầu tư mấy năm gần đây chỉ xấp xỉ mức đầu tư năm 1956 và năm 1958.

Đường vận chuyển than ở Mạo Khê không cân đối với năng lực khai thác. Việc xây dựng mỏ than Uông Bí tiến hành chậm chạp.

Việc trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng không được kết hợp đúng đắn với việc khai thác rừng; do đó, các rừng đặc sản, rừng tre nứa ngày càng nghèo đi và thoái hoá. Công tác điều tra, quy hoạch và thiết kế rừng chưa được tiến hành có hệ thống; việc nắm tài nguyên rừng chưa đầy đủ, chính xác cho nên chưa có quy hoạch cải tạo, phát triển và khai thác rừng. Công nghiệp chế biến gỗ, kể cả tấm gỗ, không được chú ý, việc lợi dụng gỗ rất kém.

Công nghiệp giấy, dệt đòi hỏi nhiều xút nhưng nhà máy xút Việt Trì quy mô quá bé. Công suất nhà máy thuốc trừ sâu kèm với nhà máy xút cũng quá nhỏ so với nhu cầu của nông nghiệp. Việc phát triển thêm cơ sở sản xuất xút và thuốc trừ sâu để ra muộn, phải đến năm 1965 mới có thể bắt đầu xây dựng.

Trong công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, *các nhu cầu thiết yếu nhất là ăn và mặc chưa được giải quyết tích cực.*

Đối với công nghiệp dệt, chúng ta chưa tích cực phát triển và lợi dụng các loại cây có sợi, và chậm nghiên cứu, chuẩn bị cơ sở sản xuất bông nhân tạo.

Nghề cá và nghề muối là những ngành công nghiệp chủ yếu ở vùng biển. Tài nguyên về cá có thể khai thác bổ sung một phần khá cho nguồn thức ăn có chất đạm; muối vừa dùng để ăn, vừa cần dùng cho công nghiệp. Nhưng trong một thời gian dài, chúng ta không chú ý xây dựng và phát triển nghề cá và nghề muối đúng với tầm quan trọng của nó. Trong điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật còn rất lạc hậu, tích lũy của hợp tác xã rất thấp, sự giúp đỡ của Nhà nước đối với các hợp tác xã nghề cá và nghề muối là rất bức thiết. Nhưng vốn của Nhà nước đầu tư trực tiếp ít; việc cho vay dài hạn chưa phát huy hiệu quả tốt. Cần phải nghiên cứu một hình thức thích hợp, nhằm tăng cường hơn nữa sự giúp đỡ của Nhà nước đối với các hợp tác xã nghề cá và nghề

muối, thúc đẩy việc cải tiến trang bị, cải tiến kỹ thuật, tăng thêm sản lượng cá và muối.

*Trong những xí nghiệp đã xây dựng có một số sắp xếp không hợp lý.*

Trong việc xây dựng các nhà máy điện, vì thiếu quy hoạch, cho nên bố trí có phần chắp vá. Tiến độ xây dựng một số xí nghiệp dùng điện và nhà máy điện sắp xếp có chỗ không sát, có những nhà máy điện xây dựng không hợp lý hoặc xây dựng có phần sớm. Các đường dây dẫn điện và trạm biến thế phần nhiều xây dựng chậm là một nguyên nhân chính làm cho công suất của một số nhà máy điện sử dụng còn thấp, tình hình cung cấp điện ở một số khu vực như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng có lúc căng thẳng.

Khu gang thép Thái Nguyên, nếu xác định phương án sản phẩm hợp lý hơn và xây dựng lò cao cỡ lớn hơn thì sự sắp xếp toàn bộ công trình sẽ gọn hơn.

Các nhà máy xay gạo, cá hộp, các xưởng chế biến bột quốc doanh, Nhà máy đường Vạn Điểm, xây dựng không kết hợp sát với khả năng cung cấp nguyên liệu, cho nên sử dụng còn thấp (các nhà máy xay mới dùng 55% công suất).

Một số nhà máy đã xây dựng như các Nhà máy bê tông đúc sẵn Hải Phòng và Việt Trì..., nay xét lại thấy chưa cần thiết. Một số nhà máy chủ trương xây dựng quá sớm, đã nhập thiết bị nhưng nay hoãn lại, gây ra lãng phí.

Trong việc xây dựng công nghiệp, chúng ta sử dụng vốn có một phần không được hợp lý, gây ra lãng phí khá lớn, khuyết điểm chính là chưa nắm vững phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp nhằm giải quyết từng bước nhu cầu về nguyên liệu, phục vụ sát yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, và những nhu cầu quan trọng nhất về đời sống của nhân dân. Về mặt kế hoạch và quản lý xây dựng, chúng ta thường không thi hành đúng trình tự xây dựng cơ bản, công tác điều tra, khảo sát không bảo đảm yêu cầu chất lượng và thời gian, xét duyệt thiết kế không sát, kế hoạch nhập thiết bị và tiến độ xây dựng sắp xếp không khớp, cho nên có nhiều

cái chúng ta muốn làm nhanh mà lại chậm, nhiều vấn đề giải quyết kéo dài, gây ra lãng phí.

## 2. Chỉ đạo và quản lý sản xuất công nghiệp

Hiện nay, năng lực sản xuất của phần lớn các xí nghiệp mới được dùng từ 40 đến 60%. Một phần do chúng ta có những khó khăn về nguyên liệu, về trình độ kỹ thuật; nhưng phần quan trọng là do việc chỉ đạo và quản lý sản xuất công nghiệp có một số khuyết điểm.

Về ngành *cơ khí*, nếu chúng ta xác định sớm hướng trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế, sắp xếp lại các nhà máy cơ khí và ổn định nhiệm vụ cho từng cơ sở, thực hiện từng bước sự phân công và hiệp tác sản xuất; tích cực xây dựng sớm lực lượng thiết kế chế tạo; và chú trọng nâng cao trình độ kỹ thuật của công nhân, thì năng lực sản xuất hiện có của ngành cơ khí có thể phát huy tốt hơn nhiều.

Hiện nay, lực lượng cơ khí từ trung ương đến địa phương vẫn còn phân tán. Hướng trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế và chủ trương về các mặt hàng cơ khí sản xuất trong nước chưa được định rõ, cho nên chưa có cơ sở để xây dựng quy hoạch cơ khí. Mỗi nhà máy thường làm quá nhiều mặt hàng, đồng thời có nhiều nhà máy lại cùng sản xuất một mặt hàng. Nhiệm vụ giao cho các xí nghiệp thường thay đổi; ngoài ra, lại có những nhiệm vụ đột xuất. Vì thế, việc mở rộng và trang bị thêm cho các xưởng cơ khí có tình trạng chấp vá. Về mặt sản xuất thì thiếu thời gian chuẩn bị kỹ thuật, hàng làm ra phẩm chất kém, giá thành cao, có khi hư hỏng nhiều. Kế hoạch sản xuất cơ khí và kế hoạch trang bị có khi sắp xếp không khớp nhau, làm cho số sản phẩm ứ đọng tăng thêm. Cũng vì thiếu quy hoạch cơ khí mà trong việc phân giao thiết bị với các nước anh em, chúng ta chưa có điều kiện sản xuất những bộ phận quan trọng, thường chỉ nhận sản xuất các loại thiết bị phi tiêu chuẩn.

Không nhìn thấy trước yêu cầu phát triển cơ khí, chúng ta chậm chuẩn bị lực lượng thiết kế công nghiệp, do đó đã hạn chế năng lực sản xuất cơ khí của ta khá nhiều. Các

tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế, quy chế bản vẽ, các chế độ về chuẩn bị sản xuất, kiểm tra sản phẩm,... chưa được quy định thống nhất, việc quản lý kỹ thuật có nhiều khó khăn.

Lực lượng công nhân cơ khí phát triển khá nhanh nhưng trình độ lành nghề còn thấp (cấp bậc bình quân chung công nhân cơ khí quốc doanh trung ương là 3,15, riêng ở các xí nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp nặng là 2,85). Trình độ kỹ thuật của công nhân thường không phù hợp với nhiệm vụ sản xuất giao cho họ.

Trong các ngành *công nghiệp khai thác*, khâu vận chuyển yếu đã hạn chế khá nhiều năng lực sản xuất và làm cho sản phẩm có khi ứ đọng, không phân phối kịp cho nhu cầu. Trong nội bộ Mỏ than Hồng Gai, việc dùng xe cộ tiến bộ nhưng chỉ dùng được 50-60%; ở mỏ apatít, mới dùng được 30-40%. Chủ yếu là vì việc bảo quản xe kém, việc sửa chữa không được kịp thời. Việc vận chuyển từ nơi khai thác đến một số nơi tiêu thụ có những lúc không được tích cực, gây ra tình hình căng thẳng trong việc cung cấp than, gỗ.

Một số xí nghiệp *công nghiệp nhẹ* quy mô không lớn, có khả năng được cung cấp đủ nguyên liệu hoặc cung cấp với mức khá hơn, nhưng chúng ta chưa thi hành các biện pháp tích cực để giải quyết, cho nên công suất sử dụng còn thấp (như các Nhà máy chè Phú Thọ, đường Việt Trì và Nghệ An, Nhà máy bia).

Nhiều xí nghiệp có những khâu dùng nhiều lao động thủ công, chúng ta không chú ý đầy đủ cải tiến trang bị để nâng cao năng suất lao động.

Nhìn chung, tình hình sử dụng công suất thiết bị còn thấp, giải quyết một số nhu cầu về nguyên liệu chưa được tích cực, dùng nguyên liệu còn nhiều lãng phí, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém và giá thành đắt là những khuyết điểm và nhược điểm khá phổ biến. Cần phải đi sâu vào tình hình từng ngành, từng xí nghiệp, kiểm tra đến nơi

đến chốn công tác quản lý xí nghiệp, phát huy hơn nữa năng lực sản xuất sẵn có.

### 3. Lãnh đạo, chỉ đạo phát triển thủ công nghiệp và công nghiệp quốc doanh địa phương

*Thủ công nghiệp* mấy năm gần đây phát triển chậm. Tình hình thiếu nguyên liệu đã có ảnh hưởng lớn đến nhịp độ phát triển thủ công nghiệp. Nhưng về lãnh đạo và chỉ đạo, chúng ta có một số khuyết điểm đã hạn chế một phần năng lực sản xuất của thủ công nghiệp. Khoảng 60% sản lượng thủ công nghiệp dựa vào nguyên liệu trong nước, chủ yếu do các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản cung cấp. Tình hình nguyên liệu trong nước cũng có khó khăn, nhưng kinh nghiệm thực tế chỉ rõ là nếu chúng ta có phương hướng đúng, chỉ đạo sát và tích cực phát huy tinh thần tự lực cánh sinh của quần chúng thì vẫn có thể khai thác khá hơn để phát triển sản xuất. Trong 60% sản lượng thủ công nghiệp dựa vào nguyên liệu trong nước, có gần một nửa là sản lượng các ngành khai thác: gỗ, tre, nứa, mây song, đánh cá, làm muối,... Chính các ngành thủ công nghiệp khai thác không được đẩy mạnh phát triển là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển thủ công nghiệp.

Trong những năm trước đây, việc lãnh đạo và chỉ đạo thủ công nghiệp không được coi trọng đúng mức. Quan hệ giữa công nghiệp quốc doanh trung ương, quốc doanh địa phương và thủ công nghiệp chưa được nghiên cứu cụ thể. Vì thế, sự giúp đỡ và bổ sung lẫn nhau giữa công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp chưa được chặt chẽ. Gần đây, tổ chức chỉ đạo và quản lý thủ công nghiệp ở trung ương bị phân tán, một số ngành về thực tế không phụ trách. Các địa phương thì nhiều nơi nặng về phần công nghiệp quốc doanh địa phương, không làm đầy đủ nhiệm vụ quản lý thủ công nghiệp. Những khuyết điểm ấy cũng có ảnh hưởng đến việc phát huy năng lực của thủ công nghiệp.

Trong việc phát triển *công nghiệp quốc doanh địa phương*, nhiều nơi đã chú trọng xây dựng các cơ sở sản xuất các loại tư liệu sản xuất nhằm trực tiếp phục vụ nông nghiệp và phục vụ một số nhu cầu khác về sản xuất và xây dựng của địa phương. Nhưng lại không chú trọng đầy đủ phát triển khai thác gỗ, đóng thuyền vận tải và thuyền đánh cá, đẩy mạnh khai thác các nguồn nguyên liệu địa phương, phát triển hàng tiêu dùng. Ở miền núi, chưa chú ý đúng mức phát triển sản xuất các loại hàng tiêu dùng theo tập quán của địa phương.

Khi quyết định xây dựng xí nghiệp này hoặc xí nghiệp khác, thường không nghiên cứu sâu các mặt, không tính toán kỹ hiệu quả kinh tế. Vì không nghiên cứu kỹ quy mô sản xuất, khả năng cung cấp nguyên liệu, trình độ trang bị kỹ thuật, trình độ công nhân, điều kiện vận tải,... cho nên nhiều khi đưa đến kết quả là giá thành quá cao và chất lượng sản phẩm kém.

Về trách nhiệm của các ngành trung ương, việc chỉ đạo và quản lý công nghiệp địa phương còn phân tán, không kịp thời giải quyết một số vấn đề lớn chung cho các địa phương hoặc riêng cho từng tỉnh.

Mạng lưới công nghiệp trung ương và địa phương ngày càng phát triển, đòi hỏi phải có phương hướng quy hoạch chung, tổ chức sản xuất hợp lý ở từng khu vực, sắp xếp đúng đắn các ngành nghề, phân công và phối hợp giữa các địa phương và giữa trung ương với các địa phương. Chúng ta chưa giải quyết tốt các vấn đề đó. Trong việc chỉ đạo, lại thường không nhìn thấy hết các vấn đề cụ thể, hoặc giải quyết chậm.

Một vấn đề khác cần được chú ý đặc biệt là các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương phần nhiều trang bị thấp kém, nhiều cơ sở chỉ là những công trường thủ công; vì dùng nhiều sức người cho nên năng suất lao động rất thấp.

### III- GIAO THÔNG VẬN TẢI

Chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc khôi phục, phát triển và củng cố hệ thống giao thông vận tải. Nhưng khối lượng luân chuyển hàng hóa trong hai năm gần đây tăng lên chậm, một số luồng hàng quan trọng có lúc căng thẳng.

Khuyết điểm chủ yếu là chưa coi trọng việc phát triển vận tải đường sông; các đường nhánh, nhất là ở miền núi còn hẹp; quản lý các loại phương tiện chưa được tốt; các loại phương tiện thô sơ chưa được đẩy mạnh phát triển.

Hệ thống giao thông hiện có nói chung có thể giải đáp được các nhu cầu chủ yếu về phát triển kinh tế và sự đi lại của nhân dân. Tuy nhiên, mạng lưới đường sắt cũng như phần lớn đường bộ khôi phục, phát triển theo nền đường cũ, chất lượng xấu, cầu cống trọng tải yếu, năng lực thông qua bị hạn chế. Hệ thống giao thông ở miền núi còn hẹp. Các đường nhánh còn ít, không cân đối với các trục chính. Sông ngòi nói chung còn ở trạng thái tự nhiên.

Trong những năm 1958-1960, khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng gấp 3,27 lần, bình quân hàng năm tăng 48,5%; nhưng hai năm gần đây tăng chậm, năm 1961 chỉ tăng 5,8%, năm 1962 chỉ tăng 1,8%. Vì thế, việc vận chuyển gỗ, than, apatít, ximăng, xăng dầu có lúc không bảo đảm được nhu cầu. Năm 1962, đường sắt chỉ giải quyết được 96% yêu cầu vận chuyển apatít; đường biển chỉ thỏa mãn 69% yêu cầu vận chuyển gỗ; đường sông chỉ bảo đảm được 92% yêu cầu vận chuyển than. Đường ô tô có nhiều khó khăn, nhất là trong việc vận tải phục vụ Khu Tây Bắc. Yêu cầu đi lại của nhân dân chưa được phục vụ đầy đủ, nhất là ở các địa phương miền núi và vùng biển. Đối với nông nghiệp, ngành giao thông có chú ý, nhưng phục vụ vẫn còn ít; yêu cầu vận chuyển đá vôi, than, phân bón có lúc không kịp thời. Phong trào giải phóng đôi vai đem lại một số kết quả lớn ở một số địa phương, nhưng nhìn chung, phát triển còn chậm.

Giữa các ngành vận tải, chúng ta còn xem nhẹ việc phát triển vận tải đường sông. Công tác nạo vét, phá đá làm còn ít. Các loại tàu kéo, xà lan,... chỉ đi lại được trên một phạm

vi hẹp. Việc mở rộng và trang bị các bến, không làm kịp thời, cầu tàu hẹp, kho bãi thiếu, phương tiện bốc dỡ nhiều nơi không có, phải khuân vác mất nhiều sức lao động. Giá cước vận tải đường sông cao hơn giá cước vận tải đường sắt, chưa khuyến khích khách hàng dùng đường sông.

Phương tiện vận tải của ta ít, thiếu lực lượng dự trữ, lại thiếu cơ sở sửa chữa. Phương tiện hư hỏng nhiều, sửa chữa thường kéo dài và không được tốt, cho nên số ngày hoạt động ít, năng suất thấp. Hướng trang bị không được định rõ ràng, cho nên có một số phương tiện không thích hợp với đường sá, sông lạch, ruộng nước; thiếu tàu và toa xe chuyên dụng, thiếu đầu máy xe lửa, thiếu xe phục vụ cho miền núi. Việc điều hoà phương tiện và phối hợp sử dụng các loại phương tiện trên các đường giao thông chính chưa được giải quyết tốt, việc sắp xếp các luồng hàng vận tải chưa được hợp lý.

Các loại phương tiện thô sơ chưa được đẩy mạnh phát triển. Xe thô sơ rất thích hợp với nông thôn, sức trọng tải gần tương đương với xe bò, làm đường ít tốn đất và tốn lao động, nhưng chúng ta chưa chú trọng phát triển. Vận tải bằng thuyền nhỏ rất thích hợp với các vùng có nông giang nhưng sử dụng chưa thật rộng rãi, số thuyền trong nông dân còn ít. Trong ngành vận tải đường thủy, vận tải bằng thuyền chiếm đến 2/3 khối lượng, nhưng số thuyền giảm sút dần (năm 1960 có 71.231 tấn thuyền; năm 1962 chỉ còn 67.300 tấn, bằng 94,5%). Nguyên nhân vì việc cung cấp gỗ ván, cột buồm, vải buồm,... chưa được chú ý đầy đủ; một số điểm về chính sách cụ thể chưa thật khuyến khích những người làm nghề vận tải đường sông.

Ngành giao thông vận tải có một số nhược điểm chưa thể khắc phục được nhanh chóng. Vốn đầu tư vào ngành giao thông mấy năm gần đây không có điều kiện phân phối nhiều hơn, phần chủ yếu nhằm bảo đảm phát triển và củng cố các hệ thống giao thông đã có. Nhưng khuyết điểm của các ngành trong việc quản lý kế hoạch vận tải có gây ra cho

ngành giao thông một số khó khăn. Nhưng chính vì ngành giao thông *sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa thật tập trung vào các nhu cầu thiết yếu nhất, chỉ đạo và quản lý có những thiếu sót, cho nên năng lực vận tải sử dụng còn thấp, khối lượng vận chuyển hàng hóa hai năm gần đây tăng chậm*. Nhu cầu về vận tải không được bảo đảm và giá thành vận tải còn cao, có phần ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và lưu thông hàng hóa.

#### IV- TÍCH LŨY VÀ PHÂN PHỐI TÍCH LŨY

Thu tài chính trong nước nói chung tăng khá nhanh, nhưng hai năm nay tăng chậm lại.

Nhìn chung, mức tích lũy của ngân sách Nhà nước không phải là cao. Khuyết điểm chính là phân phối tích lũy có chỗ không hợp lý, nhất là sử dụng vốn có nhiều lãng phí.

Thu tài chính trong nước trong 5 năm qua tăng bình quân hàng năm 22,8%, trong khi thu nhập quốc dân (không kể tiền vay và viện trợ) tăng bình quân hàng năm 8,1%. Thu tài chính tăng nhanh hơn thu nhập quốc dân là vì phần lớn thu tài chính được thực hiện trong các ngành kinh tế quốc doanh là khu vực làm ra nhiều sản phẩm thặng dư. Các khu vực sản xuất khác làm ra trên 60% sản phẩm xã hội nhưng bao gồm 94% lực lượng lao động sản xuất và dùng lao động thủ công một cách phổ biến, sản phẩm thặng dư rất ít, cho nên phần tích lũy nội bộ và phần thu tài chính của Nhà nước thực hiện trong các khu vực đó không nhiều. Giữa công nghiệp và nông nghiệp, thì công nghiệp là nguồn tích lũy chủ yếu, tuy rằng việc tích lũy trong công nghiệp có một phần rất quan trọng phải thực hiện thông qua nông nghiệp.

Tính chung trong 5 năm, nhịp độ thu tài chính trong nước tăng khá nhanh, do ảnh hưởng của nhịp độ trong những năm 1958-1960 tăng bình quân hàng năm đến 33,3%. Riêng hai năm nay, nhịp độ thu tài chính trong nước tăng chậm lại, năm 1961 tăng 9,5%, năm 1962 tăng 5,5%, trong đó thu xỉ

ngiệp và sự nghiệp là nguồn thu quan trọng nhất, năm 1961 tăng 11,5%, năm 1962 tăng 4,2%. Sở dĩ thu tài chính trong nước gần đây tăng chậm lại chủ yếu là vì:

Trong công nghiệp quốc doanh, các ngành sản xuất hàng tiêu dùng phát triển chậm hơn trước; các ngành sản xuất tư liệu sản xuất tăng nhanh nhưng tích lũy trực tiếp ở đó ít hoặc không có.

Trong nguồn thu, khoản thu về điều chỉnh giá hàng tồn kho trước đây khá lớn, nay không có; các khoản thu vết về thuế và lãi xỉ nghiệp gần đây ít lại.

Công tác quản lý tài chính của Nhà nước, của các ngành và các xỉ nghiệp chưa phát huy tác dụng tốt thúc đẩy sản xuất và tiết kiệm, chưa khai thác đầy đủ khả năng tích lũy và bảo đảm chế độ thu nạp. Việc sửa đổi chính sách thu tài chính tiến hành chậm. Đối với khu vực kinh tế tập thể, sự chỉ đạo thu thuế công thương nghiệp gần đây buông lỏng, thất thu khá nhiều.

*Nhìn chung mức tích lũy của ngân sách Nhà nước không phải là cao. Khuyết điểm chính là phân phối vốn có những chỗ không hợp lý, nhất là sử dụng vốn có nhiều lãng phí.*

Về *đầu tư xây dựng cơ bản*, nhịp độ đã thực hiện trong 5 năm qua tăng, giảm không đều<sup>1</sup>. Điều đó phản ánh tình hình phát triển kinh tế và tài chính của ta chưa được đều đặn. Về mặt quản lý, chúng ta không kịp thời nắm sát sự thay đổi nhịp độ tăng thu tài chính trong nước, bố trí chỉ thường cao hơn khả năng thực tế, khối lượng xây dựng cơ bản thực hiện hàng năm thường thấp hơn kế hoạch khá nhiều. Từ năm

1. Tỷ lệ vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm so với năm trước:

1957	1958	1959	1960	1961	1962
96,5%	125%	157,3%	136,2%	109,7%	98,6%

1962 chúng ta thấy rõ tình hình hơn, đã chủ động điều chỉnh trong khi lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá cũng như vốn xây lắp trong năm 1962 thấp thua năm 1961. Trong kế hoạch năm 1963, vốn đầu tư xây dựng cơ bản không cao hơn mấy so với năm 1962.

Xét tình hình cân đối giữa xây dựng cơ bản và các mặt chủ yếu có liên quan (giữa vốn xây lắp, lực lượng lao động xây dựng cơ bản và khả năng thu tài chính trong nước, khả năng cung cấp các vật liệu chính như gỗ, xi măng, cung cấp lương thực và thực phẩm...), thì thấy rằng kết quả thực hiện về xây dựng cơ bản trong những năm 1958, 1961, 1962 là tương đối phù hợp; tỷ lệ vốn trong nước đầu tư vào kinh tế và văn hoá chiếm khoảng 40-42% tổng số thu trong nước là vừa phải. Nhưng năm 1959 và nhất là năm 1960, vốn đầu tư xây dựng cơ bản có phần cao, lực lượng lao động xây dựng cơ bản tăng lên quá nhiều.

Năm 1959, vốn xây lắp tăng 65,1%, lực lượng lao động xây dựng cơ bản tăng 87,2%, trong lúc đó thu tài chính trong nước tăng 48,8%, gỗ khai thác tăng 62,5%, xi măng tăng 26,5%, lương thực hàng hoá tăng 42,7%,...

Năm 1960, vốn xây lắp tăng 17,3%, lực lượng lao động xây dựng cơ bản tăng 30,9%, trong lúc đó thu tài chính trong nước tăng 19,6%, gỗ khai thác giảm 2%, xi măng tăng 7,3%, lương thực hàng hoá giảm 5,2%...

Tình hình các mặt năm 1959 phát triển thuận lợi, cho nên vốn đầu tư và lực lượng lao động xây dựng cơ bản tăng mạnh vẫn chưa có tác động đáng kể ngay trong năm đó. Việc mở rộng quy mô xây dựng cơ bản trong năm 1959 là đúng, nhưng có phần quá mức; chúng ta không lường tới tình hình sản xuất nông nghiệp và thu tài chính những năm sau. Năm 1960, dựa trên những kết quả thực hiện năm trước, vốn xây dựng cơ bản và lực lượng lao động xây dựng cơ bản tiếp tục tăng khá mạnh, nhưng sản xuất nông nghiệp mất mùa, khả

năng vật tư và thu tài chính trong nước tăng có hạn. Tình hình xây dựng cơ bản năm 1960 đã diễn ra khá căng thẳng, và đã ảnh hưởng thêm một phần đến các mặt hàng hoá, tài chính, tiền tệ vốn đã bị mất cân đối. Việc điều chỉnh quy mô xây dựng cơ bản những năm gần đây là cần thiết. Nhưng chính khuyết điểm trong việc sắp xếp vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong hai năm 1959-1960 đã làm cho nhịp độ xây dựng cơ bản trong những năm 1958-1962 trở nên không đều. Tình hình không hợp lý trong nhịp độ xây dựng cơ bản và những khuyết điểm về chấp hành phương hướng xây dựng công nghiệp đã đưa đến việc sử dụng vốn đầu tư có phần phân tán.

Trong các ngành kinh tế quốc doanh, *vốn lưu động và tài sản lưu động* không được quản lý chặt chẽ. Chế độ tín dụng và chế độ cấp phát hiện nay chưa có tác dụng tích cực ngăn chặn dự trữ vật tư quá mức và chưa khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm vật tư. Công tác quản lý kế hoạch, quản lý sản xuất và kinh doanh, quản lý vật tư chậm được cải tiến làm cho vốn lưu động ứ đọng nhiều và đòi hỏi phải tăng thêm vốn. Giữa các ngành tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau, nợ nần dây dưa, không thanh toán vẫn kéo dài. Những khuyết điểm nói trên gây ra những hiện tượng rất không hợp lý là tài sản lưu động nói chung tăng nhanh hơn tài sản cố định; tài sản lưu động chiếm tỷ lệ quá cao, sản phẩm dở dang và vật tư ứ đọng khá nhiều.

Về chi cho tiêu dùng: Quỹ lương tăng quá nhanh, do tăng biên chế Nhà nước và dùng nhân viên phụ động quá nhiều. Từ năm 1958 đến năm 1962 bình quân hàng năm kinh phí của ngành giáo dục tăng 29,7% trong khi tổng số chi tăng 16,5%. Năm 1961, cộng chung các khoản chi về giáo dục, đào tạo và huấn luyện cán bộ lên tới 106 triệu đồng, bằng 108,3% số thuế nông nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là vì cấp học bổng cho học sinh quá rộng; cán bộ đi học được trả gần như nguyên lương quá đông; các lớp huấn luyện do các ngành, các

cấp mở quá nhiều, thiếu quản lý thống nhất về tổ chức và nội dung giảng dạy.

## V- NGOẠI THƯƠNG

Hàng xuất khẩu, gần đây tăng chậm, nhu cầu nhập khẩu không được bảo đảm, nợ nhập siêu chưa được giải quyết.

Khuyết điểm chủ yếu là về mặt lãnh đạo và chỉ đạo, thiếu kế hoạch cụ thể và toàn diện phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp nhằm tăng nguồn hàng xuất khẩu, không kịp thời chuẩn bị cơ sở để mở rộng sự tương trợ và hợp tác quốc tế, mở rộng quan hệ buôn bán với ngoài nước, phục vụ tốt hơn việc thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, công tác quản lý kinh doanh xuất khẩu và quản lý kế hoạch nhập khẩu có một số thiếu sót, gây ra nhiều lãng phí.

Giá trị hàng xuất khẩu trong ba năm 1958-1960 tăng bình quân hàng năm 15,6%; năm 1961 tăng 2%, năm 1962 tăng 10%. Do xuất khẩu gần đây tăng chậm, chúng ta phải cố gắng hạn chế nhập khẩu. Trong ba năm 1958-1960, nhập khẩu tăng bình quân hàng năm 26,7%; năm 1961 chỉ tăng 12%, năm 1962 chỉ tăng 7,5%. Chúng ta đã dùng một phần tiền vay để nhập thiết bị lẻ và nguyên liệu (năm 1961: 27 triệu rúp mới; năm 1962: 14 triệu rúp mới); và đã chuyển một phần thiếu hụt mậu dịch năm 1960 là 3,6 triệu rúp mới thành tiền vay. Tuy nhiên, nợ nhập siêu từ năm 1960 dồn lại đến cuối năm 1962, lên tới 21 triệu rúp, trong đó riêng số nợ của các nước tư bản chủ nghĩa tương đương với 3,6 triệu rúp. Từ khi hoà bình lập lại đến giữa năm 1960, khó khăn về ngoại thương chưa lộ rõ. Hồi đó, chúng ta có tiền viện trợ không hoàn lại (216 triệu rúp mới); ngoài phần dùng để nhập thiết bị toàn bộ, chúng ta đã dùng trên 60% số tiền ấy để nhập nguyên liệu, thiết bị lẻ và hàng tiêu dùng. Với số hàng xuất khẩu, trong đó có những loại hàng có giá trị

như gạo, ngô, chúng ta chỉ giải quyết một phần các nhu cầu nói trên.

Nhưng hai năm gần đây, nhu cầu về nhập khẩu nguyên liệu và thiết bị lẻ tăng lên nhiều. Tiền viện trợ đã dùng hết, chúng ta phải tự giải quyết phần rất lớn bằng đường mậu dịch.

Từ sau năm 1960, chúng ta không xuất khẩu lương thực nữa, trái lại phải nhập một số lương thực; khối lượng hàng nông sản xuất khẩu giảm sút nhiều làm cho nhịp độ xuất khẩu tăng chậm lại<sup>1</sup>. Trong những điều kiện nói trên, tiền vay và tiền viện trợ dùng hàng năm tăng lên vẫn không đủ bù mức chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu<sup>2</sup>. Một khó khăn khác là trong nguồn hàng xuất khẩu của ta, các loại hàng quý có ít, nhưng về nhập khẩu, chúng ta lại cần nhiều loại nguyên liệu có giá trị. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta giao hàng thường không đủ và chậm, nợ lại nhiều loại hàng quý. Đối với thị trường tư bản, chúng ta cần mua ngày càng nhiều hơn một số nguyên liệu, vật liệu như thép, bông, sợi nhân tạo, phân đạm, nhưng thiếu hàng quý để bán ra cho nên thiếu ngoại tệ.

---

1. Hàng nông sản và lâm sản xuất khẩu năm 1962 chỉ bằng một nửa năm 1957 và năm 1960; tỷ trọng hàng nông sản và lâm sản trong tổng số xuất khẩu sụt dần từ 57% xuống 15%. Hàng công nghiệp và thủ công nghiệp xuất khẩu tăng lên tương đối khá, năm 1962 gấp 4,35 lần năm 1957 và gấp 1,34 lần năm 1960, tỷ trọng từ 43% tăng lên 85%, nhưng vẫn không đủ sức giữ nhịp độ tổng số xuất khẩu trong những năm trước.

2. Tiền vay và viện trợ dùng trong năm 1961 và năm 1962 lên tới 44 triệu và 53,8 triệu rúp, chiếm 34,1% và 42,3% trong tổng số nhập khẩu.

Hiện nay, tình hình ngoại thương có khó khăn là một vấn đề lớn trong nền kinh tế. *Do xuất khẩu và nhập khẩu mất cân đối, việc cung cấp nguyên liệu và các loại thiết bị lẻ cần thiết không được bảo đảm; dự trữ ngoại tệ của Nhà nước bị tiêu hao; quan hệ buôn bán với các nước anh em có phần bị ảnh hưởng không tốt.*

*Nguyên nhân chính* là do trong việc lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế, chúng ta nhận thức vấn đề hợp tác quốc tế có phần giản đơn, lệch về tiếp nhận viện trợ một chiều, không quan tâm đầy đủ đến việc xây dựng cơ sở để tăng nhanh hàng xuất khẩu, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển, thông qua hoạt động ngoại thương mà mở rộng sự hợp tác quốc tế, và bảo đảm nhu cầu nhập khẩu cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta dựa trên một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu để tiến lên chủ nghĩa xã hội, sự hợp tác quốc tế trong phe xã hội chủ nghĩa đối với nước ta rất quan trọng. Trong thời gian đầu, các nước anh em giúp đỡ ta với hình thức viện trợ không hoàn lại. Về sau này, hình thức chủ yếu là trao đổi mậu dịch, vay dài hạn, hoặc hợp tác kinh tế trong những việc nhất định. Các hình thức hợp tác quốc tế nói trên đều thực hiện qua ngoại thương cho nên chúng ta cần phải có nhiều hàng nông nghiệp và công nghiệp xuất khẩu để phát triển sự hợp tác quốc tế. Ngoài ra, do những yêu cầu về kinh tế và chính trị chúng ta phải mở rộng buôn bán với các nước dân tộc chủ nghĩa Á - Phi và phải buôn bán với một số nước tư bản.

Trong thời gian từ năm 1960 về trước, chúng ta thiếu chuẩn bị cho bước phát triển hiện tại của sự hợp tác quốc tế và của công tác ngoại thương; thiếu kế hoạch toàn diện và cụ thể nhằm khai thác mọi khả năng tiềm tàng của sản xuất nông nghiệp và công nghiệp để tăng nguồn hàng xuất khẩu, để dựa vào sự trao đổi hàng hoá với bên ngoài mà điều chỉnh cơ cấu sản phẩm trong nước cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế quốc dân. Trong việc lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất

nông nghiệp và công nghiệp, hướng phục vụ xuất khẩu nói chung chưa được coi trọng, có những vấn đề giải quyết không sát với thực tế, hoặc thiếu biện pháp có hiệu lực.

Từ năm 1955 đến năm 1960, ta đã xuất 22 vạn tấn gạo trong số gạo của các nước anh em viện trợ, 20 vạn tấn gạo và 31 vạn tấn ngô sản xuất trong nước (không kể 4 vạn tấn gạo chuyên khâu). Sai lầm đó đã làm tiêu hao dự trữ lương thực của Nhà nước, gây ra khó khăn cho những năm sau này. Xuất phát từ đặc điểm là một nước kinh tế nông nghiệp, chúng ta chủ trương hàng nông sản phải chiếm một phần quan trọng trong tổng số xuất khẩu, nhưng chúng ta chưa giải quyết tốt việc tổ chức sản xuất và khai thác các loại hàng có giá trị kinh tế cao mà ta có khả năng phát triển như các loại cây công nghiệp, sản phẩm chăn nuôi, lâm sản, thủy sản. Từ khi chủ trương không xuất khẩu lương thực nữa, chúng ta vẫn chưa thật sự chú trọng tăng các loại hàng nông sản khác để bổ sung nguồn hàng nông sản xuất khẩu. Trong các loại hàng nông sản xuất khẩu thì có đến 60-70% chưa qua chế biến; có loại hàng như lạc, đáng lẽ phải dành phần lớn cho xuất khẩu nhưng chưa tích cực tiết kiệm tiêu dùng trong nước. Thuốc lá và gai là những loại hàng ta có thể đẩy mạnh sản xuất để dùng trong nước và để xuất khẩu, nhưng những năm trước đây, chúng ta không chú trọng, sản xuất không đủ dùng, phải nhập khẩu.

Về công nghiệp, các sản phẩm như than, apatít, crômmit, gỗ, xi măng... hiện nay chiếm khoảng 36% tổng số xuất khẩu. Nhưng nhu cầu trong nước và xuất khẩu về than, gỗ, xi măng đã có mâu thuẫn với nhau; sắp tới khả năng về xuất khẩu các loại hàng ấy không tăng nhanh như trước. Nguyên nhân vì chúng ta nhận thức không đúng mức vị trí quan trọng của các ngành công nghiệp khai thác trong việc trao đổi ngoại thương và tăng tích lũy cho việc thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không chú trọng phát triển các ngành đó, thậm chí đã hạn chế đầu tư vốn vào than vì cho rằng trong nước chưa dùng nhiều. Các loại hàng công nghiệp

nhẹ và thủ công có được chú trọng phát triển để phục vụ xuất khẩu (trong thời gian 1958-1962, trong tổng số xuất khẩu, tỷ trọng của hàng công nghiệp nhẹ từ 42% tăng lên 60%; hàng thủ công từ 13,7% tăng lên 24,8%), nhưng chúng ta chưa khai thác đầy đủ khả năng sản xuất các mặt hàng dùng nguyên liệu trong nước và nguyên liệu địa phương. Nhiều cơ sở công nghiệp nhẹ phục vụ xuất khẩu phát huy hiệu quả kinh tế chưa được tốt. Một số xí nghiệp như sắt tráng men, sứ, đồ dùng văn phòng... trước đây xây dựng chủ yếu để cung cấp cho trong nước, nay để bán ra ngoài, cho nên có nhiều vấn đề về quy cách mặt hàng về tiêu thụ,... nhiều sản phẩm chưa bảo đảm yêu cầu về phẩm chất và vệ sinh.

*Về mặt quản lý ngoại thương, chúng ta có một số thiếu sót.*

Trong việc kinh doanh xuất khẩu, ngành ngoại thương có nhiều cố gắng nhưng chưa tích cực tổ chức khai thác các loại hàng xuất khẩu ở miền núi; công tác hạch toán kinh tế còn yếu, quản lý chi phí lưu thông chưa tốt, lãng phí, tham ô xảy ra khá nhiều; bảo quản hàng hoá còn kém, hàng ứ đọng và kém phẩm chất khá nhiều.

Trong việc nhập khẩu, chúng ta có chú ý tập trung giải quyết những nhu cầu thiết yếu, nhất là về các loại nguyên liệu, vật liệu quan trọng. Tuy nhiên, việc quản lý nhập khẩu có những sơ hở gây ra khá nhiều lãng phí. Trong những năm 1958-1960, một số ngành yêu cầu nhập thiết bị lẻ quá nhiều, các cơ quan có trách nhiệm xét duyệt không sát, nhiều loại máy mua về để tồn kho lâu ngày, trong đó có những loại không dùng đến. Gần đây, do quản lý chặt hơn, khối lượng thiết bị lẻ nhập khẩu giảm dần; như vậy là hợp lý, nhưng có một số yêu cầu giải quyết chưa đúng mức như máy thi công cho thuỷ lợi, thiết bị lẻ cho ngành thuỷ sản, phụ tùng xe vận tải,... Việc theo dõi và đôn đốc thực hiện kế hoạch nhập khẩu chưa được chặt chẽ. Nhiều loại thiết bị lẻ vào không đúng

lúc, gây ra tình trạng khi thiếu, khi thừa. Sắt thép nhập về có một phần không hợp quy cách; các loại sắt thép cần dùng thì lại không có đủ. Một số hàng tiêu dùng như sữa, tân dược và một số hàng bách hoá có những năm nhập quá ít, làm cho thị trường khan hiếm.

## VI- LƯU THÔNG VÀ PHÂN PHỐI

Khâu lưu thông và phân phối mấy năm gần đây bộc lộ một số khó khăn, cung và cầu về hàng hoá, tiền và hàng không thăng bằng, giá cả có phần không ổn định.

Nguyên nhân sâu xa là do mức sản xuất còn thấp; nhu cầu tăng lên quá nhanh, do quản lý biên chế Nhà nước, quản lý khu vực những người không sản xuất nông nghiệp không chặt chẽ.

Mặt khác, công tác lưu thông và phân phối của ta có những khuyết điểm làm cho tình hình hàng hoá, tiền tệ và giá cả thêm khản trương.

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trong xã hội trong 5 năm qua tăng bình quân hàng năm 6,4%. Nhưng nguồn hàng bán lẻ tăng chưa giải đáp kịp nhu cầu, quỹ mua xã hội hàng năm có một phần thừa, tiền đọng trong nhân dân tăng lên. Cung và cầu về hàng hoá, tiền và hàng không thăng bằng, làm cho thị trường có những lúc căng thẳng, giá cả không ổn định.

Những năm trước nhu cầu hàng hoá chưa nhiều, lực lượng hàng hoá của ta tương đối dồi dào. Mấy năm gần đây, nông dân và thợ thủ công đã được tổ chức lại, có thể dùng toàn bộ hoặc phần rất lớn thu nhập của mình để cải thiện đời sống; công nhân, viên chức, cán bộ và bộ đội được tăng lương, biên chế Nhà nước phát triển nhiều, dân cư ở các thành phố tập trung thêm đông, cho nên nhu cầu về hàng hoá tăng lên

nhanh. Trong khi đó sản xuất nông nghiệp sút kém và tăng lên có phần chậm; sản xuất hàng tiêu dùng cũng tăng chậm lại; hàng tiêu dùng nhập khẩu nói chung cần phải hạn chế để dành khả năng nhập nguyên liệu và một số lương thực. Trong những điều kiện đó, tình hình lương thực, thực phẩm và một số hàng tiêu dùng có khó khăn, ảnh hưởng một phần đến đời sống của quần chúng. Về phía Nhà nước, công tác quản lý phân phối và lưu thông có nhiều vấn đề phức tạp. Lực lượng dự trữ hàng hoá, kể cả một số hàng thuộc dự trữ Nhà nước, bị tiêu hao dần; dự trữ lương thực rất mỏng. (Ba năm gần đây, dự trữ cuối kỳ về lương thực của mậu dịch, tính theo năm lương thực, chỉ đủ cung cấp từ 10 đến 20 ngày ăn). Đối với nông thôn, Nhà nước thiếu hàng công nghiệp bán cho nông dân, chưa kích thích mạnh nông dân phát triển sản xuất nông sản hàng hoá và bán nông sản cho Nhà nước. Cũng do thiếu hàng cho nên chúng ta gặp khó khăn trong việc rút tiền về; cung cầu về hàng hoá, tiền và hàng chênh lệch, làm cho giá cả tăng lên, sức mua của đồng bạc ở thị trường tự do bị giảm sút. Giá lương thực ở nông thôn và giá thực phẩm ở các thành thị tăng là bộ phận chủ yếu ảnh hưởng đến chỉ số giá chung. Giá lương thực và thực phẩm ở thị trường tự do cao hơn nhiều so với giá thu mua, làm cho tác dụng của chính sách giá cả bị hạn chế; nông dân tuy cố gắng làm nghĩa vụ, bán lương thực và các nông sản khác cho Nhà nước nhưng tư tưởng không được thông suốt. Giá thị trường tự do tăng lên lại thu hút thêm nhiều người đi buôn, việc quản lý thị trường thêm phức tạp, việc bình ổn vật giá gặp nhiều trở ngại. (Năm 1962, chỉ số giá chung tăng 2,23% so với năm 1957, trong đó giá thực phẩm tăng 9,36%. So với năm 1959, chỉ số giá chung tăng 12,6%, riêng giá thực phẩm tăng 32,4%).

Trong nền kinh tế của ta, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được mở rộng phổ biến, quy mô xây dựng ngày càng lớn nhưng trình độ sản xuất vẫn còn thấp. Vì thế, nhu cầu của

toàn xã hội có xu hướng phát triển nhanh hơn khả năng sản xuất.

Sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực có khó khăn; việc phân bố lao động có chỗ không hợp lý, khu vực người không sản xuất nông nghiệp tăng lên quá nhanh, vượt quá sức đảm phụ của sản xuất nông nghiệp. Những khuyết điểm và nhược điểm về các mặt ấy đã tác động nhiều đến tình hình hàng hoá, tiền tệ và giá cả.

Công tác lưu thông và phân phối của ta đã giữ một vai trò tích cực trong việc phục vụ nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển và củng cố thị trường xã hội chủ nghĩa, tập trung nguồn hàng trong tay Nhà nước và phân phối hàng hoá có kế hoạch, căn bản ổn định được sức mua của đồng bạc và giá cả trong khu vực thị trường có tổ chức,... Những thành tích đó đã góp phần đáng kể thúc đẩy sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Nhưng một mặt khác, *công tác lưu thông và phân phối có những khuyết điểm làm cho tình hình hàng hoá, tiền tệ và giá cả thêm khẩn trương*.

Trong công tác *thu mua*, mức huy động lương thực chưa ổn định, chưa bảo đảm chấp hành tốt chính sách lương thực; nông dân chưa thật yên tâm phấn khởi sản xuất. Việc giao nhiệm vụ và chỉ đạo thu mua chưa được sát: có những nơi thực hiện dưới khả năng; trái lại, có những nơi huy động quá mức, điều hoà lương thực trong nông dân tiến hành không tốt, sau đó Nhà nước phải bán lại cho nông dân khá nhiều, gây ra phiền phức. Năm 1960, mức huy động lương thực cao, có nhiều ảnh hưởng không tốt. Về các nông sản khác, chính sách quản lý phân phối, trao đổi và tiêu dùng giải quyết chưa toàn diện, không kịp thời, chưa thật khuyến khích nông dân bán nông sản cho Nhà nước. Miền núi có những vùng có nhiều nông sản và lâm sản, nhưng tổ chức thu mua còn yếu, thiếu những biện pháp tích cực để mở rộng lưu thông, kích thích phát triển sản xuất. Trong việc chỉ đạo thực hiện, công tác giáo dục tư tưởng cho nông dân chưa được sâu sắc, nhiều trường hợp không đi đúng đường lối

quần chúng; tổ chức thu mua phân tán, phối hợp không tốt, tổn nhiều công.

Về công tác *phân phối*, chậm đề ra chính sách cụ thể về tiêu dùng, chưa làm tốt việc giáo dục, khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng. Nắm không vững nhu cầu và khả năng hàng hoá, phân phối hàng có tính chất bình quân, chưa phù hợp với sức mua của từng vùng và từng đối tượng. Do đó, thường xảy ra tình trạng hàng hoá nơi thừa, nơi thiếu, điều vận loanh quanh, không phục vụ kịp thời nhu cầu và làm tăng thêm phí tổn lưu thông; có những mặt hàng không thiếu so với tiêu chuẩn cung cấp, nhưng vì không nắm vững lực lượng tồn kho, bán ra theo lối hạn chế, làm cho thị trường trở nên căng thẳng. Kinh nghiệm thực tế trong 6 tháng cuối năm 1962 cho thấy rõ: mặc dù tình hình nguồn hàng và nhu cầu chưa có gì thay đổi, nhưng chúng ta nắm vững lực lượng hơn, phương thức phân phối tiến bộ hơn, những cố gắng đó đã ảnh hưởng tốt đến tâm lý của quần chúng, thoả mãn khá hơn những nhu cầu thiết yếu về đời sống, làm cho tình hình thị trường ổn định hơn.

Công tác *quản lý thị trường* không được nắm vững thường xuyên. Có nơi, có lúc quản lý tràn lan và quá chặt; gần đây, sửa lại phương thức quản lý thì nhiều nơi lại buông lỏng, thậm chí giải tán tổ chức quản lý. Ở các thành phố, không chú trọng tiếp tục cải tạo tiểu thương, để cho số người buôn bán nhỏ phát triển thêm khá nhiều. Mặt khác, mậu dịch quốc doanh chậm mở rộng kinh doanh các mặt hàng thực phẩm như rau, gà, cá, trứng, thiếu chỗ dựa để quản lý và sử dụng thị trường tự do, hướng dẫn giá cả. Trong điều kiện khoảng một nửa số thu nhập của nông dân do kinh doanh phụ gia đình đem lại, thị trường tự do tồn tại là một thực tế khách quan; việc cải tạo, sắp xếp những người buôn bán nhỏ còn phải giải quyết lâu dài. Nhưng phải nắm vững thường xuyên công tác quản lý, giữ chênh lệch giữa giá thị trường tự do và giá chỉ đạo của

Nhà nước ở mức vừa phải, sử dụng mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của thị trường tự do trong việc thu mua và phân phối hàng hoá.

Công tác *quản lý tài chính và tiền tệ* có những sơ hở, làm cho khối lượng tiền lưu thông trên thị trường tăng lên quá mức cần thiết<sup>1</sup>. Cụ thể là chi về xây dựng cơ bản trong hai năm 1959-1960 có phần quá cao; phát hành tiền mấy năm gần đây không được xét duyệt chặt chẽ, phát hành tiền và cho vay không cân đối với vật tư (nhất là năm 1961); quản lý chi tiền mặt, quản lý quỹ lương chưa chặt chẽ,... Những khuyết điểm đó làm cho số tiền mặt đọng trong nhân dân hàng năm tăng lên, gây nên một sức ép đáng kể đối với hàng hoá và giá cả.

Về *giá cả*: những khuyết điểm trong việc thu mua và phân phối hàng hoá, quản lý thị trường và quản lý tài chính, tiền

#### 1. Tình hình quan hệ giữa hàng hoá và tiền tệ:

Năm	Tổng mức hàng hoá bán lẻ xã hội (%)	Khối lượng tiền lưu thông bình quân (%)	Chỉ số giá cả (%)	Bội chi tiền mặt (triệu đồng)	Tốc độ vòng quay của quỹ ngân hàng
1958	104,9	89,1	91,0	-1,5	3,9 vòng
1959	109,4	110,5	99,2	-24,8	4,9 "
1960	104,7	109,5	103,2	-25,6	5,7 "
1961	106,4	117,7	105,0	-36,7	5,6 "
1962	104,5	111,4	104,0	+ từ 2,8 đến 3,1	5,5 "

Theo chỉ số hàng hoá và tiền tệ trên đây, tỷ lệ tăng khối lượng tiền lưu thông cao hơn tỷ lệ tăng tổng mức hàng hoá bán lẻ; đồng thời, tốc độ vòng quay của tiền tệ qua ngân hàng lại tăng lên.

Như vậy là tiền nhiều hơn hàng do trong những năm 1959 – 1961, chúng ta liên tiếp bội chi tiền mặt nhiều.

tệ, đã ảnh hưởng một phần quan trọng đến tình hình giá bán lẻ. Ở một số thành thị, khu công nghiệp, giá thực phẩm tăng nhiều, chính là do các cơ quan có trách nhiệm ở đó chưa quan tâm đầy đủ tổ chức sản xuất và cung cấp các loại hàng ấy. Giá một số hàng công nghiệp ở từng nơi, trong từng lúc cũng bị nâng lên là do quản lý giá công, quản lý phân phối hàng chưa được chặt chẽ.

Giá thu mua một số nông sản có được điều chỉnh nhưng không được kịp thời; tương quan giá cả về một số loại hàng như thuốc nam, thuốc bắc, lâm sản, vật liệu xây dựng, hàng thủ công nghiệp có chỗ chưa hợp lý; chênh lệch về giá thu mua nông sản ở một số địa phương giáp ranh chưa được giải quyết thoả đáng.

Cần phải kết hợp toàn diện các biện pháp về sản xuất, lưu thông với biện pháp giá cả để giảm dần mức chênh lệch hiện nay giữa giá chỉ đạo và giá thị trường tự do, phấn đấu ổn định giá cả, phát huy tác dụng tích cực của chính sách giá, hạn chế những ảnh hưởng có hại đến sản xuất, xây dựng và đến đời sống của quần chúng.

Về giá bán buôn tư liệu sản xuất, chúng ta đã giải quyết đối với một số loại hàng nhằm kích thích sản xuất tư liệu sản xuất trong nước, khuyến khích trang bị kỹ thuật, và củng cố hạch toán kinh tế. Nhưng còn nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu. Giá một số tư liệu sản xuất, giá phụ tùng cung cấp cho các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã, và giá sửa chữa do các xí nghiệp tự đặt ra còn quá cao, có ảnh hưởng không tốt đến việc trang bị kỹ thuật và bảo quản máy móc. Giá cước vận tải và bốc vác trong khu vực quốc doanh và ngoài

nhân dân còn nhiều chỗ chưa hợp lý. Chính sách lãi, giá bán buôn xí nghiệp, chênh lệch giá bán buôn và bán lẻ chưa được quy định, làm cho việc thực hiện hạch toán kinh tế gặp khó khăn và tích lũy chưa được tập trung vào khâu sản xuất.

Chính sách giá cả và công tác giá cả có ý nghĩa quan trọng về kinh tế và chính trị, nội dung có nhiều vấn đề phức tạp. Về lãnh đạo, cần phải chú ý đầy đủ hơn và phải định rõ trách nhiệm chỉ đạo giá cả của các ngành, các cấp.

## VII- MẤY VẤN ĐỀ VỀ LAO ĐỘNG

Việc sắp xếp và sử dụng lực lượng lao động có những chỗ không hợp lý; biên chế Nhà nước tăng lên quá mức cần thiết, nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp tăng quá nhanh, dân cư thành thị tập trung quá đông. Vì thế nhu cầu về tiêu dùng có tính chất tập trung tăng lên nhiều, vượt quá khả năng đảm phụ hiện nay của nông nghiệp. Mặt khác, nhiều xí nghiệp, công trường, cơ quan thừa người; trong nông thôn, lực lượng lao động trẻ giảm sút.

Trong các ngành kinh tế quốc doanh, gần đây năng suất lao động tăng chậm.

Việc đào tạo cán bộ và công nhân chưa bảo đảm yêu cầu về chất lượng; đào tạo công nhân kỹ thuật chưa được coi trọng.

### 1. *Sắp xếp và sử dụng lực lượng lao động*

Trong 5 năm qua, số người đến tuổi lao động tăng bình quân hàng năm 1,8%, trong khi dân số tăng 3,5%; tức là dân số tăng thêm xấp xỉ hai người thì lực lượng lao động tăng một người. Vì thế, tỷ lệ nhân khẩu lao động so với dân số sụt dần (năm 1960 là 44,8%, năm 1962 là 42,6%). Tình hình lao động

tăng chậm khá nhiều so với dân số sẽ kéo dài đến năm 1970; đó là hậu quả của nạn đói năm 1945 và của cuộc chiến tranh xâm lược do bọn đế quốc đã gây ra.

Mặc dù lực lượng lao động tăng chậm, sau hoà bình lập lại, số người thiếu việc làm và không có việc làm khá lớn. Trong quá trình khôi phục và phát triển kinh tế, bình quân hàng năm có 5,4% lực lượng lao động được thu hút vào các ngành sản xuất và các ngành hoạt động khác; nhờ đó phần rất lớn lao động thừa trước đây và những người đến tuổi lao động tăng thêm hàng năm dần dần đã có việc làm. Đồng thời lực lượng lao động đã được phân bố lại theo chiều hướng tiến bộ.

Nhưng việc sắp xếp và sử dụng lực lượng lao động có những chỗ không hợp lý, biên chế Nhà nước tăng quá mức cần thiết, nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp tăng quá nhanh, dân cư thành thị tập trung quá đông, đã gây ra một số ảnh hưởng không tốt, nhất là về mặt kinh tế.

*Biên chế khu vực sản xuất của Nhà nước* (tính số công nhân, viên chức trong danh sách trung bình hàng năm) năm 1957 là 139.700 người, năm 1962 lên 547.700 người, tăng gần 4 lần<sup>1</sup>. Các ngành kinh tế quốc doanh ngày càng phát triển đòi hỏi tăng thêm biên chế, nhưng trong nhiều trường hợp, số lao động tăng thêm đã vượt quá yêu cầu thực tế của sản xuất, cho nên hiện nay nhiều xí nghiệp, công trường không

---

1. Số liệu về biên chế khu vực sản xuất và khu vực không sản xuất của Nhà nước dùng trong báo cáo này là của Tổng cục Thống kê; số liệu dùng trong kế hoạch thấp hơn số liệu thống kê, vì phạm vi tính toán khác nhau.

dùng hết lao động. Mặt khác, có nhiều bộ phận sản xuất thủ công thu hút quá nhiều lao động.

Trong các ngành công nghiệp quốc doanh, năm 1962 so với năm 1957, lực lượng công nhân tăng gấp 3,48 lần, giá trị sản lượng tăng gấp 5,6 lần, khoảng 50% giá trị sản lượng tăng thêm là do tăng lao động. Ở nhiều xí nghiệp quốc doanh trung ương, trong dây chuyền sản xuất có những khâu dùng nhiều lao động thủ công, nhưng ít chú ý cải tiến thiết bị. Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương phát triển nhanh, phần nhiều trang bị kém, chủ yếu sản xuất theo lối thủ công.

Về ngành xây dựng cơ bản, năm 1959 và năm 1960, vốn đầu tư và lực lượng lao động tăng lên nhiều; những năm gần đây, vốn đầu tư tăng chậm lại cho nên thừa lao động. Thiết bị thi công của toàn ngành xây dựng nói chung không ít, nhưng mới sử dụng khoảng 35% công suất. Riêng về xây dựng thủy lợi và giao thông chưa chú trọng dùng các loại công cụ cải tiến và chậm tăng thêm máy thi công, cho nên dùng nhiều lao động.

Bộ máy thương nghiệp quốc doanh tăng thêm nhiều người cùng trong những năm 1959-1960. Doanh số bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh năm 1960 tăng gấp 2,58 lần năm 1957, trong khi đó biên chế tăng gấp 2,14 lần. Tình hình đó có được sửa chữa, cho nên năm 1962 so với năm 1957, doanh số bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh tăng lên gấp 3,36 lần; biên chế có giảm, còn bằng 2,05 lần. Tuy nhiên, ngành thương nghiệp quốc doanh vẫn còn thừa người, cần phải tiếp tục giảm bớt biên chế. Tổ chức quản

lý thương nghiệp trực thuộc 8 bộ và tổng cục, có nhiều tổng công ty và công ty với hệ thống cửa hàng riêng xuống đến huyện và thị xã, vì thế đã xây dựng nhiều cửa hàng, dùng nhiều người.

*Lực lượng lao động thuộc khu vực không sản xuất* trong toàn xã hội trong 5 năm qua tăng thêm 38%, trong khi lực lượng lao động thuộc khu vực sản xuất tăng 22,8%. Từ năm 1957 đến năm 1959, tỷ trọng của lực lượng lao động không sản xuất có giảm (16,5% xuống 14%), nhưng ba năm gần đây lại tăng dần lên (năm 1962 chiếm 15,6%). Đó là những hiện tượng không hợp lý, chủ yếu do bộ máy hành chính sự nghiệp của Nhà nước tăng thêm nhiều người, và ngành giáo dục với tổ chức và phương pháp học tập không được thích hợp đã thu hút quá nhiều thanh niên thoát ly sản xuất.

Biên chế khu vực không sản xuất của Nhà nước năm 1957 có 119.400 người, năm 1962 lên 176.000 người, tăng 47,4%<sup>1</sup>. Riêng hai năm gần đây tăng thêm đến 44.000 người, vì thêm bộ và tổng cục, từ đó lại thêm nhiều cục, vụ, phòng, làm cho bộ máy ở trung ương thêm cồng kềnh; biên chế hành chính của thành phố Hà Nội, và của nhiều huyện cũng tăng quá nhiều.

Trong ngành giáo dục phổ thông, chủ yếu là ở cấp III và cấp II, số học sinh từ 16 tuổi trở lên trong năm học 1960-1961 có 12 vạn, chiếm 6,6% trong lực lượng lao động xã hội; năm học 1961-1962 tăng lên 15 vạn, chiếm 6,68%. Trong việc chiêu sinh, cần chăm chú độ tuổi đối với học sinh dân tộc thiểu số, nhưng ở đồng bằng cũng chăm chú quá rộng. Sự nghiệp giáo dục phát triển nhanh, vượt quá khả năng kinh tế chung, và chất lượng học tập

1. Số liệu về biên chế khu vực sản xuất và khu vực không sản xuất của Nhà nước dùng trong báo cáo này là của Tổng cục thống kê; số liệu dùng trong kế hoạch thấp hơn số liệu thống kê, vì phạm vi tính toán khác nhau.

kém. Nội dung học tập chưa gắn với thực tế sản xuất, nhất là thực tế sản xuất ở các vùng biển và các khu công nghiệp. Những năm trước đây, phần lớn học sinh nông thôn sau khi ra trường, không trở về tham gia sản xuất nông nghiệp mà thường được đưa vào các trường trung cấp kỹ thuật và trở thành nhân viên của Nhà nước.

*Trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, sắp xếp những người buôn bán nhỏ và thợ thủ công*, chúng ta đã để tập trung quá đông ở các thành thị.

Do coi nhẹ việc tiếp tục cải tạo và không nắm vững quản lý thị trường, trong khoảng cuối năm 1961 - đầu năm 1962, số người buôn bán nhỏ ở các thành thị tăng thêm khoảng 3 vạn, trong đó có những người từ nông thôn ra và những người đã chuyển sang sản xuất, nay trở lại buôn bán.

Thợ thủ công ở các thành thị năm 1957 có 81.000 người, năm 1961 lên 387.000 người; trái lại, ở nông thôn từ 376.000 người sụt xuống 203.000 người. Chúng ta phải giải quyết việc làm cho nhân dân thành thị, chuyển bớt người buôn bán nhỏ sang sản xuất, cho nên lực lượng lao động thủ công ở thành thị tăng nhanh. Mặt khác, chúng ta có thiếu sót đã tập trung một số cơ sở thủ công nghiệp trước ở phân tán trong nông thôn vào các thị trấn và thị xã; không tích cực chuyển bớt những cơ sở không cần thiết để ở các thành phố lớn về những nơi gần nguyên liệu và tiêu thụ. Thợ thủ công ở nông thôn giảm, có một phần là phù hợp (như trong các ngành làm đồ đồng, dệt vải khổ hẹp, làm đường, mật ở cạnh các nhà máy đường); nhưng do thiếu sót của ta, số lao động thủ công trong các nghề rừng, nghề cá, rèn, mộc, đã giảm xuống một cách không bình thường.

Chung lại, những chỗ không hợp lý nói trên, chủ yếu là biên chế Nhà nước tăng quá mức cần thiết và quá nhanh, đã làm cho số nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp và dân cư thành thị tăng lên quá nhanh. Theo số liệu chưa đầy đủ, khu vực không sản xuất nông nghiệp đã lên tới 3,2 triệu người,

chiếm 18,6% trong dân số, tăng 40,8% so với năm 1957. Trong tổng số nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp, khu vực Nhà nước chiếm một nửa. Riêng dân cư thành thị năm 1957 có 1,23 triệu người, chiếm 8,5% trong dân số; năm 1962 tăng lên 2,17 triệu người, chiếm 12,2%.

Với khả năng sản xuất và cung cấp lương thực hàng hoá hiện nay của nông nghiệp, theo tính toán sơ bộ thì số người không sản xuất nông nghiệp nên vào khoảng 2,8 triệu – 2,9 triệu là vừa phải. Số người không sản xuất nông nghiệp hiện vượt quá sức đảm phụ của sản xuất nông nghiệp; đó là một nguyên nhân gây ra tình hình căng thẳng về lương thực, nhất là trong phạm vi cân đối lương thực của Nhà nước. Biên chế Nhà nước tăng quá nhiều còn làm cho quỹ tiền lương tăng, nhu cầu thực phẩm, hàng tiêu dùng, nhà ở đều tăng; dân cư thành thị quá đông, làm cho các nhu cầu đó tăng lên có tính chất tập trung, khả năng giải quyết không theo kịp. Tóm lại, trong trình độ sản xuất hiện tại, việc sắp xếp lao động có chỗ không hợp lý đã đẩy nhu cầu về hàng hoá, cân đối giữa tiền và hàng căng thẳng thêm.

Về mặt sản xuất, lao động trong khu vực kinh tế quốc doanh tăng vượt quá yêu cầu thực tế của sản xuất, là một nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tình hình năng suất lao động. Trong khu vực hành chính, bộ máy công kênh, người nhiều nhưng hiệu suất công tác kém, tác phong làm việc quan liêu chậm được sửa chữa. Biên chế Nhà nước thừa người, dân cư thành thị tập trung đông, một số còn thiếu việc làm, nhưng điều chỉnh, sắp xếp có nhiều khó khăn. Trong nông nghiệp, lực lượng thanh niên là nòng cốt trong việc cải tiến kỹ thuật giảm sút nhiều; số thanh niên thực tế tham gia sản xuất nông nghiệp rất ít, phần nhiều lại là nữ thanh niên.

Khuyết điểm của chúng ta là: trong những năm 1959-1960, định kế hoạch phát triển sản xuất và xây dựng cao, tăng biên chế nhiều; trong quá trình thực hiện kế hoạch, không

điều chỉnh kịp các mặt cân đối giữa lao động và sản xuất, sản xuất và tiêu dùng. Tổ chức bộ máy có nhiều vấn đề giải quyết chậm và không sát; quản lý lao động trong khu vực Nhà nước còn lỏng lẻo, chưa thật sự coi trọng tăng năng suất, trái lại thường tăng người là chính để bảo đảm kế hoạch sản xuất. Chủ trương về tổ chức giáo dục có chỗ chưa thích hợp; kế hoạch phát triển giáo dục không cân đối với khả năng kinh tế. Việc quản lý nhân khẩu thành thị chưa chặt chẽ, chưa tích cực thi hành mọi biện pháp để giảm bớt nhịp độ tập trung dân cư quá nhanh ở các thành phố.

## 2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật

Lực lượng lao động kỹ thuật mấy năm nay tăng lên khá nhanh nhưng nói chung chất lượng còn non.

Chúng ta chưa đào tạo kịp số cán bộ kỹ thuật có trình độ khá, các xí nghiệp, công trường phần nhiều chưa có kỹ sư trưởng, tổng công trình sư có năng lực phụ trách các vấn đề về kỹ thuật sản xuất và điều dặt số cán bộ trẻ mới vào nghề; thiếu cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy đại học và cán bộ giảng dạy có kinh nghiệm thực tế cho các trường kỹ thuật và trường công nhân. Cán bộ quản lý xí nghiệp phần nhiều chưa nắm được các vấn đề kỹ thuật; việc đào tạo những cán bộ vừa biết quản lý kinh tế, vừa biết kỹ thuật là rất cần thiết nhưng không được chú trọng sớm. Vì chúng ta chậm có kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn, cho nên kế hoạch đào tạo cán bộ chưa có căn cứ để sắp xếp các ngành học, số lượng học sinh và thời gian học tập thích hợp với yêu cầu của các ngành. Việc đào tạo cán bộ tại chức gần đây được chú ý nhưng tổ chức học tập chưa bảo đảm yêu cầu về chất lượng. Kế hoạch đưa người đi học nước ngoài sắp xếp chưa tốt, có những ngành nên đào tạo trong nước là chính, có những ngành chưa có nhu cầu, nhưng đưa đi quá nhiều; trái lại, chậm chú trọng đưa đi học để bồi dưỡng những cán bộ có trình độ khoa học và kỹ thuật khá, để đào tạo cán bộ các ngành rất cần như thiết kế chế tạo, thiết kế xây dựng... Cán bộ ra trường sử dụng chưa được tốt, sắp xếp công tác nhiều

trường hợp không hợp lý; phân phối cho các địa phương, các cơ sở sản xuất còn ít.

Trong lực lượng lao động sản xuất, công nhân kỹ thuật mới chiếm 13,3%. Trình độ lành nghề còn thấp: cấp bậc thợ bình quân chung trong công nghiệp quốc doanh là 2,4, trong ngành xây dựng cơ bản là 2,1, trong ngành giao thông vận tải là 2,6... Trong các ngành cơ khí, điện, kiến trúc, công nhân lành nghề mới chiếm 19% so với công nhân kỹ thuật và 1,49% so với tổng số công nhân sản xuất. Về trình độ văn hoá, phần nhiều công nhân mới học lớp 3, chưa đủ cơ sở để tiếp thu các vấn đề kỹ thuật. Công nhân kỹ thuật còn ít, trình độ lành nghề còn thấp là một trở ngại lớn trong sản xuất, là một nguyên nhân chính của tình hình năng suất lao động tăng chậm, máy móc bảo quản và sử dụng không tốt, dùng nguyên liệu và vật liệu lãng phí, chất lượng sản xuất kém. Chúng ta chú trọng đầu tư vốn vào xây dựng cơ bản, đào tạo cán bộ, nhưng chưa thật xem trọng việc đào tạo và bồi dưỡng công nhân kỹ thuật; đó là một điều rất không hợp lý trong việc quản lý kinh tế.

### 3. Năng suất lao động

Từ năm 1957 đến năm 1962, năng suất lao động trong công nghiệp quốc doanh tăng bình quân hàng năm 10,9%, riêng công nghiệp quốc doanh trung ương tăng 14,8%. Trong ngành xây dựng cơ bản tăng 6,1%. Trong ngành vận tải quốc doanh tăng 18,1%.

Từ năm 1962, nhịp độ tăng năng suất lao động có chiều hướng giảm xuống. Trong công nghiệp quốc doanh, tăng bình quân hàng năm 9,3%, riêng trong công nghiệp quốc doanh trung ương tăng 10,1%. Trong ngành xây dựng cơ bản tăng 5,6%. Trong ngành vận tải quốc doanh tăng 6,6%.

Năng suất lao động tăng chậm và còn thấp chủ yếu là vì:

Phần lớn các xí nghiệp công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ của ta đều thiếu nguyên liệu, nhưng dùng nguyên liệu còn

nhiều lãng phí. Các công trình xây dựng cơ bản nhiều lúc cũng thiếu vật liệu, thiết kế thi công và thiết bị về chậm. Các phương tiện vận tải hư hỏng nhiều, sửa chữa chậm và sử dụng chưa hợp lý.

Trình độ cơ giới hoá lao động ở một số xí nghiệp, công trường còn thấp, sử dụng nhiều lao động thủ công, nhất là trong công nghiệp địa phương, trong việc xây dựng thuỷ lợi, làm đường sá, trong khâu bốc vác vận tải.

Số công nhân kỹ thuật còn ít so với công nhân sản xuất, trình độ kỹ thuật và văn hoá còn thấp, phần nhiều năng lực chưa phù hợp với nhiệm vụ sản xuất.

Biên chế tăng nhanh, nhiều xí nghiệp, công trường thừa người; số lao động không trực tiếp sản xuất quá nhiều.

Sử dụng thì giờ lao động còn kém. Ngày công lao động thực tế so với ngày công theo chế độ trong năm sụt dần, ngày nghỉ việc và ngừng việc tăng lên, thì giờ lao động có ích trong ngày còn rất thấp.

Nói chung, việc quản lý năng suất lao động chưa được coi trọng. Nhiều xí nghiệp, công trường thường chạy theo kế hoạch sản lượng và khối lượng, vượt kế hoạch biên chế và không đạt kế hoạch về năng suất lao động và hạ giá thành. Trong giá trị sản lượng công nghiệp, phần tăng lên do tăng năng suất chỉ khoảng 50%. Năng suất lao động cá nhân và từng bộ phận, năng suất lao động từng lúc tăng khá, nhưng năng suất lao động chung toàn xí nghiệp, toàn ngành, và cả năm tăng chậm.

## C- KẾT LUẬN

Từ những nhận định cụ thể về các thành tích, khó khăn và khuyết điểm trong các mặt hoạt động chủ yếu, chúng ta nhận định chung tình hình kinh tế, sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý kinh tế trong thời gian qua.

## NHỮNG CHUYỂN BIẾN VĨ ĐẠI, NHỮNG THẮNG LỢI TO LỚN

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc mới trải qua 8 năm. Sau khi khôi phục kinh tế, chúng ta tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mới trong 5 năm.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự giúp đỡ của các nước anh em, nhân dân ta đang thực hiện những chuyển biến cách mạng vĩ đại, và đã giành được những thắng lợi to lớn.

*- Từ một nền kinh tế phụ thuộc, lạc hậu, chúng ta đang xây dựng một nền kinh tế tự chủ, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

*- Trên cơ sở đó, sự nhất trí về tinh thần trong nhân dân được củng cố thêm vững chắc; với ý thức làm chủ, với sự hợp tác trong lao động, nhân dân ta đang hăng hái xây dựng đời sống mới của mình.*

Những chuyển biến ấy đưa xã hội miền Bắc tiến sang một bước ngoặt mới, giải đáp đúng những yêu cầu cơ bản của quần chúng và của nhiệm vụ cách mạng.

*- Về chính trị*, cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhất là cải tạo nông thôn, đã giải phóng quần chúng lao động khỏi quan hệ bóc lột, giải quyết triệt để yêu cầu thực hiện dân chủ. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, khối liên minh công nông và khối đoàn kết dân tộc được tăng cường, chính quyền dân chủ nhân dân thêm củng cố.

*- Về kinh tế*, dựa trên quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và những cơ sở vật chất - kỹ thuật được dần dần tăng cường, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp phát triển tương đối nhanh; lao động xã hội được phân công lại; sự phân phối xã hội chủ nghĩa được thực hiện, mọi người đều có công việc làm, ăn no mặc ấm hơn trước.

*- Về văn hoá*, nhân dân cả nước, từ trẻ em đến người lớn đều được học tập; công nhân, nông dân, thanh niên, bộ đội, cán bộ có điều kiện nâng cao trình độ phổ thông và hiểu biết về

kỹ thuật, ngày càng tiến bộ thêm để cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp cách mạng.

Nhân dân ta ở miền Bắc và miền Nam đều có thể tự hào về những kết quả đó. Chủ nghĩa xã hội đang trở thành hiện thực trên một nửa nước ta, chính do bàn tay và khối óc của ta tạo nên. Với những chuyển biến và thắng lợi nói trên, miền Bắc đang được củng cố về mọi mặt, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, góp phần tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông-Nam Á và thế giới.

## NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Hiện nay, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được mở rộng phổ biến. Nhưng phần lớn các hợp tác xã còn mang tính chất nửa xã hội chủ nghĩa, trình độ quản lý còn yếu. Lao động thủ công còn chiếm khoảng 95% trong các ngành sản xuất vật chất. Ruộng đất bình quân đầu người chỉ có khoảng 3 sào Bắc Bộ. Sản xuất nông nghiệp còn bấp bênh, tỷ suất hàng hoá thấp. Công nghiệp hiện đại mới chiếm khoảng 20% giá trị tổng sản lượng công nghiệp và nông nghiệp. Trong những điều kiện đó, năng suất lao động xã hội còn thấp, sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân tăng lên chưa nhiều. Trái lại, nhu cầu tăng lên rất lớn: nhu cầu về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhu cầu về cải thiện đời sống của nhân dân đi theo với nhịp độ phát triển dân số rất nhanh, nhu cầu về tăng cường củng cố quốc phòng, v.v..

*Từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, trong mỗi bước trưởng thành, chúng ta phải*

*giải quyết mâu thuẫn giữa một bên là nhu cầu các mặt có chiều hướng phát triển nhanh, một bên là khả năng sản xuất tăng lên chưa kịp.*

Đường lối của Đảng về thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nhằm giải quyết mâu thuẫn đó. Trong quá trình thực hiện đường lối của Đảng, chúng ta phải khắc phục mấy khó khăn chủ yếu:

- Nhu cầu về đời sống theo sự phân phối xã hội chủ nghĩa tăng lên nhiều, mọi người đều phải được ăn no, mặc ấm, học tập... nhưng cơ sở vật chất - kỹ thuật đang bắt đầu xây dựng, năng suất lao động xã hội còn thấp.

- Việc xây dựng công nghiệp phải dựa trên cơ sở là nông nghiệp nhưng sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu, ruộng đất ít, khả năng tiềm tàng của nền công nghiệp nhiệt đới mới bắt đầu được phát huy.

- Quy mô xây dựng và sản xuất ngày càng mở rộng, nhưng trình độ quản lý kinh tế của ta có những nhược điểm và khuyết điểm, tiến bộ chưa kịp với sự chuyển biến của cách mạng.

Khó khăn thứ nhất và thứ hai là những vấn đề cơ bản trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Những khó khăn ấy còn tồn tại tương đối lâu; trong thực tiễn có nhiều vấn đề cụ thể phức tạp. Tình hình thiếu lương thực, thực phẩm và một số hàng tiêu dùng, thiếu tiền vốn và vật tư,... là những biểu hiện cụ thể của những khó khăn đó.

Nhìn chung trong nền kinh tế, mặc dù có những khó khăn, phần tiến bộ vẫn chiếm ưu thế, các ngành hoạt động đều phát triển lành mạnh. Chúng ta chấp hành tốt đường lối của Đảng nhất định sẽ dần dần giảm bớt được khó khăn. Nhân dân ta chưa thoát khỏi lạc hậu và nghèo nàn, nhưng cuộc

tiến công vào lạc hậu và nghèo nàn đã bắt đầu và đang tiếp tục với những thắng lợi chắc chắn.

#### ĐƯỜNG LỐI, PHƯƠNG HƯỚNG CỦA ĐẢNG LÀ ĐÚNG

Nhân dân ta và Đảng ta đã có những cố gắng rất lớn lao, không ngừng phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Chính nhờ Đảng ta biết kết hợp một cách sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam, đề ra đường lối và phương hướng đúng đắn, có nhiều tiến bộ trong việc lãnh đạo và chỉ đạo, giải quyết đúng các yêu cầu cơ bản của quần chúng và của sự nghiệp cách mạng, cho nên toàn dân ta tin tưởng Đảng sâu sắc, hăng hái phấn đấu theo con đường của Đảng. Những thắng lợi đã giành được, những đổi mới trong xã hội, trong đời sống và khí thế cách mạng mạnh mẽ của quần chúng chứng minh rất rõ ràng điều thực tế nói trên.

Trong khi chưa xác định đường lối chung của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Trung ương Đảng ta đã đề ra phương hướng đúng đắn, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế, cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá.

Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ III, chúng ta đã có đường lối chung cho giai đoạn cách mạng mới. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội, các Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương đã giải quyết thêm sáng tỏ phương hướng hoàn thành hợp tác hoá và phát triển nông nghiệp, xây dựng và phát triển công nghiệp.

Sau khi làm xong cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, chúng ta đã đặt nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa là trọng tâm, trong đó khâu quan trọng bậc nhất là hợp tác hoá nông nghiệp. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được tiến hành kịp thời, theo nguyên tắc đấu tranh cách mạng triệt để và với những hình thức, biện pháp linh hoạt, đã đem lại những kết quả tốt.

Đi lên từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, trong thời kỳ đầu, chúng ta đã nắm đúng yêu cầu phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, cố gắng tự giải quyết nhu cầu về đời sống. Sau khi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định, chúng ta chuyển sang trọng tâm là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Việc thực hiện những nhiệm vụ nói trên không tránh khỏi có những khuyết điểm trong việc lãnh đạo và chỉ đạo cụ thể. Nhưng chúng ta khẳng định rằng đường lối của Đảng nhằm phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh của quần chúng đồng thời rất coi trọng và cố gắng sử dụng tốt sự giúp đỡ và hợp tác quốc tế, xây dựng từng bước nền kinh tế tự chủ, dựa vào nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp, và công nghiệp là chủ đạo để phát triển kinh tế quốc dân, đường lối đó là hoàn toàn đúng. Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng và Nghị quyết của các Hội nghị lần thứ năm và thứ bảy của Trung ương đã đem lại cho quần chúng một nguồn tin tưởng mới, một sự quyết tâm mạnh mẽ, chính là vì các nghị quyết đó giải đáp đúng các vấn đề

thực tiễn của cách mạng, phản ánh đúng ý chí phấn đấu và lợi ích của quần chúng. Phải nắm vững và chấp hành tốt hơn nữa các nghị quyết ấy, giải quyết sát và kịp thời các vấn đề cụ thể, động viên tinh thần phấn khởi cách mạng của nhân dân, hết sức phát huy các nhân tố tích cực, khắc phục các khó khăn, đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

#### NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM CHỦ YẾU

Trong việc chấp hành đường lối của Đảng, trong hai năm gần đây, công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương, công tác chỉ đạo thực hiện của các ngành, các địa phương đã có nhiều tiến bộ. Nhưng trong việc lãnh đạo và chỉ đạo về một số phương hướng cụ thể, chủ trương cụ thể, và trong việc quản lý kinh tế, chúng ta có những khuyết điểm:

- *Một số phương hướng cụ thể, chủ trương cụ thể chưa được sát với yêu cầu và khả năng thực tế, giải quyết không được kịp thời.* Như trong việc sản xuất lúa và hoa màu, phát triển chăn nuôi; trong việc Nhà nước giúp đỡ các hợp tác xã xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật; trong việc xây dựng các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu và sản xuất hàng tiêu dùng trong việc chuẩn bị cơ sở sản xuất để phát triển ngoại thương và mở rộng sự hợp tác quốc tế,... Có nhiều việc chúng ta thấy chậm và làm chậm; có những việc chúng ta muốn làm nhanh, nhưng chưa nắm sâu các vấn đề về kinh tế - kỹ thuật cho nên vẫn chậm và gây ra lãng phí. Có một phần là vì trong bước đầu chúng ta còn thiếu kinh

nghiệm; nhưng chủ yếu là vì chúng ta chưa nắm vững thực tế, phát hiện vấn đề chậm, nghiên cứu không được chu đáo, thiếu tổng kết kinh nghiệm.

*- Trình độ quản lý kinh tế còn kém, tiến bộ không kịp với quy mô xây dựng và sản xuất đang mở rộng.* Công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân chưa phục vụ tốt yêu cầu quản lý kinh tế của Nhà nước: kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm và các quy hoạch cần thiết làm chậm; việc nghiên cứu phân bố sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chưa được xúc tiến tích cực; chất lượng công tác cân đối tổng hợp kinh tế quốc dân còn yếu; lề lối quản lý kế hoạch ít được cải tiến, chưa bảo đảm chặt chẽ yêu cầu quản lý kinh tế tập trung của Nhà nước; mặt khác, có phần gò bó, kém linh hoạt.

Trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch, các ngành và các cơ sở sản xuất chưa chú ý đầy đủ đến năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Việc quản lý lao động, quản lý vật tư, quản lý tài vụ phần nhiều chưa đi vào nền nếp; chế độ hợp đồng kinh tế thường không được thực hiện nghiêm chỉnh; chế độ hạch toán kinh tế thực hiện chưa được tốt. Công tác quản lý kỹ thuật còn yếu, lực lượng cán bộ kỹ thuật ít nhưng chưa được sử dụng hợp lý. Về mặt tổ chức quản lý, chưa bảo đảm đầy đủ sự lãnh đạo tập trung của Trung ương, tăng cường trách nhiệm và phát huy dân chủ đối với các địa phương, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện ở các cơ sở sản xuất. Do những thiếu sót về quản lý, năng lực sản xuất công nghiệp sử dụng còn thấp. Trong nông nghiệp, chưa hết sức phát huy mọi khả năng để thực hiện thâm canh tăng năng suất, việc chỉ đạo khai hoang chưa được chặt chẽ; công tác kỹ thuật đi sâu vào thực tế từng vùng, chưa phục vụ sát cơ sở

sản xuất. Công tác quản lý lưu thông hàng hoá và tiền tệ có những sơ hở làm cho thị trường có những lúc khẩn trương đáng lẽ có thể tránh được. Trong các ngành, tài sản lưu động ứ đọng nhiều, gây ra nhiều lãng phí. Việc sắp xếp lao động có phần không hợp lý, công tác quản lý biên chế Nhà nước chưa được chặt chẽ, làm cho số người không sản xuất nông nghiệp tăng lên quá nhiều,...

Công tác quản lý kinh tế là một khâu rất quan trọng trong việc chấp hành đường lối của Đảng, là nhiệm vụ hàng đầu trong việc quản lý Nhà nước. Nhưng chúng ta chưa quan tâm đúng mức, chưa nghiên cứu sâu sắc và toàn diện, có nhiều vấn đề không hợp lý và nhiều thiếu sót không được giải quyết kịp thời và có hiệu quả.

#### CHẤP HÀNH TỐT HƠN NỮA ĐƯỜNG LỐI, PHƯƠNG HƯỚNG CỦA ĐẢNG

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm và thứ bảy của Trung ương, yêu cầu về lãnh đạo là phải đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế, với tinh thần tích cực và thận trọng, giải quyết sát và kịp thời các chủ trương, chính sách; và phải thi hành các biện pháp thiết thực, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch. Trước hết, *cần phải nhận định đúng các thắng lợi và khó khăn để nắm vững và chấp hành tốt hơn nữa đường lối, phương hướng của Đảng.* Vì nội dung đường lối và phương hướng của Đảng là nhằm phát huy các thắng lợi, khắc phục các khó khăn để đưa cách mạng không ngừng tiến tới. Vì

trên thực tế, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của ta đang phát triển thuận lợi, có nhận rõ như vậy, cán bộ, đảng viên ta cũng như nhân dân mới tin tưởng vững chắc ở đường lối và quyết tâm phấn đấu, không bi quan chùn bước trước những khó khăn. Cũng vì thế, việc kiểm điểm tình hình kinh tế trong Hội nghị Trung ương lần này là rất quan trọng, đó là cơ sở thực tiễn để xác định các phương hướng cụ thể và hệ thống chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; đó cũng là cơ sở về nhận thức để thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và toàn dân, bảo đảm chấp hành quán triệt hơn nữa đường lối và phương hướng của Đảng trong khi thực hiện kế hoạch.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ 5 NĂM  
LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)**

**(Báo cáo tại Hội nghị lần thứ tám  
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng  
ngày 27 tháng 3 năm 1963)**

*Phần thứ nhất*

**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHUNG**

Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra mục tiêu phấn đấu và những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965):

"Trên cơ sở những thành tựu to lớn về cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá đã giành được, căn cứ vào đường lối chung do Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã thông qua, Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ định ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm mục tiêu *phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước*

*công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa*, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

Sau đây là những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất:

a) Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, chuẩn bị cơ sở để tiến lên biến nước ta thành một nước công nghiệp và nông nghiệp xã hội chủ nghĩa.

b) Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh, tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

c) Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của cán bộ, công nhân và nhân dân lao động, đẩy mạnh công tác khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh thăm dò tài nguyên thiên nhiên và điều tra cơ bản nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và văn hoá.

d) Cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân thêm một bước, làm cho nhân dân ta được ăn no mặc ấm, tăng thêm sức khoẻ, có thêm nhà ở và được học tập, mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng, xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị.

đ) Đi đôi và kết hợp với việc phát triển kinh tế, cần ra sức củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc". (Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng).

Tiếp sau đó, Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương đã đề ra nhiệm vụ, phương hướng một số mục tiêu và những biện pháp phát triển nông nghiệp và công nghiệp trong kế hoạch 5 năm.

Qua việc kiểm điểm tình hình kinh tế trong những năm gần đây, chúng ta khẳng định rằng *đường lối, phương hướng của Đảng là đúng*; nhờ đó, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đem lại những chuyển biến vĩ đại, những thắng lợi to lớn và đang phát triển thuận lợi.

*Từ nền kinh tế lệ thuộc và lạc hậu, chúng ta đang xây dựng một nền kinh tế tự chủ, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân được củng cố thêm vững chắc.*

Mặt khác, chúng ta nhận định rõ các khó khăn: khó khăn trong việc giải quyết nhu cầu cải thiện đời sống theo sự phân phối xã hội chủ nghĩa, *do cơ sở vật chất - kỹ thuật còn kém, trình độ sản xuất còn thấp*; khó khăn trong việc xây dựng và phát triển công nghiệp, vì cơ sở *nông nghiệp còn lạc hậu*. Bên cạnh những vấn đề cơ bản ấy, trình độ *quản lý kinh tế* còn thấp cũng là một trở ngại. Đó là những khó khăn trong trường thành của một nền kinh tế nông nghiệp tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, do mâu thuẫn giữa một bên là các nhu cầu chung về đời sống, về xây dựng kinh tế, về củng cố quốc phòng,... tăng lên nhiều, và một bên là khả năng sản xuất tăng lên chưa kịp.

*Trước tình hình đó, về lãnh đạo và chỉ đạo*, chúng ta phải nắm vững các Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III và của Hội nghị lần thứ năm, thứ bảy của Trung ương, đi sâu hơn nữa vào thực tế, *giải quyết sát, kịp thời các chủ trương, chính sách, phải nâng cao hơn nữa trình độ quản lý kinh tế, nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch*. Phải chấp hành tốt hơn nữa đường lối, phương hướng của Đảng, hết sức phát huy các thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tiến lên một bước mới.

Căn cứ vào đường lối, phương hướng của Đảng, kết hợp với nhận định tình hình, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) phải nhằm giải đáp yêu cầu cơ bản nhất là *tích cực xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*, tạo nên tiền đề để củng cố quan hệ sản xuất mới, xúc tiến cuộc cách mạng về kỹ thuật, tư tưởng và văn hoá, phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, cải thiện đời sống của nhân dân, tăng cường củng cố quốc phòng. Yêu cầu đó chính là nhằm thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, bước đầu thay đổi cơ cấu sản xuất của nền kinh tế quốc dân, tăng cường miền Bắc về mọi mặt làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Việc xây dựng kế hoạch 5 năm lần này căn cứ vào những phương hướng như sau:

1. Trước hết, phải ra sức phấn đấu thực hiện một bước rất quan trọng mục tiêu mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương đã đề ra là: trong khoảng 10 năm "Thực hiện một sự chuyển biến căn bản trong nền kinh tế quốc dân, *tiến hành trang bị cơ khí và nửa cơ khí một cách phổ biến*, xoá bỏ tình trạng không cân đối nghiêm trọng hiện nay trong nền kinh tế, bảo đảm cho công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác phát triển cân đối, nhịp nhàng, mạnh mẽ, nhằm *giải quyết một cách căn bản những nhu cầu thông thường của nhân dân về ăn, mặc, ở, học tập, bảo vệ sức khoẻ*; đồng thời *chuẩn bị mọi mặt về vật chất, kỹ thuật, cán bộ, công nhân, v.v.* để tiếp tục phát triển kinh tế toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

Phải xúc tiến trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân, vì đó là khâu cơ bản để nâng cao năng suất lao động xã hội, mở rộng tích lũy xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống của nhân dân. Đồng thời, phải giải đáp những nhu cầu thông thường về đời sống của nhân dân để tăng thêm tinh thần phấn khởi cách mạng trong quần chúng, do đó mà càng đẩy mạnh sản xuất và cách mạng tiến lên.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế, trước hết phải chú trọng trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp, làm cho nông nghiệp có điều kiện phát triển mạnh mẽ, toàn diện và vững chắc hơn. Phải đẩy mạnh trang bị kỹ thuật trong nghề cá, nghề rừng, trong các ngành vận tải, xây dựng và trong các ngành khác, tiến lên trong những năm cuối của kế hoạch dài hạn sau thực hiện cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá một cách phổ biến trong các ngành đó. Để thực hiện mục tiêu đó, phải tích cực, chủ động xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là phải đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ.

Phải ra sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề, chú trọng xây dựng trong một khoảng thời gian 10-15 năm một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và có trình độ cao để có thể thúc đẩy nhanh cuộc cách mạng kỹ thuật trong các ngành kinh tế.

2. Để giải đáp những yêu cầu to lớn của việc xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và yêu cầu của việc nâng cao đời sống của nhân dân, vấn đề quan trọng bậc nhất trong những năm tới là phải ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp mạnh mẽ hơn và cân đối hơn.

Phải tập trung sức tăng cường hơn nữa lực lượng cho nông nghiệp, ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp tạo cơ sở thuận lợi hơn cho sự phát triển công nghiệp.

Nông nghiệp phải cung cấp lương thực và thực phẩm khá hơn và tiến lên giải quyết được vấn đề lương thực một cách vững chắc; phải tích cực phát triển cơ sở, bảo đảm nhu cầu ngày càng tăng về các loại nguyên liệu nông sản cho công nghiệp nhẹ. Đồng thời nông nghiệp phải tăng mạnh nguồn hàng xuất khẩu, chủ yếu là các loại cây công nghiệp và sản phẩm chăn nuôi, góp phần quan trọng trong cân đối ngoại thương.

Vì vậy, dựa vào cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, yêu cầu đối với nông nghiệp là phải phát triển sản xuất với một nhịp độ nhanh hơn các năm trước đây, phải có một chuyển biến rõ rệt trong cơ cấu sản xuất và phải cung cấp ngày thêm nhiều nông sản hàng hoá. Phải thực hiện một bước sự phân công lại giữa các vùng, tạo cơ sở để xác định phương hướng sản xuất của mỗi địa phương, mỗi hợp tác xã; đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp miền núi.

Về việc phát triển công nghiệp, chúng ta tiếp tục chấp hành đường lối và những phương châm của Đại hội lần thứ III và của Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương thực hiện ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ.

Phải đưa điện lực đi trước một bước, mở rộng việc dùng điện trong nông nghiệp. Phải đưa ngành cơ khí phát triển lên một bước mới mạnh mẽ, nhằm cung cấp khá hơn các loại máy móc và công cụ nửa cơ giới cho các ngành phục vụ tốt việc trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp, nghề cá, làm gỗ, xây dựng, sản xuất thiết bị cho vận tải, cho công nghiệp nhẹ và một phần cho công nghiệp nặng. Phải cố gắng đẩy mạnh xây dựng những cơ sở nguyên liệu chủ yếu như gang thép, than, một số hoá chất cơ bản, nguyên liệu cho ngành dệt,... Đồng thời với việc phát triển công nghiệp nặng, phải chú trọng phát triển mạnh công nghiệp nhẹ, nhất là ngành công nghiệp chế biến hoa màu, đánh cá, làm muối, đường, dệt, đồ dùng gia đình... Phải đẩy mạnh các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu như than, apatít, gỗ, và một số ngành công nghiệp nhẹ khác.

3. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, trong những năm tới của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, phải chú trọng tăng cường việc trao đổi ngoại thương, vì đó là khâu quan trọng để tăng nhanh trang bị kỹ thuật và cung cấp nguyên liệu cho các ngành, thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển nhanh hơn và cân đối hơn.

Để đẩy mạnh ngoại thương, phải xác định các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lâu dài về công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và về nông nghiệp, trên cơ sở đó ra sức phát triển một cách có kế hoạch các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu.

Phải mở rộng quan hệ buôn bán với nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng hai bên cùng có lợi, cố gắng tăng kim ngạch hàng năm với các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời tìm mọi cách mở rộng buôn bán với các nước Á - Phi và với các thị trường tư bản như Nhật, Pháp, Hồng Kông,... Phải tập trung nguồn ngoại hối thu được để bảo đảm nhập những hàng tối cần thiết, góp phần phát triển kinh tế và cải thiện đời sống. Phải phấn đấu giảm bớt nợ nhập siêu, tiến tới thăng bằng xuất nhập.

4. Phải giải quyết đúng đắn quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và việc cải thiện đời sống của nhân dân. Hiện nay, chúng ta đang đứng trước một khó khăn lớn là: sản xuất nông nghiệp và công nghiệp còn thấp và chưa được vững chắc, mức thu nhập quốc dân bình quân đầu người còn quá ít trong khi vừa phải tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vừa phải tăng cường củng cố quốc phòng và cải thiện đời sống của nhân dân. Trước tình hình đó, phải nắm vững khâu quan trọng bậc nhất là tích cực xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, vì đó là nền tảng để phát triển lực lượng sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Muốn xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phải có nhiều vốn; do đó phải ra sức đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và triệt để thực hành tiết kiệm; phải dần dần tăng nhanh hơn quỹ tích lũy trong khu vực Nhà nước cũng như trong khu vực tập thể, đồng thời phải rất quan tâm đến việc phân phối và sử dụng quỹ tích lũy cho thật tốt, nhằm phát huy hiệu quả cao nhất của quỹ tích lũy đối với việc mở

rộng tái sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Phải chú trọng giải quyết với mức độ nhất định những yêu cầu hợp lý và bức thiết nhất của nhân dân hiện nay về các mặt: ăn, mặc, ở, bảo vệ sức khoẻ, học tập.

5. Kết hợp phát triển kinh tế và văn hoá với củng cố quốc phòng. Đó là một trong 5 nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết định.

Xuất phát từ tình hình trong và ngoài nước, chúng ta có khả năng và cần tranh thủ gìn giữ hoà bình để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà. Nhưng trước âm mưu xâm lược của bọn Mỹ – Diệm, chúng ta cần phải đề cao tinh thần cảnh giác, tăng cường khả năng củng cố quốc phòng, ra sức củng cố các lực lượng vũ trang, củng cố hậu phương, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế và văn hoá với củng cố quốc phòng.

Sự kết hợp kinh tế và văn hoá với củng cố quốc phòng cần phải được tiến hành một cách chặt chẽ, tích cực, thường xuyên trong tất cả các ngành kinh tế, đặc biệt chú trọng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và giao thông; rất chú trọng tăng thêm dự trữ của Nhà nước; tích lũy chuẩn bị công tác phòng không nhân dân.

Về mặt phân phối vốn tài chính và vốn đầu tư, cần phải giữ tỷ lệ hợp lý giữa kinh tế và quốc phòng, sử dụng thật tiết kiệm, tốn kém ít, hiệu quả cao.

6. Phải ra sức khai thác khả năng tiềm tàng của miền núi, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế và văn hoá của miền núi, cố gắng đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số, cải thiện thêm một bước đời sống của nhân dân miền núi.

Phát triển kinh tế miền núi chính là nhằm thực hiện một bước việc phân bổ hợp lý sức sản xuất, làm cho các vùng kinh tế bổ sung và hỗ trợ nhau thúc đẩy nền kinh tế chung cả nước phát triển nhanh, toàn diện và cân đối hơn.

Để phát triển kinh tế miền núi trước hết phải đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ở vùng thấp và phát triển một bước nông nghiệp vùng cao; chú trọng phát triển lâm nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. Phải tích cực phát triển các sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, đặc biệt ra sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ miền núi, đồng thời đẩy mạnh công tác thăm dò, khảo sát tài nguyên thiên nhiên chuẩn bị điều kiện để tiến lên trong kế hoạch dài hạn sau phát triển mạnh công nghiệp ở miền núi, xây dựng những vùng kinh tế mới ở miền núi có nông nghiệp và công nghiệp phát triển.

7. Phải tăng cường quản lý kinh tế – tài chính, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, đi đôi với việc tăng cường quan hệ sản xuất mới trong khu vực kinh tế tập thể.

Tăng cường quản lý kinh tế – tài chính là một yêu cầu cấp thiết trước mắt để khai thác tốt hơn những khả năng tiềm tàng của nền kinh tế, nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và vững chắc hơn.

Để tăng cường quản lý kinh tế – tài chính, phải cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân nhằm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm tính thống nhất, tập trung, đồng thời phát huy hơn nữa tính chủ động và sáng tạo của địa phương và cơ sở. Kết hợp đúng đắn giữa các quy hoạch và kế hoạch dài hạn với các

kế hoạch hàng năm, hàng quý, hàng tháng, chú trọng sắp xếp tốt sự phát triển cân đối của các ngành kinh tế và văn hoá của từng vùng kinh tế, tiến lên phân bố hợp lý sức sản xuất. Phải xúc tiến việc phân vùng nông nghiệp, tiến lên phân vùng công nghiệp và vùng kinh tế cơ bản. Phải cải tiến bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước, giảm nhẹ hoặc bỏ bớt cấp trung gian, tăng cường các đơn vị cơ sở. Trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, phải mở rộng và tăng cường chế độ hạch toán kinh tế cùng với việc thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, nội quy quản lý theo nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đối với khu vực kinh tế tập thể, phải tăng cường sự giúp đỡ của Nhà nước; đồng thời trong những năm tới của kế hoạch 5 năm, phải chú trọng củng cố quan hệ sản xuất mới, đặc biệt chú trọng củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp bằng cách cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sức sản xuất phát triển và nâng cao đời sống của xã viên.

Để thực hiện tốt việc tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, phải tiến hành tốt cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" trong nông nghiệp và cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" trong công nghiệp, xây dựng cơ bản và thương nghiệp. Phải thông qua các cuộc vận động ấy mà củng cố các tổ chức của Đảng, của Đoàn Thanh niên Lao động và của Công đoàn, đẩy mạnh phong trào thi đua

của quần chúng nhằm bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Căn cứ những nhiệm vụ, phương hướng nói trên, dự án kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) dự định sẽ đưa các ngành kinh tế và văn hoá phát triển như sau:

	Đơn vị	1960	1965	1965/ 1960 (%)	Bình quân 5 năm (%)
1. Thu nhập quốc dân	Triệu đồng	3.340	4.995	149,5	8,4
2. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và nông nghiệp	"	3.517	6.191	176,0	11,9
Tỷ trọng:					
- Công nghiệp và thủ công nghiệp	%	41,8	52,7		
- Nông nghiệp	%	58,2	47,3		
3. Giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp	Triệu đồng	1.471	3.261	222,0	17,3
Trong đó:					
Nhóm A	"	503	1.273	253	20,4
Nhóm B	"	968	1.988	205,5	15,5
4. Giá trị sản lượng nông nghiệp	"	2.046	2.930	143,6	7,5
5. Khối lượng hàng hoá luân chuyển	T/km 2	13.451	22.328	166,0	10,7
6. Tổng số vốn đầu tư trong 5 năm	Triệu đồng	(1956/ 1960)	(1961/ 1965)		
		2.077	4.180		
Trong đó:					
- Vốn đầu tư vào kinh tế và	"	1.992	3.883		

văn hoá trong 5 năm					
7. Mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ của thương nghiệp xã hội	"	1.607	2.225	138,4	6,7
8. Tổng số xuất khẩu	Triệu rúp	71	124	174,5	11,8
9. Tổng số nhập khẩu	"	116	151	129,7	5,3
10. Năng suất lao động: - Năng suất của một nhân viên sản xuất công nghiệp quốc doanh trung ương	đồng	7.612	11.210	147,0	8,0
- Năng suất của một công nhân xây lắp	"	3.100	4.050	130,7	5,5

### Phần thứ hai

## NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ

### I- CÔNG NGHIỆP

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương đã đề ra nhiệm vụ, phương hướng cụ thể và yêu cầu về phát triển công nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Qua việc thực hiện Nghị quyết ấy, chúng ta đã thu được thắng lợi bước đầu, càng thấy rõ đường lối, nhiệm vụ, phương hướng đã đề ra là đúng; đồng thời thấy rõ hơn một số mặt cụ thể trong bước đi công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Vì vậy, trong khi chấp hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, cần nhấn mạnh thêm một số vấn đề cụ thể:

#### 1. Xác định rõ quan hệ giữa công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, sản xuất hàng tiêu dùng và phục vụ cho xuất khẩu.

Phương châm lâu dài của chúng ta là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, lấy cơ khí làm trung tâm, chúng ta đang tập trung sức xây dựng các ngành then chốt, những cơ sở nguyên liệu chính (gang, thép, hoá chất, v.v.) cho nông nghiệp. Trước mắt, phải đưa điện lực đi trước một bước, mở rộng dần việc sử dụng điện trong nông nghiệp để giúp đỡ đắc lực cho việc tưới và tiêu nước. Đưa cơ khí phát triển lên một bước mới, thực hiện trang bị cơ giới và nửa cơ giới cho các ngành, chuẩn bị đẩy mạnh trang bị kỹ thuật trong các năm 1966, 1967, phục vụ tốt hơn nông nghiệp, nghề cá, làm gỗ, vận tải, xây dựng, sản xuất các loại thiết bị cho công nghiệp nhẹ và một phần cho công nghiệp nặng.

Phải hướng công nghiệp tăng cường lực lượng cho nông nghiệp, cung cấp thêm nhiều vật tư kỹ thuật cho nông thôn để thúc đẩy việc cải tiến kỹ thuật trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp hiện nay.

Trong khi xác định vị trí của các ngành công nghiệp nặng như Nghị quyết bảy đã nêu (điện lực, nhiên liệu, cơ khí, luyện kim, hoá chất, khai khoáng, vật liệu xây dựng); chúng ta phải chú trọng đẩy mạnh các ngành *than, gỗ* là những ngành có tầm quan trọng lớn trong nền kinh tế của ta, trong thời gian qua các ngành ấy đã phát triển chậm, không đáp ứng kịp nhu cầu trong nước và yêu cầu xuất khẩu.

Đẩy mạnh công nghiệp nặng, chúng ta đồng thời rất chú trọng phát triển công nghiệp nhẹ. Phải tập trung sức giải quyết tốt hơn nữa *vấn đề ăn* (chế biến màu, đánh cá, nước mắm, làm muối, đường...) và *vấn đề mặc* (cùng nông nghiệp chuẩn bị nguyên liệu cho ngành dệt, xác định sớm hướng sản xuất bông tơ nhân tạo). Chúng ta đặc biệt nhấn mạnh vị trí các ngành *chế biến hoa màu, đánh cá, làm muối*, trong công nghiệp thực phẩm, khắc phục một bước tình trạng phát triển lạc hậu vừa qua, đưa các ngành này lên địa vị xứng đáng. Đồng thời, phải chú trọng khai thác các khả năng của địa

phương, của các xí nghiệp, mở rộng sản xuất nhiều hàng tiêu dùng hơn nữa, thoả mãn các nhu cầu khác của nhân dân về ở, về học tập, về bảo vệ sức khoẻ, về văn hoá, giải trí, v.v..

Mặt khác, *phải đẩy mạnh các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu*, đây là một khâu trọng yếu tác động mạnh đến nhịp độ công nghiệp hoá của ta. Chú trọng phát triển các ngành khai thác (than, apatít, corômít, thiếc, v.v.), đẩy mạnh công nghiệp gia công và thủ công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Cải tiến trang bị, cải tiến kỹ thuật, cung cấp nguyên liệu tốt để nâng cao chất lượng hàng xuất (sắt tráng men, sứ, cao su, dệt kim, lụa, gấm, thảm, hoa quả hộp, thịt hộp, chế biến nông lâm hải sản, v.v.). Công nghiệp phải tích cực góp phần cân đối ngoại thương, để thông qua khâu trao đổi và hợp tác quốc tế mà thực hiện cân đối cơ cấu sản phẩm trong nước, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

*2. Xác định cụ thể hơn nữa quy mô phát triển của các xí nghiệp: to, vừa, nhỏ hoặc kết hợp to và nhỏ*

Qua thực tiễn, chúng ta thấy rõ có ngành công nghiệp chủ yếu phải xây dựng ngay quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, thì mới có lợi, có loại cần kết hợp to và nhỏ thì hiệu quả mới lớn, có ngành cần lấy quy mô nhỏ, thuộc địa phương là chủ yếu, mới có lợi nhất.

Tiến hành quy hoạch cụ thể các ngành công nghiệp, xác định rõ quan hệ giữa trung ương và địa phương, giữa quốc doanh và thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho các ngành và các xí nghiệp tận dụng các nhân tố tích cực, phát triển thêm nhiều mặt hàng.

*3. Đẩy mạnh phong trào tiến bộ kỹ thuật trong các ngành kinh tế, đặc biệt là trong công nghiệp*

Khai thác các khả năng tiềm tàng và các lực lượng dự trữ trong từng xí nghiệp, sử dụng tốt hơn nữa vốn cố định rất lớn đã được huy động vào sản xuất, để tăng thêm sản phẩm. Trên cơ sở cải tiến thiết bị, tổ chức tốt hơn hệ thống sửa chữa và cải thiện việc cung cấp nguyên liệu, vật liệu, phấn đấu nâng công suất sử dụng thiết bị lên.

Phải phấn đấu tăng năng suất lao động, hạ giá thành, cải tiến quản lý công nghiệp, làm cho công nghiệp trở thành nguồn tích lũy chủ yếu cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

*4. Tích cực chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ hai*, theo phương hướng Nghị quyết bảy đã đề ra nhằm tiến tới thực hiện một chuyển biến căn bản trong nền kinh tế: đẩy mạnh thăm dò địa chất, điều tra cơ bản, chuẩn bị thiết kế, xây dựng các công trình gối đầu, ra sức đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật cho kế hoạch sau, nghiên cứu sớm quy hoạch dài hạn phát triển công nghiệp.

Theo dự án kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1965 so với năm 1960 sẽ tăng 1,2 lần. Bình quân hàng năm tăng 17,3%. Đây là mức tối thiểu, phải phấn đấu hàng năm đạt và vượt mức ấy.

	1960	1962	1965	Bình quân hàng năm tăng (1960- 1965)
- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp (triệu đồng)	1.471	2.058	3.261	17,3%
Nhóm A	503	762	1.273	20,4%
Tỷ trọng	34,2%	37,0%	39,0%	
Nhóm B	968	1.296	1.988	15,5%
Tỷ trọng	65,8%	63,0%	60,9%	
- Công nghiệp trung ương	581	966	1.621	22,8%
- Công nghiệp quốc doanh địa phương	260	386	663	20,6%
- Thủ công nghiệp	630	705	977	9,1%

Thực hiện bước đầu công nghiệp hoá, chúng ta tập trung vốn đầu tư vào công nghiệp 1.887 triệu đồng, chiếm 48,6% vốn đầu tư vào nền kinh tế quốc dân. Riêng năm 1964 vốn đầu tư vào công nghiệp là 426 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 50,7%, năm 1965 là 461 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 52,9%. Vốn đầu tư dành cho nhóm A là 1.514 triệu, tỷ trọng 79,5%, nhóm B: 363 triệu đồng, tỷ trọng 20,5%.

### 1. Công nghiệp nặng

#### Cơ khí

Nhiệm vụ cơ khí trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là tiến hành cải tiến và trang bị cơ giới, nửa cơ giới cho những khâu sản xuất thu hút nhiều lao động, năng suất thấp, chú trọng nông nghiệp, nghề cá, nghề gỗ, vận tải, xây dựng; mở rộng sản xuất nhiều mặt hàng cơ khí trang bị cho công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp, sản xuất một số thiết bị cho công nghiệp nặng; đẩy mạnh sản xuất phụ tùng, giải quyết tốt nhiệm vụ sửa chữa; trên cơ sở xác định phương hướng trang bị kỹ thuật cho các ngành, tiến hành quy hoạch, sắp xếp lại lực lượng cơ khí, chuẩn bị bước phát triển mạnh hơn nữa trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Thực hiện nhiệm vụ trên đây, sản lượng cơ khí năm 1965 so với năm 1960 sẽ tăng lên 169%, bình quân hàng năm tăng 22%. Riêng cơ khí quốc doanh tăng 270%, bình quân hàng năm tăng 30%. Nhờ vậy đến năm 1965 chúng ta có thể thoả mãn 13% nhu cầu thiết bị toàn bộ và 66% nhu cầu thiết bị lẻ trong nước.

Việc trang bị kỹ thuật cho các ngành sẽ tiến bộ thêm một mức. Sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp tăng gấp 4 lần, từ 22,7 triệu đồng năm 1960, lên 87 triệu đồng chiếm 20% sản lượng cơ khí năm 1965. Nông nghiệp được tăng cường, trong 5 năm trên 5.400 máy bơm nước các loại, gần 4.000 tấn máy móc theo máy kéo, khoảng 800 bộ máy chế biến nông sản. Đặc biệt máy bơm điện sẽ mở nhiều triển vọng

rộng rãi tưới và tiêu nước trong vùng, mạng lưới điện ở đồng bằng Bắc Bộ, có khả năng phát triển mạnh vào năm 1965 và đầu kế hoạch sau. Trước mắt cần tập trung chỉ đạo tốt việc sản xuất các loại công cụ nửa cơ giới và cải tiến. Đến tháng 7 năm 1963, Bộ Nông nghiệp phải tổng kết xong và xác định dứt khoát các loại công cụ tốt để có kế hoạch mạnh dạn phát triển sản xuất.

Phát triển nghề khơi, cơ giới hoá từng bước đánh cá, đây là hướng cách mạng kỹ thuật trong nghề cá. Trong những năm sắp tới, ngành cơ khí sẽ cung cấp nhiều động lực sơmì điêden, tàu cho ngành thuỷ sản để thực hiện bước đầu đẩy mạnh nghề khơi.

Mặt hàng cơ khí phục vụ cho lâm nghiệp, chủ yếu là thiết bị, máy móc nhằm cơ khí hoá và nửa cơ khí hoá các khâu vận xuất và vận chuyển gỗ, giải quyết phương tiện bốc dỡ, máy móc cửa xẻ, chế biến gỗ.

Sản phẩm cơ khí phục vụ ngành giao thông vận tải tăng hơn hai lần, từ 33,5 triệu đồng năm 1960, lên 76 triệu đồng, chiếm 17,5% sản lượng cơ khí năm 1965, nhằm tăng cường cơ giới hoá sức kéo, nhất là khâu vận tải đường thuỷ. Trong 5 năm, ngành cơ khí sẽ cung cấp khoảng 22.000 ngựa cho canô, tàu kéo sông và bể.

Sản phẩm cơ khí phục vụ cho công nghiệp và thủ công nghiệp tăng từ 78,8 triệu đồng năm 1960 lên 190 triệu đồng, chiếm 44% sản lượng cơ khí năm 1965. Trong các năm 1964-1965 sắp đến, ngành cơ khí sẽ chuyển mạnh sang sản xuất nhiều mặt hàng kỹ thuật phức tạp và trình độ chính xác cao hơn, có tác dụng quan trọng trong việc trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế, như các máy công cụ loại vừa, trọng lượng tới 10-12 tấn, sẽ bảo đảm khoảng 90% nhu cầu về máy cắt gọt, rèn dập, các loại động lực điêden 40-50 ngựa, sơmìdiêden 40 ngựa, máy hơi nước 100 ngựa, các động cơ điện lớn hơn (40-50 kw) sẽ thoả mãn gần 68% nhu cầu trong nước. Bước đầu, ngành cơ khí sản xuất thiết bị toàn bộ cho

nhà máy giấy khoảng 5.000 tấn/năm, nhà máy đường 350 tấn mía/ngày, nhà máy xi măng 25 vạn tấn.

Ngoài cơ khí chế tạo ra, cơ khí sửa chữa cũng rất quan trọng và còn có tác dụng quyết định trong việc nâng hiệu suất sử dụng thiết bị máy móc lên. Khối lượng thiết bị và máy móc của nhà máy cũ và mới đi vào sản xuất ngày càng nhiều, số phương tiện vận tải, máy thi công ngày càng lớn. Riêng giá trị máy móc thi công đã lên tới 150 triệu đồng với một năng lực khoảng 35 vạn ngựa, nhưng chỉ mới được sử dụng có 35% công suất, số máy chạy tốt chỉ còn khoảng 50%; nguyên nhân chủ yếu do thiếu phụ tùng thay thế. Ví dụ năm 1962, trong số 1.200 ô tô cần sửa chữa lớn chỉ có 600 chiếc được sửa chữa. Cho nên các năm tới, phải đẩy mạnh hơn nữa sản xuất phụ tùng. Mạng lưới sửa chữa ô tô, máy kéo, máy thi công, phương tiện vận tải đường thuỷ, thiết bị các nhà máy sẽ được tổ chức và quy hoạch lại.

Giá trị cơ khí sửa chữa sẽ từ 48 triệu đồng năm 1960 lên 147 triệu đồng, chiếm khoảng 34% sản lượng cơ khí năm 1965.

Để chuẩn bị đẩy mạnh chế tạo những sản phẩm mới, ngoài các mặt hàng đã được xác định, phải xúc tiến nghiên cứu thiết kế và sản xuất thử một số mặt hàng quan trọng, rút ra những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

Để thực hiện nhiệm vụ sản xuất nói trên, trong 5 năm ngành cơ khí sẽ được đầu tư 110 triệu đồng, bằng 6,1% vốn đầu tư vào công nghiệp. Mạng lưới cơ khí sẽ được mở rộng và xây dựng thêm một số cơ sở. Xây dựng xưởng đóng tàu, nhà máy động cơ diesel, xưởng sản xuất phụ tùng ô tô, xưởng dụng cụ cắt gọt, xưởng kéo dây điện, Nhà máy cơ khí Cẩm Phả, Nhà máy cơ khí Uông Bí, xưởng sửa chữa kỹ thuật điện... Mở rộng Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, mở rộng xưởng dụng cụ điện, xây dựng Nhà máy xe đạp, v.v..

Ngoài ra, một số nhà máy ở trung ương và địa phương sẽ được thêm vốn để cải tạo và trang bị thêm, cải tiến và hoàn

thiện dây chuyền sản xuất nhằm đáp ứng cho cả yêu cầu những năm đầu của kế hoạch sau.

Muốn sử dụng tốt và phát triển lực lượng cơ khí, cần phải xúc tiến quy hoạch cơ khí trên cơ sở đã xác định phương hướng trang bị kỹ thuật cho các ngành.

Nhiệm vụ quy hoạch cơ khí là mở rộng, xây dựng thêm một số cơ sở mới, cải tạo và bổ sung thiết bị cho cơ sở cũ để cân đối dây chuyền sản xuất, sắp xếp lại lực lượng cơ khí, phân công các nhà máy, tiến một bước thực hiện nguyên tắc hiệp tác và chuyên môn hoá sản xuất.

Việc phân công và chuyên môn hoá sản xuất phải nhằm vào tính chất mặt hàng kết hợp với phương pháp kỹ thuật, thiết bị chế tạo, để chia thành từng nhóm sản xuất và trong từng nhóm cũng có thể chia ra từng phân nhóm. Ví dụ: nhóm sản xuất máy cái trong đó có các phân nhóm: máy cắt gọt, máy rèn, dập, v.v.; nhóm sản xuất động lực trong đó có các phân nhóm: máy diesel, sơmi diesel, máy hơi, động cơ và máy điện, v.v..

Nhìn về phương hướng lâu dài phát triển cơ khí, phải xúc tiến nghiên cứu vấn đề hợp tác sản xuất với một số nước anh em (chú trọng hợp tác với các tỉnh miền Nam Trung Quốc) nhằm đưa sản xuất cơ khí đi vào chuyên môn hoá từng bước, lợi dụng hết công suất của các nhà máy cơ khí, đạt hiệu quả kinh tế lớn. Đặc biệt chú trọng tăng cường lực lượng thiết kế ở các cơ sở và lực lượng thiết kế tập trung (xây dựng viện thiết kế tổng hợp và viện thiết kế chế tạo thuộc Bộ Công nghiệp nặng). Nâng cao trình độ kỹ thuật và tích cực đào tạo công nhân cơ khí chế tạo.

#### *Điện lực*

Các năm tới, chúng ta phấn đấu đưa điện lực đi trước một bước, không những để phục vụ công nghiệp mà còn để giúp đỡ đắc lực cho nông nghiệp thuỷ lợi hoá ở đồng bằng Bắc Bộ.

Vì vậy, phải đẩy mạnh xây dựng nhiệt điện Uông Bí để tiếp tục mở rộng lên khoảng 10 vạn kw, xây dựng thuỷ điện Thác Bà, hoàn thành điện Bắc Giang, mở rộng điện Vinh. Kịp thời xây dựng các đường dây tải điện đến các nơi tiêu thụ, chú trọng đặc biệt xây dựng mạng lưới điện 35 kv và 6 kv đi sâu vào đồng bằng, phục vụ nông nghiệp và công nghiệp địa phương. Đến năm 1965, tổng công suất các nhà máy điện từ 9 vạn kw năm 1960, sẽ lên 19,7 vạn kw, trong đó công suất trong mạng lưới chiếm 15,6 vạn kw. Năm 1967, sau khi xây dựng xong Nhà máy thuỷ điện Thác Bà, tổng công suất điện ở miền Bắc sẽ lên trên 35,5 vạn kw. Sản lượng điện phát ra năm 1965 sẽ đạt 660 triệu kw/giờ, so với năm 1960 tăng 158%, bình quân hàng năm tăng 20,8%. Điện lực sẽ bảo đảm đủ nhu cầu cho công nghiệp và còn có thể cung cấp cho các trạm bơm với công suất khoảng 26.300 kw năm 1965 (năm 1962: 6.614 kw). Vì vậy phải sớm quy hoạch việc sử dụng bơm điện trong mạng lưới; nghiên cứu kế hoạch sử dụng điện phục vụ nông nghiệp và công nghiệp địa phương. Tích cực chuẩn bị đưa công suất điện phục vụ nông nghiệp tăng lên nữa trong các năm 1966, 1967. Ngoài ra, ở những nơi có điều kiện, sẽ phát triển thuỷ điện nhỏ địa phương, dùng vào sản xuất như chế biến nông sản, v.v. và vào mục đích sinh hoạt. Đồng thời chuẩn bị điều kiện để xây dựng thêm một nhà máy nhiệt điện lớn trong kế hoạch sau, đưa vào sản xuất khoảng 1968-1969.

#### *Luyện kim*

Trước mắt, chúng ta phấn đấu xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên đến năm 1966 xong, với công suất thiết kế 20 vạn tấn thép, và hoàn thành xưởng dây thép và ống thép không hàn vào năm 1967. Đi đôi với việc đẩy mạnh thi

công, phải kịp thời nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc chuẩn bị đưa cơ sở gang thép vào sản xuất tốt. Phải đẩy mạnh công tác địa chất, xác định rõ trữ lượng các loại quặng sắt, tìm phương pháp sử lý các loại quặng, xác định phương án sản phẩm gang và thép, giải quyết vấn đề nhiên liệu (than mỡ, luyện than cốc) tổ chức vận tải than mỡ nhập khẩu, xác định vấn đề sắt vụn cho lò bằng, giải quyết vấn đề gạch chịu lửa, v.v.. Đồng thời phải đẩy mạnh nghiên cứu và chuẩn bị sản xuất các loại ferômangan, ferôxilium, ferôcôrôm; khởi công xây dựng xưởng ferô năm 1965.

Trong các năm tới, cần tận dụng các lò điện của xưởng đóng tàu, Nhà máy cơ khí Hà Nội, khu gang thép, cần thiết bị thêm máy cán thép nhằm sản xuất một số thép hợp kim cần thiết.

Đối với lò cao nhỏ, cần cải tiến thiết bị các cơ sở hiện có để nâng cao chất lượng gang.

Sản xuất gang thép là vấn đề mới mẻ, sẽ có nhiều vấn đề phức tạp phải giải quyết; chúng ta phải khẩn trương chuẩn bị cán bộ và công nhân nắm vững kỹ thuật để bảo đảm đưa gang thép vào sản xuất đúng kế hoạch.

Đồng thời, phải nghiên cứu để đi đến quyết định việc mở rộng Khu gang thép Thái Nguyên.

#### *Than*

Nhu cầu về than trong các năm tới tăng lên rất mạnh, vị trí của than trong xuất khẩu lại rất trọng yếu, đây là nguồn thu ngoại hối quan trọng. Chúng ta phải có chuyển hướng mạnh, đầu tư nhiều hơn nữa vào ngành than trong các năm 1964-1965 để khắc phục một bước tình trạng phát triển chậm trễ vừa qua. Vốn đầu tư vào nhiên liệu trong 5 năm

là 238,3 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 12%. Riêng hai năm 1964-1965, vốn đầu tư vào than chiếm khoảng 20% tổng số đầu tư vào công nghiệp. Trước mắt, phải tăng thêm thiết bị, mở rộng các mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả, khôi phục mỏ Mông Dương (1965-1967), đẩy mạnh xây dựng cơ bản ở Vàng Danh, phấn đấu vừa tiến hành xây dựng vừa khai thác khu Cánh Gà năm 1964.

Tăng cường quản lý khai thác các mỏ đã có, mở thêm các mỏ phụ; đẩy mạnh khai thác than nhiệt lượng thấp, bình quân hàng năm đạt cho được 20 vạn tấn than tiêu chuẩn; xúc tiến khai thác các mỏ than ở các địa phương: Khe Bó - Nghệ An, Khánh Hoà - Thái Nguyên, Mường Vo - Hoà Bình, v.v.. Phấn đấu đến năm 1965 đạt và vượt sản lượng 5 triệu tấn, trong đó Công ty than Hòn Gai - Cẩm Phả phải đạt ít nhất 4 triệu tấn than sạch.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, nhu cầu về than dùng trong nước cũng như để xuất khẩu sẽ tăng lên gấp bội. Vì vậy, phải khẩn trương thăm dò, chuẩn bị thiết kế xây dựng mỏ mới, đưa công suất các mỏ để đáp ứng yêu cầu mới. Phải chuẩn bị các điều kiện khai thác hầm lò ngày càng nhiều hơn (ước tính trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, 50% sản lượng than sẽ khai thác bằng hầm lò).

Năm 1963, cần đẩy mạnh khôi phục và hoàn thành xây dựng lò cốc ở Hòn Gai, sản xuất than, xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật và hiệu quả kinh tế để tiến lên mở rộng sản xuất. Đây là công tác chuẩn bị nhiên liệu cho gang thép hết sức quan trọng. Tích cực thăm dò thêm than mỡ. Mặt khác phải sớm ban hành chính sách nhiên liệu nhằm sử dụng một cách hợp lý các loại than, tiết kiệm triệt để nhiên liệu, khuyến khích sử dụng than nhiệt lượng thấp.

#### *Hoá chất, phân bón, apatít*

Nhiệm vụ của ngành hoá chất trong kế hoạch 5 năm này là thoả mãn đủ nhu cầu về phân lân trong nước, hoàn thành tốt nhà máy phân đạm, giải quyết một phần thuốc trừ sâu cho

nông nghiệp, tích cực chuẩn bị phát triển các hoá chất cơ bản trong kế hoạch sau:

Trong 5 năm, vốn đầu tư vào ngành hoá chất, phân bón là 227,6 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 12,6%. Trọng tâm hiện nay là xây dựng xong nhà máy phân đạm để cuối 1965 hoặc đầu 1966 thì bắt đầu sản xuất. Phân lân các loại đến năm 1965 sẽ đạt 224.000 tấn, thoả mãn đủ nhu cầu trong nước và có thể xuất khẩu một phần. Hiện nay chúng ta chưa phát triển thêm phân lân nhỏ ở địa phương.

Về hoá chất cơ bản, tiến hành mở rộng xưởng axit sunfuric đến 1966 xong và xây dựng nhà máy xút điện giải. Đồng thời làm xưởng thuốc trừ sâu mới (1965).

Để bước đầu giải quyết một cách căn bản nguyên liệu cho ngành dệt, phải khẩn trương nghiên cứu và chuẩn bị điều kiện đến 1965 bắt đầu xây dựng một nhà máy bông tơ nhân tạo (vitcôđơ hoặc vinilông).

*Apatít*, mở rộng mỏ apatít đưa sản lượng năm 1965 lên 1,4 triệu tấn. Chuẩn bị điều kiện xây dựng nhà máy làm giàu quặng vào kế hoạch sau.

#### *Khai thác và chế biến gỗ*

Công nghiệp gỗ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về nhiều mặt đối với ta, nhưng suốt trong một thời gian dài, ngành khai thác và chế biến gỗ phát triển chậm, không đáp ứng kịp yêu cầu sản xuất, xây dựng trong nước và yêu cầu xuất khẩu. Phải nhanh chóng khắc phục tình trạng đó và đưa công nghiệp gỗ lên hàng những ngành quan trọng nhất. Muốn đưa sản lượng gỗ lên cao, phải đi vào Khu IV và tiến sâu vào rừng già ở các tỉnh Bắc Bộ và Khu IV. Muốn thế, phải đẩy mạnh cơ giới hoá hơn nữa khâu kéo gỗ và vận chuyển gỗ, giải quyết sớm đường sắt vào Khu IV và đẩy mạnh vận tải gỗ bằng đường biển, khai thác gỗ phải đi đôi với tẩm gỗ, tận dụng cành ngọn, chế biến và lợi dụng tổng hợp gỗ, đồng thời rất coi trọng khai thác nứa, luồng, mây, song và các lâm sản phụ khác.

Chúng ta phấn đấu đến năm 1965 đưa mức khai thác gỗ lên  $1.315.000\text{m}^3$ , mức tẩm gỗ lên khoảng 20 vạn  $\text{m}^2$ . Phát triển tẩm gỗ là nâng chất lượng loại gỗ tạp, hiện chiếm 2/3 khối lượng gỗ khai thác, kéo dài thời gian sử dụng gỗ lên gấp 2-3 lần. Để tăng tỷ lệ sử dụng cành ngọn hiện rất thấp, lên 25% năm 1965, phải xây dựng thêm nhiều cơ sở chế biến tại rừng. Hướng dẫn lực lượng sơn tràng thu cành ngọn chống lãng phí gỗ.

Trong những năm sắp tới, chúng ta đầu tư mạnh hơn vào khai thác gỗ (ba năm 1963-1965 là 49,7 triệu đồng), để đẩy mạnh xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp, nâng tỷ lệ cơ giới hoá khâu vận xuất gỗ lên 13% năm 1965, tăng mức vận chuyển gỗ bằng ô tô lên 68% ở giai đoạn đường ra bến sông và ga xe lửa, tăng mức cơ giới hoá kéo gỗ đường sông lên 30%.

Thực hiện chủ trương chế biến hợp lý và lợi dụng tổng hợp gỗ, chúng ta điều chỉnh lại lực lượng xẻ gỗ ở những nơi tập trung quá mức cần thiết (Hà Nội, Hải Phòng, v.v.), về những nơi có nhu cầu lớn hơn, trên vùng gần nguyên liệu và thuận tiện về giao thông đường thuỷ, kết hợp với mạng lưới tẩm gỗ, đồng thời sắp xếp lại các cơ sở làm đồ gỗ, các xí nghiệp đóng thuyền đánh cá, thuyền vận tải. Sẽ phát triển các cơ sở đóng thuyền ở Hải Ninh, và nhất là ở Khu IV (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh). Tiến hành cơ giới hoá về căn bản khâu xẻ gỗ ở thành phố, thị xã và các xí nghiệp quan trọng.

Phải phát triển hơn nữa công nghiệp gỗ dán, gỗ lạng, ván sàn, tinh chế ván sàn, nâng cao quy cách phẩm chất để tăng nguồn hàng xuất khẩu. Bổ sung thiết bị cho Nhà máy gỗ Cầu Đường, xây dựng sớm xưởng gỗ dán, gỗ lạng Nghệ An. Xúc tiến nghiên cứu việc sấy gỗ, ép gỗ, chưng gỗ để lợi dụng gỗ tổng hợp hơn nữa.

Đi đôi với khai thác, phải tích cực trồng rừng, tu bổ, cải tạo và bảo vệ rừng.

Để chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ hai, phải xúc tiến điều tra rừng ở các tỉnh Bắc Bộ, quy hoạch các khu rừng già, đi vào Khu IV, tiến hành xây dựng cơ bản, làm đường núi, phát triển đường sắt, đường biển, theo hướng đó tiến hành quy hoạch mạng lưới xẻ gỗ, đóng thuyền, chế biến gỗ. Tương lai các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An trở vào sẽ chiếm địa vị quan trọng trong công nghiệp gỗ.

#### *Vật liệu xây dựng*

Để đáp ứng nhu cầu to lớn về xây dựng, giải quyết một bước tình hình căng thẳng trong việc cung cấp vật liệu xây dựng cho nhân dân, phải đẩy mạnh hơn nữa sản xuất xi măng, gạch, ngói, vôi, đặc biệt *tăng nhanh vôi* để thoả mãn nhu cầu xây dựng và nhu cầu cải tạo đất, đồng thời phát triển các loại vật liệu khác (thủy tinh, thiết bị vệ sinh, sứ cách điện, ke, khoá, bản lề, v.v.). Trong 5 năm, vốn đầu tư vào ngành vật liệu xây dựng là 92,8 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 5,1%.

Chúng ta chủ trương phát triển xi măng lớn, hiện đại là chủ yếu. Cá biệt ở vùng giao thông không thuận tiện lại có nhiên liệu và nguyên liệu địa phương (như Tây Bắc, v.v.) thì chủ trương xây dựng với công suất khoảng 5.000 tấn/năm. Sau khi mở rộng Nhà máy xi măng Hải Phòng đợt I, phải chuẩn bị mở rộng đợt II vào năm 1966. Đồng thời chuẩn bị điều kiện để xây dựng một nhà máy xi măng mới trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Sản lượng xi măng năm 1965 sẽ đạt 710.000 tấn.

Hoàn thành xưởng gạch silicat Đông Triều với công suất 20 triệu viên năm, rút kinh nghiệm để phát triển trong kế hoạch sau nhằm tiết kiệm đất ở vùng xây dựng tập trung. Xúc tiến quy hoạch sản xuất gạch. Đối với việc sản xuất gạch, ngói địa phương, nơi có điều kiện thì nên áp dụng lò liên tục, cơ giới hoá khâu nghiền đất, cải tiến công cụ nhào trộn, ép gạch, ngói, sử dụng than nhiệt lượng thấp và *tiết để tiết kiệm than*. Phát triển mạnh ngói máy quốc doanh, cơ giới hoá sản xuất, mở rộng cung cấp ngói cho nông thôn để giải quyết tình trạng khan hiếm đồ lợp nhà.

Đẩy mạnh quy hoạch sản xuất vôi, cải tiến kỹ thuật nung vôi, áp dụng lò liên hoàn, tiết kiệm than. Chú trọng phát triển ở các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam, Hải Dương, Hồng Quảng để cung cấp cho các nơi khác. Đưa sản lượng vôi năm 1965 lên trên 80 vạn tấn, bảo đảm đủ nhu cầu của nông nghiệp và của xây dựng cơ bản.

## 2. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

Trong lúc tập trung lực lượng và vốn đầu tư để phát triển công nghiệp nặng, chúng ta vẫn rất coi trọng phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Phải quan tâm phát triển công nghiệp nhóm B hơn nữa, tích cực khai thác, tận dụng và mở rộng những cơ sở sẵn có, phát triển thêm một số cơ sở mới sử dụng tài nguyên, nhân lực, kỹ thuật ở địa phương, chế biến thật nhiều thực phẩm, sản xuất thật nhiều mặt hàng tiêu dùng rẻ, bền, tốt, tập trung giải quyết thật tốt vấn đề cấp thiết nhất hiện nay là *ăn* và *mặc* rồi đến các nhu cầu khác của nhân dân về học tập, đồ dùng văn hoá, dụng cụ gia đình, thuốc men, v.v.. Chú ý giải quyết nhu cầu trong nước, đồng thời rất quan tâm sản xuất nhiều mặt hàng tốt để xuất khẩu. Phải tích cực chuẩn bị cơ sở nguyên liệu nông sản tương đối ổn định cho các xí nghiệp công nghiệp nhẹ, đặc biệt chú ý nguyên liệu cho ngành dệt, đẩy mạnh khai thác và chế biến cây có sợi. Lợi dụng tổng hợp nguyên liệu, phát triển nhiều mặt hàng mới có phẩm chất tốt, giá thành hạ, tăng tích lũy cho Nhà nước.

### a) Công nghiệp thực phẩm

Trong công nghiệp thực phẩm, chúng ta nêu lên hàng đầu ngành chế biến hoa màu và các ngành *đánh cá, làm muối*.

#### *Chế biến hoa màu, bột, miến, rượu*

Phải làm cho công nghiệp chế biến hoa màu phục vụ kịp thời việc thay đổi cơ cấu lương thực. Phải thực hiện rộng rãi chế biến hoa màu, không những làm các loại bánh, bún, miến, tapioca, mỳ, v.v. mà còn phải nghiên cứu chế nhiều món ăn khác rẻ tiền, dễ nấu, dễ tiêu và ngon miệng. Bộ Công nghiệp

nhẹ, Tổng cục Lương thực và Viện Vệ sinh thực phẩm phải xúc tiến nghiên cứu và làm thí điểm để mở rộng sản xuất. Có như thế mới thực hiện ăn màu một cách "văn minh", mới chuyển được tập quán ăn, do đó củng cố phương hướng sản xuất cơ bản trong nông nghiệp là dần dần đưa màu lên địa vị cây lương thực chính, bên cạnh gạo.

Phải hết sức khuyến khích và giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp phát triển chế biến màu, xây dựng một số xưởng chế biến bột ở các nông trường. Các tỉnh trung du và miền núi xây dựng một số xưởng cơ giới và nửa cơ giới phù hợp với quy mô trồng màu ở địa phương. Lợi dụng tổng hợp màu làm bột, miến, bánh, mỳ, mạch nha, bánh kẹo, bã nấu rượu, kết hợp chế biến thức ăn làm sẵn để chăn nuôi. Chú ý phát triển rượu quốc doanh từng địa phương, hạ tỷ lệ sản xuất rượu trắng, nâng tỷ lệ rượu hoa quả độ nhẹ. Xây dựng một xưởng sữa đậu nành 200 tấn năm.

Năm 1965 đưa sản lượng tinh bột lên 27.000 tấn, bột thô 5.800 tấn, miến 2.000 tấn, trong đó phần của thủ công nghiệp là: tinh bột 15.000 tấn, miến 900 tấn.

#### *Đánh cá, chế biến mắm*

Trong những năm sắp tới, phải phấn đấu thực hiện một chuyển biến mạnh trong nghề cá, phát triển *nghề khơi*. Tình trạng lạc hậu kéo dài trong nghề cá là do trang bị kỹ thuật kém, quản lý hợp tác xã đánh cá kém, về chính sách (như cung cấp lương thực, giá cả, v.v.) còn có chỗ chưa hợp lý. Trong lúc vẫn chú trọng cải tiến nghề lộng, phải tìm mọi cách để *ra khơi*. Phải tăng thêm loại thuyền lớn đi khơi, và thuyền lắp máy.

Trong khoảng 5.100 thuyền mới cung cấp cho nghề cá trong 5 năm, thuyền lớn đi khơi loại 12-20 tấn và cỡ lớn hơn trong

những năm sắp tới sẽ chiếm phần chủ yếu. Bốn cơ sở đóng thuyền có động lực ở Sông Gianh, Cửa Hội, Tiên Yên sẽ có năng lực đóng hàng năm các thuyền 90 ngựa và 45 ngựa. Nhà nước sẽ đầu tư xây dựng xưởng đánh dây đan lưới ở Cửa Hội, ba cơ sở ướp lạnh (Cát Bà, Cửa Hội, Sông Gianh) và ba bến cầu tàu đánh cá (Hải Phòng, Cửa Hội, Sông Gianh). Các cơ sở quốc doanh địa phương sẽ được trang bị khoảng 82 thuyền máy loại 45 đến 90 ngựa, với công suất tổng cộng 4.290 ngựa. Công suất tàu, thuyền đánh cá cơ giới của quốc doanh trung ương năm 1965 sẽ lên khoảng 12.000 ngựa. Nhà nước phát triển một số cơ sở quốc doanh đánh cá ở trung ương và địa phương là để tăng thêm sản lượng cá chủ yếu và quan trọng là để làm trung tâm áp dụng kỹ thuật mới và hướng dẫn kỹ thuật cho các hợp tác xã đánh cá.

Ngoài tiền đầu tư cơ bản cho quốc doanh đánh cá, Nhà nước còn cho các hợp tác xã vay dài hạn 88 triệu đồng trong 5 năm, để sắm thuyền lưới và phát triển các cơ sở sản xuất thuyền lưới (riêng trong ba năm 1963-1965, cho vay 59 triệu). Đến năm 1965, do những cố gắng nói trên, sản lượng cá đánh được sẽ đạt 20 vạn tấn, so năm 1960, tăng 57,5%, trong đó phần quốc doanh là 29.000 tấn; sản lượng nước mắm là 60 triệu lít, gấp hai lần năm 1960.

Những mục tiêu phấn đấu trên đây tuy có cố gắng nhưng chỉ mới là chuyển biến bước đầu. Muốn đưa sản lượng cá cao gấp bội trong kế hoạch sau, phải thực hiện một cuộc cách mạng kỹ thuật lớn trong nghề cá, đầu tư mạnh hơn nữa vào nghề cá, trang bị nhiều thuyền, tàu cơ giới, chuyển hẳn ra khơi đánh cá. Phải xúc tiến điều tra cơ bản và quy hoạch toàn diện nghề đánh cá, chuẩn bị phát triển mạnh nghề đánh cá trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

#### *Muối*

Yêu cầu về muối sắp đến rất lớn; muối ăn, muối cho công nghiệp, cho nông nghiệp để chăn nuôi. Đến năm 1965 phải đạt cho được 25 vạn tấn muối. Do đó, phải đẩy mạnh khai hoang xây dựng đồng muối đưa diện tích sản xuất muối từ 1.700 ha đầu năm 1962, lên 4.000 ha năm 1965. Nhà nước sẽ chú trọng đầu tư mạnh hơn vào nghề muối. Cần áp dụng thi công cơ giới ở những vùng khai hoang lớn để tăng tốc độ xây dựng đồng muối. Quốc doanh sẽ phát triển đồng muối ở những nơi làm muối công nghiệp; nơi có khả năng áp dụng kỹ thuật mới và có năng suất cao. Cần sớm đưa các đồng muối quốc doanh ở Đồ Sơn, Nghệ An vào sản xuất.

Mở rộng công tác thủy lợi hoá nghề muối ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, áp dụng rộng phương pháp phơi cát cải tiến, chuyển sang phơi nước ở những nơi có điều kiện, tích cực vận động làm thêm muối vụ thu và đông, tăng năng suất đồng muối. Tăng cường chỉ đạo cải tiến kỹ thuật, cải tiến công cụ lao động.

#### *Đường, mật*

Chúng ta chủ trương tích cực phát triển đường quốc doanh, đồng thời phát triển mạnh đường thủ công. Sản lượng đường, mật năm 1965 lên 5 vạn tấn, trong đó phần quốc doanh chiếm 30.500 tấn. Hướng phấn đấu của quốc doanh địa phương là cải tiến thiết bị để nâng tỷ lệ lấy đường từ mía lên, tỷ lệ đó hiện nay đang còn quá thấp (khoảng 7%). Cần xúc tiến quy hoạch vùng mía, bảo đảm cung cấp đủ mía cho các nhà máy đường hoạt động tốt hơn, nâng công suất sử dụng nhà máy lên. Xây dựng thêm một nhà máy đường mới 350 tấn mía/ngày. Mở rộng Nhà máy đường Việt Trì và Nghệ An từ 350 tấn mía/ngày lên 500 tấn mía/ngày.

#### *Chè, thuốc lá, hoa quả*

Tích cực khai thác thêm nguồn chè sẵn có của nhân dân địa phương (Tây Bắc, Hà Giang, Hoà Bình, Yên Bái...), xây dựng thêm một số xưởng chế biến chè nhỏ. Đẩy mạnh chế biến thuốc lá. Đưa sản lượng thuốc lá bao lên 180 triệu bao năm

1965; quy vùng trồng thuốc lá, tăng phẩm chất thuốc xuất khẩu.

Trên cơ sở mở rộng diện tích trồng cây ăn quả và đưa vào các hợp tác xã, các nông trường chuyên sản xuất rau quả xuất khẩu, cần đẩy mạnh việc chế biến hoa quả hộp, tăng nguồn hàng xuất.

*b) Dệt da, may mặc*

Đưa sản lượng vải năm 1965 lên 125 triệu mét, màn 32 triệu mét, lụa hoá học 8 triệu mét, lụa tơ tằm 1,5 triệu mét. Tăng cường bộ phận sản xuất sợi trong các nhà máy, bảo đảm có 24.600 tấn sợi để tận dụng công suất máy dệt. Đối với ngành vải thủ công, ở những nơi tập trung và trên các đường dây điện 35 kv - 6 kv như: Hà Nội, Hải Phòng, Hà Đông, Nam Định, v.v. tiến hành sắp xếp lại, trang bị dần cơ giới, cải tiến kỹ thuật. Thu hẹp cung cấp sợi đối với vải thủ công ở nơi phân tán, ở đó chủ yếu khuyến khích trồng dâu nuôi tằm để sắp xếp công ăn việc làm.

Rất chú trọng việc chế biến gai, trang bị máy làm sợi cho các vùng phát triển gai.

Đẩy mạnh trồng cói và chế biến cói, trang bị máy chẻ cói, xe cói, đan chiếu, năm 1965 tăng khối lượng xuất khẩu cói gấp 3 lần so với năm 1962.

Tận dụng các loại da thuộc, phát triển da giả, tăng sản lượng đồ dùng bằng da.

*c) Giấy*

Đẩy mạnh sản xuất giấy và bột giấy. Đưa sản lượng giấy năm 1965 lên 35.500 tấn. Xây dựng Nhà máy giấy Vạn Điểm công suất 9.000 tấn bột và 6.000 tấn giấy/năm. Bổ sung và tăng thiết bị cho các nhà máy giấy quốc doanh và địa phương, nâng năng lực sản xuất lên. Xây dựng thêm các xưởng nhỏ sản xuất giấy, bìa, bột giấy ở các tỉnh miền núi có nguyên liệu.

Phải hết sức chú ý đến nguồn nguyên liệu cho giấy, tích cực bảo vệ rừng nứa, tre, luồng, v.v. đẩy mạnh trồng nứa, luồng.

*d) Các hàng tiêu dùng khác*

Chúng ta phát triển công nghiệp nhẹ có trọng tâm, hết sức nhấn mạnh việc giải quyết các nhu cầu bức thiết nhất là ăn và mặc, đồng thời chú ý đầy đủ việc sản xuất các hàng tiêu dùng khác. Phải đẩy mạnh hơn nữa sản xuất đồ gỗ như bàn, ghế, tủ, v.v. vì nhu cầu của nhân dân rất lớn. Phát triển đồ sành, sứ, thuỷ tinh, các loại chum vại, hũ, vò, bóng đèn, chai lọ, v.v.. Đưa sản lượng ngành sành sứ, thuỷ tinh năm 1965 tăng lên 5 lần so với năm 1960. Tăng thêm các mặt hàng văn hoá phẩm, không những để thoả mãn nhu cầu về học tập mà cả các nhu cầu về giải trí, nghệ thuật, thể dục thể thao, đồ chơi trẻ em. Tăng sản lượng các hàng văn hoá, nghệ thuật lên 137,6% so với năm 1960. Đẩy mạnh sản xuất dụng cụ gia đình, nồi niêu xoong chảo, bóng đèn, phích nước, phát triển sản xuất xe đạp, v.v..

Đẩy mạnh chế biến thuốc tây và thuốc nam, chú trọng dùng dược liệu trong nước, cải tiến việc chế biến hợp vệ sinh.

*3. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp*

a) Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp đến năm 1965 còn chiếm tỷ trọng khá lớn, trên 50% trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp. Sản lượng công nghiệp quốc doanh địa phương năm 1965 so với năm 1960 tăng 255%, bình quân hàng năm tăng 20,6%; thủ công nghiệp tăng 50%, bình quân hàng năm tăng 9,1%, riêng hai năm tới tăng 10,8% (1964/1963) và 12,3% (1965/1964).

b) Sắp tới, công nghiệp địa phương (kể cả thủ công nghiệp) còn phải cung cấp một phần rất lớn nhu cầu về

hàng tiêu dùng cho nhân dân và một phần quan trọng tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế địa phương, nhất là cho nông nghiệp. Cho nên *hướng phát triển của công nghiệp địa phương (kể cả thủ công nghiệp)* là phải đi sâu nghiên cứu nhu cầu của địa phương, căn cứ vào đặc điểm nguyên liệu, vấn đề tiêu thụ, dựa vào khả năng sẵn có về tài nguyên, lao động, tiền vốn để ra sức phát triển sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ đời sống, giảm bớt phần trung ương phải cung cấp hàng cho địa phương, đồng thời mở rộng sản xuất tư liệu sản xuất, đáp ứng yêu cầu trang bị công cụ cải tiến và nửa cơ khí, cung cấp vật tư, trước hết cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trong địa phương (nghề cá, nghề rừng, vận tải, xây dựng, thủ công nghiệp, ...).

Công nghiệp địa phương phải phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của địa phương là chính, nhưng đồng thời phải coi trọng phục vụ nhu cầu toàn quốc và phục vụ xuất khẩu.

Có những ngành nghề mà công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phải đặc biệt quan tâm phát triển là: thực phẩm (chế biến màu, cá, muối), khai thác gỗ, chế biến gỗ, đóng thuyền, nông cụ, sửa chữa cơ khí, vật liệu xây dựng, dệt... Các tỉnh nào cũng cần xây dựng và phát triển những ngành sản xuất các mặt hàng có nhu cầu rộng lớn và những sản phẩm mà sản xuất và tiêu thụ phải ở ngay tại chỗ mới kinh tế (chế biến nông sản, đồ gỗ, nông cụ thường, gạch ngói), v.v.. Song phải căn cứ vào đặc điểm địa phương, khai thác điều kiện thuận lợi nhất của mỗi địa phương để xác định phương hướng phát triển cụ thể:

- Đối với những *thành phố lớn* như Hà Nội, Hải Phòng, đặc điểm chung là: năng lực sản xuất khá lớn, lao động thừa, nguồn nguyên liệu chủ yếu do trung ương phân phối. Cho nên công nghiệp địa phương các thành phố lớn phục vụ cho

địa phương một phần, *phần khác là phục vụ cho nhu cầu chung và các tỉnh*.

Do đó, *về hướng sản xuất* cho các thành phố, cần tiến hành quy hoạch lại các ngành sản xuất chính, chú trọng ngành cơ khí, tích cực giúp đỡ trang bị lại để ngành cơ khí ở thành phố lớn có thể sản xuất những máy móc trình độ chính xác khá, cung cấp cho các địa phương khác, sản xuất các đồ dùng kim khí trình độ cao (máy hát, máy chữ, quạt điện, máy khâu, radiô, nhạc cụ, v.v.). Phải giúp đỡ về mặt kỹ thuật, cung cấp và đào tạo cán bộ kỹ thuật cho công nghiệp địa phương thành phố. Nâng chất lượng các mặt hàng tiêu dùng khác (dệt, da, may mặc, thực phẩm, đồ văn hoá, v.v.) không những cung cấp cho nhân dân thành phố mà cả cho xuất khẩu. Các ngành, các bộ ở Trung ương không nên mở những xưởng mới mà thành phố đã có sẵn cơ sở cũ (thí dụ đồ học cụ, dụng cụ y tế). Cần tích cực giúp đỡ cải tiến kỹ thuật và trang bị thêm máy móc để xí nghiệp địa phương có thể đảm nhận những nhiệm vụ sản xuất mới, cao hơn, phục vụ cho các nhu cầu của Trung ương.

Hướng sản xuất của công nghiệp thành phố phục vụ cho địa phương phải nhằm trang bị cho nông nghiệp ngoại thành, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc thi công cho xây dựng ở địa phương, sửa chữa phương tiện phục vụ phát triển vận tải ở thành phố, v.v..

Trong vấn đề quản lý vật tư cần để cho các thành phố và các tỉnh có thêm phần chủ động liên hệ với các địa phương khác, giải quyết nguyên liệu, vật liệu mà không hại đến kế hoạch chung. Các xí nghiệp và công trường của trung ương tích cực cung cấp phế liệu, phế phẩm cho công nghiệp thành phố, nói chung không nên tổ chức ra những xí nghiệp phụ thuộc, gia công sản phẩm phụ. Trong việc phân phối nguyên liệu gia công, nên ưu tiên chú trọng cung cấp cho thủ công nghiệp

thành phố nhiều hơn thủ công phân tán ở các tỉnh để giúp thành phố giải quyết công ăn việc làm cho lao động thừa.

- Đối với các *tỉnh đồng bằng*, đặc điểm chung là: nông nghiệp lớn, dân đông, lao động sẵn, thủ công nghiệp có truyền thống, nhu cầu tiêu thụ nhiều, nguyên liệu chủ yếu phụ thuộc nông nghiệp.

Công nghiệp địa phương phải chú trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp (nông cụ, gạch, ngói, vôi, phương tiện vận tải, công cụ chế biến nông sản...), đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng cho nông dân (đường, mật, đồ gỗ, đan lát, gốm, thủy tinh...). Đặc biệt đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp và nghề phụ trong các hợp tác xã nông nghiệp như đan lát, chế biến nông sản để thu hút lao động nhàn rỗi. Cần khôi phục những nghề cổ truyền thống cũ như tơ tằm, dệt lụa, đũi... và phát triển mạnh các nghề phục vụ xuất khẩu (đan lát, chiếu cói, mỹ nghệ).

- Đối với *vùng ven biển* cần phát triển mạnh nghề cá, làm muối, nước mắm, chế biến thủy sản, đóng thuyền, xe gai, đan lưới. Chú trọng phát triển các nghề phụ sử dụng lao động của vợ con dân đánh cá và làm muối (trồng dâu, nuôi tằm, chế biến mắm, đan lát, dệt chiếu, v.v.).

- Đối với các *tỉnh miền núi*, đặc điểm chung là giao thông không thuận lợi, tài nguyên phong phú, nhân lực thiếu, thủ công nghiệp chưa phát triển. Hướng phát triển của công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp miền núi trong hai, ba năm sắp tới phải nhằm tiến lên tự giải quyết các hàng tiêu dùng thông thường của nhân dân và một phần về tư liệu sản xuất (nông cụ, vôi, gạch, ngói, than, phương tiện vận tải cải tiến, v.v.).

Phải phát triển khai thác và chế biến lâm thổ sản, các loại cây có dầu, có sợi, chế biến hoa màu, thuốc nam, thuốc bắc, làm bột, miến, rượu, đường, chè. Sản xuất nông cụ địa phương, phương tiện vận tải miền núi, sửa chữa cơ khí, làm thủy điện nhỏ, khai thác mỏ quy mô nhỏ. Làm vật liệu xây

dựng, gạch ngói, kết hợp làm đồ gốm, phát triển đồ gỗ, tùy điều kiện làm bột giấy, giấy bìa cát tông, v.v..

c) *Cần xúc tiến quy hoạch toàn diện công nghiệp địa phương* (kể cả thủ công nghiệp). Phải sắp xếp hợp lý giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương. Nơi nào công nghiệp địa phương đủ năng lực đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng hoặc nếu được giúp đỡ cải tiến thiết bị, vẫn có khả năng phát triển sản xuất thì công nghiệp trung ương không cần lập cơ sở sản xuất mới. Nơi đã có xí nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương không mở thêm xí nghiệp mới, ưu tiên giành nguyên liệu cho xí nghiệp trung ương, hoặc công nghiệp địa phương làm nhiệm vụ thô chế cung cấp nửa thành phẩm cho xí nghiệp trung ương tinh chế.

- Giữa quốc doanh địa phương và thủ công nghiệp cũng cần sắp xếp hợp lý. Công nghiệp quốc doanh địa phương cần nắm những ngành đòi hỏi trang bị cơ giới và nửa cơ giới, sản xuất tương đối tập trung mà thủ công nghiệp không bảo đảm nhu cầu hoặc phải xây dựng để hướng dẫn kỹ thuật cho thủ công nghiệp (như cơ khí chế tạo và sửa chữa; khai thác và chế biến gỗ; đánh cá; phân bón; thuốc trừ sâu; gạch, ngói máy, v.v.). Tranh thủ áp dụng sớm kỹ thuật tiến bộ, cơ giới hoá những bộ phận thu hút nhiều lao động. Tránh mở công trường thủ công năng suất lao động thấp, giá thành cao, làm cho nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp tăng nhanh không cần thiết, gây thêm khó khăn về cung cấp lương thực và thực phẩm.

Phải ra sức tận dụng và phát triển thủ công nghiệp, giúp đỡ các ngành nghề có tiền đồ. Đặc biệt chú trọng lãnh đạo và

phát triển thủ công nghiệp nông thôn, khôi phục ngành nghề có truyền thống cũ, tận dụng lao động nhàn rỗi và nguyên liệu trong nông nghiệp để tăng thêm thu nhập và tăng công ăn việc làm cho nông dân.

- Phải mở rộng sự phân công hợp tác giữa các địa phương, nơi có điều kiện thuận lợi nhất có thể đảm nhiệm sản xuất và cung cấp cho những nơi khác một số vật phẩm tiêu dùng (chum, vại, bát đĩa, đường, giấy, v.v.) hay tư liệu sản xuất (một số công cụ, máy móc cơ khí, vôi, gạch, ngói, v.v.). Tránh khuynh hướng tự túc chặt hẹp trong phạm vi địa phương gây lãng phí về vốn xây dựng cơ bản, tạo khó khăn về nguyên liệu, tiêu thụ, v.v..

d) *Tiến hành trang bị kỹ thuật cho công nghiệp địa phương* (kể cả thủ công nghiệp). Phương hướng trang bị kỹ thuật cho công nghiệp địa phương là cơ khí và nửa cơ khí, nhất là công nghiệp quốc doanh địa phương khi có điều kiện cần tranh thủ trang bị cơ khí sớm, chú trọng những khâu tốn nhiều lao động. Trước hết phải hướng vào các ngành quan trọng: cơ khí, chế biến gỗ, đóng thuyền đánh cá, các xưởng gạch, ngói, vôi, giấy, đường, chế biến bột, ép dầu, các ngành gia công xuất khẩu.

Theo quy hoạch chung, cần nghiên cứu điều chỉnh một số thiết bị cũ mà các xí nghiệp trung ương không cần dùng hoặc ít cần đến cho các xí nghiệp địa phương, và ngược lại, có thể điều về trung ương một vài loại máy móc mà hiện nay công nghiệp địa phương chưa cần.

Đối với thủ công nghiệp cần thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và trang bị trong những ngành chủ yếu như đã trình bày ở các phần trên.

Cần nghiên cứu hạ giá thiết bị cung cấp cho khu vực hợp tác xã. Hướng dẫn và lãnh đạo các hợp tác xã tăng cường tích lũy để có vốn mở rộng cơ sở vật chất kỹ thuật.

e) *Phải chú trọng tăng cường quản lý công nghiệp địa phương*. Hoàn thành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với hợp tác xã thủ công để củng cố quan hệ sản xuất mới.

Tăng cường công tác quản lý các xí nghiệp quốc doanh địa phương nâng cao chất lượng hạch toán kinh tế, tăng năng suất lao động, chống tư tưởng cung cấp. Cải tiến chế độ gia công, đối với xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh, chuyển dần sang chế độ sản xuất, cung cấp và tiêu thụ theo kế hoạch Nhà nước. Đối với hợp tác xã phải cải tiến chế độ gia công lấy các hợp đồng kinh tế làm cơ sở. Cần chuyển chế độ gia công sang chế độ bán nguyên liệu và mua sản phẩm đối với một số hợp tác xã sản xuất, dùng nguyên liệu thông thường do Nhà nước cung cấp một phần, hợp tác xã tự lo một phần.

Nghiên cứu cải tiến một số chính sách khác về cung cấp, tiêu thụ, giá cả, thuế khoá, v.v. nhằm thúc đẩy công nghiệp địa phương phát triển.

- Về đầu tư, Nhà nước cần chú trọng tập trung giúp đỡ cho các tỉnh trọng điểm để thúc đẩy công nghiệp địa phương phát triển nhanh.

- Tăng cường đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp.

4. *Công tác thăm dò địa chất*

Công tác thăm dò địa chất trong thời gian qua đã có nhiều thành tích, song còn một số thiếu sót, nhược điểm cần khắc phục: phải đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu để chỉ đạo kịp thời công tác tìm kiếm, đưa công tác tìm kiếm đi trước để phục vụ tốt cho thăm dò, đẩy mạnh công tác thăm dò theo yêu cầu khai thác.

a) Về nhiệm vụ tìm kiếm và thăm dò, trọng tâm sắp đến phải nhằm phục vụ luyện gang thép Thái Nguyên, bao gồm thăm dò quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu phụ như mangan, sét chịu lửa, đá vôi, quáxít, đolômít, bôxít, phuyôrit, titan.

- Chú trọng than gầy.

- Chú trọng apatít, pyrit, cao lanh, photphorit.

- Các khoáng sản phục vụ cho công nghiệp nhẹ nhất là cho sứ và giấy (cao lanh, phenpát, teatít, graphít).

- Ghi vào kế hoạch thăm dò các khoáng sản kim loại màu như đồng, chì, bôxít. Chú trọng thăm dò thiếc, vàng, thủy ngân để tăng nguồn hàng xuất khẩu.

b) Trọng tâm công tác nghiên cứu khoa học sắp đến là tiến hành nghiên cứu địa chất khu vực miền Bắc một cách có hệ thống hơn, góp phần thúc đẩy công tác tìm kiếm và thăm dò phát triển mạnh mẽ và vững chắc. Tiến hành lập bản đồ địa chất với tỷ lệ lớn hơn, nghiên cứu sinh khoáng, nghiên cứu tìm kiếm dầu lửa và khí thiên nhiên, xây dựng bản đồ vật lý hàng không, xúc tiến nghiên cứu địa chất thủy văn phục vụ cho việc xây dựng các khu công nghiệp. Đồng thời tiến hành xây dựng các cơ sở nghiên cứu phục vụ cho yêu cầu trước mắt và lâu dài.

## II- NÔNG NGHIỆP

Những năm gần đây, nông nghiệp phát triển chậm, các ngành trong nội bộ nông nghiệp còn mất cân đối nghiêm trọng, cho nên không đáp ứng được yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và yêu cầu cải thiện đời sống. Trong thời gian tới, cần đưa nông nghiệp phát triển *nhANH hơn, cân đối hơn và cung cấp thêm nhiều nông sản hàng hoá để làm cơ sở tốt cho sự phát triển của công nghiệp*. Phải ra sức đẩy mạnh sản xuất lương thực để giải quyết tốt hơn vấn đề lương thực cho người ăn và cho chăn nuôi trong những năm tới, để trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ hai tự giải quyết vấn đề lương thực ở miền Bắc một cách vững chắc. Phải phát triển mạnh mẽ chăn nuôi, làm cho chăn nuôi cân đối với trồng trọt, để có thêm sức kéo, phân bón, thịt ăn và để tăng nhanh xuất khẩu. Phải phát triển mạnh cây công nghiệp và cây ăn quả để giải quyết nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ một cách vững chắc và để tăng nhanh nông sản xuất khẩu. Phải tranh thủ cho được một nhịp độ phát triển nhanh và một sự chuyển biến mạnh về cơ cấu trong nông nghiệp, để nông nghiệp làm tốt nhiệm vụ cải thiện đời sống nhân dân, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và nhiệm vụ xuất khẩu, từ đó mà nhập thêm phân bón và máy móc để trang bị cho nông nghiệp.

Để thực hiện nhiệm vụ trên đây, biện pháp chủ yếu là: *Phải có phương hướng sản xuất đúng; thâm canh bằng tăng năng suất và tăng vụ, mở rộng diện tích bằng khai hoang; phải hết sức tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp; phải đẩy mạnh công tác khoa học - kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp; phải làm tốt "Cuộc vận động cải tiến quản lý*

*hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".*

Giá trị sản lượng nông nghiệp bình quân hàng năm tăng 7,5%, riêng 3 năm tới bình quân tăng 7,7%. Cơ cấu của nông nghiệp sẽ như sau:

	1960	1962	1965
- Giá trị sản lượng nông nghiệp (triệu đồng)	2.046	2.349	2.930
- Tỷ trọng của trồng trọt trong nông nghiệp (%)	66,1%	66,1%	64,7%
Trong đó:			
- Cây lương thực	50,6%	49,7%	47,8%
- Cây công nghiệp	3,1%	3,7%	4,7%
- Tỷ trọng của chăn nuôi gia súc	15,3%	14,3%	16,2%
- Tỷ trọng của nuôi cá	2,7%	3,5%	4,8%
- Tỷ trọng của nghề phụ	15,8%	15,8%	13,7%
- Tỷ trọng của trồng rừng	0,1%	0,3%	0,6%

Đến năm 1965, trong giá trị sản lượng nông nghiệp, kinh tế nông trường sẽ chiếm 2,4%, kinh tế hợp tác xã chiếm 48,3%, kinh tế phụ gia đình xã viên 37,6% và kinh tế cá thể 11,7%.

#### NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH TRONG NÔNG NGHIỆP

Trước hết phải khẳng định rằng, nhiệm vụ và phương hướng phát triển nông nghiệp do Hội nghị lần thứ năm của Trung ương vạch ra là đúng. Trong báo cáo này chỉ cụ thể hoá thêm phương hướng phát triển ấy.

#### 1. Sản xuất lương thực

- Mục tiêu của chúng ta là phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực mỗi năm một tốt hơn và trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai thì miền Bắc phải tự giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc. Nhưng như thế không có nghĩa là bất cứ tỉnh nào, vùng nào cũng phải tự túc lương thực trong tỉnh ấy, mà cần phải quy vùng sản xuất nông nghiệp để sử dụng đất gieo trồng một cách có hiệu quả nhất. Về cây lương thực, kinh nghiệm thực tế trong thời gian vừa qua cho thấy vẫn phải rất coi trọng sản xuất lúa, tìm mọi biện pháp để tăng năng suất lúa, đồng thời phải hết sức phát triển mạnh hoa màu, phải đặt vấn đề phát triển mạnh hoa màu thành phương hướng chiến lược thì mới giải quyết vấn đề lương thực cho người và vấn đề chăn nuôi một cách vững chắc được. Để tăng sản lượng lúa, phải thâm canh tăng năng suất, nhất là những vùng trọng điểm lúa, và những nơi bình quân diện tích đầu người độ 4 sào ở đồng bằng; phải tập trung giải quyết các vấn đề thuộc về cơ sở vật chất - kỹ thuật để tăng nhanh sản lượng lúa, từ đó mà tăng nhanh phần lúa do Nhà nước thu mua. Để tăng nhanh sản lượng màu, phải coi trọng cả thâm canh tăng năng suất và mở rộng diện tích; cụ thể là vừa phải tích cực phát triển những loại cây có năng suất cao như khoai riềng, khoai nước, khoai môn, khoai mỡ, v.v. vừa phải thâm canh tăng năng suất ngô, khoai lang, sắn, nhất là ngô và khoai lang. Hợp tác xã nông nghiệp nhất thiết phải có kế hoạch sản xuất màu rõ rệt. Các tỉnh đồng bằng phải tăng nhanh màu. Các lâm trường và nông trường quốc doanh phải tận dụng khả năng phát triển màu. Đi đôi với kế hoạch phát triển

mạnh hoa màu, phải có kế hoạch chế biến màu và thu mua màu một cách tích cực hơn.

- Theo phương hướng nói trên, đến năm 1965 sản xuất lương thực sẽ như sau:

	1960	1962	1965
- Diện tích cây lương thực (1.000 hécta)	2.700	2.993	3.175
- Diện tích lúa	2.280	2.413	2.371
- Diện tích màu	420	580	804
- Tỷ trọng diện tích màu (%)	15,3%	19,4%	25,3%
- Sản lượng lương thực (1.000 tấn)	4.940	5.740	7.300
- Sản lượng lúa (1.000 tấn)	4.214	4.563	5.000
- Sản lượng màu quy ra thóc (1.000 tấn)	726	1.177	2.300
- Tỷ trọng màu trong lương thực	14,7%	20,5%	31,5%

Như vậy diện tích trồng cây lương thực từ 2 triệu 70 vạn hécta năm 1960 tăng lên đến 3 triệu 17 vạn hécta năm 1965, trong đó diện tích lúa tăng 9 vạn 1 nghìn hécta, diện tích màu tăng thêm 38 vạn hécta, tăng gần gấp đôi năm 1960 (trong đó diện tích khoai riềng và khoai nước độ 10 vạn 5 nghìn hécta). Diện tích trồng màu từ 15,5% trong diện tích cây lương thực lên 25,3% năm 1965.

Sản lượng lương thực năm 1965 là 7 triệu 30 vạn tấn, so với sản lượng bình quân lương thực năm 1958-1960 là 5 triệu 36 vạn tấn, tăng thêm 1 triệu 94 vạn tấn trong 5 năm và trước mắt, trong 3 năm (1963-1965) tăng 1 triệu 50 vạn tấn, chủ yếu là do tăng màu. Lúa từ 4 triệu 66 vạn tấn bình quân trong 3 năm 1958-1960, sẽ tăng lên đến 5 triệu tấn năm 1965, còn màu thì từ 70 vạn tấn/năm trong thời kỳ năm 1958-1960 và 1 triệu 18 vạn tấn năm 1962, sẽ tăng lên đến 2

triệu 30 vạn tấn năm 1965, nghĩa là tăng gấp 3 lần so với bình quân 3 năm 1958-1960, và gấp 2 lần so với năm 1962; tỷ trọng màu trong lương thực từ 13% trong 3 năm 1958-1960 tăng lên đến 31,3% năm 1965.

Bên cạnh lương thực, cần phải phát triển mạnh các loại rau để tăng thêm thực phẩm và để đề phòng mất mùa. Ở những vùng gần thành phố và các khu công nghiệp, càng phải có kế hoạch tăng nhanh sản xuất các loại rau.

Theo kế hoạch trên đây, đến năm 1965, bình quân lương thực cho đầu người sẽ đạt 380 kg (260 kg thóc + 120 kg màu quy ra thóc), so với năm 1960 là 305 kg (260 kg thóc + 45 kg màu quy ra thóc) tăng 75 kg màu. Mỗi nhân khẩu nông nghiệp, sau khi làm nghĩa vụ lương thực và chi phí cho sản xuất rồi, còn 25 kg để ăn mỗi tháng, kể cả màu quy ra thóc. Nhưng lương thực hàng hoá trong tay Nhà nước vẫn chưa đủ. Ba năm 1963-1965, tính với tiêu chuẩn cung cấp như năm 1963, vẫn phải nhập khoảng 35 vạn tấn lương thực để giải quyết khoản hụt, tăng thêm dự trữ Nhà nước và để có lực lượng phát triển mạnh cây công nghiệp hơn nữa.

Lương thực dự trữ trong nông thôn năm 1965 có khoảng 1 tháng rưỡi đến 2 tháng. Lương thực dự trữ trong tay Nhà nước kể cả nhập khẩu mới có độ 2 tháng. Lương thực dành cho chăn nuôi năm 1965 khoảng 1 triệu 50 vạn tấn màu tươi, có thể tạo ra một cơ sở bước đầu cho chăn nuôi phát triển vững chắc hơn.

Rõ ràng, theo kế hoạch sản xuất lương thực như trên, đến năm 1965, đối với nông dân thì có tăng thêm lương thực cho người ăn, cho chăn nuôi và có thêm dự trữ. Nhưng Nhà nước vẫn chưa nắm đủ số lương thực cần thiết để tăng cho những người không sản xuất nông nghiệp, để phát triển mạnh cây công nghiệp và để có dự trữ tối thiểu về lương thực. Tuy vậy, để đạt kế hoạch ấy, còn phải phấn đấu rất tích cực và gian khổ. Phải đạt được kế hoạch tối thiểu đó thì

mới có cơ sở cho các ngành khác phát triển bình thường trong kế hoạch 5 năm này và mới tạo được điều kiện tiến lên giải quyết vững chắc vấn đề lương thực trong kế hoạch 5 năm sau.

## 2. Chăn nuôi

- Bốn năm qua, trong nông nghiệp, chăn nuôi tỏ ra quá lạc hậu so với trồng trọt, mất cân đối nghiêm trọng với trồng trọt. Những năm tới, phải phát triển nhanh chăn nuôi, nhất là nuôi lợn, để tăng thêm phân bón và sức kéo, nhằm thâm canh tăng năng suất, mở rộng diện tích và tăng thêm thịt ăn và thịt xuất khẩu.

Về trâu, bò, phải phát triển chăn nuôi trâu, bò đẻ, tăng thêm tỷ lệ trâu bò cái đẻ, trâu bò tơ trong đàn. Hiện nay, tỷ lệ trâu cái đẻ chỉ trên 20%, bò cái đẻ chỉ trên 25% của đàn cái, phải cố gắng đạt mức sinh sản của năm 1958 trở về trước (trên 40% trâu đẻ và trên 50% bò đẻ). Vùng núi và trung du phải hết sức tăng nhanh trâu, bò đẻ, nhưng vùng đồng bằng cũng phải cố gắng trong điều kiện có thể, dành đất trồng cỏ nuôi trâu bò. Đi đôi với việc chăn nuôi trâu bò đẻ của nông dân, Nhà nước tổ chức một số nông trường quốc doanh và trại chăn nuôi trâu, bò đẻ cung cấp trâu, bò cày kéo cho miền đồng bằng và để cung cấp sữa.

Về lợn, cần phải và có thể tăng nhanh trên cơ sở phát triển hoa màu. Vẫn khuyến khích gia đình xã viên nuôi lợn là chủ yếu, đồng thời tích cực phát triển nuôi lợn của hợp tác xã. Có như thế mới tăng thêm phân bón ruộng cho hợp tác xã. Nông trường quốc doanh phải phát triển mạnh chăn nuôi lợn trên cơ sở tăng nhanh hoa màu. Để cung cấp thịt cho thành phố và khu công nghiệp, ngoài việc dựa

vào sự phát triển lợn của nông dân là chính, cần tổ chức một số hợp tác xã nông nghiệp và một số trại của Nhà nước chuyên nuôi lợn ở gần thành phố và gần đường giao thông. Đồng thời, khuyến khích các người không sản xuất nông nghiệp (bộ đội, công nhân, viên chức lâm trường, công trường, cơ quan, v.v.) hễ có điều kiện đều nên phát triển chăn nuôi. Để cung cấp thịt lợn cho xuất khẩu, sẽ quy một số vùng thuận tiện về vận tải, và có chính sách khuyến khích phát triển lợn. Ngoài 7% số đất để khuyến khích xã viên chăn nuôi, hợp tác xã cần dành thêm đất cho chăn nuôi tập thể (khoảng 100m<sup>2</sup> đến 120m<sup>2</sup> cho một lợn) để có nguồn thức ăn chắc chắn cho gia súc. Ngoài ra, phải tổ chức các cơ sở chế biến khô dầu, bã mắm, đồ thừa lò mổ, lõi ngô, vỏ lạc, v.v. làm thức ăn sẵn cho lợn. Có sản xuất thức ăn sẵn mới tăng nguồn dự trữ, điều hoà thức ăn giữa vụ xuân hè và vụ thu đông, tăng thêm hàng chục vạn tấn thức ăn cho gia súc.

Phát triển mạnh chăn nuôi dê ở vùng núi, trung du và ở các đảo, nuôi ngan, ngỗng, thỏ ở đồng bằng. Vịt đẻ cần khá nhiều thóc và màu, cần chọn vùng thích hợp để phát triển, nhằm cung cấp thêm nhiều trứng ra thị trường.

- Phát triển mạnh nuôi cá, đưa dần nghề nuôi cá thành nghề kinh doanh thu nhiều lợi cho hợp tác xã và cung cấp nhiều cá ra thị trường. Củng cố và mở rộng diện tích nuôi cá ở ao, hồ, đầm, hồ lớn và đập chứa nước, kênh mương, sông cụt, sông cái, v.v.. Phát triển nuôi cá ruộng phù hợp với việc tưới nước chủ động và có kế hoạch.

Đến năm 1965, các chỉ tiêu về chăn nuôi sẽ như sau:

	1960	1962	1965	1965/1960
- Lợn (1.000 con)	3.756	4.238	6.000	162,0%
- Trâu "	1.453	1.480	1.657	114,0%
- Bò "	880	786	900	102,3%
- Trâu bò cày "	1.631	1.567	1.714	105,1%
- Ngựa "	40	46	54	135,2%
- Dê "	49	61	182	374,0%
- Thịt xô (1.000 tấn)	120,1	127	205	170,8%
- Cá nuôi (1.000 tấn)	54,2	70,7	130	228,3%

Theo kế hoạch trên đây, đến năm 1965, sức kéo chưa tăng được, một trâu, bò cày vẫn phải cày 1,23 héc-ta (năm 1960: 1,08 héc-ta); năm 1965, phân chuồng mới đạt 8 tấn/ha (năm 1960: 6,8 tấn/ha, năm 1962: 5 tấn/ha), thịt xô theo đầu người đạt 9 kg/năm, thịt xuất khẩu: 15.000 tấn.

Những chỉ tiêu trên đây chưa xứng với nhiệm vụ rất quan trọng của ngành chăn nuôi, chưa đáp ứng được yêu cầu về sức kéo và phân bón, nhưng sau nhiều năm sút kém, đó là những cố gắng lớn để vươn lên mạnh mẽ và vững chắc.

### 3. Cây công nghiệp, cây ăn quả

- Mặc dù còn gặp khó khăn về lương thực, chúng ta phải có quyết tâm lớn phát triển mạnh cây công nghiệp.

Chỉ có lợi dụng đất đai một cách hợp lý nhất, chúng ta mới mở nhanh được những vùng chuyên trồng cây công nghiệp, mau chóng cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và mới tăng nhanh được nguồn nông sản xuất khẩu có giá trị lớn. Đối với những cây cung cấp nguyên liệu cho nhà máy như mía, chè, thuốc lá, bông, thì ra sức phát triển để sử dụng tốt công suất các nhà máy. Đối với những cây công nghiệp, cây ăn quả có năng suất cao và có giá trị xuất khẩu

lớn (như đay, gai, dâu, cói, lạc, thuốc lá, trẩu, sỏ, dừa, chuối, dứa, cam, quýt, chè, v.v.) cần phát triển mạnh, để trong kế hoạch sau có đủ nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và có thể đưa tỷ lệ nông sản (kể cả thịt) lên tới 25% - 30% trong kim ngạch xuất khẩu.

Ở đồng bằng, phải sớm quy vùng chuyên trồng cây công nghiệp, vừa mở rộng diện tích vừa thâm canh tăng năng suất. Ở những vùng miền trung du và miền núi thì nông trường quốc doanh, những cơ sở khai hoang và hợp tác xã nông nghiệp cần phát triển mạnh cây công nghiệp.

Cần giải quyết tốt các mặt sau đây, để phát triển nhanh cây công nghiệp:

+ Bảo đảm bán 10 kg lương thực quy ra gạo cho mỗi nhân khẩu trong những tháng thiếu ăn, đối với những vùng trồng cây công nghiệp tập trung và bán cây công nghiệp cho Nhà nước. Cần phải nhập một số lương thực để phát triển cây công nghiệp.

+ Bảo đảm cung cấp đủ giống tốt. Nhà nước sẽ đầu tư thêm nhiều vào việc chọn giống, nhân giống, và bảo đảm nhập đủ giống cây công nghiệp cần thiết.

+ Giúp đỡ kỹ thuật cho những vùng sản xuất tập trung, bảo đảm đủ thuốc trừ sâu, tăng thêm nhiều phân bón hoá học, giải quyết tốt hơn các vấn đề sức kéo, nước, công cụ thu hoạch và chế biến, tăng cường cán bộ kỹ thuật có khả năng tổ chức và trình độ kỹ thuật để phụ trách từng vùng, từng loại cây, đưa sản xuất đến thành công; có kế hoạch cung cấp cho vùng trồng cây công nghiệp tập trung một số hàng tiêu dùng.

- Đối với cây làm thuốc, những loại quan trọng thì chủ trương trồng ở các nông trường và lâm trường quốc doanh và những nơi dân đã có thói quen; những loại cây thuốc thông thường thì phát triển trồng rộng rãi.

- Sau đây là diện tích và sản lượng cây công nghiệp, cây ăn quả trong kế hoạch 5 năm này:

	1960	1962	1965	1965/1960
- Diện tích cây công nghiệp (1.000 héc-ta)	138	188	260	188,5%
Trong đó: Cây ngắn ngày	114	138	175	153,5%
- Tỷ trọng diện tích cây công nghiệp so với diện tích gieo trồng	4,8%	5,8%	7,1%	
- Tỷ trọng diện tích cây ăn quả so với diện tích gieo trồng (%)	0,2	0,5	1,0	
- Diện tích cây ăn quả (1.000 héc-ta)	6,9	21,6	39	565,0%
- Diện tích cây làm thuốc (1.000 héc-ta)			2,5	
- Sản lượng bông (hạt) (1.000 tấn)	4,6	5,8	10,0	217,0%
- Gai (1.000 tấn)	0,4	0,7	3,5	875,0%
- Đay bẹ (1.000 tấn)	12,4	13,8	31,5	254,0%
- Cói (khô) (1.000 tấn)	15,4	21,5	43,2	280,0%
- Lạc (vỏ) (1.000 tấn)	26,2	38,2	52,0	198,0%
- Đậu tằm (1.000 héc-ta)	2,1	1,9	8,0	380,9%
- Trầu (1.000 héc-ta)	0,2	3,3	10,1	505,0%
- Dừa (1.000 cây)	-	340	1.020	-
- Sơn (1.000 héc-ta)	1,7	3,2	4,0	235,2%
- Chè (1.000 tấn)	2,8	2,7	3,6	128,5%
- Thuốc lá (1.000 tấn)	1,6	3,9	6,4	400,0%

Đạt được kế hoạch kể trên, việc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ sẽ tăng khá, cho phép sử dụng tốt hơn công suất các nhà máy đường, chè, thuốc lá, ép dầu, v.v.. Về bông, sẽ giải quyết được 15% nhu cầu trong nước. Nhưng đối với một số nhà máy công nghiệp nhẹ mới xây dựng trong những năm 1964, 1965, phải đến năm 1966,

1967 mới có đủ nguyên liệu; một số cây lâu năm như trầu, sô, dừa, phải đến giữa kế hoạch 5 năm lần thứ hai mới có đủ nguyên liệu cho việc xây thêm nhà máy ép dầu tương đối lớn. Về mặt xuất khẩu, giá trị các cây công nghiệp cũng tăng thêm (năm 1962 chiếm 4,8% trong số xuất, năm 1963 chiếm 9,4%); nhưng vẫn còn thấp, mới chỉ đủ bù vào những hàng nông sản phải nhập vì nông nghiệp trong nước sản xuất chưa đủ (lương thực, bông), chưa thể nói đến việc bù vào những hàng nhập để phục vụ nông nghiệp như nhiên liệu, phân bón, máy kéo.

Kế hoạch sản xuất cây công nghiệp trên đây rõ ràng chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp nguyên liệu đầy đủ cho công nghiệp nhẹ và lại càng đáp ứng được rất ít so với yêu cầu xuất khẩu. Cho nên, trong khi làm và thực hiện kế hoạch hàng năm, phải cố gắng tăng thêm cây công nghiệp, đạt tới 10% diện tích trồng cây công nghiệp năm 1965. Do tăng cây công nghiệp mà tăng thêm nông sản xuất khẩu để nhập thêm lương thực, phân đạm, máy kéo.

#### 4. Trồng cây, gây rừng

Diện tích rừng tốt có thể khai thác hiện nay chiếm khoảng 1,2 triệu héc-ta, rừng cần cải tạo và tu bổ 1,6 triệu héc-ta, đồi trọc chiếm 3,4 triệu. Cho nên, muốn nâng trữ lượng gỗ lên, phải tích cực đẩy mạnh trồng cây, gây rừng hơn nữa. Trong 5 năm, Nhà nước sẽ đầu tư 40 triệu đồng để trồng, cải tạo và tu bổ 183.000 héc-ta rừng, nhân dân sẽ trồng 183.700 héc-ta.

Sắp tới, Nhà nước phải tập trung trồng nhiều gỗ trụ mủ, trồng nứa, gỗ bồ đề, trồng luồng, v.v. để chuẩn bị phát triển mạnh hơn nữa công nghiệp than, công nghiệp giấy, công nghiệp bông nhân tạo, công nghiệp gỗ dán, gỗ lạng, gỗ bứt chỉ, v.v. trong kế hoạch sau. Đặc biệt là cố gắng trồng hàng vạn héc-ta luồng để có thể hàng năm xuất khẩu được khoảng 30 triệu đồng. Ở trung du, phát triển mạnh trồng trầu, sô, chuẩn bị cho công nghiệp ép dầu. Đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ. Ở đồng bằng phải chú trọng trồng nhiều tre, xoan;

đây là biện pháp chủ yếu để giải quyết một cách căn bản và lâu dài tre và gỗ xây dựng cho nông thôn.

Để giải quyết tốt nhiệm vụ trồng rừng, phải làm tốt các vườn ươm cây ở các địa phương, có chính sách khuyến khích các hợp tác xã trồng rừng, nhất là ở vùng đồi trọc; các lâm trường quốc doanh trồng rừng cần được cơ giới hoá. Cần kết hợp chặt chẽ việc khai hoang của nhân dân và của nông trường với bảo vệ rừng đầu nguồn để giữ nước tưới ruộng và chống xói mòn; những khu vực rừng đầu nguồn bị phá hoại nghiêm trọng phải có kế hoạch trồng lại.

#### 5. Nông trường quốc doanh

Trong mấy năm qua, nông trường tuy có cố gắng, nhưng tác dụng còn bị hạn chế. Trong thời gian tới, phải tích cực củng cố và phát triển nông trường quốc doanh, hướng nông trường quốc doanh vào việc sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế tốt nhất. Nông trường sẽ không trồng thêm cà phê và cao su nữa, nhưng phải phát triển mạnh những loại cây công nghiệp dài ngày nhưng tương đối mau thu hoạch và có giá trị xuất khẩu cao, như: chè, cam, quýt, những loại cây công nghiệp ngắn ngày phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, như: bông, gai, thuốc lá, lạc. Một nhiệm vụ mới đặt ra cho nông trường là ngoài phân lương thực và thực phẩm tự cung cấp cho mình còn phải cung cấp một phần lương thực và sản phẩm chăn nuôi cho Nhà nước (tiến lên cung cấp giống cây và giống gia súc).

Phải xác định phương hướng sản xuất của mỗi nông trường, dần dần đi vào chuyên môn hoá trồng trọt và chăn nuôi. Phấn đấu sớm ổn định sản xuất trong một thời gian, cố gắng đến năm 1967 ổn định sản xuất cho đại bộ phận các nông trường.

Nông trường phải phấn đấu tăng năng suất, hạ giá thành và giao nhiều sản phẩm cho Nhà nước.

Năm 1965, giá trị sản lượng của nông trường quốc doanh sẽ chiếm 2,4% trong giá trị sản lượng nông nghiệp (năm 1960 là 0,5%). Diện tích các loại cây công nghiệp và cây

ăn quả sẽ là 54.800 héc-ta, chiếm 49% diện tích gieo trồng của nông trường. Cà phê: 15.00 héc-ta; cao su hơn 7.000 héc-ta; chè 9.200 héc-ta và đến năm 1968 lên tới 17.000 héc-ta; cam 3.150 héc-ta; bông 2.500 héc-ta; gai 2.000 héc-ta; lạc 3.000 héc-ta; thuốc lá 1.300 héc-ta; thịt 2.000 tấn.

#### 6. Khai hoang

Đây là một chính sách lớn nhằm điều chỉnh người từ đồng bằng lên miền núi, để phân bổ lại và sử dụng hợp lý hơn sức lao động để mở rộng diện tích và thâm canh tăng năng suất, phát triển kinh tế miền núi, kết hợp củng cố quốc phòng. Phải tích cực thực hiện chính sách đưa người đi khai hoang miền núi là chủ yếu, đồng thời chú ý đúng mức đến khai hoang ở ven biển. Phương hướng sản xuất của nhân dân khai hoang phải dựa theo phương hướng sản xuất miền núi. Hình thức hợp nhất hiện nay là khai hoang xen kẽ, Nhà nước giúp đỡ các hợp tác xã miền núi tiếp thu thêm đồng bào miền xuôi lên tăng thêm sức lao động cho hợp tác xã miền núi để phát triển sản xuất. Đồng thời cần tổ chức khai hoang tập trung theo quy mô vừa ở gần những nông trường quốc doanh và lâm trường quốc doanh để tiện sử dụng sự giúp đỡ của các cơ sở quốc doanh và giúp sức lao động cho các cơ sở quốc doanh khi cần thiết, cùng với các cơ sở quốc doanh xây dựng những vùng kinh tế mới, chuyên trồng một số cây công nghiệp (bông, gai, v.v.) để tăng thêm nông sản hàng hoá. Mỗi nơi khai hoang đều phải lo sản xuất lương thực, nhưng phải rất chú trọng xây dựng cơ sở lâu dài: trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, tu bổ rừng, khai thác lâm sản, làm công trình thuỷ lợi, bảo vệ đất màu chống xói mòn, chống gây lụt lội, v.v..

Số lao động cần điều chỉnh từ vùng xuôi lên miền núi khai hoang kể cả cho nông trường và lâm trường có thể đến 40 vạn; nếu tính cả người trong gia đình sẽ lên thì đến 70 hoặc 80 vạn người.

Cần tích cực thực hiện kế hoạch khai hoang do Hội nghị lần thứ năm của Trung ương đề ra.

Trong thời gian vừa qua, việc chỉ đạo còn giản đơn, chưa

phù hợp với tính chất phức tạp và quan trọng của công tác khai hoang. Cần sớm chấn chỉnh công tác này. Không kể vốn đầu tư vào khai hoang của nông trường và lâm trường quốc doanh, trong 5 năm, Nhà nước đầu tư dưới hình thức cho vay 44 triệu đồng vào việc khai hoang của nhân dân. Phải kết hợp với làm đường phục vụ lâm nghiệp để làm đường đến những nơi khai hoang, làm cho giao thông và chuyên chở hàng hoá từ nơi khác đến và từ nơi khai hoang đi được thuận lợi hơn.

Phải làm tốt công tác tư tưởng đối với những người đi khai hoang và nhân dân ở miền núi để thực hiện đoàn kết tốt. Các ngành phải góp phần trách nhiệm đầy đủ vào công tác khai hoang.

Mặt khác, phải hết sức chú trọng tăng vụ, đến năm 1965 đưa chỉ số sử dụng ruộng đất bình quân lên 1,81 lần.

#### XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KỸ THUẬT CHO NÔNG NGHIỆP VÀ ĐẨY MẠNH ÁP DỤNG KỸ THUẬT TIẾN BỘ TRONG NÔNG NGHIỆP

Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nông nghiệp nước ta rất bé nhỏ và lạc hậu. Trong những năm 1958-1960, vốn đầu tư vào nông nghiệp lại quá ít, không tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật được bao nhiêu. Hiện nay, khả năng tăng sản xuất nông nghiệp do hợp tác xã giản đơn đem lại, tuy chưa tận dụng hết, nhưng muốn phát triển nông nghiệp nhanh và vững chắc thì vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp trở thành một vấn đề cấp bách và rất quan trọng.

Một mặt khác, công nghiệp của ta ngày càng phát triển có khả năng phục vụ nông nghiệp tốt hơn trước. Vì vậy, trong những năm tới phải tập trung lực lượng xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp thì mới đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lâu dài được và nông nghiệp

mới có thể phát triển nhanh và vững chắc; ngay cả trên đất khai hoang mới cũng phải gieo trồng trên tinh thần thâm canh tăng năng suất.

Trong 5 năm, Nhà nước đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp 816 triệu đồng, bằng 21% vốn đầu tư vào nền kinh tế quốc dân. Kể cả vốn cho vay dài hạn thì lên đến 1.046 triệu đồng, bằng 24,8%. Non 1/3 số vốn đó để xây dựng nông trường quốc doanh, còn trên 2/3 để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp của hợp tác xã, trong đó tập trung nhiều nhất vào xây dựng công trình thủy lợi (364 triệu đồng), đắp đê giữ nước (34 triệu đồng), mua máy kéo (47 triệu), khai hoang mở rộng diện tích (44 triệu). Ngoài ra là vốn dùng để mua nông cụ, xây kho, sân phơi, chuồng trại, trồng cây gây rừng, xây dựng các cơ sở nghiên cứu và nhân giống...

#### *Xây dựng thủy lợi*

Trong 5 năm này, phải ra sức xây dựng thủy lợi cả to, vừa, nhỏ. Vốn đầu tư vào thủy lợi là 364 triệu đồng, những năm 1963, 1964, 1965, mỗi năm sau càng xây dựng nhiều hơn năm trước (năm 1963: 66 triệu, năm 1964: 78 triệu, năm 1965: 85 triệu). Năm 1960, diện tích canh tác được tưới bằng công trình lớn là 360.000 héc-ta, bằng 22% diện tích canh tác. Trong 5 năm, làm thêm 60 công trình lớn (kể cả trên và dưới hạn ngạch), với diện tích tưới theo công suất thiết kế là 325.500 héc-ta, và tiêu theo công suất thiết kế là 160.000 héc-ta; nhưng vì có một số công trình chưa hoàn thành cuối năm 1965, cho nên diện tích thực tế được tưới thêm khoảng 215.200 héc-ta. Như vậy là đến năm 1965 kể tất cả công trình lớn cũ và mới xây dựng sẽ tưới cho 575.200 héc-ta, chiếm khoảng 35% diện tích. Ngoài ra đến năm 1965, sẽ có hơn 5.000 máy bơm và 600 turoine có thể tưới khoảng 190.000 héc-ta nữa, (diện tích được tưới bằng các công trình thủy nông vừa và nhỏ chưa tính vì chưa nắm được chắc). Về tiêu úng, một số công trình lớn tuy làm trong những năm 1964, 1965 nhưng đến năm 1966 và năm 1967 mới hoàn thành, cho

nên trong kế hoạch này diện tích tiêu úng chưa đáng kể: khoảng 3 vạn ha được tiêu úng để tăng vụ và 4 vạn 3 nghìn hécta được tiêu úng để cấy ăn chắc.

Đối với 9 tỉnh lớn, công tác thuỷ lợi được tập trung nhiều hơn. Diện tích được tưới bằng công trình lớn khoảng 521.400 hécta, tức 52% diện tích canh tác, và kể cả máy bơm nhỏ thì khoảng 60% diện tích canh tác.

Diện tích màu và cây công nghiệp được tưới và giữ độ ẩm đến năm 1965 gần được 22 vạn hécta, chiếm 21,7% diện tích.

Hướng phát triển thuỷ lợi quan trọng nhất là chủ động tưới nước và rút nước để thực hiện cải tạo đất, tăng năng suất cây trồng và tăng vụ. Việc sử dụng bơm điện, do phát triển mạng lưới điện, mở ra triển vọng lớn đối với việc chủ động tưới và rút nước.

Đối với miền núi, cần nhanh chóng nghiên cứu các biện pháp giải quyết vấn đề thuỷ lợi. Nghiên cứu phát triển thuỷ lợi cho nông trường.

Nhiệm vụ thuỷ lợi hoá ở đồng bằng miền núi còn rất nặng. Trong khi đang thực hiện kế hoạch phát triển thuỷ lợi 5 năm này, cần nghiên cứu ngay kế hoạch giải quyết vấn đề thuỷ lợi hoá về căn bản trong những kế hoạch sau.

Đi đôi với việc tích cực xây dựng thuỷ lợi, phải tăng cường quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi, hệ thống nông giang đã có. Phải nhanh chóng chấm dứt tình trạng để nước chảy tràn lan từ ruộng trên xuống ruộng dưới, làm cho đất bạc màu và tình trạng giữ nước suốt năm trên ruộng, làm cho đất bí. Phải thực hiện rộng rãi chế độ tưới nước theo phương pháp khoa học để góp phần cải tạo đất và tăng năng suất cây trồng.

*Tăng thêm phân bón và cải tạo chất đất.* Mức phân chuồng năm 1965 mới có khoảng 8 tấn một hécta. Cho nên phải tăng thêm phân hoá học. Phân lân thì sản xuất thoả mãn nhu cầu, phân đạm trong ba năm 1963-1965 sẽ nhận khoảng 42 vạn tấn. Bình quân phân hoá học cho một hécta gieo trồng từ 40 kg năm 1960 lên 95 kg năm 1965.

Ngoài phân chuồng và phân hoá học ra, phải tận dụng các nguồn phù sa, chế biến phân người để bón ruộng và đặc biệt phải phát triển rất nhanh phân xanh và bèo hoa dâu. Về phân xanh, mấy năm nay vẫn chưa có chuyển biến mạnh. Các ngành có trách nhiệm và các địa phương phải để đến năm 1965 phát triển trồng phân xanh và thả bèo hoa dâu ít nhất trên 40 vạn hécta ruộng lúa. Riêng về phân phù sa, ngành thuỷ lợi cần có biện pháp mạnh hơn nữa để lấy phù sa bón ruộng.

Phải sản xuất đủ ống cao su làm xìfông và nghiên cứu xây dựng hồ chứa phù sa. Các tỉnh phải lo phương tiện vận chuyển phân phù sa.

Diện tích đất chua mặn và bạc màu hiện nay ước khoảng trên 60 vạn hécta. Cải tạo chất đất trên diện tích đó có ý nghĩa vô cùng to lớn, Nhà nước sẽ đầu tư thêm vào công tác này. Đi đôi với các biện pháp rửa chua mặn, trồng phân xanh, cây luân canh, v.v. trong 5 năm phải bón với một lượt cho các đất chua và bạc màu, từ 500 kg đến 1 tấn trên mỗi hécta, tổng cộng khoảng 70 vạn tấn vôi. Nhà nước đầu tư và cho vay dài hạn vào công tác cải tạo đất: 15 triệu đồng.

*Tăng thêm công cụ nửa cơ giới và cơ giới*

- Tình hình sức kéo ở đồng bằng đến năm 1965 vẫn rất căng thẳng (ước tính thiếu gần 7 vạn trâu, bò cày). Theo tính toán hiện nay về khả năng nhập thêm máy kéo thì vụ Đông - Xuân năm 1965 có 1.610 máy tiêu chuẩn, cả năm 1965 có thể cày bừa bằng máy được 19 vạn hécta, gieo cấy, tức gần 6% diện tích gieo cấy. Vì thiếu sức kéo, cho nên phải tăng xuất khẩu cây công nghiệp để có tiền nhập thêm máy kéo. Mặt khác, sẽ xác định thêm vấn đề ta tự sản xuất máy kéo. Tóm lại, cần nghiên cứu nhập thêm máy kéo, hoặc sản xuất trong nước để có thể cơ giới hoá cày bừa trên diện tích lớn hơn. Phải tập trung máy kéo vào các vùng có điều kiện đất đai thuận lợi cho việc dùng máy thuộc các

tỉnh đồng bằng thiếu sức kéo, các vùng trồng cây công nghiệp, màu và lúa, chú ý các tỉnh trọng điểm. Cần tích cực thí nghiệm và xác minh sớm kết quả dùng các máy kéo nhỏ từ 8 đến 10 ngựa, để có chủ trương dứt khoát. Ngoài ra Nhà nước mở một số trại nuôi trâu, bò ở những vùng có đồng cỏ để cung cấp trâu, bò cày cho miền xuôi.

- Trong lúc chưa cơ giới hoá được nhiều, thì vấn đề sử dụng công cụ cải tiến và mức cơ giới là rất quan trọng. Hiện nay, việc nghiên cứu công cụ cải tiến và nửa cơ giới còn đang lúng túng, nhưng vẫn phải tích cực tiến hành thí nghiệm và khi xác minh thứ nào có kết quả thì cần sản xuất nhiều và tốt. Trước mắt, việc dùng các công cụ vận chuyển thích hợp với từng vùng (xe thô sơ, xe đạp, thuyền...) rõ rệt là có lợi. Cần phải mạnh bạo sản xuất nhiều để tiết kiệm lao động ở khâu vận chuyển hiện chiếm đến 31% lao động trong nông nghiệp. Các hợp tác xã nông nghiệp cần đầu tư hơn nữa vào khâu sản xuất công cụ vận chuyển.

Về công cụ làm thủy lợi, cần cố gắng tăng thêm máy đào đắp và nạo vét cho thủy lợi để có thể thi công cơ giới nhiều hơn các công trình đầu mối và các kênh chính. Số máy thi công nhập thêm cho thủy lợi trong hai năm tới là 7 triệu đồng (tàu nạo vét, máy đào, máy xúc, xe vận tải). Mặt khác, đẩy mạnh sử dụng công cụ làm thủy lợi cải tiến.

#### *Phát triển giống tốt và bảo đảm có đủ giống*

Trong mấy năm nay, khâu này không có chuyển biến đáng kể trong lúc chúng ta có khả năng làm nhiều và tốt hơn. Các năm tới, phải có một chuyển biến thật mạnh trong công tác này. Về giống cây trồng, phải bảo đảm đến năm 1965 các ruộng lúa của hợp tác xã đều dùng giống đã được chọn lọc. Riêng giống lúa tốt, đạt tiêu chuẩn (do Nhà nước nhân và do hợp tác xã làm), cố gắng bảo đảm khoảng 50%, giống ngô và khoai với năng suất cao phải được phổ biến rộng rãi; giống cây công nghiệp chủ yếu

như mía, lạc, bông, gai, thuốc lá, trầu, dừa phải được cung cấp kịp thời loại tốt cho những vùng trồng tập trung. Phải có đủ giống các cây làm phân xanh để cung cấp rộng rãi.

Về giống súc vật, nhất là giống lợn, phải bảo đảm có đủ giống tốt ở vùng đồng bằng cho các hợp tác xã nuôi. Để thực hiện tốt biện pháp kỹ thuật này, Nhà nước phải đầu tư nhiều hơn nữa vào khâu giống, bao gồm nghiên cứu, nhân giống, giữ gìn giống, v.v.. Mặt khác, cần hướng dẫn hợp tác xã đầu tư thêm và làm nhiều hơn nữa công tác chọn giống, nhân giống, giữ gìn giống. Chú trọng nhân thật nhiều giống những cây mới phát triển rộng (khoai riềng, khoai nước, dừa, v.v.). Ngành chuyên môn phải có cán bộ chịu trách nhiệm đưa công tác này đến thành công.

#### *Bảo đảm có đủ thuốc trừ sâu*

Trong năm 1964 và năm 1965, kể cả phần trong nước sản xuất và phần nhập khẩu, Nhà nước bảo đảm có đủ thuốc trừ sâu do Bộ Nông nghiệp đề ra về các loại thuốc và số lượng thuốc.

#### *Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và hướng dẫn kỹ thuật trong nông nghiệp*

Các cơ sở nghiên cứu khoa học nông nghiệp cần gắn chặt với thực tế sản xuất của nông trường quốc doanh và các hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến, đi sâu nghiên cứu kỹ thuật canh tác từng loại cây trồng chính, kỹ thuật chăn nuôi từng loại gia súc ở từng vùng sản xuất chính, nghiên cứu nghề nuôi cá, trồng rừng; đi sâu nghiên cứu thổ nhưỡng, nghiên cứu các vấn đề cải tạo đất bạc màu, vấn đề tưới nước, vấn đề bón phân, vấn đề giống, v.v. làm cho khoa học kỹ thuật thiết thực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp nhiều hơn nữa.

Sau khi đã nghiên cứu và xác định biện pháp kỹ thuật đối với từng loại cây rồi, phải có cán bộ có khả năng về kỹ thuật và trình độ tổ chức để hướng dẫn kỹ thuật sản xuất. Khắc phục tình trạng thí nghiệm sản xuất ở cơ sở thí nghiệm thì thành công nhưng không mở rộng ra ngoài nhân dân được.

- Một vấn đề nữa là quy vùng sản xuất là vấn đề khá phức tạp, nhưng ta không nên cầu toàn. Vấn đề này có ý nghĩa rất lớn đối với việc phân công lại lao động trong nông nghiệp, tạo ra những vùng chuyên canh và vùng chăn nuôi, tăng nhanh sản lượng và nông sản hàng hoá, tăng nhanh giá trị lao động trong nông nghiệp. Trong năm 1963, nên sơ bộ quy vùng và đến năm 1965 trên cơ sở điều tra thổ nhưỡng phải quy vùng xong để tập trung lực lượng kỹ thuật, tập trung đầu tư, tập trung sức lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành có liên quan ở trung ương phải cùng với các tỉnh xúc tiến công tác phân vùng nông nghiệp.

### LÀM TỐT CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG "CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ, CẢI TIẾN KỸ THUẬT, NHẪM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, MẠNH MẼ VÀ VỮNG CHẮC"

Để bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trên đây, thì làm tốt cuộc vận động cách mạng ở nông thôn trong ba năm tới 1963-1965 có tác dụng vô cùng quan trọng.

Mục đích của cuộc vận động là cải thiện đời sống của nông dân xã viên và của nhân dân nói chung, tăng cường lực lượng hợp tác xã nông nghiệp và bảo đảm nhu cầu của Nhà nước. Nó nhằm đạt ba yêu cầu lớn là cải tiến quản lý hợp tác xã; cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã; tăng cường sự lãnh đạo

của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Vì vậy cần phải tăng cường lãnh đạo cuộc vận động này, và qua cuộc vận động này các cơ quan Nhà nước bổ sung chính sách, bổ sung phương hướng sản xuất cụ thể hơn, bổ sung kế hoạch sát với thực tế hơn. Cần chú ý vấn đề phương hướng sản xuất của mỗi hợp tác xã phải nhằm cung cấp sản phẩm hàng hoá ngày càng nhiều, đề phòng và khắc phục lối nhìn cục bộ, đi đến tự túc chặt hẹp như một số hợp tác xã đã phạm phải. Về lãnh đạo, cần tập trung lãnh đạo chặt chẽ hơn nữa công tác cải tiến quản lý hợp tác xã ở các vùng sản phẩm hàng hoá nhiều (lúa, lợn, cây công nghiệp).

Để phục vụ tốt công việc cải tiến quản lý hợp tác xã, phải cải tiến công tác kế hoạch của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, huấn luyện và đào tạo cán bộ làm kế hoạch, kế toán, đào tạo cán bộ kỹ thuật cho hợp tác xã, phấn đấu đến năm 1965 mỗi xã có khoảng hai cán bộ trung cấp, khoảng năm 1970 thì 7 xã sẽ có một cán bộ trình độ đại học nông nghiệp, mỗi hợp tác xã có một đến hai cán bộ trung cấp. Tăng cường công tác cung cấp vật tư cho nông thôn.

Phải phấn đấu đến năm 1965, đưa số ngày công trong hợp tác xã nông nghiệp bình quân lên khoảng 200 ngày, và giá trị ngày công lên khoảng 1 đồng.

### III- XÂY DỰNG CƠ BẢN

#### 1. Quy mô xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá

Trong dự án kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vốn đầu tư xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá là 3.883 triệu đồng, bằng 194,8% vốn đầu tư 5 năm trước đây (1956-1960).

Vốn trong nước dành cho xây dựng cơ bản về kinh tế và văn

hoá trong 5 năm là 2.883 triệu, bằng 59,1% số thu tài chính. Trong ba năm 1961-1963, quy mô xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá không mở rộng mà có phần bị giảm; năm 1961 là 731 triệu đồng, năm 1962 là 699 triệu đồng, năm 1963 là 704 triệu đồng. Vốn trong nước dành cho xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá không tăng về số tuyệt đối mà lại giảm về tỷ trọng so với thu tài chính.

	1961	1962	1963
- Thu tài chính (triệu đồng)	1.300	1.360	1.433
- Vốn trong nước dành cho xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá (triệu đồng)	525	525	527
- Tỷ trọng so với thu tài chính	40,4%	38,6%	36,8%

Trong tình hình ấy, muốn tăng xây dựng cơ bản về nông nghiệp, ta phải giảm hoặc không tăng xây dựng cơ bản về công nghiệp, vận tải, nhà ở và lợi ích công cộng là những ngành đáng lẽ cũng cần tăng đầu tư.

(Triệu đồng)

	1961	1962	1963
- Xây dựng cơ bản về công nghiệp	334	313	333
- Xây dựng cơ bản về vận tải	88	71	86
- Xây dựng cơ bản về nhà ở công nhân, viên chức	30	30	32
- Xây dựng cơ bản về lợi ích công cộng	9	6	13

Do tình hình đó, nhiệm vụ xây dựng cơ bản các năm 1964 và 1965 thêm nặng. Năm 1964 và 1965, cần dành 40% số thu trong nước cho xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá thì mới đáp ứng được yêu cầu tối thiểu về phát triển kinh tế và cải thiện đời sống, yêu cầu xây dựng cơ bản về nông nghiệp, công nghiệp, vận tải, và nhà ở của công nhân, viên chức.

## 2. Đầu tư vào nông nghiệp

Trong 5 năm, Nhà nước đầu tư vào nông nghiệp 816 triệu đồng, bằng 21% vốn đầu tư vào nền kinh tế quốc dân, kể cả vốn Nhà nước cho vay dài hạn thì sẽ lên 1.046 triệu đồng, tức 24,8%.

	5 năm	1961	1962	1963	1964	1965
- Đầu tư vào nền kinh tế quốc dân kể cả vốn cho vay dài hạn (triệu đồng)	4.216	801	740	763	914	996
- Đầu tư vào nền kinh tế quốc dân không kể vốn cho vay dài hạn	3.883	731	699	704	840	909
- Đầu tư vào nông nghiệp kể cả cho vay dài hạn	1.046	173	192	199	227	255
Tỷ trọng	24,8%	21,6%	25,9%	26,0%	24,8%	25,6%
- Đầu tư vào nông nghiệp không kể cho vay dài hạn, nhưng có kể cả nông trường	816	119	166	161	177	193
Tỷ trọng	21,0%	16,3%	23,7%	22,9%	21,1%	21,3%
- Đầu tư vào nông nghiệp thuộc khu vực hợp tác xã (kể cả vốn cho vay dài hạn)	740	113	113	141	174	199
Tỷ trọng	17,6%	14,1%	15,3%	18,5%	19,0%	19,9%

So với 5 năm trước, vốn đầu tư vào nông nghiệp tăng 240,8%, trong khi toàn bộ vốn đầu tư chỉ tăng có 94,8%. Đó là một sự cố gắng tập trung vốn cho nông nghiệp.

- Trong số vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp, phần đầu tư vào khu vực hợp tác xã trong 5 năm chiếm hơn 2/3, riêng các năm 1963-1965, chiếm gần 4/5. Phần còn lại đầu tư vào nông trường quốc doanh.

- Vốn đầu tư vào nông nghiệp thuộc khu vực hợp tác xã chủ yếu để giải quyết vấn đề thuỷ lợi và cải tạo đất, đắp đê giữ nước, mua máy kéo và nuôi trâu để cung cấp sức kéo, khai hoang.

Trong những năm tới, cần chú ý đầu tư thêm để phát triển mạnh các cơ sở nhân giống cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, giống súc vật,... để có giống tốt cung cấp cho hợp tác xã nông nghiệp.

- Vốn đầu tư cho nông trường quốc doanh trong những năm 1961 và 1962 chưa được sử dụng một cách có hiệu quả nhất. Chủ trương của ta là tiếp tục đầu tư đúng mức vào nông trường quốc doanh, nhưng hướng nông trường quốc doanh vào việc sản xuất những loại cây phục vụ xuất khẩu có hiệu quả kinh tế cao (chè, cam, dưa), những cây công nghiệp cung cấp nguyên liệu cho nhà máy (bông, gai, thuốc lá,...), cung cấp sản phẩm chăn nuôi cho Nhà nước và tự giải quyết lấy vấn đề lương thực. Trong những năm 1964, 1965, số vốn trong nước đầu tư cho nông trường hàng năm là 38 triệu, ngoài việc chăm sóc những cây lâu năm đã trồng các năm trước (1961-1963), cần sử dụng số vốn đầu tư vào đúng hướng nói trên để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và có hiệu quả tốt hơn.

### 3. Xây dựng cơ bản về công nghiệp

- Ngành công nghiệp được đầu tư trong 5 năm: 1.887 triệu đồng, chiếm 48,6% tổng số vốn đầu tư, so với 5 năm trước, tăng 166%. Trong 3 năm 1961, 1962, 1963, vốn đầu tư vào công nghiệp không tăng (1961 = 334 triệu đồng, 1962 = 313 triệu đồng, 1963 = 333 triệu đồng), đã hạn chế tốc độ xây dựng công nghiệp; cho nên những năm 1964, 1965, cần bổ vốn thích đáng xây dựng công nghiệp (50,7% và 52,9%) để

đáp ứng yêu cầu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật trong khoảng 1961-1967.

Theo đường lối và phương hướng phát triển công nghiệp của Đại hội III và của Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương, trong kế hoạch này một mặt vừa chú trọng xây dựng một số công trình công nghiệp nặng quan trọng, mặt khác cần coi trọng xây dựng mới hoặc mở rộng những xí nghiệp công nghiệp nhẹ. Vốn đầu tư xây dựng công nghiệp nhóm A là 79,5%, nhóm B là 20,5%.

- Trong công nghiệp nặng những năm tới, vốn đầu tư tập trung vào các ngành điện lực từ 17,5% đến 19%, luyện kim 20% đến 21%, than 18% đến 21%, phân bón và hoá chất 10,2% đến 13%, khai thác gỗ và trồng rừng 6% đến 8%, nhằm trong một thời gian nữa, tạo ra một cơ sở nhất định về động lực, nhiên liệu, nguyên liệu cho sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp.

Từ năm 1965 đến năm 1967, năng lực của một số ngành công nghiệp nặng như sau:

#### Về điện

Công suất thiết kế năm 1963 là 137.000kw, năm 1964 là 163.000kw, năm 1965 là 175.000kw, năm 1966 là 265.000kw, năm 1967 là 337.000kw. Trong mạng lưới sẽ có đủ điện cho nhu cầu phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và cho nhu cầu tưới và tiêu nước.

#### Về than

Công suất thiết kế các mỏ lớn cuối năm 1965 sẽ đạt 4.100.000 tấn và công suất các mỏ nhỏ cuối năm 1965 đạt 1.600.000 tấn. Tổng cộng công suất đạt là 5.700.000 tấn.

#### Về thép

Công suất thiết kế năm 1966-1967 đạt 200.000 tấn thép thỏi, hoặc 16 vạn tấn thép cán.

#### Về phân đạm

Công suất thiết kế cuối năm 1966 sẽ đạt 25.000 tấn amôniac.

#### *Về Gỗ*

Khai thác năm 1965 là 1.300.000m<sup>3</sup>.

#### *Về cơ khí*

Sau khi thực hiện xong việc sắp xếp lại các nhà máy hiện có và xây xong một số xưởng, lực lượng cơ khí có thể bảo đảm được một phần quan trọng nhiệm vụ trang bị kỹ thuật cho các ngành nông nghiệp, vận tải, nghề cá, công nghiệp nhẹ và một phần thiết bị của công nghiệp nặng (trừ thiết bị phức tạp về hoá chất, luyện kim, điện).

- Trong công nghiệp nhẹ, vốn đầu tư dành nhiều nhất cho công nghiệp thực phẩm (10%) vào các ngành: cá, muối, đường, bột, miến, sữa, hoa quả, thuốc lá, v.v..

Trong ngành công nghiệp nhẹ, một phần đáng kể vốn đầu tư dùng để mở rộng thêm những xí nghiệp cũ (đường, miến, thuốc lá, gỗ dán, dệt kim, v.v.). Ngoài ra, sẽ đầu tư để phát triển thêm cơ sở làm đường, giấy, chế biến gỗ, và các hàng tiêu dùng khác như đã trình bày ở phần công nghiệp.

#### *4. Xây dựng cơ bản về vận tải*

- Trong kế hoạch 5 năm, ngành vận tải và bưu điện được đầu tư 470 triệu đồng, chiếm 12,1% tổng số vốn đầu tư. Trong ba năm 1961-1963, vốn đầu tư vào ngành vận tải không tăng (1961: 88 triệu, 1962: 71 triệu, 1963: 86 triệu), cho nên năm 1964, 1965 cần tăng vốn xây dựng cơ bản cho vận tải để khắc phục những chỗ mất cân đối chính hiện nay giữa vận tải và sản xuất công, nông nghiệp là: vận tải gỗ, vận tải than, bốc rót apatít, vận tải đá, cát, sỏi, v.v.. Vì thế cần tăng cường khâu bốc rót, chú trọng đường sắt Thanh Hoá - Vinh và một số đường sắt chuyên dụng và nhất là chú ý đường thủy. Ngoài ra, tăng thêm một số xe vận tải cho đường bộ và cải thiện một số đường trục chính. Riêng ở miền núi, phải phát

triển đường bộ, kết hợp với việc làm đường phục vụ vận tải gỗ và khai thác chè, và các lâm sản. Các tỉnh miền xuôi và trung du phải hết sức chú ý tăng thêm phương tiện vận tải đường sông.

#### *5. Xây dựng cơ bản không có tính chất sản xuất*

Trong 5 năm, vốn xây dựng cơ bản không có tính chất sản xuất là 540 triệu, chiếm 13,9% tổng số vốn xây dựng cơ bản, so với 5 năm trước tăng 50%. Trong ba năm 1963-1965, vốn xây dựng cơ bản không có tính chất sản xuất đều giảm so với các năm 1961, 1962 về số tuyệt đối và về tỷ trọng (nhất là hai năm 1964, 1965). Sở dĩ như vậy là vì những năm sau này, giảm xây dựng hoặc không xây dựng mới các trường đại học và chuyên nghiệp, cho nên xây dựng cơ bản về giáo dục, văn hoá chỉ bằng 30% và 34% các năm 1961-1962 (giảm 60 triệu so với các năm 1961-1962). Về xây dựng cơ bản các trụ sở trong ba năm 1963-1965, hàng năm giảm từ 6 đến 14 triệu, chỉ bằng một nửa hoặc 1/4 so với các năm 1961-1962. Còn xây dựng cơ bản về nhà ở của công nhân, viên chức, bệnh viện, lợi ích công cộng thì giữ mức cũ, hoặc tăng hơn các năm trước một ít. Nói chung có cải thiện các điều kiện nước uống, chỗ ở và làm việc, chỗ chữa bệnh tốt hơn năm 1962 một ít. Giảm vốn xây dựng cơ bản không có tính chất sản xuất trong ba năm 1963-1965 là cần thiết để tập trung vốn vào xây dựng cơ bản có tính chất sản xuất. Song, cần phải có biện pháp giải quyết một vấn đề lớn là vấn đề nhà ở của nhân dân thành phố. So với cuối năm 1962, dân số nội thành các thành phố năm 1965 ước tăng khoảng 15 vạn người; muốn xây dựng chỗ ở cho số nhân khẩu mới tăng ấy, phải có khoảng 40 triệu đồng trong hai năm tới thì mới giữ được mức bình quân đầu người về nhà ở của nội thành như cuối năm 1962.

#### *6. Biện pháp tăng cường quản lý xây dựng cơ bản*

Để có thể xây dựng nhanh, nhiều, tốt, rẻ, cần thực hiện một số biện pháp sau đây:

- Sử dụng tốt hơn nữa số máy xây dựng hiện có. Giá trị của máy thi công hiện nay rất lớn (khoảng 150 triệu) nhưng do kế hoạch sử dụng chưa tốt, việc giữ gìn, sửa chữa chưa tốt, do thiếu lực lượng kỹ thuật thành thạo điều khiển, cho nên công suất sử dụng máy còn thấp. Cần khắc phục những thiếu sót đó, đưa mức sử dụng công suất máy lên cao hơn nữa, nhất là máy làm đất để tăng tốc độ xây dựng công trình thuỷ lợi và các đường vận chuyển gỗ là những khâu hiện nay thu hút nhiều lao động thủ công nhất và đang gặp khó khăn về nhân lực, đồng thời là những công tác xây dựng thuộc loại cấp bách nhất.

- Tích cực hạ giá thành xây dựng. Ngoài việc tăng cường thi công cơ giới và dùng công cụ cải tiến đã nói trên, để tăng năng suất lao động hiện nay, có thể hạ giá thành xây dựng so với giá dự toán khoảng từ 7 đến 10% bằng các biện pháp: quản lý chặt chẽ việc sử dụng vật liệu và áp dụng các định mức tiến bộ hơn; cung cấp vật liệu xây dựng kịp thời và đúng quy cách; bố trí trình tự xây dựng hợp lý các hạng mục trên công trường; áp dụng rộng rãi hơn nữa thiết kế định hình đối với các công trình dân dụng và những bộ phận công trình phi sản xuất trong các công trình sản xuất.

- Tăng cường công tác thiết kế. Chúng ta phải cố gắng vươn lên tự mình thiết kế lấy nhiều hơn những công trình công nghiệp. Đối với các công trình nhờ các nước ngoài thiết kế, cần phải cung cấp đầy đủ tài liệu về địa chất, thủy văn, khí tượng, v.v. để tránh sự dự phòng quá lớn về hệ số an toàn. Nếu trong thiết kế có những điểm không thích hợp (như không sát với đặc điểm thời tiết và địa chất nước ta, chưa hợp trình độ kinh tế của ta, hệ số an toàn quá cao, trang trí quá mức, v.v.) thì khi duyệt thiết kế phải kiên quyết sửa.

- Đối với các công trình lớn nhờ nước ngoài giúp xây dựng, cần phải phối hợp mật thiết hơn nữa khả năng trong nước về vốn, về vật liệu với khả năng ngoài nước về cung cấp

thiết kế và thiết bị để bảo đảm xây dựng nhanh chóng, bền, tốt và tiết kiệm.

- Cần dần dần chuyên môn hoá sâu hơn các tổ chức xây dựng và tổ chức thiết kế đi đôi với sự phát triển của công tác xây dựng cơ bản.

- Cần xúc tiến quy hoạch dài hạn về phát triển kinh tế, để trên cơ sở đó nghiên cứu và xác định chủ trương đối với các công trình xây dựng trong các kế hoạch dài hạn sau. Tranh thủ giữa năm trước đã lập xong kế hoạch xây dựng cơ bản của năm sau, trong kế hoạch 5 năm trước đã chuẩn bị xong các mặt khảo sát, thiết kế các công trình lớn của kế hoạch 5 năm sau.

#### IV- VẬN TẢI - BUỒI ĐIỆN

Mấy năm gần đây, ngành giao thông vận tải phát triển chậm, không giải đáp kịp nhu cầu sản xuất, xây dựng, lưu thông hàng hoá và nhu cầu đi lại của nhân dân, đã trở ngại đến sự phát triển kinh tế chung. Sắp tới, phải khắc phục một bước tình trạng mất cân đối đó, đẩy mạnh giao thông vận tải phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng.

1. Phải cải tạo và xây dựng từng bước mạng lưới giao thông vận tải thống nhất, hợp lý, củng cố các trục giao thông chính, lấy các khu kinh tế tập trung làm đầu mối. Chẳng những phải bảo đảm vận tải kịp thời các *mặt hàng chính trên các luồng giao thông chính*, mà còn phải phát triển đi sâu vào *nông thôn, miền núi*, phục vụ nông nghiệp, phục vụ khai thác các vùng kinh tế mới. Phát triển vận tải đường sắt, đẩy mạnh và tận dụng đường thuỷ, phát triển thích đáng vận tải ô tô, bước đầu xây dựng vận tải hàng không.

2. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật ngành vận tải, tăng *phương tiện nạo vét lòng lạch, phương tiện bốc dỡ, sức kéo, đẩy mạnh cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá*, áp dụng phương

tiện vận tải cải tiến. Tổ chức tốt mạng lưới sửa chữa, sản xuất phụ tùng thay thế, giải phóng nhanh phương tiện.

3. Ra sức cải tiến tổ chức quản lý vận tải, chủ yếu phải nắm vững các lực lượng vận tải và các luồng hàng để tổ chức quản lý việc sử dụng và sửa chữa phương tiện cho tốt, nâng cao năng suất phương tiện, đồng thời tổ chức phân bổ và điều độ công tác vận tải thống nhất, hợp lý và nhanh chóng. Phấn đấu *hạ giá thành vận tải*. Đến năm 1965, khối lượng hàng hoá trong nước so với năm 1960 tăng 71,9% về tấn và 92% về tấn cây số, bình quân hàng năm tăng 11,4% về tấn và 14% về tấn cây số. Riêng trong ba năm 1963-1965, bình quân hàng năm tăng 12,1% về tấn và 16,4% về tấn cây số; kể cả hàng quá cảnh thì bình quân tăng 11,7% về tấn và 13,8% về tấn cây số. Khối lượng hành khách so với năm 1960 tăng 106,3% về người; và 101,2% về người cây số. Bình quân hàng năm tăng 15,6% về người và 15% về người cây số.

Để bảo đảm khối lượng vận tải trên đây, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành vận tải như sau:

**Đường sắt:** Đến năm 1965, khối lượng hàng trong nước vận tải bằng đường sắt so với năm 1960 tăng 96,6% về tấn và 114,6% về tấn cây số, so với năm 1962 tăng 59,2% về tấn và 75,2% về tấn cây số. Khối lượng hành khách so với năm 1962 tăng 33,4% về người và 33,8% về người cây số.

Cần tập trung hoàn thành cầu Hàm Rồng vào đầu năm 1964, xây dựng nhanh chóng đường sắt Hàm Rồng - Vinh xong trong năm 1964, để giảm bớt các khó khăn hiện nay về vận tải ô tô, đường thuỷ và đẩy mạnh phát triển kinh tế ở Khu IV, đặc biệt là đẩy mạnh khai thác gỗ. Làm đường Cầu Giát - Nghĩa Đàn nối vùng Nghĩa Đàn - Quỳnh Châu với trục đường chính. Hoàn thành một số đường sắt chuyên dụng vào Khu gang thép Thái Nguyên, Vàng Danh - Ưông Bí, phân đạm Hà Giang vào năm 1962, hoàn thành đường sắt Na Dương - Kỳ Lừa. Cải tạo kỹ thuật đoạn đường sắt

Yên Bái - Lào Cai, đoạn Lạng Giai - Bản Thi, cải tạo và mở rộng khu đầu mối Hà Nội - Yên Viên; củng cố cầu Long Biên, hoàn thành cầu Đuống mới vào cuối năm 1965 hoặc đầu năm 1966 để nâng năng lực vận tải trên đường Hải Phòng - Lào Cai và đường Hà Nội - Mục Nam Quan.

Tăng thêm đầu máy và toa xe chở apatít, chở xăng dầu và toa xe khách.

**Đường sông:** Khối lượng hàng hoá chở bằng đường sông năm 1965 so với năm 1960 tăng 80,6% về tấn và 67,7% về tấn cây số, so với năm 1962 tăng 50,6% về tấn và 44,5% về tấn cây số.

Khả năng phát triển vận tải đường sông còn rất nhiều nhưng ta chưa tận dụng, vì sông ngòi còn ở trạng thái thiên nhiên nhiều, chưa được cải tạo bao nhiêu, phương tiện vận tải còn thiếu. Phải tăng cường công tác nạo vét, phá đá để cải tạo các sông, kênh, ngòi hiện có, mở rộng mạng lưới đường sông. Nạo vét các luồng Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì (qua sông Luộc) và Hải Phòng đi Bắc Giang (qua Đáp Cầu), bảo đảm xà lan 200 tấn đi suốt ngày đêm. Cải thiện và phá đá luồng sông Đà cho xà lan 100 tấn lên Chợ Bờ, xà lan 50 tấn lên Vạn Yên. Nạo vét và phá đá một số đoạn cần thiết trên các luồng sông Thao, sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Mã, sông Cả cho thuyền bè đi lại tốt hơn, tăng sức kéo cơ giới (canot, tàu lai) là phương hướng tiến bộ kỹ thuật quan trọng nhất hiện nay trong vận tải đường thuỷ. Nó nâng năng suất lao động lên gấp bội và giảm bớt rất nhiều phương tiện vận tải thuyền bè. Vì vậy, đến năm 1965, phải phấn đấu cơ giới hoá 55% khối lượng hàng hoá luân chuyển đường sông.

**Đường biển:** Khối lượng hàng hoá chở bằng đường biển năm 1965 so với năm 1960 tăng 65,3% về tấn và 106,2% về tấn cây số, so với năm 1962 tăng 53,7% về tấn và 60,2% về tấn cây số.

Để đẩy mạnh vận tải đường thủy, phải nâng năng lực thông qua của các cảng, bến, tăng phương tiện nạo vét cửa biển, cơ giới hoá một bước khâu bốc dỡ.

Tăng cường thiết bị cho cảng Hải Phòng để đạt công suất 3,2 triệu tấn vào cuối năm 1965, bắt đầu xây dựng cảng apatít để đạt công suất 1,2-1,5 triệu tấn vào cuối năm 1966; củng cố thêm cầu tàu và tăng thiết bị cho cảng Bến Thủy, Hồng Gai, Cẩm Phả.

Khâu bốc dỡ hiện nay rất yếu, lao động thủ công chiếm tỷ trọng rất lớn, cho nên phương tiện vận tải chậm được giải phóng và giá thành vận tải lên rất cao. Vì vậy, phải phấn đấu cơ giới hoá từng bước khâu bốc dỡ, tăng thêm thiết bị cơ giới và nửa cơ giới, phương tiện bốc dỡ cải tiến cho các cảng, bến sông. Phấn đấu đến năm 1965 cơ giới hoá khoảng 65-70% khâu bốc rót ở cảng Hải Phòng; cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá khoảng 30% khâu bốc dỡ ở cảng Bến Thủy, Bến Hà Nội, Nam Định, Bắc Giang, Hàm Rồng, Việt Trì, sông Gianh, v.v..

Nạo vét các cửa Lạch Trào, Cửa Đáy, Cửa Lục, Cẩm Phả, Nam Triều, Cửa Cấm, Cửa Hội, sông Gianh để khai thông tốt các luồng Hải Phòng - Nam Định - Thanh Hoá, Hải Phòng - Vinh, Hải Phòng - Quảng Bình. Đến cuối năm 1965, tàu 1,2 vạn tấn có thể ra vào cảng Cẩm Phả, tàu 6.000 tấn ra vào cảng Hồng Gai, tàu 7.000 tấn ra vào cảng Hải Phòng, tàu 1.000 tấn ra vào Bến Thủy và cảng sông Gianh.

Trong 5 năm, lực lượng vận tải thủy (sông và biển) được tăng cường thêm tàu lai, canot và xà lan, một số tàu cuốc, tàu hàng và tàu chuyên dụng.

**Đường bộ:** Khối lượng hàng hoá vận tải bằng ô tô năm 1965 so với năm 1960 tăng 54,1% về tấn và 64,6% về tấn cây số, so với năm 1962 tăng 24,4% về tấn và 25,2% về tấn cây số.

Sắp tới, phải tiếp tục cải tạo và phát triển mạng lưới đường bộ, nâng cao chất lượng mặt đường, cải tạo những đoạn khó và nguy hiểm, làm thêm cầu, giảm bớt phà, nâng cao năng

lực thông qua trên các trục chính, phát triển thêm các đường địa phương, đi sâu vào nông thôn và miền núi.

Xây dựng và cải thiện các đường chủ yếu như đường ô tô số 6, 7, 15, 1A, 3, 10, thay các bến phà bằng các cầu mới trên các tuyến đường quan trọng (như cầu Đoàn Vĩ, cầu Bùng, cầu Ròn, v.v.). Phát triển đường ô tô đến các huyện, châu, (cuối năm 1961 còn 15 huyện và 6 châu chưa có đường ô tô đến huyện, châu lỵ), trước hết phải nhằm vào các vùng kinh tế mới, các địa phương có nhiều khả năng kinh tế tiềm tàng để khai thác tài nguyên ở đó (phục vụ khai hoang, khai thác gỗ, khai thác chè, v.v.).

Hợp lý hoá tổ chức vận chuyển, giảm bớt xe ô tô vận tải trên các đường dài song song với đường sắt và đường thủy. Quản lý chặt chẽ để tiến lên giảm bớt số ô tô chủ lực của các cơ quan, xí nghiệp. Bố trí mạng lưới sửa chữa một cách hợp lý, tăng cường sản xuất phụ tùng, bảo đảm sửa chữa kịp thời xe để giải phóng sớm phương tiện.

Phải dựa vào lực lượng nhân dân để phát triển mạnh hơn nữa giao thông vận tải ở nông thôn và miền núi. Kết hợp phát triển thủy lợi và lâm nghiệp để phát triển đường sá, kênh ngòi. Ở miền núi phải chú trọng phát triển giao thông vào các vùng khai hoang, các vùng có khả năng đẩy mạnh khai thác lâm sản. Phát triển rộng rãi các phương tiện vận chuyển cải tiến (xe bánh lốp ổ bi, xe ngựa, xe trâu, xe ba gác, xe đạp thồ, v.v.).

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong các kế hoạch dài hạn sau, phải tiến hành nghiên cứu, thu thập tài liệu, khảo sát thiết kế, lập các phương án vận tải về bốc rót than thuộc khu vực Hồng Gai, Cẩm Phả, Uông Bí, Mạo Khê, vấn đề vận tải phục vụ xây dựng công trình thủy điện ở Yên Bái và Tuyên Quang, vấn đề cơ giới hoá vận tải đường thủy một cách toàn diện, vấn đề phát triển vận tải ở miền núi đi đôi với kế hoạch khai thác và phát triển kinh tế miền núi, vấn đề vận tải và đi lại ở trong thành phố lớn, v.v..

Về *bưu điện, truyền thanh*, tổng giá trị sản lượng nghiệp vụ của ngành bưu điện năm 1965 so với năm 1960 tăng 76%, bình quân hàng năm tăng 12%.

Phải mở rộng và củng cố mạng lưới bưu điện và truyền thanh để phục vụ kịp thời hơn sự chỉ đạo của các cấp, phục vụ tốt cho sản xuất, cho yêu cầu củng cố quốc phòng và phát triển văn hoá. Phải hoàn thành củng cố bưu điện xã. Nâng cao chất lượng thông tin, bảo đảm chính xác, nhanh chóng, an toàn và kịp thời cả trong nước và ngoài nước. Tổ chức tốt công tác phát hành báo chí, phục vụ tốt hơn nữa các cơ sở sản xuất công, nông nghiệp.

## V- NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ CẢ

### 1. Nội thương

Để phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, công nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, ngành thương nghiệp phải mở rộng giao lưu hàng hoá, củng cố hơn nữa quan hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và tiêu dùng. Phải thực hiện tốt việc thu mua theo kế hoạch nhằm tăng cường lực lượng của Nhà nước, bảo đảm thực hiện cung cấp có kế hoạch, bảo đảm tiêu dùng cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và tích lữ cho Nhà nước. Phải củng cố và tăng cường quản lý lưu thông hàng hoá, phát triển và tăng cường lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người buôn bán nhỏ. Đồng thời, phải chú trọng cải tiến mạng lưới lưu thông phân phối, tổ chức phân phối cho hợp lý, chống đầu cơ tích trữ, ổn định vật giá.

#### a) Thu mua nông sản

Công tác thu mua phải bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, lương thực và thực phẩm cho công nhân và nhân dân lao động, nhu cầu về hàng thiết yếu cho nhân dân,

bảo đảm vật tư xuất khẩu và tăng thêm dự trữ cho Nhà nước, tạo điều kiện cho việc phát triển sản xuất và lưu thông, cân đối giữa tiền tệ và vật tư. Công tác thu mua nông sản phải đạt mục đích tăng cường lực lượng hàng hoá trong tay Nhà nước, bảo đảm thống nhất điều hoà và phân phối, đồng thời mở rộng và củng cố khối liên minh kinh tế và chính trị giữa công nhân và nông dân.

Khối lượng nông sản thu mua phải một mặt đáp ứng yêu cầu của toàn dân, mặt khác phải chú ý tới nhu cầu của nông dân đối với một số nông sản cần thiết; đồng thời phải góp phần vào việc tổ chức sản xuất tập trung và việc quy hoạch từng vùng thích hợp cho từng loại cây.

Trên cơ sở tỷ trọng nông sản hàng hoá được nâng cao, Nhà nước phải nắm trên 20% sản lượng sản phẩm nông nghiệp. (Năm 1961, Nhà nước đã nắm 17%; năm 1962 nắm 18,4%). Mức thu mua và thu thuế năm 1965 sẽ lên tới khoảng 490 triệu đồng, tăng bình quân hàng năm 7,9% so với năm 1960, trong đó mức thu mua tăng bình quân hàng năm 10,3%. Mức thu mua về những nông sản chủ yếu năm 1965 như sau:

(Chỉ tính phần mua của các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân cá thể, không kể phần nông trường nộp).

	Đơn vị	1960	1962	Kế hoạch 1965	1965 so với 1960 (%)
<i>Tổng giá trị mua và thu thuế:</i>	Triệu đồng				
(Theo giá so sánh 1960)					
Trong đó giá trị mua	"	335,5	332,3	490,0	146,0
Cây lương thực	"	236,7	233,7	387,5	163,7
Cây công nghiệp	"	190,2	182,2	202,3	106,4
Cây công nghiệp	"	36,8	44,3	84,7	230,2
Sản phẩm chăn nuôi	"	113,5	77,6	148,5	130,8

Sản phẩm khác	"	15,0	28,2	54,5	363,3
<i>Sản phẩm chủ yếu:</i>					
Thóc	1.000T	834,0	796,0	825,0	98,9
Ngô	"	32,3	31,1	35,0	108,4
Khoai tươi	"	0,4	6,2	70,0	175 lần
Sắn tươi	"	8,8	42,8	130,0	15 lần
Bông hạt	Tấn	3.000	2.173	5.000	166,7
Đay bẹ	"	11.300	9.500	27.000	238,9
Lạc vỏ	"	11.169	14.640	25.000	223,8
Mía cây <sup>1</sup>	1.000T	65	...	380	584,6
Thuốc lá	Tấn	695	2.540	4.500	647,5
Chè chính	"	2.100	2.336	2.800	116,7
Cói	"	12.600	11.500	28.000	222,2
Thịt lợn	"	70.244	46.050	90.000	128,1

Về lương thực, thực hiện tốt chủ trương ổn định mức nghĩa vụ lương thực của các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân cá thể theo tinh thần chiếu cố đúng mức đến khả năng sản xuất, nhu cầu của Nhà nước và đời sống của nhân dân, làm cho nông dân yên tâm, phấn khởi sản xuất, cố gắng tăng thêm diện tích, tăng năng suất và sản lượng lương thực. Mức nghĩa vụ nộp thuế và bán thóc, ngô cho Nhà nước (không kể phí thủy lợi và thuê máy kéo vẫn thu bằng lương thực) từ năm 1963 đến hết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sẽ ổn định chung cho miền Bắc vào khoảng 17% tổng sản lượng thu hoạch (tính bình quân trong ba năm 1960 - 1962). Ngoài ra, phải đặc biệt coi trọng việc vận động các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân bán thêm thóc ngô ngoài nghĩa vụ với

1. Mua của sản lượng năm trước.

giá khuyến khích cùng với các loại lương thực khác để bảo đảm nhu cầu ngày càng tăng của Nhà nước.

Hàng năm, Nhà nước sẽ nắm về thóc và ngô khoảng 83 vạn tấn (gồm cả mua, thu thuế, thu nợ bằng thóc); ngoài ra, mua thêm ngoài nghĩa vụ từ 2,5 đến 3 vạn tấn lương thực theo giá khuyến khích. Đối với khoai, sắn và các loại hoa màu có chất bột khác, Nhà nước sẽ thông qua hợp tác xã sản xuất nông nghiệp mua khoảng 7-10% sản lượng. Ước tính sau khi đã bán cho Nhà nước và để giống, nông dân còn lại mỗi tháng khoảng 29,6kg - 31,2 kg lương thực quy ra thóc (trong đó có 20,7kg - 21,1kg thóc) để ăn, chăn nuôi và dự trữ.

Nông trường quốc doanh phải mở rộng trồng lương thực và tăng dần số lương thực nộp cho Nhà nước.

Về các nông sản khác, đối với những loại thuộc nguyên liệu chính cho công nghiệp và vật tư xuất khẩu quan trọng như bông, đay, lạc, thầu dầu, thuốc lá..., Nhà nước phải nắm phần lớn (tỷ lệ mua từ 59% đến 86% sản lượng). Mức thu mua cây công nghiệp tăng từ 56,8% năm 1960 lên 66,3% năm 1965 so với sản lượng. Đối với những loại mà Nhà nước và nhân dân đều cần (như sản phẩm chăn nuôi, nông sản thực phẩm, đỗ, vừng...) thì Nhà nước nắm một số lượng thích đáng để cung cấp cho nhu cầu thành thị, khu công nghiệp và một phần cho xuất khẩu. Đến năm 1965, riêng phần nhân dân, tỷ lệ mua so với sản xuất của những loại cây công nghiệp chủ yếu phải đạt được như sau: bông hạt: 58,8%, đay bẹ: 86%, gai: 70,8%, cói: 87,7%, thầu dầu: 80%, lạc vỏ: 53,2%, mía cây: 49%, thuốc lá lá: 83,3%, chè

chính: 93,3%. Về sản phẩm chăn nuôi, năm 1961 Nhà nước nắm 20,2%, năm 1965 Nhà nước phải nắm 25,4% so với sản lượng, trong đó về lợn thịt, Nhà nước nắm khoảng 35%.

Để thực hiện được nhiệm vụ thu mua trên đây, phải tiếp tục giáo dục chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân, đồng thời phải hết sức coi trọng các biện pháp kinh tế, thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng giữa cơ quan thu mua với nông dân, lấy hợp tác xã nông nghiệp làm đơn vị ký kết và thực hiện hợp đồng. Nhà nước sẽ tùy loại sản phẩm mà mở rộng việc cung cấp tư liệu sản xuất và hàng công nghiệp cần thiết cho nông thôn, và bảo đảm cung cấp lương thực cho người trồng cây công nghiệp ở các vùng tập trung, chủ yếu là cho những người thực hiện kế hoạch bán nông sản cho Nhà nước, cũng như cung cấp thường xuyên rau, thịt cho các thành phố lớn theo kế hoạch Nhà nước.

Về tổ chức, song song với việc củng cố và phát triển các cửa hàng hợp tác xã mua bán ở xã, phải thống nhất các tổ chức thu mua của Nhà nước; nâng cao trách nhiệm của địa phương trong việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thu mua. Phải thực hiện đúng đắn các chính sách và giá cả thu mua đã quy định; đơn giản phương thức thu mua, đồng thời tăng cường quản lý thị trường, thực hiện quản lý chặt chẽ tận gốc.

#### b) *Cung cấp hàng hoá*

Công tác phân phối và cung cấp hàng hoá phải dựa trên quan điểm sản xuất toàn diện, chú trọng phục vụ nhu cầu của sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, của Nhà nước và nhân dân, trong nước và ngoài nước và thể hiện tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng Tổ quốc. Phải bảo đảm đầy

sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, đoàn kết giữa công nhân và nông dân, đoàn kết dân tộc, đồng thời thể hiện quy luật phân phối theo lao động.

Năm 1965, khối lượng hàng hoá bán lẻ sẽ lên tới 2.225 triệu đồng, tăng 38,4% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 6,7%.

Phương châm phân phối hàng hoá là phải dành ưu tiên cho nhu cầu tiêu dùng trong nước những loại hàng thiết yếu cho đời sống như lương thực, thực phẩm, vải sợi, chiếu cói...; tập trung cho xuất khẩu những loại nông sản có giá trị kinh tế cao như đay, gai, lạc, một phần thịt các loại, một số đặc sản khác,...

Đối với nông dân, phải chú trọng cung cấp tư liệu sản xuất nông nghiệp, vật liệu xây dựng và những hàng tiêu dùng thiết yếu với công nhân, viên chức; phải chú trọng cung cấp lương thực, thực phẩm và cải tiến tổ chức phân phối.

Cơ cấu hàng hoá bán lẻ trong thương nghiệp xã hội dự định như sau:

	1960	1962	Kế hoạch 1965	1965 so với 1960 (%)
1. Tổng mức hàng hoá bán lẻ toàn xã hội	100	100	100	138,4
Lương thực và thực phẩm	56,5	51,8	48,2	118,2
Đồ dùng các loại	37,2	39,4	41,3	154,0
Vật liệu xây dựng	2,3	5,2	3,4	202,0
Tư liệu sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp	4,0	5,6	7,1	240,3
2. Tổng mức (chỉ tính riêng phần phục vụ đời sống đã trừ tư liệu sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp)	100	100	100	134,0
Lương thực và thực phẩm	58,9	54,8	51,9	118,2

Đồ dùng các loại	38,7	41,4	44,5	154,0
Vật liệu xây dựng	2,4	3,8	3,6	202,0

Phương hướng cụ thể về cung cấp hàng hoá đến năm 1965 là: Về thóc gạo, căn cứ vào khả năng sản xuất và nhập khẩu, Nhà nước giữ mức cung cấp lương thực như năm 1963, và đưa tỷ lệ ăn màu từ khoảng 20% năm 1962 lên 25-30% năm 1963.

Nhà nước bảo đảm cung cấp lương thực cho công nhân, cán bộ, bộ đội, nhân dân thành thị, người làm nghề thủ công tập trung, người trồng cây công nghiệp, trồng rau, đánh cá, làm muối theo hợp đồng bán sản phẩm cho Nhà nước. Đồng thời, những người thuộc diện cung cấp nói trên phải ra sức tăng gia sản xuất để tự cải thiện sinh hoạt và giảm bớt phần mua của Nhà nước (hàng năm phải đạt được khoảng 15.000 tấn lương thực). Phải quản lý chặt chẽ diện cung cấp có phân biệt từng loại lao động.

Về các thực phẩm khác, mức tiêu dùng sẽ được cải thiện thêm một bước: mức tiêu dùng bình quân đầu người và thịt (trâu, bò, lợn) từ 6,8kg năm 1960 sẽ tăng lên 9,2kg năm 1965, cá từ 7kg lên 13,7kg, nước mắm từ 1,8 lít lên 2,6 lít, đường và mật tăng từ 1,6 kg lên trên 2kg.

Để làm tốt việc cung cấp thực phẩm, phải củng cố và tăng cường công tác quản lý mạng lưới kinh doanh phục vụ ăn uống ở các thành phố, khu công nghiệp..., củng cố và nâng cao chất lượng các nhà ăn công cộng, làm tốt việc cung cấp thực phẩm cho thành phố và khu công nghiệp, cho các nhà ăn tập thể và công nhân, cán bộ.

Về vải mặc và các đồ dùng khác, mức cung cấp vải và lụa tính bình quân đầu người sẽ từ 4,8 mét năm 1960 lên 5,5 mét năm 1965. Mức cung cấp một số loại sẽ được nâng cao theo, như các loại hàng rét, hàng dệt kim, chăn bông, chiếu cói,... Việc phân phối các loại hàng sẽ chú trọng đến các điều kiện lao động các nghề nghiệp khác nhau.

Trong những năm tới, phải mở rộng hơn nữa việc cung cấp tư liệu sản xuất cho nông nghiệp, tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp. Theo kế hoạch, khối lượng tư liệu sản xuất nông nghiệp do Nhà nước cung cấp năm 1965 sẽ tăng khoảng 151% so với năm 1960, những loại hàng tăng nhiều như: gỗ tròn gấp 7 lần, xi măng: 6 lần, than: 5 lần, phân hoá học: 3 lần,...

Để khuyến khích cải tiến kỹ thuật tăng năng suất trong nông nghiệp, phải tiếp tục nghiên cứu chính sách giá cả hợp lý trong việc cung cấp tư liệu sản xuất.

Về các loại nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp và thủ công nghiệp, phải tổ chức phân phối kịp thời và quản lý chặt chẽ những nguyên liệu do Nhà nước cung cấp, đồng thời khai thác, thu mua và tổ chức điều hoà mọi nguồn nguyên liệu khác ở địa phương. Phải tuỳ yêu cầu và mức độ quản lý đối với các loại nguyên liệu mà tiến hành từng bước ký hợp đồng bán nguyên liệu, thu mua thành phẩm, hoặc cải tiến chế độ gia công.

c) Vấn đề tổ chức mạng lưới thương nghiệp và quản lý thị trường

Trong những năm tới, phương hướng xây dựng và sắp xếp thị trường là phải tăng cường và mở rộng thị trường có tổ chức, tích cực cải tiến và lãnh đạo bộ phận thị trường tự do theo đúng hướng và yêu cầu của thị trường xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống đầu cơ tích trữ, khuynh hướng nhằm xây dựng một thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất có lãnh đạo, có kế hoạch.

Phải tăng cường lực lượng mật dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán về mọi mặt, bảo đảm phát huy vai trò quản lý và lãnh đạo của kinh tế quốc doanh đối với toàn bộ thị trường. Phải thực hiện hạch toán kinh tế ở các khâu thu mua, khâu bán buôn và các cửa hàng bán lẻ. Điều chỉnh mạng lưới bán lẻ ở các thành phố, khu công nghiệp, đồng thời mở rộng cơ sở thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, nhất là ở miền núi, xây dựng một hệ thống thương nghiệp hợp lý

giữa thành thị và nông thôn. Đồng thời trong những năm tới, phải giúp đỡ địa phương mở rộng hợp tác xã mua bán có khả năng kinh doanh tốt những sản phẩm lưu thông trong địa phương, cũng như các sản phẩm ngoài diện quản lý phân phối của Nhà nước. Trên cơ sở kết hợp chặt chẽ tổ chức thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp tập thể, tăng cường việc quản lý thị trường tự do ở thành thị và nông thôn.

Đến năm 1965, phải nâng cao trình độ cải tạo đối với thương nghiệp công tư hợp doanh, tiếp tục cải tạo tư tưởng và giáo dục lao động cho người tư sản, chuyển phần lớn vào sản xuất, chỉ giữ lại những người có trình độ nghiệp vụ thương nghiệp và thực sự là tiêu biểu về chính trị và xã hội. Đối với những người buôn bán nhỏ, phải củng cố tốt các cơ sở đã cải tạo, thực hiện tốt phong trào sản xuất trong các tổ hợp tác, chuyển phần lớn những người buôn bán nhỏ kinh doanh các mặt hàng do Nhà nước quản lý sang sản xuất; làm xong việc sắp xếp những người buôn bán nhỏ vào các tổ chức kinh doanh các mặt hàng phụ trong những khu vực nhất định. Đồng thời, sắp xếp đưa việc mua bán ở các chợ thành phố, xã, thị trấn đi vào ngăn nắp, bớt trung gian, tạo thuận lợi cho nhân dân trong việc mua bán.

Để bổ sung cho thị trường xã hội chủ nghĩa, thị trường tự do sẽ tồn tại với mức độ trong phạm vi nhất định và có tổ chức. Đến năm 1965, thị trường tự do còn chiếm khoảng 14% tổng mức bán lẻ.

Tỷ trọng các thành phần trong thương nghiệp xã hội năm 1965 sẽ như sau:

	1960	1962	Kế hoạch	1965 so với 1960
--	------	------	----------	------------------

			1965	(%)
Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ toàn xã hội (triệu đồng)	1.607	1.812	2.225	138,4
Tỷ trọng (%)				
- Thị trường xã hội chủ nghĩa	79,8	79,9	86,0	149,2
Kinh tế quốc doanh	44,6	71,6	73,4	158,1
Kinh tế hợp tác xã	19,7			
Kinh tế thương nghiệp cải tạo	15,5	8,3	12,6	112,5
- Thị trường tự do	20,2	20,1	14,0	96,0

## 2. Giá cả

Trong những năm sắp tới, trên cơ sở giá cả hiện nay, phương hướng chung về giá cả là tiếp tục ổn định vật giá và có điều chỉnh nhằm phục vụ việc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, kích thích sản xuất công nghiệp và nông nghiệp phát triển, bảo đảm tích lũy cần thiết cho công nghiệp hoá, điều hoà phân phối thu nhập giữa các tầng lớp, thúc đẩy hạch toán kinh tế theo chủ nghĩa xã hội và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Đối với sản xuất nông nghiệp, phải kết hợp nhiều biện pháp với biện pháp giá cả và cần chú ý đến việc cung cấp tư liệu sản xuất cho nông nghiệp với giá cả hợp lý nhằm tích cực giúp đỡ nông dân đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm nông sản hàng hoá. Nghiên cứu điều chỉnh giá một số loại tư liệu sản xuất: tiếp tục hạ giá máy bơm, bán lỗ vốn thuốc trừ sâu, hạ giá thành để hạ giá phân bón, nghiên cứu giá thuỷ lợi; công cày máy đối với loại cây hoặc vùng giá còn cao. Về giá mua lương thực, điều chỉnh giá mua khuyến khích lên 50% so với giá mua theo nghĩa vụ. Đối với giá các nông sản khác thì cần bản giữ ổn định, tiếp tục vận dụng chính sách khuyến khích để ủng hộ việc quy vùng sản xuất nông nghiệp. Đối với vùng khai hoang trồng mới có khó khăn, có giá trị cấp thêm từ 5-15%.

Đối với giá bán lẻ hàng tiêu dùng, phải giữ căn bản ổn định trên cơ sở giá đã điều chỉnh năm 1962. Về giá một số loại hàng dùng nguyên liệu trong nước, sản xuất thuận lợi, bảo đảm được nhu cầu, thì có thể điều chỉnh xuống (ví dụ như đồ dùng văn hoá, giấy viết, sách báo, bút chì, một số loại thuốc tây, thuốc nam thông dụng cho phụ nữ, trẻ em, một số thuốc kháng sinh hoặc chữa lao, hủi...); đối với một số loại hàng không thuộc loại nhu cầu thiết yếu cho đời sống mà nguyên liệu còn khan hiếm thì có thể điều chỉnh giá lên chút ít.

Với mức điều chỉnh giá thu mua và bán lẻ như trên, so với giá năm 1962 thì hàng năm Nhà nước bỏ ra thêm về mua lương thực khoảng 2-3 triệu đồng, và năm 1965, Nhà nước điều chỉnh hạ giá bán lẻ khoảng 15 triệu đồng. Phải ra sức phấn đấu để bình ổn vật giá. Ra sức khắc phục những khuyết điểm chủ quan, nhằm trước hết ngăn chặn chỉ số giá bán lẻ tăng lên và đi tới rút dần mức giá đó xuống với việc cải thiện tình hình từng bước về mặt sản xuất và cân đối giữa cung và cầu. Tuy nhiên, trong tình hình còn tồn tại một số mất cân đối trong nền kinh tế, yêu cầu đối với công tác bình ổn vật giá là giữ giá khỏi tăng lên và đến năm 1965 cố gắng phấn đấu rút xuống một ít so với chỉ số giá năm 1962.

Đối với giá bán buôn tư liệu sản xuất, giá điện, giá cước vận tải, phải căn cứ vào giá trị trong nước, khuyến khích sản xuất và trang bị kỹ thuật một cách hợp lý mà tiếp tục hoàn thành việc xác định giá các tư liệu sản xuất và điều chỉnh những giá đã tạm thời xác định trước đây. Chú ý sớm nghiên cứu lại giá cước vận tải nhằm sử dụng hợp lý các loại phương tiện trên các tuyến đường khác nhau, phục vụ tốt hơn nữa lưu thông hàng hoá.

Trong nội bộ các ngành kinh tế quốc doanh, đi đôi với chế độ thu quốc doanh và quy định chính sách lãi, tổ chức hợp lý các khâu bán buôn và bán lẻ, phải quy định hệ thống giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp nhằm thúc đẩy hơn nữa việc hạch toán kinh tế, tăng năng suất lao động, hạ giá thành và phí lưu thông.

Đối với thủ công nghiệp, tiếp tục chính sách khuyến khích phát triển theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước, xác định đúng đắn giá thành để có cơ sở quy định giá thu mua hợp lý và điều chỉnh những chỗ không hợp lý hiện nay. Với ngành cá biển, sẽ điều chỉnh giá một số con cá ở một số vùng (như cá thu, cá làm mắm loại cuối).

Về phân công chỉ đạo giá, tổ chức nghiên cứu và quản lý giá, phải sớm quy định cụ thể nhằm thực hiện tốt việc thống nhất quản lý giá cả, đồng thời có phân cấp đúng mức cho các ngành, các địa phương để giải quyết kịp thời và đúng chính sách đối với những loại hàng thứ yếu.

## VI- NGOẠI THƯƠNG

Công tác ngoại thương có tầm quan trọng rất lớn đối với việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất và xây dựng đề ra trong kế hoạch 5 năm. Nhưng hiện nay, do xuất nhập không thăng bằng từ các năm trước để lại, nợ nhập siêu tính đến cuối năm 1963 lên tới 21 triệu rúp mới, trong đó có khoảng 3,6 triệu bằng ngoại tệ tư bản; yêu cầu nhập khẩu ngày càng tăng, nhưng việc xuất khẩu chưa được đẩy mạnh, giá trị các mặt hàng quý lại chiếm tỷ trọng rất thấp, cho nên ngoại thương gặp khá nhiều khó khăn trong việc cân đối xuất nhập khẩu.

Vì vậy, yêu cầu quan trọng bậc nhất hiện nay là *làm thế nào đẩy mạnh được xuất khẩu*, cân đối được khả năng xuất với nhu cầu nhập, nhất là khả năng tăng thêm được các mặt hàng quý xuất khẩu để bảo đảm những nhu cầu nhập rất trọng yếu như lương thực, phân bón, nguyên liệu và một số thiết bị. Phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, điều chỉnh hợp lý giữa nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu để bảo đảm yêu cầu ấy.

Nhiệm vụ của ngành ngoại thương trong kế hoạch 5 năm là: "Trên cơ sở sản xuất nông nghiệp và công nghiệp được đẩy

mạnh và dựa vào sự điều chỉnh hợp lý nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu, ngoại thương phải hết sức khai thác các nguồn hàng, tổ chức tốt việc xuất khẩu nhằm mở rộng quan hệ buôn bán với nước ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi; mặt khác phải giảm nhập khẩu những loại hàng mà nhu cầu chưa thật cấp bách, tập trung ngoại hối bảo đảm nhập những loại hàng rất cần thiết góp phần phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân, dần dần giảm bớt nợ nhập siêu, tiến tới thăng bằng xuất nhập".

Trong quan hệ ngoại thương, phải mở rộng khối lượng trao đổi hàng hoá với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa; đồng thời phải chú trọng phát triển buôn bán với một số thị trường tư bản chủ nghĩa có nhiều quan hệ với ta như Nhật, Pháp, Hồng Kông và những nước Á - Phi, mà điều kiện kinh tế và chính trị có khả năng phát triển quan hệ; cần có kế hoạch buôn bán dài hạn với Nhật, Pháp. Đối với các thị trường tư bản, trên nguyên tắc trao đổi hai bên cùng có lợi ngoài việc nhập nguyên liệu, cần nhập những thiết bị cần thiết để trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế trong nước.

1. *Về xuất khẩu.* Nhằm mục đích đẩy mạnh xuất khẩu ngoại thương phải nghiên cứu kỹ thị trường thế giới, đề ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu lâu dài, phải góp phần của mình vào việc đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng đó. Các ngành sản xuất và phân phối, ngược lại, phải thường xuyên chú trọng đến xuất khẩu, coi xuất khẩu không phải là nhiệm vụ riêng của ngoại thương mà là nhiệm vụ của chính mình. Chẳng những thế còn phải làm cho ý nghĩa xuất khẩu thông suốt tới nhân dân, do đó động viên được đông đảo quần chúng đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm để tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu.

Trong việc đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn hàng xuất khẩu, cần nhấn mạnh những mặt hàng có giá trị ngoại hối (như than, gỗ dán, gỗ lạng, và các mặt hàng nông sản) để bảo đảm nhập những mặt hàng rất cần thiết. Đồng thời cũng không quên khuyến khích khai thác, thu nhập những mặt hàng phụ

để tăng kim ngạch xuất khẩu, do đó giảm bớt được nợ nhập siêu, dần dần tiến tới thăng bằng xuất nhập.

Trong 5 năm 1961-1965, giá trị hàng xuất khẩu sẽ là 481 triệu rúp mới<sup>1</sup> gấp hai lần thời kỳ 1956-1960; riêng giá trị xuất năm 1965 sẽ tăng 74,5% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 11,8%. Nhưng do hai năm 1961, 1962, xuất khẩu đạt mức quá kém, cho nên trong ba năm còn lại phải tăng hàng năm khoảng 16-17% mới bảo đảm thực hiện được kế hoạch.

Cơ cấu xuất khẩu năm 1965 như sau:

	1960	1962	Kế hoạch 1965	1965 so với 1960 (%)
Tổng số xuất khẩu	100	100	100	174,5
Sản phẩm công nghiệp	71,3	85,3	80,5	196,8
Sản phẩm nông nghiệp	28,7	14,7	19,5	111,8

Một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu như sau:

	Đơn vị	1961	1962	Kế hoạch		
				1963	1964	1965
Than đá	1.000T	1.702	1.814	1.800	2.100	2.100
Apatít	"	525	599	780	1.100	1.200
Ximăng	"	174	190	310	350	350
Gỗ ván sàn	1.000m <sup>2</sup>	1.647	1.158	1.750	1.750	1.750
Gỗ lạng	"	230	378	500	600	800
Chè máy	Tấn	619	629	800	1.150	1.300
Chè xô	"	-	526	1.000	1.000	1.200
Lạc vỏ	"	1.177	739	1.500	1.500	1.500
Lạc nhân	"	2.777	3.445	5.000	10.500	13.500
Đay ngâm	"	4.625	4.582	5.000	8.000	11.500
Chuối tươi	"	5.477	7.977	12.000	15.000	15.000
Thuốc lá lá	"	-	-	800	1.200	1.700

<sup>1</sup>. Tạm tính theo tỷ giá chung là 1 rúp mới bằng 5,64 đồng.

Trong ba năm sắp tới, trong các mặt hàng xuất khẩu, tăng nhanh nhất vẫn là khoáng sản (than đá, apatít) và gỗ chế biến. Về hàng nông sản và nông sản chế biến, ta chủ trương tích cực đẩy mạnh các loại cây công nghiệp và cây ăn quả, nhưng cũng chưa phát triển kịp yêu cầu của xuất khẩu. Hàng nông sản xuất khẩu năm 1965 chỉ mới chiếm 19,5% giá trị hàng xuất khẩu (năm 1961 là 9%, năm 1962 là 15%), tỷ trọng ấy có được nâng lên nhưng vẫn còn thấp, trong 5 năm nay chưa thể tăng lên hơn nữa được.

Về hàng thủ công nghiệp, ta ra sức mở rộng thị trường xuất khẩu, chú trọng những loại hàng dựa vào nguồn nguyên liệu trong nước, kỹ thuật sản xuất tương đối khá (như thảm, chiếu cói, thảm len, đồ da, đồ sơn mài,...) và có tiền đồ tiêu thụ lâu dài.

Về các hàng công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, chúng ta cố gắng tăng mức xuất chè, thuốc lá, hoa quả hộp, các loại tinh dầu. Đối với những mặt hàng khác như giấy, vải, hàng dệt kim, đồ cao su, đồ sắt tráng men,... vì nguyên liệu phụ thuộc nước ngoài và do kỹ thuật sản xuất của ta còn kém, cho nên số lượng xuất khẩu không lớn lắm.

Về sản phẩm cơ khí, ta phải nâng cao trình độ kỹ thuật, sản xuất đúng tiêu chuẩn để có thể xuất khẩu được những loại máy thông thường như máy cắt gọt loại nhỏ, máy đổ bê tông, trộn vữa, máy cửa xe, máy xay sát gạo,... Ta phải nghiên cứu vấn đề hợp tác với một số nước anh em để phân công sản xuất.

Đối với những mặt hàng khác, như lâm sản, thổ sản,... chúng ta cũng phải ra sức thu mua để đẩy mạnh xuất khẩu.

Đối với những mặt hàng sản xuất cho nhu cầu trong nước (như Suppefötfát), nhưng tạm thời chưa dùng hết cũng có thể nghiên cứu xuất khẩu một phần để tăng thêm kim ngạch xuất khẩu.

2. Về nhập khẩu, phương hướng chung là phải hết sức giảm nhập khẩu những mặt hàng không thuộc nhu cầu cấp bách, mặt khác, ra sức nâng cao khả năng tự lực cánh sinh, cố gắng giải quyết những nhu cầu ta có thể tự giải quyết để tập trung nguồn ngoại hối bảo đảm những nhu cầu rất cần thiết cho sản xuất và cho đời sống nhân dân, tránh sử dụng ngoại hối một cách phân tán. Nhất là đối với ngoại hối tư bản, cần phải xét duyệt kỹ việc chi, kể cả chi để nhập những hàng cần thiết.

Giá trị nhập khẩu trong 5 năm là 702 triệu rúp mới, năm 1965 sẽ tăng 29,7% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 5,3%. Nhập về thiết bị toàn bộ là 220 triệu, thiết bị lẻ và phụ tùng là 102 triệu, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; 302 triệu, hàng tiêu dùng: 35 triệu. Tính ba năm sắp tới, số nhập là 432 triệu rúp mới.

Cơ cấu nhập khẩu năm 1965 sẽ như sau:

	1960	1962	Kế hoạch 1965	1965 so với 1960 (%)
Tổng số nhập khẩu	100	100	100	129,7
Tư liệu sản xuất	87,8	91,6	89,4	132,0
Hàng tiêu dùng	12,2	8,4	10,6	112,8

Trong 3 năm tới, phải bảo đảm nhập cho những nhu cầu sau đây:

- Bảo đảm nhập một số lương thực cần thiết (từ 34 đến 40 vạn tấn) để thêm lực lượng phân phối cho nhu cầu trong nước, để hoàn lại và bổ sung dự trữ của Nhà nước.

- Bảo đảm nhập phân đạm (khoảng 45 vạn tấn), thuốc trừ sâu và máy kéo để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, phải cố gắng dùng các hình thức như nhập trước, xuất sau mà tranh thủ nhập thêm.

- Bảo đảm nhập những nguyên liệu cần thiết cho sự hoạt động đều đặn của các xí nghiệp và các ngành nghề thủ công được Nhà nước khuyến khích.

- Bảo đảm nhập một số hàng tiêu dùng rất cần thiết cho đời sống và sức khoẻ nhân dân (đường, sữa, thuốc men,...).

- Về thiết bị lẻ và phụ tùng, kim ngạch nhập tuy có giảm so với những năm trước, nhưng được sử dụng một cách tập trung hơn, nhằm chủ yếu là tăng thêm lực lượng cho giao thông vận tải, phương tiện thi công cơ giới cho các công trình thuỷ lợi, trang bị thêm cho các ngành lâm nghiệp, thuỷ sản.

- Về thiết bị toàn bộ, cần quyết định sớm danh sách các đơn vị xây dựng để thương lượng điều chỉnh lại các hiệp định đã ký với các nước anh em; mặt khác, cần sớm xác định tiến độ thi công để bàn sớm việc phân giao thiết bị.

Với mức nhập khẩu dự kiến như trên, mức tồn kho của một số nguyên liệu như bông sợi, xăng dầu, cao su, sắt thép ôtô,..., đến cuối năm 1965 còn lại thấp. Đó là một điều cần đặc biệt chú ý.

Để hạn chế những khó khăn trong cung cấp và phân phối, ngành ngoại thương phải chú trọng nhập kịp thời và bảo đảm chất lượng hàng nhập, tránh tình trạng hàng nhập về dồn từng lúc.

3. *Cân đối xuất nhập khẩu.* Do xuất nhập không thăng bằng, trong thời gian kế hoạch 5 năm 1961-1965, chúng ta phải sử dụng 297 triệu rúp mới, trong đó có 17 triệu tiền viện trợ cũ còn lại và 280 triệu tiền vay. Đáng chú ý là trong số 297 triệu rúp mới này, chúng ta phải dùng tới 77 triệu (tức là 16% tổng số nhập trong 5 năm) để nhập thiết bị lẻ và hàng lẻ.

Tuy đã sử dụng tiền vay khá lớn như vậy, nhưng hàng năm ta vẫn còn bị nhập siêu. Đó là một hiện tượng không tốt, cần phải phấn đấu tích cực để đến cuối năm 1965 thanh toán cho

được, nhất là nợ nhập siêu đối với thị trường tư bản chủ nghĩa. Theo dự kiến, cuối năm 1964, ta vẫn còn nợ nhập siêu 12,3 triệu rúp mới, đến cuối 1965 mới có khả năng thanh toán hết.

Để bảo đảm kế hoạch xuất nhập khẩu, phải rất chú trọng những biện pháp tích cực để đẩy mạnh sản xuất và khai thác các mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là những mặt hàng có giá trị ngoại hối tư bản.

- Phải phấn đấu thực hiện vượt mức chỉ tiêu xuất về than, xi măng, apatít, gỗ và gỗ chế biến.

- Phải đẩy mạnh sản xuất của các nông trường quốc doanh về những cây hợp tác với bạn.

- Phải đẩy mạnh sản xuất và cải tiến phương thức thu mua đối với các loại sản phẩm nông nghiệp như đay, gai, cói, thuốc lá, lạc và vừng; phải chú trọng các sản phẩm chăn nuôi.

Trong khi đề ra những nhiệm vụ cho ngành ngoại thương trong kế hoạch này, cần phải nhìn qua kế hoạch dài hạn sau.

Theo dự tính, yêu cầu hàng nhập trong kế hoạch dài hạn sau rất lớn, đồng thời việc trả các khoản nợ và lãi đã vay của các nước anh em cũng sẽ rất khẩn trương. Do đó, cùng với việc chuẩn bị kế hoạch phát triển kinh tế trong những năm sau, để phát triển ngoại thương và mở rộng hợp tác với các nước anh em nhằm đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế của ta, cần phải xác định gấp những mặt hàng có giá trị xuất khẩu lâu dài, xây dựng cơ sở vững chắc cho xuất khẩu, và có chính sách và kế hoạch cụ thể phát triển hàng xuất khẩu. Chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp và cây ăn quả có giá trị xuất khẩu (chè, cao su, đay, gai, lạc, thuốc lá, cam, hoa quả, các loại rau,...) và các loại cây có dầu; chú trọng các loại gỗ và đặc biệt là phát triển cây luồng; đẩy mạnh công nghiệp chế biến gỗ (gỗ dán, gỗ lạng, gỗ bút chì...). Về khoáng sản, chú trọng đẩy mạnh công nghiệp than, khai thác và làm giàu apatít,...

Đồng thời, cần nghiên cứu việc mở rộng thêm sự hợp tác với các nước anh em trên nguyên tắc bình đẳng.

Xúc tiến mạnh những công tác nói trên mới làm cho ngoại thương có cơ sở hoạt động vững chắc, chủ động, phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

## VII- TÀI CHÍNH – TÍN DỤNG

### 1. *Thu chi tài chính*

Trên cơ sở nhịp độ tăng của sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ước tính số thu của ngân sách Nhà nước (phần vốn trong nước) bình quân hàng năm sẽ tăng khoảng 6,1%.

Trước hết, cần phải thực hiện đúng chính sách thu, tích cực tăng thu tài chính để bảo đảm tăng tích lũy, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống nhân dân. Phải động viên mọi nguồn thu trong các ngành kinh tế quốc doanh, hợp tác xã, qua đó, thực hiện phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý.

Trong 5 năm, số thu về kinh tế quốc doanh có khả năng tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong ngân sách; số thu về sự nghiệp ngày càng tăng và số thu về thuế vẫn còn giữ vị trí quan trọng. Phải quản lý chặt chẽ các nguồn thu xí nghiệp và sự nghiệp, đồng thời động viên nhân dân làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trong các xí nghiệp quốc doanh, phải không ngừng phấn đấu nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và phí lưu thông, nâng cao chất lượng sản phẩm, tổ chức tiêu thụ nhanh, bảo đảm kế hoạch thu cho ngân sách. Đồng thời phải vận dụng đúng chức năng của hệ thống tài chính - tín dụng, đẩy mạnh việc giám đốc bằng đồng tiền mọi hoạt động của các ngành kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã.

Nhà nước cần cải tiến, điều chỉnh và ban hành những chính sách và chế độ thu áp dụng cho kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã và bộ phận kinh tế cá thể còn lại. Phải sửa lại chính sách thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp cho phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay, vừa kích thích phát triển sản xuất, vừa bảo đảm tăng tích lũy cho Nhà nước.

Trong việc phân phối chi ngân sách, phải hết sức đề cao ý thức cần kiệm xây dựng Tổ quốc, chú trọng tăng dần tích lũy đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa; mặt khác, trên cơ sở sản xuất phát triển, phải chú trọng cải thiện dần đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Vừa phải thoả mãn yêu cầu của kế hoạch này, lại phải dành một phần vốn chuẩn bị cho kế hoạch sau; đồng thời phải dành một phần hợp lý cho quốc phòng và một lực lượng dự trữ vừa phải để giải quyết những yêu cầu đột xuất.

Vốn phân phối cho xây dựng cơ bản phải đáp ứng yêu cầu mở rộng tái sản xuất, trên cơ sở giải quyết một cách tích cực các mặt cân đối giữa vốn xây dựng cơ bản, vật tư và tài chính. Vốn chi cho các sự nghiệp kiến thiết kinh tế và văn hoá phải cân đối tốt hơn nữa với khả năng chung của ngân sách; nói chung, không nên tăng nhanh hơn nhịp độ tăng của ngân sách. Trong khoản chi cho các ngành giáo dục, văn hoá, cần dành một phần thích đáng để mua sắm dụng cụ giảng dạy và tài liệu học tập nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; đồng thời cần sửa lại diện cấp học bổng và vấn đề lương của cán bộ đi học cho hợp lý.

Theo phương hướng trên, tỷ lệ phân phối các khoản chi của ngân sách Nhà nước (phần vốn trong nước) dự định như sau: năm 1965 chi về tích lũy chiếm khoảng 51,7%, tiêu dùng chiếm 44,4%, trả nợ chiếm 1,2% và tổng dự bị phí chiếm 2,7%.

Việc phân phối tài chính cho các năm nói chung là căng thẳng, không thoả mãn đầy đủ yêu cầu của các ngành cho nên phải tiết kiệm hơn nữa: các khoản chi xét chưa thật cần thiết và có thể hoãn được thì nên hoãn. Phải quản lý chặt

chế các khoản chi để việc sử dụng vốn đem lại nhiều hiệu quả kinh tế hơn nữa. Trong phần vốn chi cho tích lũy, phải giữ một tỷ lệ hợp lý giữa vốn cố định và vốn lưu động, hết sức tiết kiệm vốn lưu động. Các cơ quan hành chính, quốc phòng phải đi sâu hơn nữa vào việc quản lý các chi tiêu, triệt để thực hành tiết kiệm; cố gắng giảm tỷ lệ chi về hành chính hơn nữa.

## 2. Tín dụng và tiền tệ

Mấy năm qua, công tác ngân hàng đã được mở rộng từ thành thị đến nông thôn, đã bổ sung cho công tác tài chính một cách có hiệu quả và trở thành một khâu quan trọng trong hệ thống tài chính xã hội chủ nghĩa, bên cạnh tài vụ xí nghiệp và ngân sách Nhà nước.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ngân hàng phải thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

- Mở rộng tín dụng, ra sức giúp đỡ vốn và kỹ thuật cho các hợp tác xã nông nghiệp tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất - kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất. Giữa Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã vay mượn cần kết hợp chặt chẽ và sử dụng hợp lý lực lượng hợp tác xã trong việc phát triển nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn ở nông thôn, làm cho hợp tác xã tín dụng thực sự trở thành cánh tay phải của Ngân hàng Nhà nước và là một bộ phận khăng khít của hệ thống tín dụng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

- Ra sức cải tiến công tác kế hoạch hoá lưu thông tiền tệ, tổ chức điều hoà tiền tệ phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hoá và tiền mặt. Đồng thời tăng cường và mở rộng công tác thanh toán không dùng tiền mặt, củng cố sức mua của đồng tiền, góp phần ổn định giá cả, khuyến khích sản xuất. Trên cơ sở giữ mức giá cả, đến cuối năm 1965, phấn đấu rút khối lượng tiền lưu thông trên thị trường xuống một ít so với năm 1962; cố gắng đẩy mạnh công tác quản lý tiền mặt và huy động tiết kiệm. (Dự tính sẽ thu hồi về quỹ ngân hàng khoảng 35-40 triệu đồng). Phải kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng quỹ

tiền mặt ở các cơ quan; tăng cường và mở rộng công tác quản lý quỹ tiền lương ở các cơ sở sản xuất và lưu thông.

- Thông qua tín dụng, tăng cường kiểm soát bằng đồng tiền, thúc đẩy mở rộng chế độ hạch toán kinh tế, động viên các nguồn dự trữ tiềm tàng, sử dụng vốn một cách tiết kiệm và có lợi nhất, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của đồng vốn, nhất là trong các xí nghiệp quốc doanh. Hạn chế hơn nữa và tiến tới không dùng hình thức tín dụng thương mại trong hoạt động kinh tế, trước hết là trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó phát huy hơn nữa vai trò của công tác tín dụng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân.

## VIII- VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG, NÂNG CAO NĂNG SUẤT

### LAO ĐỘNG; ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

#### VÀ CÔNG NHÂN LÀNH NGHỀ

1. Phương hướng công tác lao động trong thời gian sắp đến là tổ chức, sắp xếp và sử dụng lực lượng lao động xã hội cho phù hợp với quy luật phân bổ lao động trong thời kỳ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là phân bổ hợp lý lực lượng lao động giữa sản xuất nông nghiệp và các ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản và các ngành khác, để bảo đảm yêu cầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và bảo đảm đủ lao động cho nông nghiệp đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất và mở rộng diện tích, đồng thời phân bổ hợp lý lực lượng lao động giữa đồng bằng và miền núi. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhân khẩu phi nông nghiệp, đặc biệt là nhân khẩu thành phố phù hợp với khả năng cung cấp lương thực và thực phẩm. Quản lý chặt chẽ biên chế Nhà nước, tăng lao động vào các ngành sản xuất vật chất. Tăng cường cơ giới hoá những khâu sản xuất tốn nhiều lao động, phấn đấu nâng cao năng suất lao động để mở rộng khả năng tích lũy và cải

thiện đời sống nhân dân. Tăng cường công tác kế hoạch hoá lao động và quản lý lao động.

Nhân khẩu ở miền Bắc, theo nhịp độ phát triển sau chiến tranh và sau cách mạng, tăng rất nhanh, năm 1965 sẽ lên 19.214.000 người, so với năm 1960 tăng trên 3 triệu người. Do hậu quả của chiến tranh và của nạn đói năm 1944-1945, tỷ trọng người đủ tuổi lao động trong dân số sẽ sụt dần trong một thời gian dài; năm 1955 chiếm 48,5%, năm 1962: 42,6%, năm 1965 sẽ còn 40,6%. Do việc quản lý lao động còn kém, nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp và lao động ở khu vực không sản xuất đã tăng nhanh quá mức cần thiết.

Vì vậy, một nhiệm vụ rất lớn của công tác lao động là tổ chức, sắp xếp và sử dụng hợp lý lực lượng lao động xã hội, trước hết bảo đảm đủ lao động cho các ngành sản xuất vật chất để tăng nhanh của cải xã hội. Đối với nông nghiệp, phải giữ đúng mức lực lượng lao động trẻ ở nông thôn và tăng thêm lao động kỹ thuật cho nông thôn. Đối với vùng thiếu nhân lực (miền núi, trung du), thì đi đôi với kế hoạch khai hoang, phải phối hợp lực lượng nhiều ngành để tăng thêm lực lượng lao động. Ước tính cần đưa khoảng 40 vạn lao động, kể cả gia đình thì khoảng 80 vạn nhân khẩu đi vùng khai hoang. Đối với vùng đồng bằng bình quân ruộng đất thấp, nhân lực dồi dào thì ngoài kế hoạch đưa dân đi, còn phải tích cực đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, phát triển nhiều ngành nghề, phát triển thủ công nghiệp chế biến nông sản để thu hút lao động thừa. Để nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, phải tích cực cải tiến công cụ ở những khâu thu hút nhiều lao động (thuỷ lợi, vận chuyển, v.v.).

- Đối với các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, kiến trúc,... cần phải đẩy mạnh trang bị kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, cơ giới hoá sớm những khâu thủ công tốn nhiều người, tăng cường lực lượng lao động kỹ thuật, phấn đấu lấy tăng năng suất làm chính để tăng giá trị sản lượng.

- Trong điều kiện nông nghiệp của ta sản xuất hàng hoá còn thấp, phải kế hoạch hoá việc phát triển nhân khẩu phi nông nghiệp. Việc tăng lao động cho các ngành không sản xuất nông nghiệp phải phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp, xây dựng cơ bản, vận tải, v.v., nhưng không nên để nhân khẩu phi nông nghiệp và nhất là nhân khẩu thành phố tăng nhanh quá mức cần thiết, vượt quá khả năng cung cấp lương thực, thực phẩm và hàng hoá.

Phải có chính sách toàn diện: đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập của nông dân. Nghiên cứu mức lương tối thiểu của lao động giản đơn ở công trường và nhà máy, không để chênh lệch quá so với thu nhập của nông dân. Tổ chức lại giáo dục phổ thông nông nghiệp, đào tạo cán bộ kỹ thuật cho nông nghiệp với hình thức thích hợp để khuyến khích thanh niên nông thôn đi vào sản xuất nông nghiệp, đưa nông thôn tiến mau lên chủ nghĩa xã hội.

Cần phải kế hoạch hoá việc phát triển nhân khẩu phi nông nghiệp, đến năm 1965 lên khoảng 3,7 – 3,8 triệu người; phải ổn định nhân khẩu thành phố trong một thời gian dài, đến năm 1965 khống chế vào khoảng 2,5 triệu người (chiếm 13% dân số), trong đó nhân khẩu nội thành khoảng 1,5 triệu người. Trước mắt, phải giảm bớt mức tập trung nhân khẩu ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, phải kiên quyết chuyển một số cơ quan, trường học đi nơi khác, vận động một số ngành nghề chuyển đến làm ăn ở các thị trấn và khu công nghiệp mới. Các cơ quan và ngành ở trung ương phải quan tâm giúp Hà Nội, Hải Phòng phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, như cung cấp thêm phế liệu, phế phẩm cho thủ công nghiệp, giao thêm nhiệm vụ sản xuất cho các thành phố, phân phối thêm nguyên liệu gia công, khi tổ chức công trường hoặc xây dựng nhà máy mới thì trước hết phải lấy người ở thành phố, tránh tuyển mộ người ở nông thôn.

2. Phải chỉ đạo chặt chẽ việc phát triển biên chế Nhà nước, vì một nguyên nhân chủ yếu làm tăng nhanh nhân khẩu phi nông nghiệp là do tăng biên chế Nhà nước.

Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá và dựa vào khả năng tăng năng suất lao động, dự tính đến năm 1965 sẽ đưa tổng số công nhân, viên chức lên 75 vạn người, so với năm 1960 tăng 22,2 vạn; trong 3 năm tới (1963-1965) tăng 9,5 vạn người, bình quân mỗi năm tăng 4,6%, tức là trên 3 vạn người. Số người trong khu vực sản xuất là 578.000, so với năm 1960 bình quân mỗi năm tăng 4,8% trong đó ngành công nghiệp mỗi năm tăng 13,3%, nông trường tăng 9,6%, thương nghiệp giảm 2,6%. Số người trong khu vực không sản xuất là 172.000, bình quân hàng năm tăng 5,5%, trong đó ngành văn hoá giáo dục bình quân hàng năm tăng 13,2%, y tế tăng 11,9%, các cơ quan hành chính và đoàn thể bình quân giảm 2,4%.

Các ngành trong khu vực sản xuất phải cố gắng hàng năm giảm bớt tỷ lệ người không trực tiếp sản xuất từ 0,5% đến 1%. Phải tiến hành định mức lao động có căn cứ kỹ thuật, tăng cường cơ giới hoá các khâu sản xuất thủ công tốn nhiều lao động trong các xí nghiệp, công trường, nông trường và trong thương nghiệp.

Trong khu vực không sản xuất, phải quy định tổ chức và biên chế cho mỗi cơ quan trong một thời gian dài, quy định tổ chức và biên chế cho mỗi loại tỉnh, huyện; phát triển rộng rãi hình thức dân lập trong các ngành giáo dục và y tế.

3. *Phấn đấu tăng năng suất lao động là nhiệm vụ hàng đầu của tất cả các ngành kinh tế.* Trong những năm tới có nhiều nhân tố thuận lợi để tăng năng suất lao động. Sản xuất cơ khí trong nước phát triển sẽ tăng khả năng trang bị kỹ thuật cho các ngành. Tài sản cố định trong các ngành đều tăng lên nhiều, riêng trong công nghiệp tăng gấp 3 lần so với 5 năm qua (1956-1960), do đấy sẽ nâng mức trang bị cơ giới cho lao động. Trình độ lành nghề của công nhân được nâng cao, lực

lượng lao động kỹ thuật tăng thêm nhiều, trình độ tổ chức và quản lý lao động, quản lý xí nghiệp được cải tiến. Do đấy kế hoạch tăng năng suất lao động trong các ngành dự định như sau:

+ Trong công nghiệp quốc doanh, năng suất lao động bình quân hàng năm tăng 8%.

+ Trong ngành xây dựng cơ bản do trung ương quản lý, bình quân tăng 5,5%.

+ Trong nông trường quốc doanh, bình quân tăng 9%.

+ Trong ngành vận tải, bình quân tăng 7,5%.

Phương hướng chung để tăng năng suất lao động là cải tiến kỹ thuật, cải tiến công cụ lao động, tiến hành cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá những khâu sản xuất chủ yếu, nâng cao trình độ lành nghề của cán bộ và công nhân, cải tiến quản lý lao động, cải tiến quản lý xí nghiệp. Cụ thể trong một số ngành như sau:

- Công nghiệp: Tăng thêm thiết bị để cân đối dây chuyền sản xuất trong một số xí nghiệp, thay đổi thiết bị quá lạc hậu, cơ giới hoá những bộ phận công tác nặng nhọc, tốn nhiều sức lao động. Chú trọng khâu rèn, đúc, vận chuyển trong mỏ, vận chuyển trong nội bộ xí nghiệp (chở than, xỉ lò, nguyên liệu, thành phẩm v.v.), khâu xếp gỗ ở các xưởng gỗ thuộc các địa phương. Tiến hành quy hoạch ngành cơ khí, thực hiện chuyên môn hoá và hiệp tác hoá sản xuất, xác định mặt hàng để sản xuất hàng loạt, tăng năng suất lao động. Cơ giới hoá nghề khơi, tăng mức cơ giới hoá trong lâm nghiệp, cải tiến kỹ thuật sản xuất nghề muối, v.v..

Cải tiến việc cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và động lực cho sản xuất. Đối với một số xí nghiệp thực phẩm sản xuất có tính chất thời vụ, nghiên cứu giao nhiệm vụ sản xuất phụ thích hợp để tận dụng công suất thiết bị và lao động.

Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao số giờ làm việc trong năm, tăng giờ công có ích trong ngày lao động, đẩy mạnh công tác phòng hộ lao động.

- Xây dựng cơ bản: Phấn đấu nâng tỷ lệ sử dụng máy thi công hiện có, từ khoảng 35% năm 1962 lên khoảng 50% đến 60% năm 1965; chú trọng cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá một số khâu chủ yếu tốn nhiều sức lao động như: làm đất đá, vận chuyển mặt bằng, vận chuyển lên cao, trộn vữa và bê tông. Chú trọng mở rộng thi công cơ giới trong công tác thuỷ lợi và làm đường giao thông miền núi.

- Vận tải: Thực hiện cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá từng phần hoặc toàn bộ khâu bốc dỡ, tổ chức sửa chữa lớn kịp thời để nâng cao việc sử dụng công suất thiết bị và phương tiện, thực hiện vận tải hai chiều, áp dụng dần vận trù học vào công tác vận tải.

#### ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ CÔNG NHÂN LÀNH NGHỀ

Trong mấy năm qua, chúng ta đã cố gắng nhiều trong việc đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, đã xây dựng được một hệ thống trường đại học và trung cấp và một số trường lớp đào tạo công nhân kỹ thuật, đã đào tạo được một đội ngũ bao gồm hàng vạn cán bộ chuyên môn, kỹ thuật và trên 10 vạn công nhân kỹ thuật, nhờ đó chúng ta đã khắc phục một phần đáng kể tình hình thiếu cán bộ nghiêm trọng trước đây.

Trong khu vực kinh tế của Nhà nước, tỷ lệ cán bộ kỹ thuật so với công nhân kỹ thuật đã tăng lên nhanh chóng.

Cán bộ có trình độ đại học so với công nhân kỹ thuật trong công nghiệp từ 1/80 năm 1960 lên 1/49 năm 1962, trong kiến trúc từ 1/73 lên 1/63, trong giao thông vận tải từ 1/368 lên 1/81.

Cán bộ trung cấp so với công nhân kỹ thuật: trong công nghiệp từ 1/235 năm 1960 lên 1/14 năm 1962, trong kiến trúc từ 1/16 lên 1/10.

Nhưng trong một số ngành như nông trường quốc doanh, khai thác mỏ, vật liệu xây dựng, thực phẩm..., cán bộ kỹ

thuật có trình độ đại học vẫn còn thiếu. Đặc biệt trong khu vực kinh tế tập thể thì hầu như chưa có cán bộ kỹ thuật có trình độ khá.

Về cán bộ quản lý thì còn thiếu rất nhiều kỹ sư kinh tế.

Cán bộ của ta phần lớn là mới ra trường, trình độ chuyên môn và kỹ thuật còn thấp, kinh nghiệm thực tế còn ít. Hiện nay chúng ta còn thiếu nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng nhu cầu sản xuất, xây dựng, nghiên cứu khoa học và nhu cầu giảng dạy ngày càng phức tạp.

Về đào tạo công nhân kỹ thuật, tuy hiện nay đã có trên 10 vạn công nhân kỹ thuật, nhưng phần lớn mới là công nhân biết nghề, số công nhân lành nghề nắm vững kỹ thuật còn ít, do đó đã hạn chế rất nhiều việc sử dụng tốt thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, đưa đến những sự lãng phí và thiệt hại. Trong những năm tới phải ra sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề, phương hướng chung là: "Mạnh dạn sử dụng và ra sức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật hiện có, để cho cán bộ và công nhân phát huy khả năng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, tiếp tục phát triển lực lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật mới, kịp với yêu cầu phát triển kinh tế và văn hoá trong những năm tới và cho kế hoạch sau; tích cực chuẩn bị cán bộ cho miền Nam".

Chú trọng đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế. Chú trọng đào tạo cho cả khu vực kinh tế tập thể, nhất là cho hợp tác xã nông nghiệp. Phát triển về số lượng nhưng phải rất coi trọng nâng cao chất lượng. Xúc tiến đào tạo một số lớn cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao để chuẩn bị cho bước chuyển biến căn bản trong nền kinh tế vào cuối kế hoạch dài hạn sau. Về đào tạo công nhân phải tăng nhanh số công nhân kỹ thuật, ra sức đào tạo với quy mô lớn những công nhân lành nghề, nắm vững kỹ thuật trong sản xuất và xây dựng, đặc biệt chú trọng đào tạo công nhân lành nghề cho các ngành cơ khí, khai thác mỏ, điện, hoá chất,

luyện kim,... Phải nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp trong toàn bộ công nhân sản xuất.

Dưới đây là mục tiêu phấn đấu về cán bộ trong một số ngành:

- Trong nông nghiệp: đến năm 1965 trung bình mỗi tỉnh có 11 cán bộ kỹ thuật trình độ đại học và 25 cán bộ kỹ thuật trung cấp, mỗi huyện có khoảng 2-3 cán bộ đại học và 12 cán bộ trung cấp, mỗi xã có khoảng hai cán bộ trung cấp. Khoảng năm 1970, mỗi tỉnh sẽ có 14 cán bộ đại học; mỗi huyện sẽ có độ 7-8 cán bộ đại học và 20 cán bộ trung cấp; 7 xã sẽ có 1 cán bộ đại học, mỗi hợp tác xã sẽ có 1-2 cán bộ trung cấp.

- Trong các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng,... đến năm 1965, nói chung cứ 100 công nhân kỹ thuật sẽ có từ 1-2 cán bộ kỹ thuật đại học và từ 5-6 cán bộ kỹ thuật trung cấp. Cố gắng phấn đấu trong khoảng 10-15 năm sẽ có một đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ sư trưởng, tổng công trình sư có khả năng giải quyết những vấn đề kỹ thuật trong sản xuất và xây dựng nói chung.

- Trong công tác nghiên cứu khoa học, đến năm 1965, chúng ta mới có khoảng 150 cán bộ có trình độ phó tiến sĩ; cố gắng phấn đấu trong khoảng 10-15 năm sẽ có một đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao, có khả năng tổ chức nghiên cứu khoa học, có khả năng truyền lại kiến thức khoa học và kỹ thuật có hệ thống để bảo đảm công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy, đào tạo cán bộ có trình độ cao ngay ở trong nước.

- Trong ngành y tế đến năm 1965 cứ 8.780 người dân sẽ có 1 bác sĩ và cứ 1.800 người dân sẽ có 1 y sĩ.

Căn cứ vào phương hướng và những mục tiêu nói trên, đến năm 1965 số sinh viên đại học có mặt đầu năm học sẽ lên đến 36.830 người, tăng 236% so với năm 1960; số học sinh trung cấp có mặt đầu năm học sẽ lên đến 54.440 người, tăng 175% so với năm 1960.

Tỷ trọng tuyển sinh vào các ngành chủ yếu sẽ như sau:

	Đại học	Trung cấp
- Công nghiệp	17,2	13,5
- Kiến trúc	7,8	6,9
- Giao thông vận tải	3,3	3,7
- Nông lâm, thủy lợi	10,0	30,0
- Kinh tế tài chính	15,7	14,3
- Giáo dục	34,0	19,3
- Y tế, thể thao	7,1	8,3

Từ năm 1963 đến năm 1965, trung bình mỗi năm sẽ cố gắng đưa khoảng từ 300-400 sinh viên tốt nghiệp đại học ra nước ngoài học tập để nâng lên trình độ phó tiến sĩ, tiến sĩ, kỹ sư trưởng, tổng công trình sư. Về công nhân kỹ thuật trong 5 năm (1961-1965) dự định đào tạo 200.000, trong đó có 1.000 công nhân đưa đi học ở nước ngoài.

Để bảo đảm thực hiện tốt những chỉ tiêu nói trên, phải tăng cường chỉ đạo công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề.

1. Trước hết, phải kiện toàn Bộ Giáo dục, nhất là bộ phận giáo dục đại học và chuyên nghiệp, tiến tới thành lập Bộ Giáo dục cao đẳng để chỉ đạo việc đào tạo cán bộ đại học và trung cấp về các mặt: quy chế, tiêu chuẩn, quy mô trường, lớp, nội dung, chương trình, thời hạn đào tạo, quy chế và tiêu chuẩn lựa chọn giảng viên, học sinh,... Ở mỗi bộ cũng phải kiện toàn bộ phận đào tạo cán bộ để giúp bộ chỉ đạo tốt công tác này.

2. Trong lúc tài chính, thiết bị, lực lượng giảng dạy còn có hạn, cán bộ không thiếu nghiêm trọng như trước, phải xem xét lại quy mô nhà trường như thế nào cho thích hợp, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Xúc tiến sắp xếp các trường, lớp, nâng cao chất lượng giảng dạy, khắc phục tình trạng phân tán, dạy trùng nhau.

Phát triển những trường trung cấp kỹ thuật bên cạnh một số xí nghiệp lớn, tạo điều kiện tốt để gắn liền học tập với thực tế sản xuất.

Tăng cường hệ thống các trường đào tạo cán bộ nông nghiệp, bổ sung thiết bị cho các trường trung cấp nông nghiệp ở các tỉnh, cố gắng mỗi tỉnh có một trường trung cấp nông nghiệp để đào tạo cán bộ cho xã và hợp tác xã trong tỉnh.

3. Đối với đội ngũ những người giảng dạy hiện nay ở các trường đại học và trung cấp, cần tiến tới quy định tiêu chuẩn giảng dạy cho các trường. Tăng cường bồi dưỡng giảng viên về các mặt chính trị, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế.

Hàng năm sẽ đưa một số giảng viên các trường đại học đi học bổ túc ở nước ngoài để nâng cao trình độ; mặt khác phải tạo mọi điều kiện để các giảng viên có thể đi sâu vào công tác nghiên cứu khoa học và đi sát thực tế sản xuất.

Hiện nay phần lớn cán bộ giảng dạy một số trường trung cấp kỹ thuật vừa mới tốt nghiệp ra, chưa có kinh nghiệm thực tế. Điều đó ảnh hưởng nhiều đến chất lượng đào tạo cán bộ. Vì vậy phải có kế hoạch bổ sung những cán bộ giảng dạy đã có kinh nghiệm sản xuất, thay thế một số giảng viên đưa về các cơ sở sản xuất.

4. Phát triển mạnh hình thức học tập không thoát ly sản xuất, không thoát ly công tác như: học ban đêm, học theo lối gửi thư tại các trường đại học và trung cấp để có thể tăng nhanh số lượng sinh viên và học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho đông đảo công nhân và cán bộ có thể nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ thuật.

Việc đào tạo cán bộ ở ngoài nước phải hướng mạnh vào việc đào tạo những cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao, giảm, và tiến tới trong một số năm, sẽ không gửi học sinh ra nước ngoài học đại học.

5. Việc lấy học sinh vào các trường đại học và trung cấp, phải lựa chọn kỹ, chú trọng cả về ba mặt: tư tưởng, văn hoá, sức khoẻ. Tăng mạnh hơn nữa thành phần công nhân sản xuất, cán bộ phụ nữ, cán bộ dân tộc ít người, sinh viên và học sinh người miền Nam.

6. Sử dụng tốt các cán bộ ra trường, mạnh dạn giao việc, phát huy khả năng của họ, đồng thời chú trọng bồi dưỡng họ. Kiên quyết khắc phục tình trạng sử dụng cán bộ một cách tùy tiện, lãng phí: học ngành nghề này chuyển sang làm ở ngành nghề khác, không có quan hệ với điều đã học.

## IX- GIÁO DỤC, VĂN HOÁ, BẢO VỆ SỨC KHOẺ

Đồng thời với cuộc cách mạng về kinh tế, chúng ta phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật. Để làm tốt nhiệm vụ ấy, phải đẩy mạnh công tác giáo dục và đấu tranh tư tưởng. Nhiệm vụ của các ngành giáo dục, văn hoá, bảo vệ sức khoẻ là phải phát huy khả năng của ngành mình, thiết thực phục vụ công tác giáo dục và đấu tranh tư tưởng, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, thiết thực phục vụ nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân. Các công tác giáo dục, văn hoá, bảo vệ sức khoẻ phải được phát triển thêm một bước, chú trọng cả về số lượng và chất lượng.

### 1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục có nhiệm vụ bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ nước nhà, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hoá và kỹ thuật, có sức khoẻ để xây dựng xã hội mới và để phục vụ đắc lực việc đào tạo cán bộ; có nhiệm vụ không ngừng nâng cao trình độ văn hoá và kỹ thuật cho nhân dân lao động, tạo điều kiện cho quần chúng tiến quân vào khoa học kỹ thuật.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, sự nghiệp giáo dục phải phát triển mạnh mẽ nhưng phải vững chắc. Phải giữ vững sự cân đối giữa phát triển giáo dục với phát triển kinh tế, phục vụ sản xuất, góp phần tích cực vào phong trào cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý kinh tế, vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Nền kinh tế có phát triển, đời sống của nhân dân có được

nâng cao mới tạo điều kiện cho giáo dục phát triển nhanh, mạnh và vững chắc.

Trong khi phát triển giáo dục, phải giữ vững cân đối giữa số lượng và chất lượng. Từ năm 1965 trở đi, trên cơ sở những thành tích đã đạt được, phải hết sức chú trọng đến chất lượng. Việc phát triển về số lượng được thực hiện với điều kiện là chất lượng được bảo đảm không ngừng nâng cao.

Giữ vững sự cân đối giữa phát triển giáo dục phổ thông cho thiếu niên với giáo dục bổ túc cho người lớn, giữa miền xuôi với miền núi, giữa vùng thấp và vùng cao. Bổ túc văn hoá vẫn là công tác hàng đầu của ngành giáo dục, có một vai trò đặc biệt quan trọng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa, yêu cầu cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, yêu cầu đào tạo cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý cho các ngành kinh tế. Các ngành, các cơ quan đoàn thể có trách nhiệm về việc tổ chức và đôn đốc công tác bổ túc văn hoá thuộc phạm vi mình phụ trách. Các ngành công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ ngành giáo dục trong công tác giáo dục kỹ thuật.

Ngành giáo dục phổ thông sẽ thực hiện dần từng bước và có chuẩn bị tốt việc phổ cập cấp I cho thiếu niên, trước hết ở miền xuôi và vùng thấp của miền núi.

Cấp II và cấp III được phát triển mạnh nhưng phải tính toán vững chắc, chú trọng chất lượng để chuẩn bị tốt cho thanh niên, thiếu niên bước vào đời sống, tham gia sản xuất. Cố gắng đáp ứng thích đáng yêu cầu học tập của con em nhân dân, nhưng phải căn cứ vào khả năng của Nhà nước, mức đóng góp của nhân dân và thực lực của bản thân ngành giáo dục. Mặt khác, phải bảo đảm không ảnh hưởng đến lực lượng sản xuất, đến vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, phải nghiên cứu lại

độ tuổi học ở trường phổ thông cho thích hợp. Phải củng cố và phát triển loại trường phổ thông có học nghề, vừa học tập vừa lao động sản xuất, vừa học văn hoá vừa học kỹ thuật. Có thể mở các lớp phổ thông không hoàn chỉnh, tổ chức theo yêu cầu và khả năng của địa phương.

- Về cải cách giáo dục: để thực hiện toàn diện đường lối giáo dục của Đảng, đào tạo con người mới cho chủ nghĩa xã hội và nâng cao chất lượng của giáo dục, phải bắt đầu tiến hành một cuộc cải cách giáo dục theo nguyên tắc chung là làm cho Nhà trường gắn liền hơn nữa với đời sống và sản xuất.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 1965 là:

- Về bổ túc văn hoá: phải phổ cập cấp I (lớp 1 và 2) cho các xã viên hợp tác xã nông nghiệp, bảo đảm trình độ hết cấp I và một số có trình độ cấp II cho các đối tượng chính và đối tượng chủ chốt, trước hết cho các cán bộ lãnh đạo ở xã và hợp tác xã và những thanh niên tiên tiến có thành tích trong sản xuất.

Việc học phải gắn liền học văn hoá với học kỹ thuật, thực hiện phương châm cần gì học nấy. Hình thức học chủ yếu là tại chức, các hình thức trường tập trung như bổ túc văn hoá công nông, phổ thông lao động sẽ thu hẹp.

- Về giáo dục phổ thông: năm 1965, học sinh cấp I sẽ lên tới 2.464.000, tăng 93,9% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 8,6%. Cấp II sẽ có 838.000 học sinh phổ thông thường, tăng 246,6% so với năm 1960, bình quân tăng 28,2%. Các trường phổ thông học nghề vừa học vừa làm có 150.000 học sinh. Cấp III đến năm 1965 sẽ lên tới 97.800 học sinh, tăng 274,6% so với năm 1960, bình quân tăng 30,2%. Trong các năm cuối kế hoạch tỷ lệ tuyển sinh cho cấp III từ 25 đến

27%. Như vậy mỗi năm còn chừng non 10 vạn học sinh tốt nghiệp lớp 7, đại bộ phận sẽ trực tiếp tham gia sản xuất ở địa phương. Học sinh tốt nghiệp lớp 10 hàng năm độ 2 vạn. Số vào các trường đại học độ 7 - 8 nghìn. Còn lại có thể vào các ngành chuyên nghiệp trung cấp và công nhân kỹ thuật.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục trong kế hoạch 5 năm, phải hết sức chú ý vấn đề đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Số giáo viên tăng thêm khoảng 57.000 người là một lực lượng lớn cần được lãnh đạo và bồi dưỡng tốt nhằm đưa trình độ giáo viên hiện nay lên ngang với yêu cầu của mỗi lớp, mỗi cấp. Chú trọng giải quyết giáo viên cho các lớp bổ túc văn hoá cho đối tượng chính. Cần chấp hành đúng các chính sách và chế độ đãi ngộ vật chất với giáo viên dân lập và giáo viên dạy bổ túc văn hoá.

Do nhu cầu phát triển hiện nay, ở nhiều nơi, trường sở xây dựng không đúng quy cách, thiếu vệ sinh, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng học tập và sức khoẻ học sinh. Do đó, phải đặc biệt chú trọng việc xây dựng trường sở, có sự hướng dẫn về quy cách thích hợp với điều kiện, khả năng và phương tiện của từng vùng; cùng với việc đầu tư của Nhà nước, phải lãnh đạo tốt công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng các cơ sở thí nghiệm và sắm các dụng cụ giảng dạy, bảo đảm nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy.

## 2. Văn hoá

Trong 5 năm, phải phát triển hơn nữa các công tác văn hoá nhằm phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị và kinh tế, thiết thực phục vụ cho nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cho phát triển nông nghiệp, góp phần vào việc củng cố quan hệ sản xuất mới và cuộc đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà. Phải hướng mọi công tác chủ yếu đi sâu vào cuộc cách mạng văn hoá và kỹ thuật, nhằm xây dựng con người mới, cuộc sống mới, tham gia tích cực vào việc xây dựng một nền văn hoá mới, tiên tiến, dân tộc và xã hội chủ nghĩa, giáo

dục truyền thống, giáo dục tư tưởng Mác - Lênin, làm cho tư tưởng Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong nhân dân.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá nghệ thuật, chú trọng việc sưu tầm, nghiên cứu và khai thác, chú trọng công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ đáp ứng cho yêu cầu ngày càng phát triển của phong trào. Mặt khác, phải tích cực kiện toàn việc quản lý tổ chức sự nghiệp văn hoá, tận dụng hết cơ sở vật chất và khả năng cán bộ hiện có, chỉ phát triển thêm với mức độ thật cần thiết, phù hợp với tình hình kinh tế chung. Đồng thời phải dựa vào nhân dân và phúc lợi của tập thể mà ra sức đẩy mạnh phong trào văn hoá quần chúng.

Trong công tác cụ thể, phải tăng cường chỉ đạo và đẩy mạnh hoạt động hơn nữa xuống cơ sở, chỉ đạo chặt chẽ nội dung các hoạt động văn hoá nghệ thuật, để phát huy hơn nữa khả năng của toàn ngành, hướng vào các yêu cầu của nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm trong từng thời gian, ở toàn quốc cũng như ở từng địa phương. Phải chú trọng giải quyết tốt vấn đề kịch bản cho điện ảnh, sân khấu, tiết mục cho văn công, bản thảo cho xuất bản với nội dung chất lượng tốt, nhằm phục vụ cuộc cách mạng tư tưởng, văn hoá, kỹ thuật, xây dựng con người mới. Trong những năm tới, công tác văn hoá phải góp phần tích cực trong việc tuyên truyền giáo dục phục vụ cho hai cuộc vận động lớn, làm cho nhân dân nhất trí về tư tưởng và chính trị, về chủ trương và chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Công tác văn hoá phải thiết thực góp phần giải quyết những vấn đề cụ thể trong nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, xây dựng và cải thiện đời sống nhân dân, lấy việc vận động thực hiện kế hoạch Nhà nước, giáo dục tư tưởng và phổ biến khoa học và kỹ thuật làm nội dung chủ yếu. Phải chăm lo kiện toàn và củng cố bộ máy, đề cao ý thức phục vụ quần chúng cho cán bộ trong ngành.

Phấn đấu để nâng cao dần mức sinh hoạt văn hoá của quần chúng cơ bản, phấn đấu thực hiện mức bình quân một đầu người về sách từ 1,8 bản năm 1960 lên 1,85 bản năm 1965, về báo từ 4,09 lên 4,2; từ 3,8 lượt người xem chiếu bóng lên đến 6 lượt năm 1965; xem nghệ thuật từ 0,6 lượt lên 0,8 lượt. Phải nâng cao chất lượng sách báo, tổ chức hợp lý việc xuất bản và tăng cường công tác phát hành đưa sách báo tới tay người đọc. Điện ảnh phải tích cực dựa vào khả năng trong nước là chủ yếu mà tăng thêm đơn vị chiếu bóng, tăng thêm số phim tự xây dựng ở trong nước. Tăng cường sản xuất và chiếu các loại phim tài liệu và thời sự phục vụ cho sản xuất, và cho động viên chính trị.

Về các đơn vị nghệ thuật, trong kế hoạch 5 năm chủ yếu là củng cố và nâng cao các đơn vị của Nhà nước làm mẫu mực chỉ đạo cho phong trào, đồng thời phát triển mạnh các tổ chức nghiệp dư của quần chúng, nhất là hướng dẫn cho phong trào ở các xí nghiệp, cơ quan, và hợp tác xã sản xuất phát triển lành mạnh, chú trọng bồi dưỡng các đội nòng cốt của phong trào nghiệp dư.

Ngành truyền thanh phải tăng thêm mạng lưới quốc lập lên trên 2,5 lần so với năm 1960 và giúp đỡ quần chúng phát triển việc nghe đài thật rộng rãi.

Công tác thư viện, câu lạc bộ, bảo tàng phải củng cố, nâng cao chất lượng và phát huy mạnh mẽ tác dụng giáo dục, tuyên truyền, học tập cho cán bộ, nhân viên ở cơ quan, công trường, nông trường, xí nghiệp và trường học làm nòng cốt để mở rộng cơ sở phục vụ quần chúng.

Ở miền núi, công tác văn hoá phải chú trọng từng bước vững chắc phổ biến khoa học và kỹ thuật, xây dựng nếp sống mới để bớt dần mê tín dị đoan, và các tệ tục. Kết hợp chặt chẽ các lực lượng quân đội, công an biên phòng, cán bộ y tế... để tăng cường hoạt động, đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, nâng cao tinh thần yêu nước, đấu tranh, đoàn kết dân tộc, mở rộng việc giao lưu văn hoá giữa các vùng dân tộc thiểu số, phát huy văn hoá các dân tộc.

Đi đôi với các hoạt động trong nước, phải tăng cường hơn nữa việc trao đổi văn hoá với các nước, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước láng giềng. Chú trọng các nước Á - Phi và Mỹ latin.

### 3. *Bảo vệ sức khoẻ*

Vấn đề nâng cao sức khoẻ để nâng cao năng suất lao động xã hội ngày càng trở thành một yêu cầu quan trọng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá của nước ta. Những thiết bị kỹ thuật ngày càng được tăng thêm trong sản xuất công nghiệp và khối lượng lao động ngày càng nhiều thêm trong nông nghiệp đòi hỏi mỗi công nhân, nông dân, mỗi cán bộ và nhân viên công tác phải có một sức lao động nhất định cần thiết mới bảo đảm được nhiệm vụ. Trước yêu cầu ấy, *phải quan tâm bồi dưỡng và phát triển sức khoẻ của mỗi người lao động và không ngừng phấn đấu giảm dần tỷ lệ ốm yếu, bệnh tật trong nhân dân*. Đó là mục tiêu phấn đấu của mọi ngành hoạt động để bảo vệ sức khoẻ cho lao động sản xuất, cũng như cho củng cố quốc phòng. Giải quyết vấn đề này phải chú trọng rất nhiều mặt trong đời sống: ăn, ở, làm việc, bồi dưỡng, nghỉ ngơi, luyện tập thân thể, v.v. trong đó sự nghiệp hoạt động y tế và công tác vận động thể dục thể thao đóng vai trò rất quan trọng.

a) *Y tế*. Trong kế hoạch 5 năm, hoạt động của y tế vẫn lấy phòng bệnh làm nhiệm vụ chính. Phải dựa vào khả năng thực tế của mỗi từng lớp nhân dân, nhất là của công nhân và nông dân, căn cứ vào đặc điểm kinh tế và địa dư của từng vùng, dựa vào tính chất khác nhau của từng loại lao động, mà định các chủ trương và biện pháp cụ thể về phòng bệnh và chữa bệnh cho có hiệu quả.

Về mặt chữa bệnh, phải đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất ngày một phát triển rộng rãi trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, nhất là để đáp ứng kịp yêu cầu của các xí nghiệp sẽ xây dựng xong và đi vào sản xuất, các cơ sở khai hoang dần dần được mở rộng, lao động nông thôn đi vào làm ăn hợp tác,... Do đó, phải tích cực tăng cường những biện

pháp để phòng các loại bệnh phổ biến, và đẩy mạnh nghiên cứu các bệnh nghề nghiệp.

Trong công tác phòng bệnh, phải chú trọng việc tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn nhân dân ăn, ở, lao động, giải trí theo nếp sống mới hợp vệ sinh. Phải tích cực dựa vào dân làm công tác *phòng bệnh, phòng dịch, và phòng các bệnh xã hội*. Lập các trạm vệ sinh phòng dịch ở các tỉnh, thành, khu. Tăng cường các phòng khám lao, mắt, hột, da liễu, phát triển công tác tiêm phòng các bệnh dịch, nhất là đối với trẻ em.

Phải tổ chức tốt và củng cố các nhà giữ trẻ, vườn trẻ một cách thiết thực. Tăng cường bảo hộ lao động, bảo hộ thai sản, tổ chức hợp lý giữa sản xuất và nuôi trẻ, bảo đảm cho trẻ được bú sữa mẹ; chú trọng hơn nữa công tác bảo vệ các bà mẹ và trẻ em.

Trong công tác điều trị, phải củng cố để phát huy thêm tác dụng những cơ sở y tế hiện có, và tùy nơi cần thiết sẽ phát triển thêm cơ sở mới. Chú trọng phát triển thêm bệnh viện nhỏ và bệnh xá ở huyện để đỡ đỡ người bệnh vào các bệnh viện tỉnh và thành phố. Phát triển công tác chữa bệnh ngoại trú. Theo kế hoạch, đến năm 1965 sẽ có 29.200 giường bệnh, bình quân 650 người có một giường chữa bệnh (năm 1960 là 757 người). Cần thống nhất các chế độ chuyên môn trong các cơ sở y tế ở các ngành của Nhà nước cũng như dân lập, bảo đảm nâng cao chất lượng điều trị, hợp lý hoá mạng lưới chữa bệnh, chú ý phân phối cân đối số giường bệnh cho các khoa, và các loại cán bộ ở các cơ sở chữa bệnh.

Để phục vụ nhiệm vụ cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, phải củng cố và phát triển các trạm y tế hợp tác xã. Phấn đấu cho 90-95% số xã có trạm y tế hợp tác xã, trong đó có khoảng 70% sẽ có y sĩ phụ trách xã (độ 4.000 xã trong tổng số 5.700 xã của miền Bắc).

Đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ trung cấp, cao cấp và sơ cấp; giải quyết tình trạng thiếu cân đối giữa cán bộ trung cấp, cao cấp với y tá.

Nghiên cứu và có biện pháp cụ thể về chính sách thù lao cán bộ y tế, kể cả chính sách đối với cán bộ y tế về công tác ở hợp tác xã nông nghiệp. Số lượng cán bộ dự kiến đến năm 1965 cứ 1.200 dân sẽ có một y sĩ hoặc một bác sĩ (năm 1960, một người phục vụ 7.300 dân).

Tận dụng mọi khả năng trong nước để đẩy mạnh sản xuất thuốc và dụng cụ y tế lên khoảng gấp hai lần, chú ý không ngừng nâng dần chất lượng sản phẩm. Bảo đảm trang bị dụng cụ y tế cho các cơ sở từ xã trở lên. Tăng cường phương tiện cấp cứu và xét nghiệm ở các bệnh viện và bệnh xá ở huyện. Về sản xuất thuốc, nâng mức tự sản xuất nguyên liệu lên khoảng 35%. Dựa vào nguyên liệu địa phương để phát triển sản xuất ở các tỉnh, chú ý quản lý mặt hàng cho tốt. Dựa vào trạm y tế hợp tác xã, mở rộng lưới bán thuốc đến các xã.

b) *Thể dục thể thao*: công tác thể dục thể thao có tác dụng thiết thực đến việc nâng cao sức khỏe phục vụ sản xuất, phục vụ quốc phòng, giáo dục con người và tăng cường quan hệ hữu nghị với các nước.

Trong những năm tới, phải tiếp tục củng cố và mở rộng phong trào thể dục thể thao, đi đôi với việc nâng cao từng bước, có trọng điểm.

Tích cực thực hiện chế độ rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn, đi đôi với đẩy mạnh các hoạt động thể thao quốc phòng và thể thao hiện đại phù hợp với đặc điểm nước ta; đồng thời chọn lọc và phát triển các môn thể thao dân tộc trong các tầng lớp công nhân, nông dân, quân đội, học sinh,... lấy thanh niên, thiếu niên làm nòng cốt.

Bắt đầu đưa việc giáo dục thể dục và một số môn thể thao quốc phòng cần thiết vào chương trình học tập ở các trường học từ phổ thông trở lên. Phát triển mạnh thể dục trong các

ngành sản xuất bằng những động tác thích hợp với nghề nghiệp.

Trong việc xây dựng phong trào, phải vừa chú trọng đào tạo cán bộ phổ cập cho quần chúng, vừa tích cực bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật cao. Chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy cho gọn nhẹ. Phải có quy chế xây dựng sân bãi thể dục thể thao, bảo đảm xây dựng nền thể dục thể thao và thể thao quốc phòng của ta tiến lên những bước mới vững chắc. Phải quán triệt tinh thần cần kiệm xây dựng phong trào, hết sức dựa vào quần chúng mà giải quyết kịp thời các vấn đề cán bộ, trang bị dụng cụ, sân bãi, bể bơi,... đi đôi với sự giúp đỡ của Nhà nước.

Mở các đợt vận động thể dục, vệ sinh yêu nước và vận động xây dựng nếp sống mới làm nội dung đẩy mạnh phong trào tiến lên mạnh mẽ.

## X- ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Căn cứ tình hình cụ thể trước mắt, phương hướng chung về cải thiện đời sống nhân dân trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là phải dựa trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động, quản lý tốt các mặt lưu thông và phân phối, vừa bảo đảm tăng tích lũy vốn cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, vừa cố gắng giải quyết tốt hơn một số yêu cầu bức thiết trước mắt của công nhân, viên chức, nhân dân thành thị và nông dân.

Tuy nhiên không thể quá nhấn mạnh vấn đề cải thiện đời sống và cần thấy rằng mức cải thiện trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất chưa được nhiều, vì: nhịp độ tăng của sản

xuất công nghiệp và nông nghiệp, nhất là nông nghiệp còn có hạn; dân số lại tăng nhanh; mặt khác chúng ta phải dành một phần vốn cần thiết để xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật để tạo điều kiện phát triển kinh tế mạnh hơn trong những năm sau, cũng như còn phải củng cố quốc phòng. Vì vậy, việc cải thiện đời sống nhân dân phải nhằm vào những đối tượng nhất định và trong những mặt chủ yếu, thiết thực.

Đối với công nhân, viên chức, hướng cải thiện chủ yếu nhằm tăng thu nhập thực tế: tổ chức tốt việc cung cấp thực phẩm, ổn định giá cả, nâng mức tiêu dùng về một số loại cây lương thực, thực phẩm đối với những người lao động nặng nhọc; mặt khác, giải quyết thêm công việc làm cho gia đình công nhân, viên chức và chú trọng các mặt phúc lợi xã hội khác, nhất là đối với các gia đình đông con.

Đối với nông dân, hướng cải thiện là nâng mức thu nhập của nông dân lao động 1965 lên xấp xỉ bằng mức thu nhập của trung nông lớp trên trong khoảng năm 1958-1960; nâng mức tiêu dùng lương thực, thịt, đường, mật, vải; hướng dẫn, giúp đỡ nông dân và hợp tác xã nông nghiệp tự sản xuất lấy vật liệu xây dựng kết hợp với việc Nhà nước tăng thêm mức cung cấp vật liệu xây dựng cho nông thôn, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà ở của nông dân; phát triển mạnh các hoạt động giáo dục, văn hoá, bảo vệ sức khoẻ ở nông thôn.

### 1. Về thu nhập thực tế

- Thu nhập của nông dân: theo dự án kế hoạch, nhịp độ tăng sản xuất nông nghiệp trong 5 năm là 42%, riêng phần của nông dân tăng 38%; trên cơ sở sản xuất nông nghiệp đạt kế

hoạch dự kiến, thuế nông nghiệp ổn định, giá thu mua thực hiện theo kế hoạch, thì đến năm 1965, theo số liệu ước tính thu nhập thực tế bình quân đầu người của nông dân (kể cả gia đình) sẽ đạt khoảng hơn 13 đồng một tháng, tăng 15% so với mức bình quân ba năm 1958-1960, và tăng 21% so với mức năm 1960.

Theo số liệu ước tính trên, so với mức thu nhập của trung nông lớp trên năm 1960 là khoảng 13,2 đồng tháng thì mức thu nhập của nông dân năm 1965 (13,1 đồng) sẽ đạt khoảng 99%; so với mức thu nhập của trung nông lớp trên trong khoảng ba năm 1958-1960 (là 13,8 đồng) thì mức thu nhập của nông dân năm 1965 đạt khoảng 95%. Như vậy, đến năm 1965 sẽ có khoảng 80% nông dân đạt mức thu nhập của trung nông, trong đó có khoảng 50% nông dân đạt mức thu nhập của trung nông lớp trên. Đó là ước tính chung toàn miền Bắc, còn đối với một số vùng, thu nhập có thể khá hơn (vùng cây công nghiệp, một số vùng ở miền núi có nhiều lâm sản, thổ sản...) nhưng cũng có một số vùng (chỉ trồng lúa) thì có thể chưa đạt.

- Thu nhập của công nhân, viên chức: do cải tiến tổ chức cung cấp thực phẩm và ổn định giá cả, giảm bớt phần công nhân, viên chức phải mua ở thị trường tự do, có thể tăng thêm một phần thu nhập thực tế. Số người có việc làm trong gia đình sẽ tăng thêm. Ngoài ra, thu nhập của công nhân, viên chức còn có thể tăng do thực hiện chủ trương sản xuất và chăn nuôi để tự cải thiện thêm. Thực hiện tốt các biện pháp trên thì thu nhập thực tế của mỗi công nhân, viên chức (kể cả gia đình) có thể tăng khoảng 6%.

Trong ba năm tới, sẽ tiếp tục mở rộng việc trả lương theo sản phẩm, nâng cấp bậc và điều chỉnh những thang lương, mức lương chưa hợp lý.

- Thu nhập của các tầng lớp nhân dân lao động khác: thợ thủ công, người đánh cá, làm muối, buôn bán nhỏ,... đều sẽ được cải thiện thêm một bước.

## 2. *Mức tiêu dùng về một số sản phẩm chủ yếu*

Trong ba năm 1963-1965, mức bán lẻ hàng hoá (tính riêng phần phục vụ đời sống) bình quân hàng năm sẽ tăng 6,6% (trong hai năm 1961-1962 tăng bình quân hàng năm 5,3%). Trên cơ sở ấy, mức tiêu dùng bình quân đầu người về một số mặt hàng chủ yếu sẽ tăng như sau:

	Đơn vị	1960	Kế hoạch 1965	1965 so với 1960 (%)
Thịt các loại	kg/năm	6,8	9,2	135,3
Cá tươi	"	7,0	13,7	195,7
Muối	"	5,3	5,5	103,8
Nước mắm	lít/năm	1,8	2,6	142,0
Đường, mật	kg/năm	1,6	2,1	130,0
Vải, lụa	mét/năm	4,8	5,5	115,8
Giấy viết	kg/năm	0,23	0,40	170,0

- Đối với công nhân, viên chức, so với năm 1960 mức tiêu dùng về đường và vải chỉ tăng lên một ít, nhưng so với năm 1962 thì cả thịt, đường và vải đều tăng khá, mức cung cấp thịt, đường cho công nhân làm việc nặng có được tăng thêm. Mức tiêu dùng bình quân đầu người công nhân, viên chức (kể cả gia đình) sẽ như sau:

	Đơn vị	1960	1962	1965	1965 so với 1962 (%)
Thịt (trâu, bò, lợn)	kg/năm	8,0	6,0	7,5	125,0
Đường, mật	"	2,9	2,4	3,0	125,0
Vải, lụa	mét/năm	5,5	5,2	5,9	113,5

Riêng về lương thực, đối với công nhân, viên chức, nói chung mức cung cấp giữ như năm 1962-1963, có chú trọng tăng thêm cho công nhân làm ca ba và giải quyết thêm ăn sáng.

- Đối với nông dân, mức tiêu dùng năm 1965 về lương thực (gạo và màu), thịt, đường, mật, vải đều có tăng so với năm 1960, nhất là thịt và đường, mật:

	Đơn vị	1960	Kế hoạch 1965	1965 so với 1960 (%)
Lương thực quy ra gạo	kg/tháng	15,5	17,1	110,3
Thịt	kg/tháng	4,46	8,4	188,3
Đường, mật	"	0,55	1,1	200,0
Vải lụa	mét/năm	3,57	4,5	112,5

### 3. Về nhà ở.

Để giải quyết nhà ở cho công nhân, viên chức, sinh viên và học sinh, trong 5 năm 1961-1965 Nhà nước đầu tư 184 triệu đồng, trong ba năm 1961-1963 đã đầu tư 120 triệu đồng (trong đó có 102 triệu để xây dựng nhà ở cho công nhân, viên chức), xây dựng được gần 19,4 vạn chỗ ở. Trong hai năm tới (1964-1965), sẽ đầu tư 64 triệu đồng (trong đó có 63 triệu để xây dựng nhà ở cho công nhân, viên chức), xây dựng khoảng 12 vạn chỗ ở. Như vậy trong 5 năm sẽ xây dựng được khoảng 31,5 vạn chỗ ở cho công nhân, viên chức, bảo đảm chỗ ở cho

26,5 vạn công nhân, viên chức mới tăng thêm, và bổ sung 5 vạn chỗ cho những nhà cũ đã hư hỏng.

Còn về nhà ở của gia đình công nhân, viên chức và nhân dân thành thị, trong 5 năm này, Nhà nước vẫn chưa đủ vốn để giải quyết; do đó cần phải nghiên cứu các chủ trương sau đây:

- Cho vay một phần vốn và bán vật liệu xây dựng cho những công nhân, viên chức có khả năng tự xây nhà ở những nơi có đất theo quy hoạch chung của thành phố.

- Dành một số vốn xây thêm nhà ở bán cho công nhân, viên chức trả tiền dần.

Đối với nông dân, việc cung cấp vật liệu xây dựng: tre, nứa, gỗ tròn, ximăng,... sẽ tăng như sau:

	Đơn vị	1960	1961	1962	Kế hoạch			1965 so với 1960 (%)
					1963	1964	1965	
Tre	Triệu	7,2	8,1	8,0	9,3	9,5	10,0	139,0
Nứa	cây	34,1	38,4	62,0	74,9	76,0	78,0	228,0
Gỗ tròn	1000 m <sup>3</sup>	19,2	40,0	85,0	117,0	125,0	140,0	729,0
Xi măng	1000 T	16,6	24,4	42,0	70,0	85,0	100,0	603,0

Mức cung cấp ấy là một sự cố gắng, nhưng chỉ mới thoả mãn một phần yêu cầu về xây dựng nhà ở của nông dân. Vì vậy, phương hướng chủ yếu vẫn là phải giúp đỡ nông dân và hợp tác xã nông nghiệp tự sản xuất lấy vật liệu xây dựng (như trồng cây lấy gỗ, sản xuất gạch, ngói, vôi,...).

### 4. Các mặt phúc lợi xã hội khác

Để giúp đỡ thêm công nhân, viên chức, nhất là các gia đình đông con, sẽ tăng thêm số tiền chi về các quỹ: bảo hiểm xã hội, trợ cấp con, trợ cấp nhà trẻ, trợ cấp khó khăn, trợ cấp thuốc men, chữa bệnh,... Số tiền chi về các khoản ấy sẽ lên tới 61 triệu đồng năm 1965, tăng gần gấp đôi so với năm 1960 (tỷ trọng quỹ lương từ 10% năm 1960 tăng lên đến 12% năm 1965).

Về mặt giáo dục, đến năm 1965 sẽ thu nhận hết trẻ em đến tuổi vào các lớp vỡ lòng và phổ thông; thực hiện phổ cập cấp I và mở rộng phong trào bổ túc văn hoá, do đó đa số xã viên sẽ có trình độ văn hoá lớp 2, 3; riêng cán bộ chủ chốt của xã sẽ có trình độ cấp II. Các mặt sinh hoạt văn hoá được phát triển nhanh chóng. Về bảo vệ sức khoẻ, năm 1965, khoảng 70% số xã có trạm y tế, nhà hộ sinh do y sĩ phụ trách, mỗi huyện có một bệnh viện hoặc bệnh xá do bác sĩ phụ trách; sẽ thanh toán về căn bản bệnh sởi uốn ván cho trẻ em sơ sinh; tiêu diệt về căn bản bệnh sốt rét; mở rộng việc điều trị mắt hột và lao phổi về xã. Các công tác phòng bệnh, bảo hộ lao động trong công nhân, viên chức được chú trọng.

Nhìn chung, do các tầng lớp nhân dân cố gắng cùng với sự giúp đỡ của Nhà nước, đời sống nhân dân năm 1965 sẽ có một bước cải thiện hơn so với năm 1960. Thu nhập thực tế của phần lớn nông dân sẽ đạt xấp xỉ mức trung nông lớp trên năm 1960 và về ăn, mặc, ở sẽ được cải thiện rõ rệt. Thu nhập của công nhân, viên chức được nâng cao thêm, gia đình có thêm công việc làm, các mặt phúc lợi xã hội được mở rộng. Đời sống của các tầng lớp nhân dân khác cũng sẽ được nâng cao thêm một bước. Riêng các mặt giáo

dục, hoạt động văn hoá, bảo vệ sức khoẻ ở nông thôn cũng như thành thị đều được đẩy mạnh.

Tuy nhiên, trong điều kiện sản xuất tăng có hạn, chúng ta phải tập trung vốn cho tích lũy, bảo đảm công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cho nên mức độ cải thiện đời sống cũng chỉ có hạn. Để bảo đảm thực hiện các mục tiêu kế hoạch về cải thiện đời sống trên đây, vấn đề chủ yếu là ra sức đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch, chú trọng cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tạo điều kiện bảo đảm tích lũy vốn cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo khả năng nâng cao từng bước đời sống nhân dân. Mặt khác, phải tiếp tục phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng đất nước, phát huy truyền thống sinh hoạt giản dị, cần kiệm trong cán bộ và nhân dân.

#### XI- PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ Ở MIỀN NÚI

Miền núi chiếm một vị trí rất quan trọng về các mặt kinh tế, chính trị, quốc phòng. Trải qua mấy năm cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, chúng ta đã thấy rõ hơn tầm quan trọng của miền núi, những thuận lợi và khó khăn của miền núi. Phải ra sức phát huy những khả năng sẵn có, triệt để khai thác những thuận lợi của miền núi, tích cực khắc phục các khó khăn trước mắt, ra sức phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và khả năng to lớn của mình; thực hiện đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc để cùng tiến lên

chủ nghĩa xã hội và góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện và cân đối của nền kinh tế quốc dân.

Theo tinh thần ấy, phương hướng và nhiệm vụ chung phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là:

- Phải ra sức củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sẵn có, xây dựng thêm các hợp tác xã thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh từng địa phương, củng cố thêm một bước quan hệ sản xuất mới, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hợp tác xã, và trên cơ sở ấy, ra sức phát triển lực lượng sản xuất mạnh mẽ và vững chắc. Phải dựa vào các hợp tác xã, nông trường, lâm trường quốc doanh, sử dụng tốt lực lượng lao động ở miền núi và dựa vào lực lượng lao động và kỹ thuật ở miền xuôi đưa lên, ra sức đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, khai hoang tăng vụ để phát triển nông nghiệp một cách toàn diện. Cần tập trung lực lượng cán bộ tự giải quyết trong khu, tỉnh (kể cả đồng bào miền núi, đồng bào miền xuôi lên, và công nhân, viên chức các nông trường, lâm trường) và có sự điều hoà cần thiết giữa các địa phương. Trên cơ sở giải quyết vấn đề lương thực (gồm lúa và hoa màu), phải đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả thích hợp với điều kiện địa phương. Cố gắng mở thêm diện tích, đặc biệt chú ý tăng năng suất, phá bỏ dần chế độ sản xuất độc canh, tiến tới chế độ đa canh, kết hợp chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi. Phải lợi dụng điều kiện chăn nuôi sẵn có, phát triển chăn nuôi gia súc lợn và phát triển gia súc nhỏ. Cố gắng phát triển nghề rừng để cung cấp cho nhu cầu địa phương, cho công nghiệp và cho xuất khẩu. Cần tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là đầu tư xây dựng thủy lợi.

- Dựa trên sự phát triển nông nghiệp toàn diện, và khả năng cán bộ, nguyên liệu, đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phục vụ cho nông nghiệp. Cố gắng tự giải quyết những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng

theo tập quán của địa phương và cung cấp một số hàng cần thiết cho nhu cầu của nền kinh tế chung.

- Để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, phải giải quyết tốt vấn đề giao thông vận tải. Ra sức phát triển mạng lưới giao thông từ tỉnh xuống các huyện, châu, chú ý các vùng khai hoang; các vùng có nhiều nông sản, lâm sản, thổ sản. Đi đôi với việc phát triển đường sá, cải tạo sông ngòi, chú ý cải tiến phương tiện giao thông đi từ phương tiện thô sơ tiến dần đến thô sơ cải tiến và nửa cơ giới.

- Trên cơ sở phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, mở mang giao thông vận tải, cải tiến và mở thêm mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Thông qua hoạt động thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, mở rộng diện lưu thông tiền Ngân hàng, tiến tới thủ tiêu tiền hoa xoè, củng cố nền tiền tệ duy nhất. Chú ý giữ vững cân đối giữa tiền tệ và hàng hoá.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá. Để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, phải tích cực đào tạo thêm nhiều cán bộ địa phương về kỹ thuật và văn hoá; mở thêm một số cơ sở nghiên cứu khoa học và y tế đáp ứng nhu cầu địa phương. Để chuẩn bị cho những bước tiến về sau, cố gắng phát triển giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá cho cán bộ xã, huyện.

- Trên cơ sở phát triển kinh tế và văn hoá, cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào miền núi.

Dưới đây là những nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế và văn hoá miền núi trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất:

1. *Về hợp tác hoá nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp.* Phải ra sức phát triển và củng cố các hợp tác xã và nông nghiệp theo phương châm rất tích cực, nhưng phải rất vững chắc. Quy mô hợp tác xã cần thích hợp với hoàn cảnh từng địa phương (vùng thấp và vùng cao) về điều kiện địa lý, dân cư và trình độ quản lý của cán bộ. Hết sức giúp đỡ các hợp tác xã về mặt kỹ thuật và vật chất nhằm tăng thêm thu nhập

cho xã viên, trên cơ sở đó, củng cố thêm hợp tác xã. Phải tăng cường quản lý hợp tác xã nhằm phương hướng chung là bảo đảm sản xuất tốt, đời sống xã viên không ngừng được nâng cao và hợp tác xã được củng cố.

Trong 5 năm, sản xuất nông nghiệp ở miền núi cần được phát triển mạnh theo điều kiện từng vùng, *tranh thủ đạt được một sự chuyển biến rõ rệt* trong nông nghiệp ở miền núi theo phương hướng: *lương thực hết sức coi trọng để căn bản đủ cung cấp, cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng đều phát triển*. Trên cơ sở đó, khắc phục một bước tình trạng sản xuất độc canh, nhằm xây dựng miền núi thành những vùng nông nghiệp mới, từ một nền kinh tế phân tán, tự túc tự cấp biến thành một nền kinh tế có nhiều sản phẩm hàng hoá (như bông, gai, chăn nuôi ở Tây Bắc; cây ăn quả ở tây Nghệ An, Tây Bắc,...), cung cấp được một phần sản phẩm cho nhu cầu chung và cải thiện đời sống cho nhân dân miền núi, đưa mức sống của xã viên lên ngang với mức sống của những nông dân khá giả hiện nay ở miền núi.

Tiếp tục đưa nhân lực ở miền xuôi lên miền núi khai hoang: trong 5 năm, sẽ đưa khoảng 40 vạn lao động chính, kể cả gia đình là khoảng 80 vạn người. Phương hướng sản xuất ở các vùng khai hoang nói chung là trồng hoa màu lương thực, cây công nghiệp, làm nghề rừng, chăn nuôi, thủ công nghiệp. Mở thêm một số nông trường và lâm trường quốc doanh làm nòng cốt cho việc khai thác miền núi. Chú trọng đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật và chăm bón, tăng năng suất cây trồng (kể cả lúa, hoa màu và cây ăn quả).

Phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc trồng cây công nghiệp: mở rộng diện tích cây công nghiệp, chú trọng các loại cây có sợi, cây ăn quả, cây làm thuốc và cây lấy dầu, phương hướng chung phát triển cây công nghiệp ở miền núi là vừa phải đẩy mạnh phát triển cây ngắn ngày, vừa phải tích cực gây cơ sở cây dài ngày (gồm cả cây ăn quả).

Chú trọng các loại cây có sợi như bông, gai, lanh, dâu tằm, tằm lá sắn và cây để làm sợi nhân tạo; chú trọng các loại cây

có dầu để bảo đảm dầu ăn cho nhân dân và cho xuất khẩu (như lạc, vừng) và các loại cây có dầu khác (như thầu dầu, hồi, sỏ, trẩu); các loại chè, quế, những đặc sản quý (cánh kiến, sa nhân, cây thuốc nam, thuốc bắc); một số cây thuốc khí hậu ôn đới; một số cây ăn quả như dứa, chuối, cam, quýt, mận, đào, lê,...

Diện tích cây công nghiệp ở miền núi năm 1965 sẽ lên tới 53.000 héc-ta, tăng 76,4% so với năm 1960 và chiếm 24,7% diện tích cây công nghiệp toàn miền Bắc, trong đó bông 9.800 héc-ta, gai 5.500 héc-ta, lạc 10.000 héc-ta, đỗ tương 16.000 héc-ta. Nghiên cứu để sớm khoanh vùng một số cây công nghiệp hiện có và phát triển một số vùng cây công nghiệp mới. Tuỳ theo đặc điểm về khí hậu, đất đai và các điều kiện khác của mỗi nơi, các địa phương miền núi phải chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp, làm cho nông nghiệp ở địa phương đi dần vào hướng chuyên môn hoá.

Về chăn nuôi, phải khôi phục và phát triển mạnh đàn gia súc để cung cấp sức kéo, phân bón, cung cấp thịt, da; phải phát triển dần chăn nuôi để cung cấp sữa, len, mật ong,... Phát triển mạnh trâu, bò, ngựa, lấy việc chăn nuôi sinh sản làm trọng tâm. Tuỳ điều kiện, phát triển nuôi cừu, thỏ, hươu, nai..., đẩy mạnh chăn nuôi dê. Đến năm 1965, ở miền núi (chưa tính miền Tây Khu IV), đàn trâu sẽ có 755.000 con, tăng 12% so với năm 1960, bò 176.000 con, tăng 9,8%,... Phát triển mạnh các loại tiểu gia súc, chú trọng lợn, ngan, ngỗng.

Sản xuất lương thực ở miền núi (gồm 5 thứ chính là lúa, ngô, sắn, dong riềng, khoai) và các loại cây có bột khác vẫn là một vấn đề rất lớn phải được đẩy mạnh. Yêu cầu giải quyết lương thực ở miền núi là: phải căn bản tự giải quyết lương thực, tức là bảo đảm cung cấp đủ cho nhân dân ở địa phương, kể cả nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp và người miền xuôi lên khai hoang, có đủ lương thực để phát triển chăn nuôi, đồng thời cung cấp một phần khá cho các khu công nghiệp và công trường lớn do trung ương quản lý. Phần đầu

đến năm 1965, đưa mức sản xuất bình quân đầu người ở miền núi từ 390 kg năm 1960 (trong đó lúa là 299 kg, màu là 91 kg) lên 447 kg năm 1965 (trong đó lúa là 239 kg, màu là 208 kg).

Nghề rừng cần được phát triển mạnh mẽ, kết hợp chặt chẽ lực lượng quốc doanh với lực lượng của hợp tác xã, kết hợp chặt chẽ việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo và trồng rừng với việc khai thác và chế biến lâm sản nhằm thoả mãn nhu cầu địa phương, cung cấp cho toàn quốc và cho xuất khẩu.

Trong việc khai thác miền núi, phải đặc biệt chú trọng đến các biện pháp để chống xói mòn, giữ màu, giữ đất, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng và tài nguyên về rừng.

2. Về công nghiệp và thủ công nghiệp, chú trọng phát triển các ngành tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản, lâm sản. Cần mở thêm các cơ sở phân bón, củng cố các ngành cơ khí, mở rộng các ngành khai khoáng cần thiết, các ngành vật liệu xây dựng, các ngành chế biến phục vụ nông nghiệp và nhu cầu địa phương; đặc biệt chú ý mở thêm cơ sở chế biến dược liệu và tinh dầu.

Giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp miền núi (chưa tính miền Tây Khu IV) năm 1965 sẽ lên tới 210,4 triệu đồng, tăng 154% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 20,5%. Công nghiệp quốc doanh sẽ tăng bình quân hàng năm 26,7%, thủ công nghiệp 12%.

3. Về giao thông vận tải và bưu điện, sẽ mở rộng và nối liền mạng lưới giao thông đến các huyện, châu, vùng công nghiệp, vùng kinh tế quan trọng, phục vụ phát triển kinh tế và yêu cầu về trị an, quốc phòng. Từ châu, huyện đi các xã và các bản tập trung, cố gắng có đường cho trâu, bò thồ. Tích cực phát triển phương tiện vận tải như thuyền, xe ngựa cơ giới, ngựa, trâu thồ... Tích cực khai thác các đường thủy, tận dụng các đoạn sông, suối để chuyên chở bằng thuyền bè.

4. Tiến hành xây dựng cơ bản theo phương châm tập trung vốn phục vụ nông nghiệp; giao thông vận tải và công nghiệp

địa phương, đặc biệt là đầu tư cho thủy lợi và các cơ sở khai thác đá vôi (bón ruộng và xây dựng). Củng cố từng bước các cơ sở cơ khí tỉnh và huyện để giải quyết việc sản xuất nông cụ và sửa chữa máy móc. Xúc tiến xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học nông nghiệp ở miền núi để nghiên cứu việc chọn giống, cải tạo đất và các kỹ thuật canh tác thích hợp cho các loại cây trồng.

5. Phát triển giáo dục, văn hoá, y tế. Nâng cao trình độ văn hoá ở miền núi là một vấn đề cấp bách, có ý nghĩa và tác dụng to lớn đến việc thúc đẩy toàn bộ sự nghiệp phát triển kinh tế miền núi.

Về giáo dục, phải tiến tới căn bản xoá nạn mù chữ cho các đồng bào từ 12 tuổi đến 40 tuổi. Đồng thời tiếp tục phát triển giáo dục phổ thông, chú trọng phát triển mạnh cấp II, cấp III, giáo dục chuyên nghiệp và bổ túc văn hoá cho cán bộ. Ra sức phát triển chữ dân tộc thiểu số và hoàn thành kế hoạch chuyển tiếp từ học chữ dân tộc sang học chữ phổ thông ở cấp I, II và bổ túc văn hoá cho thích hợp với năng khiếu học sinh và kịp thời phục vụ cho công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số.

Phải hết sức chú trọng đào tạo cán bộ địa phương, chủ yếu là các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, địa chất và đào tạo thợ các ngành rèn, mộc, xây dựng,... để mở rộng đội ngũ cán bộ trí thức và công nhân của các dân tộc thiểu số, phải dựa vào việc mở rộng các trường thiếu nhi dân tộc, trường thanh niên dân tộc, vừa tham gia sản xuất vừa học tập văn hoá, coi đó là nguồn cung cấp học sinh để đào tạo cán bộ cho các ngành. Học sinh phổ thông đầu năm học 1965-1966 sẽ lên tới 40 vạn người, tăng 120% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 17,2%. Số học sinh tốt nghiệp sẽ gấp gần 4 lần năm 1960; số giáo viên phổ thông gấp 2,6 lần.

Về văn hoá, phải đẩy mạnh hoạt động văn hoá quần chúng, phát triển phong trào sách báo, sử dụng mọi hình thức văn nghệ dân tộc, đồng thời chú ý mở rộng các hoạt động như

phim ảnh, đèn chiếu, máy hát, triển lãm..., làm cho sinh hoạt văn hoá của quần chúng ngày càng phong phú. Chú trọng tăng thêm số sách, số hệ thống truyền thanh, các đội chiếu bóng và số lượt người xem chiếu bóng. Số sách phát hành sẽ từ 2 triệu bản năm 1960 tăng lên 3,7 triệu bản; số lượt người xem chiếu bóng từ 8 triệu lượt tăng lên 13,8 triệu lượt.

Về y tế, chú ý mở rộng thêm bệnh viện, bệnh xá, tăng thêm phương tiện phòng và chống bệnh, chú trọng các bệnh kinh niên, thanh toán về căn bản bệnh sốt rét; đặc biệt chú trọng vệ sinh phòng bệnh. Đến năm 1965, các huyện miền núi sẽ có bệnh xá, trong đó khoảng một nửa là có trình độ bệnh viện. Các xã vùng thấp, vùng giữa và một nửa số xã ở vùng cao sẽ có trạm y tế. Ở vùng cao, khoảng một nửa số xã sẽ có trạm cấp cứu, chú trọng xây dựng ở những xã đông dân và có vị trí cơ động.

Theo những nhiệm vụ và mục tiêu trên đây, sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, miền núi sẽ có những chuyển biến mới, phát huy tác dụng ngày càng lớn, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế chung. Phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp chặt chẽ công tác của các ngành để tập trung lực lượng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, trình độ chính trị, văn hoá, kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân miền núi, đẩy mạnh phát triển sản xuất, đồng thời chú trọng công tác trị an, bảo vệ sản xuất, thực hiện nhiệm vụ xây dựng miền núi thành một vị trí khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, và mạnh mẽ về quốc phòng.

Nhìn chung các phương hướng và chỉ tiêu nói trên, dự án kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã cố gắng thể hiện mục tiêu và những nhiệm vụ mà Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và Hội nghị Trung ương lần thứ năm và lần thứ bảy đã đề ra.

1) *Cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội bước đầu được xây dựng trong các ngành kinh tế quốc dân*

Trong công nghiệp, sau khi hoàn thành những công trình lớn đang làm dở, đến khoảng 1966-1967 chúng ta bước đầu xây dựng những ngành then chốt của nền công nghiệp. Công suất điện toàn miền Bắc từ 9 vạn kw năm 1960 sẽ lên đến 19,7 vạn kw năm 1965 và 35,5 vạn kw năm 1967. Do đó, điện có thể đi trước một bước, bảo đảm cung cấp đủ nhu cầu cho công nghiệp và còn có khả năng phục vụ khá hơn cho nông nghiệp.

Sau khi thực hiện xong việc sắp xếp lại các nhà máy cơ khí hiện có và xây dựng xong một số xưởng cơ khí lớn (ở khu gang thép, ở nhà máy phân đạm, ở mỏ than, xưởng đóng tàu, xưởng sửa chữa kỹ thuật điện, nhà máy điện cơ diên (điên) (+ phụ tùng ô tô + sửa chữa vòng bi) thì lực lượng cơ khí có thể bảo đảm được một phần quan trọng nhiệm vụ trang bị kỹ thuật cho các ngành nông nghiệp, vận tải, nghề cá, công nghiệp nhẹ và một phần thiết bị của công nghiệp nặng, trừ thiết bị phức tạp về hoá chất, luyện kim, điện, thiết bị nặng về vận tải, kiến trúc, khai thác mỏ,... Đến năm 1965, sản phẩm cơ khí giải quyết được 66% nhu cầu trong nước về thiết bị lẻ và khoảng 13% thiết bị toàn bộ.

Công suất các mỏ than sẽ tăng gần gấp đôi so với năm 1960.

Ngành công nghiệp nguyên liệu đang hình thành: gang thép, hoá chất cơ bản, v.v. sẽ đi vào sản xuất trong những năm 1966-1967.

Công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm đến năm 1965 có thêm khá nhiều khả năng sản xuất hàng tiêu dùng. Nghề cá được trang bị thêm thuyền lớn, tàu và thuyền máy để ra khơi.

Việc sử dụng công suất các xí nghiệp sẽ đạt đến trình độ cao hơn năm 1960 và 1962 nhờ cải tiến thiết bị, tổ chức tốt hệ thống sửa chữa và cải thiện việc cung cấp nguyên liệu, vật liệu, nhờ tăng cường quản lý xí nghiệp. Đến năm 1965, công suất sử dụng các nhà máy điện trong lưới sẽ lên 86%, công suất sử dụng theo thời gian của các nhà máy cơ khí chính lên

khoảng 75 - 80%, mỏ than Hòn Gai - Cẩm Phả lên 90-93%; Nhà máy xi măng Hải Phòng và súppe phốt phát sẽ đạt công suất thiết kế, các nhà máy dệt đạt 90-95% công suất, các nhà máy đường, chè và nhiều xí nghiệp công nghiệp nhẹ cũng sẽ được sử dụng tốt hơn.

Trong nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, nông trường quốc doanh được củng cố và phát triển, diện tích được bảo đảm tưới nước suốt vụ bằng các công trình thuỷ nông lớn (chưa kể hệ thống trung và tiểu thuỷ nông) và bằng máy bơm sẽ tăng lên nhiều và đến năm 1965 sẽ bằng trên 50% diện tích gieo trồng. Trong 5 năm làm thêm 60 công trình thuỷ nông lớn và vừa, và trang bị trên 5.000 máy bơm các loại; nông nghiệp có thêm hàng mấy chục vạn tấn phân lân và phân đạm, hàng nghìn máy kéo. Ngoài ra, còn được trang bị thêm nhiều công cụ nửa cơ giới, phương tiện vận tải và máy móc chế biến nông sản.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong các ngành giao thông vận tải, kiến trúc cũng được tăng cường thêm.

Nhờ xây dựng được bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong các ngành kinh tế quốc dân, nhất là trong công nghiệp, chúng ta *có thể thực hiện được mạnh hơn việc trang bị cơ khí và nửa cơ khí cho các ngành nông nghiệp, kiến trúc, vận tải, thủ công nghiệp,...*

2) *Cơ cấu sản xuất có chuyển biến rõ rệt, nhiều vùng kinh tế mới được hình thành và phát triển*

Trong công nghiệp, tỷ trọng của nhóm A từ 34,2% năm 1960, lên đến 39% năm 1965, công nghiệp trung ương mà phần lớn cũng được trang bị bằng kỹ thuật hiện đại tăng mạnh, từ tỷ trọng 39% đã lên đến ngót 50%. Trong nông nghiệp thì cây công nghiệp, năm 1960 mới 4,8% diện tích gieo trồng đã lên tới trên 8%, chăn nuôi kể cả nuôi cá từ 17,9% giá trị sản lượng nông nghiệp sẽ lên 20,4%.

Nhìn chung trong nền kinh tế thì sản xuất công nghiệp mỗi năm chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp và nông nghiệp cũng như trong thu nhập quốc dân.

Năm 1960 công nghiệp chiếm 41,8% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp và nông nghiệp, năm 1965 sẽ lên đến trên 52%.

Cùng với việc chuyển biến trong cơ cấu sản xuất của nền kinh tế, trong từng vùng, miền núi, trung du, đồng bằng, cơ cấu sản xuất cũng thay đổi theo chiều hướng tiến bộ. Miền núi đã bước đầu được khai thác, kinh tế miền núi nhất là kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp phát triển khá. Nhiều vùng kinh tế mới đang hình thành và phát triển. Ngoài những vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai có thêm Việt Trì, Thái Nguyên, Ưông Bí, Bắc Giang, Lào Cai, Nghệ An.

3) *Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân kỹ thuật phát triển*

Dự kiến đến năm 1965, chúng ta sẽ có vào khoảng 150 cán bộ có trình độ phó bác sĩ<sup>1)</sup>;... cán bộ có trình độ đại học; ... cán bộ trung cấp và ... công nhân kỹ thuật<sup>2)</sup>. Đó là vốn quý để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm sau.

4) *Đời sống của nhân dân được cải thiện thêm một bước*

Về mặt văn hoá đến năm 1965 có thể thu hút hết trẻ em đến tuổi vào các lớp vỡ lòng và phổ thông, thực hiện phổ cập cấp I, trung bình 100 người dân thì có ngót 20 người đi học các lớp phổ thông. Các mặt sinh hoạt văn hoá, bảo vệ sức khoẻ phát triển khá. Mỗi xã sẽ có trạm y tế, nhà hộ sinh khoảng 70% số xã có y sĩ phụ trách, mỗi huyện sẽ có bệnh viện hoặc bệnh xá do bác sĩ hoặc y sĩ phụ trách.

<sup>1)</sup> Phó bác sĩ: phó tiến sĩ (B.T).

<sup>2)</sup> Trong bản gốc, không ghi rõ số lượng (B.T).

Thu nhập của các tầng lớp nhân dân đều được nâng cao. Thu nhập bình quân của phần lớn nông dân sẽ đạt xấp xỉ mức trung nông lớp trên; các mặt ăn, mặc, ở đều tăng. Thu nhập của công nhân, viên chức có tăng hơn một phần, gia đình có thêm công việc làm, các mặt phúc lợi xã hội được mở rộng.

5) Cùng với việc tích cực xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cố gắng giải quyết những nhu cầu thông thường về đời sống của nhân dân; để thiết thực chuẩn bị cho bước phát triển mới, mạnh mẽ hơn trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, dự án kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), còn giải quyết nhiều vấn đề khác thuộc về công tác chuẩn bị như:

- Đẩy mạnh công tác thăm dò địa chất, xúc tiến việc thăm dò, điều tra, khảo sát rừng và bể, mở rộng công tác điều tra thiên nhiên và công tác nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ tốt cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ hai.

- Xúc tiến việc quy vùng kinh tế, lập các quy hoạch dài hạn của một số ngành và cố gắng xây dựng xong kế hoạch dài hạn sau, trước khi kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

- Tích cực làm những công tác khảo sát, và xác định nhiệm vụ thiết kế cho một số công trình lớn sẽ xây dựng trong kế hoạch sau, đồng thời cũng đã bố trí gởi đầu một số công trình.

- Tăng cường công tác đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề, nhất là tích cực đào tạo những cán bộ và công nhân có trình độ cao.

Nhìn chung, sau khi hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc nước ta đã tiến một bước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được tăng cường và chiếm ưu thế tuyệt đối trong

nền kinh tế quốc dân, cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội bước đầu được xây dựng trong các ngành kinh tế chủ yếu, nhất là trong công nghiệp; công nghiệp sẽ phát huy mạnh hơn vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế quốc dân, khả năng giúp đỡ của công nghiệp đối với nông nghiệp tăng khá, nông nghiệp có khả năng phát triển nhanh hơn và do đó càng ngày càng trở nên cơ sở vững chắc cho việc phát triển công nghiệp; đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề phát triển nhanh về số lượng và cả về chất lượng; đời sống của nhân dân được cải thiện thêm một phần, tinh thần phấn khởi cách mạng của đông đảo nhân dân sẽ được dâng cao. Tất cả những sự tiến bộ lớn đó sẽ tạo nên nhiều nhân tố thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc tiến lên những bước mới, mạnh mẽ và vững chắc hơn.

Tuy nhiên, so với yêu cầu to lớn của việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và yêu cầu nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân thì bước chuyển biến trong nền kinh tế do kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đem lại còn ở mức độ nhất định. Nhiều khả năng tiềm tàng trong nền kinh tế chưa được phát huy triệt để, nhất là khả năng to lớn của vùng núi và miền biển. Một số vấn đề cơ bản của đời sống như vấn đề ăn chưa được giải quyết vững chắc, vấn đề mặc chưa giải quyết được cơ sở vững chắc về nguyên liệu, vấn đề trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp giải quyết chưa thật xứng với yêu cầu phát triển nông nghiệp. Những điểm đó phản ánh mâu thuẫn giữa một bên là yêu cầu tăng nhanh cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân và yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân và một bên khác là khả năng của ta để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản ấy trong các điều kiện khách quan của nền kinh tế trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đồng thời, đó cũng là những chỗ còn

yếu của dự án kế hoạch. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chúng ta cần tích cực vươn lên để khắc phục những chỗ yếu đó, nhằm giải đáp tốt hơn, mạnh hơn những yêu cầu cơ bản nói trên của kế hoạch.

*Phần thứ ba*

**TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ KINH TẾ - TÀI CHÍNH,  
CẢI TIẾN CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO VÀ TỔ CHỨC  
THỰC HIỆN BẢO ĐẢM HOÀN THÀNH VÀ  
HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH  
5 NĂM LẦN THỨ NHẤT**

Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc nước ta sẽ tiến thêm một bước mới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố thêm, lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động tiếp tục được cải thiện. Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất lại tạo ra những cơ sở mới để tiến lên trong những năm sau.

Vì vậy, sau khi có phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch, công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện có ý nghĩa quyết định, không những là để thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch này, mà còn để chuẩn bị cho các kế hoạch sau.

*1. Cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân, bảo đảm sắp xếp tốt sự phát triển cân đối của các ngành kinh tế và văn hoá*

Từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ, thủ công, lạc hậu và vốn không cân đối tiến lên một nền sản xuất lớn, cơ khí hoá và phát triển có kế hoạch, cân đối; đó là một việc vô cùng khó khăn và phức tạp. Cho nên, việc cải tiến và tăng cường công

tác kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân trước hết phải dựa vào đường lối chung, những phương hướng lớn của Đảng mà nghiên cứu những phương hướng phát triển cụ thể của các ngành kinh tế và văn hoá, làm cho những phương hướng, bước đi cụ thể, tốc độ phát triển và những quan hệ cân đối của kế hoạch phản ánh sâu sắc đường lối của Đảng và thực tiễn miền Bắc, đồng thời, thể hiện đúng đắn những yêu cầu của các quy luật kinh tế khách quan. Phương hướng xây dựng và sản xuất đúng đắn là điều kiện trước tiên để bảo đảm sử dụng vốn, sức lao động và vật tư một cách tiết kiệm và hợp lý nhất, mang lại hiệu quả lớn nhất cho nền kinh tế quốc dân.

Muốn vậy, phải xúc tiến các cuộc điều tra kinh tế, điều tra cơ bản, nghiên cứu nắm vững thực tế và yêu cầu của sự phát triển kinh tế quốc dân, đúc kết kinh nghiệm của các mặt công tác mà xác định phương hướng cụ thể của các ngành; trên cơ sở ấy lập các quy hoạch dài hạn (ví dụ về điện lực, cơ khí, về công nghiệp than, về khai thác rừng, nghề cá, nghề muối, về phát triển cây lương thực và cây công nghiệp,...).

Làm kế hoạch tức là phải nhìn xa, phải dự kiến và tính toán có căn cứ khoa học những bước phát triển lâu dài của nền kinh tế để dựa vào đó sắp xếp các bước đi cụ thể, và phải bảo đảm tính chất liên tục của kế hoạch. Sau khi có kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, phải bắt đầu nghiên cứu những bước phát triển các năm 1970-1980, xây dựng những dự án kế hoạch dài hơn, nhằm chỉ đạo tốt việc lập kế hoạch hàng năm, hướng dẫn cho việc bố trí các mặt, nhất là về xây dựng cơ bản. Kế hoạch hàng năm là cụ thể hoá hơn nữa những phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch dài hạn, bổ sung,

điều chỉnh và bảo đảm hoàn thành vượt mức kế hoạch dài hạn. Phấn đấu để hàng năm kế hoạch được phổ biến đến đơn vị cơ sở vào khoảng tháng 11 năm trước, tạo điều kiện cho các ngành và các đơn vị chủ động chuẩn bị các mặt, kịp thời đẩy mạnh sản xuất và xây dựng ngay từ tháng đầu, quý đầu của năm mới.

Muốn kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, phải xúc tiến thực hiện phân vùng kinh tế. Sự phát triển nền kinh tế miền Bắc những năm qua đã đưa tới sự phân công lao động mới theo ngành và theo đó là bước đầu có sự phân công mới theo lãnh thổ, những vùng sản xuất chuyên môn hoá xuất hiện dần. Tiến hành phân vùng kinh tế đã trở thành một yêu cầu bức thiết để tạo khả năng tốt nhất cho việc sử dụng tài nguyên, đẩy mạnh sự phát triển lực lượng sản xuất, tăng nhanh sản phẩm cho xã hội. Trong 5 năm, chúng ta phải tiến hành bước đầu việc phân vùng nông nghiệp, vùng công nghiệp và vùng tổng hợp của miền Bắc, đồng thời ở từng tỉnh, bước đầu xác định sản xuất chuyên môn hoá, trong đó có ngành sản xuất chuyên môn hoá, ngành sản xuất hỗ trợ và ngành sản xuất phụ.

Để cải tiến công tác kế hoạch hoá nói chung cũng như của các ngành, các cấp phải xúc tiến các cuộc điều tra, nghiên cứu, xây dựng kịp thời các định mức làm cơ sở cho việc lập kế hoạch. Phải chú trọng hơn nữa đến các chỉ tiêu chất lượng: làm cho kế hoạch tăng năng suất lao động, kế hoạch giảm giá thành và phí lưu thông cũng như các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thực sự trở thành mục tiêu phấn đấu hàng ngày của quần chúng. Phải tiến lên lập các kế hoạch về tiến bộ kỹ thuật, vận dụng tốt hơn nữa những thành tựu về khoa học - kỹ thuật vào việc lập và chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Phải bước đầu nghiên cứu lập kế hoạch theo vùng và tính toán các mặt cân đối theo vùng; cải tiến việc lập kế hoạch ở địa phương tỉnh, huyện, xã. Chú trọng cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch ở các đơn vị sản xuất (xí nghiệp, công

trường, hợp tác xã, cửa hàng,...), đồng thời nghiên cứu cải tiến việc lập kế hoạch theo các ngành kinh tế.

Về các loại chỉ tiêu kế hoạch, phải phân biệt những chỉ tiêu có tính chất pháp lệnh và những chỉ tiêu có tính chất hướng dẫn, tham khảo nâng cao trách nhiệm của đơn vị chấp hành kế hoạch, ra sức phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh. Phải quy định rõ ràng những chỉ tiêu do Nhà nước quản lý, những chỉ tiêu do các bộ, tổng cục quản lý; quy định rõ phạm vi, quyền hạn các cấp duyệt và điều chỉnh kế hoạch, phát huy hơn nữa tính chủ động của các bộ, các địa phương trong việc lập và thực hiện kế hoạch.

Phải cải tiến thêm một bước việc lập kế hoạch các ngành:

- Trong kế hoạch sản xuất nông nghiệp, mà đại bộ phận là nông nghiệp tập thể, cần cải tiến phương pháp kế hoạch theo đúng đặc điểm của chế độ sở hữu tập thể và điều kiện thiên nhiên của sản xuất nông nghiệp. Phải cải tiến cách lập kế hoạch nông nghiệp của tỉnh, huyện, xã; cấp huyện phải căn cứ vào kế hoạch Nhà nước mà giúp đỡ, hướng dẫn cách làm và duyệt kế hoạch của các hợp tác xã nông nghiệp.

- Trong kế hoạch sản xuất công nghiệp, phải tiến lên lập kế hoạch không những về tổng sản lượng mà cả về sản lượng hàng hoá; kế hoạch về tiến bộ kỹ thuật, sử dụng kỹ thuật mới; về các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật; kế hoạch sử dụng năng lực sản xuất; kế hoạch về năng lực sản xuất mới tăng...; phải nâng cao chất lượng các kế hoạch tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Phải hết sức xem trọng việc lập kế hoạch kỹ thuật - sản xuất - tài vụ của xí nghiệp.

- Trong việc lập kế hoạch xây dựng cơ bản, phải triệt để tuân theo trình tự xây dựng cơ bản đã quy định: muốn ghi một công trình vào kế hoạch hàng năm, nhất thiết phải có đủ nhiệm vụ thiết kế, thiết kế sơ bộ và tổng khái toán đã được duyệt; muốn ghi vào kế hoạch quý, nhất thiết phải có đủ thiết kế kỹ thuật và dự toán. Đồng thời, hàng năm, ngoài kế

hoạch xây dựng, phải tiến hành lập các kế hoạch thiết kế, bảo đảm cho cơ quan thiết kế có thời gian lập thiết kế sơ bộ và khái toán, phục vụ cho việc lập kế hoạch xây dựng năm sau được vững chắc.

- Về kế hoạch lao động tiền lương, phải chú trọng làm tốt kế hoạch cân đối lao động trong toàn miền Bắc, và ở từng vùng; điều phối sức lao động cho sát hơn giữa đồng bằng và miền núi, và giữa các ngành. Kế hoạch số nhân viên công tác phải dựa trên công tác định mức trong sản xuất và định biên chế cho các cơ quan, xí nghiệp. Nâng cao chất lượng kế hoạch đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, kết hợp chặt chẽ với quy hoạch phát triển lâu dài của các ngành kinh tế và kỹ thuật.

- Cần cải tiến và nâng cao hơn nữa kế hoạch cung cấp vật tư kỹ thuật. Phải xây dựng và ban hành các định mức tiêu dùng vật tư, làm cơ sở cho việc kế hoạch hoá cung cấp vật tư, cho kế hoạch giá thành và tích lũy. Mở rộng thích đáng phạm vi quản lý vật tư kỹ thuật: Nhà nước phải nắm những vật tư quan trọng có liên quan đến nhiều ngành, hoặc loại vật tư mà khả năng cung cấp có ít, nhu cầu lại nhiều mà thường xảy ra mất cân đối. Phải nghiên cứu để tiến tới lập biểu cân đối vật tư tổng hợp.

- Về các mặt kế hoạch khác: thương nghiệp, giao thông vận tải, giá cả, văn hoá, giáo dục, bảo vệ sức khoẻ,... cũng phải chú trọng nghiên cứu cải tiến phương pháp lập kế hoạch.

Để bảo đảm cho công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân được tốt, cần tăng cường công tác thống kê theo nguyên tắc tập trung và thống nhất, bảo đảm tính khách quan và chính xác. Tiến hành tốt các cuộc điều tra thống kê kịp thời phục vụ cho sự lãnh đạo kinh tế của Đảng và Chính phủ. Chính lý kịp

thời các số liệu thống kê lịch sử và nâng cao hơn nữa tính chất chính xác của các số liệu.

Trên cơ sở cải tiến việc lập kế hoạch, các ngành phải chú trọng nghiên cứu sâu sắc hơn nữa và xây dựng các biểu cân đối tổng hợp của kế hoạch, trước hết là biểu cân đối lao động, biểu cân đối vật tư, biểu cân đối tiền tệ, kế hoạch tài chính tổng hợp, tạo điều kiện nghiên cứu tốt hơn các mặt cân đối của nền kinh tế, sắp xếp tốt hơn sự phát triển của các ngành kinh tế và văn hoá và cải thiện đời sống nhân dân.

Các chỉ tiêu kế hoạch phải vừa tích cực, vừa vững chắc, thể hiện phương châm "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội", nghĩa là phải khai thác và động viên mọi khả năng phát triển kinh tế quốc dân theo những chỉ tiêu tiên tiến nhưng có căn cứ khoa học, có biện pháp đầy đủ, lại có dự phòng đến những trường hợp bất trắc sẽ xảy ra. Chúng ta tiến lên thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nhưng lại dựa trên cơ sở một nền nông nghiệp lạc hậu, khả năng trước mắt về tích lũy và cải thiện đời sống nhân dân còn có hạn. Phải căn cứ tình hình ấy, nhất là dựa vào khả năng đảm phụ của nông nghiệp mà sắp xếp các mặt cân đối, cân nhắc sự phát triển của các ngành kinh tế và văn hoá. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc khá nhiều vào các điều kiện tự nhiên, cho nên khi bố trí các mặt kế hoạch phải đề phòng những lúc mất mùa, có dự trữ cần thiết về những loại vật tư quan trọng để giảm bớt các khó khăn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến nền kinh tế và đời sống.

*2. Cải tiến bộ máy quản lý kinh tế, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế*

Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi bộ máy nhà nước phải được luôn luôn cải tiến để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế quốc dân, tổ chức bộ máy Nhà nước và lề lối làm việc đã được cải tiến từng bước. Song, hiện nay nhìn chung trong các cơ quan Nhà nước có tình trạng hoạt động chưa thật thống nhất và nhạy bén, bệnh quan liêu giấy tờ còn nặng; khuyết điểm nổi bật nhất là tập trung thì rất yếu mà dân chủ còn bị hạn chế; bộ máy tổ chức chưa chuyển biến theo kịp yêu cầu và trình độ phát triển của quan hệ sản xuất và kỹ thuật, còn nặng trên nhẹ dưới, còn phân tán cả về tổ chức và lề lối làm việc.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện nguyên tắc ấy, chúng ta phải một mặt bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của Trung ương Đảng và Chính phủ, mặt khác, phải mạnh dạn phân cấp quản lý nhằm phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của các ngành, các cấp để quản lý tốt việc phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa. Phải theo dõi việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý đã ban hành để bổ sung và uốn nắn kịp thời, tiến tới có những quy định cụ thể hơn nữa. Phải khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, hạn chế sáng kiến của địa phương, tình trạng phân cấp quản lý không rõ ràng dứt khoát, dẫn đến việc làm trùng nhau, hoặc bỏ sót. Mặt khác, phải khắc phục hiện tượng ỷ lại và chờ đợi Trung ương, không tuân thủ nghiêm chỉnh sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương; khắc phục tư tưởng bản vị, cục bộ.

Để làm cho bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước được gọn, nhẹ, có năng suất cao, thể hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho việc chỉ đạo được nhanh chóng, kịp thời, chống bệnh quan liêu, giấy tờ, nạn hội họp quá nhiều,

phải kiên quyết cải tiến tổ chức, tinh giản bộ máy. Phải kiện toàn những cơ quan có tính chất chỉ đạo tổng hợp về kinh tế, đồng thời dần dần xây dựng và tăng cường các cơ quan nghiên cứu khoa học, giúp cho việc chỉ đạo kinh tế. Nghiên cứu tiến tới tổ chức cơ quan lập kế hoạch hàng năm (và chỉ đạo thực hiện kế hoạch) tách riêng với cơ quan lập kế hoạch dài hạn. Nghiên cứu tổ chức bộ máy quản lý thống nhất các vấn đề lao động và tiền lương. Tăng cường các Ban chuyên môn của Đảng, đi sâu hơn nữa nghiên cứu các đường lối, chính sách phát triển kinh tế. Tăng cường bộ máy thanh tra, kiểm tra của Nhà nước.

Trước mắt, phải nghiên cứu khắc phục tình trạng công tác giữa các ngành chồng chéo nhau hiện nay. Hợp lý hoá tổ chức và tăng cường quản lý sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp; hệ thống thu mua và bán lẻ, hệ thống tài chính Nhà nước, củng cố và tăng cường bộ máy quản lý xây dựng cơ bản và cung cấp vật tư của các ngành, các cấp.

Phải đề cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt chế độ hợp đồng kinh tế. Đó là một biện pháp rất quan trọng để bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước, là hình thức pháp luật để thúc đẩy các ngành và các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch, đồng thời kiểm tra tình hình chấp hành kế hoạch của các tổ chức. Phải gắn liền việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước với việc chỉ đạo công tác hợp đồng kinh tế, thường kỳ kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch đi đôi với việc kiểm điểm hợp đồng đã ký kết.

Cùng với việc cải tiến tổ chức, phải chú trọng cải tiến lề lối làm việc của các cơ quan quản lý kinh tế. Phải tăng cường kiểm tra đôn đốc, đề cao việc khen thưởng, kỷ luật trong việc chấp hành kế hoạch Nhà nước. Phải khắc phục cách làm việc luộm thuộm, thủ công nghiệp, và tác phong quan liêu, sự vụ, chậm chạp, tạo một tác phong mới: khẩn trương, khoa học, có kế hoạch cụ thể, sát quần chúng, sát cơ sở sản xuất.

*3. Tăng cường tổ chức quản lý kinh tế ở cơ sở, thực hiện đúng các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa; thực hiện mở rộng và củng cố chế độ hạch toán kinh tế*

Trong toàn bộ hệ thống tổ chức kinh tế của ta, những cơ sở xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp là những đơn vị trực tiếp sản xuất và kinh doanh, là những khâu cơ bản của bộ máy kinh tế quốc dân. Ở đó, tập trung một số lớn tài sản của Nhà nước, của nhân dân, và một số lớn lực lượng lao động, thường xuyên phải giải quyết những việc hết sức khẩn trương, phức tạp, nhằm bảo đảm sự phát triển cân đối, có kế hoạch của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, phải rất coi trọng việc tăng cường quản lý kinh tế ở cơ sở.

Phải tăng cường hơn nữa công tác kế hoạch ở cơ sở, củng cố hơn nữa các mặt quản lý, quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý kỹ thuật, quản lý lao động, quản lý tài vụ ở cơ sở.

Để thực hiện đúng đắn nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện củng cố và mở rộng chế độ hạch toán kinh tế. Hạch toán kinh tế là một hình thức và phương pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa tốt nhất, là đòn xeo có hiệu lực nhất để thực hiện quản lý kinh tế, nhằm tiết kiệm nhân lực, vật lực, tài lực, khai thác triệt để khả năng tiềm tàng để đạt hiệu quả kinh tế lớn nhất và bảo đảm doanh lợi. Xí nghiệp theo chế độ hạch toán kinh tế phải có trách nhiệm vật chất đối với kết quả hoạt động kinh tế của mình, đồng thời phải làm cho xí nghiệp theo chế độ hạch toán kinh tế và công nhân, viên chức ở xí nghiệp đó vì lợi ích vật chất mà

quan tâm và tích cực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch một cách toàn diện.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng uỷ, dựa vào quần chúng công nhân, viên chức, phải thực hiện củng cố và mở rộng hơn nữa chế độ hạch toán kinh tế đến phân xưởng, tổ, đội sản xuất. Khắc phục tư tưởng "chế độ cung cấp" còn tồn tại ở nhiều đơn vị. Phải tăng cường hơn nữa chức năng kiểm soát bằng đồng tiền của hệ thống tài chính - ngân hàng của Nhà nước.

Phải củng cố các chi bộ cơ sở và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng uỷ xí nghiệp, công trường, hợp tác xã,... Các Đảng uỷ xí nghiệp, công trường có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra toàn diện công tác của xí nghiệp, công trường, đồng thời phải phát huy đầy đủ chức năng và đề cao quyền lực của thủ trưởng, phát huy vai trò của quần chúng công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp. Cải thiện thêm một bước cơ cấu của các cấp uỷ cho phù hợp với yêu cầu lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo sản xuất. Cần tăng cường thành phần cán bộ trẻ, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế và những đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất, xã viên ưu tú vào các cấp uỷ Đảng. Nâng cao hơn nữa năng lực hoạt động của tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên lao động trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.

*4. Tăng cường lãnh đạo tư tưởng và chính sách*

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây về tăng cường quản lý kinh tế tài chính, phải tăng cường hơn nữa lãnh đạo tư tưởng và lãnh đạo chính sách.

Phải tiến hành một cách có hệ thống và thường xuyên hơn nữa việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và toàn thể

nhân dân, tuyên truyền giáo dục về đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và về nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Việc tiếp tục bồi dưỡng những tư tưởng và quan điểm cơ bản phải quán triệt trong quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa: quan điểm làm chủ tập thể, tư tưởng tự lực cánh sinh, ý thức cần kiệm xây dựng Tổ quốc, tinh thần khẩn trương và tinh thần cảnh giác cách mạng. Sau khi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất được ban hành, cần tiến hành tuyên truyền giáo dục sâu rộng về những phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch, đề cao tinh thần gian khổ phấn đấu, quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu của kế hoạch, làm cho kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá - cương lĩnh thứ hai của Đảng, trở thành mục tiêu phấn đấu thường xuyên của mọi ngành, mọi cấp, của toàn thể nhân dân lao động.

Trước mắt, phải *chú trọng giáo dục sâu sắc hơn nữa ý thức cần kiệm xây dựng Tổ quốc, ý thức nâng cao dần tích lũy xã hội chủ nghĩa*. Mặt khác, cùng với việc tăng cường hợp tác kinh tế và sử dụng tốt sự giúp đỡ của các nước anh em, phải *đề cao hơn nữa tinh thần tự lực cánh sinh*. Phải làm cho tinh thần tự lực cánh sinh, ý thức cần kiệm xây dựng Tổ quốc thấm sâu vào trong đảng viên, quần chúng; trên cơ sở ấy động viên mọi người phát huy tinh thần phấn đấu anh dũng, phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Cùng với việc đề cao giáo dục tư tưởng, phải kịp thời nghiên cứu, ban hành, hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách cụ thể. Đây là một vấn đề rất quan trọng, vì những chính sách cụ thể là bảo đảm cho việc thực hiện đường lối, chủ trương, giải quyết những vấn đề mới nảy ra trong quá trình tổ chức thực

hiện. Các chính sách cụ thể phải quán triệt hai mặt: thể hiện yêu cầu của các quy luật kinh tế, đồng thời thể hiện đường lối chung của Đảng trong từng thời kỳ. Hiện nay, trên miền Bắc đang tồn tại hai hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, đồng thời lại còn bộ phận kinh tế phụ của gia đình nông dân xã viên và một bộ phận nhỏ kinh tế cá thể. Phải có những chính sách cụ thể thích hợp thúc đẩy và kết hợp chặt chẽ sự phát triển của các thành phần kinh tế ấy, dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh.

Đối với khu vực kinh tế quốc doanh (công nghiệp, nông trường, xây dựng cơ bản, vận tải, thương nghiệp,...) phải nghiên cứu ban hành gấp các chính sách và chế độ nhằm đẩy mạnh cuộc vận động "*Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*". Phải nghiên cứu các chính sách trang bị kỹ thuật cho các ngành, các chính sách quản lý vật tư, tài vụ, lao động kỹ thuật. Dựa vào các chính sách ấy, phải nghiên cứu ban hành gấp các chế độ, thể lệ, quy tắc về quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ, kinh tế; quy định trách nhiệm rõ ràng, bảo đảm sự phối hợp giữa các ngành được ăn khớp, thống nhất, sự chỉ đạo được nhanh và sâu sắc.

Đối với khu vực tập thể, các chính sách cụ thể đều phải quán triệt tinh thần tăng cường lực lượng cho kinh tế tập thể, hết sức giúp đỡ kinh tế tập thể, củng cố quan hệ sản xuất mới, phát huy tính hơn hẵn của lối làm ăn tập thể, trước hết là nhằm giải quyết tốt quan hệ giữa Nhà nước với hợp tác xã và nông dân xã viên, kết hợp yêu cầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa với yêu cầu cải thiện đời sống nông dân.

Trước mắt phải chú trọng nghiên cứu những chính sách phục vụ cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho kinh tế tập thể, nhất là cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, phục vụ tốt cuộc vận động *"Cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc"*. Phải nghiên cứu các chính sách về trang bị kỹ thuật cơ khí và nửa cơ khí cho nông nghiệp, về cho vay vốn, bán nông cụ, phân bón, chính sách thu mua nông sản và bán hàng công nghiệp cho nông dân, chính sách giá cả..., các chính sách cung cấp vật liệu xây dựng, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật cho hợp tác xã. Đồng thời, phải nghiên cứu thực hiện tốt những chính sách về ổn định mức nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước, ổn định quy mô hợp tác xã, ổn định sở hữu của hợp tác xã và xã viên.

Tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, cải tiến tổ chức và chỉ đạo thực hiện là một yêu cầu cấp thiết trước mắt, nhưng cũng là một việc rất phức tạp. Làm tốt công tác quản lý kinh tế tài chính sẽ giúp cho ta khai thác hơn nữa mọi năng lực tiềm tàng để phát triển sản xuất, thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, tạo điều kiện cải thiện dần đời sống nhân dân một cách vững chắc.

Mấu chốt để thực hiện tốt nhiệm vụ ấy là tiến hành thật tốt hai cuộc vận động: cuộc vận động *"Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc"* tiến hành từ nay đến hết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở nông thôn và cuộc vận động *"Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu"* tiến hành trong các đơn vị xí nghiệp, công trường và các cơ quan lãnh đạo

kinh tế của Nhà nước. Phải lãnh đạo và thực hiện tốt hai cuộc vận động ấy, thực hiện sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành, các cấp. Phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua yêu nước, đưa các phong trào thi đua Duyên Hải, Đại Phong... đi vào bề sâu, phát huy lực lượng của đông đảo quần chúng nhân dân lao động, ra sức phấn đấu, phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**  
 Số 78-NQ/TW, tháng 4 năm 1963

**Về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm**  
**lần thứ nhất (1961-1965)**

*Phần thứ nhất*

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ**  
**TRONG 5 NĂM QUA (1958-1962)**

**I- NHỮNG THẮNG LỢI CHỦ YẾU**

Trong những năm vừa qua, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta đã tiến những bước vững chắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự giúp đỡ của các nước anh em, nhân dân ta đã phấn đấu giành được những thắng lợi to lớn trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Hiện nay, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, đã mở rộng và đang được củng cố.*

Ở nông thôn, 87,7% tổng số nông hộ đã tham gia hợp tác xã, trong đó 36,8% tham gia hợp tác xã bậc cao; 76% số thôn vùng đồng bằng và trung du đã có hợp tác xã quy mô thôn.

Trong các ngành thủ công, 95% số thợ chuyên nghiệp đã được tổ chức lại.

Các xí nghiệp công tư hợp doanh được sắp xếp hợp lý hơn trước.

Thành phần kinh tế quốc doanh phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn; năm 1962, công nghiệp quốc doanh chiếm 59,4% trong giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp; vận tải quốc doanh chiếm 78,2% trong khối lượng hàng hoá luân chuyển; mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 83% trong tổng mức bán lẻ của thương nghiệp thuần tuý.

Nhìn chung, kinh tế quốc doanh đã giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhất là cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, được tiến hành nhanh, gọn, đang phát triển lành mạnh và phát huy ảnh hưởng tích cực ngày càng rõ rệt. Sự biến đổi ấy về cơ cấu xã hội của nền kinh tế đã tạo ra những khả năng mới để tăng cường lực lượng sản xuất và phát triển các ngành kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch.

*Cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường một bước, nhất là trong công nghiệp.*

Các ngành công nghiệp nặng như điện, than và khai khoáng khác, chế tạo cơ khí, luyện kim, hoá chất và các ngành công nghiệp nhẹ như dệt, đường, giấy, v.v. đang phát triển; phần lớn các cơ sở được trang bị kỹ thuật hiện đại.

Trong nông nghiệp, các công tác thuỷ lợi, khai hoang, tăng vụ được chú ý đẩy mạnh. Trong 5 năm qua, đã mở rộng diện tích được tưới nước thêm 76 vạn héc-ta, khai hoang 20 vạn héc-ta và tăng thêm 50 vạn héc-ta diện tích gieo trồng. Các

nông trường quốc doanh phát triển tương đối nhanh, với những thiết bị và kỹ thuật hiện đại.

Dựa trên quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng thêm, *lực lượng lao động xã hội bắt đầu được phân bố lại*. Lực lượng công nhân trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông ngày càng phát triển. Hàng chục vạn lao động ở đồng bằng đã chuyển lên các vùng trung du và miền núi, tham gia xây dựng công nghiệp, phát triển nông trường và lâm trường, mở rộng khai hoang, xây dựng những khu kinh tế mới. Hầu hết những người trước đây thiếu việc làm và số lao động trẻ tăng thêm hàng năm đã được thu hút vào sản xuất.

Đi đôi với sự phân công lao động mới đang hình thành, *đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật được tăng cường*. So với năm 1957, số công nhân kỹ thuật năm 1962 tăng gấp 6 lần, số cán bộ có trình độ đại học tăng gấp 12 lần; nhờ đó chúng ta đã khắc phục được một phần tình trạng thiếu cán bộ và công nhân trong những năm trước.

*Sản xuất công nghiệp phát triển tương đối nhanh; sản xuất nông nghiệp trong và sau khi hợp tác hoá có phát triển và tiến bộ. Quan hệ giữa các ngành trong công nghiệp, giữa công nghiệp và nông nghiệp được điều chỉnh dần và ngày càng đi vào cân đối.*

Trong 5 năm qua, bình quân hàng năm giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 19,8%, trong đó nhóm A tăng 32%, nhóm B tăng 15%, công nghiệp tăng 31,5%, thủ công nghiệp tăng 7,6%. Các ngành công nghiệp nặng đã cung cấp được một số tư liệu sản xuất với khối lượng ngày càng lớn, giải quyết được một phần nhu cầu về thiết bị lẻ, và gần đây có cố gắng trong việc phục vụ nông nghiệp. Công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm tăng thêm nhiều về mặt hàng và khối lượng sản phẩm; nhờ đó chúng ta đã tự cung cấp phần rất lớn hàng tiêu dùng.

Về nông nghiệp, trong 5 năm qua, bình quân hàng năm, giá trị tổng sản lượng tăng 5,3%. Sản lượng lương thực tăng

4,5%, trong đó hoa màu tăng 13%, lúa tăng 2,9%; giá trị sản lượng cây công nghiệp tăng 7,3%; đàn trâu tăng 3,6%, đàn lợn tăng 7,5%; sản lượng cá nuôi tăng 31%. Nhìn chung, cây công nghiệp phát triển tương đối đều, nghề nuôi cá phát triển khá mạnh, gần đây sản xuất hoa màu và chăn nuôi bắt đầu chuyển biến tốt.

*Các phong trào Đại Phong, Duyên Hải, Thành Công* với hàng nghìn "hợp tác xã tiên tiến" và "tổ" hoặc "đội lao động xã hội chủ nghĩa", đã động viên đông đảo quần chúng lao động hăng hái thi đua cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất.

Trên cơ sở sản xuất phát triển, *vốn tích lũy trong nước hàng năm tăng lên*, đã bảo đảm được phần lớn các nhu cầu mở mang xây dựng cơ bản, thực hiện tái sản xuất mở rộng.

Đồng thời, *đời sống của nhân dân lao động được cải thiện từng bước*. Mặc dù năm 1960 bị mất mùa, trong hai năm gần đây, đời sống của nông dân được cải thiện thêm một bước về ăn, mặc, ở,... So với trước kia, mức sống của nông dân tăng lên rõ rệt. Đời sống của công nhân, viên chức, cán bộ và bộ đội gần đây có bị ảnh hưởng, vì việc cung cấp thực phẩm có khó khăn. Trong 5 năm qua, thu nhập thực tế của công nhân, viên chức, cán bộ vẫn có tăng, nhờ đã thi hành nhiều biện pháp: cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương, giải quyết việc làm cho người trong gia đình, bảo đảm cung cấp lương thực, một phần các loại thực phẩm, vải mặc, và cố gắng xây dựng nhà ở, nâng cao phúc lợi xã hội.

Đời sống văn hóa có nhiều tiến bộ rất đáng phấn khởi. Năm 1962, cứ một vạn dân, có 15 sinh viên đại học, 30 học sinh chuyên nghiệp trung cấp, gần 2.400 học sinh phổ thông và học viên bổ túc văn hoá. Về bảo vệ sức khỏe, trong 5 năm qua, số bệnh viện, bệnh xá tăng gấp 2,4 lần, số giường bệnh tăng 43%, số bác sĩ, y sĩ, dược sĩ tăng gấp 3,5 lần.

Chúng ta đi vào thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mới trong 5 năm. Với những thắng lợi chúng ta đã giành được, *nền kinh tế và xã hội miền*

*Bắc đang trải qua những chuyển biến cách mạng sâu sắc, vĩ đại.*

*Từ một nền kinh tế phụ thuộc, lạc hậu, chúng ta đang xây dựng một nền kinh tế tự chủ, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

Cùng với sự phát triển của thành phần kinh tế quốc doanh, cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng quan hệ xã hội mới, quan hệ hợp tác giữa những người lao động. Nhất là cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, có ý nghĩa rất quan trọng, đã tổ chức đông đảo quần chúng nông dân thành một lực lượng lao động tập thể; các hợp tác xã nông nghiệp là những cơ sở sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong quá trình phát triển và củng cố, đang làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi rất nhiều.

Dựa vào nguồn sức mạnh của quan hệ sản xuất mới, nhân dân ta đã phát huy không ngừng truyền thống phấn đấu anh dũng và lao động cần cù, ra sức xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, giải quyết phần lớn những nhu cầu thiết yếu về đời sống, tăng cường khả năng trong nước về trang bị kỹ thuật và cung cấp vật tư cho các ngành kinh tế quốc dân.

Nhân dân ta, Đảng và Chính phủ ta đã có những cố gắng rất lớn, vừa tập trung sức cải tạo và xây dựng kinh tế, vừa cải thiện từng bước đời sống của nhân dân. Trong xã hội ta, hầu hết những người có sức lao động đều có việc làm; mọi người ăn mặc khá hơn trước và có những tiến bộ rõ rệt về mặt văn hoá.

Trên cơ sở những tiến bộ mới về cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, *sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ta ngày càng thêm củng cố, khối liên minh công nông và khối đoàn kết dân tộc ngày càng tăng cường*. Miền Bắc đã lớn mạnh thêm về mọi mặt, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà,

góp phần tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới.

## II- NHỮNG KHÓ KHĂN CẦN PHẢI KHẮC PHỤC

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đang phát triển thuận lợi. Nhưng từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, trong bước trưởng thành, chúng ta phải phấn đấu vượt qua những khó khăn lớn.

*Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới được xây dựng, còn phải được củng cố và hoàn thiện. Vấn đề lớn nhất hiện nay trong nền kinh tế của ta là cơ sở vật chất - kỹ thuật còn yếu, lao động thủ công vẫn chiếm phần rất lớn trong các ngành sản xuất vật chất, trình độ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và năng suất lao động xã hội còn thấp.*

Trong nông nghiệp, các ngành trồng trọt và chăn nuôi phát triển không cân đối; tổ chức sản xuất phân tán; kỹ thuật sản xuất còn lạc hậu, mùa màng còn phụ thuộc khá nhiều vào các điều kiện tự nhiên, nhưng khả năng tiềm tàng của nền nông nghiệp nhiệt đới chỉ mới bắt đầu được phát huy. Ruộng đất là tư liệu sản xuất cơ bản lại có ít, bình quân đầu người chỉ được khoảng 3 sào Bắc Bộ, mà lại sử dụng chưa thật hợp lý. Vì thế, *sản xuất nông nghiệp chưa là cơ sở thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp.*

Công nghiệp hiện đại chiếm một tỷ lệ nhỏ trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp và nông nghiệp; phần lớn các cơ sở quan trọng đang xây dựng, chưa đi vào sản xuất. Năng lực sản xuất của nhiều xí nghiệp được sử dụng còn thấp; việc cung cấp nguyên liệu chưa được bảo đảm; trình độ kỹ thuật và trình độ quản lý xí nghiệp của cán bộ, công nhân còn yếu. *Hiện nay, công nghiệp chưa phục vụ tốt yêu cầu phát triển của nông nghiệp và của các ngành kinh tế khác.*

Nhìn chung, giữa các ngành trong nền kinh tế quốc dân, trước hết là giữa nông nghiệp và công nghiệp, *còn nhiều chỗ*

*không cân đối.* Đó là hậu quả của chế độ cũ mà chúng ta còn phải phấn đấu để thanh toán từng bước.

Trong những điều kiện nói trên, mức tăng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân còn bị hạn chế nhiều. *Trong việc phân phối, chúng ta phải giải quyết mâu thuẫn giữa một bên là nhu cầu về các mặt đang phát triển nhanh và một bên là khả năng sản xuất tăng lên chưa kịp.*

Các tầng lớp nhân dân lao động ở miền Bắc nước ta, sau khi được giải phóng khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, đều có những yêu cầu chính đáng về cải thiện đời sống. Đồng thời dân số phát triển nhanh. Cho nên *nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội tăng lên nhiều.*

Chúng ta phải dành một phần ngày càng quan trọng vốn tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hoá, tạo điều kiện cơ bản để nâng cao sản xuất, tăng thêm của cải, bảo đảm cải thiện không ngừng đời sống của nhân dân. Ngoài phần giúp đỡ của các nước anh em, chủ yếu là về thiết bị toàn bộ, ta phải tự giải quyết vốn trong nước, phải tăng nguồn hàng xuất khẩu để đổi lấy những thiết bị và nguyên liệu cần thiết mà trong nước chưa sản xuất được. *Quy mô xây dựng và sản xuất mở rộng thì nhu cầu về vốn và vật tư ngày càng lớn.*

Chúng ta phải *tăng cường củng cố quốc phòng*, tích cực bảo vệ công cuộc lao động hoà bình ở miền Bắc.

Trước mắt, sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng chưa đáp ứng kịp nhu cầu về đời sống ngày càng tăng của toàn xã hội; nhân dân ta còn phải chịu một phần thiếu thốn. Tiền vốn và vật tư chưa thoả mãn được các nhu cầu to lớn về xây dựng kinh tế; việc mở rộng xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất phải dựa vào mức tích lũy vốn có thể thực hiện được thì mới bảo đảm phát triển các mặt hoạt động kinh tế và văn hoá một cách cân đối và với nhịp độ nhanh.

Đó là những khó khăn tất yếu mà toàn Đảng, toàn dân ta cần phải nhận rõ và quyết tâm khắc phục từng bước. Dựa vào những thuận lợi sẵn có, phát huy những thành tích đã đạt được, không ngừng phấn đấu đưa sự nghiệp cách

mạng tiến lên, nhất định chúng ta sẽ vượt qua được các khó khăn ấy.

Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân ta phải nâng cao hơn nữa tinh thần phấn khởi cách mạng, chấp hành tốt hơn nữa đường lối của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh cuộc tiến công vào nghèo nàn và lạc hậu, làm cho tình hình kinh tế và đời sống ở miền Bắc nước ta ngày càng chuyển tốt.

### III- SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta về đường lối, phương châm và các chính sách lớn đã bảo đảm những thắng lợi bước đầu rất quan trọng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Những sự đổi mới trong xã hội và khí thế cách mạng mạnh mẽ của quần chúng chỉ rõ rằng *Đảng ta đã kết hợp một cách sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam, giải quyết đúng những yêu cầu cơ bản của quần chúng và của cách mạng, cho nên toàn dân ta tin tưởng ở Đảng ta một cách sâu sắc, hăng hái phấn đấu theo con đường mà Đại hội lần thứ III của Đảng đã vạch ra.*

Sau khi làm xong cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, Đảng ta đã lấy nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm, trong đó khâu quan trọng nhất là hợp tác hoá nông nghiệp. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được tiến hành kịp thời, theo nguyên tắc đấu tranh cách mạng triệt để, với những hình thức và biện pháp linh hoạt, đã sớm xác lập được quan hệ sản xuất mới, bảo đảm phát triển sản xuất.

Trong những năm khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ nhằm giải quyết những nhu cầu thiết yếu về đời sống. Sau khi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi có tính chất quyết định, chúng ta chuyển sang thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở

vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa theo phương hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Chúng ta hết sức phát huy tinh thần tự lực cánh sinh của quần chúng nhân dân, đồng thời rất coi trọng và cố gắng sử dụng tốt sự giúp đỡ và hợp tác quốc tế của các nước anh em, xây dựng từng bước nền kinh tế tự chủ, lấy nông nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp, và lấy công nghiệp làm chủ đạo để phát triển kinh tế quốc dân. Đường lối đó hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế khách quan của miền Bắc trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng và các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm, lần thứ bảy của Trung ương Đảng đã đem lại cho nhân dân ta một nguồn tin tưởng mới, một quyết tâm phấn đấu mạnh mẽ, là vì các nghị quyết đó giải đáp đúng các vấn đề thực tiễn của cách mạng, phản ánh đúng lợi ích và ý chí phấn đấu của quần chúng nhân dân.

Trong việc chấp hành đường lối của Đảng, hai năm gần đây, sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các ngành, các địa phương có tiến bộ, đi sâu hơn vào các mặt hoạt động kinh tế, nhất là về nông nghiệp và công nghiệp, nắm sát hơn thực tế ở cơ sở.

Những đoạn đường dẫn đến thắng lợi mà chúng ta đã và đang đi là những bước phấn đấu rất gian khổ. Chính nhờ có đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn, Đảng ta đã đoàn kết được toàn dân, động viên mọi lực lượng, phát huy các thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên vững chắc.

Song bên cạnh những ưu điểm, chúng ta có *một số khuyết điểm*.

Đường lối, phương châm, chính sách của Đảng đều xuất phát từ những đặc điểm chủ yếu của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng *trong việc chấp*

*hành đường lối đó, về một số chủ trương, chúng ta chưa quán triệt sâu sắc các đặc điểm cụ thể của nền kinh tế miền Bắc. Trong quá trình thực hiện, có những vấn đề phát hiện chậm, nghiên cứu không được chu đáo, giải quyết không được kịp thời.*

Chúng ta chưa thấy hết tính chất khó khăn phức tạp và những khả năng tiềm tàng to lớn của nền *nông nghiệp* nước ta, nhất là trong việc giải quyết vấn đề lương thực; không kịp thời có chủ trương giải quyết đúng khâu sản xuất hoa màu và chăn nuôi, chậm chủ động điều chỉnh từng bước quan hệ cân đối giữa các ngành trong nông nghiệp. Sự giúp đỡ của Nhà nước đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong những năm trước đây chưa được đúng mức.

Trong việc xây dựng *công nghiệp*, một số chủ trương cụ thể chưa nhằm thật đúng yêu cầu phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ phát triển từng bước vững chắc và cân đối; các cơ sở sản xuất một số nguyên liệu quan trọng và một số hàng tiêu dùng thiết yếu nhất không được xây dựng kịp thời. Sản xuất thủ công nghiệp chưa được coi trọng một cách đầy đủ; một số ngành quan trọng như khai thác gỗ, đánh cá, làm muối, ít được chú ý giúp đỡ.

Trong công tác *ngoại thương*, chúng ta thiếu nhìn xa, không kịp thời chuẩn bị cơ sở, chưa hết sức phát huy mọi khả năng sản xuất để tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Sự nghiệp *giáo dục* phát triển nhanh, nhưng chất lượng còn kém, chưa gắn chặt học tập với lao động sản xuất.

*Công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân chưa phục vụ tốt yêu cầu quản lý kinh tế của Nhà nước.* Kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm và một số quy hoạch làm chậm. Việc nghiên

cứu phân vùng kinh tế chưa được xúc tiến tích cực. Chất lượng công tác cân đối tổng hợp kinh tế quốc dân còn yếu. Lề lối quản lý kế hoạch ít được cải tiến, chưa bảo đảm chặt chẽ yêu cầu quản lý tập trung của Nhà nước, mặt khác có phần gò bó, kém linh hoạt.

*Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch không được tập trung và toàn diện, thiếu sắc bén và khẩn trương; đó là khâu yếu nhất trong công tác quản lý kinh tế.*

Đường lối của Đảng, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được phổ biến sâu rộng trong đảng viên và quần chúng nhân dân, do đó việc chấp hành chưa được đầy đủ và kịp thời.

Việc nắm tình hình thực tế thiếu thường xuyên và chưa được sâu. Các mặt công tác có nhiều kinh nghiệm phong phú nhưng việc tổng kết và phổ biến kinh nghiệm làm kém.

Trong khi thực hiện kế hoạch, các ngành và các cơ sở sản xuất chưa chú ý đầy đủ đến năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Việc quản lý lao động, quản lý vật tư, quản lý tài vụ phần nhiều chưa đi vào nền nếp. Chế độ hợp đồng kinh tế thường không được thực hiện nghiêm chỉnh; chế độ hạch toán kinh tế thực hiện chưa được tốt. Công tác quản lý kỹ thuật còn yếu, lực lượng cán bộ kỹ thuật còn ít, nhưng sử dụng chưa được hợp lý.

Về mặt tổ chức quản lý, sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương và việc phát huy dân chủ đối với các địa phương chưa được bảo đảm đầy đủ; năng lực tổ chức thực hiện ở các cơ sở sản xuất còn yếu. Bộ máy làm việc công kênh, hiệu quả công tác kém; cấp tỉnh và tổ chức cơ sở chưa được tăng cường về chất lượng. Trong các cơ quan Nhà nước và các xí nghiệp, chế độ trách nhiệm chưa được chặt chẽ, kỷ luật còn lỏng lẻo, việc thưởng phạt chưa được nghiêm minh, công tác kiểm tra chưa được thường xuyên, thiếu sắc bén. Các chế độ, thể lệ và các

quy định cụ thể trong việc quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật chưa được nghiên cứu toàn diện, một số đã trở nên không hợp lý hoặc không ăn khớp với nhau, nhưng sửa đổi chậm; việc thi hành còn tùy tiện. Nói chung, tổ chức và lề lối làm việc chuyển chậm so với yêu cầu phát triển kinh tế và văn hoá.

Do những thiếu sót về quản lý, mức sử dụng năng lực sản xuất công nghiệp còn thấp. Trong nông nghiệp, chưa hết sức phát huy mọi khả năng để thực hiện thâm canh, tăng năng suất; việc chỉ đạo khai hoang chưa được chặt chẽ; công tác kỹ thuật chưa đi sâu vào thực tế từng vùng, chưa phục vụ sát cơ sở sản xuất. Công tác quản lý lưu thông hàng hoá có những sơ hở làm cho thị trường có lúc khẩn trương đáng lẽ có thể tránh được. Trong các ngành, tài sản lưu động ứ đọng khá nhiều, gây ra nhiều lãng phí. Việc sắp xếp lao động chưa được hợp lý, việc quản lý biên chế Nhà nước chưa được chặt chẽ, số người không trực tiếp sản xuất ở các xí nghiệp và số người không sản xuất nông nghiệp tăng lên quá nhiều.

Để chấp hành tốt hơn nữa đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, yêu cầu về lãnh đạo là phải đi sâu nghiên cứu thực tế, quyết định sát và kịp thời các chủ trương, chính sách, đồng thời có những biện pháp thiết thực để nâng cao trình độ quản lý kinh tế, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch. Cần phải nhận định đúng tình hình, đánh giá đúng các thắng lợi và khó khăn, ưu điểm và khuyết điểm, tăng cường sự nhất trí về tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân, bảo đảm thấu suốt đường lối của Đảng, chính sách của Đảng và Nhà nước trong khi thực hiện kế hoạch.

*Phần thứ hai*

## PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III, tiếp theo các Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Trung ương Đảng, kết hợp với kinh nghiệm phát triển kinh tế và văn hoá trong những năm gần đây, Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng kiến nghị về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất như sau:

#### PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phải nhằm *"phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa"*, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" (Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III).

Thực hiện nhiệm vụ đó chính là phát huy các thắng lợi đã giành được, khắc phục các khó khăn, tập trung sức giải quyết yêu cầu cơ bản, nhất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của các ngành kinh tế quốc dân, trước hết là các ngành công nghiệp và nông nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ đó chính là đẩy lực lượng sản xuất phát triển thêm một bước, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó ra sức phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động xã hội để tăng tích lũy vốn cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, củng cố miền Bắc về mọi mặt, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, phải hết sức phát huy năng lực sản xuất sẵn có, sử dụng tốt sự giúp đỡ của các nước anh

em, từng bước thực hiện nửa cơ giới hoá và cơ giới hoá các ngành sản xuất chủ yếu, bảo đảm vững chắc hơn nữa nhu cầu về vật tư cho sản xuất và xây dựng, nhu cầu về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho đời sống nhân dân.

Phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, chú trọng hướng công nghiệp phục vụ nông nghiệp đặc lực hơn.

Phải ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở thuận lợi hơn cho việc phát triển công nghiệp.

Phải đặc biệt chú trọng tăng thêm nhiều hàng nông sản và hàng công nghiệp có giá trị cho xuất khẩu để đổi lấy thiết bị, nguyên liệu và một phần hàng tiêu dùng cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và tăng cường sự hợp tác quốc tế giữa nước ta với các nước anh em.

Phải điều chỉnh từng bước cơ cấu của các ngành sản xuất và xúc tiến việc sơ bộ phân vùng kinh tế, phân bố lực lượng sản xuất hợp lý hơn, cân đối hơn.

Phải làm tốt cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" và cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" gắn chặt việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất với việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Phải tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế và công nhân lành nghề, đặc biệt chú ý sử dụng hợp lý và bồi dưỡng về kỹ thuật và nghiệp vụ cho số cán bộ, công nhân hiện có.

Phải ra sức phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi, tiến dần lên xây dựng những vùng kinh tế mới ở miền núi có nông nghiệp và công nghiệp phát triển.

Phải không ngừng tăng tích lũy vốn cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện bảo đảm một đời sống no ấm, hạnh phúc lâu dài cho toàn dân. Đồng thời trước mắt, phải chăm lo cải thiện từng bước và có trọng điểm đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Phải kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng, bảo đảm yêu cầu xây dựng các lực lượng vũ trang, củng cố hậu phương, tích cực bảo vệ sự nghiệp lao động hoà bình ở miền Bắc.

Về mặt lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện, phải làm cho đường lối của Đảng, chính sách của Đảng và Nhà nước thấu suốt đến tận đảng viên và quần chúng nhân dân, tăng cường sự nhất trí về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân. Phải đi sâu hơn nữa vào thực tế, quán triệt tinh thần mạnh bạo và thận trọng trong việc định ra các chủ trương, chính sách, tăng cường chỉ đạo về các biện pháp cụ thể, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch, bảo đảm giữ vững quan hệ cân đối giữa các mặt hoạt động chủ yếu, phát triển kinh tế và văn hoá với nhịp độ nhanh. Phải đáp ứng yêu cầu chung của cả nước, đồng thời phải tập trung sức, tranh thủ những tiến bộ rõ rệt ở các trọng điểm để thúc đẩy toàn diện. Phải sử dụng sức lao động, vật tư và tiền vốn một cách hợp lý nhất, triệt để chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Trong khi phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, phải thiết thực chuẩn bị mọi mặt cho kế hoạch dài hạn sau.

## PHƯƠNG HƯỚNG CỤ THỂ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

### I- CÔNG NGHIỆP

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ và phương hướng công nghiệp hoá xã hội chủ

nghĩa ở nước ta, nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Trong những năm tới, phải *ra sức thực hiện nghị quyết đó, đưa công nghiệp tiến lên một bước mới, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.*

*Phải tập trung hơn nữa vốn đầu tư cho công nghiệp, nhất là cho các ngành công nghiệp nặng chủ yếu.* Đẩy mạnh xây dựng các công trình trọng điểm, mở rộng và cải tiến thiết bị các xí nghiệp hiện có và xây dựng một số công trình gối đầu sang kế hoạch sau.

*Phải cố gắng giải quyết tốt nhu cầu về nguyên liệu* cho các xí nghiệp của trung ương, nâng cao mức sử dụng thiết bị; *đồng thời chú trọng phát huy năng lực sản xuất của công nghiệp quốc doanh địa phương và thủ công nghiệp.*

Về công nghiệp nặng, phải phát triển ngành cơ khí theo một quy hoạch chung hợp lý, nâng cao năng lực chế tạo và sửa chữa cơ khí, bảo đảm đưa *điện lực* đi trước một bước, ra sức xây dựng các cơ sở nguyên liệu chính (gang thép, nhiên liệu, hoá chất...), đặc biệt chú ý đẩy mạnh ngành than và gỗ. Phải hướng công nghiệp phục vụ nông nghiệp đặc lực hơn nữa, tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật và cung cấp thêm nhiều vật tư cho nông nghiệp.

Đồng thời với việc phát triển công nghiệp nặng, *phải ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, chú trọng các ngành chế biến hoa màu, đánh cá, làm muối, hết sức cố gắng giải quyết tốt hơn các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân, nhất là về ăn và mặc, và các nhu cầu khác về học tập, bảo vệ sức khoẻ, đồ dùng trong nhà.*

*Phải đẩy mạnh sản xuất công nghiệp phục vụ xuất khẩu.* Ngoài các ngành công nghiệp khai thác, phải chú trọng việc chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và sản xuất một số hàng gia công bằng nguyên liệu bên ngoài để tăng mặt hàng và khối lượng hàng xuất khẩu.

Phải đẩy mạnh phong trào *thi đua* hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, ra sức *tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm*, bảo đảm phát triển sản xuất công nghiệp với nhịp độ nhanh và cân đối hơn, đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Trong 5 năm, vốn đầu tư vào công nghiệp chiếm khoảng trên 48% tổng mức đầu tư vào kinh tế và văn hoá, trong đó dành cho nhóm A khoảng dưới 80%, cho nhóm B khoảng trên 20%. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng 17%, trong đó nhóm A tăng khoảng 20%, nhóm B tăng khoảng 15%. Công nghiệp quốc doanh trung ương tăng bình quân hàng năm khoảng 22%, công nghiệp quốc doanh địa phương khoảng 20%, thủ công nghiệp khoảng 9%.

Để phục vụ việc xây dựng và phát triển công nghiệp phải *tăng cường công tác nghiên cứu, tìm kiếm và thăm dò địa chất*. Phải đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu để chỉ đạo kịp thời công tác tìm kiếm, đưa công tác tìm kiếm đi trước để phục vụ tốt cho thăm dò và đẩy mạnh công tác thăm dò theo kịp yêu cầu khai thác. Nhiệm vụ trọng tâm về tìm kiếm và thăm dò là phục vụ việc luyện gang thép ở Thái Nguyên, bao gồm quặng, sắt, than mỡ và các loại nguyên liệu phụ. Đồng thời, chú trọng tìm kiếm và thăm dò than gầy, apatít, các khoáng sản phục vụ cho công nghiệp nhẹ, nhất là cho ngành sứ và giấy, v.v..

#### 1. *Nhiệm vụ cụ thể của các ngành công nghiệp nặng*

- *Cơ khí*: Phải phục vụ đặc lực hơn nữa việc trang bị kỹ thuật cho các ngành hiện đang dùng nhiều lao động, năng suất thấp, chú trọng nông nghiệp, nghề cá, nghề gỗ, vận tải, xây

dựng cơ bản, nhất là xây dựng thủy lợi và đường sá; mở rộng sản xuất các mặt hàng cơ khí trang bị cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, sản xuất một số thiết bị cho công nghiệp nặng; đẩy mạnh sản xuất phụ tùng, giải quyết tốt hơn nữa nhu cầu sửa chữa. Riêng đối với nông nghiệp, ngành cơ khí phải cung cấp thêm nhiều các loại máy bơm nước, nông cụ cải tiến và nửa cơ khí, phương tiện vận tải cải tiến, máy chế biến nông sản và một phần các loại máy móc nông nghiệp.

Phải đưa sản lượng cơ khí năm 1965 tăng 169% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 21%. Riêng sản xuất cơ khí quốc doanh tăng 270%, bình quân hàng năm tăng 30%. Để thực hiện nhiệm vụ đó, phải xác định sớm phương hướng trang bị kỹ thuật cho các ngành, dựa vào đó xúc tiến quy hoạch, sắp xếp lại các cơ sở chế tạo và sửa chữa, thực hiện mạnh hơn việc chuyên môn hoá và hiệp tác hoá sản xuất và tiêu chuẩn hoá từng bước kỹ thuật sản xuất. Phải xây dựng nhà máy đóng tàu, nhà máy động cơ diesel, nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, xưởng dụng cụ cắt gọt, xưởng kéo dây điện, Nhà máy cơ khí Cẩm Phả, Nhà máy cơ khí Uông Bí, Xưởng sửa chữa kỹ thuật điện, nhà máy xe đạp, mở rộng Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo và xưởng dụng cụ điện. Ngoài ra, cần phải cải tiến và tăng thêm thiết bị, hoàn thiện dây chuyền sản xuất ở một số nhà máy của trung ương và của các địa phương. Phải tăng cường lực lượng thiết kế ở cơ sở và lực lượng thiết kế tập trung, nâng cao trình độ kỹ thuật và tích cực đào tạo công nhân chế tạo cơ khí.

- *Điện lực*: Phải đẩy mạnh việc xây dựng Nhà máy nhiệt điện Uông Bí, hoàn thành Nhà máy điện Bắc Giang, mở rộng Nhà máy điện Vinh, xúc tiến xây dựng Nhà máy thủy điện Thác Bà; kịp thời xây dựng các đường dây tải điện, chú trọng các đường dây 6 kv và 35 kv đi sâu vào đồng bằng, phục vụ việc tưới và tiêu nước, phục vụ công nghiệp địa phương. Chú trọng phát triển các trạm phát điện nhỏ ở nông thôn và miền núi.

Đến năm 1965, sản lượng điện phát ra phải đạt 660 triệu kw/giờ, so với năm 1960 tăng 158%.

- *Luyện kim*: Phấn đấu để trong năm 1966 căn bản xây dựng xong Khu gang thép Thái Nguyên với công suất thiết kế 20 vạn tấn thép/năm. Đồng thời, phải xúc tiến công tác chuẩn bị sản xuất, xác định rõ trữ lượng các loại quặng sắt, phương pháp xử lý các loại quặng, phương án sản phẩm gang và thép, giải quyết nhu cầu về nhiên liệu, gạch chịu lửa, v.v.. Tận dụng các lò điện hiện có, trang bị thêm máy cán để sản xuất một số thép hợp kim cần thiết. Khởi công xây dựng xưởng pherôxilixiom. Nghiên cứu mở rộng Khu gang thép Thái Nguyên lên một quy mô lớn hơn.

- *Than*: Phải tăng thêm vốn đầu tư vào ngành than, nhằm mở rộng cải tạo các mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, khôi phục mỏ Mông Dương, đẩy mạnh xây dựng mỏ Vàng Danh. Tích cực khai thác các mỏ than khác và các mỏ địa phương; tăng việc khai thác than nhiệt lượng thấp. Phấn đấu đến năm 1965 sản lượng than đạt khoảng 5 triệu tấn.

Khôi phục và xây dựng lò cốc ở Hòn Gai, xúc tiến sản xuất thủ và xác định các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật để tiến lên mở rộng sản xuất than cốc. Tích cực thăm dò thêm than mỡ.

- *Hoá chất, phân bón*: Phải bảo đảm nhu cầu về phân lân và giải quyết một phần thuốc trừ sâu cho nông nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng nhà máy phân đạm để cuối năm 1965 hoặc đầu năm 1966 bắt đầu sản xuất. Xây dựng một số xưởng nhỏ để sản xuất một số loại hoá chất. Tích cực chuẩn bị phát triển các hoá chất cơ bản cho kế hoạch sau: mở rộng xưởng axít sunphuarích, xây dựng nhà máy xút và xưởng thuốc trừ sâu. Xúc tiến công tác nghiên cứu và chuẩn bị xây dựng nhà máy bông sợi nhân tạo.

Về apatít, phải mở rộng khai thác, tăng sản lượng năm 1965 lên 1,4 triệu tấn. Chuẩn bị xây dựng nhà máy làm giàu quặng trong kế hoạch sau.

- *Khai thác và chế biến gỗ*: Phải đưa công nghiệp gỗ lên hàng những ngành quan trọng nhất. Tăng thêm máy móc và các

loại công cụ nửa cơ giới, công cụ cải tiến cho ngành lâm nghiệp, chú trọng cơ giới hoá việc kéo gỗ và vận chuyển gỗ. Tổ chức hợp lý lực lượng sơn tràng, khuyến khích và hướng dẫn sơn tràng mở rộng khai thác gỗ, nứa. Trong việc khai thác gỗ, phải tận dụng cành ngọn. Tích cực phát triển thêm cơ sở tắm gỗ. Phấn đấu đưa mức khai thác gỗ năm 1965 lên 1,31 triệu mét khối, mức tắm gỗ lên khoảng 20 vạn mét khối. Đồng thời phải rất coi trọng khai thác nứa, luồng, mây, song và các lâm sản phụ khác.

Phải điều chỉnh lực lượng xẻ gỗ hiện nay tập trung quá mức cần thiết ở Hà Nội, Hải Phòng về những nơi gần nguyên liệu và thuận tiện về giao thông đường thuỷ, kết hợp với các cơ sở tắm gỗ. Sắp xếp lại các cơ sở đóng đồ gỗ, các xí nghiệp đóng thuyền đánh cá, thuyền vận tải. Phát triển hơn nữa gỗ dán, gỗ lạng, gỗ ván sàn, bảo đảm quy cách và phẩm chất tốt để tăng xuất khẩu. Xúc tiến nghiên cứu việc sấy gỗ, ép gỗ, chưng gỗ.

- *Vật liệu xây dựng*: Phải bảo đảm nhu cầu về vật liệu xây dựng của Nhà nước, đồng thời cố gắng mở rộng việc cung cấp vật liệu xây dựng cho nhân dân; đặc biệt chú trọng bảo đảm nhu cầu về vôi cho việc cải tạo đất. Năm 1965, sản lượng xi măng phải đạt 71 vạn tấn, sản lượng vôi ít nhất phải đạt 80 vạn tấn. Khuyến khích các cơ sở thủ công sản xuất gạch, ngói, vôi, trang bị một số máy móc, cải tiến công cụ, cải tiến kỹ thuật để đẩy mạnh sản xuất. Phát triển các loại vật liệu xây dựng khác như thuỷ tinh, thiết bị vệ sinh, sứ cách điện, bê tông nhẹ, sỏi, đá,...

## 2. Nhiệm vụ cụ thể của các ngành công nghiệp nhẹ

- *Công nghiệp thực phẩm*: Phải chuyển biến mạnh các ngành chế biến hoa màu, đánh cá, làm muối.

Phải làm cho công nghiệp chế biến hoa màu phục vụ kịp thời việc thay đổi cơ cấu lương thực. Sử dụng tổng hợp hoa màu làm bột, miến, bánh, kẹo, nước chấm, rượu, kết hợp chế biến thức ăn để chăn nuôi. Khuyến khích và giúp đỡ hợp tác xã nông nghiệp phát triển chế biến hoa màu. Ở một số vùng

trung du và miền núi, có thể xây dựng một số xưởng quốc doanh địa phương chế biến hoa màu, trang bị cơ giới hoặc nửa cơ giới, quy mô nhỏ, phù hợp với khả năng cung cấp nguyên liệu.

- *Đánh cá, chế biến thủy sản*: trong khi chú trọng cải tiến nghề lộng, phải phát triển nghề khơi, tăng thêm *thuyền lớn* và *thuyền máy đi khơi*. Các cơ sở quốc doanh đánh cá phải là những trung tâm áp dụng kỹ thuật mới và hướng dẫn kỹ thuật cho các hợp tác xã đánh cá. Cần phát triển thêm một số cơ sở quốc doanh đánh cá, trang bị thêm thuyền máy, tàu đánh cá, xây dựng bến và cầu tàu,... Đồng thời phải tích cực giúp đỡ các hợp tác xã phát triển các cơ sở đóng thuyền, đan lưới và sắm thêm thuyền, lưới. Phát triển nghề chế biến thủy sản, làm nước mắm. Phần đầu để đến năm 1965 đạt 20 vạn tấn cá, 60 triệu lít nước mắm

- *Muối*: Phải đẩy mạnh phát triển các đồng muối, tăng diện tích sản xuất muối lên 4.000 héc-ta. Chú trọng dùng thi công cơ giới trong việc xây dựng các đồng muối lớn; cố gắng sớm đưa các cơ sở quốc doanh ở Đồ Sơn, Nghệ An vào sản xuất. Tích cực giúp đỡ các hợp tác xã phát triển các hệ thống dẫn nước vào ruộng muối, cải tiến phương pháp phơi cát và chuyển sang phơi nước ở những nơi có điều kiện, làm thêm muối vụ Thu - Đông, tăng năng suất đồng muối. Năm 1965, sản lượng muối phải đạt 25 vạn tấn.

- *Đường và mật*: Phải tích cực phát triển sản xuất đường của xí nghiệp quốc doanh và đường của hợp tác xã thủ công, đưa sản lượng đường và mật năm 1965 lên 5 vạn tấn, trong đó của quốc doanh khoảng 3 vạn tấn. Các xí nghiệp quốc doanh địa phương cần cải tiến thiết bị, cải tiến kỹ thuật, tăng tỷ lệ lấy đường từ mía. Phải quy hoạch các vùng trồng mía, tăng thêm cung cấp mía cho các nhà máy. Xây dựng thêm một nhà máy đường 350 tấn mía/ngày; mở rộng các Nhà máy đường Việt Trì và Nghệ An lên 500 tấn mía/ngày.

- *Chè, thuốc lá, hoa quả*: Tích cực khai thác nguồn chè sẵn có ở miền núi, xây dựng thêm một số xưởng chế biến nhỏ.

Khuyến khích cải tạo các nương chè ở Phú Thọ, tăng thêm nguyên liệu cho nhà máy. Đẩy mạnh chế biến thuốc lá, hoa quả hộp, tăng nguồn hàng xuất khẩu. Phát triển chế biến các loại nước giải khát. Tận dụng các loại hạt có dầu, phát triển nghề ép dầu.

- *Dệt, da, may mặc*: Phải tích cực giải quyết nguyên liệu cho ngành dệt, chú trọng đẩy mạnh khai thác, chế biến các loại cây có sợi và phát triển sản xuất tơ tằm, tăng cường năng lực sản xuất sợi. Hoàn thành Nhà máy dệt 8-3. Sắp xếp lại và cải tiến kỹ thuật ngành vải thủ công. Sản lượng vải năm 1965 phải đạt khoảng 125 triệu mét, vải màn 32 triệu mét, lụa hoá học 8 triệu mét, lụa tơ tằm khoảng 1,5 triệu mét.

Phát triển chế biến gai, trang bị máy làm sợi cho các vùng trồng gai tập trung. Đẩy mạnh trồng cói và chế biến cói, trang bị máy chẻ cói, đan chiếu. Tận dụng các loại da thuộc phát triển sản xuất da nhân tạo, tăng sản lượng đồ dùng bằng da.

- Đẩy mạnh sản xuất *giấy* và bột giấy. Xây dựng Nhà máy giấy Vạn Điểm 9.000 tấn bột và 6.000 tấn giấy/ năm. Tăng thiết bị cho các nhà máy giấy quốc doanh trung ương và địa phương.

- Đẩy mạnh sản xuất *các hàng tiêu dùng khác*, phát triển mạnh đồ gỗ, đồ sành, sứ, thủy tinh, tăng thêm các mặt hàng văn hoá phẩm, phát triển đồ dùng gia đình, bóng đèn, phích nước, xe đạp, v.v.. Đẩy mạnh chế biến thuốc tây, thuốc nam, hết sức chú ý dùng dược liệu trong nước.

### 3. Công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp

Phải đi sâu nghiên cứu nhu cầu của địa phương, khả năng nguyên liệu, lao động, tiền vốn để xác định phương hướng sản xuất, và phải tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành, bảo đảm đem lại hiệu quả kinh tế tốt.

Việc xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương phải nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của địa phương là chính, đồng thời coi trọng phục vụ nhu cầu toàn quốc và nhu cầu xuất khẩu.

*Ra sức phát triển hàng tiêu dùng, đồng thời mở rộng sản xuất tư liệu sản xuất*, nhằm cung cấp các loại công cụ cải tiến và nửa cơ khí, cung cấp vật tư, trước hết cho nông nghiệp, thủ công nghiệp và các ngành kinh tế khác trong địa phương (nghề cá, nghề rừng, vận tải, xây dựng...). Phải đặc biệt chú ý phát triển các ngành: thực phẩm (chế biến hoa màu, cá, muối...), khai thác, chế biến gỗ và tre, đóng thuyền, làm nông cụ, sửa chữa cơ khí, vật liệu xây dựng, sản xuất các loại hàng bằng tơ, đay, gai, cói.

Phải xúc tiến việc quy hoạch toàn diện công nghiệp địa phương (kể cả thủ công nghiệp), căn cứ vào nhu cầu sản phẩm, khả năng cung cấp nguyên liệu, kỹ thuật sản xuất, yêu cầu cải tiến kỹ thuật và tiền đề phát triển của từng ngành mà sắp xếp và phân công hợp lý giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, giữa công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp, mở rộng sự phân công và hợp tác giữa các địa phương.

Việc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc doanh địa phương phải nhằm những ngành mà nhu cầu có nhiều, thủ công nghiệp không đủ sức bảo đảm; tổ chức sản xuất có tính chất tương đối tập trung, cần phải trang bị cơ giới hoặc nửa cơ giới; và công nghiệp quốc doanh địa phương cần hướng dẫn kỹ thuật cho thủ công nghiệp.

Phải phát triển và tận dụng lực lượng thủ công nghiệp giúp các ngành nghề có tiền đề, chú trọng phát triển thủ công nghiệp ở nông thôn, khôi phục và phát triển các ngành nghề có truyền thống, chú ý ngành sản xuất hàng mỹ nghệ.

Tăng cường công tác quản lý công nghiệp địa phương; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp; cải tiến các chế độ gia công, cung cấp, tiêu thụ, giá cả, thuế khoá; tăng cường đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, phân phối hợp lý các cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học và trung cấp cho các địa phương và những cơ sở sản xuất cần thiết, thúc đẩy công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phát triển.

## II- NÔNG NGHIỆP

Thực tiễn đã chỉ rõ rằng nhiệm vụ, phương hướng phát triển nông nghiệp do Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng vạch ra là đúng. Căn cứ vào tinh thần cơ bản của Nghị quyết đó, kết hợp với kinh nghiệm thu được trong thời gian vừa qua, các cấp, các ngành *phải thấu suốt hơn nữa phương châm phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, tập trung sức phấn đấu làm cho sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực, chuyển biến tốt hơn, nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, tăng thêm khối lượng nông sản tiêu dùng trong nông thôn, đồng thời tăng thêm nhiều nông sản hàng hoá phục vụ cho công nghiệp và cho xuất khẩu,... tạo cơ sở thuận lợi hơn cho việc thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.*

*Phải hết sức chú trọng thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đồng thời tích cực khai hoang, và phát triển các ngành nghề.*

Phải chủ động điều chỉnh từng bước quan hệ cân đối giữa các ngành trong nông nghiệp; ra sức phát triển sản xuất lương thực, tạo cơ sở thuận lợi để phát triển chăn nuôi và cây công nghiệp; tích cực đẩy mạnh chăn nuôi, bảo đảm phân bón và sức kéo để tăng năng suất cây trồng.

Trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất *lương thực, tích cực phấn đấu để tiến lên giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc*. Phải ra sức thâm canh để tăng sản lượng lúa, đồng thời ra sức phát triển sản xuất *hoa màu* bằng cách vừa tăng diện tích, vừa chú trọng tăng năng suất. Giải quyết tốt hơn vấn đề thức ăn cho gia súc, phát triển mạnh *chăn nuôi* lợn, trâu, bò và các loại gia súc khác; nuôi cá nhiều hơn nữa. Khuyến khích mở rộng thêm diện tích và tăng năng suất các loại *cây công nghiệp*, chú trọng quy vùng trồng tập trung một số loại cây công nghiệp chủ lực nhằm phục vụ tốt công nghiệp và xuất khẩu.

Theo yêu cầu nói trên, bình quân hàng năm trong 5 năm, phải tăng giá trị sản lượng nông nghiệp khoảng 6,5%.

Cần phải có quyết tâm cao, phấn đấu bền bỉ và tích cực để bảo đảm thực hiện nhịp độ phát triển đó. Đi đôi với việc cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, điều rất quan trọng và cấp bách là Nhà nước phải tăng cường giúp đỡ các hợp tác xã hơn nữa trong việc *xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật*.

Phải xúc tiến việc bước đầu *phân vùng nông nghiệp, dựa vào đó mà xác định đúng đắn phương hướng sản xuất của từng địa phương*, và thực hiện một cách hiệu quả các biện pháp kỹ thuật, tiến dần lên một nền sản xuất nông nghiệp được tổ chức hợp lý hơn.

Trung ương phải *tập trung chỉ đạo* đối với các tỉnh trọng điểm; các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương phải tập trung chỉ đạo các vùng có nhiều khả năng phát triển sản xuất.

Phải thực hiện hệ thống các biện pháp kỹ thuật một cách đầy đủ và sát với thực tế từng vùng, đặc biệt phải *tập trung sức giải quyết tốt hơn các khâu thuỷ lợi, phân bón, giống, phòng và trừ sâu bệnh*. Đẩy mạnh hơn nữa việc *cải tiến nông cụ* và sử dụng thật rộng rãi các loại nông cụ cải tiến và nông cụ nửa cơ giới.

Phải *tăng cường kinh tế hợp tác xã* bằng cách tích cực mở rộng sản xuất như thâm canh, khai hoang, phát triển chăn nuôi tập thể, phát triển thêm các ngành nghề, làm cho tỷ trọng của kinh tế tập thể ngày càng tăng và vượt hẳn tỷ trọng của kinh tế phụ của gia đình xã viên. Trên cơ sở sản xuất phát triển, cần nâng cao thích đáng việc tiêu dùng của nông dân, đồng thời vận động nông dân *tiết kiệm tiêu dùng* để tăng nguồn hàng nông sản xuất khẩu, đổi lấy máy móc và các loại nguyên liệu cần thiết để phục vụ nông nghiệp. Ở chung quanh các thành phố, khu công nghiệp, phải tổ chức tốt việc sản xuất rau và khuyến khích hơn nữa việc phát triển chăn nuôi, đồng thời cần tổ chức một số cơ sở chăn

nuôi của Nhà nước, để bảo đảm vững chắc việc cung cấp thực phẩm cho công nhân, viên chức và nhân dân thành thị.

#### 1. *Nhiệm vụ cụ thể về sản xuất*

- *Lương thực*: Năm 1965 phải đạt khoảng trên 7 triệu tấn lương thực (quy ra thóc); diện tích trồng màu phải chiếm khoảng 24% diện tích trồng cây lương thực; *sản lượng màu phải chiếm khoảng 30% sản lượng lương thực*.

Trong điều kiện xét rõ là có lợi, phải tăng vụ lúa để bù cho những diện tích cần chuyển sang trồng màu, trồng cây công nghiệp hoặc dùng vào xây dựng cơ bản; và phải tích cực thực hiện mọi biện pháp để tăng năng suất lúa. Ở các đồng lúa quan trọng, phải tập trung lực lượng vật chất - kỹ thuật để tăng nhanh sản lượng.

Để tăng thêm nhiều hoa màu, phải ra sức phát triển các loại cây có năng suất cao như khoai riềng, khoai nước, khoai môn, v.v. và thâm canh tăng năng suất ngô, khoai, sắn và các loại rau. Các tỉnh đồng bằng phải tích cực mở rộng thêm diện tích trồng màu.

Để góp phần tích cực giải quyết vấn đề lương thực, các nông trường và lâm trường quốc doanh phải đẩy mạnh sản xuất hoa màu; các đơn vị quân đội, cơ quan, trường học, nhân dân các thành phố, thị trấn, tùy điều kiện và khả năng, phải tham gia sản xuất lương thực và rau, và coi đó là một nhiệm vụ lâu dài.

- *Cây công nghiệp và cây ăn quả*: Phải tích cực tăng diện tích trồng cây công nghiệp và cây ăn quả, bảo đảm đến năm 1965 chiếm khoảng 9% tổng diện tích gieo trồng.

Phải ra sức phát triển mía, chè, thuốc lá, bông, dâu tằm, dừa, v.v. nhằm tăng thêm nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp, bảo đảm sử dụng tốt công suất các nhà máy. Phải phát triển thật mạnh những cây công nghiệp và cây ăn quả có giá trị xuất khẩu như: đay, gai, cói, lạc, trấu, sỏ, chuối, dưa, cam, quýt... chú trọng phát triển các loại cây làm thuốc.

Phải xúc tiến *quy hoạch bước đầu các vùng chuyên trồng cây công nghiệp*. Ở đồng bằng, phải tích cực mở rộng các vùng có sẵn tập quán trồng cây công nghiệp và tăng diện tích ở những nơi trồng còn quá ít. Ở trung du và miền núi, các nông trường quốc doanh, các cơ sở khai hoang và các hợp tác xã nông nghiệp phải phát triển mạnh cây công nghiệp và cây ăn quả.

Ở các vùng trồng tập trung cây công nghiệp, Chính phủ và Ủy ban hành chính tỉnh cần phải bảo đảm bán đủ phần lương thực còn thiếu để khuyến khích các hợp tác xã phát triển trồng cây công nghiệp và bán sản phẩm cho Nhà nước. đồng thời, phải chú trọng cung cấp hàng công nghiệp, cung cấp đủ giống tốt, đủ thuốc trừ sâu, thêm phân hoá học, thêm sức kéo, tăng cường cán bộ hướng dẫn kỹ thuật.

- *Chăn nuôi*: Ngoài 5% ruộng đất để lại cho xã viên, nay tăng thêm 5% nữa do hợp tác xã sử dụng để *tạo cơ sở thức ăn vững chắc cho gia súc*. Đồng thời phải tăng cường chỉ đạo về tổ chức và kỹ thuật chăn nuôi. Năm 1965 số trâu bò cày phải đạt khoảng trên 1,7 triệu con, đàn lợn phải đạt khoảng 5,8 triệu con.

Phải đặc biệt chú ý tăng nhanh số trâu bò đẻ, nhất là ở trung du và miền núi, và tăng nhanh số lợn nái.

Đi đôi với việc phát triển nuôi trâu bò của hợp tác xã là chủ yếu, Nhà nước cần tổ chức một số nông trường và trại chăn nuôi để cung cấp sức kéo, cung cấp sữa.

Ra sức khuyến khích gia đình xã viên nuôi lợn, đồng thời phát triển rộng rãi, vững chắc nuôi lợn tập thể quy mô nhỏ trong các đội sản xuất, các hợp tác xã, và đẩy mạnh nuôi lợn ở các nông trường quốc doanh.

Phát triển rộng rãi nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, thỏ, ong; nuôi thêm nhiều dê ở vùng đảo và ở miền núi.

Tiếp tục đẩy mạnh nuôi cá, chú trọng tăng cường hướng dẫn về kỹ thuật đi đôi với mở rộng diện tích để tăng sản lượng cá mạnh hơn nữa.

Tích cực phát triển việc nuôi cá cảnh kiến.

- *Trồng cây gây rừng*: Xúc tiến các công tác điều tra, khảo sát, phân vùng lâm nghiệp; *tích cực bảo vệ rừng, tu bổ và cải tạo rừng*; tăng vốn đầu tư trồng thêm nhiều các loại cây làm gỗ trụ mỏ, bồ đề, nứa, luồng... Ở trung du phải vận động hợp tác xã và nông dân trồng nhiều trâu, sỏ. Đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ. Ở đồng bằng chú trọng trồng nhiều tre, xoan, v.v. để tăng thêm vật liệu làm nhà ở.

- *Nông trường quốc doanh*: Ra sức củng cố là chính, đồng thời phát triển tốt nông trường quốc doanh; chú trọng tăng cường quản lý để phát huy hiệu quả tốt hơn nữa.

Trong những năm tới, phải tăng cường chăm sóc các loại cây đã trồng và phát triển thêm diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả, chú trọng các loại cây dài ngày tương đối mau thu hoạch (như chè, cam, quýt, dưa, gai, v.v.) và các loại cây ngắn ngày (như bông, thuốc lá, lạc, v.v.) nhằm tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp và sản phẩm có giá trị cao cho xuất khẩu; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi để cung cấp thịt, sữa, len...; đồng thời tích cực giải quyết một phần lương thực. Phải sớm xác định phương hướng sản xuất cụ thể của mỗi nông trường và phải thực hiện chuyên môn hoá sản xuất.

Xúc tiến việc xây dựng cơ bản ở các nông trường quốc doanh để trong vòng từ 3 đến 5 năm tới, đưa phần lớn cơ sở đi vào sản xuất ổn định. Phải sắp xếp lại các nông trường quy mô quá lớn hoặc xen kẽ với các hợp tác xã trên một địa bàn quá rộng để cho việc quản lý được thuận tiện hơn.

Các nông trường quốc doanh phải ra sức phấn đấu để tăng năng suất, hạ giá thành, thực hiện tốt việc nộp sản phẩm cho Nhà nước; phải làm gương mẫu và giúp các hợp tác xã áp dụng kỹ thuật mới.

2. *Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật tiến bộ trong nông nghiệp*

Nhà nước phải đầu tư hơn nữa vào nông nghiệp. Trong 5 năm, số vốn dành cho nông nghiệp chiếm khoảng 21% tổng mức đầu tư vào kinh tế và văn hoá, trong đó dùng trên 2/3 để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho khu vực sản xuất

tập thể và non 1/3 để xây dựng nông trường quốc doanh. Ngoài ra phải tăng thêm cung cấp vật tư và vốn cho vay dài hạn đối với các hợp tác xã; phải hướng dẫn các hợp tác xã sử dụng vốn tích lũy, sức lao động của xã viên để tăng thêm tài sản cố định dùng vào sản xuất. Về mặt chỉ đạo và hướng dẫn kỹ thuật, phải đi sát quần chúng, đi sát hợp tác xã, đi sâu vào từng vùng, từng loại cây phục vụ tốt việc thực hiện thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, khai hoang và phát triển các ngành nghề.

- *Vận động đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế miền núi:* Phải sớm có kế hoạch toàn diện, cụ thể và phải tăng cường chỉ đạo để chuyển một phần nhân lực miền xuôi lên miền núi, mở thêm diện tích trồng trọt, xây dựng những vùng kinh tế mới, nhằm phát triển lương thực, cây công nghiệp chăn nuôi, trồng và khai thác lâm sản, và phát triển công nghiệp địa phương.

Hình thức chủ yếu là xen ghép người miền xuôi theo từng đội, từng tổ vào các hợp tác xã sẵn có ở miền núi, phát huy sự đoàn kết và tương trợ trong hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất để cải thiện đời sống của toàn thể xã viên và làm giàu cho hợp tác xã, cho Tổ quốc. Đồng thời, cần tổ chức những hợp tác xã của đồng bào miền xuôi theo quy mô nhỏ ở những nơi có điều kiện thuận tiện.

Với sự giúp đỡ của Trung ương và sự tham gia tích cực của các địa phương miền xuôi, *các tỉnh trung du và miền núi có trách nhiệm chủ yếu trong việc sắp xếp nơi sản xuất, sắp xếp lao động, chỉ đạo sản xuất và chỉ đạo kỹ thuật.* Phải đặc biệt coi trọng vấn đề bảo vệ rừng, chống xói mòn, giữ đất, giữ màu, làm thủy lợi để phát huy hiệu quả tốt và lâu dài.

Ở đồng bằng và miền biển, những nơi còn đất hoang, phải mở rộng thêm diện tích canh tác.

Đi đôi với việc khai hoang, phải tiếp tục đẩy mạnh tăng vụ. Đồng thời, trên diện tích khai hoang và tăng vụ, phải hết sức chú trọng thực hiện thâm canh, tăng năng suất.

Trong 5 năm, phải khai hoang thêm khoảng 45 vạn héc ta (kể cả nông trường quốc doanh). Năm 1965 đưa chỉ số sử dụng ruộng đất bình quân trong toàn quốc lên 1,8 lần.

- *Thủy lợi:* phải tập trung sức đẩy mạnh công tác thủy lợi, nhằm mở rộng hơn nữa diện tích được tưới nước, thu hẹp một bước diện tích bị úng, đồng thời tích cực củng cố đê, kè, cống để phòng và chống lụt.

Năm 1965 phải bảo đảm tưới chủ động cho khoảng 50% diện tích canh tác, đủ nước tối cho 80% diện tích lúa, đủ nước tưới cho các vùng trồng tập trung cây công nghiệp và mở rộng hơn việc tưới nước cho hoa màu.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, phải gấp rút làm thêm kênh, mương, sử dụng hết năng lực các hệ thống công trình đã có; tích cực hoàn thành các công trình đang làm dở và xây dựng thêm một số công trình, như các trạm bơm Bạch Hạc, Đại Đô, Trịnh Xá, Vĩnh Bảo, Mỹ Đô, Sông Tranh, Nam Sông Mã, Đức Thọ, v.v. các cống Sông Lân, Vĩnh Trị, v.v. các hồ chứa nước Nậm Rốn, Cậm Sơn, Cậm Ly, v.v. đập Suối Cùn, đê Hà Dong, v.v.. Chú trọng phát triển mạnh máy bơm điện, bơm dầu, bơm ga để phục vụ đắc lực cho việc tưới và tiêu nước. Các vùng trồng rau, cây công nghiệp, hoa màu phải tích cực đào giếng để lấy nước tưới.

Phải tích cực tăng thêm và sửa chữa kịp thời các loại máy đào đắp, nạo vét, vận chuyển đất, mở rộng việc thi công cơ giới các công trình đầu mối và kênh chính; tổ chức những đội chuyên làm thủy lợi trong hợp tác xã nông nghiệp để có điều kiện sử dụng công cụ cải tiến và tăng năng suất lao động.

Xúc tiến nghiên cứu các biện pháp giải quyết thủy lợi ở miền núi, các vùng khai hoang và các nông trường. Thực hiện rộng rãi chế độ kỹ thuật về tưới nước để góp phần cải tạo đất và tăng năng suất cây trồng.

- *Bón phân và cải tạo đất:* Đến năm 1965, phải tăng các loại phân hữu cơ, chủ yếu là phân chuồng, lên khoảng 8 tấn một héc-ta. Sử dụng phân lân nhiều và tốt hơn; cố gắng tăng

mức cung cấp phân đạm cho những vùng trồng tập trung cây công nghiệp và các đồng lúa quan trọng. Phải bảo đảm năm 1965 có khoảng 40 héc-ta lúa được thả bèo hoa dâu; trồng rộng rãi các cây phân xanh khác (điền thanh, cốt khí, muồng, v.v.). Ra sức tìm thêm các nguồn phân khác như phân bùn, v.v.; có kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa việc lấy phù sa sông Hồng để bón ruộng.

Để cải tạo đất bạc màu, đi đôi với việc thực hiện các biện pháp luân canh, trồng cây, gây rừng để chống xói mòn, bón phân xanh, phân chuồng và phân hoá học, phải bón vôi cho các đất chua và bạc màu từ 500 kilô đến 1 tấn trên mỗi héc-ta. Phải bảo đảm có đủ than và phương tiện vận chuyển than và đá để nung vôi; chú ý hướng dẫn kỹ thuật và tổ chức sản xuất vôi cho hợp lý.

- *Vấn đề giống*: phải làm rộng rãi và tốt hơn công tác chọn giống, nhân giống và phổ biến giống. Bảo đảm đến năm 1965 các ruộng lúa của hợp tác xã đều dùng giống đã chọn lọc, trong đó có khoảng 50% là các loại giống tốt. Phổ biến rộng các giống ngô và khoai có năng suất cao, giống tốt của các loại cây công nghiệp cho những vùng trồng tập trung giống các cây phân xanh. Về các loại gia súc, phải có đủ giống, nhất là giống lợn, để đẩy mạnh sinh sản. Nhà nước phải tăng thêm vốn đầu tư về vấn đề giống. Bộ Công nghiệp phải chịu trách nhiệm về mặt tổ chức và kỹ thuật, các địa phương phải tích cực thực hiện, bảo đảm đem lại những tiến bộ rõ rệt trong việc chọn giống, nhân giống, giữ gìn và cung cấp giống.

- *Phòng, trừ sâu bệnh*: Phải sản xuất và nhập đủ thuốc để phòng, trừ sâu cho cây trồng và phòng, trừ bệnh cho gia súc. Tích cực diệt chuột.

- *Công cụ cải tiến, nửa cơ giới và công cụ cơ giới*: Để giải quyết tình hình thiếu sức kéo ở đồng bằng, chủ yếu phải tích cực tăng thêm số trâu bò cày kéo, cố gắng phát triển hơn nữa chăn nuôi trâu bò để ngay ở đồng bằng, thực hiện tốt kế hoạch chuyển tiếp trâu, bò ở miền núi xuống trung du và đồng bằng, và phải chăm sóc, bảo vệ trâu, bò tốt hơn nữa.

Đồng thời, phải cố gắng tăng thêm máy kéo để mở rộng thêm diện tích được cày bừa bằng máy. Ngay trước mắt, phải tập trung số máy kéo hiện có vào các vùng thiếu sức kéo và có điều kiện dùng máy (các vùng trồng tập trung cây công nghiệp, trồng màu và các đồng lúa quan trọng được tưới nước chủ động) và phải tăng cường quản lý nhằm phát huy công suất của các máy kéo tốt hơn nữa, giảm bớt chi phí cày kéo trên mỗi héc-ta.

Với sự tham gia của các địa phương và các Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Nông nghiệp phải đẩy mạnh việc *thí nghiệm và có kết luận sớm về các loại công cụ cải tiến và nửa cơ giới*. Loại nào kết luận là tốt thì phải tổ chức sản xuất bảo đảm nhu cầu theo chất lượng quy định.

Phải đẩy mạnh việc sử dụng nông cụ nửa cơ giới và cải tiến và các công cụ vận chuyển thích hợp với từng vùng. Phát triển việc dùng ổ bi vào các guồng nước, tời, các xe vận chuyển, các máy chế biến nông sản, v.v..

### III- VẬN TẢI VÀ BUƯ ĐIỆN

Phải khắc phục tình trạng thiếu cân đối trong mấy năm gần đây giữa giao thông vận tải và yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng.

Phải cải tạo và xây dựng từng bước các đường giao thông thành một mạng lưới thống nhất và hợp lý hơn. Phát triển vận tải đường sắt, *cải tạo và đẩy mạnh phát triển đường thuỷ*, phát triển thích đáng vận tải ô tô, bước đầu xây dựng vận tải hàng không, nhằm *vận tải kịp thời các mặt hàng chính trên các đường giao thông chính, đồng thời phát triển giao thông vận tải đi sâu vào nông thôn, đi sâu vào miền núi*. Phải tăng cường phương tiện nạo vét lòng lạch, phương tiện bốc dỡ, phương tiện chuyên dụng và sức kéo, tích cực nửa cơ giới hoá và cơ giới hoá vận tải đường thuỷ, sử dụng phổ biến các loại phương tiện vận tải cải tiến, tổ chức tốt mạng lưới

sửa chữa, xây dựng từng bước lực lượng dự trữ về các loại phương tiện vận tải.

*Phải ra sức cải tiến công tác quản lý vận tải* chú trọng nắm vững các lực lượng vận tải và các luồng hàng, quản lý tốt việc sử dụng phương tiện, phân bố và điều độ công tác vận tải thống nhất, hợp lý, nhanh chóng. Phấn đấu *hạ giá thành vận tải*.

Trong 5 năm, bình quân hàng năm khối lượng hàng hoá vận chuyển trong nước tăng khoảng trên 11% tính theo tấn, khoảng 14% tính theo tấn/km<sup>2</sup>; khối lượng hành khách luân chuyển tăng khoảng 15%.

Nhiệm vụ cụ thể của từng ngành:

*Đường sắt:* Làm đường sắt phía Nam (cầu Hàm Rồng, đoạn Hàm Rồng - Vinh, đoạn Cầu Giát - Nghĩa Đàn) và một số đường chuyên dụng ở Thái Nguyên, Bắc Giang, Uông Bí, Nà Dương - Kỳ Lừa. Cải tạo kỹ thuật những đoạn cần thiết trên các đường Hải Phòng - Lào Cai và Hà Nội - Mộc Nam Quan để tăng thêm năng lực vận tải.

Tăng thêm đầu máy và toa xe chở apatít, xăng dầu, toa xe khách.

*Đường sông:* Nạo vét các luồng chính nối các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Việt Trì, Bắc Giang. Cải thiện lòng lạch và phá đá các đoạn quan trọng trên các sông lớn.

Phát triển mạnh lực lượng thuyền, tăng thêm sức kéo bằng canô, tàu lai. Tăng phương tiện cơ giới và phương tiện cải tiến dùng cho việc bốc dỡ ở các bến sông quan trọng (Hà Nội, Việt Trì, Nam Định, Hàm Rồng...).

*Đường biển:* Tăng cường thiết bị cho cảng Hải Phòng (xây dựng cảng apatít, củng cố cầu tàu) và cho cảng Bến Thủy, Hòn Gai, Cẩm Phả, để nâng mức bốc rót.

Tăng phương tiện nạo vét các cửa bể để tàu loại vừa ra vào được. Bước đầu xây dựng đội tàu đi biển gần.

*Đường bộ:* Cải tạo và bảo dưỡng đường sá, cố gắng làm cho mặt đường được tốt hơn, mở rộng những đoạn đường cần thiết, xây thêm cầu thang cho một số phà để nâng cao mức sử dụng xe. Mở thêm đường ô tô đến các huyện ở miền núi.

Tổ chức liên vận, giảm bớt ô tô trên các đường dài song song với đường sắt và đường thuỷ. Bố trí hợp lý mạng lưới sửa chữa; tăng sản xuất phụ tùng, bảo đảm sửa chữa xe cộ kịp thời và tốt hơn.

Dựa vào lực lượng nhân dân, kết hợp với thuỷ lợi, với việc làm đường cho các nông trường và lâm trường quốc doanh, phát triển mạnh hơn nữa giao thông vận tải ở nông thôn và miền núi, chủ yếu là các đường từ làng, bản ra đồng ruộng và nương; chú trọng phục vụ các vùng đông người ở miền núi, các vùng khai hoang và các vùng có nhiều lâm thổ sản... Phát triển rộng rãi các phương tiện vận chuyển cải tiến, xe bánh lốp, xe ngựa, trâu, bò kéo, thuyền nan, thuyền gỗ,...), mở rộng hơn nữa phong trào giải phóng đôi vai ở các hợp tác xã và công trường.

*Về bưu điện và truyền thanh:* Mở rộng và củng cố mạng lưới bưu điện và truyền thanh để phục vụ kịp thời sự chỉ đạo của các cấp, phục vụ tốt cho sản xuất, cho yêu cầu củng cố quốc phòng và phát triển văn hoá. Củng cố bưu điện xã; nâng cao chất lượng thông tin, tổ chức tốt công tác phát hành báo chí. Năm 1965, khối lượng nghiệp vụ về bưu điện tăng khoảng 75% so với năm 1960.

#### IV- XÂY DỰNG CƠ BẢN

*Trong khu vực Nhà nước cũng như trong khu vực tập thể, cần phải cố gắng tăng vốn tích lũy dùng vào xây dựng cơ bản; và phải sử dụng vốn một cách tiết kiệm nhất, đem lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.*

Trong việc phân phối ngân sách Nhà nước hàng năm, cần dành khoảng 40% số thu trong nước cho xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá. Trong tổng số vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản về kinh tế và văn hoá trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất cần dành cho khu vực sản xuất khoảng 86%, riêng cho nông nghiệp khoảng 21%, công nghiệp khoảng trên 48%, giao thông và bưu điện khoảng 12%.

Về mặt phân phối và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải tập trung cho những nhu cầu thiết yếu về sản xuất; tập trung cho các công trình trọng điểm, các công trình cần hoàn thành để đưa vào sản xuất, các công trình có thể xây dựng nhanh, sớm đưa vào sản xuất (chú ý việc mở rộng và cải tiến thiết bị các xí nghiệp hiện có). Ngoài ra, phải xây dựng một số công trình gối đầu sang kế hoạch sau. Phải hết sức khắc phục tình trạng xây dựng kéo dài, xây dựng dở dang, gây ra ứ đọng và lãng phí vốn.

Phải tăng mạnh đầu tư vào nông nghiệp, chủ yếu nhằm xây dựng thuỷ lợi, trang bị máy bơm, máy kéo, tổ chức công tác chọn, nhân và cung cấp giống, v.v. phục vụ các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Vốn đầu tư vào công nghiệp cần được tăng thêm, chủ yếu để bảo đảm yêu cầu xây dựng về cơ khí, điện lực, than, luyện kim, phân bón, hoá chất, khai thác gỗ, đánh cá, làm muối, chế biến bột, đường, thịt, hoa quả, v.v. nhằm tăng thêm năng lực trang bị kỹ thuật, tăng thêm nguồn cung cấp động lực, nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu cho nông nghiệp và công nghiệp, đồng thời giải quyết tốt hơn vấn đề ăn, mặc và xuất khẩu.

Tăng vốn đầu tư cho ngành vận tải để khắc phục những chỗ mất cân đối lớn hiện nay giữa vận tải và sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

Cần tập trung vốn đầu tư vào các ngành sản xuất, cho nên phải giảm bớt vốn đầu tư vào các ngành không sản xuất. Về

xây dựng nhà ở, bệnh viện, lợi ích công cộng thì vẫn giữ mức vừa phải để cải thiện một phần điều kiện sinh hoạt của công nhân, viên chức và nhân dân.

Để sử dụng vốn đầu tư một cách có hiệu quả nhất, phải *tăng cường quản lý xây dựng cơ bản*.

- Phải cố gắng thiết kế các công trình công nghiệp có thể tự thiết kế được. Đối với những công trình do các nước anh em giúp xây dựng, chủ yếu nhờ làm thiết kế công nghiệp và cung cấp thiết bị. Phải nghiên cứu các điều kiện tự nhiên ở nước ta để định hệ số an toàn thích hợp trong các thiết kế kiến trúc; phải giảm bớt trang trí quá mức.

Phải rút kinh nghiệm xây dựng các công trình công nghiệp để đề ra quy phạm tạm thời làm căn cứ cho việc thiết kế xây dựng về công nghiệp.

Phối hợp mật thiết hơn nữa khả năng trong nước về cung cấp vốn và vật liệu xây dựng với khả năng bên ngoài về cung cấp thiết kế và thiết bị để bảo đảm kế hoạch xây dựng và đưa vào sản xuất.

- Phải ra sức phấn đấu *hạ giá thành và nâng cao chất lượng xây dựng*. Áp dụng thiết kế thích hợp, nhất là thiết kế mẫu cho các công trình dân dụng. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vật liệu và áp dụng các định mức tiến bộ hơn. Bố trí hợp lý trình tự xây dựng trên công trường. Sử dụng máy xây dựng và công cụ cải tiến một cách rộng rãi hơn; thống nhất quản lý kế hoạch sử dụng và kế hoạch sửa chữa, giữ gìn máy chu đáo hơn, đưa mức sử dụng công suất máy xây dựng lên khoảng 50-60%. Tăng cường công tác lập đơn giá, định mức, dự toán để làm cơ sở thực hiện tốt hạch toán kinh tế trong ngành xây dựng.

- Cải tiến việc lập kế hoạch xây dựng cơ bản theo đúng trình tự xây dựng. Vào khoảng giữa năm trước, phải lập xong kế hoạch xây dựng cơ bản cho năm sau. Trong những năm sắp

tới, phải đẩy mạnh việc khảo sát, thiết kế các công trình lớn để chuẩn bị cho kế hoạch dài hạn sau:

Kiến toàn bộ máy xây dựng cơ bản ở trung ương và địa phương cho mạnh, gọn, đi sâu vào việc quản lý định mức, quản lý kỹ thuật, quản lý tài vụ, quản lý lao động. Kiến toàn các ban chỉ huy công trường, thống nhất chỉ đạo việc xây lắp, tăng cường quản lý thi công.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng, giải quyết một số vấn đề theo yêu cầu của điều kiện tự nhiên ở nước ta như vấn đề nền móng, vấn đề gió, vấn đề chống ẩm...

## V- THƯƠNG NGHIỆP

Các ngành thương nghiệp có nhiệm vụ mở rộng giao lưu hàng hoá, phục vụ tốt công cuộc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và công nghiệp phát triển, góp phần cải thiện từng bước đời sống của nhân dân, củng cố quan hệ sản xuất mới và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Công tác *nội thương* phải nhằm tăng cường quan hệ kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã. Phải thực hiện tốt kế hoạch thu mua và cung cấp hàng hoá, sắp xếp hợp lý mạng lưới thương nghiệp, mở rộng thị trường có tổ chức, tăng cường lãnh đạo thị trường tự do, nhằm *kích thích và phục vụ sản xuất phát triển mạnh mẽ, đồng thời phục vụ việc cải thiện đời sống của nhân dân*.

Công tác *ngoại thương*, giữ một vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế quốc dân. Phải tăng cường sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và mở rộng

buôn bán với các nước khác. Dựa vào sản xuất phát triển và sắp xếp hợp lý tiêu dùng trong nước, phải *đẩy mạnh xuất khẩu là khâu chính của công tác ngoại thương*, nhằm bảo đảm nhu cầu ngày càng tăng về thiết bị và nguyên liệu, vật liệu cần nhập khẩu, và giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về hàng tiêu dùng.

### *Về nội thương*

1) *Thu mua hàng nông sản và hàng công nghiệp*: Trên cơ sở sản xuất nông nghiệp phát triển và tỷ suất nông sản hàng hoá tăng thêm. Nhà nước cần tăng cường công tác thu mua, nắm phần lớn khối lượng nông sản hàng hoá chủ yếu, đồng thời bảo đảm nhu cầu hợp lý của nông dân, kích thích sản xuất phát triển.

Phải mở rộng và cải tiến việc thu mua; thông qua hình thức hợp đồng và tăng cường mối liên hệ với hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã thủ công nghiệp. Phải thực hiện tốt chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực và mua lương thực ngoài nghĩa vụ theo giá khuyến khích.

2) *Ra sức cải tiến công tác phân phối và cung cấp hàng*, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của nhân dân, phát huy tinh thần cần kiệm xây dựng nước nhà, chú trọng thực hiện tốt hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động, kích thích và phục vụ phát triển sản xuất. Chú trọng cung cấp lương thực, thực phẩm cho các thành phố và khu công nghiệp, nguyên liệu cho các nhà máy, tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng cho nông thôn và miền núi. Phải thực hiện quan hệ hợp lý giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, kiên quyết dành những loại hàng tốt cho xuất khẩu.

Trong 5 năm, tổng mức hàng hoá bán lẻ sẽ tăng bình quân hàng năm khoảng 6%.

3) *Sắp xếp mạng lưới thương nghiệp và tăng cường quản lý thị trường*: Ra sức tăng cường mạng dịch quốc doanh, mở rộng

hợp tác xã mua bán đến các xã, củng cố thương nghiệp công tư hợp doanh, tiếp tục cải tạo thương nghiệp nhỏ, chú trọng giúp đỡ, khuyến khích các tổ hợp tác phát triển sản xuất, kết hợp với mua bán, chuyển dần phần lớn những người buôn bán nhỏ sang sản xuất. Phải thực hiện tốt các khâu nói trên để xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất, đồng thời phải tăng cường quản lý thị trường tự do. Kiên quyết chống đầu cơ tích trữ.

4) *Giá cả*: Kiên quyết bình ổn vật giá để bảo đảm mức thu nhập thực tế của các tầng lớp lao động và củng cố hơn nữa giá trị đồng bạc. Tiếp tục điều chỉnh những giá chưa hợp lý để phát huy hơn nữa tác dụng khuyến khích sản xuất. Nghiên cứu hạ giá một số mặt hàng tư liệu sản xuất cung cấp cho nông nghiệp và một số hàng tiêu dùng làm bằng nguyên liệu trong nước sản xuất đã được ổn định và bảo đảm được cho nhu cầu. Thực hiện việc thống nhất quản lý giá cả và phân công chỉ đạo giá cả.

#### *Về ngoại thương*

Phải có kế hoạch cụ thể, tích cực lợi dụng khả năng tài nguyên, điều kiện sản xuất, nông nghiệp nhiệt đới và sức lao động... để tăng thêm và cải tiến cơ cấu mặt hàng, tạo cơ sở vững chắc để tăng mạnh *xuất khẩu*.

Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 2 lần so với 5 năm trước đây, riêng kim ngạch xuất khẩu năm 1965 tăng khoảng 74% so với năm 1960.

Các ngành, các cấp phải thường xuyên chăm lo, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách và kế hoạch phục vụ xuất khẩu. Đồng thời, phải làm cho toàn dân thông suốt ý nghĩa quan trọng của công tác ngoại thương, hăng hái đẩy mạnh

sản xuất và tiết kiệm tiêu dùng, tích cực tăng nguồn hàng xuất khẩu.

#### *Về nhập khẩu*:

Phải kiên quyết tập trung sức giải quyết những nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, cho xây dựng và đời sống. Chú trọng nhập đúng thời gian, đúng quy cách và bảo đảm chất lượng.

## VI- TÀI CHÍNH VÀ TÍN DỤNG

### 1. *Tài chính*

Để bảo đảm yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế và văn hoá, vấn đề tích lũy vốn, tăng thu cho ngân sách Nhà nước là một nhiệm vụ cực kỳ trọng yếu.

Dựa trên nhịp độ phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, số thu của ngân sách Nhà nước (phần vốn trong nước) bình quân hàng năm tăng khoảng hơn 6%.

Phải cải tiến chính sách và chế độ thu, phát huy mọi khả năng tiềm tàng, tập trung đầy đủ và kịp thời nguồn thu trong khu vực kinh tế quốc doanh, trong khu vực kinh tế tập thể và trong những người còn sản xuất riêng lẻ, động viên nhân dân làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Phải phân phối ngân sách một cách hợp lý và tiết kiệm nhất, bảo đảm tích lũy cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, đồng thời cải thiện từng bước đời sống nhân dân.

### 2. *Tín dụng và tiền tệ*

Phải mở rộng tín dụng, ra sức giúp đỡ vốn và vật tư cho các hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã nghề cá, nghề muối, giúp hợp tác xã xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật và phát triển sản xuất. Phải ra sức huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân, mở rộng việc gửi tiền tiết kiệm kết hợp chặt chẽ ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã vay

mượn làm cho hợp tác xã vay mượn trở thành cánh tay đắc lực của ngân hàng Nhà nước.

Ra sức cải tiến công tác kế hoạch và quản lý lưu thông tiền tệ, điều hoà lưu thông tiền tệ phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hoá. Tăng cường và cải tiến công tác ngân hàng, làm cho ngân hàng Nhà nước thực hiện đúng với vai trò trung tâm trong các hoạt động tín dụng, tiền tệ và thanh toán.

## VII- LAO ĐỘNG - ĐÀO TẠO CÁN BỘ VÀ CÔNG NHÂN

### 1. *Sắp xếp lực lượng lao động xã hội*

Trên cơ sở xác định phương hướng phát triển của các ngành và xúc tiến trang bị kỹ thuật, cần *tổ chức, sắp xếp hợp lý lực lượng lao động xã hội*, sử dụng tốt hơn nữa năng lực lao động dồi dào của miền Bắc nước ta, nâng cao năng suất lao động, tăng nhanh của cải, do đó mà mở rộng tích lũy xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống của nhân dân.

Phải tích cực điều chỉnh người từ đồng bằng lên trung du và miền núi để góp sức với đồng bào địa phương phát triển kinh tế ở các vùng đó; tăng mạnh đội ngũ kỹ thuật và giữ đúng mức lực lượng lao động trẻ cho nông nghiệp.

Phải quản lý chặt chẽ việc phát triển nhân khẩu không sản xuất nông nghiệp, cố gắng ổn định số nhân khẩu thành phố, nhất là ở nội thành, trong một thời gian tương đối dài.

Trong các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước, phải cải tiến tổ chức và ổn định biên chế; những nơi cần tăng thêm biên chế thì phải xét duyệt và quản lý chặt chẽ. Trong khu vực sản xuất, phải mở rộng công tác định mức lao động có căn cứ kỹ thuật, phấn đấu để tăng giá trị sản lượng chủ yếu bằng tăng năng suất lao động; hết sức giảm bớt tỷ lệ người không trực tiếp sản xuất. Thi hành đúng chế độ bảo hiểm xã hội đối với những người già yếu, mất sức lao động; tăng cường công tác bảo hộ lao động, có kế hoạch sử dụng thích hợp lực lượng lao động phụ nữ trong các ngành.

### 2. *Năng suất lao động*

Phải ra sức cải tiến kỹ thuật, cải tiến công cụ lao động, cơ giới hoá và nửa cơ giới hoá các khâu sản xuất chủ yếu, đi sâu vào việc cải tiến quản lý, chú trọng tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao trình độ lành nghề của cán bộ và công nhân, phát triển phong trào thi đua sâu rộng hơn nữa để tăng nhanh năng suất lao động.

Trong công nghiệp, chú trọng tăng thêm thiết bị để cân đối dây chuyền sản xuất của một số xí nghiệp; thay đổi thiết bị quá lạc hậu; thực hiện cơ giới hoá những bộ phận công tác nặng nhọc, tốn nhiều sức lao động; phấn đấu nâng cao mức sử dụng công suất thiết bị. Trong 5 năm, năng suất lao động của một công nhân, viên chức trong công nghiệp quốc doanh bình quân hàng năm phải tăng khoảng 8%.

Trong xây dựng cơ bản, phấn đấu để nâng cao mức sử dụng công suất các loại máy thi công, mở rộng thi công cơ giới các công trình thuỷ lợi đầu mối và các đường giao thông quan trọng; sử dụng rộng rãi công cụ nửa cơ giới và công cụ cải tiến trong các việc làm đất đá và vận chuyển ở các công trường. Năng suất lao động của một công nhân xây lắp thuộc trung ương quản lý bình quân hàng năm phải tăng khoảng 5,5%.

Trong ngành vận tải, phải cơ giới hoá từng bước khâu bốc dỡ; sửa chữa kịp thời các loại phương tiện; tổ chức và sử dụng hợp lý lực lượng vận tải. Năng suất lao động của một nhân viên vận tải thuộc trung ương quản lý bình quân hàng năm phải tăng khoảng 7,5%.

### 3. *Đào tạo cán bộ và công nhân*

Phải sử dụng tốt và ra sức bồi dưỡng số cán bộ và công nhân kỹ thuật hiện có, đồng thời tích cực phát triển thêm đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật.

Phải có quy hoạch dài hạn về đào tạo cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển từng bước của các ngành kinh tế quốc dân trong quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Chú trọng đào tạo một số cán bộ khoa học và kỹ thuật có trình độ cao để làm công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý

kỹ thuật ở các ngành và các xí nghiệp quan trọng. Chú ý bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ quản lý kinh tế các cấp, các ngành. Tăng cường quản lý, sắp xếp công tác và sử dụng lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật hợp lý hơn nữa; có chính sách cụ thể khuyến khích những người có tài năng về khoa học kỹ thuật.

Trong việc đào tạo cán bộ mới, phải đáp ứng yêu cầu của các ngành, các địa phương và các cơ sở sản xuất, gồm cả cán bộ có trình độ đại học, trung cấp và sơ cấp; phải tăng thêm số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; chú ý hơn nữa việc đào tạo cán bộ quản lý kinh tế. Đào tạo kịp thời cán bộ cho các hợp tác xã nông nghiệp; chú ý hơn nữa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật cho các hợp tác xã thủ công nghiệp.

Trong các ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, phấn đấu đến năm 1965 có 100 công nhân kỹ thuật ít nhất có 1 cán bộ kỹ thuật trình độ đại học và khoảng 5 cán bộ kỹ thuật trung cấp. Trong nông nghiệp, sẽ tăng thêm cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học và trung cấp cho các nông trường tỉnh, huyện và đưa cán bộ kỹ thuật trung cấp về một số xã.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, phải sắp xếp hợp lý các trường lớp, tăng thêm thiết bị dùng trong việc học tập, hết sức chú ý nâng cao trình độ cán bộ giảng dạy. Đi đôi với các trường học ban ngày, phải phát triển mạnh các lớp học ban đêm, học theo lối gửi thư. Phải tổng kết tình hình thực hiện các phương hướng và chủ trương đào tạo cán bộ, rút kinh nghiệm để chấn chỉnh công tác, bảo đảm đem lại những kết quả tốt hơn nữa.

Về đào tạo công nhân kỹ thuật, phải chú trọng nâng cao chất lượng, mở thêm trường lớp bên cạnh cơ sở sản xuất. Đặc biệt chú ý đào tạo công nhân lành nghề cho các ngành cơ khí, khai mỏ, điện, hoá chất, luyện kim. Phải tổ chức chặt chẽ hơn nữa việc bổ túc kỹ thuật cho số công nhân hiện có.

VIII- GIÁO DỤC, VĂN HOÁ, BẢO VỆ SỨC KHOẺ

1. Công tác *bổ túc văn hoá* vẫn là công tác hàng đầu của ngành giáo dục, nhằm nâng cao thêm trình độ văn hoá của công nhân, nông dân, cán bộ, bộ đội, làm cơ sở để nâng cao trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ. Chú ý phát triển mạnh hình thức học tập ngoài giờ làm việc; gắn việc học văn hoá với việc học thêm về kỹ thuật, nghiệp vụ.

Về *giáo dục phổ thông*, phải tiến tới thực hiện phổ cập cấp I cho thiếu niên ở miền xuôi và miền núi. Mở thêm trường cấp II, cấp III để đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân, nhưng phải căn cứ vào khả năng của Nhà nước và của nhân dân, chú trọng nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy, và tổ chức cho học sinh đến tuổi lao động tham gia sản xuất ở hợp tác xã ngoài giờ học tập. củng cố và phát triển các trường vừa học văn hoá, kỹ thuật, vừa lao động sản xuất. Năm 1965, tổng số học sinh phổ thông sẽ lên tới khoảng 3,5 triệu em, tăng hơn 85% so với năm 1960.

Phải xúc tiến việc cải cách giáo dục và đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua “hai tốt”, làm cho nhà trường gắn liền hơn nữa với đời sống, học tập với lao động, lý luận với thực tiễn. Phải thực hiện tốt việc giáo dục toàn diện (trí dục, đức dục, thể dục, mỹ dục) cho thanh niên, thiếu nhi, đặc biệt coi trọng tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng. Phải hết sức chú ý đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đồng thời tăng cường chất lượng sách giáo khoa và việc trang bị dụng cụ học tập cho các trường lớp để nâng cao chất lượng học tập.

2. Củng cố tổ chức các ngành *văn hoá* và *thông tin*, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, đưa công tác văn hoá, thông tin, văn nghệ đi sát cơ sở hơn nữa, góp phần phục vụ tốt sản xuất và xây dựng con người mới. Đẩy mạnh phong trào văn hoá và văn nghệ quần chúng.

Nâng cao chất lượng sách báo, tổ chức hợp lý việc xuất bản, phát hành, làm cho sách báo đến tận tay người đọc, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh và hướng dẫn tốt việc đọc sách báo.

Về điện ảnh và sân khấu, phải hết sức chú ý lãnh đạo sáng tác kịch bản, bảo đảm chất lượng tốt về tư tưởng và về nghệ thuật. Nâng cao chất lượng các loại phim thời sự, phim tài liệu, phim khoa học kỹ thuật, chú trọng phim đèn chiếu.

Đẩy mạnh sản xuất máy thu thanh, phát triển mạng lưới truyền thanh, mở rộng hơn nữa việc nghe đài trong nhân dân. Đẩy mạnh công tác thư viện và câu lạc bộ. Tiếp tục phát triển công tác bảo tồn bảo tàng.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hoá, thông tin, văn nghệ về chính trị, nghiệp vụ, nghệ thuật để nâng cao từng bước chất lượng công tác, góp phần làm cho đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng phong phú, tươi vui.

### 3. Đẩy mạnh các hoạt động y tế và thể dục thể thao.

Hoạt động của y tế phải theo phương châm phòng bệnh là chính. Chú trọng kết hợp chặt chẽ đông y và tây y trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và sản xuất thuốc.

Tích cực dựa vào dân và tăng cường biện pháp phòng các bệnh dịch, bệnh nghề nghiệp và các bệnh xã hội. Ra sức tuyên truyền giáo dục nhân dân ăn, ở, lao động, giải trí theo nếp sống mới, hợp vệ sinh. Chú trọng hơn nữa việc bảo vệ sức khoẻ và cải thiện điều kiện làm việc, ăn, ở, nghỉ ngơi của công nhân, nhất là ở hầm mỏ, ở vùng rừng núi, và ở các cơ sở có chất độc. Đẩy mạnh công tác tiêu diệt bệnh sốt rét. coi trọng hơn nữa công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Trong công tác chữa bệnh, chú ý nâng cao chất lượng mọi mặt của các cơ sở y tế hiện có, đồng thời phát triển thêm một số cơ sở mới. Phát triển công tác chữa bệnh ngoại trú.

Năm 1965, số giường bệnh sẽ tăng thêm khoảng 1/3 so với năm 1960; khoảng 90% số xã sẽ có trạm y tế – hộ sinh; nhiều xã sẽ có y sĩ phụ trách về bảo vệ sức khoẻ.

Cần phát huy khả năng trong nước để tăng mức sản xuất thuốc và dụng cụ y tế lên khoảng gấp hai lần, chú ý nâng

dân chất lượng sản phẩm. Tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật cho các xí nghiệp dược phẩm, xây dựng nhà máy thuốc kháng sinh.

Đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế, chú trọng đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ nghiên cứu khoa học, tăng thêm số y tá, y sĩ và bác sĩ theo một tỷ lệ hợp lý.

Công tác nghiên cứu khoa học y tế phải nhằm phục vụ các mặt phòng bệnh, chữa bệnh, sản xuất thuốc, kết hợp kiến thức khoa học hiện đại với thực tiễn trong nước.

Về thể dục thể thao, tiếp tục củng cố và mở rộng phong trào, đồng thời nâng cao từng bước và có trọng điểm. Đẩy mạnh các hoạt động thể thao quốc phòng và thể thao hiện đại phù hợp với đặc điểm nước ta, đồng thời phát triển một cách có chọn lọc và có nâng cao các môn thể thao dân tộc.

Bắt đầu đưa việc dạy thể dục và một số môn thể thao cần thiết vào chương trình học tập của các trường phổ thông, chuyên nghiệp và đại học. Phát triển mạnh thể dục trong các ngành sản xuất bằng những động tác thích hợp với nghề nghiệp.

## IX- ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN

Đi đôi với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, cần phải *cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân*.

Nhu cầu về đời sống của toàn thể nhân dân ta ngày càng tăng. Trong điều kiện sản xuất còn thấp, phải *tập trung sức giải quyết một cách thiết thực và có trọng điểm những nhu cầu thiết yếu nhất*.

Muốn tiến lên một đời sống no ấm, hạnh phúc lâu dài cho toàn dân, con đường duy nhất là phải chăm lo xây dựng từng

bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Nhằm mục đích nói trên, bên cạnh phần giúp đỡ của các nước anh em, nhân dân ta phải dựa vào sức lao động của mình là chính, cố gắng tăng tích lũy vốn cho việc xây dựng kinh tế. Vì thế phải *nâng cao ý thức cần kiệm xây dựng Tổ quốc, phải tiết kiệm trong tiêu dùng cũng như trong sản xuất*.

Phải làm cho toàn dân ta hiểu rõ sự cần thiết phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ xây dựng kinh tế và nhiệm vụ cải thiện đời sống, và phải lo cho hiện tại, vừa phải lo cho tương lai, phấn khởi trước mọi cố gắng về cải thiện đời sống, nâng cao quyết tâm, hăng hái thi đua đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm.

Tuỳ theo điều kiện cụ thể, cần phải chiếu cố trẻ em, người già, người mất sức lao động, đồng thời phải quán triệt hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động, dựa vào khả năng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, tổ chức tốt việc phân phối, nhằm bồi dưỡng sức lao động một cách hợp lý, kích thích mọi người hăng hái đẩy mạnh sản xuất và công tác.

Theo tinh thần nói trên, hướng chủ yếu về cải thiện đời sống vật chất của *công nhân, viên chức* là tăng thêm thu nhập thực tế: Tổ chức tốt hơn việc cung cấp lương thực, thực phẩm, ổn định giá cả. Tiếp tục mở rộng việc trả lương theo sản phẩm, thực hiện việc nâng bậc và điều chỉnh những thang lương, mức lương chưa hợp lý. Chú trọng giúp đỡ thêm các gia đình đông con và tăng thêm phúc lợi xã hội. Xây dựng thêm nhà ở, sửa chữa nhà cũ, bảo đảm chỗ ở cho công nhân viên chức và cải thiện một phần đối với những nơi ở quá chật hẹp.

Đối với *nông dân*, chủ yếu là phải phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp; trên cơ sở đó, mức sống của phần lớn nông dân lao động năm 1965 sẽ được nâng

lên ngang mức sống trước đây của trung nông lớp trên. Nhà nước phải chú trọng tăng thêm hàng công nghiệp bán về nông thôn. Phải cung cấp thêm vật liệu xây dựng (như tre, nứa, gỗ, xi măng, v.v.), đồng thời tích cực hướng dẫn các hợp tác xã sản xuất thêm gạch, ngói, vôi, v.v., phục vụ tốt hơn yêu cầu của nông dân về xây dựng nhà ở. Cố gắng tăng thêm và sử dụng tốt quỹ công ích của hợp tác xã, đẩy mạnh các sự nghiệp phúc lợi như phát triển nhóm giữ trẻ, mở trường học và phòng đọc sách báo, xây dựng trạm y tế – hộ sinh, sửa đường sá, cầu cống, giếng nước, v.v., xây dựng từng bước đời sống mới ở nông thôn.

Đối với *các tầng lớp lao động khác* như thợ thủ công, nhưng người buôn bán nhỏ, đồng bào Việt kiều mới về nước, cần chú ý giúp đỡ sắp xếp công việc làm, phát triển sản xuất và nâng cao dần thu nhập.

## X- PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ Ở MIỀN NÚI

Phải ra sức phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi để nâng cao đời sống của đồng bào miền núi và để góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện và cân đối của nền kinh tế miền Bắc nước ta.

Trong những năm sắp tới, phải đẩy mạnh hơn nữa *sản xuất nông nghiệp* ở miền núi, đem lại một chuyển biến rõ rệt hơn.

Về lương thực, cố gắng sản xuất đủ cho nhân dân ở địa phương, kể cả đồng bào miền xuôi chuyển lên, cung cấp một phần khá cho các khu công nghiệp và công trường lớn do trung ương quản lý, và bảo đảm cơ sở thức ăn để phát triển chăn nuôi.

Phải phát triển mạnh cây công nghiệp, mở rộng diện tích trồng các loại cây có sợi, cây ăn quả, cây lấy dầu, cây làm thuốc, vừa phát triển mạnh cây ngắn ngày, vừa tích cực gây cơ sở trồng cây dài ngày.

Ra sức khôi phục và phát triển đàn gia súc: đẩy mạnh phát triển trâu, bò, ngựa, lấy chăn nuôi sinh sản làm trọng tâm. Đẩy

manh phát triển nuôi lợn; phát triển gà, vịt, ngan, ngỗng; tùy điều kiện, phát triển nuôi ong, dê, cừu, thỏ, hươu, nai.

Hết sức coi trọng phát triển nghề rừng, kết hợp chặt chẽ việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo và trồng rừng với việc khai thác và chế biến lâm sản.

Phải tích cực vận động đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng kinh tế ở miền núi. Đi đôi với việc làm tốt công tác tư tưởng, tăng cường đoàn kết giữa đồng bào địa phương và đồng bào mới đến, cấp uỷ đảng và chính quyền ở miền núi phải tích cực giúp đỡ tổ chức sản xuất, ổn định từng bước đời sống, làm cho đồng bào miền xuôi lên gắn bó với quê hương mới, yên tâm, phấn khởi đẩy mạnh sản xuất. Để bảo đảm phát huy hiệu quả kinh tế tốt và lâu dài, phải đặc biệt chú ý thực hiện các biện pháp chống xói mòn, giữ màu, giữ đất, giải quyết thuỷ lợi, cải tiến kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất. Phải xúc tiến xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật nhằm phục vụ sát yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp ở miền núi.

*Về công nghiệp và thủ công nghiệp:* củng cố các cơ sở cơ khí ở tỉnh và huyện; đẩy mạnh chế biến hoa màu và sản xuất hàng tiêu dùng của địa phương; mở thêm cơ sở chế biến dược liệu, tinh dầu,...

Mở rộng mạng lưới *giao thông vận tải* đến các huyện, các vùng công nghiệp, các vùng kinh tế quan trọng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, yêu cầu về trị an và quốc phòng. Tích cực tăng thêm phương tiện cải tiến và nửa cơ giới, ngựa thồ, trâu thồ; tích cực khai thác đường thuỷ, phát triển thêm thuyền.

Việc phát triển các sự nghiệp *giáo dục văn hoá, bảo vệ sức khoẻ* có ý nghĩa rất lớn thúc đẩy nhiệm vụ xây dựng kinh tế miền núi. Trong kế hoạch 5 năm, tiến tới căn bản xoá nạn mù chữ cho đồng bào miền núi từ 12 đến 40 tuổi, phát triển giáo dục phổ thông (nhất là cấp I, cấp II), giáo dục chuyên nghiệp và bổ túc văn hoá cho cán bộ. Kết hợp dạy chữ phổ thông và dạy chữ dân tộc; sử dụng tốt các chữ dân tộc để nâng cao nền văn hoá các dân tộc. Ra sức đào tạo cán bộ dân

tộc địa phương, chủ yếu là về các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, địa chất; chú trọng đào tạo thợ làm các nghề rèn, mộc, xây dựng, ... cho các vùng dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh hoạt động văn hoá quần chúng; phát triển các hình thức văn nghệ dân tộc. Tăng thêm sách báo, hệ thống truyền thanh, các đội chiếu bóng và đèn chiếu.

Về y tế, đặc biệt chú ý vệ sinh phòng bệnh; thanh toán về căn bản bệnh sốt rét, phòng và chữa bệnh phong. Phấn đấu đến năm 1965, các huyện miền núi đều có bệnh xá, trong đó khoảng một nửa có trình độ ngang bệnh viện; các xã vùng thấp, vùng giữa và một số xã vùng cao có trạm y tế – hộ sinh.

### *Phần thứ ba*

## **TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ - TÀI CHÍNH NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, đường lối chung của Đảng về cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc ngày càng thấm sâu trong toàn Đảng, toàn dân ta, đang biến thành những lực lượng hùng hậu về vật chất và tinh thần. Để chấp hành tốt hơn nữa đường lối của Đảng, phát huy lực lượng cách mạng của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc tiến tới, các cấp uỷ Đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở phải đi sâu, nắm vững hơn nữa công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế tài chính. *Đặc biệt cần phải nâng cao vai trò của các cấp chính quyền trong việc quản lý kinh tế, nâng cao năng lực tổ chức*

*thực hiện kế hoạch, đó là khâu quan trọng bậc nhất hiện nay trong toàn bộ công tác quản lý Nhà nước.*

*1. Cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân, bảo đảm sự phát triển cân đối của các ngành kinh tế và văn hoá*

Trong nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế, công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân có ý nghĩa rất quan trọng. Những đổi mới trong quan hệ sản xuất và trong cơ cấu của nền kinh tế đòi hỏi chúng ta phải cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch hoá, nâng cao hơn nữa chất lượng của các kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân.

Phải xúc tiến các cuộc điều tra cơ bản và điều kiện kinh tế, nghiên cứu quy hoạch các ngành sản xuất chủ yếu. Xúc tiến việc bước đầu phân vùng nông nghiệp, vùng công nghiệp và vùng tổng hợp của miền Bắc; và bước đầu xác định các vùng trong mỗi địa phương.

Phải tích cực chuẩn bị và xây dựng các kế hoạch dài hạn. Phải làm sớm kế hoạch hàng năm để phổ biến đến cơ sở từ tháng 11 năm trước. Cải tiến việc lập kế hoạch các ngành, trước hết là các kế hoạch nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản và lao động. Cải tiến hệ thống chỉ tiêu của kế hoạch, phân biệt các chỉ tiêu pháp lệnh và các chỉ tiêu hướng dẫn; xem trọng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng. Quy định hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu hao vật tư và lao động để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch được chính xác và thống nhất.

Phải lập các biểu cân đối tổng hợp kinh tế quốc dân và kế hoạch tài chính tổng hợp; nâng cao chất lượng các biểu cân

đối lao động, vật tư và tiền tệ, sắp xếp tốt hơn các mặt cân đối chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân.

Để phục vụ sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về kinh tế và cải tiến công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân, phải tăng cường công tác thống kê, xúc tiến các cuộc điều tra thống kê, chỉnh lý số liệu, thường xuyên nắm sát tình hình, nâng cao chất lượng, bảo đảm tính thống nhất, khách quan và xác thực của công tác thống kê.

*2. Cải tiến tổ chức quản lý kinh tế, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc lãnh đạo và quản lý kinh tế*

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của việc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Phải thực hiện các quy định về phân cấp quản lý, kịp thời rút kinh nghiệm, tiến tới có những quy định cụ thể hơn. Phải khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, đồng thời khắc phục tình trạng phân tán, chống tư tưởng bản vị, cục bộ.

Phải làm cho bộ máy quản lý kinh tế được gọn, nhẹ, có hiệu suất cao; phải đi sâu vào việc cải tiến tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, xây dựng chế độ công tác, kiên quyết chống nạn quan liêu, giấy tờ và hội họp quá nhiều.

*Cần kiện toàn các cơ quan phụ trách chung về kinh tế:* Nghiên cứu việc tổ chức một cơ quan làm kế hoạch dài hạn và một cơ quan khác chuyên làm kế hoạch hàng năm và giúp Chính phủ chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Kiện toàn tổ chức quản lý thống nhất các vấn đề lao động và tiền lương; hợp lý hoá và tăng cường chất lượng các bộ máy quản lý tài chính, quản lý ngoại hối và các hoạt động kinh tế đối ngoại, bộ máy quản lý vật tư, hệ thống thu

mua và bán lẻ, bộ máy quản lý thủ công nghiệp, v.v.. Tăng cường bộ máy kiểm tra của Đảng và bộ máy thanh tra của Nhà nước.

Cần phát huy hơn nữa vai trò của các cấp và các ngành của chính quyền trong việc quản lý kinh tế, chú trọng đi sâu hơn nữa vào việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch. Trước hết, *phải bảo đảm sự chỉ đạo tập trung của Hội đồng Chính phủ*, nhằm phát huy hiệu lực sắc bén, kịp thời. Trên cơ sở đó, *tăng cường trách nhiệm* của các bộ, các tỉnh, thành, bảo đảm chấp hành tốt kế hoạch của mỗi ngành, mỗi địa phương. Trong việc chỉ đạo thực hiện, Chính phủ và các bộ, Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố cần giải quyết nhanh, gọn các vấn đề thuộc quyền hạn của mình và hết sức phát huy tính tích cực, chủ động của các địa phương và các cơ sở sản xuất.

Phải đề cao sự hợp tác xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hợp đồng kinh tế. Tăng cường kiểm tra đôn đốc, đề cao chế độ trách nhiệm và kỷ luật chấp hành kế hoạch. Cải tiến lề lối làm việc, xây dựng tác phong khẩn trương, cụ thể, sát quần chúng, sát cơ sở sản xuất.

### *3. Tăng cường quản lý kinh tế ở cơ sở, thực hiện đúng các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa; mở rộng và củng cố chế độ hạch toán kinh tế*

Tăng cường công tác kế hoạch ở cơ sở, nâng cao chất lượng các kế hoạch sản xuất, lao động, tài vụ, kỹ thuật của xí nghiệp, củng cố các mặt quản lý: quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý tài vụ, nhằm hết sức khai thác khả năng tiềm tàng của các xí nghiệp, bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch.

Mở rộng và củng cố chế độ hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp xuống đến các phân xưởng và tổ, đội sản xuất, xoá bỏ lối quản lý theo "chế độ cung cấp". Giám đốc các xí nghiệp phải làm tốt công tác phân tích hoạt động kinh tế và kết quả tài vụ, phát hiện những khả năng tiềm tàng và định ra những biện pháp có hiệu lực để đẩy mạnh mọi hoạt động kinh tế của xí nghiệp.

Các ngành tài chính và ngân hàng phải bảo đảm thực hiện đúng đắn các chế độ, thể lệ về quản lý tài chính và quản lý tiền tệ, giúp đỡ và thúc đẩy các ngành, các xí nghiệp củng cố chế độ tài vụ, xí nghiệp và kỷ luật nộp thuế và nộp lãi cho ngân sách Nhà nước, thông qua phân tích kinh tế và tài vụ mà thúc đẩy xí nghiệp chú ý đầy đủ đến hiệu quả kinh tế và doanh lợi của xí nghiệp.

Trên cơ sở tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ xí nghiệp, phải hết sức phát huy chức năng và đề cao quyền lực và trách nhiệm của giám đốc, đồng thời phát huy đầy đủ vai trò của Công đoàn trong việc hướng dẫn quần chúng công nhân, viên chức tham gia thiết thực vào việc quản lý xí nghiệp.

Phải ra sức củng cố và phát triển tốt chi bộ Đảng và chi đoàn thanh niên lao động ở các xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã, động viên toàn thể đảng viên và đoàn viên làm tốt vai trò nòng cốt và đầu tàu trong việc thi đua cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm.

### *4. Tăng cường lãnh đạo tư tưởng và lãnh đạo chính sách*

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá và mọi công tác khác của Đảng và Nhà nước, cần phải tăng cường lãnh đạo tư tưởng và lãnh đạo chính sách.

Phải làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, tiếp tục nâng cao tinh thần yêu nước, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và ý chí đấu tranh thống nhất nước nhà. Bồi dưỡng những tư tưởng chính sách và ý thức tư tưởng cơ bản quán triệt trong đường lối của Đảng về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Xây dựng vững chắc quan điểm làm chủ tập thể, tư tưởng tự lực cánh sinh, tinh thần cần kiệm xây dựng nước nhà, quan điểm lao động mới (lao động dũng cảm, lao động có tổ chức và kỷ luật, lao động có kỹ thuật), ý thức cảnh giác cách mạng và tinh thần tích cực, khẩn trương trong công tác. Nâng cao tinh thần đoàn kết nhất trí, tinh thần phấn khởi cách mạng và lòng tin tưởng sâu sắc ở thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc. Nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, hợp tác chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong công cuộc xây dựng kinh tế và văn hoá của nước nhà và tăng cường lực lượng của toàn phe xã hội chủ nghĩa.

Việc tuyên truyền, giáo dục về kế hoạch 5 năm phải nhằm làm cho mọi người nhận rõ thắng lợi và khó khăn, thấu suốt phương hướng chung của kế hoạch, phương hướng tăng tích lũy vốn cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đồng thời cải thiện đời sống từng bước và có trọng điểm, phương hướng phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, v.v. do đó mà nâng cao ý chí phấn đấu cách mạng, tập trung lực lượng, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, để hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước.

Phải kịp thời nghiên cứu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ, thể lệ cho phù hợp với tình hình phát triển mới của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Những chính sách, chế độ quan trọng phải được biến thành luật pháp của Nhà nước. Phải giáo dục, phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; đồng thời, phải nắm sát thực tế ở cơ sở để bảo đảm chấp hành các chính sách đúng và kịp thời. Mọi người đều phải tuân theo luật pháp và phải thực hiện nghiêm chỉnh mọi chính sách, chế độ, thể lệ của Nhà nước.

Phải ra sức làm tốt cuộc vận động: "*Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*" và cuộc vận động "*Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc*"; thông qua hai cuộc vận động ấy mà thúc đẩy công tác của các ngành và các địa phương, phát huy mạnh mẽ mọi lực lượng của nhân dân, bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

\*

\* \*

Toàn Đảng, toàn dân đang phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ cách mạng nặng nề và vẻ vang.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và phong trào đấu tranh yêu nước ở miền Nam đang phát triển mạnh mẽ và thúc đẩy lẫn nhau.

Đồng bào miền Bắc ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc của mình, chuẩn bị cho tương lai hạnh phúc của cả nước, đồng thời cổ vũ đồng bào

miền Nam đấu tranh kiên quyết và bền bỉ chống bọn xâm lược Mỹ và bọn bán nước Ngô Đình Diệm.

Đồng bào miền Nam trực tiếp đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, không những là để tự giải phóng và góp phần thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, mà còn đang góp phần rất lớn bảo vệ công cuộc lao động hoà bình ở miền Bắc.

Trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chúng ta phải thấu suốt hơn nữa quan hệ khăng khít giữa hai nhiệm vụ chiến lược của nhân dân ta, ra sức củng cố miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Phải nâng cao hơn nữa tinh thần phấn khởi cách mạng và chí khí chiến đấu, ra sức phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn tập trung lực lượng vào việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng một đời sống ấm no, hạnh phúc lâu dài cho toàn dân.

*Phải nhận rõ trách nhiệm vẻ vang của chúng ta là những lớp người đi trước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta!*

Toàn thể đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động phải gương mẫu trong mọi việc; chi bộ Đảng phải thật sự là người lãnh đạo ở các cơ sở sản xuất.

Toàn thể đảng viên, cán bộ, công nhân, nông dân, quân đội, lao động trí óc, thanh niên, phụ nữ và các tầng lớp khác hãy hăng hái phấn đấu chấp hành đường lối của Đảng, chính sách của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1963 và những năm sắp tới, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chuẩn bị cơ sở vững chắc cho kế hoạch dài hạn sau này, tiến lên làm tròn trách nhiệm đối với Tổ quốc ta.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG CÁO

### Về Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam\*

Tháng 4 năm 1963

Trong tháng 4-1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp hội nghị toàn thể lần thứ tám để bàn về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Hội nghị đã phân tích toàn diện những thắng lợi to lớn, những chuyển biến vĩ đại mà nhân dân miền Bắc đã giành được trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm vừa qua, những thuận lợi, khó khăn hiện nay, và những khả năng phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn trên bước đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Căn cứ vào đường lối của Đại hội toàn quốc lần thứ III, tiếp theo các Hội nghị lần thứ năm bàn về nông nghiệp và lần thứ bảy bàn về công nghiệp, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn phát triển kinh tế và văn hoá trong những năm gần đây,

---

\* Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 26-3 đến ngày 8-4-1963 (B.T).

hội nghị đã kiến nghị về những phương hướng, nhiệm vụ, những chỉ tiêu và biện pháp chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm "phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

Hội nghị đã nhấn mạnh sự cần thiết phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, không ngừng tăng tích lũy vốn cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện bảo đảm một đời sống ấm no hạnh phúc lâu dài cho toàn dân. Đồng thời trước mắt phải chăm lo cải thiện từng bước và có trọng điểm đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Hội nghị cũng đã kiểm điểm sâu sắc những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện, và đã đề ra những biện pháp chính để tăng cường lãnh đạo và quản lý kinh tế, tài chính, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Thực hiện tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sẽ đem lại cho nhân dân ta những tiến bộ to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nâng cao thêm một bước mức sống vật chất và văn hoá của nhân dân, tăng cường lực lượng mọi mặt của miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Hội nghị kêu gọi toàn Đảng và toàn dân nhận rõ trách nhiệm vẻ vang của mình là những lớp người đi trước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tăng cường đoàn kết nhất trí, nâng cao tinh thần phấn khởi cách mạng và chí khí chiến đấu, ra sức phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1963 và những năm sắp tới, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chuẩn bị cơ sở vững chắc kế hoạch dài hạn sau này, tiến lên làm tròn trách nhiệm đối với Tổ quốc ta.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 62-CT/TW, ngày 1 tháng 4 năm 1963

### **Về việc cải tiến công tác trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở**

Trong mấy năm qua, Đảng ta đã có nhiều cố gắng trong việc bồi dưỡng về lý luận và chính trị cho cán bộ, đảng viên. Hệ thống trường Đảng được củng cố và mở rộng, đã huấn luyện về lý luận Mác – Lênin, về đường lối, chính sách lớn của Đảng và công tác Đảng cho trên 15.000 cán bộ sơ cấp và gần 55.000 cán bộ cơ sở. Qua công tác huấn luyện trên, trình độ lý luận và tư tưởng, phẩm chất cách mạng và năng lực công tác của cán bộ đã có nhiều tiến bộ. Các trường Đảng đã góp phần xứng đáng vào công tác xây dựng Đảng, vào việc thúc đẩy sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Tuy nhiên, công tác giáo dục ở các trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở còn có những nhược điểm, khuyết điểm sau đây:

- Nhiều cấp uỷ Đảng chưa quan tâm đúng mức đến công tác của trường Đảng là nơi bồi dưỡng cán bộ cốt cán của Đảng,

trước hết là của địa phương mình; chỉ chú trọng lãnh đạo về mặt tổ chức, ít chú ý lãnh đạo về mặt nội dung.

- Nhiều cơ quan lãnh đạo và phụ trách các trường Đảng chưa thật nắm vững mục đích giáo dục của trường Đảng, chưa nhận rõ các khoá học của nhà trường sẽ bồi dưỡng được những người cán bộ như thế nào. Thiếu sót căn bản này đã ảnh hưởng đến nhiều mặt của công tác giáo dục ở trường Đảng; nội dung giáo dục có phần chưa thiết thực, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng, chưa thực hiện tốt phương châm lý luận liên hệ thực tiễn; chưa chú ý đầy đủ đến việc nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ; phương pháp giáo dục còn thiếu sinh động; phương tiện giáo dục còn rất nghèo nàn.

- Bộ máy lãnh đạo của nhiều trường Đảng chưa được kiện toàn. Giảng viên còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Việc bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ nhà trường chưa được chú ý đúng mức.

- Đối tượng, nội dung học tập của hệ thống trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở và của một số trường lý luận và nghiệp vụ thuộc các ngành trung ương và khu, tỉnh, thành chưa được phân định hợp lý, cho nên đã có tình trạng điều động cán bộ đi học quá đông trong một lúc, ảnh hưởng đến công tác, cán bộ giảng dạy bị phân tán, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, nhiều cán bộ mới học xong ở trường này lại cử đi học ở trường khác, tuy nội dung học tập của hai trường không khác nhau lắm.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết của Bộ Chính trị về việc cải tiến công tác giáo dục lý luận và chính trị, căn cứ vào những ưu

điểm và khuyết điểm về công tác giáo dục của hệ thống trường Đảng, Ban Bí thư quyết định những vấn đề sau đây, nhằm cải tiến công tác giáo dục lý luận và chính trị của các trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở.

## I- MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

Mục đích của *trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp* là giáo dục tương đối có hệ thống và có trọng điểm lý luận Mác-Lênin, đường lối, chính sách lớn của Đảng, lịch sử Đảng, công tác xây dựng Đảng và những kiến thức về kinh tế cụ thể cho cán bộ sơ cấp cốt cán của Đảng, nhằm nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất cách mạng, và năng lực công tác, nhất là năng lực quản lý kinh tế của cán bộ sơ cấp.

Mục đích của *trường Đảng bồi dưỡng cán bộ cơ sở* là giáo dục một số vấn đề thường thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối, chính sách lớn của Đảng, lịch sử tóm tắt của Đảng, công tác xây dựng Đảng và những vấn đề chủ yếu của quản lý kinh tế cho các đảng uỷ, chi uỷ xã, trước hết là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã (bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm hợp tác xã, bí thư đoàn thanh niên, bí thư phụ nữ...) và những cán bộ Đảng trình độ cơ sở ở xí nghiệp, công trường, nông trường, nhằm nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất cách mạng và năng lực công tác, nhất là năng lực quản lý hợp tác xã, xí nghiệp,... của cán bộ cơ sở.

Mục đích của *lớp huấn luyện chính trị của huyện* chủ yếu là giáo dục đường lối, chính sách lớn của Đảng, công tác xây dựng Đảng, những hiểu biết cần thiết về quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cho chi uỷ các chi bộ, tổ trưởng Đảng,

ủy viên quản trị hợp tác xã, đội trưởng, đội phó sản xuất, ủy viên hành chính xã, v.v. nhằm làm cho số cán bộ đó có trình độ chính trị, phẩm chất cách mạng và năng lực công tác, nhất là quản lý hợp tác xã và đội sản xuất nông nghiệp.

## II- NỘI DUNG GIÁO DỤC

Khi định nội dung chương trình cụ thể, cần nắm vững phương hướng giáo dục ở trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở là: kết hợp việc nâng cao trình độ lý luận, chính trị cơ bản với việc phục vụ nhiệm vụ cụ thể trước mắt, tránh khuynh hướng giảng dạy lý luận, chính trị cơ bản mà không gắn chặt với nhiệm vụ cụ thể trước mắt, hoặc chỉ giảng dạy những nhiệm vụ cụ thể trước mắt mà coi nhẹ việc giáo dục lý luận, chính trị cơ bản.

Căn cứ mục đích và phương hướng nói trên, nội dung chương trình của trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở như sau:

- *Trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp* học các môn: triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học; công tác xây dựng Đảng; lịch sử Đảng và đường lối, chính sách lớn của Đảng; kinh tế cụ thể về công nghiệp, nông nghiệp thương nghiệp, tài chính, và một số kiến thức về kỹ thuật công nghiệp và nông nghiệp. Thời gian học khoảng 9 tháng.

- *Trường Đảng bồi dưỡng cán bộ cơ sở* học một số vấn đề thường thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối, chính sách lớn của Đảng; lịch sử tóm tắt của Đảng và công tác xây dựng Đảng; những vấn đề chủ yếu về quản lý hợp tác xã sản xuất và kỹ thuật nông nghiệp cho vùng nông nghiệp; những vấn đề chủ yếu về quản lý xí nghiệp và kỹ thuật công nghiệp cho vùng công nghiệp. Thời gian học khoảng ba tháng.

- Lớp huấn luyện chính trị của huyện, chủ yếu học đường lối, chính sách lớn của Đảng; lịch sử tóm tắt của Đảng và công tác xây

dựng Đảng; một số vấn đề cần thiết về quản lý hợp tác xã sản xuất, đội sản xuất, và về kỹ thuật nông nghiệp. Thời gian học từ 25 đến 30 ngày.

- Ở *miền núi*, nội dung học ở các trường Đảng cho cán bộ sơ cấp, cơ sở, và các lớp của huyện, cần căn cứ vào trình độ của cán bộ và yêu cầu của từng địa phương mà đề ra cho thật thích hợp. Thời gian học cũng cần ngắn gọn hơn.

## III- TỔ CHỨC, PHÂN CÔNG VÀ PHỐI HỢP GIỮA TRƯỜNG ĐẢNG VÀ MỘT SỐ TRƯỜNG CÁC NGÀNH VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

1. Hệ thống trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp sẽ dần dần mở rộng đến tỉnh, thành, khu để các cấp ủy Đảng địa phương nắm chặt hơn nữa việc giáo dục cán bộ của địa phương mình. Những nơi nào có ba điều kiện sau đây mới được mở trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp: *một là*, số lượng cán bộ trình độ sơ cấp tương đối đông, bảo đảm mở được thường xuyên; *hai là*, có đủ lực lượng cán bộ lãnh đạo và giảng dạy có chất lượng khá; *ba là*, cấp ủy Đảng có điều kiện lãnh đạo thật chặt chẽ, nhất là về nội dung. Ban bí thư ủy nhiệm cho Ban Tuyên giáo Trung ương căn cứ vào các điều kiện nói trên để xét duyệt vấn đề mở trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp ở tỉnh, thành, khu.

Từ nay cho đến khi các tỉnh, thành, khu mở được trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp, thì các trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu I và phân hiệu II vẫn được tiếp tục duy trì và tăng cường. Trường Nguyễn Ái Quốc *phân hiệu I* sẽ phụ trách huấn luyện cán bộ sơ cấp cốt cán của Đảng ở các vùng nông nghiệp, trường Nguyễn Ái Quốc *phân hiệu II*, sẽ phụ trách huấn luyện cán bộ sơ cấp cốt cán của Đảng ở các vùng công nghiệp và các công trường.

Trường Đảng Khu tự trị Việt Bắc phụ trách huấn luyện cán bộ sơ cấp vùng nông nghiệp của các tỉnh thuộc Khu và các tỉnh miền núi khác: Hải Ninh, Lào Cai, Yên Bái, Hoà Bình.

Trường Đảng Khu tự trị Tây Bắc phụ trách huấn luyện cán bộ sơ cấp vùng nông nghiệp của các tỉnh thuộc Khu.

2. Để tránh tình trạng lẫn lộn về đối tượng và nội dung học tập giữa trường Đảng và trường các ngành và các đoàn thể nhân dân, từ nay quy định như sau:

Các trường của các ngành và đoàn thể nhân dân ở trung ương nói chung sẽ không huấn luyện các môn lý luận Mác – Lênin cho cán bộ Đảng trình độ sơ cấp mà do các trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp phụ trách. Trường các ngành và đoàn thể nhân dân chỉ bồi dưỡng về mặt nghiệp vụ cho số cán bộ đó. Đối với số cán bộ ngoài Đảng của ngành và đoàn thể mình thì trường của ngành hay đoàn thể có thể tuỳ tình hình cần thiết tổ chức huấn luyện lý luận Mác – Lênin.

3. Tại các tỉnh, thành, khu, trường hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và trường hành chính sẽ sát nhập vào trường Đảng bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Sau khi huấn luyện xong chương trình chung, trường Đảng sẽ dành một thời gian nhất định để bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ cho từng loại cán bộ do mỗi ngành đảm nhiệm. Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ ở tỉnh không tổ chức trường, mà chỉ mở những lớp huấn luyện ngắn ngày cho các uỷ viên chấp hành chủ chốt ở xã không phải là đảng uỷ viên, chi uỷ viên xã.

#### IV- MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC

1. Trong công tác giáo dục ở trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở, cần thấu suốt phương châm lý luận liên hệ thực tiễn, gắn chặt với sản xuất, với đời sống. Kết hợp chặt chẽ việc giảng dạy với việc tổ chức báo cáo và tham quan nghiên cứu những điển hình thực tế, những kinh nghiệm tiên tiến trong phong trào sản xuất công, nông nghiệp. Cần tiến hành

từng bước việc trang bị những phương tiện giảng dạy và học tập cho các trường Đảng.

2. Vấn đề đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cho trường Đảng là vấn đề hết sức quan trọng, các cấp uỷ Đảng cần nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư và Thông tri số 380-TT/TG của Ban Tuyên giáo Trung ương. Các đồng chí cấp uỷ Đảng cần tích cực tham gia công tác giảng dạy ở trường Đảng và giải đáp những vấn đề quan hệ đến nhận định tình hình, đường lối, chính sách của Đảng, chủ trương công tác của địa phương. Đặc biệt đối với trường Đảng bồi dưỡng cán bộ cơ sở cần phải có cán bộ giảng dạy và phụ đạo trực tiếp giúp đỡ học sinh trong quá trình học tập, nhất là chủ trì điều khiển các cuộc thảo luận, tránh tình trạng để học sinh thảo luận thiếu lãnh đạo. Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tuyên giáo Trung ương cần kiểm tra lại lực lượng giảng viên lý luận và chính trị để điều chỉnh trong hệ thống trường Đảng.

3. Để tránh tình trạng điều động quá nhiều cán bộ đi học cùng trong một thời gian, ảnh hưởng đến công tác và sản xuất, các cấp uỷ Đảng cần có quy hoạch hàng năm và quản lý chặt chẽ việc cử cán bộ đi học. Từ nay trở đi, số cán bộ là cấp uỷ viên tại chức được cử đi học về lý luận, nghiệp vụ hay văn hoá ở trường hoặc luân huấn, *không được quá 1/5 tổng số cấp uỷ viên ở địa phương*. Cần bảo đảm đúng thời gian học tập đã quy định cho mỗi loại trường. Hết sức tránh tình trạng điều động cán bộ đang học ở trường đi làm những công tác không thật cần thiết.

Cần chú ý kịp thời bổ sung các chế độ trả lương và phụ cấp cho cán bộ đi học trường Đảng.

4. Các cấp uỷ Đảng cần coi trọng lãnh đạo trường Đảng, nhất là về nội dung học tập, không được khoán trắng cho cán bộ

phụ trách trường Đảng như một số cấp uỷ trong thời gian vừa qua.

Ban Tuyên giáo Trung ương và các cấp có trách nhiệm giúp cấp uỷ chỉ đạo chặt chẽ việc học tập ở các trường Đảng, trường các ngành và đoàn thể, thường kỳ báo cáo kết quả học tập với cấp uỷ và kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong giảng dạy cũng như trong tư tưởng của cán bộ học ở trường.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 75-NQ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 1963

### **Về việc mở đại hội đại biểu các cấp khu, tỉnh, thành**

#### **I**

#### **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC MỞ ĐẠI HỘI CẤP KHU, TỈNH, THÀNH**

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, các đảng bộ khu, tỉnh, thành đã có nhiều cố gắng và tiến bộ trong việc lãnh đạo và chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương. Các cấp uỷ khu, tỉnh, thành đã được tăng cường, đã chú trọng đi sâu vào lãnh đạo kinh tế và nắm nhiệm vụ trung tâm trong từng thời gian. Tác phong lãnh đạo và phương pháp công tác đã khẩn trương, cụ thể, sâu sắc hơn trước. Nhìn chung, các đảng bộ khu, tỉnh, thành đã có những tiến bộ trong việc lãnh đạo chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Đại hội đảng bộ địa phương; bảo đảm hoàn thành kế hoạch Nhà nước và đang có nhiều cố gắng trong việc lãnh đạo thực hiện

kế hoạch Nhà nước năm 1963 và các mặt công tác khác của địa phương.

Tuy nhiên, hiện nay công tác lãnh đạo của các khu, tỉnh, thành uỷ còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm cần được bổ khuyết; lãnh đạo về mặt kinh tế và các mặt công tác còn thiếu toàn diện. Công tác xây dựng Đảng còn chưa được coi trọng đúng mức, v.v.. Những thiếu sót và tồn tại ấy có nhiều nguyên nhân khách quan, nhưng những nguyên nhân chủ quan về lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện là hết sức trọng yếu.

Hiện nay nhiều tỉnh uỷ, thành uỷ chưa thật sự được kiện toàn về chất lượng; số cấp uỷ viên ốm đau, đi học dài hạn hoặc đã điều đi công tác nơi khác quá nhiều. Trình độ hiểu biết về quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật của hầu hết cấp uỷ viên còn thấp. Tác phong lãnh đạo còn chưa chuyển biến được kịp thời, chưa thật phù hợp với những yêu cầu về lãnh đạo kinh tế. Lãnh đạo tập thể chưa được đề cao, phân công phụ trách chưa rõ ràng, dân chủ nội bộ còn chưa được phát huy đầy đủ. Giữa cấp uỷ, uỷ ban hành chính và các đoàn thể quần chúng, ranh giới trách nhiệm trong một số vấn đề chưa được xác định cụ thể; lãnh đạo của Đảng còn bao biện, sự vụ, tác dụng của chính quyền và tổ chức quần chúng chưa được phát huy. Tác phong của nhiều cấp uỷ còn thiếu tập trung, chủ động, sâu sát; sự chỉ đạo phối hợp các mặt công tác giữa các ngành, các cấp còn thiếu chặt chẽ; công tác kiểm tra còn rất yếu; phương pháp điều tra nghiên cứu và chỉ đạo điển hình còn chưa được chú trọng đúng mức. Nội bộ của một số cấp uỷ và

ban thường vụ còn chưa thật sự đoàn kết nhất trí, đã ảnh hưởng không tốt đến công tác lãnh đạo của địa phương.

Trong thời gian tới, việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1963 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đề ra những nhiệm vụ nặng nề; các cuộc vận động "Cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp...", "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu", các công tác văn xã và các mặt công tác như củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an, xây dựng Đảng, v.v. đều đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ khu, thành, tỉnh một cách chặt chẽ, thiết thực hơn.

Sắp tới, việc mở Đại hội cấp khu, tỉnh, thành có ý nghĩa trọng yếu về chính trị và tổ chức nên các cấp khu, tỉnh, thành cần chú trọng các nội dung và yêu cầu chủ yếu sau đây:

1. Kiểm điểm một cách sâu sắc tình hình mọi mặt, sự lãnh đạo các mặt công tác của Đảng bộ trong hai năm qua, chú trọng lãnh đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước và công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở kiểm điểm tốt, đề ra nhiệm vụ, phương hướng, chỉ tiêu, chủ trương và biện pháp lớn nhằm bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tạo điều kiện và cơ sở tốt cho việc thực hiện kế hoạch dài hạn sắp tới.
2. Bầu cử lại cấp uỷ khu, tỉnh, thành nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhất là về lãnh đạo kinh tế.
3. Trên cơ sở làm tốt các việc trên đây, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, trước hết là trong cấp uỷ, ra sức kiện

toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, gây một không khí phấn khởi mới trong toàn đảng bộ và nhân dân địa phương để phấn đấu hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ do Đại hội đại biểu sẽ đề ra.

## II

### NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO ĐỀ ÁN ĐƯA RA THẢO LUẬN Ở ĐẠI HỘI

Các cấp uỷ cần căn cứ vào tình hình thực tiễn và yêu cầu về các mặt công tác ở địa phương để quyết định nội dung cụ thể các vấn đề cần đưa ra Đại hội bàn định. Nhưng cần chú trọng các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III, của Hội nghị lần thứ năm, lần thứ bảy, lần thứ tám của Trung ương (bàn về kế hoạch 5 năm), v.v. cần làm báo cáo kiểm điểm tình hình, rút ra những ưu điểm, khuyết điểm và những kinh nghiệm chủ yếu trên các mặt công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ vừa qua của cấp uỷ, đề ra nhiệm vụ, phương hướng, những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch ba năm tới (1963-1965) và các biện pháp lớn có tính chất mấu chốt để bảo đảm hoàn thành kế hoạch đó. Yêu cầu chính là đi sâu vào công tác lãnh đạo kinh tế và xây dựng Đảng.

Về lãnh đạo kinh tế, các tỉnh cần chú ý đi sâu vào mặt lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp và hợp tác hoá, đồng thời chú trọng công nghiệp địa phương và tài chính thương nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống; ở các thành phố cần chú trọng đi sâu vào nhiệm vụ lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công nghiệp, đồng thời chú trọng nông nghiệp ngoại thành và tài chính thương nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống ở thành phố.

Về xây dựng Đảng, cần coi trọng công tác xây dựng Đảng cả về mặt tư tưởng và về mặt tổ chức; chú trọng thảo luận kỹ yêu cầu xây dựng Đảng trong thời gian tới kết hợp với hai cuộc vận động lớn và các công tác thường xuyên, sửa chữa các khuyết điểm, uốn nắn các lệch lạc, nhằm tăng cường công tác kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, công tác cán bộ và kiện toàn tổ chức; cải tiến tác phong, thiết thực nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và tăng cường tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy kinh tế và văn hoá phát triển.

Công tác nội chính như củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an cũng phải rất được coi trọng. Đối với các mặt công tác khác như văn hoá, giáo dục, công tác các đoàn thể quần chúng, cũng cần bàn bạc kỹ trên những vấn đề lớn.

Đối với các Khu tự trị Việt Bắc và Tây Bắc, các khu uỷ sẽ căn cứ vào những nhiệm vụ mới của cấp khu để thêm bớt nội dung cho phù hợp.

2. Báo cáo đề án của các khu uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ cần được chuẩn bị kỹ và cần thể hiện được việc tự phê bình của cấp uỷ đối với việc quán triệt và chấp hành những nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu khoá trước đã đề ra cũng như đối với việc quán triệt và chấp hành đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương.

Trước khi mở Đại hội, các cấp uỷ cần họp để thảo luận tập thể các báo cáo và đề án công tác và tổ chức tốt việc kiểm điểm sự lãnh đạo của cấp uỷ và các cấp uỷ viên.

## III

### YÊU CẦU CỦA VIỆC KIẾN TOÀN CẤP ỦY VÀ CẢI TIẾN LỀ LỐI LÃNH ĐẠO VÀ LÀM VIỆC CỦA CẤP ỦY

1. Để tiến hành tốt việc kiện toàn các cấp uỷ khu, tỉnh, thành, đi đôi với việc xác định nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian tới, cần nhận thức rõ vị trí trọng yếu của từng cấp và tình hình đặc điểm của từng địa phương.

Vị trí của cấp khu tự trị đã được xác định trong các nghị quyết gần đây của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Các tỉnh, thành là đơn vị kế hoạch hoàn chỉnh, là cấp chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trung ương, là cấp lãnh đạo và chỉ đạo toàn diện các mặt công tác ở địa phương và gắn liền cấp trung ương với cơ sở.

Các cấp uỷ, tỉnh, thành và cấp huyện, khu phố trong việc lãnh đạo và chỉ đạo cơ sở phải có sự kết hợp chặt chẽ. Cấp tỉnh phải cùng với cấp huyện nắm cấp xã và phải chỉ đạo chung cho cấp xã và hợp tác xã, đồng thời trực tiếp nắm chỉ đạo các xã và hợp tác xã điển hình. Còn cấp huyện thì phải căn cứ vào chủ trương, kế hoạch chung của tỉnh mà chỉ đạo cụ thể cho các xã, trực tiếp hướng dẫn công tác cho từng xã, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cụ thể xã, hợp tác xã, chủ yếu là tại chỗ. Giữa cấp thành và cấp huyện, khu phố, mối quan hệ với cơ sở (xã, xí nghiệp) về đại thể cũng như vậy.

Các tỉnh, thành uỷ có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhưng trên các mặt công tác, từng địa phương tỉnh, thành có những đặc điểm riêng (có địa phương có những mặt trọng yếu khác như thuỷ sản, lâm nghiệp, vùng tôn giáo, vùng dân tộc trọng yếu, v.v.). Tùy theo hoàn cảnh của từng nơi mà xác định rõ nhiệm vụ cụ thể trên các mặt công tác và đặt vấn đề cấu tạo cấp uỷ, kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối lãnh đạo cho phù hợp.

2. Việc kiện toàn cấp uỷ khu, tỉnh, thành trong dịp bầu cử lần này phải chú trọng hai mặt về tổ chức và lề lối lãnh đạo theo các yêu cầu và phương hướng chung sau đây:

a) Coi trọng việc kiện toàn cấp uỷ về chất lượng; với số lượng vừa phải, cần cải tiến cách cấu tạo của cấp uỷ theo phương hướng tránh rải đều cấp uỷ viên vào các ty, sở; tập trung thêm cấp uỷ viên vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tăng thêm cấp uỷ viên công tác ở cấp huyện và phần nào ở cơ sở (ở những nơi chưa có hoặc còn ít) để tăng cường lãnh đạo toàn diện, sát thực tế, nhất là tăng cường lãnh đạo kinh tế.

b) Chú trọng kiện toàn Ban thường vụ về chất lượng, cải tiến cách phân công trong Ban thường vụ theo phương hướng bớt kiêm nhiệm nhiều chức vụ, chủ yếu là phân công phụ trách theo các khối công tác.

c) Kiện toàn hoặc thành lập các Ban giúp việc của cấp uỷ đi đôi với việc kiện toàn tổ chức của Uỷ ban hành chính và các cơ quan chuyên môn trọng yếu của Uỷ ban.

d) Ra sức cải tiến lề lối lãnh đạo và tác phong công tác, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất và toàn diện của cấp uỷ Đảng, phát huy đầy đủ chức năng của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng, làm cho sự lãnh đạo và chỉ đạo các mặt công tác được kịp thời, sắc bén, sát với cấp dưới, nhất là sát cơ sở sản xuất.

3. Về số lượng, cấu tạo và tiêu chuẩn cụ thể quy định như sau:

a) Về số lượng cấp uỷ: tỉnh, thành uỷ tính chung nơi ít nhất là 25 uỷ viên chính thức và dự khuyết; nơi nhiều nhất là 37. Riêng Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Nội, Hải Phòng có thể 39. Các Khu uỷ Việt Bắc, Tây Bắc chỉ cần có khoảng từ 15 đến 21. Số uỷ viên dự khuyết không quá 1/4 so với số uỷ viên chính thức.

b) Về cấu tạo của cấp uỷ:

- Mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ sẽ cử bí thư và 2 hoặc 3 phó bí thư.

- Ban Thường vụ nói chung nên có 9 đồng chí (một số địa phương có thể chỉ cần 7 đồng chí; đặc biệt một đôi tỉnh, thành lớn được sự đồng ý của Ban Bí thư thì có thể có 11 đồng chí). Đại thể cách cấu tạo của Ban Thường vụ nên như sau:

- 1) Một bí thư phụ trách chung, quán xuyên công tác lãnh đạo chung của cấp uỷ nhưng đi sâu nắm nông nghiệp (ở tỉnh) hoặc công nghiệp (ở thành phố) và nắm trọng tâm công tác trong từng thời gian;
- 2) Một phó bí thư làm chủ tịch uỷ ban, nắm chung công tác của chính quyền, phụ trách kế hoạch;
- 3) Một phó bí thư thường trực Đảng thay mặt bí thư giải quyết công việc hàng ngày;
- 4) Một đồng chí trực tiếp phụ trách nông nghiệp (ở tỉnh), công nghiệp (ở thành phố), đồng chí này có thể là phó bí thư nếu có 3 phó bí thư;
- 5) Một phụ trách khối nội chính;
- 6) Một phụ trách khối tài chính thương nghiệp;
- 7) Một Trưởng ban Tổ chức;
- 8) Một Trưởng ban Tuyên giáo;
- 9) Một làm Bí thư huyện uỷ hoặc khu phố (thuộc thành phố trực thuộc).

Những nơi Ban Thường vụ chỉ có 7 uỷ viên thì đồng chí phó bí thư thường trực có thể kiêm Trưởng ban Tuyên giáo hoặc tổ chức, hoặc bớt đồng chí làm Bí thư huyện.

Những đồng chí phụ trách nhiều ngành trong một khối nói chung không kiêm Trưởng ty, Sở, v.v..

Ngoài các uỷ viên thường vụ, tỉnh uỷ, thành uỷ nên có các cấp uỷ viên công tác ở các ngành sau đây: một số ban của cấp uỷ (nếu chưa có uỷ viên thường vụ làm trưởng ban), uỷ ban kiểm tra (có 1 đồng chí chuyên trách); thanh niên, phụ nữ, công đoàn, công an; tỉnh, thành đội; Uỷ ban kế hoạch; thương nghiệp; công nghiệp (ở thành phố nên có đồng chí phụ trách công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp, phụ trách xây dựng cơ bản...); nông nghiệp (nên có các đồng chí phụ trách chỉ đạo sản xuất, hợp tác hoá, kỹ thuật nông

nghiệp); tài chính và tuỳ theo tình hình thực tiễn và sự cần thiết ở từng địa phương mà chọn một số đồng chí công tác ở một số ngành trọng yếu khác của địa phương như thuỷ lợi, lương thực, khai hoang, thuỷ sản, lâm nghiệp. Tuy nhiên, không nhất thiết các ngành trên đây đều phải có cấp uỷ viên; nếu trong các ngành ấy không có đồng chí có đủ điều kiện tham gia cấp uỷ mà vẫn bảo đảm tốt công tác chuyên môn thì không cần phải cử cấp uỷ viên đến thay thế.

Ngoài số uỷ viên thường vụ và các đồng chí cấp uỷ viên công tác ở các ngành ở tỉnh, thành, nói chung cần có khoảng 1/4 đến 1/3 số lượng cấp uỷ viên (chính thức và dự khuyết) công tác ở huyện, khu phố (thuộc thành phố trực thuộc) và ở một số cơ sở xã, xí nghiệp, nông trường (ở những nơi có nhiều nông trường).

c) Về tiêu chuẩn và phương hướng cất nhắc cán bộ: trên cơ sở tiêu chuẩn phẩm chất chính trị và năng lực công tác, lần này cần chú trọng đưa vào cấp uỷ những đồng chí thực sự có tác dụng đóng góp vào sự lãnh đạo chung của cấp uỷ, cụ thể là những đồng chí: a) có khả năng nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và vận dụng đường lối, chính sách đó sát với thực tiễn của địa phương trong phạm vi công tác mình phụ trách; b) có tác phong sâu sát, có khả năng nắm được tình hình thực tiễn ở cơ sở; c) có những hiểu biết nhất định về chuyên môn, nghiệp vụ để đóng góp vào sự lãnh đạo chung của cấp uỷ; d) có tín nhiệm, có quan hệ mật thiết với quần chúng và cán bộ.

Cần thấu suốt hơn nữa các phương hướng và yêu cầu về cất nhắc cán bộ do Đại hội toàn quốc của Đảng đã đề ra. Bên cạnh những đồng chí cũ vững vàng có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo, cần tăng cường lực lượng trẻ am hiểu sản xuất, có hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng một cách khẩn trương và kiên quyết; cần tăng thêm thành phần công nông, cán bộ phụ nữ, cán bộ người dân tộc (ở các địa phương miền núi) ở những nơi các thành phần ấy còn ít.

Cần xác định rõ việc đưa cán bộ cơ sở kể cả cán bộ xã tham gia tỉnh, thành uỷ là cần thiết để phản ánh kịp thời và cụ thể tình hình và kinh nghiệm thực tiễn ở cơ sở vào sự lãnh đạo của cấp uỷ, bổ sung cho sự hiểu biết của cấp uỷ về tình hình và những kinh nghiệm ấy trong Hội nghị cấp uỷ cũng như trong công tác thường xuyên làm cho sự lãnh đạo của cấp uỷ được thêm sâu sát.

Cần khắc phục những quan điểm sai lệch trong việc lựa chọn người vào cấp uỷ; chống tư tưởng địa vị, chỉ biết có vào cấp uỷ mà không có ra; chống tư tưởng "sống lâu lên lão làng" quan điểm "tôn ti trật tự" theo phong kiến, "sợ cán", sợ "móc xích", không nhận thức đầy đủ tác dụng của những nhân tố mới xuất hiện trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên.

d) Đi đôi với việc kiện toàn cấp uỷ, cần kiện toàn hoặc thành lập các ban chuyên môn giúp việc, kiện toàn các tổ chức của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng theo tinh thần Nghị quyết 69-NQ/TW, ngày 11-2-1963 của Ban Bí thư.

4. Về cải tiến lề lối lãnh đạo và làm việc của cấp uỷ:

- Trước hết, cần bảo đảm sự lãnh đạo tập thể, toàn diện, tập trung thống nhất của cấp uỷ đảng, đi đôi với việc phát huy vai trò của Uỷ ban hành chính và của các đoàn thể quần chúng, nhất là công đoàn, đoàn thanh niên, hội liên hiệp phụ nữ:

+ Giữa hai kỳ hội nghị của cấp uỷ phải tập trung sự chỉ đạo công tác của Đảng vào Ban Thường vụ; giữa hai kỳ hội nghị của Ban Thường vụ phải tập trung việc giải quyết công việc hàng ngày của cấp uỷ vào bí thư và phó bí thư. Các cấp uỷ viên làm trưởng ban, trưởng ty sẽ không lấy danh nghĩa cấp uỷ để giải quyết công việc mình phụ trách, trừ trường hợp được cấp uỷ hoặc Ban Thường vụ uỷ nhiệm cụ thể. Trong công tác thường xuyên, ngoài việc tham gia bàn định các công tác của đảng bộ trong các hội nghị cấp uỷ, các cấp uỷ viên cần phản ánh kịp thời cho Ban Thường vụ những tình hình và ý kiến cần thiết nhằm góp phần tích cực vào sự lãnh

đạo tập thể của cấp uỷ. Ban Thường vụ cấp uỷ cần tạo điều kiện để các cấp uỷ viên có thể tham gia vào sự lãnh đạo chung của cấp uỷ được tốt.

+ Đối với chính quyền, Ban Thường vụ cần tránh bao biện làm thay. Sau khi đã quyết định các vấn đề lớn về chủ trương, chính sách, chỉ tiêu, biện pháp, cần kiên quyết giao cho Uỷ ban chỉ đạo thực hiện cụ thể các mặt công tác của chính quyền. Trong công tác hàng ngày Uỷ ban hành chính tỉnh, thành cần chỉ đạo chặt chẽ công việc của các ty, sở,..., và của Uỷ ban hành chính cấp dưới một cách tập trung. Các Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ cần trực tiếp hoặc sử dụng các ban của Đảng để đôn đốc, giúp đỡ công tác của chính quyền.

Trên cơ sở không bao biện công việc của chính quyền, các Ban Thường vụ sẽ đi sâu nắm và chỉ đạo công tác của các cấp uỷ Đảng; tăng cường công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, thường xuyên chỉ đạo và sử dụng tốt các ban giúp việc trong công tác nghiên cứu và công tác kiểm tra.

+ Đối với các tổ chức quần chúng, cần xác định rõ chức năng của các tổ chức thanh niên, công đoàn, phụ nữ, mặt trận trong giai đoạn mới theo các nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Ban Thường vụ cần lãnh đạo chặt chẽ công tác của các tổ chức quần chúng, định kỳ nghe báo cáo để cho ý kiến và triệu tập các đồng chí phụ trách đến dự các cuộc họp cần thiết của Ban Thường vụ để giúp cho công tác tổ chức quần chúng gắn liền với nhiệm vụ trọng tâm của địa phương trong từng thời gian. Trong công tác lãnh đạo tổ chức quần chúng, Ban Thường vụ cần giao cho các đồng chí trong bộ phận thường trực của tổ chức quần chúng nghiên cứu, đề xuất các vấn đề cần thiết.

- Cần lãnh đạo tốt việc xây dựng các chức trách của từng tổ chức và cá nhân trong bộ máy tổ chức của Đảng, của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, coi đó là một mặt trọng yếu của công tác lãnh đạo.

- Ra sức tăng cường sự chỉ đạo phối hợp công tác giữa các ngành, các cấp, tránh bản vị, cục bộ.

- Cần có một sự chuyển biến mạnh mẽ trong tác phong công tác. Các cấp uỷ tỉnh, thành cần nắm vững tình hình, đặc điểm của địa phương, nắm vững thực tiễn sản xuất và kinh nghiệm thực tiễn ở cơ sở để có thể vận dụng và chấp hành một cách nghiêm chỉnh và có sáng tạo đường lối chính sách của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương cho sát với thực tiễn của địa phương. Muốn vậy, một mặt phải giải quyết tốt tư tưởng, mặt khác phải có biện pháp về mặt tổ chức. Trước mắt, cần quy định một số chế độ cụ thể, như chế độ đi xuống dưới và cơ sở, chế độ chỉ đạo riêng và những quy định cần thiết về lề lối làm việc có chương trình kế hoạch. Các cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo và nghiên cứu của cấp khu, tỉnh, thành phải dành ít nhất từ 20% đến 50% thời gian để đi xuống cấp dưới và cơ sở, hàng năm, các đồng chí cấp uỷ viên phải có một vài đợt đi xuống cơ sở dài ngày (ít nhất trên dưới 10 ngày) để nghiên cứu, kiểm tra công tác được sâu hơn. Về chế độ chỉ đạo riêng, cần áp dụng các hình thức sau đây:

Mỗi cấp uỷ viên phải liên hệ chặt chẽ để giúp đỡ, tìm hiểu một cơ sở (thuộc ngành mình phụ trách); mỗi ban thường vụ phải chỉ đạo riêng một số cơ sở; từng thời gian cần định chương trình về giải quyết tại chỗ những công việc cần thiết ở một số địa phương và đơn vị cơ sở trọng yếu hoặc có nhiều vấn đề cần giải quyết; khi cần thiết, tổ chức chỉ đạo riêng một số mặt công tác lớn.

Hàng tháng, hàng tuần (hoặc nửa tháng), Ban Thường vụ và thường trực Uỷ ban cần có chương trình công tác; cấp uỷ và Uỷ ban phải tổ chức quản lý chặt chẽ các cuộc hội nghị của các ngành để giảm bớt và hợp lý các hội nghị; các cuộc hội nghị có triệu tập rộng rãi các đại biểu ở xã, xí nghiệp lên tỉnh, thành phải được Ban Thường vụ đồng ý.

#### IV

Để tiến hành tốt Đại hội đại biểu, các cấp uỷ khu, tỉnh, thành cần chuẩn bị thật kỹ lưỡng nội dung các báo cáo đề án và vấn đề bầu cử cấp uỷ.

Cần đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng một cách liên tục trước, trong và sau Đại hội nhằm mục đích tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, nhất là trong việc đánh giá tình hình đã qua và đề ra nhiệm vụ mới, cũng như trong việc kiện toàn tổ chức của cấp uỷ; cần làm cho đông đảo cán bộ, đảng viên thông suốt mục đích, yêu cầu của việc kiện toàn cấp uỷ và các phương hướng, tiêu chuẩn lựa chọn cấp uỷ viên, đề phòng và đấu tranh chống những quan điểm và tư tưởng lệch lạc. Trên cơ sở làm tốt công tác tư tưởng, ra sức động viên tinh thần phấn khởi của Đảng bộ và nhân dân địa phương hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước và những nhiệm vụ do Đại hội sẽ đề ra.

Cần lãnh đạo tốt việc cử đại biểu, và bảo đảm việc kiện toàn cấp uỷ đạt những yêu cầu Trung ương đã đề ra. Trong việc kiện toàn cấp uỷ, phải chú trọng việc chuyên môn hoá cán bộ, tránh xáo trộn công tác của các cấp uỷ viên như thường đã xảy ra trong các dịp bầu cử cấp uỷ. Đối với các cán bộ ốm đau, không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm công tác của cấp uỷ thì tạm thời không nên ứng cử để chữa bệnh, nghỉ an dưỡng, hoặc đảm nhiệm công tác thích hợp. Số đồng chí sẽ được cử đi học dài hạn nếu thời gian học chiếm quá nửa nhiệm kỳ của cấp uỷ, cũng sẽ không ứng cử khoá này.

\*

\* \*

Các cấp uỷ khu, tỉnh, thành, huyện cần nghiên cứu kỹ Nghị quyết này để thi hành cho tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 115-TT/TW, ngày 15 tháng 4 năm 1963

**Về việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp  
và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ở miền núi**

Hiện nay ở miền đồng bằng và trung du đã hoàn thành đợt thí điểm và nói chung đang tiến hành đợt I cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Kết quả đợt thí điểm đó có ảnh hưởng tốt, nên nhiều nơi ở miền núi cũng muốn tiến hành ngay việc cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật ở hợp tác xã. Có tỉnh đã tự động làm thí điểm không tốt vì thiếu chuẩn bị, thiếu chỉ đạo chặt chẽ, làm xong không tổng kết. Theo Nghị quyết cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật hợp tác xã của Bộ Chính trị thì miền núi sẽ tiến hành cuộc vận động sau miền xuôi một ít, vì tình hình miền núi có nhiều điểm khác hơn miền xuôi, đặc điểm ở mỗi vùng lại cũng không giống nhau, cho nên không thể áp dụng giống hệt như miền xuôi được.

Muốn tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi phải qua việc điều tra nghiên cứu và làm thí điểm để rút kinh nghiệm. Do đó, năm 1963, trong khi chờ đợi tiến

hành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã ở miền núi, *một mặt phải tăng cường công tác củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp; mặt khác phải xúc tiến việc điều tra nghiên cứu và thí điểm để chuẩn bị cho cuộc vận động sắp tới.*

1. Công tác củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi phải nhằm vào khâu yếu nhất hiện nay là công tác quản lý, trong đó vấn đề mấu chốt là phải bồi dưỡng cán bộ xã và hợp tác xã, nhất là bồi dưỡng những cán bộ chủ chốt của hợp tác xã như chủ nhiệm, tài vụ, kế toán. Việc củng cố hợp tác xã và bồi dưỡng cán bộ không những cần thiết để đẩy mạnh sản xuất trước mắt, mà còn cần thiết cho cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã sau này được thuận lợi. Tỉnh uỷ và huyện uỷ cần giúp đỡ các xã, căn cứ tình hình thực tế của mỗi hợp tác xã, có kế hoạch cụ thể củng cố hợp tác xã để đạt những kết quả thiết thực. Đồng thời phải ra sức cải tiến kỹ thuật.

2. Về sản xuất, trước mắt phải hoàn thành tốt sản xuất Đông - Xuân như chống hạn, làm cỏ, bón phân cho lúa chiêm, cấy lúa xuân, đẩy mạnh việc sản xuất hoa màu, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, đồng thời phải đẩy mạnh công tác nhân dân khai hoang một cách mạnh mẽ và vững vàng hơn nữa.

3. Về việc tiến hành thí điểm cải tiến quản lý hợp tác xã ở miền núi, Ban Nông nghiệp Trung ương sẽ cùng với Tỉnh uỷ Lạng Sơn, Thái Nguyên và Khu uỷ Tây Bắc làm mỗi nơi vài hợp tác xã để rút kinh nghiệm. Còn các tỉnh khác, nơi nào đã có chuẩn bị đầy đủ, Thường vụ tỉnh uỷ trực tiếp phụ trách, thì cũng có thể làm thí điểm một hoặc hai hợp tác xã loại khá để rút kinh nghiệm, nhưng phải bàn trước với Ban Nông nghiệp Trung ương.

4. Tất cả các mặt công tác củng cố hợp tác xã và phát triển sản xuất nông nghiệp ở miền núi đều phải quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền núi, vì vậy tỉnh uỷ, huyện uỷ cần tổ chức nghiên cứu và phổ biến Nghị quyết này đến tận chi bộ, đồng thời có kế hoạch hướng dẫn chặt chẽ việc chấp hành.

Bộ Nông nghiệp và Tổng cục Khai hoang cần có kế hoạch hướng dẫn cho miền núi trong việc củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất và đẩy mạnh công tác nhân dân khai hoang. Ban Nông nghiệp Trung ương cần có kế hoạch hướng dẫn điều tra tình hình và tiến hành thí điểm để chuẩn bị cho cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN CHÍ THANH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 76-NQ/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1963

### **Về vai trò và nhiệm vụ của công đoàn trong sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội**

Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, đồng thời quyết định tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với phong trào công nhân và "nâng cao vị trí của công đoàn trong mọi mặt hoạt động xã hội theo đúng Luật Công đoàn, làm cho công đoàn thực sự trở thành trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, trường học của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản".

Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định: "Công đoàn các cấp có trách nhiệm giáo dục, tổ chức công nhân, viên chức hăng hái thi đua hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước cùng với các cơ quan Nhà nước tổ chức thực hiện việc cải thiện đời sống vật chất, văn hoá và nâng cao trình độ về mọi mặt của công nhân, viên chức; phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa công đoàn và các cơ quan quản lý kinh tế, quản lý công nghiệp. Công đoàn phải hướng toàn bộ hoạt động của mình vào mục tiêu

phấn đấu "tất cả cho sản xuất, cho thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa".

Thi hành những nghị quyết trên, Ban Bí thư ra bản Nghị quyết về vai trò và nhiệm vụ của công đoàn trong sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm xác định rõ quan điểm về công tác công đoàn trong giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, quy định cụ thể nội dung công tác và phạm vi trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong quan hệ với cơ quan Nhà nước, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với công đoàn, phát huy đầy đủ tác dụng của công đoàn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

### I- VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CHUNG CỦA CÔNG ĐOÀN

Giai cấp công nhân Việt Nam, mặc dầu bé nhỏ về số lượng, đã dũng cảm chiến đấu và làm tròn nhiệm vụ lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng. Sau cuộc Cách mạng Tháng Tám đến nay, Công đoàn Việt Nam từ một tổ chức của những người lao động bị áp bức bóc lột đã trở thành một tổ chức rộng lớn của giai cấp công nhân đang cùng các tầng lớp nhân dân nắm quyền làm chủ Nhà nước của mình. Công đoàn có cơ sở tổ chức ở khắp các ngành hoạt động xã hội: nhà máy, hầm mỏ, công trường, nông trường, lâm trường, bệnh viện, trường học, cửa hàng và các cơ quan hành chính, sự nghiệp khác.

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng ta, công đoàn đã vận động, tổ chức công nhân, viên chức cùng các tầng lớp nhân dân tích cực đấu tranh đánh đổ đế quốc, phong kiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được nhiều thành tích. Nội dung công tác và hệ thống tổ chức của công đoàn ngày càng được phát triển và củng cố. Nhưng trước yêu cầu của giai đoạn

cách mạng mới, tác dụng của công đoàn trong sản xuất và công tác, trong đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức chưa được phát huy đầy đủ: mối liên hệ quần chúng của công đoàn chưa được tăng cường đúng mức.

Ngày nay, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, truyền thống đấu tranh và vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân càng cần phải được đề cao. Công đoàn nằm trong hệ thống của nền chuyên chính dân chủ nhân dân, làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, có nhiệm vụ và quyền hạn tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tham gia xây dựng và quản lý kinh tế, đồng thời cùng các cơ quan Nhà nước chăm lo việc cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức.

Trong khi nước ta còn tạm thời bị chia cắt do đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng gây ra, công đoàn có trách nhiệm không ngừng phấn đấu góp phần vào công cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam là một bộ phận mật thiết của phong trào công nhân và của tổ chức công đoàn thế giới, có nhiệm vụ cùng giai cấp công nhân và các dân tộc trên thế giới đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chủ nghĩa đế quốc, đấu tranh cho độc lập của các dân tộc, cho quyền lợi của giai cấp công nhân, cho tiến bộ xã hội và cho chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, công đoàn phải ra sức vận động, tổ chức đông đảo công nhân, viên chức quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp, góp phần phát triển nông nghiệp, cùng toàn dân đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, trước mắt là hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Nền công nghiệp và nền kinh tế quốc dân phát triển mạnh mẽ làm cho đội ngũ lao động chân tay và trí óc được tăng

cường mau chóng; giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh lên và là lực lượng quyết định đối với sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Nhưng do sự phát triển nhanh về số lượng, đông đảo quần chúng lao động không khỏi còn có những nhược điểm cần phải khắc phục: lập trường giai cấp chưa thật vững vàng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa chưa thật sâu sắc, ý thức tổ chức và kỷ luật lao động chưa thật chặt chẽ, trình độ văn hoá, kỹ thuật và nghề nghiệp còn thấp, năng suất lao động chưa cao; cho nên *nhiệm vụ hàng đầu của tổ chức công đoàn là giáo dục nâng cao trình độ công nhân, viên chức về mọi mặt, tổ chức đông đảo công nhân, viên chức ra sức đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tham gia quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước*, góp phần với Đảng và Nhà nước *xây dựng một đội ngũ lao động vững mạnh về chính trị, về tổ chức và kỷ luật, có kiến thức văn hoá, khoa học, kỹ thuật ngày càng cao và giỏi nghề*.

Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang ấy, công đoàn phải lấy phương pháp vận động quần chúng làm nguyên tắc căn bản nhất, phải thu hút, tổ chức được đông đảo công nhân, viên chức tích cực tham gia các mặt hoạt động của mình, làm cho công tác công đoàn ngày càng ăn sâu vào đời sống của quần chúng. Công đoàn phải thông qua việc vận động sản xuất và công tác hàng ngày mà giáo dục, cải tạo, rèn luyện, tập dượt công nhân, viên chức không ngừng nâng cao tinh thần yêu nước và giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao dần từng bước năng lực về trình độ quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế. Làm như vậy, công đoàn mới thật sự là trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, là trường học của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của giai cấp công nhân.

Công đoàn và cơ quan Nhà nước đều thực hiện một nhiệm vụ chung là hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cho nên phải nhất trí với nhau, phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong hành động. Cơ quan Nhà nước là người trực tiếp quản lý kinh tế, quản lý công nghiệp, phải dựa vững chắc vào công đoàn, tức là dựa vào quần chúng

công nhân, viên chức, không ngừng phát huy tính tích cực của quần chúng để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý ấy. Công đoàn phải là người cộng tác đặc lực của cơ quan Nhà nước, phải thiết thực tham gia quản lý kinh tế, quản lý công nghiệp. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và sau này tiến lên chủ nghĩa cộng sản, công đoàn sẽ dần dần trực tiếp đảm nhận ngày càng nhiều những nhiệm vụ công tác cụ thể của Nhà nước giao cho. Công đoàn phải tích cực phát huy tính chủ động của mình; cơ quan Nhà nước phải hết sức giúp đỡ công đoàn để thực hiện tốt những nhiệm vụ đó; phải coi trọng hoạt động của công đoàn trong nhiều mặt công tác của Nhà nước.

Công đoàn là sợi dây chuyên giữa Đảng và quần chúng lao động; công tác công đoàn là công tác quần chúng của Đảng, Đảng ta phải thông qua tổ chức công đoàn để tổ chức, đoàn kết đông đảo lao động xung quanh Đảng, không ngừng củng cố lực lượng tiên phong trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Muốn đưa nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên có một nền công nghiệp hiện đại, một nền nông nghiệp hiện đại, một nền văn hoá và khoa học tiên tiến, xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, Đảng ta phải dựa vững chắc vào chính quyền nhân dân và các đoàn thể quần chúng. Vì vậy, đi đôi với việc củng cố chính quyền nhân dân, các cấp uỷ Đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác công đoàn; phải không ngừng nâng cao năng lực hoạt động của công đoàn, phát huy vai trò của công đoàn trong mọi hoạt động của xã hội.

## II- NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CỤ THỂ CỦA CÔNG ĐOÀN

1. Công đoàn đối với việc vận động công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế, đẩy mạnh sản xuất

Nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đòi hỏi một mặt phải không ngừng nâng cao trình độ quản lý kinh tế của cơ quan Nhà nước trong các xí nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ giám đốc là người chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý xí nghiệp, quản lý sản xuất; mặt khác phải tích cực phát huy vai trò và tác dụng của công đoàn trong việc tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế, trong việc nâng cao trình độ kỹ thuật và nghề nghiệp của công nhân, viên chức.

Phải làm cho phong trào thi đua yêu nước là phong trào cách mạng của quần chúng, có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ việc nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất phát triển, hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước.

a) *Vận động tổ chức công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế.*

Công đoàn các cấp cần đi sâu vào sản xuất, đi sâu vào quần chúng, dựa vào tình hình phong trào quần chúng mà tham gia thiết thực vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước. Các kế hoạch của xí nghiệp cần được công đoàn tham gia ý kiến ngay từ khi mới sơ thảo; khi đưa lên cấp trên thông qua, cần phải có sự nhất trí của công đoàn cơ sở; cần thực hiện từng bước việc đại diện công đoàn và giám đốc xí nghiệp cùng ký vào văn bản kế hoạch của cơ sở.

Công đoàn phải giáo dục công nhân, viên chức chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của giám đốc và của những người chỉ huy sản xuất, đồng thời giáo dục, tổ chức công nhân, viên chức thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của mình theo đúng chế độ quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa; "thủ trưởng

phụ trách quản lý xí nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ xí nghiệp, công nhân tham gia quản lý".

Công đoàn phải tổ chức thực hiện tốt chế độ hội nghị đại biểu công nhân, viên chức; cùng với giám đốc xí nghiệp ký kết và thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng tập thể. Hợp đồng tập thể phải được đưa ra hội nghị đại biểu công nhân, viên chức thảo luận và thông qua.

Công đoàn phải tích cực tham gia cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu".

Các cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật ở xí nghiệp cần tham gia hoạt động công đoàn tùy theo điều kiện công tác của mình. Trong việc cất nhắc, đề bạt cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ở cơ sở, cần có ý kiến tham gia của công đoàn cơ sở.

*b) Tổ chức phong trào thi đua yêu nước của công nhân, viên chức*

Công đoàn phải là nơi tập hợp đông đảo quần chúng thi đua thúc đẩy sản xuất phát triển và xây dựng con người mới.

Công đoàn phải phối hợp với cơ quan quản lý xí nghiệp đề ra nhiệm vụ, phương hướng và biện pháp tổ chức phong trào thi đua của công nhân, viên chức, dùng các hình thức quần chúng để không ngừng mở rộng cuộc vận động hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, đẩy mạnh phong trào phấn đấu trở thành tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa.

Công đoàn vận động quần chúng phát huy sáng kiến, săn sóc việc kịp thời xác minh, phổ biến và hướng dẫn áp dụng rộng rãi những sáng kiến và kinh nghiệm sản xuất tiên tiến của quần chúng. Chú trọng hướng dẫn quần chúng tích cực thực

hành tiết kiệm trong sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành đi đôi với việc bảo đảm kỹ thuật và chất lượng của sản phẩm, thực hiện một cách quán triệt phương châm thi đua "nhanh, nhiều, tốt, rẻ". Phải giáo dục, tổ chức quần chúng tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa, đề cao cảnh giác cách mạng, bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, đề cao ý thức bảo vệ của công.

Công đoàn cùng với cơ quan Nhà nước tổ chức việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, hướng dẫn quần chúng lựa chọn các lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua, anh hùng lao động, các tổ, đội lao động tiên tiến, các tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, các đơn vị điển hình, khen thưởng thích đáng và kịp thời thành tích của quần chúng.

Công đoàn phải thường xuyên rút kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm tổ chức vận động thi đua, làm cho phong trào thi đua của công nhân, viên chức ngày càng phát triển sâu rộng, đạt được hiệu quả kinh tế thiết thực, cụ thể.

Công đoàn phải phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên Lao động để phát huy vai trò xung kích của lực lượng thanh niên trong phong trào thi đua của công nhân, viên chức.

Các ngành chuyên môn trong khi thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch, quản lý kỹ thuật, phải có trách nhiệm phụ trách đối với phong trào thi đua của quần chúng; phải dựa vào công đoàn, phối hợp chặt chẽ với công đoàn tổ chức phong trào thi đua cho tốt dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ.

*2. Công đoàn đối với việc chăm lo đời sống của công nhân, viên chức*

Công đoàn phải luôn luôn thiết tha chăm sóc việc cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức.

Trong khi cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế nước ta còn yếu, những khó khăn trong đời sống của nhân dân vẫn còn tồn tại một thời gian nhất định; công đoàn phải ra sức giáo dục công nhân, viên chức nhận rõ việc phát triển sản xuất là điều kiện cơ bản nhất để cải thiện không ngừng đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân ta; do đó phải không ngừng nâng cao tinh thần phấn đấu gian khổ, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh để tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất.

Công đoàn tham gia với các cơ quan Nhà nước xây dựng các chính sách, luật lệ lao động thích hợp với tình hình từng thời gian và giám sát việc thực hiện những chính sách và luật lệ đó. Công đoàn phải có đại diện trong các hội đồng giá cả, trong các tổ chức phân phối lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho công nhân, viên chức, cùng với cơ quan quản lý xí nghiệp tổ chức quản lý mọi mặt hoạt động về đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức.

#### a) Về tiền lương

Công đoàn có trách nhiệm và quyền hạn tham gia công tác tiền lương của các cơ quan Nhà nước từ cơ sở đến trung ương. Công đoàn phải phổ biến chính sách và giáo dục tư tưởng cho công nhân, viên chức, tập hợp ý kiến quần chúng xây dựng các chế độ tiền lương. Các cơ quan Nhà nước khi xây dựng các chế độ tiền lương, cần phải có sự tham gia của công đoàn; khi quyết định và thực hiện các chế độ đó phải thảo luận và phối hợp chặt chẽ với công đoàn.

Công đoàn phải đặc biệt chú trọng việc phối hợp với cơ quan Nhà nước thực hiện tốt chế độ lương theo sản phẩm nhằm đạt được yêu cầu khuyến khích quần chúng phấn khởi sản xuất, tăng năng suất lao động, bảo đảm tốt chất lượng sản phẩm; đồng thời bảo đảm thăng bằng quỹ tiền lương của Nhà nước.

#### b) Về bảo hiểm xã hội

Công đoàn được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý quỹ và toàn bộ sự nghiệp bảo hiểm xã hội của công nhân, viên chức, phải tổ chức thực hiện tốt, đồng thời có trách nhiệm nghiên cứu đề nghị xây dựng bổ sung chính sách *bảo hiểm xã hội*.

#### c) Về bảo hộ lao động

Công đoàn có trách nhiệm cùng với cơ quan quản lý xí nghiệp thi hành triệt để Luật bảo hộ lao động của Nhà nước.

Công đoàn phải tuyên truyền, giáo dục và tổ chức công nhân tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, luật bảo hộ lao động. Công đoàn cơ sở, với hệ thống an toàn viên lao động, có quyền giám sát việc thực hiện bảo hộ lao động của cơ quan, quản lý xí nghiệp.

Công đoàn phải nghiên cứu điều kiện làm việc của công nhân, viên chức, và xuất phát từ điều kiện khách quan cụ thể của ta để đề nghị với cơ quan Nhà nước xây dựng bổ sung các chế độ, luật về an toàn lao động, về vệ sinh công nghiệp và về an toàn kỹ thuật.

Công đoàn tổ chức hệ thống kiểm tra việc chấp hành các luật và chế độ bảo hộ lao động. Công đoàn phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan Nhà nước để tổ chức kiểm tra thường xuyên về bảo hộ lao động. Các cán bộ kiểm tra bảo hộ lao động của

công đoàn có trách nhiệm và quyền hạn do Nhà nước quy định.

Cơ quan quản lý xí nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành các thể lệ về an toàn lao động và an toàn kỹ thuật, phải coi trọng ý kiến của công đoàn. Trong trường hợp không thống nhất ý kiến thì phải đưa lên cấp trên của công đoàn, các cơ quan thanh tra lao động và của ngành chuyên môn để giải quyết.

*d) Về quỹ xí nghiệp và các mặt phúc lợi khác của quần chúng*

Giám đốc xí nghiệp là người quản lý quỹ xí nghiệp và các khoản tiền chi về phúc lợi của xí nghiệp. Công đoàn có trách nhiệm cùng với giám đốc xí nghiệp bàn bạc cách sử dụng, và giám sát việc sử dụng các khoản tiền ấy. Về phần phúc lợi của quỹ xí nghiệp, công đoàn có trách nhiệm chính trong việc đặt kế hoạch sử dụng. Phải thực hiện việc đưa ra Hội nghị đại biểu công nhân, viên chức thảo luận và thông qua kế hoạch sử dụng quỹ xí nghiệp và các khoản chi về phúc lợi. Công đoàn phụ trách xét duyệt các khoản tiền cứu tế của xí nghiệp trợ cấp cho công nhân, viên chức gặp khó khăn.

Công đoàn phải quản lý tốt công tác nhà trẻ, tham gia quản lý tốt các nhà ăn tập thể, phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý xí nghiệp, lo tính việc mở rộng các mặt phúc lợi tập thể của công nhân, viên chức. Phải luôn luôn quan tâm đến các vấn đề ăn, ở, mặc, ngủ của công nhân, viên chức, đặc biệt phải săn sóc những gia đình đông con, có nhiều khó khăn.

Công đoàn phải tích cực hướng dẫn tổ chức công nhân, viên chức trồng trọt, chăn nuôi để tự cải thiện đời sống của mình.

*3. Công đoàn đối với việc giáo dục công nhân, viên chức*

Công đoàn phải phát huy truyền thống cách mạng kiên cường và triệt để, tinh thần lao động cần cù, dũng cảm và sáng tạo của giai cấp công nhân, không ngừng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức tổ chức và kỷ luật lao động, bồi dưỡng tinh thần quốc tế vô sản kết hợp với tinh thần yêu nước nồng nàn của công nhân, viên chức.

Công đoàn có trách nhiệm cùng các cơ quan tuyên huấn của Đảng đề ra và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục chính trị và tư tưởng cho công nhân, viên chức theo yêu cầu và nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời gian.

Công đoàn phải kết hợp với cơ quan quản lý xí nghiệp, tổ chức các lớp học tại chức ngoài giờ làm việc để bổ túc văn hoá, bổ túc kỹ thuật và nghiệp vụ, nâng cao kiến thức khoa học cho công nhân, viên chức, góp phần thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề.

Công đoàn phụ trách quản lý toàn bộ hoạt động văn hoá, văn nghệ quần chúng và phong trào thể dục thể thao trong công nhân, viên chức, có sự phối hợp của cơ quan quản lý xí nghiệp và dựa vào Đoàn Thanh niên Lao động.

*4. Công đoàn đối với công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà*

Đấu tranh thống nhất nước nhà là sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân ta. Giai cấp công nhân ta ở miền Bắc cần phải phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; đồng thời phải tích cực ủng hộ đồng bào miền Nam đang trực tiếp đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm, giải phóng miền Nam Việt Nam, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Công đoàn có nhiệm vụ thường xuyên tuyên truyền những thắng lợi của cuộc đấu tranh vô cùng anh dũng của đồng bào miền Nam; giáo dục công nhân, viên chức nâng cao lòng yêu nước, yêu đồng bào miền Nam ruột thịt, nâng cao tinh thần cảnh giác, nung nấu chí căm thù địch, lấy đó làm động cơ thúc đẩy phong trào thi đua sản xuất và công tác trong các ngành.

Công đoàn phải vận động công nhân, viên chức tổ chức những cuộc đấu tranh kiên quyết chống đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam; chống những hành động dã man của bè lũ Mỹ - Diệm tàn sát đồng bào ta ở miền Nam; vạch trần âm mưu thâm độc của chúng nhằm phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ, chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa của đế quốc Mỹ.

Công đoàn tổ chức các hình thức quần chúng kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ đấu tranh thống nhất với nhiệm vụ thi đua đẩy mạnh sản xuất và công tác hàng ngày như "Ngày thứ bảy đẩy mạnh sản xuất đấu tranh thống nhất" và nhiều hình thức khác.

### III- NHIỆM VỤ Củng cố và Phát triển Tổ chức Công đoàn

Để có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ kể trên, tổ chức công đoàn phải được củng cố và phát triển vững mạnh.

1. Việc chấn chỉnh và củng cố tổ chức công đoàn *trước hết phải là chấn chỉnh và củng cố mối liên hệ mật thiết với quần chúng lao động*; phải đề cao dân chủ nội bộ, đề cao phê bình, tự phê bình và kiên quyết chống những hiện tượng quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, xa rời sản xuất.

Công đoàn cần tăng cường hơn nữa công tác phát triển đoàn viên, phải thu hút được đại bộ phận công nhân, viên chức vào tổ chức công đoàn.

2. Cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện mọi nhiệm vụ công tác của Đảng và Nhà nước, cho nên song song với việc củng cố cơ quan quản lý xí nghiệp, *phải rất coi trọng củng cố công đoàn cơ sở*.

Nội dung chủ yếu của việc củng cố công đoàn cơ sở là củng cố và tăng cường công tác công đoàn ở các tổ, đội sản xuất và công tác, phải luôn luôn mở rộng và tăng cường tổ chức mạng lưới phân tử tích cực tham gia hoạt động công đoàn không thoát ly sản xuất; làm sao cho thông qua hoạt động của công đoàn mà quần chúng tự rèn luyện được mình, tập dượt nâng cao dần được trình độ quản lý xí nghiệp, quản lý đời sống của mình. Công tác công đoàn cơ sở phải thật sự có tác dụng tích cực đối với việc đẩy mạnh sản xuất, đối với việc giáo dục và việc cải thiện sinh hoạt cho công nhân, viên chức.

Đi đôi với việc củng cố công đoàn cơ sở phải chú trọng kiện toàn và củng cố cơ quan chỉ đạo của công đoàn các cấp; phải tích cực cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, cải tiến sự chỉ đạo thực hiện công tác; phải chống bệnh quan liêu, giấy tờ, phải kiên quyết tránh hội họp nhiều, ảnh hưởng đến sản xuất và sức khỏe của cán bộ và quần chúng. Công đoàn các cấp phải thường xuyên tổ chức việc kiểm tra công tác ở cơ sở.

Công đoàn phải nêu cao tinh thần quyết tâm vươn lên hàng đầu, khắc phục những biểu hiện của tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi, ỷ lại, ra sức củng cố tổ chức, làm cho năng lực hoạt động

của tổ chức công đoàn được nâng cao kịp với yêu cầu của nhiệm vụ công tác ngày càng nặng hơn và mở rộng.

3. Phải đào tạo hàng loạt cán bộ công đoàn có trình độ văn hoá và kỹ thuật, có năng lực quản lý kinh tế, quản lý lao động, nắm vững phương pháp vận động quần chúng để bảo đảm đủ cán bộ phụ trách các cơ sở đã có, chuẩn bị đầy đủ cho những cơ sở đang được và sẽ được xây dựng. Công đoàn còn có trách nhiệm cung cấp cán bộ cho Đảng và Nhà nước từ trong phong trào quần chúng mà ra. Tổng công đoàn phải có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ công đoàn một cách có hệ thống.

4. Công đoàn phải đặc biệt chú ý giáo dục công nhân, viên chức luôn đề cao ý thức công nông liên minh, tích cực phục vụ sản xuất nông nghiệp; phải có những hoạt động cụ thể để thiết thực giúp đỡ nông dân và các hợp tác xã nông nghiệp trong công tác quản lý, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp; phải phát triển phong trào kết nghĩa chặt chẽ giữa các xí nghiệp, công trường, cơ quan, v.v. với các hợp tác xã nông nghiệp.

Công đoàn phải chú ý công tác vận động trí thức, nhằm tăng cường đoàn kết chặt chẽ lao động chân tay và trí óc; phải giúp đỡ những người trí thức không ngừng nâng cao quan điểm, lập trường giai cấp vô sản, đi sâu vào sản xuất và cuộc sống, đi sâu vào khoa học, kỹ thuật, phát huy đầy đủ khả năng của mình phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Công đoàn phải chủ động phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ trong việc giáo dục và bồi dưỡng lực lượng phụ nữ lao động.

Phải chú ý hơn nữa việc chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác vận động nữ công nhân, viên chức; phải chú trọng việc động viên chị em hăng hái tham gia sản xuất, chú trọng việc giải quyết các quyền lợi của phụ nữ và thiếu niên nhi đồng; chú trọng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phụ nữ trong phong trào công nhân.

Công đoàn cần phải quan tâm bồi dưỡng lớp công nhân trẻ, phát huy vai trò và tác dụng xung kích của thanh niên trong sản xuất và trong mọi mặt hoạt động khác, đồng thời quan tâm đến các yêu cầu về quyền lợi của tuổi trẻ, như: học tập nghề nghiệp, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đời sống. Công đoàn phải coi trọng hoạt động của Đoàn Thanh niên Lao động, chủ động phối hợp với các cấp của Đoàn, thường xuyên bàn bạc để thống nhất hoạt động, thiết thực giúp đỡ phương tiện và ủng hộ các công tác do Đoàn đề ra nhằm đẩy mạnh công tác chung ở cơ sở.

#### IV- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN

Các cấp uỷ đảng cần tăng cường lãnh đạo toàn diện công tác công đoàn, căn cứ theo đường lối, chính sách của Trung ương Đảng và nhiệm vụ, phương hướng công tác công đoàn của Tổng Công đoàn Việt Nam.

Các cấp uỷ Đảng phải sử dụng tổ chức công đoàn để tiến hành tốt các mặt công tác của Đảng trong công nhân, viên chức, tránh tình trạng Đảng bao biện công tác công đoàn. Đảng phải thông qua công đoàn để thu thập ý kiến và

nguyện vọng quần chúng, giáo dục, rèn luyện họ ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách cách mạng của Đảng.

Phải chú trọng hướng dẫn việc thi hành Luật Công đoàn và những điều đã được Đảng và Nhà nước quy định về vai trò nhiệm vụ của công đoàn. Các cấp uỷ Đảng cần định kỳ nghe báo cáo của các cấp công đoàn, nhận định và bổ khuyết công tác của công đoàn, hướng dẫn công đoàn thực hiện tốt công tác. Các cấp uỷ Đảng cần lãnh đạo các ngành chuyên môn dựa vào tổ chức công đoàn, phối hợp chặt chẽ với công đoàn trong mọi mặt công tác và tạo các điều kiện thuận tiện cho công đoàn hoạt động được tốt. Các cấp uỷ Đảng phải là người kết hợp được mối liên hệ mật thiết trong công tác hàng ngày giữa chính quyền, công đoàn và đoàn thanh niên lao động. Các đảng viên của Đảng ở các cơ sở xí nghiệp, cơ quan đều phải là người tích cực tham gia công đoàn hoặc các tổ chức quần chúng khác.

Các cấp uỷ Đảng cần lãnh đạo việc sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn và thực hiện tốt chính sách cán bộ của Đảng đối với cán bộ công đoàn.

Cấp uỷ Đảng muốn điều động cán bộ chuyên trách hoạt động công đoàn, cần có sự bàn bạc với công đoàn cùng cấp và cấp trên; đối với các uỷ viên chấp hành công đoàn đã được

Đại hội quần chúng bầu ra thì nhất thiết không được điều động nếu không được sự đồng ý của Tổng Công đoàn và công đoàn các cấp.

\*  
\*   \*

Các cấp uỷ Đảng, Đảng đoàn Tổng Công đoàn và các ban, các Đảng đoàn các ngành có trách nhiệm nghiên cứu kỹ và triệt để thực hiện Nghị quyết này; những điều cần có quy định của Nhà nước thì sẽ do các cơ quan Nhà nước ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 77-NQ/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1963

**Về vấn đề tổng kết kinh nghiệm lịch sử  
của Đảng**

Căn cứ vào Nghị định của Đại hội Đảng lần thứ III giao cho Ban Chấp hành Trung ương tổ chức việc tổng kết kinh nghiệm hơn 30 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Căn cứ vào đề nghị của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng trực thuộc Trung ương,

Hội nghị Bộ Chính trị ngày 9 tháng 3 năm 1963 quyết định tiến hành việc tổng kết những kinh nghiệm lớn của Đảng để kịp báo cáo trước Đại hội Đảng lần thứ IV.

Những vấn đề cần tổng kết là:

- 1- Xô viết Nghệ - Tĩnh,
- 2- Cách mạng Tháng Tám,
- 3- Cải cách ruộng đất,
- 4- Xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang,
- 5- Mặt trận dân tộc thống nhất,

6- Chuyên chính dân chủ nhân dân,

7- Xây dựng Đảng.

Tổng kết kinh nghiệm lịch sử của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng. Chỉ trên cơ sở tổng kết những bài học lớn của Đảng mới có thể nâng cao trình độ lãnh đạo và công tác của toàn Đảng và biên soạn tốt cuốn Lịch sử Đảng. Vì vậy, các ngành sau đây có trách nhiệm giúp Trung ương tổng kết những vấn đề nói trên:

- Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng trực thuộc Trung ương tổng kết các vấn đề: Xô viết Nghệ - Tĩnh, Cách mạng Tháng Tám, nghiên cứu và đề nghị bổ sung bản tổng kết về cải cách ruộng đất.

- Quân uỷ Trung ương tổng kết vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang.

- Ban Mặt trận Trung ương tổng kết vấn đề Mặt trận Dân tộc thống nhất.

- Đảng đoàn Chính phủ tổng kết vấn đề chuyên chính dân chủ nhân dân.

- Ban Tổ chức Trung ương tổng kết vấn đề xây dựng Đảng. Để tiến hành tốt công tác tổng kết này, các cơ quan nói trên cần liên hệ mật thiết với nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng có nhiệm vụ dự thảo kế hoạch chung về tổng kết những vấn đề nói trên và thảo luận với các ngành hữu quan để thống nhất về mục đích, yêu cầu, phương châm, phương pháp tiến hành tổng kết kinh nghiệm về những vấn đề đó.

Đến tháng 9 năm 1964, mỗi ngành đã phải tổng kết xong vấn đề của mình để đúc thành báo cáo tổng kết chung

trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và thông qua, rồi sau đó sẽ trình Đại hội lần thứ IV của Đảng phê chuẩn.

Nhận được Nghị quyết này, các ngành được giao trách nhiệm cần thảo luận ngay và định ra kế hoạch tổ chức thực hiện của mình rồi báo cáo cho Bộ Chính trị biết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 47-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1963

### **Bàn về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1963 của ngành Tòa án nhân dân**

Sau khi nghe Đảng đoàn Tòa án nhân dân Tối cao báo cáo tình hình công tác năm 1962 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1963, Ban Bí thư đã có những nhận xét và quyết định như sau:

#### **I- NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ THÀNH TÍCH CÔNG TÁC CỦA NGÀNH TOÀ ÁN TRONG NĂM 1963**

Tuy hiện nay còn một số khó khăn là các cấp uỷ chưa chú ý đầy đủ đến công tác Tòa án và Nhà nước ta chưa có đủ luật pháp, chưa có chế độ xét xử cụ thể, nhưng năm 1962 ngành Tòa án đã có một số tiến bộ: việc xét xử đã kịp thời và đúng đắn hơn trước, đã góp phần bảo đảm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ; góp phần giữ gìn trật tự an ninh chung.

Tuy nhiên, tình hình thụ lý và xét xử trong năm 1962 chưa nói lên được thực trạng của xã hội, chưa phân tích được sâu sắc nguyên nhân của từng loại tội phạm, qua đó rút ra những kết luận có tính chất quy luật để có những đề nghị cần thiết về đường lối, chính sách, luật pháp; chưa đi sâu phân tích rõ khuynh hướng tư tưởng của ngành ("tả" hoặc hữu khuynh) để có phương hướng và yêu cầu giáo dục cán bộ được sát đúng.

Hiện nay còn có tình trạng các cấp và các ngành hữu quan (kể cả ngành Toà án) chưa bảo đảm đầy đủ cả hai mặt chuyên chính và dân chủ của chính quyền ta. Chuyên chính đối với kẻ thù còn chưa mạnh, chưa trừng trị thật nghiêm bọn phản cách mạng, gián điệp, v.v. bọn chống đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta; nhiều vụ tham ô lớn hoặc phá hoại kinh tế một cách nghiêm trọng cũng chưa bị truy tố xét xử. Về mặt bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân cũng chưa được coi trọng. Những hành vi của cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước xâm phạm đến quyền dân chủ của nhân dân, nhất là ở cấp xã và khu phố, chưa được xử lý thích đáng. Chẳng những thế, có trường hợp còn lẫn lộn giữa những kêu ca phàn nàn của nhân dân trước những sai lầm của cán bộ trong việc chấp hành chính sách của Đảng với những luận điệu phản tuyên truyền của địch, dẫn đến việc xử lý nhầm cả quần chúng không có tội.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CỦA NGÀNH TOÀ ÁN NĂM 1963

Là một công cụ chuyên chính của Đảng và Nhà nước, cùng với các cơ quan chuyên chính khác, ngành Toà án theo chức năng của mình, phải góp phần bảo đảm tốt cả hai mặt chuyên chính và dân chủ của chính quyền dân chủ nhân dân; mặt khác do tình hình, nhiệm vụ chung của

năm 1963 đòi hỏi ngành Toà án cần làm tốt những nhiệm vụ công tác sau đây:

1. Đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, đặc biệt là bọn gián điệp, biệt kích tay sai của Mỹ - Diệm; với loại tội phạm này, cần xử lý kịp thời và kiên quyết để phục vụ tốt yêu cầu chính trị chung.

2. Đấu tranh chống phá hoại kinh tế. Phải nghiêm trị những phần tử gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, của tập thể, phục vụ tốt hai cuộc vận động: "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" và "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc".

3. Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, đặc biệt phải nghiêm trị tội giết người, tội hiếp dâm trẻ em.

Trong khi xét xử cần chú ý: hiện nay ta chưa có đủ luật pháp, chưa có chế độ xét xử cụ thể, nên một mặt phải dựa vào luật pháp đã có, mặt khác phải vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, phải điều tra nghiên cứu kỹ càng để việc xét xử được thận trọng, khách quan, nhất là ở miền núi. Đối với những trường hợp vì nguyên nhân nào đó mà đã xử sai thì phải kiên quyết sửa lại.

4. Xây dựng, tuyên truyền, phổ biến luật pháp: thông qua công tác xét xử mà phát hiện những thiếu sót cần bổ sung về luật pháp; cùng với các ngành liên quan xây dựng những luật pháp cần thiết, đồng thời phối hợp với các ngành, tận dụng mọi hình thức, làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến luật pháp nhằm dần dần nâng cao sự hiểu biết và ý thức tôn trọng luật pháp của cán bộ và nhân dân.

5. Tăng cường và củng cố đội ngũ cán bộ của ngành Toà án: cần có chương trình, kế hoạch bồi dưỡng thiết thực cho cán bộ trong ngành, một mặt cần bồi dưỡng về nguyên tắc pháp lý xã hội chủ nghĩa, nhưng mặt *chủ yếu là phải làm cho cán bộ nắm thực tiễn của ta*, phải tổng kết kinh nghiệm xét xử, rút được những kết luận thiết thực để giáo dục cho cán bộ.

Cần lãnh đạo chặt việc giảng dạy ở trường tư pháp và việc vận dụng pháp lý sau khi học. Chuẩn bị điều kiện để tiến tới ta phụ trách lấy việc giảng dạy ở trường tư pháp.

Ngành Toà án cần được tăng cường một số cán bộ có năng lực và trẻ. Đối với số cán bộ tư pháp cũ, số nào đáng cho về hưu thì cho về hưu, số nào yếu về lập trường tư tưởng thì tích cực bồi dưỡng và sử dụng, số nào không tiến bộ, lại có biểu hiện chống đối thì xử lý thích đáng. Việc tổ chức Hội luật sư cần có sự chuẩn bị tốt và có sự tham gia ý kiến đầy đủ của các ngành hữu quan.

6. Cải tiến quan hệ công tác giữa các ngành Toà án, Kiểm sát, Công an: ngành Toà án cần góp phần tích cực trong việc xây dựng quan hệ công tác với các ngành công an và kiểm sát. Để phối hợp công tác giữa ba ngành được chặt chẽ, ngoài việc thành lập một cơ quan của Đảng theo chỉ thị của Bộ Chính trị, hàng năm, cùng một lúc, Ban Bí thư sẽ nghe báo cáo và cho ý kiến về tình hình và nhiệm vụ công tác của cả ba ngành.

T/L BAN BÍ THƯ

PHÓ VĂN PHÒNG

MINH CHÂU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

## THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 116-TT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1963

### Về tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5

#### I- Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH

Năm nay, chúng ta tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 trong tình hình *thế giới* vẫn phát triển theo chiều hướng ngày càng có lợi cho hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phe xã hội chủ nghĩa tiếp tục đạt những thành tích vĩ đại mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội; phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, Mỹ latinh giành thêm những thắng lợi mới; phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản càng thêm sôi nổi.

*Trong nước*, nhân dân ở *miền Bắc* đã đạt được những thành tích to lớn trong hai năm đầu thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất mà Quốc hội sắp chính thức thông qua. Giai cấp công nhân, nông dân, lao động trí óc và mọi người lao động miền Bắc đang hăng hái tiến lên trên con đường công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào thi

đưa yêu nước, quyết tâm hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1963, xây dựng miền Bắc vững mạnh; làm cơ sở cho cuộc đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà. Ở *miền Nam*, mặc dù đế quốc Mỹ và bè lũ Ngô Đình Diệm ra sức càn quét và dùng mọi thủ đoạn dã man, thâm độc, 14 triệu đồng bào ta vẫn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, chiến đấu vô cùng anh dũng và liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn về mọi mặt.

Trong tình hình đó, ngày 1-5 năm nay ở nước ta sẽ là ngày:

1. Nêu cao những thắng lợi to lớn của nhân dân ta ở miền Bắc trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hoá, cổ vũ giai cấp công nhân, nông dân và toàn thể nhân dân lao động phát huy hơn nữa truyền thống đoàn kết chặt chẽ, lao động dũng cảm, nâng cao lòng tự hào giai cấp, tự hào dân tộc, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; nâng cao ý thức làm chủ tập thể, tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà, hăng hái thi đua yêu nước, dũng cảm lao động, khắc phục mọi khó khăn, nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, trình độ văn hoá và kỹ thuật, tích cực thực hiện hai cuộc vận động lớn, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch năm 1963 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà thắng lợi.

2. Cổ vũ giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam bên bờ đấu tranh anh dũng, làm thất bại mọi âm mưu của Mỹ - Diệm, kiên quyết đưa cách mạng giải phóng miền Nam đến hoàn toàn thắng lợi.

3. Nâng cao tinh thần đoàn kết quốc tế của nhân dân ta kết hợp lòng yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa quốc tế vô sản, không ngừng đề cao cảnh giác cách mạng, ý thức củng cố quốc phòng, nâng cao tinh thần chiến đấu, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của bè lũ đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, bảo vệ hoà bình ở Đông Dương, Đông-Nam Á và thế giới.

## II- KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

Kỷ niệm ngày 1-5 năm nay không làm lớn về hình thức, nhưng nội dung cần thiết thực. Cần gây không khí vui tươi, phấn khởi nhưng hết sức tiết kiệm, tránh làm ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và sức khoẻ của quần chúng.

1. Ở trung ương và Hà Nội, các thành phố, thị xã, thị trấn, tổ chức mít tinh lớn do chính quyền chủ trì phối hợp với công đoàn (không làm mô hình, không tuần hành).

2. Ở các xí nghiệp, cơ quan, hợp tác xã, tổ chức mít tinh kết hợp đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

3. Các cơ quan tuyên truyền, báo chí, đài phát thanh cần có kế hoạch tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa, nội dung ngày kỷ niệm, kết hợp tuyên truyền kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sắp được Quốc hội thông qua, và tuyên truyền cho Đại hội đại biểu các tổ lao động xã hội chủ nghĩa toàn miền Bắc lần thứ nhất sắp họp vào tháng 5-1963.

4. Tổng Công đoàn ra Lời hiệu triệu lao động toàn quốc nhân ngày kỷ niệm 1-5.

5. Các ngành văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao cần có kế hoạch phục vụ ngày kỷ niệm (chú trọng những khu tập

trung đông công nhân), chú ý tổ chức các hình thức vui chơi lành mạnh có tính chất quần chúng rộng rãi.

6. Trong dịp kỷ niệm ngày 1-5, cần có kế hoạch bảo vệ các xí nghiệp, cơ quan, kho tàng, doanh trại..., giữ gìn trật tự trị an, nhất là trong các cuộc vui công cộng.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## KHẨU HIỆU KỶ NIỆM NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG 1-5 NĂM 1963

1. Tinh thần ngày Quốc tế lao động 1-5 muôn năm !
2. Nhân dân cả nước, đoàn kết một lòng, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh!
3. Nhiệt liệt chào mừng những thành tích to lớn của nhân dân lao động ở miền Bắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội !
4. Vì hạnh phúc của nhân dân miền Bắc, vì sự nghiệp hoà bình thống nhất nước nhà, toàn dân ra sức phấn đấu cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa thắng lợi !
5. Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, dũng cảm lao động, phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1963, và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất !
6. Anh chị em công nhân hãy ra sức cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, tiến lên đạt những thành tích mới trong công nghiệp!
7. Toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức hãy hăng hái tham gia cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu"!
8. Anh chị em nông dân xã viên hãy nhiệt liệt tham gia cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc", quyết đuổi kịp mức sống trung nông lớp trên!

9. Anh chị em lao động trí óc hãy hăng hái thi đua phát minh, sáng tạo phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng Tổ quốc, phục vụ nhân dân !

10. Nhiệt liệt hoan hô những thắng lợi to lớn của đồng bào miền Nam anh dũng trong cuộc đấu tranh yêu nước chống đế quốc Mỹ và bè lũ bán nước Ngô Đình Diệm !

11. Đả đảo Mỹ - Diệm khủng bố tàn sát, rải chất độc hoá học huỷ hoại mùa màng, giết hại đồng bào yêu nước ở miền Nam Việt Nam !

12. Toàn thể cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an hãy luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tinh thần chiến đấu dũng cảm, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh !

13. Liên hiệp Công đoàn thế giới muôn năm !

14. Tình đoàn kết anh em giữa nhân dân các nước trong phe xã hội chủ nghĩa muôn năm !

15. Vô sản toàn thế giới liên hợp lại ! Tình đoàn kết nhất trí vĩ đại trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới muôn năm !

16. Tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân lao động các nước đang đấu tranh cho hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc, và chủ nghĩa xã hội muôn năm !

17. Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm !

18. Đảng Lao động Việt Nam muôn năm !

19. Hồ Chủ tịch muôn năm !

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 79-NQ/TW, ngày 30 tháng 4 năm 1963

### Về công tác kiểm tra của Đảng

Sau khi nghe báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Chính trị nhận thấy công tác kiểm tra của Đảng trong thời gian gần đây đã có nhiều tiến bộ, thu được một số kết quả trong việc giữ gìn Điều lệ và kỷ luật của Đảng.

Nhưng hiện nay công tác ngày một phát triển mà Ủy ban Kiểm tra các cấp lại chưa được chú ý kiện toàn, nhiệm vụ, quyền hạn chưa được quy định cụ thể, đầy đủ, nên công tác kiểm tra vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của Điều lệ Đảng.

Bởi vậy Bộ Chính trị quyết định một số vấn đề tổ chức sau đây để kiện toàn Ủy ban Kiểm tra các cấp của Đảng:

1. Để kịp thời kiểm tra những trường hợp cấp uỷ và các tổ chức Đảng làm trái Điều lệ, trái kỷ luật Đảng, từ nay Bộ Chính trị uỷ nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương được kiểm tra các cấp uỷ cấp dưới và các tổ chức của Đảng ở các ngành khi cấp uỷ hoặc tổ chức này làm trái Điều lệ, trái kỷ luật của Đảng. Kiểm tra xong phải báo cáo và đề nghị với Trung ương giải quyết. Các khu, thành, tỉnh uỷ có thể

uỷ nhiệm cho Uỷ ban Kiểm tra ở cấp mình được kiểm tra các cấp uỷ huyện, thị trở xuống và tổ chức Đảng ở các ngành xung quanh khu, thành, tỉnh. Kiểm tra xong cũng phải báo cáo và đề nghị với khu, thành, tỉnh uỷ giải quyết. Uỷ ban kiểm tra các cấp không có quyền tự giải quyết những vấn đề đó.

2. Để bước đầu ổn định tổ chức bộ máy của các Uỷ ban Kiểm tra, cần phải tăng thêm số uỷ viên chuyên trách cho các Uỷ ban Kiểm tra các cấp: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương cần phải có 5 uỷ viên chuyên trách; Uỷ ban Kiểm tra khu, thành, tỉnh và Đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải có một số uỷ viên chuyên trách ít nhất từ hai đến ba đồng chí, trong số đó nhất thiết phải có cấp uỷ viên thật sự chuyên trách. Đồng thời bổ sung ngay cho đủ số cán bộ theo biên chế đã định, tạo điều kiện chuyên môn hoá để cán bộ có thể đi sâu vào nghiệp vụ công tác kiểm tra của Đảng.

Các Uỷ ban Kiểm tra huyện, thị, quận, khu phố (thuộc thành phố trực thuộc) phải có một cấp uỷ viên chuyên trách, và tuỳ theo số đảng viên nhiều hay ít mà tuyển thêm từ một đến ba cán bộ giúp việc.

Các Đảng uỷ cơ sở không thành lập Uỷ ban Kiểm tra, nhưng có những Đảng bộ xí nghiệp, cơ quan, số đảng viên có từ 500 trở lên, nếu một cấp uỷ viên làm không hết việc, thì Đảng uỷ có thể chỉ định thêm hai hoặc ba đảng viên được tín nhiệm và có khả năng để cùng đồng chí cấp uỷ viên giúp Đảng uỷ theo dõi việc thi hành kỷ luật đảng viên.

Trên đây, Bộ Chính trị quyết định một số việc mà trong Điều lệ chưa ghi cụ thể. Còn những việc thuộc phạm vi chấp hành

kỷ luật đã nói trong Điều lệ của Đảng thì Uỷ ban Kiểm tra Trung ương sẽ căn cứ vào đó mà nghiên cứu, đề ra phương pháp cụ thể để thông tri hướng dẫn các cấp uỷ Đảng, các Uỷ ban Kiểm tra thực hiện.

Các cấp uỷ Đảng, Uỷ ban Kiểm tra và Ban Tổ chức các cấp thi hành Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 118-TT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 1963

### Về việc đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình

Từ ngày được Quốc hội thông qua và công bố, Luật Hôn nhân và gia đình đã đem lại những kết quả bước đầu:

- Việc thực hiện nguyên tắc hôn nhân tự do và tiến bộ đã có nhiều kết quả tốt. Nạn tảo hôn, cưỡng hôn, lấy vợ lẽ đã giảm đi nhiều. Nguyên tắc một vợ một chồng được nhân dân công nhận là hợp lý. Quyền tự do ly hôn đã giải quyết được nhiều trường hợp hôn nhân phong kiến, bất hợp lý, giải phóng cho nhiều chị em phụ nữ khỏi sự áp bức, ràng buộc.

- Ý thức dân chủ, bình đẳng trong gia đình giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái có tiến bộ, nhất là gia đình cán bộ, công nhân và bộ đội. Việc đánh đập, ngược đãi vợ giảm đi nhiều.

- Luật Hôn nhân và gia đình xây dựng chế độ hôn nhân mới, quan hệ gia đình mới, đạo đức xã hội mới, xoá bỏ những tàn tích phong kiến tư sản, rất phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, có tác dụng thiết thực đối với hạnh

phúc gia đình của quần chúng, bảo đảm quyền lợi chính đáng của phụ nữ và ảnh hưởng tốt đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

Tuy nhiên, tình hình thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình ở các địa phương không đều. Vẫn còn nhiều vụ vi phạm luật xảy ra, thậm chí có những vụ vi phạm luật nghiêm trọng. Trong tình hình vi phạm luật, Trung ương nhận thấy nổi bật hai vấn đề cần phải được chú ý đặc biệt và kịp thời uốn nắn:

1. *Bình đẳng dân chủ trong gia đình chưa thật tốt*, tệ hại nhất là nạn đánh đập ngược đãi vợ con. Trong khi đó, ở một số địa phương, chính quyền không quan tâm đúng mức, chiếu cố vô lý đối với một số phạm pháp nặng.

2. *Quan niệm hôn nhân tự do và tiến bộ còn lệch lạc*, một số nam nữ thanh niên yêu đương không đúng đắn dẫn đi đến hủ hoá, hoang thai và một số vụ ly hôn với lý do không chính đáng, cá biệt có người âm mưu giết hại vợ để lấy vợ khác.

Sở dĩ có tình trạng trên là do những nguyên nhân:

1) Các cấp uỷ đảng chưa nhận rõ hết ý nghĩa của Luật Hôn nhân và gia đình, chưa lãnh đạo chặt chẽ, liên tục với việc tuyên truyền giáo dục, và việc kiểm tra đôn đốc thi hành luật.

2) Công tác tuyên truyền giáo dục trong nhân dân và trong cán bộ, đảng viên chưa tiến hành mạnh mẽ và đầy đủ. Chúng ta mới thực hiện phổ biến luật, chưa tiến hành tuyên truyền giáo dục về quan điểm hôn nhân và gia đình mới một cách thường xuyên. Trên sách báo, trên các tác phẩm văn học và hoạt động nghệ thuật, mới đề cập đến vấn đề đả phá những lễ thói phong kiến, chưa chú trọng đầy đủ mặt xây dựng đạo đức mới, con người mới về hôn nhân và gia đình.

3) Về mặt pháp luật mới có đạo luật chung về hôn nhân và gia đình, chưa có những điều luật cụ thể để xử lý thích đáng những vụ vi phạm luật; đồng thời cơ quan toà án, viện kiểm

sát ở một số địa phương cũng chưa quán triệt tinh thần của đạo luật nên việc xử lý chưa thực hiện nghiêm chỉnh.

4) Trong nhân dân và cán bộ, tư tưởng phong kiến về hôn nhân và gia đình còn nặng và phổ biến. Bên cạnh đó, những tàn dư tư tưởng tư sản, ảnh hưởng của một số phim truyện không hợp với hoàn cảnh Việt Nam và lứa tuổi của người xem, v.v. tạo ra cho một số người nhiều nhận thức lệch lạc và tư tưởng phức tạp, gây trở ngại cho việc thi hành đúng đắn Luật Hôn nhân và gia đình.

Để bổ khuyết tình hình trên đây, Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ, Đảng đoàn các ngành, các giới hết sức quan tâm tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, kiểm tra việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đạo luật đó được thật sự có tác dụng là đạo luật cách mạng đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

#### 1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, quán triệt đầy đủ Luật Hôn nhân và gia đình*

Thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình không thể chỉ dùng biện pháp hành chính mà phải trên cơ sở quần chúng được giáo dục sâu sắc, thấy rõ lợi ích của luật, tự nguyện chấp hành, xây dựng quan điểm đúng đắn về hôn nhân và gia đình mới tiến bộ. Công tác tuyên truyền giáo dục cần quán triệt mấy phương châm chính:

- Phải coi trọng việc tuyên truyền giáo dục tư tưởng, nâng cao giác ngộ của quần chúng đi đôi với việc áp dụng pháp luật của Nhà nước và kỷ luật trong Đảng và đoàn thể quần chúng.

- Phát huy và xây dựng cái mới đi đôi với đả phá cái cũ, lấy tư tưởng tiên tiến chống lại tư tưởng lạc hậu, tư tưởng phong kiến.

- Công tác tuyên truyền giáo dục phải tiến hành thường xuyên, lâu dài, đồng thời phải tích cực, sâu sắc.

*Trọng tâm tuyên truyền giáo dục* hiện nay là vấn đề dân chủ, bình đẳng trong gia đình và hôn nhân tự do, tiến bộ nhằm tiếp tục khắc phục tư tưởng trọng nam khinh nữ, muốn có mới nới cũ và tình trạng yêu đương lãng mạn, nhẹ dạ, ly hôn bừa bãi.

*Đối tượng tuyên truyền giáo dục*, nói chung cần làm đối với tất cả mọi người, nhưng trước mắt phải chú trọng giáo dục trong thanh niên, đặc biệt là cán bộ, đảng viên, bộ đội để phát huy tác dụng gương mẫu trong nhân dân.

Đối với thanh niên, cần giáo dục quan điểm yêu đương đúng đắn, xây dựng gia đình gắn liền với công tác, với lao động và học tập tiến bộ. Chú ý giáo dục thái độ và nghĩa vụ của thanh niên đối với cha mẹ.

Đối với cán bộ, đảng viên, bộ đội phải tiến hành kiểm điểm trách nhiệm gương mẫu chấp hành luật.

#### 2. *Thực hiện pháp chế một cách nghiêm chỉnh và thích đáng*

- Toà án và viện kiểm sát nghiên cứu đề ra những điều luật quy định cụ thể đối với từng loại vi phạm luật: cùng với các cơ quan hữu quan hoàn thành sớm những điều lệ thi hành luật thích hợp với vùng các dân tộc miền núi, đệ trình Uỷ ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

- Trong trường hợp cần thiết, lựa chọn phần tử phạm tội điển hình về ngược đãi phụ nữ hoặc cản trở hôn nhân tự do đã có tác hại nghiêm trọng, mở phiên toà xét xử công khai có đông

đạo quần chúng đến dự. Chú ý là: xét xử điển hình không có nghĩa là nhất thiết phải xử nặng.

- Ở nơi Thiên chúa giáo, các cơ quan chính quyền cần phối hợp và góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền giáo dục. Cần kiên nhẫn giải thích trong quần chúng kể cả trong tầng lớp trên, đồng thời đặc biệt chú ý lãnh đạo và chỉ đạo tốt và đúng việc thi hành luật (nhất là những trường hợp cần xử lý thích đáng trước toà án).

### 3. Tăng cường tổ chức lãnh đạo

- Các cấp uỷ đảng phải quán triệt ý nghĩa cách mạng của Luật Hôn nhân và gia đình, quan tâm lãnh đạo hơn nữa việc thực hiện luật. Cần tiến hành kiểm điểm việc lãnh đạo thi hành luật, nhận xét những tồn tại, đề ra biện pháp cụ thể để giải quyết. Cần đôn đốc các ngành, các đoàn thể, nhất là các cơ quan chính quyền, tư pháp và Ban Tuyên huấn tăng cường công tác đối với Luật Hôn nhân và gia đình.

- Ban Mặt trận của Đảng ở các cấp chịu trách nhiệm chủ trì việc phối hợp giữa các đoàn thể, các cơ quan cùng theo dõi việc thi hành luật, rồi tập hợp tình hình, báo cáo với cấp bộ Đảng, thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp để phối hợp công tác và tranh thủ sự đồng tình rộng rãi của nhân dân.

- Ban Tuyên giáo các cấp lãnh đạo các cơ quan tuyên truyền, văn hoá, giáo dục, có kế hoạch đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục quán triệt Luật Hôn nhân và gia đình, bằng mọi hình thức, nêu gương những điển hình tốt, phê phán những tư tưởng và hành động xấu, vi phạm luật.

- Các ngành, các đoàn thể và quân đội, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Lao động cần đặt công tác tuyên truyền giáo dục Luật Hôn nhân và gia đình vào

chương trình công tác thường xuyên của ngành mình, có theo dõi, kiểm điểm, tổng kết.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, các Đảng đoàn có biện pháp tích cực thi hành Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**  
Số 80-NQ/TW, ngày 21 tháng 5 năm 1963

**Về việc tăng cường lãnh đạo công tác  
lao động tiền lương và kiện toàn Bộ Lao động**

Nhiệm vụ công tác lao động tiền lương trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay rất lớn và phức tạp, bao gồm nhiều chính sách quan trọng, tác động trực tiếp đến thái độ và chất lượng lao động của quần chúng, thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Trong mấy năm qua, cùng với sự phát triển của công tác lao động tiền lương, tổ chức và lực lượng làm công tác lao động tiền lương dần dần được tăng cường. Cán bộ làm công tác lao động tiền lương được bồi dưỡng một bước về lý luận và nghiệp vụ và đã có một số kinh nghiệm nhất định, sự lãnh đạo của các cấp uỷ đối với công tác này bước đầu được chú ý hơn. Công tác lao động tiền lương vì vậy đã thu được một số thành tích. Nhưng nhiệm vụ và khối lượng công tác lao động tiền lương ngày một phát triển, mà tổ chức làm công tác lao động tiền lương thì phân tán, sự chỉ đạo chưa thật tập

trung, phối hợp chưa thật chặt chẽ, bộ máy lao động tiền lương từ trung ương đến địa phương chưa được kiện toàn đúng mức, nhiệm vụ, chức năng chưa được quy định thật cụ thể, phân công phân nhiệm chưa thật rõ ràng. Do đó công tác lao động tiền lương chưa đáp ứng được đầy đủ, kịp thời yêu cầu và nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá hiện nay.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ về lao động và tiền lương, về mặt tổ chức, Bộ Chính trị thấy cần phải tập trung thống nhất việc quản lý công tác lao động tiền lương vào Bộ Lao động, kiện toàn Bộ Lao động và các tổ chức chuyên trách công tác lao động và tiền lương ở các ngành, các cấp, các cơ sở; chuyển những phần công tác không đúng chức năng của Bộ Lao động sang các ngành khác phụ trách, để Bộ Lao động tập trung khả năng làm công tác lao động tiền lương. Cụ thể là:

1. Giao cho Bộ Lao động phụ trách toàn bộ công tác lao động tiền lương của cả hai khu vực (riêng vấn đề tổ chức, biên chế bộ máy Nhà nước thuộc khu vực hành chính sự nghiệp vẫn do Bộ Nội vụ phụ trách).
2. Giao cho Bộ Nội vụ phụ trách công tác cứu tế xã hội và an toàn xã hội, vấn đề trợ cấp hưu, tuất, mất sức lao động của công nhân, viên chức (kể cả những người vì tai nạn lao động được nghỉ việc).
3. Về công tác bảo hộ lao động và an toàn kỹ thuật:
  - a) Bộ Lao động có trách nhiệm nghiên cứu ban hành các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động và các quy tắc an toàn kỹ thuật; tổ chức thanh tra việc thực hiện các chế độ chính sách đó ở các ngành, các cấp nhằm cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức lao động và đề phòng tai nạn lao động.
  - b) Tổng Công đoàn có trách nhiệm cùng với cơ quan quản lý xí nghiệp thi hành luật lệ bảo hộ lao động của Nhà nước; tuyên truyền giáo dục và tổ chức công nhân tự giác chấp

hành nghiêm chỉnh các chế độ, luật lệ bảo hộ lao động; phối hợp với Bộ Lao động để tổ chức kiểm tra thường xuyên về bảo hộ lao động; nghiên cứu đề nghị với cơ quan Nhà nước xây dựng bổ sung các chế độ, luật lệ về bảo hộ lao động, về vệ sinh công nghiệp và an toàn kỹ thuật.

4. Giao cho Tổng Công đoàn phụ trách toàn bộ công tác bảo hiểm xã hội và phúc lợi tập thể cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc cả hai khu vực.

5. Giao cho Bộ Công an phụ trách công tác cải tạo những nạn nhân của tệ nạn xã hội cũ như: gái điếm, nghiện hút, lưu manh, v.v..

6. Giải thể Ban Lao động tiền lương Trung ương, giao nhiệm vụ của Ban này cho Đảng đoàn Bộ Lao động phụ trách.

7. Các Đảng đoàn các bộ, các ngành ở trung ương, các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ phải có kế hoạch kiện toàn các tổ chức phụ trách lao động tiền lương ở các bộ, các ngành ở trung ương, các sở, ty lao động, và các tổ chức phụ trách lao động tiền lương ở các ngành thuộc địa phương, các cơ sở, xí nghiệp, để bảo đảm phụ trách công tác này được tốt.

8. Đảng đoàn Bộ Lao động cần phối hợp với các ngành nghiên cứu nội dung công tác cụ thể và quan hệ công tác, lề lối làm việc giữa các bộ, các ngành.

Công tác lao động tiền lương là một phần nội dung quan trọng của công tác quản lý sản xuất và quản lý kinh tế của Nhà nước, đồng thời nó cũng là một bộ phận kế hoạch quan trọng trong kế hoạch Nhà nước, vì vậy các cấp uỷ Đảng từ trung ương đến khu, thành, tỉnh, các ban, các Đảng đoàn các bộ, các ngành phải thấy hết tầm quan trọng và khó khăn phức tạp của công tác lao động tiền lương mà

chú ý tăng cường lãnh đạo công tác lao động tiền lương và kiện toàn các tổ chức phụ trách công tác lao động tiền lương ở các cấp, các ngành để nó có thể làm tròn nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 48-TB/TW, ngày 22 tháng 5 năm 1963

### **Bàn về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp của tỉnh Thái Bình**

Ngày 2 tháng 3 năm 1963, Ban Bí thư đã họp để bàn về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp của tỉnh Thái Bình.

Sau khi nghe Tỉnh uỷ Thái Bình báo cáo tình hình và chủ trương phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp của tỉnh, Ban Bí thư đã thảo luận và có một số kết luận như sau:

1. Thái Bình là một tỉnh đông dân, bình quân ruộng đất thấp, tính chất độc canh trong sản xuất nông nghiệp còn nặng, sức mua của nhân dân thấp; tài nguyên để phát triển công nghiệp ngoài khả năng khai thác miền biển và một số cây công nghiệp như cói, đay, bông thì hầu như không có gì; cơ sở công nghiệp cũ rất ít, cơ sở thủ công nghiệp tuy có một số nghề có truyền thống, có kỹ thuật khá, nhưng đến nay vì khó khăn về nguyên liệu hoặc tiêu thụ như nghề đồ bạc nên

chưa phát triển được. Mấy năm gần đây, tuy công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trong tỉnh đã phát triển khá, nhưng phần lớn những mặt hàng tiêu dùng thông thường của nhân dân trong tỉnh vẫn còn phải dựa vào nguồn cung cấp của Trung ương và các nơi khác; lao động trong tỉnh chưa được sử dụng hợp lý và còn thừa nhiều. Vì vậy, muốn phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trong tỉnh, Thái Bình phải ra sức đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, phải đẩy mạnh chăn nuôi, tăng năng suất lúa và hoa màu để có cơ sở mở rộng nhanh diện tích trồng cây công nghiệp (dâu, đay, gai, cói, v.v.) tăng sản phẩm nông nghiệp hàng hoá, nâng cao sức mua của nông dân và đảm bảo nguồn cung cấp lương thực, nguyên liệu cho công nghiệp, tạo thị trường tốt cho công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phát triển.

2. Về phương hướng phát triển công nghiệp địa phương, phải căn cứ vào yêu cầu và khả năng cụ thể của địa phương, khả năng hợp tác với các địa phương khác và sự hướng dẫn, giúp đỡ của Trung ương mà phát triển những cơ sở sản xuất với quy mô thích hợp nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu địa phương, nhất là nhu cầu phát triển nông nghiệp, xây dựng và hàng tiêu dùng cho nhân dân, đồng thời tích cực khai thác, chế biến những đặc sản của tỉnh để phục vụ cho nhu cầu toàn quốc và xuất khẩu, như muối, cá, cói, đồ bạc, v.v.. Cần tập trung lực lượng phát triển mạnh và mở rộng các ngành nghề chủ yếu như: nghề cá, nghề muối, nghề cói. Riêng ngành cơ khí hướng chính là phục vụ cho nhu cầu sửa chữa, trung tu được các loại máy móc, nông cụ dùng trong tỉnh và chế tạo những công cụ nửa cơ khí trang bị cho nông nghiệp, vận tải, cho công nghiệp và thủ công nghiệp trong tỉnh, chưa nên đặt cho cơ khí nhiệm vụ chế tạo. Tích cực phát triển các ngành

sản xuất gạch, ngói, vôi, chế biến đồ gỗ, đồ gốm, thuỷ tinh. Đối với những mặt hàng nào mà hợp tác xã có thể sản xuất được và sản xuất có lợi thì hết sức tận dụng khả năng hợp tác xã thủ công nghiệp, không nên xây dựng xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương. Nên giúp đỡ cho hợp tác xã trang bị thêm để mở rộng sản xuất, tăng năng suất, hạ giá thành và bảo đảm chất lượng sản phẩm.

3. Về phương hướng phát triển thủ công nghiệp hợp tác hoá phải dựa vào nguyên liệu trong nông nghiệp, vào khả năng hợp tác và cung cấp nguyên liệu của các địa phương khác mà phát triển tích cực và vững chắc; phải dựa vào lao động nông nghiệp, kết hợp giữa việc phát triển lao động thủ công nghiệp chuyên nghiệp với việc sử dụng lao động thủ công nghiệp sản xuất nông nghiệp ở các hợp tác xã nông nghiệp nhằm tận dụng những nguyên liệu phụ trong nông nghiệp, sử dụng hợp lý những lao động thừa trong nông nghiệp để tăng sản phẩm hàng hoá và tăng thu nhập cho nông dân xã viên. Phải rất coi trọng phát triển sản xuất thủ công nghiệp trong nông nghiệp. Hướng chính của thủ công nghiệp hợp tác xã là sản xuất nông cụ thường, nông cụ cải tiến, vôi, gạch, ngói, các mặt hàng tiêu dùng thông thường của nhân dân và sơ chế những sản phẩm nông nghiệp.

4. Về mặt lãnh đạo, Tỉnh uỷ Thái Bình tuy phải tập trung vào việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nhưng đồng thời phải coi trọng đúng mức việc lãnh đạo công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, nhất là thủ công nghiệp. Trong việc lãnh đạo công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, phải chú trọng giải quyết tốt những khâu: nguyên liệu, năng suất, giá thành, chất lượng sản phẩm và những vấn đề mắc mứu thuộc về phương thức thu mua, phân phối, giá cả để khuyến khích sản xuất phát triển và quản lý chặt chẽ kinh

tế chung trong tỉnh. (Những vấn đề mà trong phạm vi địa phương có thể tự giải quyết được).

5. Lần này, Ban Bí thư sơ bộ cho một số ý kiến như trên, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Nội thương và các ban, ngành có liên quan sẽ bàn bạc với Tỉnh uỷ Thái Bình để giúp đỡ tỉnh giải quyết tốt những vấn đề cụ thể nhằm tạo điều kiện cho tỉnh Thái Bình đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp theo những phương hướng đã định. Trong quá trình thực hiện, Tỉnh uỷ Thái Bình cần dựa vào những ý kiến trên, đi sâu nghiên cứu tình hình cụ thể của địa phương, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan trung ương; nhất là Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Công nghiệp nhẹ, Ban Công nghiệp Trung ương để có kế hoạch cụ thể hơn.

T/L BAN BÍ THƯ  
PHÓ VĂN PHÒNG

MINH CHÂU

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 120-TT/TW, ngày 1 tháng 6 năm 1963

### Về việc thí điểm cải tiến hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã nghề cá, hợp tác xã nghề muối

Hiện nay, đi đôi với cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp, một số tỉnh, thành đã mở hoặc đang chuẩn bị mở cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã nghề cá, hợp tác xã nghề muối. Vì thiếu nghiên cứu chu đáo và thiếu chỉ đạo chặt chẽ nên một số thí điểm trong một số hợp tác xã thủ công nghiệp không đạt kết quả tốt.

Việc cải tiến quản lý hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã nghề cá, hợp tác xã nghề muối là cần thiết và quan trọng, nhưng cũng có nhiều vấn đề phức tạp; các hợp tác xã này không giống nhau về hình thức, quy mô tổ chức, về ngành nghề và tổ chức sản xuất. Cho nên việc quản lý các hợp tác xã này không thể hoàn toàn giống như quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh cũng như quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Hiện nay, các địa phương và các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương nắm tình hình tổ chức và quản lý các

hợp tác xã này chưa đầy đủ, và chưa nghiên cứu kỹ về yêu cầu, nội dung cải tiến quản lý. Nhiều vấn đề chính sách thuộc cơ quan quản lý Nhà nước phụ trách cũng chưa được chuẩn bị.

Vì những lẽ trên, Ban Bí thư quyết định là các *tỉnh, thành chưa mở cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã nghề cá, hợp tác xã nghề muối*. Các địa phương chỉ nên tiến hành những công việc củng cố các hợp tác xã này theo thường lệ như giáo dục chính trị tư tưởng, cải tiến một số mặt quản lý rất cần thiết trước mắt, chấn chỉnh tài vụ kế toán, kiện toàn cán bộ quản lý, v.v.. Riêng Hải Phòng, Hà Đông đã tiến hành thí điểm và Hà Nội đang chuẩn bị làm thí điểm cải tiến quản lý một số hợp tác xã thủ công nghiệp cần tiếp tục để rút kinh nghiệm. Còn các tỉnh khác cần tiến hành một số công tác chuẩn bị, chủ yếu là điều tra thu thập tài liệu về tình hình hợp tác xã và nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của một số hợp tác xã loại khác. Riêng về hợp tác xã nghề cá và hợp tác xã nghề muối, các Đảng đoàn Bộ Công nghiệp nhẹ, Tổng cục Thủy sản nghiên cứu với vài tỉnh miền biển để tiến hành thí điểm ở một số hợp tác xã. Làm thí điểm ở những nơi nào thì do các tỉnh uỷ và đảng đoàn các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương bàn bạc rồi quyết định.

Ban Công nghiệp Trung ương kết hợp với Đảng đoàn các Bộ Công nghiệp, Liên hiệp xã thủ công nghiệp Trung ương, Tổng cục Thủy sản và các tỉnh uỷ, thành uỷ ở nơi làm thí điểm để cùng bàn bạc thống nhất về yêu cầu, nội dung và kế hoạch tiến hành. Các tỉnh uỷ, thành uỷ chịu trách nhiệm chính chỉ đạo công tác thí điểm, có cán bộ các ngành liên quan ở trung ương cùng tham gia. Qua đợt thí điểm, cần chú trọng đúc kết kinh nghiệm về mọi mặt, nhất là rút ra được những kinh nghiệm về hình thức và phương pháp quản lý phù hợp với tính chất của từng loại hợp tác xã thủ công nghiệp, nghề cá, nghề muối. Dựa trên kinh nghiệm của đợt thí điểm, Ban Công nghiệp Trung ương sẽ phối hợp với các

ngành và địa phương xây dựng bản chỉ thị về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã thủ công nghiệp và hợp tác xã nghề cá, hợp tác xã nghề muối để trình Ban Bí thư xét và ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 63-CT/TW, ngày 5 tháng 6 năm 1963

**Về việc tổ chức một tuần lễ đấu tranh  
vào dịp 20 tháng 7 năm 1963**

**I- TÌNH HÌNH**

Từ hoà bình lập lại, ngày 20 tháng 7 hàng năm đã trở thành ngày đấu tranh sôi nổi bất khuất của nhân dân ta chống bè lũ Mỹ - Diệm, nhằm thực hiện hoà bình thống nhất đất nước; đồng thời cũng là ngày biểu thị sự đoàn kết ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Ngày 20 tháng 7 năm nay đến vào lúc:

- Ở *miền Nam*, cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào ta chống sự can thiệp vũ trang của đế quốc Mỹ đã liên tiếp giành được nhiều thắng lợi, làm thất bại kế hoạch Xtalây - Taylo và đã trở thành cuộc chiến tranh yêu nước, toàn dân, toàn diện và trường kỳ chống với loại "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - Diệm. Tuy ngày càng bị sa lầy và thất bại, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục can thiệp vũ trang vào miền Nam và cùng với tay sai Ngô Đình Diệm tăng cường càn quét khủng bố, rải chất độc hoá học, dồn dân lập ấp chiến lược, tàn sát đồng bào miền Nam.

- Ở *miền Bắc*, sau khi căn bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta đang bước vào giai đoạn cách mạng mới lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, đồng thời tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Miền Bắc đã lớn mạnh thêm về mọi mặt, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà. Qua cuộc đi thăm miền Bắc của Đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và việc thực hiện bản Tuyên bố chung giữa hai Mặt trận của hai miền, cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, hoà bình thống nhất nước nhà đã phát triển lên một bước mới.
- Trên *thế giới*, phong trào ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta nhằm hoà bình thống nhất nước nhà ngày càng lan rộng ở nhiều nước.

## II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Trước tình hình trên, vào dịp 20 tháng 7 năm nay, Ban Bí thư quyết định phát động một tuần lễ "đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai Ngô Đình Diệm, ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam, đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp nghị Giơnevơ thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà", nhằm:

- Tố cáo và lên án mạnh mẽ sự can thiệp vũ trang của đế quốc Mỹ vào miền Nam và những tội ác đẫm máu của Mỹ - Diệm;
- Đề cao những thắng lợi to lớn của nhân dân miền Nam;
- Cổ vũ và học tập tinh thần hy sinh dũng cảm, quyết chiến quyết thắng của đồng bào miền Nam;

- Động viên tinh thần nhân dân cả nước vượt mọi khó khăn gian khổ, bền bỉ và dũng cảm đấu tranh, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng;
- Động viên tinh thần nhân dân miền Bắc ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao tinh thần cảnh giác bảo vệ miền Bắc và tích cực ủng hộ đấu tranh của đồng bào miền Nam;
- Tích cực tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ về tinh thần và vật chất của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

## III- CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CỤ THỂ

### *Ở miền Bắc*

1. Tuần lễ đấu tranh này bắt đầu từ 15 tháng 7 (thứ hai) đến 21 tháng 7 (chủ nhật), điểm cao nhất là ngày thứ bảy và sáng chủ nhật (20 và 21 tháng 7). Tuần lễ này do Mặt trận Tổ quốc Trung ương và Ủy ban Đoàn kết Á - Phi tổ chức.
2. Nhân dịp này, mở một đợt tuyên truyền mạnh mẽ có tác dụng giáo dục sâu sắc, gây một chuyển biến mới về nhận thức và tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, và nhân dân miền Bắc, để nâng cao chí căm thù, tinh thần cảnh giác, học tập tinh thần hy sinh dũng cảm của đồng bào miền Nam, để khắc phục khó khăn gian khổ, ra sức xây dựng miền Bắc thắng lợi làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, và cùng với đồng bào miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp thống nhất đất nước.

3. Chuẩn bị ngay từ bây giờ một chương trình hoạt động cụ thể hàng ngày trong tuần lễ đấu tranh 20 tháng 7; có kế hoạch phát hành những sách báo, phim ảnh, tin tức, phát thanh bài nói về miền Nam và đấu tranh thống nhất nước nhà để kịp gửi đi các nơi trong nước và trên thế giới.

4. Đến ngày thứ bảy "20 tháng 7", phát động một phong trào lao động vượt mức của nhân dân toàn miền Bắc nhằm đạt được chỉ tiêu cao nhất của ngày đấu tranh thống nhất trong toàn năm và kết thúc bằng cuộc mít tinh ngắn gọn ở mỗi đơn vị sản xuất vào cuối giờ làm việc buổi chiều. Sáng ngày 21 tháng 7, có những cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vĩnh Linh.

5. Mời một số nhân sĩ, đại diện đoàn thể một số nước và một số tổ chức quốc tế đến miền Bắc dự Tuần lễ 20 tháng 7.

6. Bộ Ngoại giao ra Tuyên bố tố cáo sự can thiệp vũ trang của đế quốc Mỹ và tội ác của Mỹ - Diệm, bảo vệ Hiệp nghị Giơnevơ, nêu cao thiện chí hoà bình thống nhất nước nhà của Chính phủ và nhân dân ta, kêu gọi sự ủng hộ của các Chính phủ có thiện chí và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới đối với cuộc đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà của nhân dân ta.

#### *Trên thế giới*

1. Thông báo trước chủ trương của ta cho các nước bạn có đại diện ngoại giao ở Hà Nội và cho các cơ quan, đoàn thể nhân dân quốc tế có quan hệ với ta và đề nghị phối hợp đấu tranh trong dịp 20 tháng 7.

2. Thông báo cho các đại diện ngoại giao của ta và các đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ở nước ngoài về chương trình hoạt động này để các nơi đó có kế hoạch tuyên truyền hoạt động trong dịp này.

3. Có kế hoạch cụ thể đề nghị các Uỷ ban ủng hộ miền Nam của các tổ chức đoàn thể dân chủ quốc tế hoạt động mạnh mẽ và thiết thực cả về tinh thần và vật chất.

4. Chuẩn bị các phim ảnh tài liệu, sách báo cần thiết để gửi đến các nước ngoài và các cơ quan đại diện ngoại giao của ta trước Tuần lễ 20 tháng 7.

#### IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thành lập một Ban tổ chức, gồm đại diện các cơ quan: Uỷ ban Mặt trận Trung ương, Uỷ ban Đoàn kết Á - Phi, Uỷ ban Thống nhất, Bộ Ngoại giao, Ban Quốc tế nhân dân, Ban Tuyên giáo Trung ương, do Mặt trận Tổ quốc và Uỷ ban Đoàn kết Á - Phi chủ trì, để phối hợp các ngành có liên quan thực hiện chương trình này.

Ngoài chương trình hoạt động chung mỗi ngành cần có kế hoạch cụ thể để thực hiện Chỉ thị này.

#### V- KHẨU HIỆU

1. Tinh thần đấu tranh anh dũng quyết chiến quyết thắng của đồng bào miền Nam muôn năm!

2. Nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ Mặt trận dân tộc giải phóng và đồng bào miền Nam đang đấu tranh anh dũng chống đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai Ngô Đình Diệm, giành hoà bình, độc lập, dân chủ và thống nhất Tổ quốc!

3. Đả đảo đế quốc Mỹ vũ trang xâm lược miền Nam Việt Nam. Kiên quyết đòi đế quốc Mỹ rút hết bộ chỉ huy quân sự, nhân viên quân sự và vũ khí ra khỏi miền Nam Việt Nam!

4. Đả đảo Mỹ - Diệm tàn sát, khủng bố, rải chất độc hoá học, dồn dân lập ấp chiến lược, tàn sát đồng bào miền Nam!<sup>1)</sup>

---

1) Theo Công văn của Ban Bí thư số 85-CV/TW, ngày 2-7-1963 gửi các Khu uỷ, Thành uỷ, Tỉnh uỷ, các Ban, Đảng đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì điểm 4 được sửa lại như sau: "4. Đả đảo Mỹ - Diệm tàn sát, khủng bố, rải chất độc hoá học, dồn dân lập ấp chiến lược, đàn áp tín đồ Phật giáo, tàn sát đồng bào miền Nam" (B.T).

5. Kiên quyết đòi Mỹ - Diệm phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp nghị Giơnevơ, tôn trọng chủ quyền thống nhất, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam!
6. Học tập tinh thần khắc phục khó khăn gian khổ, đấu tranh kiên cường của đồng bào miền Nam, ra sức thi đua yêu nước, tích cực xây dựng miền Bắc làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà!
7. Nhiệt liệt hoan nghênh sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào ta ở miền Nam!
8. Tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á, châu Phi, Mỹ latin!
9. Hoà bình thế giới muôn năm!

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 123-TT/TW, ngày 22 tháng 6 năm 1963

### Về việc tăng cường sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác tài chính Đảng

Vừa qua, Văn phòng Trung ương đã triệu tập Hội nghị tổng kết công tác tài chính Đảng năm 1961 và 1962. Qua báo cáo tình hình ở Hội nghị này, Ban Bí thư nhận thấy trong thời gian qua, từ sau khi có Thông tri số 64-TT/TW, ngày 20-2-1962 của Ban Bí thư nhắc nhở, nói chung các cấp uỷ Đảng đã quan tâm hơn đến việc chỉ đạo công tác quản lý tài chính Đảng, do đó công tác này đã có nhiều tiến bộ hơn trước.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn một số nơi, cấp uỷ Đảng chưa thật sự quan tâm đến việc chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể công tác quản lý tài chính Đảng, do chưa nhận thức đầy đủ vị trí, chức năng của công tác tài chính Đảng. Vì vậy, việc thu nộp đảng phí vẫn chưa được đầy đủ và kịp thời, việc sử dụng quỹ đảng phí ở tổ chức cơ sở còn nhiều trường hợp chưa đúng với quy định của Trung ương, việc quản lý chi tiêu ngân sách của Đảng ở cấp tỉnh, huyện vẫn chưa được

chặt chẽ, còn nhiều khoản chi tiêu ngoài chế độ, tiêu chuẩn; bộ máy giúp cấp uỷ quản lý tài chính Đảng thì chưa được kiện toàn đúng mức.

Vừa qua, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 61-NQ/TW, ngày 29-11-1962 về chế độ đóng đảng phí mới, nhưng cho đến nay, ở một số nơi, cấp uỷ Đảng vẫn chưa phổ biến Nghị quyết này đến tận các đảng viên và chưa đặt kế hoạch thi hành cụ thể ở địa phương mình.

Để khắc phục những thiếu sót trên, Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ Đảng cần nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý tài chính Đảng, chú trọng chỉ đạo công tác này, trước mắt cần chú ý mấy việc sau đây:

1. Tổ chức phổ biến Nghị quyết số 61-NQ/TW, ngày 29-11-1962 của Bộ Chính trị về chế độ đóng đảng phí mới tới tận các đảng viên và đặt kế hoạch thi hành Nghị quyết này một cách cụ thể và chu đáo.
2. Nghe cán bộ đi dự Hội nghị tổng kết công tác tài chính Đảng do Văn phòng Trung ương triệu tập về báo cáo, đồng thời đề ra những chủ trương và biện pháp cụ thể nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính Đảng ở địa phương.
3. Trực tiếp chỉ đạo bộ phận tài chính Đảng ở địa phương và chỉ thị cho các cấp, các ngành trực thuộc thi hành điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước mà Thủ tướng Chính phủ đã ban hành.
4. Cần bố trí đủ cán bộ cho bộ phận tài chính Đảng như Thông tri số 09-TT/TW, ngày 29-3-1962 của Ban Tổ chức Trung ương đã quy định để giúp cấp uỷ quản lý tốt công tác tài chính Đảng.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ Đảng chú trọng chỉ đạo công tác tài chính Đảng một cách thường xuyên, cụ thể và chặt chẽ để công tác này phục vụ sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng được tốt hơn nữa.

T/L BAN BÍ THƯ  
Q.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 64-CT/TW, ngày 4 tháng 7 năm 1963

### Về việc kiện toàn tổ chức tuyên giáo và tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên giáo

Từ khi hoà bình được lập lại đến nay, cùng với sự phát triển của công tác tuyên giáo, tổ chức và lực lượng làm công tác tuyên giáo dần dần được tăng cường và mở rộng. Cán bộ tuyên giáo đã được bồi dưỡng một bước về các mặt lý luận, chính trị, văn hoá, nghiệp vụ, và qua công tác thực tế, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tuyên giáo trong mấy năm gần đây được nhận thức rõ hơn. Sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương và của Ban Tuyên giáo hay Ban Tuyên huấn các tỉnh, thành, khu dần dần được cải tiến. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác tuyên giáo đang được tăng cường.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của nhiệm vụ và khối lượng công tác tuyên giáo trong thời kỳ mới, thì về mặt tổ chức và lãnh

đạo công tác tuyên giáo, chúng ta hãy còn *một số khuyết điểm và nhược điểm* sau đây:

a) Lực lượng làm công tác tuyên giáo nói chung vẫn đang ở trong quá trình xây dựng. Nhiệm vụ, chức năng của nhiều cơ quan chưa được quy định thật cụ thể, việc phân công phân nhiệm chưa được thật rõ ràng. Do đó, sự chỉ đạo chưa được thống nhất và tập trung, sự phối hợp chưa được thật chặt chẽ, lực lượng hãy còn phân tán.

b) Tổ chức và lề lối làm việc của một số bộ phận trong hệ thống tuyên giáo hãy còn yếu, chưa đủ để bảo đảm nhiệm vụ, chức năng và khối lượng công tác tuyên giáo, chưa phù hợp với tính chiến đấu của công tác tư tưởng, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác tuyên giáo ngày càng phải đi sâu vào sản xuất và đời sống, đi sát với các đối tượng, đi sát với cơ sở. Cơ quan tuyên giáo, hay tuyên huấn nhiều tỉnh, thành, khu chưa đủ lực lượng để chỉ đạo sát công tác tuyên giáo ở cơ sở, bộ máy tuyên giáo ở cấp huyện và cấp xã nói chung quá yếu.

c) Việc đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện cán bộ tuyên giáo tuy đã được chú ý hơn, nhưng còn đang ở bước đầu, cho nên tác dụng chưa nhiều. Trình độ hiểu biết của cán bộ tuyên giáo về đường lối, chính sách của Đảng, về sản xuất và quản lý kinh tế vẫn còn nông cạn. Trình độ văn hoá của nhiều cán bộ so với yêu cầu và đà tiến bộ chung thì hãy còn thấp. Việc tổng kết kinh nghiệm công tác tuyên giáo ít được chú ý đã hạn chế việc bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ tuyên giáo. Hiện nay, vẫn còn một số cán bộ tuyên giáo chưa thật an tâm với công tác, thiếu quyết tâm đi sâu vào nghề nghiệp.

d) Nhiều cơ quan lãnh đạo các ngành ở trung ương và địa phương nhận thức về vị trí và nội dung của công tác tuyên giáo trong giai đoạn mới chưa được đúng mức, nên chưa thật nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác tuyên giáo, chưa thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo tư tưởng và chính trị đối với cán bộ, nhân viên ngành mình và địa phương mình. Sự lãnh đạo của

cấp uỷ Đảng đối với công tác tuyên giáo nói chung chưa thành nền nếp.

Tình trạng tổ chức và lãnh đạo như vậy đã làm cho công tác tuyên giáo của Đảng còn gặp nhiều khó khăn; các chủ trương và biện pháp công tác tuyên giáo đề ra không được thực hiện đầy đủ; đường lối, chính sách của Đảng không được truyền đạt đến tận đảng viên và quần chúng nhân dân một cách kịp thời và đúng đắn.

Để đáp ứng những nhiệm vụ cách mạng của Đảng ta trong những năm sắp tới, các cấp, các ngành phải cố gắng để *khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm nói trên theo những yêu cầu* sau đây:

a) Bảo đảm *tăng cường sự lãnh đạo thống nhất, tập trung* của các cấp uỷ Đảng đối với mặt trận tư tưởng và văn hoá, đồng thời *phát huy tính chủ động* của các đoàn thể, các ngành, các cơ quan làm công tác tuyên giáo, trên cơ sở *phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ* giữa các cơ quan của Đảng, của các đoàn thể và của Nhà nước. Bảo đảm *tăng cường vai trò chủ động* của Ban Tuyên giáo các cấp trong việc *giúp các cấp uỷ Đảng thống nhất quản lý* công tác tuyên giáo, nhằm làm cho *sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác tuyên giáo đi vào nền nếp*, làm cho *tổ chức tuyên giáo được thống nhất, kỷ luật được chặt chẽ, trên dưới đoàn kết nhất trí*.

b) Bảo đảm cho công tác tuyên giáo *đi sâu vào sản xuất và đời sống, hướng về cơ sở, đi sát với các đối tượng*, không ngừng nâng cao *tính tư tưởng và tính chiến đấu*, phục vụ tốt mọi mặt công tác của Đảng và của Nhà nước trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, công cuộc cách mạng giải phóng miền Nam và hoà bình thống nhất nước nhà, trong nhiệm vụ quốc tế, nhiệm vụ xây dựng Đảng và việc bồi dưỡng con người mới.

Để bảo đảm những yêu cầu trên đây, Ban Bí thư quy định *một số vấn đề cơ bản* như sau:

## I- NHIỆM VỤ, CHỨC NĂNG CỦA BAN TUYÊN GIÁO CÁC CẤP

1. Từ nay, ở các cấp đều tổ chức *Ban Tuyên giáo*, Ban Tuyên giáo các cấp là cơ quan của cấp uỷ Đảng có trách nhiệm *giúp đỡ cấp uỷ Đảng nghiên cứu, thống nhất chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện* các mặt công tác tuyên giáo, thông qua đó mà góp phần tích cực vào việc chấp hành đường lối, chính sách về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng giải phóng miền Nam và hoà bình thống nhất nước nhà, chấp hành đường lối, chính sách đối ngoại vào việc xây dựng Đảng và việc bồi dưỡng con người mới.

*Nhiệm vụ cụ thể* của Ban Tuyên giáo các cấp là:

a) Nghiên cứu và góp sức nghiên cứu để giúp các cấp uỷ Đảng đề ra *chủ trương, phương hướng, nội dung, kế hoạch* công tác tuyên truyền giáo dục: chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối và các chính sách lớn của Đảng, thời sự trong nước và quốc tế.

Góp sức nghiên cứu để giúp cấp uỷ Đảng đề ra *chủ trương, phương hướng lớn* về các mặt công tác văn hoá, văn nghệ, giáo dục nhà trường, y tế và thể dục thể thao<sup>1)</sup>.

b) Theo dõi tổng hợp tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, giúp cấp uỷ Đảng đề ra chủ trương, nội dung và biện pháp giáo dục tư tưởng và đấu tranh chống những tư tưởng sai trái trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

c) Được sự uỷ nhiệm của các cấp uỷ Đảng, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các cấp uỷ cấp dưới, các ngành và các đoàn thể (thông qua các Đảng đoàn) thực hiện các chủ trương, phương hướng, nội dung kế hoạch công tác tuyên huấn; xây dựng lực lượng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác tuyên huấn; tổng kết công tác tuyên huấn.

1) Về công tác khoa học, sẽ có chỉ thị sau.

Căn cứ vào quyết định của cấp uỷ Đảng, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đường lối, phương hướng và các chủ trương lớn về các mặt công tác văn hoá, văn nghệ, giáo dục nhà trường, y tế và thể dục thể thao.

d) Trực tiếp chỉ đạo một số cơ quan làm công tác tuyên huấn theo sự uỷ nhiệm của các cấp uỷ Đảng.

e) Quản lý cán bộ tuyên giáo trong phạm vi phân cấp quản lý của các cấp uỷ Đảng đã được quy định.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương cần căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng của Ban Tuyên giáo các cấp trên đây để nghiên cứu và đề nghị với Ban Bí thư về sự quan hệ công tác giữa các ngành, các đoàn thể, các ban giúp việc cấp uỷ Đảng và các cơ quan làm công tác tuyên giáo khác với Ban Tuyên giáo Đảng ở các cấp.

## II- TỔ CHỨC BAN TUYÊN GIÁO CÁC CẤP, CƯỜNG CỐ VÀ XÂY DỰNG MỘT SỐ LỰC LƯỢNG TUYÊN GIÁO

Căn cứ vào kinh nghiệm vừa qua và tình hình tổ chức hiện nay, để thực hiện được nhiệm vụ, chức năng trên đây, nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác tuyên giáo trong những năm sắp tới, các cấp cần phải từng bước kiện toàn bộ máy tuyên giáo. Phải đặc biệt coi trọng tăng cường bộ máy tuyên giáo ở huyện, thị, khu phố, đồng thời ra sức xây dựng tổ chức và lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở; phải làm cho Ban Tuyên giáo tỉnh, thành, khu có đủ sức để cùng với Ban Tuyên giáo các huyện, thị, khu phố dần dần nắm chắc và chỉ đạo sát công tác tuyên giáo ở cơ sở. Trong việc kiện toàn tổ chức, cần chú trọng cả chất lượng lẫn số lượng, nhưng chủ yếu là chất lượng; và phải kết hợp chặt chẽ việc kiện toàn tổ chức với việc sửa đổi lề lối làm việc.

1. Ban Tuyên giáo các cấp cần được xây dựng như sau:

1) Tổ chức thống nhất bộ máy tuyên giáo ở các cấp theo *chế độ thủ trưởng*.

2) Ở Trung ương, Ban Tuyên giáo có trưởng ban và một số phó trưởng ban phân công phụ trách các mặt công tác tuyên giáo.

3) Ở cấp tỉnh, thành, khu, Ban Tuyên giáo gồm có một đồng chí thường vụ cấp uỷ *chuyên trách* công tác tuyên giáo làm trưởng ban và một số phó trưởng ban phân công phụ trách các mặt công tác tuyên giáo.

4) Ở cấp huyện, thị xã và khu phố (Hà Nội, Hải Phòng), Ban Tuyên giáo gồm có một đồng chí thường vụ cấp uỷ *chuyên trách* công tác tuyên giáo làm trưởng ban phụ trách chung (trường hợp không thể có một đồng chí thường vụ cấp uỷ chuyên trách thì phải có một đồng chí cấp uỷ chuyên trách), và hai phó trưởng ban phân công phụ trách các mặt công tác.

Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm quy định biên chế cho bộ máy tuyên giáo các tỉnh, thành, khu, các huyện, thị xã và khu phố theo đúng yêu cầu của nhiệm vụ, chức năng trên đây.

5) Ở cấp xã, Ban Tuyên giáo gồm có một đồng chí thường vụ đảng uỷ hay chi uỷ chi bộ xã làm trưởng ban, và hai phó trưởng ban phân công phụ trách các mặt công tác tuyên giáo. Những xã nào số lượng đảng uỷ viên hoặc chi uỷ viên tương đối đông thì cần có một đảng uỷ viên hoặc một chi uỷ viên *chuyên trách* làm trưởng ban tuyên giáo xã.

Ở mỗi hợp tác xã, cần phân công một phó chủ nhiệm hay một uỷ viên quản trị là đảng viên phụ trách công tác chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội. Ở những hợp tác xã có chi bộ thì đồng chí này phải là một đồng chí trong chi uỷ. Ở những hợp tác xã có tổ Đảng thì đồng chí này tốt nhất là tổ trưởng hay tổ phó tổ Đảng.

Ở mỗi đội sản xuất, cần phân công cho đội trưởng hay một đội phó kiêm phụ trách công tác chính trị, tư tưởng văn hoá,

xã hội. Ở những đội sản xuất có tổ Đảng thì đồng chí này là tổ trưởng hay tổ phó tổ Đảng.

Ở mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, Ban Tuyên giáo gồm có một đồng chí thường vụ đảng uỷ làm trưởng ban và ba phó trưởng ban phân công phụ trách các mặt công tác. Đồng chí phụ trách tuyên huấn của công đoàn và đồng chí phụ trách tuyên huấn của Đoàn Thanh niên Lao động nên vừa là phó trưởng ban tuyên giáo xí nghiệp, công trường, nông trường.

6) Ở các ngành, các đoàn thể cần phân công một đồng chí trong Đảng đoàn (hoặc một trong những cán bộ lãnh đạo) phụ trách công tác tuyên giáo của ngành, đoàn thể.

Ở mỗi cơ quan, cần phân công bí thư hoặc phó bí thư đảng uỷ hay chỉ uỷ phụ trách công tác tuyên giáo.

2. *Củng cố và xây dựng một số lực lượng tuyên giáo:*

Đi đôi với việc kiện toàn bộ máy tuyên giáo ở các cấp, cần củng cố và xây dựng một số lực lượng tuyên giáo như sau:

1) Kiện toàn và mở rộng hệ thống trường Đảng theo đúng Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc "cải tiến công tác giáo dục lý luận và chính trị của Đảng" và Chỉ thị số 62-CT/TW của Ban Bí thư về việc "cải tiến công tác trường Đảng bồi dưỡng cán bộ sơ cấp và cơ sở".

2) Tích cực xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận kiêm chức (theo Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư và Thông tri số 380 của Ban Tuyên giáo Trung ương) và đội ngũ giảng viên lý luận chuyên trách.

3) Xây dựng từng bước vững chắc mạng lưới báo cáo viên của Đảng về thời sự và chính sách (sẽ có chỉ thị cụ thể sau).

4) Mở rộng lưới tuyên truyền ở cơ sở (sẽ có chỉ thị cụ thể sau).

5) Cải tiến tổ chức thông tin. Từ nay giao thêm cho Việt Nam Thông tấn xã nhiệm vụ tổ chức và hướng dẫn công tác thông tin. Việt Nam Thông tấn xã có trách nhiệm chỉ đạo các Sở, Ty Văn hoá - thông tin về mặt công tác thông tin.

6) Sắp xếp lại một số nhà xuất bản và củng cố cơ quan lãnh đạo của các nhà xuất bản ở trung ương theo đúng Chỉ thị số 54-

CT/TW của Ban Bí thư về việc "tăng cường công tác xuất bản" và Thông tri hướng dẫn số 08 của Ban Tuyên giáo Trung ương.

3. *Ra sức bồi dưỡng và đào tạo cán bộ tuyên giáo:*

Muốn kiện toàn tổ chức và tăng cường lực lượng tuyên giáo, đứng về lâu dài mà nói thì vấn đề có tính chất quyết định là *ra sức bồi dưỡng cán bộ sẵn có và đào tạo thêm cán bộ mới*. Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên giáo Trung ương nghiên cứu để quy định mục tiêu cụ thể, phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp và các ngành và có biện pháp tích cực để tiến hành từng bước việc bồi dưỡng và đào tạo cán bộ tuyên giáo, làm cho đội ngũ cán bộ tuyên giáo có trình độ lý luận và chính trị vững vàng, trình độ văn hoá và trình độ nghiệp vụ cần thiết. Trên cơ sở ấy, giúp cho cán bộ tuyên giáo an tâm, phấn khởi đi sâu vào nghề nghiệp, xây dựng quyết tâm phục vụ lâu dài trên mặt trận tư tưởng và văn hoá.

### III- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VÀ THỦ TRƯỞNG CỦA CÁC NGÀNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

Công tác tuyên giáo giữ một vị trí rất quan trọng trong việc xây dựng Đảng, trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, cũng như trong việc giáo dục và bồi dưỡng con người mới. Muốn bảo đảm cho công tác tuyên giáo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ấy trong những năm sắp tới, trước hết và chủ yếu là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đó. Vì vậy, cùng với việc củng cố và kiện toàn bộ máy tuyên giáo, tích cực bồi dưỡng và đào tạo cán bộ tuyên giáo, *phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và thủ trưởng của các ngành đối với công tác tuyên giáo*, làm cho sự lãnh đạo đó đi vào nền nếp.

Các cấp uỷ Đảng và thủ trưởng của các ngành phải nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng về công tác tuyên giáo; có trách nhiệm làm tốt công tác tư tưởng

đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng ngoài Đảng trong cơ quan, địa phương, ngành và đoàn thể mình.

Để bảo đảm thực hiện tốt yêu cầu trên đây, các cấp uỷ Đảng và thủ trưởng các ngành cần thực hiện một số chế độ sau đây:

1. Từng thời gian nhất định, nghe báo cáo và nhận định tình hình công tác tuyên giáo, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng ngoài Đảng ở cơ quan địa phương, ngành và đoàn thể mình, bàn bạc và quyết định phương hướng và nhiệm vụ công tác tuyên giáo của cơ quan, địa phương, ngành và đoàn thể; phải đi sâu bàn bạc và quyết định những vấn đề quan trọng về từng mặt công tác tuyên giáo.
2. Xác định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và phương hướng công tác của các công cụ làm công tác tuyên giáo do mình lãnh đạo như trường Đảng, trường cán bộ, báo, đài, nhà xuất bản, cơ quan văn hoá, thông tin, v.v. trên cơ sở đó đi sâu bàn bạc và kiểm tra nội dung công tác của các công cụ đó.
3. Cần giúp Ban Tuyên giáo và các cơ quan làm công tác tuyên truyền, báo chí của địa phương, ngành, đoàn thể mình nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, hiểu được những vấn đề then chốt đang đặt ra trên các mặt công tác, và cho những chỉ thị cần thiết về công tác tuyên giáo. Cần cho cán bộ tuyên giáo biết sớm những chủ trương mới để có điều kiện chủ động trong công tác. Bảo đảm cho các trưởng ban và phó trưởng ban tuyên giáo, các cán bộ phụ trách tuyên truyền, báo chí được dự các cuộc hội nghị của thường vụ cấp uỷ và cấp uỷ ban công tác của địa phương. Bảo đảm cho cán bộ tuyên giáo của Đảng, cũng như cán bộ tổ chức được dự các cuộc hội nghị kiểm điểm, tổng kết công tác và bàn chủ

trương công tác trong từng thời gian của Đảng đoàn, của cấp uỷ dưới. Bảo đảm cho các cán bộ phụ trách tuyên giáo của ngành, đoàn thể và cơ quan được dự các cuộc họp của Đảng đoàn bàn công tác của ngành, của đoàn thể.

4. Mỗi khi thảo luận công tác của địa phương, của ngành và đoàn thể, phải đồng thời thảo luận kế hoạch tuyên truyền giáo dục nhằm bảo đảm thực hiện tốt công tác đó.

5. Trong các hội nghị do mình triệu tập, khi phổ biến chủ trương, chính sách, kế hoạch, cần bảo đảm cho cán bộ nhận rõ nội dung tư tưởng của mỗi chủ trương, chính sách, đấu tranh phê phán đúng mức những tư tưởng, quan điểm sai trái. Phải làm sao đạt được yêu cầu của mỗi hội nghị là một dịp nâng cao tư tưởng cho cán bộ, tăng cường sự nhất trí của cán bộ đối với đường lối, chính sách của Đảng.

6. Cố gắng dần dần bảo đảm đủ số cán bộ tuyên giáo ở các cấp theo biên chế quy định. Ổn định tổ chức tuyên giáo và chuyên môn hoá cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ đi sâu vào nghiệp vụ. Trừ trường hợp đặc biệt được cấp uỷ Đảng sở quan và Ban Tuyên giáo cấp trên đồng ý cho điều động, cần phải kiên quyết đình chỉ việc điều động cán bộ tuyên giáo, nhất là những cán bộ đã làm lâu năm và có kinh nghiệm trong ngành đi công tác khác. Phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý cán bộ đã quy định.

7. Phải quy định và thực hiện đúng đắn các chế độ đối với cán bộ tuyên giáo, Đảng uỷ các cấp cần có kinh phí cho công tác tuyên giáo để chi tiêu về các việc như: mua sách, báo và tài liệu nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, v.v..

Ban Tuyên giáo các cấp, Ban Tuyên huấn và cơ quan tuyên huấn các ngành, các đoàn thể *phải chủ động giúp các cấp uỷ và thủ trưởng các ngành, các đoàn thể* bảo đảm thực hiện các chế độ trên đây.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 65-CT/TW, ngày 8 tháng 7 năm 1963

**Về việc tổ chức nghiên cứu học tập  
và tuyên truyền Nghị quyết của Hội nghị  
Trung ương lần thứ tám**

Hội nghị lần thứ tám của Trung ương đã kiểm điểm tình hình phát triển kinh tế và văn hoá trong 5 năm qua, khẳng định đường lối, phương hướng của Đảng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, về phát triển công nghiệp và nông nghiệp là đúng đắn. Hội nghị đã dựa vào tình hình thực tế hiện nay và kinh nghiệm trong mấy năm qua để cụ thể hoá và làm phong phú thêm một số vấn đề về đường lối do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra, đồng thời đã bổ sung và phát triển một số vấn đề về phương hướng mà các hội nghị lần thứ năm, lần thứ bảy của Trung ương đề ra, định ra phương hướng và biện pháp giải quyết nhiều vấn đề tất yếu của nền kinh tế nước ta.

Muốn cho việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng, Nghị quyết của các hội nghị lần thứ năm và thứ bảy của Trung ương và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thắng

lợi, các cấp uỷ Đảng, các ban và các Đảng đoàn cần phải nghiên cứu học tập nghiêm chỉnh và tổ chức cho cán bộ (nhất là cán bộ cao trung cấp), đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động nghiên cứu học tập kỹ càng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương.

a) Các ban, các Đảng đoàn ở trung ương và các cấp uỷ *tổ chức hội nghị nghiên cứu học tập nghị quyết* (ở trung ương mở rộng cho các đồng chí phụ trách các cục, vụ và ở địa phương mở rộng cho các đồng chí phụ trách sở, ty tham gia), *có liên hệ kiểm điểm nhận thức và công tác của ngành mình, địa phương mình. Sau đó, các ban, các Đảng đoàn ở trung ương và các cấp uỷ địa phương thảo luận việc chấp hành nghị quyết bằng cách thảo luận, xem xét lại kế hoạch của ngành mình, địa phương mình, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương.*

Ở những địa phương chưa họp đại hội đảng bộ thì nhất thiết cấp uỷ phải tổ chức nghiên cứu học tập nghị quyết, trên cơ sở đó mà xem xét lại các bản đề án trước lúc họp đại hội. Nếu điều kiện cho phép thì nên tổ chức cho cán bộ nghiên cứu học tập trước lúc họp Đại hội. Ở những địa phương đã tiến hành đại hội, nếu chưa nghiên cứu học tập kỹ Nghị quyết lần thứ tám của Trung ương thì cũng phải tổ chức nghiên cứu học tập lại.

b) Đối với cán bộ cao, trung cấp ở xung quanh trung ương và cán bộ trung, sơ cấp ở các địa phương thì sau hội nghị Ban, đảng đoàn và cấp uỷ sẽ mở hội nghị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương và nhiệm vụ, phương hướng, kế hoạch của ngành hoặc địa phương (có thể mời một số cán bộ ngoài Đảng có trình độ tương đương tham gia).

c) Đối với các cán bộ Đảng từ sơ cấp đến đảng viên thường công tác ở các cơ quan thì tổ chức học tập ở chi bộ Đảng do các đảng uỷ, chi uỷ, phối hợp chặt chẽ với đảng đoàn lãnh đạo. Trong các cuộc hội nghị đó, có thể mời thêm một số cán

bộ ngoài Đảng có trình độ tương đương tham gia. Việc học tập này tiến hành vào những ngày giờ dành cho việc học tập tại chức và những buổi sinh hoạt chi bộ đã được quy định. Ngoài ra, nếu cần thiết, các đảng uỷ, chi uỷ có thể trao đổi với các đồng chí phụ trách cơ quan đề nghị dùng thêm một số thời giờ hành chính để học tập.

Thời gian cho các cuộc hội nghị học tập trên đây có thể từ 4 đến 6 ngày. Nội dung học tập thì dựa vào bản Đề cương kèm theo Chỉ thị này.

d) Đối với đảng viên ở nông thôn, ở xí nghiệp, công trường và nông trường nói chung, kể cả những nơi đã hoặc chưa tiến hành hai cuộc vận động, sẽ tổ chức học tập vào *đợt giáo dục đảng viên* mùa thu năm 1963 theo chương trình của Ban Tuyên giáo trung ương qui định. Trong lúc chờ đợi học tập, có thể phổ biến nghị quyết dưới hình thức sinh hoạt Đảng như thường lệ. Riêng những xí nghiệp, công trường, nông trường đang tiến hành cuộc vận động "3 xây 3 chống" cần tranh thủ tổ chức nghiên cứu Nghị quyết này, những hợp tác xã sắp tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật thì tranh thủ tổ chức việc phổ biến kỹ cho đảng viên trong thời gian chuẩn bị để quán triệt nội dung nghị quyết vào nội dung cuộc vận động.

đ) Đối với đoàn viên thanh niên, cũng cần tổ chức học tập theo chương trình của đảng viên. Đoàn viên có thể nghe giảng chung với đảng viên, và khi thảo luận thì làm riêng. Ở xí nghiệp, cơ quan, có thể mở rộng cho một số cán bộ kỹ thuật trẻ tuổi ngoài Đoàn tham gia.

e) Ban Mặt trận của Đảng tổ chức nghiên cứu cho các nhân sĩ, trí thức ngoài Đảng và giúp Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội trong việc nghiên cứu Nghị quyết này.

g) Đối với quần chúng nhân dân thì chỉ tuyên truyền phổ biến nghị quyết một cách rộng rãi bằng cách tổ chức những buổi báo cáo chung và báo cáo đi sâu vào từng chuyên đề, sau đó có trao đổi, mạn đàm, và nếu cần thì có giải đáp, nhất là ở các cơ quan và xí nghiệp. Các cấp uỷ đảng phải chọn và bồi dưỡng đội ngũ những người báo cáo và lãnh đạo đợt tuyên truyền này cho thật tốt. Các ngành, các bộ, các đoàn thể phải có kế hoạch tích cực tham gia đợt tuyên truyền giáo dục này.

Các ban, các Đảng đoàn ở trung ương và các cấp uỷ địa phương cần lãnh đạo việc học tập một cách nghiêm túc; cần phân tích sâu sắc tình hình nhận thức và tư tưởng của cán bộ, đảng viên trong cơ quan hoặc địa phương mình để có nội dung và biện pháp giải quyết cho tốt. Các đồng chí cấp uỷ viên và các đồng chí phụ trách cơ quan cần gương mẫu trong học tập, bảo đảm cho đợt học tập này đạt kết quả tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 124-TT/TW, ngày 8 tháng 7 năm 1963

### **Về việc tích cực giải quyết tốt vấn đề học sinh miền Nam**

Qua một năm thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW, công tác củng cố các trường nội trú học sinh miền Nam đã đạt được một số kết quả tốt.

Ban Bí thư nhắc các ngành, các cấp cần nhận thức rõ: việc duy trì các trường nội trú miền Nam còn cần thiết lâu dài; tổ chức tốt các trường nội trú miền Nam có ý nghĩa chính trị to lớn đối với phong trào cách mạng miền Nam hiện nay và sau này. Do đó các ngành, các địa phương cần nhận rõ trách nhiệm phải tiếp tục cố gắng khắc phục những khó khăn cụ thể, thực hiện thật tốt Chỉ thị số 51-CT/TW. Sau đây Ban Bí thư đề ra phương hướng giải quyết thêm một số vấn đề cụ thể.

### **I- VỀ HỌC SINH MIỀN NAM**

- Đối với học sinh sắp thi vào các trường đại học, Đảng đoàn Bộ Giáo dục cùng với Ban Thống nhất cần nghiên cứu đề ra yêu cầu cụ thể về đào tạo cán bộ cho miền Nam và có dự kiến phân phối các em thi vào các trường đại học. Các trường đại học cần chiếu cố đúng mức đến các em học sinh miền Nam, nghĩa là cố gắng thực hiện yêu cầu đề ra, nhưng phải bảo đảm điều kiện các em vào đại học có thể theo học được. Đối với các trường về nông nghiệp, có thể nới rộng hơn các trường đại học khác.

- Đối với các em đã tốt nghiệp lớp 10, nhưng không vào được đại học, cần thu nhận vào các trường chuyên nghiệp trung cấp.

- Đối với các em đã tốt nghiệp lớp 7 hoặc đang học lớp 8, lớp 9 và số thi trượt lớp 10 nhưng vì lớn tuổi không thể học lại lớp hay tiếp tục học lên cũng thu nhận vào các trường chuyên nghiệp trung cấp. Nếu cần thiết, có thể đề nghị với Chính phủ có thêm phụ khoản để thu nhận được hết số em này.

- Đối với các em học cấp I, cấp II đã quá lớn so với tuổi học phổ thông, sức học lại đuối, cần cho đi học các lớp kỹ thuật nhằm đào tạo thành công nhân kỹ thuật.

- Đối với các em hạnh kiểm xấu, khó dạy và đã lớn tuổi cần thực hiện như Chỉ thị 51-CT/TW: gửi các em vào các nông trường, xí nghiệp để thông qua lao động, giáo dục các em trở nên người tốt. Sau một thời gian, các em tiến bộ sẽ cho các em đi học nghề, đào tạo thành công nhân.

- Sự chiếu cố cần thực hiện nói chung đối với học sinh miền Nam nhưng chủ yếu là đối với các em không có gia đình ở miền Bắc.

## II- VỀ BIÊN CHẾ CÁC TRƯỜNG NỘI TRÚ HỌC SINH MIỀN NAM

- Hình thức trường nội trú đòi hỏi phải bố trí cán bộ tốt (từ ban giám hiệu, giáo viên đến người cấp dưỡng) và biên chế rộng hơn các trường ngoại trú. Đảng đoàn Bộ Giáo dục cùng với Ban Thống nhất lựa chọn cán bộ tốt cho các trường miền Nam. Hiệu trưởng các trường miền Nam cần là người miền Nam, còn giáo viên có thể là người miền Bắc. Nơi có nhiều nữ sinh phải có giáo viên nữ. Cần kiên quyết thay thế số cán bộ, nhân viên có thái độ không tốt, tư cách đạo đức kém, không đủ điều kiện phục vụ tốt các em. Biên chế các trường miền Nam không tính chung trong biên chế của ngành giáo dục địa phương, Đảng đoàn Bộ Giáo dục cần nghiên cứu quy định cho thoả đáng bảo đảm mọi mặt công tác của trường nội trú được tốt và đồng thời bảo đảm chế độ, quyền lợi cho các giáo viên.

- Cần tăng cường phòng quản lý công tác học sinh miền Nam của Bộ Giáo dục đủ sức giúp Bộ chỉ đạo tốt các trường nội trú học sinh miền Nam. (Đảng đoàn Bộ Giáo dục và Đảng đoàn Bộ Nội vụ sẽ thảo luận cụ thể).

## III- VỀ TRƯỜNG SỞ

- Tình hình tài chính hiện nay không cho phép xây cất thêm cơ sở mới. Cần tu sửa lại những nhà cửa đã dột nát. Trường hợp cần di chuyển trường sở đi nơi khác, nơi mới cần phải có

trường sở tương đương hoặc tốt hơn cơ sở cũ. Cụ thể hiện nay chỉ nên dời một trường ở Hải Phòng đi thị xã Kiến An và chuyển bớt một số học sinh ở Chương Mỹ (Hà Đông) đi nơi khác.

#### IV- ĐỐI VỚI HỌC SINH CÓ PHỤ HUYNH HIỆN NAY CÔNG TÁC Ở MIỀN BẮC

Việc đưa các em về ở chung với cha mẹ và học ở các trường ngoại trú cùng với học sinh miền Bắc rất có lợi về nhiều mặt. Các gia đình có con em học ở trường nội trú phải tích cực nhận các em về học ở các trường chung với các em học sinh miền Bắc (trước mắt là những phụ huynh có điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở). Các cấp uỷ, Uỷ ban hành chính địa phương, các Sở và Ty giáo dục cần cố gắng khắc phục các khó khăn (như hạn chế người về thành phố, thiếu trường sở, v.v.), tạo điều kiện cho các em tiếp tục được về học ở những nơi có phụ huynh công tác. Các chi bộ, công đoàn, các hội đồng hương có trách nhiệm thiết thực giúp đỡ điều kiện cho các phụ huynh nói trên trong một thời gian ngắn vài ba năm đưa được hầu hết con em mình về với gia đình.

Các cấp uỷ, các đảng đoàn, các đoàn thể có liên quan trực tiếp đến công tác học sinh miền Nam cần nghiêm chỉnh chấp hành Chỉ thị 51-CT/TW và Thông tri này. Nếu có khó khăn gì cần báo cáo cụ thể kèm theo dự kiến giải quyết của ngành hoặc địa phương để Trung ương Đảng và Chính phủ tiếp tục giải quyết.

T/L BAN BÍ THƯ  
Q.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

### NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 85-NQ/TW, ngày 24 tháng 7 năm 1963

**Về cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm,  
tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến  
kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu"  
(Nghị quyết này thay Nghị quyết số 51-NQ/TW)\***

Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng với sự giúp đỡ của các nước anh em, nhân dân ta đã phấn đấu giành được những *thắng lợi to lớn* trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và đang ra sức thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Các ngành công nghiệp chủ yếu đang bắt đầu thành hình và tiến tới phát triển thành một hệ thống cân đối.

Trên cơ sở quan hệ sản xuất được đổi mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế dần dần được xây dựng, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nói chung mọi hoạt động kinh

---

\* Nghị quyết số 51-NQ/TW: Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 26-4-1962 về cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu". Xem *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.23, tr.423 (B.T).

tế tài chính ở miền Bắc nước ta đang phát triển khá nhanh. Công tác quản lý kinh tế tài chính có nhiều tiến bộ.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển, tạo ra những khả năng mới, những thuận lợi mới. Nhưng đồng thời cũng có những khó khăn mới và nhược điểm mới. Chúng ta phải ra sức phấn đấu vượt qua mọi *khó khăn*, khắc phục những *khuyết điểm và nhược điểm* để phát huy những khả năng mới và thuận lợi mới.

Tổ chức và quản lý từ trên xuống dưới cần được tăng cường và cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tổ chức quản lý cần phải thật tập trung thống nhất, phải tránh sơ hở và lỏng lẻo.

Cần phải làm cho quan hệ sản xuất mới phát huy mạnh mẽ tác dụng trong việc đẩy mạnh sản xuất phát triển. Nhưng hiện nay, trong hầu hết các ngành, các đơn vị, sức lao động, tiền vốn, vật tư, thiết bị, máy móc chưa được sử dụng hợp lý, khả năng tiềm tàng chưa được khai thác. Năng suất lao động chung tăng chậm, giá thành còn cao, chất lượng còn kém, hiệu quả kinh tế còn thấp. Tệ tham ô, lãng phí, quan liêu xảy ra khá phổ biến, có nơi khá nghiêm trọng, đã gây nhiều thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân ta.

Yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng của chúng ta hiện nay là thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho công cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà. Đó là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn thể nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị. Đối với *nông thôn*, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật là nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, củng cố quan hệ sản xuất mới và tăng cường lực lượng của các hợp tác xã nông nghiệp, cải thiện đời sống của nông dân xã viên và của nhân dân nói chung, bảo đảm nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Đối với ngành *công nghiệp* và các ngành kinh tế quốc doanh, cuộc vận động "*Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*" sẽ có tác dụng to lớn là vừa đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và kinh tế quốc doanh phát triển, vừa góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp, củng cố khối liên minh công nông, đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

## I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

A. *Mục đích* của cuộc vận động này là: *Tăng cường và cải tiến quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, nhằm đẩy mạnh sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động xã hội, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tích cực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống của nhân dân.*

Trước mắt, cuộc vận động này nhằm động viên toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức *phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất.*

B. *Yêu cầu chung của cuộc vận động*: Trong khoảng thời gian từ nay đến cuối năm 1965, làm cho các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, đến các cơ sở, quán triệt đường lối và nhiệm vụ cách mạng hiện nay, *ra sức thực hiện một sự chuyển biến cách mạng trên các mặt tư tưởng và tổ chức*, đưa công tác quản lý kinh tế tài chính tiến lên trình độ mới theo đúng quan điểm và nguyên tắc quản lý kinh tế - xã hội chủ nghĩa. Đây là một cuộc đấu tranh cách mạng nhằm xoá bỏ những tư tưởng, những thói hư tật xấu của giai cấp tư sản,

những tàn dư của chế độ bóc lột, khắc phục ảnh hưởng của những tập quán kinh doanh cá thể, nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế toàn diện và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Cụ thể là:

*1. Bồi dưỡng và nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và quan điểm quản lý kinh tế - xã hội chủ nghĩa*

- Tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, thứ bảy, thứ tám của Trung ương Đảng. Trên cơ sở đó, nâng cao giác ngộ giai cấp, xây dựng và bồi dưỡng quan điểm, quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát huy ý thức làm chủ tập thể của mọi người, nâng cao nhiệt tình cách mạng, hăng hái nhận nhiệm vụ mới và phấn đấu giành thắng lợi mới. Nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật, tinh thần tự lực cánh sinh và cần kiệm xây dựng nước nhà.

- Kiên quyết và bền bỉ đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động trái với quan điểm và nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhất là tình trạng quản lý phân tán, vô tổ chức.

- Tăng cường đoàn kết nhất trí, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, thi đua làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ.

*2. Tăng cường và cải tiến tổ chức quản lý và nghiệp vụ quản lý*

- Xác định rõ ràng phương hướng và nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của mỗi đơn vị, mỗi ngành.

- Chấn chỉnh và củng cố tổ chức của các cấp, các ngành, các đơn vị cho hợp lý, mạnh mẽ, gọn nhẹ, phù hợp với nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất và tập trung dân chủ. Quy

định rõ ràng chức năng và trách nhiệm của từng tổ chức, từng cá nhân. Tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu suất công tác, cải tiến tác phong lãnh đạo và lề lối làm việc, khắc phục tình trạng quan liêu sự vụ, giấy tờ, hội họp quá nhiều.

- Đưa vào nền nếp và quy củ việc chấp hành các chính sách, chế độ, thể lệ về kinh tế tài chính. Bổ sung những điểm còn thiếu, sửa đổi những điểm chưa hợp lý. Nghiên cứu và ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ cần thiết.

Đưa công tác kiểm tra vào chế độ thường xuyên.

- Tăng cường và cải tiến các mặt quản lý: quản lý kế hoạch, quản lý kỹ thuật, quản lý lao động, quản lý vật tư, quản lý tài vụ, để thực hiện quản lý toàn diện, tập trung thống nhất và tập trung dân chủ.

Củng cố và mở rộng việc thực hiện hạch toán kinh tế trong tất cả các cơ sở sản xuất và kinh doanh.

- Chấn chỉnh và tăng cường công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý. Chú trọng sử dụng tốt lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật.

*3. Cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất*

Cuộc vận động này cần kết hợp chặt chẽ với *phong trào thi đua yêu nước* mà tiến hành cải tiến kỹ thuật, trang bị mới, hoặc bổ sung thiết bị máy móc để thực hiện tái sản xuất mở rộng. Qua cuộc vận động này, một mặt phải nâng cao trình độ kỹ thuật, nắm vững kỹ thuật, sử dụng đầy đủ công suất của máy móc thiết bị hiện có, tổ chức và sử dụng hợp lý sức lao động, mặt khác, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào thi đua hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong khắp các xí nghiệp, công trường, nông trường.

Mỗi ngành, mỗi đơn vị cần nghiên cứu đề ra chương trình của mình về hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật để thực hiện trong thời gian kế hoạch 5 năm này.

#### 4. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu

Cần giáo dục cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức nhận thức rõ *tham ô, lãng phí* là trái với đạo đức cách mạng, là có tội lỗi đối với Nhà nước và nhân dân. *Quan liêu* vừa là nguyên nhân đẻ ra tham ô, lãng phí, vừa hạn chế rất nhiều tác dụng lãnh đạo của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Những tệ nạn xấu xa ấy nguyên là của chế độ bóc lột, hiện đang tồn tại và gây tác hại lớn trên nhiều mặt.

Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là một cuộc đấu tranh cách mạng nhằm xoá bỏ những tàn dư của chế độ bóc lột, xây dựng và bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức có lập trường và tư tưởng vô sản, có đạo đức cần kiệm liêm chính.

Đi đôi với phát động tư tưởng làm cho mọi người căm ghét và lên án tệ tham ô, lãng phí, quan liêu, cần có những biện pháp thiết thực về tổ chức, về quản lý để ngăn ngừa những tệ nạn ấy.

#### 5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với công tác quản lý kinh tế tài chính

Chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức chỉ đạo, bảo đảm đầy đủ sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng và Chính phủ. Tăng cường trách nhiệm và phát huy dân chủ đối với các địa phương, các cơ sở; thực hiện tốt các quy định về phân cấp quản lý đối với các ngành kinh tế và văn hoá. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện ở các cơ sở.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trên các mặt chính sách, chế độ, thể lệ. Thống nhất nội dung lãnh đạo chính trị và kinh tế, thực sự đi sâu vào lãnh đạo kinh tế tài chính.

C. *Yêu cầu đối với các cấp, các ngành*: Trên đây là những yêu cầu chung mà các cấp, các ngành đều phải *quán triệt và thực hiện*. Đối với từng cấp và từng ngành, cần chú trọng những yêu cầu sau đây:

#### 1. Yêu cầu đối với các cơ sở sản xuất và kinh doanh

- Xác định rõ ràng nhiệm vụ và phương hướng sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Chấn chỉnh và củng cố tổ chức sản xuất và kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới của đơn vị và của ngành.

- Tăng cường và cải tiến các mặt quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ, xúc tiến việc xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, các định mức lao động... nhằm tận dụng năng lực sẵn có, khai thác khả năng tiềm tàng của cơ sở. Tích cực củng cố và mở rộng việc thực hiện hạch toán kinh tế.

- Tăng cường đoàn kết nhất trí, ra sức thi đua hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nhằm hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng ở xí nghiệp. Hết sức đề cao trách nhiệm và quyền lực của giám đốc. Phát huy đầy đủ vai trò của công đoàn trong việc hướng dẫn quần chúng công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp.

Ra sức củng cố và phát triển tốt chi bộ Đảng, chi đoàn thanh niên lao động và công đoàn cơ sở.

#### 2. Yêu cầu đối với các địa phương (thành, tỉnh)

- Phát huy hơn nữa vai trò của chính quyền địa phương trong việc quản lý kinh tế tài chính. Chú trọng đi sâu vào việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch Nhà nước. Mặt khác, phải có kế hoạch trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế trong địa phương, phù hợp với khả năng và yêu cầu.

- Cải tiến và kiện toàn các bộ máy quản lý kinh tế tài chính của địa phương.

- Tăng cường sự lãnh đạo và kiểm tra của thành uỷ, tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính thành, tỉnh, đối với các xí nghiệp, công trường, nông trường của trung ương hoạt động ở địa phương.

### 3. Yêu cầu đối với các ngành sản xuất và kinh doanh của Nhà nước

- Xác định rõ ràng nhiệm vụ và phương hướng sản xuất kinh doanh của mỗi ngành, mỗi đơn vị. Cải tiến và kiện toàn tổ chức quản lý của ngành.

- Tăng cường quản lý về mọi mặt; xúc tiến việc xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật...

- Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện nhằm phát huy tính tích cực và chủ động của các địa phương, các cơ sở trong việc thực hiện vượt mức các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước.

- Nâng cao hơn nữa *chất lượng công tác kế hoạch hoá*, cải tiến và tăng cường việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhằm *tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm*.

- Nắm chắc tình hình các cơ sở, tăng cường chỉ đạo về chủ trương và biện pháp cụ thể, giải quyết nhanh và gọn các vấn

đề thuộc quyền hạn của mình. Đề cao sự hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các ngành và các địa phương.

- Tích cực bồi dưỡng và nâng cao trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ và công nhân.

4. *Yêu cầu đối với các cơ quan tổng hợp của Nhà nước* (Uỷ ban kế hoạch Nhà nước, Uỷ ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, các Văn phòng của Phủ Thủ tướng)

- Kết hợp chặt chẽ với các ngành chủ quản và các địa phương để thông qua cuộc vận động ở các cơ sở, các ngành và các địa phương mà *cải tiến công tác của mình*, nhằm giúp Chính phủ vừa lãnh đạo quản lý sâu từng mặt, vừa tổng hợp được tình hình một cách toàn diện, chính xác và nhanh chóng.

- Tiến thêm một bước mới giúp Chính phủ cải tiến và tăng cường công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung thống nhất và tập trung dân chủ trong việc lãnh đạo và quản lý kinh tế tài chính. Phối hợp với các Bộ và các Tổng cục nghiên cứu làm quy hoạch các ngành sản xuất chủ yếu.

- Kịp thời nghiên cứu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ, thể lệ cho phù hợp với tình hình mới.

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính sách và nghiệp vụ cho cán bộ và nhân viên.

### 5. Yêu cầu đối với các cơ quan sự nghiệp và hành chính

- Quy định rõ ràng chức năng của từng tổ chức, từng cá nhân, đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, từng cá nhân nhằm tăng cường hơn nữa hiệu lực của các cơ quan Nhà nước.

- Tăng cường việc nghiên cứu và chấp hành các chính sách, chế độ, thể lệ về các mặt chuyên môn, nghiệp vụ, hành chính.
- Tinh giản bộ máy, tăng cường và cải tiến sự liên hệ với quần chúng nhân dân. Tích cực chống bệnh quan liêu sự vụ, giấy tờ, hội họp quá nhiều.
- Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ. Ra sức phấn đấu nâng cao hiệu suất và chất lượng công tác và mở rộng phạm vi phục vụ.

\*

\*   \*

Trên đây là những yêu cầu chủ yếu đề ra cho các cấp, các ngành, các đơn vị. Khi tiến hành, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị phải căn cứ vào tình hình thực tế của mình và những chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mà đề ra yêu cầu cho sát hợp và nêu ra những chỉ tiêu cụ thể về tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, v.v.. để có mục tiêu phấn đấu thiết thực và cố gắng phấn đấu vượt mức.

## II- PHƯƠNG CHÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH CUỘC VẬN ĐỘNG

### A- Phương châm

Cuộc vận động "nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" là một cuộc vận động cách mạng của quần chúng đi sâu vào sản xuất, đi sâu vào quản lý kinh tế tài chính. Trong khi tiến hành, cần nắm vững phương châm sau đây:

1. Phải coi trọng cả hai mặt "xây và chống"; muốn xây tốt thì phải chống tốt, và chống thì phải nhằm phục vụ xây.
2. Coi trọng phát động tư tưởng, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình.
3. Kết hợp tốt cuộc vận động với việc thực hiện kế hoạch sản xuất và công tác, bảo đảm sản xuất tốt và vận động tốt.
4. Kết hợp chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ với quần chúng; cấp trên phải gương mẫu, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong việc thực hiện tự phê bình và phê bình, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm. Cấp trên phải có kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ thiết thực cấp dưới và cơ sở làm tốt cuộc vận động.
5. Chuẩn bị thật chu đáo nhưng làm cho gọn, tranh thủ đạt kết quả tốt.

Trong quá trình tiến hành cuộc vận động, phải luôn luôn đề cao cảnh giác cách mạng, tăng cường bảo vệ sản xuất, bảo vệ bí mật kinh tế của Nhà nước, đề phòng kẻ địch phá hoại.

### B- Phương pháp tiến hành

1. Trước khi mở rộng cuộc vận động, cần chọn một vài cơ sở tiêu biểu cho các mặt hoạt động chủ yếu của ngành mình và cấp mình để làm *thí điểm*, rút kinh nghiệm về mọi mặt.
2. Sau đó, tiến hành cuộc vận động ngay trong các Bộ và Tổng cục, làm trước đối với các Bộ quản lý sản xuất và kinh doanh, các cơ quan tổng hợp của Nhà nước. Qua đợt vận động này, các Bộ sẽ *bổ sung phương án về cuộc vận động của ngành mình* trong đó có yêu cầu và nội dung tăng cường quản lý chung của toàn ngành và đối với từng loại cơ sở. Tùy

khả năng chỉ đạo và tình hình cụ thể, mỗi ngành cần chia cuộc vận động thành mấy đợt.

Khi tiến hành cuộc vận động, các đơn vị sẽ căn cứ vào phương án của ngành mà đề ra phương án và yêu cầu cụ thể của đơn vị mình.

3. Trong quá trình tiến hành cuộc vận động, các cơ quan tổng hợp của Nhà nước phải chú trọng cải tiến công tác của mình, đồng thời giải quyết những việc thuộc trách nhiệm của mình do các cơ sở, các ngành, các cấp đề ra.

4. Các địa phương (thành và tỉnh) sẽ *đề ra phương án về cuộc vận động của địa phương mình*, trong đó có yêu cầu và nội dung tăng cường quản lý đối với từng ngành trong địa phương để chỉ đạo cuộc vận động đối với các ngành và các cơ sở.

5. Trước khi tiến hành cuộc vận động, phải chuẩn bị thật kỹ. Trong khi tiến hành sẽ chia ra từng bước nhằm tiến hành trước trong cán bộ và đảng viên cho thật tốt rồi mới phát động quần chúng. Thời gian chung của các bước (không kể công tác chuẩn bị) vào khoảng bốn tháng.

6. Vấn đề *thưởng, phạt trong cuộc vận động*: Chính sách chung là lấy giáo dục làm chính, khuyến khích mọi người phát huy ưu điểm, thành khẩn nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa để tiến bộ không ngừng. Có thành tích thì khen thưởng, có khuyết điểm nghiêm trọng thì phải phạt. Qua việc thưởng phạt mà giáo dục nâng cao tư tưởng, nâng cao trình độ quản lý và cải tiến tác phong của mọi người.

Khi xử phạt, cần phải thận trọng, phân biệt kỹ từng trường hợp, cân nhắc cho đúng mức, tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà xử

trí. Yêu cầu là làm cho mỗi người thấy hết trách nhiệm của mình mà thành khẩn nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa.

Việc thưởng, phạt đều căn cứ vào chính sách hiện có của Nhà nước mà thi hành, và cần phải lắng nghe ý kiến của quần chúng. Đối với những người thành khẩn nhận khuyết điểm và cố gắng thật thà sửa chữa thì khoan hồng. Đối với những phần tử quá xấu thì phải xử trí nghiêm khắc.

### III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Cuộc vận động này nhằm kiểm tra toàn diện công tác quản lý kinh tế tài chính của các cấp, các ngành, các địa phương, các đơn vị, cho nên cấp ủy Đảng và thủ trưởng mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị phải *thực sự lãnh đạo và phụ trách chỉ đạo cuộc vận động*.

*Các bộ và các tổng cục chịu trách nhiệm trực tiếp phụ trách chỉ đạo cuộc vận động trong tất cả các đơn vị do bộ, tổng cục quản lý*. Đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý, các bộ và các tổng cục phải giúp đỡ về mặt nghiệp vụ, kỹ thuật. Phải gắn chặt cuộc vận động này vào công tác quản lý thường xuyên và ghi vào nhiệm vụ kế hoạch của Bộ. Ban chỉ đạo cuộc vận động ở bộ và ở tổng cục phải do Bộ trưởng, Tổng cục trưởng phụ trách và phải có Thứ trưởng, Tổng cục phó chuyên trách.

*Trách nhiệm của Thành ủy, Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính thành, tỉnh là trực tiếp phụ trách chỉ đạo cuộc vận động trong tất cả các đơn vị do địa phương quản lý*. Đối với các đơn vị của Trung ương ở địa phương, thành ủy, tỉnh ủy có

trách nhiệm lãnh đạo đảng viên và quần chúng làm tốt cuộc vận động; cộng tác chặt chẽ với các bộ chủ quản để giải quyết những yêu cầu cụ thể của cuộc vận động.

Ở các địa phương (thành, tỉnh) cần thành lập Ban chỉ đạo để giúp thành uỷ, tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính thành, tỉnh tổ chức chỉ đạo cuộc vận động. Bí thư thành uỷ, tỉnh uỷ và Chủ tịch Uỷ ban hành chính thành, tỉnh phải phụ trách và phải có phó bí thư hoặc phó chủ tịch chuyên trách. Ở cơ sở, khi tiến hành cuộc vận động, thủ trưởng đơn vị phải phụ trách, Đảng uỷ lãnh đạo. Công đoàn và Đoàn Thanh niên lao động chịu trách nhiệm tổ chức và động viên cán bộ, đoàn viên, công nhân, viên chức tích cực tham gia cuộc vận động.

2. Các cơ quan tổng hợp của Nhà nước, các Ban của Trung ương Đảng, Tổng Công đoàn, Đoàn Thanh niên lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các cơ quan, các ngành khác, tùy theo chức năng mà tích cực tham gia cuộc vận động và cải tiến công tác của cơ quan mình, ngành mình, đồng thời có kế hoạch thiết thực phục vụ cuộc vận động.

3. *Ban chỉ đạo cuộc vận động trung ương* có nhiệm vụ giúp Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo chung cuộc vận động cho thật tốt; hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành tiến hành cuộc vận động; từng thời kỳ sơ kết hoặc tổng kết để rút kinh nghiệm và giải quyết các vấn đề chung nhằm đẩy mạnh cuộc vận động.

\*

\*   \*

Cuộc vận động này có ý nghĩa rất quan trọng về nhiều mặt và bao gồm một phạm vi rất rộng lớn.

Để thực hiện tốt cuộc vận động, trước hết cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức phấn khởi, gây

thành một phong trào cách mạng sôi nổi. Phải ra sức phấn đấu thực hiện một sự chuyển biến lớn về chính trị và kinh tế, về tư tưởng và tổ chức, về nghiệp vụ và kỹ thuật, nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất công nghiệp và nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, và cải thiện đời sống của nhân dân; nhằm tăng cường lực lượng của miền Bắc làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## BÀI NÓI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

**Tại Hội nghị phổ biến**

**Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động**

**"Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường**

**quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật,**

**chống tham ô, lãng phí, quan liêu"**

Ngày 27 tháng 7 năm 1963

*Các đồng chí,*

Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị điều kiện tốt cho những kế hoạch sau, để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, Đảng và Chính phủ đã quyết định bắt đầu tiến hành hai cuộc vận động lớn:

Một là cuộc vận động "Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu". Gọi tắt là "3 xây, 3 chống".

Hai là cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

Hai cuộc vận động này liên quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Có thể ví hai cuộc vận động như hai bánh xe vững

chắc, nó góp phần rất đắc lực vào việc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hôm nay, chúng ta chỉ nói chuyện về cuộc vận động "3 xây, 3 chống".

Mục đích và yêu cầu của cuộc vận động này là gì? Tổ chức thế nào, chỉ đạo thế nào, tiến hành thế nào cho có kết quả tốt? Những điều đó đã ghi rõ trong *Nghị quyết* của Bộ Chính trị. Ở đây, tôi chỉ tóm tắt nhấn mạnh mấy điểm.

Từ ngày hoà bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, với sự lãnh đạo của Đảng, sự cố gắng của nhân dân và sự giúp đỡ tận tình của các nước anh em, chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi trong công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nhận rõ những thắng lợi đó.

Chắc rằng thắng lợi còn nhiều hơn nữa và to hơn nữa, nếu mỗi người cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta có ý thức trách nhiệm cao hơn; nếu chúng ta quản lý kinh tế tài chính khéo hơn; nếu chúng ta biết cải tiến kỹ thuật tốt hơn.

Nhưng chúng ta phải thật thà nhận rõ những khuyết điểm và nhược điểm, để kiên quyết sửa chữa: như ý thức làm chủ nước nhà và tinh thần trách nhiệm còn kém. Chế độ và phương pháp quản lý kinh tế tài chính của chúng ta còn nhiều thiếu sót và lỏng lẻo. Kỷ luật lao động chưa được thật nghiêm túc, sử dụng lao động chưa được hợp lý. Khả năng thiết bị máy móc tuy có khá nhiều nhưng chưa được sử dụng đầy đủ.

Bởi những khuyết điểm đó, mà năng suất lao động bình quân tăng rất chậm, sản xuất phát triển chưa được mạnh mẽ, vững chắc và cân đối. Do đó mà đời sống vật chất của nhân dân chưa được cải thiện nhiều.

Mọi người biết rằng mức sống với sản xuất là như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao. Sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì đời sống mới được cải thiện, không có cách nào khác.

- Trong cuộc vận động này điểm 1 là: *Nâng cao tinh thần trách nhiệm* là làm cho mọi người hiểu rõ mình có trách nhiệm cần kiệm xây dựng nước nhà. Mọi người có trách nhiệm tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để Nhà nước có thể vừa tích lũy thêm tiền vốn xây dựng, vừa cải thiện đời sống của nhân dân. Mọi người còn có trách nhiệm lao động sản xuất sao cho xứng đáng với đồng bào miền Nam đang hy sinh xương máu, anh dũng chiến đấu chống chế độ phát xít Mỹ- Diệm.

- Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc *quản lý kinh tế tài chính* là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc.

Cho nên điểm 2 của cuộc vận động là: tăng cường và củng cố các việc quản lý: quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý tiền bạc, v.v.. Phải tăng cường việc quản lý từ trung ương đến địa phương. Các xí nghiệp, công trường, nông trường... đều phải thực hiện việc quản lý một cách nghiêm chỉnh.

- Muốn phát triển sản xuất thì phải cải tiến kỹ thuật, nghĩa là: phải biết học tập để nắm vững kỹ thuật, sử dụng đầy đủ công suất máy móc. Phải tìm tòi sáng kiến để tổ chức lao động cho hợp lý. Phải cải tiến phương tiện, máy móc làm việc để đạt năng suất cao, chất lượng tốt.

Muốn xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp, thì cần phải tiêu diệt những thói hư, tật xấu của xã hội cũ còn sót lại. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Số đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta đều tận tụy và trong sạch. Cho nên chúng ta đã thu được những thành tích trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng trong hàng ngũ ta vẫn còn một số người không tốt. Họ tham ô và lãng phí của Nhà nước và của nhân dân.

Vì vậy, cuộc vận động này gồm có "3 xây" là xây những cái tốt nói trên và "3 chống" là chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- *Tham ô* là hành động xấu xa nhất, tội lỗi tệ nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà; hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân; hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân.

- *Lãng phí* tuy khác với tham ô ở chỗ người gây ra lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân. Lãng phí có nhiều nguyên nhân. Hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo. Hoặc vì trong khi thực hiện kế hoạch tính toán không cẩn thận. Hoặc vì bệnh hình thức xa xỉ, phô trương. Hoặc vì thiếu tinh thần bảo vệ của công. Nói tóm lại là vì thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước và của nhân dân.

- *Quan liêu* là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với công việc thì không điều tra nghiên cứu kỹ lưỡng. Chỉ đạo thì đại khái, chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác phong không dân chủ. Sợ phê bình và tự phê bình. Không giữ đúng

nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách,... Vì vậy, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí.

"3 xây" và "3 chống" quan hệ chặt chẽ với nhau. Làm "3 chống" triệt để nhằm bảo đảm cho công việc "3 xây" thành công. "3 xây" phát triển mạnh mẽ thì đối tượng "3 chống" sẽ được xoá bỏ tận gốc.

Cuộc vận động này lấy *giáo dục làm chính*: khen ngợi những người tốt, việc tốt; khuyến khích những người có khuyết điểm tự giác tự động cố gắng sửa chữa để trở nên người tốt. Phải tiến hành khẩn trương, nhưng không nóng vội... Làm nơi nào phải thật tốt nơi ấy, để rút kinh nghiệm phổ biến cho nơi khác.

Để thực hiện tốt cuộc vận động, cần chú ý mấy điểm sau đây:

- Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động với phong trào thi đua yêu nước.

- Phải liên hệ chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Cán bộ (trước hết là cán bộ phụ trách), đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu, xung phong, thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình, có khuyết điểm thì quyết tâm sửa chữa.

Phải mạnh dạn phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

- Đảng uỷ các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động. Thủ trưởng các ngành phải thật sự phụ trách cuộc vận động.

- Toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức phải hăng hái tham gia cuộc vận động với tinh thần phấn khởi và chí khí quyết thắng.

Đây là một cuộc vận động to lớn, một cuộc vận động cách mạng. Nó sẽ đưa lại sự chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, về chính trị và kinh tế. Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ góp phần rất to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà thắng lợi. Vì vậy, Đảng đòi hỏi đảng uỷ các cấp, thủ trưởng các ngành và toàn thể anh chị em lao động chân tay cùng lao động trí óc phải có quyết tâm và nghị lực thực hiện cuộc vận động này thắng lợi hoàn toàn.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,

Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1996, t.11, tr. 108-112.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 809-NQNS/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1963

**Về việc thành lập Đảng đoàn Ủy ban  
Thể dục thể thao Trung ương**

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

**BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ**

1. Chỉ định Đảng đoàn Ủy ban Thể dục thể thao Trung ương gồm các đồng chí có tên sau đây:

- Hoàng Văn Thái
- Nguyễn Văn Quạn
- Ngô Luân

Do đồng chí Hoàng Văn Thái làm Bí thư Đảng đoàn.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Ủy ban Thể dục thể thao Trung ương, và các đồng chí có tên kể trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 128-TT/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1963

**Về một số vấn đề về quan hệ quốc tế  
trong tình hình trước mắt hiện nay**

Vừa qua, Trung ương Đảng đã phổ biến cho toàn Đảng quan điểm của Đảng ta đối với một số vấn đề thuộc chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản quốc tế, và thái độ của Đảng ta nhằm phấn đấu khắc phục bất đồng, tăng cường đoàn kết giữa các đảng cộng sản và công nhân anh em.

Để bảo đảm giữ quan hệ quốc tế được tốt, và bảo đảm tăng cường đoàn kết quốc tế trong tình hình trước mắt hiện nay, Ban Bí thư quy định một số việc cụ thể như sau:

1. Từ nay, toàn Đảng phải chấp hành một kỷ luật nghiêm ngặt trong việc phát biểu ý kiến ra nước ngoài về các vấn đề có quan hệ đến đường lối, sách lược của phong trào cộng sản quốc tế. Chỉ Trung ương Đảng (hoặc cơ quan, cán bộ được Trung ương giao trách nhiệm) mới được quyền phát biểu về các vấn đề nói trên. Các đoàn cán bộ được cử ra nước ngoài công tác trước khi lên đường, cần có sự chuẩn bị kỹ về nội dung công tác, nội dung các vấn đề sẽ phát biểu, về thái độ xử trí đối với các trường hợp có thể xảy ra; đối với các vấn đề cần thiết, cần xin chỉ thị Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đối với

cán bộ nói chung (công tác ở trong nước hoặc ở nước ngoài), tuy có quan hệ với cán bộ các đảng anh em, nhưng không có trách nhiệm phát biểu về các vấn đề quan điểm bất đồng, thì nhiệm vụ chính là giữ quan hệ tốt, làm tốt công việc mình phụ trách; trong trường hợp được hỏi về các vấn đề nói trên thì cần suy xét, nếu thấy trả lời là cần thiết và có lợi cho đoàn kết thì phải nói đúng quan điểm và thái độ của Đảng, không được nói sai trái hoặc theo ý kiến riêng của mình.

2. Các ban, các Đảng đoàn, các cấp uỷ Đảng cần có kế hoạch giải thích từng bước và một cách thích hợp cho cán bộ ngoài Đảng và quần chúng ngoài Đảng nơi mình phụ trách hiểu rõ thái độ của Đảng ta đối với vấn đề đoàn kết quốc tế hiện nay. Các chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn cần chú trọng uốn nắn những thái độ sai lầm (dao động, bi quan, bực tức, v.v.), kịp thời ngăn ngừa những hành động lệch lạc có thể xảy ra. Ngăn ngừa việc một số quần chúng viết thư ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài về, nói về những vấn đề không lợi cho đoàn kết quốc tế; ngăn ngừa việc tự ý liên lạc với các cơ quan và người nước ngoài xin tài liệu về các vấn đề ý kiến bất đồng. Đề phòng và ngăn chặn các hành động khiêu khích, các luận điệu chia rẽ, xuyên tạc của kẻ địch và các phần tử xấu, v.v..

3. Các cơ quan của Đảng phụ trách về công tác đối ngoại (Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương, Ban Công tác quốc tế nhân dân, Đảng đoàn Bộ Ngoại giao) và Ban Tuyên giáo Trung ương có trách nhiệm giúp Trung ương đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 822-NQNS/TW, ngày 30 tháng 8 năm 1963

### Về việc thành lập Đảng đoàn Bộ Văn hoá

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

#### BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ

1. Chỉ định Đảng đoàn Bộ Văn hoá gồm các đồng chí có tên sau đây:

- Hà Huy Giáp
- Cù Huy Cận
- Nguyễn Đức Quỳ
- Võ Hồng Cương
- Đặng Khánh Côn

Do đồng chí Hà Huy Giáp làm Bí thư Đảng đoàn.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Bộ Văn hoá và các đồng chí có tên kể trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 824-NQNS/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1963

**Về việc thành lập Đảng đoàn Ủy ban Liên lạc  
văn hóa với nước ngoài**

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

**BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ**

1. Chỉ định Đảng đoàn Ủy ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài gồm các đồng chí có tên sau đây:

- Phạm Hồng
- Phạm Ngọc Thuận
- Lưu Quý Kỳ
- Trần Các

Do đồng chí Phạm Hồng làm Bí thư Đảng đoàn.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Ủy ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài và các đồng chí có tên kể trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**T/M BAN BÍ THƯ**

**LÊ ĐỨC THỌ**

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 839-NQNS/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1963

**Về việc thành lập Đảng đoàn Hội Liên hiệp  
Văn học nghệ thuật**

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

**BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ**

1. Chỉ định Đảng đoàn Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật gồm các đồng chí:

- Nguyễn Đình Thi
- Hoài Thanh
- Nông Quốc Chấn
- Bảo Định Giang
- Đỗ Nhuận
- Huỳnh Văn Thuận
- Học Phi

Do đồng chí Nguyễn Đình Thi làm Bí thư Đảng đoàn.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật và các đồng chí có tên kể trên có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 66-CT/TW, ngày 11 tháng 9 năm 1963

**Về việc tiến hành khẩn trương các công tác  
để sẵn sàng đập tan âm mưu của Mỹ - Diệm  
tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại  
miền Bắc nước ta**

Trong thời gian vừa qua, chấp hành Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về đấu tranh chống các bọn phản cách mạng, Chỉ thị số 20-CT/TW về đối phó với hoạt động tung gián điệp, biệt kích của bọn Mỹ - Diệm và các chỉ thị khác của Ban Bí thư, các cấp uỷ, các thủ trưởng đã có chú trọng lãnh đạo chặt chẽ hơn trước công tác đấu tranh chống kẻ địch. Nhiều toán gián điệp biệt kích đã bị bắt và trừng trị; nhiều phần tử phản cách mạng đã bị tập trung cải tạo, phong trào bảo vệ trị an đã được phát động khá hơn ở nhiều nơi; cuộc vận động bảo mật phòng gian cũng đã đem lại kết quả bước đầu. Những thành tích ấy chứng tỏ rằng tuy âm mưu của địch to lớn và thâm độc, tuy hoạt động phá hoại của chúng ráo riết, nhưng do chủ trương của Đảng ta đúng; do chính quyền của chúng ta ở miền Bắc ngày càng vững mạnh, do nhân dân ta tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta hoàn toàn có *khả năng đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch đối với miền Bắc nước ta*, giữ vững trật

tự trị an nhằm bảo đảm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc tiến hành được thuận lợi.

Nhưng trong quá trình đấu tranh trấn áp phản cách mạng, mấy năm qua, cũng đã bộc lộ nhiều *nhược điểm và khuyết điểm* của chúng ta:

- Một số vụ địch xâm nhập không phát hiện được, một số hiện tượng tình nghi gián điệp biệt kích chưa kết luận được.
- Công tác tập trung cải tạo những tên phản cách mạng nguy hiểm tiến hành còn chưa đáp ứng kịp với yêu cầu; việc giáo dục cải tạo những cơ sở cũ của địch chưa được thường xuyên.

- Phong trào bảo vệ tự trị an chưa được thật thường xuyên và sâu rộng, nhất là ở các vùng xung yếu.

- Sau cuộc vận động bảo mật phòng gian, công tác bảo vệ nội bộ ở một số khá đông cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, đơn vị vũ trang, vẫn chưa được chú ý đúng mức; việc quản lý cán bộ, đảng viên, công nhân viên còn nhiều sơ hở.

- Các cơ quan chuyên chính chưa thật sự được kiện toàn và chưa có sự phối hợp thật chặt chẽ.

Nhưng *vấn đề tồn tại* chủ yếu hiện nay vẫn là ở chỗ nhiều địa phương chưa thật sự nhận thức sâu sắc âm mưu địch, do đó *chưa thật sự động viên một cách sâu rộng toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, trước hết là phòng, chống gián điệp, biệt kích và giữ gìn trật tự trị an nói chung.*

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình nói trên là do:

a) Nhận thức về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản trong đảng viên và nhân dân trước tình hình chính trị cụ thể của miền Bắc hiện nay chưa được đầy đủ, rõ ràng. Nhận thức về âm mưu của địch chưa được sâu sắc, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức đánh địch chưa mạnh.

b) Nhiều đảng uỷ các cấp chưa thật sự lãnh đạo chặt chẽ và thường xuyên công tác đấu tranh chống phản cách mạng.

\*

\* \*

Do ngày càng bị lúng túng trước những thắng lợi liên tiếp của phong trào cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam và do âm mưu phát động lại chiến tranh ở Lào, trong những tháng gần đây, bọn Mỹ - Diệm đã *điên cuồng tung hàng loạt gián điệp, biệt kích nhằm phá hoại miền Bắc một cách táo bạo hơn, ráo riết hơn và liều lĩnh hơn.*

Trong thời gian tới, chúng sẽ còn ráo riết tung hàng loạt gián điệp, biệt kích nhiều hơn nữa để cố gây được thiệt hại cho miền Bắc. Đồng thời chúng còn có thể liều lĩnh tổ chức những cuộc tập kích đột nhập chớp nhoáng vùng giới tuyến; ven biển của ta để hòng tạo nên không khí lộn xộn ở miền Bắc.

Mỹ - Diệm tung gián điệp, biệt kích ra miền Bắc trước mắt là muốn sử dụng bọn này hoạt động phá hoại ta trên nhiều mặt. Nhưng cần thấy *thực chất hoạt động tung gián điệp, biệt kích của Mỹ - Diệm là muốn thông qua hoạt động của bọn này mà kích động những bọn phản cách mạng đã có sẵn ở miền Bắc nổi dậy chống lại chính quyền cách mạng.*

Hoạt động của gián điệp, biệt kích Mỹ - Diệm sẽ kích động bọn phản cách mạng sẵn có ở miền Bắc hoạt động mạnh lên. Ngược lại, hoạt động của bọn phản cách mạng hiện có ở miền Bắc mạnh lên lại càng thúc đẩy Mỹ - Diệm tung thêm gián điệp, biệt kích đến miền Bắc.

Đứng trước tình hình hoạt động phá hoại ráo riết điên cuồng và liều lĩnh của Mỹ - Diệm, *nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là phải ra sức đẩy mạnh các mặt công tác đánh địch quyết đập tan mọi âm mưu phá hoại của bọn gián điệp, biệt kích Mỹ - Diệm và của các bọn phản cách mạng khác, giữ vững trật tự an ninh ở miền Bắc.*

Để thực hiện nhiệm vụ ấy, các cấp, các ngành phải tiếp tục nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về: "Tăng cường công tác trấn áp bọn phản cách

mạng" và Chỉ thị số 20-CT/TW về vấn đề phòng, chống gián điệp, biệt kích và các chỉ thị về công tác công an, về công tác quân sự địa phương, cũng như các chỉ thị cụ thể khác của Ban Bí thư.

\*

\* \*

Trong Chỉ thị này, Ban Bí thư nhấn mạnh mấy vấn đề:

1. Trong công tác đấu tranh chống bọn gián điệp, biệt kích Mỹ - Diệm, cần *đặc biệt chú trọng việc phát động khí thế cách mạng của đảng viên, của công an, bộ đội, và quần chúng nhân dân.*

a) Cần chú trọng tuyên truyền giáo dục sâu rộng nhận thức nước ta đương ở trong tình trạng "nửa nước hoà bình, nửa nước có chiến tranh", nhận rõ miền Bắc là hậu phương của cách mạng ở miền Nam, nhận rõ âm mưu của Mỹ - Diệm đương ráo riết điên cuồng hoạt động phá hoại miền Bắc, nhận rõ lòng căm thù của bọn phản động ngoan cố trong số tề nguỵ, của bọn phản động ngoan cố trong đạo thiên chúa, trong từng lớp trên các dân tộc vùng núi đối với cách mạng. Thông qua đó để nâng cao quan điểm đấu tranh giai cấp và quan điểm chuyên chính vô sản, nâng cao tinh thần phấn khởi cách mạng, tinh thần quyết tâm đánh địch và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, khắc phục các tư tưởng e dè, hữu khuynh, tê liệt cảnh giác, hoà bình chủ nghĩa, sợ chiến đấu. Trong khi giáo dục cho đảng viên và nhân dân, cần lấy những việc cụ thể thực tế để giáo dục được sâu sắc, thiết thực, đồng thời chú ý gây lòng phấn khởi, tin tưởng vào lực lượng của nhân dân, tránh gây tâm lý hoang mang, sợ địch trong quần chúng.

Trong khi tuyên truyền nâng cao ý thức đấu tranh phòng, chống gián điệp, biệt kích, phải chú ý đảm bảo bí mật, để tiếp tục đấu tranh lâu dài. Riêng báo chí và đài phát thanh, thì cần chú ý nêu rõ hai mặt của chính sách trấn áp phản cách mạng là "ngghiêm trị đối với bọn đầu sỏ ngoan cố, và

khoan hồng đối với bọn bị ép buộc, bị lầm đường, chịu hối cải" để đánh mạnh vào tư tưởng của bọn gián điệp, biệt kích và có tác dụng phân hoá hàng ngũ chúng. Đảng đoàn Bộ Công an và Ban Tuyên giáo Trung ương phải hướng dẫn chặt chẽ về nội dung tuyên truyền, tránh những sơ hở có hại cho cuộc đấu tranh.

b) Để phát động khí thế cách mạng của nhân dân, cần chú trọng *đẩy mạnh hơn nữa phong trào bảo vệ trị an* ở các địa phương, thông qua phong trào đó mà tổ chức động viên nhân dân tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh phòng, chống bọn gián điệp, biệt kích và các bọn phản cách mạng khác, và cần chú ý thông qua các đợt phát động quần chúng khác để tiếp tục đẩy mạnh khí thế cách mạng của nhân dân.

- Một nội dung quan trọng trong phong trào bảo vệ trị an là tổ chức thực hiện tốt kế hoạch cụ thể phòng và chống gián điệp biệt kích. Cần nhận thức rõ *phòng và chống gián điệp biệt kích là hai mặt gắn bó không thể tách rời trong cuộc đấu tranh chống gián điệp biệt kích*. Bộ Công an phải phổ biến kinh nghiệm cụ thể rộng rãi cho các nơi; Bộ Tổng tham mưu phải phổ biến kinh nghiệm đấu tranh chống gián điệp biệt kích cho quân đội nhân dân và dân quân tự vệ.

c) Trong phong trào bảo vệ trị an, cần chú trọng giáo dục cải tạo những người trước kia là tề nguỵ, phỉ cũ, những người trước tham gia vào tổ chức phản động, làm cho những người có thể cải tạo được thật sự đi theo nhân dân, tán thành cách mạng xã hội chủ nghĩa và tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, không phải bề ngoài tỏ vẻ phục tùng mà trong tư tưởng thì vẫn chống đối cách mạng.

Muốn đạt được yêu cầu cải tạo những phần tử nói trên, phải nắm vững tinh thần chính sách của ta là tích cực và kiên trì giáo dục cải tạo họ về tư tưởng, đối xử đúng đắn và mở đường thoát cho họ và gia đình họ về chính trị và về kinh tế; không nên có thái độ đả kích, gạt bỏ họ, đẩy họ trở lại bất mãn và chống đối ta. Cần đi sâu nghiên cứu tình hình sinh hoạt, tư

tưởng, nguyện vọng của những phần tử cần cải tạo, phân loại họ cho đúng, có biện pháp giáo dục cải tạo thích hợp với từng loại, từng người, và có phân công đảng viên, đoàn viên, xã viên, v.v. giúp đỡ họ cải tạo.

Ngoài ra, cần chú ý giải thích chính sách trấn áp phản cách mạng đối với gia đình có con em đi Nam để khi con em họ được dịch tuyển lựa và tung về địa phương bất liên lạc với họ thì họ sẽ giải thích cho chúng ra hàng hoặc tự họ ra báo cho chính quyền xã.

d) Trong cuộc đấu tranh chống bọn gián điệp, biệt kích nói riêng và đấu tranh chống bọn phản cách mạng nói chung, vai trò của cấp xã là hết sức quan trọng, có một ý nghĩa chiến lược. Vì vậy cần chú trọng củng cố tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền, công an xã, xã đội, dân quân, thanh niên nhất là vùng xung yếu, vùng giáp giới, để cho các tổ chức ấy có thể lãnh đạo nhân dân tiến hành tốt các công tác đánh địch. Chỉ khi nào Đảng uỷ các cấp thực sự phát động được khí thế cách mạng của nhân dân, tổ chức được nhân dân thành những lực lượng *sẵn sàng* phòng, chống biệt kích, trấn áp bọn phản cách mạng thì lúc đó chúng ta mới có thể hoàn toàn giành được thế chủ động trong cuộc đấu tranh gay gắt, phức tạp này.

Vì vậy, các cấp uỷ Đảng cần có kế hoạch tích cực đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, đưa phong trào thành thường xuyên, trước hết phải chú trọng các khu vực xung yếu và các khu vực phức tạp về chính trị.

*2. Tăng cường việc điều tra nắm tình hình, xác minh những hiện tượng nghi gián điệp biệt kích, kịp thời thông báo tình hình, kinh nghiệm điều tra chống gián điệp biệt kích.*

- Qua thực tế xảy ra mà bổ sung các nhận định về âm mưu thâm độc của địch, quy luật hoạt động của địch, kinh nghiệm đối phó của ta, kịp thời phổ biến trong phạm vi và mức độ cần thiết cho cán bộ, đảng viên, nhân dân;

- Tăng cường lực lượng công an cho những vùng xung yếu, vùng cơ sở quần chúng yếu, vùng có nhiều hiện tượng nghi gián điệp, biệt kích; đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng công an, dân quân, thanh niên ở những địa phương đó và đi sâu điều tra, xác minh, kết luận để đánh giá đúng tình hình và có kế hoạch đối phó kịp thời.

*3. Đặc biệt khẩn trương tiến hành công tác tập trung cải tạo đối với những phần tử nguy hiểm cho an ninh xã hội và trừng trị những bọn phản cách mạng hiện hành.*

Để giành chủ động trong cuộc đấu tranh chống bọn gián điệp biệt kích, cần làm tốt các công tác chuẩn bị đề phòng, mà trong đó *một công tác rất quan trọng là khẩn trương tiến hành công tác tập trung cải tạo những phần tử nguy hiểm ở các địa phương*. Các cấp uỷ cần kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ công tác tập trung cải tạo và chú ý công tác chính trị đối với gia đình những phần tử đã bị tập trung.

- Cần tổ chức việc điều tra nắm vững tình hình trong từng thôn, xóm, từng xã, từng khu phố, để kịp thời phát hiện những phần tử hiềm nghi.

Phải phát hiện kịp thời các tổ chức phản động và nghiêm trị các phần tử phản cách mạng hiện hành.

Việc lập hồ sơ xét duyệt các phần tử cần tập trung cải tạo phải được tiến hành đúng đắn, nhưng phải khẩn trương, nhanh và gọn. Đảng đoàn Bộ Công an cần trực tiếp kiểm

tra, đôn đốc các địa phương để có biện pháp giải quyết nhanh hơn.

*4. Cần tăng cường công tác bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường, v.v..*

Sau đợt bảo mật phòng gian, các cấp uỷ, các Đảng đoàn cần tiếp tục lãnh đạo chặt chẽ công tác bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường và các lực lượng vũ trang. Cần kiểm tra việc chấp hành các chế độ, nội quy và cần tăng cường công tác quản lý cán bộ, công nhân viên về mặt tư tưởng và sinh hoạt, cũng như các quan hệ giao dịch phức tạp - nhất là giao dịch với các nước đế quốc tư bản, tránh tình trạng sơ hở như hiện nay. Trách nhiệm chính trong công tác bảo vệ ở cơ quan, xí nghiệp, đơn vị là của thủ trưởng và Đảng uỷ trong cơ quan, xí nghiệp, đơn vị.

Công an, dân quân tự vệ và các ngành có liên quan phải có kế hoạch cụ thể bảo vệ tốt các đường giao thông quan trọng, đê điều, kho tàng, các khu công nghiệp, v.v. và phải có phân công trách nhiệm rõ ràng cho các lực lượng, có định kỳ kiểm tra, trao đổi tình hình, và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

*5. Kịp thời và chủ động tổ chức truy lùng khi có gián điệp, biệt kích xuất hiện*

Khi có gián điệp, biệt kích do Mỹ - Diệm tung đến thì cấp uỷ Đảng phải chỉ huy cuộc truy lùng cho nhanh, gọn, phối hợp tất cả các lực lượng công an nhân dân, công an vũ trang, dân quân, bộ đội.

Trường hợp gián điệp, biệt kích xuất hiện ở xã, trong khi chưa có các lực lượng công an, thành hoặc tỉnh đội dân quân, hoặc bộ đội chủ lực đến thì Đảng uỷ xã phải kịp thời

huy động lực lượng công an xã và xã đội dân quân để truy bắt ngay, không để chúng kịp chạy trốn đến khu an toàn của chúng.

Cần phổ biến kỹ Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 22-6-1961 của Ban Bí thư để các ngành nghiêm chỉnh chấp hành những quy định về phổ biến tin tức, về quản lý tang vật. Việc hỏi cung can phạm phải thống nhất do ngành công an phụ trách.

*6. Tăng cường tổ chức của các lực lượng công an, dân quân, thanh niên*

Phải làm thật tốt công tác chính trị, tư tưởng đối với công an và dân quân, bộ đội, giáo dục tư tưởng lập trường, quan điểm giai cấp, tính cảnh giác sắc bén, tinh thần dũng cảm chiến đấu và tác phong luôn luôn sẵn sàng. Đồng thời phải nghiên cứu chính sách thích hợp về vấn đề công an xã, và dân quân để phát huy tinh thần an tâm, phấn khởi công tác.

Trong thời kỳ Mỹ - Diệm ráo riết tăng cường hoạt động tung gián điệp, biệt kích thì cần để cho cán bộ công an, dân quân được chuyên trách công tác của mình, không được đi làm công tác khác. Cần nghiên cứu bố trí để trưởng công an xã, xã đội trưởng được chuyên trách công tác giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương. Cần nhận rõ công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích là một bộ phận công tác quan trọng của cuộc đấu tranh chống phản cách mạng, và ngành công an phải là nòng cốt giúp cấp uỷ trong công tác này.

Các Đảng bộ cơ sở phải thấy rõ nhiệm vụ đấu tranh chống bọn gián điệp, biệt kích và các bọn phản cách mạng khác là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, cần được lãnh đạo chặt chẽ.

7. Khi vụ án xử ở địa phương nào thì cấp uỷ địa phương đó có trách nhiệm *lãnh đạo và tổ chức việc xét xử nhằm đảm bảo đầy đủ yêu cầu chính trị lẫn nghiệp vụ*; Khi có những vấn đề khác ý kiến nhau về nguyên tắc giữa các ngành Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an mà không giải quyết được thì xin chỉ thị Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 67-CT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1963

### Về công tác phòng không nhân dân

Càng ngày, bọn Mỹ - Diệm càng tăng cường hoạt động quấy rối miền Bắc nước ta. Gần đây, chúng đã nhiều lần cho máy bay vi phạm không phận của ta để dò xét tình hình, thả biệt kích hoặc thả dù tiếp tế cho bọn tay chân của chúng. Rồi đây còn có khả năng chúng lợi dụng một vài tình thế nào đó để tiến hành một số hoạt động phá hoại, như phá hoại mùa màng, oanh tạc bất ngờ một vài nơi quan trọng để gây thiệt hại cho ta và làm cho quần chúng hoang mang.

Nhằm đối phó với các hoạt động của địch ở trên không, Hội đồng Chính phủ vừa ban hành nghị định về tổ chức thực hiện công tác phòng không nhân dân.

Để làm tốt công tác mới mẻ và phức tạp này, các ngành có liên quan, các địa phương phải:

- Nghiên cứu kỹ Nghị định số 112 ngày 25-7-1963 của Hội đồng Chính phủ về việc tổ chức và thực hiện công tác phòng không nhân dân. Tích cực chuẩn bị để mở rộng từng bước.
- Chấp hành đầy đủ các chỉ thị, kế hoạch về phòng không nhân dân của Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng được

uỷ quyền của Trung ương và Chính phủ chỉ đạo công tác này.

- Vấn đề có ý nghĩa quan trọng, trước hết là làm rõ tình hình, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng cho nhân viên cơ quan Nhà nước và toàn thể nhân dân, làm cho mọi người đồng tình với các chủ trương biện pháp sẽ thi hành, đồng thời đề phòng những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc gây hoang mang của địch khi ta mở rộng công tác. Về vấn đề này, Quân uỷ Trung ương sẽ cùng với Ban Tuyên giáo trung ương để bàn kế hoạch tiến hành một cách chu đáo và thông tri cho các cấp.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 85-NQ/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1963

### Về việc hợp nhất hai Đảng bộ và hai Ban Chấp hành Đảng bộ Hồng Quảng, Hải Ninh

- Thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về hợp nhất Hồng Quảng, Hải Ninh;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Khu uỷ Hồng Quảng và tỉnh uỷ Hải Ninh;
- Xét yêu cầu công tác;

#### BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT NGHỊ:

1. Hợp nhất hai Đảng bộ Hồng Quảng và Hải Ninh thành một Đảng bộ là Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh.
2. Hợp nhất hai Ban Chấp hành Hồng Quảng, Hải Ninh vừa mới được Đại hội Đảng bộ hai nơi cử ra, thành Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh.  
Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh sẽ họp để cử ra Ban thường vụ, Bí thư, Phó bí thư và Uỷ ban Kiểm tra.
3. Sau khi hợp nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh cần tăng cường công tác tư tưởng, ổn định tổ chức, thống nhất lối làm việc, bảo đảm chỉ đạo kịp thời, chặt chẽ các mặt công tác trong địa phương.

4. Ban Chấp hành Đảng bộ Khu Hồng Quảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Ninh và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 68-CT/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1963

**Về việc mở cuộc vận động nâng cao tinh thần  
cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật;  
làm tốt công tác thẩm tra chính trị và cải tiến  
công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên  
để bảo vệ Đảng (gọi tắt là cuộc vận động  
bảo vệ Đảng)**

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta đã có những thành tích cống hiến vĩ đại cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Lực lượng của Đảng đã không ngừng phát triển và củng cố. Qua rèn luyện trong đấu tranh chống đế quốc phong kiến, trong công cuộc cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên đã giữ vững và phát huy được phẩm chất cách mạng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng và của dân tộc. Lịch sử cán bộ, đảng viên của Đảng nói chung rõ ràng và trong sạch. Được như vậy là do trong quá trình xây dựng Đảng, ngoài việc coi trọng công tác giáo dục chính trị và tư tưởng, Đảng còn được tổ chức và sinh hoạt chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, đường lối xây dựng Đảng của chủ nghĩa

Mác - Lênin. Những nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục, chế độ về xét duyệt cán bộ, kết nạp đảng viên, giới thiệu sinh hoạt Đảng, phục hồi đảng tịch, sinh hoạt chi bộ đã được Đảng quy định và nói chung chấp hành nghiêm chỉnh. Việc phân cấp quản lý cán bộ, nhận xét cán bộ hàng năm, lập sổ đảng viên của Đảng đề ra trong thời gian gần đây đã được nhiều tổ chức của Đảng thực hiện tốt.

Nhưng trong những thời gian trước đây và từ hòa bình lập lại đến nay, vì chưa nhận rõ âm mưu thủ đoạn của địch nhằm phá hoại nội bộ Đảng, nên trong công tác xây dựng Đảng, một số đảng bộ đã có những hiện tượng thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật trong việc bảo vệ Đảng như sau:

Đối với việc thẩm tra chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên, khi xét duyệt cán bộ, kết nạp đảng viên, có tổ chức của Đảng chưa chú ý đúng mức đến việc tìm hiểu về mặt chính trị; khi đã phát hiện ra trong đông đảo đội ngũ cán bộ đảng viên có một số ít người có vấn đề lịch sử chính trị chưa rõ và nghi vấn chính trị hiện nay, có tổ chức của Đảng chưa chú ý thẩm tra làm rõ vấn đề, có kế hoạch giáo dục, sử dụng đúng và làm cho cán bộ yên tâm, phấn khởi; một số ít cán bộ đảng viên có vấn đề về mặt chính trị vẫn chưa thành khẩn báo cáo với Đảng; một số cán bộ, đảng viên biết người khác có vấn đề lịch sử chính trị hoặc có hiện tượng nghi vấn chính trị hiện nay cũng chưa phát hiện hết với Đảng để Đảng có tài liệu xem xét.

Đối với vấn đề quản lý cán bộ, có những tổ chức của Đảng chưa quan tâm đúng mức đến việc theo dõi thường xuyên trên công tác tư tưởng, quan hệ xã hội và sinh hoạt của cán bộ để có kế hoạch giáo dục thích hợp, khắc phục những sai lầm, nếu có tình hình cần nghiên cứu xem xét thì kịp thời phát hiện ra. Hoà bình lập lại, quan hệ công tác, quan hệ xã hội của cán bộ có những hoàn cảnh phức tạp, Đảng chưa quy định chế độ quan hệ cho chặt chẽ, thích hợp; một số đảng bộ có quan hệ đối ngoại, cơ quan đã quy định ra chế độ công tác

nhưng cán bộ chưa nghiêm chỉnh chấp hành; một số cán bộ có quan hệ giao dịch phức tạp không báo cáo với tổ chức. Có những tổ chức của Đảng khi điều động, chuyển cán bộ không theo đúng thủ tục, thể lệ đã quy định, không bàn giao đầy đủ những điều hiểu biết về cán bộ và chuyển giao hết hồ sơ lý lịch. Trong khi bố trí, đề bạt cán bộ cũng không xem xét kỹ càng, nhất là về mặt chính trị. Việc quản lý hồ sơ lý lịch của cán bộ, ngay cả những cán bộ có vấn đề chính trị cũng có nhiều tổ chức của Đảng chưa chú ý xây dựng đi vào nề nếp, nhiều cán bộ chưa có hồ sơ lý lịch hoặc sơ yếu lý lịch còn sơ sài cũng chưa tổ chức cho các đồng chí đó viết.

Đối với việc quản lý đảng viên, ngoài những thiếu sót như trong việc quản lý cán bộ kể trên, còn có những tổ chức của Đảng chưa làm đúng nguyên tắc, thủ tục của Đảng đã quy định trong việc phát triển đảng, giới thiệu sinh hoạt đảng, phục hồi đảng tịch, v.v., sinh hoạt chi bộ ở một số nơi chưa chặt chẽ, chưa phát huy được tác dụng giám sát, giáo dục của chi bộ đối với đảng viên một cách thường xuyên, một số ít đảng viên phát biểu vô nguyên tắc, vô tổ chức những quan điểm sai trái với đường lối chính sách của Đảng cũng không được đưa ra các cuộc sinh hoạt chi bộ để đấu tranh, khắc phục.

Hiện nay, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam ngày càng tiến triển mạnh mẽ thì kẻ địch càng lợi dụng những sơ hở của ta để tìm mọi cách phá hoại ta. Chúng rất chú ý lôi kéo những cán bộ, đảng viên lập trường không vững, không trung thực, có vấn đề về chính trị còn giấu giếm Đảng, có quan hệ xã hội phức tạp, sinh hoạt bất minh hòng biến thành tay sai cho chúng, hoặc lợi dụng những chỗ thiếu sót của ta để tìm mọi cách đưa người của chúng chui vào nội bộ Đảng nhằm phá hoại từ trong ra. Chúng còn chú trọng lợi dụng những hiện

tượng phát ngôn vô tổ chức của một số đảng viên, hòng phá hoại sự đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Tất cả những hiện tượng thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật trong việc bảo vệ tổ chức đảng trên đây chẳng những ảnh hưởng không tốt đến việc củng cố tổ chức Đảng, đến việc quản lý cán bộ, đảng viên, mà còn là những sơ hở khiến cho kẻ địch có thể lợi dụng tấn công vào nội bộ Đảng.

Trước tình hình như vậy, để tổ chức và sinh hoạt đảng được chặt chẽ hơn nữa, để phòng ngừa và đập tan mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ địch, thi hành Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 20-1-1962, Ban Bí thư quyết định mở cuộc vận động bảo vệ Đảng với mục đích, yêu cầu dưới đây:

#### *Mục đích*

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, làm tốt công tác thẩm tra, chính trị và cải tiến công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên để bảo vệ Đảng.

#### *Yêu cầu*

1. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật trong việc bảo vệ Đảng, làm cho toàn Đảng nhận rõ tính chất trọng yếu của việc bảo vệ tổ chức Đảng, nhận rõ âm mưu thủ đoạn của địch đã và đang tìm mọi cách tấn công, thâm nhập phá hoại nội bộ Đảng, phát huy hơn nữa ý chí chiến đấu, tinh thần đấu tranh nội bộ cho cán bộ, đảng viên, tích cực củng cố tổ chức và sinh hoạt đảng được chặt chẽ hơn nữa.

2. Thẩm tra những vấn đề lịch sử chính trị chưa rõ, những vấn đề nghi vấn chính trị hiện nay của một số cán bộ, đảng viên đã được phát hiện trước đây và sẽ phát hiện ra trong quá

trình cuộc vận động, giúp cho việc giáo dục, sử dụng số cán bộ, đảng viên này đúng với đường lối, chính sách của Đảng. Trong quá trình tiến hành việc thẩm tra, nếu thấy có phần tử phản động chui vào nội bộ thì kịp thời phát hiện ra.

3. Cải tiến công tác quản lý cán bộ, đảng viên, làm cho các tổ chức của Đảng thường xuyên nắm vững tình hình lịch sử trước kia cũng như hiện nay của cán bộ, đảng viên một cách chặt chẽ; tăng cường lãnh đạo sinh hoạt chi bộ giúp cho việc quản lý tốt cán bộ, đảng viên khắc phục mọi hiện tượng phát biểu vô nguyên tắc, vô tổ chức về đường lối chính sách của Đảng, tránh mọi sơ hở khiến cho kẻ địch có thể lợi dụng tấn công, thâm nhập, phá hoại Đảng.

#### *Phạm vi*

1. Cuộc vận động bảo vệ Đảng lần này chỉ tiến hành ở các đảng bộ các cơ quan dân, chính, đảng từ cấp huyện, khu phố, thị xã trở lên, ở các đảng bộ xí nghiệp và cửa hàng quốc doanh, công, nông, lâm trường, trường học, bệnh viện trọng yếu. Các đảng bộ chưa tiến hành cuộc vận động kỳ này thì các cấp ủy đảng cần có kế hoạch thường xuyên giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật trong việc bảo vệ Đảng cho cán bộ, đảng viên và chấn chỉnh việc quản lý cán bộ, đảng viên. Đối với các đảng bộ trong quân đội và lực lượng công an nhân dân vũ trang, Quân ủy trung ương và Đảng đoàn Bộ Công an sẽ nghiên cứu quy định phạm vi làm cho thích hợp.

2. Người cần thẩm tra kỳ này là những cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị chưa rõ và vấn đề nghi vấn chính trị hiện nay. Chú trọng những cán bộ, đảng viên hiện giữ những cương vị chủ chốt, hiện công tác ở các bộ phận trọng yếu, cơ mật. Khi học tập, nếu cán bộ, đảng viên nào có vấn đề hoặc biết người khác có vấn đề về mặt chính trị thì tự báo cáo và phát hiện để cho tổ chức của Đảng thẩm tra, xem xét ngay trong cuộc vận động này là chủ yếu. Ngoài ra, cũng có thể tự

báo cáo và phát hiện các vấn đề khác như khai báo với địch, khai man tuổi đảng, chức vụ, thành phần, v.v... để cho các tổ chức của Đảng có tài liệu tiếp tục thường xuyên thẩm tra, xem xét cán bộ, đảng viên. Đối với những trường hợp cán bộ, đảng viên có vấn đề về mặt chính trị đã phát hiện, xét cần và có thể thẩm tra, kết luận được thì cần tiến hành ngay không phải chờ đến cuộc vận động. Đối với cán bộ, công nhân viên người ngoài Đảng, nếu trong cuộc vận động này phát hiện ra là có vấn đề về mặt chính trị, thì các cơ quan có trách nhiệm cũng phải tích cực thẩm tra, giải quyết, nhất là đối với những người hiện giữ những cương vị chủ chốt, đang công tác ở các bộ phận cơ mật, trọng yếu.

3. Cuộc vận động này sẽ tiến hành trong thời gian ba năm xen kẽ với ba cuộc vận động lớn hiện nay, bắt đầu từ tháng 12 năm 1962 (khi thí điểm) đến hết tháng 12 năm 1965. Riêng việc học tập của cán bộ, đảng viên ở mỗi cơ quan, đơn vị sẽ tiến hành trong khoảng 40 giờ (vào các buổi sinh hoạt đảng và học tập chính trị).

#### *Phương châm*

1. Phải tiến hành cuộc vận động này một cách nghiêm chỉnh nhưng nhẹ nhàng, thích hợp và phải rất chú trọng công tác tư tưởng, lấy việc giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật trong việc bảo vệ Đảng làm cơ sở để cho cán bộ, đảng viên phấn khởi, tích cực, tự nguyện, tự giác tham gia cuộc vận động, đồng thời đẩy mạnh mọi mặt công tác và sản xuất.

2. Đi đôi với việc phát hiện tình hình trong công tác bảo vệ Đảng về mặt tổ chức, phải có kế hoạch tích cực phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho cuộc vận động có tác dụng thiết thực và làm đà cho công tác bảo vệ Đảng sau này đi vào nền nếp thường xuyên lâu dài.

3. Phải làm có trọng tâm, trọng điểm, làm từ các cơ quan đầu não bên trên trước, những cơ quan, đơn vị, những bộ phận

trọng yếu trước. Phải làm thí điểm rồi dần dần mở rộng ra, làm đến đâu bảo đảm lãnh đạo chặt chẽ đến đó. Phải bố trí tiến hành cuộc vận động này xen kẽ với các công tác khác, cố gắng hoàn thành tốt trong một thời gian nhất định, đồng thời không để ảnh hưởng đến sản xuất, đến các công tác trọng tâm trước mắt của Đảng và Chính phủ.

4. Cán bộ, đảng viên tự báo cáo, phát hiện cũng như tổ chức của Đảng thẩm tra xem xét, kết luận vấn đề phải nghiêm túc, thận trọng, khách quan, toàn diện, thực sự cầu thị, không che giấu, không bỏ qua, không thổi phồng, không xuyên tạc sự thật, không hời hợt, phiến diện, một chiều, không kết luận vấn đề thiếu căn cứ chính xác. Đối với những đồng chí có vấn đề phải dựa vào tự nguyện, tự giác, kết hợp với tận tình, thân ái giúp đỡ để các đồng chí đó yên tâm, tin tưởng vào đường lối chính sách cán bộ của Đảng mà thành khẩn, mạnh dạn báo cáo hết vấn đề với Đảng.

#### *Phương pháp*

Trong phương pháp tiến hành, cần chú ý những điểm như sau:

1. Chỉ thị này cần phải được tập thể nghiên cứu trong các cấp uỷ đảng, các ban, các đảng đoàn; cần tổ chức học tập đến tận cán bộ, đảng viên ở những nơi tiến hành cuộc vận động để nắm vững mục đích, yêu cầu, phương châm, phương pháp. Đối với cấp lãnh đạo, cần liên hệ kiểm điểm ưu điểm, khuyết điểm về các mặt công tác bảo vệ Đảng và định kế hoạch tiến hành trong địa phương, ngành, đơn vị. Đối với cán bộ, đảng viên, cần xác định thái độ, trách nhiệm tham gia cuộc vận động.

2. Phải động viên cán bộ, đảng viên nâng cao lòng trung thành với Đảng, ý thức bảo vệ Đảng để ai có vấn đề gì về mặt chính trị thì thành khẩn báo cáo hết, ai biết người khác có

vấn đề lịch sử chính trị hoặc có hiện tượng nghi vấn chính trị hiện nay thì phát hiện hết với Ban chỉ đạo cuộc vận động hoặc cấp uỷ đảng; ai chưa có lý lịch hoặc lý lịch còn sơ sài thì viết lý lịch của mình một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đưa nộp cho tổ chức của Đảng có trách nhiệm quản lý. Không báo cáo, phát hiện vấn đề ở tổ học tập, không đưa lý lịch ra tổ học tập báo cáo.

3. Trước khi tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, cần cố gắng tổ chức việc điều tra nghiên cứu, nắm vững vấn đề của cán bộ, đảng viên (nếu có) để có kế hoạch chủ động động viên, giúp đỡ cán bộ, đảng viên báo cáo vấn đề được tốt. Sau khi học tập, cần tiếp tục điều tra, nghiên cứu xác minh để sau một thời gian nhất định kết luận được vấn đề của cán bộ, đảng viên; nếu có vấn đề nghi vấn chính trị hiện nay thì phải kết hợp sử dụng bộ máy công an để dùng mọi biện pháp cần thiết để làm rõ vấn đề. Đến khi kết thúc cuộc vận động, nếu vẫn còn vấn đề chưa làm rõ được thì bàn giao lại cho các cơ quan có trách nhiệm tiếp tục thẩm tra, không nên kết luận vội vàng, thiếu căn cứ chính xác. Gặp trường hợp phát hiện có người có vấn đề chính trị hiện nay thì sau khi đã tiến hành công tác điều tra, xác minh, phải báo cáo lên Trung ương xét, kết luận.

4. Tổ chức cho cán bộ, đảng viên thảo luận, góp ý kiến vào bản dự thảo mới về chế độ quản lý cán bộ, đảng viên do Ban Tổ chức Trung ương xây dựng và bàn kế hoạch thực hiện tốt chế độ đó, trước hết là việc điều động cán bộ, đảng viên, đề bạt cán bộ, phát triển đảng viên, phải thẩm tra nắm vững lý lịch, phải làm đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục, chế độ đã quy định.

### *Tổ chức thực hiện*

1. Các cấp uỷ, các ban, Đảng đoàn phải trực tiếp lãnh đạo thực hiện cuộc vận động này. Để có cơ quan thường xuyên giúp việc, Trung ương, các cấp khu, thành, tỉnh uỷ, các ban, các đảng đoàn thành lập một ban chỉ đạo cuộc vận động (gọi tắt là Ban chỉ đạo cuộc vận động bảo vệ Đảng). Ban này có trách nhiệm nghiên cứu kế hoạch, chỉ đạo thực hiện cuộc vận động và thẩm tra những cán bộ có vấn đề thuộc cấp uỷ, ban, Đảng đoàn trực tiếp quản lý.

Thành phần Ban này: ở Trung ương gồm một đồng chí trong Ban Bí thư, một số đồng chí trung ương và một số đồng chí phụ trách các ngành (Tổ chức, Kiểm tra, Công an, v.v.), ở địa phương gồm một số đồng chí trong Ban thường vụ, một số cấp uỷ viên và một số đồng chí phụ trách các ngành (Tổ chức, Kiểm tra, Công an, v.v.); ở các ngành xung quanh trung ương gồm một đồng chí chủ chốt trong Ban, Đảng đoàn phụ trách công tác nội bộ, một đồng chí phụ trách tổ chức cán bộ, một đồng chí đại biểu đảng uỷ cơ quan.

Ban này dựa vào Ban Tổ chức các cấp uỷ, Vụ Tổ chức cán bộ các ngành mà làm việc, đồng thời sử dụng bộ máy của các ngành Kiểm tra, Thanh tra Chính phủ, Công an, không tổ chức bộ máy giúp việc riêng.

2. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kiểm tra Trung ương, Đảng đoàn Thanh tra Chính phủ, Đảng đoàn Bộ Công an có trách nhiệm kết hợp với nhau chặt chẽ để huy động bộ máy của ngành mình giúp cho cuộc vận động bảo vệ Đảng tiến hành được tốt, giúp Trung ương và các cấp, các ngành tiếp tục giải quyết các việc tồn tại sau cuộc vận động, và thường xuyên

nắm vững tình hình chính trị, tư tưởng, lịch sử của cán bộ, đảng viên.

3. Về thẩm tra cán bộ, đảng viên thì phân cấp như sau:

- Trung ương làm hết các cán bộ có vấn đề thuộc diện Trung ương quản lý và xét, kết luận tất cả các cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị hiện nay (nếu có).

- Các Ban, Đảng đoàn, Đảng uỷ các ngành xung quanh Trung ương làm hết các trưởng, phó phòng, chuyên viên, cán sự và tất cả các cán bộ, đảng viên có vấn đề ở các bộ phận trọng yếu, cơ mật trong ngành; ngoài ra còn những cán bộ, đảng viên khác có vấn đề phải thẩm tra thì tùy theo khả năng của mình mà các Ban, Đảng đoàn, Đảng uỷ cơ quan có thể làm đến dưới nữa hoặc giao cho các đảng uỷ, chi uỷ cùng các đồng chí phụ trách các Cục, Vụ làm. Nếu giao cho dưới làm thì phải có sự lãnh đạo, hướng dẫn chu đáo của Ban chỉ đạo cuộc vận động, và phải có chế độ báo cáo chặt chẽ lên Ban chỉ đạo cuộc vận động.

- Quân uỷ Trung ương, Đảng đoàn Bộ Công an, các khu, thành, tỉnh uỷ dựa vào những quy định trên đây mà nghiên cứu, phân trách nhiệm cho các cấp uỷ trong quân đội, trong lực lượng công an nhân dân vũ trang và các cấp uỷ đảng, các ngành trong địa phương cho thích hợp.

Đối với những cán bộ ở địa phương có vấn đề mà các Đảng đoàn trên Trung ương cũng có trách nhiệm quản lý thì việc điều tra, nghiên cứu, kết luận, chủ yếu là do cấp uỷ địa phương làm, nhưng Ban chỉ đạo của các ngành trên Trung ương phải có trách nhiệm cung cấp những tài liệu, tình hình đã nắm được về những cán bộ đó và tham gia, góp ý kiến với

cấp uỷ địa phương trong việc kết luận vấn đề của những cán bộ đó.

4. Ban chỉ đạo cuộc vận động bảo vệ Đảng ở các cấp, các ngành phải định kỳ báo cáo công tác và kịp thời báo cáo những việc quan trọng với các cấp uỷ, ban, đảng đoàn. Ban chỉ đạo cuộc vận động bảo vệ Đảng ở các khu, thành, tỉnh uỷ, các đảng uỷ trực thuộc và các ban, đảng đoàn xung quanh Trung ương phải báo cáo công tác ở địa phương, ngành mình mỗi tháng một lần lên Trung ương (qua Ban chỉ đạo trung ương) và phải thường xuyên liên lạc, trao đổi kinh nghiệm với Ban chỉ đạo Trung ương. Ba tháng một lần, Ban chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm tập hợp tình hình thực hiện và đề xuất ý kiến, báo cáo lên Ban Bí thư xét.

\*

\* \*

Cuộc vận động nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, làm tốt công tác thẩm tra chính trị và cải tiến công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên là một cuộc vận động rất quan trọng để bảo vệ nội bộ Đảng chặt chẽ. Nó lại đụng chạm đến sinh mạng chính trị của cán bộ, đảng viên, Ban Bí thư mong rằng các Ban, Đảng đoàn, Đảng uỷ, các cấp uỷ khu, thành, tỉnh, các cơ quan giúp việc và toàn thể cán bộ, đảng viên nhận thức đúng tầm quan trọng của nó để lãnh đạo và thực hiện một cách tích cực và thận trọng cuộc vận động này cho có kết quả tốt.

\*

\* \*

(Nội dung bản dự thảo Chỉ thị này viết theo tinh thần cuộc thảo luận của Ban Bí thư họp ngày 24 tháng 5 năm 1963 bàn về bổ sung Chỉ thị số 48-CT/TW ra ngày 4 tháng 6 năm 1962. Dự thảo Chỉ thị này sẽ thi hành trong đợt thí điểm mở rộng sắp tới, sau đó sẽ in thành Chỉ thị chính thức thay cho Chỉ thị số 48-CT/TW).

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 86-NQ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 1963

### **Về một số chế độ đối với cán bộ, nhân viên công tác miền Tây**

Theo yêu cầu cách mạng của Bạn, Đảng ta đã cử cán bộ, nhân viên làm công tác ở miền Tây. Đối với các cán bộ, nhân viên đã được Đảng giao phó nhiệm vụ đó, vấn đề căn bản là phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, trau dồi tinh thần phấn đấu cách mạng và tinh thần quốc tế vô sản để giúp Bạn được tốt. Tuy nhiên, Đảng cũng cần quy định một số chính sách cần thiết để tạo điều kiện cho các đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Từ trước đến nay, Đảng đã quy định một số chế độ bồi dưỡng về tinh thần, vật chất đối với các đồng chí. Trong Nghị quyết số 24-CT/TW ngày 25-7-1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có quy định bổ sung về vấn đề này. Đến nay, do tình hình và hoàn cảnh thay đổi, Ban Bí thư quy định một số chế độ thích hợp, thay cho Nghị quyết nói trên, nhằm tạo điều

kiện thuận lợi cho cán bộ, nhân viên công tác giúp Bạn tốt hơn nữa.

## I- NGUYÊN TẮC CHUNG

Việc quy định một số chế độ đối với cán bộ, nhân viên đang công tác tại nội địa miền Tây là nhằm nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên, bồi dưỡng thêm về vật chất một cách hợp lý, đi đôi với việc đề cao tinh thần trách nhiệm, yên tâm công tác lâu dài để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong việc quy định các chế độ này, cần chú trọng bảo đảm quan hệ tốt với cán bộ công tác ở trong nước, và thống nhất về căn bản các chế độ giữa các loại cán bộ đang công tác ở miền Tây. Các chế độ ấy không những nhằm bồi dưỡng cho bản thân người cán bộ, nhân viên, mà còn chú ý đến việc săn sóc, giúp đỡ một phần cho gia đình các đồng chí trong điều kiện cần thiết và khả năng cho phép.

## II- NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### 1. Thời gian công tác

Để cán bộ tích lũy được nhiều kinh nghiệm, nắm được tình hình đặc điểm địa phương, giúp Bạn được tốt, từ nay cán bộ, nhân viên công tác ở nội địa miền Tây là sẽ công tác lâu dài, trừ trường hợp thật đặc biệt mới thay đổi. Cứ khoảng ba năm, sẽ được về nước từ 6 tháng đến 1 năm để học tập; nếu được đi học những lớp dài hạn thì thời gian có thể hơn. Học xong, lại trở về miền Tây công tác.

### 2. Chế độ học tập

Cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ giúp Bạn, bất kỳ ở cương vị công tác nào, đều phải ra sức học tập lý luận, văn hoá và nghiệp vụ. Cụ thể như sau:

- *Về lý luận*, phải nghiên cứu đường lối cách mạng của Bạn, các phương châm công tác, chính sách... của Bạn; lại phải nghiên cứu thời sự quốc tế, và đường lối, chính sách lớn của Đảng ta ở trong nước. Tổ chức học tập các vấn đề lý luận cơ bản như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, chính trị kinh tế học, lịch sử cách mạng Việt Nam và lịch sử Đảng Lao động Việt Nam.

- *Về văn hoá*, cán bộ, nhân viên bất kỳ công tác ở đâu, đã làm nhiệm vụ giúp Bạn, đều phải học tiếng, chữ, địa dư, lịch sử nước Bạn. Ngoài ra, cần học tập văn hoá theo chương trình bổ túc văn hoá ở trong nước.

- *Về nghiệp vụ*, tùy theo công tác của từng loại cán bộ mà đặt kế hoạch bồi dưỡng.

Về việc tổ chức học tập, từng nơi, từng lúc có điều kiện đều phải cố gắng tổ chức học tại chức, tránh ỷ lại, chờ đợi các lớp tập trung. Về tiếng, chữ, địa dư, lịch sử của Bạn, về đường lối cách mạng, phương châm công tác và các chính sách của Bạn, chủ yếu là tổ chức học tại chức và trong công tác.

Để tích cực và chủ động giải quyết vấn đề học tập cho cán bộ, nhân viên, Đoàn 959 sẽ kết hợp với các cơ quan có cán bộ công tác ở miền Tây, nghiên cứu tổ chức các lớp học tập trung về chính trị kiêm văn hoá, chủ yếu cho những cán bộ không có điều kiện học tại chức. Trong khi chưa có điều kiện mở lớp như thế, thì về văn hoá có thể gửi cán bộ về học ở các khu, thành, tỉnh, về chính trị, có thể gửi học ở các trường Đảng trong nước. Việc gửi các tài liệu báo chí đến những nơi

có điều kiện phải theo đúng nguyên tắc bí mật của Đảng (Đoàn 959 và các cơ quan có trách nhiệm cần xin chỉ thị của Trung ương). Về tin tức, mỗi tổ công tác (theo đơn vị khu, tỉnh, liên huyện, trường huấn luyện) hoặc D<sup>1)</sup> tập trung, sẽ được cấp một đài nghe tin.

### 3. Tiền lương và các khoản phụ cấp

Khi đi công tác ở miền Tây, cán bộ, nhân viên vẫn giữ nguyên lương chính. Nếu được giao công tác nặng hơn, thì Đoàn 959 sẽ nghiên cứu đề nghị xếp lương lại cho thích hợp. Ngoài lương chính, khi hoạt động ở nội địa miền Tây, cán bộ nhân viên sẽ được hưởng thêm một khoản phụ cấp bằng 45% lương chính. Nếu vùng nào cần nâng lên khoảng từ 5% đến 10% nữa thì Đoàn 959, CP 35... bàn bạc thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương để quyết định. Tuỳ theo tình hình thực tế, sau này nếu thấy phụ cấp thêm như vậy vẫn chưa bảo đảm sinh hoạt bình thường của cán bộ, nhân viên thì báo cáo Ban Bí thư quyết định.

Về thời gian hưởng phụ cấp 48%: cán bộ công tác nội địa miền Tây mà về nước học tập hoặc chữa bệnh... thì từ tháng thứ tư trở đi sẽ thôi không hưởng khoản phụ cấp 45% nữa.

Trong thời gian nghỉ phép hàng năm (kể cả những ngày đi và về), cán bộ, nhân viên vẫn được hưởng khoản phụ cấp nói trên.

Về phụ cấp thâm niên: cán bộ nhân viên công tác ở nội địa miền Tây sau ba năm sẽ được phụ cấp thâm niên bằng 3% lương chính. Sau đó, cứ mỗi năm hoạt động sẽ được hưởng thêm 1% nữa cho đến tối đa không quá 25% lương chính.

### 4. Chế độ bồi dưỡng sức khoẻ và chữa bệnh

- Cán bộ, nhân viên trước khi đi công tác nội địa miền Tây và sau một thời gian công tác trở về, đều được kiểm tra sức khoẻ và bồi dưỡng về sức khoẻ.

1) D: Tiểu đoàn (B.T).

Mức độ bồi dưỡng ấn định như sau: trước khi đi, bồi dưỡng 10 ngày; sau một thời gian công tác trở về, sẽ tính theo thời gian công tác ở nội địa miền Tây, cứ mỗi năm công tác sẽ được bồi dưỡng từ 15 đến 20 ngày. Mức bồi dưỡng mỗi ngày là 1đ20.

- Cán bộ, nhân viên khi đi công tác, được cấp thuốc phòng bệnh, hoặc thuốc bổ tuỳ theo sự cần thiết; khi đau ốm, được cấp thuốc chữa bệnh theo đơn của y, bác sĩ. Công tác ở địa phương nào mà ốm, thì hoặc điều trị tại chỗ, hoặc đưa vào bệnh viện, trạm xá ở địa phương đó.

Trường hợp đau nặng thì đưa về nước để điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, Bệnh viện 108, hoặc một bệnh viện nào khác có chuyên khoa thích hợp.

- Chế độ bồi dưỡng khi ốm đau, dù điều trị ở miền Tây hay đưa về nước, đều thống nhất thi hành theo như chế độ quy định đối với cán bộ hoạt động trong nước.

### 5. Chế độ trang phục

Ngoài những quần áo cán bộ tự sắm để dùng, từng loại cán bộ sẽ tuỳ theo sự cần thiết mà được cấp thêm quần áo và các phương tiện khác; chế độ cấp thêm sẽ do Đoàn 959 và CP 35 nghiên cứu đề nghị với Ban Tổ chức Trung ương.

Đối với những thứ được cấp, trường hợp cán bộ trở về nước công tác, nếu đã sử dụng quá một nửa thời gian quy định thì không phải trả lại, trừ một số vật dụng thuộc phạm vi cần giữ bí mật thì sẽ phải thu hồi.

### 6. Chế độ nghỉ phép hàng năm

Cán bộ, nhân viên công tác tại nội địa miền Tây mỗi năm được nghỉ phép 15 ngày, không kể những ngày đi, về; và nói chung, sẽ được xếp để nghỉ vào thời gian luân lưu về nước 3 năm một lần, trường hợp thật thuận tiện mới xếp nghỉ

hàng năm. Khi đi, về đều được cấp tiền tàu xe. Trường hợp sau ba năm mà vẫn không nghỉ được, thì sẽ được thanh toán bằng tiền, tính theo ngày lương (lương chính và phụ cấp khu vực).

#### 7. Khen thưởng và kỷ luật

Hàng năm, hoặc khi có thành tích đột xuất, hoặc sau từng giai đoạn công tác, nếu không phạm sai lầm lớn, mỗi đơn vị, cá nhân đều được xét để khen thưởng thích đáng, do Đoàn 959, CP 35 và Ban Tổ chức Trung ương đề nghị (bằng khen, huân chương lao động hoặc huân chương khác cao hơn).

Nếu phạm sai lầm về đường lối, chủ trương, chính sách hoặc về vấn đề tổ chức kỷ luật, thì sẽ tùy theo lỗi nặng nhẹ mà phê bình, giáo dục, hoặc thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng.

#### 8. Về chế độ bảo hiểm xã hội

Chế độ bảo hiểm xã hội thi hành đối với cán bộ, nhân viên công tác tại nội địa miền Tây, sẽ áp dụng như chế độ thi hành đối với cán bộ, nhân viên công tác trong nước (riêng về chế độ ốm đau thì chưa áp dụng). Công tác nội địa miền Tây được coi như ngành nghề nặng nhọc, và sẽ theo quy định đối với ngành nghề nặng nhọc để thi hành chế độ bảo hiểm xã hội.

#### 9. Đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ

Cán bộ, nhân viên công tác tại nội địa miền Tây mà hy sinh anh dũng trong khi hoàn thành nhiệm vụ thì sẽ được xác nhận là liệt sĩ (do Đoàn 959, CP 35, đề nghị thông qua Tổng cục Chính trị hoặc Ban Tổ chức Trung ương).

Khi chết sẽ cố gắng tạo điều kiện để đưa thi hài về nước. Trường hợp không đưa về nước được, thì chôn cất chu đáo, làm sơ đồ mộ chí, và bảo quản những vật lưu niệm để gửi về gia đình.

Gia đình liệt sĩ đều được hưởng các quyền lợi theo như chính sách chung quy định.

#### 10. Đối với gia đình cán bộ, nhân viên công tác tại nội địa miền Tây

- Trường hợp vợ con gặp hoàn cảnh sinh sống khó khăn, thì sẽ được giúp đỡ (tìm việc làm thích hợp hoặc giúp đỡ trong sản xuất, v.v.).

- Đối với cha mẹ đẻ, vợ con, khi ốm đau mà cần phải điều trị tại bệnh viện, thì được giúp đỡ để đưa đến bệnh viện; khi điều trị sẽ được miễn viện phí; nhưng tiền ăn thì phải tự túc, trừ trường hợp thật túng thiếu thì có thể được miễn.

- Đối với các cháu còn đi học thì được ưu tiên trong việc tuyển sinh, nhưng vẫn phải bảo đảm tiêu chuẩn về học tập của nhà trường. Đối với các cháu không có người trông nom săn sóc ở trong nước, thì được gửi các trại nhi đồng hoặc trường học của các cháu miền Nam; phí tổn về chi tiêu sẽ do cán bộ, nhân viên thanh toán.

- Gia đình các cán bộ, nhân viên công tác miền Tây ở địa phương nào, thì địa phương đó có trách nhiệm quản lý, nhằm giúp đỡ giáo dục tư tưởng, giải quyết kịp thời những khó khăn, thăm hỏi khi cần thiết, thực hiện các chính sách đã có. Các cơ quan quản lý cán bộ miền Tây có trách nhiệm quản lý chung, và liên lạc với các địa phương, giải quyết những việc do địa phương yêu cầu.

## III- ĐỐI TƯỢNG THI HÀNH

Chế độ trên đây là thi hành đối với cán bộ, nhân viên công tác tại nội địa miền Tây. Đối với những cán bộ, nhân viên chỉ đi công tác từng thời gian ngắn, thì không áp dụng chế độ này, nhưng cũng được hưởng phụ cấp 45% theo thực tế số ngày đi công tác, và được mượn trang phục, vũ khí,... cần thiết cho công tác.

Đối với những cán bộ, nhân viên công tác ở nội địa miền Tây nhưng thường phải về nước luôn, thì không áp dụng chế độ bồi dưỡng trước và sau khi đi công tác.

Các cán bộ hoạt động trong các đoàn chuyên gia, đoàn ngoại giao, thì mọi chế độ đều hưởng theo chế độ đối với chuyên gia hoặc ngoại giao.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ  
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 69-CT/TW, ngày 29 tháng 11 năm 1963

**Về việc tổ chức một tuần lễ ủng hộ mạnh mẽ  
cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam  
vào dịp 20 tháng 12 năm nay**

## I- Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

Ngày 20-12 sắp tới là ngày kỷ niệm ba năm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, đồng thời là ngày giai cấp công nhân, ngày nhân dân Á - Phi, ngày thanh niên và sinh viên toàn thế giới biểu thị đoàn kết và ủng hộ lao động, thanh niên sinh viên và nhân dân miền Nam Việt Nam. Cũng trong dịp này, nhân dân ta còn kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến (19-12) và ngày thành lập Quân đội (22-12).

Các ngày kỷ niệm vào dịp 20-12 năm nay vào lúc:

- Ở miền Nam, nhân dân ta đã và đang liên tiếp giành được nhiều thắng lợi lớn, làm cho chế độ của Mỹ và tay sai ngày càng khủng hoảng; làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, đế quốc Mỹ và bọn tay sai đang tìm cách lừa bịp nhân dân ta ở miền Nam, và đang ra sức đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược ác liệt hơn trước.

- Ở miền Bắc, nhân dân ta đương ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1963 và tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đồng thời tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam về mọi mặt.

- Giai cấp công nhân và nhân dân thế giới đương đẩy mạnh phong trào ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà của toàn dân ta.

Trước tình hình trên Ban Bí thư quyết định tổ chức *một tuần lễ ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam* vào dịp 20-12 năm nay trên toàn miền Bắc, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức và tư tưởng của nhân dân ta ở miền Bắc đối với cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, nâng cao ý thức ủng hộ cách mạng miền Nam và tinh thần gắn bó với miền Nam, vận động một phong trào lao động sản xuất xây dựng và bảo vệ miền Bắc, lấy thành tích thiết thực góp phần ủng hộ cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam. Cũng nhân dịp này kết hợp tổ chức các ngày kỷ niệm "Kháng chiến toàn quốc" và "thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam".

*Mục đích yêu cầu chung của cuộc vận động này nhằm: động viên chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, làm cho dân và quân miền Bắc nâng cao thêm nhận thức tư tưởng đối với cách mạng miền Nam, do đó mà ra sức thi đua xây dựng và củng cố miền Bắc, hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước năm 1963, đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, và có quyết tâm ủng hộ mọi mặt cuộc chiến tranh giải phóng của đồng bào miền Nam; làm cho đồng bào miền Nam thêm tin tưởng, quyết tâm chiến đấu kiên cường, anh dũng, bền bỉ giành những thắng lợi to lớn*

*hơn nữa; đồng thời thúc đẩy phong trào nhân dân thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam, lên án và cô lập đế quốc Mỹ và tay sai của chúng hơn nữa trước dư luận thế giới.*

## II- CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP

### *Ở miền Bắc*

1. Phát động *một tuần lễ lao động sản xuất, ủng hộ đồng bào miền Nam*, bắt đầu từ ngày 15 đến ngày 22-12-1963. Tuần lễ này mở đầu bằng một cuộc mít tinh quần chúng trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội.

Ở các thành phố lớn như: Hải Phòng, Nam Định, Vinh, các khu công nghiệp như Việt Trì, Thái Nguyên, Hồng Quảng và thị trấn Vĩnh Linh cần tổ chức mít tinh quần chúng tiếp theo cuộc mít tinh của Hà Nội và có Nghị quyết gửi cho Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, Hội lao động giải phóng và nhân dân miền Nam, Ủy ban đoàn kết Á - Phi và Ủy ban đoàn kết của sinh viên quốc tế của nhân dân miền Nam Việt Nam. Các xí nghiệp, cơ quan, trường học, hợp tác xã, công, nông trường, các đơn vị quân đội tổ chức các cuộc nói chuyện về ý nghĩa của tuần lễ này và có kiến nghị ủng hộ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam.

2. Nhân dịp này, mở một đợt giáo dục nâng cao thêm nhận thức tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động và quân đội trên toàn miền Bắc, nhận rõ sâu sắc hơn nữa nhiệm vụ của nhân dân miền Bắc đối với cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam và thống nhất nước nhà.

3. Trên cơ sở tuyên truyền giáo dục nói trên, phát động *tuần lễ thi đua* "vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất

nước nhà", và góp kết quả *một ngày công lao động* ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam.

Việc vận động lao động sản xuất và góp tiền ủng hộ miền Nam phải đạt mục đích chủ yếu là nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần vì chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà, và phải dựa vào sự tự giác tự nguyện của mọi người. Phải tổ chức và lãnh đạo tốt, không để biến thành một cuộc quyên góp vật chất tầm thường, miễn cưỡng. Tránh làm lãng phí sức dân, và đề phòng tham ô.

#### *Trên thế giới*

Dựa vào chủ trương của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là nghị quyết của Ủy ban Công đoàn quốc tế đoàn kết với lao động và nhân dân miền Nam, của sinh viên quốc tế và của Ủy ban Đoàn kết Á - Phi... vận động các tổ chức quần chúng các nước xã hội chủ nghĩa, các nước Á - Phi, một số nước Mỹ latin, và một số nước châu Âu, có những hình thức thích hợp ủng hộ về tinh thần và vật chất cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân miền Nam Việt Nam. Chú trọng vận động dư luận Mỹ và các tổ chức, cá nhân tiến bộ trên thế giới phản đối Chính phủ Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, đòi Mỹ phải rút quân đội và chấm dứt mọi viện trợ cho bọn tay sai ở miền Nam Việt Nam.

### III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thành lập một Ban tổ chức gồm đại diện các cơ quan: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Đoàn kết Á - Phi, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên và Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy ban Thống nhất, Ban Tuyên giáo Trung ương và đại biểu Quân đội để phối hợp các ngành có liên quan thực hiện Chỉ thị này. Bộ phận chủ trì gồm đại biểu của Mặt trận Tổ quốc, Tổng Công đoàn, Ủy ban Thống nhất và Ban Tuyên

giáo Trung ương. Ban Bí thư chỉ định đồng chí Hoàng Quốc Việt làm trưởng ban.

Ngoài chương trình hoạt động chung, mỗi ngành và mỗi địa phương cần có kế hoạch cụ thể thực hiện Chỉ thị này cho có kết quả tốt.

### IV- KHẨU HIỆU

1. Tinh thần đấu tranh anh dũng, quyết chiến quyết thắng của đồng bào miền Nam muôn năm !
2. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam muôn năm !
3. Nhiệt liệt chào mừng những thắng lợi to lớn của đồng bào và quân đội giải phóng miền Nam Việt Nam!
4. Ra sức thi đua yêu nước để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ủng hộ sự nghiệp giải phóng miền Nam và thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà!
5. Đả đảo đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai !
6. Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam !
7. Nhiệt liệt hoan nghênh sự ủng hộ của những người lao động và nhân dân toàn thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam !

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 87-NQ/TW, ngày 13 tháng 12 năm 1963

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo chuẩn bị  
việc bầu cử đại biểu Quốc hội**

Để cho việc bầu cử đại biểu Quốc hội sắp tới tiến hành được tốt, Bộ Chính trị họp ngày 13-12-1963 đã quyết định:

1. Thành lập một Ban chỉ đạo chuẩn bị việc bầu cử đại biểu Quốc hội, gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1) Đồng chí Trường Chinh
- 2) Đồng chí Hoàng Văn Hoan
- 3) Đồng chí Phạm Văn Đồng
- 4) Đồng chí Nguyễn Khai
- 5) Đồng chí Ung Văn Khiêm
- 6) Đồng chí Trần Quang Huy
- 7) Đồng chí Nguyễn Thị Thập
- 8) Đồng chí Trần Xuân Bách
- 9) Đồng chí Lê Quảng Ba
- 10) Đồng chí Tôn Quang Phiệt
- 11) Đồng chí Nguyễn Kim Cương
- 12) Đồng chí Trần Đình Tri
- 13) Đồng chí Trương Tấn Phát.

Ban này do đồng chí Hoàng Văn Hoan làm Trưởng ban. Bộ phận thường trực gồm có 6 đồng chí: Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Khai, Ung Văn Khiêm, Trần Quang Huy, Tôn Quang Phiệt, Trần Đình Tri.

2. Ban chỉ đạo chuẩn bị việc bầu cử Quốc hội làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, có trách nhiệm nghiên cứu các chủ trương, kế hoạch cụ thể về các mặt công tác trình Bộ Chính trị quyết định, có quyền được mời các đồng chí ở các ngành, và thông qua Ban Bí thư, triệu tập những cuộc hội nghị cần thiết để trao đổi ý kiến hoặc truyền đạt các nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề chuẩn bị việc bầu cử đại biểu Quốc hội. Khi thành lập Hội đồng bầu cử Trung ương thì phần lớn các đồng chí trong Ban này sẽ nằm trong Hội đồng bầu cử Trung ương để làm nòng cốt thực hiện các ý định của Trung ương về việc bầu cử đại biểu Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 70-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1963

### **Về phương hướng công tác tài chính Đảng**

#### **I- NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TÀI CHÍNH ĐẢNG TRONG THỜI GIAN QUA**

Trong thời gian thi hành quyết định của Ban Bí thư về việc thống nhất quản lý tài chính Đảng, công tác tài chính Đảng đã đạt một số kết quả nhất định: đã đẩy mạnh hơn trước việc thu các khoản trong nội bộ Đảng; đã bảo đảm cung cấp kịp thời các khoản chi cần thiết cho sự hoạt động của các cấp uỷ; qua công tác thu chi tài chính đã giúp Trung ương và các cấp uỷ kiểm tra một số mặt hoạt động của các cấp bộ Đảng, góp phần giúp các cấp uỷ cải tiến công tác, cải tiến tổ chức và lề lối làm việc. Do đó, đã góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương và các cấp, phục vụ việc xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, trong công tác quản lý tài chính vừa qua cũng còn một số khuyết điểm:

1. Chưa tận thu các khoản thu trong nội bộ Đảng, nhất là tiền đảng phí là khoản thu quan trọng có quan hệ mật thiết tới công tác xây dựng Đảng. Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về chế độ đóng đảng phí, nhưng nhiều cấp uỷ chấp hành chưa tích cực và nghiêm chỉnh; tình hình phổ biến là thu được nhưng không nộp lên cấp trên, để lại sử dụng không hợp lý; đồng thời vẫn còn một số đảng viên chưa thật sự tự nguyện tự giác đóng đảng phí mà còn phải qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở.

Tiền in và xuất bản sách báo của Đảng là khoản thu lớn trong nội bộ cũng chưa được chú trọng đúng mức. Việc xuất bản báo còn lỗ nhiều vì chi về quản lý nhiều nên giá thành cao, mà giá bán lại hạ, số báo bị ứ đọng, báo biểu và báo lưu còn quá nhiều.

2. Về phương hướng chi tiêu thì chưa dành phần kinh phí thích đáng cho công tác đào tạo cán bộ và giáo dục đảng viên, cho việc mua sắm phương tiện và thiết bị thực sự giúp vào việc nâng cao hiệu suất công tác, mà thường chi nhiều về tiếp tân, chiêu đãi và tặng phẩm không cần thiết; chi về giấy tờ và hội nghị tuy có giảm nhưng vẫn còn nhiều. Tốc độ chi hàng năm của ngân sách Đảng tăng nhanh và chưa thật phù hợp với khả năng chung. Việc chi tiêu trong ngân sách Đảng chưa được rành mạch, nhiều khoản chi còn lẫn lộn giữa ngân sách Đảng và ngân sách Nhà nước. Cá biệt một vài nơi lấy ngân sách Nhà nước một cách tuỳ tiện để chi các khoản ngoài tiêu chuẩn và chế độ chung, ngoài dự toán được Trung ương duyệt, có nơi còn tự đề ra chế độ chi tiêu trái với quy định của Trung ương. Việc chấp hành sai chế độ chi tiêu đã quy định vẫn còn phổ biến ở nhiều nơi.

3. Việc quản lý tài chính Đảng ở nhiều nơi còn lỏng lẻo, chưa đi vào chế độ nền nếp, do đó còn dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Việc kiểm tra và đôn đốc thu chi chưa được liên tục và kịp thời nên chậm phát hiện và uốn nắn những lệch lạc, chậm giúp đỡ các cấp giải quyết những khó khăn trong công tác.

Tình hình trên đây do mấy nguyên nhân:

a) Chủ yếu là do một số cấp uỷ (và một số đồng chí phụ trách các cơ quan trực thuộc trung ương) chưa nhận thức đúng đắn về vị trí và vai trò của công tác tài chính Đảng, chưa nắm vững nhiệm vụ và phương châm công tác tài chính Đảng. Nhiều cấp uỷ Đảng thường có khuynh hướng chỉ thấy cần cho công tác thì chi, không nhìn vào khả năng tài chính và đối chiếu với chế độ chi tiêu đã được Đảng và Nhà nước quy định, hoặc có tư tưởng ỷ lại cho rằng cần chi bao nhiêu thì đã có ngân sách Nhà nước cấp, cho nên về thu thì chưa chú ý tận thu các khoản thu trong nội bộ Đảng, về chi thì chưa chú ý tiết kiệm đúng mức; do đó chưa đề cao được trách nhiệm của mình trong việc chỉ đạo công tác tài chính Đảng mà thường khoán trắng cho một đồng chí trong cấp uỷ hoặc Văn phòng cấp uỷ lo liệu.

b) Trung ương chưa quy định một số phương hướng cụ thể về công tác tài chính Đảng. Việc nghiên cứu và xây dựng một số chế độ, tiêu chuẩn chi tiêu và thể lệ quản lý tài chính cho phù hợp với tình hình, chưa được khẩn trương, kịp thời nên không đáp ứng kịp yêu cầu công tác ngày càng phát triển.

c) Bộ máy quản lý và năng lực cán bộ tài chính Đảng còn yếu. Bản thân cán bộ tài chính Đảng cũng chưa được quản lý chặt chẽ; nhiều nơi điều động một cách không hợp lý cả các cán bộ tài chính Đảng đã được bồi dưỡng nghiệp vụ và đã tích lũy được một số kinh nghiệm chuyên môn đi làm công tác khác.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC TÀI CHÍNH ĐẢNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Để thi hành điều lệ mới của Đảng về vấn đề tài chính của Đảng (chương XI), để khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm trong công tác tài chính Đảng hiện nay, Ban Bí thư quy định phương hướng công tác tài chính Đảng trong thời gian tới như sau:

### A- Nguyên tắc chung

1. Tài chính và tài sản của Đảng là cơ sở vật chất và là phương tiện phục vụ cho hoạt động của Đảng.

Công tác tài chính Đảng là một trong những công tác quan trọng của Đảng, là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng. Nó không phải là công tác thu chi đơn thuần mà nếu được chỉ đạo tốt, nó có thể giúp kiểm tra việc thực hiện một số nhiệm vụ chính trị của Đảng, giúp kiểm tra việc xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức.

2. Tài chính của Đảng gồm có tiền đảng phí do đảng viên đóng, tiền in và xuất bản sách báo của Đảng, các khoản thu khác trong nội bộ Đảng (như tiền ủng hộ quỹ Đảng...) và tiền trợ cấp của ngân sách Nhà nước.

Tài chính của Đảng hiện nay dựa vào khoản trợ cấp của ngân sách Nhà nước là chính, nhưng phải hết sức phát huy tác dụng và vị trí của các khoản thu nội bộ, giảm bớt phần trợ cấp của ngân sách Nhà nước được chừng nào tốt chừng ấy. Tốc độ tăng chi của ngân sách Đảng phải phù hợp với tình hình chung.

3. *Chi tiêu trong ngân sách Đảng* gồm có các khoản khi cho bộ máy hoạt động của Đảng từ trung ương tới cơ sở, chi về đào tạo cán bộ và giáo dục đảng viên, chi về in và xuất bản sách báo của Đảng, chi về công tác đối ngoại của Đảng, và chi về xây dựng cơ bản ở trung ương.

Trong việc phân phối tài chính của Đảng, cần rất chú trọng việc đào tạo cán bộ, giáo dục đảng viên, chú trọng việc cung

cấp phương tiện và thiết bị thật sự giúp cho việc nâng cao hiệu suất công tác, chú trọng việc giảm chi về hành chính trên cơ sở cải tiến tổ chức, giảm nhẹ biên chế, cải tiến lề lối làm việc, giảm bớt giấy tờ, phân rõ ranh giới chi tiêu giữa cơ quan Đảng và cơ quan Nhà nước, tiết kiệm chi đúng mức, hết sức tránh phô trương, hình thức, chống tham ô, lãng phí.

4. Toàn bộ các khoản thu chi tài chính của Đảng đều do Đảng phân phối và quản lý theo một hệ thống riêng và thống nhất từ trung ương tới cơ sở.

Việc thống nhất quản lý tài chính Đảng phải dựa trên cơ sở tập trung lãnh đạo lên trung ương về các vấn đề thuộc về chính sách, nguyên tắc và chế độ, thể lệ tài chính, đồng thời phân cấp quản lý cho các cấp uỷ địa phương về các vấn đề phân phối và xét duyệt việc thu chi cụ thể.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và của các đồng chí phụ trách các cơ quan trực thuộc trung ương đối với công tác tài chính Đảng, tăng cường công tác kiểm tra tài chính Đảng, đưa công tác tài chính Đảng đi vào chế độ và kỷ luật, làm cho công tác tài chính Đảng có được vai trò gương mẫu trong công tác tài chính chung của Nhà nước.

#### B. Một số vấn đề cụ thể

##### 1. Về thu

Các cấp uỷ Đảng phải chỉ đạo chặt chẽ việc thu đầy đủ tiền đảng phí đã quy định trong Nghị quyết số 61-NQ/TW ngày 29-11-1962 của Bộ Chính trị. Trừ một số trường hợp có lý do chính đáng và được miễn, còn tất cả các đảng viên hàng tháng đều phải đóng đảng phí. Các cấp uỷ, nhất là cấp cơ sở, phải kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ việc thu, nộp đảng phí, phải trích nộp lên

trên theo đúng tỷ lệ và đúng thời hạn quy định, nhất thiết không được giữ lại để chi tiêu vào những khoản ngoài chế độ.

Các cơ quan báo chí của Đảng phải chú trọng nâng cao hiệu suất công tác, đẩy mạnh việc phát hành, giảm chi về quản lý, thi hành từng bước chế độ hạch toán kinh tế, làm cho việc xuất bản báo chí tiến dần từ chỗ phải bù lỗ đến chỗ tự túc và đóng góp một phần vào ngân sách của Đảng. Nhà in báo Nhân dân và nhà in các báo Đảng địa phương phải chú trọng cải tiến quản lý kinh doanh, tăng năng suất lao động, nâng cao công suất thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho ngân sách của Đảng.

Tiền ngân sách Nhà nước trợ cấp cho các cơ quan Đảng thì thống nhất do Bộ Tài chính chuyển một khoản nhất định cho cơ quan tài chính Đảng ở trung ương theo dự toán hàng năm được Ban Bí thư trung ương duyệt. Cơ quan tài chính Đảng ở trung ương sẽ căn cứ dự toán được duyệt để phân phối cho các cấp uỷ địa phương.

##### 2. Về chi

- Cần phân biệt rõ những khoản chi trong ngân sách Đảng và những khoản chi của các cơ quan Nhà nước và của các đoàn thể.

Khoản chi về xây dựng cơ bản của các cấp uỷ địa phương nằm trong kế hoạch xây dựng cơ bản của Nhà nước ở địa phương và do ngân sách Nhà nước ở địa phương đài thọ, nhưng phải được Trung ương quy định về quy mô xây dựng, về nhiệm vụ và yêu cầu thiết kế, và cấp uỷ Đảng ở địa phương phải quản lý chặt chẽ nhằm bảo đảm chất lượng công trình và hạ giá thành xây dựng.

Chi về hoạt động nội bộ Đảng ở các tổ chức cơ sở tuy nằm trong ngân sách Đảng nhưng chỉ sử dụng trong số tiền đảng phí được trích giữ lại, nếu không đủ thì cấp trên sẽ xét cấp thêm. Từ nay các tổ chức cơ sở Đảng *không được gây quỹ riêng* để chi những khoản ngoài chế độ đã quy định.

3. *Việc quản lý tài chính Đảng* ở cấp nào do cấp uỷ ấy chịu trách nhiệm chính nhưng đồng thời mỗi cấp uỷ chịu sự chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên trực tiếp và có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cấp dưới. Trung ương trực tiếp quản lý thu chi của các cơ quan và Đảng uỷ trực thuộc trung ương, chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính Đảng từ trung ương tới cơ sở. Các khu, thành, tỉnh uỷ trực tiếp quản lý thu chi của các cơ quan trực thuộc và chỉ đạo công tác tài chính của các đảng bộ trong địa phương. Các huyện, thị uỷ trực tiếp quản lý thu chi của cấp mình và hướng dẫn, xét duyệt việc thu chi của các tổ chức cơ sở Đảng.

Đối với các đảng bộ địa phương thì Trung ương quy định chế độ và thể lệ thống nhất, đề ra phương hướng tài chính hàng năm, xét duyệt việc phân phối dự toán ngân sách hàng năm, tổ chức việc kiểm tra tài chính. Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm căn cứ vào dự toán ngân sách cả năm được Trung ương xét duyệt mà định ra kế hoạch thu chi hàng quý và hàng tháng, phân phối kinh phí, xét duyệt quyết toán và kiểm tra cấp dưới. Trong phạm vi ngân sách cả năm đã được Trung ương duyệt, các cấp uỷ và các ban trực thuộc Trung ương không được điều hoà kinh phí từ loại chi này sang loại chi khác, và trong từng loại chi thì không được điều hoà khoản chi trong quỹ lương với các khoản chi khác. Các cấp uỷ địa phương không được chỉ thị cho cơ quan chính quyền trích ngân sách Nhà

nước để chi tiêu thêm cho cơ quan Đảng ngoài số kinh phí được Trung ương phân phối.

Tài chính của Đảng tuy do Đảng quản lý riêng nhưng về mặt chế độ chi tiêu và thể lệ quản lý tài chính thì Đảng không quy định riêng mà các cơ quan Đảng phải thi hành thống nhất theo quy định của Nhà nước; cơ quan tài chính Đảng ở trung ương căn cứ vào đặc điểm công tác và tổ chức của cơ quan Đảng mà hướng dẫn việc thi hành cho thích hợp. Riêng đối với một số chế độ thu chi riêng trong nội bộ Đảng mà chính quyền không có thì cơ quan tài chính Đảng và Ban Tổ chức Trung ương cùng nghiên cứu và quy định hoặc đề nghị Ban Bí thư Trung ương quyết định.

4. *Biên chế* của các cơ quan Đảng ở các cấp do Ban Tổ chức Trung ương duyệt, phân phối và quản lý trong phạm vi tổng số biên chế do Nhà nước phân phối cho cơ quan Đảng.

Các cấp uỷ và các ban trực thuộc trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ thu chi, các nguyên tắc và thể lệ tài chính, và chỉ tiêu biên chế được Trung ương quy định. Trường hợp có những khoản chi chưa có chế độ và tiêu chuẩn hoặc đã có, nhưng xét thấy không thích hợp với tình hình cụ thể của địa phương thì cấp uỷ phải báo cáo và đề nghị lên Trung ương để nghiên cứu quy định thêm hoặc sửa đổi, tuyệt đối không được tự đề ra chế độ riêng, trái với quy định của Trung ương.

5. *Việc kiểm tra tài chính Đảng* cần phải được tăng cường, phải được tiến hành thường xuyên và kịp thời.

Ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của Đảng như Điều lệ Đảng đã quy định. Nội dung kiểm tra tài chính Đảng của uỷ ban kiểm tra các cấp là kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết và Chỉ thị của Đảng về công tác tài

chính Đảng, việc chấp hành phương hướng phân phối tài chính, việc chấp hành chính sách và chế độ tài chính.

Cơ quan tài chính Đảng có trách nhiệm phối hợp với uỷ ban kiểm tra để tiến hành tốt việc này; mặt khác có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành dự toán ngân sách, việc chấp hành thể lệ quản lý tài chính và công tác kế toán.

Sau khi kiểm tra phải đề ra biện pháp phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm, phải quy định trách nhiệm rõ ràng và có thái độ xử trí thích đáng đối với các trường hợp vi phạm kỷ luật tài chính, nhất là đối với những việc làm thiệt hại đến tài chính Đảng và có ảnh hưởng chính trị không tốt trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

### *C. Tăng cường lãnh đạo và kiện toàn tổ chức cơ quan tài chính Đảng*

1. Cần làm cho tất cả cán bộ, đảng viên nhất là các cấp uỷ Đảng và các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương nhận thức đúng đắn về vị trí và nhiệm vụ công tác tài chính Đảng, về quan điểm thu chi tài chính Đảng. Thông qua việc nâng cao nhận thức mà làm cho các cấp uỷ quan tâm hơn nữa đến việc chỉ đạo chặt chẽ công tác tài chính Đảng, làm cho cán bộ tài chính Đảng an tâm và tích cực công tác, làm cho toàn bộ cán bộ và đảng viên tích cực tham gia xây dựng và quản lý tài chính Đảng.

2. Để tăng cường lãnh đạo, các cấp uỷ phải thường kỳ nghe báo cáo và cho chỉ thị về công tác tài chính Đảng, phải giáo dục cán bộ và đảng viên đề cao kỷ luật tài chính, phải căn cứ vào quy định của Trung ương về phương hướng dự toán và chế độ thu chi mà xét duyệt dự toán ngân sách hàng năm và những khoản chi tiêu lớn, phải thường xuyên kiểm tra đôn đốc các cấp dưới làm tốt công tác tài chính Đảng, phải phân công một đồng chí trong Ban Thường vụ cấp uỷ phụ trách tài chính Đảng. Nhiệm vụ của đồng chí này là giúp cấp uỷ xét duyệt các khoản thu chi của cấp mình, chỉ đạo việc thu chi

và quản lý tài chính của các cấp dưới theo nghị quyết và chỉ thị của Trung ương và theo quyết định của cấp uỷ, và từng thời kỳ nhất định (hàng quý, hàng năm) phải báo cáo và xin chỉ thị cấp uỷ về công tác tài chính Đảng.

3. Văn phòng các cấp uỷ làm nhiệm vụ của cơ quan tài chính Đảng ở các cấp. Cơ quan này có nhiệm vụ giúp cấp uỷ phân phối và quản lý tài chính Đảng, phối hợp với Uỷ ban kiểm tra làm công tác kiểm tra tài chính Đảng, chỉ đạo về nghiệp vụ đối với cơ quan tài chính Đảng cấp dưới. Riêng cơ quan tài chính Đảng ở trung ương còn có nhiệm vụ cùng Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu một số chế độ thu chi riêng trong Đảng, có nhiệm vụ hướng dẫn thi hành các chế độ và thể lệ tài chính của Nhà nước trong các cơ quan Đảng.

Văn phòng các cấp uỷ được lập ra bộ phận chuyên môn giúp việc. Trước mắt, các cấp uỷ Đảng cần bổ sung đủ số cán bộ cần thiết cho bộ phận này như thông tri số 9-TT/TW của Ban Tổ chức Trung ương đã quy định.

Các cán bộ tài chính Đảng cần được chú trọng bồi dưỡng về chính trị và nghiệp vụ, cần được chuyên môn hoá và quản lý chặt chẽ; hết sức tránh việc điều động cán bộ tài chính Đảng đi làm công tác khác.

\*

\*   \*

Các cấp uỷ Đảng, các ban và các Đảng đoàn có liên quan cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị này và tổ chức việc thi hành cho tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 88-NQ/TW, ngày 16 tháng 12 năm 1963

**Về việc thành lập Hội đồng địch tình**

- Theo Nghị quyết tháng 10-1957 của Bộ Chính trị thành lập Hội đồng địch tình,
- Xét nhu cầu hiện nay cần tăng cường công tác theo dõi địch tình,
- Căn cứ vào sự phân công hiện nay của một số đồng chí uỷ viên Trung ương phụ trách ngành có liên quan,

**BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH**

1. Nhiệm vụ của Hội đồng địch tình vẫn theo như tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 10-1957 là:
  - Tập trung tin tức tài liệu mật của các ngành, nghiên cứu thống nhất nhận định tình hình địch trước khi báo cáo lên Trung ương.
  - Giải quyết những vấn đề cần thiết để phối hợp đẩy mạnh công tác tình báo chiến lược.
2. Chỉ định các đồng chí sau đây vào Hội đồng địch tình:  
Đồng chí Võ Nguyên Giáp                      Quân uỷ Trung ương

Đồng chí Văn Tiến Dũng	Quân uỷ Trung ương
Đồng chí Trần Quốc Hoàn	Bộ Công an
Đồng chí Nguyễn Văn Vịnh	Ban Thống nhất Trung ương
Đồng chí Xuân Thuỷ	Bộ Ngoại giao
Đồng chí Nguyễn Khang	Cơ quan CP31
Đồng chí Lê Trọng Nghĩa	làm thư ký Hội đồng.
3. Quân uỷ Trung ương và các đồng chí có tên kể trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.	

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 89-NQ/TW, ngày 18 tháng 12 năm 1963

### Về cải tiến bộ máy tổ chức giúp Trung ương lãnh đạo và chỉ đạo công tác vận động phụ nữ

Để tăng cường lãnh đạo công tác vận động phụ nữ, nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ ngày càng nặng nề và nội dung công tác vận động phụ nữ ngày càng phức tạp hiện nay, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định cải tiến bộ máy tổ chức giúp Trung ương lãnh đạo và chỉ đạo công tác vận động phụ nữ như sau:

#### 1. Thành lập Ban Phụ vận Trung ương

a) *Nhiệm vụ* của Ban Phụ vận Trung ương đại thể giống như các Ban giúp việc khác của Trung ương, nghĩa là:

- Giúp Trung ương Đảng nghiên cứu đề ra các nhiệm vụ, phương châm, chính sách vận động phụ nữ trong mỗi thời kỳ.
- Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, phương châm, chính sách ấy ở các cấp, các ngành.
- Tổng kết kinh nghiệm vận động phụ nữ.

b) Vì phụ nữ là thuộc mọi tầng lớp trong xã hội, tham gia mọi ngành sản xuất và công tác, nên nhiệm vụ nghiên cứu và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phụ nữ là nhiệm vụ chung của các cấp, các ngành, do đó, để giúp Trung ương lãnh đạo và chỉ đạo tốt công tác vận động phụ nữ, cần có sự phân công phân nhiệm rõ ràng và có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Phụ vận Trung ương và các ban các ngành có liên quan trong bộ máy giúp việc Đảng và Nhà nước; mặt khác, Ban Phụ vận Trung ương phải có trách nhiệm nghiên cứu tình hình để định ra công tác trọng tâm của mình trong mỗi thời gian cho thích hợp.

Về sự *phân công phân nhiệm* giữa Ban Phụ vận Trung ương và một số ban có liên quan nhiều đến công tác vận động phụ nữ, Ban Bí thư quy định mấy nét chính như sau:

- Giúp Trung ương lãnh đạo và chỉ đạo công tác vận động quần chúng phụ nữ công nhân, viên chức, trách nhiệm chính là thuộc Đảng đoàn Tổng Công đoàn, Ban Phụ vận Trung ương có nhiệm vụ cộng tác và phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Tổng Công đoàn để bảo đảm thực hiện tốt các công tác mà Ban Bí thư đã quy định cho hai tổ chức Công đoàn và Phụ nữ.
- Giúp Trung ương lãnh đạo và chỉ đạo công tác vận động phụ nữ nông dân, Ban Phụ vận Trung ương có trách nhiệm chính. Để làm tốt công tác này, Ban Phụ vận Trung ương cần phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác nông thôn Trung ương, Đảng đoàn Bộ Nông nghiệp, v.v..
- Nhiệm vụ chính về vận động và giáo dục nữ thanh niên là Ban Bí thư Trung ương Đoàn thanh niên lao động Việt Nam. Ban Phụ vận Trung ương phải hết sức cộng tác, và phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên lao động để giúp Trung ương lãnh đạo và chỉ đạo công tác nữ thanh niên.
- Nghiên cứu giúp Trung ương và Chính phủ định ra các chủ trương, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, sử dụng cán bộ phụ nữ ở các ngành sản xuất và công tác, và sử dụng hợp lý sức lao động của phụ nữ, trách nhiệm chính là Ban Tổ chức

Trung ương và các Đảng đoàn trong bộ máy Nhà nước, như: Đảng đoàn Bộ Lao động, Đảng đoàn Bộ Giáo dục, Đảng đoàn Bộ Y tế, v.v.. Ban Phụ vận Trung ương có trách nhiệm tích cực đóng góp phần cống hiến của mình, tham gia ý kiến với các ngành, các bộ; ngược lại, các ngành, các bộ cần hết sức tranh thủ ý kiến của Ban Phụ vận Trung ương.

c) Ban Phụ vận Trung ương có *quyền hạn* như các Ban giúp việc khác của Trung ương : liên hệ với các ngành, các cơ quan của Đảng và Nhà nước để yêu cầu cung cấp tình hình và tài liệu cần thiết cho công tác nghiên cứu của mình; thảo ra những thông tri về nghiệp vụ công tác vận động phụ nữ; triệu tập các hội nghị để truyền đạt nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác vận động phụ nữ, hoặc thảo luận các vấn đề về nhiệm vụ, phương châm, chính sách vận động phụ nữ để đề nghị với Trung ương, v.v..

d) Về *tổ chức* của Ban Phụ vận Trung ương:

- Ban Phụ vận Trung ương tổ chức theo chế độ uỷ viên: có một trưởng ban, một hoặc hai phó ban, và một số uỷ viên Ban Phụ vận Trung ương, gồm một số đồng chí là uỷ viên chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, và một số đồng chí công tác trong các ngành, các cơ quan nhà nước có đông phụ nữ. Ngoài ra, còn có thể có một số đồng chí làm công tác phụ nữ ở xí nghiệp có đông phụ nữ hay ở các địa phương.

- Ban Phụ vận Trung ương không tổ chức bộ máy giúp việc riêng, mà chủ yếu là dựa vào bộ máy của cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

- Nói chung, uỷ viên Ban Phụ vận trực tiếp công tác ở ngành nào thì có trách nhiệm báo cáo tình hình, kiểm tra tình hình, đề xuất ý kiến với Ban về công tác phụ vận ở ngành ấy.

## *2. Định lại trách nhiệm, cải tiến tổ chức của Đảng đoàn trong Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*

a) Đảng đoàn trong Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện các nghị quyết của Đảng trong tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hoạt động tốt và làm tròn nhiệm vụ của Hội. Cụ thể là: động viên phong trào chung của phụ nữ, giáo dục động viên các tầng lớp phụ nữ tích cực sản xuất, công tác, học tập (đặc biệt chú trọng động viên phụ nữ làm các công tác gia đình, xã hội, như: tổ chức nhà giữ trẻ, lớp mẫu giáo, làm việc nuôi dạy con cái, quản lý kinh tế gia đình), giáo dục động viên phụ nữ tích cực thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ, và giúp các cơ quan của Chính phủ kiểm tra việc thực hiện các chính sách quan hệ đến quyền lợi và đời sống của phụ nữ, v.v. Đảng đoàn Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam lãnh đạo công tác của cơ quan Trung ương Hội thông qua Ban thường trực của Hội và giúp Trung ương quản lý số cán bộ phụ nữ theo như quy định và phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

b) Đảng đoàn trong Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ gồm một số đồng chí trong Ban thường trực và Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam làm việc tại cơ quan Trung ương Hội.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 71-CT/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1963

### Về việc cải tiến chế độ hội họp, học tập, giảm bớt hội họp, học tập không cần thiết

Hội nghị là một biện pháp lãnh đạo quan trọng để truyền đạt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, để thu góp ý kiến của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với các chủ trương, công tác các mặt, hội nghị là chỗ để giáo dục, đấu tranh nội bộ; bồi dưỡng cán bộ, đảng viên một cách thực tế và sinh động.

Nhưng một vấn đề đáng quan tâm hiện nay là tình hình hội họp (và học tập) ở cơ sở, cũng như ở các ngành cấp trên đều quá nhiều, nhất là ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh và sự nghiệp. Cuộc điều tra trong 5 cơ sở vừa qua cho thấy khoảng 40% số cuộc họp là không cần thiết. Nhiều nơi đã sử dụng nhiều thì giờ làm việc của Nhà nước để hội họp, học tập, đồng thời cũng xâm phạm nhiều thì giờ nghỉ ngơi của cán bộ, công nhân viên. Hội họp, học tập nhiều và không hợp lý đã ảnh hưởng không tốt đến năng suất lao động, đến sức khỏe

của cán bộ, công nhân viên, đồng thời đã làm cho sự lãnh đạo và chỉ đạo của nhiều nơi kém sâu sát, sắc bén.

Cho nên sửa đổi lề lối hội họp, học tập cho thích hợp với tình hình hiện nay là yêu cầu cấp thiết của công tác lãnh đạo, đồng thời cũng là để giải đáp yêu cầu chính đáng của cán bộ và quần chúng.

### I- YÊU CẦU CỦA VIỆC CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ HỘI HỌP VÀ HỌC TẬP

1. Cải tiến chế độ hội họp, học tập để nâng cao kết quả sản xuất và công tác, đồng thời bảo đảm thời giờ học tập và nghỉ ngơi của cán bộ, công nhân, viên chức.
2. Giảm bớt thì giờ hội họp, học tập nhưng đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong lề lối làm việc và đảm bảo việc phổ biến tốt các chủ trương, chính sách.
3. Nâng cao chất lượng và giữ vững chế độ hội nghị thường kỳ của mỗi tổ chức; thực hiện đúng chức trách của mỗi cơ quan và tổ chức, để giải quyết tốt công việc và giảm bớt hội nghị bất thường.

Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 118 ngày 17 tháng 12 năm 1963 quy định việc hội họp, học tập của cán bộ, công nhân, viên chức, yêu cầu các cấp nghiêm chỉnh thi hành Quyết định ấy.

### II- BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NHẪM CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ HỘI HỌP VÀ HỌC TẬP

Để thực hiện tốt các yêu cầu trên, ngoài việc quy định chế độ hội họp, học tập, cần có những biện pháp cụ thể và thiết thực.

1. Trước hết, phải có sự *chuyển biến về nhận thức tư tưởng*: nhận rõ yêu cầu phải đề cao hơn nữa nguyên tắc tập trung

dân chủ trong khi giải quyết công việc, phân biệt được những vấn đề nào cần có hội nghị tập thể bàn bạc, vấn đề nào do cá nhân phụ trách quyết định; nâng cao thêm một bước ý thức tổ chức, kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và các quyết định của tập thể, của thủ trưởng cơ quan, hoặc của cán bộ có thẩm quyền; nâng cao hơn nữa quan điểm sản xuất, quan điểm quần chúng, khắc phục bệnh hình thức, ra sức cải tiến chế độ hội họp, học tập, dành nhiều thì giờ cho sản xuất, công tác và dành thời giờ thích đáng cho việc nghỉ ngơi và sinh hoạt gia đình của cán bộ, công nhân, viên chức.

2. Đẩy mạnh việc *xây dựng chức trách, chế độ công tác* của mỗi tổ chức đảng, chính quyền, và đoàn thể quần chúng. Trên cơ sở đó, mỗi tổ chức, mỗi cá nhân cần ra sức khắc phục tình trạng giải quyết công việc một cách chồng chéo lên nhau, hoặc việc chỉ cần do cá nhân giải quyết cũng chờ đưa ra tập thể bàn bạc (Ban Tổ chức Trung ương cần đôn đốc, kiểm tra việc quy định chức trách, chế độ công tác của các ngành, các cấp).

3. Quản lý chặt chẽ các cuộc hội họp, học tập, quy định chế độ cụ thể, phân công người chịu trách nhiệm quản lý, khắc phục việc triệu tập hội họp, học tập một cách tùy tiện.

Trước khi triệu tập họp, thường vụ cấp ủy, thủ trưởng cơ quan hoặc cán bộ phụ trách phải chuẩn bị kỹ về nội dung để cuộc họp giải quyết được mọi việc cần thiết một cách nhanh gọn và thiết thực. Nếu chưa chuẩn bị tốt thì chưa họp.

4. Để giảm bớt hội họp, cần sửa đổi tác phong công tác, cải tiến công tác chỉ đạo, công tác nghiên cứu, bằng cách tăng cường đi sát, trực tiếp nghiên cứu và giải quyết vấn đề tận nơi, tận chỗ.

5. Trong việc phổ biến chủ trương, chính sách, và giáo dục quần chúng, cần chú ý sử dụng nhiều hình thức linh hoạt và thích hợp. Có việc cần thì tổ chức học tập, nhưng có những việc có thể dùng hình thức phổ biến khác, như: hoạt động câu lạc bộ, phát thanh, băng đen, tổ chức đọc báo chí, triển lãm thực tế, sử dụng điển hình, phân công tuyên truyền cá biệt, v.v.. làm cho việc phổ biến được nhẹ nhàng nhưng sâu sắc.

6. Để giải quyết tình hình hội họp, học tập quá nhiều ở cơ sở, cần chấn chỉnh lề lối làm việc ở các ngành và cơ quan cấp trên: giảm giấy tờ không cần thiết, hạn chế việc triệu tập cán bộ chủ chốt của cơ sở đi họp, mọi chủ trương công tác đưa xuống cơ sở phải đi vào chương trình, kế hoạch, hạn chế đưa các công tác đột xuất xuống cơ sở, nhằm tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở có nhiều thì giờ đi sát công việc thực tế.

Đối với các cuộc hội nghị của các ban, các ngành, các bộ ở trung ương, cần mời đại biểu cấp ủy và Ủy ban địa phương, Ban Bí thư giao cho Văn phòng Trung ương Đảng cùng với đồng chí Bộ trưởng Phủ Thủ tướng quản lý. Đối với các cuộc vận động lớn hoặc khi cần tổ chức học tập các chủ trương, chính sách lớn có tính chất đột xuất, thì Ban chỉ đạo cuộc vận động và Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng cần nghiên cứu đề nghị với Ban Bí thư (hoặc với Thường vụ Hội đồng Chính phủ) quy định thì giờ cụ thể của việc hội họp, học tập. Ban Bí thư mong các ngành, các cấp mau chóng chấm dứt tình trạng tổ chức hội họp, học tập quá nhiều hiện nay, thực hiện chế độ hội họp, học tập hợp lý để tập trung sức vào việc đẩy mạnh sản xuất và công tác. Các ngành, các cấp cần quy

định chế độ cụ thể cho các đơn vị và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ các cơ sở thi hành.

Chỉ thị này cần được phổ biến cho đến các chi bộ cơ quan, nhà máy, công, nông trường, trường học, bệnh viện. Ở xã và hợp tác xã nông thôn cũng cần căn cứ vào tình thần Chỉ thị này để cải tiến lề lối hội họp, học tập cho thích hợp với đặc điểm của nông thôn.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## **CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 72-CT/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1963

### **Về việc đẩy mạnh phong trào cải tiến công cụ và bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp**

Để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu chung của nhân dân, của hợp tác xã và của Nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa hiện nay, một trong những vấn đề quan trọng là phải tích cực cải tiến công cụ và từng bước cơ khí hoá nông nghiệp.

Về mặt này, mấy năm qua, các cấp và các ngành đã có những cố gắng nhất định. Nhờ cải tiến công cụ và bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp, nhiều hợp tác xã đã tăng được hiệu suất lao động, khắc phục được một số khó khăn do thiên tai, thời vụ khẩn trương và tình hình thiếu sức kéo gây nên, đẩy mạnh thâm canh, mở rộng diện tích, phát triển thêm ngành nghề. Mạng lưới cơ khí và thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp cũng đang hình thành.

Tuy vậy, phong trào cải tiến công cụ còn yếu, chưa đều, chưa vững chắc; việc sử dụng công cụ cơ khí còn rất hạn chế.

Công cụ cải tiến còn ít và ở trình độ thấp; công cụ nửa cơ khí càng kém. Phương hướng, quy cách, mẫu mực cải tiến công cụ đối với từng khâu, từng vùng, từng loại công cụ (cũ, cải tiến, nửa cơ khí) chưa được xác định rõ ràng; nhiều vấn đề về cung cấp nguyên liệu, sản xuất, kỹ thuật, chế độ, chính sách,... chưa được giải quyết tốt. Công cụ làm ra thường xấu, giá thành đắt, lại không phù hợp với yêu cầu và không được cung cấp kịp thời đối với từng vùng.

Cơ khí hoá nông nghiệp chủ yếu mới thực hiện bước đầu ở hai khâu tưới, tát và cày bừa. Trong hai khâu này cũng còn nhiều nhược điểm; phương hướng và điều kiện sử dụng các loại máy bơm, máy kéo chưa được xác định rõ ràng; địa bàn chưa được quy hoạch và cải tạo, nên việc sử dụng còn phân tán và không ổn định; chỉ đạo kỹ thuật và quản lý các đội máy kém, v.v... Do đó hệ số sử dụng máy thấp, giá thành cao và hiệu quả kinh tế ít.

Việc sử dụng hơi than, sức nước, sức gió chưa được chú ý; việc sử dụng điện phục vụ nông nghiệp còn ít. Việc kết hợp cải tiến công cụ và cơ khí hoá nói chung còn yếu.

Sở dĩ phong trào cải tiến công cụ chưa mạnh là vì các cấp bộ Đảng và chính quyền chưa nhận thức thật đầy đủ ý nghĩa quan trọng của vấn đề, nặng tư tưởng bảo thủ, ngại khó, thiếu chỉ đạo tích cực, thiếu phương hướng và biện pháp thiết thực, cụ thể; thiếu đi đúng đường lối quần chúng, thiếu coi trọng tổng kết kinh nghiệm. Việc bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp còn bị hạn chế, ngoài những khó khăn khách quan (công nghiệp chưa phát triển, quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ bé, thời tiết không thuận lợi), còn do các cấp, các ngành chưa thật sự chỉ đạo đúng mức, thiếu tổ chức nghiên cứu chu đáo, nặng khuynh hướng giản đơn và coi nhẹ hiệu quả

kinh tế trên các mặt chỉ đạo địa bàn, chỉ đạo kỹ thuật, xây dựng tổ chức, quản lý hoạt động của các đội máy, v.v..

Để tích cực phát huy thành tích, kiên quyết khắc phục khuyết điểm, đưa phong trào cải tiến công cụ tiến lên mạnh mẽ và làm cho việc bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp thu được nhiều kết quả hơn, trước mắt cần giải quyết tốt một số vấn đề sau đây:

## I- CẢI TIẾN CÔNG CỤ

### 1. *Nhiệm vụ*

Nhiệm vụ của cải tiến công cụ là góp phần tích cực tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng lao động, tạo điều kiện phân bố hợp lý nhân lực vào các khâu canh tác và các ngành nông nghiệp, để phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, góp phần hạ giá thành sản phẩm và tăng giá trị tổng sản lượng nông nghiệp; mặt khác, dần dần cải thiện điều kiện lao động của nông dân xã viên.

### 2. *Phương hướng*

a) Cần tiến hành cải tiến công cụ một cách toàn diện, hợp với tính chất liên hoàn của các khâu trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Nhưng phải đặc biệt chú trọng vào những khâu công việc tốn nhiều nhân lực hoặc thời vụ khẩn trương, đồng thời chú ý những công việc chất lượng còn kém và những công việc nặng nhọc, vất vả. Hiện nay, nói chung cần chú ý 5 khâu: *làm đất, thủy lợi* (kể cả đào đắp, tưới tát), *vận chuyển, thu hoạch* và *chế biến*. Tuỳ tình hình cụ thể, mỗi nơi trong từng lúc lại cần tập trung vào những khâu cần thiết, trong mỗi khâu chú trọng loại bức thiết nhất, và trong từng thời kỳ nhất định tập trung vào làm thật tốt những công việc có khả năng làm.

b) Cần coi trọng tính chất địa phương, tránh nhất loạt rập khuôn một cách máy móc, nhưng cũng tránh bảo thủ; phát

huy tinh thần sáng tạo của quần chúng kết hợp với nghiên cứu của chuyên môn; kết hợp chọn lọc, nâng cao cái cũ với *sáng chế phát minh, nhập nội cái mới*.

c) Cần tích cực nhưng vững chắc: đi từ dễ đến khó, từ giản đơn đến phức tạp, từ công cụ cải tiến lên nửa cơ khí và cơ khí. Cũng có nơi, có khâu, nếu có điều kiện, có thể đi thẳng từ thô sơ lên nửa cơ khí và cơ khí.

d) Nói chung, cần căn cứ vào những kết luận về một số công cụ thích hợp cho từng vùng của hội nghị tổng kết cải tiến công cụ do Ban Nông nghiệp Trung ương triệu tập vừa qua và kinh nghiệm thực tiễn của từng nơi, để đề ra phương hướng cụ thể của từng địa phương. Đồng thời, cần đặc biệt chú ý thực hiện sớm ở *bì hóa* nhiều loại công cụ trong điều kiện thích hợp để tăng nhanh hiệu suất và giảm nhẹ điều kiện lao động.

e) Cần kết hợp chặt chẽ các mặt thiết kế, chế tạo, phổ biến, phân phối, tổ chức sử dụng và sửa chữa, kết hợp chặt chẽ giữa cải tiến công cụ với tổ chức lao động và tập luyện nâng cao kỹ thuật sử dụng, đảm bảo sự thích ứng giữa công cụ với sức kéo và lao động, kết hợp chặt chẽ việc cải tiến công cụ với phát triển giao thông vận tải, làm cho việc cải tiến công cụ đưa lại hiệu quả thiết thực.

### 3. Một số vấn đề phải giải quyết

#### a) Về sản xuất

- Hiện nay cần lấy sản xuất công cụ cải tiến và nửa cơ khí làm trọng tâm, đồng thời đảm bảo đủ công cụ thường.

- Xây dựng mạng lưới sản xuất công cụ từ trung ương đến địa phương: các xưởng ở trung ương nên sản xuất công cụ nửa cơ khí; các xưởng ở tỉnh sản xuất một số loại công cụ nửa cơ khí và một số bộ phận kim khí của các loại công cụ cải tiến; các xưởng ở huyện chủ yếu sản xuất công cụ cải tiến; xã và hợp tác xã sản xuất công cụ thường và một số công cụ cải tiến. Mạng lưới sản xuất phải đi đôi với mạng lưới sửa chữa; chú trọng mạng lưới sửa chữa ở xã và hợp tác xã.

- Thống nhất sự chỉ đạo các xưởng sản xuất công cụ cải tiến vào ngành công nghiệp. Nâng cao trình độ quản lý của các xưởng, đặc biệt chú trọng công tác thiết kế, kế hoạch, hạch toán kinh tế, và không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật của công nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Phủ Thủ tướng và các ngành có trách nhiệm, nhất là Tổng Cục vật tư, Tổng Cục lâm nghiệp, Bộ Nội thương và Bộ Nông nghiệp cần nghiên cứu và có kế hoạch đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, đúng tiêu chuẩn và quy cách từng loại nguyên vật liệu cho sản xuất công cụ.

#### b) Về phân phối

- Trong việc cung cấp công cụ cải tiến nói chung Nhà nước không lấy lãi nhằm khuyến khích các hợp tác xã sử dụng ngày càng rộng rãi các loại công cụ cải tiến và nửa cơ khí để phát triển mạnh mẽ nông nghiệp. Nguyên vật liệu phân phối cho các hợp tác xã nông nghiệp dùng trong việc sản xuất và sửa chữa công cụ cải tiến cũng được tính theo giá cả thích hợp. Chính phủ nên có những quy định cụ thể về các mặt nói trên.

Các ngành làm nhiệm vụ lưu thông phân phối, cần có sự điều chỉnh chi phí lưu thông một cách toàn diện giữa các vùng để đảm bảo giá cả cung cấp công cụ cải tiến và nguyên vật liệu cần thiết cho các vùng ở miền núi được phải chăng.

- Bảo đảm phân phối nhanh chóng, kịp thời. Ngành tư liệu sản xuất đảm nhiệm nhiệm vụ phân phối. Nhưng các xưởng sản xuất cũng có thể bán thẳng công cụ cho hợp tác xã theo kế hoạch đã thống nhất với ngành tư liệu sản xuất để giảm phí lưu thông, và hợp tác xã mua bán có thể được giao bán các loại công cụ nhỏ.

#### c) Về chính sách trong nội bộ hợp tác xã

- Cần thực hiện đúng chính sách thuê mượn và công hữu hoá tư liệu sản xuất theo đúng điều lệ hợp tác xã đã quy định. Thực hiện chính sách thù lao lao động hợp lý để khuyến khích xã viên hăng hái sử dụng và tích cực nâng cao kỹ thuật sử dụng các loại công cụ cải tiến có năng suất cao. Cần

có chế độ bảo quản, sử dụng, sửa chữa, khấu hao chặt chẽ. Chú ý: đối với một số công cụ tuy là chủ yếu nhưng giá trị kém (như cày bừa cũ) hoặc khó bảo quản (như thuyền nan...), hợp tác xã tạm thời chưa công hữu hoá, chỉ thuê mượn hoặc khoán việc cho người có công cụ khi cần thiết.

- Chú trọng đào tạo cán bộ, lao động về mọi mặt chế tạo, sửa chữa, sử dụng. Những người được cử đi học về mặt này cũng được coi như người đi học nghiệp vụ quản lý hợp tác xã và hưởng các chế độ đã quy định.

- Chú ý giải quyết thích đáng vấn đề lương thực cho những người chuyên trách sản xuất và sửa chữa công cụ trong hợp tác xã như mọi xã viên khác.

## II- CƠ KHÍ HOÁ NÔNG NGHIỆP

### 1. *Nhiệm vụ trước mắt*

Cơ khí hoá nông nghiệp là bước đường tất yếu của quá trình hiện đại hoá nông nghiệp. Trong điều kiện khó khăn và khả năng có hạn hiện nay, chúng ta cần tiến hành từng bước cơ khí hoá nông nghiệp một cách tích cực và sát hợp với tình hình thực tiễn. Bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp có nhiệm vụ góp phần tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp để nâng cao năng suất lao động, mở rộng sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho xã viên và tăng thêm khối lượng những nông sản hàng hoá chủ yếu cung cấp cho Nhà nước; đồng thời có nhiệm vụ thí nghiệm, tích cực chuẩn bị điều kiện cho việc mở rộng diện cơ khí hoá nông nghiệp.

### 2. *Phương hướng*

Trước hết nhằm vào những khâu tốn nhiều sức lao động, hoặc lao động khẩn trương trong thời vụ, và vào những vùng ta có điều kiện sử dụng máy với hiệu quả kinh tế cao.

a) Hiện nay, cần tập trung cơ khí hoá vào hai khâu *tưới tát* và *cày bừa*, đồng thời dần dần từng bước thực hiện ở các khâu chế biến, vận chuyển, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch.

Về tưới tát, chú ý phát triển mạnh các loại máy bơm (bơm điện, bơm dầu có thiết bị phụ tùng thích hợp) và tích cực mở rộng dần việc thi công cơ giới trong công tác xây dựng các công trình thuỷ lợi.

Về cày bừa, chú ý sử dụng tốt các loại máy kéo, tăng thêm khối lượng các loại máy thích hợp với điều kiện đồng ruộng của ta, và sử dụng tổng hợp máy trong nhiều công việc.

Tích cực sử dụng hơi than, sức nước, sức gió, và đặc biệt chú trọng sử dụng điện, xây dựng mạng lưới điện phục vụ nông nghiệp.

Phối hợp chặt chẽ giữa nông trường quốc doanh và các trạm đội máy trong việc sử dụng và sửa chữa máy kéo và máy nông nghiệp.

b) Tập trung cơ khí hoá vào những vùng có khả năng phát triển sản xuất và cung cấp nhiều nông sản hàng hoá chủ yếu, thường gặp khó khăn về thiên tai, về thiếu sức kéo, về lao động khẩn trương trong thời vụ, về đất đai khó làm hay cần cải tạo mà điều kiện thiên nhiên như địa hình, nguồn nước tương đối thuận lợi. Cụ thể là những vùng trồng màu và cây công nghiệp tập trung, vùng trồng lúa quan trọng, vùng sản xuất thực phẩm xung quanh các thành phố và khu công nghiệp lớn. Ngoài ra, cũng cần chú ý những vùng đất cần cải tạo để chuẩn bị phát triển sản xuất lâu dài về sau.

c) Đối với miền núi, tích cực nghiên cứu những máy thích hợp với điều kiện địa hình và quy mô sản xuất, chú trọng những máy tĩnh tại dùng vào các khâu tưới tát, chế biến.

Trong khâu tưới tát thì chú ý phát triển một cách có kế hoạch loại tuýcbin chạy bằng sức nước để bơm nước, phát điện hay chạy các máy chế biến nông sản.

d) Cơ khí hoá nông nghiệp phải tiến hành từng bước vững chắc. Chú ý cân đối giữa yêu cầu với khả năng và điều kiện sử dụng máy. Kết hợp chặt chẽ việc sử dụng máy móc với việc sử dụng công cụ cải tiến và nửa cơ khí. Kết hợp yêu cầu trước mắt với phương hướng phát triển lâu dài. Ở một số khâu và trong một số vùng nhất định, có thể cơ khí hoá nhanh và tiến thẳng từ công cụ thô sơ lên cơ khí; nhưng nói chung trong một thời gian dài, nông nghiệp nước ta chủ yếu vẫn phải dựa vào sức kéo trâu bò và lao động thủ công, vào công cụ cải tiến và nửa cơ khí.

### 3. Một số vấn đề cần giải quyết

#### a) Trước hết cần quy hoạch địa bàn

Đối với máy kéo, phải xúc tiến việc *điều tra và quy hoạch địa bàn*. Quy hoạch địa bàn bao gồm quy hoạch sản xuất, ruộng đất, thuỷ lợi, giao thông, v.v..

Đối với máy bơm, cũng cần căn cứ vào quy hoạch thuỷ lợi chung ở từng vùng, vào yêu cầu tưới tát, vào nguồn nước, độ cao đưa nước và lợi ích kinh tế để có quy hoạch thích hợp.

Trước mắt, cần thành lập một Ban quy hoạch cơ khí hoá nông nghiệp, gồm các ngành có liên quan để tiến hành gấp rút việc điều tra các vùng có khả năng sử dụng máy và tập trung xây dựng quy hoạch cơ khí hoá một số vùng để rút kinh nghiệm.

#### b) Dùng máy móc thích hợp và sử dụng máy tập trung

Trên cơ sở kết quả khảo nghiệm và xác minh, kết hợp với kinh nghiệm sử dụng và số liệu điều tra quy hoạch, cần tính

toán lại *kế hoạch nhập và sản xuất máy và phụ tùng*, đồng thời có kế hoạch *điều chỉnh máy giữa các vùng cho thích hợp*.

Đối với máy kéo, chú ý tăng cường máy bánh bơm và tập trung máy vào một số vùng có điều kiện và khả năng sử dụng máy tốt, kiên quyết rút máy ở những nơi hiện nay sử dụng gặp nhiều khó khăn, ít có tác dụng kinh tế và chấm dứt tình trạng hoạt động lẻ tẻ, phân tán. Trang bị thêm cho các đội máy những phương tiện di chuyển máy và những thiết bị xúc đất và đào đắp để tận dụng công suất những máy kéo sẵn có trong việc làm thuỷ lợi, làm đường, cải tạo địa bàn.

Đối với máy bơm, tuỳ theo khả năng trang bị máy có cột nước thấp và lưu lượng lớn cho các vùng đồng bằng; điều chỉnh dần những máy bơm lưu lượng nhỏ và vừa, có cột nước cao hiện đang sử dụng ở đồng bằng lên trung du và miền núi.

#### c) Tổ chức sản xuất và sửa chữa

Xây dựng một hệ thống sản xuất và một mạng lưới sửa chữa máy theo một kế hoạch thống nhất và có phân công chuyên môn hoá cho từng xí nghiệp đối với từng bộ phận máy hoặc từng loại máy, tiến tới tiêu chuẩn hoá các bộ phận máy chủ yếu. Trước mắt, cần tập trung đẩy mạnh sản xuất máy bơm (kể cả động cơ), các máy nông nghiệp đi sau máy kéo, sản xuất và sửa chữa các loại phụ tùng. Đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng bằng cách tăng cường công tác thiết kế, tăng cường thiết bị, nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật của các xí nghiệp, đồng thời có chế độ cung cấp nguyên vật liệu riêng, đảm bảo quy cách và tiêu chuẩn kỹ thuật. Gấp rút xây dựng mạng lưới sửa chữa ở cơ sở, và bồi dưỡng cho công nhân sử dụng máy có đủ trình độ giải quyết những hư hỏng vặt

vật, để đảm bảo sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ và thường xuyên trong từng trạm, đội.

d) Tăng cường *quản lý* và thực hiện phân cấp quản lý các trạm, đội máy. Tổ chức các trạm, đội máy phải gọn, nhẹ, hạn chế tỷ lệ gián tiếp sản xuất, đồng thời phải có đủ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ cần thiết để đảm bảo được nhiệm vụ.

e) Tích cực *phấn đấu hạ giá thành* công việc dùng máy bằng cách tăng năng suất lao động, tăng khối lượng công tác, phát huy đến mức độ tối đa công suất của máy, đồng thời nghiên cứu hạ giá máy móc, phụ tùng, nhiên liệu và giá sửa chữa một cách thích đáng. Trên cơ sở hạ giá thành, *nghiên cứu lại giá công cày bừa máy và bơm nước* theo hướng có phân biệt từng loại cây trồng và từng vùng kinh tế khác nhau và có chiều cố thích đáng những vùng cày bừa máy tập trung và ổn định nhằm khuyến khích, củng cố và mở rộng diện tích cày máy.

Đối với máy bơm, hướng chung là bán dần cho các hợp tác xã theo những điều kiện nhất định, Nhà nước sẽ chỉ giữ lại một số ít máy để lưu động chống úng và chống hạn đột xuất.

### III- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO

Trong thời gian tới, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật mở rộng, công tác thuỷ lợi được đẩy mạnh với quy mô lớn, công nghiệp phát triển thêm những bước mới sẽ tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi, đồng thời cũng đề ra những yêu cầu mới cho phong trào cải tiến công cụ và bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp.

a) Các cấp ủy Đảng và các ngành có trách nhiệm cần kiểm điểm việc lãnh đạo vừa qua để gây một chuyển biến mới,

đảm bảo yêu cầu về cải tiến công cụ và bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp đã đề ra cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Cần đặc biệt chú ý đúc rút kinh nghiệm, đi sâu nghiên cứu các đặc điểm tình hình, nắm vững yêu cầu và khả năng để đề ra phương hướng và biện pháp cụ thể; hết sức coi trọng việc động viên giáo dục quần chúng và đảm bảo chất lượng trong sản xuất và sử dụng công cụ. Cần giải quyết tốt những vấn đề cơ bản, lâu dài, nhất là vấn đề quy hoạch địa bàn, đào tạo cán bộ, công nhân, và nghiên cứu kinh tế kỹ thuật, chú trọng xây dựng bộ máy nghiên cứu ở trung ương và ở tỉnh.

b) Củng cố và tăng cường hệ thống chỉ đạo từ trên xuống dưới. Có sự phân công rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp.

Các tỉnh trực tiếp lãnh đạo phong trào cải tiến công cụ trong từng địa phương về mọi mặt.

Cấp trung ương lãnh đạo chung và trực tiếp chỉ đạo công cụ nửa cơ khí, chú trọng các loại nửa cơ khí phức tạp, nắm tình hình, hướng dẫn, kiểm tra kỹ thuật sản xuất và sử dụng, tổng kết tốt và phổ biến kinh nghiệm về mặt cải tiến công cụ. Sự phân công và phối hợp ở Trung ương như sau:

- Phủ Thủ tướng chỉ đạo phong trào cải tiến công cụ và việc bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp; ban hành các chế độ chính sách liên quan chung, và phối hợp hoạt động chung của các ngành, các Bộ.

- Các Bộ Nông nghiệp, Thuỷ lợi, Giao thông, Công nghiệp, Nội thương, các ngành vật tư, lâm nghiệp... dựa vào chủ trương, chính sách, kế hoạch chung, có chủ trương, kế hoạch thực hiện cụ thể và có sự phối hợp chặt chẽ với nhau; vấn đề gì thuộc phạm vi ngành nào phụ trách chính thì ngành đó

phải chủ động phối hợp với các ngành khác. Riêng Bộ Nông nghiệp có liên quan nhiều đến những vấn đề này, cần chủ động hơn trong sự phối hợp chỉ đạo.

- Những công tác thuộc về kế hoạch hoặc nghiên cứu khoa học kỹ thuật liên quan đến nhiều Bộ do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hoặc Ủy ban Khoa học Nhà nước cùng bộ liên quan nhất chủ động phối hợp.

c) Trước mắt, các ngành, các tỉnh cần căn cứ vào những kết luận của Hội nghị tổng kết do Ban Nông nghiệp Trung ương triệu tập vừa qua và tình hình cụ thể của ngành, của địa phương để nghiên cứu đề ra kế hoạch cụ thể phục vụ phong trào cải tiến công cụ và bước đầu cơ khí hoá nông nghiệp.

Các tỉnh cần tiến hành tổng kết tốt kinh nghiệm và có phương hướng, biện pháp thích hợp về cả ba mặt: công cụ cải tiến, nửa cơ khí và cơ khí hoá; đặc biệt chú ý đặt vấn đề cải tiến công cụ đúng mức từ đợt III cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp sắp tới.

Phủ Thủ tướng chủ trì cùng các ngành liên quan ở trung ương kịp thời để tổ chức những hội nghị chuyên đề cần thiết để giải quyết cụ thể một số vấn đề quan trọng như cung cấp

nguyên, vật liệu, sản xuất, phân phối công cụ, đào tạo cán bộ, công nhân, quy hoạch, và ban hành một số chế độ, chính sách cần thiết.

\*  
\*   \*

Nhận được Chỉ thị này, các ngành, các địa phương cần kịp thời nghiên cứu để có kế hoạch tích cực thi hành và báo cáo kết quả cho Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ  
NGUYỄN CHÍ THANH

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

**Về tình hình thế giới và nhiệm vụ  
quốc tế của Đảng ta**  
Tháng 12 năm 1963

Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn nhất trí với bản báo cáo của Bộ Chính trị về *Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta*.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và trung thành với những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960, xuất phát từ nguyện vọng góp phần tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai của chúng, giành thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, Hội nghị Trung ương

nhất trí nhận định về tình hình thế giới và quyết nghị về nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta như sau:

I

Thắng lợi lịch sử của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, dân chủ và yêu nước do Liên Xô đứng đầu trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đã làm cho chủ nghĩa đế quốc thế giới bị suy yếu đi rất nhiều và mở ra một *thời kỳ cao trào cách mạng mới*.

Sau khi chiến tranh kết thúc, một loạt nước xã hội chủ nghĩa đã ra đời ở châu Âu và châu Á. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã được thành lập và không ngừng lớn mạnh. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc có một ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với thế giới; nó làm nghiêng hẳn cán cân lực lượng về phía hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cùng với thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc, cách mạng Triều Tiên, Cách mạng Cuba và kháng chiến Angiêri, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến Việt Nam đã chọc thủng hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở những khâu yếu nhất và cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh nhằm phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc dâng lên mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin đã thu được những thắng lợi vĩ đại. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đang tan rã. Hàng chục nước dân tộc chủ nghĩa đã xuất hiện trên thế giới.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, giành dân chủ và chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Trên thế giới, phong trào bảo vệ hoà bình có tính chất quần chúng rộng rãi chưa từng thấy đang chĩa mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc Mỹ cùng bọn hiếu chiến và xâm lược khác. *Hai trào lưu lớn của cách mạng thế giới hiện nay là phong trào đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc.*

Rõ ràng là từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đã xuất hiện một *cao trào cách mạng mới*, phát triển liên tục, lôi cuốn hàng trăm triệu người trên thế giới vùng lên đấu tranh, không ngừng tiến công từ nhiều phía vào thành lũy của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ; và liên tiếp phá vỡ từng mảng thành lũy đó với một khí thế vô cùng mạnh mẽ. Lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng ở từng nơi, từng lúc có khác nhau; phong trào cách mạng của nhân dân các nước phát triển không đều; nhưng nhìn chung, thời kỳ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai rõ ràng là *thời kỳ các lực lượng cách mạng tiến công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc*. Cao trào cách mạng mới đã đưa đến những biến chuyển to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi hẳn bộ mặt của thế giới.

1. Biến chuyển lớn nhất trên thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là *trong cao trào cách mạng mới đó, đã hình thành, củng cố và phát triển hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.*

Thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước thuộc châu Âu, châu Á và ở Cuba gắn liền với thắng lợi lịch sử của Liên Xô trong cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại chống chủ nghĩa phát xít, với thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự phát triển của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Hiện nay, phe xã hội chủ nghĩa bao gồm 13 nước: Anbani, Ba Lan, Bungari, Cuba, Cộng hoà Dân chủ Đức, Hunggari, Liên Xô, Mông Cổ, Rumani, Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và Việt

Nam Dân chủ Cộng hoà, gồm hơn một nghìn triệu người, chiếm một phần tư diện tích cả toàn thế giới, sản xuất hơn một phần ba tổng sản lượng công nghiệp của thế giới, nắm trong tay một lực lượng quốc phòng mạnh mẽ và đang dẫn đầu thế giới về một số ngành khoa học và kỹ thuật quan trọng nhất. Tình hình đó đã làm thay đổi về căn bản lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới. Hệ thống xã hội chủ nghĩa là *thành trì của cách mạng thế giới*, đồng thời cũng là *thành trì của hoà bình thế giới.*

*"Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người"<sup>1)</sup>.*

Sự lớn mạnh không ngừng và cuộc đấu tranh dưới hình thức của phe xã hội chủ nghĩa chống phe đế quốc chủ nghĩa có tác dụng ngăn chặn và đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc, không cho chúng tự do thực hiện những kế hoạch gây chiến và xâm lược của chúng.

Bằng cách phát huy tính hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với chế độ tư bản chủ nghĩa và nhất là bằng cách tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa, phe xã hội chủ nghĩa có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển và giành thắng lợi.

Chính vì thế mà chủ nghĩa đế quốc thế giới do Mỹ cầm đầu tìm mọi cách hòng phá hoại và tiêu diệt hệ thống xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giai cấp giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và tư tưởng không những không dịu đi mà còn gay gắt thêm.

Sự tồn tại và phát triển của phe xã hội chủ nghĩa chứng tỏ rằng không những các nước vốn là tư bản chủ nghĩa có một nền kinh tế phát triển, mà ngay những nước nông

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

ngiệp lạc hậu vốn là thuộc địa, nửa thuộc địa và nửa phong kiến, như Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, cũng hoàn toàn có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa là con đường duy nhất để khắc phục nghèo nàn, lạc hậu và cải thiện mau chóng đời sống của nhân dân.

Hiện nay, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã bước vào *một giai đoạn* phát triển mới, Liên Xô đã hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đang xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đã và đang thu được những thành tựu vĩ đại trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mấy năm nay, những hoạt động chia rẽ và phá hoại của chủ nghĩa xét lại hiện đại có hạn chế một phần, nhưng không thể xoá bỏ được tác dụng khách quan và ảnh hưởng to lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển của xã hội loài người. Vì nói chung các nước xã hội chủ nghĩa không ngừng giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới về mọi mặt và bản thân sự tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa có sức cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

2. Biến chuyển lớn thứ hai là *quá trình sụp đổ nhanh chóng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc dưới những đòn đả kích mãnh liệt của phong trào giải phóng dân tộc*.

Đây là "hiện tượng quan trọng thứ hai, theo ý nghĩa lịch sử của nó, sau sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới"<sup>1)</sup>.

Thắng lợi vĩ đại của Liên Xô trong cuộc chiến tranh yêu nước chống phát xít xâm lược, thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Trung Quốc, thắng lợi của cách mạng ở Việt Nam, Triều Tiên, Cuba, v.v. sự hình thành và lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh vì dân chủ và hoà bình

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa, sự suy yếu trầm trọng của chủ nghĩa đế quốc, tất cả những nhân tố đó đã tạo ra những điều kiện khách quan thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

Song, những nhân tố bên trong ở các nước thuộc địa và phụ thuộc vẫn là những nhân tố quyết định trực tiếp. Sự áp bức và bóc lột nặng nề của chủ nghĩa đế quốc ở các nước châu Á, châu Phi và Mỹ latin, cộng với sự áp bức và bóc lột của thế lực phong kiến kiểu trung cổ và của chủ nghĩa tư bản mới ra đời ở các nước đó đã làm cho quần chúng nhân dân đông đảo, nhất là công nhân và nông dân, đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng. Tình thế cách mạng đã và đang diễn ra ở các nước trong khu vực này. Phong trào giải phóng dân tộc bao gồm cả nghìn triệu nhân dân bị áp bức đang dâng lên cuộn cuộn, tạo thành một cơn bão táp cách mạng, làm sụp đổ từng mảng lớn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Trong 18 năm qua, hơn 50 nước ở khu vực này đã giành được độc lập với mức độ khác nhau.

Những thắng lợi liên tiếp của phong trào giải phóng dân tộc đã khoét sâu thêm những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản thế giới, tạo ra những điều kiện thuận lợi mới cho sự phát triển của phong trào cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa, cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, đồng thời góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ hoà bình thế giới.

Trước tình hình ấy, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ tìm mọi cách ngăn chặn và phá hoại phong trào giải phóng dân tộc. Chúng cố duy trì chế độ thuộc địa cũ. Song, đứng trước cao trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, chúng phải áp dụng một chính sách quỷ quyệt hơn: thừa nhận quyền độc lập chính trị của một số nước thuộc địa của chúng, nhân nhượng một phần nào với giai cấp tư sản ở các nước đó, nhằm duy trì quyền lợi kinh tế và ảnh hưởng

chính trị của chúng và ngăn ngừa phong trào giải phóng dân tộc phát triển theo con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Một loạt nước dân tộc chủ nghĩa ra đời. Ở một số nước dân tộc chủ nghĩa, giai cấp tư sản càng lớn lên, chủ nghĩa tư bản càng phát triển, thì sự lệ thuộc của các nước đó vào chủ nghĩa đế quốc về kinh tế và chính trị càng rõ rệt. Đế quốc Mỹ lợi dụng sự thoái lui của chủ nghĩa thực dân cũ để phát triển chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Các đế quốc già cỗi như Anh, Pháp cũng áp dụng chủ nghĩa thực dân mới ở một số thuộc địa cũ của chúng. Vì vậy, cuộc đấu tranh để giành lại và củng cố độc lập dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc và các nước dân tộc chủ nghĩa chưa hoàn thành, trái lại, đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Mũi nhọn của cuộc đấu tranh đó ngày càng chia vào đế quốc Mỹ "thành lũy chủ yếu của chủ nghĩa thực dân hiện nay"<sup>1)</sup>.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, để giành lại và củng cố độc lập dân tộc, nhân dân lao động, đặc biệt là công nhân và nông dân, giữ vai trò quyết định. Họ không những muốn phá tan xiềng xích của đế quốc và phong kiến mà còn muốn thoát khỏi sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Thắng lợi của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở mỗi nước thuộc địa, phụ thuộc và mỗi nước dân tộc chủ nghĩa chủ yếu tùy thuộc vào vai trò lãnh đạo cách mạng của đảng mácxít - leninnít, đồng thời cũng tùy thuộc một phần vào sự ủng hộ và giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào cách mạng trên thế giới.

3. Biến chuyển lớn thứ ba là *hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới mà thành trì là phe đế quốc chủ nghĩa đang dần là đế quốc Mỹ đang ở trong quá trình suy yếu và khủng hoảng sâu sắc*.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, chủ nghĩa tư bản thế giới không ngừng suy yếu và không thể giải quyết được những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trong giai đoạn tổng

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

khủng hoảng thứ ba của nó. Việc áp dụng một số thành tựu mới của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, việc chủ nghĩa tư bản lũng đoạn chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, việc thành lập những tổ chức quốc tế của tư bản lũng đoạn, việc chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, việc quân sự hoá nền kinh tế quốc dân, chính sách chạy đua vũ trang cùng với việc tăng thuế, lạm phát, sự tiến công của bọn tư bản lũng đoạn vào các quyền tự do dân chủ ở các nước đế quốc chủ nghĩa, v.v. làm cho mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa càng trở nên sâu sắc. Ở các nước đế quốc chủ nghĩa, những cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra với chu kỳ ngắn và không đều.

Dưới ách thống trị của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, tình trạng bần cùng hoá của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và sự phá sản của các tầng lớp trung gian ngày càng nghiêm trọng. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân đông đảo với thiểu số bọn tư bản lũng đoạn trở nên gay gắt. Phong trào đấu tranh chống chính sách gây chiến và xâm lược, đòi đình chỉ chạy đua vũ trang và cải thiện đời sống, đòi thực hiện và mở rộng các quyền tự do dân chủ, phát triển mạnh mẽ và liên tục cả về bề rộng lẫn bề sâu. Những đặc điểm của phong trào đó là: quy mô phong trào bãi công ngày càng to lớn; tính chất chính trị của phong trào ngày càng rõ rệt; vai trò và ảnh hưởng của các Đảng Cộng sản ở nhiều nước không ngừng được nâng cao. Dưới khẩu hiệu hoà bình, dân chủ (và độc lập dân tộc, ở những nước tư bản chủ nghĩa bị Mỹ khống chế), giai cấp công nhân ở một số nước có khả năng đoàn kết được đông đảo nhân dân lao động, các tầng lớp trung gian và các lực lượng dân chủ, yêu nước và hoà bình trong một mặt trận thống nhất, chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn tư bản lũng đoạn, để bảo vệ hoà bình thế giới, giành dân chủ và tiến bộ xã hội, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đứng trước phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động, một mặt bọn tư bản lũng đoạn ra sức đàn áp,

khủng bố và tăng cường phát xít hoá; mặt khác, chúng thi hành chính sách mị dân: giải quyết một phần những yêu cầu về đời sống của quần chúng, tăng cường mua chuộc lớp công nhân quý tộc; dùng chiêu bài "chủ nghĩa tư bản nhân dân" hòng ru ngủ quần chúng lao động, khuyến khích đường lối cải lương của những người theo chủ nghĩa xét lại hiện đại, dùng những người đó để chia rẽ phong trào cộng sản và công nhân. Thủ đoạn thâm độc đó của bọn tư bản lũng đoạn tuy có làm cho một bộ phận giai cấp công nhân rơi vào chủ nghĩa công đoàn, chủ nghĩa hợp pháp, xa rời mục tiêu đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, nhưng càng ngày chính sách phản động và hiếu chiến của chúng càng làm cho phần đông công nhân và nhân dân lao động nhận rõ rằng chỉ có đấu tranh cách mạng nhằm hạn chế và đẩy lùi bọn tư bản lũng đoạn, tiến tới lật đổ ách thống trị của tư bản, mới thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột và mới căn bản cải thiện được đời sống của mình.

Cuộc đấu tranh giành hoà bình và dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa có tác dụng ngăn chặn đế quốc trong việc thực hiện kế hoạch gây chiến và xâm lược. Cuộc đấu tranh đó là một sự ủng hộ to lớn đối với phe xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc.

Từ khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc đến nay, phạm vi thống trị của chủ nghĩa đế quốc không ngừng bị thu hẹp. Dưới chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa, quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản luôn luôn làm thay đổi lực lượng so sánh giữa các nước đế quốc chủ nghĩa; do đó, mâu thuẫn giữa các bọn đế quốc và giữa các tập đoàn tư bản lũng đoạn ngày càng gay gắt thêm.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, trung tâm của phản động thế giới đã chuyển từ Tây Âu sang nước Mỹ. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã trở thành "dinh lữ chủ yếu của thế lực phản

động thế giới và là tên hiến binh quốc tế, là kẻ thù của nhân dân toàn thế giới"<sup>1)</sup>.

Những năm sau chiến tranh, dựa vào lực lượng to lớn về kinh tế và quân sự của mình và lợi dụng sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa khác, đế quốc Mỹ đã khống chế các nước đó, hòng làm bá chủ thế giới tư bản chủ nghĩa. Song, những năm gần đây, nền kinh tế của Tây Đức, Pháp và Nhật Bản đã phát triển với nhịp độ nhanh hơn Mỹ, khiến cho ưu thế kinh tế và địa vị của đế quốc Mỹ trong thế giới tư bản chủ nghĩa đang bị lung lay. Giữa bọn đế quốc, giữa bọn thực dân cũ và mới đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt về vấn đề thị trường.

Bọn đế quốc liên minh với nhau về chính trị, kinh tế và quân sự để chống lại phe xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng trong nước chúng và chuẩn bị chiến tranh thế giới; chúng lập ra các khối quân sự Bắc Đại Tây Dương, Đông - Nam Á và Trung tâm, v.v.. Nhưng vì xung đột về quyền lợi, cho nên trong các khối liên minh của chúng ngày càng nảy ra nhiều mâu thuẫn sâu sắc.

Tuy có lực lượng to lớn về kinh tế và quân sự, nhưng đế quốc Mỹ không tránh khỏi tình trạng ngày càng suy yếu. Nền kinh tế quân sự hoá của Mỹ phát triển cao nhất, nhưng chính ở Mỹ hiện tượng năng lực sản xuất không được sử dụng đầy đủ càng rõ rệt, nạn thất nghiệp trầm trọng thường xuyên, tốc độ phát triển sản xuất ngày càng chậm.

Đế quốc Mỹ lập ra hàng nghìn căn cứ và vị trí quân sự trên thế giới, song vì lực lượng phân tán quá rộng, giữ được nơi này thì sơ hở nơi kia, do đó nhân dân các nước có khả năng đánh bại chúng ở từng bộ phận. Trong 18 năm qua, đế quốc Mỹ và phe lũ đã gây ra hơn mười cuộc chiến tranh xâm lược, nhưng kết quả là chúng đã và đang bị thất bại, lực lượng cách mạng thế giới liên tiếp giành được thắng lợi. Đế quốc Mỹ và phe lũ đã bị những thất bại nặng nề ở Trung Quốc,

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Cuba, và đang bị thất bại ở miền Nam Việt Nam và nhiều nơi khác hiện nay.

Trước kia, dựa vào độc quyền và ưu thế về vũ khí hạt nhân, đế quốc Mỹ thi hành chính sách "bên miệng hố chiến tranh" và đề ra chiến lược quân sự "trả miếng ào ạt". Nhưng phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhanh chóng và Liên Xô giành được ưu thế về vũ khí hạt nhân, phong trào giải phóng dân tộc dâng lên cuộn cuộn, cho nên chiến lược quân sự đó đã bị phá sản. Đế quốc Mỹ phải áp dụng chiến lược "phản ứng linh hoạt", chuẩn bị chiến tranh thế giới mới (bao gồm chiến tranh thế giới mới bằng vũ khí hạt nhân), gây chiến tranh cục bộ và "chiến tranh đặc biệt".

Gần đây, đi đôi với việc ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới mới và tiến hành "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ áp dụng "chiến lược hoà bình" hòng lừa bịp nhân dân các nước; chúng dựa vào chủ nghĩa xét lại hiện đại để thực hiện "diễn biến hoà bình" hòng làm cho một số nước xã hội chủ nghĩa thoái hoá về tư tưởng và chính trị, và dần dần phục hồi chủ nghĩa tư bản ở đó.

Nhưng tất cả những mưu mô và hành động trên đây của chủ nghĩa đế quốc quyết không thể cứu vãn được tình trạng tan rã và diệt vong của nó.

Những biến chuyển to lớn từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai chứng tỏ rằng lực lượng cách mạng thế giới bao gồm phe xã hội chủ nghĩa, các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập, tự do, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, *đã mạnh hơn lực lượng của bọn đế quốc do Mỹ cầm đầu.*

Sự phát triển của tình hình quốc tế ngày càng có lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, không lợi cho bọn đế quốc. Nhân dân thế giới ngày càng có thêm nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành thắng lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

\*  
\*   \*

Sự phát triển của tình hình thế giới ngày càng chứng tỏ định nghĩa dưới đây của Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân họp ở Mátxcơva năm 1960 về nội dung và tính chất của thời đại chúng ta là hoàn toàn đúng:

"Thời đại chúng ta, mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mở đầu bằng cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới"<sup>1)</sup>.

*"Đặc điểm nổi bật của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người..."*

Hội nghị còn nhận định rằng:

"Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong giai đoạn hiện nay"<sup>1)</sup>.

Chúng ta đang sống trong thời đại có những cuộc đảo lộn xã hội và biến đổi cách mạng sâu sắc, thời đại mà những mâu thuẫn trong xã hội loài người ngày càng trở nên gay go và đòi hỏi phải được giải quyết theo những quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử. Dưới sự lãnh đạo của các đảng

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

mácxít - lêninnít, giai cấp công nhân quốc tế đang thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình là lãnh đạo nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức làm cách mạng để giải quyết những mâu thuẫn đó, làm cho thời đại ta đạt tới đích cuối cùng của nó là "chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới".

Trong xã hội loài người hiện nay có *những mâu thuẫn cơ bản* như sau:

- 1) Mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa với phe đế quốc chủ nghĩa;
- 2) Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trong các nước tư bản chủ nghĩa;
- 3) Mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân;
- 4) Mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc, giữa tập đoàn tư bản lũng đoạn này với tập đoàn tư bản lũng đoạn kia trong các nước đế quốc chủ nghĩa.

Bốn mâu thuẫn trên đây đều là những mâu thuẫn cơ bản của xã hội loài người, vì nó thể hiện bản chất của thời đại, tồn tại và vận động *trong suốt thời đại quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Mâu thuẫn cơ bản thứ nhất thuộc về loại mâu thuẫn giữa hai hệ thống thế giới đối lập, còn những mâu thuẫn cơ bản khác thuộc về loại mâu thuẫn trong nội bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.

Những mâu thuẫn cơ bản đó có liên quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau và chỉ có thể được giải quyết triệt để bằng đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng, chứ không thể bằng cải cách hoà bình hoặc bằng thương lượng hoà bình.

Trong các mâu thuẫn cơ bản nói trên, mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa với phe đế quốc chủ nghĩa là *cơ bản nhất*. Nó biểu hiện tập trung mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trên thế giới; nó thể hiện nội dung cơ bản của thời đại chúng ta là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười; nó tồn tại trên khắp thế giới với mức độ khác nhau ở từng nơi và nó ảnh hưởng đến sự phát triển của các mâu thuẫn cơ bản khác và cách giải quyết các mâu thuẫn ấy.

Song việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản nhất không thể thay thế cho việc giải quyết các mâu thuẫn cơ bản khác, mà trái lại, một phần quan trọng phải thông qua việc giải quyết những mâu thuẫn cơ bản khác. *Trong điều kiện chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, việc giải quyết triệt để* mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa với phe đế quốc chủ nghĩa thực tế phải thông qua các cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước đế quốc chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, phụ thuộc và các nước dân tộc chủ nghĩa. Tuy vậy, cần nhận rõ rằng cuộc đấu tranh giai cấp bên trong giữa hai phe trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và tư tưởng tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa phát triển và giành được thắng lợi.

Do sự vận động phức tạp của các mâu thuẫn cơ bản trên đây, ta thấy hiện nay trên thế giới nổi bật lên sự xung đột giữa hai thế lực đối lập nhau: *một bên là* phe xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và các lực lượng hoà bình và dân chủ khác đang đấu tranh quyết liệt chống lại *bên kia là* bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ, và bè lũ phản động tay sai của chúng, nhằm bảo vệ hoà bình thế giới, giành độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn giữa hai thế lực đối lập đó là *mâu thuẫn chủ yếu trong giai đoạn phát triển hiện nay* của xã hội loài người.

Mâu thuẫn cơ bản của thời đại quyết định bản chất của thời đại trong cả quá trình phát triển của nó, còn mâu thuẫn chủ yếu thì quyết định đặc điểm của từng giai đoạn của quá trình. Việc xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội loài người giúp chúng ta nhận rõ *nhệm vụ chiến lược trong suốt thời*

*đại quá độ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.* Việc xác định mâu thuẫn chủ yếu của xã hội loài người trong giai đoạn phát triển hiện nay giúp chúng ta đề ra một cách đúng đắn *những nhiệm vụ chiến lược và sách lược trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, nhận rõ kẻ thù cụ thể trước mắt và tập hợp mọi lực lượng để đấu tranh nhằm đánh đổ kẻ thù đó.*

*Nơi tập trung những mâu thuẫn trên thế giới hiện nay là khu vực châu Á, châu Phi và Mỹ latin.* Ở đây, các dân tộc đang đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân để giành lại và củng cố độc lập dân tộc. Cuộc đấu tranh dân tộc đó đang kết hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản, nhất là tư sản mại bản, để giành quyền lợi hàng ngày, và của giai cấp nông dân chống giai cấp địa chủ phong kiến để đòi giảm tô, giảm tức, v.v. hoặc đòi thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng". Cũng ở đây, bọn đế quốc, bọn thực dân cũ và mới đang hắt cẳng nhau và tranh giành quyền lợi của nhau một cách gay gắt. Còn các nước xã hội chủ nghĩa thì đang ủng hộ và giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc nhằm góp phần thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, và do đó, ảnh hưởng của phe xã hội chủ nghĩa đang đẩy lùi ảnh hưởng của phe đế quốc chủ nghĩa.

*Khâu yếu nhất của toàn bộ sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới cũng ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin.* Vì chính ở đây, các dân tộc bị áp bức không chịu sống dưới ách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc nữa; họ đang vùng dậy đấu tranh quyết phá tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa thực dân; còn bọn đế quốc thì cũng không thể thống trị như trước kia nữa. Phong trào giải phóng dân tộc đang như nước vỡ bờ. Cái đe của chủ nghĩa thực dân đã và đang bị làn sóng cách mạng giải phóng dân tộc dồn dập phá đứt băng ở nhiều đoạn.

Lực lượng so sánh trên thế giới đã và đang thay đổi có lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội cho nên các lực lượng cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân

thế giới có thể áp dụng *chiến lược tiến công* nhằm làm thất bại âm mưu và hành động của bọn đế quốc gây chiến và xâm lược, đánh đổ từng bộ phận đi đến đánh đổ hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc. Đó là chiến lược tiến công về chính trị chung của cách mạng thế giới. Còn về sách lược, về hình thức đấu tranh cụ thể thì tùy theo tình hình và điều kiện của từng nước trong từng thời kỳ mà áp dụng cho thích hợp.

*Hai mặt tiến công lớn nhất của cách mạng thế giới hiện nay là đấu tranh cho hoà bình và đấu tranh cho độc lập dân tộc.* Trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình, cách mạng thế giới tập hợp được lực lượng đông đảo nhất và cô lập đến cao độ bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ. Trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, cách mạng thế giới đánh vào khâu yếu nhất của bọn đế quốc thực dân, làm cho hậu phương của chúng tan rã mau chóng; do đó, lực lượng của chúng sẽ bị tiêu hao, phân tán và suy sút. Cuộc tiến công thắng lợi của các lực lượng cách mạng trên thế giới vào hai mặt ấy nhất định sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng, củng cố và phát triển của phe xã hội chủ nghĩa và cho cách mạng ở ngay các nước đế quốc chủ nghĩa.

Căn cứ vào sự phân tích trên đây và căn cứ vào hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960, chúng ta nhận định về mục tiêu, nhiệm vụ và phương châm chiến lược của phong trào cộng sản quốc tế như sau:

*Mục tiêu cuối cùng* của phong trào cộng sản quốc tế là làm cách mạng đánh đổ toàn bộ chủ nghĩa đế quốc, xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột trong xã hội loài người, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Để thực hiện mục tiêu ấy, *cần tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, tăng cường đoàn kết giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và các lực lượng hoà bình và dân chủ khác trên toàn thế giới, xây dựng thành công chủ*

*nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, tiến hành cách mạng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình thế giới; kết hợp chặt chẽ hai mặt đấu tranh: đấu tranh cách mạng với đấu tranh bảo vệ hoà bình, chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ; đánh lui từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc; giành thắng lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; tiến tới hoàn toàn xoá bỏ chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, thực hiện một thế giới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.*

Tuyên bố Mátxcova năm 1960 đã nêu rõ:

"... Cuộc sống đòi hỏi cấp bách các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân quốc tế, phong trào dân tộc chống đế quốc, tất cả các nước yêu chuộng hoà bình, tất cả các chiến sĩ hoà bình phải liên hợp ngày càng chặt chẽ mọi cố gắng, và phải hành động kiên quyết để ngăn ngừa chiến tranh và bảo đảm đời sống hoà bình cho loài người. Cuộc sống đòi hỏi cấp bách phải đoàn kết hơn nữa mọi lực lượng cách mạng để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc, giành chủ nghĩa xã hội".

Cụ thể là hiện nay phong trào cộng sản quốc tế có *những nhiệm vụ lớn* như sau:

- 1) Triệt để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa; củng cố, tăng cường và phát triển hệ thống đó.
- 2) Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, triệt để xoá bỏ chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành việc thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
- 3) Kiên quyết đấu tranh chống bọn tư bản lũng đoạn, giành dân chủ và hoà bình, tiến lên làm cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa.

4) Kiên quyết đấu tranh chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ, bảo vệ hoà bình thế giới, ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới và thực hiện chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau.

5) Tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Những nhiệm vụ lớn trên đây liên quan chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Có triệt để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, thì hệ thống xã hội chủ nghĩa mới được tăng cường và phát triển về mọi mặt, mới phát huy được đầy đủ tính hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với chế độ tư bản chủ nghĩa, phát huy được tác dụng giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa đối với phong trào cách mạng ở các nước và tăng cường khả năng ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hoà bình thế giới.

Có tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, thì mới tiêu diệt được chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành được độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ được hoà bình thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho các nước xã hội chủ nghĩa xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Có phát động quần chúng nhân dân các nước kiên quyết đấu tranh chống chính sách gây chiến của bọn đế quốc, chống chạy đua vũ trang, đòi cấm hoàn toàn và huỷ bỏ triệt để vũ khí hạt nhân, đòi thực hiện từng bước tổng giải trừ quân bị, đòi giải tán các khối quân sự xâm lược và thủ tiêu các căn cứ quân sự của bọn đế quốc ở nước ngoài, buộc bọn đế quốc phải thực hiện chính sách chung sống hoà bình, thì mới bảo vệ được hoà bình thế giới, ngăn ngừa được chiến tranh thế giới

mới và tạo điều kiện cho cách mạng thế giới phát triển thắng lợi và cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thành công.

Và để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, làm cách mạng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, và bảo vệ hoà bình thế giới, phải tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

## II

Hiện nay, giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ để giành hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cần vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin để hiểu đúng và giải quyết đúng những vấn đề sau đây:

- Vấn đề chiến tranh và hoà bình, và chung sống hoà bình;
- Vấn đề đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiếp tục xoá bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc;
- Vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và chuyên chính vô sản;
- Vấn đề triệt để hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

1. Ngày nay, ai nấy đều quan tâm đến vấn đề *chiến tranh và hoà bình*, một vấn đề nóng hổi quan hệ đến vận mệnh của tất cả các dân tộc. Bọn đế quốc hiếu chiến đứng đầu là đế quốc Mỹ đang điên cuồng chạy đua vũ trang, lập ra các khối xâm lược (Bắc Đại Tây Dương, Đông - Nam Á, Trung tâm),

xây dựng cả một hệ thống căn cứ quân sự trên lãnh thổ các nước khác, phục hồi chủ nghĩa quân phiệt ở Tây Đức và Nhật Bản, ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, nhằm xoá bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa, tăng cường áp bức các dân tộc và chia lại thị trường thế giới. Nhân dân các nước đang đứng trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới. Hoà bình là nguyện vọng tha thiết của hàng nghìn triệu người. Nhiệm vụ cấp bách của các Đảng Cộng sản và công nhân là đấu tranh để ngăn ngừa một cuộc chiến tranh thế giới mới, kiên quyết bảo vệ hoà bình thế giới.

Hiện nay, lực lượng to lớn của phe xã hội chủ nghĩa về chính trị, kinh tế và quốc phòng, bao gồm cả ưu thế về vũ khí hạt nhân, có đủ khả năng bảo đảm an ninh của toàn phe và giáng trả những đòn chí tử vào bọn đế quốc gây chiến. Nếu chúng liều lĩnh tiến công phe xã hội chủ nghĩa thì toàn bộ chủ nghĩa đế quốc thế giới sẽ bị tiêu diệt. Cùng với phe xã hội chủ nghĩa đấu tranh để bảo vệ hoà bình, có cả nghìn triệu nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc và các nước dân tộc chủ nghĩa ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa và các lực lượng hoà bình và dân chủ khác trên thế giới. Ngày nay, lực lượng hoà bình đã mạnh hơn lực lượng chiến tranh; tình hình đó đã tạo ra khả năng thực tế ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới.

Bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã nêu rõ:

"Đã đến lúc có thể chặn đứng được những âm mưu gây chiến tranh thế giới của bọn đế quốc xâm lược. Bằng những cố gắng liên hợp của phe xã hội chủ nghĩa thế giới, của giai cấp công nhân quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc, của tất cả các nước đang đấu tranh chống chiến tranh và của tất

cả các lực lượng yêu chuộng hoà bình, có thể ngăn ngừa được chiến tranh thế giới".

Vấn đề đặt ra là cần áp dụng đường lối, phương châm như thế nào để bảo vệ hoà bình thế giới một cách có hiệu quả.

Chủ nghĩa xét lại cho rằng do sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân, do phe xã hội chủ nghĩa đã có ưu thế về vũ khí hạt nhân, cho nên bản chất của chủ nghĩa đế quốc đã hoặc có thể thay đổi. Vì vậy, muốn bảo vệ hoà bình thế giới chỉ cần thông qua hợp tác toàn diện, tạo ra sự tin cậy lẫn nhau và thi đua kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là giữa các cường quốc có vũ khí hạt nhân mạnh nhất. Chủ nghĩa xét lại hiện đại không dám vạch trần bản chất của chủ nghĩa đế quốc, trái lại còn ca tụng cái gọi là "thiện chí hoà bình" của những người cầm đầu các nước đế quốc chủ nghĩa; không dám động viên các lực lượng hoà bình chống bọn đế quốc; trái lại, tìm mọi cách hợp tác với chúng; không dám cổ vũ và ủng hộ những cuộc chiến tranh cách mạng nhằm làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc; trái lại, tìm cách kìm hãm phong trào cách mạng thế giới.

Đương nhiên, đường lối "bảo vệ hoà bình" của chủ nghĩa xét lại trên đây làm nhụt chí khí đấu tranh và tinh thần cảnh giác của quần chúng nhân dân các nước chống chủ nghĩa đế quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho bọn đế quốc tăng cường chuẩn bị chiến tranh và kết quả sẽ làm cho nguy cơ chiến tranh thế giới tăng thêm.

Chúng ta cho rằng để bảo vệ hoà bình, trước hết cần vạch trần bộ mặt hiếu chiến và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, tăng cường và củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa, thành trì của hoà bình thế giới, tổ chức và động viên các lực lượng hoà bình của nhân dân thế giới để kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chĩa mũi nhọn vào đế quốc Mỹ, "lực lượng chủ yếu của xâm lược và chiến tranh", làm thất bại chính sách chuẩn bị chiến tranh

của chúng, làm cho hậu phương của chúng tan rã và lực lượng của chúng hao mòn, khiến cho chúng ngày càng suy yếu và không thể phát động được chiến tranh thế giới mới.

Hiện nay, cuộc đấu tranh cho hoà bình thế giới bao gồm nhiều mặt: động viên và tập hợp mọi lực lượng hoà bình của nhân dân thế giới chống chính sách gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc, chống chạy đua vũ trang, đòi giải trừ quân bị, đòi thương lượng hoà bình để giải quyết những vấn đề tranh chấp quốc tế, đòi thực hiện chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, v.v. tăng cường và củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa, thành trì của hoà bình thế giới; làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và bẻ gãy tay sai của chúng ở những nơi có đủ điều kiện.

Thực chất của cuộc đấu tranh cho hoà bình thế giới là một mặt, làm cho lực lượng hoà bình và lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng mạnh lên; mặt khác, làm cho lực lượng của chủ nghĩa đế quốc, lực lượng chiến tranh ngày càng yếu đi. Vì vậy, đi đôi với việc động viên và tập hợp mọi lực lượng hoà bình của nhân dân thế giới và tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa về mọi mặt chính trị, kinh tế và quốc phòng, cần phải hết sức coi trọng việc đẩy mạnh phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược. Các cuộc cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, tiến hành bất cứ dưới hình thức nào, đều có tác dụng to lớn bảo vệ hoà bình thế giới. Đấu tranh cách mạng không hề mâu thuẫn với đấu tranh bảo vệ hoà bình. Không gán chặt đấu tranh bảo vệ hoà bình với đấu tranh cách mạng, chỉ nhấn mạnh một chiều vấn đề thi đua hoà bình, giải trừ quân bị, v.v. là gây ảo tưởng trong nhân dân và làm tăng thêm nguy cơ chiến tranh.

Trong thời đại hiện nay, mặc dù đã xuất hiện vũ khí hạt nhân, chiến tranh vẫn là "sự kế tục của chính trị bằng những phương tiện khác", và tính chất của chiến tranh vẫn không thay đổi. Vẫn có

hai loại chiến tranh: chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. Trong khi chống những cuộc chiến tranh phi nghĩa, người cộng sản có nghĩa vụ ủng hộ các cuộc chiến tranh chính nghĩa. Phản đối chiến tranh nói chung, không phân biệt chiến tranh chính nghĩa với chiến tranh phi nghĩa, thì thực tế là phản đối cả chiến tranh cách mạng.

Cuộc đấu tranh để bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay có tác dụng ngăn ngừa một cuộc chiến tranh thế giới mới, song như thế chưa có nghĩa là loại trừ hẳn nguy cơ chiến tranh. Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc thì vẫn còn miếng đất để xảy ra các cuộc chiến tranh xâm lược. Muốn tiêu diệt chiến tranh xâm lược phải làm cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc. Chỉ khi nào chủ nghĩa xã hội thắng lợi trên toàn thế giới thì những nguyên nhân xã hội và dân tộc của mọi cuộc chiến tranh mới được xoá bỏ.

*Tổng giải trừ quân bị* là một khẩu hiệu cụ thể nhằm động viên nhân dân toàn thế giới đấu tranh chống chính sách chạy đua vũ trang của bọn đế quốc, ngăn ngừa chiến tranh xâm lược, bảo vệ hoà bình thế giới. Trong điều kiện hiện nay, lực lượng của chủ nghĩa xã hội đã mạnh hơn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc, lực lượng hoà bình đã mạnh hơn lực lượng chiến tranh, cho nên có khả năng buộc bọn đế quốc phải thực hiện giải trừ quân bị. Bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã nói rõ:

"Với cuộc đấu tranh tích cực, kiên quyết của các nước xã hội chủ nghĩa và các nước yêu chuộng hoà bình khác, của giai cấp công nhân quốc tế và quần chúng nhân dân đông đảo các nước, có thể cô lập được các tập đoàn xâm lược, đập tan kế hoạch chạy đua vũ trang và chuẩn bị chiến tranh, buộc bọn đế quốc phải ký kết hiệp ước tổng giải trừ quân bị".

Tuy vậy, chừng nào bọn đế quốc chưa chịu giải trừ quân bị thì các nước trong phe xã hội chủ nghĩa vẫn cần phải tiếp tục tăng cường lực lượng quốc phòng của mình, bao gồm cả ưu thế về vũ khí hạt nhân, để có đầy đủ khả năng tự vệ và sẵn

sàng đánh trả bọn đế quốc những đòn quyết định một khi chúng liều lĩnh tiến công phe xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xét lại hiện đại cho rằng vũ khí, bao gồm vũ khí hạt nhân, là nguồn gốc của chiến tranh trong thời đại hiện nay, cho nên nó đặt vấn đề giải trừ quân bị thành một vấn đề cơ bản nhất trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới. Quan điểm sai lầm đó làm cho nhân dân thế giới không nhìn rõ bản chất hiếu chiến và xâm lược của bọn đế quốc, và do đó, không thấy sự cần thiết phải làm cách mạng để đánh đổ toàn bộ chủ nghĩa đế quốc.

Việc đấu tranh đòi giải trừ quân bị và cấm vũ khí hạt nhân là cần thiết để góp phần ngăn ngừa chiến tranh thế giới, song chỉ có làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc mới thực hiện được tổng giải trừ quân bị toàn bộ và có làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi trên toàn thế giới mới xoá bỏ được nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh.

*Chung sống hoà bình* là chung sống giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, chứ không phải chung sống giữa các dân tộc bị áp bức với bọn đế quốc thực dân hoặc giữa giai cấp bị bóc lột với giai cấp bóc lột. Những người theo chủ nghĩa xét lại coi chung sống hoà bình là một nguyên tắc chiến lược chung của phong trào cộng sản quốc tế; họ muốn cho các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức đều phải phục tùng nguyên tắc chung đó. Vì vậy, thực tế họ đã mở rộng chung sống hoà bình ra ngoài phạm vi các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau.

Chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ khác nhau là một sự cần thiết khách quan trong thời đại hiện nay. Trong các nước xã hội chủ nghĩa, không có những giai cấp và tầng lớp có quyền lợi gắn bó với chiến tranh, coi chiến tranh là một phương tiện để kiếm lời. Vì thế các nước xã hội chủ nghĩa chủ trương thực hiện năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

Chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau là một hình thức đấu tranh giai cấp về mọi

mặt chính trị, kinh tế và tư tưởng, trong đó đấu tranh chính trị giữ vai trò chủ yếu.

Bọn đế quốc không bao giờ từ bỏ âm mưu tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa và tự nguyện chung sống hoà bình với các nước trong phe ta. Muốn thực hiện chung sống hoà bình, các nước xã hội chủ nghĩa phải đấu tranh kiên quyết chống chính sách gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ. Cuộc đấu tranh cho chung sống hoà bình, một mặt, do phe xã hội chủ nghĩa tiến hành bằng cách kịp thời vạch trần mọi âm mưu gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng, đòi giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế bằng thương lượng và tích cực giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa; mặt khác, phải do nhân dân các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa tiến hành bằng cách đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho hoà bình và đấu tranh cách mạng nhằm làm cho chủ nghĩa đế quốc không ngừng suy yếu và gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại, do đó, không thể không chung sống hoà bình với các nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, chung sống hoà bình và đấu tranh cách mạng không mâu thuẫn với nhau, mà thúc đẩy lẫn nhau. Bản tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã viết:

"Trong điều kiện chung sống hoà bình, có những khả năng thuận lợi để mở rộng cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Ngược lại, những thắng lợi của cuộc đấu tranh giai cấp cách mạng và của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lại góp phần vào việc củng cố chung sống hoà bình".

Đấu tranh cho chung sống hoà bình là một mặt của cuộc đấu tranh để bảo vệ hoà bình thế giới. Người cộng sản không thể quy kết toàn bộ nội dung của cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới thành chung sống hoà bình; không thể coi chung sống hoà bình là đường lối chung của toàn bộ chính sách đối ngoại của các nước xã hội chủ nghĩa, càng không thể coi chung sống

hoà bình là con đường dẫn tới chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, là chìa khoá của chiến lược đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, v.v..

Theo chúng ta, chính sách đối ngoại của mỗi nước xã hội chủ nghĩa phải bao gồm ba mặt dưới đây:

a) Thực hiện sự giúp đỡ lẫn nhau và hợp tác với nhau về mọi mặt theo tình đồng chí giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em để không ngừng củng cố, tăng cường và phát triển hệ thống xã hội chủ nghĩa.

b) Đấu tranh chống chính sách gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc; thực hiện năm nguyên tắc chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau.

c) Tích cực ủng hộ và giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Trong quá trình đấu tranh để thực hiện chung sống hoà bình, đương nhiên, các nước xã hội chủ nghĩa có thể có những sự thương lượng và thỏa hiệp nào đó với các nước đế quốc chủ nghĩa, nhưng thương lượng và thỏa hiệp phải có nguyên tắc, nghĩa là phải xuất phát từ lợi ích căn bản và lâu dài của cách mạng và phải dựa vào sức mạnh đấu tranh của quần chúng nhân dân các nước. Thỏa hiệp vô nguyên tắc với bọn đế quốc thì chỉ có hại cho cách mạng và cho hoà bình thế giới, vì trong trường hợp đó, ta càng tỏ ra có thiện chí thương lượng, bọn đế quốc càng lấn tới; ta càng nhân nhượng, chúng càng được đà chân lấn dần dần.

2. Trong mười tám năm qua, *phong trào giải phóng dân tộc* ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin đã giành được những thắng lợi to lớn, làm cho hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc không ngừng bị tan rã.

Nhưng hiện nay trên thế giới còn cả trăm triệu người đang trực tiếp sống dưới chế độ thuộc địa và hàng trăm triệu người khác ở các nước dân tộc chủ nghĩa chưa hoàn toàn thoát khỏi chủ nghĩa thực dân mới. Bọn đế quốc đang cố

gắng duy trì chế độ thuộc địa cũ ở những vị trí còn lại của chúng, đồng thời ra sức thực hiện chế độ thực dân mới. Vì vậy, vấn đề *giành lại và củng cố độc lập dân tộc thật sự vẫn là một vấn đề sống còn của trên dưới một nghìn triệu người ở các nước thuộc châu Á, châu Phi và Mỹ latin.*

Song chủ nghĩa xét lại cho rằng hiện nay trên thế giới chỉ còn mấy chục triệu người sống dưới ách của chủ nghĩa thực dân và quá trình thủ tiêu các chế độ thuộc địa đã bước vào giai đoạn kết thúc. Họ coi thường nguy cơ của chủ nghĩa thực dân mới; cho rằng đấu tranh về kinh tế là nội dung chủ yếu của phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn hiện nay, thậm chí đánh giá rất thấp tác dụng của phong trào cách mạng của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và Mỹ latin. Họ khuyên các dân tộc bị áp bức đừng mạo hiểm đấu tranh vũ trang với chủ nghĩa đế quốc, vì sẽ phải hy sinh nhiều; hãy trông chờ Liên hợp quốc can thiệp và chủ nghĩa đế quốc thực hiện chính sách "phi thực dân hoá" của nó.

Tuy vậy, qua thực tiễn đấu tranh, các dân tộc bị áp bức sống dưới ách thực dân cũ và mới hoặc mới giành được độc lập về chính trị đã thấy rõ rằng không thể thỏa mãn với những thắng lợi đã giành được, phải tăng cường đoàn kết và đấu tranh để tiếp tục đánh đổ chủ nghĩa thực dân bất cứ dưới hình thức nào; cần nhận rõ *nguy cơ của chủ nghĩa thực dân mới, nhất là chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ*; muốn giành độc lập, các dân tộc phải tự mình đứng dậy đấu tranh bằng mọi cách, không thể ngồi chờ chủ nghĩa đế quốc ban cho độc lập, tự do. Và cũng chỉ có đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, các nước dân tộc chủ nghĩa mới hoàn thiện và củng cố được độc lập dân tộc và giữ vững được chính sách hoà bình trung lập của mình.

Trong thời đại hiện nay, thực tế chỉ có phong trào giải phóng dân tộc mà nội dung là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mới đảm bảo cho các dân tộc giành được độc lập hoàn toàn. Kinh nghiệm lịch sử đã chứng tỏ rằng chủ nghĩa đế quốc thường câu kết với giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp tư

sản mại bản ở các nước thuộc địa và phụ thuộc để chống lại nhân dân các nước đó. Ngày nay, chúng cũng thông qua các giai cấp ấy để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Ở các nước thuộc địa, phụ thuộc và các nước dân tộc chủ nghĩa, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong nhân dân. Nguyên vọng tha thiết của họ là giành độc lập dân tộc và thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng". Vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề nông dân. Cho nên, phong trào giải phóng dân tộc không những phải nhằm đánh đổ ách đế quốc thực dân, "thủ tiêu các gốc rễ kinh tế của nền thống trị đế quốc chủ nghĩa, hạn chế và loại trừ các tổ chức lũng đoạn của nước ngoài ra khỏi nền kinh tế"<sup>1)</sup>, mà còn phải đánh đổ bè lũ tay sai của chúng, thực hiện cải cách ruộng đất triệt để, xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất và những tàn tích phong kiến nói chung. Trong thời đại hiện nay, cuộc đấu tranh dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc không tách rời cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc, cũng như sự nghiệp giải phóng dân tộc không tách rời sự nghiệp giải phóng lực lượng sản xuất, giải phóng người lao động.

Kinh nghiệm đấu tranh giải phóng dân tộc của nước ta và nhiều nước khác đã chỉ rõ rằng cách mạng dân tộc dân chủ muốn thắng lợi, cần có những nhân tố như sau: cách mạng do giai cấp công nhân và đảng mácxít - leninnít lãnh đạo; đảng đó thực hiện được khối liên minh công nông vững chắc; thành lập được Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, bao gồm các giai cấp yêu nước và dân chủ, dựa trên cơ sở liên minh công nông; xây dựng lực lượng vũ trang để tiến hành đấu tranh vũ trang và khối nghĩa vũ trang giành chính quyền; tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của phe xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến lâu dài của nhân dân Việt Nam trước đây và cuộc đấu tranh yêu nước của đồng

1) Tuyên bố Mátxcơva năm 1960.

bào miền Nam hiện nay đã xác nhận kinh nghiệm trên đây là hoàn toàn đúng.

Một vấn đề quan trọng được đặt ra cho nhân dân các nước ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin là sau khi giành lại được độc lập dân tộc, cần tiến theo con đường nào ? Hiện nay, trước mắt nhân dân các nước dân tộc chủ nghĩa có hai con đường: con đường phát triển tư bản chủ nghĩa và con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa.

Giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước dân tộc chủ nghĩa đang hướng sự phát triển của nước họ vào con đường tư bản chủ nghĩa. Thực tế đó là con đường phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc, làm cho nước nhà dần dần trở thành thuộc địa kiểu mới của bọn đế quốc thực dân. Còn giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước đó thì không muốn nước họ phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, con đường đau khổ, đầy máu và nước mắt. Được sự cổ vũ và ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa, được kinh nghiệm của những nước xã hội chủ nghĩa vốn là nước thuộc địa hoặc nửa thuộc địa soi sáng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước đó đang phấn đấu nhằm hướng nước nhà phát triển theo con đường phi tư bản chủ nghĩa, con đường xã hội chủ nghĩa.

Muốn hoàn thành triệt để những nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ và đưa nước nhà phát triển theo con đường phi tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa xã hội, thì điều kiện tiên quyết là đội tiên phong của giai cấp công nhân phải nắm được quyền lãnh đạo cách mạng. (Ngày nay, ở những nước giai cấp công nhân đang hình thành, với sự giúp đỡ của phong trào cộng sản quốc tế, những người theo chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn có khả năng thành lập đảng mácxít - leninnít để lãnh đạo cách mạng). Nội dung chủ yếu của vấn đề quyền lãnh đạo đó là vấn đề tranh thủ nông dân, thực hiện được khối liên minh công nông. Không tranh thủ được nông dân thì thực tế là không lãnh đạo được quần chúng làm cách mạng. Muốn tranh thủ nông dân, chính đảng của giai cấp công nhân cần có cương lĩnh

ruộng đất đúng đắn, giáo dục quần chúng nông dân và tổ chức quần chúng đấu tranh cho cương lĩnh đó, phê phán chính sách cải cách ruộng đất giả hiệu hoặc nửa vời của giai cấp tư sản. Trong khi liên minh với giai cấp tư sản, chính đảng của giai cấp công nhân ủng hộ những chính sách đối nội và đối ngoại tiến bộ, đồng thời chống những chính sách phản động của nó, nhất là chống chính sách của bọn tư sản phá vỡ thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến, luôn luôn giữ vững tính chất độc lập của mình về tổ chức cũng như về chính trị và tư tưởng, không thể biến mình thành cái đuôi của giai cấp tư sản cầm quyền. Trong khi gương cao ngạo cờ dân tộc dân chủ, chính đảng của giai cấp công nhân không thể cuốn lá cờ xã hội chủ nghĩa của mình lại, trái lại, phải gương cao nó lên đối lập với lá cờ xã hội chủ nghĩa giả hiệu của giai cấp tư sản.

Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin đang tiến công vào hậu phương của chủ nghĩa đế quốc, nhằm thủ tiêu chủ nghĩa thực dân cũ và mới, làm cho chủ nghĩa đế quốc bị suy yếu hơn nữa, góp phần tích cực bảo vệ hoà bình thế giới, bảo vệ phe xã hội chủ nghĩa và tạo thêm điều kiện cho phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa mau giành được thắng lợi. Các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào công nhân quốc tế có nghĩa vụ tích cực ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cuộc đấu tranh để giành lại và củng cố nền độc lập dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc và các nước dân tộc chủ nghĩa. Các nước xã hội chủ nghĩa cần tìm mọi cách giúp đỡ các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, nhất là những dân tộc đang dùng cảm cầm vũ khí phá tan xiềng xích nô lệ, dùng hình thức đấu tranh quyết liệt nhất để đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Đối với các nước dân tộc chủ nghĩa, các nước xã hội chủ nghĩa cũng cần giúp đỡ về mọi mặt, nhất là về mặt chính trị, vì các nước đó đang phải tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Việc giúp đỡ về kinh tế cho các nước dân tộc chủ nghĩa, ở đó giai cấp tư sản cầm quyền, là cần thiết. Nhưng sự giúp đỡ đó cốt tạo điều kiện cho các nước dân tộc chủ nghĩa xây dựng và phát triển một nền kinh tế tự chủ, dần dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc, chứ không thể giúp cho các giới tư sản cầm quyền phản động có chính sách bành trướng hoặc làm tay sai cho chủ nghĩa đế quốc chống các nước xã hội chủ nghĩa. Càng không nên có ảo tưởng cho rằng sự giúp đỡ đó là một biện pháp tốt nhất để cho các nước dân tộc chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội. Cho nên, đi đôi với việc giúp đỡ kinh tế về mặt nhà nước, cần đặc biệt coi trọng việc giúp đỡ cho phong trào cộng sản và phong trào công nông ở các nước dân tộc chủ nghĩa.

3. *Vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản* trước hết có liên quan đến cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trong các nước đó, hiện nay cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, giành hoà bình, dân chủ có một ý nghĩa quan trọng. Đó là một bộ phận của cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh đó tập hợp các tầng lớp nhân dân đông đảo trong mặt trận thống nhất rộng rãi chống bọn tư bản lũng đoạn, đòi những quyền lợi trước mắt và tiến tới lật đổ quyền thống trị của chúng. Tuy vậy, không thể cho rằng đấu tranh cho hoà bình và dân chủ đã là đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và không cần làm cách mạng vô sản và thực hiện chuyên chính vô sản cũng có thể đạt đến chủ nghĩa xã hội. Rất có thể một cuộc cách mạng ở một số nước tư bản chủ nghĩa sẽ tiến hành dưới những khẩu hiệu dân chủ nào đó, nhưng trong quá trình phát triển của cách mạng phải từ những khẩu hiệu dân chủ đó mà tiến lên những khẩu hiệu cao hơn. Vì vậy, ở các nước tư bản chủ nghĩa không thể hạn chế cuộc vận động cách mạng của nhân dân trong phạm vi đấu tranh cho hoà bình và dân chủ; cũng không thể lẫn lộn dân chủ tư sản với dân chủ vô sản và coi những thắng lợi dân chủ giành được trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa cũng là những nhân tố xã hội chủ

nghĩa. Ở các nước đó, cuộc đấu tranh chống bọn tư bản lũng đoạn nhà nước, giành quyền lợi trước mắt là một bước chuyển tiếp lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi để tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và thiết lập chuyên chính vô sản. Bản Tuyên bố Mátxcova năm 1960 đã nói:

"Những người cộng sản coi cuộc đấu tranh giành dân chủ là một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đấu tranh đó, những người cộng sản thường xuyên củng cố mối liên hệ giữa mình với quần chúng, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của quần chúng, làm cho quần chúng hiểu rõ những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải thực hiện cuộc cách mạng ấy. Đó là chỗ căn bản khác nhau giữa các đảng mácxít - leninnít và bọn cải lương, chúng coi những cải cách trong khuôn khổ chế độ tư bản chủ nghĩa là mục đích cuối cùng và phủ nhận tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa".

Một vấn đề lớn đặt ra cho phong trào cộng sản quốc tế là trong điều kiện hiện nay, giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa cần dùng hình thức nào để quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN ĐÃ DẠY RẰNG: VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA MỘT CUỘC CÁCH MẠNG LÀ VẤN ĐỀ CHÍNH QUYỀN. MUỐN QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐIỀU QUYẾT ĐỊNH NHẤT LÀ GIAI CẤP VÔ SẢN PHẢI ĐẬP TAN BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN, THIẾT LẬP CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN.**

Cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, các cuộc cách mạng ở Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và nhiều nước khác đã chứng tỏ rằng giành chính quyền bằng bạo lực là đúng và cần thiết.

Đương nhiên, chúng ta mong muốn quá độ lên chủ nghĩa xã hội một cách hoà bình. Nhưng kinh nghiệm lịch sử đã chỉ rõ rằng các giai cấp bóc lột không bao giờ tự nguyện từ bỏ chính quyền và rút lui khỏi vũ đài chính trị. Hiện nay, tuy phe xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn phe đế quốc chủ nghĩa, nhưng

không nên có ảo tưởng cho rằng giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đã yếu đến mức chúng không thể dùng bạo lực để chống lại giai cấp công nhân. Một sự thật nổi bật trong sinh hoạt chính trị của nhiều nước tư bản chủ nghĩa là bọn tư bản lũng đoạn nhà nước đang đi vào con đường quân phiệt hoá và phát xít hoá, và chúng đang dùng bạo lực trắng trợn nhất để đàn áp giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cho nên, cần khẳng định rằng *việc dùng bạo lực cách mạng để đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản vẫn là quy luật phổ biến đối với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa trong điều kiện hiện nay.*

Hình thức tổ chức của bạo lực cách mạng có thể là lực lượng vũ trang, có thể là lực lượng chính trị và cũng là có thể là lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang. Sự biểu hiện của bạo lực cách mạng ở các nước không hoàn toàn giống nhau, đó là do đặc điểm và điều kiện cụ thể của mỗi nước quyết định.

Trong quá trình vận động cách mạng, đảng của giai cấp công nhân cần phải sử dụng các hình thức đấu tranh một cách linh hoạt, kết hợp các hình thức tổ chức và đấu tranh hợp pháp và không hợp pháp. Trong điều kiện có thể tham gia nghị viện tư sản, đảng ra sức lợi dụng khả năng đó để tiến hành đấu tranh, kết hợp đấu tranh trong nghị viện với đấu tranh ngoài nghị viện, nhưng cần nhận rõ rằng đấu tranh của quần chúng ở ngoài nghị viện mới thật có tính chất quyết định. Đa số trong nghị viện chỉ có hiệu lực cách mạng nếu nó phản ánh trung thành ý chí của quần chúng nhân dân đông đảo đang đấu tranh sôi nổi để ủng hộ nó. Trong bất cứ trường hợp nào, người cộng sản cũng không thể có ảo tưởng giành chính quyền bằng "con đường nghị viện". Trái lại, phải giáo dục cho quần chúng nhận rõ luận điểm hoàn toàn đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng việc giành chính quyền bằng bạo lực là quy luật phổ biến của

mọi cuộc cách mạng *thật sự có tính chất nhân dân trong thời đại hiện nay.*

Khẳng định như trên không có nghĩa là tuyệt đối không có khả năng giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình. Khi cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi ở nhiều nước hơn nữa, khi lực lượng so sánh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã thay đổi có lợi hơn nữa cho chủ nghĩa xã hội, ở một số nước nào đó có thể sẽ xuất hiện khả năng giai cấp công nhân giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình. Đó là một khả năng rất hiếm và rất quý. Vì vậy, chúng ta tán thành hai bản Tuyên bố Mátxcova năm 1957 và năm 1960 nói rằng có hai khả năng: quá độ hoà bình và không hoà bình lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi lãnh đạo đấu tranh cách mạng, người cộng sản cần chuẩn bị cả hai khả năng đó, nhưng *chủ yếu là chuẩn bị khả năng không hoà bình*, vì có như thế thì bất cứ trong trường hợp nào chúng ta cũng giữ được thế chủ động: càng chuẩn bị khả năng không hoà bình càng dễ thực hiện khả năng hoà bình khi có điều kiện, và nếu kẻ thù giai cấp dùng lực lượng vũ trang đàn áp cách mạng, thì chúng ta sẵn sàng có lực lượng để quật đổ chúng và giành lấy chính quyền. *Trong điều kiện hiện nay*, ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa, bọn tư bản lũng đoạn nhà nước đang thi hành chính sách quân phiệt hoá và phát xít hoá, nếu nhấn mạnh khả năng giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình, thông qua "con đường nghị viện", "cải cách cơ cấu" trong khuôn khổ hiến pháp của giai cấp tư sản, thì thực tế là sa vào chủ nghĩa tiến hoá và đi theo đường lối cải lương của bọn xã hội dân chủ.

Ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, nhân dân không có một chút quyền tự do dân chủ, những người cộng sản muốn lãnh đạo nhân dân làm cách mạng đánh đổ bọn đế quốc và tay sai để tự giải phóng và giành lấy chính quyền, phải rất coi trọng việc tổ chức lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang. Vấn đề đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang ở các nước đó là một quy luật thật sự phổ biến. Kinh nghiệm

cách mạng Việt Nam đã chỉ rõ rằng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân phải dùng bạo lực để đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành lấy chính quyền, thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, rồi chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời tiếp tục dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Con đường của cách mạng Việt Nam là con đường đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, con đường làm cách mạng bằng bạo lực.

Ở một số nước dân tộc chủ nghĩa, bọn đế quốc thực dân rút đi để cho giai cấp tư sản tiếp quản bộ máy hành chính do chúng để lại. Trong trường hợp ấy, vấn đề làm cách mạng để giành chính quyền về tay nhân dân, chủ yếu là về tay công nông, và hoàn thành nhiệm vụ dân tộc dân chủ rồi chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa vẫn là một vấn đề trước mắt. Hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở đó có thể hoà bình hoặc không hoà bình, tùy theo sự kháng cự của giai cấp tư sản cầm quyền.

Sau khi giành được chính quyền, giai cấp vô sản cần thiết lập nền chuyên chính vô sản để thực hiện những nhiệm vụ dưới đây:

- a) Đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp đã bị cách mạng lật đổ và trấn áp những mưu mô và hành động của chúng định khôi phục chính quyền của tư bản.
- b) Tập hợp các tầng lớp quần chúng đông đảo xung quanh giai cấp công nhân để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị điều kiện cho việc xoá bỏ hoàn toàn các giai cấp.
- c) Xây dựng, củng cố và tăng cường lực lượng quốc phòng để chống lại mọi âm mưu gây chiến và xâm lược của kẻ thù bên ngoài, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

d) Ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức ở các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác giúp nhau với các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Bốn nhiệm vụ trên đây của chuyên chính vô sản là một chỉnh thể, không thể tùy tiện bỏ một nhiệm vụ nào.

Chuyên chính vô sản là sự tiếp tục của đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới và bằng những phương pháp mới, trong điều kiện giai cấp công nhân đã nắm chính quyền. Đó là một tất yếu khách quan trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, tức là đến mãi khi nào trong xã hội không còn phân chia giai cấp nữa. Lênin nói:

"Phải hiểu chuyên chính của một giai cấp là cần thiết không những cho mọi xã hội có giai cấp nói chung, không những cần cho giai cấp vô sản sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, mà còn cần cho cả thời kỳ lịch sử từ chế độ tư bản sang *"xã hội không có giai cấp"*, sang chế độ cộng sản chủ nghĩa; có hiểu như thế mới thật là hiểu điểm cốt yếu trong học thuyết về Nhà nước của Mác"<sup>1)</sup>.

Chuyên chính vô sản là chính quyền của giai cấp vô sản được thực hiện triệt để và củng cố bằng cách dựa vào sự liên minh vững chắc giữa giai cấp vô sản với quần chúng lao động, trước hết là với nông dân lao động.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, Nhà nước chuyên chính vô sản có những hình thức và phương pháp công tác khác nhau trong những thời kỳ khác nhau.

<sup>1)</sup> V.I. Lênin: *Nhà nước và Cách mạng* - Chúng tôi gạch dưới.

Sau khi lật đổ giai cấp thống trị, giành lấy chính quyền, tùy theo mức độ và hình thức phản kháng của kẻ thù giai cấp và đồng minh của nó ở trong nước và ngoài nước, giai cấp công nhân có thể áp dụng những hình thức đấu tranh thích hợp để buộc giai cấp bóc lột phải phục tùng ý chí của mình.

Trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác nổi bật của chuyên chính vô sản là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh và kinh tế cá thể, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, và khi cần vẫn dùng bạo lực để trấn áp những hành động phản kháng của giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ.

Sau khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ, xã hội xã hội chủ nghĩa gồm hai giai cấp anh em là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể, ngoài ra có tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa xuất thân từ công nông. Trong thời kỳ này, nền chuyên chính vô sản chưa hết tác dụng đối nội, mà còn phải tiếp tục làm nhiệm vụ đấu tranh để khắc phục những tàn dư của giai cấp bóc lột, cùng những thói quen của xã hội cũ; vẫn phải tổ chức lao động và giáo dục đạo đức cộng sản chủ nghĩa cho quần chúng lao động, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản và nâng dần chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất lên thành chế độ sở hữu toàn dân, xoá bỏ dần sự khác nhau về giai cấp giữa công nhân và nông dân tập thể, xoá bỏ dần những sự khác nhau về căn bản giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động chân tay và lao động trí óc. Trong thời kỳ này, mũi nhọn của chuyên chính vô sản chủ yếu chia vào bọn đế quốc bên ngoài và các hạng tay sai của chúng còn lén lút hoạt động phá hoại ở trong nước.

Chỉ khi nào xã hội phát triển đến giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản và không phân chia giai cấp nữa thì chuyên chính vô sản mới hoàn thành chức năng của nó và nhà nước vô sản mới tự tiêu vong. Chừng nào giai cấp vô sản còn cần

đến nhà nước thì tính chất giai cấp của nhà nước đó vẫn còn và nhà nước vẫn là nhà nước chuyên chính vô sản; không thể có nhà nước không có tính giai cấp hoặc đứng trên các giai cấp. Ngay từ khi mới thành lập, nhà nước chuyên chính vô sản đã đại biểu cho quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nói chung.

Chỉ có đảng của giai cấp công nhân mới có đủ năng lực lãnh đạo toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, thực hiện nhiệm vụ xoá bỏ các giai cấp và xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa hoàn chỉnh. Chừng nào nhà nước chuyên chính vô sản tồn tại thì đảng cộng sản vẫn là đảng của giai cấp công nhân, tính chất giai cấp của đảng vẫn không thay đổi.

4. Sau bao nhiêu năm đấu tranh cách mạng, giai cấp công nhân đã giành được chính quyền trên một phần tư diện tích thế giới. Đó là một thành quả cực kỳ to lớn. Các nước xã hội chủ nghĩa cần *triệt để hoàn thành mọi nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*. Muốn thế, cần phải thực hiện đầy đủ những quy luật phổ biến của "quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội" đã được ghi rõ trong bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957:

"Những quy luật phổ biến đó là: sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng mácxít - léninnít đối với quần chúng lao động trong việc tiến hành cách mạng vô sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác, và trong sự kiến lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác; sự liên minh của giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác; sự thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản; sự cải tạo dần dần nền nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội; sự phát triển nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch, hướng vào chỗ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vào chỗ nâng cao mức sống của những người lao động; thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và

văn hoá, và đào tạo một tầng lớp trí thức đông đảo trung thành với giai cấp công nhân, với nhân dân lao động, với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ sự áp bức dân tộc và xây dựng sự bình đẳng và tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc; bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội chống sự phá hoại của các kẻ thù bên ngoài và bên trong; sự đoàn kết của giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác tức là chủ nghĩa quốc tế vô sản".

Bất cứ nước nào muốn quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng cần thực hiện triệt để những quy luật phổ biến trên đây. Việt Nam ta là một nước nông nghiệp lạc hậu vượt qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, cho nên, đồng thời với việc thực hiện những quy luật phổ biến đó, phải tiến hành *công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa* và cho đó là một quy luật nữa thích hợp với Việt Nam.

Hiện nay, nhấn mạnh những quy luật phổ biến trên đây là cần thiết, bởi vì tất cả các nước trong phe ta cần đề phòng âm mưu "diễn biến hoà bình" của bọn đế quốc và sự phá hoại của chủ nghĩa xét lại hiện đại đối với những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa; tỉnh táo đề phòng, không để cho những người theo chủ nghĩa xét lại hiện đại lái các nước xã hội chủ nghĩa đi chệch con đường cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin và *tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phục hồi...*

Hơn nữa, hiện nay có một số người lãnh đạo ở một số nước dân tộc chủ nghĩa thực tế đang theo đuổi đường lối phát triển tư bản chủ nghĩa bằng cách dựa vào chủ nghĩa đế quốc, nhưng lại nêu chiêu bài "xã hội chủ nghĩa" hòng lừa phỉnh nhân dân trong nước và nhân dân thế giới. Những người mácxít - leninnít chúng ta cần làm cho quần chúng biết phân biệt chủ nghĩa xã hội chân chính với chủ nghĩa xã hội giả hiệu.

Muốn giành được thắng lợi vững chắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, mỗi nước xã hội chủ nghĩa *chủ yếu phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, giữ vững phương châm tự lực cánh sinh là chính, đồng thời cần được các nước anh em giúp đỡ; trên cơ sở phát huy*

*tinh thần tự lực cánh sinh mà sử dụng tốt sự giúp đỡ của các nước anh em.*

LỢI ÍCH CỦA CÁCH MẠNG THẾ GIỚI VÀ CỦA PHE XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐÒI HỎI MỖI NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA PHẢI RA SỨC TĂNG CƯỜNG LỰC LƯỢNG VỀ MỌI MẶT CỦA BẢN THÂN MÌNH, ĐỒNG THỜI CHUNG SỨC ĐỂ TĂNG CƯỜNG LỰC LƯỢNG VỀ MỌI MẶT (KỂ CẢ MẶT QUỐC PHÒNG) CỦA PHE XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. BẤT CỨ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NÀO CŨNG CẦN RA SỨC XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA MÌNH, ĐỒNG THỜI TÍCH CỰC GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG SỰ HỢP TÁC VÀ GIÚP NHAU TRONG PHE XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, *quan hệ hợp tác và phân công giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa được xây dựng, củng cố và phát triển.* Quan hệ đó dựa trên những nguyên tắc: hoàn toàn bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau, giúp đỡ lẫn nhau trên tinh đồng chí. Việc củng cố và phát triển quan hệ hợp tác và phân công đó hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, phù hợp với lợi ích của mỗi nước xã hội chủ nghĩa và của cả phe ta. Song, do các nước xã hội chủ nghĩa có những điều kiện dân tộc và lịch sử khác nhau và tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá không giống nhau, cho nên sự hợp tác và phân công trong phe xã hội chủ nghĩa cần tiến hành từng bước, phù hợp với điều kiện phát triển của mỗi nước xã hội chủ nghĩa, làm cho mỗi nước trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ phát triển đến cao độ, đồng thời làm cho sự liên hợp kinh tế giữa các nước anh em ngày càng chặt chẽ. Chỉ có như thế nền kinh tế của phe xã hội chủ nghĩa mới phát triển một cách hợp lý, nhịp nhàng, phong phú và phồn vinh.

Bất cứ nước nào đi vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa cộng sản cũng cần nhận rõ hai giai đoạn của xã hội cộng sản chủ nghĩa: giai đoạn thấp là xã hội xã hội chủ nghĩa mà nguyên tắc là *"làm theo năng lực,*

*hưởng theo lao động*", giai đoạn cao là xã hội cộng sản chủ nghĩa mà nguyên tắc là *"làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu"*. Giữa hai giai đoạn ấy không có một bức thành ngăn cách. Chủ nghĩa xã hội phát triển đến một trình độ hoàn chỉnh nào đó thì quá độ lên chủ nghĩa cộng sản; chủ nghĩa cộng sản bắt nguồn ngay trong chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, không thể lẫn lộn hai giai đoạn đó.

Muốn cho hệ thống xã hội chủ nghĩa trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người, cần phải xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở đó, đồng thời phải tăng cường đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa, tức là phát huy tính hơn hẳn của hệ thống xã hội chủ nghĩa đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, đạo đức, tư tưởng, v.v..

Chủ nghĩa xét lại thường chỉ nhấn mạnh tính chất nêu gương của chế độ xã hội chủ nghĩa về mặt đời sống vật chất, và coi rất nhẹ mặt nêu gương về chính trị, văn hoá, đạo đức, tư tưởng, tinh thần. Đó là một sai lầm lớn. Chủ nghĩa xã hội càng ngày càng chinh phục được trái tim và khối óc của hàng trăm triệu người không phải chỉ vì nó mang lại cho quần chúng nhân dân lao động đời sống ấm no, hạnh phúc, mà còn vì nó mang lại tự do thật sự cho những người lao động chân tay và lao động trí óc, làm cho con người phát triển toàn diện và đào tạo con người mới có lý tưởng và đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Trên đây là những vấn đề về nguyên tắc đang gợi lên cuộc tranh luận giữa một số đảng anh em. Bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về những vấn đề đó chính là bảo vệ đường lối mácxít - leninnít của phong trào cộng sản quốc tế và sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, chống chủ nghĩa xét lại hiện đại và các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa khác, tăng cường đoàn kết và sức chiến đấu của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào cộng sản quốc tế, bảo đảm

giành thắng lợi hoàn toàn cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

### III

Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình, các Đảng Cộng sản và công nhân cần ra sức đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu của phong trào cộng sản quốc tế, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái, nắm vững những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và bảo đảm vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin một cách có sáng tạo vào điều kiện cụ thể của thế giới và của mỗi nước.

Đứng trước những thắng lợi to lớn của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin, và đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, bọn đế quốc hiếu chiến do đế quốc Mỹ cầm đầu ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, gây chiến tranh cục bộ và "chiến tranh đặc biệt", hòng tiêu diệt phe xã hội chủ nghĩa, dập tắt phong trào cách mạng ở các nước và giành giật quyền lợi, chia lại thị trường thế giới. Đồng thời, chúng thi hành chính sách khủng bố và hăm dọa, kết hợp với lừa phỉnh, mua chuộc và chia rẽ, để đàn áp các Đảng Cộng sản và phá hoại phong trào cách mạng của nhân dân trong nước.

Về mặt tư tưởng, bọn đế quốc và tay sai của chúng nêu ra những học thuyết cải lương hòng mê hoặc quần chúng và làm cho họ xa rời mục tiêu đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Chúng ủng hộ và khuyến khích chủ nghĩa xét lại hiện đại trong việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, phá hoại đường

lối mácxít - lêninnít của cách mạng thế giới, phá hoại phe xã hội chủ nghĩa, chia rẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, chia rẽ các Đảng Cộng sản và công nhân.

Hiện nay, trong phong trào cộng sản quốc tế đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai đường lối: đường lối của chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Cuộc đấu tranh giữa hai đường lối ấy phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" trên toàn thế giới. Kết quả cuộc đấu tranh đó quan hệ mật thiết đến tiền đồ của phong trào cộng sản quốc tế, tiền đồ của sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

*Chủ nghĩa xét lại hiện đại* đã phản bội chủ nghĩa Mác-Lênin và tuyên bố chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời. Dưới chiêu bài phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong những điều kiện mới của lịch sử, nó xuyên tạc và vứt bỏ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nó phủ nhận hoặc làm mờ hồ bản chất hiếu chiến và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, đem những quan điểm thoả hiệp giai cấp, tiến hoá hoà bình thay thế cho học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin về đấu tranh giai cấp, cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Nó phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng vô sản, phủ nhận những quy luật phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại là chung sống hoà bình, thi đua hoà bình và quá độ hoà bình. Về thực chất, đó chính là đường lối hoà bình giai cấp chung của tất cả mọi thứ chủ nghĩa xét lại cũ và mới.

*Đối với chủ nghĩa đế quốc*, chủ nghĩa xét lại ra sức tô son vẽ phấn cho bọn trùm đế quốc, thổi phồng sức mạnh về vũ khí hạt nhân của đế quốc Mỹ, hòng làm cho nhân dân các nước sợ Mỹ, không dám đấu tranh cách mạng. Nó còn bênh vực chính sách gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc, cho rằng nguồn gốc của nguy cơ chiến tranh và của tình hình quốc tế

căng thẳng hiện nay là do sự tồn tại của các "khối" đối lập trên thế giới, chứ không phải do bản chất hiếu chiến và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Do chỗ không nhận rõ bản chất đó và đánh giá quá cao lực lượng của địch, đánh giá thấp lực lượng của quần chúng, những người theo chủ nghĩa xét lại ở một số nước anh em đã phạm những sai lầm nghiêm trọng về chiến lược và sách lược cách mạng, đi đến những nhượng bộ và thoả hiệp vô nguyên tắc với bọn đế quốc trên một loạt vấn đề.

*Đối với phong trào cộng sản quốc tế*, chủ nghĩa xét lại công kích các Đảng Cộng sản và công nhân và những người cộng sản kiên trì những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, buộc cho họ là "giáo điều", là "hiếu chiến"; nó tìm cách ép các Đảng Cộng sản và công nhân theo quan điểm sai lầm của nó, vi phạm những quy tắc về mối quan hệ giữa các đảng anh em đã được ghi rõ trong bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960, đả kích và cô lập các đảng anh em kiên quyết bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chính những người theo chủ nghĩa xét lại đã làm cho phong trào cộng sản quốc tế lâm vào tình trạng hỗn loạn về tư tưởng và chia rẽ về tổ chức.

*Đối với phe xã hội chủ nghĩa*, chủ nghĩa xét lại tuyên truyền cho cái gọi là "con đường xã hội chủ nghĩa theo kiểu Nam Tư", tức là con đường phá hoại những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa và phục hồi chủ nghĩa tư bản; nó chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa, tiếp tay cho bọn đế quốc trong việc âm mưu lật đổ và phá hoại ở các nước xã hội chủ nghĩa và hiện nay đang giúp bọn đế quốc thực hiện kế hoạch "diễn biến hoà bình" ở các nước xã hội chủ nghĩa theo "chiến lược hoà bình" của đế quốc Mỹ. Ở một số nước xã hội chủ nghĩa, những người theo chủ nghĩa xét lại làm tổn thương nặng đến tình đoàn kết, hữu nghị giữa các nước anh em, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc, đánh vào trụ cột đoàn kết của cả phe ta; đồng thời, nó làm yếu sự hợp tác giúp nhau giữa một

số nước anh em, gây thiệt hại cho sự nghiệp xây dựng của phe xã hội chủ nghĩa và hạn chế việc phát huy tác dụng của hệ thống xã hội chủ nghĩa, "nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người".

*Đối với phong trào giải phóng dân tộc*, chủ nghĩa xét lại không tán thành nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc tiến hành đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc; nó khuyên các dân tộc bị áp bức đừng làm cách mạng vì phải hy sinh nhiều, hãy chờ đợi bọn đế quốc ban cho độc lập bằng chính sách "phi thực dân hoá" của chúng. Đối với các nước dân tộc chủ nghĩa, chủ nghĩa xét lại tuyên truyền cái gọi là "chính sách đứng ngoài các khối", thực tế là nhằm phá hoại quan hệ hữu nghị giữa các nước đó với phe xã hội chủ nghĩa, đẩy họ vào cạm bẫy của chủ nghĩa thực dân mới. Nó xúi giục giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước dân tộc chủ nghĩa chống lại các Đảng Cộng sản và công nhân, phá hoại mặt trận dân tộc thống nhất của các nước đó. Trong một số đảng anh em, những người theo chủ nghĩa xét lại không thấy hết tầm quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc, đánh giá thấp nguy cơ của chủ nghĩa thực dân mới, không tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh để giành lại và củng cố độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và Mỹ latin; họ không nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân các nước đang giành độc lập và tự do, vì sợ rằng chiến tranh giải phóng dân tộc có thể dẫn đến chiến tranh thế giới; họ bơm to vai trò của Liên hợp quốc trong vấn đề giải phóng Đông Dương, làm cho các dân tộc bị áp bức sinh ra ảo tưởng đối với Liên hợp quốc cũng như đối với bọn đế quốc. Họ hoan nghênh các Đảng Cộng sản và công nhân ở một số nước dân tộc chủ nghĩa theo đuôi giai cấp tư sản cầm quyền. Đối với giai cấp tư sản ở các nước đó, họ không thấy rõ nó đang phân hoá sâu sắc; họ nhấn mạnh một chiều mặt tích cực của nó, không đấu tranh chống chính sách phản nhân dân và chống cộng sản của nó.

*Đối với phong trào cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa*, chủ nghĩa xét lại phá hoại về mặt tư tưởng bằng cách rêu rao rằng chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã thay đổi về bản chất và có khả năng chuyển biến hoà bình lên chủ nghĩa xã hội; giai cấp công nhân không cần tiến hành đấu tranh giai cấp, không cần làm cách mạng vô sản, đập tan bộ máy nhà nước tư sản và thiết lập chuyên chính vô sản, mà có thể thông qua "con đường nghị viện" hoặc "cải cách cơ cấu" trong khuôn khổ hiến pháp tư sản, chuyển chính quyền về tay mình và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mục đích của chủ nghĩa xét lại là đưa giai cấp công nhân vào con đường cải lương, làm cho họ bị lạc hướng trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Các bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960 nêu cả hai khả năng: quá độ hoà bình và không hoà bình lên chủ nghĩa xã hội, nhưng chủ nghĩa xét lại nhấn mạnh khả năng quá độ hoà bình, khả năng thông qua con đường nghị viện để giành chính quyền, trong khi ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa quan liêu đã phát triển đến cao độ.

*Về vấn đề chiến tranh và hoà bình*, chủ nghĩa xét lại tuyên truyền cho chủ nghĩa hoà bình tư sản, rêu rao rằng với sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân, tính chất của chiến tranh đã thay đổi, chiến tranh chỉ có thể là chiến tranh huỷ diệt toàn bộ, không còn chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa nữa, cho rằng chung sống hoà bình tích cực và hợp tác toàn diện với bọn đế quốc là đường lối duy nhất đúng đắn hiện nay. Thực tế đó là chính sách thoả hiệp, đầu hàng chủ nghĩa đế quốc, phản bội sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới. Trong một số Đảng Cộng sản và công nhân, những người theo chủ nghĩa xét lại lấy sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân làm cơ sở để định ra chiến lược và sách lược, cho chung sống hoà bình là một chiến lược bao trùm, lấy đường lối chung sống hoà bình thay thế cho đường lối đấu tranh cách mạng, lấy thi đua kinh tế thay thế

cho đấu tranh chính trị và tư tưởng giữa hai hệ thống xã hội đối lập trên thế giới.

*Về vấn đề Xtalin*, Đảng ta trước sau vẫn nhận định rằng, Xtalin là một người mácxít xuất sắc đã có công phổ biến và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, một lãnh tụ vĩ đại của Đảng Cộng sản Liên Xô và của phong trào cộng sản quốc tế. Xtalin đã có những cống hiến to lớn đối với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, đối với sự nghiệp củng cố nền chuyên chính vô sản và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, đối với thắng lợi của cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân Liên Xô chống chủ nghĩa phát xít thế giới, tạo điều kiện cho một loạt nước dân chủ nhân dân ra đời ở châu Âu và châu Á. Xtalin đã có công rất lớn trong việc lãnh đạo nhân dân Liên Xô khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học và kỹ thuật sau chiến tranh và tăng cường lực lượng quốc phòng của Liên Xô. Tuy vậy, trong những năm cuối đời mình, Xtalin có phạm một số sai lầm trong công tác trấn áp phản cách mạng và trong vấn đề sinh hoạt nội bộ của Đảng.

Việc phê phán đúng mức những sai lầm ấy để rút ra những bài học kinh nghiệm cho Đảng Cộng sản Liên Xô và cho phong trào cộng sản quốc tế là cần thiết. Song những người theo chủ nghĩa xét lại đánh giá Xtalin không toàn diện, cường điệu việc chống sùng bái cá nhân Xtalin để phủ nhận những nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin mà Xtalin đã kiên quyết bảo vệ trong suốt đời hoạt động của mình, phủ nhận sự tất yếu của cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, phủ nhận những thành tựu vĩ đại mà nhân dân Liên Xô đã thu được dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô trong thời gian Xtalin đứng đầu Đảng và Nhà nước, và tạo cho kẻ thù giai cấp một cơ hội thuận lợi để phản tuyên truyền chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản.

Trên những vấn đề lớn thuộc về nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin, như đấu tranh giai cấp, cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, đảng và nhà nước của giai cấp vô sản,

cũng như trên những vấn đề nóng hổi và quan trọng của thời đại như chiến tranh và hoà bình, chung sống hoà bình, cách mạng giải phóng dân tộc, v.v.. quan điểm của tập đoàn xét lại với quan điểm của những người theo chủ nghĩa xét lại trong một số đảng anh em căn bản giống nhau. Sự khác nhau là ở chỗ những người theo chủ nghĩa xét lại trong một số đảng anh em thì tuy có phạm những sai lầm nghiêm trọng về lập trường, quan điểm, về chiến lược, sách lược cách mạng, do đó đã gây ra những tổn thất nặng nề, nhưng ta coi những sai lầm hiện nay của họ là thuộc về khuynh hướng sai lầm trong phong trào cộng sản quốc tế. Mâu thuẫn giữa những người theo chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh trong một số đảng anh em với những người mácxít - lêninnít hiện nay là mâu thuẫn trong nội bộ phong trào cộng sản quốc tế...

Bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã nêu rõ:

"Trong khi xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tước bỏ tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, trong lý luận cũng như trong thực tiễn, đã phản ánh hệ tư tưởng của giai cấp tư sản, làm tê liệt ý chí cách mạng của giai cấp công nhân, tước đoạt vũ khí và làm tan rã tinh thần của công nhân, của quần chúng lao động trong cuộc đấu tranh chống ách thống trị của bọn đế quốc và bọn bóc lột, giành hoà bình, dân chủ, giải phóng dân tộc, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội".

Vì thế, *cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc hiện nay không thể tách rời cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu trong phong trào cộng sản quốc tế*. Chỉ có đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh mới bảo vệ được sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ được Đảng Cộng sản Liên Xô và các đảng anh em khác, bảo vệ được Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, khôi phục và tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và

trong phong trào cộng sản quốc tế. Đó là một điều kiện rất quan trọng bảo đảm thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, giành thắng lợi lớn hơn nữa cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Bản tuyên bố Mátxcơva năm 1957 đã vạch rõ: "Sự tồn tại của ảnh hưởng tư sản là nguồn gốc bên trong và sự đầu hàng trước áp lực của chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc bên ngoài của chủ nghĩa xét lại".

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, những điều kiện khách quan và chủ quan sau đây của phong trào cộng sản quốc tế đã giúp cho chủ nghĩa xét lại hiện đại phát sinh và phát triển: yêu cầu hoà bình của nhân dân thế giới, nhất là của nhân dân các nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân và sức tàn phá của nó; ảnh hưởng của những tiến bộ mới về khoa học và kỹ thuật trong sản xuất, và những chính sách lừa bịp mới của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn đối với giai cấp công nhân trong một loạt nước tư bản chủ nghĩa, và sự phát triển của tầng lớp công nhân quý tộc và quan liêu; chính sách đàn áp, khủng bố và phát xít hoá của chủ nghĩa đế quốc; sự thiếu kinh nghiệm trong việc thực hành chuyên chính vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa và việc phát hiện những khuyết điểm, sai lầm do sự thiếu kinh nghiệm đó sinh ra; những thiếu sót về công tác xây dựng đảng về các mặt tư tưởng và tổ chức của nhiều Đảng Cộng sản và công nhân; sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng thế giới cũng như của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, và sự tiến bộ chậm hơn của công tác tổng kết kinh nghiệm và công tác lý luận của phong trào cộng sản quốc tế,

v.v.. Những điều kiện đó cho ta hiểu vì sao chủ nghĩa xét lại đã trở thành một hiện tượng quốc tế.

Muốn đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại một cách có hiệu quả trước hết những người mácxít - léninnít cần nhận rõ đây là một cuộc đấu tranh về nguyên tắc để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tức là bảo vệ và bồi dưỡng nhân tố thắng lợi quan trọng nhất của cách mạng ở mỗi nước và trên thế giới.

Về lý luận và tư tưởng, chủ nghĩa xét lại bất cứ dưới màu sắc gì, cũng nguy hiểm cho mỗi Đảng Cộng sản và công nhân, cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và cho toàn bộ sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới. Nhưng về chính trị và tổ chức cần phân biệt mâu thuẫn giữa địch và ta với mâu thuẫn nội bộ phong trào cộng sản quốc tế; do đó mà áp dụng những biện pháp và thái độ thích đáng.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại là lâu dài, gian khổ và phức tạp, nhưng nhất định sẽ thắng lợi. Những đảng và những người mácxít - léninnít đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết đấu tranh thì nhất định sẽ bảo vệ được sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, giành được thắng lợi trên mặt trận tư tưởng và chính trị. Tình hình dưới đây bảo đảm cho chủ nghĩa Mác-Lênin chiến thắng chủ nghĩa xét lại:

- Chủ nghĩa đế quốc thế giới đang suy yếu trong cuộc tổng khủng hoảng trầm trọng. Bản chất phản động và hiếu chiến của nó ngày càng bị phơi bày ra trước mắt mọi người; những chủ trương và chính sách thoả hiệp vô nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc ngày càng bị quần chúng nhân dân thế giới phản đối và sẽ thất bại thảm hại.

- Tính chất hơn hắn của chủ nghĩa xã hội ngày càng rõ rệt và lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa ngày càng được tăng cường. Quần chúng công nhân và nhân dân các nước không

ngừng cách mạng hoá. Phong trào cách mạng ở các nước không ngừng phát triển mạnh mẽ. Càng ngày cuộc sống càng xác nhận chủ nghĩa Mác-Lênin là hoàn toàn đúng và lên án đường lối sai lầm của chủ nghĩa xét lại.

- Các Đảng Cộng sản và công nhân ngày càng trưởng thành; trình độ lý luận và chính trị của các đảng đó không ngừng được nâng cao.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại là một dịp cho các đảng cộng sản và công nhân được tôi luyện thêm. Qua cuộc đấu tranh này, chủ nghĩa Mác - Lênin nhất định sẽ được phát triển mạnh mẽ và phong phú thêm. Những người cộng sản trên thế giới càng thấm nhuần thêm những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và đó là một điều kiện căn bản để cho cách mạng thế giới phát triển thuận lợi và thu được những thắng lợi rực rỡ hơn nữa.

Đồng thời với việc đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu hiện nay, chúng ta cần đấu tranh *chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái*.

Bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã nói:

"Chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái làm cho các đảng cách mạng mất năng lực phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên cơ sở phân tích khoa học và áp dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, phù hợp với những điều kiện cụ thể, cô lập những người cộng sản khỏi các tầng lớp đông đảo, dẫn họ đến tình trạng chờ đợi một cách tiêu cực hoặc hoạt động "tả" khuynh, phiêu lưu trong đấu tranh cách mạng, không cho phép đánh giá kịp thời và đúng đắn tình hình thay đổi và kinh nghiệm mới, không cho phép sử dụng mọi khả năng để giành thắng lợi cho giai cấp công nhân và cho mọi lực lượng dân chủ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống thế lực phản động và nguy cơ chiến tranh, và do đó cản trở nhân dân các nước giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ".

Chủ nghĩa giáo điều biểu hiện ở chỗ áp dụng một cách máy móc những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, hoặc "sao chép" nguyên văn chính sách, sách lược và kinh nghiệm của các đảng khác để áp dụng vào nước mình, không xuất phát đầy đủ từ những đặc điểm và điều kiện cụ thể trong nước, do đó, gây thiệt hại cho sự nghiệp cách mạng.

Tuy vậy, cần nhận rõ rằng trong phong trào cộng sản quốc tế hiện nay đang có cuộc đấu tranh giữa đường lối của chủ nghĩa Mác-Lênin với đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Chủ nghĩa giáo điều chỉ biểu hiện ở Đảng này hoặc Đảng kia một cách cục bộ; thực tế không có đường lối thứ ba cần phải chống lại là đường lối chủ nghĩa giáo điều.

*Chủ nghĩa bè phái* biểu hiện ở chỗ khi xảy ra bất đồng ý kiến trong phong trào cộng sản quốc tế, một số người ở một số đảng đã kéo bè kéo cánh để công kích và cô lập đảng anh em và những người mácxít - leninnít có ý kiến khác mình, gây nên bất hoà nghiêm trọng và tạo ra nguy cơ chia rẽ trong phong trào cộng sản quốc tế; biến sự bất đồng ý kiến giữa các đảng trong phe xã hội chủ nghĩa thành sự xích mích trong quan hệ nhà nước; gây bè phái trong các đảng anh em, vận động quần chúng để cô lập đảng anh em và nước anh em kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ngoài ra, cần đấu tranh *chống chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa sôvanh*; về thực chất, đây cũng chính là những biểu hiện khác của chủ nghĩa xét lại trong phong trào cộng sản quốc tế.

Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng ta (1960) đã nói:

"Là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế lớn mạnh, Đảng ta cố gắng góp phần *tăng cường sự đoàn kết nhất trí giữa các Đảng Cộng sản và công nhân* trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản và những nguyên tắc đã nêu ra trong các bản Tuyên bố và bản Tuyên ngôn hoà bình Mátxcơva năm 1957, tích cực đấu tranh để bảo vệ sự

trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều".

Đảng ta rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ sự nghiệp trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và vấn đề tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế. Vì vậy, chúng ta kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại và các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa khác, coi đó là bốn phạm thiênng liêng của mình cũng như của các đảng mácxít - leninnít anh em trên thế giới để bảo vệ phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế, bảo vệ các đảng anh em và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, để bảo đảm cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội thu được những thắng lợi ngày càng to lớn. Đồng thời, đó cũng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng để tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng ta, bảo vệ đường lối đúng đắn của Đảng và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng của nhân dân cả nước.

#### IV

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân toàn thế giới liên quan mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng ta đã chỉ rõ: "Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào quốc tế đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc và hoà bình thế giới".

Vì thế, từ trước đến nay, khi định ra đường lối và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời căn cứ vào đường lối chung của phong trào cộng sản quốc tế. Đảng ta luôn luôn kết hợp một cách đúng đắn yêu cầu cách mạng của nhân dân nước ta với yêu cầu cách mạng của nhân dân toàn thế giới. Điều đó chứng tỏ Đảng ta luôn luôn đứng

vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ngay từ khi mới thành lập (1930), Đảng ta đã dựa vào Cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản và xuất phát từ điều kiện cụ thể của Việt Nam để vạch ra đường lối cách mạng dân tộc dân chủ cho giai cấp công nhân và nhân dân ta.

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936-1939), Đảng ta đã căn cứ vào nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và chiếu theo tình hình nước ta lúc đó mà định ra chủ trương tập trung lực lượng chống phátxít và phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ và cải thiện đời sống cho nhân dân, bảo vệ hoà bình thế giới, chống chiến tranh xâm lược.

Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945), Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế và sau đó trong Mặt trận Việt Minh, đấu tranh chống phátxít Nhật - Pháp, để giải phóng đất nước, ủng hộ Liên Xô và phối hợp với cuộc đấu tranh chung của Mặt trận dân chủ thế giới chống phátxít xâm lược. Chiến thắng lịch sử của Liên Xô trong cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại đã tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân ta tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945), lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đứng lên kháng chiến (1945-1954) chống thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, cùng với cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Trung Quốc chống Mỹ - Tưởng và cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân Triều Tiên đã hình thành một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến và xâm lược do đế quốc Mỹ cầm đầu. Thắng lợi của cách mạng Trung

Quốc và của cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân Triều Tiên đã tạo thêm điều kiện cho cuộc kháng chiến cứu nước của ta thắng lợi. Cách mạng Tháng Tám thành công và cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân Việt Nam thắng lợi đã góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc, tăng cường lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đồng thời làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ định mở rộng chiến tranh Đông Dương, do đó đã góp phần tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới.

Sau khi hoà bình được lập lại, Đảng ta nhận định rằng, nhiệm vụ chung của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh giành dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân các nước, tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới.

Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong hơn chín năm qua chứng tỏ rằng việc đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam cũng như đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Đồng thời, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đập tan chính sách thực dân mới của chúng để giải phóng miền Nam, làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ đang biến miền Nam

Việt Nam thành một căn cứ quân sự chống phe xã hội chủ nghĩa, gây lại chiến tranh Đông Dương và mở rộng chiến tranh ra vùng Đông - Nam Á. Vì thế, *cuộc đấu tranh yêu nước hiện nay của đồng bào miền Nam là một sự đóng góp tích cực vào công cuộc bảo vệ hoà bình của nhân dân thế giới, đồng thời là một sự cổ vũ đối với phong trào giải phóng dân tộc.*

Kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam xác nhận rằng, ngày nay hoà bình thế giới, giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những yêu cầu cấp bách của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới, có quan hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau. Kinh nghiệm ấy cũng chứng tỏ rằng nếu hệ thống xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định đối với sự phát triển của xã hội loài người, thì cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhất là của các dân tộc bị áp bức ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin, là nhân tố quyết định trực tiếp việc đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc và dân chủ, bảo vệ hoà bình thế giới và tạo điều kiện cho chủ nghĩa xã hội mở rộng thắng lợi ra nhiều nước. Kinh nghiệm cách mạng Việt Nam còn chứng tỏ rằng muốn bảo vệ hoà bình thì đồng thời với việc tăng cường lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa, cần phải và có thể đánh lui từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc thế giới. Chính các cuộc đấu tranh cách mạng, trước mắt là phong trào giải phóng dân tộc dưới mọi hình thức, kể cả hình thức chiến tranh giải phóng, là *những đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình thế giới.*

Những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong mấy chục năm qua (Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến lâu dài thắng lợi, những thành tựu to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, những thắng lợi liên tiếp của cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam chống đế

quốc Mỹ và bè lũ tay sai) chứng tỏ rằng đường lối của Đảng ta là đúng.

Trong khi đấu tranh cho đường lối mácxít - lêninnít của phong trào cộng sản quốc tế và bảo vệ những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960, chúng ta không ngừng phấn đấu nhằm triệt để chấp hành đường lối đúng đắn của Đảng ta. Cho nên, *về công tác tư tưởng*, chúng ta cùng với những đảng và những người mácxít - lêninnít trên thế giới chống chủ nghĩa xét lại và các chủ nghĩa cơ hội khác, đồng thời, ra sức giáo dục cán bộ và đảng viên khắc phục những tư tưởng sai lầm và phát huy những truyền thống tốt đẹp của Đảng.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta không ngừng đấu tranh tư tưởng; một mặt, đánh bại chủ nghĩa cải lương của giai cấp tư sản, vạch trần đường lối siêu giai cấp của các tầng lớp tiểu tư sản và đập tan sự khiêu khích và phá hoại của bọn torốtkít; mặt khác, khắc phục những khuynh hướng sai lầm hữu và "tả" trong nội bộ Đảng. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng ta không ngừng bồi dưỡng lập trường giai cấp vô sản cho cán bộ và đảng viên, giáo dục cho cán bộ và đảng viên hiểu biết và thấm nhuần những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng để chấp hành cho đúng. Mặt khác, được rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, tuyệt đại bộ phận cán bộ và đảng viên ta đều có lập trường, quan điểm đúng đắn về những vấn đề cơ bản của cách mạng trong nước và cách mạng thế giới. Tình hình đó biểu hiện ý chí cách mạng kiên cường và tinh thần đoàn kết nhất trí của Đảng ta.

Tuy vậy, một số ít cán bộ đã *chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại*. Khi bọn nhân văn - giai phẩm lợi dụng việc Đảng ta tự phê bình về những khuyết điểm, sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, và lợi dụng việc chống sùng bái cá nhân Xtalin để hoạt động phá hoại, thì một số ít cán bộ và đảng viên ta đã vào hùa với chúng. Những năm gần đây, khi xảy ra cuộc đấu tranh tư tưởng gay

gắt trong phong trào cộng sản quốc tế, một số ít cán bộ đã tán thành những quan điểm và chủ trương sai lầm của chủ nghĩa xét lại. Một số cán bộ và đảng viên có *tư tưởng hữu khuynh* biểu hiện trên những vấn đề dưới đây:

Về *những vấn đề trong nước*, có những lệch lạc như sau:

- Coi nhẹ vấn đề chuyên chính dân chủ nhân dân thực chất là chuyên chính vô sản. Không nắm vững chủ trương tăng cường chuyên chính với kẻ địch và phát huy dân chủ đối với nhân dân là hai mặt không thể tách rời của nền chuyên chính của ta. Do đó, đã mất cảnh giác với kẻ địch, ngại trấn áp những phần tử phản cách mạng không chịu cải tạo, nhưng lại quan liêu, hách dịch, mệnh lệnh đối với nhân dân. Coi nhẹ vấn đề Nhà nước và pháp quyền, không kiên quyết giữ vững và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; có cán bộ và cơ quan nắm việc thi hành pháp luật nhưng lại không kiên quyết xử lý theo đúng pháp luật.

- Cho rằng miền Bắc nước ta đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân rồi, cho nên không còn đấu tranh giai cấp và đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa về mặt kinh tế và chính trị nữa, chỉ còn cuộc đấu tranh giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa, giữa cái mới và cái cũ chung chung mà thôi. Cho rằng các giai cấp bóc lột (địa chủ, tư sản, bao gồm cả phú nông) đã được cải tạo xong xuôi rồi, không kiên quyết tiếp tục cải tạo họ thành những người lao động thật sự. Không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, xem nhẹ việc cải tạo những người buôn bán nhỏ và buông lỏng vấn đề quản lý thị trường.

- Không nhận rõ tầm quan trọng của vấn đề công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Không thấu suốt quan điểm nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp và công nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Không hiểu rõ quan hệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng. Phản đối việc xây dựng một nền kinh tế tự chủ và tự lực cánh sinh là chính,

không nhận rõ rằng muốn xây dựng một nền kinh tế tự chủ và một nền công nghiệp tương đối hoàn chỉnh thì chủ yếu phải dựa vào tích lũy trong nước, phải tự lực cánh sinh là chính, đồng thời phải coi trọng và sử dụng tốt sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

- Cho rằng ta chủ trương hợp tác hoá nông nghiệp quá sớm; sau cải cách ruộng đất, đáng lẽ nên để cho nông dân làm ăn riêng lẻ trên mảnh đất của họ một thời gian nữa thì có lẽ sản xuất nông nghiệp đã được đẩy mạnh hơn. Không nhận thấy mối liên hệ giữa hợp tác hoá nông nghiệp với công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không hiểu rằng sau cải cách ruộng đất, nếu chậm đưa nông dân vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp chừng nào thì càng tạo thêm điều kiện cho kinh tế phú nông phát triển và làm cho cả công nghiệp và nông nghiệp của ta thêm khó khăn chừng ấy. Không chịu nhìn về phía trước, cứ ngó lại đằng sau, không chăm lo củng cố và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, lại luôn luôn luyên tiếu lối làm ăn cá thể, phân tán và lạc hậu.

- Không nhận rõ những khó khăn trong một nước nông nghiệp lạc hậu bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội; cũng không thấy hết tính chất lâu dài, gian khổ và phức tạp của sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà. Không nhận rõ muốn giành thắng lợi thì không thể lùi bước trước khó khăn, trái lại, phải kiên định lập trường, phải có dũng khí cách mạng và quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, làm tròn nhiệm vụ. Nhưng mặt khác, khi đánh giá tình hình lại chỉ thấy khó khăn, không thấy thuận lợi và thắng lợi, rồi bi quan, hoài nghi, do đó, kém hăng hái, phấn khởi trong sản xuất, công tác và học tập.

- Đối với sự nghiệp đấu tranh để thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà và đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam, thì ngại lâu dài, gian khổ, sợ hy sinh; riêng đối với cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam thì phần nào có thái

độ bàng quan, không thấy rõ quan hệ giữa nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta ở hai miền.

- Không nhận rõ tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng và nghĩa vụ của đảng viên, cho nên có tư tưởng cầu an, hưởng lạc, lo nghĩ về địa vị cá nhân, không hăng hái, dũng cảm nhận nhiệm vụ mà Đảng giao cho, không xung phong gương mẫu trong việc chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước; kém ý thức tổ chức và kỷ luật; không quan tâm đến vấn đề củng cố chi bộ thành hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở; không chú ý bồi dưỡng và giúp đỡ những cốt cán để họ có thể đảm nhiệm tốt công tác mà Đảng và Nhà nước giao cho họ.

Về *những vấn đề quốc tế*, nhận thức mơ hồ về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, cũng như về các vấn đề chiến tranh và hoà bình, vai trò của vũ khí hạt nhân, chung sống hoà bình, thi đua kinh tế, quá độ hoà bình, v.v.; có tư tưởng hoà bình chủ nghĩa, mất cảnh giác đối với âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai và nhụt ý chí chiến đấu; có lúc lấp lờ hoặc phổ biến tư tưởng sai lầm của chủ nghĩa xét lại.

Những tư tưởng hữu khuynh trên đây đã tác hại không ít đến việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và hoàn thành kế hoạch của Nhà nước ở một số ngành và địa phương. Vì vậy, hiện nay, phê phán và kiên quyết khắc phục tư tưởng hữu khuynh là một việc cần thiết để bảo đảm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra, đồng thời để ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại thâm nhập vào Đảng.

Tư tưởng hữu khuynh trong một số cán bộ và đảng viên có nguyên nhân xã hội và nguồn gốc giai cấp của nó. Đa số cán bộ và đảng viên của ta xuất thân từ thành phần tư sản. Khi gia nhập Đảng, các đồng chí đó ít nhiều đã mang tư tưởng tiểu tư sản vào Đảng. Nước ta là một nước mà nền sản xuất nhỏ vốn chiếm ưu thế tuyệt đối trong một thời gian khá dài, tư tưởng tư sản và tư tưởng tiểu tư sản không khỏi ảnh hưởng đến Đảng ta. Trải qua sự giáo dục của Đảng và sự rèn

luyện trong đấu tranh cách mạng, đối với số đông cán bộ và đảng viên, tư tưởng tiểu tư sản căn bản đã được gột rửa, tư tưởng vô sản đã được bồi dưỡng. Tuy vậy, trong một số cán bộ và đảng viên khác, những tàn dư của tư tưởng tiểu tư sản còn tồn tại một cách khá sâu sắc. Đặc điểm của tư tưởng tiểu tư sản là cá nhân chủ nghĩa, sợ đấu tranh gay gắt, thiếu kiên định và chủ quan, một chiều, không thực tế. Những lúc cách mạng chuyển biến, gặp khó khăn hoặc thuận lợi, tư tưởng tiểu tư sản thường biểu hiện thành lệch lạc hữu khuynh hoặc "tả" khuynh, mà phần nhiều là hữu khuynh; do đó, dễ tiếp thụ những quan điểm của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Tuy rằng những cán bộ và đảng viên của ta có tư tưởng hữu khuynh trên vấn đề này hoặc vấn đề khác, nói chung, không tán thành những quan điểm sai lầm của chủ nghĩa xét lại, nhưng chúng ta phải nhận rằng tư tưởng hữu khuynh là miếng đất thuận lợi cho chủ nghĩa xét lại bắt rễ và nảy nở nếu có cơ hội. Cho nên, chúng ta phải hết sức tỉnh táo để phòng.

Nhiệm vụ quốc tế cũng như nhiệm vụ trong nước đòi hỏi chúng ta phải đấu tranh chống tư tưởng tiểu tư sản, đồng thời chống ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại và khắc phục tư tưởng hữu khuynh để cho chủ nghĩa xét lại không có cơ sở tác hại; khiến cho Đảng ta ngày càng trong sạch về tư tưởng và vững mạnh về tổ chức, mãi mãi là đội tiên phong sáng suốt và dũng cảm của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.

Ngoài tư tưởng hữu khuynh là lệch lạc chính, trong Đảng ta còn có *những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm và những lệch lạc "tả" khuynh*.

Chủ nghĩa giáo điều biểu hiện ở chỗ vận dụng một cách máy móc những chủ trương, chính sách của các đảng và các nước anh em, không xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước ta; không điều tra, nghiên cứu tình hình thực tế trong nước để chủ trương và hành động cho đúng, và trong khi học tập, không liên hệ đầy đủ lý luận với thực tiễn.

Chủ nghĩa kinh nghiệm biểu hiện ở chỗ coi thường lý luận và không chịu tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của mình để rút ra những kết luận có tính chất khái quát, không chịu học tập lý luận một cách có hệ thống để nắm những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, chỉ dựa trên kinh nghiệm cũ của mình hoặc của các đảng anh em, do đó trong công tác thiếu nhìn xa thấy rộng, thiếu sáng tạo.

Về lệch lạc "tả" khuynh, đối trong nước, những biểu hiện tương đối phổ biến là nặng về dùng mệnh lệnh hành chính để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, coi nhẹ công tác tuyên truyền, thuyết phục quần chúng, không chịu khó đi đường lối quần chúng, có tư tưởng bình quân chủ nghĩa, v.v.. Đối ngoài nước, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, không phân biệt mâu thuẫn giữa địch và ta với mâu thuẫn trong nội bộ phong trào cộng sản quốc tế; do đó, dễ đi đến sai lệch về phương pháp và thái độ đấu tranh; khi phê phán những khuyết điểm, sai lầm của những người theo chủ nghĩa xét lại trong một số đảng anh em, thiếu sự đánh giá toàn diện và khách quan đảng và nhân dân nước đó.

Xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong nước và nhiệm vụ của phong trào cộng sản quốc tế và để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho cán bộ và đảng viên ta giữ vững trận địa của chủ nghĩa Mác-Lênin trong bất cứ điều kiện nào, đảng ta cần tiến hành những nhiệm vụ công tác tư tưởng trước mắt như sau:

Giáo dục cho cán bộ và đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, nhận thức sâu sắc hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đường lối cách mạng ở miền Nam và thống nhất nước nhà, đường lối đối ngoại của Đảng, lập trường, quan điểm của Đảng về những vấn đề chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản quốc tế và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta. Trên cơ sở đó mà củng cố lập trường giai cấp, phát huy tinh thần triệt để cách mạng; bồi dưỡng tinh thần tự lực cánh sinh, quyết tâm khắc

phục khó khăn, làm tròn nhiệm vụ; chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại, khắc phục tư tưởng hữu khuynh và những thiên hướng tư tưởng sai lầm khác; bồi dưỡng đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản, xây dựng tư tưởng tập thể xã hội chủ nghĩa, chống chủ nghĩa cá nhân; nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, chống chủ nghĩa tự do; giáo dục tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, tạo nên một khí thế cách mạng sôi nổi trong cán bộ, đảng viên và trong quần chúng nhân dân; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước, ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam và thiết thực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để đạt mục tiêu trên đây, cần nắm vững phương hướng công tác tư tưởng do Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã vạch ra là: "Bồi dưỡng tư tưởng vô sản, chống ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, chống tư tưởng tiểu tư sản, tiếp tục xoá bỏ tàn tích của tư tưởng phong kiến và tư tưởng không vô sản khác". Đồng thời, cần vận dụng đúng phương châm đấu tranh tư tưởng như sau: chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại và khắc phục tư tưởng hữu khuynh là chính, đồng thời phải ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa biệt phái và những sai lầm "tả" khuynh; phê phán những quan điểm sai lầm của chủ nghĩa xét lại hiện đại liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phê phán những tư tưởng hữu khuynh của cán bộ, đảng viên, liên hệ với thực tiễn công tác ở các địa phương và các ngành.

Trước mắt, cần tiến hành mấy công tác dưới đây:

1. Tiếp tục giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin một cách có hệ thống cho cán bộ và đảng viên với yêu cầu và mức độ khác nhau. Trong học tập, cần thực hiện tốt phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn. Ở các trường của Đảng và trên

báo chí, v.v. cần phê phán một cách rõ ràng và đúng mức những quan điểm của chủ nghĩa xét lại hiện đại, nêu tinh thần và kinh nghiệm đấu tranh của những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin chống chủ nghĩa xét lại và các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa khác.

2. Thông qua các cuộc vận động: "Ba xây ba chống" ở các xí nghiệp, công trường, nông trường và cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" ở nông thôn mà đẩy mạnh thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, đồng thời đấu tranh chống những bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu và chống hữu khuynh, bảo thủ trong vấn đề cải tiến kỹ thuật. Thực hiện chế độ cán bộ đi sát thực tế và tham gia lao động; tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

3. Tăng cường lãnh đạo đối với các cơ quan và các ngành làm công tác tư tưởng, công tác nghiên cứu và tuyên truyền. Cần ngăn ngừa và chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại trong các ngành đó, đặc biệt là trong triết học, văn hoá, văn nghệ và các ngành khoa học (cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên).

4. Tổ chức việc học tập kỹ Nghị quyết của Hội nghị lần thứ chín của Trung ương Đảng, xác định lập trường, quan điểm đúng đắn cho cán bộ và đảng viên về nhiệm vụ và đường lối của phong trào cộng sản quốc tế cũng như về nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta và nhân dân ta.

Lập trường của Đảng ta là lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đảng ta chịu trách nhiệm trước giai cấp công nhân và nhân dân nước ta, có nghĩa vụ chăm lo đến lợi ích cách mạng của nhân dân cả nước, đồng thời Đảng ta cũng chịu một phần trách nhiệm trước phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, có nghĩa vụ chăm lo đến lợi ích cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế của mình, Đảng ta xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng

lợi ích của cách mạng vô sản ở mỗi nước và lợi ích của cách mạng vô sản toàn thế giới là nhất trí, lợi ích căn bản và lâu dài của mỗi dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới là nhất trí.

Hiện nay, lợi ích cách mạng của nhân dân ta cũng như của nhân dân toàn thế giới đòi hỏi Đảng ta phải kiên quyết bảo vệ và thực hiện đầy đủ những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960. Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng ta đã vạch rõ nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta là "góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh chung cho chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc và hoà bình thế giới".

Nội dung của chính sách đối ngoại của Đảng do Đại hội vạch ra có thể tóm tắt như sau:

- Ra sức tăng cường lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa, tăng cường đoàn kết nhất trí và củng cố tình hữu nghị không gì lay chuyển nổi giữa nhân dân ta với nhân dân các nước anh em; phát triển quan hệ hợp tác giúp nhau giữa nước ta với các nước anh em theo những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

- Tiếp tục đấu tranh để góp phần củng cố hoà bình thế giới, chống chính sách xâm lược và gây chiến của bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, thực hiện chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau.

- Ra sức ủng hộ phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và Mỹ latin. Tăng cường quan hệ hữu nghị và phát triển sự hợp tác về kinh tế và văn hoá với các nước dân tộc chủ nghĩa trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình và tinh thần Hội nghị Băngđung. Đặt quan hệ hữu nghị trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi với các nước khác.

- Kiên quyết đấu tranh làm cho Hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương được thực hiện một cách đầy đủ.

- Đi đôi với việc xây dựng và tăng cường quan hệ giữa Chính phủ ta với Chính phủ các nước, cần mở rộng quan hệ hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Để thực hiện chính sách đối ngoại trên đây, hiện nay Đảng ta có những chủ trương và nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. *Khôi phục và tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế*

Sự đoàn kết của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào cộng sản quốc tế là một nhân tố vô cùng quan trọng bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới.

Ngày nay trên thế giới đã có hơn 90 Đảng Cộng sản và công nhân bao gồm hơn 40 triệu đảng viên. Phong trào cộng sản quốc tế đã trở thành một lực lượng chính trị có ảnh hưởng lớn mạnh nhất trong thời đại chúng ta. Phe xã hội chủ nghĩa "đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người". Để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, lúc này hơn lúc nào hết, cần phải tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Hiện nay, bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đang tập hợp lực lượng phản động và lợi dụng bọn xét lại hiện đại để chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa, chống lại phong trào cộng sản quốc tế và phá hoại phong trào cách mạng của nhân dân thế giới, phá hoại hoà bình, cho nên việc tăng cường đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó tăng cường gấp bội lực lượng của cách mạng thế giới, bảo đảm cho cách mạng thế giới và cho sự nghiệp bảo vệ hoà bình thu được những thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

Những năm gần đây, do sự xuất hiện của chủ nghĩa xét lại, trong phong trào cộng sản quốc tế đã xảy ra bất đồng ý kiến giữa các đảng cộng sản và công nhân trên một loạt vấn đề

thuộc về nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, về chiến lược và sách lược đấu tranh cách mạng. Chủ nghĩa xét lại đang phát triển và đặt phong trào cộng sản quốc tế trước nguy cơ chia rẽ sâu sắc. Sự bất đồng về tư tưởng và quan điểm giữa một số đảng đã dẫn đến quan hệ không tốt giữa một số nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Tình trạng mất đoàn kết đó đã làm yếu phong trào cộng sản quốc tế, hạn chế tác dụng quyết định của hệ thống xã hội chủ nghĩa, và ảnh hưởng không tốt đến cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới. Bọn đế quốc và tay sai của chúng đã và đang ra sức lợi dụng tình hình đó để khơi sâu sự bất đồng giữa một số đảng và một số nước anh em, đặc biệt là ra sức chia rẽ Liên Xô và Trung Quốc. Đồng thời, chúng tỏ ra trắng trợn và láo xược, có thái độ lấn bước và khiêu khích ra mặt như khiêu khích ở Bá Linh, gây khủng hoảng ở vùng biển Caraíp, tiếp tục âm mưu xâm lược Cuba, tăng cường vũ trang xâm lược miền Nam Việt Nam, v.v..

Vì vậy, việc củng cố và tăng cường đoàn kết quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản và hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960 để tập hợp mọi lực lượng, chia mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chung của cách mạng thế giới là một nhiệm vụ cấp bách hiện nay của tất cả các Đảng cộng sản và công nhân và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân ở Mátxcơva năm 1960 đã nhận định rằng:

"... Sự đoàn kết hơn nữa của các Đảng Cộng sản trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản là một điều kiện hết sức quan trọng để tập hợp tất cả các lực lượng của giai cấp công nhân, tất cả các lực lượng dân chủ và tiến bộ, để bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế giành được những thắng lợi mới trong cuộc đấu tranh vĩ

đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người, cho thắng lợi của sự nghiệp hoà bình và chủ nghĩa xã hội".

Muốn củng cố và tăng cường đoàn kết quốc tế để chiến thắng bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ cùng các hạng phản động tay sai của chúng, cần đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, nguồn gốc của sự bất đồng ý kiến trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế.

Đảng ta nguyện cùng các đảng mácxít - léninnít anh em kiên quyết đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ và phát triển những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960. Cần phân rõ ranh giới giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với chủ nghĩa xét lại, đoàn kết tất cả các Đảng Cộng sản và công nhân trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đồng thời kiên quyết phản đối tập đoàn xét lại..., tay sai của chủ nghĩa đế quốc đã phản bội phong trào cộng sản quốc tế.

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa xét lại và các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa khác, chúng ta không nhượng bộ về nguyên tắc, nhưng xuất phát từ đoàn kết mà đấu tranh để tăng cường đoàn kết, chúng ta cần có thái độ có lý có tình; tùy tình hình cụ thể và các đối tượng cụ thể mà dùng phương pháp và hình thức đấu tranh thích hợp.

Cần ra sức phấn đấu để góp phần khôi phục và tăng cường đoàn kết các đảng anh em. Trong khi chưa giải quyết được những sự bất đồng, Đảng ta chủ trương kiên trì đoàn kết, phản đối và ngăn ngừa chia rẽ.

Đảng ta cần tiếp xúc nhiều hơn với các đảng anh em để tìm hiểu lập trường, quan điểm của các đảng ấy và nói rõ lập trường, quan điểm của Đảng ta, đồng thời cũng để trao đổi ý kiến về những vấn đề mà các bên đều quan tâm.

Đảng ta cho rằng cần tiến tới triệu tập một cuộc hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới để giải

quyết những sự bất đồng. Song hội nghị đó cần được chuẩn bị chu đáo, không nên họp một cách vội vàng. Đảng ta mong rằng Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, là hai đảng có trách nhiệm lớn nhất trong phong trào cộng sản quốc tế, nối lại cuộc hội đàm mùa hè năm 1963 để khắc phục những chỗ bất đồng và chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho cuộc hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân sau này đạt kết quả tốt. Chúng ta hoan nghênh việc các đảng anh em trên thế giới tiến hành những cuộc gặp gỡ tay đôi hoặc nhiều đảng để tìm hiểu quan điểm của nhau và bước đầu giải quyết những chỗ bất đồng ý kiến, thiết thực góp phần chuẩn bị cho cuộc hội nghị quốc tế nói trên.

Bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã nói rõ:

"Các Đảng Cộng sản và công nhân tuy theo sự cần thiết mà tiến hành những cuộc hội nghị để bàn bạc những vấn đề cấp bách, để trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu quan điểm và lập trường của nhau, dùng cách trao đổi ý kiến để định ra những quan điểm nhất trí, và cùng nhau phối hợp hành động trong cuộc đấu tranh cho những mục tiêu chung.

Khi ở một đảng nào đó nảy ra những vấn đề có liên quan đến hoạt động của một đảng anh em khác, thì cơ quan lãnh đạo đảng ấy cần nói với cơ quan lãnh đạo đảng hữu quan, nếu cần thì tiến hành gặp gỡ và trao đổi ý kiến".

Đó là những nguyên tắc hết sức đúng đắn mà mỗi đảng đều có nghĩa vụ tôn trọng một cách nghiêm chỉnh. Tuy vậy, dưới ánh sáng của tình hình thực tế mấy năm gần đây, Đảng ta đề nghị bổ sung một số điểm về mặt đảng và quan hệ giữa các Đảng Cộng sản và công nhân như sau:

- Các Đảng Cộng sản và công nhân không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; mỗi đảng đều có nhiệm vụ tôn trọng tính chất độc lập của các đảng anh em khác.

- Muốn giải quyết những sự bất đồng ý kiến, các đảng hữu quan cần có thái độ chân thành, hợp tình hợp lý, thật sự xuất phát từ nguyện vọng đoàn kết, tiến hành phê bình để

tăng cường đoàn kết. Cần thảo luận với nhau trên tình anh em; kiên trì, nhẫn nại chờ đợi nhau.

- ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN NÀO CŨNG CÓ TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI VẠCH MẶT TẬP ĐOÀN XÉT LẠI, ĐỘI BIỆT KÍCH CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, BỌN PHÁ HOẠI PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ MÀ HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁC ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN NĂM 1960 Ở MÁTXCƠVA ĐÃ NGHIÊM KHẮC LÊN ÁN.

Chúng ta chủ trương tăng cường đoàn kết giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản và trên cơ sở những nhiệm vụ chung của phe xã hội chủ nghĩa. Trong mối quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ trương kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, phản đối mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa sô vanh.

Hiện nay, hòn đá thử vàng của sự trung thành với chủ nghĩa Mác- Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản là sự trung thành với cả phe xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đảng ta kiên quyết phản đối mọi chủ trương và hành động làm suy yếu hoặc gây tổn hại cho sự đoàn kết của 13 nước xã hội chủ nghĩa anh em...

Ra sức phấn đấu để tiếp tục thực hiện và tăng cường sự giúp đỡ lẫn nhau và hợp tác với nhau về kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, v.v. giữa các nước xã hội chủ nghĩa theo những nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh đồng chí, trên tinh thần quốc tế vô sản.

Đảng ta cho rằng các nước xã hội chủ nghĩa có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp cách mạng và xây dựng nước nhà của nhau, cổ vũ nhau, bảo vệ và bên vực nhau chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động ở tất cả các nước.

Quan hệ giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa là một loại quan hệ hoàn toàn mới giữa nhà nước với nhà nước

trong lịch sử xã hội loài người. Các nước xã hội chủ nghĩa cùng chung một mục đích là thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cùng chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng chung một chế độ là chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng do đường lối, chính sách sai lầm và hoạt động chia rẽ, bè phái của những người theo chủ nghĩa xét lại, cho nên mấy năm nay, quan hệ giữa một số nước xã hội chủ nghĩa trở nên xấu đi. Hiện nay, giữa một số nước anh em đã xảy ra những sự bất đồng nghiêm trọng. Chúng ta mong các nước anh em đó sẽ cùng nhau bàn bạc để giải quyết những sự bất đồng, khôi phục và tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa. Nếu sự bất đồng đã phát triển có hại đến quan hệ nhà nước, thì các nước hữu quan cần cố gắng khôi phục quan hệ bình thường về mặt nhà nước với nhau, tuyệt đối không để cho sự bất đồng kéo dài và dẫn đến thành kiến dân tộc. Về quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, do kinh nghiệm mấy năm nay, chúng ta đề nghị những điểm cụ thể như sau:

- Trong phe xã hội chủ nghĩa, tuyệt đối không lẫn lộn vấn đề đấu tranh tư tưởng giữa các đảng với vấn đề quan hệ giữa nhà nước với nhau. Không nên vì những sự bất đồng về tư tưởng mà dùng áp lực về kinh tế, chính trị, v.v. để buộc nước anh em phải theo quan điểm của mình.

- Các nước xã hội chủ nghĩa anh em có những sự bất đồng với nhau, dù chưa được giải quyết nhưng trong trường hợp kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động khác khiêu khích hoặc tiến công nước anh em, thì cần để lợi ích chung của cả phe xã hội chủ nghĩa lên trên hết, xiết chặt hàng ngũ, bênh vực nhau, ủng hộ và giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung.

Chỉ có đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin và xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới cũng như của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, mà tiến hành gặp gỡ nhau và thảo luận với nhau trên tình đồng chí, cùng tìm ra quan điểm giống nhau, thì mới giải quyết được những sự bất đồng và tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế.

## *2. Tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ latin.*

Chúng ta có nghĩa vụ tích cực ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và Mỹ latin chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Việc trao đổi kinh nghiệm giữa Đảng ta với các Đảng Cộng sản và công nhân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, và các nước dân tộc chủ nghĩa là rất cần thiết.

Chúng ta chủ trương tăng cường quan hệ hữu nghị giữa nước ta với các nước dân tộc chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chung chống bọn đế quốc thực dân, vì độc lập dân tộc và hoà bình thế giới, phát triển quan hệ kinh tế và văn hoá với các nước đó trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình. Ủng hộ và giúp đỡ nhân dân các nước đó trong cuộc đấu tranh nhằm triệt để hoàn toàn những nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ.

Chúng ta cần ra sức phấn đấu để góp phần mở rộng mặt trận thống nhất của nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ latin trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành lại và củng cố độc lập dân

tộc, giành dân chủ và tiến bộ; tích cực tham gia các tổ chức và hoạt động của các đoàn thể nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ latin, góp phần hướng những tổ chức và hoạt động đó vào việc tăng cường đoàn kết nhân dân Á - Phi và Mỹ latin chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới; góp phần đấu tranh đập tan những ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại trong phong trào cách mạng ở khu vực này. Kiên quyết đấu tranh để giữ vững tính độc lập và tính chiến đấu của các tổ chức của nhân dân Á - Phi và Mỹ latin, làm cho các tổ chức ấy kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ. Đồng thời, góp phần đấu tranh để tăng cường đoàn kết giữa phe xã hội chủ nghĩa với phong trào cách mạng ở khu vực Á - Phi và Mỹ latin và phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, nhằm những mục tiêu chung là chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

### *3. Tích cực ủng hộ phong trào đấu tranh vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa*

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa đánh thẳng vào chủ nghĩa đế quốc và bọn tư bản lũng đoạn ngay tận sào huyệt của chúng. Nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc bị áp bức cần đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa, thực hiện sự đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau giữa nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân, nhân

dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa để đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Dựa vào nhận định trên đây, Đảng ta chủ trương ra sức ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa chống chủ nghĩa đế quốc, chống bọn tư bản lũng đoạn, vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Phát triển quan hệ giữa các đoàn thể nhân dân của ta, như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam, các tổ chức văn hoá, khoa học của ta với các tổ chức tương đương ở các nước tư bản chủ nghĩa. Tuỳ tính chất của các tổ chức ấy mà định phương châm và chính sách quan hệ thích đáng.

Cần tích cực ủng hộ phong trào đấu tranh của người da đen chống chính sách phân biệt đối xử, đòi bình đẳng dân tộc, tự do dân chủ và cải thiện đời sống.

### *4. Góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới*

Trước hết, chúng ta cần nhận rõ rằng nhân dân ta ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam chính là thiết thực và tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới. Song, nhân dân ta vẫn trực tiếp tham gia phong trào hoà bình thế giới chống chính sách gây chiến và xâm lược của bọn đế quốc, chống chính sách chạy đua vũ trang của chúng và đòi thực hiện từng bước việc tổng giải trừ quân bị; đòi cấm thử, chế tạo, tàng trữ và sử dụng vũ khí hạt nhân; đòi giải tán các khối quân sự xâm lược và xoá bỏ những căn cứ quân sự ở nước ngoài; đòi giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế bằng thương lượng.

Trong khi tham gia phong trào hoà bình thế giới, chúng ta cần có thái độ dứt khoát rõ ràng: ủng hộ cái đúng, phản đối cái sai, giữ vững lập trường, nguyên tắc, nhưng mềm dẻo về sách lược. Mục tiêu phấn đấu của chúng ta là tích cực góp phần làm cho phong trào hoà bình đi đúng hướng; chia mũi nhọn vào chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ; phản đối những quan điểm và chủ trương đối lập cuộc vận động cách mạng của nhân dân các nước với cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới.

Góp phần đấu tranh để mở rộng mặt trận của các lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến và xâm lược, bảo vệ hoà bình thế giới; lấy phe xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc làm nòng cốt (việc tranh thủ rộng rãi các lực lượng hoà bình phải đi đôi với việc tăng cường những lực lượng nòng cốt đó). Không nên vì muốn mở rộng phong trào hoà bình và phong trào quốc tế của các đoàn thể nhân dân thế giới mà làm cho các phong trào đó trở thành không có mục tiêu và đối tượng đấu tranh cụ thể.

Đảng ta cho rằng, trong khi tham gia mặt trận rộng rãi chống chủ nghĩa đế quốc gây chiến, bảo vệ hoà bình thế giới, tất cả các đoàn thể nhân dân thế giới vẫn giữ tính chất độc lập và cương lĩnh riêng của mình, đồng thời hướng sự hoạt động của mình trước hết vào việc thực hiện cương lĩnh đó, vì chính bản thân sự hoạt động này là một đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới. Tuy vậy, ngoài việc đấu tranh để thực hiện cương lĩnh riêng của mình, các đoàn thể nhân dân thế giới còn có nhiệm vụ đấu tranh để thực hiện cương lĩnh chung của mặt trận hoà bình thế giới

và những nghị quyết của phong trào hoà bình ở từng khu vực.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây, chúng ta cần *kiện toàn và thống nhất chỉ đạo các cơ quan làm công tác đối ngoại của Đảng, Chính phủ và của các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*; sửa đổi lề lối làm việc của các cơ quan đó, bảo đảm cho nó thực hiện thống nhất hành động và phối hợp công tác một cách chặt chẽ. Tăng cường các mặt công tác đối ngoại, đặc biệt là công tác nghiên cứu và tuyên truyền.

\*  
\*   \*

Toàn thể cán bộ, đảng viên hãy xiết chặt hàng ngũ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng và bồi dưỡng ý chí chiến đấu, kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng bè lũ tay sai; ra sức thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, ra sức công tác và học tập, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tình hình thế giới ngày càng phát triển có lợi cho nhân dân các nước, không lợi cho chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai. Giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác – Lênin sáng tạo, Đảng ta ra sức phấn đấu để cùng các đảng mácxít - leninnít kiên quyết bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, bảo vệ những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcova năm 1957 và năm 1960, chống chủ nghĩa xét lại

hiện đại là nguy cơ chủ yếu của phong trào cộng sản quốc tế, góp phần tăng cường đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, để giành thắng lợi lớn hơn nữa trong cuộc đấu tranh vĩ đại của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## THÔNG CÁO

### Về Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam

Tháng 12 năm 1963

Trong tháng 12 năm 1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ chín để thảo luận về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng.

Hội nghị nhất trí nhận định rằng: lực lượng so sánh trên thế giới ngày càng thay đổi có lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác. Cao trào cách mạng xuất hiện sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đang phát triển mạnh mẽ và liên tục.

Biến chuyển lớn thứ nhất trên thế giới từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai là sự hình thành, củng cố và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa bao gồm mười ba nước là Anbani, Ba Lan, Bungari, Cuba, Cộng hoà Dân chủ Đức, Hunggari, Liên Xô, Mông Cổ, Rumani, Tiệp Khắc, Triều Tiên, Trung Quốc, Việt Nam. Đó là thành trì của cách mạng thế giới, đồng thời cũng là thành trì của hoà bình thế giới.

Biến chuyển lớn thứ hai là phong trào giải phóng dân tộc lên cao, làm cho hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc sụp đổ từng mảng lớn và hậu phương của chủ nghĩa đế quốc tan rã nhanh chóng. Hơn 50 nước, với số dân trên 1.000 triệu người, đã giành được độc lập dân tộc với những mức độ khác nhau.

Biến chuyển lớn thứ ba là chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ đang đi sâu vào giai đoạn tổng khủng hoảng thứ ba của chủ nghĩa tư bản và không ngừng suy yếu. Những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa đế quốc ngày càng sâu sắc. Cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới ngày càng gay gắt và quyết liệt. Chủ nghĩa đế quốc càng suy yếu càng tỏ ra xảo quyệt và hung hãn. Chúng đang ráo riết thi hành những chính sách cực kỳ phản động, đẩy mạnh chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, gây chiến tranh cục bộ và "chiến tranh đặc biệt", thi hành chính sách thực dân mới và cái gọi là "chiến lược hoà bình", lợi dụng chủ nghĩa xét lại hiện đại hòng làm tê liệt và phá hoại phong trào cách mạng thế giới, thực hiện kế hoạch "diễn biến hoà bình", âm mưu phục hồi chủ nghĩa tư bản ở một số nước xã hội chủ nghĩa, chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đế quốc Mỹ đã trở thành kẻ thù nguy hiểm nhất của các dân tộc và của toàn thể loài người. Tuy vậy, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đang ỏ vào thế yếu. Trái lại, về chiến lược, các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội đang ở thế tiến công.

Hội nghị nhận định rằng, mục tiêu cuối cùng bất di bất dịch của phong trào cộng sản quốc tế vẫn là đánh đổ toàn bộ chủ nghĩa đế quốc, xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột trong xã hội loài người, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Để thực hiện mục tiêu ấy, cần tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, tăng cường đoàn kết giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và các lực lượng hoà bình và

dân chủ khác trên toàn thế giới; xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, tiến hành cách mạng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình thế giới; kết hợp chặt chẽ hai mặt đấu tranh: đấu tranh cách mạng với đấu tranh bảo vệ hoà bình, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược, đứng đầu là đế quốc Mỹ; đánh lùi từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc; giành thắng lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; tiến tới hoàn toàn xoá bỏ chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, thực hiện một thế giới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Theo tinh thần của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960, phong trào cộng sản quốc tế hiện nay có những nhiệm vụ lớn như sau:

- Triệt để hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong hệ thống xã hội chủ nghĩa; củng cố, tăng cường và phát triển hệ thống đó;
- Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, triệt để xoá bỏ chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành việc thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc;
- Kiên quyết đấu tranh chống bọn tư bản lũng đoạn, giành dân chủ và hoà bình, tiến lên làm cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa;
- Kiên quyết đấu tranh chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ, nhằm bảo vệ hoà bình thế giới, ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới và thực hiện chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau;
- Tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Để bảo đảm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ lớn trên đây cùng với các đảng mácxít - leninist anh em, Đảng Lao động Việt Nam cần ra sức đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu của phong trào cộng sản quốc tế, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái. Hiện nay, trên mặt trận tư tưởng và chính trị, trong phong trào cộng sản quốc tế đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai đường lối: đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Cuộc đấu tranh giữa hai đường lối ấy phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Kết quả cuộc đấu tranh đó quan hệ mật thiết đến tiền đồ của phong trào cộng sản quốc tế và tiền đồ của sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xét lại hiện đại xuyên tạc và vứt bỏ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960; nó chủ trương thi hành chính sách thoả hiệp giai cấp, chính sách hợp tác vô nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc, xoá nhoà ranh giới giữa ta, bạn và địch, phá hoại sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân, chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế, v.v.. Bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1960 đã nêu rõ:

"Trong khi xuyên tạc và tước bỏ tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, trong lý luận cũng như trong thực tiễn, đã phản ánh hệ tư tưởng của giai cấp tư sản, làm tê liệt ý chí cách mạng của giai cấp công nhân, tước đoạt vũ khí và làm tan rã tinh thần của công nhân, của quần chúng lao động trong cuộc đấu tranh chống ách thống trị của bọn đế quốc và bọn bóc lột, giành hoà bình, dân chủ, giải phóng dân tộc, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội".

Chống chủ nghĩa xét lại hiện đại là điều kiện rất quan trọng để khôi phục và tăng cường sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, để tập hợp mọi lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, để tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng đó và bảo đảm giành thắng lợi vững chắc trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới. Hội nghị nhận định rằng: Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới liên quan mật thiết với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng ta đã chỉ rõ: "Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào quốc tế đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc và hoà bình thế giới".

Lập trường của Đảng ta là lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đảng ta có nghĩa vụ chăm lo đến lợi ích cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân ta, đồng thời cũng có nghĩa vụ chăm lo đến lợi ích cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến thắng lợi, Đảng ta vận dụng một cách có sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, Đảng ta đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên quyết bảo vệ những nguyên tắc cách mạng của hai bản Tuyên bố Mátxcơva năm 1957 và năm 1960, bảo vệ sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, bảo vệ Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, bảo vệ Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng anh em khác. Cũng như từ trước đến nay, từ nay về sau, Đảng ta nguyện tiếp tục phấn đấu để cùng các đảng mácxít - leninist anh em ra sức bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tăng cường đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế.

Đảng ta phân rõ ranh giới về chính trị giữa bè lũ xét lại, tay sai của chủ nghĩa đế quốc, với những người phạm sai lầm của chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh trong phong trào cộng sản quốc tế. Thái độ của chúng ta đối với bè lũ xét lại là kiên quyết vạch mặt và phản đối, và đối với những người phạm sai lầm trong phong trào cộng sản quốc tế là vì đoàn kết mà đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết.

Kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại hiện đại không những là nghĩa vụ quốc tế của Đảng ta, mà còn là một yêu cầu cấp bách để bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, bảo vệ đường lối cách mạng đúng đắn của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng của nhân dân cả nước. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua (thành công của Cách mạng Tháng Tám, thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài chống bọn thực dân xâm lược Pháp và bọn can thiệp Mỹ, những thành tích to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, những thắng lợi liên tiếp của đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, v.v.) chứng minh rằng: đường lối trước đây và hiện nay của Đảng ta là đường lối mácxít - leninnít.

Nhưng trong một số cán bộ và đảng viên đang còn có những tư tưởng hữu khuynh. Chúng ta cần khắc phục những tư tưởng hữu khuynh ấy và ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và những Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Vì vậy, Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định cần phải tiến hành những công tác cấp bách dưới đây:

- Tăng cường việc giáo dục chính trị, làm cho cán bộ và đảng viên thấm nhuần hơn nữa đường lối của Đảng ta về cách mạng Việt Nam, hiểu rõ lập trường, quan điểm của Đảng về những vấn đề chiến lược và sách lược của phong trào cộng

sản quốc tế và nhiệm vụ quốc tế của Đảng. Trên cơ sở đó củng cố lập trường giai cấp, phát huy tinh thần triệt để cách mạng; chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại, khắc phục tư tưởng hữu khuynh và những tư tưởng sai lầm khác; xây dựng tư tưởng tập thể xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản, chống chủ nghĩa cá nhân; nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, chống chủ nghĩa tự do; giáo dục tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, tạo nên một khí thế cách mạng sôi nổi, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam và thiết thực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- Ra sức cải tiến và tăng cường công tác đối ngoại của Đảng và của Nhà nước, bảo đảm cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta làm tốt hơn nữa nhiệm vụ quốc tế của mình là góp phần khôi phục và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, góp phần tăng cường lực lượng về mọi mặt của phe xã hội chủ nghĩa; tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á, châu phi và Mỹ latin và phong trào đấu tranh vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa; tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới.

Việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế là cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp củng cố và phát triển hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng như đối với việc đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng và bảo vệ hoà bình của nhân dân thế giới. Đảng Lao động Việt Nam thiết tha mong rằng Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp tục những cuộc hội đàm để đi đến đoàn kết, tạo điều kiện tốt để triệu tập hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân. Đảng Lao động Việt Nam nguyện cùng

tất cả các đảng anh em ra sức phấn đấu nhằm khôi phục và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Cuộc đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin là một cuộc đấu tranh lâu dài và phức tạp. Nhưng chúng ta tin chắc rằng: chủ nghĩa Mác - Lênin vô địch là chân lý sáng ngời của thời đại chúng ta, trước đây đã giành được thắng lợi vẻ vang trong cuộc đấu tranh chống mọi chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh và "tả" khuynh, thì ngày nay nhất định cũng sẽ chiến thắng chủ nghĩa xét lại hiện đại và những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa khác.

Chúng ta cũng tin chắc rằng: qua cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản nhất định sẽ được tăng cường; hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới càng phát huy mạnh mẽ hơn nữa tác dụng lịch sử vĩ đại của nó; chủ nghĩa Mác - Lênin càng phát triển phong phú và càng chiếu rọi rõ hơn nữa con đường tiến lên của loài người. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ giành được thắng lợi ngày càng to lớn.

Những thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam và hoà bình thống nhất nước nhà đang thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ hoà bình thế giới.

Hội nghị kêu gọi toàn Đảng và toàn dân ta hãy nêu cao hơn nữa tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi trọng và sử dụng tốt sự giúp đỡ của các nước anh em, ra sức thi đua yêu nước, thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm 1964, tiến tới hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đẩy mạnh công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và hoàn thành cải tạo

xã hội chủ nghĩa, củng cố miền Bắc thành cơ sở ngày càng vững mạnh của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, nhằm thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin vô địch muôn năm!

- Tình đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa các nước xã hội chủ nghĩa và giữa các Đảng Cộng sản và công nhân muôn năm!

- Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!

- Hoà bình thế giới muôn năm!

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Tháng 12 năm 1963

**Ra sức phấn đấu, tiến lên  
giành những thắng lợi mới ở miền Nam**

Cuộc chiến tranh xâm lược do đế quốc Mỹ đang tiến hành ở miền Nam Việt Nam là một cuộc chiến tranh lớn nhất trên thế giới hiện nay. Nó thuộc loại "chiến tranh đặc biệt" trong chiến lược quân sự mới của Mỹ. Đế quốc Mỹ đương dùng miền Nam Việt Nam làm nơi thí điểm cho loại "chiến tranh đặc biệt" này, nhằm chống lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân nhiều nước trên thế giới. Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam đã tạo nên một tình hình hết sức nghiêm trọng. Toàn thế giới đều quan tâm đến vấn đề miền Nam Việt Nam.

Hai năm qua, kể từ khi đế quốc Mỹ lập bộ chỉ huy quân sự ở Sài Gòn và đưa quân đội Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, nhân dân miền Nam anh hùng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng và bất khuất của các

dân tộc, sáng tạo ra nhiều hình thức đấu tranh phong phú và đã giành được những thắng lợi vẻ vang. Đặc biệt là từ đầu năm 1963 đến nay, nông dân miền Nam đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng, làm cho tình hình miền Nam có những biến đổi lớn, lực lượng của ta đang phát triển mạnh, lực lượng của địch đang suy sút dần.

Kết quả chung của hai năm đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam là: kế hoạch Xtalây - Taylo nhằm bình định miền Nam trong 18 tháng đã bị thất bại; một nội dung quan trọng của kế hoạch đó là lập ấp chiến lược ở miền Nam đã không thực hiện được: không những địch không gom được 2 phần 3 dân vào ấp chiến lược như chúng dự định, mà những ấp chiến lược do chúng lập ra đã bị phá từng mảng; nhiều ấp chiến lược đã biến thành làng chiến đấu của ta.

Những cố gắng phi thường của nhân dân và quân đội giải phóng miền Nam đã làm cho những chiến thuật mới và vũ khí mới của địch không có hiệu lực như chúng mong muốn, làm cho sinh lực địch ngày càng bị tiêu hao và tiêu diệt nặng, tinh thần quân đội địch ngày càng sa sút. Phong trào đấu tranh chính trị được giữ vững và phát triển, phạm vi đấu tranh được mở rộng. Ở những đô thị to, đã có những phong trào rộng lớn của quần chúng chống địch, bao gồm nhiều tầng lớp nhân dân, kể cả các tín đồ Phật giáo và học sinh, sinh viên, trí thức; đặc biệt là phong trào của hàng vạn quần chúng ở Huế và hàng chục vạn quần chúng ở Sài Gòn - Chợ Lớn xuống đường biểu tình thị uy với khí thế rất hùng dũng. Chiến tranh du kích phát triển, lực lượng quân sự của ta được tăng cường, đang trưởng thành nhanh chóng về trình độ kỹ thuật, chiến thuật, tác chiến và đã thắng nhiều trận oanh liệt trong những điều kiện hết sức gay go.

Những thắng lợi của ta và những thất bại của địch đã làm cho mâu thuẫn nội bộ của địch phát triển mau chóng. Mỹ và Diệm đã xung đột công khai và Mỹ đã dùng đảo chính quân sự để hất cẳng Diệm, cho những tên tay sai khác để sai khiến hơn lên cầm quyền, tập hợp thêm một số phần tử thân

Mỹ, chống cộng, đưa ra những chính sách lừa bịp, mị dân mới hòng tranh thủ quần chúng, nắm chắc quân đội của chính quyền tay sai để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Tuy vậy, chúng không thể khắc phục được những mâu thuẫn ngày càng nhiều trong nội bộ bọn cầm quyền mới đương ra sức tranh giành quyền lợi và thôn tính lẫn nhau, làm tan rã các cơ cấu tổ chức chống cộng khá mạnh của gia đình Diệm, Nhu trước đây, và cũng không thể nào cứu vãn được tình thần hoang mang, sa sút của quân đội tay sai. Trong nội bộ giai cấp thống trị Mỹ đã phát sinh những chỗ bất đồng ý kiến về chính sách và sách lược chống cách mạng miền Nam. Một số người Mỹ, đặc biệt là trong giới trí thức đã công khai phản đối chính sách xâm lược của Chính phủ Mỹ ở miền Nam. Giữa bọn đế quốc trong khối xâm lược Đông-Nam Á, nhất là giữa đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, cũng có mâu thuẫn. Một điều quan trọng là sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó. Còn nhân dân ta thì càng ngày càng thêm tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng và nhân dân thế giới thì ngày càng đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Thắng lợi của nhân dân miền Nam trong hai năm qua đã chứng minh rằng lực lượng tiềm tàng của cách mạng miền Nam là vô cùng to lớn, sự nghiệp cách mạng của nhân dân miền Nam nhất định sẽ toàn thắng. Thắng lợi đó đồng thời cũng làm cho chúng ta thấy rõ hơn những bước cụ thể trên con đường đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương (tháng 1-1959) và sau đó Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng ta đã vạch rõ đường lối cách mạng miền Nam và phương hướng đấu tranh để giành thắng lợi. Những Nghị quyết của Bộ Chính trị năm 1961 và năm 1962 đã vạch rõ phương châm đấu tranh và những chủ trương cụ

thể nhằm chống lại một cách có hiệu quả sự xâm lược vũ trang của đế quốc Mỹ. Những Nghị quyết của Trung ương Cục miền Nam đã cụ thể hoá và phát triển những Nghị quyết chung của Đảng về cách mạng miền Nam. Thắng lợi của đồng bào miền Nam trong mấy năm qua chứng minh rằng những nghị quyết trên đây của Đảng là hoàn toàn đúng.

Ngày nay, qua cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, trên vũ đài thế giới và ở miền Nam nước ta, chúng ta thấy rõ hơn đặc điểm có tính quy luật trong đường lối, phương châm, chính sách của địch; cơ sở khoa học của đường lối, phương châm, chính sách chống Mỹ của ta và tăng thêm lòng tin tưởng của chúng ta vào sự lãnh đạo của Đảng.

Căn cứ vào các nghị quyết và chỉ thị của Đảng ta về cách mạng miền Nam; căn cứ vào những kinh nghiệm phong phú của cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân miền Nam trong những năm qua, nghị quyết này *nói rõ thêm về triển vọng của phong trào cách mạng miền Nam, về phương châm đấu tranh của đồng bào miền Nam, đồng thời vạch ra phương hướng và nhiệm vụ tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa trong thời gian sắp tới.*

#### I- ĐÁNH GIÁ LỰC LƯỢNG SO SÁNH, KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN VÀ TRIỂN VỌNG CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM

Để đánh giá lực lượng so sánh giữa ta và địch cũng như triển vọng của sự biến đổi của lực lượng so sánh đó, *cần phải đứng trong khuôn khổ của cuộc chiến tranh thuộc loại "đặc biệt"* do đế quốc Mỹ đang tiến hành ở miền Nam.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đế quốc Mỹ đã trở thành tên đế quốc đầu sỏ, dinh lũy chủ yếu của phản động quốc tế, lực lượng chủ yếu của xâm lược và chiến tranh, tên sen đầm quốc tế. Lúc đầu, dựa vào ưu thế tạm thời về vũ khí hạt nhân, chúng đã đề ra chính sách "bên miệng hố chiến

tranh" cùng với chiến lược quân sự có tính chất tấn công gọi là chiến lược "trấn áp ô ạt", "tra miếng hàng loạt", hòng thực hiện giấc mơ làm bá chủ thế giới. Nhưng lực lượng so sánh đã thay đổi một cách mau lẹ không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc. Một mặt, phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhanh chóng, đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người và đã giành được ưu thế về vũ khí hạt nhân; phong trào giải phóng dân tộc dâng lên mãnh liệt, chẳng những đã đưa đến việc thành lập một loạt nước dân tộc chủ nghĩa có chủ quyền, mà ở Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Cuba, đã đưa đến việc thành lập những nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa ngày càng tăng. Tuy bọn đế quốc, đứng đầu là Mỹ, vẫn ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới và nguy cơ chiến tranh thế giới còn rất nghiêm trọng, nhưng khả năng ngăn chặn chiến tranh thế giới ngày càng nhiều. Nếu bọn đế quốc điên cuồng phát động chiến tranh thế giới mới thì chúng sẽ bị nhân dân thế giới chôn vùi. Trước tình hình đó, đế quốc Mỹ phải thừa nhận rằng chiến lược quân sự cũ của chúng đã phá sản và chúng đưa ra một chiến lược quân sự mới không phải chỉ có tính chất tấn công mà còn có tính chất phòng ngự. Đó là chiến lược "phản ứng linh hoạt" với ba loại chiến tranh: chiến tranh thế giới, chiến tranh cục bộ và "chiến tranh đặc biệt".

Đế quốc Mỹ dùng loại chiến tranh gì, ở nơi nào để cố giữ hoặc mở rộng quyền lợi của chúng là tùy thuộc vào những nhân tố khách quan sau đây: lực lượng so sánh chung trên thế giới và ở nơi đó; tính chất của những quyền lợi của đế quốc Mỹ và tính chất của những mâu thuẫn mà Mỹ phải đương đầu ở nơi đó. "Chiến tranh đặc biệt" được đề ra là do đế quốc Mỹ muốn giành chủ động ở một số nơi trong thế bị động chung đồng thời cũng là do phong trào cách mạng mạnh mẽ của nhân dân các nước Á - Phi và Mỹ latinh bắt buộc chúng phải thay đổi cách đối phó. Hiện nay, ở khu vực này, không những phong trào giải phóng dân tộc mà phong trào cách mạng của

công nông cũng đang phát triển mạnh. Tình hình đó chẳng những làm cho hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đang tan rã từng mảng lớn, mà còn làm lung lay các chế độ tư sản mới mọc lên và các chế độ tư sản lệ thuộc khác, tạo ra một nguy cơ rất nghiêm trọng cho toàn bộ chủ nghĩa tư bản thế giới. Nguy cơ đó đã thúc đẩy bọn đế quốc vội vàng thoả hiệp với những tầng lớp tư sản phản động trong các nước Á - Phi và Mỹ latinh để duy trì chủ nghĩa thực dân với những hình thức và phương pháp mới. Mặt khác, tình hình cách mạng ngày càng phát triển ở các nước Á - Phi và Mỹ latinh càng thúc đẩy bộ phận tư sản phản động trong các nước đó câu kết với đế quốc để chống lại phong trào cách mạng của quần chúng công nông. Chủ nghĩa thực dân mới sản sinh ra trong hoàn cảnh đó. "Chiến tranh đặc biệt" chính là một loại chiến tranh xâm lược được đề ra để thích ứng với chính sách thực dân mới. Nếu về kinh tế, ở các nước dân tộc chủ nghĩa, bọn đế quốc thông qua các chính quyền tư sản để bóc lột nhân dân, thì khi tiến hành chiến tranh xâm lược và phản cách mạng, bọn chúng dùng quân đội của chính quyền tư sản phản động là chính, còn chúng thì nắm quyền chỉ huy, cung cấp vũ khí, tiền bạc và chỉ đưa quân đội của chúng vào trực tiếp tham chiến ở một mức độ nhất định.

Nhưng để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của nhân dân, đế quốc Mỹ không phải chỉ dùng "chiến tranh đặc biệt". Trong những điều kiện nhất định, chúng có thể dùng chiến tranh cục bộ. Tuy vậy, không phải ở đâu và lúc nào chúng cũng có thể tiến hành chiến tranh cục bộ. Lực lượng quân sự của chúng tuy lớn, nhưng phải chia ra đối phó ở nhiều nơi, cho nên khả năng đối phó của chúng ở từng nơi vẫn có hạn. Vì thế, chúng phải tùy theo mục tiêu có thể đạt được và lực lượng so sánh ở mỗi nơi mà sử dụng lực lượng của chúng.

Đông - Nam Á là nơi mà bọn đế quốc có nhiều quyền lợi. Sau khi bị thất bại ở Trung Quốc, Triều Tiên và cùng với đế quốc

Pháp thất bại ở Đông Dương, và đứng trước phong trào cách mạng đang lên của nhân dân Đông - Nam Á, đế quốc Mỹ đã cùng với các đế quốc Anh, Pháp lập ra khối xâm lược Đông - Nam Á. Miền Nam Việt Nam là một khâu quan trọng nhất trong chiến lược Đông - Nam Á của đế quốc Mỹ, lại là nơi phong trào cách mạng đang sôi nổi nhất, cho nên cũng là nơi lực lượng quân sự của đế quốc Mỹ và tay sai được chú trọng tăng cường nhiều. Tiến hành "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam cũng như thành lập khối xâm lược Đông - Nam Á, đế quốc Mỹ đeo đuổi ba mục đích:

- Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, thực hiện chính sách thực dân mới;
- Xây dựng căn cứ quân sự, chuẩn bị tấn công phe xã hội chủ nghĩa;
- Ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông - Nam Á.

Đế quốc Mỹ đề ra mục đích thứ ba này là vì trong thời đại hiện nay, xu thế tất yếu của các phong trào giải phóng dân tộc là phát triển không ngừng thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Điều đó càng rõ rệt đối với vùng Đông - Nam Á nói chung và miền Nam Việt Nam nói riêng, nơi mà các cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đang do những đảng mácxít - leninít vững mạnh lãnh đạo và tiếp giáp với phe xã hội chủ nghĩa.

Ba mục đích trên đây thể hiện ý định của đế quốc Mỹ muốn khắc phục những mâu thuẫn đang tồn tại ở miền Nam Việt Nam: mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến, mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa với phe đế quốc chủ nghĩa, và mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với các đế quốc khác, nhất là đế quốc Pháp.

Đế quốc Mỹ quyết tâm đeo đuổi cả ba mục đích nói trên. Tuy vậy, đối với chúng, mục đích thứ ba là quan trọng và bao quát hơn cả, vì mục đích đó nằm trong yêu cầu ngăn chặn quá trình suy sụp và tan rã của chế độ tư bản đế quốc ở vùng Đông - Nam Á và trên toàn thế giới. Để đạt mục đích ấy, khi cần, đế quốc Mỹ tiến hành "chiến tranh đặc biệt" và nếu dùng "chiến tranh đặc biệt" không thành công thì chúng cũng có thể tính đến việc dùng chiến tranh cục bộ.

Song đế quốc Mỹ đã từng thất bại trong cuộc chiến tranh ở Trung Quốc, Triều Tiên. Chính đế quốc Mỹ đã cùng đế quốc Pháp thất bại trong chiến tranh Đông Dương và rút lui khỏi miền Bắc Việt Nam, và gần đây đã thất bại thêm một bước ở Lào và phải thừa nhận một chính phủ trung lập có Neo Lào Hắcxạt tham gia. Thế là đế quốc Mỹ đã phải lui từng bước trước sự tấn công của chủ nghĩa xã hội là thế lực đang đấu tranh một mất một còn với chúng. Do đó, có mở rộng chiến tranh ở miền Nam Việt Nam thành chiến tranh cục bộ hay không, nhất định đế quốc Mỹ phải cân nhắc đến lực lượng so sánh cụ thể ở vùng Đông - Nam Á, phải suy nghĩ rất kỹ đến những hậu quả nghiêm trọng đối với chúng. Mặt khác, cách mạng miền Nam đề ra yêu cầu chống đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình trung lập là để chủ động kềm chế địch trong loại "chiến tranh đặc biệt" và tìm cách hoà hoãn mâu thuẫn giữa phe đế quốc chủ nghĩa với phe xã hội chủ nghĩa về vấn đề miền Nam, tranh thủ giai cấp tư sản dân tộc ở miền Nam để chống đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời tranh thủ sự đồng tình của các nước dân tộc chủ nghĩa và khơi sâu thêm mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và đế quốc Pháp.

Chúng ta cần phải và có khả năng *kiềm chế và thắng địch trong loại "chiến tranh đặc biệt"*. Khả năng này sẽ tăng lên nhiều, nếu chúng ta kiên quyết chống đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời có sách lược khôn khéo, biết lợi dụng hơn nữa mâu thuẫn trong nội bộ địch, giữa đế quốc Mỹ và các đế quốc

khác, nhất là đế quốc Pháp, giữa Mỹ và bọn tay sai ở miền Nam với bọn tư sản cầm quyền ở Đông - Nam Á, do đó mà làm cho đế quốc Mỹ khó sử dụng được lực lượng của khối xâm lược Đông - Nam Á để mở rộng chiến tranh ở miền Nam. Mặt khác, chúng ta phải tranh thủ mở rộng phong trào chống đế quốc Mỹ gây chiến và xâm lược, làm cho nhân dân thế giới (nhất là nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc Á - Phi và Mỹ latin) ủng hộ cách mạng miền Nam ngày càng sâu rộng và thiết thực hơn nữa. Quá trình thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam là quá trình tiến hành ba mặt đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự chống địch ở miền Nam và đấu tranh ngoại giao để cô lập địch, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ đối với ta trên trường quốc tế, mà đấu tranh chính trị và quân sự ở miền Nam là cơ bản và đấu tranh ngoại giao là rất quan trọng.

Tuy nhiên, ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác và tích cực chuẩn bị để sẵn sàng ứng phó nếu đế quốc Mỹ mạo hiểm mở rộng cuộc chiến tranh ở miền Nam thành chiến tranh cục bộ. Còn khả năng chiến tranh ở miền Nam biến thành chiến tranh thế giới thì hầu như không có, vì mục đích và vị trí của cuộc chiến tranh này không thể tạo ra những điều kiện để có thể phát triển thành chiến tranh thế giới.

Riêng trong khuôn khổ của loại "chiến tranh đặc biệt" cũng có hai khả năng:

- Khả năng thứ nhất: Mỹ tham gia với mức độ như hiện nay, hoặc hơn một chút;
- Khả năng thứ hai: Mỹ tham gia mạnh hơn, đưa quân vào gấp mấy lần hoặc cả quân Mỹ và quân đội của khối xâm lược Đông - Nam Á cùng can thiệp vào.

Nếu Mỹ tham gia mạnh hơn nhưng vẫn lấy quân đội của bọn tay sai là chính, thì chiến tranh miền Nam vẫn thuộc loại "chiến tranh đặc biệt". Nếu sự tham gia của Mỹ tăng đến mức dùng quân đội Mỹ là chính hoặc vừa dùng lực lượng của Mỹ vừa đưa quân đội của khối xâm lược Đông - Nam Á vào

thì chiến tranh miền Nam không còn thuộc loại "đặc biệt nữa", mà biến thành chiến tranh cục bộ, tuy vẫn diễn ra trong phạm vi miền Nam. Khả năng này có thể xảy ra trong những trường hợp sau đây:

*Một là*, trước những khó khăn của chúng ở miền Nam, đế quốc Mỹ tin rằng chúng nhất định thắng, nếu chúng nhảy vào với mức độ mạnh hơn.

*Hai là*, nếu chúng tin rằng nhảy thêm vào miền Nam thì miền Bắc cũng không phản ứng mạnh.

*Ba là*, nếu chúng tin rằng việc chúng nhảy vào nhiều hơn ở miền Nam sẽ không gây ra một sự chống đối lớn của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ.

Trước mắt, khả năng trên đây không có nhiều, vì đế quốc Mỹ vẫn chưa lường hết được những hậu quả tai hại cho chúng nếu chúng nhảy vào với quy mô lớn hơn. Chúng thấy rõ rằng nếu chúng bị sa lầy trong một cuộc chiến tranh lâu dài với quy mô lớn thì chúng sẽ lâm vào thế hết sức bị động trên thế giới. Trái lại, khả năng đó sẽ tăng lên nếu phong trào cách mạng miền Nam không mạnh.

Bằng sự cố gắng chủ quan, chúng ta ra sức tranh thủ khả năng thứ nhất, đồng thời tích cực chuẩn bị sẵn sàng để nếu xảy ra khả năng thứ hai, chúng ta vẫn chiến thắng được quân địch.

Chúng ta có điều kiện để làm cho lực lượng so sánh ngày càng biến đổi nhanh chóng có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Về phía địch, dù lực lượng tham chiến của Mỹ cứ như hiện nay hoặc có thể tăng lên ít nhiều, đế quốc Mỹ vẫn phải dựa vào quân đội của bọn tay sai là chính. Nhược điểm cơ bản không thể khắc phục được của quân đội tay sai là chất lượng ngày càng giảm sút, tinh thần ngày càng bạc nhược, binh sĩ ngày càng chán chế độ Mỹ và tay sai. Đó là những nhân tố làm cho quân đội của Mỹ và tay sai dễ bị tan rã. Không có sự viện trợ về tiền bạc, vũ khí nào của Mỹ có thể ngăn chặn được quá trình sút kém và tan rã đó.

Về phía ta, càng chiến đấu lòng tin tưởng ở thắng lợi của quân đội ta càng tăng, trình độ kỹ thuật và chiến thuật ngày càng tiến bộ, tinh thần chiến đấu ngày càng cao. Toàn dân miền Nam đã vùng lên chống đế quốc gần hai mươi năm nay, cho nên trình độ giác ngộ chính trị rất cao; ngày nay càng thu được thắng lợi, càng đấu tranh hăng hái. Phong trào cách mạng của nhân dân tạo ra khả năng ngày càng lớn để tăng cường xây dựng lực lượng quân sự. Nếu ta lãnh đạo tốt cuộc đấu tranh chính trị và quân sự, lãnh đạo tốt việc xây dựng lực lượng thì có thể làm cho lực lượng quân sự ta lớn mạnh nhanh chóng. Tạo ra một sự chuyển biến căn bản về lực lượng so sánh giữa ta và địch là điều hoàn toàn có thể làm được. Rồi đây, ta và địch giằng co, thế mạnh của ta ngày càng phát triển, nội bộ địch ngày càng lung củng, tinh thần của chúng ngày càng lung lay. Những chỗ yếu của địch từ sau khi chúng thất bại ở Ấp Bắc, nhất là từ cuộc đảo chính lật Diệm, đã bộc lộ rõ ràng và phát triển nhanh chóng. Nội bộ địch khủng hoảng liên miên. Cách mạng càng phát triển, nội bộ địch càng khủng hoảng thì khả năng tan rã của quân đội và chính quyền địch ngày càng nhiều, và *tổng công kích, tổng khởi nghĩa sẽ là hướng phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam để đạt tới toàn thắng.*

Nếu đứng trước sự thất bại đang đến, đế quốc Mỹ tung thêm nhiều quân vào miền Nam hòng cứu vãn tình thế, thì cách mạng miền Nam, *tuy sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, cuộc chiến đấu sẽ trường kỳ gian khổ hơn, nhưng nhất định cũng giành được thắng lợi cuối cùng.* Đế quốc Pháp, với 80 vạn quân đội tinh nhuệ, vẫn không thắng được dân tộc Angiêri anh hùng chỉ có 12 triệu người và cuối cùng phải trả lại độc lập, tự do cho nhân dân Angiêri, thì đế quốc Mỹ cũng không thể nào thắng nổi 14 triệu đồng bào miền Nam đã cầm súng chống đế quốc gần hai mươi năm nay, đã cùng đồng bào cả nước chiến thắng mấy chục vạn quân viễn chinh Pháp trước đây, và hiện đang giành được thắng lợi ngày càng to lớn. Đến nay, nhân dân miền Nam đã chứng tỏ rằng mình có khả năng

chiến thắng địch trong bất kể hoàn cảnh nào, nhất định có đủ nghị lực, tài năng, lực lượng và chí kiên nhẫn để đánh bại mọi mưu mô, kế hoạch của đế quốc Mỹ, làm cho chúng sa lầy, tiến thoái lưỡng nan, và cuối cùng bắt buộc chúng phải đi theo con đường của đế quốc Pháp là đành chịu thất bại và rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Cách mạng miền Nam cũng có khả năng phải thông qua *một bước quá độ* với những hình thức và phương pháp đấu tranh phức tạp mới đạt được thắng lợi hoàn toàn. Con đường thống nhất Tổ quốc là con đường thống nhất từng bước. Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam hiện nay, xuất phát từ lực lượng so sánh giữa ta và địch chúng ta kiên quyết đưa cách mạng miền Nam *phát triển theo hướng giành thắng lợi từng phần, đẩy lui địch từng bước, tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa* để đi đến toàn thắng, nhưng cũng có thể thông qua một bước quá độ nào đó trước khi đạt được thắng lợi hoàn toàn. Tuy nhiên, bất kỳ trong trường hợp nào, yêu cầu về lãnh đạo cũng là: phải có quyết tâm động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân *giành cho được thắng lợi tối đa*, không nên có thái độ lừng chừng, muốn đứng lại ở bước quá độ. Chỉ có quyết tâm giành thắng lợi cao nhất và chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó với mọi tình thế, thì dù tình hình có phát triển thế nào, thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ về tay nhân dân ta.

## II- PHƯƠNG CHÂM, CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG Ở MIỀN NAM

1. *Phương châm chiến lược và sách lược của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam* do Trung ương vạch ra đã được những thắng lợi của đồng bào miền Nam trong những năm vừa qua chứng minh là đúng.

Để chống lại cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ dùng "chiến tranh đặc biệt" là loại chiến tranh thích ứng với chính sách

thực dân mới của chúng. Đặc điểm chủ yếu của chính sách đó là đế quốc Mỹ không trực tiếp cai trị, mà thông qua chính quyền tay sai, dùng viện trợ kinh tế và quân sự để áp bức, bóc lột nhân dân miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc "chiến tranh đặc biệt", quân đội Mỹ có tham gia với một mức độ nhất định, nhưng lực lượng quân sự chủ yếu là quân đội của bọn tay sai. Xét về bản chất giai cấp, chính quyền thân Mỹ đại biểu cho tầng lớp địa chủ và tư sản mại bản phản động nhất ở miền Nam hiện nay. Trong tình hình một nửa nước Việt Nam đang xoá bỏ các giai cấp bóc lột và tiến lên chủ nghĩa xã hội, các tầng lớp đó có một ý thức căm thù giai cấp rất sâu sắc; chúng rất ghét chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và quần chúng công nông ở miền Nam. Đế quốc Mỹ, chính quyền thân Mỹ cùng các tầng lớp địa chủ phản động và tư sản mại bản ở miền Nam một mặt dựa vào nhau, nhưng mặt khác lại mâu thuẫn với nhau về quyền lợi. Cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta ở miền Nam Việt Nam vừa có tính chất dân tộc, vừa có tính chất giai cấp. Một mặt, đó là cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc, mặt khác, đó là cuộc đấu tranh của đế quốc Mỹ và bọn địa chủ phong kiến và tư sản mại bản thân Mỹ chống lại phe xã hội chủ nghĩa, chống lại miền Bắc Việt Nam, chống lại quần chúng công nông miền Nam, chống lại đường lối dân chủ nhân dân ở miền Nam mà giai cấp công nhân và nông dân lao động là đại biểu.

Xét về mục đích thì cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam hiện nay chủ yếu là một *cuộc chiến tranh xâm lược và chống xâm lược*, vì chính quyền phản cách mạng ở miền Nam dựa vào đế quốc Mỹ, thi hành chính sách thực dân xâm lược của Mỹ. Song vì đây là một cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới, cho nên đồng thời nó *có tính chất nội chiến*. Và chiến tranh xâm lược hay nội chiến phản cách mạng cũng đều nhằm phục vụ đường lối chính trị của đế quốc Mỹ, đều phục tùng sự chỉ đạo của chúng.

2. Trong cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, một mặt địch phải dựa vào tiền bạc, vũ khí, đạn dược đưa từ Mỹ sang là chính, nhưng mặt khác chúng thi hành chính sách lấy người Việt đánh người Việt, vơ vét một phần của cải của nhân dân ta để tiếp tục cuộc chiến tranh của chúng. Vì vậy, đế quốc Mỹ và bọn tay sai phải tìm mọi cách tranh thủ quần chúng nhân dân miền Nam. Muốn thế, *chúng buộc phải thực hiện những thủ đoạn chính trị lừa bịp để nắm dân, giành dân với ta*.

Nhưng chính quyền thân Mỹ ở miền Nam là một chính quyền do đế quốc Mỹ nặn ra sau cuộc bại trận của đế quốc Pháp được Mỹ giúp đỡ, không phải là một chính quyền tư sản dân tộc để ra trong thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc. Chính quyền đó là phi nghĩa: nó không có một chút gì dính dáng với sự nghiệp độc lập và dân chủ của nhân dân. Cơ sở xã hội của nó rất mong manh. Mới ra đời, nó đã phải đương đầu ngay với lực lượng quần chúng hùng hậu. Vì nhân dân miền Nam đã cùng với nhân dân toàn quốc làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã kháng chiến thắng lợi. Nhân dân miền Nam là một phần nửa của một dân tộc anh hùng đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một nửa nước. Nhân dân miền Nam giác ngộ chính trị cao, có tinh thần đấu tranh bất khuất, tin tưởng vững chắc vào sự nghiệp chính nghĩa của mình, thực tế đã làm chủ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, lại có một Đảng mácxít - leninnít có kinh nghiệm lãnh đạo. Cho nên ngay từ đầu, *nhân dân miền Nam có ưu thế tuyệt đối về chính trị so với Mỹ và bè lũ tay sai của chúng*. Nếu đế quốc Mỹ và tay sai chỉ dùng thủ đoạn chính trị mị dân thì nhân dân miền Nam sẽ nắm lấy để vùng lên mạnh mẽ hơn nữa, uy hiếp cả sự thống trị của chúng. Do đó, muốn tồn tại, chính quyền miền Nam phải phát xít hoá ngay từ đầu, phải dùng thủ đoạn bạo lực trắng trợn để đàn áp nhân dân, giành giật dân với cách mạng.

Phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam càng phát triển thì *mâu thuẫn giữa chính quyền tay sai và đế quốc Mỹ càng tăng, hàng ngũ tư sản và địa chủ cũng chia thành nhiều phái xung đột lẫn nhau*, điều đó làm cho địa vị chính trị của chính quyền thân Mỹ càng yếu thêm và càng đẩy nó đi sâu thêm vào con đường phát xít hoá.

Do đó, để chống và phá cách mạng miền Nam, *địch dùng cả biện pháp chính trị và quân sự, nhưng dùng biện pháp quân sự là chủ yếu*; dùng biện pháp quân sự là chủ yếu, nhưng không thể không dùng biện pháp chính trị. Còn về phía nhân dân, thì ta kém địch về vũ khí, đạn dược, quân nhu, quân dụng và dụng cụ chiến tranh, nhưng ta có ưu thế tuyệt đối về chính trị so với địch. Cho nên, ta có khả năng động viên quần chúng đấu tranh chính trị với địch, đồng thời ta phải có lực lượng vũ trang để chống lại thủ đoạn quân sự của địch. Dù sao, cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam vẫn là cuộc chiến tranh lấy yếu đánh mạnh. Trong cuộc chiến tranh ấy, nhân dân ta phải tiêu hao và tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững và phát triển lực lượng của ta; đánh địch về mọi mặt làm cho lực lượng của chúng hao mòn, suy sút và tinh thần của binh sĩ địch mỗi một, chán nản, tan rã. Quá trình chiến đấu là quá trình ta mạnh lên địch yếu đi; ta càng đánh càng thắng, địch càng đánh càng bại. Cuối cùng ta tiêu diệt địch hoặc đè bẹp ý chí xâm lược và nô dịch của chúng.

Do chủ trương của địch chống cách mạng miền Nam và do đặc điểm của cuộc đấu tranh của ta, cho nên *phương châm chiến lược chung của cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân miền Nam là chiến đấu lâu dài, dựa vào sức mình là chính; về phương châm đấu tranh thì kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt tùy theo từng vùng và từng thời kỳ khác nhau*.

Cuộc chiến tranh của nhân dân miền Nam là một cuộc *chiến tranh lâu dài*, vì chúng ta là một dân tộc nhỏ, chống lại tên đế quốc đầu sỏ là Mỹ. Chúng ta lấy mạnh về chính trị và

tinh thần, nhưng còn yếu về vật chất và quân sự, để chống lại một kẻ địch yếu về chính trị và tinh thần, nhưng mạnh về vật chất và quân sự. Phải có thời gian, qua đấu tranh gian khổ, cố gắng bản thân, để làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch biến đổi càng ngày càng có lợi cho ta, ta từ yếu trở thành mạnh, địch từ mạnh trở thành yếu. Có như thế ta mới giành được thắng lợi cuối cùng. Phải tìm mọi cách hạn chế địch trong loại "chiến tranh đặc biệt", nhưng đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó với trường hợp Mỹ tham gia chiến tranh với quy mô lớn hoặc đẩy quân đội của khối xâm lược Đông – Nam Á vào đánh ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây, chúng ta cũng đã đề ra phương châm kháng chiến lâu dài. Nhưng nội dung phương châm chiến đấu lâu dài hiện nay có khác trước. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chúng ta nói kháng chiến lâu dài, song những điều kiện khách quan của thắng lợi trong những năm đầu của cuộc kháng chiến mới chỉ là những khả năng đang phát triển. Đến khi cách mạng Trung Quốc giành được thắng lợi quyết định vào năm 1949, ta mới có được một hậu phương lớn mạnh gắn liền nước ta với toàn phe xã hội chủ nghĩa, do đó ta có thêm điều kiện bên ngoài rất thuận lợi để đưa kháng chiến đến thắng lợi, kết thúc bằng Chiến thắng Điện Biên Phủ vẻ vang và hoàn toàn giải phóng được miền Bắc. Ngày nay, cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam cũng lâu dài, nhưng đã có những nhân tố thắng lợi chắc chắn. Vì ngày nay, ngoài những điều kiện chủ quan, nhân dân miền Nam còn có *những điều kiện khách quan thuận lợi hơn nhiều để giành thắng lợi*, vì ngày nay sau lưng nhân dân miền Nam có cả miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả phe xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh và đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta ở miền Nam càng ngày càng được nhân dân yêu chuộng hoà bình và chính nghĩa trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ, tích cực ủng hộ. Tuy vậy, nhân dân cách mạng ở miền Nam vẫn

phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh là chính. Phe đế quốc chủ nghĩa đã suy yếu đi nhiều và ngày càng suy yếu. Tên cầm đầu đế quốc là Mỹ, kẻ đang xâm lược miền Nam nước ta, lại thất bại nhiều nhất so với các đế quốc khác. Nó đã thất bại từ Trung Quốc đến Triều Tiên, từ Đông Dương đến Cuba. Mâu thuẫn giữa các đế quốc ngày càng sâu sắc. Chúng đang lâm vào hoàn cảnh trái ngược là đứng riêng ra từng tên thì không làm được gì, cho nên phải liên hiệp lại, nhưng liên hiệp thì lại càng mâu thuẫn, lục đục với nhau. Giữa đế quốc Mỹ và những phái tư sản cầm quyền ở Đông - Nam Á cũng mâu thuẫn với nhau. Trào lưu cách mạng giải phóng dân tộc như nước vỡ bờ, bọn đế quốc không đủ sức ngăn cản được.

Một mặt, chúng ta phải thấu suốt phương châm chiến đấu lâu dài, nhưng mặt khác phải *tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi trong thời gian không lâu lắm*, vì trong một cuộc chiến tranh cách mạng vừa có tính chất chống xâm lược, vừa có tính chất nội chiến như ở miền Nam và trong điều kiện thế giới hiện nay, cần phải biết sẵn sàng lợi dụng những tình hình đột biến để kịp thời chuyển cuộc đấu tranh của ta thành một cao trào cách mạng rộng lớn làm tan rã quân đội và sụp đổ chính quyền của địch. Nắm vững phương châm chiến đấu lâu dài, đồng thời tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong thời gian không lâu lắm, hai điều đó không mâu thuẫn với nhau. Vì bí quyết thành công của cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam là *ra sức xây dựng và phát triển lực lượng mạnh mẽ về mọi mặt*. Càng ra sức xây dựng và phát triển lực lượng để tranh thủ giành thắng lợi trong thời gian không lâu lắm thì càng có điều kiện để đấu tranh lâu dài trong bất cứ trường hợp khó khăn nào.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài chống địch, cách mạng miền Nam cũng có khả năng phải thông qua một bước quá độ với những hình thức và phương pháp đấu tranh phức tạp, mới có thể đi đến thắng lợi hoàn toàn. Tuy vậy, dù cách mạng phát triển theo khả năng nào đi nữa, *thì điều kiện*

*quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là phải ra sức tăng cường lực lượng của ta về mọi mặt, đặc biệt là lực lượng quân sự, ra sức tích trữ lực lượng về mọi mặt*, chuẩn bị nắm lấy thời cơ thuận lợi để giành thắng lợi cuối cùng. Trong quá trình phát triển lực lượng chính trị và quân sự, phải tìm mọi cách để đẩy lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần. Vì vậy, trong khi kiên trì phương châm chiến đấu lâu dài, phải ra sức chuẩn bị mọi điều kiện để đủ sức tạo ra thời cơ và nắm lấy thời cơ đẩy cuộc cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi lớn nhất.

Hiện nay ta đã mạnh hơn địch về chính trị, ta cần tiếp tục tăng cường lực lượng chính trị của ta hơn nữa. Nhưng ta còn yếu hơn địch về quân sự; do đó, *điểm mấu chốt hiện nay là phải có một sự cố gắng tốt bậc để nhanh chóng tăng cường lực lượng quân sự*, tạo ra một chuyển biến căn bản về lực lượng so sánh giữa ta và địch ở miền Nam.

Về *phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang*, cần phải hiểu cho đúng.

*Đấu tranh chính trị đóng vai trò rất cơ bản và rất quyết định. Một là*, vì chỗ mạnh căn bản của ta và chỗ yếu căn bản của địch là chính trị. Ngay từ đầu, chúng ta có ưu thế tuyệt đối về chính trị so với địch. *Hai là* vì địch không thể không dùng thủ đoạn chính trị để mị dân, dùng chiêu bài "quốc gia, dân tộc, dân chủ" giả hiệu để hòng nắm dân, cho nên ta phải và có thể lợi dụng cái thế bị bắt buộc đó của địch để quật lại địch. *Ba là*, vì quần chúng nhân dân miền Nam đã có truyền thống và có kinh nghiệm đấu tranh chính trị từ lâu, ngày nay kinh nghiệm và truyền thống đó đã phát triển đến cao độ. Quần chúng đã được tổ chức thành một "đội quân chính trị" gồm hàng triệu người, chống địch thường xuyên khắp nơi với những hình thức đấu tranh cực kỳ phong phú và với khí thế phi thường dũng mãnh, để tấn công địch và bảo vệ tính mạng, tài sản của mình. Đấu tranh chính trị của quần chúng đã phối hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang của các lực lượng nhân dân vũ trang trong mọi trường hợp. Trực tiếp

chống địch ở tiền tuyến không phải chỉ có quân đội cách mạng của nhân dân, mà còn có "đội quân chính trị quần chúng" xông ra tiền tuyến, trực tiếp chống lại lực lượng vũ trang và hoạt động vũ trang của địch.

*Đấu tranh vũ trang cũng đóng một vai trò rất cơ bản và rất quyết định. Một là, vì phải có đấu tranh vũ trang mạnh hỗ trợ thì mới phát huy được uy thế của quần chúng; phải làm cho đấu tranh chính trị phát triển mạnh và được duy trì lâu dài trong tình hình địch dùng quân sự để đàn áp nhân dân. Hai là, vì địch dùng quân sự làm thủ đoạn chính để duy trì sự thống trị của chúng và dùng chiến tranh phản cách mạng để chống lại nhân dân, nhân dân phải dùng chiến tranh cách mạng chống lại chiến tranh phản cách mạng của địch để bảo vệ tính mạng, tài sản và để tự giải phóng cho mình. Nếu không đập tan thủ đoạn thống trị chủ yếu của địch là dùng lực lượng quân sự tàn sát, cướp phá nhân dân, thì không thể lật đổ được nền thống trị của chúng và đưa cách mạng đến thắng lợi. Muốn đánh tan được lực lượng quân sự của địch, nhất định phải dùng đấu tranh vũ trang; do đó, *đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp.**

Sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam trong chín năm qua chứng minh rằng phương châm chiến lược chung chiến đấu lâu dài, dựa vào sức mình là chính và phương châm đấu tranh kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang là hoàn toàn đúng. Chính vì nhân dân miền Nam đã theo đúng những phương châm ấy, cho nên đã thu được những thắng lợi to lớn.

Phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang không phải chỉ áp dụng tạm thời mà phải áp dụng lâu dài. Quá trình thực hiện phương châm ấy cũng là quá trình tích cực chuẩn bị để tiến tới bước quyết định đánh đổ toàn bộ nền thống trị của địch ở miền Nam *bằng tổng công kích kết hợp với tổng khởi nghĩa*, dùng lực lượng quân sự và chính trị để tiêu diệt địch và làm tan rã quân đội của chính quyền thân Mỹ, tiến hành khởi nghĩa ở những vùng nông thôn và ở

đô thị còn bị địch chiếm đóng. Tổng công kích về quân sự và tổng khởi nghĩa là điểm tiến tới tất yếu của phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự. Quá trình tiến tới tổng công kích và tổng khởi nghĩa cũng là *một quá trình tổng công kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần, giành cơ phức tạp, đánh lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến tới giành thắng lợi toàn bộ.*

Nói đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang kết hợp không có nghĩa là đấu tranh vũ trang không cần tuân theo những quy luật của chiến tranh, không cần phát huy đến cao độ hiệu lực của quân đội cách mạng, không cần phải đạt đến mục đích cao nhất của chiến tranh là tiêu diệt sinh lực địch. Khi đã dùng đấu tranh vũ trang thì cuộc đấu tranh đó phải tuân theo những quy luật của chiến tranh, phải phát triển một cách tất yếu theo những quy luật đó. Cuộc chiến tranh của nhân dân miền Nam đòi hỏi phải vận dụng phương châm chiến lược quân sự, phương châm tác chiến và những chiến thuật, kỹ thuật quân sự thích hợp. Những vấn đề như căn cứ địa, quan hệ giữa ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, phương châm hoạt động ở từng vùng khác nhau v.v. phải được giải quyết sát đúng với tình hình thực tế của miền Nam. Hoạt động vũ trang không phải chỉ nhằm tiêu diệt sinh lực địch, mà còn hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Nhưng cách hỗ trợ tốt nhất của đấu tranh vũ trang vẫn là phát huy chức năng cao nhất của đấu tranh vũ trang, tức là tiêu diệt sinh lực địch. Đấu tranh vũ trang phải đạt cho được mục tiêu cuối cùng của nó là tiêu diệt sức chiến đấu của quân địch. Vì quân địch chủ yếu là quân đội của chính quyền tay sai, cho nên mục đích cụ thể của đấu tranh vũ trang ở miền Nam phải là *đánh tiêu diệt và làm tan rã quân đội của chính quyền tay sai*. Có như thế cách mạng mới thu được thắng lợi quyết định. Vì vậy, không những nhân dân miền Nam phải có lực lượng chính trị lớn mạnh, mà còn *phải có lực lượng quân sự lớn mạnh*. Phải vừa tác

chiến để tiêu diệt sinh lực địch vừa giữ vững và phát triển lực lượng của ta, *tạo ra một chuyển biến căn bản về lực lượng so sánh giữa ta và địch cả về mặt quân sự nữa*. Đấu tranh vũ trang ngày càng phát triển và trở nên quyết liệt theo quy luật riêng của nó, thì đấu tranh chính trị cũng phải phát triển và đạt tới trình độ rộng lớn và quyết liệt song song với đấu tranh vũ trang.

Căn cứ vào đặc điểm, vào lực lượng so sánh và phương thức hoạt động của địch ở từng vùng, chúng ta vận dụng *phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ở ba vùng khác nhau*: vùng rừng núi, vùng đồng bằng nông thôn và vùng đô thị.

*Vùng rừng núi* miền Nam có một vị trí chiến lược quan trọng. Đó là nơi ta có điều kiện giữ vững cuộc đấu tranh lâu dài ngay cả trong trường hợp tình hình diễn biến khó khăn nhất, là nơi ta có thể dựa vào để xây dựng lực lượng vũ trang lớn, là nơi ta có điều kiện đánh lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch; đồng thời từ bàn đạp rừng núi ta có khả năng hoạt động toả xuống đồng bằng và khi có cơ hội thì xuất quân đánh vào những vị trí yết hầu và đầu não của địch. Trong tình hình địch mở rộng cuộc chiến tranh thành quy mô lớn thì chính vùng rừng núi mới có điều kiện cùng với đồng bằng duy trì chiến tranh lâu dài với địch. Chúng ta phải tiến tới làm chủ vùng rừng núi, quyết tâm xây dựng vùng rừng núi thành căn cứ địa vững chắc. Phương châm hoạt động của ta ở vùng rừng núi là *lấy đấu tranh vũ trang làm chính*. Đồng thời vẫn phải coi trọng việc vận động quần chúng nhân dân các dân tộc thiểu số mà phần đông tập trung ở miền rừng núi, đấu tranh chính trị chống chính sách của địch áp bức, chia rẽ, lừa phỉnh các dân tộc thiểu số, dồn dân thiểu số lập khu trù mật hoặc áp chiến lược, phong toả hoặc phá hoại kinh tế vùng cao nguyên và rừng núi, v.v..

*Vùng đồng bằng nông thôn* là nơi đông dân, nhiều cửa, có phong trào cách mạng và cơ sở cách mạng khá và tương đối đều, lại là nơi địch cố vơ vét nhân tài, vật lực, thực hiện chủ

trương dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của chúng, và cũng là nơi ta kiên quyết giành giật nhân, tài, vật lực với địch để chiến đấu lâu dài. Nếu ta giành được vùng đồng bằng nông thôn thì vùng rừng núi không bị cô lập và ta có thể huy động nhân, tài, vật lực để phát triển lực lượng của ta ở cả đồng bằng và rừng núi. Giành được đồng bằng nông thôn thì tạo được thế có lợi để cùng với rừng núi hàng ngày hỗ trợ cho phong trào đô thị và khi có cơ hội thì tiến lên đánh vào những vị trí đầu não của địch. Phương châm hoạt động của ta ở vùng đồng bằng nông thôn là *đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đi đôi*, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, giành người, giành của với địch, ra sức làm chủ xã thôn, mở rộng dần vùng giải phóng của ta từ miền núi xuống đồng bằng. Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đi đôi là phương châm đấu tranh chung của vùng đồng bằng nông thôn; tuy vậy, trong những điều kiện nào đó, ở những vùng đồng bằng nào đó, có lúc ta lấy đấu tranh chính trị là chính, hoặc lấy đấu tranh vũ trang là chính, dùng đồng bằng nông thôn làm nơi giăng co lâu dài với địch hoặc tiêu diệt những lực lượng lớn của địch.

*Vùng đô thị* là nơi có những cơ quan đầu não của địch, kể cả cơ quan chính quyền trung ương của chúng, là nơi địch tập trung nhiều phương tiện thống trị và lực lượng đàn áp mạnh, nhưng cũng là nơi quần chúng tập trung đông đảo và giác ngộ chính trị khá, đã nhiều lần vùng lên đấu tranh mạnh mẽ. Khi có thời cơ tổng công kích và tổng khởi nghĩa, thì quần chúng ở đô thị có khả năng nổi dậy cùng làm tổng khởi nghĩa, phối hợp với lực lượng cách mạng từ ngoài vào để đánh đổ chính quyền trung ương của địch. Phương châm hoạt động của ta ở vùng đô thị là *đấu tranh chính trị là chính*, chuẩn bị giữ gìn và tích trữ lực lượng, chờ đợi thời cơ. Hoạt động quân sự ở đô thị có mức độ nhất định để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, nhưng phải tránh tiêu hao lực lượng hoặc bộc lộ lực lượng quá sớm. Tuy vậy, tình hình phát triển

đến mức độ nào đó, trong những điều kiện lực lượng so sánh giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta, thì ta cũng có thể đánh những đòn quân sự có tính chất quyết định ở đô thị.

Chúng ta áp dụng phương châm hoạt động ở ba vùng như trên, nhưng *không để cho địch phân tuyến, phân vùng* theo ý muốn của chúng. Vì mục đích của địch khi phân tuyến, phân vùng là nhằm giữ vùng hậu phương của chúng và tàn phá vùng giải phóng của ta.

Xuất phát từ phương châm đấu tranh kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chúng ta phải phối hợp *đánh địch bằng ba mũi: đánh địch bằng chính trị, đánh địch bằng quân sự và đánh địch bằng binh vận* (tuyên truyền, vận động binh lính của địch). Vì lực lượng quân sự của địch chủ yếu là quân đội của chính quyền tay sai, cho nên *công tác binh vận đóng một vai trò hết sức quan trọng*. Nó vừa phục vụ cho đấu tranh chính trị, vừa phục vụ cho đấu tranh vũ trang, góp phần vào việc giành dân và phá ấp chiến lược, làm tan rã quân đội địch, gây những cuộc binh biến và tăng cường lực lượng của ta. Công tác binh vận không phải chỉ có tính chất chiến thuật, mà thực tế là có tính chất chiến lược. Công tác binh vận phải được làm tốt để phục vụ đắc lực cho phương hướng tiến tới tổng công kích và tổng khởi nghĩa của ta. Một trong những điều kiện quan trọng làm cho cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi là thực hiện cho được khẩu hiệu *công nông binh liên hiệp*.

Phương châm đấu tranh kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang phải được thấu suốt trên mọi lĩnh vực công tác, vào các hình thức tổ chức quân sự và chính trị, vào từng cuộc và từng đợt đấu tranh, từng cuộc chiến đấu và trong từng chiến dịch. Do đó, cuộc chiến tranh của nhân dân miền Nam là một cuộc *chiến tranh toàn dân, toàn diện*. Nó tiếp tục truyền thống và phát huy kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây trong những điều kiện mới và với một trình độ cao hơn và phong phú hơn.

Tóm lại, để chiến thắng quân địch, chúng ta phải thấu suốt phương châm chiến lược: chiến đấu lâu dài, dựa vào sức mình là chính, đồng thời phải thấu suốt phương châm đấu tranh: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, vận dụng linh hoạt phương châm hoạt động ở ba vùng; phải đánh địch bằng ba mũi chính trị, quân sự và binh vận; phải động viên mọi lực lượng cách mạng tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện và trường kỳ tiến tới tổng công kích và tổng khởi nghĩa. Nếu đế quốc Mỹ tung thêm vào miền Nam 5, 10 vạn quân, thì cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện và trường kỳ càng phải phát triển một cách mạnh mẽ, làm cho chúng bị sa lầy, đi đến thất bại. Điều kiện quyết định để giành thắng lợi trong bất kỳ tình thế nào là động viên chính trị toàn dân, tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt, trước mắt là phải nhanh chóng tăng cường lực lượng quân sự.

Trong khi vận dụng phương châm chiến lược chung chiến đấu lâu dài, dựa vào sức mình là chính và phương châm đấu tranh kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, cần phải thấm nhuần *tư tưởng chỉ đạo chiến lược và chiến thuật: tích cực, chủ động, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ các mặt*.

Toàn bộ phương châm chiến lược, chiến thuật trên đây là do nhân dân cả nước trước đây và nhân dân miền Nam hiện nay sáng tạo ra trong ngót hai mươi năm đấu tranh anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó cũng là phương châm đưa cách mạng miền Nam đến thắng lợi cuối cùng.

3. Trong quá trình đấu tranh để giành thắng lợi, chúng ta phải ra sức phát huy những thuận lợi, đồng thời cũng phải thấy hết khó khăn để khắc phục, tránh chủ quan, một chiều. Về địch, tuy bị thất bại liên tiếp và bắt đầu hoài nghi ở khả năng thắng lợi, nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu bỏ quyết tâm bám lấy miền Nam. Chúng còn có thể tăng thêm số lượng quân đội của chính quyền tay sai ở miền Nam Việt Nam. Sau khi hất Diệm và trong khi mâu thuẫn giữa chúng và bọn tay sai mới chưa phát triển đến cao độ, chúng có thể tập trung lực lượng đánh phá mạnh hơn. Chúng có thể sử dụng thêm những vũ khí mới và thay đổi chiến thuật. Chúng còn có thể thực hiện một phần kế hoạch lập ấp chiến lược và có những âm mưu xảo quyệt hơn để củng cố ấp chiến lược. Chúng có thể lợi dụng được trong chừng mực nào đó một số giáo phái để chống lại ta, điều mà Diệm trước đây không chịu làm. Ngoài ra, chúng ta vẫn cần đề phòng khả năng Mỹ có thể tung vào miền Nam 5, 10 vạn quân, tăng cường hoặc mở rộng chiến tranh miền Nam thành chiến tranh cục bộ.

Về ta, lực lượng vũ trang của ta còn yếu, và tuy ta có khả năng phát triển lớn, nhưng phải có thời gian. Căn cứ địa và vùng giải phóng còn hẹp, lại chưa xây dựng và củng cố được tốt. Căn cứ địa vùng rừng núi thì kinh tế còn khó khăn, nhân lực có hạn; trong một số vùng nông thôn đồng bằng phong trào cách mạng còn yếu; phong trào ở đô thị chưa có cơ sở vững mạnh; cơ sở của ta trong hàng ngũ địch còn kém.

Tuy nhiên, đây chỉ là những khó khăn trên bước đường phát triển. Nhất định cách mạng sẽ vượt qua mọi thác ghềnh và cuối cùng sẽ thắng lợi vẻ vang.

### III- NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT

*Phương hướng cố gắng của chúng ta là: trong lúc kiên trì chiến đấu lâu dài, cần tranh thủ thời cơ thuận lợi, tập trung lực lượng, quyết tâm giành cho được những thắng lợi có tính chất quyết định trong mấy năm tới.*

*Để đạt phương hướng nỗ lực ấy, nhiệm vụ chung trước mắt của ta là: động viên toàn Đảng, toàn dân vượt mọi khó khăn và trên cơ sở phát triển mạnh mẽ hơn nữa ý thức giác ngộ chính trị của nhân dân, ra sức phấn đấu xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang (nhất là lực lượng vũ trang), làm thay đổi mau chóng lực lượng so sánh giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta; tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ địa, đặc biệt là ở những địa bàn chiến lược và cơ động của quân chủ lực; tiến lên đánh tiêu diệt và làm tan rã từng bộ phận quân đội địch; phá phần lớn các ấp chiến lược, làm chủ vùng rừng núi và phần lớn xã thôn vùng đồng bằng, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng đô thị nổi dậy mạnh mẽ, đẩy chế độ của Mỹ và tay sai đến chỗ khủng hoảng sâu sắc hơn và mau suy sụp hơn, làm cho phong trào giành được chủ động về chiến lược tạo ra thời cơ tốt để giành những thắng lợi quyết định về ta.*

Trong nhiệm vụ trước mắt trên đây, có hai nội dung chủ yếu và cũng là hai mục tiêu chủ yếu mà ta phải quyết tâm đạt cho bằng được là:

1. Tiêu diệt từng bộ phận quân đội địch, tạo điều kiện làm tan rã hoàn toàn lực lượng quân sự, chỗ dựa chính của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

2. Làm thất bại kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược của địch, phá phần lớn các ấp chiến lược, giành nhân lực, vật lực cho cách mạng, làm chủ rừng núi và phần lớn đồng bằng.

Hai nhiệm vụ trên đây liên quan chặt chẽ với nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Có tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân đội địch mới phá được các ấp chiến lược một cách nhanh chóng và có phá được phần lớn các ấp chiến lược mới tạo điều kiện để tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Làm tốt hai nhiệm vụ đó thì đánh đổ được âm mưu của địch định kiểm soát nhân dân bằng áp chiến lược và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta bằng lực lượng quân sự mạnh của chúng, tức là làm thất bại những chủ trương có tính chất chiến lược của địch trong toàn bộ cuộc chiến tranh ở miền Nam hiện nay.

Để thực hiện nhiệm vụ chung trước mắt nói trên, phải ra sức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể dưới đây:

1. *Tác chiến để tiêu hao, tiêu diệt địch và làm tan rã từng bộ phận quân địch.*

Nhiệm vụ chiến lược chung đề ra cho lực lượng vũ trang của ta trong cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện là: *tiêu diệt lực lượng quân sự của địch và cùng với đấu tranh chính trị, làm tan rã lực lượng địch, cụ thể là làm tan rã quân đội tay sai, công cụ chủ yếu của chế độ địch, tạo điều kiện để thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa, lật đổ chính quyền phản động ở miền Nam.*

Muốn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chiến lược ấy, thì về mặt chiến dịch và chiến đấu, lực lượng vũ trang của nhân dân miền Nam phải *đánh tiêu diệt*. Ta có ba thứ quân: quân chủ lực, quân địa phương và dân quân du kích. Cả ba thứ quân đó đều phải đánh tiêu diệt, chỉ khác nhau về mức độ lớn nhỏ: từ tiêu diệt từng người, lấy từng khẩu súng, đến tiêu diệt từng đơn vị địch. Có như vậy mới bồi dưỡng được lực lượng ta và tiêu hao rộng rãi được lực lượng địch.

Mỗi thứ quân phải có phương thức tác chiến thích hợp và phải thực hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa các thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ chung.

Mặc dù lực lượng vũ trang của ta ngày càng trưởng thành, quân chủ lực của ta ngày càng lớn mạnh, nhưng cách đánh của ba thứ quân của ta trong một thời gian lâu dài vẫn nằm trong chiến lược du kích chiến tranh. *Mục đích chiến dịch và chiến đấu của ta là tiêu diệt sinh lực địch.* Cần tránh chỗ mạnh, tìm chỗ yếu của địch mà đánh, cho nên trong giai đoạn hiện nay, *chủ yếu nên đánh quân địch ở ngoài công sự,*

trong lúc chúng đang di chuyển trên đường bộ, đường thủy hoặc đường không. *Hình thức chiến thuật chủ yếu là phục kích, tập kích, dần dần tiến lên đánh vận động* trong những trường hợp thuận lợi. Nên xuất kích từ xa, vận động đến nơi có địch ở ngoài công sự để phục kích và tập kích. Phục kích, tập kích lớn hay nhỏ là tùy điều kiện của từng chiến trường, tùy từng thời kỳ mà lực lượng ta tập trung được nhiều hay ít, tùy tình hình địch và nhiệm vụ đề ra cho các chiến dịch và trận chiến đấu. Lại phải thấu suốt các nguyên tắc: đánh chắc thắng, đánh nhanh, giải quyết nhanh, có lợi về quân sự và chính trị, phối hợp tác chiến với đấu tranh chính trị và binh vận để tiêu diệt và làm tan rã quân địch; nắm vững phương châm *đánh lâu dài về chiến lược và đánh nhanh, giải quyết nhanh về chiến thuật*; tiêu diệt lực lượng địch, giữ gìn lực lượng ta, làm cho ta càng đánh càng mạnh. Phải luôn luôn làm chủ tình hình và biết đánh địch khắp nơi. Phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, giữ bí mật để bảo đảm chủ động trong chiến đấu.

Địch đang tiến hành "chiến tranh đặc biệt" chống lại nhân dân miền Nam. Chúng cũng tổ chức ba thứ quân (quân chính quy, quân bảo an và dân vệ) phối hợp với nhau, vừa để kìm kẹp, khống chế nhân dân, vừa để tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta. Ba thứ quân của địch dựa vào nhau mà tồn tại, hỗ trợ cho nhau trong chiến đấu, mà chủ chốt là các sư đoàn chính quy của địch. Chừng nào các sư đoàn chính quy đó chưa bị tiêu diệt từng bộ phận, chưa bị hoang mang, tan rã, thì các lực lượng bảo an, dân vệ còn có chỗ dựa, còn hoạt động được. Mặt khác, nếu quân bảo an và dân vệ bị tan rã, không làm được nhiệm vụ kìm chế nhân dân, thì quân chính quy của chúng buộc phải phân tán và đối phó với ta một cách bị động, đối tượng tác chiến chung của ta là lực lượng quân sự của địch, nhưng với khả năng trưởng thành của quân đội ta, căn cứ vào nhiệm vụ chung, ta phải đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng vùng, từng thứ quân, từng đơn vị, và quy định mối quan hệ giữa ba thứ quân với nhau để tác chiến tiêu diệt địch, thực

hiện những mục đích quân sự và chính trị nhất định. Trong thời gian vừa qua, ta nhằm đánh phần lớn là bọn bảo an, dân vệ và bọn biệt kích. Như vậy là đúng, vì lực lượng ta còn nhỏ, chưa đủ sức diệt quân chính quy của địch, đồng thời cũng phù hợp với yêu cầu bảo vệ sinh mạng, tài sản của nhân dân ta. Nhưng khi lực lượng ta lớn mạnh lên thì quân chủ lực của ta phải nhằm đánh tiêu diệt quân chính quy của địch, có thể mới làm rung động quân đội địch, làm tan rã bảo an, dân vệ của địch, do đó mới phục vụ đắc lực cho việc phá ấp chiến lược và cho hoạt động của dân quân du kích phát triển mạnh mẽ.

Trong năm 1963, ta đã đánh tiêu diệt gọn từng đại đội; có trận hai đại đội bảo an địch bị tiêu hao nặng và cá biệt có trường hợp tiêu diệt gọn từng tiểu đoàn quân chính quy của địch. Để thực hiện quyết tâm giành thắng lợi lớn hơn nữa, ta phải tích cực, khẩn trương xây dựng lực lượng, nâng cao trình độ tác chiến và chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật và tinh thần của quân đội, tiến tới tiêu diệt phổ biến đại đội và tiểu đoàn địch. Phải kiên quyết phát triển cách đánh vận động của quân chủ lực ở các địa bàn chiến lược, làm cho *vận động chiến gắn liền với vai trò của quân chủ lực ngày càng giữ địa vị quyết định* trong cuộc chiến tranh cách mạng của ta chống "chiến tranh đặc biệt" của địch.

Về mặt tác chiến, trong thời gian vừa qua quân và dân miền Nam đã thu được những thành tích rất lớn và đã sáng tạo ra nhiều cách đánh địch rất phong phú. Cần nhanh chóng tổng kết kinh nghiệm để chỉ đạo tác chiến cho tốt. Cần kết hợp những kinh nghiệm mới và những kinh nghiệm kháng chiến trước đây, kết hợp kinh nghiệm của ta với kinh nghiệm của các nước. Trong việc kết hợp kinh nghiệm đó, phải hết sức tránh giáo điều, máy móc, nhưng cũng không nên xem thường kinh nghiệm cũ của ta và kinh nghiệm của các nước khác.

## 2. Phá ấp chiến lược

Nhân dân miền Nam đã có những kinh nghiệm rất quý về công tác phá ấp chiến lược. Địa phương nào cũng có những điển hình tốt về công tác đó. Cần ra sức tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm phá ấp chiến lược. Yêu cầu của ta trong hai, ba năm tới là về căn bản phá cho được các ấp chiến lược của địch và làm chủ thật sự phần lớn các xã thôn. Phá ấp chiến lược là một phong trào cách mạng của quần chúng chống chính sách xâm lược và nô dịch của Mỹ và tay sai. Phong trào đó nằm trong toàn bộ cuộc đấu tranh chính trị và quân sự của nhân dân và quân đội giải phóng miền Nam. Mấy tháng gần đây ở đồng bằng Nam Bộ, đặc biệt là miền Trung Nam Bộ, ta đã thành công lớn trong việc phá hàng loạt ấp chiến lược của địch. Điều đó chứng minh khả năng to lớn của lực lượng chính trị và quân sự của nhân dân ta trong việc phá ấp chiến lược, sự phá sản không thể tránh khỏi của "quốc sách ấp chiến lược" của địch. Hiện nay, sau khi lật đổ Diệm, địch tuyên bố không từ bỏ chính sách đó. Có thể chúng sẽ đem toàn lực để xây dựng và củng cố ấp chiến lược, tăng cường công sự và bộ đội phòng vệ các ấp đó, nhất là ở những vùng xung yếu.

Để xây dựng ấp chiến lược, địch đã dùng chính sách kìm kẹp ác liệt gồm nhiều thủ đoạn quân sự, chính trị và kinh tế, chủ yếu là thủ đoạn quân sự. Gần đây, vì bị thất bại nặng, địch phải dùng một số binh lực khá lớn để giữ các ấp chiến lược. Điều đó làm cho chúng lâm vào thế phải phân tán lực lượng trên những tuyến và diện rất rộng. Địch lập ấp chiến lược là cố tạo cho chúng một thế mạnh, nhưng trái lại, trước sự lớn mạnh của lực lượng chính trị và quân sự của nhân dân ta, ấp chiến lược lại trở thành chỗ yếu của địch, nơi mà ta dễ đánh

chúng. Vì vậy, việc phá ấp chiến lược phải được phát triển song song với chiến tranh du kích, làm tan rã các tổ chức dân vệ và "thanh niên chiến đấu", làm tê liệt quân bảo an và hạn chế quân chủ lực của địch. Phải biết dùng hết khả năng của lực lượng quân sự kết hợp với đẩy mạnh đến tột bậc phong trào đấu tranh chính trị và công tác binh vận. Thực tế đã chứng minh rằng phong trào phá ấp chiến lược càng mạnh thì lực lượng "thanh niên chiến đấu" và dân vệ của địch càng mau tan rã, quân bảo an của địch càng mất chỗ đứng và bị tê liệt, đồng thời quân chủ lực của chúng cũng bị cầm chân và phân tán trong việc hành quân đánh phá, càn quét. Ngược lại, các lực lượng dân vệ bị tan rã, quân địa phương bị tê liệt, quân chủ lực địch bị cầm chân lại thì phong trào phá ấp chiến lược càng được mở rộng.

Đi đôi với việc phát động quần chúng đấu tranh chính trị, cần đập tan uy thế của địch. Phải trừng trị thích đáng số ít ác ôn có nhiều nợ máu, ngoan cố chống lại cách mạng, đồng thời phải chú trọng giáo dục cải tạo và cảm hoá những người lầm đường đi theo địch, giúp họ trở lại với nhân dân. Phải chấp hành đúng chính sách "trấn áp kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục cải tạo", tránh lệch lạc hữu khuynh và "tả" khuynh.

Sau hai lần đảo chính vừa qua, tình hình hoang mang, dao động của nguy quân, nguy quyền và sự tan rã của các tổ chức và bộ máy kìm kẹp của Diệm (như Đảng Cần lao nhân vị, thanh niên và phụ nữ cộng hoà, các tổ chức gián điệp, các thế lực phản động trong Thiên chúa giáo v.v.) đã tạo ra những điều kiện rất tốt cho ta để đẩy mạnh việc phá ấp chiến lược. Ta cần phải kịp thời nắm lấy thời cơ để phát động một phong trào quần chúng hết sức mạnh mẽ, vừa đòi huỷ bỏ các ấp và các phường, khóm chiến lược, vừa dùng mọi hình thức đấu tranh chính trị có phối hợp hoặc không phối

hợp với đấu tranh vũ trang, để phá tan mọi hình thức khủng bố, kìm kẹp và làm tan rã phần lớn các ấp chiến lược của địch.

Muốn đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phải phát động tư tưởng của quần chúng, khắc phục tư tưởng sai lầm đánh giá địch quá cao, không tin vào khả năng của quần chúng có thể vùng lên phá thế kìm kẹp của địch và làm chủ thôn, xã hoặc đánh giá quá cao trình độ giác ngộ của quần chúng, cho rằng quần chúng thật sự đã giác ngộ rồi, nhưng vì địch kìm kẹp quá chặt cho nên quần chúng chưa dám vùng dậy.

Những nơi đã phá ấp chiến lược rồi, thì phải *xây làng chiến đấu*. Xây dựng làng chiến đấu là một trong những thành tích to lớn của phong trào cách mạng ở miền Nam trong thời gian gần đây. Làng chiến đấu là kết quả của sự phát triển của phong trào đấu tranh chính trị và quân sự của nhân dân, và là sự kết hợp nhiều hình thức chống địch về quân sự, chính trị và kinh tế rất phong phú. Chúng ta phải tổng kết những kinh nghiệm xây dựng lực lượng nửa vũ trang, phát triển chiến tranh du kích, phát triển kinh tế, duy trì và bảo vệ sản xuất, phát động quần chúng và nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân trong việc phát triển làng chiến đấu, để phổ biến một cách rộng rãi trong các ấp, các xã, động viên nhân dân ra sức xây dựng và củng cố các làng chiến đấu, làm cho các làng đó trở thành những pháo đài của chiến tranh du kích, thành một trong những loại chỗ dựa vững chắc của cuộc chiến đấu lâu dài.

### 3. *Xây dựng lực lượng vũ trang*

Để thực hiện nhiệm vụ chung trước mắt và nhiệm vụ tác chiến đề ra trên kia, một trong những nhiệm vụ cụ thể quan trọng vào bậc nhất là phải khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, làm cho lực lượng vũ trang của ta lớn mạnh mau chóng. Việc xây dựng lực lượng vũ trang phải nhằm vừa bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ trước mắt, vừa sẵn sàng đón những thời cơ thuận lợi có thể xảy đến một cách đột

ngột. Phải làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch thay đổi một cách căn bản có lợi cho ta.

Những nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam cũng là những nguyên tắc cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam. Ba thứ quân của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam: (quân chủ lực, quân địa phương và dân quân du kích) đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng; thực hiện chế độ đảng ủy lãnh đạo và thủ trưởng phụ trách, có chế độ chính ủy và chính trị viên. Đó là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và sản xuất; trong việc xây dựng quân đội, phải bảo đảm phát huy dân chủ và kỷ luật nghiêm minh, thực hiện cán binh đoàn kết, nhất trí, quân dân đoàn kết, nhất trí.

Trước mắt, phải chú trọng bảo đảm sự tương xứng giữa các thứ quân, như dân quân du kích phải nhiều hơn bộ đội địa phương, bộ đội địa phương phải nhiều hơn bộ đội chủ lực. Nhưng cần phải linh hoạt, không máy móc, cứng đờ trong việc xây dựng lực lượng, vì lý luận cao nhất về xây dựng lực lượng là phải phù hợp với tình hình và nhiệm vụ từng lúc, bảo đảm đánh thắng và phục vụ cho ý đồ chiến lược của ta.

Hiện nay, phải đặt trọng tâm vào việc xây dựng chủ lực trên cơ sở phát triển mạnh dân quân du kích và bộ đội địa phương. Tích cực xây dựng chủ lực, nhưng phải đề phòng lệch lạc vì muốn tập trung nhanh mà làm yếu lực lượng địa phương và du kích ở cơ sở.

Tăng cường số lượng của các thứ quân là rất cần thiết, nhưng quan trọng hơn nữa là tăng cường chất lượng, thực hiện tinh binh, tinh cán, bảo đảm trong sạch nội bộ, tổ chức nhẹ, gọn để luôn luôn giữ được tính cơ động cao; nâng cao

trình độ giác ngộ chính trị và trình độ kỹ thuật, chiến thuật, tăng cường trang bị, hỏa lực và thể lực của quân đội.

Cần phải chấn chỉnh và tăng cường bộ máy chỉ huy các cấp, làm cho các cơ quan tham mưu, chính trị và hậu cần các cấp đủ sức bảo đảm tốt việc tác chiến và xây dựng của các lực lượng vũ trang.

#### *4. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, tăng cường lực lượng chính trị và mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng*

Ở miền Nam đã có phong trào đấu tranh chính trị và lực lượng chính trị lớn mạnh của nhân dân. Nhưng cách mạng đang đi vào những trận chiến đấu quyết định; yêu cầu của nhiệm vụ mới cao hơn, cho nên cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, phát triển lực lượng chính trị và mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng hơn nữa.

Phải thực hiện đến mức độ cao nhất nội dung chiến tranh toàn dân, toàn diện. Phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị cho phù hợp với trình độ ngày càng quyết liệt của đấu tranh vũ trang, nhằm phá ấp chiến lược, chống càn quét, chống khủng bố, vận động binh lính địch, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, đòi cải thiện dân sinh, đòi dân chủ v.v.. Phải tận dụng tình hình thuận lợi hiện nay chính quyền của bọn tay sai mới của Mỹ chưa được củng cố mà ra sức mở rộng phong trào đấu tranh chính trị và phát triển tổ chức của mặt trận một cách chắc chắn.

*Phải huy động đến cao độ mọi khả năng tiềm tàng trong nhân dân để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang và phục vụ đấu tranh vũ trang.* Phải làm cho toàn dân nhận thức sâu sắc rằng nhân dân miền Nam đang tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước và mỗi người phải làm tất cả để đưa cuộc chiến tranh đó đến thắng lợi.

*Phải ra sức củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng trên cơ sở công nông liên minh và do Đảng lãnh đạo,* làm cho Mặt trận có khả năng động viên quần chúng thật rộng rãi đăng hoàn thành các nhiệm vụ chính trị mới do Đảng đề ra

và *đủ sức gánh vác một phần chức năng của chính quyền cách mạng trong vùng giải phóng*. Căn cứ vào Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng với nội dung cơ bản là độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà và nhân lúc ta giành được thắng lợi ngày càng vang dội, nội bộ địch ngày càng lung củng, suy yếu, mâu thuẫn Mỹ - Pháp ngày càng tăng, chúng ta phải biết không ngừng mở các đợt tấn công chính trị, đưa ra các chủ trương, chính sách, khẩu hiệu và một số tổ chức chính trị mới nhằm cô lập địch đến cao độ và tranh thủ thật rộng rãi các tổ chức hoặc cá nhân tiến bộ có ít nhiều xu hướng chống Mỹ và muốn có hoà bình, trung lập, độc lập, dân chủ ở miền Nam, kể cả các phần tử thân Pháp hoặc phần nào thân Mỹ nhưng thuộc về phái chủ hoà.

Song, cần phải phân biệt rõ việc mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng với việc mở rộng liên minh với các nhóm, các phái chống Mỹ nhưng không tham gia Mặt trận. Một mặt, cần mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng, tức là phát triển các tổ chức của Mặt trận trong quần chúng nhân dân, trong công nhân, nông dân, tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc, nhất là trong công nhân và nông dân. Đồng thời, cũng cần tranh thủ kết nạp một số nhân sĩ dân chủ và thân sĩ yêu nước, chống Mỹ và tay sai vào Mặt trận; thành lập những đảng phái hoặc tổ chức yêu nước và dân chủ, những tổ chức giải phóng, v.v. để kết nạp vào Mặt trận. Mặt khác, cần thực hiện sự liên minh chống Mỹ giữa Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam với các nhóm, các phái chính trị có xu hướng chống Mỹ. Việc kết nạp một cá nhân hoặc một tổ chức vào Mặt trận dân tộc giải phóng phải được tiến hành theo đúng điều lệ của các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc điều lệ chung của Mặt trận, luôn luôn bảo đảm cho Mặt trận được vững mạnh. Còn việc thực hiện liên minh chống Mỹ giữa Mặt trận dân tộc giải phóng với các nhóm, các phái chống Mỹ ở ngoài Mặt trận thì có thể dùng những hình thức liên minh tương đối rộng rãi để thực hiện được sự thống nhất

hành động chống Mỹ trong những điều kiện nhất định hoặc chỉ ít cũng tranh thủ các nhóm, các phái đó giữ thái độ trung lập có thiện cảm đối với ta.

Phải tiến tới *thật sự làm chủ phần lớn các thôn xã*, nắm vững tình hình chính trị trong các thôn xã, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hoạt động do thám, phá hoại của địch. Phải tăng cường công tác tổ chức, tổ chức quần chúng nông dân thành những đội quân chính trị chiến đấu chặt chẽ, nắm vững quần chúng từng xã, từng thôn, đặc biệt là tổ chức và nắm vững thanh niên. Phải tăng cường công tác chính trị và tư tưởng đối với thanh niên để nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang và để mỗi thanh niên bị địch bắt đi lính có thể trở thành một phần tử tích cực của ta trong hàng ngũ quân đội địch, tạo điều kiện để chuyển từng đơn vị quân đội địch thành lực lượng của ta.

Ở các vùng đồng bằng Khu V, Khu VI và các vùng nông thôn khác còn bị kìm kẹp, cần phải đề ra những khẩu hiệu thích hợp để phát động và tổ chức quần chúng; cần nghiên cứu các vấn đề ruộng đất, tô, tức để có những chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm mở rộng phong trào đấu tranh chính trị trong nhân dân, đồng thời xây dựng và phát triển Mặt trận dân tộc giải phóng. Phong trào đấu tranh chính trị ở Khu V, Khu VI và một phần Khu VII còn yếu, chủ yếu là vì chưa có những khẩu hiệu, những biện pháp phát động và tổ chức quần chúng thích hợp, chưa có kế hoạch đầy đủ phối hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị. Phải hạ ưu thế của bọn tay sai địch trong thôn xóm, cô lập chúng trong nhân dân, xây dựng cho được những lực lượng nòng cốt; có kế hoạch duy trì lâu dài những lực lượng mới trở dậy của quần chúng. Ra sức nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân, làm cho họ hiểu một cách rõ ràng, sâu sắc bộ mặt cướp nước và bán nước của Mỹ và tay sai, nhận rõ đế quốc Mỹ không mạnh, chúng đang thất bại và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn; xây dựng cho được lòng tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta, vào

thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Phát huy cao độ tinh thần hy sinh dũng cảm, chịu đựng gian khổ và quyết chiến quyết thắng của cán bộ và nhân dân. Muốn làm được như vậy, phải kiên nhẫn động viên chính trị quần chúng, phát động tư tưởng quần chúng, dùng đủ mọi hình thức để khơi sâu lòng căm thù đế quốc Mỹ và tay sai; giáo dục cho nhân dân hiểu rõ nghĩa vụ thiêng liêng khẩn cấp của người dân Việt Nam là phải đứng lên cứu nước, cứu nhà.

*Ở các đô thị và vùng chung quanh đô thị*, tìm mọi cách nâng dân trình độ của quần chúng đến mức sẵn sàng nổi dậy đánh đổ địch khi có thời cơ thuận lợi.

Phương hướng công tác lâu dài là giữ vững và ra sức phát triển phong trào, xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng. Nhưng trước mắt phải tận dụng tình hình thuận lợi do các cuộc đảo chính của địch tạo ra mà đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, làm cho địch không thể kiểm soát được tình hình; đồng thời, phải lợi dụng những khẩu hiệu dân tộc, dân chủ giả hiệu của địch để đấu tranh với địch và giữ thế hợp pháp của quần chúng. Dựa vào sự phát triển của phong trào mà giáo dục quần chúng, mở rộng tổ chức quần chúng, phát triển Đảng. Phải thấu suốt và thực hành nghiêm chỉnh nguyên tắc bí mật trong công tác tổ chức, xây dựng và phát triển Đảng và Mặt trận. Phải biết che giấu và bảo toàn lực lượng nòng cốt của quần chúng để khi có thời cơ thì kịp thời động viên quần chúng tiến lên giành thắng lợi quyết định. Phải tổng kết những kinh nghiệm thành công và thất bại, đề ra đường lối và phương pháp tổ chức, phương thức hoạt động thích hợp ở đô thị và vùng chung quanh đô thị, làm cho công tác đô thị và phong trào đô thị phối hợp nhịp nhàng với phong trào chung để đưa cách mạng tiến lên một cách thuận lợi. Phải cố gắng hơn nữa để tổ chức cơ sở trong quân đội và trong cơ quan chính quyền của địch, trong các tầng lớp trên, đặc biệt là tranh thủ những người sẵn có ảnh hưởng trong quần chúng và địa vị trong xã hội; xây dựng

cho được những cánh tả trong các đảng phái hợp pháp và liên hệ chặt chẽ với những cánh ấy.

*Đối với các dân tộc thiểu số*, đặc biệt là đối với các dân tộc Tây Nguyên, phải cố gắng hơn nữa giúp nhân dân đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân; mở rộng công tác văn hoá, giáo dục, vệ sinh phòng bệnh; gây tình thân đoàn kết anh em giữa người Kinh và người Thượng, và giữa các dân tộc thiểu số với nhau. Phải tuyên truyền, giáo dục về chính trị để nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần cảnh giác cách mạng cho đồng bào các dân tộc để phòng những âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đoàn kết dân tộc của ta. Phải biết bồi dưỡng những người cầm đầu các dân tộc thiểu số, liên hệ chặt chẽ với họ và tranh thủ họ. Phải sửa đổi ngay những khuyết điểm, sai lầm đã phạm phải trong công tác vận động các dân tộc thiểu số, chú ý đào tạo cán bộ người các dân tộc.

Hết sức chú ý tăng cường công tác *vận động tôn giáo*. Đề phòng âm mưu mới của địch lợi dụng một số giáo phái chống lại ta. Phải tích cực vận động và giác ngộ quần chúng tín đồ, giữ quan hệ tốt với những người cầm đầu các lực lượng giáo phái, không để họ mắc mưu chia rẽ mới của Mỹ và tay sai, gây xung đột với ta; tranh thủ họ cùng đi với ta để chống lại chúng.

##### 5. Tăng cường công tác binh vận

*Binh vận phải là một công tác chính trị của toàn dân và toàn quân, là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng*, khẩu hiệu công nông binh liên hiệp phải được thấu suốt đầy đủ trong toàn bộ công tác chính trị và quân sự.

Kết quả của công tác binh vận cũng là kết quả của công tác quân sự và chính trị. Một mặt, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân phải làm cho binh lính địch hiểu rõ quyền lợi của bản thân họ gắn liền với quyền lợi của nhân dân, của cách mạng. Mặt khác, phải đánh những trận tiêu diệt mạnh mẽ, làm cho binh lính địch không tin tưởng vào lực lượng của Mỹ và tay sai nữa, mà ngày càng thấy rõ nguy cơ

thất bại của chúng. Có như vậy thì công tác binh vận mới làm tan rã được từng bộ phận binh lính địch. Ngoài việc phục vụ cho những công tác hàng ngày như: phá ấp chiến lược, chống càn quét, tác chiến, chống địch bắt lính, tăng quân v.v., công tác binh vận phải tiến đến trình độ là cùng với tác chiến làm nổ ra những cuộc khởi nghĩa của từng đơn vị địch. Phải chú ý làm công tác không những với binh lính và hạ sĩ quan, sĩ quan sơ cấp, mà cả với sĩ quan trung cấp và cao cấp và những viên chức làm việc ở những bộ phận cơ mật trong quân đội địch; phải nghiên cứu cách sử dụng khả năng của họ có lợi nhất cho cách mạng, do đó, phải tuyệt đối giữ bí mật đối với những nhân mối và cơ sở có tác dụng quan trọng.

Phải thực hiện đúng *chính sách khoan hồng đối với tù binh và hàng binh*, đồng thời phải có *chính sách sử dụng binh lính, sĩ quan, tướng tá của địch trong trường hợp họ thật tâm quay về với nhân dân, với cách mạng*.

Hiện nay công tác binh vận chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cách mạng, chưa tận dụng được những khả năng và thuận lợi sẵn có. Cần tích cực tăng cường gấp bội việc chỉ đạo công tác đó, làm cho công tác đó thật có tính chất quần chúng.

#### 6. Xây dựng căn cứ địa và tăng cường công tác kinh tế, tài chính

*Căn cứ địa vững chắc* là một trong những nhân tố quan trọng của thắng lợi. Khi chiến tranh đã phát triển đến trình độ nhất định, khi đã có bộ đội chủ lực mạnh thì nhất thiết phải có căn cứ địa rộng rãi và vững chắc. Có mở rộng và củng cố được căn cứ địa mới phát triển được nhanh chóng bộ đội chủ lực, tạo điều kiện đánh địch những trận tiêu diệt lớn làm chuyển biến tình thế một cách căn bản có lợi cho ta. Có mở rộng và củng cố căn cứ địa mới có thể giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Hiện nay căn cứ địa của ta còn hẹp và yếu. Đó là một nhược điểm lớn của cách mạng miền Nam cần phải ra sức khắc phục.

Phải xây dựng và mở rộng các căn cứ địa chính ở các bàn đạp chiến lược một cách tích cực và khẩn trương; làm tốt hơn nữa những công tác như: công tác chính trị, phát động và tổ chức quần chúng xây dựng Đảng, thực hiện chính sách dân tộc ở những vùng có dân tộc thiểu số, phát triển chiến tranh du kích, tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống cho nhân dân, bảo đảm cung cấp và dự trữ lương thực, động viên cán bộ và quần chúng *bảo mật phòng gian, bảo vệ nội bộ, chống các loại do thám, gián điệp, biệt kích*, xây dựng tổ chức và công tác trật tự an ninh từ trên xuống dưới. Trong các công tác đó, những công tác mấu chốt là đánh du kích, tăng gia sản xuất, bảo đảm cung cấp, dự trữ lương thực và vận động bảo mật phòng gian, bảo vệ căn cứ địa. Để khắc phục khó khăn ở những vùng dân cư thưa thớt nhưng có vị trí rất quan trọng, phải tích cực tìm cách chuyển người chỗ khác đến. Phải coi việc xây dựng và mở rộng căn cứ địa là một việc cực kỳ quan trọng. Dù khó khăn đến đâu cũng làm cho bằng được. Phải lấy tinh thần cách mạng để khắc phục những khó khăn hình như không thể vượt qua được; có như thế mới tạo ra sự bất ngờ lớn về chiến lược đối với địch.

Phải tạo mọi điều kiện để có thể *đánh tiêu diệt lớn ở vùng rừng núi*, đặc biệt là chuẩn bị mọi điều kiện để nắm vững thời cơ khi địch đem chủ lực tấn công vào vùng rừng núi, hoặc có khi phải nhử địch vào vùng đó để tập trung tiêu diệt những bộ đội chủ lực quan trọng của chúng.

Đi đôi với việc tích cực xây dựng và mở rộng các căn cứ địa chính trên đây, cần tiếp tục mở rộng các căn cứ địa khác ở đồng bằng và vùng giáp ranh, làm cho nhiều căn cứ địa mới liên với nhau, căn cứ địa đồng bằng nối liền với căn cứ địa miền núi, hình thành một hệ thống căn cứ địa bao vây quân địch để đánh bại chúng.

Phải quản lý tốt vùng giải phóng về mọi mặt, nhằm động viên lực lượng quần chúng chống địch và gây ảnh hưởng tốt đối với nhân dân các vùng địch kiểm soát.

Yêu cầu phát triển mau chóng lực lượng của ta đòi hỏi phải cấp tốc *đẩy mạnh công tác tăng gia sản xuất, bảo đảm cung cấp*. Có giải quyết được mâu thuẫn lớn giữa phát triển lực lượng và bảo đảm cung cấp hiện nay mới đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng của ta tiến lên giành những thắng lợi quyết định trong những năm tới.

Nội dung chủ yếu của công tác kinh tế, tài chính ở miền Nam hiện nay là: ra sức phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, bảo đảm vận tải, cung cấp, mở rộng việc giao lưu kinh tế và đấu tranh chống địch vơ vét, bóc lột, phá hoại và bao vây kinh tế của ta. Phải đẩy mạnh công tác tăng gia sản xuất tự túc của các cơ quan, đơn vị, và có chính sách đảm phụ vừa phải, hợp lý, vừa bảo đảm cung cấp, vừa quan tâm đúng mức đến đời sống của nhân dân. Phải kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để bảo vệ và giành lại quyền lợi kinh tế cho nhân dân, nhằm ra sức mở rộng lực lượng kinh tế, giành người, giành của với địch, bảo vệ sản xuất, bảo vệ đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Phải hết sức *đề cao tinh thần tự lực cánh sinh*, đồng thời tranh thủ và sử dụng tốt sự chi viện; nâng cao ý thức tiết kiệm sức người, sức của, tinh giản biên chế; nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc khực khó khăn, làm tròn nhiệm vụ trong toàn Đảng, toàn dân.

Phải hết sức chú trọng lãnh đạo chính sách, lãnh đạo tư tưởng, tăng cường tổ chức và có biện pháp cụ thể trong công tác kinh tế, tài chính.

#### 7. Tiếp tục tăng cường việc tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và đoàn kết quốc tế

Trước hết cần ra sức tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta ở miền Nam. Mấy năm nay, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã thu được một số thành tích đáng kể về mặt này, nhưng chưa đủ. Có khả năng làm nhiều hơn nữa. Phải ra sức

vận dụng những tổ chức hoà bình, công đoàn, thanh niên, phụ nữ, luật gia và các tổ chức nghề nghiệp khác của nhân dân thế giới, các tổ chức của nhân dân Á - Phi và Mỹ latin có những hành động phối hợp mạnh mẽ hơn nữa đòi đế quốc Mỹ phải đình chỉ chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, rút quân đội, nhân viên quân sự và vũ khí, đạn dược ra khỏi miền Nam Việt Nam, để cho nhân dân miền Nam tự giải quyết lấy công việc của mình. Đồng thời, phải chú trọng tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân các nước dân tộc chủ nghĩa và nhân dân các nước đế quốc chủ nghĩa (Mỹ, Pháp, Anh,...).

Trong cuộc đấu tranh gay go và phức tạp của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ, sự ủng hộ và đoàn kết quốc tế là một trong những nhân tố thắng lợi quan trọng. Cùng với việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang ở miền Nam, phải đẩy mạnh công tác đấu tranh ngoại giao, nhằm cô lập bọn chủ chiến, tranh thủ bọn chủ hoà ở Mỹ và triệt để lợi dụng sự mâu thuẫn giữa bọn đế quốc, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các nước theo đuổi chính sách hoà bình trung lập.

#### 8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Nhiệm vụ trước mắt rất to lớn và nặng nề, nhưng cũng rất vẻ vang. Muốn hoàn thành nhiệm vụ đó, phải khắc phục nhiều khó khăn lớn, phải có sự cố gắng phi thường của toàn Đảng, toàn dân. Vì vậy tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là một vấn đề có ý nghĩa quyết định.

Về nhận thức và tư tưởng, trước hết, phải làm cho trong toàn Đảng có một sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, thấy rõ những đặc điểm cơ bản của tình hình, những thuận lợi và khó khăn, những nhân tố mới quyết định bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, và khả năng giành thắng lợi chắc chắn của ta và con đường thất bại không thể tránh khỏi của địch; nhận rõ nhiệm vụ mới và những bước đi cụ thể đưa đến thắng lợi cuối cùng. Trên cơ sở đó, làm cho cán bộ, đảng viên có đầy đủ tinh thần chiến đấu lâu dài, tự lực cánh sinh,

tinh thần quyết chiến, quyết thắng, phấn khởi lạc quan, tin tưởng sắt đá vào thắng lợi cuối cùng; không sợ đánh lâu dài gian khổ; đồng thời biết ra sức tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi; nâng cao tinh thần cảnh giác, bồi dưỡng chí khí chiến đấu; chống tư tưởng hữu khuynh, cầu an, cố thủ, sợ hy sinh, đồng thời đề phòng khuynh hướng phiêu lưu, mạo hiểm, chủ quan, khinh địch.

Phải tăng cường xây dựng Đảng về mặt tổ chức để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo chiến tranh, lấy việc củng cố chi bộ và giáo dục đảng viên làm khâu trung tâm. Phải ra sức phát triển Đảng trong các lực lượng vũ trang của nhân dân; đặc biệt chú ý xây dựng Đảng ở những vùng xung yếu, trong các vùng địch kiểm soát ở đó phong trào còn yếu, trong các đô thị, trong các vùng dân tộc thiểu số.

Trong khi xây dựng Đảng phải chú trọng bảo vệ Đảng; vì vậy phải chú ý thẩm tra kỹ nội bộ, quản lý tốt đảng viên, đề phòng âm mưu của địch chui vào Đảng hoặc lôi kéo cán bộ, đảng viên, nhất là ở các cơ quan lãnh đạo. Chú ý giáo dục, đào tạo đảng viên công nhân, nông dân lao động và trí thức. Ra sức củng cố chi bộ. Đặc biệt tăng cường công tác bồi dưỡng và đào tạo của cán bộ, chú trọng nâng cao trình độ lãnh đạo về quân sự lên ngang với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng chung.

*Tích cực phát triển Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng.*

Ở miền Nam Việt Nam, Đoàn Thanh niên cũng là cánh tay và đội hậu bị của Đảng.

Về tác phong, phải tăng cường tính tập trung, đồng thời phải phát huy dân chủ đúng mức. Nhiệm vụ mới đòi hỏi phải động viên toàn Đảng, toàn dân cố gắng cao độ. Sự phát triển của chiến tranh ngày càng đòi hỏi phải phối hợp các chiến trường một cách rất ăn ý. Toàn miền Nam phải hành động theo một kế hoạch then chốt. Vì vậy, phải tăng cường tập trung, khắc phục những tư tưởng cục bộ, bản vị. Đi đôi với tăng cường tập trung, phải phát huy dân chủ trong Đảng. Chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân, chiến

tranh cách mạng. Cách mạng là sự nghiệp sáng tạo của quần chúng. Phải phát huy dân chủ, đi đường lối quần chúng, phát huy tinh thần sáng tạo của hàng triệu quần chúng, để mỗi người ngày đêm suy nghĩ và tìm cách tốt nhất để đánh bại quân địch. Trong cách mạng, đặc biệt là trong chiến tranh cách mạng, vai trò của năng động tính chủ quan của con người được phát huy cao độ. Quyết định thắng bại của chiến tranh do nhiều nhân tố, nhưng nhân tố cơ bản nhất là con người. Chúng ta phải phát huy dân chủ để phát huy tính năng động chủ quan của hàng triệu người. Càng thắng lợi, càng phải chú trọng phát huy dân chủ. Phải tin vào quần chúng, tin vào nhân dân, tin vào chiến sĩ. Phải từ trong kinh nghiệm của nhân dân, của chiến sĩ mà tổng kết những bài học kinh nghiệm đánh địch tốt nhất. Phải hết sức linh hoạt; không nên để cho tư tưởng của lãnh đạo bị gò bó bởi những công thức cũ. Địch thua ta, chủ yếu vì nó không đối phó nổi với hàng triệu bộ óc không bao giờ ngừng tìm tòi cách tốt nhất để đánh bại chúng trong mọi tình huống, đánh chúng bằng mọi phương tiện, theo muôn hình vạn trạng. Ta phải phát huy cao độ ưu thế đó của ta. Trong đấu tranh chính trị, trong đấu tranh vũ trang, trong nhân dân, trong quân đội, trong việc phá ấp chiến lược, trong tác chiến, trong công cuộc đấu tranh chống các loại do thám, gián điệp để bảo vệ cách mạng, tóm lại trong mọi công tác cách mạng, phải phát huy dân chủ. Phải ra sức chống tác phong quan liêu, mệnh lệnh, đại khái, thoát ly thực tế, xa rời quần chúng, đồng thời cũng phải chống những thiên hướng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật và tư tưởng địa phương chủ nghĩa, cục bộ và bản vị.

## NHIỆM VỤ CỦA MIỀN BẮC

Để thực hiện những nhiệm vụ trên đây, không những Đảng bộ và nhân dân miền Nam phải có sự cố gắng vượt bậc, mà

Đảng bộ và nhân dân miền Bắc cũng phải có sự cố gắng vượt bậc. Vị trí của hai miền trong sự nghiệp cách mạng cả nước do Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra vẫn không thay đổi, nhưng đã đến lúc miền Bắc phải tăng cường chi viện cho miền Nam hơn nữa; miền Bắc phải phát huy hơn nữa vai trò căn cứ địa cách mạng toàn quốc của mình.

1. Phải có sự chuyển mạnh về lãnh đạo đối với nhiệm vụ ủng hộ và chi viện cách mạng miền Nam. Phải nhận thức đầy đủ rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta *vừa hoà bình xây dựng miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh chống Mỹ ở miền Nam*. Đấu tranh chống Mỹ và tay sai là trách nhiệm của cả nước. Vì phải kiềm chế địch trong loại "chiến tranh đặc biệt", hạn chế cuộc chiến tranh trong phạm vi miền Nam, cho nên cách tham gia đấu tranh của mỗi miền có khác nhau. Song mỗi miền phải làm đến mức tối đa tất cả những gì có thể làm được để chiến thắng quân địch.

2. Phải giáo dục mạnh hơn nữa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân miền Bắc về nhiệm vụ của mỗi người đối với cách mạng miền Nam để nâng cao tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu, làm cho ai nấy đều hăng hái thi đua yêu nước, phấn khởi lao động, chịu đựng khó khăn, gian khổ và khi cần thiết thì sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ của mình đối với cách mạng miền Nam, bất kể trong điều kiện nào và dưới hình thức nào.

3. Phải có kế hoạch chi viện cho miền Nam về mọi mặt, đáp ứng nhu cầu của cách mạng miền Nam, và do sự chi viện đó mà cũng cần có sự điều chỉnh và kế hoạch xây dựng miền Bắc một cách thích đáng.

4. Thấy rõ rằng muốn cho cách mạng miền Nam phát triển thuận lợi, phải không ngừng củng cố miền Bắc về mọi mặt. Vì vậy, phải ra sức tăng cường lực lượng kinh tế và quốc phòng của miền Bắc. Phải luôn luôn nâng cao cảnh giác và sẵn sàng đối phó với những âm mưu mới của địch tăng cường

phá hoại hoặc khiêu khích miền Bắc. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với tình hình địch có thể mở rộng chiến tranh, thực hiện kế hoạch "Bắc tiến" của chúng.

5. Phải tăng cường các cơ quan nghiên cứu giúp Trung ương chỉ đạo cách mạng miền Nam. Phải biết phối hợp các ngành có liên quan ở miền Bắc để phục vụ cách mạng miền Nam tốt hơn nữa.

Tiếp sau cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân toàn quốc chống thực dân Pháp, cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam đã kéo dài gần mười năm. Cuộc đấu tranh vũ trang được phát động từ giữa năm 1959 đã trở thành quyết liệt từ năm 1962. Tình hình diễn biến trong hai năm qua đã giúp ta đánh giá kẻ địch đầy đủ hơn, hiểu rõ khả năng của ta hơn và do đó chúng ta có thể nhìn rõ hơn bước đường phát triển của cách mạng miền Nam.

Chúng ta có căn cứ vững chắc để tin rằng chúng ta nhất định giành được thắng lợi cuối cùng. Điều quan trọng nhất hiện nay là toàn Đảng, toàn dân ta từ Bắc chí Nam phải có quyết tâm đầy đủ, cố gắng vượt bậc, làm cho sự nghiệp cách mạng của đồng bào miền Nam, sự nghiệp hoà bình thống nhất nước nhà giành được thắng lợi hoàn toàn, xây dựng cho kỳ được một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

**PHỤ LỤC**

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM**

Tháng 7 năm 1963

**Về công tác chống, phá khu, ấp chiến lược,  
gom dân\***

**I- NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KHẢ NĂNG ĐỊCH, TA SẮP TỚI**

Từ hơn một năm nay, nhất là từ đầu năm 1962 sau khi đế quốc Mỹ bước đầu trực tiếp can thiệp vũ trang vào miền Nam Việt Nam, địch ra sức thực hiện kế hoạch Xtalây - Taylo mà âm mưu then chốt nhất của chúng trong kế hoạch đó là *xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân*.

Ấp chiến lược là một phương thức đánh phá giành người, giành của kiểu mới trong cuộc "chiến tranh đặc biệt" của địch ở miền Nam Việt Nam nhằm đối phó với phong trào du kích chiến tranh của nhân dân ta, cụ thể là nhằm bao vây, kìm kẹp quần chúng để khai thác nhân tài, vật lực, củng cố vùng chúng, lấn chiếm vùng ta, tách Đảng và lực lượng vũ trang cách mạng ra khỏi quần chúng để tấn công tiêu diệt. Địch đã đặt âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân là "quốc sách hàng đầu", là "biện pháp sống còn của chế độ",

---

\* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

là một phương thức đối phó với du kích chiến tranh có hiệu quả nhất qua kinh nghiệm chiến tranh chống cách mạng của bọn đế quốc trên thế giới, nhất là ở Mã Lai, Phi Luật Tân, v.v.. Do đó, thời gian qua, địch đã thực hiện âm mưu này với một quyết tâm rất lớn và đặt nhiều hy vọng vào âm mưu này để hòng chiến thắng được ta. Quyết tâm của địch một mặt thể hiện ở chỗ chúng đã tập trung mọi khả năng, mọi lực lượng, tập trung chỉ đạo từ trên đến dưới để phục vụ cho việc thực hiện âm mưu xây dựng khu ấp chiến lược, gom dân, mặt khác quyết tâm đó thể hiện ở chỗ chúng kiên trì làm đi làm lại ở những nơi quần chúng giằng co chống phá quyết liệt, chúng vừa làm vừa rút kinh nghiệm đối phó với phong trào chống phá của quần chúng và không từ bỏ một hành động tàn bạo nào để thực hiện cho kỳ được âm mưu của chúng.

Thời gian qua, dựa trên cơ sở quyết tâm và tập trung mọi khả năng, mọi lực lượng, địch đã tiến hành âm mưu này một cách quy mô ào ạt và khốc liệt ở khắp các vùng, mỗi vùng với yêu cầu và kiểu cách khác nhau trong một chương trình, kế hoạch thống nhất, toàn diện, lâu dài, chia ra từng bước, có trọng điểm đi đôi với nâng dân yêu cầu và mở rộng phạm vi xây dựng trên cơ sở đã làm được trong quá trình đánh phá.

Để thực hiện âm mưu này, địch đánh phá phong trào một cách toàn diện bằng cả về mặt bạo lực cưỡng ép và lừa bịp thâm độc, cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, tác động tâm lý, v.v. nhưng chủ yếu là địch dùng bạo lực quân sự cưỡng ép, khoanh, gom quần chúng, bắt chấp sự phản đối của quần chúng. Chúng kết hợp chặt chẽ giữa hai hình thức đánh phá càn quét và gom dân lập ấp chiến lược, cụ thể là địch càn quét để gom dân lập ấp chiến lược và gom dân lập ấp chiến lược để tăng cường càn quét. Khi đã khoanh quần chúng vào các khu, ấp chiến lược thì địch đặt một bộ máy kìm kẹp khắt nghiệt đi đôi với những thủ đoạn lừa bịp về kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v. nhằm lũng đoạn và khống chế quần chúng lâu dài về mặt tư tưởng cũng như về mặt thể xác

hòng biến số quần chúng cách mạng thành lực lượng dự trữ của chúng để chống lại cách mạng.

Do địch quyết tâm và có nhiều khả năng, phương tiện, do đối phó của ta còn chưa tập trung, chưa tương xứng về nhiều mặt, nên hơn một năm qua, địch đã thu được kết quả khá lớn trong việc thực hiện âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân. Địch đã làm được gần 5.000 khu, ấp, phường, khóm chiến lược, khoanh và gom khoảng trên 6.000.000 dân ở khắp các vùng từ thành phố đến nông thôn đồng bằng và rừng núi. Tuy địch chưa đạt được yêu cầu xây dựng 8.000 khu, ấp chiến lược trong năm 1962 như chúng đã đề ra và đại bộ phận số khu, ấp chiến lược địch làm được đều nằm trong vùng chúng còn kiểm soát trước đây, nhưng thực tế địch đã có lần được đất, gom và khoanh được dân, củng cố được một phần vùng chúng lấn chiếm được một số nơi trong vùng ta, dựa vào các khu, ấp chiến lược đã làm được, địch kìm kẹp quần chúng và thực hiện có kết quả các âm mưu của chúng đến một mức độ nhất định, nhất là âm mưu bắt lính đôn quân, xây dựng lực lượng bán vũ trang. Địch đã gây được nhiều thiệt hại về sinh mạng, tài sản của quần chúng trong các cuộc càn quét, gom dân, vơ vét nặng nề trong các khu ấp chiến lược làm cho đời sống của quần chúng nói chung ở các vùng đều gặp khó khăn, nhất là ở những vùng địch gom dân, đặc biệt là ở chiến trường rừng núi, bó hẹp được một số địa bàn và gây cho ta nhiều khó khăn trên các mặt hoạt động, một số nơi cơ sở của ta bị tiêu hao, bị đánh bật, không bám được quần chúng, phong trào bị núng thế. Trong lòng các khu, ấp chiến lược, quần chúng tuy căm thù địch có tăng, nhưng do sự kìm kẹp của địch nên ít nhiều có bị thất thế đấu tranh, v.v. nhất là ở thời kỳ đầu địch vừa khoanh, gom được quần chúng.

Tuy nhiên, địch đã vấp phải nhiều khó khăn, nhược điểm:

- Âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân và hành động cực kỳ tàn bạo của địch đã đụng chạm nặng nề đến đời sống vật chất, tinh thần và tình cảm của các tầng lớp nhân

dân kể cả những người trong hàng ngũ nhân viên chính quyền, quân đội của địch. Do đó, địch ngày càng bị cô lập cao độ về chính trị ở trong cũng như ở ngoài nước và càng bám lấy âm mưu này địch càng phải dùng những hành động tàn bạo hơn thì chúng càng đẩy các tầng lớp nhân dân chống lại chúng ngày càng rộng rãi, mạnh mẽ và quyết liệt hơn. Đó là nhược điểm cơ bản của địch không những chúng sẽ không khắc phục nổi mà ngày càng phát triển nghiêm trọng thêm.

- Quân đội là công cụ chủ yếu của địch để thực hiện âm mưu tuy quân số có đông, trang bị mạnh, nhưng không có cơ sở chính trị nên bản chất và tinh thần rất bạc nhược lại thêm đa số đều tỏ ra tiêu cực hoặc chống lại âm mưu tàn bạo của địch, chống lại sự kìm kẹp và thúc ép của bọn sĩ quan Mỹ v.v.. Về nhân viên chính quyền địch trừ bọn cao cấp và bọn ác ôn thù địch với cách mạng, còn lại đa số đều lừng chừng, nhất là bọn bên dưới rất hoang mang dao động. Điều này đã hạn chế khả năng thực hiện của địch trong một mức độ đáng kể, và tới đây phong trào của ta nhất là hoạt động vũ trang, ngày càng mạnh hơn, thì tinh thần binh lính địch càng suy nhược thêm; khả năng thực hiện của chúng càng bị hạn chế hơn.

- Tuy địch đã làm được khá nhiều khu, ấp chiến lược, nhưng đại bộ phận đều nằm trong tình trạng không ổn định, địch chưa dựng được bộ máy kìm kẹp hoặc dựng lên có hình thức nhưng không dám hoạt động nhất là bọn tề ấp, liên gia, do thám, chỉ điểm nên chúng chưa khống chế được tư tưởng cũng như chưa dập tắt được phong trào đấu tranh của quần chúng bên trong, không chặn nổi hoạt động vũ trang của ta từ bên ngoài vào v.v.. Do đó, trên thực tế thì căn bản địch vẫn chưa biến được quần chúng cách mạng thành dự trữ của chúng mặc dù chúng đã khoanh, gom được quần chúng vào các khu, ấp chiến lược, trái lại lực lượng và khả năng chống phá của ta ngày càng súc tích và nâng lên tuy ta cũng có gặp nhiều khó khăn hạn chế và từng nơi cơ sở bị đánh bật vẫn chưa bám lại được.

- Lực lượng địch tuy đông, nhưng vẫn có hạn trước diện đấu tranh ngày càng mở rộng của phong trào, càng mở rộng ra phía trước địch càng bộc lộ nhiều sơ hở phía sau, diện phòng ngự từng khu, ấp chiến lược khá rộng, nhưng lực lượng canh giữ của địch ít và tinh thần yếu, càng thiếu lực lượng, địch càng bất lĩnh bữa bãi làm cho thành phần binh lính càng phức tạp và tinh thần càng bạc nhược hơn, v.v.. Tất cả tình hình kể trên tạo ra nhiều khả năng cho ta chống phá có hiệu quả hơn âm mưu của địch trong thời gian sắp tới.

Về ta, hơn một năm qua, phong trào chống, phá khu ấp chiến lược gom dân nói chung ngày càng phát triển, mở rộng, nâng lên và thu được thành tích khá lớn. Ta đã có phá hình thức, phá nội dung kìm kẹp từ 1 đến 40 lần 2.500 khu, ấp chiến lược trong tổng số gần 5.000 khu, ấp địch đã làm được, hàng ngàn khu, ấp tuy chưa phá được hình thức lần nào nhưng đã phá được nội dung kìm kẹp ở nhiều mức độ khác nhau, phá dứt điểm và địch phải bỏ luôn chưa làm lại được trên 300 khu, ấp chiến lược, trên 50.000 quần chúng bị địch gom trong các khu, ấp chiến lược đã trở về nhà cũ làm ăn v.v.. Tác dụng thực tiễn của phong trào chống phá vừa qua trước nhất là ta đã làm cho địch không thực hiện được ý đồ của chúng đã dự định, đã làm cho phần lớn các khu, ấp chiến lược của địch nằm trong tình trạng không ổn định, chưa dựng được bộ máy kìm kẹp hoặc dựng lên có hình thức nên chưa khống chế được quần chúng như chúng đã mong muốn. Thành tích đáng kể nhất là ta đã củng cố, xây dựng, phát triển được cơ sở và đưa phong trào đấu tranh của quần chúng bên trong lên (tuy chưa mạnh) bằng mọi hình thức ở đại bộ phận khu, ấp chiến lược của địch đã làm được, nhiều nơi cơ sở của ta bị đánh bật lúc đầu thì sau đó đã trở về bám được quần chúng trong lòng các khu, ấp chiến lược; qua quá trình chống phá, quần chúng đã có được nhiều kinh nghiệm đấu tranh và ta rút được nhiều kinh nghiệm chỉ đạo.

Từ đầu năm 1963 đến nay, ở nhiều nơi, Đảng bộ đã biết tập trung lực lượng và quyết tâm phát động quần chúng phá vỡ

hàng loạt khu ấp chiến lược, đẩy lùi từng mũi lấn chiếm gom dân của địch. Hình thức chống, phá mới này bước đầu đã thu được kết quả tốt và đã làm cho địch bị động, lúng túng.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng vừa qua phong trào chống phá của ta chưa đều, chưa mạnh, có nơi phong trào đang còn bị ngẽn, bị núng, có nơi cơ sở Đảng bị đánh bật chưa trở về bám được địa phương, bám được quần chúng. Tác dụng chống phá của ta vừa qua nói chung chỉ mới đến mức giằng co, hạn chế làm cho địch không ổn định, không kẹp chặt được quần chúng chứ chưa chặn đứng và đẩy lùi được địch từng bước, từng vùng, trái lại trên thế chung, địch vẫn còn đang lấn tới tuy không mạnh như trước. Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên đây là:

- Lúc đầu, ta nhận thức không rõ âm mưu thủ đoạn của địch, chủ quan đánh giá thấp khả năng của chúng và đánh giá cao khả năng của phong trào. Về sau, địch làm được nhiều khu ấp chiến lược, gây cho ta nhiều khó khăn thì lại đánh giá địch cao, không thấy hết khó khăn, nhược điểm của chúng, thuận lợi và khả năng của ta.

- Ta chưa tập trung mọi khả năng, mọi lực lượng, chưa tập trung chỉ đạo chống phá âm mưu của địch, chỉ đạo đối phó của ta còn chưa toàn diện về mặt chống địch cũng như về mặt củng cố, xây dựng mình, nhất là chưa đẩy mạnh được phong trào nhân dân du kích chiến tranh, tiêu hao, tiêu diệt địch bên ngoài và bên trong các khu, ấp chiến lược thật rộng rãi, mạnh mẽ, đều khắp.

- Nói chung ở nhiều nơi, ta chưa thật quyết tâm khắc phục mọi khó khăn phát động quần chúng chống địch một cách quyết liệt, một số nơi còn hiện tượng co rút, chạy dạt không kiên trì bám chặt quần chúng để lãnh đạo quần chúng đấu

tranh. Công tác chỉ đạo còn chưa sâu sắc, linh hoạt, cụ thể, khẩn trương và bền bỉ.

Sắp tới đây, càng sa lầy thất bại trong cuộc chiến tranh lâu dài với nhân dân ta ở miền Nam Việt Nam, địch càng bám lấy và ra sức thực hiện âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược gom dân. Tuy địch có nhiều khả năng, phương tiện, nhất là ưu thế về quân lực và lực lượng quân sự của chúng còn có khả năng tiếp tục tăng cường và phát triển hơn nữa nhưng chúng lại có nhiều nhược điểm cơ bản không thể khắc phục nổi như bị cô lập cao độ về chính trị, tinh thần binh lính bạc nhược, càng mở rộng vào vùng mạnh của ta thì chúng càng gặp khó khăn, sau lưng chúng càng có nhiều sơ hở, v.v. cho nên khả năng thực hiện âm mưu của chúng sắp tới vẫn có hạn tuy chúng vẫn còn gây được khó khăn cho ta, nhất là ở những vùng phong trào về mọi mặt còn yếu.

Ta tuy còn nhiều khuyết, nhược điểm như phong trào chính trị, vũ trang, nhất là phong trào nhân dân du kích chiến tranh chưa phát động được đều khắp, rộng rãi và mạnh mẽ, cơ sở trong lòng các khu ấp chiến lược nói chung còn ít và yếu. Một số nơi cơ sở chưa xây dựng được hoặc còn bị đánh bật, v.v. nhưng ta lại có những thuận lợi cơ bản như quần chúng căm thù địch cao độ, đã qua nhiều thử thách và có nhiều kinh nghiệm đấu tranh, cơ sở của ta trong lòng khu ấp chiến lược đang tồn tại và phát triển, phong trào chính trị, vũ trang bên ngoài ngày càng mở rộng và nâng cao, các thứ quân của ta đang phát triển tương đối nhanh về quân số và trình độ tác chiến, chỉ đạo của ta ngày càng có nhiều kinh nghiệm hơn, đặc biệt là gần đây ở một số nơi, ta đã phá vỡ được từng mảng khu ấp chiến lược của địch chuyển thành xã

chiến đấu làm cho địch bước đầu bị động, lúng túng, v.v.. Ngoài ra những khó khăn, nhược điểm của địch cũng là khả năng và thuận lợi của ta, đặc biệt chế độ phi nghĩa của địch đang gây căm thù sâu sắc đối với nhân dân, đang bị cô lập cao độ, những mối mâu thuẫn trong nội bộ địch đang phát triển gay gắt làm cho chế độ ấy càng mục nát suy yếu nghiêm trọng. Những ngày gần đây, ở miền Nam lại chứng minh đầy đủ thêm tình hình ấy.

Hiện nay, địch đã xây dựng được khu, ấp chiến lược trên một diện khá rộng, đồng thời cũng bộc lộ nhiều sơ hở ở phía sau lưng của chúng. Một số nơi, ta đã bước đầu chống, phá có hiệu quả và bước đầu đã làm cho địch bị động, lúng túng và khả năng này đang trên đà phát triển. Sắp tới, địch sẽ tích cực củng cố các khu, ấp chiến lược đã làm được, đồng thời địch cũng ra sức và còn có thể trong chừng mực nhất định mở ra thêm ở một số vùng của ta, nhưng đối phó của ta cũng sẽ quyết liệt hơn, nên sức chúng vẫn có hạn, không phải bất cứ nơi nào chúng cũng đều làm được. Nếu tới đây, ta quyết tâm tập trung mọi khả năng, mọi lực lượng, phát động phong trào chống phá từ trước mặt và sau lưng địch, kết hợp phá thường xuyên, phá từng phần, từng cái và phá hàng loạt trên nhiều chiến trường thì ta có thể buộc địch quay lại củng cố phía sau là chính, chặn đứng địch ở phía trước, đồng thời ta củng cố khả năng phá dứt điểm chuyển thành xã chiến đấu ở từng vùng một, nâng cao và mở rộng phong trào chống, phá hơn nữa để đẩy lùi địch từng bước tiến lên bề gãy hoàn toàn âm mưu của địch.

## II- NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG, PHƯƠNG CHÂM VÀ CÁC MẶT CÔNG TÁC

### A- Nhiệm vụ, phương hướng

Để đánh bại âm mưu gom dân, lập ấp chiến lược của địch, căn cứ trên tình hình ta, địch hiện nay, nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân suốt trong cả giai đoạn dài tới đây là *"quyết tâm đánh bại âm mưu lập khu, ấp chiến lược, gom dân của địch, âm mưu chủ yếu nhất của kế hoạch Xtalây - Taylo"*. Đánh bại âm mưu này là đánh bại toàn bộ kế hoạch Xtalây - Taylo, kế hoạch then chốt của cuộc chiến tranh đặc biệt mà địch đang tiến hành ở miền Nam Việt Nam.

Để thực hiện nhiệm vụ ấy, chúng ta cần: *"Ra sức đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đặc biệt là đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, ra sức chống càn quét, chống, phá khu, ấp chiến lược, tiêu hao, tiêu diệt, làm tan rã sinh lực địch đi đôi với khẩn trương xây dựng, củng cố và phát triển thực lực chính trị và vũ trang bên ngoài cũng như bên trong khu, ấp chiến lược, tập trung và kết hợp chặt chẽ mọi lực lượng, mọi mặt công tác nhằm tấn công địch để chặn đứng, đẩy lùi, làm thất bại từng bước, tiến lên làm thất bại hoàn toàn âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược gom dân của chúng"*.

Phương hướng chung là tiến lên phá tan toàn bộ khu, ấp chiến lược của địch, dựa trên phương hướng đó, yêu cầu chống, phá trước mắt và cụ thể cho từng vùng là:

- Vùng ta mạnh, nói chung kiên quyết không cho địch gom dân, lập ấp chiến lược đi đôi với ra sức củng cố và mở rộng căn cứ.

- Đối với các khu, ấp chiến lược có tính chất nông thôn kể cả trong vùng ta mạnh, vùng tranh chấp và các khu ấp nằm sát đường giao thông chiến lược, chung quanh thị trấn, thị xã, cần nỗ lực phá rã cả hình thức lẫn nội dung và những nơi có điều kiện tích cực chuyển thành xã chiến đấu.

- Đối với các khóm, phường chiến lược trong nội ô thành phố, thị xã, thị trấn, yêu cầu là phá lỏng kìm kẹp làm cho địch không ổn định, chống mọi âm mưu định khai thác nhân tài,

vật lực của địch ở đây, không để địch biến thành hậu phương an toàn của chúng.

- Đối với các đồn điền, dinh điền, các khu tôn giáo, vùng căn cứ quân sự *có tính chất đô thị* thì tùy theo lực lượng so sánh địch, ta từng chỗ mà đặt yêu cầu linh hoạt, như phá lỏng kim kẹp, phá kim kẹp, hoặc nơi có điều kiện thì tiến lên phá rã.

- Yêu cầu phá rã các khu, ấp chiến lược ở nông thôn tùy so sánh lực lượng địch, ta từng chỗ, từng lúc mà đặt mức độ cho sát hợp và nâng dần lên từng bước. Cụ thể là:

- Nơi nào chưa phá rã được hình thức thì phá cho được kim kẹp bên trong.

- Nơi nào phá được kim kẹp bên trong rồi thì tiến lên phá rã cả bờ thành, rào rấp bên ngoài, xây dựng xã chiến đấu.

- Nơi nào phá rã bờ thành, bộ máy kim kẹp rồi, nhưng chưa diệt được đồn bót, nếu có điều kiện thì tiến lên dứt điểm giải phóng hoàn toàn.

Nhưng yêu cầu mức độ cụ thể phải tùy theo tình hình địch và khả năng lực lượng cụ thể mà đề ra phá nội dung trước hay hình thức trước hay cùng một lúc phá cả hình thức và nội dung chứ không nhất thiết phải phá các mặt này trước mặt kia sau.

#### B- *Phương châm, hình thức chống, phá*

Về phương châm và hình thức chống, phá, cần nắm vững các vấn đề sau đây:

- Địch thực hiện âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược gom dân bằng tập trung toàn lực và đánh phá toàn diện cho nên chỉ đạo đối phó của ta là phải tập trung toàn lực vào chống địch, đánh địch cũng như xây dựng ta một cách toàn diện ở bên ngoài cũng như bên trong khu, ấp chiến lược. Trong chỉ đạo chống địch toàn diện, cần nắm vững khâu chính là đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, kết hợp chặt chẽ giữa chống căn quét với chống gom dân, lập ấp chiến lược.

- Phải kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng bên trong và bên ngoài, bên trên và bên dưới, địa phương này và địa phương khác. Kết hợp chặt chẽ ba mặt giáp công để chống phá khu ấp chiến lược, gom dân trong từng điểm một. Cần nhận rõ lực lượng chính trị quần chúng là cơ bản, lực lượng vũ trang kết hợp là đòn bẩy đặc biệt quan trọng, lực lượng và phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang của quần chúng tại chỗ là cơ bản, nhưng lực lượng bên trên kết hợp là đặc biệt quan trọng. Trong lực lượng tại chỗ, cần phải xây dựng, phát động cho được lực lượng bên trong đứng dậy mới có khả năng chống phá được bền bỉ, mạnh mẽ, liên tục, nhưng lực lượng bên ngoài kết hợp kể cả lực lượng vũ trang là hết sức quan trọng; lực lượng bên ngoài tham gia càng mạnh càng làm cho địch lúng túng, bị động, càng tạo thêm điều kiện cho bên trong nổi dậy chống phá mạnh mẽ hơn.

- Phải kết hợp chặt chẽ và đẩy mạnh cả hai mặt chống và phá, phá rồi lại tiếp tục chống, kết hợp chống gom dân với phá ấp chiến lược, kết hợp chống lấn chiếm gom dân với mở rộng căn cứ, phá ấp chiến lược với mở rộng vùng; kết hợp chống, phá từ trước mặt với chống, phá sau lưng và trong lòng địch, kết hợp chống, phá thường xuyên liên tục từng cái hay nhiều cái với phá từng đợt, kết hợp phá lỏng thể kim kẹp trên một diện rộng với tập trung lực lượng phá rã, phá dứt điểm từng mảng khu, ấp chiến lược, kết hợp việc chống, phá không cho địch cướp lấy nhân tài, vật lực trong khu, ấp chiến lược với việc khai thác lấy số nhân tài, vật lực đó để xây dựng phát triển thực lực cách mạng. Cần nhận rõ phá lẻ tẻ thường xuyên, phá thể kim kẹp, gây tình trạng không ổn định trong các khu, ấp chiến lược là phổ biến, là quá trình tạo điều kiện để phá rã, phá dứt điểm khu, ấp chiến lược, giải phóng hoàn toàn quần chúng.

- Phải nắm vững phương châm chống, phá lâu dài, giằng co quyết liệt với địch, đồng thời phải khẩn trương, nỗ lực chống, phá trước mắt cho mạnh mẽ và quyết liệt. Phương châm chống, phá lâu dài cần quán triệt trên mọi công tác về mặt

chống địch cũng như xây dựng ta, sẵn sàng và đủ sức phá đi, phá lại với địch cho đến lúc đánh bại hoàn toàn âm mưu của chúng, mặt khác phải nỗ lực và kiên quyết chống, phá có hiệu quả trước mắt, tích cực tạo thời cơ và sẵn sàng sử dụng mọi thời cơ thuận lợi lớn hay nhỏ đưa phong trào chống, phá tiến lên giành những thắng lợi mới.

- Phải nắm vững yêu cầu phá kim kẹp bên trong là chủ yếu, nhưng không nên xem nhẹ phá rào, bờ thành vì nó cũng có tác dụng ngăn chặn, giằng co làm cho địch bị động lo củng cố, hạn chế một phần khả năng chúng mở rộng ra và xây dựng bộ máy kim kẹp bên trong, phát huy tinh thần đấu tranh của quần chúng, v.v. nhưng trong khi tiến hành phá hình thức thì phải hết sức chú trọng việc phá kim kẹp bên trong, xây dựng phát triển cơ sở để tiến lên phá rào cả hình thức lẫn nội dung. Trong điều kiện phá hình thức chưa có tác dụng thiết thực nhiều mà lại kích thích sự cảnh giác của địch làm cho chúng tập trung sức đối phó gây thêm nhiều khó khăn cho ta và ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt của quần chúng thì cần cân nhắc lợi hại đúng mức trong việc sử dụng hình thức này và chủ yếu là tập trung sức phá kim kẹp, xây dựng lực lượng, đưa phong trào đấu tranh bên trong lên. Luôn luôn nắm vững phương châm tích cực nâng yêu cầu, mức độ chống, phá lên từng bước thích ứng với tình hình so sánh lực lượng địch, ta cụ thể ở từng nơi, từng lúc, tránh tình trạng thoả mãn non, giẫm chân tại chỗ.

- Phải nắm vững phương châm ba vùng và tình hình so sánh lực lượng của ta và địch trong từng nơi, từng lúc cụ thể mà đặt yêu cầu, mức độ và vận dụng phương châm, hình thức chống, phá cho phù hợp, tránh tình trạng hạ thấp sẽ hạn chế phong trào hoặc đề ra quá cao sẽ làm cho phong trào khó duy trì, tồn tại. Ở những vùng chưa phá thể kim kẹp mà địch gom dân lập ấp chiến lược thì kết hợp chống, phá gom dân lập ấp chiến lược với phá thể kim kẹp của địch.

*C- Các mặt công tác phục vụ cho công tác chống, phá*

Phần này chỉ nêu một số hướng chính.

### 1. *Quân sự*

Vai trò vũ trang là đòn bẩy, là lực lượng đặc biệt quan trọng trong công tác chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân trên cả mặt đối phó chung với toàn bộ âm mưu cũng như trong cụ thể chống, phá từng khu, ấp chiến lược, từng điểm gom dân của địch. Do đó, một mặt, ta cần ra sức đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh rộng rãi, đều khắp bên ngoài và bên trong các khu, ấp chiến lược, đi đôi với khẩn trương phát triển các thứ quân để đủ sức kết hợp và hỗ trợ đắc lực cho phong trào chống phá khu, ấp chiến lược, gom dân của quần chúng, ra sức tiêu hao, tiêu diệt, làm tan rã thật nhiều sinh lực địch. Đặc biệt cần phải xây dựng, củng cố xã chiến đấu, phong trào du kích, nhân dân vũ trang bên ngoài thật mạnh mẽ để chống địch mở rộng khu, ấp chiến lược, chống càn quét, gom dân đồng thời bao vây và làm bàn đạp tấn công bao vây các khu, ấp chiến lược của địch. Cần làm cho các thứ quân, nhất là các lực lượng tập trung, ngoài nhiệm vụ chống càn quét, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phát triển du kích chiến tranh phải thông suốt nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân và tích cực sử dụng mạnh mẽ, linh hoạt hơn nữa các lực lượng tập trung vào công tác này. Lực lượng du kích, tự vệ là lực lượng chính yếu thường xuyên đột nhập khu, ấp chiến lược kết hợp với tự vệ, du kích bí mật và quần chúng bên trong diệt ác ôn, phá lỏng thể kim kẹp, phá rào bờ thành, tuyên truyền giáo dục quần chúng, v.v., hỗ trợ cho bộ phận bí mật bên trong xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ hàng ngày lên tiến tới phá rào, phá dứt điểm các khu, ấp chiến lược. Lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, huyện ngoài nhiệm vụ chống càn quét bảo vệ cơ sở, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, đánh bọn đồn bốt từ các khu, ấp chiến lược bung ra hoạt động bên ngoài, phải lấy việc chống, phá gom dân và khu ấp chiến lược của địch làm nhiệm vụ chủ yếu, kết hợp chặt chẽ với du kích luồn vào các khu, ấp chiến lược đánh bọn tuần tiễu, tiêu hao, tiêu diệt đồn bốt

diệt ác ôn, hỗ trợ quần chúng phá rào, bờ thành, v.v. trên một diện rộng rãi. Sau khi diệt ác ôn, phá kìm kẹp trong khu, áp chiến lược, lực lượng địa phương tỉnh, huyện cần tích cực đánh bọn ứng chiến chi khu, tiểu khu đến chi viện, củng cố cho địa phương. Từng lúc, sau khi chuẩn bị điều kiện đầy đủ, cần tập trung lực lượng kết hợp với du kích và lực lượng quần chúng địa phương dưới sự chỉ đạo thống nhất của cấp uỷ phá hàng loạt khu, áp chiến lược trên một phạm vi trong một huyện hoặc nhiều huyện. Lực lượng tập trung từ khu trở lên chủ yếu là nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ cho phong trào, chú ý nhất là đánh các bộ phận chủ lực của địch cần quét gom dân. Mỗi trận diệt địch đều phải có kế hoạch kết hợp, thúc đẩy phong trào chống phá khu, áp chiến lược tại địa phương lên. Từng lúc cần kết hợp các thứ quân, kể cả lực lượng từ khu trở lên với phong trào quần chúng mở chiến dịch phá khu, áp chiến lược, kết hợp hoạt động chống phá giữa các tỉnh trong khu hoặc kết hợp trên toàn miền Nam trong một thời gian thống nhất để gây thổi động lớn và làm cho địch bị động đối phó khắp nơi.

Ra sức xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ, du kích bên trong các khu, áp chiến lược đi đôi với tăng cường trang bị thích hợp và hướng dẫn cách thức hoạt động cho lực lượng này để vừa đánh được địch vừa bảo tồn được ta lâu dài. Cố xây dựng, phát triển và đẩy mạnh được hoạt động của tự vệ, du kích bên trong thì mới có điều kiện khống chế tinh thần tề, điệp thường xuyên, tận dụng được kịp thời nhiều sơ hở của địch, đồng thời mới có thể chuẩn bị điều kiện cho bên ngoài vào hoạt động một cách có hiệu lực. Khi đã phá vỡ kìm kẹp bên trong và bờ rào bờ thành của địch, tuy điều kiện cụ thể phải tích cực xây dựng xã chiến đấu bao vây đồn bót địch lại. Ngay trong khi chưa phá được bờ rào bờ thành những bộ máy kìm kẹp của địch cơ bản bị tê liệt thì ở những nơi có điều kiện cũng phải tích cực giành với địch làm chủ từng phần trong lòng các khu, áp chiến lược, từ

làm chủ ban đêm đến làm chủ ban ngày đi đôi với xây dựng xã chiến đấu lấn dần địch. Cần tăng cường trang bị và nâng cao trình độ đánh lô cốt, đồn bốt nhỏ, đánh xe, đánh tàu và phá hoại bên trong cho địa phương quận, huyện, du kích, đánh điểm lớn cho địa phương quân tỉnh, cho chủ lực khu trở lên để phục vụ cho công tác chống, phá khu, áp chiến lược một cách hiệu quả hơn nữa.

## 2. Chính trị

Cần xác định rõ vai trò cơ bản của chính trị trong công tác phá khu, áp chiến lược, gom dân bao gồm nội dung tuyên truyền giáo dục, xây dựng tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh trong lòng các khu, áp chiến lược và kết hợp giữa phong trào đấu tranh của quần chúng bên trong với bên ngoài. Có cơ sở, có phong trào đấu tranh thường xuyên hàng ngày của quần chúng bên trong bằng mọi hình thức mới phá lỏng được thể kìm kẹp, hạn chế được việc thực hiện các âm mưu phản động của địch, mới tiếp thu được sức tham gia chống phá của quần chúng và của lực lượng vũ trang bên ngoài, mới có thể đưa quần chúng đứng lên kết hợp với lực lượng bên ngoài nổi dậy phá thể kìm kẹp của địch, tiếp theo là đấu tranh chống địch giữ vững vùng hoặc giành cơ sở đi, phá lại với địch.

Do đó, cần ra sức xây dựng phát triển lực lượng chính trị bên trong cũng như bên ngoài các khu, áp chiến lược để chống gom dân, phá khu, áp chiến lược. Trước nhất, cần phải chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng. Nội dung tuyên truyền giáo dục cần nhằm vạch rõ âm mưu thủ đoạn tàn bạo và thâm độc của địch, nâng cao lòng căm thù và ý chí đấu tranh của quần chúng làm cho quần chúng bên ngoài tin tưởng khả năng của mình có thể chống được địch gom dân và thông suốt nhiệm vụ tham gia phá áp chiến lược, quần chúng bên trong tự giác và tin tưởng khả năng nổi dậy phá thể kìm kẹp của địch để tự giải phóng với sự kết hợp của lực lượng bên ngoài không ỷ lại trông chờ quần chúng và lực lượng bên ngoài đến giải phóng cho mình. Trên cơ sở đó,

động viên quần chúng bên ngoài tích cực tham gia du kích chiến tranh, xây dựng xã chiến đấu, chống địch càn quét, gom dân, kiên quyết giữ nhà bám đất, hợp sức với đồng bào bên trong phá khu, áp chiến lược. Trong lòng các khu, áp chiến lược cần đẩy mạnh phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ hàng ngày của quần chúng lên, chủ yếu là nhằm các khẩu hiệu chống bắt lính, bắt trâu, chống kìm kẹp, vợ vét, chống cưỡng ép làm tề, vào các tổ chức chính trị phản động, đòi tự do đi lại làm ăn bên ngoài, đòi trở về chỗ cũ (nếu bị gom) và tùy điều kiện từng lúc đưa khẩu hiệu đấu tranh đòi huỷ bỏ khu, áp chiến lược, đòi đình chỉ việc gom dân, v.v. nhưng chú trọng nhất là đấu tranh chống bắt lính, đồn quân, xây dựng lực lượng bán vũ trang đặc biệt là ở các khu, áp chiến lược trong vùng tôn giáo, dân tộc. Cần nhận rõ địch khủng bố kìm kẹp quần chúng rất ác liệt, mâu thuẫn giữa quần chúng và địch rất sâu sắc nên tính chất đấu tranh chính trị của quần chúng bên ngoài và cả bên trong khu, áp chiến lược đều phải rất quyết liệt, nhiều cuộc quần chúng phải dùng đến hình thức bạo lực, thậm chí có lúc phải đổ máu mới ngăn chặn được địch. Về mặt chỉ đạo, ta phải khéo hướng dẫn yêu sách, hình thức thích ứng từng lúc giảm bớt đổ máu cho đồng bào đến mức tối đa, nhưng phải luôn luôn củng cố, nâng cao tinh thần đấu tranh cách mạng quyết liệt của quần chúng chống âm mưu gom dân, lập áp chiến lược của địch.

Qua phong trào đấu tranh, ra sức phát triển cơ sở quần chúng, cơ sở Đảng, Đoàn, nòng cốt, du kích bí mật bên trong cũng như phát triển các lực lượng ở bên ngoài, tận dụng các khả năng của bên ngoài để xây dựng, phát triển cơ sở bên trong các khu, áp chiến lược. Địa phương cần có kế hoạch đưa phong trào đấu tranh chính trị bên ngoài kết hợp và hỗ trợ cho phong trào bên trong trong từng đợt hoặc kết hợp từng khẩu hiệu, từng cuộc đấu tranh nhất định.

Trong các khu, áp chiến lược địch vợ vét, kìm kẹp nặng nề nên đời sống của quần chúng gặp nhiều khó khăn, do đó ta cần

quan tâm đặc biệt tới vấn đề lãnh đạo đoàn kết tương trợ thương yêu, tin tưởng giữa quần chúng bên trong với nhau và giữa quần chúng bên ngoài với bên trong. Những nơi có điều kiện, cần nghiên cứu áp dụng những hình thức tổ chức bán hợp pháp với nội dung đoàn kết tương trợ theo tập quán của quần chúng để giải quyết các yêu cầu kể trên, đó cũng là phương tiện tốt cho việc tập hợp tuyên truyền, giáo dục quần chúng.

Hiện nay, trong các khu, áp chiến lược, ngoài bọn ác ôn thù địch với cách mạng, địch còn cưỡng ép một số quần chúng tốt hoặc lưng chừng trong nhiều tầng lớp vào các tổ chức kìm kẹp, các tổ chức chính trị phản động để lừa gạt, lôi kéo và dần dần biến số người này thành ác ôn thật sự chống lại cách mạng. Do đó chúng ta cần nắm vững sách lược trong mọi hoạt động để chống lại địch có hiệu quả và hạn chế bớt khó khăn cho phong trào. Cụ thể là ta phải làm công tác điều tra, nghiên cứu cho chu đáo để lôi kéo, tranh thủ, phân hoá, cô lập từng đối tượng, khoét sâu và tận dụng mâu thuẫn nội bộ địch, tạo thêm những điều kiện thuận lợi cho việc duy trì và phát triển phong trào, bảo vệ cơ sở tổ chức của ta. Mặt khác, ta cũng phải biết trừng trị một cách thích đáng những tên ác ôn, đầu sỏ ngoan cố chống lại phong trào nhưng phải lấy tranh thủ giáo dục làm chính không nên giết chóc bừa bãi gây thêm khó khăn. Những khu, áp chiến lược ở nông thôn, ta kiên quyết phá tề và không dùng hình thức tề hai mặt, riêng trong thành phố những khu, áp địch còn có khả năng kìm kẹp quần chúng lâu dài mà trước mắt ta chưa có thể phá được thì có thể dùng trong từng lúc, nhưng luôn luôn cảnh giác đề phòng sự tráo trở, lật lọng của chúng.

Vấn đề chống phá tổ chức Thanh niên cộng hoà là một vấn đề hết sức quan trọng cần phải đặc biệt quan tâm. Phá được tổ chức Thanh niên cộng hoà là ta sẽ phá được âm mưu bắt lính đồn quân, xây dựng lực lượng bán vũ trang của địch, làm cho chúng thiếu quân số, phải phân tán mỏng lực lượng cơ động dễ bị ta tiêu diệt và hạn chế khả năng tập trung quân của địch để đánh ta. Chống phá tổ chức Thanh niên

cộng hoà phải bằng nhiều hình thức như tẩy chay tổ chức, đưa người chui vào làm nội tuyến phát triển cơ sở để sử dụng phá khu, áp chiến lược, rút bớt thanh niên trong các khu, áp chiến lược ra xây dựng lực lượng của ta, v.v. đồng thời kiên quyết dùng lực lượng từ bên ngoài vào giải tán tổ chức này.

### 3. *Binh vận*

Công tác binh vận là một mặt rất quan trọng trong ba mặt giáp công chống phá khu, áp chiến lược, gom dân. Yêu cầu chung của công tác binh vận phục vụ chống phá khu, áp chiến lược gom dân là đẩy mạnh hơn nữa tinh thần hoang mang, tiêu cực của binh lính, sĩ quan địch trong việc thực hiện âm mưu, khơi sâu mâu thuẫn của binh sĩ đối với Mỹ - Diệm trong âm mưu gom dân lập áp chiến lược và đẩy mạnh hơn nữa thái độ đồng tình ủng hộ của binh lính, sĩ quan địch đối với phong trào đấu tranh chống, phá của quần chúng, đi đôi với ra sức xây dựng phát triển cơ sở trong hàng ngũ địch để thực hiện ba mặt giáp công chống, phá khu, áp chiến lược, gom dân trước mắt và lâu dài. Nội dung tranh thủ binh sĩ phải là nội dung giáo dục vận động cách mạng chẳng những nhằm làm cho binh sĩ hoang mang tiêu cực mà còn làm cho họ đứng về phía quần chúng, cùng với quần chúng làm cách mạng đánh Mỹ - Diệm, trước mắt là chống phá khu, áp chiến lược gom dân của địch.

Yêu cầu đặt ra chung cho tất cả các đối tượng binh lính địch là làm hoang mang, tiêu cực trong việc thực hiện âm mưu, đồng tình ủng hộ hoặc trực tiếp tham gia các cuộc đấu tranh của quần chúng, nhưng riêng từng đối tượng cần phải có thêm yêu cầu cụ thể. Đối với bọn chủ lực, biệt động quân, các lực lượng bảo an cơ động ứng chiến đi càn quét, gom dân, hỗ trợ địa phương xây dựng và bảo vệ khu, áp chiến lược, và đối với bọn bảo an, dân vệ trực tiếp canh giữ áp chiến lược thì yêu cầu binh vận là phục vụ cho tiêu hao, tiêu diệt và tùy điều kiện kết hợp ba mặt giáp công phá khu, áp chiến lược; đối với thanh niên chiến đấu, thanh niên cộng hoà vũ trang, dân vệ người dân tộc Khơme Sorây yêu cầu chủ yếu là làm tan rã về tổ chức, tước vũ khí, tranh thủ họ làm binh biến

kết hợp với lực lượng quần chúng và lực lượng vũ trang bên trong, bên ngoài phá khu, áp chiến lược.

Để đạt yêu cầu kể trên, một mặt cần đẩy mạnh phong trào nhân dân làm công tác vận động binh sĩ một cách thường xuyên liên tục, rộng rãi, tranh thủ giáo dục binh sĩ trong các cuộc đấu tranh trực diện, nhất là khi binh sĩ bị địch đưa đi gom dân, làm áp chiến lược, mặt khác, dùng gia đình binh sĩ và dựa trên cơ sở tranh thủ, giáo dục cho binh sĩ của quần chúng mà tiến hành việc xây dựng, phát triển cơ sở nội tuyến, nhất là trong các đơn vị đóng giữ và kìm kẹp ở các khu, áp chiến lược như bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu, thanh niên cộng hoà vũ trang, v.v. đi đôi với việc xây dựng người của ta đưa vào các đơn vị này. Cần tích cực, khẩn trương giáo dục, nâng cao trình độ cơ sở nội tuyến lên để sử dụng phá khu, áp chiến lược dứt điểm hoặc hàng loạt.

Sử dụng cơ sở nội tuyến trong các khu, áp chiến lược chủ yếu là nhằm thực hiện ba mặt giáp công phá khu, áp chiến lược, tiêu diệt sinh lực địch lấy vũ khí bồi dưỡng ta, nhưng không phải chỉ có đơn thuần đạt yêu cầu lấy súng. Ở những nơi phong trào quần chúng bên trong còn yếu, khả năng của ta nơi đó nói chung chưa phá toang khu, áp chiến lược nổi và cơ sở khó bảo đảm tồn tại lâu dài thì ta phải kịp thời sử dụng nội tuyến để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, tước vũ khí địch bồi dưỡng ta. Trong trường hợp đặc biệt, ta có thể và cần phải sử dụng cơ sở nội tuyến diệt bọn ác ôn ngoan cố đánh phá phong trào, nhưng phải cân nhắc thận trọng lợi hại đúng mức. Vấn đề sử dụng và xây dựng nội tuyến phải mạnh dạn, nhưng thận trọng, chu đáo, đề phòng bốc phải bọn tay sai địch đưa chui vào hàng ngũ ta.

Cần quán triệt phương châm chống, phá lâu dài, liên tục, phá đi, phá lại, cho nên trong khi sử dụng nội tuyến phá rã hoặc phá dứt điểm khu, áp chiến lược cần hết sức bảo vệ và rầm rì nội tuyến của ta để làm cơ sở chống, phá sau này ở tại chỗ hoặc ở nơi khác. Trong khu, áp chiến lược, cần tổ chức bộ phận công tác binh vận chuyên môn để đi sâu tổ chức kết

thúc và tận dụng khả năng bên ngoài để đi sâu tổ chức kết thúc và tận dụng khả năng bên ngoài để xây dựng, phát triển cơ sở binh vận bên trong.

#### 4. Công tác tổ chức

Yêu cầu chung của công tác tổ chức phục vụ công tác trọng tâm chống, phá khu, áp chiến lược, gom dân và xây dựng, củng cố, phát triển thực lực cách mạng trong lòng các khu, áp chiến lược để đảm bảo nhiệm vụ chống phá trước mắt và lâu dài, cụ thể là đảm bảo lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng chống, phá địch mở rộng khu áp chiến lược, gom dân bên ngoài, chống địch thực hiện các âm mưu phản động hằng ngày bên trong khu áp chiến lược để tiến tới đưa quần chúng bên trong nổi dậy kết hợp với lực lượng bên ngoài phá rã, phá dứt điểm khu, áp chiến lược của địch tự giải phóng cho mình, đồng thời với ra sức xây dựng thực lực bên ngoài để làm bàn đạp tấn công kết hợp với phong trào quần chúng bên trong phá khu, áp chiến lược của địch.

Nói chung phương châm hoạt động và tổ chức trong công tác chống, phá khu, áp chiến lược phải dựa vào phương châm hoạt động ba vùng. Các khóm, phường chiến lược trong nội ô thành thị và ở các khu dinh điền, các khu tôn giáo, các căn cứ quân sự có tính chất thành thị cần vận dụng phương châm đô thị, các khu, áp chiến lược có tính chất nông thôn thì vận dụng phương châm ở nông thôn đồng bằng. Tuy nhiên do so sánh lực lượng và tình hình kìm kẹp của địch trong lòng khu, áp chiến lược cho nên phương châm về hoạt động và tổ chức của lực lượng bên trong cần phải bí mật, gom nhẹ, ngăn cách để đảm bảo tồn tại lâu dài, nhưng cũng không hoàn toàn giống như trong đô thị.

Vai trò của chi bộ đặc biệt quan trọng trong việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng nói chung cũng như trong công tác chống phá khu, áp chiến lược, gom dân nói riêng. Do đó, cần phải khẩn trương ra sức xây dựng chi bộ trong các khu, áp chiến lược song song với chi bộ bên ngoài, tiến tới tổ chức xã uỷ để lãnh đạo cả bên ngoài lẫn bên trong. Tuỳ theo

tình hình cụ thể từng địa phương địch đã gom dân lập áp chiến lược đến mức độ nào mà tổ chức các loại chi bộ cho thích hợp để bảo đảm được nhiệm vụ công tác trong từng thời gian nhất định, nhưng điều quan trọng là phải xây dựng cho được chi bộ để lãnh đạo bên trong. Chi bộ bên trong phải lãnh đạo toàn diện, nhưng do tình hình kìm kẹp của địch nên các bộ phận hoạt động dễ bị bể bực như tự vệ, du kích, binh vận, thông tin, v.v. cần phải tổ chức ngăn cách không dính với các bộ phận khác.

Về phương thức hoạt động và phương pháp công tác, xã uỷ cần phân công một bộ phận bên ngoài chuyên trách hoạt động vào khu, áp chiến lược. Chi bộ bên trong bí mật lãnh đạo quần chúng kết hợp với hoạt động bên ngoài vào, đồng thời nương theo hoạt động đó mà bí mật lãnh đạo quần chúng đấu tranh, xây dựng phát triển cơ sở, v.v.. Chi bộ phải biết thông qua nòng cốt, tổ chức quần chúng, hoà trong quần chúng và dùng quần chúng vận động quần chúng đấu tranh, tránh công khai bộc lộ lực lượng, bộc lộ tổ chức.

Về tổ chức quần chúng cần phải nỗ lực xây dựng, phát triển. Để thích ứng với tình hình và nhiệm vụ công tác, cần tránh hai khuynh hướng hoặc bó hẹp không bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, hoặc rườm rà, kênh càng sẽ không bảo đảm tồn tại lâu dài. Tuỳ theo tình hình cụ thể từng nơi mà áp dụng hình thức tổ chức cho thích hợp. Ở các khu, áp chiến lược địch đang còn kìm kẹp tương đối chặt thì nên tổ chức theo rẽ chuỗi để nắm quần chúng, ở khu, áp chiến lược thể kìm kẹp bị phá lỏng thì nên tổ chức tổ nòng cốt giới, khu, áp chiến lược, thể kìm kẹp căn bản bị tê liệt thì nên tổ chức tổ giải phóng từng giới trong xóm và có thể có ban cán sự từng giới ở ấp do chi bộ bên trong trực tiếp lãnh đạo, v.v.. Trường hợp địch khoanh dân trong đó tổ chức quần chúng ta còn nguyên như trước thì ta không nên xáo trộn, nhưng nếu tổ đông người quá thì nên chia nhỏ ra mỗi tổ từ 3 đến 4 người để dễ hội họp, sinh hoạt. Điều quan trọng nhất là phải xây

dựng, bồi dưỡng cho được cốt cán lãnh đạo và qua cốt cán mà bám chắc và lãnh đạo được quần chúng rộng rãi.

Những nơi địch có thể khoanh dân, gom dân cần thiết ta phải có một số đảng viên, đoàn viên, nòng cốt bí mật để qua quá trình tích cực đấu tranh chống địch nơi chúng khoanh hoặc gom được thì ta vẫn tiếp tục bám được quần chúng và lãnh đạo quần chúng phá. Ngay sau khi ta phá rã, phá dứt điểm khu, ấp chiến lược rồi cũng cần giữ lại một bộ phận bí mật để đề phòng nếu địch làm lại thì ta có sẵn cơ sở để lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Để tiến lên xây dựng chi bộ được đều khắp trong các khu, ấp chiến lược, nơi nào chưa đủ đảng viên thì tích cực phát triển để thành lập chi bộ, nơi nào chưa có đảng viên bên trong thì tích cực đưa số đồng chí bị đánh bật trở lại bám khu, ấp chiến lược ăn ở và hoạt động bất hợp pháp để xây dựng cơ sở đưa phong trào quần chúng lên và qua đó mà phát triển Đảng, v.v.. Vấn đề phát triển Đảng bên trong ấp chiến lược phải mạnh dạn, khẩn trương, nhưng cũng phải chặt chẽ, thận trọng, trọng chất hơn lượng.

Về mặt lãnh đạo tư tưởng, cần thường xuyên xây dựng tư tưởng quyết tâm, dũng cảm bám chặt quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên trong các vùng địch có thể khoanh và gom dân cũng như trong lòng các khu, ấp chiến lược đi đôi với củng cố và nâng cao lập trường giai cấp, khí tiết cách mạng, giáo dục phương pháp công tác, v.v. chống các hiện tượng tư tưởng lệch lạc như ngán địch, cầu an, chạy dạt bỏ cơ sở, bỏ quần chúng, v.v..

### III- CHỐNG PHÁ KHU, ẤP CHIẾN LƯỢC, GOM DÂN TRONG VÙNG TÔN GIÁO, DÂN TỘC

Trong các vùng tôn giáo, dân tộc, lập khu, ấp chiến lược, gom dân ngoài mục đích vơ vét người, của như ở vùng người Kinh, địch còn thực hiện âm mưu chia rẽ tôn giáo, dân tộc, cưỡng ép vũ trang cho người dân tộc, tôn giáo, chống lại cách mạng như chúng đã đưa ra tổ chức tự trị giả hiệu ở Tây Nguyên, tổ chức Khơme Sôráy ở Nam Bộ, v.v.. Đó cũng là một âm mưu lớn của địch kết hợp với âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân.

Do đó trong công tác chống phá khu, ấp chiến lược, gom dân ở nơi đây, ngoài những việc phải làm như ở vùng đồng bào Kinh, ta cần phải nắm vững chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng thể hiện trên mọi mặt hoạt động chống địch cũng như xây dựng ta ở bên trong cũng như ở bên ngoài các khu, ấp chiến lược.

Về công tác tuyên truyền giáo dục, ngoài việc làm cho đồng bào tôn giáo, dân tộc nhận rõ âm mưu thủ đoạn tàn bạo và thâm độc của địch trong việc xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân, còn phải vạch rõ cho đồng bào thấy âm mưu chia rẽ lương, giáo, dân tộc của địch đi đôi với giặc ngọ quyền lợi, nâng cao ý thức giai cấp, lòng căm thù và ý chí đấu tranh cho đồng bào. Về mặt tổ chức, cần nỗ lực xây dựng, phát triển cơ sở quần chúng, cơ sở Đảng trong đồng bào tôn giáo, dân tộc, ra sức đào tạo, xây dựng, bồi dưỡng cán bộ người tôn giáo, dân tộc. Trong vấn đề trừ gian, diệt ác, cần phải hết sức thận trọng, phải tranh thủ được sự đồng tình của đại đa số quần chúng rồi mới thi hành, bảo đảm cho được sau khi trừ gian, diệt ác là quần chúng phấn khởi, phong trào nâng lên, cơ sở phát triển. Về mặt đấu tranh, ở những vùng địch gom đồng bào dân tộc ngoài các khẩu hiệu đấu tranh dân sinh, dân chủ hàng ngày chú trọng các khẩu hiệu đòi cấp lương thực, vải, thuốc uống, đòi ra làm ăn bên ngoài, chống cưỡng ép vào dân vệ, chống cưỡng ép vũ trang, v.v..

Đối với số dân vệ người dân tộc trong khu, ấp chiến lược ta không xem như dân vệ người Kinh là một loại quân có tính

chất chuyên nghiệp của địch. Chủ trương của ta là phá vỡ tổ chức này chủ yếu bằng vận động chính trị, không dùng vũ trang tiêu diệt, trừ trường hợp tự vệ, diệt ác ôn. Đối với bọn Khơme Sô-rây vũ trang ở Nam Bộ, tuy là một tổ chức vũ trang của bọn Khơme phản động làm tay sai cho Mỹ - Diệm chống lại cách mạng, nhưng chúng là người dân tộc và là một số quần chúng đã lầm nghe hoặc bị bắt buộc vào tổ chức nên ít nhiều có cảm tình hoặc có quan hệ với một số khá đông đồng bào dân tộc. Do đó, chủ trương của ta đối với bọn này chủ yếu cũng bằng vận động chính trị, cụ thể là vạch rõ âm mưu của địch và bọn đầu sỏ phản động Khơme Sô-rây, cô lập chúng trong đồng bào Khơme, dùng thân nhân, gia đình, sư sãi tiến bộ vận động con em trong tổ chức này bỏ hàng ngũ về nhà làm ăn, v.v. tiến lên phá vỡ hoàn toàn lực lượng này. Trong những trường hợp để tự vệ, hoặc chúng đi càn quét đánh phá cơ sở cướp giật tài sản quần chúng, thì ta kiên quyết đánh lại và sau khi đánh xong, ta lại tiếp tục giải thích cho đồng bào Khơme biết để tranh thủ sự đồng tình của họ, dùng đồng bào Khơme phát huy thắng lợi bằng tấn công chính trị làm tan rã tinh thần và tổ chức bọn này. Trong các khu, áp chiến lược người tôn giáo Cao đài, Hoà hảo, Thiên Chúa giáo, v.v. ở một số nơi địch đã tổ chức lực lượng vũ trang và lực lượng bán vũ trang người tôn giáo để canh giữ. Đối với bọn có tính chất chuyên nghiệp vào đóng đồn, địch sử dụng như bảo an, dân vệ thì ta vừa đánh vừa tuyên truyền vận động tranh thủ sự đồng tình của đồng bào tôn giáo chủ yếu cũng nên nhằm đánh các đơn vị ác ôn đi đôi đẩy mạnh vận động phân hoá cô lập đơn vị vũ trang này với đơn vị vũ trang khác, cô lập các đơn vị vũ trang với quần

chúng tôn giáo đông đảo. Đối với lực lượng tôn giáo nửa vũ trang, ta xem như thanh niên chiến đấu, thanh niên cộng hoà và phải lấy vận động chính trị làm chủ yếu. Đối với quần chúng người Thượng ở Tây Nguyên và người Khơme ở Nam Bộ bị địch cưỡng ép vũ trang hàng loạt, tuyệt đối ta không nên dùng vũ trang đánh vào số quần chúng này làm cho họ không hiểu cách mạng hoặc vì tự vệ mà họ chống lại ta, tạo điều kiện cho địch và bọn phản động có thể lợi dụng đẩy tới cuộc xung đột vũ trang giữa cách mạng và đồng bào dân tộc. Điều cơ bản là ta cần đẩy mạnh công tác vận động chính trị, tích cực tuyên truyền giáo dục, xây dựng phát triển cơ sở theo yêu cầu, làm cho đồng bào đồng tình đi đến kết hợp với sự hỗ trợ của lực lượng cách mạng phá tan khu, áp chiến lược của địch trở về chỗ cũ, làng cũ làm ăn, bố phòng chống địch hoặc tự nguyện trao súng lại cho cách mạng bằng cách này hay cách khác, nhằm giữ cho được thế hợp pháp của đồng bào có thể ở lại tại chỗ làm ăn và đấu tranh, trước hết nên tranh thủ cho được số đồng bào bị cưỡng ép cầm súng không chống lại cách mạng.

Tuy nhiên, ở những nơi do trình độ của đồng bào còn thấp, chưa dám bỏ khu ra về hoặc vì bị khoanh tại chỗ mà thế của phong trào chưa thể chuyển thành xã chiến đấu được, nếu được sự đồng tình của đồng bào thì ta nên tổ chức tước lấy số súng đó, không nên để đồng bào cầm súng địch lâu, địch có thể biến một số quần chúng có vũ trang từ chỗ bắt buộc phải cầm súng đến chỗ chống lại cách mạng hoặc là khi địch cảnh giác, rút súng trở lại, ta sẽ mất một nguồn bổ sung. Muốn tiến hành việc này được tốt nên chuẩn bị làm hàng loạt, lấy

một lúc ở nhiều nơi cho được nhiều súng, nếu làm lẻ tẻ, địch sẽ lấy những nơi còn lại, không lợi cho ta.

Đối với những khu gom dân người dân tộc ở rừng núi và đồng bằng, yêu cầu của ta là nhằm phá tan để đưa đồng bào trở về chỗ cũ. Trước mắt, ta cần ra sức xây dựng cơ sở bên trong, đồng thời tích cực chuẩn bị điều kiện bên ngoài, nhất là cần có kế hoạch sản xuất, bố phòng để khi đồng bào trở về có thể sinh sống được và có thể chống không cho địch gom trở lại. Khi có điều kiện đầy đủ bên trong và bên ngoài, xét cần thiết và có khả năng, ta nên sử dụng lực lượng vũ trang đến hỗ trợ cho đồng bào phá khu kéo về. Trong khi chưa có điều kiện để đưa đồng bào ra bám luôn chỗ cũ thì ta không nên làm lỡ dở như là đưa đồng bào ra mà không có thể bảo vệ để cho địch gom trở lại vừa mất sức tốn của của đồng bào, vừa làm cho địch cảnh giác tăng cường kìm kẹp, mất yếu tố bất ngờ không lợi cho việc chống phá sau này.

#### IV- CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Để bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch chống, phá khu, áp chiến lược, gom dân, trong công tác chỉ đạo cần nắm vững các điểm sau đây:

- Về mặt nhận thức, cần làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng đánh giá đúng mức khả năng chung của địch, của ta và khả năng cụ thể của địch, của ta trong từng địa phương. Cụ thể là làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng thấy đúng mức chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, thuận lợi và khó khăn, nhược điểm của phong trào hiện nay, diễn biến và xu

thế tiến lên của tình hình địch, ta sắp tới để có sự tin tưởng và quyết tâm nỗ lực chống, phá âm mưu của địch.

- Tăng cường lãnh đạo tư tưởng, chủ yếu là xây dựng tinh thần quyết tâm, nỗ lực cao độ, tinh thần chiến đấu khấn trương và bền bỉ, tin tưởng nhất định thắng lợi, chống các biểu hiện tư tưởng lệch lạc như chủ quan, thoả mãn, bi quan, chạy dài, không dũng cảm, thiếu quyết tâm bám lấy và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch. Xây dựng quyết tâm phải đi đôi với kế hoạch chính xác, cụ thể, không phải quyết tâm chung chung dẫn đến phiêu lưu, tổn thất. Luôn luôn xây dựng tư tưởng tấn công và biết tấn công liên tục âm mưu xây dựng khu, áp chiến lược, gom dân của địch chống tư tưởng co rút, nặng về phòng ngự. (Tất nhiên ta không được xem nhẹ vấn đề củng cố, xây dựng ta).

- Chỉ đạo phải toàn diện, tập trung, kết hợp chặt chẽ các mặt, các ngành, bên trong và bên ngoài, bên trên và bên dưới chống, phá âm mưu gom dân, lập áp chiến lược của địch. Phải đặt công tác chống phá khu, áp chiến lược, gom dân là một công tác trọng tâm hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cần nhận thức: làm thất bại âm mưu gom dân, lập khu, áp chiến lược là làm thất bại về căn bản kế hoạch Xtalây-Taylo, thất bại âm mưu chủ yếu của cuộc "chiến tranh đặc biệt" của địch đang tiến hành ở miền Nam Việt Nam và đưa cách mạng tiến lên giành những thắng lợi có tính chất quyết định.

- Để bảo đảm chỉ đạo đúng tầm quan trọng của công tác trọng tâm hàng đầu, các cấp uỷ cần thành lập Ban phụ trách chống phá khu, áp chiến lược ở mỗi cấp. Nó là một ban nghiên cứu, tổng kết, giúp cấp uỷ chỉ đạo, thành phần gồm

có cán bộ có năng lực của các ngành chủ yếu là dân vận, quân sự, an ninh, bảo vệ, binh vận, thông tin, do đồng chí cấp uỷ viên hoặc thường vụ cấp uỷ phụ trách trưởng ban. Ở cấp xã là đơn vị thực hiện nên chỉ uỷ hoặc xã uỷ phải trực tiếp phụ trách thông qua một số cấp uỷ viên và là số cán bộ các ngành ở xã theo dõi, nghiên cứu.

- Mỗi cấp đều phải có điểm chỉ đạo riêng (trừ xã), thường xuyên phái cán bộ đi sát xã phát hiện tình hình, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm chống, phá rộng rãi. Tác phong làm việc phải khẩn trương, cụ thể, sắc bén.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ KHU ỦY KHU V MỞ RỘNG LẦN THỨ III

Hợp từ 15 đến 31 tháng 7 năm 1963

### I- TÌNH HÌNH

#### *A- Tình hình chung của miền Nam*

1. Hơn một năm nay đế quốc Mỹ đã trực tiếp can thiệp vũ trang vào miền Nam Việt Nam dưới hình thức một loại "chiến tranh đặc biệt", mục đích nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam, đồng thời lấy đó làm thí điểm để rút ra những kinh nghiệm nhằm chống các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới, thực hiện vai trò tên sen đầm quốc tế của chúng.

Việc Mỹ đưa một bộ phận quân lực của chúng ở Thái Bình Dương vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam, thiết lập Bộ chỉ huy quân sự của Mỹ ở Sài Gòn và tăng cường viện trợ cho Diệm, cũng như việc Diệm tuyên bố chiến tranh và tổng động viên lực lượng để hòng đánh bại cách mạng là một sự *chuyển hướng lớn về chiến lược* của chúng đã tạo ra một *cục diện chiến tranh thực sự với quy mô khá lớn* ở miền Nam Việt Nam và là một sự kiện hết sức nghiêm trọng trong tình hình thế giới hiện nay. Nhưng nhìn chung về toàn cục, sự can thiệp vũ trang của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam

mang *tính chất phòng ngự*, nhằm ngăn chặn bước tiến của phong trào cách mạng và củng cố lại phòng tuyến của chúng ở Đông - Nam Á sau khi chúng phải lui một bước ở Lào.

Phương hướng nỗ lực của Mỹ - Diệm trong hơn một năm nay là ra sức khắc phục những nhược điểm của quân đội Diệm về lực lượng và khả năng cơ động, tăng cường tiềm lực chiến tranh để chuyển sang thế phản công hòng giành lại thế chủ động, chiếm lại những vùng đã mất, ra sức tăng cường thế phòng ngự, bằng cách *tập trung dân vào các ấp chiến lược, bao vây phong tỏa biên giới và tập trung toàn lực lượng và phương tiện để nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam trong 18 tháng*.

Nhờ tăng thêm được nhiều lực lượng vũ trang, tăng thêm phương tiện vận chuyển mau lẹ bằng phi cơ trực thăng, hoàn chỉnh được hệ thống thông tin hiện đại, và tăng cường thêm lữ đội tình báo gián điệp, nên khả năng cơ động và năng lực tấn công của quân đội Diệm có được tăng lên hơn trước.

Với lực lượng và phương tiện được tăng cường hơn, Mỹ - Diệm vừa áp dụng tổng hợp các kinh nghiệm chống du kích của Anh, Pháp trong thời gian gần đây, vừa luôn luôn thay đổi các hình thức tác chiến của chúng theo quan điểm chiến thuật mới về "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Tuy vậy, các hình thức chiến thuật của Mỹ trong một năm nay cũng không ngoài hai hình thức có tính chất quy luật: *đánh dài ngày* bằng nhiều binh, quân chủng, *nhằm gom dân lập ấp chiến lược, đánh chớp nhoáng, đánh liên tiếp* bằng quân biệt kích vận chuyển đường không có phối hợp nhiều binh quân chủng khác nhằm *bao vây tiêu diệt các cơ quan và bộ đội của ta*.

Vì địch đã tập trung toàn lực và liên tục tấn công, chúng đã gây cho ta thêm khó khăn thiệt hại, cuộc chiến đấu giữa ta và địch cũng trở nên rất ác liệt. Nhưng rõ ràng là địch đã không thực hiện được kế hoạch Xtalây - Taylo nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam trong 18 tháng, mà còn bị thiệt hại nhiều hơn năm ngoái.

Những thất bại vừa qua của Mỹ - Diệm là *sự thất bại bước đầu về mặt chiến lược*: từ một kế hoạch bình định miền Nam trong 18 tháng phải chuyển sang chiến lược "đánh du kích", đánh lâu dài, chiến lược ấy mâu thuẫn về bản chất với cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa của địch. Đó cũng là *sự thất bại bước đầu về mặt chiến thuật và kỹ thuật*: tỏ rõ trong sự lúng túng của địch về việc tìm ra cách đánh cho có kết quả và trong sự giảm hiệu lực rõ ràng của những vũ khí, khí tài mới của Mỹ đối với đặc điểm của chiến tranh du kích của ta và đặc điểm địa hình ở miền Nam Việt Nam. Đó còn là *sự thất bại lớn về chính trị* do việc Mỹ vũ trang can thiệp và mở rộng chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, làm cho Mỹ - Diệm bị cô lập hơn, mâu thuẫn trong nội bộ của Mỹ - Diệm sâu sắc hơn và dư luận nhân dân thế giới chống lại chúng mạnh mẽ hơn.

2. Sau hơn một năm kiên quyết chống lại sự can thiệp vũ trang và loại "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, chống kế hoạch khủng bố càn quét đẫm máu của Mỹ - Diệm, *phong trào cách mạng miền Nam đã trải qua những thử thách và những khó khăn mới*, có nơi có lúc có bị động lúng túng, nhưng vẫn bảo tồn và phát triển được lực lượng, đã gây cho địch nhiều thiệt hại hơn và đã giành thêm được những thắng lợi mới.

*Lực lượng của Đảng và của quần chúng, nhất là lực lượng vũ trang được phát triển mau chóng* trong năm qua (làm cho tỷ lệ về lực lượng vũ trang tập trung của ta từ chỗ chỉ bằng 1/10 quân tập trung của địch vào lúc đầu năm đã lên đến bằng 1/7 quân của địch và lực lượng dân quân du kích của ta đã lên xấp xỉ với lực lượng vũ trang ở xã của địch vào cuối năm nay). Trong tình hình địch quyết tâm tiêu diệt cách mạng, *việc giữ vững và phát triển mau chóng lực lượng của ta là một thắng lợi rất quan trọng, chứng tỏ ta có khả năng làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho ta trong những điều kiện rất gay go, phức tạp*.

*Những thắng lợi to lớn về đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang tiêu hao tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch hơn trước, cùng với những thắng lợi về phá ấp chiến lược của địch, giữ vững và phát triển phong trào ở vùng căn cứ, rừng núi và vùng đồng bằng Nam Bộ, nhất là mở rộng được vùng đồng bằng Khu V, làm cho dân số và toàn bộ vùng ta kiểm soát tiếp tục tăng lên, có một tầm quan trọng rất lớn trong tình hình địch đưa toàn lực lượng quyết tâm bình định cả miền Nam trong 18 tháng. Thực tiễn của những thắng lợi đó chứng tỏ ta có khả năng giữ vững và phát triển được phong trào, giữ vững và mở rộng được vùng giải phóng, chứng tỏ ta có thể phá được chính sách lập ấp chiến lược và làm thất bại chiến thuật biệt kích bằng trực thăng vận của địch.*

Ngoài ra, phong trào cách mạng miền Nam vừa qua cũng phát triển lên một bước mới với những thắng lợi lớn về *hoạt động chính trị về ngoại giao* đã làm cho địa vị quốc tế của Mặt trận và của phong trào giải phóng dân tộc miền Nam được nâng cao và đã tranh thủ được ngày càng rộng rãi sự đồng tình và ủng hộ về tinh thần và vật chất của phong trào cộng sản và công nhân, phong trào giải phóng dân tộc và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, phong trào cách mạng miền Nam cũng gặp *những khó khăn và biểu lộ những nhược điểm* mới:

- *Lực lượng của Đảng và quân chúng* tuy được phát triển khá nhưng chưa đều, trình độ chính trị và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên nói chung còn non kém. *Lực lượng vũ trang* tuy được phát triển mau chóng nhưng nói chung vẫn còn yếu, thành phần giữa các thứ quân chưa cân xứng. *Mỗi*

*chiến trường đều có những khó khăn khác nhau* hoặc về bổ sung nhân lực, hoặc về cung cấp, trang bị, hoặc về điều kiện địa hình. Trình độ kỹ thuật và chiến thuật của bộ đội chưa theo kịp sự đổi mới về kỹ thuật, chiến thuật của địch. Sự chỉ đạo chiến thuật ở nhiều nơi chưa được sắc bén, vững vàng. Căn cứ địa và các vùng giải phóng còn hẹp và ở mỗi nơi đều có những khó khăn riêng. Ở một số nơi trong vùng giải phóng đã *có nhiều khuyết điểm nhất là về các mặt chính sách*: đảm phụ, dân công, ruộng đất, sách lược nông thôn của Đảng, chính sách Mặt trận, chính sách đoàn kết tôn giáo dân tộc, chính sách đối với tệ nguy, chính sách trừ gian phòng điệp, v.v.. Về *tư tưởng và tác phong*, một số cán bộ, đảng viên còn mơ hồ về lập trường giai cấp, chưa thật nắm vững quan điểm trường kỳ chiến đấu, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi, gian khổ anh dũng tiến lên, chưa thật hoà mình vào quảng đại quần chúng, còn quan liêu mệnh lệnh, hình thức, thiếu quan điểm quần chúng, và kém cảnh giác chính trị, sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng tuy đã tiến bộ nhiều, có nhiều sáng tạo, nhưng đôi khi còn chủ quan, không thật vững vàng kiên định, không đánh giá đúng khả năng của địch, của ta, nhiều nơi còn bị động lúng túng, chưa linh hoạt sắc bén. Sự chỉ đạo của Trung ương Đảng nói chung là đúng đắn nhưng chưa được tập trung và chưa nâng lên mức tương xứng với yêu cầu chỉ đạo tình hình một nửa nước có chiến tranh.

*Thực tiễn của tình hình miền Nam trong năm qua là cơ sở tốt để đánh giá đến một chừng mực nhất định khả năng thực tế của việc đế quốc Mỹ can thiệp vũ trang vào miền Nam với loại "chiến tranh đặc biệt", về giá trị chiến lược, chiến thuật;*

*kỹ thuật mới của Mỹ trong loại chiến tranh này và năng lực tấn công của quân đội Mỹ - Diệm, đánh giá sức chống trả và khả năng phát triển của phong trào cách mạng miền Nam trong tình thế mới. Thực tiễn ấy cũng chứng tỏ Nghị quyết đầu năm 1962 của Bộ Chính trị về việc duy trì và phát triển phong trào giữ vững và mở rộng vùng kiểm soát, phá ấp chiến lược, làm thất bại kế hoạch Xtalây - Taylo, v.v. là hoàn toàn đúng đắn, đồng thời cũng chứng tỏ nhân dân miền Nam, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ miền Nam có thể làm được những việc ấy.*

Tuy nhiên, cần phải thấy hết khó khăn, nhược điểm mới của ta, thấy hết những khả năng và những cố gắng nhiều hơn nữa của địch. Hiện nay, về chiến lược, chiến thuật, địch vừa đánh vừa nghiên cứu và luôn luôn cố gắng đổi mới. Ta cần dự kiến đối phó với những trường hợp xấu hơn nữa mà địch có thể gây ra như: Mỹ có thể can thiệp mạnh hơn, lực lượng địch có thể được tăng cường nhiều hơn và chúng có thể đánh phá ác liệt nhiều hơn gấp bội năm 1962. Địch có thể đánh phá mạnh hơn nữa vào vùng căn cứ, có thể gây cho ta nhiều khó khăn hơn. Chúng có thể có những hành động ác liệt hơn nữa để gom dân lập ấp chiến lược. Nhưng địch cũng có những nhược điểm không thể khắc phục được về chính trị, về những mâu thuẫn trong nội bộ địch, về tinh thần quân đội địch; Mỹ ngày càng bị sa lầy, không tìm ra được lối thoát, không tin ở thắng lợi cuối cùng của chúng trong cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Mặt khác cũng cần thấy hết khả năng của phong trào cách mạng miền Nam với những kinh nghiệm rất phong phú chống Mỹ - Diệm trong các năm qua, nhất là trong năm 1962, với lực lượng chính trị và quân sự sắp tới được tăng cường nhiều hơn. Trên cơ sở ấy và với sự nỗ lực rèn luyện một đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng và kiên quyết, với sự đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân hơn, với sự tăng cường lực lượng, vũ trang của ta mau chóng

và vững chắc hơn, nhất định ta có thể tiếp tục giành những thắng lợi mới lớn hơn.

#### B- Tình hình Khu V

1. Để đối phó với phong trào cách mạng Khu V đang vươn lên, địch ngày càng tăng cường đánh phá phong trào một cách ác liệt. Đầu 1962 khi phong trào đồng bằng bắt đầu mở rộng, địch phải bị động lúng túng một thời gian nhưng từ nửa năm 1962 đến nay, địch đã tập trung lực lượng đánh phá phong trào một cách toàn diện, tăng cường càn quét, gom dân lập ấp chiến lược cả ở đồng bằng, giáp ranh và miền núi. Âm mưu thủ đoạn của địch rất tàn bạo và xảo quyệt, vừa đánh phá mạnh về quân sự vừa đẩy mạnh chiến tranh tâm lý gián điệp vừa ra sức bao vây phá hoại kinh tế, đánh đều khắp các địa phương nhưng có trọng điểm từng thời gian, vừa đánh phá vừa nghiên cứu các hình thức, thủ đoạn thích hợp với đặc điểm từng nơi từng lúc.

Địch đã thu được một số kết quả trong việc thực hiện âm mưu của chúng. Đáng chú ý là địch đã bắt được một số khá đông thanh niên để tăng quân số, xây dựng lực lượng nhất là dựng lên một hệ thống lực lượng bán vũ trang ở các thôn xã, đặc biệt là lập được trên 1.000 ấp chiến lược, khu tập trung dân ở đồng bằng và miền núi, lấn chiếm lại một phần vùng đã phá kìm kẹp ở đồng bằng và vùng tranh chấp miền núi, nổ súng ra đóng một số cứ điểm và mở một số đường vào vùng căn cứ của ta, phá hoại nặng nề kinh tế và tài sản của nhân dân ở nhiều nơi, v.v.. Địch đã gây ra cho phong trào cách mạng của Khu V thêm một số khó khăn, nhất là việc hình thành hệ thống ấp chiến lược và lực lượng bán vũ trang địa phương đã làm cho thế phòng ngự của địch ở các vùng chúng còn kiểm soát và vùng tranh chấp được tăng cường hơn.

Nhưng mặc dù đã cố gắng nhiều, địch vẫn không chặn đứng hoặc đẩy lùi được phong trào cách mạng trong Khu, trái lại địch ngày càng gặp phải những thất bại nặng nề hơn, một bộ phận quan trọng sinh lực bị tiêu hao tiêu diệt và tan rã, hệ thống chính quyền thôn xã bị tan rã từng mảng, v.v.. Thất

bại lớn nhất của địch là thất bại về chính trị: từ khi Mỹ trực tiếp can thiệp võ trang vào miền Nam và kế hoạch áp chiến lược của địch được xúc tiến mạnh, bộ mặt thật của chế độ Mỹ - Diệm đã bị bóc trần, mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với chế độ Mỹ - Diệm càng thêm sâu sắc, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, ở miền núi, nông thôn, thành thị ngày càng lên cao; nội bộ địch mâu thuẫn càng thêm sâu sắc, binh sĩ của Diệm hoang mang dao động mạnh và ngày càng thiếu tin tưởng vào chế độ Mỹ - Diệm, tinh thần chống Mỹ ngày càng tăng chẳng những trong các tầng lớp nhân dân mà cả trong binh sĩ của Diệm, v.v.. Rõ ràng là chế độ Mỹ - Diệm ngày càng bị cô lập và đang trên đà khủng hoảng trầm trọng.

2. Từ đầu năm 1962, nhờ đẩy mạnh cả hai mặt đấu tranh võ trang và đấu tranh chính trị, nhờ quyết tâm giành lại nông thôn đồng bằng, đồng thời ra sức giữ vững căn cứ miền núi, phong trào cách mạng trong Khu đã thực sự chuyển lên, khắc phục được một phần nhược điểm của phong trào cách mạng miền Nam trước đây là: "Nam Bộ mạnh, Khu V yếu, chính trị mạnh, vũ trang yếu", riêng Khu V là "miền núi mạnh đồng bằng yếu". Mở rộng đồng bằng, giữ vững trung tâm căn cứ miền núi, phát triển thực lực chính trị và vũ trang trong Khu vừa qua là những thắng lợi không riêng đối với Khu V mà đối với cả phong trào cách mạng miền Nam nói chung.

Trong những thắng lợi chung của phong trào Khu V, thắng lợi mở rộng đồng bằng có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt: góp phần củng cố căn cứ miền núi, mở phong trào đô thị, xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang, có tác dụng chuyển phong trào chung tiến lên, nhất là tăng cường sự tin tưởng của cán bộ và đảng viên vào đường lối, phương châm của Đảng, vào khả năng cách mạng của quần chúng, giải quyết được lúng túng lâu nay trong lãnh đạo đối với vấn đề mở đồng bằng.

Thắng lợi trong công tác lãnh đạo tư tưởng trong toàn Đảng và toàn dân là thắng lợi có ý nghĩa quyết định đối với mọi mặt công tác trong 18 tháng qua.

Những thắng lợi đó diễn ra đúng vào lúc Mỹ đã trắng trợn đưa thêm lực lượng và phương tiện hiện đại vào miền Nam, đúng vào lúc Mỹ - Diệm tiến hành "chiến tranh thực sự". Nhưng phong trào cách mạng Khu V không những được giữ vững mà còn tiếp tục phát triển. Điều đó chứng tỏ sự quyết tâm nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, sự vận dụng phương hướng, phương châm, sách lược cách mạng của Đảng đã thu được thắng lợi.

Tuy vậy, thắng lợi vừa qua mới chỉ là thắng lợi bước đầu, phong trào vẫn còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm và đang gặp những khó khăn mới. Phong trào miền núi chưa được củng cố đúng mức đủ sức làm căn cứ địa vững chắc cho một cuộc chiến tranh yêu nước lâu dài, vùng giải phóng đồng bằng còn hẹp, phong trào đô thị còn yếu. Nhiều mặt công tác còn yếu: lực lượng vũ trang vừa qua tuy đã đóng vai trò đòn xeo hỗ trợ đắc lực cho phong trào chính trị, nhưng so với yêu cầu việc xây dựng ba loại quân đều còn yếu, nhất là du kích chiến tranh xây dựng xã chiến đấu; việc xây dựng thực lực chính trị, nhất là xây dựng hạt nhân lãnh đạo ở xã thôn còn chậm; khó khăn về kinh tế và đời sống quần chúng là một khó khăn lớn đang đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực giải quyết để bảo đảm được yêu cầu xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng sắp đến; về lãnh đạo và chỉ đạo, việc thi hành các chính sách chưa được chú ý đúng mức, tổ chức thực hiện còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm, v.v.. Đặc biệt việc động viên chính trị trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân chưa được nâng lên kịp với yêu cầu của một cuộc chiến tranh yêu nước theo quy mô ngày càng lớn.

3) Sắp tới, cuộc đấu tranh giữa ta và địch sẽ còn giằng co ác liệt hơn trước. Địch còn có khả năng và sẽ còn âm mưu thủ đoạn hung ác thâm độc hơn để đánh phá phong trào; mở rộng và củng cố hệ thống áp chiến lược, khu tập trung dân để khống chế nhân dân, giành giật và khống chế kho nhân tài, vật lực, càn quét lấn chiếm vùng giải phóng và vùng căn cứ hòng bao vây, tiêu diệt lực lượng ta, v.v.. Nhưng mọi cố gắng

của địch theo hướng đó cũng không thể cứu vãn được sự suy sụp của chế độ chúng mà chỉ làm cho sự khủng hoảng chính trị của chế độ chúng càng trầm trọng thêm. Tình hình đó không cho phép chúng ta đứng dừng lại với những thành tích đã thu được, trái lại đòi hỏi chúng ta phải có một nỗ lực mới tiếp tục vươn lên, ra sức phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm và khuyết điểm, vừa tích cực đánh bại mọi âm mưu của địch vừa hết sức xây dựng mình, nhảy bèn với tình hình để chớp lấy thời cơ tốt đưa phong trào tiến lên những bước mới. Thực tiễn tình hình vừa qua cho phép chúng ta tin tưởng sắp tới nếu chúng ta nỗ lực vượt mọi khó khăn thì chúng ta có thể giữ vững và phát triển phong trào một cách mạnh mẽ hơn nữa.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG, PHƯƠNG CHÂM, NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG MIỀN NAM VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG KHU V

### 1. *Phương hướng cách mạng miền Nam*

Cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam hiện nay là *một cuộc chiến tranh yêu nước* của nhân dân với nội dung dân tộc dân chủ, chống lại cuộc "chiến tranh đặc biệt" và phản cách mạng của đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm mà *thực chất là chiến tranh xâm lược*.

Quá trình phát triển của cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam là quá trình phát triển của *một cuộc chiến tranh du kích toàn dân, toàn diện và trường kỳ* chống lại một kẻ địch mạnh, tàn bạo và thâm độc.

Hiện nay, địch đương ra sức tăng cường lực lượng, quyết tâm đánh bại cách mạng, và ta cũng đương nỗ lực xây dựng và phát triển lực lượng ta, quyết tâm đánh bại địch. Cho nên trong cuộc chiến tranh ấy hiện nay, đã *xuất hiện trạng thái giằng co quyết liệt giữa ta và địch*.

Dưới chế độ thống trị của Mỹ - Diệm, xã hội miền Nam mang *tính chất thuộc địa (kiểu mới) và nửa phong kiến*. Nhưng do

những thắng lợi mà cách mạng đã giành được bước đầu về ruộng đất tô tức, về những hình thức chính quyền cách mạng và nhiều quyền lợi chính trị khác trong những vùng rộng rãi mà nhân dân đương làm chủ, *đã dần dần xuất hiện tính chất dân chủ nhân dân*. Trong quá trình chiến đấu giữa ta và địch, các vùng giải phóng và vùng du kích sẽ ngày càng mở rộng, thì tính chất dân chủ nhân dân ấy sẽ ngày càng tăng lên và sẽ biến đổi dần dần tính chất của xã hội miền Nam.

Hiện nay, đế quốc Mỹ đã can thiệp võ trang vào miền Nam và ngày càng lôi cuốn một số nước trong phe cánh can thiệp vào miền Nam dưới nhiều hình thức; Ngô Đình Diệm đã tuyên bố chiến tranh và động viên toàn lực để chống lại cách mạng. Một mặt khác, cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam cũng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và toàn diện, lại được sự giúp đỡ của miền Bắc và sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào độc lập dân tộc và hoà bình trên thế giới.

Cuộc chiến tranh ở miền Nam là một loại chiến tranh đặc biệt của đế quốc và đồng thời là một cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân miền Nam, tuy nó đương diễn ra trên một bộ phận đất nước ta nhưng nó có *một tầm quan trọng quốc tế lớn*. Cũng vì vậy mà yếu tố thắng lợi của cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam là phải *dựa vào sức tự lực cánh sinh cao độ là chủ yếu*, đồng thời *phải có sự giúp đỡ tích cực của miền Bắc và sự ủng hộ ngày càng nhiều của cả phe xã hội chủ nghĩa cũng như của phong trào giải phóng dân tộc và của các lực lượng hoà bình dân chủ khác trên thế giới*.

Hiện nay, đế quốc Mỹ không phải dễ dàng phát động một cuộc chiến tranh thế giới, vì chúng chưa sẵn sàng và cũng sợ bị tiêu diệt. Cũng không phải bất cứ lúc nào và ở nơi nào chúng cũng có thể gây ra những cuộc chiến tranh cục bộ, vì với loại chiến tranh này chúng cũng không có khả năng thắng được ta (phe ta). Do đó, trong cuộc chiến tranh hiện nay giữa ta và địch ở miền Nam, chúng ta *cần phải và có khả*

*năng kiềm chế địch trong loại "chiến tranh thứ ba" và thắng địch trong loại chiến tranh ấy.* Làm như vậy là đúng với yêu cầu cách mạng của cả nước ta và giữ vững hoà bình ở miền Bắc, tích cực xây dựng miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa, làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, và đẩy mạnh cách mạng tiến tới giải phóng miền Nam. Để thực hiện được yêu cầu đó, không những miền Bắc phải mạnh, mà còn phải tranh thủ được sự ủng hộ đầy đủ của phe ta, trước hết là của Liên Xô, Trung Quốc làm cho địch thấy rằng nếu chúng gây ra một cuộc chiến tranh cục bộ với miền Bắc thì chúng có thể thua. Đồng thời, trong việc chỉ đạo cuộc chiến tranh ở miền Nam, về phía ta, ta phải biết kìm chế địch trong loại "chiến tranh thứ ba". Do đó, phương hướng chỉ đạo cuộc chiến tranh, cũng như sự giúp đỡ của miền Bắc đối với miền Nam phải đáp ứng thích đáng yêu cầu chung của toàn bộ cuộc cách mạng trong cả nước. Đồng thời, ta phải hết sức đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi hành động phiêu lưu, mạo hiểm do địch liêu lĩnh gây ra. Tình hình chiến đấu của nhân dân miền Nam còn nhiều gay go và phức tạp. Nhưng trước mắt, nhân dân miền Nam nhất định phải đạt cho được mục tiêu cách mạng hiện nay là giải phóng miền Nam, xây dựng một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ, thực hiện các mục tiêu độc lập, hoà bình và trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Quá trình phát triển của cuộc chiến đấu *có thể diễn ra bằng nhiều thắng lợi cục bộ, nhằm đánh bại địch từng phần, đẩy lùi địch từng bước*, làm cho địch không thắng được ta và buộc địch phải đình chiến, công nhận những chủ quyền nhất định của ta về độc lập, dân chủ, v.v.. Đó là một khả năng; một mặt khác, kẻ địch rất ngoan cố, chúng không chịu thua với những điều kiện do nhân dân đề ra, hoặc có đàm phán cũng để chuẩn bị thắng ta với những âm mưu khác; nhưng cách mạng càng thắng lợi, địch càng thất bại thì nội bộ của chúng càng mâu thuẫn, khủng hoảng; phong trào chống đế quốc Mỹ ở nhiều nơi, ngay cả trong nước của chúng ngày càng mạnh

mẽ, đế quốc Mỹ càng bị cô lập thêm. Cho nên ta *cần ra sức tích cực và biết che giấu lực lượng, nắm vững thời cơ để có thể tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa*, đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm làm thất bại âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam. Đó cũng là khả năng khác.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn đấu tranh giữa ta và địch mấy năm nay, và để hướng cuộc cách mạng của ta ở miền Nam phát triển lên những bước vững chắc và phù hợp với mọi khả năng có thể xảy ra, *phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là: trường kỳ đấu tranh bằng cả quân sự và chính trị, giữ vững và phát triển phong trào, giành thắng lợi từng phần, đẩy lùi địch từng bước, phát triển và che giấu lực lượng, chuẩn bị điều kiện, tranh thủ thời cơ để tiến lên giành những thắng lợi quyết định giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.*

## 2. Phương châm cách mạng miền Nam

Cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam hiện nay có những đặc điểm mới của nó, do đó *trong khi tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước cần nắm vững phương châm đẩy mạnh cả đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị*; quá trình phát triển của cuộc chiến tranh yêu nước đó là quá trình phát triển của một cuộc chiến tranh du kích, toàn dân, toàn diện và trường kỳ, cho nên về chỉ đạo phải nắm chặt và không ngừng tăng cường xây dựng và hoạt động vũ trang, đồng thời cũng không xem nhẹ, buông lỏng đấu tranh chính trị. Mấy năm qua, ở miền Nam lực lượng quân sự của địch mạnh hơn lực lượng quân sự của ta rất nhiều, nhưng phong trào cách mạng miền Nam vẫn giữ vững và phát triển, đó là vì ta có một ưu thế tuyệt đối, một sức mạnh rất hùng hậu là quần chúng nhân dân, nhất là nông dân đã đi hẳn với cách mạng, đi đôi với việc đẩy mạnh xây dựng và hoạt động vũ trang ta đã phát động được lực lượng hùng hậu của quần chúng đứng dậy dùng đấu tranh chính trị làm vũ khí sắc bén chống địch và tấn công địch. Hiện nay và sắp đến, khả năng và vai trò của đấu tranh chính trị không giảm sút mà vẫn tồn tại cho nên cần phải

không ngừng tăng cường chỉ đạo đấu tranh chính trị, phát huy mạnh mẽ hơn nữa khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng. Mặt khác, địch đang dùng chiến tranh thực sự, lấy hành động quân sự làm chủ yếu hòng đề bẹp phong trào cách mạng, cuộc chiến đấu giữa ta và địch là cuộc chiến đấu bằng máu và lửa, cho nên nhất thiết không thể chỉ có lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị mạnh mà phải tìm mọi biện pháp đẩy mạnh xây dựng lực lượng quân sự và hoạt động quân sự đến mức đủ sức phối hợp quân sự và chính trị đánh bại kẻ thù. Lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị càng mạnh thì càng tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang mạnh lên, ngược lại lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang càng mạnh càng tạo thêm khả năng và sức mạnh cho lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị.

Tuy nhiên, hình thức đấu tranh phải tùy so sánh lực lượng giữa ta và địch, tùy khả năng ở mỗi vùng mà vận dụng cho thích hợp. Thực tiễn chứng minh phương châm ba vùng đã đề ra trước đây (ở miền núi vũ trang là chủ yếu, ở nông thôn đồng bằng chính trị, vũ trang song song, ở đô thị chính trị là chủ yếu) là rất đúng. Nhưng cũng cần nhận rõ ở vùng rừng núi, lấy đấu tranh vũ trang làm chủ yếu, điều đó không có nghĩa là coi nhẹ đấu tranh chính trị. *Ở miền núi, đấu tranh vũ trang là chủ yếu, đồng thời phải tranh thủ vận dụng khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng*; cụ thể là trong những vùng căn cứ sâu, địch ít đến, trong khi vận dụng phương châm đấu tranh vũ trang là chủ yếu, cũng cần tranh thủ tạo sự giao lưu của đồng bào trong vùng căn cứ sâu với vùng tranh chấp hay vùng địch kiểm soát; ở những vùng đất bằng, đông dân, quân sự của ta chưa đủ sức bảo vệ quần chúng và nếu xét có lợi thì cũng phải chú trọng dùng cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị và càng phải giữ thể hợp pháp cho số đông quần chúng.

*Ở nông thôn đồng bằng nói chung, kể cả lõm căn cứ đồng bằng, phải vận dụng phương châm đấu tranh chính trị, vũ trang song song*; như thế không có nghĩa hai mặt chính trị

vũ trang đều nhau, mỗi bên chia một nửa mà có nghĩa là trong khi đẩy mạnh hết mức đấu tranh chính trị phải đồng thời đẩy mạnh hết mức đấu tranh vũ trang. Tuy vậy, cũng phải tùy điều kiện cụ thể từng vùng (lõm căn cứ, tranh chấp, địch kiểm soát...) từng lúc mà sử dụng hình thức đấu tranh chính trị, vũ trang cho phù hợp; ví dụ: ở lõm căn cứ đấu tranh vũ trang có thể mạnh hơn, đấu tranh chính trị chủ yếu là giữ thể hợp pháp cho quần chúng, giữ thể giao lưu bình thường giữa vùng ta và vùng địch tạm thời kiểm soát và đấu tranh trực diện với địch tại chỗ nhiều hơn; ở một số nơi nhất là vùng giáp ranh có một số quần chúng đã chạy bất hợp pháp, chưa có điều kiện tiến hành đấu tranh hai chân thì tạm thời phải giữ thể bất hợp pháp với địch để tránh địch xúc số dân này, v.v..

*Ở đô thị thì đấu tranh chính trị là chủ yếu, có kết hợp đấu tranh vũ trang trong một mức độ nhất định.* Đấu tranh vũ trang ở đây có hai phần: hoạt động vũ trang hỗ trợ cho phong trào quần chúng như diệt ác ôn đầu sỏ, v.v. và hoạt động vũ trang đánh vào sĩ quan Mỹ, vào các cơ cấu về kinh tế, kho tàng của địch... Các khu dinh điền, đồn điền, khu áp chiến lược, lực lượng địch mạnh, địch còn điều kiện kìm kẹp chặt quần chúng lâu ngày thì căn bản là áp dụng như vùng đô thị.

Nói chung, việc vận dụng phương châm đấu tranh chính trị, vũ trang phải rất linh hoạt, phải cụ thể, sát hợp với tình hình từng nơi từng lúc, tùy tình hình kẻ địch và tình hình quần chúng trong từng trường hợp cụ thể, tránh rập khuôn, máy móc, cứng đờ.

### 3. Nhiệm vụ cách mạng miền Nam

Căn cứ vào nhiệm vụ cơ bản và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam; căn cứ tình hình ta và địch hiện nay và khả năng phát triển của tình hình trước mắt, nhiệm vụ sắp đến của ta ở toàn miền Nam là:

*"Động viên chính trị toàn dân tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước toàn dân, toàn diện và trường kỳ, hết sức mở rộng*

*lực lượng quân sự và chính trị, phát động phong trào du kích chiến tranh rộng khắp và một phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, mạnh mẽ nhằm ra sức chống càn, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại kế hoạch lập ấp chiến lược của địch, làm tan rã địch nhiều hơn nữa. Trước mắt làm thất bại kế hoạch tấn công của địch năm 1963, giữ vững và phát triển lực lượng ta, mở rộng vùng căn cứ và vùng giải phóng, luôn luôn sức tích lực lượng và bồi dưỡng, che giấu lực lượng, sẵn sàng nắm vững thời cơ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy cuộc cách mạng tiến lên giành nhiều thắng lợi lớn hơn trong tình hình gay go, phức tạp mới cũng như trong tình hình có những biến chuyển mới có lợi cho phong trào".*

#### 4. Nhiệm vụ cách mạng Khu V

Căn cứ vào phương hướng phát triển cơ bản, nhiệm vụ cách mạng miền Nam và căn cứ vào tình hình hiện nay trong Khu ta, nhiệm vụ cách mạng sắp đến của Khu ta là:

*"Động viên chính trị toàn dân tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước toàn dân, toàn diện và trường kỳ, hết sức mở rộng và xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, phát động một cuộc du kích chiến tranh, một phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, mạnh mẽ nhằm đánh bại kế hoạch càn quét gom dân lập ấp chiến lược của địch, đẩy mạnh tác chiến tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm tan rã địch nhiều hơn nữa. Trước mắt, làm thất bại kế hoạch tấn công của địch năm 1963, năm 1964, giữ vững và phát triển lực lượng ta cả về chính trị và quân sự, giữ vững, củng cố và mở rộng căn cứ miền núi, giữ vững hành lang, củng cố và mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, đồng thời quyết tâm mở rộng phong trào đô thị, luôn luôn sức tích lực lượng và bồi dưỡng, che giấu lực lượng, sẵn sàng nắm vững thời cơ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy cuộc cách mạng tiến lên giành nhiều thắng lợi lớn hơn trong tình hình gay go, phức tạp mới cũng như trong tình hình có những biến chuyển mới có lợi cho phong trào".*

### III- XÂY DỰNG CUNG CỐ VÙNG CĂN CỨ, MỞ RỘNG ĐỒNG BẰNG GIÀNH GIỮ NHÂN TÀI, VẬT LỰC, ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO ĐÔ THỊ

#### 1. Ra sức củng cố và mở rộng căn cứ miền núi

Tiến lên xây dựng một căn cứ địa hoàn chỉnh còn bị hạn chế trong một thời gian tương đối dài, trước mắt phải tích cực củng cố các căn cứ nhỏ từng địa phương dần dần nối liền với nhau thành căn cứ rộng lớn đủ sức chứa đựng lực lượng cách mạng ngày càng phát triển và tạo thành một chiến trường tiêu diệt sinh lực địch. Trong căn cứ lớn đó cần chọn một số vùng có cơ sở nhân dân vững, địa hình tốt, xa địch để xây dựng thành khu căn cứ an toàn kiên cố cho các cơ quan lãnh đạo. Củng cố và mở rộng căn cứ phải đi liền với mở rộng du kích chiến tranh, đẩy mạnh tăng gia sản xuất nhằm cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm cung cấp, bảo đảm xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, nhất là không ngừng kiểm điểm rút kinh nghiệm thi hành tốt hơn nữa chính sách dân tộc của Đảng. Cần nhằm từng vùng, từng trọng điểm tập trung khả năng xây dựng đạt cho được từng mức yêu cầu nhất định.

Để bảo đảm củng cố căn cứ ngày càng vững chắc theo nội dung trên, các cấp, các ngành cần nghiêm chỉnh nghiên cứu và chấp hành đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chủ yếu là Nghị quyết Khu uỷ lần II (7-1962) và Chỉ thị của Thường vụ Khu uỷ tháng 3-1963. Cần chú ý nắm vững mấy yêu cầu sau đây:

#### a) Vùng trung tâm căn cứ

Động viên toàn Đảng, toàn dân quyết tâm chống càn quét, gom dân, giữ vững căn cứ, phát triển lực lượng cách mạng về

mọi mặt, thực hiện kiềng ba chân vững chắc (quân sự, chính trị, kinh tế).

Khâu chủ yếu hiện nay, có tầm quan trọng trước mắt và lâu dài là *phát triển du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu* và thực hiện tốt *phong trào vòng công, hợp tác tương trợ lao động*.

Muốn đẩy mạnh phong trào, nâng phong trào lên một bước mới, cần có biện pháp và hình thức *phát động tư tưởng* cán bộ và quần chúng, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ và sự giác ngộ của quần chúng lên cao hơn. Trước mắt, chỉ đạo cần quan tâm đặc biệt tình hình tư tưởng và chính trị trong quần chúng, đi sát nghiên cứu phát hiện và giải quyết kịp thời những sai lệch. Đồng thời, theo dõi sát tình hình *đói, đau* và có kế hoạch tích cực cứu chữa cấp bách và dần dần tiến tới giải quyết căn bản.

#### b) *Vùng tranh chấp*

Công tác trung tâm số một là *chống gom dân, phá ấp chiến lược và ổ vũ trang*; tranh thủ nắm quần chúng và vận dụng được một phần nhân, vật lực.

Thực hiện phương châm "hai chân ba mặt". Chú ý sách lược mặt trận, củng cố và phát huy tác dụng phong trào dân tộc tự trị.

Trong quá trình vận động chống, phá ấp chiến lược cần phải chuẩn bị đưa bớt một số dân ra vùng có địa thế để tăng cường nhân lực vùng căn cứ; vận động quần chúng phía sau hỗ trợ quần chúng phía trước (tinh thần, vũ khí thô sơ, lương thực...) để phá ấp chiến lược và xây dựng làng chiến đấu, phát triển du kích chiến tranh mạnh. Cố gắng tranh thủ làm chủ ban đêm và tiến tới dần dần làm chủ ban ngày.

#### c) *Vùng địch kiểm soát*

Chú trọng gây cơ sở và phát triển phong trào đấu tranh chính trị. Tuỳ tình hình và khả năng mà làm lỏng thể kìm kẹp và đưa dần lên đấu tranh hai chân ở những nơi có điều kiện.

Ở thị trấn, đồn điền và dinh điền, nói chung thực hiện theo phần "công tác đô thị" trong Nghị quyết này.

Ở vùng đồng bào Kinh phụ cận thị trấn và ở một số dinh điền sâu trong nông thôn mà xung quanh đó có phong trào đấu tranh hai chân thì cố gắng tạo điều kiện phá kìm kẹp và đưa dần lên hai chân ba mặt.

#### d) *Về chỉ đạo*

Cần ra sức khắc phục ba nguyên nhân chủ yếu đã làm cho chúng ta vừa qua chưa làm tốt nhiệm vụ củng cố và xây dựng căn cứ địa miền núi.

- Quán triệt trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân vị trí hết sức quan trọng của căn cứ vũ trang cách mạng để tận lực xây dựng, đem hết nhiệt tình tham gia xây dựng căn cứ về mọi mặt.

- Củng cố khâu quan trọng nhất hiện nay là củng cố chi bộ và bồi dưỡng cán bộ dân tộc nhất là cán bộ xã, thôn. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc làm cho nghị quyết, chỉ thị trở thành hành động của quần chúng.

- Vận dụng phương châm miền núi vào tình hình cụ thể từng vùng và từng lúc thật linh hoạt, sáng tạo, nhằm chống địch, nắm quần chúng và phát triển phong trào. Đồng thời, chú ý giáo dục và thi hành đúng chính sách dân tộc của Đảng.

#### đ) *Hướng nỗ lực cụ thể sắp tới*

Các tỉnh phải ra sức thực hiện cho kỳ được hướng nỗ lực sắp tới do Hội nghị Khu uỷ mở rộng lần này đã quy định cho mỗi địa phương.

#### 2. *Ra sức giữ vững và mở rộng phong trào nông thôn đồng bằng*

Nông thôn đồng bằng là nơi tập trung nhân tài, vật lực, tập trung đông đảo nông dân lao động, quân chủ lực của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cho nên có một vị trí đặc biệt quan trọng để đưa cuộc chiến tranh yêu nước hiện nay đến toàn thắng. Vì vậy, trong khi ra sức giữ vững và củng cố căn cứ miền núi, chúng ta cần có quyết tâm rất cao để sắp tới

ra sức giữ vững và mở rộng phong trào nông thôn đồng bằng nhằm giành lại kho nhân tài, vật lực đó.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, các cấp cần nghiên cứu thực hiện đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết về chủ trương, phương châm, chính sách, các bài bản và phương thức công tác đã có trước đây, chú ý đến các đặc điểm tình hình mới để vận dụng thích hợp. Dưới đây chỉ nhấn mạnh và bổ sung thêm một số điểm:

a) *Tiếp tục mở rộng diện phá kim kẹp, phá áp chiến lược*

Hiện nay, muốn phá thế kim kẹp của địch, phải phá áp chiến lược, cho nên phá thế kim kẹp và phá áp chiến lược phải kết hợp chặt chẽ với nhau và trong khi phá kim kẹp, phá áp chiến lược, phải chuẩn bị sẵn sàng chống càn để đối phó với sự phản công của địch nhằm lấn chiếm gom dân lập áp chiến lược trở lại.

Muốn vậy, phải có một tinh thần quyết tâm rất cao trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phải thấy rằng mở rộng diện phá thế kim kẹp, phá áp chiến lược là cốt biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta, giành lại khối nhân tài, vật lực to lớn với địch, trước mắt phải nhằm tạo thế nối liền giữa các vùng đã phá thế kim kẹp với nhau thành một bàn đạp rộng lớn nối liền đồng bằng với miền núi và tạo thành bàn đạp cho phong trào đô thị. Phát động quần chúng phá thế kim kẹp, phá áp chiến lược của địch là lãnh đạo quần chúng đứng lên tiến hành khởi nghĩa bộ phận ở nông thôn, cho nên một trong những yêu cầu chủ yếu là phải đánh đổ chính quyền địa phương của địch, không phải chỉ có bộ máy tề điệp mà còn phải làm tan rã và tước vũ khí lực lượng bán vũ trang địa phương (chú ý hơn nữa công tác binh vận để phục vụ tốt công tác này).

Nên tổ chức từng đợt hoạt động mạnh, diện rộng làm rung chuyển địch, đẩy mạnh sự hoang mang tan rã trong hàng ngũ địch để tạo điều kiện phá kim kẹp, phá áp chiến lược từng mảng. Trong chỉ đạo cụ thể, cần có điểm, có diện, giữa điểm và diện cần kết hợp tốt, vận dụng linh hoạt tùy theo

diễn biến tình hình, không nên cứng nhắc. Đồng thời, cần theo dõi sát tình hình chung, chuẩn bị điều kiện, sức tích lũy lực lượng để khi có thời cơ tốt tranh thủ giải phóng từng vùng rộng lớn nông thôn đồng bằng. Ngoài kế hoạch chung, từng địa phương có kế hoạch tranh thủ mọi thời cơ mở từng phạm vi nhỏ.

Phạm vi khu vực đồng bằng cần tiếp tục mở rộng năm 1963 và năm 1964 là nhằm lấn sát xuống tận quốc lộ, có nơi sát biển, cố giành lại một khối nhân tài, vật lực tương đối để tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước.

Về phương thức phát động quần chúng phá kim kẹp, phá áp chiến lược thì kết hợp chặt chẽ phát động lớn, phát động vừa và phát động nhỏ. Phát động vừa và nhỏ là phổ biến, tình hình thuận lợi nên tổ chức phát động toàn xã, hai, ba xã hay nhiều hơn (phát động to) để nâng uy thế quần chúng một cách mạnh mẽ hơn. Khi tiến hành phát động ở vùng sâu, cần chú ý xây dựng hành lang, bàn đạp và chuẩn bị chỗ dựa, hầm bí mật cho lực lượng, cán bộ.

Muốn làm tốt công tác phát động quần chúng phá kim kẹp, phá áp chiến lược sắp đến cần nắm vững các vấn đề sau đây:

a- Biết tạo và lợi dụng mọi thời cơ lớn và nhỏ để mở phong trào.

b- Mở rộng cơ sở một cách tích cực khẩn trương.

c- Giải quyết tốt tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang, nhất là khắc phục tư tưởng rụt rè, không tin vào quần chúng, xây dựng quyết tâm bám sát địa phương từ khi chuẩn bị phát động cho đến khi đã phá kim kẹp, giữ không cho địch lấn chiếm lại. Nắm vững tinh thần khởi nghĩa từng phần, tranh thủ thời gian liên tục tấn công địch.

d- Tổng kết và giáo dục kỹ các kinh nghiệm của Khu V về phát động quần chúng, đem kinh nghiệm đó giáo dục cho tất cả cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang hoạt động ở đồng bằng để bồi dưỡng, nâng cao trình độ, phương pháp công tác cho cán bộ, đảng viên và các chiến sĩ tham gia phát động.

đ- Nắm vững phương châm đấu tranh hai chân vũ trang và chính trị song song. Nắm vững đối tượng hoạt động là bọn ác ôn thôn, xã.

e- Nắm vững các bài bản và 7 khâu công tác phát động quần chúng phá thế kìm kẹp.

b) *Giữ vững và củng cố vùng giải phóng, vùng đã phá thế kìm kẹp, chống địch lấn chiếm trở lại*

Công tác củng cố vùng đã phá kìm kẹp vừa qua ta làm còn chậm, vì vậy, sắp tới phải có nỗ lực cao hơn nữa trong công tác này.

Phải nắm vững yêu cầu trước mắt của việc củng cố vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp là nhằm đánh bại mọi âm mưu càn quét lấn chiếm gom dân lập ấp chiến lược trở lại của địch, giữ gìn và bồi dưỡng kho nhân tài, vật lực để bảo đảm cho cuộc chiến tranh yêu nước.

Do đó, nội dung chủ yếu của việc củng cố vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp là:

- Ra sức chống càn, chống lấn chiếm, chống mọi âm mưu gom dân lập ấp chiến lược trở lại của địch.

- Tất cả công tác vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp đều phải *phục vụ phong trào du kích chiến tranh, xây dựng xã chiến đấu*.

- Nỗ lực xây dựng, củng cố thực lực chính trị và vũ trang, tăng cường thanh khiết và đoàn kết nội bộ quần chúng.

- Hết sức chú trọng tiếp tục phát động tư tưởng quần chúng một cách sâu sắc, làm cho đông đảo quần chúng có quyết tâm và dám đấu tranh, dám đánh địch, diệt địch bằng mọi hình thức thích hợp với khả năng của mình.

- Hết sức chăm lo đến đời sống vật chất và văn hoá, văn nghệ của quần chúng. Quan tâm đến việc thi hành và kiểm tra việc thi hành các chính sách của Đảng ở nông thôn.

- Luôn luôn chú ý vận dụng tốt phương châm đấu tranh chính trị, vũ trang song song nhằm bảo đảm yêu cầu củng cố vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp. Những nơi sâu trong vùng giải phóng cũng cần chú ý giáo dục, tổ chức, tập dượt

cho từng bộ phận quần chúng dạn địch, dám trực diện với địch như tổ chức cho họ thường xuyên ra vào, đi lại các thị trấn, thị xã, v.v. nhưng luôn luôn cảnh giác đề phòng trường hợp địch xúc dân hoặc lợi dụng quan hệ giao lưu để cầy do thám gián điệp, v.v..

- Dù địch đánh phá ác liệt đến đâu, chi bộ và du kích cũng phải bám cho được trong quần chúng, bám cho được địa phương để thường xuyên phát động tư tưởng, lãnh đạo quần chúng chống địch, đánh địch làm thất bại mọi âm mưu của địch.

Công tác củng cố vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp bao gồm cả hai mặt xây dựng mình và chống địch, sẵn sàng đánh địch, hiện nay trong các vùng đó tính chất dân chủ nhân dân cũng đang dần dần xuất hiện; cho nên công tác củng cố vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp có nhiều phức tạp, khó khăn và cũng rất khẩn trương. Vì vậy, sắp tới các cấp cần đi sát chỉ đạo cụ thể hơn nữa công tác vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp. Cần chú ý theo dõi, nghiên cứu và tổng kết những vấn đề mới, xuất hiện trong quá trình củng cố và mở rộng vùng giải phóng, vùng đã phá kìm kẹp ở nông thôn đồng bằng về phát triển du kích chiến tranh, xây dựng xã chiến đấu, về vận dụng phương châm đấu tranh cả vũ trang và chính trị phù hợp với đặc điểm từng nơi từng lúc trong vùng giải phóng, về thi hành sách lược chính sách (chú ý chính sách tôn giáo trong các vùng tôn giáo), về tổ chức Đảng và quần chúng, về công tác kinh tế và đời sống quần chúng và giáo dục phát động tư tưởng quần chúng vùng giải phóng, v.v..

c) *Ở các vùng địch đang kiểm soát*

Các cấp tỉnh uỷ, huyện uỷ cần hết sức chăm lo lãnh đạo công tác vùng địch đang kiểm soát, coi đó là trách nhiệm lớn của mình, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để đẩy mạnh hơn nữa phong trào ở các vùng này, không được có thái độ "làm đến đâu hay đến đó".

Nội dung chủ yếu của công tác vùng địch đang kiểm soát là đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền (kết hợp với đội vũ trang

công tác), kích động phong trào chính trị, xây dựng cơ sở, tuyên truyền nâng cao giác ngộ của quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi cải thiện dân sinh dân chủ, chống các chính sách vơ vét người của địch, làm lỏng thế kìm kẹp của chúng, chuẩn bị điều kiện để phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược của địch.

Nên chia ra hai loại vùng:

- Vùng có điều kiện đưa lên phá kìm kẹp trong thời gian tương đối ngắn, cần tranh thủ mở cơ sở, phong trào với tốc độ nhanh theo hướng chuẩn bị khởi nghĩa;
- Trong vùng nông thôn sâu xét chưa có điều kiện phát động thì hướng xây dựng cơ sở phải nhằm tồn tại mai phục lâu dài, nuôi dưỡng phong trào.

Trong công tác vùng địch kiểm soát, chú ý hai phương thức:

- Xây dựng đội công tác thành những mũi sắc nhọn (nơi khó, số lượng nên vào khoảng ba, bốn người) và quan tâm lãnh đạo các đội công tác hoạt động tốt;
- Tích cực sử dụng cán bộ, cơ sở hợp pháp để xây dựng và mở rộng cơ sở.

Các tỉnh cần phấn đấu để chậm nhất là đến 1/2 năm 1964 phải hoàn thành việc xây dựng cơ sở ở khắp các thôn trong toàn khu, các tỉnh cơ sở mạnh phải hoàn thành gây cơ sở trong năm 1963.

*d) Hướng nỗ lực cụ thể trong việc mở rộng đồng bằng đến hết năm 1964*

(Đã phổ biến miệng)

*3. Đẩy mạnh công tác thành phố, thị xã, thị trấn*

Sắp tới, đi đôi với xây dựng, củng cố căn cứ miền núi, giữ vững và mở rộng phong trào nông thôn đồng bằng, phải nỗ lực hơn nữa đẩy mạnh phong trào và phát triển thực lực cách mạng ở thành phố, thị xã, thị trấn.

Yêu cầu chung của công tác đô thị hiện nay là:

- Ra sức xây dựng lực lượng của Đảng và quần chúng.
  - Tuyên truyền giác ngộ chính trị cho quần chúng, đoàn kết quần chúng và không để quần chúng mắc mưu chia rẽ nội bộ của địch.
  - Vận động quần chúng đấu tranh đòi cải thiện dân sinh dân chủ, chống bóc lột, vơ vét, chống bắt lính, đầu độc nhân dân nhất là thanh niên bằng ăn chơi trụy lạc cao bồi kiểu Mỹ bằng hình thức hợp pháp, bán hợp pháp.
  - Ra sức tập hợp lực lượng rộng rãi xây dựng và mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc chống chiến tranh, chống Mỹ xâm lược, đòi hoà bình, độc lập, trung lập.
  - Đẩy mạnh công tác binh vận và vận động nhân viên chính quyền địch.
  - Kết hợp với hoạt động vũ trang có mức độ nhằm đánh phá hậu phương của địch tạo thế mở rộng phong trào quần chúng, hỗ trợ và phối hợp với phong trào nông thôn.
  - Chuẩn bị sẵn sàng đứng lên hưởng ứng với lực lượng bên ngoài để đánh đổ địch khi thời cơ chín muồi.
- Trong công tác đô thị, nhất là ở các thành phố quan trọng, phải nắm vững phương châm sức tích lực lượng, mai phục lâu dài, vì vậy hình thức hoạt động, tổ chức phải khéo léo, tránh bề nổi. Phải hết sức tổ chức cơ sở bí mật của Đảng ở các thành phố, đô thị. Đối với công tác quần chúng, phải nghiên cứu các hình thức tổ chức hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp cho thích hợp. Đối với việc hoạt động quân sự ở thành phố, đô thị, nên nhằm phá hoại các kho tàng lớn của địch, phá hoại các căn cứ sân bay, diệt các nơi tập trung cố vấn Mỹ; hết sức tránh việc liệng lựu đạn tràn lan trong nhân dân. Cần chú trọng xây dựng lực lượng ngầm và cơ sở chính trị để giành những thắng lợi lớn ở thành phố, đô thị khi có thời cơ tốt.

Để làm tốt công tác đô thị, thành phố theo những yêu cầu trên, cần chú ý mấy vấn đề:

- Xây dựng mạnh hành lang, bàn đạp cho thành phố, thị xã, thị trấn, nếu cần thì các địa phương phụ cận giao một số bàn đạp cho thành phố, thị xã, thị trấn.

- Tích cực sử dụng cán bộ hợp pháp, cơ sở hợp pháp trong việc xây dựng và mở rộng cơ sở, tuyên truyền gây ảnh hưởng cách mạng trong các tầng lớp nhân dân.

- Tùy điều kiện từng nơi, chú ý xây dựng lực lượng vũ trang để làm công tác biệt động trong thành phố, đô thị.

- Hết sức quan tâm bồi dưỡng giáo dục tư tưởng cho cán bộ công tác trong các thành phố, thị xã, thị trấn.

Sắp tới, các cấp cần chú ý hơn nữa đến việc lãnh đạo công tác đô thị. Phải củng cố các cấp uỷ phụ trách thành phố, thị xã, thị trấn; kiên quyết phái cán bộ vững, có kinh nghiệm và hiểu biết công tác đô thị làm công tác này.

#### 4. Đối với liên tỉnh 1<sup>1)</sup>

a) Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ sắp tới của Liên tỉnh 1 là phải ra sức chuẩn bị mọi mặt để đến đầu 1964 có thể phát động quần chúng phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược, đánh lại một phần nông thôn đồng bằng, đồng thời tích cực giữ vững và củng cố căn cứ miền núi, bảo đảm hành lang chiến lược. Cụ thể:

- Ở H<sup>2)</sup> miền núi, cần tiếp tục phát triển du kích chiến tranh rộng khắp, đẩy mạnh xây dựng chính trị và kinh tế, ra sức giữ vững và củng cố căn cứ, giữ vững hành lang. Ở đồng bằng, cơ sở hiện còn quá hẹp, vì vậy trước mắt, phải ra sức xây dựng và mở rộng cơ sở, đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, khởi động phong trào cách mạng chung, có thể dùng hình

1) Liên tỉnh 1 (từ năm 1955 đến 1966) gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Đà (B.T).

2) H: chúng tôi chưa xác minh rõ H là gì (B.T).

thức phát động nhỏ, kết hợp trừ gian, thanh khiết nội bộ quần chúng, làm lỏng dần thế kìm kẹp của địch, v.v. nhằm tích cực chuẩn bị để phát động quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược một mảng lớn.

- Ở R<sup>1)</sup> miền núi, cần kiên quyết giữ số quần chúng đã bất hợp pháp với địch, đưa dần một số về lại làng cũ để làm ăn và giữ thế nối liền với số dân bị dồn; đối với số quần chúng đã bị dồn, thì hành như các vùng dân bị dồn khác ở miền núi. Quan trọng là nắm cho được dân, tiến hành công tác binh vận cho tốt. Ở đồng bằng, phía Bắc ra sức củng cố, giữ vững cơ sở và phong trào, đề phòng vỡ lở, hoạt động khéo léo (chủ yếu là đấu tranh chính trị); ở phía Nam, cần tập trung sức xây dựng phong trào, cơ sở theo yêu cầu và nội dung như H chờ phong trào R được đẩy lên thì phối hợp hoạt động cùng một lần, phát động quần chúng phá kìm kẹp một mảng lớn nối liền Nam R và Bắc H.

b) Để chuẩn bị tốt cho việc phát động phá kìm kẹp, phá áp chiến lược ở đồng bằng liên tỉnh cần nắm vững mấy công tác trọng yếu:

- Xây dựng đội công tác đều khắp các xã, kiên quyết rút người tốt, am hiểu địa phương, lập thành những đội công tác sắc nhọn, hết sức quan tâm giáo dục tư tưởng và phương pháp công tác phát động.

- Xây dựng các hành lang, bàn đạp làm chân đứng cho lực lượng và cán bộ hoạt động.

- Khẩn trương xây dựng, bồi dưỡng và mở rộng cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác VT<sup>3)</sup>, phát động tư tưởng quần chúng theo hình thức phát động nhỏ, làm lỏng thế kìm kẹp của địch... Hướng chú ý là vùng giáp ranh, đồng thời tranh thủ mở rộng phong trào, vùng sâu.

- Quan trọng nhất là kiện toàn sự chỉ đạo của các cấp tỉnh nhất là huyện.

1) R: chúng tôi chưa xác minh rõ R là gì (B.T).

1) VT3: vũ trang tuyên truyền (B.T).

5. *Đối với liên tỉnh 3*  
(Khu uỷ sẽ có chỉ thị riêng).

IV- CÁC CÔNG TÁC CỤ THỂ

1. *Động viên chính trị toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát động một cuộc chiến tranh yêu nước mạnh mẽ và rộng khắp*

a) Từ hơn hai năm nay, Mỹ - Diệm đã và đang dùng chiến tranh thực sự, một cuộc "chiến tranh đặc biệt" và phản cách mạng mà *thực chất là chiến tranh xâm lược* để thực hiện âm mưu nô dịch nhân dân miền Nam. Để đánh bại âm mưu đó của chúng, chúng ta chỉ còn có một con đường là tiến hành *một cuộc chiến tranh yêu nước*, một cuộc kháng chiến lần thứ hai theo kiểu mới, phù hợp với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước hiện nay. Đó là một sự chuyển biến lớn, một sự chuyển biến về chất lượng của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, đòi hỏi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải có một sự chuyển biến mới về nhận thức cho phù hợp. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của chúng ta hiện nay là phải *động viên chính trị toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát động một cuộc chiến tranh yêu nước nhằm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ - Diệm*.

b) Đó là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, thường xuyên nhằm:

- Làm cho mọi người nhận rõ Mỹ - Diệm đang dùng chiến tranh xâm lược (kiểu đặc biệt) để bắt nhân dân miền Nam trở lại cuộc đời nô lệ, nhân dân miền Nam phải chọn một trong hai con đường: tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước để chiến thắng Mỹ - Diệm hoặc trở lại làm nô lệ cho Mỹ - Diệm. *Chúng ta phải chiến thắng Mỹ - Diệm, cho nên mọi người phải đứng lên đoàn kết quyết tâm tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước, một cuộc kháng chiến lần thứ hai*.

- Làm cho mọi người nhận rõ cuộc chiến tranh yêu nước, cuộc kháng chiến lần thứ hai chống Mỹ - Diệm là một cuộc chiến

tranh du kích toàn dân, toàn diện và trường kỳ có một nội dung mới, khác với cuộc chiến tranh trước, cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống thực dân Pháp và tay sai. Cuộc chiến tranh yêu nước lần này có một nội dung mới là *"Chúng ta vừa dùng đấu tranh quân sự vừa dùng đấu tranh chính trị để chiến thắng kẻ địch"*. Nội dung mới đó xuất phát từ đặc điểm tình hình trong và ngoài nước, đặc điểm tình hình ta và địch trong cuộc đấu tranh cách mạng của miền Nam hiện nay.

- Làm cho mọi người nhận rõ *cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam phải trường kỳ, gian khổ, tự lực cánh sinh nhưng nhất định thắng lợi* để một lòng tin tưởng sắt đá vào tiền đồ tất thắng của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đồng thời sẵn sàng tinh thần vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu cho đến ngày cách mạng miền Nam toàn thắng.

- Trên cơ sở đó, làm cho mọi người dứt khoát lập trường đấu tranh kiên trì và dũng cảm cho giải phóng miền Nam, chiến thắng Mỹ - Diệm, khơi động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân một tinh thần cách mạng hăng say hy sinh phấn đấu vì sự tất thắng của cuộc chiến tranh yêu nước chống Mỹ - Diệm.

c) Cuộc động viên chính trị này sẽ tiến hành dưới hình thức *một cuộc vận động lớn, một chiến dịch hoạt động lớn* trong đó sử dụng đủ mọi hình thức học tập, giáo dục, tuyên truyền, sách báo, văn nghệ, động viên khen thưởng, v.v..

Phải có kế hoạch chu đáo mọi mặt trong cuộc vận động, đồng thời phải chuẩn bị kế hoạch giữ và tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động.

Phải làm từ trong Đảng làm ra đến toàn quân và rộng khắp các tầng lớp nhân dân (chú ý có hình thức thích hợp với từng loại). Trong nhân dân, hết sức chú ý thanh niên.

d) *Về khẩu hiệu* cuộc vận động, Khu sẽ chỉ thị sau.

Phải khẩn trương chuẩn bị để khoảng cuối quý 3 đầu quý 4 năm nay sẽ bắt đầu phát động cuộc vận động lớn đó.

2. Phát triển du kích chiến tranh mạnh mẽ và rộng khắp, tăng cường xây dựng ba loại quân, đẩy mạnh tác chiến chống địch càn quét lấn chiếm gom dân lập ấp chiến lược, tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

a) Nhiệm vụ trước mắt về mặt vũ trang là: ra sức phát động toàn Đảng, toàn dân *phát triển chiến tranh du kích rộng rãi, mạnh mẽ, tiến hành một cuộc kháng chiến cứu nước lần thứ hai*, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị để chống phá và làm thất bại các âm mưu của địch, chủ yếu là chống càn, chống lấn chiếm, chống phá ấp chiến lược, gom dân, mở rộng vùng căn cứ và vùng giải phóng, ra sức xây dựng dân quân, du kích, xã chiến đấu, bộ đội địa phương ở khắp rừng núi và đồng bằng, đồng thời xây dựng bộ đội chủ lực lớn mạnh nhằm đưa tác chiến tiêu diệt sinh lực địch lên mạnh hơn, tạo điều kiện làm chuyển biến tình hình có lợi cho ta, thúc đẩy sự tan rã tinh thần địch và bồi dưỡng lực lượng ta.

b) Phải phát động một phong trào tham gia *dân quân du kích* và đánh du kích mạnh mẽ ở miền núi và đồng bằng.

Ra sức phát triển dân quân du kích xã thôn, chủ yếu là dân quân, du kích không thoát ly hoặc bán thoát ly, nơi nào có cơ sở là phải có du kích, ngay cả trong vùng địch kiểm soát cũng phải tổ chức du kích bí mật, phải cố gắng để mỗi xã có từ 4 đến 5 tiểu đội du kích bán thoát ly, *làm cho số lượng du kích phải vượt hơn hẳn lực lượng bán vũ trang của địch*.

Ra sức tăng cường trang bị cho dân quân du kích, cố gắng giải quyết vũ khí chất nổ, đồng thời phát động rộng rãi phong trào dân quân du kích và quần chúng làm và sử dụng vũ khí thô sơ.

Tăng cường huấn luyện và nâng cao trình độ tác chiến cho dân quân du kích tiêu hao địch rộng rãi, bắn được máy bay trực thăng địch một cách phổ biến, đánh mạnh giao thông địch, chủ yếu là chống địch càn quét dồn dân.

Các vùng căn cứ, vùng đã phá thế kìm kẹp phải chuyển ngay sang xây dựng xã chiến đấu bố phòng, chống đánh địch, phải

*lấy việc xây dựng xã chiến đấu làm nội dung chính yếu của toàn bộ công tác* và nâng cao không ngừng nội dung và chất lượng xây dựng xã chiến đấu. Tất cả công tác trong vùng căn cứ, vùng đã phá thế kìm kẹp phải phục vụ yêu cầu phát triển du kích chiến tranh chống địch càn quét, lấn chiếm và gom dân, lập ấp chiến lược.

Chi bộ xã phải thật sự lãnh đạo phong trào nhân dân du kích chiến tranh; cán bộ, đảng viên, đoàn viên, nông cốt quần chúng ở xã, thôn phải có ý thức tham gia du kích, làm nông cốt trong phong trào đấu tranh vũ trang.

Các đơn vị bộ đội địa phương và chủ lực phải có ý thức và thực sự tham gia hướng dẫn giúp đỡ và phối hợp cùng dân quân du kích, đặc biệt là giúp đỡ và phối hợp với du kích chống địch càn quét, gom dân, lập ấp chiến lược.

Ra sức đào tạo cán bộ xã đội, thôn đội, trung đội và tiểu đội cho lực lượng dân quân và du kích. Thường xuyên tổ chức các Đại hội du kích ở các cấp để động viên phong trào, tổng kết kinh nghiệm phát triển du kích chiến tranh và xây dựng xã chiến đấu, qua đó bồi dưỡng trình độ công tác và chỉ huy cho cán bộ.

Cấp ủy Đảng và Ban quân sự các cấp phải tích cực chăm lo hơn nữa phong trào du kích chiến tranh, xây dựng xã chiến đấu. Các ngành trong phạm vi của mình cần có ý thức và kế hoạch tham gia phát triển phong trào du kích chiến tranh; xây dựng xã chiến đấu.

c) *Bộ đội địa phương tỉnh, huyện* thời gian tới phải đạt yêu cầu tổ chức phát triển cho đủ số đã quy định và củng cố, nâng cao chất lượng đủ sức làm nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào địa phương, nhất là phục vụ tốt việc phá thế kìm kẹp, chống lấn chiếm, chống phá ấp chiến lược, gom dân, chống càn, đồng thời tạo điều kiện cho chủ lực dễ dàng tập trung và cơ động đánh địch.

Trừ Trị Thiên, các tỉnh khác cần tiến lên xây dựng tiểu đoàn cho tỉnh, nhưng hình thức hoạt động thông thường là đại đội khi cần thiết và có điều kiện mới hoạt động tập trung. Các

huyện lớn có thể tổ chức đại đội bố trí hoạt động tùy theo điều kiện chiến trường, các huyện nhỏ và nằm dưới vùng sâu giữ mức tổ chức nhiều trung đội bám sát từng vùng tích cực giằng co với địch. Ngoài ra, cần xây dựng nhiều đơn vị chuyên môn về đặc công, đánh các loại xe cơ giới, đánh trực thăng và biệt động quân, v.v. đến huyện, xã.

d) Trong khi ra sức phát triển du kích chiến tranh, xây dựng bộ đội địa phương, cần chú trọng *xây dựng bộ đội chủ lực* để chủ lực có đủ sức đánh những trận chủ động tiêu diệt sinh lực địch, phối hợp với bộ đội địa phương mở các chiến dịch phá ấp chiến lược, giành nhân vật lực với địch ở đồng bằng hoặc đánh giao thông, chống càn quét, mở rộng căn cứ địa miền núi.

Các cấp phải hết sức bổ sung thanh niên trong lực lượng chủ lực bảo đảm yêu cầu về tổ chức đã quy định. Cố gắng cải thiện chế độ cung cấp để nâng cao sức khỏe cho chiến sĩ, đồng thời cần đặc biệt chú trọng nâng cao trình độ kỹ thuật, tăng cường giáo dục giác ngộ dân tộc và giác ngộ giai cấp cho cán bộ và chiến sĩ. Chú ý thi hành tốt chính sách thương binh, các cấp cần tích cực chấp hành chỉ thị trước đây về chính sách thương binh, cố gắng tổ chức các trại thương binh, lập các Hội đồng thương binh để chăm lo công tác này. Các cấp cần ý thức và kế hoạch tốt chuẩn bị thường xuyên cho các lực lượng có thể mở những đợt hoạt động liên tục, nhất là về lương thực.

Trong khi quan tâm xây dựng chủ lực, cần nắm vững không vì xây dựng chủ lực mà làm yếu du kích và bộ đội địa phương. Nơi phong trào du kích và bộ đội địa phương còn yếu thì trước hết cần tập trung sức phát triển du kích chiến tranh, xây dựng bộ đội địa phương. Ở những vùng du kích còn yếu, cần phải phân tán một số cán bộ và chiến sĩ bộ đội chủ lực về tăng cường cho địa phương trong một thời gian nhất định.

đ) Phương châm tác chiến chung hiện nay là *đánh du kích*; trong những điều kiện có lợi và chắc thắng kết hợp đánh vận động và đánh công kiên, đánh vận động hay đánh công kiên cũng nằm trong chiến thuật du kích. Hình thức tác chiến

chủ yếu là *phục kích*, tập kích, tốt nhất là diệt địch ngoài công sự, dùng đặc công hoặc nội ứng kỳ tập đồn bốt địch, vây hoặc diệt đồn đánh viện; chỉ đánh công kiên khi chắc thắng và thật cần thiết.

Cần nghiên cứu tổ chức từng đợt hoạt động có phối hợp chủ lực, bộ đội địa phương, du kích, đặc công để phá ấp chiến lược địch từng mảng trên từng vùng nhất định, hoặc từng đợt đánh phá làm tê liệt, giao thông địch, mở rộng căn cứ, chống càn, chống lấn chiếm là những hình thức tiến tới các chiến dịch du kích sau này. Cần chú ý nghiên cứu những hình thức đánh địch càn quét gom dân lập ấp chiến lược có hiệu quả để hỗ trợ đắc lực cho việc giữ vững và củng cố phong trào.

Về tư tưởng chiến thuật, để đối phó với khả năng trang bị kỹ thuật hiện đại, khả năng cơ động của địch, cần nắm vững những nguyên tắc cơ bản của du kích chiến tranh là tiêu diệt địch, bồi dưỡng mình, đặc biệt chú ý đánh tiêu diệt, đánh nhỏ ăn chắc, đánh chắc thắng, đánh nhanh giải quyết nhanh, *đánh cho có lợi về quân sự và cả về chính trị và làm tan rã tinh thần địch*. Đồng thời, *cũng nắm vững yêu cầu đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh*, luôn luôn làm chủ tình hình, biết đánh địch ở khắp mọi nơi, và cũng biết tránh địch, biết phá những cuộc càn quét lấn chiếm của địch, nhưng luôn luôn nắm vững việc bảo tồn mình.

Phương hướng đánh địch một mặt nhằm *làm tan rã lực lượng bảo an dân vệ và các tổ chức vũ trang địa phương* đang khống chế nhân vật lực và kìm kẹp nông thôn, đồng thời cần tranh thủ điều kiện có lợi đánh tiêu diệt các đơn vị chính quy và biệt kích đường bộ, đường không của địch để thúc đẩy sự tan rã tinh thần địch và bồi dưỡng lực lượng ta.

e) Cần tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo công tác vũ trang của các cấp uỷ Đảng, toàn Đảng phải biết lãnh đạo và làm quân sự, quan tâm nuôi dưỡng lực lượng vũ trang. Ban quân sự các cấp một mặt làm việc theo hệ thống dọc của ngành quân sự nhưng trong tình hình hiện nay phải chịu sự chỉ đạo

ngang của cấp uỷ địa phương là chính, nhất là về mặt hoạt động, sử dụng lực lượng.

### 3. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị của quần chúng

a) Trong khi tích cực phát triển du kích chiến tranh, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên hết mức, đồng thời phải không ngừng phát triển quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị lên hết mức.

Yêu cầu của đấu tranh chính trị hiện nay là cùng với phong trào đấu tranh vũ trang, ra sức đánh bại âm mưu địch, nhất là: chống càn, chống lấn chiếm, chống phá gom dân, lập ấp chiến lược, chống các âm mưu chia rẽ lừa bịp của địch..., *giành giữ quyền lợi thiết thân hàng ngày của quần chúng, ra sức xây dựng, củng cố ta về mọi mặt, đồng thời tích cực tấn công làm suy yếu, phân hoá hàng ngũ địch, tạo điều kiện giữ vững và phát triển phong trào chính trị, vũ trang lên một bước mới.*

Sắp đến, cần phải đưa phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên rộng rãi, mạnh mẽ, liên tục và vững chắc, hơn nữa, đồng thời *phải đưa phong trào vào chiều sâu, phải xoáy vào các quyền lợi thiết thân bức xúc nhất của quần chúng; chủ yếu là mở rộng đấu tranh chính trị trực diện của quần chúng ở vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát* đồng thời tranh thủ giữ thế hợp pháp cho quần chúng và khi cần thiết đấu tranh chính trị trực diện tại chỗ của quần chúng ở vùng ta làm chủ.

b) Cụ thể về hình thức đấu tranh:

- Trong vùng địch kiểm soát, cần dựa vào thế hợp pháp của quần chúng mà đưa phong trào lên từ thấp đến cao, từ lẻ tẻ đến tập trung khi có điều kiện và cần thiết nhưng không nên xóc nổi, hết sức tận dụng mọi hình thức hợp pháp và bán hợp pháp trong các thị xã, thị trấn.

- Trong vùng tranh chấp, cần kết hợp hình thức đấu tranh lẻ tẻ thường xuyên hàng ngày với từng cuộc đấu tranh tập trung, kết hợp đấu tranh tại chỗ khi địch đến và kéo đến đồn bót, xã, huyện đấu tranh.

- Trong vùng ta kiểm soát nhất là trong các nơi ở sâu trong vùng ta, hàng ngày địch không đi đến thì trên cơ sở giáo dục sâu sắc tư tưởng, chính trị cho quần chúng và xây dựng thực lực chính trị vũ trang vững mạnh, chú ý giữ cho được thế hợp pháp của quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh tại chỗ khi địch đến và từng lúc có vấn đề thiết thực thì lãnh đạo quần chúng kéo đến địch đấu tranh, phải thường xuyên tập dượt, tổ chức quần chúng đi lại với các vùng khác, mở rộng giao lưu, ra vào thành phố, thị xã, thị trấn.

- Hình thức đấu tranh chính trị ở đồng bằng hiện nay chủ yếu là giữ thế hợp pháp cho đại bộ phận quần chúng đấu tranh dưới những hình thức lẻ tẻ, thường xuyên với *quy mô nhỏ*, nhằm những yêu cầu thiết thực về quyền lợi hàng ngày của quần chúng. Đồng thời, cũng cần tranh thủ có những cuộc đấu tranh tập trung với *quy mô lớn* nhằm đánh mạnh vào địch; có thể có những cuộc đấu tranh của quần chúng từ vùng tranh chấp hoặc từ những vùng ta kiểm soát kéo vào thị xã, thị trấn nhưng phải có vấn đề thiết thực, yêu sách và lý lẽ vững chắc, tổ chức chặt chẽ, đấu tranh phải vừa quyết liệt vừa mềm dẻo, phải tích cực tranh thủ, phân hoá binh lính địch để hạn chế bớt sức khủng bố của địch.

Cần tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phong trào Phật giáo, các cấp cần tìm mọi cách luồn vào lãnh đạo phong trào ấy.

c) Cần thấy hết tính chất quyết liệt, khó khăn và phức tạp của đấu tranh chính trị hiện nay. Muốn đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị lên hơn nữa, cần chú ý các vấn đề sau đây:

- Khâu chính là ra sức xây dựng về tư tưởng cho đội quân chính trị của quần chúng, thường xuyên giáo dục, tập dượt cho quần chúng từ thấp đến cao (chủ yếu là đấu tranh chính trị trực diện, đồng thời chú ý đấu tranh không trực diện).

- Chú ý huấn luyện, đào tạo cho cán bộ nắm vững và nâng cao nghệ thuật đưa quần chúng ra đấu tranh chính trị, coi việc huấn luyện, đào tạo cán bộ đấu tranh chính trị như đối với cán bộ xã đội, thôn đội.

- Nền nhằm những nơi tiếp cận địch, quần chúng thường dạn địch để đẩy phong trào chung loang rộng, cố gắng phối hợp đấu tranh với diện rộng để phong trào khỏi bị cô lập.

- Chú ý kết hợp đẩy mạnh đấu tranh vũ trang để tạo thế mạnh cho quần chúng đấu tranh chính trị.

- Về lãnh đạo chỉ đạo, các cấp cần có nhận thức sâu sắc và tinh thần quyết tâm cao phát triển thực lực chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng; chỉ đạo cụ thể, linh hoạt, thường xuyên tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng, phát huy hơn nữa tác dụng của lãnh đạo trong phong trào đấu tranh chính trị. Trong cấp uỷ, phải có đồng chí chuyên trách về lãnh đạo đấu tranh chính trị; Ban Dân vận các cấp có trách nhiệm giúp cấp uỷ theo dõi chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị.

*4. Ra sức chống, phá áp chiến lược, khu tập trung dồn dân của địch.*

Cần có kế hoạch tổ chức học tập "Nghị quyết của Trung ương Cục về công tác chống, phá khu, áp chiến lược" trong tất cả các cấp uỷ Đảng, các chi bộ, các ngành và trong chừng mực nhất định đến các đoàn thể quần chúng và ngoài nhân dân; có kế hoạch cụ thể nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết đó.

Nghị quyết này chỉ nhấn mạnh một số điểm cần thiết nhất để các cấp uỷ hết sức chú ý trong quá trình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục về công tác chống, phá khu, áp chiến lược.

a) Để đánh bại âm mưu chống, phá áp chiến lược, khu tập trung dồn dân của địch, căn cứ vào tình hình ta và địch hiện nay *nhệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân suốt cả trong giai đoạn dài sắp đến là "Tích cực hoạt động đánh bại âm mưu lập khu, áp chiến lược, gom dân của địch, đó là âm mưu chủ yếu nhất của kế hoạch Xtalây - Taylo".*

Đánh bại âm mưu này là đánh bại toàn bộ kế hoạch Xtalây - Taylo, kế hoạch then chốt của cuộc chiến tranh đặc biệt mà địch đang tiến hành ở miền Nam Việt Nam.

Để thực hiện nhiệm vụ ấy, chúng ta cần ra sức đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đặc biệt là đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, *ra sức chống càn, chống, phá khu, áp chiến lược, gom dân, tiêu hao tiêu diệt, làm tan rã sinh lực địch đi đôi với khẩn trương xây dựng củng cố và phát triển thực lực chính trị và vũ trang bên ngoài cũng như bên trong khu áp chiến lược, tập trung và kết hợp chặt chẽ mọi lực lượng, mọi mặt công tác nhằm tấn công địch để chặn đứng, đẩy lùi, làm thất bại từng bước tiến lên làm thất bại hoàn toàn âm mưu xây dựng khu, áp chiến lược gom dân của địch.*

b) Phương hướng chung là tiến lên phá tan toàn bộ khu, áp chiến lược của địch, dựa trên phương hướng đó *yêu cầu chống, phá trước mắt và cụ thể cho từng vùng là:*

- Vùng ta mạnh nói chung kiên quyết không cho địch gom dân chống, phá khu, áp chiến lược đi đôi với ra sức củng cố và mở rộng căn cứ.

- Đối với các khu, áp chiến lược *có tính chất nông thôn*, kể cả trong vùng ta mạnh, vùng tranh chấp và các khu, áp nằm sát đường giao thông chiến lược, xung quanh thị trấn thị xã, cần nỗ lực phá rã cả hình thức lẫn nội dung và những nơi có điều kiện tích cực chuyển thành xã chiến đấu.

- Đối với các khóm, phường chiến lược *trong nội ô thị trấn, thị xã, thành phố*, yêu cầu là phá lỏng thể kim kẹp làm cho địch không ổn định, chống mọi âm mưu khai thác nhân tài, vật lực của địch ở đây, không để địch biến thành hậu phương an toàn của địch.

- Đối tượng các đồn điền và dinh điền, các khu tôn giáo, vùng căn cứ quân sự của địch *có tính chất đô thị* thì tuỳ theo lực lượng so sánh ta địch từng chỗ mà đặt yêu cầu linh hoạt, thích hợp như phá lỏng kim kẹp hoặc phá bỏ nội dung kim

kẹp của địch hoặc nơi có điều kiện thì tiến lên phá vỡ cả nội dung và hình thức.

c) *Yêu cầu phá vỡ các khu, áp chiến lược ở nông thôn tùy so sánh lực lượng ta địch từng chỗ, từng lúc mà đặt mức độ cho sát hợp và nâng dần lên từng bước.*

- Nơi nào chưa phá vỡ được hình thức thì phá cho được kẹp bên trong.

- Nơi nào phá được kẹp bên trong rồi thì tiến lên phá vỡ cả bờ thành, rào hào bên ngoài, xây dựng xã chiến đấu.

- Nơi nào phá banh bờ rào, bộ máy kẹp rồi nhưng chưa diệt được đồn bót nếu có điều kiện thì tiến lên dứt điểm (đánh đồn) giải phóng hoàn toàn, nhưng yêu cầu mức độ cụ thể phải tùy theo tình hình địch và khả năng lực lượng cụ thể của ta mà đề ra phá nội dung trước hay cùng một lúc phá cả hình thức và nội dung chứ không nhất thiết phải phá mặt này trước mặt kia sau.

d) *Về phương châm, hình thức chống phá*

Cần nắm vững các vấn đề sau đây:

- Chỉ đạo đối phó của ta phải *tập trung toàn lực, toàn diện* nhằm chống địch, đánh địch cũng như xây dựng ta cả bên ngoài và bên trong khu, áp chiến lược.

- Kết hợp chặt chẽ giữa liên hệ bên trong và bên ngoài, bên trên và bên dưới, địa phương này và địa phương khác. *Nắm vững lực lượng chính trị quần chúng là cơ bản, lực lượng vũ trang kết hợp là đòn bẩy đặc biệt quan trọng*; lực lượng hậu bị vũ trang của quần chúng tại chỗ là cơ bản nhưng lực lượng vũ trang bên trên kết hợp là đặc biệt quan trọng.

- Kết hợp chặt chẽ *ba mặt giáp công* để chống, phá khu, áp chiến lược gom dân trong từng điểm một; khâu chính là đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, đấu tranh chính trị và binh vận có vị trí đặc biệt quan trọng trong chống phá gom dân lập ấp chiến lược, kết hợp chặt chẽ giữa chống càn với chống gom dân lập ấp chiến lược.

- Cần nhận rõ phá vỡ thể thường xuyên thể kẹp gây tình trạng không ổn định trong các khu, áp chiến lược là phổ

biến, là quá trình tạo điều kiện để phá vỡ, phá dứt điểm khu, ấp chiến lược, giải phóng hoàn toàn quần chúng.

- Kết hợp chống gom dân lập ấp chiến lược với giữ vững và củng cố vùng căn cứ, vùng giải phóng, kết hợp phá ấp chiến lược với phá kẹp mở rộng vùng giải phóng, kết hợp *phá thường xuyên liên tục từng cái hay nhiều cái một lần với phá từng đợt trên một diện rộng.*

- Nắm vững phương châm *chống, phá lâu dài, giằng co quyết liệt với địch, đồng thời khẩn trương nỗ lực* chống, phá trước mắt một cách mạnh mẽ quyết liệt. Phương châm chống, phá lâu dài cần quán triệt trên mọi mặt công tác về mặt chống địch cũng như xây dựng ta.

- Nắm vững yêu cầu *phá thể kẹp bên trong là chủ yếu nhưng không nên coi nhẹ phá rào, bờ thành*. Khi tiến hành phá hình thức, phải hết sức chú trọng việc phá kẹp bên trong, xây dựng, phát triển cơ sở để tiến lên phá vỡ cả hình thức lẫn nội dung.

Trong điều kiện phá hình thức chưa có tác dụng thiết thực nhiều mà lại kích thích thêm sự cảnh giác của địch, gây thêm khó khăn cho ta và ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt của quần chúng thì cần cân nhắc lợi hại đúng mức của việc phá hình thức và chủ yếu cần tập trung sức phá kẹp bên trong của địch và xây dựng lực lượng đưa phong trào bên trong lên.

- Luôn luôn nắm vững phương châm tích cực nâng cao yêu cầu, mức độ chống phá lên từng bước thích hợp tùy tình hình so sánh lực lượng ta địch cụ thể ở từng nơi từng lúc, *tránh tình trạng ăn non, dẫm chân tại chỗ.*

- Nói chung, cần nắm vững phương châm ba vùng và tình hình so sánh lực lượng ta địch từng nơi, từng lúc mà đặt yêu cầu mức độ và vận dụng phương châm, hình thức chống, phá cho phù hợp, tránh tình trạng đề ra quá cao hoặc quá thấp đều có hại cho phong trào.

c) *Về chỉ đạo thực hiện*

Để bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch chống, phá ấp chiến lược, gom dân của địch, trong công tác chỉ đạo cần chú ý:

- Làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thấy rõ âm mưu lập ấp chiến lược, gom dân của địch, đánh giá đúng mức khả năng chung của địch, của ta và khả năng cụ thể của địch, của ta trong từng địa phương để mọi người có tin tưởng vững chắc và quyết tâm cao độ chống, phá âm mưu của địch.

- Khâu quyết định là *tăng cường lãnh đạo tư tưởng, đồng thời phải đi đôi với kế hoạch chính xác cụ thể*. Chú ý xây dựng tư tưởng quyết tâm bám quần chúng, bám địa phương trong cán bộ.

- Chỉ đạo phải toàn diện, tập trung, kết hợp chặt chẽ các mặt, *huy động sự tham gia của mọi ngành*, kết hợp bên trong và bên ngoài, bên trên và bên dưới chống, phá âm mưu lập ấp chiến lược, gom dân, võ trang nhân dân của địch.

Phải đặt *công tác chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân, võ trang nhân dân là công tác trọng tâm hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân*.

- Các cấp uỷ cần thành lập Ban phụ trách chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân ở mỗi cấp giúp cấp uỷ chỉ đạo công tác này, do đồng chí Thường vụ hoặc cấp uỷ viên làm Trưởng ban.

Ở xã, do xã uỷ hoặc chi uỷ xã trực tiếp phụ trách.

- Mỗi cấp đều có điểm chỉ đạo riêng, thường xuyên theo dõi, phát hiện tình hình, tổng kết phổ biến kinh nghiệm.

##### 5. *Đẩy mạnh công tác binh vận*

Công tác binh vận vừa qua đã thu được một số kết quả, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới. Tình hình hiện nay và sắp tới có nhiều thuận lợi cho ta để đẩy mạnh công tác binh vận lên hơn nữa. Các cấp cần có kế hoạch tổ chức phổ biến Nghị quyết Hội nghị binh vận Trung ương Cục cho các cấp bộ Đảng và cán bộ ngành binh vận và tích cực thực hiện Nghị quyết đó.

Sắp tới công tác binh vận phải *phục vụ cho việc phá vỡ các âm mưu* cần quét, khủng bố, lấn chiếm, gom dân lập ấp chiến lược, rải chất độc hoá học, bắt lính tăng quân, phát triển các lực lượng bán võ trang địa phương của địch.

Phải ra sức làm *công tác tấn công chính trị* làm tan rã tinh thần binh lính địch phục vụ cho tác chiến, nhất là làm tan rã và giải giới các lực lượng dân vệ và thanh niên võ trang phục vụ cho việc phá ấp chiến lược.

Công tác nội tuyến *xây dựng thực lực cách mạng trong quân đội địch*, đặc biệt là xây dựng cơ sở trong sĩ quan, ngày càng có nhiều khả năng và trở thành cấp bách. Các cấp phải chỉ đạo đúng mức, tích cực giải quyết cán bộ và phương tiện để tiến hành cho có kết quả; cần chuyển một số đảng viên và cơ sở có điều kiện hoạt động hợp pháp sang cho ngành binh vận.

Việc *quán triệt các chính sách binh vận, công tác quản lý và giáo dục tù hàng binh* kể cả tù hàng binh ngoại quốc phải được tổ chức và chấp hành chu đáo để phát huy tác dụng của chính sách, làm cho chính sách thực sự là một vũ khí sắc bén làm tan rã quân đội địch.

Để làm tốt các nhiệm vụ trên cũng như để chuẩn bị điều kiện và thực lực phối hợp với các hoạt động khác giành những thắng lợi lớn khi có thời cơ thuận lợi, cần phải làm cho công tác binh vận trở thành một *công tác có tính chất quần chúng rộng rãi và có trình độ nghiệp vụ cao*.

Cần xúc tiến việc triệu tập Hội nghị binh vận toàn Khu để tổng kết kinh nghiệm công tác binh vận trong mấy năm qua nhằm đưa công tác binh vận lên một bước mới.

##### 6. *Công tác binh vận và mặt trận*

Việc xây dựng các đội ngũ chính trị vừa qua chưa được chú ý đúng mức, do đó đã ảnh hưởng đến các mặt công tác khác. Sắp tới, cần ra sức củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng (Hội giải phóng), nhằm làm cho các tổ chức này *trở thành những lực lượng chiến đấu, những đội ngũ chính trị mạnh mẽ; làm nòng cốt thúc đẩy toàn dân tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước đến toàn thắng*. Các cấp cần có kế hoạch tổ chức phổ biến chỉ thị về công tác dân vận của Trung ương Cục và tích cực thực hiện Nghị quyết đó.

Nội dung chủ yếu của việc xây dựng các đoàn thể quần chúng là giáo dục phát động tư tưởng sâu sắc, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng, lòng căm thù địch, lập trường ta, địch cho hội viên và quần chúng; nhằm *động viên chính trị toàn dân kiên quyết đứng lên tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước đến toàn thắng; phát triển tổ chức*, tích cực bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ quần chúng, củng cố các ban chấp hành nhất là xây dựng nền nếp công tác cho các cấp cơ sở. Chú ý giải quyết các quyền lợi của hội viên và quần chúng từng giới, chú ý nghiên cứu tìm hiểu đời sống, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, của hội viên các đoàn thể.

Phải chú ý phát huy thích đáng vai trò của các đoàn thể Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên, Thiếu nhi, *đặc biệt là Nông hội, đồng thời chú ý đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động Thanh niên*: phát động mạnh mẽ một phong trào thanh niên tham gia du kích, tham gia Giải phóng quân và các công tác khác như chống, phá ấp chiến lược, tham gia và bảo vệ sản xuất, chống âm mưu bắt lính và các thủ đoạn truy lạc, đầu độc thanh niên của địch, ở đô thị ra sức nắm phong trào học sinh, sinh viên. Sắp tới, cần tiến hành Đại hội các đoàn thể ở khu, tỉnh, huyện và hình thành hệ thống chỉ đạo của từng đoàn thể từ trên xuống dưới.

*Đi sâu và đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động các dân tộc ít người, đồng bào các tôn giáo và đồng bào di cư, định điền*, chống âm mưu địch chia rẽ và vũ trang đồng bào tôn giáo, các dân tộc ít người; trước mắt ra sức nuôi dưỡng mở rộng cuộc đấu tranh của đồng bào Phật giáo và nhân dân các tầng lớp chống địch đàn áp Phật giáo, chia rẽ các tôn giáo. Cần đi sâu theo dõi những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt mới của địch đối với các tôn giáo và các dân tộc ít người để có chủ trương đối phó thích hợp.

*Tăng cường tổ chức và ra sức phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận các cấp*. Sắp đến, tiến hành Đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng Khu và những tỉnh còn lại, trước mắt là tổ chức xong các Ủy ban Mặt trận huyện, xây dựng nền nếp

làm việc của Ủy ban Mặt trận xã cho tốt. *Phát huy vai trò, tác dụng của Mặt trận dân tộc tự trị Tây Nguyên*. Sắp tới, cần mở lại Đại hội đoàn kết các dân tộc ở các cấp. Đi đôi với củng cố mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng, cần *chú ý mở rộng liên hiệp hành động* với các tổ chức, nhóm, cá nhân kể cả trong quân đội và chính quyền Diệm muốn chống Mỹ - Diệm; chống Mỹ, muốn hoà bình trung lập, v.v. nhất là ở đô thị, thành phố. Cần nắm lại và kiểm tra tình hình thi hành các chính sách, phát hiện những sai lệch nhất là đối với *chính sách ruộng đất, diệt tề trừ gian, binh vận*, v.v.. Căn cứ vào chỉ thị của cấp trên tích cực uốn nắn, sửa chữa những sai lệch đó nhằm bảo đảm những nhiệm vụ chính trị trước mắt của Đảng, cương lĩnh của Mặt trận, bảo đảm đường lối giai cấp và sách lược hiện nay của Đảng, tăng cường sự đoàn kết trong nông dân lao động, giữa nông dân và các tầng lớp khác. Tiến hành học tập kỹ lưỡng các chính sách trong Đảng, lực lượng vũ trang và cơ sở.

Ban dân vận các cấp nhất là ở khu, tỉnh cần được tăng cường để đủ sức giúp cấp uỷ lãnh đạo công tác dân vận và mặt trận. Cần tăng cường sớm cán bộ đô thị và tôn giáo vận. Sắp tới, cần nghiên cứu, tổng kết các vấn đề lớn hiện nay trong công tác quần chúng như phát động tư tưởng quần chúng, đấu tranh chính trị, các hình thức tổ chức quần chúng ở mỗi vùng, v.v..

#### 7. Ra sức đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính

Hiện nay, giữa yêu cầu phát triển mau chóng lực lượng ta và khả năng cung cấp đang có mâu thuẫn rất lớn, vì vậy sắp tới chúng ta phải có quyết tâm rất cao đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính.

Nội dung chủ yếu của công tác kinh tế, tài chính sắp tới là:

- *Ra sức phát triển sản xuất đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh chống địch phá hoại và bao vây kinh tế*. Về sản xuất, lấy lương thực làm chủ yếu, ngoài gạo hết sức phát triển các loại hoa màu khác có chất bột, nhất là sắn, chuối nước, đồng thời chú ý phát triển chăn nuôi, thủ công nghiệp, nhất là nghề

ren ở vùng căn cứ. Trong đấu tranh kinh tế, chủ yếu là chống địch phá hoại và mở rộng giao lưu kinh tế, phá vỡ hàng rào bao vây kinh tế của địch.

- *Đẩy mạnh phong trào sản xuất tự túc của cơ quan, đơn vị, có chính sách đảm phụ thích đáng vừa bảo đảm cung cấp nhu cầu cách mạng vừa quan tâm đúng mức đến đời sống nhân dân.*

- Kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự với đấu tranh kinh tế, giữ vững và mở rộng căn cứ miền núi và nông thôn đồng bằng nhằm ra sức mở rộng lực lượng kinh tế, *giành giữ kho nhân tài, vật lực to lớn*, bảo vệ sản xuất, bảo vệ đời sống của nhân dân.

- Tích cực *tăng thu giảm chi*, phát huy các nguồn thu, hết sức tiết kiệm sức người, sức của; sử dụng tốt sự chi viện của trên.

Để làm tốt nhiệm vụ công tác kinh tế tài chính sắp đến, khâu có ý nghĩa quyết định là giáo dục trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tinh thần tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ; ra sức khắc phục khó khăn vừa đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế vừa tích cực đấu tranh chống mọi âm mưu thủ đoạn của địch. *Phải nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ để xây dựng và phát triển lực lượng*, bảo đảm đưa cuộc kháng chiến lần thứ hai đến thắng lợi.

Về lãnh đạo, phải hết sức chú trọng lãnh đạo chính sách tư tưởng, đồng thời phải quan tâm đầy đủ đến tổ chức và biện pháp thực hiện. Sắp tới, cần chú ý các vấn đề sau đây:

- Nắm vững nhiệm vụ chính là bảo đảm cung cấp cho nhu cầu cách mạng, đồng thời quan tâm đúng mức đến đời sống nhân dân, không xem nhẹ việc cải thiện đời sống cán bộ, nhân viên, đặc biệt là các lực lượng vũ trang.

- Lãnh đạo phát triển kinh tế đi đôi với đấu tranh kinh tế với địch; phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất (vừa chống địch vừa chống thú rừng phá hoại). Đẩy mạnh việc đánh lấy tài sản, lương thực của địch để tăng cung cấp cho ta.

- Chú trọng hiệu quả thiết thực, phù hợp với tình hình cuộc chiến tranh yêu nước hiện nay; phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc.

- Kiểm tra, nắm lại việc thi hành các chính sách về kinh tế, tài chính, hướng dẫn mức thu công bằng, hợp lý hơn và cải tiến phương pháp thu, nghiên cứu bổ sung mức sản xuất tự túc của một số cơ quan, đơn vị cho thích hợp hơn, nghiên cứu quy định một số chế độ cần thiết đối với cán bộ, v.v..

- Tăng cường công tác quản lý tài chính và kỷ luật tài chính, kỷ luật chiến lợi phẩm. Soát xét lại và cải tiến việc tiếp nhận, quản lý sử dụng hàng chi viện, khắc phục tình trạng ứ đọng dài ngày, lãng phí.

- Tích cực nghiên cứu, tổ chức sử dụng hợp lý nhân lực ở vùng căn cứ, cố gắng tổ chức các đội vận tải để tiến tới bảo đảm một phần lớn nhu cầu vận chuyển lương thực và các thứ cần thiết khác trong căn cứ.

- Chỉnh đốn biên chế tổ chức các cấp theo phương châm gọn nhẹ, tinh giản. Riêng bộ máy kinh tế, chú ý tinh giản bộ máy, nâng cao tinh thần, trách nhiệm cho cán bộ, nhân viên trong ngành, cải tiến lề lối và tác phong làm việc.

#### 8. *Giữ vững và củng cố hành lang*

Vừa qua, công tác hành lang đã có nhiều cố gắng và thu kết quả đáng kể, nhưng so với nhu cầu vận chuyển to lớn và vị trí hành lang chiến lược thì khả năng hành lang của ta còn thấp hơn nhiều. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải quan tâm hơn nữa đến công tác hành lang, ra sức xây dựng hành lang lớn mạnh, giữ vững hành lang thông suốt để đáp ứng kịp nhu cầu cách mạng ngày càng to lớn hơn.

Hướng chủ yếu xây dựng hành lang sắp đến là *tích cực xây dựng lực lượng thường trực*, tức là các đội vận tải chuyên môn được quân sự hoá ở các trạm để bảo đảm vận chuyển thường xuyên và giữ bí mật cho hành lang.

*Nội dung xây dựng nhằm:*

- Giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội viên, nâng cao tinh thần trách nhiệm và cải tiến lề lối làm việc cho cán bộ phụ trách các trạm.

- Bảo đảm vừa vận tải, vừa sản xuất tự túc, vừa chiến đấu chống càn bảo vệ hàng hoá. Chú ý bảo vệ hành khách, tài liệu, hàng hoá, nhất là qua các đường giao thông chiến lược của địch.

- Dựa vào việc giải quyết một phần khó khăn cho đời sống nhân dân gần hành lang và công tác chính trị trong nhân dân mà gây quan hệ tốt với nhân dân dọc hành lang, tạo ra cơ sở chính trị vững chắc dọc hành lang, phối hợp với du kích địa phương chống địch càn quét, biệt kích để bảo vệ hành lang, bảo vệ kho tàng.

- Nghiên cứu cải tiến hệ thống tổ chức chỉ đạo hành lang để phối hợp được sự chỉ đạo của ngành dọc và cấp uỷ địa phương, tránh tình trạng gần đây khi thống nhất sự chỉ đạo vào ngành dọc thì nhiều địa phương lơ là đối với hành lang.

Các cấp cần nhận rõ trách nhiệm của mình đối với việc xây dựng và giữ vững hành lang, phải phân công đồng chí phụ trách công tác này, chú ý làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ tầm quan trọng của hành lang chiến lược để góp phần vào trách nhiệm chung.

### 9. Công tác đấu tranh chống do thám gián điệp

Để chống lại âm mưu của địch đang lấy hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý làm một thủ đoạn có "vị trí chiến lược" để đánh phá cách mạng, sắp tới chúng ta cần chú ý tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh chống do thám gián điệp, bảo vệ nội bộ Đảng và tổ chức lực lượng cách mạng hơn nữa. Chủ yếu nhằm vào những vấn đề sau đây:

a) Ra sức giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng cho quần chúng, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ làm cho mọi người thấy rõ âm mưu thủ đoạn của địch, nhất là âm mưu thủ đoạn do thám gián điệp của chúng, đồng thời thấy rõ đường lối, chính sách của Đảng và sức mạnh khả năng của quần chúng có thể làm thất bại những âm mưu đó để quần chúng vừa cảnh giác đúng mức vừa tỉnh táo và tự tin, trên cơ sở đó động viên và tổ chức quần chúng hăng hái tham gia công tác đấu tranh chống do thám gián điệp để bảo vệ mình, bảo vệ xóm làng và phong trào.

b) Thực hiện đúng đắn chính sách trấn áp phản cách mạng để loại bỏ cơ sở tổ chức và xã hội của các hoạt động do thám gián điệp của địch trong vùng ta, đồng thời củng cố khối đoàn kết nhân dân; cần tiếp tục giáo dục, phổ biến chính sách trấn áp phản cách mạng phổ cập đến cán bộ cơ sở và các đội công tác; nắm vững nguyên tắc *kiên quyết trấn áp địch nhưng phải nhằm đúng đối tượng*, bắt và trừng trị cho đúng và xử lý đúng chính sách; mục tiêu trấn áp trừng trị nhằm vào bọn tề điệp ác ôn. Đồng thời cần ra sức giáo dục cải tạo những cơ sở xã hội mà địch dùng mọi sức ép để lợi dụng đánh lại ta.

c) Tăng cường công tác bảo vệ nội bộ cơ quan, đơn vị bằng việc giáo dục thường xuyên tinh thần cảnh giác cách mạng cho đảng viên, quần chúng và thẩm tra nội bộ thường xuyên; lãnh đạo chấp hành nghiêm chỉnh những chế độ bảo vệ đã quy định. Đặc biệt chú ý bảo vệ tài liệu, có kế hoạch tích cực chống địch cấy do thám gián điệp vào các cơ quan, đơn vị của ta. Phương châm công tác bảo vệ cơ quan, đơn vị là: Thủ

trưởng phụ trách, chỉ bộ lãnh đạo, quần chúng thực hiện, ngành bảo vệ an ninh hướng dẫn nghiệp vụ.

d) Tích cực thanh khiết nội bộ nhân dân trong các vùng căn cứ, vùng ta làm chủ ở nông thôn đồng bằng, chủ yếu là qua phát động tư tưởng quần chúng, kết hợp với công tác nghiệp vụ an ninh để thẩm tra thường xuyên; phát hiện những người và những hiện tượng hoạt động của địch để kịp thời ngăn chặn trấn áp, đập tan tổ chức tay chân và ảnh hưởng của địch, tăng cường đoàn kết nội bộ nhân dân.

Để làm tốt những công tác trên đây, lãnh đạo các cấp cần quan tâm hơn nữa đến công tác này và chú ý đúng mức đến việc kiện toàn bộ máy bảo vệ an ninh đủ sức bảo đảm giúp lãnh đạo trong yêu cầu đánh địch trước mắt và lâu dài, chú trọng đào tạo bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ, nhất là cán bộ nghiệp vụ ở xã.

#### 10. Công tác tuyên văn giáo

a) Công tác tuyên truyền hiện nay và sắp đến phải tập trung vào việc động viên chính trị toàn dân kiên quyết tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai Ngô Đình Diệm, phát huy cao độ tinh thần yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng, xác định quan điểm chiến đấu lâu dài gian khổ, tự lực cánh sinh, đồng thời nâng cao tinh thần tự hào dân tộc và tinh thần lạc quan cách mạng, vững lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Phải động viên toàn dân và toàn quân dũng cảm phấn đấu để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trước mắt, làm thất bại kế hoạch đánh phá năm 1963, năm 1964 của địch.

Tuyên truyền phải toàn diện giữa các mặt đấu tranh, giữa các vùng, giữa chống địch, đánh địch và xây dựng thực lực

cách mạng của ta. Động viên chiến đấu phải đi đôi với động viên tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống.

Tuyên truyền phải vừa phổ biến sâu rộng đường lối, chính sách của Đảng và mặt trận, phát huy nhanh chóng các thắng lợi và thành tích của ta, vừa kịp thời vạch trần các âm mưu, tội ác và những thất bại của địch, phản tuyên truyền địch một cách mạnh mẽ và kịp thời.

Chú trọng tăng cường và cải tiến công tác thông tin, báo chí, tổ chức tốt công tác phát hành, bảo đảm báo chí, tin tức đến tay quần chúng trong thời gian ngắn nhất.

Các cấp uỷ cần tăng cường sự chỉ đạo đối với công tác tuyên truyền, phân công cán bộ có năng lực phụ trách công tác tuyên truyền, tích cực giải quyết phương tiện, hoàn thành xây dựng bộ máy tuyên truyền từ trên xuống dưới, chú trọng cấp huyện và tổ thông tin ở thôn.

b) Chú trọng hơn nữa đến công tác văn nghệ, phát huy mọi khả năng văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, góp phần xây dựng một nền văn nghệ dân tộc, dân chủ và lành mạnh ở miền Nam.

Phải lấy việc phát huy phong trào văn nghệ quần chúng làm cơ sở để xây dựng nền văn nghệ cách mạng. Cần khuyến khích cán bộ, bộ đội và quần chúng đông đảo sáng tác và biểu diễn văn nghệ, chủ yếu hiện nay là các hình thức dân ca (hò, vè, bài chòi, v.v.), đồng thời cũng chú ý văn, thơ, nhạc, tuồng, kịch.

Cần có chính sách nâng đỡ văn nghệ sĩ, và bồi dưỡng các mầm non văn nghệ về lý luận và phương pháp sáng tác để phát triển đội ngũ văn nghệ cách mạng.

Củng cố các đội văn công, phát triển các tổ ca múa và tổ chức câu lạc bộ ở các đơn vị bộ đội, cơ quan, thôn xã để đẩy mạnh sinh hoạt văn nghệ, văn hoá quần chúng.

c) Tăng cường công tác giáo dục cho đúng với vị trí quan trọng và tính chất cấp bách của nó.

Mở lớp võ lòng và trường phổ thông cho trẻ em trong các vùng giải phóng, chăm sóc đến nội dung tư tưởng và chính trị trong giảng dạy.

Vận động phong trào diệt dốt, thanh toán nạn mù chữ, tổ chức các lớp bổ túc.

Tích cực giải quyết chương trình và tài liệu giáo khoa.

#### 11. *Xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức*

Để bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ khó khăn trước mắt, phải ra sức kiện toàn Đảng về mặt tư tưởng và tổ chức, lấy công tác tư tưởng làm công tác hàng đầu. Về xây dựng tổ chức, cần đặc biệt *chú trọng xây dựng chi bộ, là khâu trọng yếu trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức hiện nay để bảo đảm thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng.*

##### a) *Về tư tưởng*

Phải giáo dục cho cán bộ, đảng viên:

- Thấm nhuần tư tưởng trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh và tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng, xây dựng lập trường giai cấp kiên định.
- Tinh thần chiến đấu ngoan cường cao độ, cương quyết tấn công địch, quyết tâm vô hạn vượt mọi khó khăn gian khổ để đưa cuộc chiến tranh yêu nước đến toàn thắng.
- Một lòng tin tưởng vững chắc và quyết tâm bám sát quần chúng, dựa vào quần chúng, phát động quần chúng đứng lên và theo đúng đường lối quần chúng.

- Khắc phục tư tưởng cầu an dao động bị quan tiêu cực, rụt rè hữu khuynh, đồng thời chống chủ quan khinh địch mất cảnh giác, đề phòng nôn nóng, phiêu lưu mạo hiểm.

- Đồng thời cũng cần khắc phục mọi biểu hiện tư tưởng cá nhân chủ nghĩa khác.

Ra sức *nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên*, làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững và biết vận dụng đường lối, phương châm của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể từng vùng, nắm vững và chấp hành đúng đắn các chính sách của Đảng. Muốn vậy, phải tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ, đảng viên, cải tiến nội dung, chương trình, phương pháp huấn luyện cho phù hợp yêu cầu lãnh đạo ở địa phương, tổ chức tốt các lớp huấn luyện ngăn ngừa cho cán bộ, đảng viên.

##### b) *Về tổ chức*

*Củng cố bộ máy lãnh đạo* và cơ quan chuyên môn các cấp theo yêu cầu tinh giản, gọn nhẹ, đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, chú ý cấp huyện là khâu quan trọng trong hệ thống lãnh đạo hiện nay. Sửa đổi lề lối làm việc của các ngành, các cấp nhằm nắm sát phong trào; sát cơ sở (sát chi bộ, sát quần chúng) phù hợp với cuộc chiến đấu gay go, ác liệt. Tăng cường bộ phận tổ chức và huấn luyện hiện nay, nhất là ở tỉnh hiện còn rất yếu.

Chú trọng đào tạo nhiều cán bộ mới xuất hiện trong phong trào và mạnh dạn đề bạt bổ sung các cấp uỷ Đảng, các ngành công tác đang thiếu người. Đồng thời, phải chú ý bồi dưỡng giáo dục cho cán bộ cũ.

Tích cực giải quyết tốt vấn đề cán bộ, đảng viên cũ bị tù ra, bị dứt liên lạc. Đây là một vấn đề quan trọng và phức tạp, phải tích cực kiên trì, chặt chẽ, tránh qua loa, nóng vội hoặc buông xuôi.

Đi đôi với củng cố, cần chú trọng hơn nữa công tác phát triển Đảng, nhất là ở các vùng đã phá thế kìm kẹp của địch chưa có đảng viên, và vùng dân tộc ít người, vùng tôn giáo, vùng yếu, trong ấp chiến lược, đô thị, cần chú trọng đối tượng phụ nữ, thanh niên trong dân quân du kích và bộ đội. Ở các vùng

tranh chấp, vùng có thể lấn chiếm, phải tích cực gây cơ sở Đảng, Đoàn, nòng cốt quần chúng bí mật, hết sức giữ bí mật cho cán bộ, đảng viên và cơ sở nhằm tạo điều kiện bám sát quần chúng trong mọi trường hợp.

Yêu cầu của củng cố chi bộ hiện nay là nâng cao trình độ lãnh đạo, xây dựng nền nếp sinh hoạt, phương pháp công tác của chi bộ, làm cho chi bộ lãnh đạo tốt hơn nữa mọi mặt công tác ở địa phương, chi bộ bám chặt hơn nữa vào quần chúng, bảo đảm tồn tại lâu dài ngay cả những lúc tình hình khó khăn nhất, củng cố vai trò lãnh đạo của tổ Đảng ở xóm, ấp.

Muốn củng cố chi bộ có kết quả cần phải tăng cường củng cố các huyện uỷ, các cấp từ huyện trở lên phải sát xã và thiết thực tăng cường chất lượng chính trị cho xã hơn nữa.

Hiện nay, việc xây dựng Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng ở Khu ta còn quá chậm, đó là một hiện tượng cần nhanh chóng khắc phục. Trước mắt, phải ra sức phát triển Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng, có chương trình tích cực giáo dục đoàn viên, phát huy vai trò và tác dụng của chi đoàn. Bộ phận phụ trách công tác Đoàn ở các cấp là Ban Thanh vận của cấp uỷ.

Các cấp cần tích cực nghiên cứu và thực hiện Chỉ thị của Trung ương Cục về công tác xây dựng Đảng.

Trong 11 công tác trên, có 6 công tác chính quan trọng nhất:

- Động viên chính trị toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát động một cuộc chiến tranh yêu nước.
- Xây dựng, củng cố vùng căn cứ, mở rộng đồng bằng giành giữ nhân tài, vật lực với địch, đẩy mạnh công tác đô thị.
- Phát triển du kích chiến tranh, xây dựng xã chiến đấu, xây dựng ba loại quân.
- Phát triển lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng.
- Chống, phá ấp chiến lược, gom dân, càn quét lấn chiếm.
- Xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức.

Trong 6 công tác chính quan trọng nhất, cần nắm vững công tác chống, phá ấp chiến lược, gom dân là *công tác trung tâm hàng đầu* vừa thường xuyên vừa đặc biệt cấp bách, công tác lãnh đạo tư tưởng là công tác có *ý nghĩa quyết định* thường xuyên bảo đảm mọi công tác khác; phải lấy việc động viên chính trị toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm *động cơ thúc đẩy* việc thực hiện toàn bộ nhiệm vụ cách mạng sắp đến.

Các cấp cần tiếp tục đẩy mạnh *3 phong trào lớn* đã phát động từ đầu năm 1963 đến đầu năm 1964 hoà 3 phong trào này vào 6 công tác chính quan trọng nhất nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Khu uỷ lần thứ ba đưa cuộc chiến tranh yêu nước tiến lên giành những thắng lợi mới.

### MẤY VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý TRONG LÃNH ĐẠO

Để bảo đảm thực hiện một cách đầy đủ toàn bộ Nghị quyết trên đây, đưa phong trào cách mạng trong Khu tiến lên một bước mạnh mẽ hơn nữa, sắp tới trong lãnh đạo cần nắm vững mấy vấn đề sau đây:

1. Miền núi và đồng bằng đều coi trọng, không được xem nhẹ bên nào, đồng thời chú trọng công tác thành phố và thị trấn, thị xã.
2. Nắm vững cả hai chân đấu tranh chính trị và vũ trang.
3. Nắm vững khâu giải quyết tư tưởng một cách cụ thể cho từng cấp, từng ngành, từng vùng vì mỗi nơi có những khó khăn khác nhau cho nên có những khía cạnh tư tưởng khác nhau.
4. Chỉnh đốn tác phong và lề lối làm việc, *ng nghiêm chỉnh* nghiên cứu và chấp hành chỉ thị, nghị quyết cấp trên.

5. Nhảy bén với tình hình. Phải chớp cho được thời cơ khi thời cơ đưa đến.

Phương châm chỉ đạo của chúng ta lúc này là *tích cực chống địch, xây dựng, củng cố, bảo tồn; phát triển mình đi đôi với ra sức đánh địch; kết hợp chặt chẽ giữa chống địch, xây dựng lực lượng ta với đánh địch.*

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.

## NGHỊ QUYẾT SỐ 128

**(HN.J<sup>1</sup>) mở rộng từ<sup>2</sup>) ... đến tháng 10 năm 1963)**

### I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI

Qua đấu tranh ngày càng thấy rõ, Khu VI một vị trí không những quan trọng đối với ta mà cả với địch. Nền yêu cầu của cách mạng miền Nam đối với nó cũng ngày càng trở nên bức thiết và quan trọng như Hội nghị Khu uỷ mở rộng tháng 2-1962 đã nhận định.

Nhưng qua diễn biến tình hình giữa ta và địch, đến nay có chỗ thay đổi, do đó phương hướng, nhiệm vụ cụ thể trước mắt của Khu VI có sự thay đổi cho thích hợp.

Những tình hình thay đổi đó là:

Phong trào của ta chuyển lên chưa bao lâu thì địch đã quay lại đánh phá mạnh, tìm đủ cách ngăn chặn và giành lại dân,

---

1) HN.J: Hội nghị Khu uỷ Khu VI (B.T)

2) Chúng tôi chưa xác định được cụ thể ngày họp (B.T).

lấn lại đất. Từ đó, ta cũng phải bước vào cuộc đấu tranh giành co, ác liệt vừa tìm cách ngăn chặn, hạn chế địch, vừa bảo tồn và phát triển thực lực mình, vừa cố gắng làm một số nhiệm vụ trên giao.

Kết quả là:

a) *Về địch:*

Ở các căn cứ, nhất là Nam Tây Nguyên, chúng đã gom được dân, lấn được đất, cắm thêm cứ điểm, mở lại đường sá ở nhiều nơi tạo thêm được những bàn đạp mới để tiếp tục đánh phá sâu vào các căn cứ còn lại của ta và bảo vệ an toàn cho vùng chúng. Ở các vùng kiểm soát và tranh chấp, căn bản chúng đã làm xong áp chiến lược, khôi phục lại thế kim kẹp, sử dụng được chừng nào lực lượng vũ trang người Thượng để chống phá ta.

Ở đồng bằng, chẳng những chúng đã gom được phần lớn nhân dân vào các khu, áp chiến lược mà còn rút được một số dân, xoá được một số thôn ở vùng giải phóng.

Nói chung, chúng đã tăng được lực lượng vũ trang và hệ thống phòng ngự đặc biệt là phát triển được lực lượng vũ trang và gián điệp người địa phương.

b) *Về ta:*

Trừ các vùng căn cứ Khánh, Ninh, Bình<sup>1)</sup> có được giữ vững và củng cố thêm còn các địa bàn căn cứ ở Nam Tây Nguyên nói chung bị thu hẹp, chia cắt và thường xuyên bị uy hiếp, hành lang đi lại khó khăn, đời sống nhân dân và lực lượng bị khó. Các vùng tranh chấp lỏng trước đây nay tụt xuống thế bị kiểm soát chặt. Việc liên hệ với quần chúng và xây dựng cơ sở cũng gặp nhiều trở ngại.

Phong trào từ chỗ có ba vùng, nay chỉ còn hai vùng là: vùng căn cứ của ta và vùng kiểm soát của địch nằm ngang cách nhau bởi những hành lang trắng.

<sup>1)</sup> Khánh, Ninh, Bình: Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận (B.T).

Ở đồng bằng, chẳng những diện phát động quần chúng nổi dậy phá kim bị nghiền lại mà việc liên hệ, móc ráp, xây dựng cơ sở cũng khó khăn.

Các thôn xã giải phóng còn lại ở Bình Thuận không giữ được thế giao lưu hợp pháp, nhất là chưa tạo được vùng tranh chấp bên ngoài, thường xuyên bị bao vây, uy hiếp. Lực lượng các mặt của ta còn ít, phát triển cũng khó và chậm, có nơi có lúc bị tổn thất. Cơ sở chính trị Đảng, Đoàn trong quần chúng còn yếu, chưa đóng vai trò nòng cốt vững chắc cho phong trào. Cán bộ địa phương ít, cán bộ ngoài lại chưa quen thạo, cán bộ nằm trong thành phố nhiều nơi chưa có, nói chung còn thiếu và yếu.

Lực lượng du kích, bộ đội địa phương và lực lượng tập trung cũng ít và yếu, phong trào du kích chiến tranh chưa mạnh, chưa đều, vấn đề lương ăn, chỗ đứng ở các bàn đạp còn khó khăn.

Lực lượng kinh tế, tài chính nói chung đang là khâu yếu nhất và khó khăn nhất, chưa thể bảo đảm cho yêu cầu xây dựng trước mắt và lâu dài, lực lượng dự trữ thiếu, sản xuất tự túc cũng chật vật.

Về nhận thức tư tưởng nội bộ: Phân công cán bộ, đảng viên chưa thật thông suốt về phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam, chừng nào có bi quan thiếu tin tưởng ở khả năng cầm cự và tiến lên của phong trào trong địa phương, ý thức đấu tranh lâu dài gian khổ, tự lực cánh sinh còn yếu, gần đây chừng nào có lo lắng về sự đoàn kết trong phong trào cộng sản quốc tế. Sự chỉ đạo của các cấp cũng còn yếu, thường bị động, lúng túng trước những khó khăn hiện có xảy ra, thường chủ quan trong nhận định tình hình tương quan ta địch.

Tuy vậy, chúng ta cũng có những ưu điểm thuận lợi căn bản là:

Đến nay, Nam Tây Nguyên ta còn giữ được khá nhiều địa bàn căn cứ và bàn đạp để hoạt động, xây dựng, khôi phục và phát triển phong trào. Các căn cứ bàn đạp này tuy hẹp, dân ít, nhưng chất lượng có tăng, quần chúng có được thử

thách, bộ đội và cơ quan có quyết tâm bám và có khả năng bám được.

Các căn cứ miền Tây Khánh, Ninh, Bình được giữ vững, củng cố thêm và từng nơi, từng mặt có phát triển.

Phong trào quần chúng trong nhiều khu, ở Nam Tây Nguyên đang chuyển biến tốt.

Phong trào ở đồng bằng và thành phố đến nay được duy trì và từng nơi từng lúc có phát triển.

Phong trào du kích chiến tranh ở các vùng căn cứ cũng tiến bộ hơn trước.

Lực lượng vũ trang, cán bộ trong thời gian qua có được thử thách, rèn luyện thêm. Sự chỉ đạo các cấp cũng có kinh nghiệm thêm, nhất là thấy rõ hơn âm mưu, khả năng và nhược điểm của địch cũng như phong trào và sức chống trả của ta.

Tình hình chung của miền Nam đang phát triển có lợi cho ta. Sự chỉ đạo của trên ngày càng sát và giúp ta được nhiều ý kiến, đặc biệt quan trọng là đường hướng cách mạng miền Nam ngày càng sáng tỏ.

Mặt khác, những khó khăn, nhược điểm của địch cũng chính là thuận lợi lớn của ta như:

Do chính sách đàn áp, kìm kẹp dã man của địch đã làm cho quần chúng chống đối lại ngày càng rộng mạnh, nhất là quần chúng vùng dân tộc và phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo gần đây.

Hàng ngũ địch có những dao động, tiêu cực, tinh thần binh lính suy sút, mâu thuẫn nội bộ phát triển gay gắt, nhất là trong binh sĩ Thượng, nạn đào rã ngũ ngày một tăng.

Tình trạng thiếu quân số, thiếu thì giờ luyện tập vẫn kéo dài, khả năng đánh phá cũng có hạn, thực tế chúng đã và đang lúng túng giữa phân tán và tập trung, giữa việc phải án ngữ từng nơi với việc cần tập trung quân cơ động cần quét dài ngày, dồn ra phía trước chống ta thì hậu phương lỏng.

Kinh tế, lực lượng cũng gặp nhiều khó khăn, không giải quyết nổi đời sống của quần chúng trong các khu ấp chiến

lược, đặc biệt là của quần chúng các khu, ấp ở Nam Tây Nguyên, nên rất bị động lúng túng, giữa việc tập trung dân lại với việc để dân ra làm ăn xa.

Triển vọng của phong trào:

Trên cơ sở những khó khăn, thuận lợi hiện nay của ta và của địch, nhất là với sự quyết tâm của toàn Đảng bộ và những thành quả ta đã giành được, ở Nam Tây Nguyên sắp tới, ta có thể giữ gìn, củng cố được các địa bàn căn cứ bàn đạp, duy trì được hành lang du kích, từng bước khôi phục phong trào, xây dựng lực lượng để từ đó mở rộng dân vùng ta, thu hẹp dân vùng địch ở đồng bằng tuy có khó khăn hơn, nhưng có thể phát triển được cơ sở, xây dựng thêm lực lượng, đẩy phong trào lên một bước.

Nhưng do địch còn cố tâm bám lấy Nam Tây Nguyên và cũng còn có nhiều khả năng tăng cường lực lượng trang bị, nhất là dựa vào khối lượng nhân, vật lực địa phương mà chúng đã khống chế và những cứ điểm thọc sâu để đánh phá ngăn chặn ta. Nên quá trình cầm cự theo phương hướng nói trên của ta sẽ còn trải qua nhiều bước giằng co, gay go, phức tạp: địch thì cố càn quét, lấn chiếm, rút dân, phá hoại sản xuất ở căn cứ và siết chặt ách kìm kẹp ở vùng chúng kiểm soát, âm mưu bao vây cô lập và tiêu diệt lực lượng chúng ta. Ta thì quyết tâm giữ vững căn cứ và giành lại vùng địch đang kiểm soát, bảo tồn và phát triển lực lượng mình. Trong quá trình này, có nơi, có lúc, ta lấn được địch, nhưng cũng có nơi, có lúc, địch có thể lấn được ta.

Lực lượng ta nói chung sẽ phát triển, nhưng có nơi, có lúc cũng có thể bị tiêu hao tổn thất.

Tư tưởng nội bộ và quần chúng tuy có dày dặn hơn, nhưng không khỏi có lúc diễn biến phức tạp. Cho nên chúng ta cần đánh giá hết mặt gay go phức tạp đó để có biện pháp tích cực là chủ động đối phó để giữ vững và đưa cuộc đấu tranh giành cơ tiến lên từng bước vững chắc.

## II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG CHÂM

Trong khi đề ra nhiệm vụ, phương hướng, phương châm cho toàn J, chúng ta cần nắm vững tinh thần Nghị quyết của B.C.T<sup>1)</sup> đề ra từ cuối 1962 là:

1. Phương hướng của cách mạng miền Nam: cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam hiện nay là một cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân với nội dung dân tộc dân chủ chống lại cuộc chiến tranh đặc biệt và phản cách mạng của đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm mà thực chất là cuộc chiến tranh xâm lược. Trong cuộc chiến tranh ấy hiện nay *đã xuất hiện trạng thái giằng co quyết liệt giữa ta và địch*. Yếu tố thắng lợi của cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân miền Nam một là phải dựa vào sự *tự lực cánh sinh cao độ là chủ yếu, đồng thời có sự giúp đỡ tích cực của miền Bắc và sự ủng hộ ngày càng nhiều của phe xã hội chủ nghĩa* cũng như của phong trào giải phóng dân tộc và của các lực lượng hoà bình, dân chủ khác trên thế giới.

Phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là: trường kỳ đấu tranh bằng cả quân sự và chính trị, giữ vững và phát triển phong trào, giành thắng lợi từng phần, đẩy lùi địch từng bước, phát triển và che giấu lực lượng, chuẩn bị điều kiện, tranh thủ thời cơ để tiến lên giành những thắng lợi quyết định giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

2. Nhiệm vụ sắp đến của cách mạng miền Nam là: động viên chính trị toàn dân, tiến hành một cuộc chiến tranh toàn diện và trường kỳ, hết sức mở rộng lực lượng quân sự và chính trị, phát động du kích chiến tranh rộng khắp, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, trước mắt làm thất bại kế hoạch tấn công của địch trong năm 1963, giữ vững và phát triển lực lượng ta, mở rộng vùng căn cứ và vùng giải phóng, luôn luôn xúi tích lực lượng và biết che giấu lực lượng, sẵn sàng nắm

1) B.C.T: Bộ Chính trị (B.T).

vững thời cơ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy cuộc cách mạng tiến lên giành nhiều thắng lợi hơn trong tình hình gay go phức tạp cũng như trong tình hình có những biến chuyển mới có lợi cho phong trào.

3. Phương châm đấu tranh: trong lúc tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước cần phải nắm vững phương châm: *đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị*.

- Về hình thức đấu tranh quân sự và chính trị, phải tùy lực lượng so sánh giữa ta và địch, tùy khả năng của ta ở mỗi vùng mà sử dụng cho thích hợp là: ở rừng núi, lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu, ở đồng bằng thì đấu tranh chính trị và quân sự song song (trong lúc đẩy mạnh hết khả năng đấu tranh chính trị, phải đẩy mạnh hết khả năng đấu tranh quân sự...), ở đô thị, lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu.

Phương châm vùng rừng núi, vùng đồng bằng và vùng đô thị là phương châm tổng quát có tính chất chiến lược cho từng vùng, căn cứ vào những điểm tổng quát về địa hình và về so sánh lực lượng giữa ta và địch trong một thời gian dài mà đề ra. Đi vào thực hiện cụ thể ở từng vùng thì phải căn cứ vào tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc, ở mỗi vùng mà áp dụng cho linh hoạt. Đó là phương châm có tính chất chiến thuật.

Trên đây là phương hướng, nhiệm vụ, phương châm chung của cách mạng miền Nam. *Riêng Khu ta và lâu dài mà xét*, thì nó là một bộ phận trong trung tâm căn cứ cách mạng miền Nam - là một chiến trường có nhiệm vụ tiến lên tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Do đó, những nhiệm vụ, phương hướng mà Hội nghị Khu uỷ mở rộng tháng 2-1962 đề ra cho toàn J về lâu dài căn bản chưa có gì thay đổi như: phải tiến lên mở rộng vùng căn cứ, nhất là Nam Tây Nguyên, ra sức giành quyền làm chủ trong đại bộ phận nông thôn, đẩy thế tranh chấp của ta vào sát vùng địch, giữ vững và tăng cường hành lang Nam - Bắc. Giữ vững và phát triển các bàn đạp quanh các thị xã, thị trấn, các vùng giao thông xung yếu, đưa phong trào đồng bằng lên, khôi phục phát triển phong trào thành phố...

Nhưng do tình hình thực tế vừa qua trong Khu có những thay đổi nên tính chất chiến trường của ta trong thời gian sắp tới nói chung còn là một chiến trường *xây dựng cơ sở, hoạt động du kích với nhiệm vụ chủ yếu nhất là lo căn cứ và hành lang*. Do đó, về nhiệm vụ chung, cũng như nhiệm vụ, phương châm từng vùng, từng mặt trước mắt cũng có những thay đổi như sau:

#### A- NHIỆM VỤ CHUNG

Ra sức củng cố, giữ vững và từng bước mở rộng các địa bàn căn cứ hiện có, nhất là phía Nam Tây Nguyên, tích cực xây dựng và đưa phong trào vùng địch ở miền núi và đồng bằng lên, duy trì khôi phục và phát triển phong trào thành phố, phát triển rộng rãi phong trào du kích chiến tranh và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, xây dựng xúc tích lực lượng ta về mọi mặt.

Đó là những nhiệm vụ quan trọng, có liên hệ mật thiết với nhau và cũng nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt là:

Giữ vững các địa bàn căn cứ chính và hành lang Nam - Bắc, từng bước khôi phục phong trào vùng địch và hình thành lại những vành đai tranh chấp, giữ gìn và phát triển được lực lượng ta, tạo điều kiện đưa phong trào chung lên một bước vững chắc.

Trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ nói trên, cần nắm vững tinh thần sau đây:

- Phải biết trù liệu thế cầm cự vững chắc, lâu dài đối với địch ngay trong những lúc tình thế khó khăn nhất để trong quá trình đó giữ gìn, xây dựng xúc tích lực lượng mình, hạn chế địch từng bước, tấn công địch từng phần, tạo điều kiện tiến lên một cách vững mạnh.

- Tránh tình trạng đánh giá địch quá cao, ta quá thấp, thiếu quyết tâm tin tưởng, không thấy hết những thuận lợi mới trong tình hình ở từng nơi, từng lúc, để kịp thời, mạnh dạn

nắm lấy đưa thế ta lên, hạn chế làm thất bại từng phần âm mưu địch.

- Phải nắm vững quan hệ giữa việc giữ mình và tấn công địch, giữa xây dựng và hoạt động, giữa trước mắt và lâu dài, giữa công tác vùng địch và vùng ta, giữa các mặt đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận để tình thế nào cũng có thể tranh thủ được thế chủ động, hạn chế sự bị động và giữ gìn sức tích, phát triển được thực lực là vấn đề cơ bản trong chỉ đạo cách mạng.

Muốn thế điều mấu chốt là phải nắm tình hình và đánh giá tình hình được kịp thời, chính xác.

#### B- NHIỆM VỤ TỪNG VÙNG

##### *Đối với miền núi*

Đối với miền núi có ba nhiệm vụ cụ thể là:

1. Ra sức củng cố giữ vững các địa bàn căn cứ, các lõm bàn đạp hiện có: ở miền Tây các tỉnh, tiếp tục củng cố và mở rộng thành địa bàn vững mạnh. Ở Nam Tây Nguyên, cố gắng làm cho các lõm bàn đạp giảm bớt hoặc không còn tính bấp bênh như hiện nay, tích cực tạo điều kiện mở rộng căn cứ, xây thêm địa bàn đứng chân mới để xây dựng lực lượng và mở diện hoạt động sâu vào vùng địch, duy trì và củng cố hành lang du kích, chủ yếu là hành lang Nam - Bắc.

2. Tích cực xây dựng, đưa phong trào vùng nông thôn địch kiểm soát lên từ mức thấp là đấu tranh dân sinh, dân chủ làm lỏng lẻo, đấu tranh hai chân tại chỗ, dần dần hình thành vùng tranh chấp, nơi có điều kiện và cần thiết thì đưa dân đấu tranh vũ trang xây dựng làng chiến đấu, nối rộng căn cứ, bàn đạp.

3. Song song với hai nhiệm vụ trên, phải tăng cường củng cố và phát triển lực lượng ta về mọi mặt để đủ sức chống càn giữ căn cứ, giữ bàn đạp và hoạt động vào vùng địch, nhằm trước mắt hạn chế, làm thất bại địch từng phần, giành chủ

động từng bước để sau này tiến lên làm thất bại hoàn toàn âm mưu lấn chiếm vùng ta, củng cố vùng chúng. Làm cho từng bước vùng ta được củng cố mở rộng, vùng địch bị thu hẹp. Trong khi thực hiện ba nhiệm vụ cụ thể đó, cần chú ý mấy điểm:

1. *Về củng cố, giữ vững các địa bàn căn cứ, các lõm:*

a) Trước hết, cần có kế hoạch cụ thể, phát động tư tưởng quần chúng sâu kỹ nhằm nâng cao giác ngộ quần chúng, thắt chặt khối đoàn kết quần chúng, dân tộc, quân dân, đánh giặc giữ làng, giữ rẫy, trên cơ sở đó, từng bước thanh khiết nội bộ, cải thiện đời sống, đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh.

b) Ra sức xây dựng dân quân du kích, làng chiến đấu, bộ đội địa phương, mà cấp bách là xây dựng du kích, làng chiến đấu, chuyển thể ăn ở, sản xuất, bố phòng của nhân dân, tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chú ý chống âm mưu thủ đoạn rút dân phá mùa của địch.

c) Đặc biệt quan tâm giải quyết các vấn đề bức thiết đối với đời sống quần chúng nhằm giảm bớt khó khăn trước mắt như: muối, vải, lương thực, vệ sinh, phòng chữa bệnh, đồng thời chuẩn bị điều kiện đưa thêm dân về.

Phải tận khả năng giữ gìn phát triển giao lưu kinh tế giữa vùng ta và vùng địch và giữa các vùng ta với nhau.

d) Ra sức xây dựng Đảng, Đoàn, cốt cán quần chúng đủ khả năng lãnh đạo phong trào địa phương lúc thường cũng như lúc khó khăn, đồng thời tranh thủ đào tạo cán bộ dân tộc, tăng cường tổ chức, công tác mặt trận, phong trào dân tộc tự trị các cấp.

e) Tích cực xây dựng, củng cố, bảo vệ hành lang theo hướng quân sự hoá từng bước vững chắc.

g) Các cơ quan lực lượng, đứng trụ ở đâu, ngoài công tác chung còn phải phân công, phân nhiệm ra sức xây dựng thể ăn ở, bảo đảm bám trụ lâu dài, phục vụ yêu cầu phát triển thực lực, đẩy phong trào lên.

2. *Về xây dựng đưa phong trào vùng nông thôn địch kiểm soát lên*

Về phương châm tiến hành, cần chú ý kết hợp chặt chẽ ba mặt sau đây:

a) Tìm cách hạn chế sự hoạt động của địch, nhất là của bọn phản động địa phương, làm lỏng lẻo, xộc xệch ách kìm kẹp của địch nhằm từng bước nâng tinh thần và uy thế của quần chúng, của cách mạng lên.

b) Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát triển cơ sở, tạo hạt nhân tập hợp và nắm quần chúng rộng rãi (như cơ sở Đảng, Đoàn, du kích, bí mật, cốt cán trong quần chúng).

c) Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục sâu rộng chính sách dân tộc và các chính sách cứu nước của mặt trận trong quần chúng, vận động quần chúng mạnh dạn, chủ động đứng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột, giữ gìn đời sống, nhất là chống, phá áp chiến lược (toàn bộ công tác chống, phá sẽ nói phần sau).

Để thực hiện tốt ba mặt đó, cần giải quyết mấy việc:

- Phối hợp chặt chẽ phương thức vũ trang công tác xây dựng, bí mật luồn sâu móc rấp với *phương pháp vũ trang tuyên truyền tác chiến du kích hoạt động biệt động*, phối hợp chặt chẽ giữa dân vận, binh vận và tác chiến (trong đó cần chú ý vận động dân vận, thanh niên chiến đấu, đoàn kết từng lớp trên, tranh thủ cải tạo số lầm đường, phân hoá và cô lập bọn ngoan cố).

- Tăng cường các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác cả chất và lượng, chú trọng tăng thành phần người địa phương và đào tạo kèm cặp cho anh em biết làm công tác quần chúng và công tác vùng địch, tin tưởng, quyết tâm quần với địch, bám vào dân, xây dựng cơ sở.

- Duy trì cho được các bàn đạp cũ, tạo thêm bàn đạp mới, cũng như các hành lang đi lại, hầm hố trú ẩn cho cán bộ, lực lượng hoạt động được thuận lợi.

- Cải tiến phương pháp xây dựng lực lượng nòng cốt trong quần chúng và cách lãnh đạo quần chúng đấu tranh sát hợp.

- Xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa công tác binh tề vận, nhất là vận động dân vệ.

- Các địa phương và các lực lượng có nhiệm vụ thường xuyên chuẩn bị chiến trường tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang ngoài vào hoạt động, hỗ trợ quần chúng chống, phá áp chiến lược.

- Tăng cường sự chỉ đạo các cấp, các ngành (quân sự, dân, binh vận...) đến công tác vùng địch, tránh tình trạng nặng lo căn cứ, buông lỏng công tác vùng địch.

### 3. *Tăng cường củng cố và phát triển lực lượng*

Trong vấn đề này, cần chú ý giải quyết mấy mặt:

a) *Về quân sự*: làm cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân nhận rõ được yêu cầu của chiến tranh và trách nhiệm của mình để tự nguyện tự giác và nỗ lực tham gia công tác giết giặc, cứu nước.

- Ra sức tăng cường lực lượng vũ trang, bán vũ trang, trước hết là xây dựng du kích, đánh du kích rộng khắp, đẩy mạnh bố phòng, khẩn trương xây làng, vùng, cơ quan chiến đấu.

b) *Về chính trị*: tăng cường công tác mặt trận, công tác phong trào dân tộc tự trị, tiếp tục củng cố, xây dựng cơ sở và các đoàn thể quần chúng vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng vừa thích hợp với trình độ hoàn cảnh quần chúng vùng dân tộc.

- Ra sức xây dựng Đảng, Đoàn, đào tạo và sử dụng tốt cán bộ địa phương, cán bộ người dân tộc (gồm cán bộ phong trào, quân sự, y tế, giáo dục, v.v.).

- Kiện toàn bộ máy chỉ đạo các cấp, nhưng chú trọng thôn xã.

c) *Về kinh tế*: đẩy mạnh tăng gia sản xuất tự túc, chủ yếu là sản xuất tự túc lương thực của nhân dân, cơ quan và bộ đội đi đôi với củng cố, phát triển các đội nông binh, các trại sản xuất có kế hoạch thiết thực bảo vệ sản xuất và tổ chức hợp lý sức lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tăng năng

suất trên cơ sở vốn có của mình và thích nghi với hoàn cảnh chiến tranh du kích.

- Tích cực tổ chức trao đổi mua bán trong vùng ta và giữa vùng ta với vùng địch để giải quyết một phần nhu yếu phẩm cần thiết cho lực lượng và nhân dân.

- Có kế hoạch phát triển tài chính, thu mua và vận động quần chúng ủng hộ lương thực, tiền của theo khả năng từng người, từng địa phương trên cơ sở bồi dưỡng sức dân, mở rộng sản xuất, tạo nguồn dự trữ lâu dài cho cách mạng.

### ***Đối với nông dân đồng bằng***

#### 1. *Vùng địch kiểm soát*:

Ở đồng bằng nói chung, đều bị địch lập áp chiến lược và kìm kẹp nặng nề lực lượng cơ sở nòng cốt quần chúng, phong trào đấu tranh của quần chúng còn ít và yếu, nên hướng công tác trước mắt của đồng bào là:

a) Làm lỏng lẻo, xộc xệch ách kìm kẹp của địch, nâng dần uy thế quần chúng lên.

b) Ra sức tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng, đưa phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ của quần chúng lên tạo điều kiện tiến tới phá áp chiến lược (toàn bộ việc chống phá này sẽ nói sau).

c) Giữ gìn và phát triển lực lượng nòng cốt trong quần chúng (Đảng, Đoàn, trung kiên, cơ sở...) tạo điều kiện tập hợp quần chúng, nắm quần chúng rộng rãi hơn.

Về cụ thể, phải giải quyết mấy vấn đề:

- Tăng cường các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác, tích cực đào tạo cán bộ địa phương (tăng thành phần cán bộ, thanh niên địa phương, huấn luyện thêm kỹ thuật đặc công, trinh sát). Ra sức xây dựng bàn đạp, hành lang hoạt động, xây dựng hầm hố để bám sát quần chúng.

- Làm cho các lực lượng hoạt động vận dụng được phương châm, nắm được phương pháp công tác xây dựng móc ráp cơ sở, tập hợp quần chúng (chú ý công tác công khai và bí mật) và hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

- Tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang ngoài vào hoạt động (như hoạt động của lực lượng tập trung, bộ đội địa phương, biệt động đội giao thông...) thường xuyên và phù hợp với mục đích và yêu cầu để hỗ trợ đắc lực cho phong trào quần chúng.

- Phát triển công tác Mặt trận (kể cả công tác của các đoàn thể quần chúng), trong đó có vấn đề sách lược, vấn đề kêu gọi và phát động tư tưởng quần chúng (từng người, từng nhóm đến đông hơn), nhằm nâng cao giác ngộ, thắt chặt đoàn kết tương trợ và đấu tranh chống địch của quần chúng. Chú ý phát hiện, cô lập trừng trị bọn điệp ác ôn ngoan cố, thường xuyên theo dõi các cuộc đấu tranh của quần chúng, dư luận rộng rãi trong quần chúng và trong hàng ngũ địch để kịp thời lãnh đạo, phát huy, tạo thêm thế mạnh cho phong trào quần chúng.

- Xúc tiến mạnh công tác binh tề vận, trước mắt nhằm lực lượng dân vệ, thanh niên chiến đấu... và nhân viên chính quyền cơ sở của địch, chú ý sử dụng tốt gia đình binh lính vào công tác này.

- Tinh uý cần phân công một số đồng chí chuyên trách công tác đồng bằng và thành phố.

## 2. Vùng giải phóng ở Bình:

Phải tìm mọi cách để giữ cho được vùng giải phóng (chú ý cải thiện đời sống quần chúng, củng cố làng chiến đấu, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, giữ và mở nhiều luồng giao lưu kinh tế, phòng gian bảo mật, củng cố khối đoàn kết nông thôn theo đúng chính sách, sách lược của Đảng đối với nông thôn đồng bằng giải phóng, trong đó có chính sách ruộng đất. Chú ý đi sát rút kinh nghiệm ưu khuyết, kịp bổ cứu các biện pháp thực hiện. Ra sức xây dựng Đảng, Đoàn, Nông hội... Xây dựng chi bộ tự động công tác, nhất là phải chú ý mở được vùng tranh chấp chung quanh.

### **Đối với thành phố**

Hiện nay, thành phố của ta đều là hậu phương của địch - nơi địch đang kìm kẹp chặt và vơ vét nhiều nhân tài, vật lực để

đánh phá cách mạng. Trái lại, cơ sở ta còn ít và yếu quá, phong trào đấu tranh của quần chúng tuy có, nhưng phần nhiều chưa được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ta. Nên phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của thành phố trong Khu vẫn theo cái chung là:

"Ra sức bảo tồn và phát triển cơ sở, đào tạo cán bộ bên trong, sức tích lực lượng cùng với phong trào chung chuẩn bị thời cơ mà sẵn sàng tận dụng thời cơ".

Do đó, những nhiệm vụ công tác về thành phố trong Nghị quyết tháng 2-1962 của J và những kinh nghiệm công tác thành phố và Thường vụ J đã trao đổi từ tháng 4-1962 đến nay vẫn tiếp tục sử dụng.

Ở đây, cần nêu lên mấy vấn đề:

1) *Về tổ chức chính trị:* Cần chú ý thẩm tra kỹ về chất lượng quan hệ tổ chức và công tác của tất cả cơ sở chính trị trong quần chúng xem tốt, xấu, lộ hay không lộ đến đâu để xử lý đúng nguyên tắc, phương châm công khai, bí mật, tìm cách ngăn cách, tránh vớ hàng loạt, xét quan hệ nào đáng cất thì kiên quyết cất, số nào cần *quy kết lại thì quy kết dần, tránh bớt đơn tuyến* không cần thiết (thừa). Đi đôi với tăng cường giáo dục và thường xuyên sinh hoạt, nâng cao giác ngộ, nâng cao ý thức tổ chức (không tự động liên hệ chính trị lung tung). Phương pháp công tác công khai, bí mật cho họ.

Tìm cách phát triển cơ sở vào những đơn vị, những hướng xung yếu, quan trọng (kể cả lực lượng tự vệ mật - ngầm) và hết sức bảo tồn cơ sở nòng cốt trong công nhân lao động và học sinh, sinh viên.

Ra sức xây dựng cơ sở binh vận và địch tình.

Xây dựng Đảng, Đoàn trong các đơn vị, khu, phường phố có điều kiện. Ra sức mở rộng công tác mặt trận: tận dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp tập hợp quần chúng rộng rãi, dựa vào quần chúng cơ bản nhưng phải ra sức tranh thủ từng lớp trên tiến tới hình thành nhiều tổ giải phóng hoặc "những nhóm hoà bình trung lập". Vận động một

số nhân sĩ để hình thành mặt trận thành phố, hoặc tìm một vài nhân vật có uy tín để hiệu triệu quần chúng khi cần.

Phải sử dụng khai thác tất cả những luồng, mối từ các nơi vào thành phố để bắt rễ sâu chuỗi. Chú ý dùng học sinh, sinh viên và chị em mua bán ở nông thôn có khả năng, điều kiện ra vào thành phố, hoặc đi lại giữa các thành phố để góp vào việc móc ráp, gây dựng cơ sở, v.v..

Ra sức đào tạo cán bộ sống hợp pháp bên trong kết hợp cố gắng đào tạo chỗ ăn ở, đi lại hoạt động dài ngày trong nội thành cho cán bộ bất hợp pháp ngoài vào (như có nhiều chỗ, có hầm, giấy tờ hợp pháp...) tiến tới hình thành cho được bộ máy lãnh đạo bên trong ở những nơi có điều kiện (N-Đ)<sup>1)</sup>.

Ra sức xây dựng, củng cố mọi mặt các bàn đạp đã có, tạo thêm bàn đạp dự bị quanh các thị xã, thị trấn và ở một số điểm nhất định trên đường giao thông vào thành phố để bảo đảm cho việc ra vào hoạt động của cán bộ bất hợp pháp.

Chú ý phát hiện cho được bọn điệp ngầm để đề phòng, xử lý. Việc ăn ở, đi lại của cán bộ và sử dụng cơ sở phải kiên quyết giữ đúng nguyên tắc công khai và bí mật.

Phải cố gắng xây dựng cho được hệ thống giao liên hợp pháp, bất hợp pháp và ngược chiều (kể cả việc dùng các loại hòm thư bí mật) bảo đảm nhanh chóng và không bị gián đoạn.

2) *Về tuyên truyền giáo dục quần chúng*: chú ý sử dụng hình thức loan tin công khai bằng tiếng, bàn tán (có đầu tàu công khai) kết hợp với tuyên truyền rỉ rả và hình thức truyền đơn cho từng cuộc đấu tranh và những ấn loát phẩm nói về đường lối, chính sách của mặt trận...

Cần tập trung phương tiện ấn loát cho các thị xã đang có khả năng phát triển.

3) *Về đấu tranh*: chú ý đẩy mạnh phong trào dư luận bàn tán công khai về tình hình thời sự có lợi cho cách mạng, đồng

<sup>1)</sup> N-Đ: Nha Trang, Đà Lạt (B.T).

thời đẩy phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ lên mỗi khi có những sự việc cụ thể.

Cần đi sâu nghiên cứu tiếp tục đẩy và vận dụng phong trào Phật giáo thành phong trào đấu tranh dân chủ rộng mạnh trong quần chúng giáo và lương, không để Diệm dập tắt hoặc bộn tay sai khác lợi dụng.

4) *Về chỉ đạo thành phố*, cần chú ý thêm mấy việc:

- Tuy khả năng mỗi nơi mà tăng cường bộ máy công tác thành phố, ngoài việc tích cực đào tạo cán bộ cơ sở bên trong, xây dựng các mũi công tác ngoài vào, còn phải tìm cách sắp xếp sao để có thể bổ sung cho nó một số cán bộ tương đối có năng lực, có ít nhiều kinh nghiệm công tác thành phố (vào các mũi - Ban chỉ đạo).

- Phải thường xuyên đi sâu sát và tổ chức kiểm điểm ưu khuyết, rút kinh nghiệm các mặt hoặc từng mặt, nhất là mặt công tác công khai, bí mật của thành phố để kịp thời uốn nắn và nâng trình độ công tác của cán bộ và cơ sở lên.

- Nói phải sức tích, lâu dài... nhưng phải ra sức xây dựng mọi lực lượng, chuẩn bị thời cơ, đưa phong trào lên... với đầy đủ quyết tâm, khẩn trương hoạt động, phải làm cho phong trào giữa các thành phố và thành phố với nông thôn cũng phát triển hỗ trợ nhau, không nên thấy khó buông xuôi.

### C- VẬN DỤNG PHƯƠNG CHÂM BA VÙNG

Căn cứ vào tình hình ta và địch hiện nay và tính chất cuộc đấu tranh giằng co sắp tới thì về mặt vận dụng phương châm ba vùng phải tính toán đến tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc để vận dụng một cách linh hoạt thích ứng. Nhưng có mấy điểm tương đối phổ biến cần chú ý là:

*Ở vùng căn cứ*: nói chung vẫn tiếp tục nắm lấy phương châm vũ trang là chính, tích cực đưa phong trào du kích chiến tranh của nhân dân lên mạnh, đấu tranh chính trị chủ yếu là không trực diện. Đấu tranh trực diện chỉ làm trong

điều kiện phải chuyển vùng hoặc bị động không kịp tránh lánh. Tránh máy móc hoặc ngại khó khăn rồi đưa quân chúng ra để bị địch dồn. Riêng đối với những nơi tuy là căn cứ, nhưng địa thế bất lợi, địch thường xuyên uy hiếp hoặc lấn chiếm, còn quân chúng thì bị kẹt việc làm ăn sinh sống nên không thể dời làng, chuyển hẳn qua thế vũ trang bất hợp pháp được thì cần chủ động chuẩn bị để quân chúng đấu tranh hai chân tại chỗ, nhưng phải chú ý bảo vệ cơ sở và thanh niên hằng hái.

Nói đấu tranh hai chân, nhưng có thể tùy từng nơi mà có chân nặng chân nhẹ và trong quá trình đấu tranh hai chân phải chuẩn bị điều kiện như lương ăn, chỗ ở, bố phòng, xây dựng cán bộ cốt cán, tự vệ bí mật, du kích, v.v. để cần thiết thì chuyển lên vũ trang.

Nói đấu tranh tại chỗ giữ thế hợp pháp với địch, nhưng từng lúc vẫn có tránh lánh bất hợp pháp (nơi có điều kiện thì tránh lánh nửa hợp pháp).

Trường hợp địch làm trắng trợn, quân chúng không đấu tranh hai chân được cũng không thể chạy bất hợp pháp thì phải chuẩn bị cho họ chuyển qua thế đấu tranh chính trị công khai hợp pháp với địch theo phương châm của vùng địch kiểm soát. Trừ bộ phận quân chúng nào có điều kiện và quyết tâm chạy bất hợp pháp thì cần tổ chức cho chạy, nhất là đối với cơ sở lộ, gia đình cách mạng, thanh niên nam nữ hằng hái, nhưng phải giải quyết thế ăn ở cho họ.

Những trường hợp chuyển xuống nói trên rất phức tạp, khó khăn (như có trường hợp không chủ động chuyển thì đời sống quần chúng khó khăn, đấu tranh thất thế, bị động, phong trào bị vùi dập. Nhưng nếu chuyển không khéo, không hợp thì cơ sở không bảo tồn được, mà quần chúng cũng bị thất thế hoang mang, mất tin, thậm chí oán trách ta, địch thì có điều kiện khủng bố quần chúng và dồn quần chúng ở vùng căn cứ vào khu, áp chiến lược...).

Do đó, về chỉ đạo phải có sự cân nhắc thận trọng, nhất là lúc bình thường phải có dự kiến trước, chuẩn bị trước, trong đó

việc chuẩn bị hạt nhân bí mật để bám và lãnh đạo quần chúng là hết sức quan trọng.

*Ở vùng địch kiểm soát:* nói chung đấu tranh chính trị là chủ yếu, hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp là chủ yếu, bất hợp pháp là từng lúc và khi cần thiết, vũ trang là hỗ trợ và chủ yếu là từ ngoài vào nhưng phải tránh không để liên lụy đến cơ sở và mất thế hợp pháp của quần chúng. Hoạt động vũ trang của các lực lượng bí mật bên trong như trừ gian, phá hoại, v.v. vẫn có, nhưng cần khéo che giấu dưới hình thức ngoại lai.

Trong quá trình đấu tranh, cố gắng làm lỏng dần thế kìm kẹp của địch và tùy nơi, tùy lúc, có sự hỗ trợ tích cực và liên tục của vũ trang bên ngoài mà phá vỡ khu, áp chiến lược, tạo thế làm ăn, cư trú rộng rãi (không nhất thiết phải chạy về căn cứ bất hợp pháp) và tích cực đấu tranh tại chỗ theo hướng dần dần nâng lên thế tranh chấp vừa chính trị vừa vũ trang.

Ở đây có chỗ tùy sự lợi hại, tùy khả năng thực tế mà chuyển một bộ phận quần chúng qua thế đấu tranh vũ trang bất hợp pháp, nhưng trước khi làm phải cân nhắc chu đáo các mặt, nhất là phải tính đến thế đấu tranh giằng co quyết liệt lâu dài giữa ta và địch ở vùng này. Song hiện nay, ở ta nói chung, nên hạn chế diện chạy bất hợp pháp, mà trái lại cần tích cực đưa vùng kiểm soát của địch lên, tạo ra vùng tranh chấp với nhiều mức độ cao thấp khác nhau.

Về việc xây dựng cơ sở cốt cán quần chúng, Đảng, Đoàn, trong vùng địch kiểm soát, phải nắm vững phương châm tổ chức lâu nay; nhưng cần chú ý: vừa tinh gọn, trọng chất lượng, khéo che giấu bảo tồn nhưng vừa không hạn chế việc phát triển lực lượng ta, tránh co thủ, rị mọ trở ngại việc mở cơ sở và tập hợp quần chúng. Ngay việc xây dựng tổ chức, cách công tác, sinh hoạt của các lực lượng nòng cốt ở vùng tranh chấp, nhất là vùng tranh chấp yếu vẫn cần áp dụng nền nếp công khai, bí mật, để phòng những trường hợp khó khăn.

### III- CÁC MẶT CÔNG TÁC CỤ THỂ

Để thực hiện có kết quả nhiệm vụ chung hiện nay của toàn J, chúng ta cần xúc tiến mạnh mẽ các mặt công tác cụ thể sau đây:

#### A- TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN VÀ MẶT TRẬN

Hướng nỗ lực sắp đến của công tác dân vận và mặt trận trong toàn Khu là:

Ra sức tuyên truyền, giáo dục, động viên chính trị sâu rộng trong các lực lượng quần chúng nhằm nâng cao cảm thù địch quốc Mỹ và bè lũ tay sai Diệm, thấm nhuần chủ trương, chính sách, sách lược của mặt trận, hiểu được phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam hiện nay, tích cực xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng mặt trận và phong trào tự trị Tây Nguyên, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh và phong trào tham gia sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, ủng hộ cách mạng. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ, đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng vùng địch, làm lỏng lẻo, xộc xệch đến phá vỡ một số khu, ấp chiến lược ở những nơi có điều kiện, thiết thực tham gia chiến dịch toàn diện chống Mỹ sắp đến.

Muốn vậy, cần giải quyết mấy vấn đề chính:

##### 1. *Phát động tư tưởng*

a) Yêu cầu của phát động tư tưởng hiện nay là: làm cho cán bộ cơ sở và quần chúng (trước mắt là quần chúng vùng căn cứ) có chuyển hướng mới mạnh mẽ về tư tưởng và nhận thức rõ những vấn đề cơ bản sau đây:

- Cuộc chiến tranh yêu nước chống Mỹ - Diệm của nhân dân ta đang tiến hành là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi để tin tưởng phấn khởi, quyết tâm vượt mọi hy sinh gian khổ, siết chặt hàng ngũ, chiến thắng quân thù.

- Nhận thức sâu sắc hơn nữa chủ trương, chính sách, sách lược đoàn kết đấu tranh cứu nước, cứu nhà của mặt trận, của phong trào dân tộc tự trị.

- Nhận rõ lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh chính trị là cơ bản có tác dụng lớn lao như đấu tranh vũ trang.

- Nhận rõ tầm quan trọng và ý nghĩa chiến lược việc phát động phong trào đấu tranh chống phá ấp chiến lược của địch, đồng thời nhận rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của chiến dịch toàn dân tấn công địch để động viên quần chúng tích cực tham gia giành nhiều thắng lợi trong chiến dịch này.

- Nhận rõ nhiệm vụ toàn dân tham gia xây dựng các lực lượng vũ trang và phong trào du kích chiến tranh toàn diện và trường kỳ.

b) *Nội dung*: sẽ dựa vào những tài liệu chính để học tập và phát động do Tuyên huấn soạn, kết hợp với kế hoạch công tác 6 tháng tới của dân vận và chương trình thi đua cùng những thư từ, hiệu triệu của các đoàn thể, các tổ chức mà động viên giáo dục.

(Chú ý: nội dung thi đua nên kết hợp với đợt 20-7 vừa rồi hoặc với chương trình kế hoạch thi đua đã có của các giới như thanh niên, phụ nữ...).

##### c) *Hình thức và phương pháp phát động*:

+ *Đối với cán bộ*: (xem phần nói về vũ trang của Đảng).

+ *Đối với nhân dân vùng ta*: cần tổ chức học tập thành đợt, nêu từng vấn đề có tính chất vấn đáp (như kẻ thù của nhân dân ta là ai? Tội ác của chúng như thế nào? Tại sao ta phải làm cuộc chiến tranh yêu nước, v.v?). Thảo luận sôi nổi và có giải đáp (theo kiểu báo cáo, thuyết trình viên) nơi có điều kiện thì mở mít tinh, đại hội quần chúng từng thôn, xã hoặc giới, sau đó tiếp tục đi sâu ôn tập trong làm ăn, bố phòng hoặc các buổi sinh hoạt của đoàn thể quần chúng (tổ, nhóm) hoặc đi sâu xây dựng từng cá nhân, xây hạch tâm, đầu tàu gương mẫu trong phong trào hay từng mặt của phong trào quần chúng.

- Các báo chí, tờ tin, mẩu chuyện, thơ ca, kịch, v.v. đều nhằm phục vụ cho nội dung phát động nói trên.

- Cần phát động và tổ chức thành phong trào thi đua yêu nước (mỗi đơn vị, đoàn thể cần lấy tên thi đua gì thì tùy, như thanh niên lấy tên phong trào thi đua "Thành đồng quyết thắng" kết hợp với 2 trong những tiêu chuẩn 4 giỏi...) rộng khắp các đơn vị, đoàn thể, thôn xóm, cơ quan, trường, trại, v.v. cần có mừng, báo công, bình bầu, khen thưởng, động viên chung. Nhưng tùy hoàn cảnh phương tiện, khả năng của mỗi địa phương, đoàn thể... mà có những hình thức phát động thi đua sát hợp.

+ *Đối với nhân dân vùng địch kiểm soát:*

- Phổ biến là vừa đi sâu tuyên truyền giáo dục rĩ rả theo luồng loăng dăn ra, vừa dùng phương thức vũ trang tuyên truyền giáo dục một lúc cho 5, 10 quần chúng hoặc đông hơn. Nơi có điều kiện hoặc nhân tình hình thuận lợi, địch sơ hở đột nhập mở mít tinh chớp nhoáng, hoặc đón quần chúng ra ngoài làm ăn, tranh thủ giáo dục, hoặc tổ chức đón xe qua lại để tuyên truyền, tán phát truyền đơn, tài liệu cho hành khách. Trường hợp đánh phá được các khu, ấp chiến lược thì tranh thủ mở mít tinh có đông đảo quần chúng tham dự, sau đó đi sâu rĩ rả (theo kiểu phát động căm thù tố ác ôn, v.v.).

Chú ý, giáo dục sâu đường lối, chính sách cho quần chúng cơ bản, đồng thời trực diện hoặc viết thư trao đổi những vấn đề cơ bản về cách mạng nói trên, nhất là kẻ thù của dân tộc và đường lối, chính sách cứu nước của mặt trận với những phần tử trí thức, nhân sĩ, tư sản dân tộc và các nhân vật lớp trên khác, kể cả những nhân vật trong các đảng phái, tôn giáo có xu hướng tiến bộ muốn chống Mỹ - Diệm, muốn hoà bình, độc lập trung lập...

2) *Phát động toàn dân tham gia phong trào du kích chiến tranh:*

Đây là một công tác đặc biệt quan trọng trong cuộc phát động toàn dân, toàn diện tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước.

Để có một phong trào toàn dân tham gia du kích chiến tranh, về mặt dân vận và mặt trận cần tiến hành mấy việc:

a) *Đối với vùng ta:*

Ra sức vận động phong trào toàn quân giết giặc mạnh mẽ trong toàn thể nam nữ thanh niên làm cho anh chị em có sự chuyển hướng mới, mạnh về nhận thức, thấy rõ được vai trò tiên phong và nghĩa vụ quang vinh của người thanh niên trong lúc này và tự nguyện tham gia vào dân quân du kích, bộ đội địa phương, hoặc vào các đội công tác chiến đấu khác (không còn thanh niên mạnh khoẻ ở ngoài các lực lượng chiến đấu), sẵn sàng hy sinh giết giặc. Đoàn viên và hội viên thanh niên giải phóng, tự trị phải là nòng cốt, gương mẫu trong phong trào này.

Các lực lượng trung kiên, thiếu niên cũng cần được động viên tùy khả năng tham gia vào mỗi công tác đánh giặc, giữ làng, rẫy, trước nhất là tham gia dân quân, du kích và xây dựng làng chiến đấu.

Nói chung lại là, có kế hoạch tích cực huy động mỗi từng lớp nhân dân tùy khả năng tại sức của mình mà tham gia sôi nổi phong trào nhân dân du kích chiến tranh gắn liền mỗi sinh hoạt làm ăn của các đoàn thể thanh niên, của quần chúng vào phong trào này, cụ thể là:

Ra sức tham gia xây dựng xã, vùng chiến đấu (riêng vùng giải phóng ở Bình, phải phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật bố phòng, xây dựng làng chiến đấu, rút kinh nghiệm thay đổi với các nơi) và tham gia đấu tranh vũ trang chống càn, bố, v.v. bằng những hình thức thích hợp.

- Động viên ý thức thay chân nam giới ở hậu phương trong giới phụ nữ và người già yếu không đi chiến đấu xa được, động viên giáo dục quần chúng tự giác và sẵn sàng tham gia phá hoại, vận tải, v.v. khi cần thiết.

Có thể dùng những hình thức động viên tòng quân, cổ vũ thanh niên sau khi được tuyên truyền giáo dục sâu kỹ từng nhóm, từng tổ, từng người.

b) *Đối với vùng địch kiểm soát:*

Đi đôi với việc xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào dân sinh, dân chủ và chống, phá áp chiến lược, cần có kế hoạch giáo dục nâng cao giác ngộ của quần chúng, nhất là của thanh niên học sinh. Để phát triển nhanh chắc lực lượng tự vệ bí mật, du kích địa phương, mặt khác tích cực vận động một số thanh niên đủ những điều kiện cần thiết cho thoát ly tham gia các lực lượng chiến đấu.

Huy động quần chúng tham gia phá hoại cầu, đường, kho tàng, phá áp chiến lược ở những nơi có điều kiện, có lực lượng vũ trang ngoài vào, chủ yếu là làm cho tự vệ bí mật, quần chúng có ý thức và biết tìm cách phá hoại thường xuyên, rỉ rả các cơ sở kinh tế chiến tranh của địch. Đồng thời, có kế hoạch vận động các từng lớp quần chúng, kể cả quần chúng ở thành thị ủng hộ tài lực cho cách mạng, cho việc xây dựng căn cứ, nuôi quân, nuôi thương bệnh binh theo khả năng của mỗi người (có thể vận dụng kinh nghiệm hình thức quỹ nuôi quân, hũ gạo kháng chiến, cứu nước, v.v.. của quần chúng vùng tạm chiếm cũ).

### *3) Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên một bước*

Để kết hợp chặt chẽ với phong trào du kích chiến tranh của toàn dân (chủ yếu ở vùng ta) phải ra sức đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, nhất là quần chúng vùng địch kiểm soát, làm cho phong trào giữa vùng ta và vùng địch, giữa miền núi, đồng bằng và thành phố dần dần hỗ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ và chống, phá áp chiến lược mạnh mẽ hơn. Nên yêu cầu đấu tranh chính trị của quần chúng Khu ta là:

a) Ở vùng địch kiểm soát chặt như thành phố, dinh, đồn điền và các vùng sâu, xung yếu quanh thị trấn, thị xã, quần chúng còn bị kìm kẹp nặng nề, thế lực phản động địch còn cứng thì chủ yếu là đấu tranh dân sinh, dân chủ, từ lẻ tẻ đến tập thể nhằm chống ách kìm kẹp và bóc lột nặng nề của địch (như đòi tự do đi lại làm ăn

buôn bán, chống quyền góp, sưu thuế, phạt vạ, đánh đập, v.v.) để bảo vệ quyền lợi thiết thân hàng ngày của quần chúng.

Hình thức đấu tranh chủ yếu và phổ biến ở đây là hợp pháp, nửa hợp pháp với những lý lẽ, yêu sách hợp tình, hợp lý, v.v. nhằm đấu tranh trực diện với bọn cầm quyền, chỉ huy các cấp, hoặc bọn trực tiếp gây ra các vụ áp chế, khủng bố, cướp bóc cụ thể để nâng dần uy thế và giác ngộ quần chúng lên, qua đó bắt rễ sâu chuỗi phát triển cơ sở, tạo điều kiện tập hợp quần chúng, đưa phong trào đấu tranh lên rộng mạnh hơn.

b) Ở vùng nông thôn, ách kìm kẹp của địch có phần lỏng, khí thế quần chúng khá hơn, bọn tề, dân vệ có phần núng thế hơn, do phong trào chung của ta lên, nhất là một số nơi ở Nam Tây Nguyên thì yêu cầu đấu tranh có khá hơn, như vừa đưa yêu sách, vừa tự động bung ra làm ăn, đi lại bán hợp pháp buộc địch phải nhượng bộ, hoặc tập thể chống bắt lính, tập quân sự, canh gác, sửa công sự khu ấp chiến lược, chống khủng bố, đốt phá, đặc biệt là chống vũ trang dân vệ người Thượng.

Hình thức đấu tranh ở đây vẫn tận dụng hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, và có nơi có lúc có mặt đấu tranh bất hợp pháp, nhất là khi có lực lượng của ta vào huy động thì tham gia phá hoại đường cầu, kho tàng, rào, bờ tường và tìm cách hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp phát hiện ác ôn cho ta trị, còn bình thường thì đấu tranh trực tiếp với các hành động kìm kẹp của bọn tề ấp, xã, có khi kéo nhau lên đến quận, tỉnh, đồn bốt có liên can đến vụ bắn phá, khủng bố, v.v. buộc chúng phải chấp nhận các yêu sách của mình.

c) Ở những nơi đã có kèm thì yêu cầu là tích cực lãnh đạo đông đảo các từng lớp quần chúng đấu tranh chính trị trực tiếp bằng hợp pháp, nửa hợp pháp thật rộng mạnh mẽ để giữ thế hợp pháp cho quần chúng, vừa tổ chức củng cố và nhanh chóng tăng cường lực lượng dân quân, du kích (cả du kích bí mật) bố phòng, v.v. để tự vệ khi cần thiết, tạo thành thế đấu tranh hai chân tại chỗ.

Ngoài ra, một số nơi ở vùng ta, có trường hợp địch càn, quần chúng bị động bí lối phải kịp thời lãnh đạo quần chúng mạnh dạn đấu tranh trực tiếp với địch để đỡ bớt khủng bố, tàn sát, như nam nữ thanh niên, người khoẻ mạnh cần tránh lánh, không để chúng bắt (phải tính đến trường hợp có thể xảy ra này để cán bộ và quần chúng đỡ bị động).

Nói tóm lại, cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng sắp đến phải được đẩy lên rộng mạnh, từ thấp đến cao, từ hẹp đến rộng theo phương châm, hình thức thích hợp mỗi vùng, mỗi lúc. Cần chú ý tận dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp của quần chúng mà thiết thực đấu tranh với địch và kết hợp chặt chẽ với phong trào du kích chiến tranh, binh tề vận, tấn công địch từ mỗi phía, khắp mỗi nơi, nhất là trong tình hình thuận lợi chung của phong trào và những mâu thuẫn, khủng hoảng nghiêm trọng kéo dài trong nội bộ địch, chúng ta có thể đưa phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên khá hơn.

#### 4) *Ra sức xây dựng các tổ chức quần chúng, củng cố và mở rộng phong trào tự trị Tây Nguyên*

Nói chung, quần chúng ở vùng ta đã được tổ chức, mặt trận đã được thành lập, nhưng chưa mạnh. Quần chúng ở vùng địch kiểm soát chưa được tập hợp. Địch càng có điều kiện tiếp tục gieo rắc vực ly gián quần chúng, gây khó khăn cho ta. Tuy vậy, chúng ta cũng đã có vốn ở một số nơi, sắp đến qua phong trào đấu tranh chung, chúng ta còn có nhiều thuận lợi hơn để móc rập, xây dựng cơ sở, nòng cốt, tập hợp quần chúng vùng địch và củng cố phát triển thêm các tổ chức đoàn thể vùng ta.

Trong công tác này, có mấy vấn đề hiện nay cần chú ý:

#### *Miền núi*

##### a) *Đối với vùng ta:*

Nói chung là tiếp tục củng cố và phát triển phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên và các đoàn thể hoặc tổ chức kinh tế, xã hội, v.v. đã đề ra trong Nghị quyết Khu uỷ tháng 2-1962.

Nhưng nay cần chú ý uốn nắn, chấn chỉnh thế nào để vừa phát huy được khả năng cách mạng của các tầng lớp quần chúng, nhất là thanh niên nam nữ, vừa có tính cách đơn giản, thiết thực hợp trình độ và hoàn cảnh sinh sống của quần chúng.

Cụ thể là:

*Ở thôn xã:* cần xây dựng và củng cố các Ban tự trị theo phương hướng vừa làm nhiệm vụ mặt trận, vừa làm nhiệm vụ chính quyền, cách thức thành lập là dùng Đại hội quần chúng bầu ra Ban Chấp hành phong trào tự trị (UBTT)<sup>1)</sup> thôn gồm đại diện của quần chúng lao động, lớp trên, nhưng đa số là đại diện của lao động và nam nữ thanh niên trung thành với cách mạng, có liên hệ tốt với quần chúng, có uy tín, còn năng lực thì chăm chú. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành này là: đi sát động viên nhân dân đoàn kết tương trợ đánh giặc giữ làng, tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống... việc phân công trong Ban Chấp hành thì tuỳ khả năng của mỗi uỷ viên mà phụ trách hẳn từng mặt công tác như:

- Thôn đội (lo dân quân, bố phòng, đánh giặc, bảo vệ an ninh, v.v.).
- Cải thiện dân sinh (vận động hướng dẫn vòng đổi công, tăng gia sản xuất, vệ sinh phòng bệnh, học tập văn hoá, v.v.).
- Thanh niên, phụ nữ (hướng dẫn sinh hoạt các đoàn thể, động viên thanh niên nam nữ hăng hái trong các việc sản xuất, bố phòng, gia nhập dân quân, du kích, v.v.).

Về tổ chức giới, cần lập các đoàn thể thanh niên và phụ nữ, các đoàn thể này đều có Ban Chấp hành của mình. Nhưng ở cơ sở, không nhất thiết phải tổ chức tổ, toán nhỏ và có thể tuỳ theo thế ăn ở từng chòm xóm để thường kỳ tập hợp sinh hoạt. Tên gọi thì theo thông dụng lâu nay, không nhất thiết gọi thống nhất thanh niên phụ nữ tự trị.

<sup>1)</sup> UBTT: Uỷ ban tự trị (B.T).

Còn *nông dân* thì không tổ chức đoàn thể riêng mà nên dùng hình thức hội học toàn buôn, làng, có cả nam nữ, già trẻ và vận dụng các tổ vòng đối công sản xuất để tập hợp sinh hoạt.

Riêng ở xã cũng có đại biểu hội nghị giữa các thôn để bầu ra Ủy ban tự trị xã, cách thức tiến hành như trên, rồi phân công trở về phụ trách các thôn và có sinh hoạt thường kỳ như lâu nay đã làm.

*Ở tỉnh, huyện:* Cần xây dựng, giúp đỡ cho các Ủy ban tự trị tỉnh, huyện có thể hoạt động được tốt, vừa có danh giá uy tín, vừa có tác dụng thực tế trong những nhiệm vụ sau đây:

- Động viên được sâu rộng nhân dân các dân tộc tự nguyện tự giác đứng lên đấu tranh chống Mỹ - Diệm, tham gia mọi công tác cải thiện đời sống, đánh giặc cứu nước, cứu nhà, v.v..
- Củng cố khối đoàn kết trong nội bộ dân tộc, thắt chặt đoàn kết, tin tưởng nhau giữa các dân tộc, giữa quân và dân, v.v..
- Thu lượm phản ánh tình hình tâm tư, nguyện vọng của quần chúng và đề đạt chính sách với mặt trận, với Đảng.

Muốn được vậy thì:

- Về thành phần Ban Chấp hành, nhất là cấp tỉnh, một mặt cần chú ý những nhân vật tiêu biểu, mặt khác phải quan tâm bồi dưỡng để bạt cho được những cán bộ cốt cán của các dân tộc vào, mặc dù có một số lúc đầu chưa có uy tín rộng rãi. Cấp ủy tương đương có thể đưa một số ủy viên người dân tộc vào đứng hẳn trong Ban Chấp hành phong trào dân tộc tự trị để tăng thêm năng lực và uy tín của nó. Bên trong các đồng chí này có cùng với một số cán bộ các giới hợp thành Ban Dân vận của cấp ủy.

- Về lề lối làm việc, cần chú ý làm cho những hoạt động của Ban Chấp hành gắn liền với quần chúng, phục vụ đắc lực cho lợi ích của quần chúng, có nội dung thiết thực, tránh quan liêu, mệnh lệnh, hình thức, không có nền nếp sinh hoạt và công tác hẳn hoi.

b) *Đối với vùng địch kiểm soát:*

Điều quan trọng là thường xuyên tuyên truyền phát huy ảnh hưởng của phong trào dân tộc tự trị và các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng. Về mặt tổ chức, do chưa có điều kiện tiến hành rộng rãi nên trước mắt cần: ở những nơi chưa có cơ sở thì bên bả bám sát các khu, ấp chiến lược (kể cả dinh, đồn điền) để bắt liên lạc gây móc ráp cơ sở, ở những nơi đã có thì ra sức lấy đó loang dần ra đều khắp trong từng khu đến nhiều khu, ấp chiến lược, chú ý nơi bị tập trung nhiều buôn, đông dân, trực giao thông quan trọng của địch, các vùng ven thị trấn, thị xã, dinh, đồn điền, ở địa phương tiến tới hình thành *dân dân những tổ, nhóm thanh niên nam nữ hoặc quần chúng lao động của phong trào tự trị, hoặc của Mặt trận giải phóng*. Đồng thời, cố gắng tranh thủ một số nhân vật lớp trên, tiến bộ và có uy tín để công khai hiệu triệu quần chúng làm điều phải, hoặc đoàn kết chống Mỹ - Diệm khi cần thiết và bí mật có chân trong các Ủy ban tự trị, phong trào tự trị huyện, tỉnh.

Chú ý: vận dụng mọi khả năng, hình thức hợp pháp của quần chúng như cùng làm ăn, cùng gốc nhang, cùng gốc rẫy, v.v. để liên hệ, tập hợp quần chúng thêm rộng rãi, chú ý những hình thức vòng đối công nhẹ nhàng trong từng vụ, từng việc đã tập hợp quần chúng.

*Ở nông thôn đồng bằng*

a) *Đối với vùng địch kiểm soát*

Tiếp tục ra sức xây dựng, móc ráp cơ sở ở những nơi chưa có bằng đủ cách, đủ hướng, từ những nơi có điều kiện rồi loang dần ra, đồng thời củng cố và mở rộng cơ sở nòng cốt quần chúng các loại ở những nơi đã có. Triệt để lợi dụng mọi khả năng, hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp có tính chất kinh tế, xã hội (chú ý phát triển theo hình thức chòm xóm, ấp, tộc, v.v.) để tập hợp tuyên truyền giáo dục quần chúng được rộng rãi, thuận lợi hơn, từ đó nắm chắc tình hình, đi sâu bắt rễ xâu chuỗi dùng những phần tử tiến bộ tích cực, dần dần hình thành những tổ nhóm thanh niên, phụ nữ, nông dân, mặt

trận theo đúng lề lối công tác, công khai và kết hợp chặt chẽ giữa chiều rộng và chiều sâu.

**b) Đối với vùng giải phóng ở Bình**

Vẫn tiếp tục tăng cường xây dựng các đoàn thể quần chúng, chú trọng củng cố nông hội và nam nữ thanh niên giải phóng làm cho nó trở thành đầu tàu, thành chỗ dựa thật sự vững mạnh cho Đảng, cho phong trào đoàn kết đấu tranh của các tầng lớp quần chúng ở nông thôn giải phóng. Đồng thời phải tăng cường vai trò lãnh đạo mọi mặt công tác của các Ủy ban Mặt trận xã (gần giống vai trò chính quyền cách mạng cơ sở). Phải chú trọng kiểm tra rút kinh nghiệm ưu khuyết để giáo dục nâng cao nhận thức đường lối, chính sách, sách lược của Đảng ở nông thôn giải phóng và luôn luôn cải tiến lề lối làm việc, phương pháp công tác, tác phong công tác cán bộ, của các Ban Chấp hành đoàn thể, Ủy ban Mặt trận, cũng như nội dung hội họp, sinh hoạt thiết thực đơn giản sao cho quần chúng khỏi buồn và ngày càng tốt hơn, cho dù số quần chúng, đoàn kết chặt chẽ, thanh khiết nội bộ quần chúng, làm cho vùng giải phóng vững mạnh, dần dần trở thành ngọn cờ hiệu triệu, cổ vũ quần chúng vùng địch đấu tranh mạnh thêm.

Phải tăng cường công tác phòng gian bảo mật cả trong nội bộ và quần dân, kịp thời khắc phục những hiện tượng chủ quan, kém cảnh giác trong mọi lĩnh vực ăn ở, công tác của mình.

Chú ý đi sâu và bí mật xây dựng, bồi dưỡng một số cán bộ cốt cán quần chúng dự bị phòng trường hợp bị dồn, bị lấn, ta vẫn có lực lượng lãnh đạo nằm trong quần chúng.

Ra sức đào tạo các loại cán bộ tại chỗ mặt trận, đoàn thể, chuyên môn (giáo dục, văn nghệ, bảo vệ an ninh, v.v.).

Ngoài ra, cần rút kinh nghiệm củng cố và phát triển các tổ, đội sản xuất (vòng đổi công từng vụ và thường xuyên có bình công, chấm điểm, v.v.) các tổ chức văn nghệ, thể thao, thể dục, v.v. của thanh niên, thiếu niên.

**Ở đô thị:**

Việc xây dựng, móc ráp, mở cơ sở tập hợp quần chúng theo mối, theo luồng bằng đủ cách lâu nay thường làm và như phần thành phố trên kia đã nói. Nhưng cần chú ý thêm mấy việc:

Ở ta, một số thành phố như: N.Đ, có nhiều khả năng công khai hợp pháp, nửa hợp pháp và quan hệ ngày càng nhiều với các thành phố khác, đồng thời cũng có những quan hệ chặt với nông thôn địa phương, nhất là các thành thị ở đồng bằng, chúng ta cần vận dụng để bỏ vôi, cấm nọc, bắt rẽ sâu chuỗi gây dựng cơ sở, tập hợp quần chúng. Tình hình gần đây còn có nhiều thuận lợi hơn nữa. Các cấp uỷ cần đi sâu nghiên cứu phát hiện và xây dựng, tranh thủ mở cơ sở.

Một mặt, phải hết sức bảo tồn cơ sở bí mật trong công nhân lao động, học sinh, sinh viên, một mặt cố gắng hình thành những tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp theo từng lứa tuổi, nghề nghiệp, khoa mục hoặc theo sở trường vui chơi như đánh đu, đánh bóng, v.v. của quần chúng để tập hợp rộng rãi các tầng lớp quần chúng. Cũng cần nghiên cứu sâu sắc các tổ chức quần chúng do địch lập ra hoặc do quần chúng đấu tranh tự lập nên mà sử dụng hoặc chống phá thích ứng.

Ngoài ra, cần chú ý tranh thủ xây dựng cơ sở trong tín đồ Phật giáo và từng mặt liên minh hành động tiến tới nắm một số sư sãi tiến bộ, có uy tín trong giới Phật giáo, cũng như

phải tích cực tranh thủ xây dựng những phần tử lớp trên (như trí thức, nhân sĩ, tư sản dân tộc) có xu hướng tiến bộ để tiến tới hình thành Mặt trận lâm thời của thành phố. Nhưng phải hết sức bí mật giữ địa vị hợp pháp cho họ hoạt động lâu dài bên trong, phải dùng cán bộ có uy tín, hoặc được họ tin cậy để cảm hoá tranh thủ xây dựng họ mới kết quả.

Trong công tác tổ chức cơ sở, tập hợp quần chúng ở vùng nào phải giữ đúng phương châm, nguyên tắc tổ chức và công tác vùng ấy, công khai hợp pháp, nửa hợp pháp và bí mật - bất hợp pháp phải được ngăn cách rành mạch, tránh nhập nhằng, bừa bãi.

Do đó, yêu cầu trước mắt là cấp uỷ, đồng chí trực tiếp phụ trách phải có chương trình và tác phong công tác đi sâu sát, kịp thời kiểm tra phát hiện, uốn nắn những lệch lạc trong công tác tổ chức hoạt động của các lực lượng cơ sở, cốt cán quần chúng.

Riêng các mũi, các đội vũ trang công tác thành phải không ngừng nâng cao chất lượng mọi mặt, trong đó chú ý công tác công khai, bí mật. Nắm đường lối, chính sách và giáo dục khí tiết cách mạng. Vì những đội công tác này, cơ quan phụ trách chung khó biết hết (cần chú ý nâng trình độ năng lực tự công tác và chế độ báo cáo, thỉnh thị, sinh hoạt chặt chẽ cho họ).

## B- RA SỨC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, BÁN VŨ TRANG, ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO DU KÍCH CHIẾN TRANH

Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chung toàn khu và riêng về tình hình lực lượng vũ trang, bán vũ trang của ta hiện nay.

Căn cứ vào nhiệm vụ, phương hướng công tác quân sự trước mắt của R đề ra từ tháng 3-1963 là "ra sức phát động toàn Đảng, toàn dân phát triển du kích chiến tranh rộng rãi,

mạnh mẽ, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với phong trào đấu tranh chính trị để chống phá và làm thất bại các âm mưu của địch, chủ yếu là chống càn quét, chống lấn chiếm, chống, phá áp chiến lược gom dân, mở rộng căn cứ địa và vùng giải phóng, ra sức xây dựng dân quân du kích, xã chiến đấu, bộ đội địa phương ở khắp rừng núi và đồng bằng, tranh thủ xây dựng bộ đội chủ lực theo điều kiện từng nơi, trên cơ sở đó mà đẩy mạnh tác chiến tiêu hao, tiêu diệt địch, bồi dưỡng ta nhiều hơn nữa.

Và chỉ thị công tác 6 tháng tới là "tiến hành một đợt hoạt động có tính chất chiến dịch toàn diện, liên tục từ nay cho đến tháng 3-1964 nhằm đẩy mạnh hoạt động vũ trang, phát triển du kích chiến tranh mạnh mẽ, rộng khắp nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và ngăn chặn, làm thất bại các âm mưu càn quét lấn chiếm đánh phá mới của địch".

Nhiệm vụ quân sự hiện nay của Khu ta là:

Động viên toàn Đảng, toàn dân. Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang và phát triển rộng rãi phong trào du kích chiến tranh, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và binh vận nhằm:

a) Chống càn quét, lấn chiếm, rút dân, giữ làng và mở rộng căn cứ, hành lang và vùng giải phóng đồng bằng.

b) Đẩy mạnh hoạt động vào các vùng địch tạm kiểm soát, ngăn chặn, làm thất bại từng bước âm mưu gom dân lập áp chiến lược, vũ trang dân vệ, làm lỏng lẻo, xộc xệch ách kìm kẹp của địch. Hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị tạo điều kiện tiến tới phát động quần chúng nổi dậy phá từng mảng áp chiến lược của địch, mở rộng chiến tranh du kích song song với mở rộng phong trào đấu tranh chính trị.

c) Kết hợp chặt chẽ với hai yêu cầu nói trên là liên tục tiêu hao, tiêu diệt một phần sinh lực địch, bồi dưỡng phát triển lực lượng ta.

*Cụ thể:*

1. Về mặt xây dựng, trước hết là ra sức xây dựng phong trào chiến đấu, xây dựng du kích cả chất lượng, số lượng, phát triển rộng rãi dân quân, tự vệ ở vùng căn cứ, vùng giải phóng đồng bằng làm cho các lực lượng nói trên có khả năng hạn chế tiêu hao địch ngày càng nhiều, dần dần trở thành chính yếu đánh du kích giữ căn cứ, hành lang, giữ vùng giải phóng, tích cực xây dựng, phát triển du kích bí mật ở vùng địch kiểm soát, xây dựng tự vệ bí mật ở thành phố làm cho các lực lượng này có khả năng canh gác, báo tin, bảo vệ quần chúng, bảo vệ cơ sở, cán bộ, bí mật trừ gian diệt ác, phá hoại, cung cấp tình hình chuẩn bị mục tiêu hoạt động, phối hợp với lực lượng bên ngoài chống, phá ấp chiến lược, vũ trang dân vệ và các hoạt động khác, mở rộng được các hình thức đánh du kích phong phú và thường xuyên sau lưng địch.

Củng cố phát triển các bộ đội địa phương làm cho các lực lượng này làm được nhiệm vụ là xây dựng diu dất du kích, phát triển du kích chiến tranh kết hợp chặt chẽ với du kích, với làng chiến đấu giữ vùng giải phóng, chống càn quét, lấn chiếm, rút dân. Và hoạt động vào vùng địch chống, phá ấp chiến lược, tiêu hao, tiêu diệt địch, hỗ trợ có hiệu quả cho các lực lượng vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác, cùng các lực lượng này vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng cơ sở.

Củng cố và tăng cường các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác nhằm làm cho các lực lượng này làm đúng nhiệm vụ, tính chất của nó (ở đâu đã có bộ đội địa phương có khả năng hỗ trợ các đội vũ trang công tác làm nhiệm vụ thì ở đó không nhất thiết tổ chức lực lượng vũ trang tuyên truyền).

- Theo yêu cầu và khả năng từng nơi mà xây dựng và kiện toàn các lực lượng tập trung theo tinh thần gọn, mạnh, hợp

với yêu cầu chiến thuật của chiến trường, đồng thời tích cực xây dựng các đơn vị biệt động, các đội giao thông, xây dựng và tăng cường lực lượng đặc công, trinh sát, thông tin liên lạc. Nhưng cũng tránh bày biện ra nhiều loại rườm rà, mà cần nghiên cứu tổ chức thế nào cho hợp pháp, nhất là cần chú trọng việc đồng hoá kỹ thuật. Tuy tác chiến tiêu hao, tiêu diệt địch là nhiệm vụ trọng tâm của các lực lượng tập trung của khu, tỉnh, nhưng do đặc điểm tình hình của ta, nên trước mắt phải tuỳ theo yêu cầu từng nơi, từng lúc mà sử dụng tập trung phân tán linh hoạt, về mặt xây dựng là bảo đảm cho lực lượng này làm tốt nhiệm vụ tác chiến tiêu hao, tiêu diệt địch, hỗ trợ tốt cho phong trào và các lực lượng dưới, đồng thời có khả năng phân tán làm tốt công tác vũ trang tuyên truyền, dân vận và kèm cặp diu dất dân quân du kích theo phương thức đội độc lập.

- Kiện toàn các lực lượng hành lang theo hướng quân sự hoá, trước hết là hành lang Nam - Bắc nhằm bảo đảm được nhiệm vụ chuyên môn và có khả năng chiến đấu tự vệ, sản xuất tự túc được.

Đồng thời với các nhiệm vụ trên là xây dựng, kiện toàn ngành hậu cần quân đội, xây dựng củng cố các đơn vị Nông Binh, cơ quan và đơn vị ra sức xây dựng hậu cứ, đẩy mạnh sản xuất tự túc nhằm bảo đảm tốt hơn công tác nuôi dưỡng, xây dựng bộ đội và phục vụ được nhiệm vụ hoạt động quân sự.

2. Về hoạt động và phát triển rộng rãi phong phú các hình thức và mưu trí đánh du kích, từ thấp đến cao, liên tục và đều khắp nhất là đẩy được các hoạt động thường xuyên vào vùng địch kiểm soát bằng các hình thức phá hoại, bao vây đồn bốt, quấy rối, đánh chìm sê, tiêu hao ngăn chặn địch của du kích căn cứ, bằng các hoạt động phá hoại quấy rối, trừ gian diệt ác, tiêu hao địch của du kích bí mật, của các đội vũ trang tuyên truyền vùng địch kiểm soát, bằng các hình thức chiến thuật du kích của các bộ đội tập trung, bộ đội địa

phương theo phương thức tập trung phân tán linh hoạt. Nhưng phổ biến là đánh nhỏ, đánh phân tán.

Các hoạt động nói trên phải luôn luôn nắm vững nhiệm vụ quan trọng phục vụ cho yêu cầu giữ gìn và mở rộng cơ sở, hỗ trợ và phát triển phong trào đấu tranh của quần chúng, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị, với binh tế địch vận.

Trong tác chiến, phải nắm vững tinh thần tích cực chủ động tấn công tiêu diệt địch, bảo tồn, phát triển lực lượng ta, nắm vững yếu tố bí mật bất ngờ đánh nhỏ ăn chắc, thường xuyên và liên tục.

Đối tượng tác chiến là nhằm các đối tượng kìm kẹp phong trào, quân càn quét lấn chiếm, quân ngoài công sự như bọn lòng sục tuần tiểu, giao thông tiếp tế, tiếp viện, v.v..

Phát động phong trào đánh biệt cách, biệt kích, bắn máy bay rộng rãi.

3. *Về trang bị*: phải nghiên cứu phát huy và tận dụng các vũ khí hiện có của ta (ví dụ: bằng cách luân phiên đổi súng để tác chiến...) khắc phục một phần thiếu vũ khí.

- Có kế hoạch hướng dẫn chế tạo và dùng vũ khí thô sơ rộng rãi trong các lực lượng bán vũ trang (có rút kinh nghiệm cải tiến và phát huy).

- Điều động một phần vũ khí nhẹ của lực lượng tập trung để trang bị cho du kích, trước hết là cho du kích những thôn xã xung yếu, đồng thời khuyến khích việc cướp vũ khí địch hoặc binh vận kiếm súng dần để tự trang bị một cách rộng rãi trong các lực lượng du kích và nhân dân.

- Ở khu, tỉnh, cần xúc tiến mạnh việc xây dựng những công binh xưởng loại nhỏ để sửa chữa vũ khí và dần dần làm súng ngựa trời, lựu đạn, mìn.

4. *Về chuẩn bị chiến trường*: phải tiến hành thường xuyên liên tục phục vụ hoạt động của địa phương, của đơn vị được liên tục và bảo đảm hoạt động kịp thời khi có thời cơ.

*Chuẩn bị chiến trường phải toàn diện* về quân sự, chính trị, binh vận, kinh tế, chú ý tạo điều kiện tận dụng được khả

năng các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, các lực lượng chính trị, binh vận, các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác làm cho các lực lượng này kết hợp được nhiệm vụ chuyên môn của mình làm được công tác phối hợp chiến trường. Cần chú ý trong sử dụng và phát huy vai trò tích cực của du kích bí mật trong việc chuẩn bị chiến trường vùng địch kiểm soát, nhất là phục vụ nhiệm vụ chống, phá ấp chiến lược, diệt biệt kích và vận động tước súng dân vệ.

5. *Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang*

- Tiếp tục chỉnh huấn chính trị, làm cho cán bộ, chiến sĩ nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, phương châm cách mạng miền Nam và quán triệt đường lối, phương hướng đấu tranh vũ trang của Đảng hiện nay trong toàn Đảng, toàn quân, *nhất là quan điểm chiến tranh du kích, quan điểm quân sự, phục vụ phong trào chính trị tinh thần căm thù địch, quyết tâm tiêu diệt địch, tha thiết với chiến trường*, tăng cường đoàn kết, hoàn thành vượt mức nhiệm vụ trước mắt, đẩy mạnh xây dựng củng cố Đảng, kiện toàn chi bộ, xây dựng chi đoàn, tích cực phát triển đảng viên, đoàn viên làm cho chi bộ vững mạnh về tổ chức và tư tưởng, có khả năng tự động công tác và phát huy được vai trò lãnh đạo tuyệt đối của chi bộ, của Đảng trong mọi mặt công tác.

- Tăng cường chỉ đạo quân sự của các cấp uỷ Đảng, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, chỉ huy quân sự các cấp đủ sức giúp cấp uỷ chỉ đạo quân sự. *Tăng cường cán bộ quân sự cho bộ đội địa phương, vũ trang tuyên truyền, xã đội, huyện đội*, nhất là cần kiện toàn hệ thống chính trị viên cho tỉnh, huyện, xã, thôn, đội và ngành dân quân, hậu cần, *mạnh dạn giao nhiệm vụ* và phân công cụ thể, phát huy được khả năng cán bộ quân sự, tránh tình trạng bao biện hoặc buông lỏng, khoán trắng. Triệt để thực hiện chủ trương toàn Đảng tham gia xây dựng lực lượng vũ trang và phát triển du kích chiến tranh, lực lượng chính trị không những phải làm tốt nhiệm vụ chính trị

mà còn làm được công tác vũ trang đánh địch theo khả năng của mình.

- Ở khu và tỉnh, cần tăng cường tổ chức và thực hiện đúng chế độ Đảng uỷ hoặc Ban cán sự Đảng trong quân đội nhằm bảo đảm sự chỉ đạo chặt chẽ và tuyệt đối của Đảng đối với quân đội.

- Cần đi sâu nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm tác chiến trong từng thời gian, từng trận đánh để kịp thời bồi dưỡng kỹ chiến thuật cho cán bộ, chiến sĩ.

Trên đây là nhiệm vụ, phương hướng chung trước mắt, quá trình thực hiện cần chú ý cả ba mặt xây dựng, hoạt động và sản xuất, đều là cấp bách quan trọng phải tiến hành song song. Nhưng do thực tế tình hình lực lượng vũ trang của ta còn ít và yếu, nên cần nắm vững yêu cầu xây dựng lực lượng là cơ bản và tranh thủ xây dựng cả ba loại quân, trước mắt là xây dựng cho dân quân, du kích, bộ đội địa phương có cơ sở tốt để hoàn thành được nhiệm vụ trước mắt, đồng thời tạo điều kiện đáp ứng kịp tình hình và nhiệm vụ sắp đến.

### C- RA SỨC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BÌNH TỀ VẬN

Đối với cuộc chiến tranh yêu nước, chiến tranh nhân dân của chúng ta ngày nay, bình vận là một trong ba mũi tấn công địch vô cùng lợi hại. Ở J, ta tuy còn nhiều khó khăn, nhược điểm, nhưng gần đây cũng có những thuận lợi, nhất là tình hình chung của phong trào cách mạng miền Nam đang phát triển tốt. Công tác bình vận của chúng ta có thu một số kết quả, nhưng nói chung còn ít và yếu quá so với yêu cầu bức thiết của phong trào hiện nay, đặc biệt là yêu cầu đấu tranh chống, phá ấp chiến lược và yêu cầu bảo vệ vùng căn cứ, vùng giải phóng và hành lang.

Do đó, phương hướng công tác sắp đến của công tác bình vận căn bản như Nghị quyết Hội nghị Bình vận J, tháng 6-1963 là:

Tích cực vận động binh sĩ, nhân viên chính quyền địch, trước mắt là vận động dân vệ, thanh niên chiến đấu, và tề ấp, tề buôn phục vụ chống, phá ấp chiến lược, chống bao vây, càn quét, đánh phá lấn chiếm, rút dân vùng căn cứ của địch. Chú trọng tấn công và liên tục về chính trị, tư tưởng làm suy yếu và từng nơi từng phần làm tan rã lực lượng bán vũ trang của địch. Ra sức phát triển tư tưởng thất bại, chống kìm kẹp áp chế của sĩ quan cố vấn Mỹ, chống Mỹ, chống chính quyền gia đình trị của Diệm, chống đi càn phá, gây phong trào đào rã ngũ, đồng thời tuyên truyền giáo dục vận động nhân dân, nhất là nam nữ thanh niên chống bắt lính, chống quân sự hoá, v.v.. Đặc biệt là chống âm mưu xây dựng và sử dụng các lực lượng người Thượng, nhất là vũ trang nhân dân vùng dân tộc, tích cực xây dựng cơ sở trong binh lính, chú ý trong lực lượng bán vũ trang tiến bộ, tích cực xây dựng và kiện toàn bộ máy bình vận các cấp (khu, tỉnh), gấp rút đào tạo cán bộ, tăng cường cán bộ bình vận thôn xã, ra sức tuyên truyền giáo dục quần chúng tham gia công tác bình tề vận, chú ý sử dụng tốt gia đình binh sĩ và tích cực tổ chức lưới bình vận cơ sở.

Trong khi tiến hành, cần chú ý thêm mấy điểm:

*Yêu cầu và nhận thức:* làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, trước hết là cán bộ, đảng viên, đoàn viên và cốt cán quần chúng hiểu rõ vai trò và tác dụng đặc biệt quan trọng của công tác bình tề vận đối với cuộc chiến tranh yêu nước và trực tiếp đối với việc giành giữ quyền lợi hàng ngày việc chống, phá ấp chiến lược trước mắt của nhân dân địa phương để ai nấy tìm mọi cách tham gia công tác này có kết quả. Các cấp uỷ phải nâng công tác này lên đúng vị trí của nó, để có sự chỉ đạo trực tiếp cụ thể và tích cực hơn nữa.

*Về hướng công tác:* trước mắt là ra sức khai thác tình hình và triệt để lợi dụng mọi mâu thuẫn nội bộ địch đang phát triển rất gay gắt để phân hoá, cô lập và tranh thủ từng cá nhân,

từng lực lượng tiến bộ chống Mỹ, chống Diệm (như Chỉ thị số 46 ngày 30-8 của Ban Bình vận R<sup>1)</sup> đã gọi).

Cần tập trung lực lượng và sự chú ý của binh vận vào việc chống, phá ấp chiến lược - nguồn dự trữ về kinh tế và chính trị của địch, nhất là thanh niên chiến đấu, dân vệ và lực lượng vũ trang người Thượng, đồng thời phối hợp với dân vận, tuyên huấn có kế hoạch tuyên truyền vận động chống bắt lính, chống quân sự hoá nam nữ thanh niên, học sinh, sinh viên, công chức.

Hướng xây dựng lâu dài: chú ý tranh thủ xây dựng, bảo tồn cơ sở và đưa cơ sở mai phục lên những cương vị quan trọng trong các quân binh chủng quan trọng của địch để có thời cơ sẽ sử dụng đánh đổ địch.

Giáo dục, theo dõi kiểm tra việc chấp hành chính sách, sách lược binh tề vận đã quy định (kể cả việc khen thưởng số có công).

*Chỉ đạo:* các cấp uỷ Đảng cần cử một thường vụ hoặc cấp uỷ viên chuyên trách công tác này.

Các khẩu hiệu, phương pháp làm lâu dài như Nghị quyết binh vận tháng 3-1963 của J đã gọi.

#### D- TÍCH CỰC CHỐNG, PHÁ KHU, ẤP CHIẾN LƯỢC, GOM DÂN

Để từng bước tiến lên phá âm mưu lập khu, ấp chiến lược, gom dân của địch, Hội nghị tháng 7-1963 của B<sup>1)</sup> đã tổng kết

<sup>1)</sup> R: Trung ương Cục miền Nam (B.T).

1) Hội nghị tháng 7-1963 của B: Hội nghị Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết về công tác chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân (B.T).

những kinh nghiệm chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân vừa qua và đề ra những nhiệm vụ công tác sắp đến là:

"Ra sức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đặc biệt là đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, ra sức chống càn quét, chống phá khu, ấp chiến lược, gom dân, tiêu hao, tiêu diệt, làm tan rã sinh lực địch, đi đôi với khẩn trương xây dựng, củng cố và phát triển thực lực chính trị và vũ trang bên ngoài cũng như bên trong khu, ấp chiến lược, tập trung và kết hợp chặt chẽ mọi lực lượng, mọi mặt công tác nhằm tấn công địch để chặn đứng, đẩy lùi, làm thất bại từng bước, tiến lên làm thất bại hoàn toàn âm mưu xây dựng khu, ấp chiến lược, gom dân của chúng".

Gần đây, không những do tính chất đặc biệt quan trọng của công tác này mà còn do tình hình chung có nhiều thuận lợi, Nghị quyết của Thường vụ R lại vạch rõ "Công tác chống, phá các khu, ấp chiến lược là một công tác trọng tâm hàng đầu cần phải liên tục tập trung lực lượng và mọi khả năng để chống, phá. Tất cả các công tác khác phải xoay quanh công tác này, quyết phá tan hàng loạt khu, ấp chiến lược, quần chúng, đẩy lùi làm thất bại từng phần, tiến tới làm thất bại hoàn toàn âm mưu này của địch để giành lại nguồn nhân tài, vật lực, đẩy mạnh cuộc chiến tranh yêu nước tiến lên giành thắng lợi".

"Nội dung và yêu cầu đánh phá với khí thế quy mô, hình thức như khi phát động quần chúng phá kìm với tính chất khởi nghĩa từng phần là hình thức khởi nghĩa mới, đánh đổ chính quyền ở ấp, xã, giải phóng các trại tập trung, phá tan các khu, ấp chiến lược".

(Toàn bộ kinh nghiệm vừa qua cũng như nghị quyết về chống phá ấp chiến lược, gom dân sắp đến của R có kèm theo đây các địa phương tùy điều kiện mà vận dụng).

Riêng khu ta, tình hình trong các khu, ấp chiến lược nói chung còn nhiều khó khăn, hạn chế. Tuy vậy, so với trước vẫn có thuận lợi, đặc biệt ở một số khu ấp địch dồn dân từ các vùng căn cứ và tranh chấp cũ, hoặc từ các thôn đồng

bằng, trước đây đã có cơ sở và phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển tương đối vững. Ở đây, trong tình hình thuận lợi chung hiện nay đang có những chuyển biến tốt. Do đó, việc chống, phá khu, áp chiến lược ở ta vừa phải tận dụng những thuận lợi chung, vừa phải phù hợp với khả năng và tình hình thực tế từng nơi.

1) *Yêu cầu chung là:* trên cơ sở thực hiện chính trị, và vũ trang của mình cần ra sức quần với địch chống càn quét xức dân vùng ta và đi sâu đi sát quần chúng tích cực tuyên truyền giáo dục quần chúng, vận động quần chúng đứng lên tham gia đấu tranh bằng mọi hình thức, mọi mức để thích hợp từ thấp đến cao, từ hẹp đến rộng, chủ yếu nhằm phá nội dung, *phá lỏng kìm, xây dựng cơ sở chính trị, tự vệ bí mật*, đoàn kết hướng dẫn quần chúng tiếp tục đấu tranh chống, phá khu, áp chiến lược *lâu dài, liên tục*. Nơi có điều kiện thì *phá banh cả rào, hào, phá bộ máy kìm kẹp, đập tan* sức đề kháng của địch, tất cả yêu cầu đó nhằm đạt tới mục tiêu là giành giữ nguồn nhân tài, vật lực với địch, giải thoát quần chúng, phát triển du kích chiến tranh rộng mạnh.

2) *Phạm vi và yêu cầu cụ thể là:*

a) Đối với việc chống địch tiếp tục gom xức dân vùng ta thì yêu cầu chung là kiên quyết chống lại để bảo vệ dân, bảo vệ căn cứ, bàn đạp với mọi biện pháp, khả năng sức lực của mình theo nội dung đấu tranh và xây dựng đã nói ở phần công tác ở vùng ta.

b) Đối với các khu, áp chiến lược của địch thì tập trung sức chống phá toàn diện, lâu dài, không những phá về nội dung mà có nơi, có lúc còn phá cả về hình thức. Do đó, cần có mức độ yêu cầu thích hợp với mỗi loại như sau:

+ Đối với loại khu, áp chiến lược địch lập sâu trong căn cứ hoặc ở xa địch, cơ sở và phong trào quần chúng tương đối khá, những ách kìm kẹp nặng, có vũ trang hỗ trợ quần chúng sẽ vươn lên được thì dùng lực lượng vũ trang ngoài vào kết hợp phát động quần chúng trong lên, cùng nhau phá kìm diệt ác, giải tán dân vệ, rồi tùy tình hình khả năng

cụ thể giữa ta và địch lúc bấy giờ mà chuyển thể đấu tranh của quần chúng cho thích hợp theo tình thần phương châm đã nói. Nhưng những nơi địa thế tốt, ta cần mở hành lang, căn cứ mà cơ sở, phong trào bên trong yếu vẫn có thể dùng lực lượng vũ trang vào (chủ yếu làm áp lực tước súng dân vệ, hạ tề điệp, hết sức tránh đánh nhau với họ trong áp, gây thương vong đến quần chúng), phá và bám giữ để xây dựng làng chiến đấu.

Riêng những nơi có điều kiện, phong trào quần chúng cao, lực lượng chính trị và tự vệ bên trong vững, lực lượng vũ trang bên ngoài chi viện, quần bám được thì nên tranh thủ những cơ hội thuận lợi phá vỡ từng mảng nhỏ hoặc lớn, tước vũ khí hàng loạt (tránh ý thức chỉ nặng tước súng hay lúng túng vì sợ họ còn súng, nhẹ công tác chính trị và binh vận, không nắm vững chính trị là gốc, tranh thủ thuyết phục là quan trọng...) làm tan rã bộ máy kìm kẹp của địch, đưa quần chúng bung ra làm ăn, hoặc bỏ về làng cứ tiếp tục đấu tranh hai chân tại chỗ, hoặc chuyển thành làng chiến đấu, tạo điều kiện mở rộng căn cứ.

+ Đối với khu, áp ở sâu trong vùng địch, cơ sở phong trào yếu thì yêu cầu chính là xây dựng cơ sở chính trị bên trong, kiên trì tuyên truyền giáo dục, lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh, giành giữ quyền lợi dân sinh, dân chủ (đòi tự do đi lại làm ăn, cư trú, đòi cứu đói, cứu đau, chống rào, chống canh gác và quân sự hoá, v.v.). Đồng thời, tìm mọi cách tranh thủ tề, dân vệ và bí mật luồn người vào lực lượng vũ trang, nhất là dân vệ, thanh niên chiến đấu của địch. Nơi có điều kiện thì thường xuyên dùng lực lượng vũ trang ngoài vào diệt ác, đồng thời vận động phong trào, hình thức phổ biến vẫn là vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác nhằm làm lỏng kìm và nâng dần uy thế quần chúng lên. Nhưng đối với các khu, áp chiến lược người Thượng chủ yếu vẫn là dùng phương thức vũ trang công tác để thâm nhập chính sách, móc ráp cơ sở, không nên nặng dùng vũ trang và vũ trang tuyên truyền trừ gian, tác chiến.

Nơi nào không đột nhập được thì tìm cách bám đánh bọn lòng phục ngoại vi khu ấp, hoặc bọn lừa dân chúng đi chặt cây rào, v.v. hoặc tranh thủ tuyên truyền giáo dục cho những người ra làm ăn bên ngoài, lấy họ kích động quần chúng bên trong, đấu tranh rồi tìm cách thâm nhập, không để im lặng tề điệp lên mặt, quần chúng sợ hãi.

### 3) *Phương châm hình thức chống phá:*

Nói chung, nên vận động linh hoạt 7 điểm trong Nghị quyết chống, phá ấp chiến lược, gom dân của R, ở đây cần chú ý thêm mấy việc:

Trên khả năng cố gắng mỗi nơi cần tập trung sức vào việc chống phá đánh địch và xây dựng ta toàn diện ở bên ngoài cũng như bên trong khu, ấp chiến lược và bảo đảm thực hiện khâu trung tâm là gây dựng, củng cố, phát triển và đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, chống càn quét, gom xúc dân vùng ta, đồng thời phải có kế hoạch phối hợp giữa địa phương này và địa phương khác.

#### *Về cụ thể cần nhận rõ hai vấn đề:*

a) Nói kết hợp giữa trong và ngoài, nhưng phải tiến tới làm cho chân bên trong trưởng thành, đó là vấn đề rất lớn, là cơ bản, còn bên ngoài là hỗ trợ, nhưng cũng rất quan trọng và có tính chất đòn bẩy. Nên về xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang làm sao để có thể đảm nhận được vai trò này ngày một tốt hơn.

b) Nói kết hợp toàn diện giữa chính trị, vũ trang và binh vận, tề vận, nhưng phải làm cho các lực lượng của ta hoạt động vào khu ấp chiến lược nhận rõ.

+ *Về chính trị:* phải bám xây dựng cho được lực lượng chính trị và phát động quần chúng đứng lên đấu tranh ngay trong các khu, ấp chiến lược là vấn đề đặt biệt quan trọng. Do đó, phải tìm mọi cách tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ quần chúng, làm cho quần chúng tin cậy nhau, dám đoàn kết đấu tranh, thấy được sức mạnh đấu tranh của mình, trên cơ sở đó đi sâu nắm tình hình, móc rập, xây dựng lực lượng chính trị bên trong, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng vũ

trang vào hoạt động hỗ trợ mạnh hơn, nâng cao vai trò quần chúng lên vững hơn, phục vụ cho việc chống phá khu, ấp chiến lược có kết quả hơn. Nên chuẩn bị chính trị làm vấn đề mà quân sự cũng phải gánh phần trách nhiệm nặng nề. Không những cơ quan phụ trách quân sự thấy rõ mà có chương trình kế hoạch hoạt động cụ thể mà cần phải làm cho cán bộ chiến sĩ thông suốt tình hình nhiệm vụ chống, phá khu, ấp chiến lược nói chung và trách nhiệm của mình nói riêng để ra sức bám quanh đánh địch và đi sâu tuyên truyền giáo dục quần chúng, gây dựng cơ sở quần chúng, v.v. không phải đợi cán bộ hay lực lượng dân vận nào khác lột ổ sẵn, rồi mình kéo vào đánh một hai trận là xong.

+ *Về vũ trang:* hoạt động vũ trang là hỗ trợ, nhưng phải hỗ trợ tích cực, liên tục, ra sức xây dựng bên trong tiến đến có lực lượng tự vệ, vũ trang ngay bên trong. Cần nghiên cứu cách quàng bám đánh địch và xây dựng mình như thế nào cho sát vào hoàn cảnh, khả năng và yêu cầu chống phá cụ thể của từng địa phương, chú ý sát với vùng dân tộc và vùng người Kinh, tránh tình trạng nặng vũ trang và nhẹ chính trị, nặng bên ngoài nhẹ xây dựng bên trong.

Ở ta hiện nay, cách chống, phá phổ biến là:

Phải dùng lực lượng vũ trang ngoại lai hỗ trợ đúng vai trò đòn bẩy, vừa quàng bám đánh địch, trừ gian ác, thổi động phong trào, gỡ thế cho quần chúng, vừa cùng với các đội vũ trang công tác - cán bộ dân vận - đi sâu gây cơ sở, phát động tư tưởng quần chúng từ thấp lên cao, từ hẹp ra rộng, hình thành dần dần lực lượng và đấu tranh chính trị, vũ trang chống, phá khu ấp chiến lược gom xúc dân theo yêu cầu thích hợp từng nơi, từng lúc, đánh lùi địch từng bước, tiến lên thu hẹp phạm vi khu, ấp chiến lược của địch, mở rộng vùng căn cứ và tranh chấp của ta.

+ *Về binh vận:* một mặt phải tận lực tranh thủ dân vệ, thanh niên chiến đấu, tề ấp, mặt khác cần bí mật luồn người mình vào các lực lượng này của địch, tạo thuận lợi cho việc chống phá và giữ thế hợp pháp của quần chúng. Phải ra sức tranh

thủ gia đình dân vệ, thanh niên chiến đấu,... và làm cho họ hiểu được chính sách, thái độ của ta đối với họ, thấy được âm mưu thủ đoạn của địch trong việc lợi dụng thanh niên, nhất là thanh niên dân vệ người Thượng. Phải chú ý phát triển và sử dụng số đảng viên, cơ sở của ta vừa bị dồn, bị ép vào dân vệ... vẫn còn tốt để xây dựng thành cơ sở nội tuyến, nhất là trong các khu, ấp chiến lược, vùng dân tộc.

Việc trừng trị cảnh cáo... bọn gian ác, phải theo đúng chính sách, đúng đối tượng và tranh thủ sự đồng tình, tham gia của quần chúng, đặc biệt là quần chúng vùng dân tộc, tránh để quần chúng hiểu lầm, hàng ngũ tê, dân vệ, nghi ngờ chính sách của ta.

Việc sử dụng tê, dân vệ trong các khu ấp để vận chuyển, tiếp tế... cho ta, phải cân nhắc lợi hại, tránh lộ võ.

Việc tước súng dân vệ, phải chuẩn bị chu đáo, và tranh thủ tước hàng loạt, không ăn non, cũng không trì trệ, mất cơ hội, địch cảnh giác nhưng cũng không vì tước súng mà để cơ sở chính trị bị lộ võ, quần chúng dân vệ thất thế với địch, quay lại thắc mắc bất mãn với cách mạng, địch lợi dụng củng cố lại chắc hơn trước.

c) Về chỉ đạo, cần giải quyết mấy vấn đề có tính chất mấu chốt sau đây:

+ Phải tập trung sức xoay quanh phục vụ cho công tác chống phá khu, ấp chiến lược và gom xức dân.

+ Phải phát động tư tưởng, xây dựng quyết tâm chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân trong toàn Đảng, toàn quân từ trên xuống dưới và loang ra toàn dân bao gồm cả dân vùng ta và dân vùng khu ấp chiến lược để ai nấy thông suốt, sẵn sàng tấn công địch toàn diện, khắp nơi và liên tục.

+ Phải làm cho các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác, cán bộ cơ sở nhận rõ nhiệm vụ, nắm vững phương pháp chống, phá khu, ấp chiến lược, giành dân, giành của với địch là làm thất bại âm mưu bao vây đánh phá tiêu diệt cách mạng của địch.

+ Phải đi sát kiểm tra, đôn đốc kịp thời, phổ biến kinh nghiệm giữa các đội các địa phương cũng như vận dụng tốt những kinh nghiệm các nơi khác mà R đã tổng kết được trong hội nghị chống, phá khu, ấp chiến lược vừa qua.

+ Các cấp lãnh đạo Đảng cần đặc biệt quan tâm và dành sự chỉ đạo, dành lực lượng đúng mức cho công tác này, khu, tỉnh uỷ ít nhất có đồng chí chuyên trách theo dõi nghiên cứu vấn đề này, giúp cấp uỷ chỉ đạo sát kịp và có kết quả hơn.

#### E- TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KINH TẾ TÀI CHÍNH, NHẤT LÀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC

Thời gian qua, địch ra sức bao vây đánh phá vùng ta liên tục, ác liệt gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất về kinh tế, nhưng nhờ sự quyết tâm của bộ đội, cán bộ và nhân dân nên đã thu được những thành tích quan trọng, nhất là về mặt sản xuất lương thực ở miền Tây các tỉnh; sắp đến chiến tranh phát triển, mức phá hoại của địch sẽ nhiều hơn, nhu cầu vật chất cho quân dân ta cũng to lớn hơn. Đòi hỏi các cấp uỷ Đảng, các cơ quan chuyên trách kinh tài của Đảng phải có những phương hướng phấn đấu nỗ lực và nhiều biện pháp cụ thể, toàn diện đối với công tác đặc biệt quan trọng này nhằm thực hiện những nhiệm vụ công tác kinh tài trước mắt của TW - R đề ra tháng 6-1963 là:

"Ra sức bồi dưỡng sức dân bằng cách đấu tranh với địch, thi hành đúng đắn chính sách ruộng đất của Đảng, vận động tăng gia sản xuất, tiết kiệm, bảo vệ sản xuất, chống đau, chống đói, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, tích cực tiếp tế những nhu cầu bức thiết cho nhân dân như muối, vải, nông cụ, thuốc men ở những chiến trường bị bao vây, hạn chế mua vào những món hàng chưa cần thiết hoặc có tính chất xa xỉ, đưa những vật phẩm thừa, những món hàng có giá vào vùng địch kiểm soát để thu tiền mua hàng cần thiết về.

Động viên nhân tài, vật lực như dân công, lương thực, v.v. cần nâng công tác này lên thành nghĩa vụ của công dân, giáo dục ý thức tiết kiệm, dành tiền của, sức lực để nuôi bộ đội, để phục vụ cho chiến tranh cứu nước, và cần làm ngay một số việc cụ thể như:

Có kế hoạch tăng thu để bảo đảm cho trong năm 1964, bộ đội vừa hoạt động vừa chú ý bảo vệ sản xuất và tham gia thu hoạch cất giấu. Việc huy động và sử dụng dân công cần tính đến bảo vệ mùa màng.

Phát động phong trào tăng gia sản xuất trồng màu. Cần kiện toàn bộ máy kinh tế tài chính (khu, tỉnh) và đào tạo nhiều cán bộ kinh tài".

Căn cứ vào những hướng dẫn đó, vào tình hình, khả năng của địa phương công tác kinh tài sắp đến của J có mấy hướng:

*Ở căn cứ và vùng giải phóng:* Ra sức phát động phong trào tăng gia sản xuất, chủ yếu là sản xuất lương thực (bao gồm những cây có chất bột) chú ý sản xuất nhiều vụ, nhiều loại hoa màu ngắn ngày, mau ăn và đối tượng lớn như mì, bắp, lang đều khắp liên tục trong nhân dân, bộ đội và cơ quan, trước mắt nhằm bảo đảm lương ăn cho bản thân và cố gắng dự trữ cho việc xây dựng thêm lực lượng, đồng thời phối hợp toàn dân kiên quyết đấu tranh ngăn chặn từng bước, đánh bại từng phần, từng mặt âm mưu bao vây cướp phá của địch để bảo vệ tính mạng, tài sản, lương thực, hoa màu của nhân dân và lực lượng một cách có hiệu quả (kể cả việc chống phá hoại), ra sức củng cố và mở thêm nhiều luồng giao lưu trao đổi kinh tế trong vùng ta, mà quan trọng nhất là giữa vùng ta và vùng địch bằng mọi biện pháp, hình thức hợp pháp và bất hợp pháp của nhân dân, của cơ quan chuyên môn nhằm tiêu thụ đổi chác những nông lâm sản thừa, hoặc quý giá (mà ta ít cần) để mua hoặc đổi lấy những thứ cần thiết như

muối, vải, nông cụ, thuốc men, v.v. cho lực lượng và nhân dân.

Chú ý đi sát khuyến khích giúp đỡ thiết thực nhân dân hồi phục (nơi đã có nhưng bị mất) vừa tìm cách xây dựng, phát triển một số ngành nghề thủ công cần thiết, nhất là rèn, dệt, v.v. để vừa cải thiện một phần đời sống hàng ngày của nhân dân, vừa góp phần tích cực vào việc tái sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp chừng nào nghề phụ gia đình.

- Riêng vùng giải phóng ở Bình, cần đi sâu nghiên cứu và tiếp tục thực hiện tốt các chính sách nông thôn, trong đó có chính sách ruộng đất của Đảng.

Cần chú ý giải quyết mấy việc:

Kết hợp với các ngành, chủ yếu là tuyên huấn, và dân vận, mặt trận mở những đợt tuyên truyền, giáo dục động viên sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân làm cho tất cả nhận rõ ý nghĩa và vai trò quyết định của vấn đề kinh tế tài chính là vấn đề sản xuất tự túc lương ăn, vật dùng cần thiết cho nhân dân và bộ đội trong cuộc chiến tranh yêu nước lâu dài, tự lực cánh sinh của chúng ta để cần cù, khẩn trương công tác và sản xuất gấp bội.

- Tổ chức, sử dụng hợp lý và có lợi nhất sức lao động sản xuất của nhân dân, cán bộ, bộ đội.

Đối với nhân dân, phải hướng dẫn họ biết tiết kiệm sức lao động, dành và dồn công nhiều nhất cho sản xuất đặc biệt là khi trồng trọt, thu hoạch và tăng cường xây dựng các đội, tổ vòng đổi công từng vụ, từng việc của nhân dân.

Đối với cán bộ cơ quan, cần hợp lý hoá công tác, tinh giản bộ máy, dồn sức nhiều nhất cho thời vụ sản xuất lương thực về làm màu (trung bình cơ quan có thể để 1/3, bộ đội 1/4 thì giờ cho sản xuất).

- Có kế hoạch chỉ tiêu sản xuất, nhưng quan trọng hơn nữa là có tổ chức, có biện pháp đi sát hướng dẫn cụ thể từng nơi, từng mùa, từng mặt, từng việc, đồng thời có kiểm tra, đôn đốc chung và chỉ đạo thí điểm, kịp thời rút đúc và phổ biến

kỹ thuật, nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất sản xuất của nhân dân, cơ quan và bộ đội.

- Phải củng cố và phát triển nhiều đội nông binh có khả năng tăng gia nguồn thu nhập dự trữ lương thực cho lực lượng chiến đấu, đồng thời trở thành những đơn vị cùng nhân dân địa phương đánh du kích bảo vệ sản xuất, là lực lượng chính trong việc cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, cũng là lực lượng để khi cần bổ sung những chiến sĩ tốt cho bộ đội và cơ quan.

Do đó, hậu cần, kinh tài, không những có trách nhiệm tổ chức mà quan trọng là phải cử người đi sâu đi sát nghiên cứu hướng dẫn và giúp đỡ giải quyết những khó khăn về tổ chức, tư tưởng, chính trị, phương tiện... nhất là lúc mới thành lập để nó làm tròn nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, các cơ quan cần tổ chức thêm những trại sản xuất và bộ phận lo sản xuất chuyên nghiệp hoặc nửa chuyên nghiệp của cơ quan, có kế hoạch thu mua, vận động quần chúng ủng hộ một phần lương thực, tiền của và nhân công để có thể đáp ứng chừng nào những trường hợp rất cần thiết cho lực lượng chiến đấu, nhưng phải dựa trên cơ sở đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm và tự nguyện của nhân dân.

Chấn chỉnh, tăng cường ngành quân dân y, chú ý đào tạo thật nhiều cán bộ y tế nhân dân, chuyên môn tự sư tầm, bào chế thuốc Nam và hướng dẫn các lực lượng, nhân dân cùng sư tầm chế biến đơn giản và sử dụng thật tốt thuốc men để chữa bệnh thông thường cho các lực lượng nhân dân vùng căn cứ. Đồng thời tiếp tục phát động thường xuyên phong trào thể thao thể dục, vệ sinh phòng bệnh trong bộ đội, cơ quan và nhân dân nhằm giữ gìn sức khỏe bộ đội và nhân dân theo hoàn cảnh và khả năng của mình, cần tổ chức Ban phụ trách kinh tài (bao gồm hậu cần, sản xuất, mậu dịch và y tế) trong vùng căn cứ, từng vùng bàn đạp, cử một số cán bộ có năng lực và kinh nghiệm chỉ đạo, nhất là

về sản xuất nông nghiệp tự túc trong chiến tranh du kích và các ban này.

Ra sức đào tạo thật nhiều cán bộ kinh tài cơ sở, ở tỉnh, khu và căn cứ thường mở những hội nghị chuyên đề để rút và trao đổi kinh nghiệm sản xuất, bảo vệ sản xuất.

- Về chế độ cung cấp, nói chung cố gắng thực hiện một số chế độ và chính sách cần thiết đã quy định và giải quyết lần lần một số trợ cấp sau đây trên cơ sở khả năng tài chính của Đảng nói chung và trên cơ sở sản xuất tự túc của từng cơ quan, đơn vị nói riêng trong từng thời gian để cải thiện dần mức sống vật chất tối thiểu cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên thoát ly.

Trong chính sách cung cấp các địa phương, cần ưu tiên cho thương bệnh binh. Chú ý tạo phương tiện cần thiết tối thiểu để chôn cất tử sĩ và tu sửa phần mộ. Nên có chế độ thù lao tối thiểu cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên (như đặc công, trinh sát, hoá chất, cơ yếu điện đài...), trong những đợt công tác nặng nhọc. Tùy khả năng và nhu cầu để định và thực hiện chế độ chỉ huy, chính trị và thường vụ phí ở cấp khu. Chú ý sức khỏe một số cán bộ già yếu để tiếp tục công tác. Các địa phương cần giúp đỡ một số cán bộ địa phương bán thoát ly quá túng thiếu hoặc bằng phương tiện cần thiết như áo quần, ni lông... hoặc ít muối cho gia đình, hoặc vận động quần chúng địa phương giúp đỡ chừng nào việc ruộng rẫy cho vợ con. Chị em thoát ly cần có chế độ vệ sinh tối thiểu và phụ cấp sinh đẻ, để khích lệ sản xuất và thêm phần cải thiện, cần có chế độ thù lao cho những đơn vị, cơ quan sản xuất có thừa lương thực được kinh tài điều động. Tùy khả năng tài chính, sáu tháng hay một năm, phụ cấp tiêu vật cho mỗi cán bộ, chiến sĩ thoát ly.

Tiếp tục chi một số tiền cho cơ quan, đơn vị làm vốn gây cơ sở sản xuất, cải thiện hợp với hoàn cảnh điều kiện.

Ngoài ra, trong những ngày lễ lớn như độc lập, Tết Nguyên Đán nên có chế độ trợ cấp tối thiểu để các đơn vị, cơ quan tạo điều kiện vật chất ăn lễ.

Đối với vùng địch kiểm soát: Bên cạnh đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị - dân chủ, phải ra sức đẩy mạnh phong trào đấu tranh dân sinh kinh tế (như chống bắt ép lao động, canh gác, quân sự hoá, bắt lính, hội nghị học tập, quyên góp, phạt vạ, thuế khoá nặng nề, sinh hoạt đắt đỏ, chèn ép mua bán, cấm đoán đi lại làm ăn tự do của nhân dân... và đòi cứu đói, cứu đau, v.v. nhằm ngăn chặn, làm thất bại từng phần từng việc trong chính sách vơ vét bóc lột của địch, bảo vệ quyền lợi hàng ngày của từng lớp nhân dân. Đồng thời chú ý đẩy mạnh dư luận phản đối việc càn quét, bao vây, phá hoại kinh tế của đồng bào vùng giải phóng, mặt khác phải vận động quần chúng giúp nhau làm ăn, nhất là khi bị thiên tai, địch họa, tự mình phải lo tăng gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật, bảo vệ ruộng vườn, nương rẫy... bảo vệ ngành nghề và tranh thủ khôi phục phát triển một số ngành nghề cần thiết như rèn, dệt, làm giấy, làm đường, v.v. mở những nơi có điều kiện, có vốn liếng cũ để vừa cải thiện sinh hoạt gia đình vừa bán cho bà con chòm xóm, nhất là bán hoặc trao đổi với đồng bào, mậu dịch vùng ta, quan trọng nữa là vừa chuẩn bị cơ sở sản xuất, kinh tế tự cấp cho sau này, khi được phá kìm giải phóng.

Cũng cần có kế hoạch vận động quần chúng tùy khả năng tại sức của mỗi người cả tự nguyện đóng góp ủng hộ quỹ nuôi quân, góp phần xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ cách mạng.

Tất cả phương hướng phấn đấu nói trên nhằm tạo ra một cơ sở vật chất cần thiết cho cuộc chiến tranh yêu nước toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh đến thắng lợi, mà trước mắt là làm cho nhân dân và lực lượng ở căn cứ có ăn đủ no (gạo, bắp, sắn, v.v.) đủ mặc kín (ấm), có những nhu yếu phẩm bức thiết nhất cho công tác và chiến đấu, tiến đến có ăn no, mặc ấm, có lương thực, vật dùng dự trữ và một số cơ sở thủ công sản xuất nông cụ, vải, sữa và làm vũ khí... thông thường để xây dựng và phát triển thêm lực lượng chiến đấu, mở rộng căn cứ.

Trong khi tiến hành nên nắm vững mấy nguyên tắc có tính chất phương châm:

- Tích cực tăng gia sản xuất lương thực đi đôi với chăn nuôi, gây dựng phục hồi dần một số ngành nghề thủ công cần thiết.

- Tăng gia sản xuất đi đôi với tích cực bảo vệ sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Xây dựng kinh tế vùng ta đi đôi với giữ vững, phát triển, quan hệ kinh tế và đẩy mạnh đấu tranh dân sinh dân chủ của nhân dân vùng địch và phá hoại kinh tế địch.

- Đẩy mạnh phát triển tăng gia sản xuất của nhân dân đi đôi với tích cực sản xuất tự túc của bộ đội, cơ quan.

- Vận động nhân dân đóng góp, ủng hộ cách mạng phải trên cơ sở bồi dưỡng sức dân.

- Giải quyết nhu cầu bức thiết trước mắt, phải chuẩn bị cho nhu cầu lâu dài và ngày càng to lớn hơn của chiến tranh cách mạng.

Tất cả những điều đó phải làm với nhịp độ khẩn trương với khẩu hiệu là: "Toàn quân, toàn dân tham gia đánh giặc và sản xuất". "Tự lực cánh sinh vượt khó khăn, chiến thắng thiên tai địch họa, bảo đảm cung cấp, bảo đảm nhu cầu vật chất cho xây dựng, phát triển lực lượng".

## G- TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐOÀN

Căn cứ vào các chỉ thị về xây dựng Đảng, Đoàn trong năm 1963 của trên.

Căn cứ vào tình hình công tác xây dựng Đảng, Đoàn vừa qua của J. Nhiệm vụ, phương hướng xây dựng Đảng, Đoàn sắp tới của toàn J là:

### a) Về tổ chức

"Ra sức phát triển cơ sở đảng sâu rộng trong quần chúng và đều khắp trong các lực lượng. Ra sức xây dựng, củng cố chi bộ đủ sức làm trụ cột cho phong trào quần chúng địa

phương, đơn vị làm cho Đảng có chân đứng vững chắc trong quần chúng, nhất là quần chúng vùng dân tộc và lãnh đạo chắc các đơn vị, kịp thời giáo dục chính trị, tư tưởng và công tác cho cán bộ, đảng viên, bảo đảm thông suốt tình hình, nắm vững đường lối, chính sách và công tác của Đảng, nâng cao ý chí đấu tranh lâu dài, bền bỉ, kiên cường, chịu đựng gian khổ, tự lực cánh sinh, không ngừng nâng cao tính tiên phong chiến đấu, tính gắn bó với quần chúng, tích cực và khẩn trương đào tạo bồi dưỡng cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo, xây dựng lề lối làm việc của các cấp uỷ".

Nhiệm vụ, phương hướng cũng như những công tác cụ thể trong Nghị quyết Hội nghị tổ chức J tháng 5-1963 vẫn được tiếp tục thực hiện. Nhưng trong tình hình hiện nay, cần chú ý thêm mấy việc:

- Về nhận thức tư tưởng: cần làm cho cán bộ, đảng viên, chi bộ, xã uỷ thấm nhuần sâu sắc là ta đang tiến hành cuộc chiến tranh cứu nước và hiểu rõ nhiệm vụ của mình ra sức tham gia công tác quân sự và hoạt động vũ trang, giáo dục và động viên quần chúng tích cực làm nghĩa vụ quân sự phục vụ chiến tranh với một phần tin tưởng phần khởi, chịu đựng khó, khổ, tự lực cánh sinh, giữ vững lập trường, kiên cường chiến đấu chống địch, bám sát quần chúng, đi theo đường lối quần chúng, xây dựng đạo đức cách mạng, chống tác phong quan liêu, mệnh lệnh, hủ hoá, tham ô.

Về xây dựng tổ: tiếp tục làm cho các cấp uỷ đảng nắm vững công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng là khâu trung tâm để có kế hoạch thực hiện tích cực. Cần gắn chặt vừa ra sức xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng, vừa đẩy mạnh mọi mặt công tác, vừa xây dựng củng cố tổ chức quần chúng.

Do đó phải làm cho chi bộ xã uỷ nắm vững phương pháp, lề lối làm việc, cách thức chỉ đạo, tổ chức hội nghị, sắp xếp công

tác, báo cáo kiểm tra, v.v.. Riêng ở vùng căn cứ, ra sức xây dựng và củng cố bộ máy làm việc ở chi bộ, xã uỷ (như Đảng đoàn các ban chuyên môn)... quan hệ đến việc thực hiện các nhiệm vụ công tác của Đảng và tiến hành xây dựng và củng cố tổ chức, nâng cao trình độ cán bộ và đảng viên.

Ra sức phát triển Đảng, kết nạp thêm nhiều đảng viên mới trong quần chúng và trong các lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Đảng, riêng ở vùng địch cơ sở Đảng ít hoặc chưa có, nên một mặt phải nỗ lực phát triển bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những phần tử cơ sở, cốt cán hoặc thanh niên nhân dân cách mạng vững vàng, một mặt khác tình hình tổ, chi bộ Đảng ở một số nơi đã có, nhưng còn rời rạc.

Làm cho cán bộ, đảng viên quan niệm đúng và biết làm công tác phát triển Đảng, có kế hoạch thực hiện và kiểm tra chu đáo việc thực hiện ấy cố gắng trong một thời gian nhất định, cơ sở Đảng phát hiện được khá ở các vùng. Chú trọng các dinh điền, đồn điền, thành phố, các khu ấp chiến lược, vùng đồng bào dân tộc, trong quần chúng cơ bản và du kích. Phát triển theo phương châm vừa đáp ứng yêu cầu cách mạng ngày càng nhiều, nhưng lại phải dựa vào khả năng cố gắng của cơ sở cách mạng ở từng nơi để dần dần đáp ứng yêu cầu. Không chỉ nhằm yêu cầu mà thiếu chú ý đến khả năng, hoặc ngược lại.

- Tích cực xây dựng bộ máy các cấp theo phương hướng: kiện toàn tỉnh, củng cố huyện, tăng cường xây dựng xã, thôn, quá trình xây dựng, kiện toàn phải có kế hoạch, có trọng tâm từng bước theo khả năng cán bộ và yêu cầu gấp, hoãn của công tác. Cần xây dựng lề lối làm việc, công tác của các cấp,

các ngành theo yêu cầu phục vụ chỉ đạo chiến tranh, nhưng tinh gọn, hợp lý, thiết thực.

Các cấp uỷ Đảng cần có sự chuyển hướng lớn trong việc đi sâu, đi sát, chỉ đạo cụ thể và phục vụ thiết thực cho công tác thôn, xã phát triển. Nhưng tránh sự vụ, bao biện làm thay, phải vừa linh hoạt sáng tạo, vừa giữ đúng nguyên tắc dân chủ tập trung. Báo cáo thỉnh thị trong Đảng, giữ đúng tính tổ chức và tính kỷ luật.

Yêu cầu ngày càng lớn, phải hết sức chú ý công tác cán bộ, ngoài việc giáo dục bồi dưỡng, đề bạt và sử dụng tốt cán bộ, bao gồm cả cán bộ Kinh - Thượng trong ngoài, cần hết sức phát hiện đào tạo thật nhiều cán bộ, nhất là cán bộ địa phương, cán bộ người dân tộc để đủ bổ sung tăng cường cho các cấp uỷ các ngành. Trong dân tộc, cần chú ý phát hiện những cán bộ trẻ tuổi và cán bộ phụ nữ. Tiêu chuẩn đối với cán bộ các dân tộc là trung thành với cách mạng, cầu tiến bộ, liên hệ tốt với quần chúng. Tài năng uy tín sẽ bồi dưỡng sau, còn sinh hoạt cá nhân theo tập quán thông thường của dân tộc không quá câu nệ.

Đi đôi với việc xây dựng Đảng, phải hết sức chú ý đến việc củng cố và phát triển Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng, việc này đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết nhưng làm được rất ít. Các cấp uỷ cần đặt lại vấn đề đi sâu nghiên cứu kiểm điểm rút kinh nghiệm để xúc tiến mạnh mẽ công tác này, chấm dứt tình trạng khập khiễng của nó để kịp đáp ứng yêu cầu động viên thanh niên đi sâu trong công cuộc kháng chiến cứu nước.

Phải ra sức phát triển Đảng trong các lực lượng vũ trang tập trung, nhất là trong dân quân du kích thôn, trong học sinh, sinh viên ở thành phố.

Cấp uỷ phải quan tâm đầy đủ và đặt đồng chí phụ trách công tác này, phải cải tiến nền nếp công tác và nội dung sinh hoạt sinh động thích hợp của thanh niên, có chương trình kế

hoạch, có tài liệu huấn luyện cần thiết cho thanh niên nhân dân cách mạng cũng như cho thanh niên giải phóng, thanh niên tự trị nói chung.

#### b) Về tuyên huấn

Nghị quyết Hội nghị Tuyên huấn tháng 5-1963 cũng đã nêu:

"Ra sức động viên toàn Đảng toàn quân, toàn dân, phát triển lực lượng ta về mọi mặt, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị tấn công và làm thất bại các chính sách của địch như càn quét, gom dân lập ấp chiến lược, chiêu hồi đồn quân bắt lính, tăng cường lực lượng quân sự, tăng cường bóc lột, đầu độc văn hoá cùng các âm mưu xảo quyệt khác của địch".

Nhiệm vụ đó cần được nghiên cứu và tiếp tục thực hiện, nhưng trước mắt có mấy vấn đề cần được đặc biệt quan tâm và tập trung sức giải quyết là:

Công tác chuyển hướng tư tưởng, lãnh đạo tư tưởng trong toàn Đảng và động viên chính trị ngoài nhân dân là công tác hàng đầu, nên các cấp uỷ cần hết sức quan tâm và có kế hoạch đi sát lãnh đạo công tác tuyên huấn. Cụ thể là:

- Tiến hành chỉnh huấn trong toàn Đảng, toàn quân, cần làm cho toàn Đảng, toàn quân có nhận thức đầy đủ về cuộc chiến tranh yêu nước ở miền Nam hiện nay, rèn luyện tính chiến đấu, đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, quyết tâm bám chiến trường, bám quần chúng, quần với địch, tấn công địch và thắng địch, không ngại hy sinh gian khổ, không ngại khó khăn lâu dài, tin tưởng phấn khởi hoàn thành nhiệm vụ đánh đổ Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam. Khắc phục mọi tư tưởng phi vô sản chủ yếu hiện nay là tư tưởng ngại lâu dài hy sinh, gian khổ, rụt rè co thủ.

Tổ chức cho toàn Đảng, toàn quân, nhất là từ cán bộ sơ cấp trở lên học tập thông suốt Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 12-1962, trong đó chủ yếu là nhằm phương hướng và nhiệm vụ sắp đến, cần làm cho toàn Đảng, toàn quân thấy rằng hiện nay chúng ta đang tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước và

mọi người đều phải làm tất cả để đưa cuộc chiến tranh đến thắng lợi, nhận rõ quy luật chung của cuộc chiến tranh nhân dân, du kích, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh trong tình hình so sánh lực lượng địch ở trên thế giới và ở miền Nam hiện nay gắn chặt với điều kiện cụ thể của cách mạng miền Nam. Do đó phải nhận rõ chính trị luôn luôn là vấn đề cơ bản của cuộc chiến tranh nhân dân, lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị là một vũ khí lớn của ta, nó cũng có tác dụng quyết định như đấu tranh vũ trang để có nỗ lực cao độ trong việc xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, quyết tâm phát huy yếu tố chính trị để tấn công địch. Nhưng trong khi nói chính trị là cơ bản có tác dụng quyết định thì không được buông lơi hoặc xem nhẹ lực lượng vũ trang, vì chúng ta đang tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng, chiến tranh yêu nước, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang là vai trò quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh, lực lượng vũ trang yếu thì không thể phát triển đấu tranh chính trị mạnh mẽ, không thể có thắng lợi cách mạng. Do đó trong khi ra sức xây dựng và phát triển lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị, phải trên cơ sở lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị mạnh mẽ mà đẩy mạnh vũ trang và chỉ khi có lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang mạnh mẽ mới giành thắng lợi về chính trị.

Mặt khác, phải hết sức coi trọng công tác động viên chính trị và phát động tư tưởng quần chúng, nhất là trong điều kiện chiến tranh đang diễn ra giằng co, gay go ác liệt (như phần công tác dân vận và mặt trận đã nói). Vì tác chiến thắng nhưng nếu không có động viên tư tưởng thì phong trào cũng không lên được. Ngược lại đấu tranh vũ trang có gay go, nhưng nếu công tác giáo dục động viên quần chúng tốt thì vẫn có thể phát huy được tinh thần và khí thế quần chúng.

Do đó tất cả công tác thông tin tuyên truyền, báo chí, văn nghệ... đều phải tập trung vào công tác động viên chính trị và phát động tư tưởng quần chúng. Cần chú trọng phát huy

kịp thời các thắng lợi quân sự và chính trị ở địa phương và tin tưởng đầy đủ mau lẹ, chính xác.

Trong đợt 6 tháng này, các cấp uỷ cần kết hợp bước đầu tình hình và củng cố bộ máy tuyên văn giáo của mình (tỉnh, huyện), cố gắng xây dựng tổ thông tin tuyên truyền ở thôn xóm, ngành thông tin của J, tỉnh cần tranh thủ khắc phục khó khăn xây dựng hệ thống thông tin viên ở cấp cơ sở, trước tiên là trong các vùng căn cứ, bàn đạp, và thí điểm.

Trong một vài ấp chiến lược có điều kiện (như Nam Tây Nguyên) trong các thị xã (NT.ĐL.PT)<sup>1)</sup> các đơn vị bộ đội để cung cấp tin tức kịp thời cho tỉnh, khu...

- Ngoài việc loan tin tức thắng lợi ở các địa phương khác, tin miền Bắc xã hội chủ nghĩa cũng phải được chú ý loan đi. Đồng thời loan đi những tin tức của nhân dân, chính phủ các nước đã nhiệt tình ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta để tăng thêm lòng tin tưởng của quần chúng trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của mình. Chú ý tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân vùng ta cũng như vùng địch, nhất là ở các thành thị về các thắng lợi ngoại giao vừa qua của các phái đoàn của Uỷ ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng để động viên cổ vũ phong trào nhân dân và đẩy mạnh công tác binh vận, vận động nhân viên chính quyền địch.

- Tiến tới cùng với các nơi phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn quân, toàn dân và toàn Đảng. Phong trào này được phát động sẽ là một động cơ thúc đẩy một công việc xây dựng và đấu tranh của quần dân ta tiến lên toàn diện và mạnh mẽ.

Nên ngay từ bây giờ, chúng ta phải ra sức đẩy mọi hoạt động của tuyên huấn lên để tạo ra những cơ sở nhân thức tư tưởng cho phong trào thi đua đó tiến hành được thuận lợi và có kết quả thật sự.

---

1) NT. ĐL.PT: Nha Trang, Đà Lạt, Phan Thiết.

## H- RA SỨC TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH

Công tác bảo vệ an ninh của chúng ta là một công tác có tính chất vừa bảo vệ mình, vừa tiến công địch vừa bảo đảm cho nhiệm vụ trước mắt, vừa xây dựng cơ sở cho lâu dài. Chúng ta lại phải tiến hành trong điều kiện chưa có chính quyền, chưa có vùng căn cứ tương đối hoàn chỉnh, trái lại kẻ thù rất thâm độc và luôn luôn tấn công các vùng căn cứ, bàn đạp, vào hàng ngũ nội bộ và nhân dân ta bằng trăm phương nghìn kế, cho nên công tác bảo vệ an ninh của J tháng 5-1962 đã căn cứ vào các Nghị quyết của Hội nghị an ninh R và tình hình thực tế của mình đề ra những nhiệm vụ trước mắt của an ninh Khu ta là:

"Tăng cường nâng cao cảnh giác trong nội bộ và ngoài nhân dân, ra sức bảo vệ cơ quan, nội bộ, bảo vệ căn cứ, hành lang, bảo vệ các chủ trương, chính sách của Đảng, bảo vệ cán bộ.

Tích cực ngăn chặn đề phòng và chống mọi hoạt động của bọn do thám gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch thâm nhập lũng đoạn phá hoại ta.

Đẩy mạnh công tác điều tra nghiên cứu trên mọi địa bàn, mọi lĩnh vực, theo dõi phát hiện cho được mọi âm mưu thủ đoạn hoạt động của gián điệp, kiên quyết trừng trị những tên chống phá hiện hành, ngoan cố, nguy hiểm, tranh thủ giáo dục cải tạo những từng lớp tề nguỵ chưa chịu cải tạo. Đồng thời trên cơ sở điều tra nghiên cứu từng bước có chuẩn bị tích cực tạo điều kiện để đánh vào nội bộ địch.

Tích cực xây dựng ngành an ninh từ trên xuống dưới, nhất là xây dựng tổ chức an ninh xã, thôn vùng ta".

Nói chung toàn bộ Nghị quyết này, các cấp nghiên cứu đặt kế hoạch thực hiện, ở đây dựa vào hướng dẫn mới của trên đề thêm một số vấn đề trước mắt là:

Để góp phần vào việc xây dựng các vùng căn cứ, bàn đạp, và vùng giải phóng, bảo vệ an ninh, trước hết *cần ra sức phòng gian bảo mật*. Chiến tranh càng phát triển, thắng lợi cách mạng càng to lớn, địch càng tích cực trong âm mưu hoạt động gián điệp và phá rối hậu phương ta, cho nên trong các vùng căn cứ ta, vấn đề phòng gian bảo mật là vấn đề trọng tâm trong công tác bảo vệ an ninh. Phương hướng phòng gian bảo mật cũng là công tác vừa *phát động quần chúng, vừa làm trong sạch nội bộ Đảng, cơ quan, bộ đội vừa tăng cường công tác bảo mật*.

Trong việc chống, phá khu, áp chiến lược, công tác bảo vệ an ninh phải phục vụ đắc lực cho việc trấn áp phản động, theo dõi khai thác các tổ chức và hoạt động của bọn gián điệp do thám để có biện pháp giải quyết thích đáng.

Tiến hành tốt công tác giáo dục, xử lý, cải tạo đối các vụ có quan hệ đến việc thực hiện các chính sách nông thôn, chính sách vùng dân tộc của Đảng, một số nơi việc chấp hành này vẫn chưa thật tốt. Sắp đến, cần làm cho cán bộ Đảng nói chung và cán bộ bảo vệ nói riêng không những nắm vững tình hình nhiệm vụ chung của cách mạng miền Nam, của J mà còn nắm vững, vận dụng tốt các chính sách, sách lược, nguyên tắc và phương pháp công tác bảo vệ để ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại từng phần âm mưu thủ đoạn chiêu hồi, gián điệp của địch có hiệu quả nhằm giữ vững mở rộng vùng ta, tranh thủ quần chúng vùng địch.

Trong khi tấn công địch, điều cơ bản nhất là đi đúng đường lối quân chúng, dựa vào quần chúng, kết hợp chuyên môn, nắm chắc tình hình, phân tích chu đáo, làm rõ phải trái, bạn, thù, ta, tuyệt đối không được đánh lăm vào nhân dân, thậm chí tránh những việc có thể làm cho nhân dân nghi ngờ thắc mắc, nhất là đối với đồng bào dân tộc, công tác này còn khó khăn phức tạp hơn, nên phải thận trọng.

Xây dựng cơ sở trong vùng áp chiến lược, các thành thị để phục vụ cho công tác chuyên môn bảo vệ an ninh cần được đặt ra và bắt tay làm.

Việc thu thập, khai thác, nghiên cứu, bảo quản các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến hoạt động của bọn phản động, bọn gián điệp, cần phải tổ chức sao cho tốt để chuẩn bị cho lâu dài.

Lưu tại Kho Lưu trữ  
Trung ương Đảng.